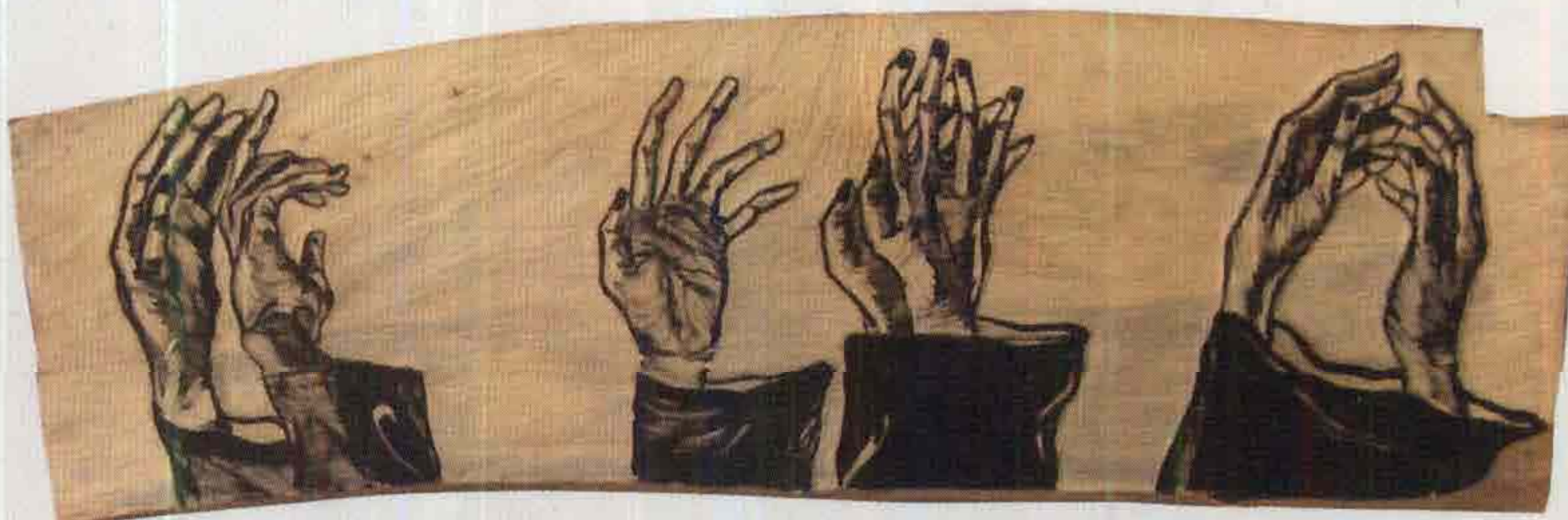


JONATHAN LITTELL

NHỮNG KẺ THIỆN TÂM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

JONATHAN LITTELL

NHỮNG KẺ THIỆN TÂM



CAO VIỆT DŨNG dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

“Cet ouvrage, publié dans le cadre du Programme d'aide à la publication Nguyen Van Vinh, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopération de l'Ambassade de France au Vietnam pour l'édition et la prise en charge des droits d'auteurs”

“Cuốn sách này xuất bản trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ xuất bản Nguyễn Văn Vĩnh, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam về in ấn và bản quyền tác giả”

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: *Les Bienveillantes*

© Jonathan Littell, 2006

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa tác giả
Jonathan Littell, do *Andrew Nurnberg Associates Ltd.*,
làm đại diện và *Nhã Nam*, 2007-2013.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông
Nhã Nam, 2007.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.
Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

MENUET (THEO THẾ RONDEAU)

Chính Thomas, điều này hẳn sẽ không làm các người ngạc nhiên, là người mang bức thư đến cho tôi. Tôi xuống tầng dưới để nghe tin tức tại quầy bar của khách sạn, cùng với vài sĩ quan của Wehrmacht. Hẳn khi đó là quãng giữa tháng Năm: ở Tunis, các đội quân của chúng tôi đã thực hiện *một sự thu hẹp mặt trận có chủ đích theo kế hoạch đã định trước*; ở Vacxava, công việc thanh trừng các băng nhóm khủng bố *tiếp tục không gặp trở ngại nào*. Các sĩ quan xung quanh tôi lặng lẽ lắng nghe với vẻ ủ ê; chỉ có một viên Hauptmann cắt tay cười ầm ĩ khi nghe thấy cụm từ *freiwillige Frontverkürzung* và *planmässig*, nhưng anh ta im bật khi bắt gặp cái nhìn lo âu của tôi; cũng như anh ta và cả những người kia, tôi biết quá rõ mọi chuyện để có thể hiểu các uyển ngữ này muốn nói gì: người Do Thái nổi dậy ở các ghetto chống cự lại trước những đội quân thiện chiến nhất của chúng tôi từ nhiều tuần nay, và Tunisie đã thất thủ. Tôi đưa mắt tìm người phục vụ để gọi một cốc cognac khác. Thomas bước vào. Anh đi ngang qua phòng bằng bước đi theo kiểu nhà binh, trình trọng rạp gót chào tôi theo lối Đức, rồi nắm cánh tay tôi vào một góc; ở đó, anh ngồi phịch xuống một băng ghế, hờ hững ném cái mũ cát kết lên mặt bàn và chìa một cái phong bì kẹp một cách điệu nghệ giữa hai ngón tay đeo găng. “Cậu biết bên trong có gì không?” anh nhướn mày hỏi tôi. Tôi lắc đầu. Cái phong bì, như tôi thấy, có in tiêu đề của *Persönlicher Stab des Reichsführer-SS*. “Tớ thì tớ biết,” anh nói tiếp, vẫn bằng cái giọng đó. Khuôn mặt anh sáng bừng lên: “Xin

chúc mừng, bạn thân mến. Cậu giấu vở giỏi đấy. Tớ vẫn luôn biết rằng cậu khôn ngoan hơn về bên ngoài rất nhiều." Anh vẫn giữ cái phong bì. "Cầm lấy, cầm lấy đi." Tôi cầm lấy, mở nó, và rút từ trong đó ra một tờ giấy, một tờ lệnh yêu cầu tôi đến trình diện trong thời hạn ngắn nhất có thể được ở chỗ Obersturmbannführer tiến sĩ Rudolf Brandt, trợ lý riêng của Reichsführer-SS. "Đây là một lệnh triệu tập," tôi nói một cách khá ngu ngốc. – "Phải, đây là một lệnh triệu tập." – "Thế điều đó có nghĩa là gì?" – "Có nghĩa là ông bạn Mandelbrod của cậu với tay được rất xa. Cậu được chuyển lên bộ tham mưu riêng của Reichsführer, bạn thân mến ạ. Chúng ta sẽ ăn mừng chuyện này nhé?"

Ăn mừng thì tôi không muốn lắm, nhưng cũng để mặc cho mình bị lôi kéo. Thomas dành cả đêm chuốc tôi rượu whisky Mỹ và say sưa huyền thuyên về sự bướng bỉnh của người Do Thái ở Vacxava. "Cậu thấy gì không? Bọn *Do Thái!*" Về phần vụ thuyên chuyển mới, có vẻ như anh nghĩ rằng tôi đã thành công trong một cú bậc thầy; còn tôi, tôi không hề có ý niệm gì về chuyện đó. Sáng hôm sau, tôi đến trình diện ở SS-Haus, trên Prinz-Albrechtstrasse, ngay cạnh *Staatspolizei*, trong một khách sạn lớn cổ kính cải tạo thành các phòng làm việc. Obersturmbannführer Brandt, một người đàn ông nhỏ bé lưng gù, đáng vẻ nhạt nhẽo và rị mọ, khuôn mặt giấu sau cặp kính tròn lớn khảm đồi mồi màu đen, tiếp tôi ngay lập tức: hình như tôi đã nhìn thấy ông ta ở Hohenlychen, lúc Reichsführer đến gắn huân chương cho tôi, khi đó đang nằm trên giường bệnh. Ông ta nói cho tôi biết, bằng vài câu ngắn gọn và chính xác, những gì người ta chờ đợi ở tôi. "Việc chuyển hệ thống trại tập trung với mục đích mang tính trừng phạt thuần túy sang một hệ thống mới có chức năng cung cấp nguồn nhân lực, đã được khởi động từ một năm nay, sẽ không thể hoàn thành mà không có những va vấp." Vấn đề này vừa liên quan đến các quan hệ giữa SS và những người bên ngoài, vừa liên quan đến những quan hệ bên trong nội bộ của chính SS. Reichsführer muốn hiểu được một cách chính xác hơn nguồn gốc các căng thẳng để có thể giảm bớt chúng và bằng cách đó tối đa hóa khả năng sản xuất của

cái trữ lượng người đáng kể này. Vì lẽ đó ông ta đã quyết định bổ nhiệm một sĩ quan nhiều kinh nghiệm làm đại diện cá nhân của mình ở *Arbeitseinsatz* ("cơ quan" hoặc "tổ chức lao động"). "Sau khi nghiên cứu các hồ sơ và nhận được nhiều lời tiến cử, anh đã được chọn. Reichsführer hoàn toàn tin tưởng vào khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ này của anh, một nhiệm vụ đòi hỏi năng lực phân tích lớn, có ý thức về ngoại giao, và một tinh thần sáng tạo SS như anh đã từng thể hiện ở Nga." Các văn phòng SS liên quan nhận được lệnh phải hợp tác với tôi; nhưng tự tôi sẽ phải đảm bảo sao cho sự hợp tác đó có thể đạt hiệu quả lớn nhất. "Tất cả những câu hỏi cũng như các báo cáo của anh, Brandt kết thúc, sẽ phải gửi cho tôi. Reichsführer sẽ chỉ gặp anh khi ông ấy cho rằng việc đó là cần thiết. Hôm nay ông ấy sẽ tiếp anh để giải thích những gì ông ấy trông đợi ở anh." Tôi lắng nghe không chớp mắt; tôi không hiểu điều ông ta đang nói, nhưng nghĩ rằng sẽ khôn ngoan hơn nếu lúc này tạm thời giữ lại những câu hỏi cho riêng mình. Brandt bảo tôi đợi ở tầng trệt, trong một phòng khách; ở đó tôi thấy có những tờ tạp chí, cùng với trà và bánh ngọt. Tôi nhanh chóng thấy mệt với việc lật giở những sổ cũ của tờ *Schwarzes Korps* trong thứ ánh sáng mờ mờ của căn phòng này; khôn thay, Reichsführer đã cấm hút thuốc lá trong nhà vì lý do có mùi, và cũng không được ra ngoài phố hút thuốc, đề phòng trường hợp bị triệu tập đột xuất. Người ta đến tìm tôi vào khoảng cuối buổi chiều. Trong phòng treo áo, Brandt cho tôi những lời khuyên cuối cùng: "Đừng đưa ra những lời bình luận, đừng đặt các câu hỏi, chỉ nói nếu ông ấy hỏi anh." Rồi ông ta đưa tôi vào. Heinrich Himmler ngồi sau bàn làm việc; tôi cả quyết bước lên, Brandt, đi theo sau và giới thiệu tôi; tôi chào và Brandt, sau khi chìa một tập hồ sơ cho Reichsführer, đi ra. Himmler ra hiệu bảo tôi ngồi xuống và bắt đầu xem hồ sơ. Khuôn mặt ông ta có vẻ mơ hồ đến kỳ lạ, không màu sắc, hàng rìa nhỏ và cặp kính kẹp mũi chỉ càng nhấn mạnh thêm tính chất khó nắm bắt của cái nhìn. Ông ta nhìn tôi với một nụ cười thân thiện; khi ông ta ngẩng đầu lên, ánh sáng, phản chiếu trên cặp kính, khiến chúng trở nên mờ đục, giấu đi

đôi mắt đằng sau hai cái gương tròn: “Anh có vẻ khá hơn lần trước khi tôi gặp anh đấy, Sturmbannführer.” Tôi rất ngạc nhiên vì ông ta vẫn còn nhớ lần đó; có lẽ nhờ một ghi chú trong hồ sơ. Ông ta tiếp tục: “Vết thương của anh đã hoàn toàn bình phục rồi chứ? Tốt lắm.” Ông ta lật giở vài trang. “Mẹ anh là người Pháp, tôi thấy vậy?” Với tôi đó là một câu hỏi và tôi tìm một câu trả lời: “Sinh ở Đức, thừa Reichsführer. Ở Alsace.” – “Phải, nhưng vẫn là người Pháp.” Ông ta lại ngẩng đầu lên và lần này cái kính kẹp mũi không còn phản chiếu ánh sáng nữa, để lộ hai con mắt nhỏ quá sát nhau, với cái nhìn dịu dàng đến đáng kinh ngạc. “Anh biết đấy, về nguyên tắc thì tôi không bao giờ nhận những người có dòng máu nước ngoài trong bộ tham mưu của mình. Cái đó giống như trò rulet Nga-ấy: quá nguy hiểm. Người ta không bao giờ biết sẽ có những biểu hiện gì, ngay cả ở các sĩ quan rất tốt. Nhưng tiến sĩ Mandelbrod đã thuyết phục tôi có một ngoại lệ. Đó là một người rất khôn ngoan, tôi rất tôn trọng nhận định của ông ấy.” Ông ta dừng lại một chút. “Tôi đã tính đến một ứng cử viên khác cho vị trí này. Sturmbannführer Gerlach. Thật không may là anh ta vừa bị giết cách đây một tháng. Ở Hamburg, trong một trận không kích của Anh. Anh ta không kịp trú ẩn và dính một chậu hoa vào đầu. Hoa thu hải đường, tôi nghĩ vậy. Hoặc là hoa tulip. Anh ta chết ngay tại chỗ. Bọn Anh đó đúng là một lũ quái vật. Ném bom dân thường như thế, không phân biệt gì hết cả. Sau chiến thắng chúng ta sẽ phải tổ chức phiên tòa xử các tội ác chiến tranh. Bọn gây ra những điều thảm khốc đó sẽ phải trả lời về chuyện này.” Ông ta im lặng và lại tập trung vào hồ sơ của tôi. “Anh sắp ba mươi tuổi và anh chưa lấy vợ, ông ta nói và ngẩng đầu lên. Tại sao?” Giọng ông ta rất nghiêm khắc, vẻ như đang rao giảng. Tôi đỏ mặt: “Tôi chưa có cơ hội, thừa Reichsführer. Tôi vừa học xong thì chiến tranh nổ ra.” – “Anh sẽ phải nghiêm túc nghĩ đến việc đó, Sturmbannführer. Dòng máu của anh rất quý giá. Dù anh bị giết trong cuộc chiến tranh này, thì cũng không thể để nó mất đi đối với nước Đức.” Câu trả lời của tôi tự động buột ra khỏi miệng: “Thưa Reichsführer, tôi xin phép được thứ lỗi, nhưng cách tiếp cận về mặt tinh thần của tôi

đối với việc tham gia chủ nghĩa quốc xã và việc phục vụ trong SS không cho phép tôi nghĩ đến hôn nhân chừng nào mà *Volk* của tôi còn chưa chế ngự được những hiểm họa đang đe dọa nó. Tình cảm dành cho một người phụ nữ chỉ có thể làm cho một người đàn ông yếu ớt đi. Tôi phải cống hiến toàn bộ con người mình và không thể chia sẻ sự tận tâm của mình trước khi đạt đến chiến thắng cuối cùng." Himmler vừa lắng nghe vừa nhìn chăm chăm vào mặt tôi; đôi mắt ông ta hơi trợn lên. "Sturmbannführer, mặc dù anh mang dòng máu nước ngoài, những phẩm chất German và quốc xã của anh thật là ấn tượng. Tôi không biết liệu mình có thể chấp nhận cách lập luận của anh hay không: tôi vẫn tiếp tục nghĩ rằng nghĩa vụ của mọi SS-Mann là duy trì dòng giống. Nhưng tôi sẽ suy nghĩ về những gì anh vừa nói." – "Cám ơn ngài, thưa Reichsführer." – "Obersturmbannführer Brandt đã giải thích cho anh về công việc chưa?" – "Những nét chính, thưa Reichsführer." – "Tôi không có gì nhiều nhận để nói thêm. Anh sẽ phải đặc biệt khéo léo. Tôi không muốn tạo ra những xung đột không cần thiết." – "Rõ, thưa Reichsführer." – "Các báo cáo của anh rất tốt. Anh có một năng lực tổng hợp xuất sắc dựa trên một *Weltanschauung* đã qua thử thách. Chính điều đó đã khiến tôi quyết định chọn anh. Nhưng chú ý nhé! Tôi muốn có những giải pháp thực tế, chứ không phải là những lời dông dài." – "Rõ, thưa Reichsführer." – "Chắc chắn là tiến sĩ Mandelbrod sẽ yêu cầu anh gửi đến cho ông ấy bản sao các báo cáo của anh. Tôi không phản đối việc đó. Chúc may mắn, Sturmbannführer. Anh có thể về." Tôi đứng dậy, chào và chuẩn bị đi ra. Đột nhiên Himmler gọi giật tôi lại bằng cái giọng nhỏ bé khô khốc: "Sturmbannführer!" – "Vâng, thưa Reichsführer?" Ông ta ngập ngừng: "Không được có cái trò ủy mị giả dối, nghe chưa?" Tôi vẫn đứng nghiêm: "Hẳn nhiên là không rồi, thưa Reichsführer." Tôi lại chào ông ta và đi ra. Brandt, trong phòng treo áo, ném cho tôi một cái nhìn dò hỏi: "Mọi chuyện đều ổn chứ?" – "Tôi nghĩ là đúng vậy, Herr Obersturmbannführer." – "Reichsführer đã rất chú ý đọc báo cáo của anh về các vấn đề dinh dưỡng của lính chúng ta ở Stalingrad." – "Tôi rất ngạc nhiên

vì báo cáo đó đến được tận tay ông ấy.” – “Reichsführer quan tâm đến rất nhiều điều. Gruppenführer Ohlendorf và các Amtchef khác chuyển đến cho ông ấy những báo cáo thú vị.” Brandt thay mặt Reichsführer đưa cho tôi một quyển sách nhan đề *Giết Do Thái theo nghi lễ*, của Helmut Schramm. “Reichsführer đã cho in rất nhiều bản cho tất cả các sĩ quan SS có cấp bậc từ Standartenführer trở lên. Nhưng ông ấy cũng yêu cầu phát cho các sĩ quan cấp dưới có liên quan đến vấn đề Do Thái. Anh sẽ thấy, rất thú vị đấy.” Tôi cảm ơn ông ta: thêm một quyển sách nữa để đọc, mà thời gian gần đây tôi hầu như không còn đọc gì nữa cả. Brandt khuyên tôi bỏ vài ngày để ổn định chỗ ở: “Anh sẽ không làm được gì tốt đẹp nếu việc cá nhân không thu xếp được chu tất. Sau đó thì quay lại gặp tôi.”

Tôi nhanh chóng nhận ra rằng rắc rối lớn nhất chính là vấn đề chỗ ở: không thể sống ở khách sạn mãi được. Viên Obersturmbannführer của *SS-Personal Hauptamt* đề xuất hai giải pháp: một chỗ ở SS dành cho các sĩ quan độc thân, giá rất rẻ, gồm cả ăn; hoặc một phòng ở nhà dân, mà tôi sẽ phải trả một khoản tiền thuê. Thomas thì ở trong một căn hộ ba phòng, rộng rãi và rất tiện nghi, với trần nhà cao và những thứ đồ gỗ cổ đắt giá. Nhìn vào tình hình khủng hoảng chỗ ở của Berlin – về nguyên tắc những người có một phòng trống sẽ buộc phải nhận một người ở trọ – thì đó là một căn hộ xa xỉ, nhất là với một Obersturmbannführer độc thân; một Gruppenführer sống cùng vợ con cũng sẽ không từ chối nó. Anh vừa cười vừa giải thích cho tôi bằng cách nào anh có được căn hộ này: “Thật ra thì không phức tạp lắm đâu. Nếu cậu muốn, tớ có thể tìm cho cậu một cái, có thể không lớn bằng, nhưng ít nhất là có hai phòng.” Nhờ một người quen làm việc ở *Generalbauinspektion* của Berlin, anh đã xoay sở để lấy được theo tiêu chuẩn đặc biệt một căn hộ Do Thái, được để trống cho việc xây dựng lại thành phố. “Vấn đề duy nhất là với điều kiện tớ phải trả tiền sửa sang, khoảng 500 reichsmark. Số tiền đó thì tớ không có, nhưng tớ được Berger

chi tiền như một khoản giúp đỡ đặc biệt." Nằm ngả người trên sofa, cái nhìn đầy thỏa mãn của anh dạo vòng quanh phòng: "Không tồi, phải không nào?" – "Thế còn xe ô tô thì sao?" tôi vừa cười vừa hỏi. Thomas còn có một chiếc xe nhỏ tháo được mui, anh rất thích lái nó đi chơi và thỉnh thoảng đến đón tôi vào buổi tối. "Cái đó thì, bạn thân mến ạ, là một câu chuyện khác mà một ngày nào đó tớ sẽ kể cho cậu. Tớ đã nói với cậu hồi còn ở Stalingrad rồi còn gì, nếu chúng ta thoát ra được thì sẽ là một cuộc sống tươi đẹp. Không có lý do gì để từ chối cả." Tôi suy nghĩ về lời đề nghị của anh, nhưng cuối cùng tôi quyết định lấy một phòng có sẵn đồ đạc ở nhà dân. Sống trong một tòa nhà SS thì tôi thấy không thích thú gì, tôi muốn có thể được lựa chọn những người mình muốn gặp gỡ bên ngoài công việc; và ý tưởng phải ở một mình, phải sống cùng với chính mình, nói thật là khiến tôi thấy hơi sợ. Những người cho thuê nhà, ít nhất đó cũng là một hiện diện người, tôi sẽ được người ta nấu cho ăn, sẽ có tiếng động trong hành lang. Vì vậy tôi nộp đơn xin hai căn phòng và nêu rõ yêu cầu phải có một phụ nữ nấu bếp và dọn dẹp nhà cửa. Người ta đề nghị với tôi một chỗ ở Mitte, tại nhà một bà góa, cách Prinz-Albrechtstrasse sáu bến U-Bahn, không phải đổi tàu, và với một cái giá khá mềm; tôi chấp nhận ngay, thậm chí còn không cần đến xem trước, và người ta đưa cho tôi một lá thư. Frau Gutknecht, một người đàn bà to béo mặt đỏ đã quá lục tuần, với bộ ngực đồ sộ và mái tóc nhuộm, chìa vào tôi một cái nhìn sắc lẹm đầy tinh quái khi ra mở cửa: "Thế anh là người sĩ quan đó à?" bà ta hỏi tôi, giọng Berlin nặng trĩu. Tôi bước qua ngưỡng cửa và bắt tay bà ta: người bà ta nồng nặc mùi nước hoa rẻ tiền. Bà ta bước lùi lại trong cái hành lang dài và chỉ cho tôi những cánh cửa: "Đây là nhà tôi; đằng kia là nhà anh. Chìa khóa đây. Tất nhiên là tôi cũng có một cái." Bà ta mở cửa cho tôi vào xem: những thứ đồ gỗ rẻ tiền chất đầy đồ lặt vặt, giấy dán tường đã ố vàng và phòng rộp lên, mùi lưu cữu. Sau phòng khách là một phòng ngủ, biệt lập với phần còn lại của căn hộ. "Bếp và nhà vệ sinh ở cuối hành lang. Nước nóng phân phối có hạn mức, nên không được tắm bồn." Trên tường treo hai bức chân dung lồng khung đen: một người

đàn ông trạc ba mươi tuổi, với hàng ria nhỏ kiểu công chức, và một chàng thanh niên trẻ tuổi tóc vàng, chắc nịch, mặc quân phục Wehrmacht. “Chồng bà đây à?” tôi kính cẩn hỏi. Một nét nhăn làm biến dạng khuôn mặt bà ta. “Phải. Và con trai Franz của tôi, Franzi bé nhỏ của tôi. Nó ngã xuống vào ngày đầu tiên trong chiến dịch tấn công nước Pháp. Feldwebel của nó đã viết cho tôi kể nó đã chết như một người anh hùng, để cứu một người bạn, nhưng nó không được nhận huân chương. Nó muốn trả thù cho bố nó, ông Bubi nhà tôi, ông ấy đấy, chết vì hơi ngạt ở Verdun.” – “Xin chia buồn với bà.” – “Ồ, với Bubi thì tôi đã quen rồi, anh cũng biết đấy. Nhưng tôi vẫn còn nhớ Franzi bé nhỏ của tôi lắm.” Bà ta quay sang nhìn tôi, vẻ đầy tính toán. “Thật tiếc vì tôi không có con gái. Anh có thể lấy nó. Tôi rất thích có một con rể là sĩ quan. Bubi là Unterfeldwebel và Franzi của tôi vẫn còn là Gefreiter.” – “Quả thực, tôi lịch sự trả lời, là rất đáng tiếc.” Tôi chỉ những thứ đồ lặt vặt: “Tôi có thể yêu cầu bà dọn hết những thứ này đi được không? Tôi sẽ cần chỗ để đồ đạc.” Bà ta tỏ vẻ khó chịu: “Thế anh muốn tôi để chúng vào đâu bây giờ? Ở bên tôi còn ít chỗ hơn. Mà cũng đẹp đấy chứ. Anh chỉ cần dịch chúng vào một chút thôi. Nhưng phải chú ý đấy nhé! Làm vỡ sẽ phải đền tiền.” Bà ta chỉ những bức ảnh chân dung: “Nếu anh muốn, tôi có thể gỡ mấy cái này đi. Tôi không muốn bắt anh phải chịu đựng cảnh tang tóc của tôi.” – “Không sao đâu,” tôi nói. – “Thế thì tôi cứ để lại nhé. Đây là căn phòng mà Bubi thích nhất.” Chúng tôi thỏa thuận về các bữa ăn và tôi đưa cho bà ta một phần các phiếu thực phẩm của mình.

Tôi thu xếp theo cách tốt nhất có thể; dù sao thì tôi cũng không có nhiều đồ đạc. Khi dồn đống đồ lặt vặt và những quyển tiểu thuyết tôi của thời trước cuộc Thế chiến thứ nhất lại, tôi có được vài cái giá để đặt sách của tôi, những quyển sách mà tôi cho mang đến từ cái hầm nơi tôi để chúng lại trước khi đi sang Nga. Tôi thấy vui với việc dỡ chúng ra khỏi thùng và lật giở chúng, ngay cả khi nhiều quyển trong số đó đã bị hư hại vì độ ẩm. Tôi xếp vào cạnh chúng quyển sách của Nietzsche, quà tặng của

Thomas, mà tôi còn chưa bao giờ mở ra, ba quyển Burroughs mang từ Pháp về và cuốn Blanchot đọc dở; mấy cuốn Stendhal mang theo hồi sang Nga đã ở lại đó, cũng như những quyển nhật ký năm 1812 của ông và xét cho cùng cũng gần như theo một cách. Tôi tiếc vì đã không nghĩ đến chuyện mua lại chúng khi ghé qua Paris, nhưng sẽ có dịp thôi, nếu tôi còn sống. Quyển sách viết về việc giết người theo nghi lễ khiến tôi gặp lúng túng: trong khi tôi có thể dễ dàng xếp quyển *Festgabe* vào cùng những quyển sách về kinh tế chính trị học, thì quyển sách này rất khó tìm được chỗ của mình. Cuối cùng tôi nhét nó vào đồng sách lịch sử, giữa von Treitschke và Gustav Kossinna. Những quyển sách này và đồng quần áo, đó là tất cả những gì mà tôi có, ngoài một máy hát và vài cái đĩa; còn dao *kindjal* Naltchik, than ôi, cũng đã ở lại Stalingrad. Khi đã sắp xếp xong tất cả, tôi bật những bản aria của Mozart, nằm ngả người trên một cái ghế phôi toại và châm một điếu thuốc. Frau Gutknecht đi vào không gõ cửa và nổi đóa ngay lập tức: "Anh không được hút thuốc lá ở đây! Rêđô sẽ bị hôi." Tôi đứng bật dậy và kéo hai vạt áo lên: "Frau Gutknecht. Tôi yêu cầu bà gõ cửa cho, và đợi đến khi tôi trả lời thì mới được vào." Mặt bà ta đỏ sạm lại: "Xin thứ lỗi, Herr Offizier! Nhưng tôi đang ở nhà tôi cơ mà, không phải à? Và, nói vô phép anh, tôi đáng tuổi mẹ anh đấy. Tôi đi vào thì làm sao? Anh không có ý định dẫn bọn con gái về đây đấy chứ? Đây là một ngôi nhà đáng kính, ngôi nhà của một gia đình lương thiện." Tôi cho rằng phải làm rõ mọi chuyện ngay lập tức: "Frau Gutknecht, tôi thuê của bà hai phòng; do đó đây không phải là nhà bà mà là nhà tôi. Tôi không hề có ý định dẫn gái lên đây, như bà vừa nói ấy, nhưng tôi muốn có một cuộc sống riêng tư. Nếu cách dàn xếp đó không hợp với bà, tôi sẽ lấy lại đồ đạc và tiền thuê nhà rồi đi luôn. Bà đã hiểu chưa?" Bà ta đầu dúi: "Đừng nghĩ mọi việc theo hướng đó, Herr Offizier... Tôi không có thói quen, chỉ vậy thôi. Anh có thể hút thuốc nếu anh muốn. Chỉ có điều anh nên mở cửa sổ ra..." Bà ta nhìn đồng sách: "Tôi thấy anh là người có văn hóa..." Tôi ngắt lời bà ta: "Frau Gutknecht. Nếu bà không còn gì khác để hỏi tôi, tôi sẽ rất

biết ơn nếu bà để tôi ở lại đây một mình.” – “Ồ vâng, xin lỗi, vâng.” Bà ta ra khỏi phòng và tôi đóng cửa lại sau lưng bà ta, rồi để nguyên chìa khóa trong ổ.

Tôi giải quyết các thủ tục với bộ phận nhân sự và quay lại gặp Brandt. Ông ta đã cho giải phóng một trong những văn phòng sáng sủa trên tầng áp mái của cái khách sạn cũ, được sửa sang lại từ trước, để cấp cho tôi. Tôi được sử dụng một phòng treo áo với điện thoại và một phòng làm việc có divăng; một nữ thư ký trẻ, *Fräulein* Praxa; một người loong toong phục vụ cùng một lúc ba văn phòng, và một tổ đánh máy cho cả tầng. Người lái xe của tôi tên là Piontek, một *Volksdeutscher* từ vùng Thượng Silésie, đồng thời cũng là cần vụ cho những lần tôi phải đi công cán; chiếc xe thuộc quyền quản lý của tôi, nhưng *Reichsführer* nhấn mạnh rằng mọi sự di chuyển vì mục đích cá nhân sẽ bị tính tiền riêng, và chi phí xăng dầu sẽ trừ vào tiền lương của tôi. Tôi thấy tất cả những chuyện này gần như là kỳ cục. “Không có gì cả đâu. Cần phải sử dụng các phương tiện làm việc một cách đúng đắn,” Brandt trấn an tôi với một nụ cười nhẹ. Tôi không thể gặp được sếp của *Persönlicher Stab*, *Obergruppenführer* Wolff; ông ta đang hồi phục sau một căn bệnh nặng, và thực tế là Brandt đảm trách tất cả các công việc của ông ta kể từ nhiều tháng nay. Ông ta nói thêm cho tôi một số chi tiết phụ về những gì mà người ta chờ đợi ở tôi: “Trước hết, quan trọng hơn cả là anh phải làm quen với hệ thống và các vấn đề của nó. Tất cả các báo cáo gửi cho *Reichsführer* về chủ đề này đều được lưu trữ ở đây: anh hãy yêu cầu người ta mang lên và đọc qua chúng. Đây là một danh sách các sĩ quan SS đứng đầu các bộ phận khác nhau mà công việc của anh có liên quan. Hẹn gặp họ và đến nói chuyện với họ đi, họ đang chờ anh đấy, và các anh sẽ nói chuyện một cách thẳng thắn. Khi nào đã có được một cái nhìn toàn cảnh hợp lý, anh sẽ có thể đi thanh tra một vòng.” Tôi nhìn vào danh sách: chủ yếu là các sĩ quan của *Wirtschafts-Verwaltungshauptamt* (văn phòng trung

tâm SS phụ trách Kinh tế và Hành chính) và của RSHA. “Bộ phận thanh tra các trại đã được nhập vào WVHA phải không?” tôi hỏi. – “Phải, Brandt đáp, từ khoảng một năm nay rồi. Anh xem danh sách đi, giờ là Amtsgruppe D rồi. Chúng tôi đã viết lên đây cho anh tên của Brigadeführer Glücks, người chỉ huy, trợ tá của ông ấy, Obersturmbannführer Liebehenschel, nói riêng với nhau, sẽ có ích cho anh hơn so với chỉ huy của ông ấy, và vài người đứng đầu các ban. Nhưng các trại mới chỉ là một mặt của vấn đề; còn có cả các xí nghiệp SS nữa. Obergruppenführer Pohl, chỉ huy WVHA, sẽ tiếp anh để nói với anh về chuyện đó. Dĩ nhiên, nếu anh muốn gặp các sĩ quan khác để tìm hiểu kỹ một số điểm, thì cứ tự tiện: nhưng gặp những người này trước đi đã. Ở RSHA, Obersturmbannführer Eichmann sẽ giải thích cho anh hệ thống các vận chuyển đặc biệt, và ông ấy cũng sẽ giới thiệu với anh tình hình tiến triển của việc giải quyết vấn đề Do Thái và các triển vọng tương lai.” – “Tôi có thể hỏi ông một câu được không, Herr Obersturmbannführer?” – “Vâng, anh cứ hỏi.” – “Nếu tôi hiểu đúng, thì tôi có thể xem tất cả các hồ sơ liên quan đến giải pháp triệt để về vấn đề Do Thái?” – “Đúng, trong chừng mực giải pháp của vấn đề Do Thái ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng tối đa nguồn nhân lực. Nhưng tôi cũng phải nói rõ rằng việc đó sẽ khiến anh, và ở một mức cao hơn hẳn so với trong các chức trách ở Nga của anh, trở thành một *Geheimnisträger*, một người nắm giữ bí mật. Anh sẽ tuyệt đối không được nói về chuyện đó với bất kỳ ai ở bên ngoài công việc, kể cả với các công chức các bộ và của Đảng mà anh sẽ phải tiếp xúc. Reichsführer chỉ cho phép một án phạt đối với mọi vi phạm quy tắc này: án tử hình.” Ông ta lại chỉ vào tờ giấy vừa đưa cho tôi: “Anh có thể thoải mái nói chuyện với tất cả các sĩ quan có tên trong danh sách này; còn về những người dưới quyền họ, thì trước tiên anh phải tìm hiểu đã.” – “Được rồi.” – “Về các báo cáo của anh, Reichsführer đã cho ban hành các *Sprachregelung*, các quy tắc về ngôn ngữ. Anh hãy tìm hiểu chúng và tuân thủ triệt để. Tất cả các báo cáo không hợp quy đều sẽ bị gửi trả lại.” – “*Zu Befehl*, Herr Obersturmbannführer.”

Tôi đắm mình vào công việc như thể vào một sự tắm rửa có tác dụng hồi sức, trong một dòng suối có lưu huỳnh ở Piatigorsk. Nhiều ngày liền, ngồi trên cái sofa nhỏ trong phòng làm việc, tôi nghiêng ngấu đọc những bản báo cáo, thư từ, mệnh lệnh, bằng tổ chức, thỉnh thoảng hút trộm một điếu thuốc từ cửa sổ phòng. Fräulein Praxa, một người Sudète hơi khờ khạo, rõ ràng là thích ngồi cả ngày buồn chuyện ở điện thoại hơn, luôn phải lên xuống kho lưu trữ, và phàn nàn rằng mắt cá chân của mình bị sưng phồng. "Cám ơn, tôi nói với cô ta mà không buồn nhìn khi cô ta bước vào phòng làm việc của tôi với một chồng tài liệu mới. Đặt nó ở đấy đi, cầm lấy những cái này, tôi đọc xong rồi, cô có thể mang đi." Cô ta thở dài và đi khỏi, cố tình làm ồn hết mức có thể. Frau Gutknecht nhanh chóng tỏ ra là một đầu bếp không thể xoi nổi, biết cùng lắm là ba món, và cả ba đều có bắp cải, và thường xuyên nấu hỏng; tôi bắt đầu có thói quen cứ tối đến là cho Fräulein Praxa về, xuống phòng ăn sĩ quan ăn một chút gì đó, và làm việc tiếp trong phòng làm việc đến tối khuya, chỉ về nhà để ngủ. Để không phải giữ Piontek lại, tôi đi U-Bahn; vào những giờ đó, đường C gần như không có một bóng người, và tôi thích thú ngắm nhìn những hành khách hiếm hoi, những khuôn mặt nhàu nhĩ, mệt mỏi của họ, việc đó khiến tôi thoát ra khỏi chính mình và khỏi công việc được một chút. Nhiều lần, tôi ở trong một toa tàu với cùng người đàn ông đó, một công chức cũng làm việc về muộn như tôi; ông ta không bao giờ để ý đến tôi, vì lúc nào cũng vùi đầu vào một quyển sách. Thế nhưng người đàn ông đó, mặc dù không mấy đáng chú ý, lại đọc sách với một dáng vẻ đáng chú ý: trong khi mắt lướt trên các dòng chữ, môi ông ta mấp máy như thể đang phát âm các từ, nhưng không bao giờ tôi nghe thấy một âm thanh nào, thậm chí là không có cả một tiếng thì thầm; và khi ấy tôi cảm thấy một chút gì đó sự kinh ngạc của Augustin, khi lần đầu tiên ông nhìn thấy Ambroise xứ Milan đang đọc thầm, chỉ bằng mắt, trong khi ông, một người quê mùa, không biết rằng một chuyện như vậy lại có thể, vì ông chỉ biết đọc to lên, và tự lắng nghe mình.

Trong quá trình đọc, tôi tìm được báo cáo nộp vào cuối tháng Ba cho Reichsführer của tiến sĩ Korherr, tay chuyên gia thống kê hay câu kinh từng phản đối những số liệu của chúng tôi: những con số của ông ta, tôi phải thú nhận, làm tôi choáng váng. Sau một lập luận thống kê khó theo dõi đối với một người không phải là chuyên gia, ông ta kết luận rằng vào ngày 31 tháng Chạp năm 1942, 1 873 549 Do Thái, bên ngoài nước Nga và Serbie, đã chết, đã được "chuyển sang phía Đông", hoặc "sàng lọc qua các trại" (*durchgeschleust*, một từ kỳ lạ được ấn định bởi các *Sprachregelung* của Reichsführer, tôi đoán thế). Tóm lại, trong kết luận, ông ta ước lượng tầm ảnh hưởng của Đức, kể từ khi Năm Chính Quyền, đã giảm số lượng dân Do Thái châu Âu đi bốn triệu, con số bao gồm cả, nếu tôi hiểu đúng, những người di cư trước chiến tranh. Ngay cả sau những gì mà tôi từng được nhìn thấy tại Nga, con số này vẫn gây choáng váng: từ lâu người ta đã vượt qua mức độ thủ công của các Einsatzgruppe. Qua một loạt những mệnh lệnh và chỉ thị, tôi cũng có thể hình dung ra được khó khăn của Thanh tra các trại trong việc thích ứng với những đòi hỏi của chiến tranh tổng lực. Mặc dù sự thành lập WVHA và việc IKL sáp nhập vào tổ chức mới này, vẫn được cho là dấu hiệu của quá trình chuyển sang hình thức sản xuất chiến tranh ở mức độ tối đa, đã diễn ra từ tháng Ba năm 1942, các biện pháp nghiêm túc để giảm bớt số lượng tử vong của tù nhân và cải thiện sản lượng của họ chỉ được ban hành vào tháng Mười; vào tháng Chạp, Glücks, chỉ huy IKL, vẫn còn phải ra lệnh cho bác sĩ của các *Konzentrationslager* cải thiện điều kiện vệ sinh, giảm tỉ lệ tử vong xuống, và tăng năng suất, nhưng lại thêm một lần nữa không đưa ra các biện pháp cụ thể nào. Theo con số thống kê của D II mà tôi tham khảo, tỉ lệ tử vong, được ghi theo phần trăm từng tháng, đã giảm mạnh: tỉ lệ chung trong tổng số các KL giảm từ 10% vào tháng Chạp xuống còn 2,8% vào tháng Tư. Nhưng mức giảm này chỉ là tương đối, vì số lượng người trong các trại không ngừng tăng lên; thực số người chết không hề thay đổi. Một báo cáo bán niên của D II cho biết từ tháng Bảy đến tháng Chạp năm 1942, 57

503 người bị giam giữ trên tổng số 96 770 người, tức là 60%, đã chết; thế nhưng, từ tháng Giêng, số lượng người chết tiếp tục dao động quanh sáu hoặc bảy nghìn mỗi tháng. Có vẻ như không biện pháp nào từng được sử dụng có khả năng giảm những con số đó xuống. Ngoài ra, một số trại có vẻ tệ hại hơn hẳn so với các trại khác; tỉ lệ tử vong vào tháng Ba ở Auschwitz, một KL vùng Thượng Silésie mà lần đầu tiên tôi nghe nói đến, từng là 15,4%. Tôi bắt đầu thấy được Reichsführer muốn làm gì.

Tuy nhiên tôi cảm thấy rất thiếu tự tin. Liệu đó có phải là hậu quả của các sự việc mới đây, hay chỉ đơn giản là bẩm sinh tôi đã thiếu khả năng về bàn giấy? Vẫn như thường lệ, sau khi thu lượm được từ các thứ giấy tờ một ý tưởng tổng thể về vấn đề, tôi lại quyết định, trước khi đi lên Oranienburg, nơi những người của IKL đóng, hỏi ý kiến Thomas. Tôi rất quý Thomas, nhưng chưa bao giờ nói với anh về các vấn đề cá nhân của mình; tuy vậy về những gì không chắc chắn liên quan đến công việc, anh là người cố vấn tốt nhất mà tôi biết. Một hôm anh đã vạch cho tôi thấy tổ tường nguyên tắc vận hành của hệ thống (hẳn đó là vào năm 1939, hoặc thậm chí là cuối năm 1938, khi xảy ra các xung đột nội bộ đã làm rung chuyển phong trào sau *Kristallnacht*): "Việc các mệnh lệnh lúc nào cũng mù mờ là rất bình thường, thậm chí còn là cố ý, và điều đó xuất phát từ chính cái logic của *Führerprinzip*. Kẻ nhận lệnh phải nhận biết ý đồ của người ra lệnh và căn cứ vào đó mà hành động. Những người cứ khẳng khẳng đòi phải có những mệnh lệnh rõ ràng hoặc những người muốn có các biện pháp pháp lý hoàn toàn không hiểu rằng chính ý muốn người đứng đầu mới quan trọng, chứ không phải là các mệnh lệnh của ông ta, và rằng người nhận lệnh phải biết cách mà giải mã và thậm chí là đón trước cái ý muốn đó. Kẻ biết hành động như vậy là một người quốc xã tuyệt vời, và người ta sẽ không bao giờ trách cứ anh ta về sự phấn khích quá độ, ngay cả khi anh ta phạm phải các sai lầm; những người khác là những kẻ, như Führer đã nói, *sợ phải nhảy qua cái bóng của chính mình*." Điều này thì tôi đã hiểu; nhưng tôi cũng hiểu rằng tôi thiếu tài năng để xâm nhập được

qua các mặt tiền, đoán định được những điều quan trọng bị che giấu; thế nhưng, cái tài đó, Thomas lại sở hữu ở trình độ rất cao, và chính vì vậy anh đi lại bằng xe ô tô thể thao trong khi tôi về nhà bằng U-Bahn. Tôi gặp lại anh ở *Neva Grill*, một trong những quán ăn ngon mà anh hay lui tới. Anh nói với tôi, về vui thích đầy châm chọc, về tinh thần của dân chúng, được thể hiện trong các báo cáo mật của Ohlendorf, mà anh được nhận bản sao: "Chuyện người ta biết rõ đến thế nào về những điều vẫn được cho là bí mật thật đáng lưu ý, chương trình trợ tịch, diệt Do Thái, các trại ở Ba Lan, hơi ngạt, tất tật. Cậu, khi ở nước Nga, cậu chưa bao giờ nghe nói đến các KL ở Lublin hay ở Silésie, nhưng tay lái tramway nào của Berlin hoặc của Düsseldorf cũng biết là ở những nơi đó người ta thiêu những kẻ bị giam. Và mặc cho sự cấp tập của hệ thống tuyên truyền của Goebbels, người ta vẫn có khả năng tự có ý kiến của mình. Các đài nước ngoài không phải là cách giải thích duy nhất, vì dù sao cũng có nhiều người sợ nghe chúng. Không, toàn bộ nước Đức ngày nay là một mớ bao la chằng chịt những tin đồn, một cái mạng nhện tỏa ra trên khắp các lãnh thổ nằm dưới sự quản lý của chúng ta, mặt trận Nga, các nước Balkan, Pháp. Thông tin lưu chuyển với một tốc độ điên rồ. Và những kẻ ma mãnh nhất có khả năng tóm được những thông tin đó để đôi khi có được các kết luận chính xác đến đáng kinh ngạc. Cậu có biết mới đây người ta đã làm gì không? Người ta tung một tin đồn ở Berlin, một tin đồn nửa sai nửa đúng, dựa trên các thông tin có thực nhưng bị bóp méo đi, để nghiên cứu xem nó được truyền đi trong bao nhiêu lâu và bằng phương tiện nào. Người ta đã tìm thấy nó ở München, ở Viên, ở Königsberg và ở Hamburg trong vòng hai mươi tư giờ, ở Linz, Breslau, Lübeck và Iena trong vòng bốn mươi tám giờ. Tớ đã định thử cùng điều đó, nhưng là từ Ukraine, để xem sao. Nhưng điều đáng khích lệ là dù sao người ta vẫn ủng hộ Đảng và giới cầm quyền, họ vẫn luôn đặt lòng tin vào Führer của chúng ta và tin vào *Endsieg*. Điều đó cho thấy gì? Rằng mới chỉ mười năm sau Năm Chính Quyền, tinh thần quốc xã đã trở thành chân lý *duy nhất* của cuộc sống hàng ngày của

Volk. Nó đã len lỏi vào từng góc ngách. Và do đó thậm chí cho dù chúng ta thua trong cuộc chiến này, nó vẫn sẽ sống.” – “Thôi chúng ta nói về cách thức giành chiến thắng đi, nhé?” Trong khi ăn, tôi trình bày cho anh những chỉ thị mà mình nhận được và hiện trạng chung của tình hình theo như tôi thấy. Anh vừa nghe vừa uống rượu vang và cắt miếng thịt bò nướng tuyệt hảo, bên trong còn hồng và mọng nước. Ăn xong, anh tự rót thêm rượu trước khi trả lời. “Cậu tìm được một chỗ rất ngon lành, nhưng tớ không ghen tị với cậu. Tớ có cảm giác người ta đã lẳng cậu vào một cái giỏ đầy cua, và nếu không cẩn thận cậu sẽ bị chúng cắn nát mông. Cậu biết gì về tình hình chính trị? Trong nước ấy.” Tôi cũng đã ăn xong: “Tớ không biết gì nhiều về tình hình chính trị trong nước.” – “Cậu phải tìm hiểu chứ. Nó đã thay đổi triệt để kể từ đầu chiến tranh. Thứ nhất, Reichsmarschall đã *out*, theo tớ là *out* hoàn toàn. Với thất bại của Luftwaffe trước các cuộc oanh tạc, mức độ tham nhũng khổng lồ của ông ta, và việc sử dụng vô độ các chất ma túy, chẳng ai còn quan tâm đến ông ta nữa: ông ta chỉ đứng đó làm vì thôi, người ta lôi ông ấy từ tủ đựng đồ ra khi phải có một ai đó phát biểu thay cho Führer. Tiến sĩ Goebbels thân yêu của chúng ta, mặc cho tất cả những nỗ lực anh dũng của ông ta sau Stalingrad, đã ra rìa rồi. Ngôi sao đang lên hiện nay là Speer. Khi Führer bổ nhiệm ông ta, tất cả mọi người đều nghĩ ông ta sẽ trụ được sáu tháng là cùng; kể từ đó, ông ta đã tăng sản lượng các nhà máy sản xuất vũ khí của chúng ta lên gấp ba, và Führer trao cho ông ta tất cả những gì ông ta yêu cầu. Thêm nữa, cái tay kiến trúc sư nhỏ bé hay bị người ta chế nhạo đó hóa ra lại là một chính trị gia cừ khôi, và ông ta đã tìm được những chỗ dựa vững chắc: Milch, người quản lý Bộ Không quân cho Göring, và Fromm, ông chủ của *Ersatzheer*. Đây là lợi ích của Fromm? Fromm phải cung cấp người cho Wehrmacht; cứ mỗi người lao động Đức được thay thế bởi một lao động nước ngoài hoặc một tên tù, Fromm sẽ có thêm một người lính. Speer thì chỉ suy nghĩ đến các cách tăng năng suất, và Milch cũng làm điều tương tự với Luftwaffe. Tất cả đều chỉ đòi hỏi một điều: người, người, và người. Và chính ở đó

Reichsführer gặp phải một vấn đề. Tất nhiên, không ai có thể phê phán bản thân chương trình *Endlösung*: đó là một lệnh trực tiếp của Führer, và do đó các bộ chỉ có thể lờn vờn ở ngoài rìa, chỉ dám biến một bộ phận Do Thái nhất định trở thành nhân công. Nhưng kể từ khi Thierack chấp nhận làm rỗng các nhà tù của mình để nhường cho KL sử dụng, các trại đó đã trở thành một trữ lượng nhân lực không thể bỏ qua. Tất nhiên là không đáng kể gì nếu so với những người lao động nước ngoài, nhưng dù sao cũng là một cái gì đó. Thế nhưng Reichsführer rất cương quyết với sự tự trị của SS, và Speer lại giẫm lên đúng chỗ đó. Khi Reichsführer muốn các xí nghiệp sản xuất được đặt vào trong các KL, Speer đã đến gặp Führer và rục rục một cái! bọn tù nhân phải đi đến các nhà máy. Cậu nhìn thấy vấn đề chưa: Reichsführer cảm thấy mình đang yếu thế và phải đưa ra các bảo đảm cho Speer, để chứng tỏ mình thiện chí. Tất nhiên, nếu ông ấy thực sự đưa được thêm nhiều nhân lực vào cho công nghiệp, thì tất cả mọi người đều sẽ hài lòng. Nhưng theo tớ thì chính ở đó lại xuất hiện vấn đề nội bộ: SS, cậu thấy đấy, giống như là Reich thu nhỏ, nó cấu vẹo từ hầu khắp mọi nơi, mỗi chỗ một ít. Cậu cứ lấy ví dụ RSHA mà xem: Heydrich là một thiên tài, một lực lượng của tự nhiên và là một người quốc xã đáng ngưỡng mộ; nhưng tớ tin rằng Reichsführer đã ngấm ngầm sung sướng về cái chết của ông ấy. Ngay việc sai ông ấy sang Praha đã là một đòn xuất sắc rồi. Heydrich cứ nghĩ đó là một sự thăng tiến, nhưng ông ấy cũng thấy rõ là mình buộc phải buông lỏng RSHA một chút, đơn giản là vì ông ấy không còn ở Berlin nữa. Khuynh hướng tự lập hóa của ông ấy rất mạnh, chính vì vậy mà Reichsführer không muốn cử người thay thế ông ấy. Và rồi, chính các Amtchef lại bắt đầu mỗi người đi theo một hướng. Vậy là Reichsführer bèn bổ nhiệm Kaltenbrunner để kiểm soát họ, hy vọng rằng Kaltenbrunner, một kẻ thô lỗ hết thời, sẽ chịu nằm dưới sự kiểm soát. Nhưng cậu sẽ thấy chuyện đó bắt đầu trở lại: công việc đòi hỏi, chứ không còn là con người nữa rồi. Và cũng vậy đối với tất cả các ban bộ và bộ phận khác. IKL đặc biệt phong phú về *alte Kämpfer*: tại đó, ngay cả Reichsführer

cũng sẽ phải hết sức rón rén.” – “Nếu tớ hiểu đúng, Reichsführer muốn thúc đẩy các cải cách mà không làm biến động IKL quá mức phải không?” – “Hoặc nếu không thì ông ấy chẳng thêm làm cải cách, mà chỉ muốn sử dụng chúng như một công cụ để siết chặt những kẻ cứng đầu. Và cùng lúc, ông ấy phải chứng tỏ với Speer là ông ấy có hợp tác, nhưng không hề cung cấp khả năng nào để đụng tới SS hoặc xén bớt đặc quyền đặc lợi của chúng ta.” – “Quả thực là phức tạp.” – “A! Brandt đã nói rõ với cậu rồi đấy: phân tích và ngoại giao.” – “Ông ấy cũng nói đến sáng tạo nữa.” – “Chắc chắn rồi! Nếu cậu tìm ra các giải pháp, ngay cả cho các vấn đề không được trực tiếp giao, nhưng đáp ứng được những lợi ích sống còn của Reichsführer, thì sự nghiệp của cậu sẽ được hoàn tất. Nhưng nếu cậu bắt đầu chơi trò lằng mạn bàn giấy và muốn xáo trộn tất cả, thì cậu sẽ rất nhanh chóng thấy mình bị sung đến trong một *SD-Stelle* đầy chấy rận ở góc ngách xa xôi nào đó của xứ Galicie. Cho nên liệu mà đề phòng nhé: nếu cậu chơi lại tớ cùng một cú như hồi ở Pháp, tớ sẽ tự trách móc mình vì đã lôi cậu từ Stalingrad ra đấy. Làm sao để còn sống, đó là việc đáng làm.”

Lời cảnh báo vừa có tính chế giễu vừa đáng lo ngại này được nhấn mạnh một cách nặng nề bởi lá thư ngắn của em gái tôi. Đúng như tôi sợ, Una đã đi Antibes ngay sau cuộc nói chuyện qua điện thoại của chúng tôi:

Max, cảnh sát đã nói đến một kẻ loạn thần kinh hoặc một tên kẻ trộm hoặc thậm chí là một vụ thanh toán lẫn nhau. Trên thực tế họ không biết gì cả. Họ đã nói với em là họ đang điều tra công việc làm ăn của Aristide. Thật là kinh tởm. Họ đặt cho em đủ loại câu hỏi về gia đình: em đã nói với họ về anh, nhưng không biết tại sao em lại không nói rằng anh đã ở đó. Em không biết mình nghĩ gì nhưng em sợ gây phiền phức cho anh. Và rồi sẽ được gì nếu làm vậy chứ? Em đi ngay lập tức sau lễ tang. Em rất muốn anh có ở đó và cùng lúc em cũng thấy kinh hoàng với ý nghĩ anh có ở đó.

Thật là buồn và khủng khiếp. Họ được chôn cùng nhau trong nghĩa trang thành phố. Ngoài em và một cảnh sát đến dò xét thì chỉ có vài người bạn cũ của Aristide và một mục sư. Em đi ngay sau đó. Em không biết phải viết gì khác cho anh. Em buồn khủng khiếp. Anh giữ gìn nhé.

Una không nhắc gì đến hai thằng bé sinh đôi: sau phản ứng dữ dội trên điện thoại của nàng, tôi thấy điều này thật kỳ lạ. Kỳ lạ hơn nữa là bản thân tôi cũng không có phản ứng gì: lá thư sợ hãi và tang tóc đó giống như một chiếc lá vàng mùa thu, lìa cành và chết trước cả khi chạm đất. Vài phút sau khi đọc nó, tôi lại nghĩ đến các vấn đề thuộc công việc. Những câu hỏi từ vài tuần trước còn gặm nhấm con người tôi và không để tôi yên ổn chút nào, giờ đây giống như là một dây cửa đóng kín và câm lặng; ý nghĩ về em gái tôi, một lò lửa lớn đã tắt và tỏa mùi tro lạnh, và ý nghĩ về mẹ tôi, một ngôi mộ yên tĩnh đã bị bỏ quên từ lâu. Sự hồ hững kỳ lạ đó lan rộng ra tất cả các khía cạnh khác của đời tôi: tôi không chú ý đến những trò gây phiền nhiễu của bà chủ nhà, ham muốn xác thịt giống như là một sự trừu tượng cũ kỹ, nỗi hoang mang về tương lai, một thứ đồ xa xỉ phù phiếm và nhẹ bồng. Mặt khác nó cũng hơi giống với trạng thái của tôi hiện nay, và tôi thấy rất ổn ở trong đó. Chỉ còn công việc chiếm lĩnh những suy nghĩ của tôi. Tôi ngẫm nghĩ về những lời khuyên của Thomas: có vẻ như anh còn có lý hơn cả mức độ mà bản thân anh tự ý thức được. Khoảng cuối tháng, trong Tiergarten hoa bắt đầu nở, cây cối phủ những tán lá xanh hỗn hào lên thành phố vẫn còn xám xịt, tôi đến thăm các văn phòng của Amtsgruppe D, trước đây là IKL, ở Oranienburg, gần KL Sachsenhausen: những tòa nhà chạy dài màu trắng và sạch sẽ, những lối đi đều tăm tắp, những bồn hoa được xới và giẫy cỏ kỹ lưỡng bởi những người tù được nuôi ăn đầy đủ mặc đồng phục sạch sẽ, các sĩ quan năng động, bận rộn, hăng hái. Ở đó tôi được Brigadeführer Glücks tiếp đón một cách lịch sự. Glücks nói nhiều và nhanh và cái đọt sóng lời lẽ mơ hồ đó giống như một sự tương phản với vòng hào quang của tính hiệu quả đặc trưng cho vương quốc của ông ta. Ông ta hoàn toàn thiếu

một cái nhìn tổng thể, cứ bướng bỉnh đông dài mãi về các chi tiết hành chính không có gì hay ho, trích cho tôi nghe những số liệu thống kê một cách lung tung, thường xuyên là sai, mà tôi buộc ghi chép lại vì lịch sử. Trước một câu hỏi chính xác một chút, ông ta liền lặp đi lặp lại cùng một câu trả lời: “Ồ, tốt hơn hết là anh gặp Liebehenschel mà hỏi chuyện ấy.” Vừa nói câu đó, vẻ đầy lịch thiệp, ông ta vừa rót cho tôi rượu cognac Pháp và phục vụ tôi bánh ngọt khô. “Vợ tôi làm đấy. Mặc dù mọi thứ đều bị hạn chế, bà ấy vẫn biết cách xoay xở, đúng là một bà tiên.” Rõ ràng là ông ta muốn đuổi được tôi đi càng sớm càng tốt, nhưng cũng không vì thế mà chịu mạo hiểm làm phật lòng Reichsführer, để được quay trở lại với sự đỡ đỡ và những cái bánh ngọt nhỏ bé của mình. Tôi quyết định rút ngắn cuộc gặp; ngay khi tôi ngừng nói, ông ta liền gọi ngay người trợ lý và rót thêm một cốc cognac cuối cùng: “Vì sức khỏe của Reichsführer thân mến của chúng ta nào.” Tôi nhúng môi vào đó, đặt cái cốc xuống, chào ông ta và đi theo người dẫn đường. “Anh sẽ thấy, Glücks còn nói với theo khi tôi đi ra đến cửa, Liebehenschel sẽ có thể trả lời cho tất cả các câu hỏi của anh.” Ông ta có lý và trợ tá của ông ta, một người đàn ông nhỏ bé với khuôn mặt buồn bã và mệt mỏi, cũng là người đứng đầu Văn phòng trung tâm của Amtsgruppe D, cung cấp cho tôi một bài trình bày ngắn gọn, sáng suốt và đầy tính hiện thực về tình hình và trạng thái tiến triển của các cải cách đang được tiến hành. Tôi biết rằng phần lớn các lệnh được ban xuống với chữ ký của Glücks thực tế đều được Liebehenschel soạn trước: điều này không hề đáng ngạc nhiên. Với Liebehenschel, phần lớn các vấn đề đến từ các Kommandant: “Họ thiếu óc tưởng tượng và họ không biết phải áp dụng các lệnh của chúng tôi như thế nào. Ngay khi có được một Kommandant hăng hái một chút là tình hình đã thay đổi hoàn toàn rồi. Nhưng chúng tôi thiếu người nghiêm trọng và không có triển vọng nào để thay thế những người chủ chốt đó.” – “Thế các bộ phận y tế không thể đáp ứng được những thiếu hụt ấy à?” – “Anh sẽ gặp tiến sĩ Lolling sau đây, anh sẽ hiểu.” Thật vậy, nếu một giờ ngồi với

Standartenführer tiến sĩ Lolling không cung cấp được cho tôi nhiều thông tin về những vấn đề mà các đơn vị y tế ở các KL gặp phải, thì ít nhất nó cũng cho phép tôi, mặc cho sự sốt ruột của tôi, hiểu được tại sao các đơn vị đó chỉ có thể được vận hành theo lối tự chủ. Lớn tuổi, mất uớt, tâm trí hỗn loạn và rối tung, Lolling, người phụ trách tất cả các cấu trúc y tế của các trại, không chỉ nghiện rượu mà còn, theo những lời đồn đại công khai, khai thác hàng ngày kho moocphin của mình. Tôi không hiểu tại sao mà một người như vậy lại có thể ở trong SS, lại càng không hiểu được tại sao ở trong đó ông ta lại giữ một vị trí có nhiều quyền hạn như vậy. Hẳn là ông ta có được nhiều bảo trợ trong Đảng. Tuy nhiên tôi cũng rút được từ ông ta một chồng báo cáo rất có ích: Lolling, vì không có gì tốt hơn và cũng là để che giấu sự thiếu năng lực của mình, bỏ thời gian để đòi những người thuộc cấp viết báo cáo cho mình; không phải tất cả đều giống ông ta, ở trong đó có những chất liệu cốt yếu.

Còn lại Maurer, người sáng lập và sếp của *Arbeitseinsatz*, được gọi tên trong bảng mô tả tổ chức của WVHA là ban D II. Nói thật lòng, lẽ ra tôi đã có thể bỏ qua không cần đến gặp một số người, kể cả Liebehenschel. Standartenführer Gerhard Maurer, một người còn trẻ, không có bằng cấp nhưng sở hữu một kinh nghiệm nghề nghiệp chắc chắn trong kế toán và quản lý, được Oswald Pohl lôi ra từ bóng tối một phòng làm việc trong hệ thống hành chính cũ của SS và đã nhanh chóng nổi bật nhờ các khả năng quản lý, tinh thần chủ động và sự thấu hiểu sâu sắc thực tế hành chính của mình. Pohl, khi nhận lại IKL, đã đề nghị ông ta lập ra D II để tập trung và hợp lý hóa việc khai thác nhân lực của các trại. Tôi phải gặp ông ta nhiều lần sau đó, và thường xuyên liên lạc lại, lúc nào cũng cảm thấy hài lòng. Với tôi, ông ta đại diện một phần cho một lý tưởng nào đó về con người quốc xã, người không chỉ phải có *Weltanschauung* mà còn phải tạo ra được các kết quả. Thế nhưng các kết quả cụ thể và đo đếm được đã tạo ra chính cuộc đời của Maurer. Nếu không phải là người đã sáng tạo ra tất cả các biện pháp do *Arbeitseinsatz* thực thi, thì ông ta

cũng là tác giả của toàn bộ hệ thống thu thập số liệu thống kê giờ đây đã bao trùm tổng thể các trại của WVHA. Ông ta kiên nhẫn giải thích cho tôi hệ thống này, cho tôi xem các mẫu giấy tờ quy chuẩn và in trước mà mỗi trại đều phải điền vào để gửi về, chỉ cho tôi thấy những con số quan trọng nhất và cách thức để diễn giải chúng: được xem xét như vậy, những con số đó trở nên dễ hiểu hơn một báo cáo viết theo lối bình thường; có thể so sánh được với nhau và cung cấp rất nhiều thông tin, chúng cho phép Maurer theo dõi một cách chính xác, dù không cần phải rời khỏi phòng làm việc, mức độ thực hiện các mệnh lệnh của ông ta và thành công của chúng. Những số liệu đó cho phép ông ta khẳng định với tôi dự báo của Liebehenschel. Ông ta thuyết cho tôi một bài đầy nghiêm khắc về thái độ phản động của khối các Kommandant, “được đào tạo theo phương pháp Eicke”, có năng lực trong những gì liên quan đến các chức năng trấn áp và mang tính cảnh sát cũ kỹ, nhưng về tổng thể thì kém cỏi và ích kỷ, không có khả năng tích hợp các kỹ thuật quản lý hiện đại được áp dụng cho những đòi hỏi mới: “Những người đó không tệ đâu, nhưng họ đã lạc hậu so với những gì ngày nay họ được yêu cầu.” Bản thân Maurer chỉ hướng đến một mục đích: thu được tối đa kết quả từ lao động của các KL. Ông ta không mời tôi uống cognac nhưng khi tôi xin cáo từ ông ta bắt tay tôi rất chặt: “Tôi rất vui vì cuối cùng Reichsführer cũng đã xem xét những vấn đề này một cách sát sao hơn. Anh cứ tùy ý sử dụng phòng của tôi, Sturmbannführer, lúc nào anh cũng có thể trông cậy vào tôi.”

Tôi quay về Berlin và hẹn gặp người quen cũ của mình, Adolf Eichmann. Ông ta đích thân xuống đón tôi dưới cái sảnh vào rộng lớn của ban của ông ta, trên Kurfürstenstrasse, bước từng bước ngắn trong đôi boots nặng trĩu trên nền nhà lát đá hoa bóng, và nồng nhiệt chúc mừng tôi được thăng chức. “Cả ông cũng vậy, đến lượt tôi chúc mừng ông ta, ông cũng đã được thăng chức. Ở Kiev, ông còn là Sturmbannführer.” – “Phải, ông ta nói, về hài lòng, đúng thế, nhưng anh, trong cùng khoảng thời gian đó, anh đã lên tận hai cấp... Lại đây, lại đây.” Mặc dù cấp bậc cao

của ông ta, tôi thấy ông ta xăng xái, nhả nhặn một cách đáng ngạc nhiên; có thể việc tôi được Reichsführer phái đến đã gây ấn tượng mạnh lên ông ta. Trong phòng làm việc, ông ta buông mình xuống ghế, hai chân để vắt chéo, đặt hờ cái mũ cát kết lên một chồng hồ sơ, tháo cặp kính dày, và bắt đầu lau nó bằng một cái khăn mùi soa, lớn giọng gọi thư ký: “Frau Werlmann! Lấy cho tôi cà phê với.” Tôi vui vẻ quan sát cảnh tượng này: Eichmann có vẻ đĩnh đạc hơn nhiều so với hồi ở Kiev. Ông ta giơ cặp kính về phía cửa sổ, dò xét chúng một cách tỉ mỉ, chùi nó thêm một lần nữa, rồi đeo lại lên mắt. Ông ta rút một cái hộp từ dưới tập giấy tờ và mời tôi điếu thuốc Hà Lan. Bật lửa cầm trên tay, ông ta chỉ vào ngực tôi: “Anh đã nhận được rất nhiều huân chương, tôi xin chúc mừng anh thêm lần nữa. Đó chính là lợi thế của việc ra mặt trận. Ở đây, ở hậu phương này, chúng tôi không bao giờ có cơ hội để nhận huân chương cả. Amtchef của tôi đã kiếm cho tôi một huân chương Thập tự Sắt nhưng thực sự chỉ là để tôi có cái gì đó mà thôi. Tôi đã tình nguyện đi đến các Einsatzgruppe, anh có biết không? Nhưng C. (Heydrich, muốn làm ra vẻ có chút tính chất Anh, bảo những người thân tín gọi mình như vậy) đã ra lệnh cho tôi phải ở lại. *Anh vô cùng cần thiết đối với tôi*, ông ấy nói thế đấy. *Zu Befehl*, tôi nói, mà dù sao thì tôi cũng chẳng có lựa chọn nào.” – “Tuy nhiên, ông có một vị thế tốt đấy chứ. Referat của ông là một trong những bộ phận quan trọng nhất của *Staatspolizei*.” – “Đúng, nhưng tôi hoàn toàn bị chặn đứng về mặt thăng tiến rồi. Một Referat phải do một Regierungsrat hoặc một Oberregierungsrat hoặc một cấp bậc SS tương đương đứng đầu. Do đó về nguyên tắc, với vị trí này, tôi không thể lên quá được Obersturmbannführer. Tôi đã phàn nàn với Amtchef của tôi: ông ấy trả lời rằng tôi xứng đáng được thăng chức, nhưng ông ta không muốn gây chuyện với các trưởng ban khác.” Một cái bĩu môi bất bình làm lệch cả miệng ông ta. Cái trán rộng của ông ta bóng loáng dưới ánh đèn trần vẫn bật dù đang là ban ngày. Một nữ thư ký khá lớn tuổi bước vào với một cái khay và hai tách cà phê bốc khói, và đặt trước mặt chúng tôi. “Sữa nhé? Hay đường?”

Eichmann hỏi. Tôi lắc đầu và hít cái tách: đó là cà phê thật. Trong khi tôi còn đang thổi khói thì Eichmann đột nhiên hỏi: “Anh đã được thưởng huân chương vì *Einsatzaktion* à?” Những trò luận quần này của ông ta bắt đầu khiến tôi bức mình; tôi muốn đi thẳng vào mục đích chuyến viếng thăm của mình. “Không, tôi đáp. Tôi đã làm việc ở Stalingrad, sau đó.” Khuôn mặt Eichmann tối sầm lại, ông ta vội nhắc cặp kính ra khỏi mắt. “*Ach so*, ông ta vừa nói vừa đứng dậy. Anh đã ở Stalingrad. Người anh em Helmut của tôi đã bị giết ở đó.” – “Tôi rất tiếc. Xin được chia buồn. Đó là anh trai ông?” – “Không, em trai. Nó ba mươi ba tuổi. Mẹ chúng tôi vẫn chưa hồi lại được từ sau chuyện ấy. Nó đã ngã xuống như một người anh hùng, trong khi làm nghĩa vụ của mình cho nước Đức. Tôi rất tiếc, ông ta trang trọng nói thêm, vì chính mình đã không có được cơ hội đó.” Tôi nắm ngay lấy lối mở: “Vâng, nhưng nước Đức cũng đòi hỏi ở ông những hy sinh khác.” Ông ta đeo kính lại và uống một chút cà phê. Rồi ông ta rập đầu mẩu diều thuốc vào một cái gạt tàn: “Anh có lý. Một người lính không chọn chỗ cho mình. À, thế tôi có thể làm gì cho anh? Nếu tôi hiểu đúng bức thư của Obersturmbannführer Brandt, thì anh được giao nhiệm vụ nghiên cứu *Arbeitseinsatz*, phải không? Tôi không thấy liệu việc đó có liên quan gì đến bên tôi.” Tôi rút vài tờ giấy từ cái cặp giả da của mình. (Tôi cảm thấy khó chịu mỗi khi phải dùng cái cặp này, nhưng không thể tìm được cái nào khác, vì đang khan hiếm da thật. Tôi đã xin lời khuyên của Thomas, nhưng anh cười vào mũi tôi: “Tớ thì tớ muốn có cả một bộ đồ văn phòng bằng da thật, cậu thấy không, với một cái đựng tài liệu và một ống để bút. Tớ đã viết thư cho một người bạn, ở Kiev, một người ở tập đoàn quân và vẫn ở lại BdS, để hỏi liệu anh ta có thể giúp tớ việc đó được không. Anh ta đã trả lời rằng kể từ khi giết hết bọn Do Thái, thậm chí ở Ukraine người ta còn không thể đóng lại để cho một đôi giày nữa.”) Eichmann nhú mắt quan sát tôi. “Bọn Do Thái mà ông đang phụ trách hiện nay là một trong những nguồn nhân lực chủ chốt mà *Arbeitseinsatz* có thể khai thác để có thêm người, tôi giải thích. Ngoài họ ra, thực sự chỉ còn

lại những người lao động nước ngoài bị kết án vì các tội nhỏ và những người tị nạn chính trị đến từ các nước nằm dưới quyền kiểm soát của chúng ta. Tất cả các nguồn khả dụng khác, từ binh chiến tranh hoặc tội phạm do Bộ Tư pháp chuyển sang, xét về tổng thể đều đã cạn kiệt. Điều mà tôi mong muốn là có được một cái nhìn tổng quát về cách vận hành công việc và nhất là những triển vọng tương lai của các ông." Trong khi ông ta nghe tôi nói, một cái tật kỳ lạ làm biến dạng góc miệng bên trái của ông ta; tôi có cảm giác ông ta đang tự nhai lưỡi. Ông ta lại ngả người ra ghế, đôi bàn tay dài nổi gân xếp lại thành hình tam giác, hai ngón trở chĩa ra: "Tốt, tốt. Tôi sẽ giải thích cho anh. Như anh cũng biết đấy, tại mỗi nước liên quan đến *Endlösung*, có một đại diện Referat của tôi, dưới quyền chỉ đạo hoặc của BdS nếu đó là một nước bị chiếm đóng, hoặc của một tùy viên cảnh sát của đại sứ quán nếu đó là một nước đồng minh. Tôi sẽ nói ngay với anh rằng Liên Xô không nằm trong phạm vi hoạt động của tôi; còn về người đại diện của tôi trong General-Gouvernement, anh ta chỉ có một vai trò rất nhỏ." – "Tại sao lại như vậy được?" – "Vấn đề Do Thái, trong GG, thuộc trách nhiệm của SSPF của Lublin, Gruppenführer Globocnik, người trực tiếp nhận lệnh từ Reichsführer. Do đó *Staatspolizei* không liên quan, xét về tổng thể." Ông ta bậm môi: "Trừ vài ngoại lệ vẫn cần phải được giải quyết, toàn bộ Reich có thể được coi là *judenrein*. Còn về các nước khác, tất cả tùy thuộc vào mức độ thấu hiểu cách giải quyết vấn đề Do Thái của chính quyền. Vì vậy, theo một cách nào đó mỗi nước là một trường hợp đặc biệt mà tôi có thể giải thích cho anh." Ngay khi bắt đầu nói về công việc, tôi nhận thấy rõ điều đó, thứ ngôn ngữ của ông ta, vốn trộn lẫn một cách kỳ cục giữa âm sắc Áo và tiếng lóng Berlin lại có thêm một cách đặt câu theo lối văn phòng đặc biệt rối mù. Ông ta nói năng ung dung và rõ ràng, từ ngữ chọn lựa kỹ càng, nhưng thỉnh thoảng tôi gặp khó khăn trong việc theo kịp các câu. Bản thân ông ta cũng có vẻ hơi lạc lối trong đó. "Lấy trường hợp nước Pháp nhé, tại đó chúng ta đã, có thể nói vậy, bắt đầu làm việc vào mùa hè trước một khi chính quyền

Pháp, dưới sự hướng dẫn của chuyên gia của chúng ta và còn bởi những lời khuyên và mong muốn của *Auswärtiges Amt*, ờ, nếu anh muốn, chấp nhận hợp tác và nhất là khi Reichsbahn đã chấp nhận cung cấp cho chúng ta phương tiện đi lại cần thiết. Chúng ta cũng đã có thể bắt đầu, và thoát tiên, thậm chí đó còn là một thành công bởi vì người Pháp tỏ ra rất hiểu biết, và rồi nhờ có sự trợ sức của cảnh sát Pháp, nếu không có thì chắc là chúng ta đã không thể làm rồi, tất nhiên, bởi vì chúng ta không có nguồn lực, và *Militärbefehlshaber* chắc chắn là sẽ không chịu cung cấp, do đó sự giúp đỡ của cảnh sát Pháp là một yếu tố cốt tử bởi vì chính họ đã bắt bọn Do Thái và chuyển cho chúng ta, và mặt khác thậm chí họ lại còn rất hăng hái, bởi vì chính thức mà nói chúng ta chỉ yêu cầu giao bọn Do Thái trên mười sáu tuổi – dĩ nhiên chỉ là lúc đầu thôi – nhưng họ không muốn giữ bọn trẻ con không có bố mẹ, điều đó thì chúng ta có thể hiểu được, và do đó họ đã giao tất cả cho chúng ta, ngay cả bọn trẻ con mồ côi – tóm lại là chúng ta đã nhanh chóng hiểu ra rằng trên thực tế họ chỉ chuyển cho chúng ta bọn Do Thái người nước ngoài của họ, thậm chí tôi đã phải hủy bỏ một đợt chuyển người từ Bordeaux đến bởi vì họ không tìm được đủ bọn Do Thái nước ngoài để chất đầy lên trên đó, một vụ bê bối thực sự, vì liên quan đến bọn Do Thái của họ, những kẻ có quốc tịch Pháp, tôi muốn nói là đã từ lâu, và thế đấy, anh cũng thấy, câu trả lời là không. Họ không muốn và chúng ta chẳng thể làm được gì cả. Theo *Auswärtiges Amt*, chính thống chế Pétain là người gây trở ngại, và dù cho ông ta đã được giải thích nhiều lần, tình hình vẫn không hề thay đổi. Thế là sau tháng Mười một, tất nhiên rồi, tình hình đã hoàn toàn thay đổi, bởi vì chúng ta không còn nhất thiết phải lệ thuộc vào tất cả các thỏa thuận và luật lệ của Pháp nữa, nhưng ngay cả khi đó, đó chính là điều tôi đã nói với anh đấy, có vấn đề về cảnh sát Pháp, họ không muốn hợp tác nữa, tôi không muốn phàn nàn về Herr Bousquet, nhưng cả ông ta cũng phải nhận những thứ mệnh lệnh, và dù sao thì cũng không thể phái cảnh sát Đức đi đập cửa từng nhà, do đó, trên thực tế, ở Pháp, tình hình không tiến triển nữa. Hơn nữa,

nhiều tên Do Thái đã chạy sang phần đất của Ý, và đó thì quả thực là một vấn đề, bởi vì người Ý, họ, không hề tỏ ra là hiểu được chút gì, và chúng ta gặp cùng một vấn đề đó ở khắp nơi, ở Hy Lạp và ở Croatia, nơi họ mới là những người có trách nhiệm, ở đó, họ bảo vệ bọn Do Thái, và không chỉ là người của họ, mà là tất cả. Và đó là một vấn đề thực thụ, và nó đã hoàn toàn vượt quá các năng lực của tôi và mặt khác tôi nghĩ mình biết được rằng nó đã được thảo luận ở cấp cao nhất, cao nhất có thể, và Mussolini hẳn đã trả lời rằng ông ta sẽ lo việc đó, nhưng rõ ràng đó không phải là một ưu tiên, có phải không nào, và ở các cấp thấp hơn, những cấp chúng ta hay làm việc cùng, ở đó thì thẳng thắn là sự ngáng trở của hành chính quan liêu, những trò khôn khéo để trì hoãn và tôi biết thừa cái mẹo đó, không bao giờ họ nói không nhưng điều đó giống như là thứ cát trôi và không xảy ra điều gì hết cả. Quan hệ giữa chúng ta và người Ý đang là như vậy đấy." – "Thế còn các nước khác?" tôi hỏi. Eichmann đứng dậy, đội mũ cát kết lên đầu, và ra hiệu bảo tôi đi theo: "Đến đây. Tôi sẽ chỉ cho anh thấy." Tôi đi theo ông ta đến một phòng làm việc khác. Chân ông ta, lần đầu tiên tôi nhận ra, vòng kiềng giống như chân một kỵ sĩ. "Ông cười ngựa à, Herr Obersturmbannführer?" Ông ta lại bĩu môi: "Hồi trẻ. Bây giờ tôi không còn nhiều dịp nữa." Ông ta gõ một cánh cửa và bước vào. Vài sĩ quan đứng dậy và chào ông ta; ông ta chào lại họ, đi ngang qua phòng, gõ một cánh cửa khác, và bước vào. Ở cuối phòng, sau một bàn làm việc, là một Sturmbannführer; ngoài ra còn có một nữ thư ký và một sĩ quan cấp thấp. Tất cả đứng dậy khi chúng tôi đi vào; viên Sturmbannführer, một gã đẹp trai, tóc vàng, cao lớn và cơ bắp, vận bộ quân phục cắt vừa khít, giơ một tay lên và phát ra tiếng "Heil!" kiểu quân sự. Chúng tôi chào lại anh ta trước khi tiến lại gần. Eichmann giới thiệu rồi quay sang tôi: "Sturmbannführer Günther là trợ lý của tôi." Günther nhìn tôi vẻ rụt rè và hỏi Eichmann: "Tôi có thể làm được gì cho ngài, Herr Obersturmbannführer?" – "Tôi rất tiếc vì đã làm phiền anh, Günther. Tôi muốn cho anh ấy xem tấm bản đồ của anh." Günther

dịch ra khỏi bàn làm việc của mình, không nói năng gì. Sau lưng anh ta, trên tường, treo một biểu đồ lớn nhiều màu. "Anh thấy đây, Eichmann giải thích cho tôi, nó được tổ chức theo đất nước và được cập nhật theo mỗi tháng. Bên tay trái, anh có các mục tiêu, và sau đó là các tổng số cộng lại từ việc thực hiện mục tiêu. Chỉ cần nhìn qua là anh có thể thấy chúng ta đang tiến lại gần với mục tiêu ở Hà Lan, 50% ở Bỉ, nhưng ở Hungari, Rumani, hoặc Bungari thì vẫn gần như nằm ở con số không. Ở Bungari, chúng ta đã có được vài nghìn, nhưng là trò lừa đảo đấy: họ để chúng ta sơ tán bọn ở các lãnh thổ mà họ chiếm đóng từ năm 1941, ở Thrace và Macédoine, nhưng chúng ta không thể chạm đến các lãnh thổ của nước Bungari Cũ. Chúng ta đã chính thức yêu cầu họ thêm một lần nữa cách đây vài tháng, tôi nhớ là vào tháng Ba, về việc thực hiện một chiến dịch AA, nhưng họ đã từ chối. Vì đây là một vấn đề về chủ quyền nên ai cũng muốn yên tâm rằng người hàng xóm của mình sẽ cùng làm việc đó, nghĩa là người Bungari muốn rằng người Rumani bắt đầu, còn người Rumani lại muốn người Hungari, và người Hungari muốn người Bungari, hoặc là tương tự như vậy. Để ý nhé, sau vụ Vaccava, ít nhất là chúng ta đã có thể giải thích cho họ về mối nguy hiểm về việc có quá nhiều Do Thái ở chỗ mình, đó là một cái ổ du kích, và ở đó, tôi tin rằng chuyện này đã làm họ chột dạ. Nhưng chúng ta vẫn chưa đi đến tận cùng những nỗi khó khăn đâu. Ở Hy Lạp, chúng ta bắt đầu vào tháng Ba, tôi có một Sonderkommando ở đó, lúc này là ở Thessalonique, và anh thấy rõ là mọi việc tiến triển rất nhanh, gần như đã xong cả rồi đấy. Sau đó chúng tôi còn lại Crète và Rhodes, không thành vấn đề, nhưng với vùng thuộc Ý, Athènes và những nơi còn lại, thì tôi đã giải thích với anh rồi đấy. Sau đó, dĩ nhiên, còn có tất cả các vấn đề kỹ thuật có liên quan, đó sẽ không chỉ là những vấn đề ngoại giao đơn thuần đâu, nếu mà như vậy thì đơn giản quá, không, và do đó đặc biệt là vấn đề về vận chuyển, nghĩa là về thiết bị xe lửa và do đó là việc sử dụng các toa tàu, và cả, nói thế nào nhỉ, thời gian trên đường ray ngay cả khi đã có toa tàu rồi. Có lúc, chẳng hạn như vậy, chúng tôi

thống nhất một thỏa thuận với một chính phủ, chúng tôi bắt lấy bọn Do Thái, và hấp. *Transportsperre*, tất cả đều bị đình đốn lại bởi vì có một cuộc tấn công ở phía Đông hoặc cái gì đó và chúng ta không còn có thể chuyển gì qua Ba Lan được nữa. Do đó, ngược lại, khi nào yên tĩnh chúng tôi sẽ tăng tần suất lên gấp đôi. Ở Hà Lan hoặc ở Pháp, tất cả đều tập trung vào các trại trung chuyển, và tiến hành từng chút một, khi có phương tiện chuyên chở và cũng theo cả khả năng tiếp nhận nữa, cả cái này cũng rất hạn chế. Với Thessalonique, ngược lại, đã được quyết định phải làm tất cả một lèo, một hai ba bốn và thế là xong luôn. Trên thực tế, từ tháng Hai tới giờ, chúng tôi có rất nhiều việc, phương tiện chuyên chở hoạt động và tôi nhận được lệnh đẩy nhanh tốc độ. Reichsführer muốn mọi việc phải được kết thúc trong năm nay và sau đó chúng ta sẽ không nói gì đến nó nữa." – "Điều đó có khả thi không?" – "Ở những gì phụ thuộc vào chúng tôi thì có. Tôi muốn nói rằng việc chuyên chở vẫn luôn là một vấn đề, cả tiền nữa, bởi vì chúng tôi phải trả cho Reichsbahn, anh biết đấy, cho mỗi hành khách, và tôi thì lại không có ngân quỹ để làm việc đó, tôi phải tự xoay xở lấy thôi. Chúng tôi bắt bọn Do Thái tự trả tiền lấy, tốt thôi, nhưng Reichsbahn thì chỉ chấp nhận reichsmark hoặc cùng lắm là đồng zloty, nếu gửi chúng vào GG, nhưng ở Thessalonique họ lại dùng tiền drachme và đổi tiền tại chỗ là chuyện không tưởng. Do đó chúng tôi phải tự xoay xở nhưng cái đó thì chúng tôi biết cách làm. Sau đó tất nhiên là còn có các vấn đề về ngoại giao, tôi thì nếu người Hungari nói không tôi sẽ không thể làm gì, điều đó không phụ thuộc ở tôi và Herr Minister von Ribbentrop là người phải xem xét việc đó với Reichsführer, chứ không phải là tôi." – "Tôi hiểu rồi." Tôi xem xét cái bảng một lúc: "Nếu tôi hiểu đúng, chênh lệch giữa các con số, ở đây bên cái cột tháng Tư, và các con số của bên trái cho thấy số lượng người tiềm năng, chủ thể của nhiều điều phức tạp mà ông vừa giải thích cho tôi." – "Chính xác. Nhưng phải lưu ý rằng đó chỉ là các số liệu tổng quát, nghĩa là dù sao thì một phần lớn cũng không hấp dẫn *Arbeitseinsatz*, bởi vì anh thấy rằng đó là người già, trẻ con hoặc gì gì nữa tôi không

biết, và do đó về số liệu này anh có thể trừ đi một số lượng lớn." – "Theo ông thì là bao nhiêu?" – "Tôi không biết. Anh phải xem điều đó với WVHA, tiếp nhận và chọn lọc là vấn đề của họ. Trách nhiệm của tôi dừng lại khi tàu chuyển bánh, còn lại, tôi không thể nói được. Điều mà tôi có thể nói với anh, đó là ý kiến của RSHA, số lượng Do Thái tạm thời bị giữ để lao động phải bị hạn chế hết mức có thể được: tập trung bọn Do Thái với số lượng quá lớn, anh có thấy không, đó là cách để mời chào một sự lặp lại của Vacxava, nguy hiểm lắm. Tôi tin là có thể nói với anh rằng đó là ý kiến của Gruppenführer Müller, Amtchef của tôi, và của Obergruppenführer Kaltenbrunner." – "Tôi hiểu rồi. Ông có thể cho tôi một bản sao các số liệu này không?" – "Tất nhiên, tất nhiên. Ngày mai tôi sẽ gửi. Nhưng với Liên Xô và GG thì tôi không có đầu đấy nhé, cái đó tôi đã nói với anh rồi." Günther, từ này không nói câu nào, hô thêm một lần câu "Heil Hitler!" vang động khi chúng tôi chuẩn bị đi ra. Tôi cùng Eichmann quay về phòng làm việc của ông ta để ông ta giải thích thêm cho tôi vài điểm nữa. Khi tôi chuẩn bị rời khỏi đó, ông ta đi ra cùng luôn. Trong sảnh ông ta cúi chào tôi: "Sturmbannführer, tôi muốn mời anh đến nhà chơi, một buổi tối trong tuần này. Thỉnh thoảng chúng tôi tổ chức chơi nhạc thính phòng. Hauptscharführer Boll của tôi chơi violon một trong dàn nhạc." – "A, thế thì hay quá. Thế còn ông chơi nhạc cụ gì?" – "Tôi hả?" Ông ta vươn cổ và đầu ra, trông giống hệt một con chim. "Cũng violon, violon hai. Thật không may là tôi chơi không giỏi bằng Boll, vì thế tôi đã nhường lại chỗ cho anh ta. C..., tôi muốn nói là Obergruppenführer Heydrich, chứ không phải là Obergruppenführer Kaltenbrunner mà tôi biết rất rõ, chúng tôi cùng quê và mặt khác chính ông ấy đã đưa tôi vào SS và ông ấy vẫn còn nhớ – không, *der Chef* sinh thời chơi violon rất tuyệt. Đúng, thật đấy, rất hay, ông ấy rất có tài. Đó là một người rất hay, mà tôi rất kính trọng. Rất... chăm chú, một người có nhiều nỗi khổ trong lòng. Tôi thương tiếc ông ấy lắm." – "Tôi không biết rõ ông ấy lắm. Thế các ông định chơi nhạc gì?" – "Dạo này ấy hả? Chủ yếu là Brahms. Một ít Beethoven." – "Không chơi Bach à?" Ông ta

lại bậm môi. "Bach? Tôi không thích lắm. Tôi thấy nó quá khô, quá... tính toán. Khô cần, nếu anh muốn, rất đẹp, tất nhiên, nhưng không có hồn. Tôi thích nhạc lãng mạn hơn, thỉnh thoảng nó làm tôi chấn động, đúng, nó lôi tuột tôi ra khỏi chính con người tôi." – "Tôi không chắc chắn là có thể chia sẻ ý kiến của ông về Bach. Nhưng tôi rất sẵn lòng nhận lời mời." Thật ra thì ý tưởng đó làm tôi chán ngán sâu sắc, nhưng tôi không muốn làm méch lòng ông ta. "Tốt, tốt, ông ta vừa nói vừa bắt tay tôi. Tôi sẽ bàn thêm với vợ tôi và sẽ gọi cho anh sau. Và anh đừng lo lắng gì về đồng hồ sơ. Ngay mai anh sẽ có, lời hứa của một sĩ quan SS đấy."

Tôi còn phải gặp Oswald Pohl, ông trùm lớn của WVHA. Ông ta tiếp tôi, trong phòng làm việc ở Unter den Eichen của mình, với một vẻ niềm nở lịch thiệp, và tán chuyện với tôi về Kiel, nơi ông ta đã sống nhiều năm khi còn ở trong Kriegsmarine. Chính ở đó, ở Casino, mà Reichsführer đã chú ý đến và tuyển ông ta, vào mùa hè năm 1933. Ông ta bắt đầu bằng việc tập trung hóa quản lý và tài chính của SS, rồi dần dần xây dựng được mạng lưới xí nghiệp của mình. "Cũng giống như bất kỳ công ty đa quốc gia nào, chúng tôi có nhiều mảng rất đa dạng. Chúng tôi làm về vật liệu xây dựng, gỗ, đồ sứ, đồ đặc nội thất, xây dựng, và kể cả nước khoáng." – "Nước khoáng?" – "A! Cái đó quan trọng lắm đấy. Nó cho phép chúng tôi cung cấp nước uống cho Waffen-SS tại tất cả các lãnh thổ phía Đông." Ông ta nói đặc biệt tự hào về một trong những sáng tạo mới nhất của mình: Osti, các Ngành công nghiệp phía Đông, một hệ thống xí nghiệp xây dựng ở Lublin sử dụng những người Do Thái còn lại để lao động phục vụ SS. Nhưng, mặc cho sự tốt tính của mình, ông ta nhanh chóng trở nên mơ hồ ngay khi tôi muốn nói về tình hình chung của *Arbeitseinsatz*; theo ông ta, phần lớn các biện pháp hiệu quả đều đã được tiến hành, chỉ đơn giản là cần phải cho chúng thời gian có được kết quả. Tôi hỏi ông ta về các tiêu chí lựa chọn, nhưng ông ta đẩy trách nhiệm sang cho bên Oranienburg: "Họ biết nhiều hơn về các chi tiết. Nhưng tôi có thể đảm bảo với anh rằng, kể từ khi sự lựa chọn được y học hóa, mọi chuyện đều rất tốt." Ông ta nói với

tôi rằng Reichsführer đã được báo cáo đầy đủ về tất cả các vấn đề này. “Tôi không hề nghi ngờ điều đó, Herr Obergruppenführer, tôi đáp. Nhưng việc mà Reichsführer giao cho tôi là tìm ra đâu là những điểm gặp ùn tắc và đâu là những cách cải thiện có thể. Việc tập trung mọi thứ vào WVHA, dưới quyền chỉ huy của ông, đã kéo theo những thay đổi đáng kể trong hệ thống các trại quốc xã của chúng ta, và các biện pháp mà ông đã chỉ đạo hoặc gợi ý, cũng như những lựa chọn người dưới quyền của ông, đã có một ảnh hưởng tích cực trên diện rộng. Reichsführer, tôi nghĩ vậy, giờ đây chỉ muốn có được một cái nhìn tổng thể. Các gợi ý của ông cho tương lai đặc biệt quan trọng, không một phút nào tôi nghi ngờ về điều đó cả.” Liệu Pohl có cảm thấy bị đe dọa bởi nhiệm vụ của tôi không? Sau bài diễn văn xoa dịu đó, ông ta chuyển sang chủ đề khác; nhưng một lúc sau, ông ta trở lại hoạt bát và thậm chí còn đi ra cùng tôi và giới thiệu tôi với một số cộng sự của mình. Ông ta mời tôi đến gặp sau khi đi thanh tra về (tôi sắp phải đi Ba Lan và đi thăm luôn vài trại của Reich); ông ta đi theo tôi ra đến ngoài hành lang, tay đặt trên vai tôi đầy vẻ thân mật; bên ngoài, tôi quay đầu lại nhìn, ông ta vẫn vừa mỉm cười vừa vẫy tay: “Chúc lên đường may mắn!”

Eichmann đã giữ lời: khi từ Lichtenfelde trở về, vào cuối buổi chiều, tôi nhìn thấy trên bàn làm việc một cái phong bì lớn dán kín ghi dòng chữ GEHEIME REICHSSACHE! Nó đựng một tập hồ sơ kèm với một bức thư đánh máy chữ; cũng có mấy dòng viết tay của Eichmann mời tôi đến nhà ông ta vào tối mai. Được Piontek lái xe chở đi, trước tiên tôi ghé mua hoa – số lẻ, như cách tôi học được hồi còn ở Nga – và sôcôla. Rồi tôi bảo lái đến Kurfürstenstrasse. Eichmann có một căn hộ nằm ở một dãy nhà phụ trong khu văn phòng của ông ta, cũng được cải tạo làm chỗ ở cho các sĩ quan độc thân vắng lai. Ông ta đích thân ra mở cửa, trong bộ đồ dân sự: “Ach! Sturmabannführer Aue. Lẽ ra tôi phải nói với anh là đừng mặc quân phục đến. Đây chỉ là một buổi tối vô cùng giản dị thôi. Nhưng cũng chẳng sao. Vào đi, vào đi.” Ông ta giới thiệu tôi với bà vợ của mình. Vera, một người đàn bà

Áo nhỏ bé, tính cách nhặt nhòa, nhưng đỏ mặt vì sung sướng và nở một nụ cười đầy duyên dáng khi tôi cúi người chìa bó hoa cho bà ta. Eichmann gọi hai đứa con ra đứng xếp hàng ở đó, Dieter, khoảng sáu tuổi, và Klaus. "Thằng nhỏ Horst ngủ mất rồi," Frau Eichmann nói. – "Đó là đứa út của chúng tôi, chồng bà ta nói thêm. Nó còn chưa được một tuổi. Đến đây, tôi sẽ giới thiệu anh." Ông ta dẫn tôi vào phòng khách nơi đã có nhiều đàn ông và phụ nữ, đứng hoặc ngồi trên những chiếc sofa. Ở đó có, nếu tôi nhớ không nhầm, Hauptsturmführer Novak, một người Áo gốc Croatia với những đường nét dài ngoẵng và cứng rắn, khá đẹp trai nhưng có vẻ khinh khỉnh kỳ cục; Boll, tay đàn violon; và vài người khác nữa mà thật không may là tôi đã quên mất tên, tất cả đều là đồng nghiệp của Eichmann, cùng với vợ của họ. "Günther cũng sẽ qua, nhưng chỉ để uống một tách trà thôi. Anh ấy ít khi đến chỗ chúng tôi lắm." – "Tôi thấy rằng ông đang giáo dục tinh thần đồng đội trong phạm vi bộ phận của ông." – "Đúng, đúng. Tôi thích có những mối quan hệ hòa đồng với những người dưới quyền của tôi. Anh muốn uống gì? Một cốc nhỏ schnaps nhé? *Krieg ist Krieg...*" Tôi bật cười và ông ta cười theo: "Ông có một trí nhớ tốt lắm, Herr Obersturmbannführer." Tôi cầm lấy cái cốc và đứng dậy: "Lần này, tôi xin uống vì sức khỏe gia đình đầm ấm của ông." Ông ta rập gót chân và nghiêng đầu: "Cám ơn." Chúng tôi nói chuyện một lúc, rồi Eichmann dẫn tôi đến cái tủ để chỉ cho tôi một bức ảnh lồng khung đen, chụp một người đàn ông còn trẻ mặc quân phục. "Em trai của ông phải không?" tôi hỏi. – "Phải." Ông ta nhìn tôi với cái dáng vẻ của một con chim kỳ quặc, đặc biệt được nhấn mạnh thêm dưới cái ánh sáng này bởi cái mũi khoằm và đôi tai vểnh. "Tôi chắc là anh không gặp nó ở đó?" Ông ta nói số hiệu một sư đoàn và tôi lắc đầu: "Không, tôi sang đó khá muộn, sau khi đã bị bao vây. Và tôi cũng không gặp nhiều người." – "À, tôi hiểu rồi. Helmut ngã xuống trong một cuộc tấn công vào mùa thu. Chúng tôi không biết hoàn cảnh chính xác nhưng chúng tôi đã nhận được giấy báo tử chính thức." – "Tất cả những cái đó quả là một sự hy

sinh nặng nề,” tôi nói. Ông ta lấy tay xoa lên môi: “Đúng. Chúng ta hãy hy vọng rằng nó không phải là vô ích. Nhưng tôi tin vào thiên tài của Führer.”

Frau Eichmann mang bánh ngọt và nước trà ra; Günther đến, cầm lấy một tách trà, đứng uống trong một góc, và không nói chuyện với ai hết. Tôi quan sát trộm anh ta trong lúc những người khác nói chuyện. Rõ ràng đó là một người rất kiêu hãnh, chăm chăm lo cho cái đáng điệu bí hiểm và khép kín mà anh ta đã dựng lên trước những đồng nghiệp lăm lờ hơn như một lời trách cứ câm lặng. Người ta nói anh ta là con trai của Hans F. K. Günther, vị trưởng lão của ngành nhân học chủng tộc Đức, với tác phẩm có sức ảnh hưởng vô cùng rộng lớn vào thời đó; nếu quả là như vậy, hẳn ông ta sẽ có thể tự hào về đứa con trai của mình, đã chuyển từ lý thuyết sang phần thực hành. Anh ta rút lui, lơ đãng nói lời tạm biệt, sau nửa giờ đồng hồ. Bắt đầu chuyển sang phần âm nhạc: “Lúc nào cũng là trước bữa tối, Eichmann lưu ý với tôi. Sau đó, chúng ta sẽ quá bận bịu với chuyện tiêu hóa để có thể chơi đàn tốt được.” Vera Eichmann dạo cây alto và một sĩ quan khác lấy cello ra khỏi hộp. Họ chơi hai trong số ba bản quatuor cho đàn dây của Brahms, nghe dễ chịu, nhưng không mấy hay ho theo sở thích của tôi; cách chơi chấp nhận được, không có gì bất ngờ: chỉ có tay cello là có tài năng đặc biệt. Eichmann chơi một cách ung dung, có phương pháp, hai mắt dán vào tổng phổ; ông ta không phạm lỗi nào, nhưng không có vẻ hiểu rằng như vậy là chưa đủ. Khi đó tôi lại nhớ đến lời bình luận hôm trước của ông ta: “Boll chơi hay hơn tôi và Heydrich chơi còn hay hơn nữa.” Có thể là dù sao ông ta cũng hiểu, và chấp nhận các giới hạn của mình, chỉ đi tìm kiếm hứng thú từ những gì ít ỏi mà ông ta có thể làm được.

Tôi vỗ tay thật lớn; Frau Eichmann có vẻ đặc biệt thấy vui lòng vì cử chỉ đó. “Tôi đi cho lũ trẻ ngủ đây, bà ta nói. Sau đó, chúng ta sẽ ngồi vào bàn.” Chúng tôi uống thêm một cốc trong khi đợi bà ta: những người phụ nữ nói đến khẩu phần hoặc các tin đồn, cánh đàn ông về những tin tức mới, ít hấp dẫn, vì mặt

trận vẫn ổn định như vậy và còn chưa có gì xảy ra kể từ sau khi Tunis thất thủ. Không khí khá thoải mái, *gemütlich* theo lối Áo, hơi quá mức. Rồi Eichmann mời chúng tôi đi sang phòng ăn. Dích thân ông ta chỉ chỗ cho từng người, để tôi ngồi bên tay phải, ở đầu bàn. Ông ta mở vài chai rượu vang vùng sông Rhin và Vera Eichmann mang đến một món rôti ăn kèm với nước sốt hoa quả và đỗ. Đây là cả một thay thế lớn cho thứ đồ ăn không nuốt nổi của Frau Gutknecht và thậm chí là căng tin hàng ngày của SS-Haus. “Ngon quá, tôi cất lời khen với Frau Eichmann. Bà là một đầu bếp ngoại hạng.” – “Ôi, chỉ là tôi may mắn đó thôi. Dolfi thường hay kiếm được những cửa hiếm. Các cửa hàng gần như là trống rỗng hết cả rồi.” Cao hứng, tôi lao vào việc vẽ ra một bức chân dung châm biếm bà chủ nhà của tôi, bắt đầu bằng đồ ăn bà ta nấu rồi đến các chi tiết khác. “Stalingrad? tôi bắt chước cái âm sắc địa phương và giọng nói của bà ta. Nhưng cái quái quỷ gì hay ho mà các anh lại phải đi đến đó? Ở đây không tốt hơn sao? Mà nó ở đâu?” Eichmann cười và bị sặc rượu vang. Tôi tiếp tục: “Một hôm, vào buổi sáng, tôi đi ra phố cùng một lúc với bà ta. Chúng tôi nhìn thấy một người đeo ngôi sao đi qua, chắc là một *Mischling* được ưu tiên. Bà ta liền kêu lên: *Ôi! Nhìn kia, Herr Offizier, một tên Do Thái! Các ông còn chưa cho hắn vào phòng hơi ngạt à?*” Tất cả mọi người đều cười, Eichmann cười đến chảy nước mắt và phải che mặt vào sau khăn ăn. Chỉ Frau Eichmann là giữ được vẻ nghiêm túc: khi nhận ra điều đó, tôi bèn thôi không nói nữa. Có vẻ như bà ta muốn đặt một câu hỏi, nhưng rồi lại đổi ý. Để tránh sự lúng túng, tôi rót rượu cho Eichmann: “Uống đi nào.” Ông ta lại cười. Cuộc nói chuyện thay đổi tính chất, và tôi ngồi ăn; một trong những người khách kể một câu chuyện cười về Göring. Eichmann lấy một vẻ nghiêm trang quay sang tôi: “*Sturmbannführer Aue*, anh đã từng nghiên cứu. Tôi muốn đặt cho anh một câu hỏi, một câu hỏi nghiêm túc.” Tôi dùng đĩa ra hiệu cho ông ta tiếp tục. “Anh đã đọc Kant phải không? Vào lúc này, ông ta vừa nói tiếp vừa lấy tay cọ cọ vào môi, tôi đang đọc *Phê phán lý tính thực hành*. Dĩ nhiên, một người như tôi, tôi

muốn nói là không được học đại học, không thể hiểu tất cả. Tuy nhiên tôi cũng có thể hiểu một số điều. Và tôi đã đặc biệt suy nghĩ nhiều nhất về vấn đề Mệnh lệnh luân lý của Kant. Tôi chắc là anh đồng ý với tôi để nói rằng tất cả những người trung thực đều phải sống theo đúng cái Mệnh lệnh luân lý đó." Tôi uống một ngụm rượu và gật đầu. Eichmann tiếp tục: "Mệnh lệnh luân lý ấy, theo như tôi hiểu, nói rằng: Nguyên tắc ý chí cá nhân của tôi phải như thế nào đó để có thể trở thành nguyên tắc của Quy luật luân lý. Bằng cách hành động, con người tạo ra luật." Tôi lau miệng: "Tôi hiểu ông định đi đến đâu rồi. Ông đang tự hỏi không biết liệu công việc của chúng ta có phù hợp với Mệnh lệnh luân lý của Kant hay không." – "Không hoàn toàn như vậy. Nhưng một người bạn của tôi, cũng quan tâm đến loại câu hỏi này, khẳng định là trong thời chiến, nhân danh cái có thể là tình trạng ngoại lệ do sự nguy hiểm gây ra, Mệnh lệnh luân lý của Kant bị tạm gác lại, bởi vì dĩ nhiên, những gì muốn làm với kẻ thù, người ta không muốn bị kẻ thù làm với mình, và do đó những gì chúng ta làm không thể trở thành nền tảng của một quy luật chung. Đó là ý kiến của anh ấy, anh thấy rõ rồi đấy. Thế nhưng tôi thì lại cảm thấy rằng anh ấy sai, và trên thực tế, bằng cách trung thành với nghĩa vụ của mình, theo cách nào đó, bằng cách tuân lệnh cấp trên... chính vì như vậy mà cần phải sử dụng ý chí của chúng ta để hoàn thành các mệnh lệnh tốt hơn. Phải sống qua chúng theo một cách thức tích cực. Nhưng tôi vẫn chưa tìm được lập luận không thể bác bỏ để chứng minh là anh ấy đã nhầm." – "Tuy nhiên, việc đó khá đơn giản, tôi nghĩ vậy. Tất cả chúng ta đều nhất trí rằng trong một Nhà nước quốc xã, nền tảng tối hậu của luật tích cực là ý chí của Führer. Đó là nguyên tắc *Führerworte haben Gesetzeskraft* mà ai cũng biết. Tất nhiên, trên thực tế chúng ta biết rằng Führer không thể đảm nhiệm được tất cả mọi thứ và do đó những người khác cũng phải hành động và nhân danh ngài tạo ra luật. Về nguyên tắc, ý tưởng này cần phải được triển khai ra toàn bộ *Volk*. Chính vì vậy mà tiến sĩ Frank, trong khảo luận của mình về luật hiến pháp, đã mở rộng định nghĩa của

Führerprinzip theo cách sau: *Hãy hành động sao cho Führer, nếu ngài biết được hành động của anh, sẽ tán đồng. Không hề có mâu thuẫn nào giữa nguyên tắc này và Mệnh lệnh luân lý của Kant.*” – “Tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi. *Frei sein ist Knecht*, Tự do, là làm một chư hầu, giống như câu ngạn ngữ cổ của Đức đã nói.” – “Chính xác. Nguyên tắc này có thể áp dụng được cho tất cả các thành viên của *Volksgemeinschaft*. Cần phải sống chủ nghĩa quốc xã của anh bằng cách sống ý chí của chính anh cũng như ý chí của Führer, và do đó, để sử dụng lại các khái niệm của Kant, cũng như nền tảng của *Volksrecht*. Kẻ nào chỉ tuân thủ theo các mệnh lệnh như một cái máy mà không kiểm tra chúng một cách phê phán để thấu triệt được tính cần thiết bên trong, là không làm việc theo hướng của Führer; phần lớn thời gian, họ tách rời khỏi đó. Dĩ nhiên, bản thân nguyên tắc của luật hiến pháp *völkisch* là *Volk*: nó không được áp dụng ở đâu bên ngoài *Volk* cả. Sai lầm của người bạn của ông là đã viện đến một thứ luật siêu quốc gia hoàn toàn mang tính thần thoại, một phát minh lầm đường lạc lối của Cách mạng Pháp. Mọi thứ quyền đều phải được dựa trên một nền tảng. Xét về lịch sử, cái đó vẫn luôn là một thứ hư cấu hoặc một sự trù tượng, Chúa, Vua, hoặc Dân tộc. Bước tiến vĩ đại của chúng ta là đã hình thành được khái niệm mang tính luật pháp về Quốc gia trên một điều gì đó cụ thể và không thể tha hóa: *Volk*, mà ý chí tập thể được biểu hiện thông qua Führer là người đại diện của họ. Khi ông nói *Frei sein ist Knecht*, cần phải hiểu rằng chư hầu đầu tiên trong tất cả chính là Führer, bởi vì ngài không là gì khác ngoài sự phụng sự thuần khiết. Chúng ta không phục vụ Führer với tư cách bản thân ngài mà với tư cách ngài là đại diện của *Volk*, chúng ta phục vụ *Volk* và phải phục vụ nó như Führer phục vụ nó, với một sự quy thuận hoàn toàn. Chính vì vậy, đối mặt với những nhiệm vụ đau đớn, cần phải cúi đầu xuống, chế ngự các tình cảm, và cương quyết hoàn thành chúng.” Eichmann chăm chú lắng nghe, cổ vươn ra, hai mắt chăm chăm nhìn ra từ sau cặp kính to tướng. “Đúng, đúng, ông ta nồng nhiệt nói, tôi hoàn toàn hiểu anh. Nghĩa vụ của chúng ta, sự hoàn thành

nghĩa vụ của chúng ta, đó là biểu hiện cao nhất của tự do con người của chúng ta.” – “Rất chuẩn xác. Nếu ý chí của chúng ta là phục vụ Führer và Volk của chúng ta, thì, theo định nghĩa, chúng ta cũng là những người mang trong mình nguyên lý của luật lệ của Volk, đúng như nó đã được biểu hiện bởi Führer hoặc phái sinh từ ý chí của ngài.” – “Xin lỗi, một trong số những người ngồi cùng bàn nói xen vào, nhưng dù sao đi nữa thì Kant cũng không hề chống Do Thái?” – “Chắc chắn là có chứ, tôi đáp. Nhưng chủ nghĩa bài Do Thái của ông ấy thuần túy mang tính tôn giáo, là một phần lòng tin của ông ấy vào cuộc sống tương lai. Đó là những quan niệm mà chúng ta đã vượt qua từ rất lâu.” Frau Eichmann, với sự giúp đỡ của một người phụ nữ trong đám khách mời, dọn bàn. Eichmann rót schnaps và châm một điếu thuốc. Sau vài phút, câu chuyện lại tiếp tục. Tôi uống cốc của mình và cũng hút thuốc. Frau Eichmann mang cà phê ra. Eichmann ra hiệu cho tôi: “Đến đây với tôi. Tôi muốn chỉ cho anh một thứ.” Tôi đi theo vào phòng ngủ của ông ta. Ông ta bật đèn, chỉ cho tôi một cái ghế, rút từ trong túi ra một chiếc chìa khóa, và, trong khi tôi ngồi xuống, ông ta mở một ngăn kéo bàn làm việc và rút từ trong đó ra một quyển album khá dày đóng gáy da màu đen lấm chấm hạt. Mất long lanh, ông ta chìa nó cho tôi và ngồi xuống giường. Tôi lật nó ra: đó là một loạt những báo cáo, một số trên giấy bristol, những cái khác trên giấy thường, và những bức ảnh, tất cả được dính vào một quyển album giống như cái tôi từng làm ở Kiev sau *Grosse Aktion*. Trang ghi tên, được viết điệu đà bằng kiểu chữ Gôtic, thông báo: KHU DO THÁI VACXAVA KHÔNG CÒN TỒN TẠI NỮA! “Cái gì thế?” tôi hỏi. – “Đây là các báo cáo của Brigadeführer Stroop về cuộc đàn áp vụ nổi loạn Do Thái. Ông ấy đã tặng quyển album này cho Reichsführer, ông ấy cho tôi mượn để nghiên cứu.” Mặt ông ta sáng bừng lên vẻ hãnh diện. “Nhìn đi, nhìn đi, đáng kinh ngạc lắm đấy.” Tôi xem những tấm ảnh: có những tấm rất ấn tượng. Các boongke được gia cố, những tòa nhà cháy, những người Do Thái nhảy từ mái nhà xuống để tránh lửa; rồi những đống đổ nát của khu phố sau trận

đánh. Hẳn là Waffen-SS và các lực lượng hỗ trợ đã dùng pháo binh tiêu diệt những ổ đề kháng, từ khoảng cách gần. “Kéo dài gần một tháng đấy, Eichmann thì thâm, cắn cắn đầu ngón tay. Một tháng! Với hơn sáu tiểu đoàn. Xem đoạn đầu đi, danh sách tổn thất.” Trang đầu tiên liệt kê tên mười sáu người chết, trong đó có một cảnh sát người Ba Lan. Tiếp theo là một danh sách thương binh dài. “Chúng có những vũ khí gì?” tôi hỏi. – “Rất may mắn là không có gì nhiều nhận. Vài khẩu súng máy, lựu đạn và súng lục, chai xăng.” – “Làm thế nào mà chúng lại có được những thứ đó?” – “Chắc là nhờ bọn du kích Ba Lan. Chúng đã chiến đấu như những con sói, anh thấy chưa? Bọn Do Thái đói khát từ ba năm. Waffen-SS đã bị sốc nặng.” Gần giống với phản ứng của Thomas, nhưng Eichmann có vẻ hoảng sợ nhiều hơn là ngưỡng mộ. “Brigadeführer Stroop khẳng định rằng ngay cả bọn đàn bà cũng giấu lựu đạn dưới váy để tự làm cho mình rối tung cùng một người Đức khi ra hàng.” – “Cũng dễ hiểu thôi mà, tôi nói. Chúng biết những gì đang chờ đợi. Cả khu phố đã được dọn sạch sẽ chưa?” – “Rồi. Tất cả bọn Do Thái bị bắt sống đều bị chuyển đến Treblinka. Đó là một trong những trại nằm dưới quyền chỉ huy của Gruppenführer Globocnik.” – “Không qua lựa chọn à?” – “Tất nhiên! Rất nhiều tên quá nguy hiểm. Anh biết đấy, thêm một lần nữa, Obergruppenführer Heydrich lại có lý. Ông ấy hay so sánh cái đó với một căn bệnh: thường thì cái thứ cận cuối cùng lại khó tiêu diệt nhất. Bọn yếu ớt, bọn già lão biến mất ngay lập tức; cuối cùng, chỉ còn lại những bọn trẻ, bọn khỏe, bọn khôn ngoan. Thật đáng lo ngại, vì đó là sản phẩm của chọn lọc tự nhiên, trữ lượng sinh học mạnh mẽ nhất: nếu những kẻ đó sống sót được, trong năm mươi năm mọi thứ lại bắt đầu trở lại. Tôi đã giải thích cho anh rằng cuộc nổi loạn đó đã làm chúng tôi rất lo lắng. Nếu chuyện đó tái diễn thì rất có thể sẽ là một thảm họa. Không được để cho chúng một cơ hội nào cả. Cứ thử tưởng tượng một cuộc bạo loạn như vậy trong một trại tập trung xem! Không thể nghĩ được.” – “Tuy nhiên, chúng ta cần có nhân công, ông cũng biết đấy.” – “Tất nhiên rồi, tôi không phải là người quyết định. Tôi chỉ

muốn nhấn mạnh các nguy cơ thôi. Vấn đề lao động, tôi đã nói với anh rồi đấy, đó hoàn toàn không phải là lĩnh vực của tôi, và mỗi người có ý tưởng riêng của mình thôi. Nhưng được rồi: như Amtchef vẫn hay nói ấy, *không thể bào một thanh gổ mà không làm bắn vụn gổ*. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói.” Tôi trả quyển album cho ông ta. “Cảm ơn đã cho tôi xem cái này, rất thú vị.” Chúng tôi quay trở lại chỗ những người khác; đã bắt đầu có người cáo từ. Eichmann giữ tôi lại uống một cốc cuối cùng, rồi tôi xin phép ra về và hôn tay cảm ơn Frau Eichmann. Trong hành lang dẫn ra cửa, Eichmann thân mật vỗ nhẹ tay lên lưng tôi: “Cho phép tôi, Sturmbannführer, anh là một người tốt. Không phải là một trong những kẻ quý tộc đi găng tay da hươu của SD đó. Không, anh là người đầu ra đấy.” Hẳn là ông ta đã hơi quá chén, điều đó khiến ông ta trở nên tình cảm. Tôi cảm ơn và bắt tay ông ta, để ông ta lại trên ngưỡng cửa, hai tay đút trong túi, một nụ cười nửa miệng trên môi.

Miêu tả dài dòng những cuộc gặp Eichmann như vậy không phải vì tôi nhớ chúng rõ hơn những cuộc gặp khác: nhưng cái tay Obersturmbannführer ấy, trong thời gian đó, đã trở thành một kẻ nổi tiếng, và tôi nghĩ rằng những kỷ niệm của tôi khi nói rõ về con người ông ta, sẽ thu hút sự quan tâm của nhiều người. Người ta đã viết rất nhiều điều ngu ngốc về ông ta: chắc chắn đó không phải là *kẻ thù của loài người* mà người ta đã miêu tả ở Nürnberg (vì ông ta không có ở đó, thật dễ dàng để chất mọi tội lỗi lên lưng ông ta, nhất là khi các thẩm phán hiểu được quá ít về cách vận hành các bộ phận của chúng tôi); ông ta cũng không phải là một hiện thân của *cái ác tầm thường*, một con rô-bốt không linh hồn và không có mặt, như người ta muốn tái hiện hình ảnh ông ta sau phiên tòa. Đó là một người quản lý hành chính đầy tài năng, vô cùng có năng lực trong các công việc của mình, có một tầm vóc nhất định và một ý thức về sáng tạo cá nhân đáng kể, nhưng chỉ là trong khuôn khổ các công việc cụ thể: ở một vị trí nhiều trách nhiệm, nơi phải đưa ra các quyết định, chẳng hạn như thay cho Amtchef Müller của ông ta, thì ông ta sẽ mất ngay phương hướng;

nhưng ở cương vị một cán bộ trung bình thì ông ta sẽ khiến bất kỳ xí nghiệp nào của châu Âu cũng phải cảm thấy tự hào. Tôi chưa bao giờ thấy ông ta nuôi dưỡng một mối cảm thù đặc biệt đối với người Do Thái: chỉ đơn giản là ông ta đã xây dựng sự nghiệp của mình ở trên đó, nó đã trở thành không chỉ là chuyên môn, mà theo một cách nào đó cũng là nền tảng công việc thương mại của ông ta, và sau này, khi người ta muốn tước nó đi từ tay ông ta, ông ta đã bảo vệ nó một cách điên cuồng, điều đó thì có thể hiểu được. Nhưng hẳn là ông ta cũng có thể làm rất tốt những việc khác, và khi ông ta nói với các thẩm phán của mình rằng ông ta nghĩ việc loại trừ người Do Thái là một sai lầm, người ta có thể tin ông ta; rất nhiều người, ở RSHA và nhất là SD, cũng nghĩ vậy, tôi đã chỉ ra điều đó; nhưng một khi quyết định đã được ban xuống, thì cần phải tiến hành nó thật tốt, điều này thì ông ta rất có ý thức; thêm nữa, sự nghiệp của ông ta phụ thuộc vào đó. Chắc chắn đó không phải là loại người mà tôi thích giao du, khả năng tự suy nghĩ của ông ta thuộc vào hạng kém cỏi nhất, và khi tối đó trở về nhà, tôi tự hỏi không biết tại sao mình lại nói nhiều đến vậy, tại sao mình lại dễ dàng nhập vào bầu không khí gia đình và tình cảm ủy mị mà bình thường tôi vẫn thấy kinh tởm đến vậy. Có thể là cả tôi nữa, tôi cũng có chút nhu cầu cảm thấy mình thuộc về cái gì đó. Mối quan tâm của ông ta đã quá rõ ràng, tôi là một đồng minh tiềm năng trong khối quyền lực cao cấp mà bình thường ông ta không cách nào xâm nhập được. Nhưng mặc cho toàn bộ sự lịch thiệp đó tôi biết rằng với ông ta tôi vẫn là một người lạ đối với ban của ông ta, và do đó, là một mối đe dọa tiềm tàng đối với các năng lực của ông ta. Và tôi cảm thấy trước rằng ông ta sẽ khôn khéo và dai dẳng đương đầu với mọi trở ngại trên con đường dẫn đến những gì mà ông ta coi là mục tiêu của mình, rằng ông ta không phải là một người dễ dàng để bị gây khó dễ. Tôi hiểu rất rõ những lo ngại của ông ta trước mối nguy hiểm do những nơi tập trung người Do Thái gây ra: nhưng với tôi mối nguy hiểm đó, nếu cần thiết, có thể được giảm đến mức tối thiểu, chỉ đơn giản là cần suy nghĩ đến nó và tiến hành những biện pháp

thích hợp. Lúc này, tôi giữ cho mình một tâm trí mở, tôi chưa đi đến một kết luận nào, tôi để dành sự phán xét lại cho đến khi hoàn tất cuộc phân tích.

Thế còn Mệnh lệnh luân lý của Kant? Nói thật lòng, tôi không biết nhiều lắm về chuyện đó, tôi đã nói khá lảng nhảng với tay Eichmann tội nghiệp đó. Ở Ukraine hoặc ở Caucase, những câu hỏi thuộc dạng đó vẫn còn lẩn cấn trong đầu tôi, tôi tự tạo cho mình những khó khăn và tranh luận về chúng một cách nghiêm túc, với cảm giác đó là những vấn đề cốt tử. Nhưng cảm giác ấy có vẻ như đã biến mất. Chuyện đó xảy ra ở đâu, vào thời điểm nào? Ở Stalingrad ư? Hay sau đó? Trong một lúc tôi thấy như thể mình đang chìm đắm, bị ngợp trong những câu chuyện trôi lên từ đáy quá khứ của mình. Và rồi, với một cái chết ngu xuẩn và không thể hiểu nổi của mẹ tôi, những hoang mang đó cũng đã biến mất: cảm giác hiện nay đang chế ngự tôi là một sự bàng quan to lớn, không còn u ám nữa, mà nhẹ bỗng và chính xác. Chỉ còn công việc làm tôi bận tâm, tôi cảm thấy người ta đã đề nghị với mình một thử thách đầy tính kích thích sẽ huy động tất cả các khả năng của tôi, và tôi muốn thành công – không phải là để có được một bước tiến trong sự nghiệp, hoặc là cho các tham vọng sau này, tôi không hề có tham vọng nào hết, mà chỉ đơn giản là để tận hưởng sự thỏa mãn do công việc được thực hiện một cách tốt đẹp mang lại. Chính trong trạng thái tinh thần đó mà tôi đi Ba Lan, cùng Piontek, để Fräulein Praxa ở lại Berlin trông coi thư từ, tiền lương của tôi và những cái móng tay của cô ta. Tôi đã chọn được một thời điểm thuận lợi để bắt đầu chuyến đi: thượng cấp cũ của tôi ở Caucase, Walter Bierkamp, thay chỗ Oberführer Schöngarth ở vị trí BdS của General-Gouvernement, và, khi được Brandt báo cho tin đó, tôi đã đề nghị để được mời đến buổi lễ nhậm chức. Việc này xảy ra vào giữa tháng Sáu năm 1943. Buổi lễ được tiến hành ở Cracovie, trong sân trong của Wawel, một công trình tuyệt đẹp, ngay cả khi những hàng cột cao và thanh mảnh của nó

bị che khuất sau những lá cờ. Hans Frank, General-Gouverneur, đọc một bài diễn văn dài từ một cái bục dựng ở cuối sân, bao quanh là các chức sắc và một đội gác danh dự, hơi kịch cớm trong bộ quân phục màu nâu SA cùng với cái mũ cát kết chồm cao như ống khói, đai buộc thít chặt lấy má. Sự thẳng thắn sòng sạo của bài diễn văn khiến tôi kinh ngạc, tôi vẫn còn nhớ, bởi vì ở đó có một lượng người nghe đáng kể, không chỉ là các đại diện của SP và SD, mà còn có cả người bên Waffen-SS, các công chức của GG, và các sĩ quan Wehrmacht. Frank chúc mừng Schöngarth, người đang đứng phía sau ông ta, cứng đờ và cao vượt Bierkamp một cái đầu, vì *những thắng lợi trong việc đưa vào triển khai các khía cạnh khó của chủ nghĩa quốc xã*. Bài diễn văn này vẫn còn lại trong kho lưu trữ, sau đây là một trích đoạn thể hiện rất rõ giọng điệu của nó: *Trong trạng thái chiến tranh, nơi chiến thắng là mục tiêu cao nhất, nơi chúng ta nhằm đến sự vĩnh cửu, điều này là một vấn đề vô cùng khó khăn. Làm thế nào, người ta thường tự hỏi như vậy, nhu cầu hợp tác với một nền văn hóa nước ngoài lại có thể hòa hợp được với mục đích mang tính ý thức hệ – nghĩa là – loại trừ Volkstum Ba Lan? Làm thế nào mà nhu cầu giữ vững một nền sản xuất công nghiệp lại có thể tương thích được với nhu cầu, chẳng hạn, tiêu diệt Do Thái?* Đây là những câu hỏi tốt, nhưng tôi thấy thật đáng ngạc nhiên vì chúng lại được đặt ra một cách công khai đến thế. Sau này một công chức của GG nói với tôi rằng Frank luôn nói như vậy, và rằng dù sao thì ở Ba Lan diệt trừ người Do Thái cũng không phải là một bí mật đối với bất kỳ ai. Frank, người hẳn đã từng rất đẹp trai trước khi cả đồng mỡ trùn kín khuôn mặt của ông ta, nói bằng một cái giọng sang sảng nhưng the thé, hơi có vẻ lên đồng; ông ta không ngừng kiễng chân lên, chìa cái bụng to tướng về phía trước trên bục danh dự, và vung vẩy tay. Schöngarth, một người có vầng trán cao và vuông, và nói bằng một giọng bình thản và hơi giống như đang rao giảng, cũng đọc một bài diễn văn, tiếp theo đó là Bierkamp, mà tôi không thể tự ngăn mình thấy những lời tuyên ngôn về lòng tin quốc xã hơi có phần giả dối (nhưng chắc chắn là tôi rất

khó tha thứ về cú chơi xấu mà ông ta đã làm với tôi). Khi tôi đến chúc mừng ông ta, trong lúc khách khứa ăn uống, ông ta làm ra vẻ vui mừng vì được gặp tôi: “Sturmbannführer Aue! Tôi nghe nói là anh đã hành xử như một người anh hùng ở Stalingrad. Xin chúc mừng! Tôi chưa bao giờ nghĩ ngờ điều đó ở anh cả.” Nụ cười của ông ta, trên cái khuôn mặt rải cá nhỏ tí, trông giống như một cái nhả mặt; nhưng cũng hoàn toàn có thể quả thực ông ta đã quên mất những lời cuối cùng của mình, ở Vorochilovsk, không mấy tương hợp với tình hình mới của tôi lúc này. Ông ta hỏi tôi vài câu về công việc và đảm bảo các bộ phận của ông ta sẽ hợp tác toàn tâm toàn ý, hứa sẽ đưa cho tôi một bức thư giới thiệu gửi cho những thuộc cấp ở Lublin, nơi tôi định sẽ bắt đầu cuộc thanh tra; ông ta cũng kể cho tôi, giữa hai cốc rượu, làm thế nào ông ta đã dẫn tập đoàn quân D trở về qua Belarus, nơi nó được đặt thêm biệt danh *Kampfgruppe Bierkamp*, ông ta bị sung vào cuộc chiến chống bọn du kích, nhất là ở phía Bắc các đầm lầy Pripet, tham gia những chiến dịch truy quét lớn, chẳng hạn như chiến dịch tên là “Cottbus” vừa mới kết thúc vào lúc ông ta được chuyển sang Ba Lan. Về phần Korsemann, ông ta thì thăm với tôi bằng cái giọng tâm sự, ông ấy đã hành động không hay ho và đang có nguy cơ mất chức: người ta nói đến chuyện xử ông ta tội hèn nhát trước kẻ thù, chỉ thiếu điều là có thể bị tước lon và gửi ra mặt trận để chuộc lỗi. “Lẽ ra ông ta phải lấy ai đó, chẳng hạn như anh, ra làm gương. Nhưng những trò đùa cợt với Wehrmacht đã khiến ông ta phải trả giá đắt.” Những lời đó làm tôi mỉm cười: với một người như Bierkamp, rất rõ ràng, thành công là tất cả. Bản thân ông ta xoay xở không hề kém; BdS, đó là một chức vụ quan trọng, nhất là ở General-Gouvernement. Cả tôi cũng không nhắc gì đến quá khứ. Điều quan trọng là hiện tại, và sẽ càng tốt nếu Bierkamp có thể giúp tôi.

Tôi ở Cracovie vài ngày, để tham dự các cuộc họp và cũng là để tận hưởng cái thành phố đẹp đẽ này một chút. Tôi đến thăm khu phố Do Thái cổ, Kasimierz, giờ đây là chỗ cư ngụ của những người Ba Lan gầy gò, bệnh tật và ghẻ lở, vì quá trình Đức hóa mà

bị chuyển từ các “lãnh thổ sáp nhập” đến. Các nhà thờ Do Thái không bị phá: người ta nói rằng Frank kiên quyết bảo tồn một vài dấu vết vật thể của đạo Do Thái Ba Lan, nhằm mục đích khuyến thiện cho những thế hệ tương lai. Một số được dùng làm kho, một số khác bị đóng cửa; tôi xin được vào thăm hai nhà thờ cổ hơn cả, nằm quanh quảng trường dài Szeroka. Nhà thờ “Cổ”, xây dựng vào thế kỷ XV, với khu vực phụ lợp mái có khía xây thêm cho phụ nữ vào thế kỷ XVI hoặc đầu thế kỷ XVII, được Wehrmacht dùng để chứa lương thực và những thứ linh kiện; mặt tiền bằng đá, đã được cải tạo nhiều lần, với những cửa sổ kín, những cái vòm bằng đá vôi màu trắng, và những viên đá nằm sành theo lối khá lộn xộn, có một vẻ duyên dáng gần như theo kiểu Venise, và mặt khác hẳn là phần nhiều do bàn tay của các kiến trúc sư Ý từng làm việc ở Ba Lan và Galicie. Nhà thờ Remuh, ở đầu bên kia quảng trường, là một tòa nhà nhỏ chật hẹp và đầy khói, kiến trúc không có gì đặc biệt; nghĩa trang Do Thái lớn bao quanh nhà thờ, và cái này thì hẳn là đáng để vào thăm, chỉ còn là một khoảng đất trống hoang vắng, những bia mộ cổ đã bị mang đi để làm vật liệu xây dựng. Viên sĩ quan trẻ tuổi của *Gestapostelle* đi cùng tôi biết rất rõ lịch sử của đạo Do Thái Ba Lan, và anh ta đã chỉ cho tôi chỗ đặt mộ của rabbin Moïse Isserles, một chuyên gia về kinh Talmud nổi tiếng. “Ngay khi hoàng thân Mieszko bắt đầu, vào thế kỷ X, áp đặt Thiên chúa giáo ở Ba Lan, anh ta giải thích với tôi, người Do Thái đã xuất hiện để buôn bán muối, lúa mì, đồ da, rượu vang. Vì làm cho các ông vua trở nên giàu có, họ giành được hết miễn trừ này đến miễn trừ khác. Dân chúng, vào thời đó, vẫn còn vô tín ngưỡng, thánh thiện và ngây thơ, ngoài một số người theo chính thống giáo ở phía Đông. Vậy là người Do Thái đã giúp Thiên chúa giáo cắm rễ trên đất Ba Lan, và để đổi lại, Thiên chúa giáo bảo vệ người Do Thái. Rất lâu sau khi dân chúng cải đạo, người Do Thái vẫn giữ được vị trí nhà cung cấp hàng hóa cho những người quyền lực, giúp các *pan* bòn rút nông dân bằng tất cả mọi phương cách, trở thành người quản lý, chủ nợ của họ, tiếp tục o bế thương mại. Do đó chủ nghĩa bài Do Thái ở Ba Lan cứ tồn

tại dai dẳng và mạnh mẽ: với dân Ba Lan, người Do Thái vẫn luôn là kẻ bóc lột, và ngay cả khi họ căm ghét chúng ta một cách sâu sắc, thì ở tận sâu trong lòng họ vẫn luôn ủng hộ giải pháp của chúng ta đối với vấn đề Do Thái. Điều này cũng đúng với bọn du kích của *Armia Krajowa*, đều là người Thiên chúa giáo và mê đạo, dù cho không bằng bọn du kích theo cộng sản, những kẻ bị buộc, nhiều khi dù không muốn, phải đi theo đường lối của Đảng và của Matxcova." – "Tuy nhiên, AK đã bán vũ khí cho bọn Do Thái ở Vacxava." – "Những loại vũ khí tồi nhất của bọn họ, chất lượng lở bịch, với giá cắt cổ. Theo các thông tin của chúng tôi, họ chỉ chấp nhận bán chúng theo lệnh trực tiếp từ Luân Đôn, nơi bọn Do Thái điều hành cái gọi là chính phủ lưu vong." – "Thế hiện tại còn lại bao nhiêu Do Thái?" – "Tôi không biết con số chính xác. Nhưng tôi có thể đảm bảo với ông rằng từ giờ đến hết năm tất cả các ghetto đều sẽ được thanh toán sạch sẽ. Ngoài các trại của chúng ta và một nhóm du kích, sẽ không còn Do Thái ở Ba Lan. Khi đó cuối cùng sẽ đến lúc có thể nghiêm túc chăm lo cho vấn đề Ba Lan. Cả họ cũng sẽ phải gánh chịu một sự sụt giảm nghiêm trọng về dân số." – "Tổng số?" – "Tổng số thì tôi không biết. Các văn phòng kinh tế đang cân nhắc việc này và đang thực hiện các tính toán. Nhưng chúng sẽ lớn đấy, hiện nay đã quá đông dân rồi. Nếu không có cái đó, vùng này sẽ không bao giờ phát triển và phồn vinh được đâu."

Ba Lan sẽ không bao giờ là một đất nước đẹp đẽ nhưng một số phong cảnh của nó mang vẻ duyên dáng buồn thảm. Cần đến khoảng nửa ngày để đi từ Cracovie đến Lublin. Dọc đường, những cánh đồng khoai tây rộng lớn và u tối, bị chia cắt bởi các dòng kênh dẫn nước, xen kẽ với những khu rừng thông và rừng dương, trên mặt đất trần trụi, không một bụi cây, tối om và cảm lạnh như thể bị đóng kín lại trước ánh sáng đẹp đẽ của tháng Sáu. Piontek lái xe một cách vững vàng, luôn giữ một tốc độ đều đặn. Người cha của một gia đình tính khí rụt rè này là một người bạn

đường tuyệt vời: anh ta chỉ nói khi nào được hỏi, và thực hiện các công việc của mình một cách bình tĩnh và có phương pháp. Tất cả các buổi sáng, tôi đều thấy bớt của mình được đánh xi và bộ quân phục được chải và là; khi tôi ra ngoài, chiếc Opel luôn đợi sẵn, đã được lau sạch lớp bụi và bùn của ngày hôm trước. Tại các bữa ăn, Piontek ăn nhiều và uống ít, và giữa những bữa ăn đó, anh không bao giờ đòi hỏi điều gì. Ngay lập tức tôi giao cho anh ta giữ giấy tờ đi đường của chúng tôi và anh ta ghi chép tỉ mỉ các chi tiêu vào sổ, ghi lại từng đồng pfennig đã tiêu bằng một mẫu bút chì đầu nhấm nước bọt. Anh ta nói một thứ tiếng Đức cứng đờ, nặng trịch, nhưng đúng, và cũng xoay xở rất tốt bằng tiếng Ba Lan. Anh ta sinh ở gần Tarnowitz; năm 1919, sau khi đất nước bị phân chia, gia đình anh ta và anh ta trở lại thành công dân Ba Lan, nhưng đã chọn cách ở lại đó, để không bị mất mảnh đất của mình; rồi bố anh ta bị giết trong một vụ bạo loạn, trong những ngày lộn xộn trước chiến tranh: Piontek nói với tôi rằng đó là một tai nạn, và không hề phàn nàn về những người hàng xóm Ba Lan trước đây của mình, phần lớn đều đã bị trục xuất hoặc bắt giữ hồi tái nhập vùng đất Thượng Silésie này. Trở lại thành công dân của Reich, anh ta bị động viên và đã vào cảnh sát, và từ đó, anh ta cũng không biết rõ là tại sao nữa, được bổ vào *Persönlicher Stab* ở Berlin. Vợ anh ta, hai con gái và bà mẹ già vẫn sống ở trang trại, và anh ta không thường xuyên gặp họ, nhưng vẫn gửi về nhà phần lớn tiền lương của mình; để đổi lại họ gửi cho anh ta những thứ để bổ sung cho cuộc sống hàng ngày, một con gà, nửa con ngỗng, quá đủ để khao đãi vài người bạn. Một hôm, tôi hỏi anh ta có nhớ gia đình không: Đặc biệt là hai đứa con gái nhỏ, anh ta trả lời tôi, mà anh ta rất tiếc vì không được nhìn thấy lớn lên; nhưng anh ta không hề phàn nàn; anh ta biết rằng mình đã gặp may, và công việc anh ta có hiện nay còn tốt hơn nhiều so với việc chịu lạnh đến tím tái cả người ở Nga. "Nói vô phép ngài, Herr Sturmbannführer."

Tại Lublin, cũng giống ở Cracovie, tôi ở *Deutsche Haus*. Quầy bar, khi chúng tôi đến nơi, đã rất sôi nổi; tôi đã cho báo

trước để đặt sẵn phòng; Piontek thì ngủ trong một phòng nhỏ dành cho lính. Tôi mang đồ đạc lên và yêu cầu nước nóng để tắm. Khoảng hai mươi phút sau có tiếng gõ cửa, và một nữ phục vụ trẻ tuổi người Ba Lan bước vào cùng với hai xô nước bốc khói. Tôi chỉ cho cô ta phòng tắm và cô ta đi vào đặt mấy cái xô xuống. Vì cô ta không đi ra, tôi vào để xem cô ta đang làm gì: tôi thấy cô ta đã cởi hết áo. Bối rối, tôi nhìn đôi má đỏ hây hây, hai bầu vú nhỏ nhưng duyên dáng; hai nắm tay đặt trên hông, cô ta nhìn tôi chằm chằm với một nụ cười trơ trẽn. “Cô làm gì vậy?” Tôi lấy giọng nghiêm khắc hỏi. – “Tôi... tắm... anh,” cô ta trả lời bằng một thứ tiếng Đức tồi tệ. Tôi tóm lấy cái áo bờ lu mà cô ta để trên chiếc ghế thấp và chìa cho cô ta: “Mặc lại và ra khỏi đây đi.” Cô ta nghe lời với cùng dáng vẻ tự nhiên như khi đi vào. Đây là lần đầu tiên một chuyện tương tự xảy đến với tôi: các *Deutsche Haus* mà tôi biết luôn được trông coi một cách chặt chẽ; thế nhưng rõ ràng ở nơi này đây là một việc hết sức quen thuộc, và không một giây phút nào tôi nghi ngờ rằng sẽ phải trả tiền cho kiểu tắm này. Cô gái đã đi ra, tôi cởi quần áo, tắm rửa, và, vận bộ quân phục mặc trong thành phố (với các chuyển đi dài, vì bụi, tôi mặc một bộ quân phục chiến dịch), tôi đi xuống dưới nhà. Lúc này, một đám đông ồn ào đã chiếm lấy quầy bar và phòng ăn. Tôi ra sân sau để hút thuốc và thấy Piontek đang đứng, điều thuốc trên môi, trông coi hai thằng bé rửa chiếc xe của chúng tôi. “Anh tìm được chúng ở đâu đấy?” tôi hỏi. – “Không phải tôi, Herr Sturmbannführer. Mà là *Haus* đấy. Mặt khác, người trông coi gara than phiền rằng anh ta có thể bắt được bọn Do Thái làm mà không phải trả tiền, nhưng các ông sĩ quan sẽ lỏng lẻo lên nếu có một tên Do Thái sờ tay vào xe của họ. Thế là họ phải trả tiền cho người Ba Lan như bọn trẻ con này, với giá một reichsmark một ngày. (Ngay cả ở Ba Lan, đó cũng là một món tiền lỗ bịch. Một đêm ở *Deutsche Haus*, tuy đã được trợ giá, với ba bữa ăn, tốn của tôi khoảng mười hai reichsmark; một cốc moka ở Cracovie bán với giá một reichsmark rưỡi). Chúng tôi nhìn hai thằng bé Ba Lan lau xe. Rồi tôi mời anh ta ăn tối. Chúng tôi phải rẽ một lối đi giữa đám người để tìm được

một góc bàn còn chưa có người ngồi. Người ta đang uống rượu, rống lên như thể thích thú với việc được nghe thấy giọng nói của chính mình. Ở đó có người của SS, các Orpo, người của Wehrmacht và của tập đoàn xây dựng Todt; gần như tất cả đều mặc quân phục, kể cả nhiều phụ nữ, hẳn là những người đánh máy chữ hoặc thư ký. Các cô phục vụ người Ba Lan khó nhọc đi lại với những cái khay chất đầy bia và đồ ăn. Bữa ăn rất thịnh soạn: họ bị những khoanh thịt rôti, củ cải đường, khoai tây trộn dấm. Trong lúc ăn tôi quan sát đám đông. Nhiều người không làm gì khác ngoài việc uống. Các cô phục vụ làm việc không hề dễ dàng: họ bị những gã đàn ông say rượu rờ rẫm ngực hoặc hông khi đi qua chúng, và vì tay còn đang bận bưng bê, họ không thể tự vệ được. Gần quầy bar dài có một nhóm mặc quân phục "SS-Totenkopf", hẳn là nhân viên của trại Lublin, trong số đó có hai phụ nữ, tôi nghĩ là các *Aufseherin*. Một trong hai người, uống rượu cognac, có khuôn mặt đàn ông và cười rất nhiều; cô ta cầm một cái roi và đưa tay đập đập nó xuống đôi bốt cao của mình. Vào một thời điểm, lúc một nữ phục vụ đang bị nghẽn đường ở gần chỗ họ: *Aufseherin* chìa cái roi ra và một cách chậm rãi, dưới tiếng cười rộ lên của đám bạn, hất cái jupe của cô phục vụ lên đến hông từ phía đằng sau. "Cậu có thích nó, Erich! cô ta gào lên. Mặc dù đít nó bắn thối đến thế này, như tất cả bọn Ba Lan khác." Những người khác cười ầm ĩ: cô ta thả cho cái jupe rơi xuống và lấy roi đánh vào phía sau cô gái, làm cô kêu lên và phải cố gắng lắm mới không làm đổ chỗ bia. "Đi nào, tiến lên, đồ lợn nái! *Aufseherin* hét. Mày thối quá." Người phụ nữ còn lại cười khùng khục và trơ trẽn cọ cọ vào người một tay hạ sĩ quan. Ở góc phòng, dưới một cái vòm, các Orpo đang vừa chơi bi a vừa hét rất to; gần họ, tôi trông thấy cô phục vụ trẻ đã mang nước nóng lên phòng tôi, cô ta đang ngồi trên đùi một tay kỹ sư của Todt, kẻ đang luồn tay xuống dưới áo bờ lu của cô ta và sờ nắn khắp người trong khi cô ta cười và vuốt ve cái trán cao của gã. "Rõ ràng là, tôi nói với Piontek, ở Lublin này không khí rất sôi động." – "Vâng. Lùng danh lắm đấy." Sau bữa ăn, tôi gọi một cốc cognac và một

điều xì gà Hà Lan loại nhỏ; *Haus* có cả một ngăn tủ đầy những thứ đó, ở chỗ quầy bar, có thể lựa chọn trong số nhiều nhãn hiệu chất lượng cao. Piontek đã về phòng đi ngủ. Người ta đã bật nhạc và nhiều đôi đang nhảy; *Aufseherin* thứ hai, rõ ràng là đã say, tóm lấy móng người cùng nhảy của mình; một nữ thư ký SS để một Leutnant quân nhu hôn vào cổ. Bầu không khí ngột ngạt, nhồn nhồn và kỳ cục đầy ồn ã này khiến thần kinh tôi trở nên căng thẳng, phá hỏng sự thích thú mà tôi có được trong những chuyến đi, cái cảm giác vui vẻ về tự do mà tôi đã cảm thấy trong suốt cả ngày trên những con đường lớn gần như không một bóng người. Và không thể thoát ra được khỏi cái không khí nghiêng lên kèn kẹt, bắn thủ này, nó chui vào tận bên trong dạ dày của bạn. Tuy nhiên phòng vệ sinh sạch sẽ một cách đáng ngạc nhiên, được lát đá ô vuông màu trắng lên đến tận trần, với những cánh cửa bằng gỗ sồi lớn, những cái gương, bồn rửa bằng sứ và vòi nước bằng đồng thau; các ngăn riêng cũng màu trắng và sạch sẽ, hẳn là người ta phải thường xuyên cọ rửa toilet kiểu Thổ Nhĩ Kỳ này. Tôi cởi quần ra và ngồi xuống; khi đã xong việc, tôi tìm giấy, có vẻ như là không có; đúng lúc đó tôi cảm thấy có cái gì đó chạm vào dưới đít mình; tôi nhảy dựng dậy và quay đầu lại, người run lên, bắt đầu tìm kiếm khẩu súng, cái quần cộc vẫn ở dưới thấp trong một tư thế lơ lửng: một bàn tay đàn ông thò ra qua một lỗ thủng trên tường và chờ đợi, lòng bàn tay ngửa lên trên. Một ít cút tươi dính vào đầu các ngón tay, nơi chúng đã chạm vào tôi. "Cút đi! tôi gào lên. Cút đi!" Một cách chậm rãi, bàn tay rút về bên kia cái lỗ. Tôi phá lên cười một cách căng thẳng: thật là tởm lợm, ở Lublin này bọn họ đã thực sự trở nên điên rồ hết cả rồi. Thật may mắn là tôi vẫn giữ được vài mẩu giấy báo gấp lại trong túi áo varoi, một sự cẩn thận tốt lành khi đi lại. Tôi chùi thật nhanh và chuồn luôn, không buồn giặt nước. Khi quay lại phòng lớn tôi có cảm giác tất cả bọn họ sẽ nhìn tôi, nhưng không ai chú ý cả, họ đang cười và la hét, với những thanh âm tàn bạo hoặc điên dại, sống sượng, như ở một triều đình thời Trung cổ. Cảm thấy bị chấn động, tôi ngồi chống cùi chỏ lên mặt quầy bar và gọi

một cốc cognac nữa; trong lúc uống, tôi nhìn viên Spiess to béo của KL, cùng với *Aufseherin*, và, ý nghĩ thật kinh tởm, tôi tưởng tượng ra cảnh hân ta đang ngồi chồm hổm, đầy khoái cảm trong lúc để cho một bàn tay Ba Lan chùi dẹt. Tôi tự hỏi không biết liệu bên nhà vệ sinh phụ nữ cũng có cái hệ thống tương tự hay không: nhìn họ, tôi tự nhủ là có. Tôi uống một hơi hết cốc cognac và lên phòng đi nằm; tôi ngủ không ngon vì tiếng ồn, nhưng tuy vậy vẫn còn hơn Piontek khốn khổ: các tay Orpo đã tha gái Ba Lan vào phòng, và cả đêm hí hục trên những cái giường cạnh giường anh ta, không chút ngưng ngừng, đổi gái cho nhau và trêu chọc anh ta vì anh ta không muốn. "Chúng trả cho họ bằng đồ hộp," trong bữa sáng anh giải thích một cách ngắn gọn.

Từ Cracovie, tôi đã gọi điện xin một cuộc hẹn với Gruppenführer Globocnik, SSPF của tỉnh Lublin. Globocnik có hai văn phòng: một cho bộ tham mưu SSPF của ông ta, và một chỗ khác, trên phố Pieradzki, từ đó Einsatz Reinhard được chỉ huy và ở đó tôi sẽ gặp ông ta. Globocnik là một người đầy quyền lực, hơn rất nhiều so với cấp bậc; cấp trên của ông ta, HSSPF của General-Gouvernement (Obergruppenführer Krüger), gần như không hề có quyền nhòm ngó vào Einsatz, cơ quan phụ trách tất cả Do Thái của GG và do đó vượt hẳn ra ngoài lãnh thổ Lublin; như vậy, Globocnik phụ thuộc trực tiếp Reichsführer. Ông ta cũng nắm giữ nhiều quyền hạn quan trọng trong sở cảnh sát của Reich được thành lập nhằm củng cố thêm cho tính chất Đức. Đại bản doanh của Einsatz được đặt tại một trường y cũ, một tòa nhà màu nâu vàng, đồ sộ, mái đỏ mép gọt vát, rất đặc trưng cho vùng này, nơi ảnh hưởng của Đức vẫn luôn rất mạnh, và muốn vào được phải đi qua một cổng lớn hai cánh dưới một cái vòm hình bán nguyệt, ở phía trên vẫn còn dòng chữ COLLEGIUM ANATOMICUM. Một người cần vụ đón tiếp tôi và dẫn thẳng đến chỗ Globocnik. Viên Gruppenführer, người bó chặt trong một bộ quân phục chặt đến nỗi trông nhỏ hẳn đi một cỡ so với cái thân hình vuông vắn, lơ đãng nhận lời chào của tôi và vung vẩy trước mặt tôi tờ giấy lệnh: "Hóa ra, vậy đó, Reichsführer gửi đến chỗ tôi

một tên gián điệp!” Ông ta phá lên cười. Odilo Globocnik là một người Carinthe, sinh ra ở Trieste, và hẳn là có gốc Croatia; *Altkämpfer* của NSDAP Áo, ông ta từng là Gauleiter của Viên trong một thời gian ngắn, sau sự cố Anschluss, trước khi bị hạ bệ vì một vụ buôn lậu tiền. Ông ta đã phải đi tù dưới thời Dollfuss vì giết một chủ hiệu đồ trang sức người Do Thái: một cách chính thức, việc đó khiến ông ta trở thành một người tử vì đạo cho *Kampfzeit*, nhưng những cái lưỡi độc địa sẵn sàng nói rằng kim cương của tay người Do Thái đã đóng một vai trò quan trọng trong vụ việc, lớn hơn là vai trò của ý thức hệ. Ông ta vẫn vung vẩy tờ giấy: “Thú nhận đi, Sturmbannführer! Reichsführer không còn tin tưởng vào tôi nữa, có phải không nào?” Vẫn ở tư thế đứng nghiêm, tôi tìm cách tự thanh minh: “Herr Gruppenführer, nhiệm vụ của tôi...” Ông ta lại cười âm ỉ: “Tôi đùa đấy, Sturmbannführer! Tôi biết rõ hơn ai hết rằng Reichsführer hoàn toàn tin tưởng vào tôi. Không phải ông ấy gọi tôi là *bạn cũ Globus* của ông ấy à? Và chỉ có Reichsführer thôi! Đích thân Führer từng tới chúc mừng tôi vì công trình vĩ đại của chúng tôi. Ngồi xuống đi. Lời của ngài luôn đấy, *một công trình vĩ đại*. “Globocnik, ngài nói với tôi, ông là một trong những người anh hùng bị khinh bỉ của nước Đức. Tôi muốn tất cả các tờ báo đều có thể in tên ông và các chiến công của ông! Trong một trăm năm nữa, khi chúng ta đã có thể nói về chuyện đó, những việc làm kỳ vĩ của ông sẽ được dạy cho trẻ con ngay từ trường tiểu học! Ông là một người dũng sĩ, và tôi ngưỡng mộ vì lúc nào ông cũng biết cách tỏ ra khiêm tốn đến thế, kín đáo đến thế, dù đã hoàn thành từng ấy công việc.” Và tôi – Reichsführer cũng có ở đó – “Thưa Führer, tôi chỉ làm nghĩa vụ của mình thôi.” – “Ngồi xuống đi, ngồi xuống đi.” Tôi ngồi xuống cái ghế phôi thai mà ông ta chỉ cho; ông ta ngồi xuống bên cạnh và vỗ xuống đùi tôi, rồi với tay ra phía đằng sau lấy một hộp xì gà, mời tôi một điếu. Khi tôi từ chối, ông ta vẫn khẳng khái: “Nếu thế thì cứ giữ lấy để hút sau.” Ông ta châm một điếu và hút. Khuôn mặt tròn xoe của ông ta lấp lánh vẻ thỏa mãn. Trên bàn tay đang cầm cái bật lửa, chiếc nhẫn SS lớn bằng vàng như

thể được khắc lên một ngón tay béo mập. Ông ta thả một hơi khói với cái nhãn mặt sung sướng. “Nếu tôi hiểu đúng lá thư của Reichsführer, anh là một trong những tay thợ cạo lông muốn cứu bọn Do Thái, lấy cớ là chúng ta cần nhân lực?” – “Không hề, Herr Gruppenführer, tôi nhún nhường trả lời. Reichsführer đã ra lệnh cho tôi phân tích các vấn đề của *Arbeitseinsatz* xét trong tổng thể, để tìm ra các hướng đi tương lai.” – “Tôi cho là anh muốn xem chỗ chúng tôi?” – “Nếu ông muốn nói đến các trạm hơi ngạt, Herr Gruppenführer, thì điều đó không liên quan gì đến tôi. Tôi quan tâm nhiều hơn đến vấn đề chọn lựa và sử dụng các *Arbeitjude*. Do đó tôi muốn bắt đầu bằng Osti và các DAW.” – “Osti! Lại thêm một ý tưởng lớn lao của Pohl nữa! Ở đây, chúng tôi thu hoạch cho Reich hàng triệu, hàng triệu, và cái tay Pohl đó muốn tôi phải lo vấn đề đồ ăn, như một tên Do Thái. Ostindustrie, tôi muốn lắm chứ, đúng! Lại thêm một trò ngu xuẩn mà người ta ném xuống đầu tôi.” – “Có thể lắm, Herr Gruppenführer, nhưng...” – “Không nhưng nhieć gì cả! Dù sao thì bọn Do Thái cũng sẽ phải biến đi, tất cả, công nghiệp hay không công nghiệp thì cũng vậy thôi. Tất nhiên, chúng ta có thể giữ lại một số, trong khoảng thời gian cần thiết cho việc đào tạo người Ba Lan thay thế chúng. Người Ba Lan là bọn chó, nhưng chúng có thể lo được vấn đề ăn uống, nếu điều đó có thể có ích cho *Heimat*. Nếu như cái đó mang lại lợi nhuận, thì tôi không có gì để chống lại cả. Dù sao thì anh cũng sẽ nhìn thấy tất cả những cái đó thôi. Tôi sẽ giao phụ tá của tôi cho anh, đó là Sturmbannführer Höfle. Anh ta sẽ giải thích cho anh mọi việc tiến hành như thế nào và anh sẽ dàn xếp với anh ta.” Ông ta đứng dậy, điều xì gà kẹp giữa hai ngón tay, và bắt tay tôi. “Anh có thể xem tất cả những gì anh muốn, tất nhiên rồi. Nếu Reichsführer gửi anh đến đây, thì có nghĩa anh là người biết giữ mồm miệng. Ở đây lũ ba hoa xích tốc thì tôi xử bắn cả. Tuần nào cũng có. Nhưng với anh thì tôi không phải lo ngại. Nếu có vấn đề gì thì cứ đến gặp tôi. Tạm biệt.”

Höfle, trợ tá của Einsatz Reinhard, cũng là một người Áo, nhưng rõ ràng bình tĩnh hơn ông chủ của mình. Anh ta tiếp đón

tôi với một dáng vẻ u tối, mệt mỏi: “Không quá bị chấn động chứ? Đừng lo, ai cũng thế thôi.” Anh ta bặm nhẹ môi và đẩy một tờ giấy ra trước mặt tôi: “Tôi phải yêu cầu anh ký tên vào đây.” Tôi đọc qua: đó là một cam kết giữ bí mật ở nhiều điểm. “Tuy nhiên, tôi nói, có vẻ như tôi đã bị buộc phải giữ bí mật bởi chính vị thế của tôi rồi.” – “Tôi biết rõ điều đó. Nhưng đây là một quy định do Gruppenführer đặt ra. Tất cả mọi người đều phải ký.” Tôi nhún vai: “Nếu như điều đó làm ông ấy thích.” Tôi ký tên. Höfle cho tờ giấy vào một cặp hồ sơ và đan hai bàn tay vào nhau đặt trên mặt bàn làm việc của mình. “Anh muốn bắt đầu từ đâu?” – “Tôi không biết. Giải thích cho tôi hệ thống của các anh đi.” – “Thực tình là khá đơn giản. Chúng tôi có ba địa điểm, hai trên sông Bug và một ở biên giới của vùng Galicie, ở Belzec, mà chúng tôi đang đóng cửa vì Galicie, ngoài các trại lao động, về cơ bản là đã *judenrein*. Treblinka, về nguyên tắc là để phục vụ cho Vacxava, cũng sẽ bị đóng cửa. Nhưng Reichsführer vừa ra lệnh biến Sobibor thành KL, việc này sẽ được tiến hành vào khoảng cuối năm nay.” – “Và tất cả Do Thái đều phải qua ba trung tâm này?” – “Không. Vì những lý do liên quan đến hậu cần, không thể hoặc là sẽ không thuận tiện nếu sơ tán hết tất cả các thành phố nhỏ trong vùng. Để làm điều đó, Gruppenführer đã nhận được vài tiểu đoàn Orpo được quyền xử lý bọn Do Thái đó ngay tại chỗ, và dần dần. Chính tôi là người chỉ huy Einsatz trong các công vụ hàng ngày, cùng với thanh tra các trại của chúng tôi, Sturmbannführer Wirth, người đã ở đây ngay từ hồi đầu. Chúng tôi còn có một trại huấn luyện các Hiwi, những người Ukraine và nhất là người Latvia, ở Travniki.” – “Và ngoài họ ra, toàn bộ nhân viên của các anh là SS?” – “Không phải đâu. Trong số khoảng bốn trăm năm mươi người, chưa tính đến các Hiwi, có gần một trăm người được biệt phái từ bên phủ thủ tướng của Führer. Gần như tất cả các lãnh đạo trại của chúng tôi đều thuộc loại này. Xét về mặt chiến thuật, họ nằm dưới sự kiểm soát của Einsatz, nhưng về mặt hành chính, họ phụ thuộc phủ thủ tướng. Chính họ mới là những người theo dõi tất cả những gì liên quan đến tiền lương,

ngày nghỉ, thăng chức, và nhiều thứ khác nữa. Có vẻ như đó là một thỏa thuận đặc biệt giữa Reichsführer và Reichsleiter Bouhler. Một số thậm chí còn không phải là người của *Allgemeine-SS* hoặc của Đảng. Nhưng tất cả đều là cựu chiến binh của các trung tâm trợ tịch của Reich; khi người ta đóng cửa phần lớn những trung tâm đó, một bộ phận nhân viên, với Wirth đứng đầu, đã được chuyển đến đây để sử dụng kinh nghiệm của mình giúp đỡ cho Einsatz." – "Tôi hiểu rồi. Còn Osti?" – "Osti là một sáng tạo mới đây, kết quả của sự phối hợp giữa Gruppenführer và WVHA. Ngay từ khởi đầu của Einsatz, chúng tôi đã phải lập ra các trung tâm để xử lý những tài sản thu được; dần dần, chúng tập hợp lại thành các xưởng thuộc nhiều dạng, để phục vụ cho chiến tranh. Ostindustrie là một công ty trách nhiệm hữu hạn lập ra vào tháng Mười một vừa rồi để tập hợp và hợp lý hóa tất cả các xưởng đó. Hội đồng quản trị đã trao quyền lãnh đạo cho một nhà quản trị của WVHA, tiến sĩ Horn, cũng như là cho Gruppenführer. Horn là một chuyên gia hành chính quá mức lần mãn, nhưng tôi nghĩ rằng ông ấy có năng lực." – "Thế còn KL?" Höfle khoát tay: "KL không có gì liên quan tới chúng tôi cả. Đó là một trại bình thường của WVHA; dĩ nhiên, Gruppenführer chịu trách nhiệm về nó với tư cách là SS- und Polizeiführer, nhưng nó hoàn toàn tách biệt khỏi Einsatz. Họ cũng quản lý luôn cả các xí nghiệp, nhất là một xưởng của DAW, nhưng cái đó thì lại là trách nhiệm của tay kinh tế gia SS thuộc SSPF. Tất nhiên, chúng tôi có hợp tác chặt chẽ với họ; một phần các Do Thái của chúng tôi đã được chuyển sang cho họ, hoặc để làm việc, hoặc để cho *Sonderbehandlung*; và từ ít lâu nay, vì chúng tôi có quá nhiều việc, họ đã thiết lập các cơ sở riêng cho việc "xử lý đặc biệt". Anh cũng có tất cả các xí nghiệp sản xuất vũ khí của Wehrmacht, cũng sử dụng các Do Thái mà chúng tôi cung cấp; nhưng cái đó thì lại là trách nhiệm của Sở Thanh tra vũ khí của GG, do Generalleutnant Schindler ở Cracovie chỉ huy. Cuối cùng, anh có hệ thống kinh tế dân sự, nằm dưới quyền chỉ huy của trưởng khu mới, Gruppenführer Wendler. Có thể là anh cũng sẽ gặp được ông

ấy, nhưng cẩn thận nhé, ông ấy không hề hòa hợp với Gruppenführer Globocnik đâu.” – “Tôi không quan tâm đến nền kinh tế địa phương; những gì liên quan đến tôi, đó là các chu trình sử dụng tù nhân cho nền kinh tế xét về tổng thể.” – “Tôi nghĩ là có thể hiểu được. Vậy thì anh nên đến gặp Horn. Ông ấy hơi đầu óc trên mây, nhưng chắc chắn là anh sẽ có thể biết được nhiều điều.”

Tôi thấy Horn là một kẻ căng thẳng, bồn chồn, đầy tràn nhiệt hứng, nhưng cũng lắm bực tức trong lòng. Đó là một kế toán viên, được đào tạo ở trường Bách khoa Stuttgart; chiến tranh nổ ra, ông ta được Waffen-SS gọi, nhưng thay vì gửi ông ta ra mặt trận, người ta lại bỏ ông ta vào WVHA. Pohl đã chọn ông ta để mời đến giao cho việc xây dựng Osti, một nhánh của Các Xí nghiệp kinh tế Đức, một holding do WVHA thành lập để tập hợp các công ty SS. Ông ta rất năng nổ, nhưng trước một người như Globocnik thì vẫn không đồng cân đồng lượng và ông ta biết điều đó. “Khi tôi đến nơi, tất cả là một sự hỗn loạn... không thể tưởng tượng được, ông ta nói. Có tất cả: một cơ sở sản xuất giở và các xưởng mộc ở Radom, một nhà máy sản xuất bàn chải, ở Lublin này, và một cơ sở làm thủy tinh. Ngay từ khởi đầu, Gruppenführer đã nhấn mạnh phải để lại một trại lao động cho ông ấy, để tự cung cấp theo cách nói của ông ấy. Tốt thôi, dù sao thì cũng phải có cái gì đó để làm chứ. Mọi thứ đều được quản lý theo cách loạn xạ. Kế toán không được cập nhật. Và sản lượng ở mức gần không. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu nếu nhìn vào tình trạng nhân lực. Thế là tôi bèn bắt tay vào việc: nhưng ở đây, người ta không từ việc gì để làm khó tôi. Tôi đào tạo các chuyên gia; họ bèn lấy những người đó đi và rồi những người đó biến mất có Chúa mới biết là đi đâu. Tôi yêu cầu cho người lao động ăn uống tốt hơn; người ta trả lời là không có thức ăn thừa cho người Do Thái. Tôi yêu cầu ít nhất thì cũng phải bót đánh đập bọn họ đi; họ làm cho tôi hiểu là tôi không được phép can thiệp vào những gì không liên quan đến mình. Làm thế nào mà anh có thể muốn là tôi làm việc một cách chuẩn mực trong những điều kiện như thế?” Tôi hiểu rằng Höfle không ưa Horn lắm: ít khi người ta làm

được gì nhiều nhận với những lời than phiền. Tuy nhiên, Horn đã có một phân tích rất tốt về các vấn đề nan giải: “Vấn đề nữa là WVHA không ủng hộ tôi. Tôi gửi hết báo cáo này đến báo cáo khác lên Obergruppenführer Pohl. Tôi không ngừng hỏi ông ta: Đây là nhân tố cần đặt lên hàng đầu? Nhân tố chính trị-cảnh sát ư? Trong trường hợp đó, đúng, việc tập trung Do Thái là mục đích chính yếu, và các nhân tố kinh tế đứng ở bình diện thứ yếu. Hay là nhân tố kinh tế? Nếu là như vậy, cần phải hợp lý hóa sản xuất, tổ chức các trại theo cách mềm dẻo để có thể xử lý được một loạt những đơn đặt hàng một cách tuần tự, và nhất là đảm bảo được một mức độ tối thiểu về cuộc sống đối với người lao động. Và Obergruppenführer trả lời tôi: cả hai. Đúng là phát rõ lên được.” – “Thế ông nghĩ rằng nếu được cung cấp phương tiện, thì ông sẽ có thể tạo ra những xí nghiệp hiện đại và mang lại lợi nhuận với lao động bắt buộc của Do Thái chứ?” – “Tất nhiên rồi. Bọn Do Thái, điều này thì khỏi phải bàn cãi, là một lũ người hạ đẳng, và các phương pháp làm việc của chúng thì đã cổ lỗ sĩ. Tôi đã nghiên cứu cách tổ chức công việc tại ghetto Litzmannstadt, đúng là một thảm họa. Toàn bộ sự điều hành, từ khâu tiếp nhận các nguyên vật liệu cho đến việc giao sản phẩm cuối cùng, đều được bọn Do Thái đảm nhiệm. Dĩ nhiên là không hề có kiểm định chất lượng. Nhưng với những người quản lý Aryen trình độ cao, chúng ta có thể làm được những việc rất tốt. Cần phải có một quyết định theo hướng đó. Ở đây, tôi chỉ gặp phải các trở ngại, và tôi cảm thấy rất rõ là mình không có được sự hỗ trợ nào.”

Rõ ràng là ông ta đang tìm kiếm điều đó. Ông ta dẫn tôi đi thăm nhiều xí nghiệp của mình, thẳng thắn chỉ cho tôi tình trạng ăn uống đói kém và vệ sinh tồi tệ của những người tù được đặt dưới trách nhiệm của ông ta, nhưng cũng chỉ luôn cả những cải thiện mà ông ta đã làm được, việc tăng chất lượng các mặt hàng, chủ yếu là để phục vụ cho Wehrmacht, và cả sự tăng về số lượng nữa. Tôi phải công nhận rằng sự trình bày của ông ta hết sức thuyết phục: có vẻ như là có một cách thức để hòa hợp được những đòi hỏi của chiến tranh với một sản lượng ngày càng tăng.

Horn, dĩ nhiên, không có được thông tin về Einsatz, hoặc ít nhất là về tầm vóc của nó, và tôi tự ngăn mình nói cho ông ta điều đó; nếu nói ra, sẽ rất khó khăn để giải thích các lý do của sự cản trở từ phía Globocnik; hẳn là Globocnik không thể điều hòa được các yêu cầu của Horn với những gì ông ta coi là sứ mạng chính của mình. Tuy nhiên, xét về bản chất, Horn có lý: bằng cách lựa chọn những người Do Thái khỏe nhất hoặc có chuyên môn nhất, tập trung họ và kiểm soát họ theo một cách thức hợp lý, chắc chắn người ta có thể đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế thời chiến.

Tôi đến thăm KL. Nó trải dài dọc theo một ngọn đồi lượn sóng, ngay bên ngoài thành phố, phía Tây con đường đi Zamosc. Đó là một công trình to lớn, với những hàng cây chạy đến tận cuối các khu nhà ở làm bằng gỗ, trong những khoảng đất được vây kín bằng dây thép gai, với những tháp canh. Kommandantur nằm ngoài trại, gần đường, dưới chân đồi. Ở đó tôi được đón tiếp bởi Florstedt, Kommandant, một Sturmbannführer với khuôn mặt hẹp và dài một cách bất thường, người lần mò từng câu của tôi với một vẻ nghi ngờ thấy rõ: "Ở đây không nói rõ là anh có quyền vào một trại." – "Các mệnh lệnh của tôi cho phép tôi vào bất kỳ nơi nào nằm dưới quyền kiểm soát của WVHA. Nếu anh không tin tôi, hãy liên lạc với Gruppenführer, ông ấy sẽ xác nhận điều đó." Ông ta tiếp tục lật giở các giấy tờ. "Anh muốn xem gì?" – "Tất cả," tôi nở một nụ cười thân thiện. Cuối cùng, ông ta giao tôi cho một viên Untersturmführer. Đây là lần đầu tiên tôi vào thăm một trại tập trung và tôi đòi được xem tất cả. Trong số các tù nhân hoặc *Häftling* có đủ tất cả các quốc tịch: Nga, Ba Lan, tất nhiên, cũng như Do Thái, nhưng cũng có cả tù nhân chính trị và tội phạm người Đức, Pháp, Hà Lan, và rất nhiều nữa mà tôi không thể kể hết. Những cái lán, các chuồng ngựa nông thôn của Wehrmacht, được các kiến trúc sư của SS cải tạo, đen thui, hôi thối, đông đặc người; đám tù nhân chất đống ba đến bốn người trên một mảnh giường sắt xếp thành nhiều tầng. Tôi thảo luận các vấn đề y tế và vệ sinh với viên bác sĩ trưởng: chính ông ta, vẫn với viên

Untersturmführer lúc nào cũng kè kè bên cạnh, là người chỉ cho tôi lán Tắm và Khử trùng, nơi một bên người ta cho những người mới tới tắm vôi hoa sen, và bên kia là để xử lý bằng hơi ngạt những kẻ không còn đủ sức làm việc nữa. “Cho đến hồi mùa xuân, viên Untersturmführer nói rõ hơn, đây vẫn chỉ là nơi dùng để *khử chấy rận*. Nhưng kể từ khi Einsatz chuyển cho chúng tôi một phần người của họ thì chúng tôi bị quá tải.” Trại không biết phải làm gì với những cái xác và đã đặt làm một trạm thiêu người, trang bị năm lò đơn do Kori chế tạo, đó là một hãng chuyên nghiệp ở Berlin. “Họ cạnh tranh trên thị trường với Topf und Söhne, ở Erfurt, anh ta nói thêm. Tại Auschwitz, người ta chỉ làm việc với Topf, nhưng chúng tôi đánh giá rằng các điều kiện của Kori có tính cạnh tranh hơn.” Thật kỳ lạ, việc đốt khí ngạt không được thực hiện bằng mônôxít cacbon như trong những cái lò mà chúng tôi từng sử dụng ở Nga hoặc, theo những gì tôi đọc được, tại các cơ sở cố định của Einsatz Reinhard; ở đây, người ta sử dụng axit hyđrôxianic, dưới dạng những viên nhỏ tỏa ra khí ga khi tiếp xúc với không khí. “Hiệu quả lớn hơn nhiều so với mônôxít cacbon, viên bác sĩ trưởng chứng nhận với tôi. Nhanh hơn nhiều, các bệnh nhân ít đau đớn hơn, không bao giờ thất bại.” – “Sản phẩm này đến từ đâu?” – “Thực ra đó là một thứ chất khử trùng công nghiệp, mà người ta sử dụng để hun khói, chống rận và các loại sâu bọ khác. Có vẻ như chính Auschwitz đã nảy ra ý định thử nó cho việc xử lý đặc biệt. Nó hoạt động tốt lắm.” Tôi cũng thanh tra cả nhà bếp và các nhà kho chứa lương thực; mặc cho những lời bảo đảm của các SS-Führer và ngay cả các công chức bị bắt đang làm việc chia xúp, tôi nghĩ khẩu phần không thể đủ được, cảm giác đó mặt khác lại được chính bác sĩ trưởng xác nhận. Những ngày sau đó tôi liên tục quay trở lại để nghiên cứu các hồ sơ của *Arbeitseinsatz*; mỗi *Häftling* đều có một phiếu cá nhân, sắp xếp thành cái mà người ta gọi là *Arbeitsstatistik*, và được chuyển sang, nếu không bị ốm, một Kommando lao động, một số ở ngay trong trại, để làm công việc duy trì hoạt động; những người khác ở bên ngoài; các Kommando quan trọng nhất sống

luôn ở chỗ làm việc, giống như Kommando của DAW, các Xí nghiệp vũ khí Đức, ở Lipowa. Trên giấy tờ, hệ thống trông có vẻ vững chắc; nhưng sự sụt giảm số lượng người vẫn còn rất lớn; và những lời chỉ trích của Horn giúp tôi nhận ra rằng phần lớn những người tù được sử dụng ăn uống kém, bẩn thỉu, thường xuyên bị đánh đập, không có khả năng làm việc lâu dài và có năng suất cao.

Tôi ở lại Lublin nhiều tuần và cũng đi thăm thú trong vùng. Tôi đến Himmlerstadt, trước đây là Zamosc, một viên ngọc quý lạ thường của thời Phục hưng xây dựng *ex nihilo* vào cuối thế kỷ XVI, bởi một viên thủ hiến Ba Lan hơi có phần tự cao tự đại. Thành phố đã phát triển mạnh mẽ nhờ vào vị trí nhiều lợi thế của mình trên những con đường thương mại giữa Lublin và Lemberg và cả giữa Cracovie và Kiev. Giờ đây nó trở thành trái tim của dự án tham vọng nhất của RKF, tổ chức SS chịu trách nhiệm, kể từ năm 1939, đảm bảo sự hồi hương của các *Volksdeutscher* từ Liên Xô và từ Banat, rồi thực hiện quá trình Đức hóa ở phía Đông: thiết lập sự hiện diện của Đức trên những bậc thềm tiến sát đến các vùng đất của người Xlavor, ngay trước vùng Galacie phía Đông và Volhynie. Tôi tranh luận về nhiều chi tiết với phái viên của Globocnik, một nhân viên hành chính của RKF có văn phòng ở tòa thị chính, một tòa tháp kiểu Barôc nằm bên lề quảng trường vuông vắn, với một lối vào trên tầng, do một cầu thang đôi to lớn tạo thành hình bán nguyệt dẫn lên. Từ tháng Mười một đến tháng Ba, ông ta nói với tôi, hơn một trăm nghìn người đã bị trục xuất – những người Ba Lan đủ điều kiện về các nhà máy Đức thông qua Aktion Sauckel, những người khác đi Auschwitz, và tất cả Do Thái đi Belzec. RKF hướng đến việc thay thế những người này bằng các *Volksdeutscher*, thế nhưng mặc cho tất cả những mời gọi và sự thịnh vượng tự nhiên của vùng, họ vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hút đủ số lượng các thực dân. Khi tôi hỏi ông ta liệu có phải những khó khăn của chúng tôi ở mặt trận phía Đông đã làm nản lòng họ hay không – cuộc nói chuyện này diễn ra vào đầu tháng Bảy, trận đánh lớn ở Kursk vừa nổ ra – tay

quản trị viên đầy chu đáo này nhìn tôi vẻ ngạc nhiên và đảm bảo với tôi rằng ngay cả các *Volksdeutscher* cũng không phải là những người bi quan, và rằng, dù thế nào đi nữa, cuộc tấn công xuất sắc của chúng ta cũng sẽ nhanh chóng ổn định lại tình hình và bắt Stalin phải quỳ gối xuống. Tuy nhiên tay đàn ông hết sức lạc quan này lại để mặc cho mình nói về nền kinh tế địa phương với vẻ rất chán nản: mặc dù có các viện trợ, vùng vẫn còn xa mới tự lo được cho mình, và vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào việc RKF rót tiền và thực phẩm; phần lớn các thực dân, ngay cả những người đã chiếm lấy toàn bộ các trang trại với phương thức chìa khóa trao tay, cũng không sao nuôi nổi gia đình của mình; còn về phía những người có tham vọng lập xí nghiệp, thì họ phải mất hàng năm trời lao碌. Sau cuộc gặp đó, tôi bảo Piontek chở đến phía Nam của Himmlerstadt: quả thực đây là một vùng rất đẹp, được tạo nên từ những ngọn đồi thoải thoải với các bãi cỏ và lùm cây, điểm xuyết bởi những loại cây ăn quả, và có dáng vẻ Galicie nhiều hơn là Ba Lan, phô bày những cánh đồng màu mỡ dưới một bầu trời màu xanh nhạt, đơn điệu, được những đám mây bông màu trắng làm nhẹ nhõm một phần nào. Vì tò mò, tôi đi đến tận Belzec, một trong những thành phố ở rìa ngoài cùng của quân khu. Tôi dừng lại gần nhà ga, nơi không khí càng hết sức náo nhiệt: những chiếc ô tô và xe chở hàng chạy trên phố chính, các sĩ quan của nhiều binh chủng khác nhau cũng như những thực dân mặc đồ sòn rách đang chờ một chuyến tàu, các nữ nông dân dáng vẻ Rumanian nhiều hơn là Đức, ở bên lề đường, bán những quả táo trên những cái thùng úp ngược. Phía bên kia đường mọc lên các nhà kho xây gạch, một kiểu nhà máy nhỏ; và ngay đằng sau, cách vài trăm mét, một đám khói dày màu đen bốc lên từ một khu rừng dương. Tôi chìa giấy tờ của mình cho một viên hạ sĩ quan SS đang đứng đó và hỏi anh ta đường đến trại: anh ta chỉ về hướng khu rừng. Tôi trèo lại lên xe và đi thêm khoảng ba trăm mét trên đường cái quan chạy dọc theo đường sắt theo hướng Rawa Ruska và Lemberg; trại được xây dựng ở bên kia đường tàu, bao quanh là những cây thông và cây dương lớn. Người ta đã phủ những

cành cây lên hàng rào dây thép gai, để che đi những gì có ở bên trong; nhưng một phần đã bị lộ ra, và qua những lỗ thủng đó có thể nhìn thấy những nhóm người tù, cằn mẫn như đàn kiến, đang phá các lều trại và cả nhiều đoạn hàng rào; khói bốc lên từ một vùng không nhìn thấy được, hơi cao một chút, phía cuối trại; mặc dù không có gió, một mùi nhạt nhẽo và buồn nôn vẫn ám lấy không khí, thậm chí còn chui cả vào trong xe. Sau tất cả những gì người ta đã nói và chỉ cho tôi, tôi hiểu rằng các trại của Einsatz đều được dựng ở những nơi không có người ở và khó đi vào; thế nhưng cái trại này lại nằm liền sát một thành phố nhỏ đầy các thực dân Đức cùng với gia đình của họ; đường sắt chính nối Galicie với các vùng khác của GG, và trên đó hàng ngày chuyên chở dân thường và lính tráng, chạy ngay dưới hàng thép gai, qua cái mùi kinh khủng và thứ khói đó: và tất cả những người đó, đi làm ăn, đi du lịch, chạy về một hướng hay hướng ngược lại, ba hoa với nhau, bình luận, viết thư, kể cho nhau những tin đồn hoặc những câu chuyện cười.

Nhưng dù sao đi nữa, mặc cho những lệnh cấm, những lời hứa giữ bí mật và những lời đe dọa của Globocnik, người của Einsatz vẫn rất lăm lờ. Chỉ cần mặc một bộ quân phục SS và năng đi đến quầy bar của *Deutsche Haus*, trả tiền một châu uống, là đã có thể nhanh chóng được thông tin về mọi thứ. Sự chán nản dễ nhận thấy do tin tức quân sự gây ra, có thể giải mã cho dù các thông cáo lúc nào cũng hết sức lạc quan, cũng đóng góp vào việc làm cho những cái miệng kia trở nên dễ tính. Khi người ta nói ông ổng rằng ở Sicile *những đồng minh người Ý can đảm của chúng ta, được sự yểm trợ của các lực lượng chúng ta, vẫn trụ vững*, thì ai cũng hiểu rằng kẻ thù đã không bị ném xuống biển, và cuối cùng đã mở được một mặt trận thứ hai ở châu Âu; còn về khu vực Koursk, sự lo lắng tăng lên mỗi ngày, bởi vì Wehrmacht, sau khi có được những chiến thắng đầu tiên, vẫn cầm lạng một cách bướng bỉnh, bất thường: và khi cuối cùng người ta nhắc đến việc *tiến hành có kế hoạch các chiến thuật mềm dẻo* xung quanh Orel, hẳn là ngay cả những người điên rồ nhất cũng đã hiểu ra được

mọi chuyện từ lâu. Rất nhiều người nghiền ngẫm những tiến triển này; và giữa những kẻ lăm điều tối tối thường làm đủ mọi trò rò dại, không khó khăn gì để tìm thấy một người im lặng ngồi uống một mình, để nói chuyện. Chính bằng cách đó mà một hôm tôi đã tranh luận với một người mặc quân phục với cấp bậc Untersturmführer, ngồi chống cùi chỏ ở quầy bar trước một cốc rượu. Doll, ông ta tên như vậy, có vẻ thấy thích thú vì được một sĩ quan cao cấp hơn đối xử một cách thân mật; tuy nhiên, ông ta phải hơn tôi đến mười tuổi. Ông ta chỉ "lệnh được nhận thịt đông lạnh" của tôi và hỏi mùa đông năm đó tôi đã ở đâu; khi tôi trả lời là Kharkov, ông ta trở nên hoàn toàn thoải mái. "Tôi cũng vậy, tôi đã ở đó, giữa Kharkov và Kursk. Các nhiệm vụ đặc biệt." – "Thế nhưng anh không ở chỗ Einsatzgruppe đấy chứ?" – "Không, một công việc khác. Thật ra thì tôi không thuộc SS." Đó là một trong những công chức lừng danh của phủ thủ tướng của Führer. "Giữa chúng tôi với nhau thì nó được gọi là T-4. Tên nó là như vậy đấy." – "Thế anh đã làm gì ở phía Kharkov đó?" – "Anh biết không, tôi đã ở Sonnenstein, một trung tâm dành cho người bệnh, ở đó..." Tôi gật đầu để ông ta hiểu rằng tôi đã biết về nó rồi và ông ta nói tiếp. "Hè năm 41, chúng tôi đóng cửa nó lại. Và một phần trong số chúng tôi, chúng tôi vẫn được coi là các chuyên gia, họ muốn giữ chúng tôi lại, và họ gửi chúng tôi sang Nga. Chúng tôi có cả một phái đoàn, đích thân Oberdienstleiter Brack chỉ huy, có các bác sĩ ở bệnh viện, tất cả, và ở đó, chúng tôi đã thực hiện các hành động đặc biệt. Với những cái xe cam nhông hơi ngạt. Mỗi người chúng tôi có một tờ phiếu đặc biệt trong sổ lương của mình, một tờ giấy đỏ có chữ ký của OKW, cấm người ta gửi chúng tôi ra quá gần mặt trận: họ sợ chúng tôi rơi vào tay người Nga." – "Tôi không hiểu rõ lắm. Các biện pháp đặc biệt, ở vùng đó, tất cả các biện pháp của SP, đều là trách nhiệm của Kommando chỗ tôi. Anh nói rằng anh có những chiếc cam nhông hơi ngạt, nhưng làm thế nào mà các anh cùng phụ trách các nhiệm vụ của chúng tôi mà chúng tôi lại không hề biết gì?" Khuôn mặt ông ta chợt có vẻ nhăn nhúm, gần như là đùa giỡn: "Chúng tôi không phụ trách

cùng các nhiệm vụ đó đâu. Do Thái hay Bôn-sê-vich ở đó, chúng tôi đều không động vào.” – “Thế là sao?” Ông ta do dự và uống thêm bia, từng ngụm dài, rồi dùng mu bàn tay chùi bọt dính trên miệng. “Không, chúng tôi phụ trách những người bị thương.” – “Thương binh Nga à?” – “Anh không hiểu được đâu. Thương binh của chúng ta. Những người bị thương nặng đến mức không thể còn có được một cuộc đời hữu ích nữa, người ta gửi họ đến cho bọn tôi.” Tôi hiểu ra và ông ta mỉm cười khi nhận thấy điều đó: ông ta đã tạo ra một hiệu ứng lớn. Tôi quay về quầy bar và gọi thêm một chầu nữa. “Anh nói đến thương binh Đức,” cuối cùng tôi nhẹ nhàng nói. – “Đúng như tôi nói với anh đấy. Một trò hề tiện thực thụ. Những người như anh và tôi, những người đã hy sinh mọi thứ cho *Heimat*, và crắc! Đó là cách người ta cảm ơn họ đấy. Tôi có thể nói với anh rằng tôi rất hài lòng khi người ta gửi tôi đến đây. Cũng không vui vẻ gì lắm cho cam, nhưng ít nhất thì cũng không phải là chuyện ấy.” Đồ uống của chúng tôi được mang đến. Ông ta nói với tôi về tuổi trẻ của mình: ông ta đã học một trường kỹ thuật, ông ta muốn trở thành quản lý trang trại, nhưng trong đợt khủng hoảng ông ta phải vào cảnh sát: “Các con tôi bị đói, đó là cách duy nhất để chắc chắn có thể đặt được một cái đĩa lên bàn ăn mỗi ngày.” Cuối năm 1939, ông ta được bổ đến Sonnenstein, vào Einsatz Trại tị. Ông ta không biết tại sao mình lại được chọn. “Một mặt, chuyện đó không dễ chịu gì cả. Nhưng một mặt khác, điều này giúp tôi tránh được mặt trận, rồi tiền lương cũng khá, vợ tôi hài lòng. Thế nên tôi thấy không có gì phải phản đối.” – “Còn Sobibor?” Chính đó, ông ta đã nói với tôi, là nơi hiện nay ông ta đang làm việc. Ông ta nhún vai: “Sobibor à? Cũng như mọi nơi thôi, dần dần rồi cũng quen.” Ông ta có một cử chỉ kỳ lạ, gây cho tôi một ấn tượng rất mạnh: ông ta lấy đầu chiếc bát của mình cọ cọ xuống sàn nhà, như thể muốn di nát một cái gì đó. “Những người đàn ông bé nhỏ và những người đàn bà bé nhỏ, đâu cũng thế cả. Giống như giẫm chân lên một con gián mà thôi.”

Sau chiến tranh, người ta đã nói rất nhiều để cố sức giải thích điều đã xảy ra, về tính vô nhân. Nhưng tính vô nhân, cho tôi xin lỗi nhé, cái đó đâu có tồn tại. Chỉ có nhân tính và chỉ có nhân tính; và tay Doll đó là một ví dụ tốt. Doll còn có thể là cái gì khác nữa đây, ngoài một người bố tốt muốn nuôi sống những đứa con của mình, và là người tuân theo mệnh lệnh chính phủ của mình, ngay cả khi trong thâm tâm ông ta không hoàn toàn nhất trí? Nếu ông ta sinh ra ở Pháp hoặc ở Mỹ, hẳn là người ta sẽ gọi ông ta là một cột đỡ của cộng đồng ông ta và là một người yêu nước; nhưng ông ta sinh ra ở Đức, và do đó ông ta là một kẻ tội phạm. Sự cần thiết, cái đó thì người Hy Lạp đã biết, là một nữ thần không chỉ mù mắt, mà còn tàn bạo. Thời đó đâu có thiếu gì những tên tội phạm. Toàn bộ Lublin, tôi đã cố gắng chỉ ra, tắm mình trong một bầu không khí quái đản của sa đọa và quá đà; Einsatz, và kể cả quá trình thực dân hóa, khai thác cái vùng hẻo lánh này, đã làm hơn một người trở nên loạn óc. Tôi đã suy nghĩ, kể từ khi nghe những nhận xét về chủ đề này của Voss bạn tôi, đến sự khác biệt giữa chủ nghĩa thực dân Đức, như đã được tiến hành ở phía Đông trong những năm đó, và chủ nghĩa đế quốc Anh và Pháp, rõ ràng là có văn hóa cao hơn nhiều. Voss từng nhấn mạnh rằng có những sự kiện mang tính khách quan: sau khi mất đi các thuộc địa, vào năm 1919, nước Đức đã phải cho gọi người của mình về và đóng cửa các văn phòng quản lý thuộc địa; các trường đào tạo vẫn được mở, về nguyên tắc, nhưng không còn thu hút được ai nữa, vì không có đầu ra; hai mươi năm sau, toàn bộ một hệ thống kỹ năng đã bị mất đi. Dù có như vậy, chủ nghĩa quốc xã đã tạo ra sự thôi thúc cho cả một thế hệ, đầu óc nhồi nhét đầy những ý tưởng mới và say sưa với những kinh nghiệm mới, những kinh nghiệm, ở lĩnh vực thực dân hóa, có lẽ là ngang bằng với các kinh nghiệm cũ. Còn về sự quá đà – những bột phát đầy tính lảm lạc như của những kẻ có thể gặp ở *Deutsche Haus*, hoặc, theo một cách có hệ thống hơn, các cấp quản lý của chúng tôi dường như không tài nào xử lý nổi những dân tộc bị thực dân hóa, trong đó một số lẽ ra đã sẵn sàng vui vẻ phục vụ nếu chúng

tôi biết cách dành cho họ một số đảm bảo, chứ không phải bằng một phương cách đầy bạo lực và khinh miệt – cũng không được phép quên rằng chủ nghĩa thực dân của chúng tôi, ngay cả ở châu Phi, là một hiện tượng non trẻ, và rằng những người khác, khi khởi đầu, cũng không làm được gì khá khẩm hơn: chỉ cần nghĩ đến những cuộc thanh trừng lớn của Bỉ ở Congo, đến chính sách bòn rút có hệ thống của họ, hoặc đến chính sách của Mỹ, kẻ tiền triệu và hình mẫu của chính sách chúng tôi, về việc tạo ra không gian sống thông qua giết chóc và những cuộc di dân bắt buộc – nước Mỹ, người ta có chiều hướng quên đi điều này, không là gì khác ngoài một “không gian trinh trắng”, nhưng người Mỹ thành công ở nơi chúng tôi đã thất bại, việc này tạo ra toàn bộ sự khác biệt. Ngay cả người Anh, vốn vẫn thường xuyên được nêu ra làm ví dụ như vậy, và được Voss ngưỡng mộ đến thế, cũng cần phải có thất bại thảm hại năm 1858 tại Ấn Độ mới có thể bắt đầu phát triển được các phương pháp kiểm soát tinh vi một chút; và nếu, dần dà, họ học được cách sử dụng thật nhuần nhuyễn củ cà rốt và cây gậy luân phiên nhau, thì cũng không được quên rằng cây gậy vẫn còn xa mới bị lãng quên, như chúng ta đã có thể thấy được với cuộc thảm sát Amritsar, vụ ném bom Kaboul, và nhiều trường hợp khác nữa, rất nhiều và đều đã bị lãng quên.

Tôi đã đi quá xa khỏi những suy nghĩ ban đầu mất rồi. Điều mà tôi muốn nói, đó là nếu con người chắc chắn không phải là, như một số nhà thơ và triết gia từng muốn, sinh ra đã tốt đẹp, thì con người cũng không sinh ra đã xấu xa: cái thiện và cái ác là những phạm trù có thể sử dụng để đánh giá hiệu ứng của các hành động của một con người lên một kẻ khác; nhưng theo tôi về bản chất chúng không thích hợp, thậm chí là vô tích sự, trong việc phân xét những gì diễn ra trong trái tim kẻ đó. Doll giết người hoặc sai những kẻ khác giết người, do vậy đó là cái Ác; nhưng xét về tự thân, đó là một người tốt đối với người thân của ông ta, bằng quan trước những người khác, và thêm vào đó lại còn tôn trọng các điều luật. Người ta còn có thể đòi hỏi gì hơn nữa ở cái kẻ sống tại các thành phố có văn minh cao và dân chủ của chúng

ta? Và có bao nhiêu nhà từ thiện, trên khắp thế giới, trở nên nổi danh bởi sự hào phóng kỳ quặc của họ, liệu có phải là ngược lại, họ mới là những con quái vật của lòng ích kỷ và khô cần, hau háu cái thứ vinh quang bên ngoài, chất chứa sự phù phiếm, bạo chúa với những người thân của họ? Tất cả những ai muốn thỏa mãn các nhu cầu của mình đều bàng quan với những nhu cầu của người khác. Và để cho người ta có thể sống được cùng với nhau, để tránh được cái trạng thái theo kiểu Hobbes của "Tất cả chống lại tất cả" và, ngược lại, nhờ có sự tương trợ và từ đó mà sản lượng tăng lên, thỏa mãn một số lượng lớn các ham muốn của họ, cần phải có những biện pháp liên quan đến luật, vạch ra những giới hạn của các ham muốn đó, và phân xử các xung đột: cơ chế ấy, chính là Luật Pháp. Nhưng còn cần những con người, ích kỷ và xấu xa, chấp nhận sự bó buộc của Luật Pháp, và cái đó do vậy phải được dẫn chiếu đến một cấp xét xử cao hơn con người, phải được thiết lập trên nền tảng một sức mạnh mà con người cảm thấy ở trên mình. Như tôi từng gợi ý cho Eichmann, trong bữa tối ấy, dẫn chiếu tối cao và mang tính tượng tượng đó trong một thời gian dài từng là ý tưởng về Chúa; từ vị Chúa vô hình và toàn năng đó, nó đã trượt về phía con người cụ thể của ông vua, đáng nắm giữ quyền năng thần thánh; và khi ông vua đó mất đầu, quyền lực tuyệt đối được chuyển giao cho Dân chúng hoặc Quốc gia, và được tạo dựng trên một "khế ước" tượng tượng, không có nền tảng lịch sử hoặc sinh học, và do đó cũng trừu tượng như ý tưởng về Chúa. Chủ nghĩa quốc xã của Đức từng muốn neo nó lại ở *Volk*, một thực tế lịch sử: *Volk* là chúa tể, và Führer thể hiện hoặc đại diện hoặc hóa thân cho quyền năng chúa tể đó. Từ quyền năng chúa tể ấy mà sản sinh ra Luật Pháp, và với phần lớn những con người, ở tất cả các đất nước, đạo đức không khác gì hơn là Luật Pháp: theo hướng này, luật luân lý của Kant, mà Eichmann từng bận tâm đến vậy, thứ phái sinh từ lý trí và tương tự nhau ở mọi người, là một thứ hư cấu giống như mọi quy luật khác (nhưng có thể là một hư cấu có ích). Luật của Thánh kinh nói: Người sẽ không giết người, và sẽ không dự kiến trước một

ngoại lệ nào; nhưng tất cả Do Thái và người Kitô giáo đều chấp nhận rằng trong thời chiến thứ luật đó sẽ bị tạm gác lại, rằng giết kẻ thù của dân tộc mình là một việc đúng đắn, ở đó không có chút tội lỗi nào; khi nào chiến tranh kết thúc, vũ khí đã xếp lại, luật cũ sẽ lại tiếp tục tiến trình hiền hòa của mình, như thể chưa từng bao giờ có quãng gián cách ấy. Như vậy, với một người Đức, là một người Đức tốt đồng nghĩa với tuân theo các đạo luật và do đó là tuân theo lời Führer: về mặt đạo đức, không thể có điều gì khác nữa, bởi vì không gì có thể tạo lập được nó (và cũng không phải là tình cờ nếu những người hiếm hoi chống đối lại chính quyền đa số đều có tín ngưỡng: họ vẫn lưu giữ một dẫn chiếu về luân lý, họ có thể phân định cái Thiện và cái Ác theo một dẫn chiếu khác ngoài Führer, và Chúa chính là điểm tựa để họ phản bội lại lãnh tụ của họ và đất nước của họ: không có Chúa, điều đó hẳn là sẽ bất khả, bởi vì biết tìm đâu ra sự biện minh? Một con người đơn độc nào, bằng chính ý chí của mình, dám giải quyết thẳng băng vấn đề để nói rằng, cái này là thiện, cái kia là ác? Sẽ là một sự vượt khuôn khổ quá mức, và cũng sẽ là một sự hỗn loạn quá mức, nếu ai cũng có ý định làm chuyện đó: chỉ cần người nào cũng sống theo thứ Luật riêng của mình, dù cho Luật đó có mang tính chất Kant đến mức độ nào, thì chúng ta sẽ quay trở lại với Hobbes). Do đó nếu người ta muốn xét xử các hành động của Đức trong cuộc chiến tranh đó như là những hành động tội phạm, thì cần phải đòi thanh toán với cả nước Đức, chứ không chỉ là những người như Doll. Nếu Doll có mặt ở Sobibor trong khi người hàng xóm của ông ta không ở đó, thì đấy chỉ là một sự tình cờ, và Doll không phải chịu trách nhiệm về Sobibor hơn là người hàng xóm may mắn của ông ta; cùng lúc đó, người hàng xóm của ông ta cũng chịu trách nhiệm về Sobibor ở mức độ ngang bằng với ông ta, bởi vì cả hai đều phục vụ theo lối toàn tòng và tận tâm cùng một đất nước, cái đất nước đã tạo ra Sobibor đó. Một người lính, khi bị gửi ra mặt trận, không phản đối; không chỉ là anh ta đánh liều mạng sống của mình, mà người ta còn bắt anh ta phải giết người, ngay cả khi anh ta không muốn giết người; ý chí của anh

ta không còn chỗ đứng; nếu anh ta ở lại vị trí của mình, thì đó là một con người có phẩm hạnh, nếu anh ta bỏ trốn, thì đó là một kẻ đào ngũ, một tên phản bội. Người bị gửi đến làm tại một trại tập trung, cũng như người được bỏ vào một Einsatzkommando hoặc một tiểu đoàn cảnh sát, phần lớn thời gian cũng không lập luận khác hơn: anh ta biết rằng ý chí của mình không có ý nghĩa gì hết, và rằng chỉ có sự tình cờ mới biến được anh ta thành một tên sát nhân chứ không phải là một anh hùng, hoặc một người chết. Hoặc là khi đó thì cần phải xem xét những điều này từ một quan điểm đạo đức không còn có tính Do Thái-Thiên chúa giáo nữa (hoặc phi tôn giáo và dân chủ, những thứ cũng trở thành cùng một điều hoàn toàn tương tự), mà là Hy Lạp: người Hy Lạp dành một vị trí cho sự tình cờ trong các hoạt động của con người (một sự tình cờ, cần phải nói thêm, thường được ngụ ý bằng sự can thiệp của các vị thần), nhưng không một lúc nào họ nghĩ rằng sự tình cờ đó làm giảm bớt trách nhiệm của mình. Tội lỗi được dẫn chiếu đến hành động, chứ không phải là ý chí. Oedipe, khi ông ta giết bố mình, không biết là mình vừa phạm tội giết cha; trên đường đi của mình mà giết chết một người lạ mặt vừa sỉ nhục mình, với ý thức và luật lệ của Hy Lạp, là một hành động hợp lẽ, không có chút lỗi lầm nào; nhưng người đàn ông đó lại chính là Laiös, và việc không hay biết không thay đổi gì tội lỗi: và cái đó thì Oedipe thừa nhận, và khi cuối cùng biết được sự thật, ông ta đã tự chọn cho mình hình phạt, và thực hiện nó. Mối quan hệ giữa ý chí và tội lỗi là một khái niệm thuộc về Thiên chúa giáo, vẫn còn tồn tại dai dẳng trong pháp luật hiện đại; chẳng hạn như luật hình sự coi giết người không cố ý hoặc do vô tình là một tội, nhưng là tội nhỏ hơn so với giết người có tính toán; cũng tương tự như vậy đối với các quan niệm tư pháp giảm bớt trách nhiệm trong trường hợp bệnh điên; và thế kỷ XIX cuối cùng đã hoàn thành việc buộc chặt khái niệm tội lỗi vào khái niệm cái bất thường. Với người Hy Lạp, không có gì quan trọng nếu Héracles giết các con của mình trong một cơn điên, hoặc nếu Oedipe giết cha mình vì tình cờ: điều đó không thay đổi gì hết, đó là một tội

lỗi, họ là những tên tội phạm; người ta có thể thương xót họ, nhưng người ta không thể xá tội cho họ – và vẫn giống hệt như vậy ngay cả khi rất thường xuyên sự trừng phạt họ được chuyển cho bàn tay các vị thần, chứ không phải của con người. Theo cách nhìn đó, nguyên tắc của các phiên tòa được thành lập sau chiến tranh để phán xử những con người vì các hành động cụ thể của họ, không tính chút nào đến sự tình cờ, thì công bằng; nhưng người ta đã tiến hành công việc một cách vụng về; bị những người nước ngoài xét xử, những người có các giá trị mà họ chối từ (trong lúc vẫn công nhận các quyền của người chiến thắng), người Đức có thể cảm thấy mình thoát được khỏi gánh nặng đó, và do đó mình vô tội: cũng giống như kẻ không bị xét xử sẽ coi kẻ bị xét xử như một nạn nhân của vận rủi, anh ta xá tội cho người đó, và cùng lúc tự xá tội cho mình; và người bị nhốt vào trong một nhà tù ở nước Anh, hoặc một goulag Nga, cũng làm như vậy. Nhưng liệu rằng có thể khác được không? Làm thế nào mà, với một người bình thường, một điều có thể lại là đúng đắn vào một ngày, và đến ngày hôm sau đã trở thành một tội lỗi? Người ta cần được dẫn dắt, đó không phải là lỗi của họ. Đó là những câu hỏi phức tạp và không có những câu trả lời đơn giản. Luật Pháp, ai biết được là nó nằm ở đâu? Ai cũng phải đi tìm nó, nhưng việc đó rất khó, và cũng bình thường khi người ta quy phục sự đồng thuận chung. Không phải tất cả mọi người đều có thể là một nhà lập pháp. Chắc hẳn là việc gặp một vị thẩm phán đã khiến tôi suy nghĩ đến tất cả những chuyện này.

Với người nào không thích thú những thứ đồ uống của *Deutsche Haus*, ở Lublin này các trò giải trí rất hiếm. Trong những giờ rỗi rảnh, tôi đi thăm thành phố cổ và lâu đài; tối đến, tôi gọi phục vụ bữa ăn trong phòng mình và đọc sách. Tôi đã để lại *Festgabe* của Best và quyển viết về giết người theo nghi lễ ở Berlin, trên giá sách; nhưng tôi có mang theo tuyển tập Maurice Blanchot mua ở Paris, mà tôi đọc lại từ đầu, và sau những ngày

tranh luận căng thẳng, tôi có một thú vui lớn được tập trung hoàn toàn trong cái thế giới khác hẳn đó, chỉ có ánh sáng và suy tư. Những sự cố nhỏ tiếp tục phá hỏng sự yên tĩnh của tôi; trong cái *Deutsche Haus* này, có vẻ như là không thể nào khác được. Một tối, hơi thấy chộn rộn trong người, quá lơ đãng để có thể đọc được, tôi xuống quầy bar uống một cốc schnaps và nói chuyện (giờ đây tôi đã quen gần hết các khách quen). Khi lên cầu thang lại, trời tối quá, tôi đi nhầm phòng; cánh cửa để mở và tôi bước vào: trên giường, hai người đàn ông đang cùng nhau giao cấu với một cô gái, một nằm trên lưng, một người quỳ gối, cô gái, cũng quỳ, giữa hai người. Mất một lúc tôi mới hiểu ra điều mình đang nhìn thấy và khi cuối cùng, như trong một giấc mơ, mọi thứ bắt đầu quay trở lại vị trí của chúng, tôi lẩm bẩm một lời xin lỗi và định đi ra. Nhưng người đàn ông đang quỳ, cả người trần truồng ngoài một đôi bốt, đã rút ra và đứng dậy. Một tay cầm cái dương vật đang ngồng lên và xoa nó nhẹ nhàng, tay còn lại của hắn chỉ tôi, như thể mời tôi vào thay chỗ, cặp mông của cô gái, nơi cái lỗ đít, bao xung quanh là màu hồng, mở toác ra như một cái miệng cá giữa hai khối cầu trắng. Về người đàn ông kia tôi chỉ nhìn thấy hai cẳng chân đầy lông, hai hòn dái và dương vật mất hút trong cái âm đạo rậm rạp lông. Cô gái rên rỉ nhẽo nhẹt. Không nói một lời, tôi mỉm cười, lắc đầu và đi ra ngoài, đóng lại cánh cửa ở sau lưng. Sau chuyện đó, tôi lại càng không muốn ra khỏi phòng nữa. Nhưng khi Höfle mời tôi đến một buổi tiếp tân ngoài trời mà Globocnik tổ chức để mừng sinh nhật viên chỉ huy đội lính của quân khu, tôi đã không do dự nhận lời. Bữa tiệc diễn ra ở Julius Schreck Kaserne, đại bản doanh của SS: sau một khối nhà cũ kỹ có một công viên khá đẹp, với một thảm cỏ rất xanh, những cái cây ở phía cuối vườn và hai bên là những bồn hoa; ở tận cùng, có thể nhìn thấy vài ngôi nhà, rồi đến vùng nông thôn. Đám bàn gỗ đã được dựng lên trên những cái mễ, và khách khứa đứng uống rượu thành từng nhóm trên cỏ; trước đám cây cối, phía trên những cái hố được sửa sang lại cho dịp này, nguyên cả một con hoẵng và hai con lợn đang được xiên que quay rôti, do những

người lính trông coi. Viên Spiess đưa tôi từ cổng vào dẫn tôi đến thẳng chỗ Globocnik, đang đứng cùng với vị khách mời danh dự buổi hôm đó, Generalleutnant Moser, và vài công chức bên dân sự. Mới giữa trưa, nhưng Globocnik đã uống cognac và hút một điều xì gà to, khuôn mặt đỏ ửng của ông ta đỏ mề hôi phía trên cái cổ áo nút kín. Tôi rập chân trước nhóm người để chào, rồi Globocnik bắt tay và giới thiệu tôi với những người khác; tôi chúc mừng viên tướng nhân dịp sinh nhật. “Thế nào, Sturmbannführer, Globocnik nói với tôi, những cuộc thanh tra của anh có tiến triển không? Anh đã tìm được những gì?” – “Vẫn còn hơi sớm để rút ra các kết luận, Herr Gruppenführer. Và rồi đó lại còn là những vấn đề mang tính chất kỹ thuật nữa. Chắc chắn là trong công việc khai thác nguồn nhân lực, chúng ta sẽ có thể có được những cải thiện.” – “Lúc nào người ta cũng có thể cải thiện tất cả! Dù sao thì một người quốc xã thực thụ chỉ biết đến phong trào và tiến bộ. Anh phải nói chuyện với Generalleutnant đây: ông ấy vừa mới than phiền là người ta rút mất vài tên Do Thái ở các nhà máy của Wehrmacht. Hãy giải thích cho ông ấy rằng chỉ việc thay thế chúng bằng người Ba Lan thôi đi.” Viên tướng nói xen vào: “Gruppenführer thân mến của tôi, tôi không hề than phiền; tôi hiểu các biện pháp đó ngang bằng với bất kỳ ai. Tôi chỉ nói rằng những lợi ích của Wehrmacht cũng cần phải được tôn trọng chứ. Rất nhiều người Ba Lan đã bị đưa đi làm việc ở Reich, và những người còn lại thì cần thời gian để được đào tạo; bằng cách hành động đơn phương, các ông làm rối loạn sản xuất trang thiết bị chiến tranh đấy.” Globocnik phá lên cười thô bỉ: “Điều ông muốn nói, Generalleutnant thân mến của tôi ời, là bọn Polack quá ngu để có thể học làm việc một cách tử tế, và rằng Wehrmacht thích bọn Do Thái hơn. Đúng vậy, bọn Do Thái khôn lanh hơn bọn Ba Lan. Chính vì vậy mà chúng cũng nguy hiểm hơn.” Ông ta ngừng lời và quay sang tôi: “Nhưng, Sturmbannführer, tôi không muốn giữ anh lại đây đâu. Đồ uống ở trên các bàn, anh tự phục vụ đi, vui vẻ nhé!” – “Cám ơn, Herr Gruppenführer.” Tôi chào và tiến về phía một cái bàn trĩu xuống

dưới sức nặng của những chai rượu vang, bia, schnaps, cognac. Tôi rót một cốc bia và nhìn ra xung quanh. Những khách mời mới đổ tới, nhưng tôi không biết mặt nhiều người. Có nhiều phụ nữ, vài nhân viên của SSPF mặc quân phục, nhưng đông nhất là vợ của các sĩ quan, mặc đồ dân sự. Florstedt đang nói chuyện với các đồng nghiệp ở trại của mình; Höfle hút thuốc một mình trên một cái ghế băng, hai khuỷu tay chống lên mặt bàn, một chai bia đã mở để trước mặt, vẻ tư lự, chìm đắm trong sự trống rỗng. Tôi mới nghe nói hồi mùa xuân, anh ta đã mất hai đứa con, hai đứa trẻ sinh đôi chết vì bệnh bạch cầu; ở *Deutsche Haus*, người ta kể là trong đám tang anh ta đã suy sụp, la hét, nhìn thấy trong nỗi bất hạnh của mình một sự trừng phạt của thần linh, và rằng kể từ đó, anh ta không còn là con người như trước nữa (mặt khác, anh ta sẽ định tự tử hai mươi năm sau đó, ở nhà tù Viên, thậm chí còn chưa đợi nghe bản án của luật pháp Áo, cho dù chắc chắn là nó khoan dung hơn nhiều so với bản án của Chúa). Tôi quyết định để anh ta yên và đến nhập hội với một nhóm vài người đứng xung quanh viên KdS của Lublin, Johannes Müller. Tôi nhận ra viên KdO Kinttrup; Müller giới thiệu tôi với người đang nói chuyện với mình: “Đây là Sturmbannführer tiến sĩ Morgen. Cũng như anh, ông ấy làm việc trực tiếp theo lệnh của Reichsführer.” – “Tuyệt vời. Với cương vị gì?” – “Tiến sĩ Morgen là một thẩm phán SS, làm việc ở Kripo.” Morgen tiếp tục lời giải thích: “Hiện tại, tôi điều hành một hội đồng đặc biệt được Reichsführer ủy quyền để điều tra về các trại tập trung. Còn anh?” Tôi giải thích ngắn gọn cho ông ta về nhiệm vụ. “A, như vậy là anh cũng có liên quan đến các trại,” ông ta bình luận. Kinttrup đi khỏi. Müller vỗ vai tôi: “Meine Herren, nếu các ông muốn nói chuyện công việc, tôi sẽ để các ông lại một mình. Hôm nay là Chủ nhật mà.” Tôi chào ông ta và quay lại về phía Morgen. Ông ta nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt sống động và đầy thông minh, hơi bị che lấp đằng sau cặp kính gọng mỏng. “Chính xác thì hội đồng của ông làm gì?” tôi hỏi ông ta. – “Về bản chất đó là một tòa án của SS và của cảnh sát “theo bổ nhiệm đặc biệt”. Tôi có quyền, được Reichsführer trực

tiếp giao, điều tra về sự tham nhũng tại các KL.” – “Rất thú vị. Có nhiều vấn đề không?” – “Nói thế là còn quá khiêm tốn. Tham nhũng là cả một vấn đề khổng lồ.” Ông ta hất đầu về phía ai đó đứng sau lưng tôi và cười nhẹ: “Nếu Sturmbannführer Florstedt nhìn thấy anh đứng với tôi, công việc của anh sẽ không còn được thuận lợi đâu.” – “Ông điều tra về Florstedt à?” – “Đó là một trong số những người đó.” – “Thế ông ta có biết không?” – “Dĩ nhiên là có. Đây là một cuộc điều tra chính thức, tôi đã cho triệu tập ông ta nhiều lần rồi.” Ông ta đang cầm trên tay một ly rượu vang trắng; ông ta uống một chút, tôi cũng uống cạn cốc của mình. “Tôi rất quan tâm đến điều ông vừa nói,” tôi nói tiếp. Tôi nói với ông ta về những ấn tượng của mình đối với sự khác biệt giữa các quy định về lương thực chính thức và những gì các tù nhân nhận được trên thực tế. Ông ta vừa lắng nghe vừa gật đầu: “Đúng, rất chắc chắn, cả đồ ăn cũng bị lấy cắp nữa.” – “Bởi bàn tay của ai?” – “Bởi tất cả mọi người. Từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất. Đầu bếp, kapo, SS-Führer, thủ kho, và cả ở cấp cao nữa.” – “Nếu quả là như vậy, thì đây là một vụ bê bối.” – “Hiển nhiên rồi. Bản thân Reichsführer rất tức giận. Một người của SS phải là một người lý tưởng chủ nghĩa: anh ta không được phép vừa làm công việc của mình vừa thông dâm với các nữ tù nhân và vợ vét cho đầy túi. Tuy nhiên có chuyện đó thật đấy.” – “Thế các điều tra của ông có thu lại kết quả không?” – “Khó khăn lắm. Những người đó rất đoàn kết với nhau, và kháng cự rất mạnh.” – “Tuy nhiên, nếu ông có toàn bộ sự ủng hộ của Reichsführer...” – “Mới đây thôi. Tòa án đặc biệt này mới được lập ra từ một tháng nay. Những điều tra của tôi đã được tiến hành từ hai năm nay rồi và tôi đã gặp phải những trở ngại đáng kể. Chúng tôi đã bắt đầu – thời đó tôi còn là thành viên của tòa án SS và của cảnh sát quân khu XII, ở Kassel – bằng KL Buchenwald, gần Weimar ấy. Chính xác hơn nữa là với tay Kommandant của trại, một kẻ tên là Koch. Các bước tiến hành đã bị ngăn trở: Obergruppenführer Pohl khi đó đã viết một bức thư chúc mừng gửi cho Koch, trong đó ông ta nói, ngoài những điều khác nữa, rằng ông ta sẽ che chắn *mỗi khi*

có một tay luật gia thất nghiệp lại muốn chia những bàn tay đao phủ về phía con người trong sạch của Koch. Tôi biết được điều đó bởi vì Koch đã cho lưu chuyển bức thư đó cho nhiều người. Nhưng tôi đã không buông tha ông ta. Koch đã được chuyển đến đây, để điều hành KL, và tôi đi theo ông ta. Tôi đã phát hiện một hệ thống tham nhũng trải rộng giữa các trại khác nhau. Cuối cùng, mùa hè năm ngoái, Koch đã bị treo quyền. Nhưng ông ta đã cho sát hại phần lớn các nhân chứng, trong đó có cả một viên Hauptscharführer ở Buchenwald, một trong những kẻ tòng phạm của ông ta. Ở đây, ông ta đã cho giết chết tất cả các nhân chứng Do Thái; chúng tôi cũng đã mở một cuộc điều tra về cả việc đó nữa, nhưng khi ấy tất cả Do Thái của KL đều đã bị xử tử; khi chúng tôi muốn phản ứng, người ta liền ban cho chúng tôi các mệnh lệnh tối cao.” – “Nhưng những lệnh như thế có tồn tại, ông phải biết chứ.” – “Vào thời điểm đó tôi mới biết. Và rõ ràng là trong trường hợp ấy, chúng tôi không hề có quyền hạn. Nhưng dù sao cũng có một sự phân biệt: nếu một thành viên của SS cho giết một tên Do Thái trong khuôn khổ các mệnh lệnh tối cao, thì đó là một chuyện; nhưng nếu anh ta cho giết một tên Do Thái để che đậy những trò xấu xa của mình, hoặc là để thỏa mãn ham muốn bệnh hoạn, như điều cũng hay xảy ra, thì lại là một chuyện khác, đó là một tội ác. Và điều đó vẫn đúng ngay cả khi tên Do Thái phải chết.” – “Tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Nhưng sự phân biệt hẳn là khó thực hiện lắm.” – “Về mặt tư pháp mà nói thì chắc chắn là như vậy: người ta có thể có những nghi ngờ, nhưng để kết tội một ai đó, thì phải có các bằng chứng và, như tôi đã nói với anh, những kẻ đó giúp đỡ lẫn nhau, làm biến mất các nhân chứng. Thỉnh thoảng, dĩ nhiên, không có gì phải băn khoăn hết cả: chẳng hạn như tôi cũng tiến hành điều tra về vợ của Koch, một kẻ bệnh hoạn tình dục, mà ta ra lệnh giết các tù nhân xăm trổ trên người để lấy da của họ; thuộc xong rồi, mà ta dùng chúng để làm chụp đèn hoặc những thứ đồ vật khác cùng loại. Một khi mà tất cả các bằng chứng đó được thu thập, mà ta sẽ bị bắt, và tôi không hề nghi ngờ gì về việc mà ta sẽ bị xử tử.” – “Thế làm thế nào mà

cuộc điều tra của ông về tay Koch đó kết thúc được?" – "Nó vẫn đang được tiến hành; khi nào hoàn thành xong công việc ở đây và có được đầy đủ các bằng chứng, tôi tính sẽ lại bắt ông ta một lần nữa. Cả ông ta cũng xứng đáng nhận án tử hình." – "Như vậy là ông ta đã được thả à? Tôi không hoàn toàn theo được câu chuyện của ông." – "Ông ta đã được xử trắng án hồi tháng Hai. Nhưng hồi đó tôi không phụ trách hồ sơ nữa. Tôi gặp vấn đề với một người khác, không phải là một sĩ quan ở trại mà là của Waffen-SS, một tay tên là Dirlewanger. Một kẻ điên cuồng, đứng đầu một nhóm tội phạm và săn bắn trộm được đặc xá. Năm 1941, tôi nhận được thông tin cho biết hắn đang cùng các bạn của mình tiến hành những cái được gọi là thí nghiệm khoa học, ở tại GG này: hắn ta đã sát hại các cô gái bằng chất stricnin và vừa hút thuốc lá vừa nhìn họ chết. Nhưng khi tôi muốn truy đuổi hắn, hắn và cả đơn vị đã được chuyển sang Belarus. Tôi có thể nói với anh rằng hắn có được sự bảo vệ từ một cấp rất cao của SS. Cuối cùng, tôi đã bị thua cuộc, bị tước bỏ các công việc, bị hạ cấp xuống SS-Sturmmann, và bị gửi vào một tiểu đoàn chiến đấu, rồi sang SS-"Wiking", ở Nga. Chính trong khoảng thời gian đó vụ xử Koch đã thất bại. Nhưng vào tháng Năm Reichsführer đã cho gọi tôi lại, phong tôi làm Sturmbannführer quân dự bị, và bổ tôi vào Kripo. Sau một lá đơn nữa của giới chức tỉnh Lublin liên quan đến những vụ trộm tài sản thuộc về những người tù, ông ấy đã ra lệnh cho tôi thành lập hội đồng đó." Tôi gật đầu đầy ngưỡng mộ: "Ông không hề sợ phải đối đầu." Morgen cười lạnh lùng: "Không hoàn toàn. Trước chiến tranh, khi tôi còn là thẩm phán ở *Landgericht Stettin*, tôi đã bị mất chức vì bất đồng ý kiến với một lời phán quyết. Chính vì vậy mà cuối cùng tôi phải vào *SS-Gericht*." – "Tôi có thể hỏi ông đã học ở đâu không?" – "Ồ, tôi di chuyển nhiều lắm. Tôi đã học ở Frankfurt, ở Berlin và ở Kiel, rồi cả ở Rome và La Haye nữa." – "Kiel! Ở Viện kinh tế thế giới à? Tôi cũng đã có một thời gian học ở đó. Với giáo sư Jessen." – "Tôi biết ông ấy rất rõ. Còn tôi thì học luật quốc tế với giáo sư Ritterbusch." Chúng tôi chuyện gẫu một lúc, trao đổi những kỷ

niệm về Kiel; Morgen, tôi phát hiện được, nói tiếng Pháp rất giỏi, ngoài ra là bốn thứ tiếng nữa. Tôi quay trở lại với chủ đề ban đầu: “Tại sao ông lại bắt đầu bằng Lublin?” – “Trước hết là để vây đồn Koch. Tôi sắp thành công rồi. Và rồi đơn kiện của tỉnh đã cho tôi một cái cơ rất tốt. Nhưng ở đây có đủ thứ chuyện kỳ dị. Trước khi đến, tôi đã nhận được một báo cáo của KdS về một đám cưới Do Thái trong một trại lao động. Có lẽ phải có đến cả nghìn khách mời.” – “Tôi không hiểu.” – “Một tên Do Thái, một tay kapo quan trọng, cưới vợ trong cái *Judenlager* đó. Hắn có vô số đồ ăn và rượu. Lính gác SS cũng tham gia. Rõ ràng là ở đó phải có những vi phạm mang tính tội phạm.” – “Chuyện đó xảy ra ở đâu?” – “Tôi không biết. Khi đến Lublin, tôi đã hỏi Müller; ông ta tỏ ra rất mơ hồ. Ông ta đã gửi tôi đến trạm của DAW, nhưng ở đó người ta không biết gì hết cả. Rồi người ta khuyên tôi đến gặp Wirth, một Kriminalkommissar, anh có biết không? Và Wirth đã nói với tôi rằng đúng là có chuyện đó, và đó là phương pháp của ông ta để diệt trừ bọn Do Thái: ông ta trao những ưu tiên cho một số, bọn này sẽ giúp ông ta giết những kẻ khác; sau đó, ông ta cũng giết những kẻ đó luôn. Tôi muốn hỏi ông ta nhiều hơn nữa, nhưng Gruppenführer đã cấm tôi đến các trại của Einsatz, và Reichsführer đã xác nhận điều này.” – “Như vậy là ông không có quyền tài phán đối với Einsatz?” – “Không phải là với vấn đề tiêu diệt Do Thái, không. Nhưng không có ai cấm tôi nhìn vào những gì xảy ra với các thứ tài sản được tịch thu. Einsatz tạo ra được những khoản tiền khổng lồ, bằng vàng, tiền và đồ. Tất cả những cái đó đều thuộc về Reich. Tôi đã đi xem tất cả các kho của họ rồi, ở đây, phố Chopin, và tôi tính sẽ điều tra thêm trước đã.” – “Tất cả những điều ông nói với tôi, tôi nồng nhiệt đáp, đều hết sức thú vị. Tôi hy vọng chúng ta sẽ có thể nói được một cách chi tiết hơn nữa. Theo một cách nào đó, các nhiệm vụ của chúng ta có thể bổ sung cho nhau.” – “Đúng vậy, tôi hiểu điều anh muốn nói rồi: Reichsführer muốn lập lại trật tự trong tất cả những việc đó. Có thể là mặt khác, bởi vì họ ít nghi ngờ anh hơn, anh sẽ tìm ra được những điều mà họ giấu tôi. Chúng ta sẽ gặp lại nhé.”

Globocnik, trước đó vài phút, gọi mọi người đến bàn. Tôi ngồi đối diện với Kurt Claasen, một đồng nghiệp của Höfle, và bên cạnh một nữ thư ký SS rất lẩm cẩm. Ngay lập tức cô ta muốn lôi kéo tôi vào những câu chuyện dăm dớ của mình, nhưng thật may mắn là Globocnik đã bắt đầu một bài diễn văn vinh danh tướng Moser khiến cô ta buộc phải kiên nhẫn chờ. Ông ta nhanh chóng kết thúc và tất cả mọi người đứng dậy để uống mừng sức khỏe Moser; rồi ông tướng nói vài lời cảm ơn. Người ta mang đồ ăn ra: những khoanh thịt rôti trên những cái khay gỗ phân chia trên mặt bàn, mỗi người đều có thể tự phục vụ tùy thích. Ngoài ra còn có các món salat và rau tươi rất ngon. Cô gái nhám nháp một củ cà rốt và ngay lập tức tìm cách tiếp tục câu chuyện: tôi lơ đãng nghe, vừa nghe vừa ăn. Cô ta nói về vị hôn phu của mình, một viên Hauptscharführer đóng quân ở Galicie, tại Drohobycz. Đó là một câu chuyện bi thảm: chính cô ta đã vì anh ta mà hủy bỏ hôn phối với một anh lính người Viên, còn anh ta cũng đã lấy vợ, nhưng là lấy một người phụ nữ mà anh ta không yêu. “Anh ấy muốn ly hôn, nhưng tôi đã làm một điều ngu xuẩn, tôi gặp lại người lính mà tôi đã cắt đứt trước đây, anh ta là người đề nghị tôi điều đó nhưng tôi đã trả lời đồng ý, và Lexi” – đó là tên vị hôn phu – “biết được, thế là anh ấy nản chí vì anh ấy không còn chắc chắn vào tình yêu của tôi và anh ấy đã quay trở lại Galicie. Nhưng thật may mắn là anh ấy vẫn luôn yêu tôi.” – “Thế anh ấy làm gì ở Drohobycz?” – “Anh ấy ở trong SP, anh ấy quản lý bọn Do Thái của Durchgangstrasse.” – “Tôi hiểu rồi. Thế hai người thường gặp nhau chứ?” – “Khi được nghỉ phép. Anh ấy muốn tôi đến sống cùng, nhưng tôi cũng không biết nữa. Có vẻ như là ở đó rất buồn tẻ. Nhưng anh ấy lại nói rằng tôi sẽ không phải nhìn thấy bọn Do Thái của anh ấy, và rằng anh ấy sẽ tìm được một ngôi nhà tốt. Nhưng nếu muốn lấy nhau, tôi cũng không biết nữa, thì anh ấy phải ly hôn. Anh nghĩ gì về chuyện này?” Miệng tôi đang đầy thịt hoẵng và tôi chỉ có thể nhún vai một cái. Rồi tôi nói chuyện một lúc với Claasen. Đến khoảng cuối bữa tiệc, một dàn nhạc xuất hiện, đứng trên các bậc thang dẫn lên vườn và bắt đầu chơi một

điệu valse. Nhiều đôi đứng dậy để ra nhảy trên thảm cỏ. Nữ y tá trẻ tuổi, hẳn là thất vọng vì sự thiếu quan tâm của tôi đối với những bất hạnh tình cảm của mình, ra nhảy cùng Claasen. Ở một cái bàn khác tôi nhìn thấy Horn, đến dự tiệc khá muộn, và tôi đứng dậy đến nói chuyện vài câu. Một hôm, phát hiện ra cái cặp giả da của tôi, ông ta đã đề nghị, lấy cớ là để chỉ cho tôi thấy chất lượng công việc của các Do Thái của ông ta, cho làm một cái khác bằng da thật; tôi vừa nhận được nó, một cái túi đẹp bằng da marôcanh với một cái phecmotuya bằng đồng thau. Tôi nồng nhiệt cảm ơn ông ta, nhưng cũng khẳng khẳng xin được trả tiền da và tiền công, để tránh mọi hiểu lầm. “Không có vấn đề gì, Horn đồng ý. Chúng tôi sẽ làm cho anh một tờ hóa đơn.” Có vẻ như Morgen đã biến mất. Tôi uống một cốc bia nữa, hút thuốc, ngắm nhìn những người đang nhảy. Trời nóng, và với những thứ thịt nặng bụng và rượu, tôi toát mồ hôi bên trong bộ quân phục. Tôi nhìn ra xung quanh: nhiều người đã mở móc áo hoặc thậm chí cởi khuy áo varoi; tôi bèn nói khuy áo cổ. Globocnik không bỏ qua một điệu nhảy nào, mỗi lần lại mời một người phụ nữ mặc thường phục hoặc một nữ thư ký; cô bạn ngồi cạnh tôi lúc này cũng rơi vào vòng tay ông ta. Nhưng ít người có được sự hào hứng ấy: sau vài vòng valse và các điệu nhảy khác, người ta bảo dàn nhạc đổi món, và một dàn đồng ca các sĩ quan Wehrmacht và SS tập hợp lại để hát “*Drei Lilien, kommt eine Reiter, bringt die Lilien*” và những bài khác. Claasen đến chỗ tôi với một cốc cognac cầm trên tay; ông ta đang mặc áo sơ mi, khuôn mặt đỏ lựng và phồng lên; ông ta cười một cách độc ác và trong khi dàn nhạc chơi bản “*Es geht alles vorüber*” ông ta rống lên một phiên bản xuyên tạc rất hỗn xược:

Es geht alles vorüber

Es geht alles vorbei

Zwei Jahre in Russland

Und nix ponimai.

"Nếu Gruppenführer nghe thấy anh, Kurt ạ, anh sẽ bị hạ cấp xuống thành Sturmman ở Orel và *nix ponimai* luôn đấy." Wipper, một trưởng ban khác của Einsatz, tiến lại gần mắng Claasen. "Được rồi, chúng ta sẽ đi bơi, anh đi không?" Claasen nhìn tôi: "Anh đến không? Có một bể bơi ở cuối vườn đấy." Tôi cầm lấy một cốc bia khác từ cái xô đựng đá và đi theo họ qua hàng cây: từ phía trước mặt, tôi nghe thấy những tiếng cười, tiếng nước bắn tung tóe. Bên trái, những đoạn hàng rào dây thép gai chạy sau những cây thông: "Cái gì thế?" tôi hỏi Claasen. – "Một trại nhỏ của bọn *Arbeitjude*. Gruppenführer giữ chúng ở đó để làm các công việc vặt vãnh, vườn tược, xe cộ, những cái như vậy." Bể bơi cách cái trại một khoảnh đất nhỏ; nhiều người, trong đó có hai phụ nữ mặc đồ tắm, đang bơi hoặc nằm phơi nắng trên cỏ. Claasen cởi hết quần áo, chỉ đánh độc cái quần cộc và nhảy xuống nước. "Anh xuống không?" ông ta hét lên khi trời lên mặt nước. Tôi uống thêm một chút, rồi, gấp bộ quần phục lại để bên cạnh đôi bốt, tôi cởi quần áo và bước xuống nước. Nước mát, hơi có màu nước trà, tôi bơi dọc bể vài lần, rồi dừng lại ở đoạn giữa để nằm ngửa bập bênh trên mặt nước và ngắm bầu trời cùng những ngọn cây đang run rẩy. Phía sau, tôi nghe thấy hai cô gái ngồi trên bờ bể bơi trò chuyện, hai chân thò xuống vẫy nước. Một vụ cãi vã nổ ra: hai sĩ quan đã đẩy Wipper, người không muốn cởi quần áo, xuống nước, ông ta chửi bới và tức tối từ dưới nước bò lên trong bộ quần phục ướt sũng. Trong khi tôi nhìn những người khác cười, hai tay vẫn quặt nhẹ để giữ nguyên vị trí của mình ở giữa bể, hai Orpo đội mũ sắt xuất hiện sau khoảnh đất, súng trường đeo trên vai, đẩy trước mặt mình hai người đàn ông rất gầy mặc quần áo kẻ sọc. Claasen, đang đứng trên bờ bể bơi, vẫn mặc quần cộc và ướt lướt thướt, gọi: "Franz! Các anh làm cái quái quỷ gì ở đây thế?" Hai tay Orpo đứng chào; những người tù, đang cúi gằm mặt xuống đất bước đi, mũ calô cầm trên tay, dừng lại. "Đây là bọn Do Thái bị bắt quả tang ăn cắp vỏ khoai tây, Herr Sturmbannführer, một trong hai Orpo trả lời bằng một thứ thổ ngữ đặc sệt của dân *Volksdeutscher*. Scharführer của chúng tôi

nói phải xử bắn chúng.” Mặt Claasen sầm lại: “Các anh không định làm việc đó ở đây đấy chứ. Gruppenführer đang có khách.” – “Không, không, Herr Sturmbannführer, chúng tôi sẽ đi ra xa hơn, đoạn đường hào đằng kia.” Một nỗi hoang mang vô lý xâm chiếm tôi không hề qua một bước chuyển tiếp nào: các Orpo sẽ giết những người Do Thái ở ngay đây và sẽ ném họ xuống bể bơi, và chúng tôi sẽ phải bơi trong máu, giữa những cái xác nổi sấp mặt xuống. Tôi nhìn những người Do Thái: một trong hai người, khoảng bốn mươi tuổi, đang liếc trộm các cô gái, người kia, trẻ hơn, da vàng ệch, mắt vẫn nhắm xuống đất. Không hề thấy yên tâm trước những lời vừa xong của tay Orpo, tôi cảm thấy một sự căng thẳng rất mạnh mẽ, nỗi hoang mang cứ tăng mãi thêm lên. Trong khi mấy tay Orpo tiếp tục đi, tôi nằm yên ở giữa bể, cố sức thở thật mạnh và nổi người lên. Nhưng giờ đây với tôi nước như thể đã trở thành một lớp chất lỏng đè nặng, ngột ngạt. Trạng thái kỳ lạ này kéo dài cho đến lúc tôi nghe thấy hai tiếng súng, cách đó một chút, nghe không rõ lắm, giống như những tiếng *bốp! bốp!* mở chai sâm banh. Chậm chậm, nỗi hoang mang lắng dần ra để rồi biến đi hoàn toàn khi tôi nhìn thấy hai tay Orpo quay lại, vẫn với những bước đi nặng nề. Họ lại chào chúng tôi khi đi qua và tiếp tục đi về phía trại. Claasen đang nói chuyện với một cô gái, Wipperf đang tìm cách vắt khô bộ quân phục. Tôi nằm ngửa thả trôi mình đi trên mặt nước.

Tôi gặp lại Morgen. Ông ta sắp sửa kết tội Koch và vợ, cũng như nhiều sĩ quan và hạ sĩ quan khác của Buchenwald và Lublin; sau khi tôi thề sẽ giữ bí mật, ông ta nói rằng Florstedt cũng sẽ bị kết tội. Ông ta cho tôi biết một cách chi tiết các thủ thuật được những kẻ thoái hóa đó sử dụng để che giấu các việc làm xấu xa của mình, và phương pháp của ông ta để tóm được bọn họ. Ông ta so sánh chữ viết của các *Abteilung* của trại: ngay cả khi những kẻ phạm tội giả mạo điều gì đó, chúng cũng không buồn tìm cách ráp những thứ đồ giả ấy với những tài liệu và báo cáo của các ban

khác. Bằng cách này, ở Buchenwald, ông ta đã thu thập được những bằng chứng nghiêm túc đầu tiên về các vụ giết người do Koch gây ra khi phát hiện rằng một người tù được ghi tên vào cùng một thời điểm ở hai nơi khác nhau: vào một thời điểm nào đó, sổ sách của nhà tù của *Politische Abteilung* ghi ở bên cạnh tên của người tù dòng chữ “Đã được thả, buổi trưa,” trong khi sổ ghi chép của Revier lại cho biết: “Bệnh nhân chết vào lúc 9h 15.” Trên thực tế người tù đã bị giết ở nhà tù của Gestapo, nhưng người ta lại muốn làm cho người khác tin rằng hắn ta chết bệnh. Morgen cũng giải thích cho tôi bằng cách nào mà người ta có thể so sánh được những quyển sổ quản lý hoặc của Revier với sổ của các khu trại để thử tìm ra những bằng chứng về việc lấy cắp đồ lương thực, thuốc men hoặc tài sản. Ông ta rất quan tâm đến việc tôi định đi Auschwitz; nhiều đầu mối mà ông ta đang lần theo quả thực dẫn về trại đó. “Chắc chắn đó là Lager giàu nhất, bởi đó là nơi hiện nay phần lớn những chuyến hàng đặc biệt của RSHA được chuyển đến. Cũng như ở đây, với Einsatz, họ có những nhà kho khổng lồ để chia và phân định tất cả các thứ tài sản tịch thu được. Tôi ngờ rằng việc này sẽ dẫn đến những vụ việc xấu xa và những vụ ăn cắp lớn. Chúng tôi đã được báo động bởi một cái gói gửi đến từ KL thông qua bưu điện quân đội: vì có trọng lượng bất thường, nó đã bị mở ra; trong đó, người ta tìm thấy ba thỏi răng giả bằng vàng, to như nắm đấm, do một y tá ở trại gửi về cho vợ. Tôi đã tính rằng chừng ấy vàng tương đương với hơn một trăm nghìn người chết.” Tôi buột miệng kêu lên. “Và cứ thử tưởng tượng xem! ông ta tiếp tục. Cái đó mới là những gì một người có thể xoay được. Khi nào chúng tôi làm xong việc ở đây, tôi sẽ đến lập một hội đồng tại Auschwitz.”

Bản thân tôi cũng đã sắp xong việc ở Lublin. Tôi đi một vòng để chào tạm biệt một cách nhanh chóng. Tôi đến trả tiền cái cặp cho Horn, và thấy ông ta vẫn luôn luôn trầm cảm và không yên ổn như vậy, vật lộn với những khó khăn về quản lý, những thất thoát về tiền bạc, những chỉ thị mâu thuẫn nhau của mình. Globocnik đón tiếp tôi một cách bình tĩnh hơn lần đầu tiên: chúng

tôi có một cuộc nói chuyện ngắn nhưng nghiêm túc về các trại lao động, mà Globocnik muốn phát triển thêm nữa: đó là, ông ta giải thích với tôi, thanh toán các ghetto cuối cùng, để không còn một tên Do Thái nào nữa tại General-Gouvernement ngoài các trại nằm dưới sự kiểm soát của SS; chính đó, ông ta khẳng định, là ý chí không thể lay chuyển của Reichsführer. Xét về tổng thể GG còn lại một trăm ba mươi nghìn Do Thái, chủ yếu ở Lublin, ở Radom và ở vùng Galicie, Vacxava và Cracovie thì đã, nếu không tính đến những kẻ trốn được, hoàn toàn *judenrein*. Vẫn còn quá nhiều. Nhưng các vấn đề sẽ được giải quyết với tinh thần quyết tâm cao độ.

Tôi đã nghĩ đến việc đến Galicie để thanh tra một trại lao động, giống như trại của anh chàng Lexi khốn khổ; nhưng thời gian không còn nhiều, tôi buộc phải lựa chọn, và tôi biết rằng ngoài những khác biệt nhỏ do điều kiện của địa phương hoặc do con người, các vấn đề sẽ giống hệt nhau. Giờ đây tôi muốn tập trung vào các trại vùng Thượng Silésie, "Vùng Ruhr của miền Đông": KL Auschwitz và nhiều địa điểm phụ thuộc khác. Từ Lublin, cách nhanh nhất là đi ngang qua Kielce rồi qua vùng công nghiệp Kattowitz, một khung cảnh phẳng dẹt, u ám, được điểm xuyết bởi những đám cây thông hoặc cây dương, và bị cắt xé bởi những ống khói nhà máy và lò cao chìa thẳng lên trời và phun ra một thứ khói hắc và độc. Ba mươi cây số trước khi đến Auschwitz, các trạm kiểm soát SS đã kiểm tra hết sức kỹ lưỡng giấy tờ của chúng tôi. Rồi chúng tôi đến sông Vistule, rộng lớn và hung hãn. Từ xa có thể nhìn thấy đường kẻ màu trắng của dãy Beskide, xanh nhạt, run lên trong sương mù mùa hè, không hùng vĩ bằng ở vùng Caucase, nhưng chìm trong một vẻ đẹp dịu dàng. Ở đó các ống khói cũng nhỏ khói, trên bình nguyên, dưới chân những ngọn núi: không có gió và khói bay thẳng lên trước khi uốn cong lại dưới sức nặng của chính nó, làm khuấy động một chút bầu trời. Đường dẫn đến nhà ga và đến *Haus der Waffen-SS*, nơi chỗ ở của chúng tôi đã chờ sẵn. Tiền sảnh gần như không có một bóng người, người ta chỉ cho tôi một căn phòng đơn giản và

sạch sẽ; tôi để đồ đạc xuống, tắm và thay bộ quân phục, rồi đến trình diện tại Kommandantur. Con đường của trại chạy dọc theo Sola, một hợp lưu của sông Vistule; một nửa bị che khuất bởi những cái cây rậm lá, xanh hơn dòng sông mênh mông nơi nó đến đổ nước vào, nước sông chảy cuộn từng khúc, bên dưới một bờ sông dốc đứng và mọc đầy cỏ; trên mặt nước, những con vịt đầu xanh đẹp để thả mồi cho dòng nước cuốn đi, rồi bay vùng lên với một sự căng thẳng toàn thân, cổ chìa ra, hai chân gập lại, cánh dang rộng mang cả thân mình lên phía trên cao, trước khi lười nhác thả rơi mình xuống một chỗ cách đó không xa bờ lắm. Một chốt kiểm soát chặn lối vào Kasernestrasse; phía bên kia, sau một tháp canh bằng gỗ, dựng lên bức tường dài bằng bê tông màu ghi của trại, chằng đầy dây thép gai, đằng sau đó lần lượt trôi qua những mái màu đỏ của các khu lán trại. Kommandantur ở tòa nhà đầu tiên trong ba tòa nhà nằm giữa phố và bức tường, một khối to lớn với mặt tiền giả đá hoa, thêm nhà cao, xung quanh trồng những ngọn đèn bằng sắt rèn. Ngay lập tức tôi được đưa đến chỗ Kommandant của trại, Obersturmbannführer Höss. Viên sĩ quan này, sau chiến tranh, đã có được một sự nổi tiếng nhất định, nhờ vào số lượng người khổng lồ bị giết chết dưới trách nhiệm của mình và cả vì những hồi ức thẳng thắn và sáng suốt mà ông ta viết khi ngồi trong tù, trong thời gian diễn ra phiên tòa xử. Tuy nhiên đó là một sĩ quan vô cùng điển hình của IKL, chăm chỉ, bướng bỉnh và nhiều hạn chế, không chút đầu óc phóng túng cũng như trí tưởng tượng nào, chỉ đơn giản là có, trong những cử chỉ và cách nói năng của mình, một chút cái hương vị đặc tính đó, đã bị pha loãng nhiều theo thời gian, của những người từng biết đến những cuộc đánh đấm của các Freikorps và những lần tuốt gươm xung phong trên lưng ngựa. Ông ta đón tôi bằng một lời chào theo lối Đức rồi bắt tay tôi; ông ta không mỉm cười, nhưng không tỏ ra không hài lòng khi gặp tôi. Ông ta mặc một cái quần cộc cuối ngựa bằng da, thú, trên người ông ta, không có vẻ gì là một sự làm dáng phù phiếm của sĩ quan: ông ta có một trại ngựa trong trại và cuối ngựa đều đặn; người ta thấy ông ta, họ vẫn nói

vậy ở Oranienburg, thường xuyên trên lưng ngựa hơn là sau bàn làm việc của mình. Trong khi nói, ông ta chiếu cố định đôi mắt nhợt nhạt và mơ hồ đến đáng kinh ngạc lên mặt tôi, tôi thấy điều này thật khó chịu, như thể ông ta thường trực sắp sửa nắm bắt được điều gì đó vẫn luôn tuột mất khỏi tay mình. Ông ta đã nhận được từ WVHA một bức điện liên quan đến tôi: "Trại thuộc về anh." Các trại thì đúng hơn, bởi vì Höss quản lý cả một hệ thống các KL: *Stammlager*, trại chính đằng sau Kommandantur, nhưng ngoài ra còn có Auschwitz II, một trại dành cho tù binh chiến tranh được cải tạo thành trại tập trung, và nằm cách nhà ga vài cây số, trên bình nguyên, gần làng Birkenau của Ba Lan cũ; một trại lao động lớn ở phía bên kia sông Sola và thành phố, được thành lập để phục vụ cho nhà máy cao su tổng hợp của IG Farben ở Dwory; và khoảng một chục trại phụ hoặc *Nebenlager* nằm rải rác, lập ra cho các dự án nông nghiệp hoặc các xí nghiệp khai thác mỏ hoặc xí nghiệp kim khí. Höss, trong khi nói, chỉ cho tôi tất cả những thứ đó trên một tấm bản đồ lớn dán trên tường phòng làm việc của mình: và ông ta lấy ngón tay vạch theo vùng lợi ích của trại, bao phủ toàn bộ vùng nằm giữa sông Vistule và sông Sola, chạy về phía Nam khoảng mười cây số, ngoài những khoảnh đất xung quanh nhà ga dành cho hành khách, do một hội đồng thành phố kiểm soát. "Về việc này, ông ta giải thích với tôi, chúng tôi từng xảy ra bất đồng, hồi năm ngoái. Thành phố muốn xây ở đó một khu phố mới cho nhân viên đường sắt, trong khi chúng tôi muốn có được một phần khu đất để dựng một ngôi làng cho những người thuộc SS có gia đình của chúng tôi. Cuối cùng, không có gì được thực hiện cả. Nhưng trại vẫn đang trong quá trình mở rộng."

Höss, khi ông ta đi một chiếc ô tô thay vì cưỡi một con ngựa, thích tự mình lái, và ông ta qua chở tôi đi, buổi sáng hôm sau, ở cửa *Haus*. Piontek, thấy rằng tôi sẽ không cần anh ta, xin phép được nghỉ cả ngày, anh ta muốn lấy tàu đi thăm gia đình mình ở Tarnowitz; tôi cho anh ta cả đêm luôn. Höss đề nghị bắt đầu từ Auschwitz II: một chuyến hàng RSHA đang từ Pháp sang, ông ta

muốn chỉ cho tôi thấy tiến trình lựa chọn. Nó diễn ra trên bãi dốc của nhà ga hàng hóa, giữa hai cái trại, dưới sự điều hành của một viên bác sĩ quân y, bác sĩ Thilo. Ông ta đã đợi sẵn chúng tôi ở đầu ke tàu, cùng những người lính gác Waffen-SS và lũ chó, các đội tù nhân mặc áo kẻ sọc khi nhìn thấy chúng tôi liền bỏ mũ calô khỏi những cái đầu cạo trọc. Trời còn đẹp hơn ngày hôm qua, những ngọn núi, ở phía Nam, sáng bừng lên dưới mặt trời: đoàn tàu, sau khi đi qua vùng Protektorat và Slovaquie, đang đến theo hướng này. Trong khi chờ đợi, Höss giải thích cho tôi nghe về tiến trình. Rồi đoàn tàu đến nơi và người ta mở cửa các toa chở hàng. Tôi chờ đợi một cuộc hỗn loạn: nhưng mặc dù có những tiếng hét và tiếng chó sủa, mọi thứ diễn ra một cách tương đối có trật tự. Những người mới đến, rõ ràng là mất phương hướng và kiệt sức, hiện ra từ những toa tàu giữa một mùi hôi thối kinh tởm của các loại chất bài tiết; các *Häftling* của Kommando lao động, hét lên bằng một thứ ngôn ngữ pha tạp giữa tiếng Ba Lan, Yiddish và tiếng Đức, bắt họ phải để lại đồ đạc và xếp thành hàng lối, đàn ông một bên, phụ nữ và trẻ con một bên; và trong khi những hàng người này lê bước chân về phía Thilo, và Thilo chia những người có khả năng lao động ra khỏi những người không còn khả năng, bắt những bà mẹ đi cùng con của họ về phía những chiếc cam nhông đợi sẵn cách đó một quãng. – “Tôi biết là họ có thể làm việc, Höss đã giải thích với tôi, nhưng chỉ cần định tách họ khỏi lũ con của họ là sẽ gây ra đủ loại mất trật tự”. Tôi chậm rãi bước đi giữa những hàng người. Phần lớn trong số họ đang nói chuyện với nhau, giọng rất nhỏ, bằng tiếng Pháp, những người khác, hẳn là Do Thái nhập quốc tịch hoặc người nước ngoài, bằng nhiều thứ tiếng khác nhau: tôi nghe thấy những câu mà tôi hiểu được, những câu hỏi, những lời bình luận; những người này hoàn toàn không có ý niệm gì về nơi họ đang ở, cũng như về những gì đang chờ đón họ. Các *Häftling* của Kommando, tuân theo các quy định, trấn an họ: “Đừng lo lắng, sau này các người sẽ gặp lại nhau, chúng tôi sẽ trả lại đồ đạc, nước trà và xúp đang chờ sẵn sau khi đi tắm.” Các hàng người tiến lên theo từng bước nhỏ. Một người phụ nữ, khi

nhìn thấy tôi, liền hỏi bằng một thứ tiếng Đức tồi, tay chỉ vào đứa con của mình: "Herr Offizier! Chúng tôi sẽ được ở cùng nhau chứ?" – "Đừng lo, thưa bà, tôi trả lời bằng tiếng Pháp, giọng lịch sự, hai người sẽ không bị tách khỏi nhau đâu." Ngay lập tức rất nhiều câu hỏi đổ dồn đến: "Chúng tôi sẽ làm việc à? Các gia đình có được ở cùng nhau không? Các ngài sẽ làm gì những người già?" Trước khi tôi kịp trả lời, một viên hạ sĩ quan đã chạy lên trước và dùng roi quất họ. "Đủ rồi đấy, Rottenführer!" tôi kêu lên. Anh ta lộ rõ vẻ sửng sốt: "Là bởi vì không được phép để bọn chúng trở nên phẫn khích, Herr Sturmbannführer." Vài người bị chảy máu, những đứa trẻ con khóc. Mùi hôi thối bốc lên từ các toa tàu và thậm chí là cả từ quần áo của những người Do Thái khiến tôi ngạt thở, tôi cảm thấy dâng lên trong mình cơn buồn nôn quen thuộc xưa cũ và phải hít thật mạnh bằng miệng để tự chế ngự. Trong các toa tàu, những đội tù nhân chuyển tay nhau các thứ đồ đạc bị bỏ lại xuống bãi; những xác người chết trên đường đi cũng chịu chung số phận. Vài đứa trẻ đang chơi trò trốn tìm: lính Waffen-SS để mặc chúng chơi, nhưng hét lên nếu chúng lại gần đoàn tàu, vì sợ chúng sẽ lao qua bên dưới những toa tàu. Đằng sau Thilo và Höss, những chiếc cam nhông đầu tiên đã nổ máy. Tôi đi về phía họ và quan sát Thilo làm việc: với một số người, chỉ cần một cái liếc mắt là đủ, với những người khác, ông ta đặt vài câu hỏi, được một *Dolmetscher* dịch lại, kiểm tra rằng, ấn ấn vào cánh tay, bắt cởi khuy áo sơ mi. "Ở Birkenau, anh sẽ thấy, Höss bình luận, chúng tôi chỉ có hai trạm khử chấy rận bé xíu. Những ngày nhiều việc, điều đó hạn chế trông thấy khả năng tiếp nhận người. Nhưng với một chuyến hàng thì vẫn còn được." – "Các ông làm thế nào khi có nhiều chuyến?" – "Còn tùy. Chúng tôi có thể gửi một số đến trung tâm tiếp nhận của *Stammlager*. Nếu không, chúng tôi buộc phải giảm quota xuống. Chúng tôi định làm một khu tắm hơi trung tâm mới để xử lý vấn đề này. Bản vẽ đã xong hết rồi, tôi đang đợi Amtsgruppe C thông qua về chuyện ngân sách. Nhưng chúng tôi thường xuyên gặp vấn đề về tiền. Người ta muốn tôi mở rộng trại, rằng tôi phải tiếp nhận thêm

nhiều người nữa, rằng tôi phải lựa chọn nhiều hơn, nhưng họ lại nhấn nhó khi nói đến chuyện phương tiện. Tôi vẫn thường phải tự ứng biến đấy." Tôi nhíu mày: "Ông nói ứng biến nghĩa là thế nào?" Ông ta nhìn tôi bằng cặp mắt hờ hững: "Đủ mọi loại chuyện. Tôi ký thỏa thuận với các hãng mà chúng tôi cung cấp người lao động: thỉnh thoảng, họ trả tôi theo lối hàng đổi hàng, tôi được nhận về vật liệu xây dựng và những thứ khác nữa. Thậm chí bằng cách đó có lúc tôi còn có được cả xe cam nhông. Một hãng đã gửi chúng cho tôi để chuyển người lao động đến, nhưng chưa bao giờ yêu cầu tôi trả lại. Cần phải biết tự xoay sở." Việc lựa chọn sắp kết thúc: tất cả kéo dài chưa đầy một giờ. Khi những chiếc cam nhông cuối cùng đã đầy người, Thilo cộng nhanh những con số và đưa cho chúng tôi xem: trên một nghìn người vừa đến, ông ta đã giữ lại 369 đàn ông và 191 phụ nữ: "55%, ông ta bình luận. Với những chuyến hàng từ phía Tây, chúng ta có được một tỉ lệ trung bình cao. Ngược lại, những chuyến hàng Ba Lan thì đúng là thảm họa. Không bao giờ vượt quá được 25%, và thỉnh thoảng, chỉ có 2 hoặc 3%, thực sự không có gì để mà giữ lại hết." – "Thế ông nghĩ nguyên nhân là tại sao?" – "Tình trạng của họ khi đến nơi thảm hại lắm. Từ nhiều năm nay người Do Thái của GG sống trong các ghetto, họ ăn uống kém, mắc đủ mọi chứng bệnh. Ngay cả giữa những người được lựa chọn, và đã được chúng tôi lưu ý, vẫn có nhiều người chết rập dúm ở đâu đó." Tôi quay sang Höss: "Ông nhận được nhiều chuyến hàng từ phía Tây chứ?" – "Từ Pháp thì đây là chuyến thứ năm mươi bảy. Chúng tôi đã có hai mươi chuyến từ Bỉ. Từ Hà Lan tôi không còn nhớ nữa. Nhưng mấy tháng gần đây, chủ yếu chúng tôi nhận được những chuyến từ Hy Lạp. Chất lượng không được cao lắm. Đến đây đi, tôi sẽ chỉ cho anh xem tiến trình của việc tiếp nhận." Tôi chào Thilo và lên lại xe. Höss lái rất nhanh. Trên đường, ông ta tiếp tục giải thích những khó khăn của mình: "Kể từ khi Reichsführer quyết định dành Auschwitz cho việc tiêu diệt bọn Do Thái, chúng tôi chỉ gặp toàn những vấn đề. Cả năm vừa rồi, chúng tôi buộc phải làm việc với những cơ sở tạm bợ. Đúng là

công việc qua quýt. Tôi mới chỉ có thể bắt đầu xây dựng các cơ sở cố định, với một khả năng tiếp nhận thích hợp, từ tháng Giêng năm nay. Nhưng chưa phải mọi thứ đều đã xong xuôi. Có những kỳ hạn, nhất là trong việc chuyên chở vật liệu xây dựng. Và rồi, vì vội vã quá, lại có những sai sót trong công việc: lò thiêu số III ngừng chạy sau hai tuần, người ta đã điều chỉnh nó quá nóng. Tôi buộc phải cho đóng cửa để sửa chữa. Nhưng chúng tôi không được phép nóng vội, cần phải biết kiên nhẫn. Chúng tôi có nhiều việc đến mức buộc phải chuyển một số lượng lớn các chuyến hàng sang các trại của Gruppenführer Globocnik, nơi dĩ nhiên không hề có chọn lựa gì cả. Hiện giờ thì yên ổn hơn, nhưng trong mười ngày nữa sẽ lại tiếp tục thôi: GG muốn quét sạch những ghetto cuối cùng của mình." Trước chúng tôi, phía dưới con đường, một tòa nhà dài bằng gạch đỏ nằm trải dài, một phía có cái vòm lớn, và một tháp canh nhọn hoắt; các sườn của nó là những cây cột bê tông chằng thép gai và một loạt chòi gác, cách nhau những khoảng cách đều đặn; và phía sau, nhìn ngút tầm mắt, lô xô những dãy lán trại bằng gỗ giống hệt nhau. Khu trại thật mênh mông. Các nhóm tù nhân mặc áo kẻ sọc đi lại trên những lối đi, nhỏ xíu, những con côn trùng trong một cái tổ. Dưới tháp canh, trước cửa vòm, Höss rẽ sang phải. "Xe cam nhông sẽ đi thẳng tiếp. Các Krema và trạm khử chấy rận nằm ở phía cuối. Nhưng trước tiên chúng ta sẽ qua Kommandantur đã." Chiếc xe chạy dọc theo những cây cột quét vôi và các chòi gác; những lán trại chạy dài và hàng lối thẳng tắp của chúng phô bày những phối cảnh dài màu nâu, những đường chéo mờ mờ mở ra rồi lẫn vào với cái tiếp theo. "Dây có cắm điện không?" – "Mới gần đây thôi. Đó vẫn còn là một vấn đề, nhưng chúng tôi đã giải quyết xong rồi." Ở cuối trại, Höss đang chuẩn bị xây một khu mới. "Đây sẽ là *Häftlingskrankenbau*, một bệnh viện khổng lồ phục vụ tất cả các trại trong vùng." Ông ta vừa dừng xe lại trước Kommandantur và chỉ tay về phía một cánh đồng vắng vẻ rộng lớn, dây thép gai vây xung quanh. "Anh có thấy phiền nếu phải đợi tôi năm phút không? Tôi phải nói vài câu với Lagerführer."

Tôi ra khỏi xe và hút một điếu thuốc. Tòa nhà Höss vừa đi vào cũng được xây bằng gạch đỏ, với một cái mái dốc thoải và một ngọn tháp bốn tầng ở giữa; từ đó, một con đường dài chạy qua trước mặt khu mới và biến mất theo hướng một rừng dương đằng sau khu lán trại. Có rất ít tiếng động, chỉ thỉnh thoảng mới có một câu lệnh ngắn ngủi hoặc một tiếng hét khàn đặc. Một viên Waffen-SS đi xe đạp hiện ra từ một trong các bộ phận của khu trung tâm và đi về phía tôi; đến chỗ tôi, anh ta chào tôi mà không dừng lại và rẽ về phía lối ra của trại, đạp một cách thông thả, không chút vội vàng, dọc theo những hàng rào dây thép gai. Các chòi canh không một bóng người: ban ngày lính gác đóng trên một "vành đai lớn" xung quanh hai trại. Tôi lơ đãng nhìn chiếc xe phủ đầy bụi của Höss: liệu không có gì hay ho hơn để làm so với việc dẫn một người khách đi tham quan hay sao? Một nhân viên cấp thấp, giống như ở Lublin, hoàn toàn có thể làm được việc này. Nhưng Höss biết rằng báo cáo của tôi sẽ lên đến tận Reichsführer, có thể ông ta muốn làm cho tôi hiểu được tầm vóc những gì mình đã làm được. Khi ông ta xuất hiện trở lại, tôi ném mẩu thuốc lá đi và trèo lên xe ngồi cạnh ông ta; ông ta đi theo con đường chạy vào khu rừng dương, thỉnh thoảng chỉ cho tôi những "cánh đồng", hoặc khoảnh đất, của khu trung tâm: "Chúng tôi đang tổ chức lại toàn bộ để hợp lý hóa công việc. Khi nào xong xuôi, cả trại sẽ chỉ còn để dành cho việc cung cấp công nhân cho các ngành công nghiệp của vùng và thậm chí là của Altreich. Chỉ các tù nhân thường trực mới là những người được phép duy trì và quản lý trại. Tất cả tù nhân chính trị, nhất là người Ba Lan, sẽ ở lại *Stammlager*. Từ tháng Hai, tôi cũng đã có một trại gia đình cho bọn Digan." – "Trại gia đình?" – "Đúng vậy. Đó là một mệnh lệnh của Reichsführer. Khi quyết định trục xuất bọn Digan khỏi Reich, ông ấy muốn rằng chúng không phải thông qua lựa chọn, chúng sẽ ở cùng với nhau, thành gia đình, và chúng không làm việc. Nhưng rất nhiều đã chết vì bệnh tật. Chúng không chống cự lại." Chúng tôi đến một cái barie. Phía sau, một hàng rào cây bụi chạy dài che khuất hàng rào dây thép gai, ở đó nằm khuất nẻo hai tòa

nhà dài bằng gạch chịu lửa, giống hệt nhau, mỗi cái có hai ống khói cao. Höss đỗ xe lại gần tòa nhà bên phải, giữa một rừng thông mọc thưa thớt. Phía trước, trên một bãi cỏ được chăm sóc cẩn thận, phụ nữ và trẻ con Do Thái vừa cởi xong quần áo, dưới sự canh gác của lính và những người tù mặc áo kẻ sọc. Quần áo chất đống khắp nơi, được chia ra một cách rõ ràng, trên mỗi đống có một mảnh gỗ rập nổi một con số. Một trong số các tù nhân hét: "Đi nào, nhanh, nhanh, vào tắm!" Những người Do Thái cuối cùng đi vào tòa nhà; hai thằng bé, nghịch ngợm tráo đổi số của những đống quần áo; chúng bỏ chạy khi một Waffen-SS giơ dùi cui lên. "Cũng giống như ở Treblinka hoặc Sobibor, Höss bình luận. Đến tận phút cuối cùng, người ta vẫn làm chúng tưởng rằng chúng sẽ được khử chấy rận. Phần lớn thời gian chuyện này diễn ra hết sức yên tĩnh." Ông ta bắt đầu giải thích cho tôi cách thức bố trí: "Ở đây kia, chúng tôi có hai lò thiêu khác, nhưng lớn hơn nhiều: các phòng hơi ngạt xây ngầm dưới đất và có thể đón được đến hai nghìn người. Ở đây các phòng nhỏ hơn và mỗi Krema có hai phòng: tiện hơn nhiều đối với những chuyến hàng nhỏ." – "Khả năng tối đa là bao nhiêu?" – "Vì dùng khí ga nên về thực tế là không có giới hạn; trở ngại duy nhất là khả năng các lò. Chúng đã được hãng Topf chế tạo riêng cho chúng tôi. Chính thức mà nói chúng có năng suất 768 người mỗi đợt trong hai mươi tư giờ. Nhưng có thể đẩy lên đến một nghìn hoặc một nghìn năm trăm nếu cần." Một chiếc xe cứu thương mang phù hiệu chữ thập màu đỏ đến nơi và đỗ lại gần xe của Höss; một bác sĩ SS, áo bờ lu trắng mặc ngoài bộ quân phục, đến chào chúng tôi. "Tôi giới thiệu với anh Hauptsturmführer bác sĩ Mengele, Höss nói. Ông ấy đến chỗ chúng tôi được hai tháng nay. Đây là bác sĩ trưởng của trại Digan." Tôi bắt tay ông ta. "Hôm nay ông phụ trách à?" Höss hỏi ông ta. Mengele gật đầu. Höss quay sang tôi: "Anh có muốn đến xem không?" – "Không cần đâu, tôi đáp. Tôi biết rồi." – "Nhưng nó có hiệu quả hơn nhiều so với phương pháp của Wirth đấy." – "Vâng, tôi biết. Người ta đã giải thích cho tôi điều đó ở KL Lublin. Họ cũng áp dụng phương pháp của các ông." Vì Höss có vẻ nhân

nhỏ, tôi hỏi, để tỏ ra lịch sự: “Tổng cộng mất bao nhiêu thời gian?” Mengele trả lời bằng cái giọng du dương và ngọt ngào của ông ta: “Sonnderkommando mở cửa sau nửa tiếng. Nhưng còn phải để thời gian cho khí tan đi. Về nguyên tắc, cái chết sẽ đến sau mười phút. Mười lăm, nếu trời ẩm.”

Chúng tôi vừa đi qua “Canada”, nơi các tài sản tịch thu đã được phân chia thành từng loại và để riêng trước khi được phân bổ, thì các ống khói của lò thiêu mà chúng tôi vừa rời khỏi bắt đầu bốc khói, tỏa ra cùng cái mùi nhàn nhạt, xấu xa, mà tôi đã từng biết đến ở Belzec. Höss, nhận ra sự khó chịu của tôi, bình luận: “Tôi thì quen với cái mùi này kể từ khi còn nhỏ xíu rồi. Đó là mùi của thứ nén tôi để làm lễ ở nhà thờ. Bố tôi rất tin đạo và thường xuyên dẫn tôi đến nhà thờ. Ông ấy muốn tôi trở thành thầy tu. Vì thiếu tiền mua sáp, người ta làm nén bằng mỡ động vật, và chúng tỏa ra cùng thứ mùi này. Nguyên nhân là một hợp chất hóa học, nhưng tôi quên mất tên rồi; Wirths, bác sĩ trưởng của chúng tôi, đã giải thích cho tôi điều đó.” Ông ta nhất định lôi tôi đi thăm hai lò thiêu khác, hai công trình khổng lồ, vào thời điểm đó ngừng không hoạt động; *Frauenlager*, hay là trại dành cho phụ nữ; và trại xử lý nước đã qua sử dụng, được xây dựng sau khi có những phản nản liên tiếp của tỉnh, kết tội trại làm bẩn nước sông Vistule và lớp nước xung quanh. Rồi ông ta dẫn tôi đến *Stammlager*, mà ông ta cũng hướng dẫn tôi đi thăm một cách cẩn kẽ; cuối cùng, ông ta chở tôi đến đầu kia của thành phố để nhanh chóng chỉ cho tôi trại Auschwitz III, đó là nơi những người tù làm việc cho IG Farben: ông ta giới thiệu tôi với Max Faust, một trong các kỹ sư của nhà máy, tôi hẹn sẽ còn quay lại gặp ông ta. Tôi sẽ không miêu tả tất cả các cơ sở: chúng đã vô cùng nổi tiếng và được miêu tả trong nhiều quyển sách, tôi không còn gì để nói thêm nữa. Khi quay về trại, Höss muốn mời tôi cưỡi ngựa một lúc; nhưng tôi gần như không còn đứng vững nổi nữa và chỉ mơ đến chuyện được tắm, và tôi thuyết phục được ông ta cho tôi ở lại chỗ của mình.

Höss đã cấp cho tôi một phòng làm việc để trống trong Kommandantur của *Stammlager*. Từ phòng mình tôi nhìn xuống

được sông Sola và một ngôi nhà hình vuông điệu đà xung quanh trồng cây, ở bên kia Kasernestrasse, chính là nhà ở của Kommandant và gia đình ông ta. *Haus* nơi tôi ở yên tĩnh hơn nhiều so với ở Lublin: những người ngủ ở đó là những người chuyên nghiệp kiêu hãnh, đi qua đó vì nhiều lý do khác nhau; tối đến, các sĩ quan của trại đến uống rượu và chơi bài, nhưng lúc nào cũng cư xử đúng mực. Ở đó ăn uống rất khá, những khẩu phần phong phú cùng rượu vang Bungari, cùng với thứ schlivovitz Croatia uống sau khi ăn, và thỉnh thoảng thậm chí còn có kem vani. Người đối thoại chính của tôi, ngoài Höss, là bác sĩ trưởng của trại, Sturmbannführer bác sĩ Eduard Wirths. Ông ta có văn phòng trong bệnh viện SS của *Stammlager*, ở một đầu Kasernestrasse, đối diện với trụ sở của *Politische Abteilung* và một lò thiêu sấp bở không dùng đến nữa. Hoạt bát, thông minh, các đường nét thanh mảnh, đôi mắt màu nhợt nhạt và mái tóc hoa râm, dường như Wirths kiệt sức vì công việc, nhưng rất hăng hái vượt qua tất cả các khó khăn. Sự ám ảnh của ông ta là cuộc chiến đấu chống căn bệnh sốt chấy rận: trại đã phải trải qua đợt dịch thứ hai trong năm, làm tan hoang trại Digan và cũng ảnh hưởng đến, nhiều khi là gây chết người, các lính gác SS hoặc gia đình của họ. Tôi có những cuộc thảo luận kéo dài hàng giờ với ông ta. Ông ta dưới quyền bác sĩ Lolling ở Oranienburg, và than phiền là mình không được ủng hộ; khi tôi làm cho ông ta hiểu rằng tôi chia sẻ ý kiến đó, ông ta liền trở nên thoải mái và cho tôi biết mình không có khả năng làm việc có hiệu quả với con người kém năng lực và bị tàn phá vì các loại thuốc phiện kia. Bản thân ông ta không phải là một chuyên gia của IKL. Ông ta phục vụ ở mặt trận từ năm 1939, trong Waffen-SS, và đã giành được huân chương Thập tự Sắt hạng nhì; nhưng người ta đã cho ông ta phục viên với lý do bệnh nặng và bổ ông ta vào làm ở các trại. Ông ta đến Auschwitz khi nơi này ở vào một tình trạng thảm họa: từ gần một năm nay, ông ta say mê với ham muốn cải thiện mọi thứ ở đây.

Wirths cho tôi xem những báo cáo mà hàng tháng ông ta gửi đến cho Lolling: tình hình các bộ phận khác nhau của trại, sự

thiếu năng lực của một số bác sĩ và sĩ quan, tính tàn bạo của các thuộc cấp và kapo, những trở ngại hàng ngày gây khó khăn cho công việc của ông ta, tất cả đều được miêu tả trong đó bằng một thứ ngôn ngữ thẳng băng và không màu mè. Ông ta hứa sẽ cho gõ máy chữ lại cho tôi bản sao của sáu báo cáo mới nhất. Ông ta đặc biệt tức giận với việc sử dụng những kẻ tội phạm ở các vị trí có trách nhiệm của trại: "Tôi đã thảo luận hàng chục lần với Obersturmbannführer Höss. Những tay "Xanh" đó đều là những kẻ cục súc, đôi khi là những kẻ loạn tâm thần, bọn họ tha hóa, sử dụng nỗi hoảng loạn để cai trị những người tù khác, tất cả đều được SS đồng lõa. Thật không chấp nhận được, đó là còn chưa nói đến chuyện kết quả của bọn họ thì vô cùng thảm hại." – "Ông muốn thế nào hơn? Tù chính trị? Cộng sản?" – "Dĩ nhiên rồi!" Ông ta giơ một ngón tay lên: "Thứ nhất: theo định nghĩa đó là những người có một ý thức xã hội. Ngay cả khi bị tha hóa, họ cũng sẽ không bao giờ làm những điều kinh khủng vi phạm các điều luật chung. Anh có nhận ra là ở trại dành cho phụ nữ các *Blockälteste* là bọn gái điếm, bọn trụy lạc không! Và trong số những kẻ mà chỉ huy của các khu dành cho đàn ông giữ lại phần lớn là bọn mà ở đây người ta gọi là một *Pipel*, một thanh niên trẻ được sử dụng làm nô lệ tình dục. Chúng tôi phải lấy đó làm chỗ dựa đấy! Trong khi đó bên "Đỏ", tất cả, đều từ chối đến nhà thổ dành cho các tù nhân công chức. Hơn thế nữa, một số đã ở trại từ mười năm nay rồi. Họ giữ được một kỷ luật rất ấn tượng. Thứ hai: giờ đây quyền ưu tiên phải thuộc về cách tổ chức công việc. Thế nhưng, còn ai là người tổ chức tốt hơn là một người cộng sản hoặc một chiến sĩ SD nào? Bọn "Xanh" chỉ biết đánh đập và đánh đập. Thứ ba: người ta phản đối tôi, nói rằng bọn "Đỏ" sẽ phá hoại sản xuất một cách có chủ ý. Tôi đáp lại điều đó rằng trước hết đã có các biện pháp kiểm soát: bọn chính trị phạm không ngu ngốc, bọn họ sẽ hiểu rất rõ rằng chỉ cần có một vấn đề dù là nhỏ nhất là họ sẽ tiêu đời và rằng các luật chung sẽ được áp dụng trở lại. Do vậy lợi ích của họ, cũng như lợi ích của toàn bộ các *Häftling*, là đảm bảo một sản lượng tốt. Thậm chí tôi còn nêu được một ví dụ, ở

Dachau, nơi tôi đã làm việc trong một thời gian ngắn: tại đó, bọn “Đỏ” kiểm soát tất cả và tôi có thể nói với anh rằng mọi thứ ở đó tốt hơn rất nhiều so với Auschwitz. Ngay cả tại đây, ở bộ phận do tôi phụ trách, tôi cũng chỉ sử dụng các chính trị phạm. Tôi không có gì để phàn nàn cả. Thư ký riêng của tôi là một tay cộng sản người Áo, một thanh niên nghiêm túc, lặng lẽ, hiệu quả. Thỉnh thoảng chúng tôi có những cuộc nói chuyện rất thẳng thắn, và cái đó rất có ích cho tôi, bởi vì thông qua những người tù khác anh ta biết được nhiều điều người ta che giấu tôi, và anh ta báo lại cho tôi những cái đó. Tôi tin tưởng anh ta còn hơn một số đồng nghiệp SS.” Cuộc nói chuyện của chúng tôi cũng quay sang vấn đề lựa chọn. “Tôi đánh giá rằng nguyên tắc thật xấu xa, ông ta thẳng thắn thú nhận. Nhưng nếu điều đó cần phải được thực hiện, thì nhất thiết phải do các bác sĩ. Trước đây, Lagerführer và người của ông ta phụ trách việc đó. Ít nhất là bây giờ, mọi chuyện đã đi vào trật tự, và theo những tiêu chí hữu lý.” Wirths đã ra lệnh cho tất cả các bác sĩ của trại lần lượt ra nhà ga. “Cả tôi cũng đến đó, ngay cả khi tôi thấy việc này thật đáng sợ. Tôi phải làm gương.” Ông ta có vẻ hoang mang khi nói điều đó. Đây không phải là lần đầu tiên người ta nói hết mọi chuyện với tôi: kể từ đầu chuyển công tác, một số cá nhân, hoặc vì theo trực giác họ hiểu được rằng tôi quan tâm đến những vấn đề của họ, hoặc vì họ hy vọng tìm được ở tôi một kênh liên lạc để đưa lên trên những khó khăn của mình, đã nói nhiều hơn cả các đòi hỏi của công việc. Đúng là Wirths, ở đây, không thường xuyên tìm được một cái tai thân thiện: Höss là một người rất giỏi về mặt chuyên môn, nhưng không hề có chút nhạy cảm nào, và hẳn là cũng như vậy đối với phần lớn những người nằm dưới quyền ông ta.

Tôi thanh tra một cách chi tiết các phần khác nhau của trại. Nhiều lần tôi quay lại Birkenau, và bắt người ta chỉ cho tôi các hệ thống kiểm kê những tài sản tịch thu được ở “Canada”. Đó là cả một sự lộn xộn khó tưởng tượng nổi: có hàng đống thùng tiền bị bỏ qua, và người ta dùng chân giẫm lên những tờ tiền, rách nát và bị trộn lẫn vào với bùn lầy ở các lối đi. Về nguyên tắc, người

ta phải lục soát những người tù khi họ ra khỏi chỗ làm; nhưng tôi nghĩ rằng với một cái đồng hồ đeo tay hoặc vài đồng reichsmark, hẳn là sẽ không khó khăn để đút lót cho một người lính gác. Viên kapo “Xanh” quản lý giấy tờ xác nhận với tôi điều đó một cách gián tiếp: sau khi đưa tôi đến thăm đồng ngỗng ngang của ông ta – hàng núi quần áo cũ, được các đội làm việc gỡ ngói sao vàng trước khi sửa sang lại, chọn lọc, rồi chất thành đống; những thùng đựng kính đeo mắt, đồng hồ đeo tay, bút máy vứt chổng gọng; những hàng xe đẩy và xe nôi sắp xếp nghiêm chỉnh; những bó tóc phụ nữ, được giao thành từng bao tải đầy cho các hãng của Đức sau đó sẽ biến chúng thành tất đi chân cho lính thủy dưới tàu ngầm, thành đồ đệm trong của những tấm đệm, và thành các thứ vật liệu đặc biệt; và những đồng hồ lớn các thứ đồ thờ, mà không ai biết là phải làm gì với – viên công chức tù nhân này, khi sắp sửa để tôi lại một mình, hồ hững nói với tôi, bằng thứ tiếng lóng đầy vẻ nhạo báng của Hamburg: “Nếu có cần cái gì thì nói, tôi sẽ lo.” – “Anh muốn nói gì?” – “Ồ, nhiều khi cũng không phức tạp lắm đâu. Để phục vụ ấy mà, ông biết đấy, chúng tôi thấy rất là thích.” Đó chính là điều mà Morgen từng nói đến: các SS của trại, với sự đồng lõa của tù nhân, thường coi “Canada” này như là kho chứa đồ cá nhân của mình. Morgen từng khuyên tôi đi thăm các phòng ở của lính gác: ở đó tôi tìm thấy những người của SS nằm phơi bụng trên những cái sofa bằng vải chọn lọc, say bí tỉ, mắt nhìn trống rỗng; vài nữ tù nhân Do Thái, không mặc đồ kẻ sọc theo quy định mà là những cái váy nhẹ, đang rần xúc xích và bánh khoai tây trên một cái chảo to bằng gang; tất cả đều là những cô gái rất đẹp, và họ vẫn giữ được tóc của mình; và khi phục vụ những người lính gác, mang đồ ăn lại hoặc rót rượu đựng trong những cái bình pha lê, họ nói chuyện một cách thân mật, gần gũi, gọi nhau bằng những cái tên tắt. Không một người lính gác nào đứng dậy để chào tôi. Tôi đưa cái nhìn bối rối về phía viên Spiess đi cùng; anh ta nhún vai: “Họ mệt mỏi quá, Herr Sturmbannführer. Họ đã có một ngày nặng nhọc, ông cũng biết đấy. Có tận hai chuyến hàng liền.” Tôi những muốn bắt mở rương hòm của họ, nhưng vị

trí của tôi không cho phép điều đó: tôi không hề nghi ngờ rằng mình sẽ tìm thấy trong đó đủ loại đồ đạc quý và tiền. Sự tham nhũng được phổ thông hóa này, mặt khác, khiến tôi tức giận đến mức độ cao nhất, cũng như những lời nhận xét tình cờ nghe được. Ở quầy bar của *Haus der Waffen-SS*, tôi nghe thấy một cuộc nói chuyện giữa một viên Oberscharführer của trại và một người bên dân sự; viên hạ sĩ quan vừa cười khẩy vừa nói rằng anh ta vừa gửi đến cho Frau Höss “một giỏ đầy những cái quần lót nhỏ, và chất lượng tốt nhất đấy, bằng lụa và đăngten. Bà ấy muốn thay đồng quần lót cũ, anh cũng biết rồi còn gì.” Anh ta không nói rõ nguồn gốc của những cái quần, nhưng tôi có thể đoán được một cách dễ dàng. Bản thân tôi cũng nhận được những lời đề nghị, người ta muốn tặng cho tôi những chai rượu cognac hoặc đồ ăn, để cải thiện khẩu phần hàng ngày. Tôi từ chối, nhưng một cách lịch sự: tôi không muốn bị những sĩ quan này nghi ngờ, điều đó sẽ có hại cho công việc của tôi.

Như đã thỏa thuận, tôi đi thăm nhà máy lớn của IG Farben, tên là Buna, theo tên loại cao su tổng hợp mà một ngày nào đó nó sẽ phải sản xuất được. Có vẻ như việc xây dựng được tiến hành một cách đầy khó nhọc. Vì Faust bận, ông ta sai một trợ lý của mình, kỹ sư Schenke, một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, mặc com lê màu ghi, đeo huy hiệu của Đảng, đưa tôi đi tham quan. Tay Schenke này có vẻ bị cái huân chương Thập tự Sắt cuốn hút mạnh; đôi mắt anh ta, trong khi nói chuyện với tôi, không ngừng trượt về phía nó; cuối cùng anh ta hỏi tôi, một cách rụt rè, là tôi đã có được nó trong hoàn cảnh nào. “Tôi đã ở Stalingrad.” – “A! Ông đúng là gặp may.” – “Vì đã thoát ra được khỏi đó à?” tôi cười, hỏi lại. Đúng vậy, tôi cũng nghĩ thế.” Schenke có vẻ lúng túng: “Không, tôi không muốn nói vậy. Được ở đó, được chiến đấu vì *Heimat* chống lại bọn Bôn-sê-vich nữa.” Tôi tò mò nhìn anh ta và anh ta đỏ mặt. “Tôi bị một dị tật từ hồi nhỏ, ở chân. Một cái xương gãy không được đặt lại đúng chỗ. Điều đó không cho phép tôi ra mặt trận. Nhưng tôi cũng rất muốn được phục vụ Reich.” – “Ở đây anh cũng phục vụ còn gì,” tôi nêu nhận xét. – “Tất nhiên.

Nhưng không giống vậy. Tất cả các bạn hồi nhỏ của tôi đều ở mặt trận. Người ta cảm thấy... bị loại ra." Quả thực là Schenke đi khắp khiêng, nhưng điều đó không ngăn cản anh ta bước đi nhanh và nóng nảy, đến mức tôi phải rảo bước mới theo kịp. Trong lúc đi, anh ta kể cho tôi lịch sử của nhà máy: lãnh đạo Reich đã nhấn mạnh rằng Farben phải xây dựng một nhà máy sản xuất buna – một chất cốt yếu cho ngành công nghiệp vũ khí – ở phía Đông, vì những trận bom oanh tạc đã tàn phá vùng Ruhr. Địa điểm đã được lựa chọn bởi một trong các giám đốc của IG, tiến sĩ Ambros, theo một số lượng lớn các tiêu chí được thỏa mãn: hợp lưu của ba con sông cung cấp lượng nước đáng kể cần thiết cho việc sản xuất buna; có một cao nguyên rộng lớn, gần như hoang vắng (ngoại trừ một ngôi làng Ba Lan đã bị xóa sổ), và về mặt địa chất là lý tưởng vì nằm trên cao; điểm giao của nhiều hệ thống đường sắt; và ở gần nhiều mỏ than. Sự hiện diện của trại cũng là một nhân tố có lợi: SS đã tuyên bố rất vui mừng được hỗ trợ dự án và đã hứa sẽ cung cấp tù nhân. Nhưng việc xây dựng nhà máy bị kéo dài, một phần vì các khó khăn trong cung ứng, một phần vì năng suất của các *Häftling* tỏ ra tồi tệ, và ban giám đốc rất giận dữ. Mặc dù Nhà máy đã thường xuyên phải gửi trả về trại các tù nhân không đủ khả năng làm việc và đòi hỏi thay thế họ, như trong hợp đồng cho phép, những người khác cũng không khá khẩm gì hơn. "Những người mà các anh gửi trả, họ ra sao rồi?" tôi hỏi anh ta bằng một giọng trung tính. Schenke ngạc nhiên nhìn tôi: "Làm sao mà tôi biết được. Không phải là việc của tôi. Tôi nghĩ rằng người ta tân trang lại chúng ở bệnh viện. Ông không biết điều đó à?" Tôi tư lự ngắm nhìn anh chàng kỹ sư trẻ tuổi rất hăng hái này: liệu có thể rằng thực sự anh ta không biết điều đó không? Những ống khói của Birkenau tỏa khói, hàng ngày, cách đó tám cây số, và tôi biết rõ như bất kỳ ai về việc tin đồn đi nhanh đến thế nào. Nhưng dù sao, nếu anh ta không muốn biết, thì cũng có thể là anh ta không biết thật. Các quy định về bí mật và nguy trang cũng là để nhằm mục đích đó.

Tuy nhiên, cứ nhìn vào cách đối xử với các tù nhân được sử

dụng, không có vẻ gì số phận tối hậu của họ là một mối bận tâm lớn với Schenke và các đồng nghiệp của anh ta. Giữa cái công trường mênh mông lầy lội, tình trạng hiện thời của nhà máy, những cột người *Häftling* gầy gò, ăn mặc rách rưới, chạy hồi hả, dưới những tiếng la hét và những cú vụt roi của các kapo, mang vác những thanh xà hoặc bao xi măng quá nặng đối với họ. Nếu một người lao động, trong đôi guốc lớn bằng gỗ của mình, lao đảo và làm rơi những gì mình đang mang hoặc sụp xuống, người ta sẽ còn đánh tợn hơn, và máu tươi bắn tóe lên trên đồng bùn nhòn nhọt. Một số không đứng dậy nữa. Tiếng ồn ào thật khủng khiếp, tất cả mọi người đều la hét, các hạ sĩ quan SS, các kapo; những người tù bị đánh kêu la thảm thiết. Schenke dẫn tôi đi ngang qua cái địa ngục đó mà không mấy may chú ý. Đây đó, anh ta dừng lại và nói chuyện với các kỹ sư khác mặc comlê là cẩn thận, tay cầm những cái thước gấp màu vàng và những quyển sổ nhỏ bìa giả da để ghi chép số liệu; họ bình luận tiến độ của việc xây một bức tường, rồi một trong số họ thì thào điều gì đó với một viên Rottenführer, anh ta bắt đầu rống lên và đánh đập tàn nhẫn viên kapo bằng những cú đá hoặc cú đập báng súng; viên kapo, đến lượt mình, lao vào đám người tù, đánh đập loạn xạ thẳng tay, vừa đánh vừa gầm lên; và khi đó các *Häftling* cố gắng làm mọi việc thật nhanh, nhưng chuyện này ngay lập tức thất bại, vì họ còn gầy như không đứng nổi trên chân của mình. Tôi thấy hệ thống này vô cùng kém hiệu quả, và tôi nêu nhận xét đó với Schenke; anh ta nhún vai và nhìn ra xung quanh như thể mới nhìn thấy cảnh tượng này lần đầu tiên: "Dù sao thì bọn chúng cũng chỉ hiểu được những cú đánh. Ông còn muốn làm gì khác với một nhân lực như thế này chứ?" Tôi lại nhìn các *Häftling* ăn uống đói kém, những thứ quần áo rách rưới của họ vấy bẩn bùn, mỡ đen, chứng bệnh ly. Một tay "Đỏ" người Ba Lan dừng lại một thoáng trước mặt tôi và tôi nhìn thấy một vết màu nâu xuất hiện ở đùi quần và bụng chân anh ta; rồi anh ta lại tiếp tục cuộc chạy đua điên rồ trước khi một tay kapo tiến lại gần. Lấy tay chỉ vào anh ta, tôi nói với Schenke: " Anh không nghĩ rằng kiểm soát tốt

hơn vấn đề vệ sinh của họ là một việc quan trọng à? Tôi không chỉ nói đến chuyện mùi, mà nó còn nguy hiểm nữa, chính bằng cách đó mà các thứ bệnh dịch bùng phát." Schenke trả lời với vẻ hơi cao ngạo một chút: "Tất cả những cái đó là trách nhiệm của SS. Chúng tôi trả tiền cho trại để có được các tù nhân đủ sức lao động. Nhưng trại phải tắm rửa cho họ, cho họ ăn và chữa bệnh cho họ chứ. Đã thỏa thuận như vậy rồi mà." Một kỹ sư khác, một người Souabe to béo và đang toát mồ hôi trong chiếc áo veston vạt chéo của mình, phá lên cười: "Dù sao thì bọn Do Thái cũng giống như là một thứ thịt nguội ấy, sẽ ngon hơn nếu để ôi đi một chút." Schenke nhếch mép cười; tôi lạnh lùng đáp lại: "Người làm của các anh không chỉ là Do Thái." – "Ồ! Những bọn khác có hơn gì đâu." Schenke bắt đầu cảm thấy khó chịu: "Sturmbannführer, nếu ông cho rằng tình trạng các *Häftling* là không tốt, thì lẽ ra ông phải phàn nàn với trại, chứ không phải với chúng tôi. Trại có trách nhiệm về việc chăm nuôi chúng, tôi đã nói với ông rồi. Tất cả những cái đó đều được ghi rõ trên hợp đồng." – "Tôi hiểu rất rõ điều đó, anh cứ tin đi." Schenke có lý; ngay cả những cú đánh cũng là do lính gác SS và các kapo của họ thực hiện. "Tuy vậy tôi cũng nghĩ rằng chúng ta có thể có được sản lượng tốt hơn nếu đối xử với bọn họ tốt hơn. Anh không nghĩ vậy à?" Schenke nhún vai: "Nếu xét về điều kiện lý tưởng thì có thể. Và chúng tôi cũng thường xuyên phàn nàn với trại về tình trạng nhân công. Nhưng chúng tôi có những ưu tiên khác nữa ngoài việc lúc nào cũng cò kè với họ." Đằng sau anh ta, bị dính một cú đánh bằng gậy, một người tù đang hấp hối; cái đầu máu me của anh ta cắm thẳng vào đồng bùn dầy; chỉ có sự run rẩy mang tính cơ học của cẳng chân mới cho thấy là anh ta còn sống. Schenke, khi đi khỏi, bước qua người tù, không buồn nhìn xuống. Anh ta vẫn nghĩ đến những lời của tôi với vẻ giận dữ: "Chúng ta không thể có một thái độ tình cảm yếu đuối, Sturmbannführer. Chúng ta đang ở trong một cuộc chiến tranh. Công việc sản xuất quan trọng hơn tất cả." – "Tôi không nói điều ngược lại. Mục đích của tôi chỉ là gợi ý những biện pháp nhằm làm tăng sản lượng thôi. Hẳn cái đó thì có liên

quan đến các anh. Dù sao thì như thế nào rồi? các anh xây dựng được hai năm rồi, và các anh vẫn còn chưa sản xuất ra được một kilô buna nào.” – “Đúng vậy. Nhưng tôi cũng phải lưu ý ông rằng nhà máy metanôn hoạt động được một tháng rồi.”

Mặc dù lời đáp lại của anh ta, nhận xét cuối cùng của tôi hẳn đã làm Schenke giận; trong suốt phần còn lại của cuộc tham quan, anh ta chỉ đưa ra những lời bình luận khô khốc và ngắn gọn. Tôi bảo anh ta chỉ cho mình xem KL thuộc quyền quản lý của nhà máy, một khu đất hình chữ nhật bao quanh bởi những dãy hàng rào dây thép gai, nằm ở phía Nam nhà máy trên cánh đồng để hoang, ở địa điểm của ngôi làng đã bị xóa sổ. Tôi cho rằng các điều kiện sống ở đó thật tệ hại; có vẻ như viên Lagerführer thấy điều đó là bình thường. “Dù sao, những kẻ mà IG từ chối, chúng tôi đều trả lại cho Birkenau và họ phải hoàn các chi phí cho chúng tôi.” Khi trở về *Stammlager*, tôi nhìn thấy, trên một bức tường của thành phố, dòng chữ đáng kinh ngạc sau: KATYN = AUSCHWITZ. Quả thực từ tháng Ba, báo chí của Goebbels đã không ngừng rêu rao về việc tìm ra ở Belarus những xác người Ba Lan, hàng nghìn sĩ quan bị quân Bôn-sê-vich sát hại sau năm 1939. Nhưng vậy thì ai, ở đây, có thể viết điều này? Ở Auschwitz không còn người Ba Lan nào, và cũng từ lâu đã không còn Do Thái. Tôi thấy thành phố thật xám xịt, u ám, sung túc, giống như tất cả các thành phố cổ của miền Đông nước Đức, với quảng trường chợ hình vuông, nhà thờ dòng Dominicain với cái mái dốc thoải, và, ngay ở lối vào, phía trên cây cầu trên sông Sola, tòa lâu đài cổ của vị công tước trong vùng. Trong nhiều năm, Reichsführer đã tạo điều kiện cho các bản vẽ nhằm mở rộng thành phố và biến nó trở thành một cộng đồng hình mẫu của Đông Đức; kể từ đó, cùng với sự tăng cường của chiến tranh, những dự án đầy tham vọng đó đã bị bỏ bằng đi, và nó vẫn là một thị trấn buồn bã và phẳng lặng, gần như bị bỏ quên giữa cái trại và nhà máy, một thứ đồ phụ tùng mờ nhạt.

Cuộc sống của trại đầy ắp những hiện tượng đặc biệt. Piontek chở tôi đến trước Kommandantur và lùi chiếc Opel lại để đỗ; tôi sắp đi lên thì bị thu hút bởi tiếng động trong vườn nhà Höss. Tôi châm một điếu thuốc và kín đáo tiến lại gần: qua hàng rào mắt cáo, tôi nhìn thấy những đứa trẻ đang chơi trò *Häftling*. Đứa lớn nhất, đang quay lưng lại phía tôi, đeo một dải băng ghi chữ KAPO và hét lên lanh lảnh những lời sai bảo đã được quy chuẩn hóa: "*Ach... tung! Mützen... auf! Mützen... ab! Zu fünf!*" Bốn đứa khác, ba đứa con gái, trong đó có một đứa rất nhỏ, và một thằng bé, xếp thành hàng trước mặt tôi và cố gắng tuân lệnh một cách vụng về; mỗi đứa đeo trước ngực một hình tam giác khâu vào áo với nhiều màu khác nhau: xanh lá cây, đỏ, đen, tím. Giọng của Höss vang lên sau lưng tôi: "Xin chào, Sturmbannführer! Anh đang nhìn gì thế?" Tôi quay lại: Höss đang tiến về phía tôi, tay chìa ra phía trước; gần barie, một người cần vụ đang cầm dây dắt con ngựa của ông ta. Tôi chào ông ta, bắt tay, và không nói một lời chỉ vào khu vườn. Höss đột nhiên đỏ mặt, chạy qua cửa và lao về phía bọn trẻ con. Không nói gì, cũng không tát chúng, ông ta giật những mảnh vải hình tam giác và dải băng rồi đuổi chúng vào nhà. Sau đó ông ta quay trở lại chỗ tôi đang đứng, mặt vẫn đỏ, mấy mẩu vải cầm trên tay. Ông ta nhìn tôi, nhìn mấy mẩu vải, lại nhìn tôi, rồi, vẫn im lặng, đi qua bên cạnh tôi và bước vào trong Kommandantur, ném những mẩu vải vào một sọt rác bằng sắt đặt gần cửa. Tôi nhặt điếu thuốc của mình, mà tôi đã ném đi để chào ông ta và vẫn còn đang bốc khói. Một người tù làm vườn, mặc áo kẻ sọc sạch sẽ và là cẩn thận, tay cầm một cái xô, đi ra bên cạnh tôi, vừa đi vừa bỏ mũ, và tìm sọt rác để đổ nó vào cái giỏ mà ông ta đang cầm; rồi ông ta quay trở vào trong vườn.

Ban ngày, tôi cảm thấy khỏe khoắn, thoải mái; ở *Haus* tôi ăn ngon, và tối đến tôi thích thú khi nghĩ đến cái giường, khăn ga trải sạch; nhưng ban đêm, kể từ khi tới đây, những giấc mơ lữ lượt kéo đến, đôi khi ngắn ngủi, khô khốc và nhanh chóng lãng quên đi, những lần khác thì giống như một con sâu dài cuộn mình lại

trong đầu tôi. Đặc biệt là một cảnh cứ lặp đi lặp lại và tăng thêm dần cấp độ từ đêm này sang đêm khác, một giấc mơ u tối và khó diễn tả, không phải là một câu chuyện, mà tuân theo một logic không gian. Trong giấc mơ đó tôi chạy qua, nhưng như thể bay trên không, những độ cao khác nhau, và giống như là một cái nhìn trong trẻo hoặc thậm chí là một máy quay phim, hơn là như một con người sống động, một thành phố rộng mênh mông, không có điểm kết thúc khả thị, với một cách bố trí đơn điệu và lặp lại, được chia ra thành các khu khác nhau, và đông đặc người qua lại. Hàng nghìn người đi tới đi lui, vào ra những tòa nhà giống hệt nhau, đi ngược lên những lối đi thẳng tắp, đi xuống lòng đất qua những cái miệng bến tàu điện ngầm để rồi lại trôi lên ở một nơi khác, không ngừng và dường như là không có mục đích rõ ràng nào. Nếu tôi, hoặc đúng hơn là cái nhìn mà tôi đã trở thành đó, đi xuống trong các lối đi để nhìn họ được rõ hơn, tôi liền nhận ra rằng những người đàn ông và đàn bà đó không hề khác biệt nhau bởi một đường nét đặc biệt nào cả, tất cả đều có nước da trắng, mái tóc sáng màu, mắt xanh, nhạt, ngơ ngác, những con mắt của Höss, cũng là những con mắt của Hanika, người cần vụ cũ của tôi, khi anh ta chết ở Kharkov, những con mắt có màu của bầu trời. Những đường ray chạy suốt dọc thành phố, những đoàn tàu nhỏ tiến lên và dừng lại ở từng quãng đều đặn để mửa ra một dòng hành khách ngay lập tức được thay thế, và cứ như vậy cho đến hết tầm mắt. Những đêm sau đó, tôi bước vào trong một vài tòa nhà: các hàng người đi lại giữa những cái bàn chung dài và những hố xí, ăn và ỉa thành từng hàng ngang; trên những cái giường đặt cạnh nhau, những người khác đang làm tình, rồi những đứa trẻ sinh ra, chơi đùa giữa các dãy giường, và, khi đủ lớn, ra bên ngoài để giành chỗ của mình trong những dòng người của cái thành phố của hạnh phúc hoàn hảo này. Dần dần, cứ ngấm nhìn nó từ nhiều điểm nhìn khác nhau, một xu hướng hiện ra từ đông người nhưng nhúc nhích trông qua thì rất hỗn loạn đó: một cách khó nhận biết, một số người lúc nào cũng xuống cùng một bên, và cuối cùng bước vào trong những tòa nhà

không có cửa sổ, nơi họ nằm xuống và chết, không nói một lời nào. Các chuyên gia đến nơi và lấy của họ những gì còn có thể đóng góp cho nền kinh tế của thành phố; sau đó, xác của họ bị đốt trong những cái lò đồng thời cũng được dùng để đun nước nóng phân phối cho các khu vực thông qua hệ thống ống dẫn; những cái xương được chất đông lại; khói, thoát ra từ những cái ống, đến nhập vào, giống như những hợp lưu, khói của các ống khói gần đó để tạo thành một dòng sông dài yên bình và trang trọng. Và khi điểm nhìn của giấc mơ bay lên cao, tôi có thể nhìn thấy được một thế cân bằng của tất cả những cái đó: số lượng trẻ con sinh ra, trong các khu giường ngủ, ngang bằng với số lượng người chết, và xã hội tự tái tạo được trong một sự cân bằng hoàn hảo, lúc nào cũng chuyển động, không hề bao giờ có số bội dư và không bao giờ phải gánh chịu sự sụt giảm. Khi tỉnh dậy, tôi thấy dường như thật hiển nhiên rằng những giấc mơ bằng an đó, không vương chút hoang mang nào, muốn diễn tả trại, nhưng đó là một cái trại hoàn hảo, đạt đến được một điểm ngưng đọng bất khả, không chút bạo lực, tự điều chỉnh, vận hành một cách hoàn hảo và vô tích sự một cách hoàn hảo bởi vì, mặc cho toàn bộ sự chuyển động đó, nó không sản xuất được gì hết cả. Nhưng suy nghĩ thêm nữa, như tôi đã thử làm trong lúc uống cà phê thể phẩm trong căn phòng của *Haus der Waffen-SS*, liệu đó không phải là một cách tái hiện cuộc sống xã hội ở mức độ tổng thể ư? Thoát khỏi hẳn những thứ phô trương và sự náo động vô ích của mình, cuộc sống con người sẽ được giảm trừ xuống ở mức độ gần như vậy; một khi tự tái tạo được, thì người ta đã đạt đến điểm tận cùng của giống loài; và về điểm tận cùng của chính nó, đó chỉ là một thứ lừa mị, một sự kích thích để khuyến khích người ta thức dậy vào buổi sáng; nhưng nếu xem xét vấn đề một cách khách quan, như tôi nghĩ là có thể làm được, thì ngẫm ẩn trong tất cả các nỗ lực đó là tính vô ích, hoàn toàn giống với bản thân của sự tái tạo, bởi vì nó chỉ phục vụ cho việc tạo ra những điều vô ích mới. Và do đó tôi vừa mới nghĩ: bản thân trại, với tất cả sự cứng rắn và cách tổ chức của nó, sự tàn bạo phi lý của nó, cách phân bậc tỉ mỉ

của nó, liệu lại không phải là một ẩn dụ, một *reductio ad absurdum* của cuộc sống hàng ngày ư?

Nhưng tôi không đến Auschwitz để triết lý. Tôi thanh tra các *Nebenlager*: trại nông nghiệp thử nghiệm Rajsko, rất được Reichsführer quan tâm, nơi tiến sĩ Caesar giải thích cho tôi bằng cách nào mà họ luôn tìm cách giải quyết vấn đề trồng kok-sagyz ở diện rộng, thứ cây phát hiện được, các người còn nhớ, ở gần Maikop, và có thể tạo ra cao su; rồi còn có cả nhà máy xi măng Golleschau, nhà máy thép Eintrachthütte, các hầm mỏ Jawizowitz và Neu-Dachs. Ngoài Rajsko, một trường hợp có phần đặc biệt, điều kiện ở những chỗ kia có vẻ còn tệ hại hơn ở Buna, nếu còn có thể: sự thiếu vắng của mọi biện pháp an toàn kéo theo vô số tai nạn, thiếu vệ sinh làm cho tất cả các giác quan đều bị ảnh hưởng, sự tàn bạo của các kapo và đốc công dân sự nổ ra bất kỳ khi nào có một cái cớ, man rợ và gây chết người. Tôi xuống đáy các hầm mỏ bằng thang máy, trong những cái giỏ mắt cáo rung rinh; ở mỗi tầng, những đường hầm, được những ngọn đèn vàng vọt chiếu sáng một cách yếu ớt, xuyên thủng bóng tối; người tù xuống đến đây hẳn là đã mất đi toàn bộ hy vọng được nhìn thấy lại ánh sáng ban ngày. Ở dưới cùng, nước chảy ra từ những bức vách, tiếng động kim khí và những tiếng hét vang lên qua các đường hầm thấp và hôi thối. Những thùng dầu bửa đôi với một thanh gỗ đặt ngang qua được dùng làm nhà cầu: một số *Häftling* đã quá yếu đến mức ngã luôn vào trong đó. Những người khác, gầy guộc, chân sưng phồng lên vì bị phù, khó nhọc đẩy những xe goòng đầy ắp trên các đường ray lắp đặt không chuẩn, hoặc dùng cuốc hay búa đào vào những cái vách gần như không còn đứng vững nữa. Ở lối ra, các hàng người kiệt sức, đỡ lấy bạn bè gần như đã ngất xỉu và mang theo những người đã chết trên các băng ca tạm bợ, đứng đợi để được lên mặt đất và để bị gửi trả lại về Birkenau; ít nhất thì họ cũng được nhìn lại bầu trời, dù chỉ là trong vòng vài giờ. Khi biết gần như khắp nơi công việc tiến triển ở tốc độ chậm

hơn so với dự tính của các kỹ sư, tôi không hề thấy ngạc nhiên: theo thói quen, người ta than phiền về *chất lượng kém của hàng hóa do trại cung cấp*. Một kỹ sư trẻ tuổi của Hermann-Göring Werke đã thử, anh ta khẳng định với tôi về chán chường, yêu cầu cấp một khẩu phần ăn phụ cho những người tù của Jawizowitz; nhưng ban giám đốc đã từ chối chi trả phần phụ trội. Còn về việc đánh đập ít đi, ngay cả con người có những ý tưởng cấp tiến đó cũng buồn bã công nhận rằng rất khó: nếu người ta đánh, những người tù tiến lên một cách chậm chạp, nhưng nếu người ta không đánh, họ sẽ không hề tiến lên một chút nào.

Tôi đã có một cuộc tranh luận thú vị với bác sĩ Wirths về chính chủ đề này, về vấn đề bạo lực lên thể xác, bởi vì với tôi nó gây ra những vấn đề mà các Einsatzgruppe đã từng gặp phải. Wirths đồng ý với tôi khi nói rằng ngay cả những người thoát tiên đánh đập chỉ vì bị bắt buộc, cuối cùng cũng sẽ thích thú việc đó. "Còn xa mới cải tạo được những tên tội phạm cứng đầu, ông ta say sưa khẳng định, thậm chí chúng ta còn tiếp tay thêm cho bọn họ trong sự bệnh hoạn của mình, bằng cách cung cấp cho bọn họ tất cả các quyền áp dụng lên những người tù khác. Và qua đó thậm chí chúng ta còn tạo ra những kẻ bạo lực mới trong số các SS. Những cái trại này, với các phương pháp hiện nay, là một cái ổ cho các căn bệnh đầu óc và rối loạn mang tính loạn dâm; sau chiến tranh, khi những người này quay trở lại cuộc sống bình thường, chúng ta sẽ lại phải đối mặt với một vấn đề đáng kể cho mà xem." Tôi giải thích với ông ta rằng, theo những gì người ta nói, quyết định chuyển công việc tiêu diệt về cho các trại một phần xuất phát từ các vấn đề tâm lý mà nó gây ra ở các đội quân được giao nhiệm vụ xử bắn hàng loạt. "Chắc chắn rồi, Wirths trả lời, nhưng người ta chỉ làm được một việc là dịch chuyển vấn đề sang chỗ khác, nhất là khi trộn lẫn các chức năng tiêu diệt với chức năng cải tạo và kinh tế của các trại bình thường. Vấn đề tâm lý của việc tiêu diệt vượt ra khỏi bản thân nó, ảnh hưởng lên tất cả những cái khác. Ngay cả ở đây, trong các Revier của tôi, tôi cũng đã phát hiện rằng các bác sĩ giết bệnh nhân của mình, đi

vượt hẳn ra ngoài các chỉ thị. Tôi đã rất khó khăn mới chấm dứt được những chuyện đó. Còn về các rối loạn mang tính loạn dân, chúng rất phổ biến, nhất là ở lính gác, và thường xuyên có liên quan đến những vấn đề tình dục.” – “Ông có biết những ví dụ cụ thể không?” – “Hiếm khi nào họ đến hỏi ý kiến của tôi. Nhưng cũng có lúc. Cách đây một tháng, tôi đã gặp một người lính gác ở đây từ một năm. Một người quê Breslau, ba mươi bảy tuổi, đã lấy vợ, ba con. Anh ta thú nhận với tôi là đã đánh các tù nhân cho đến khi xuất tinh ra được, thậm chí còn không cần tự sờ tay vào người. Anh ta không còn có quan hệ tình dục bình thường nào nữa; khi có được một kỳ nghỉ phép, anh ta không về nhà, anh ta quá xấu hổ. Nhưng trước khi đến Auschwitz, anh ta khẳng định với tôi, anh ta hoàn toàn bình thường.” – “Thế ông đã làm gì cho anh ta?” – “Trong những điều kiện như hiện nay, tôi không thể làm được gì nhiều nhận. Anh ta cần được điều trị dài kỳ về mặt tâm thần. Tôi cố để anh ta được chuyển, thoát ra ngoài hệ thống các trại, nhưng khó lắm: tôi không thể nói tất cả được, nếu không anh ta sẽ bị bắt. Thế nhưng đó là một người bệnh, anh ta cần được chữa trị.” – “Thế tại sao ông lại tin rằng chứng loạn dân đó đang phát triển? tôi hỏi. Tôi muốn nói rằng ở những người bình thường, không có trước những mầm mống sẽ phát lộ trong các điều kiện như thế này?” Wirths nhìn ra ngoài cửa sổ, vẻ tư lự. Mất một lúc lâu ông ta mới trả lời: “Đây là một câu hỏi mà tôi đã suy nghĩ rất nhiều, và thật khó mà trả lời cho được. Một giải pháp dễ dàng sẽ là phàn nàn về cách tuyên truyền của chúng ta, chẳng hạn như cái cách nó được rao giảng ở đây cho những người lính, bởi Oberscharführer Knittel, chỉ huy của *Kulturabteilung*: *Häftling* là một kẻ hạ đẳng, thậm chí còn không phải là một con người, do đó đánh đập họ là hợp pháp. Nhưng hoàn toàn không phải như vậy: dù sao, những con thú cũng không phải là người, nhưng không có lính gác nào ở chỗ chúng tôi đối xử với một con vật như cách họ đối xử với các *Häftling*. Tuyên truyền quả thực là có đóng một vai trò, nhưng là theo một cách thức phức tạp hơn. Tôi đã đi đến kết luận rằng lính gác SS không trở nên tàn bạo và

loạn dân bởi vì anh ta nghĩ rằng người tù không phải là một con người; ngược lại, sự điên giận của anh ta tăng lên và biến thành sự loạn dân khi anh ta nhận ra rằng người tù, không hề là một kẻ hạ đẳng như người ta vẫn dạy anh ta, mà quả đúng, dù sao đi nữa, vẫn là một con người, xét cho cùng cũng giống anh ta, và chính sự kháng cự này, anh thấy đấy, mới là cái mà người lính gác thấy là không thể chịu đựng được, sự tồn tại dai dẳng câm lặng của tha nhân, và do đó người lính gác đánh đập người đó để tìm cách làm biến đi nhân tính chung giữa họ. Dĩ nhiên là điều đó đâu có được: người lính gác càng đánh, thì anh ta càng bị buộc phải nhận ra rằng người tù từ chối tự coi mình là một kẻ chưa tiến hóa thành người. Cuối cùng, anh ta không còn giải pháp nào khác ngoài cách giết người đó, và đó là một cách thừa nhận sự thất bại tiên quyết." Wirths ngừng nói. Ông ta vẫn nhìn ra cửa sổ. Tôi phá vỡ sự im lặng: "Tôi có thể hỏi ông một câu hỏi mang tính cá nhân không, thưa bác sĩ?" Wirths trả lời mà không nhìn tôi; những ngón tay dài thanh mảnh của ông ta gõ gõ lên mặt bàn: "Anh có thể hỏi." – "Ông có phải là người theo đạo không?" Mất một lúc lâu ông ta mới trả lời. Ông ta vẫn nhìn ra ngoài, về phía phố và lò thiêu. "Có, tôi đã từng là người theo đạo," cuối cùng ông ta nói.

Tôi tạm biệt Wirths và đi ngược Kasernestrasse về phía Kommandantur. Ngay trước trạm kiểm soát với cái barie sơn hai màu đỏ và trắng, tôi nhìn thấy một trong những đứa con của Höss, đứa lớn nhất, đang ngồi xổm trên phố, trước cổng nhà. Tôi tiến lại gần và chào nó: "Xin chào!" Thằng bé ngược đôi mắt trông thông minh và thẳng thắn lên và đứng dậy: "Xin chào, Herr Sturmbannführer!" – "Cháu tên là gì?" – "Klaus." – "Cháu đang nhìn gì thế, Klaus?" Klaus chỉ một ngón tay về phía cái cổng: "Nhìn kia." Nền đất nện trước ngưỡng cửa đen đặc kiến, một đống nhung nhúc với mật độ khó tin nổi. Klaus lại ngồi xổm xuống để quan sát chúng và tôi cúi xuống gần nó. Mới nhìn qua, hàng nghìn con kiến đó như thể đang chạy loạn xạ một cách xằng

xái, tuyệt đối, không mục đích nhất. Nhưng tôi nhìn gần hơn, tìm cách dõi theo một con, rồi một con khác. Khi đó tôi nhận ra rằng sở dĩ có cái dáng vẻ giật cục của bầy kiến này là vì mỗi con côn trùng đều liên tục dừng lại để chạm ăngten của mình vào ăngten của những con mà nó gặp. Dần dần tôi thấy rằng một phần đàn kiến đi về phía trái trong khi những con khác chạy đến, mang theo những mẩu vụn đồ ăn: một công việc hao sức, khổng lồ. Những con đi đến hẳn là nhờ có trò chạm ăngten mà thông báo được cho những con khác nguồn gốc của đồ ăn. Cổng nhà mở ra và một *Häftling*, người làm vườn mà tôi đã nhìn thấy một lúc trước, đi ra. Khi nhìn thấy tôi, ông ta cứng người lại và bỏ mũ. Đó là một người đàn ông hơn tuổi tôi một chút, một người tù chính trị Ba Lan, nếu nhìn vào hình tam giác mà ông ta đeo trên người. Ông ta nhìn thấy đàn kiến và nói: "Tôi sẽ giết chúng, Herr Offizier." – "Dừng! Không được đụng vào." – "Ồi đúng rồi, Stani, Klauss hòa vào. Để yên chúng đấy. Chúng có làm gì ông đâu." Nó quay sang tôi: "Chúng đi đâu thế nhỉ?" – "Chú không biết. Chúng ta sẽ thử xem." Bọn kiến đi dọc theo bức tường của khu vườn, rồi theo lề đường, đi qua phía sau những cái xe ô tô và xe máy đỗ trước Kommandantur; sau đó, chúng tiếp tục đi thẳng, một hàng dài vượt qua những đoạn khắp khểnh, đi quá tòa nhà hành chính của trại. Chúng tôi dò dẫm đi theo chúng, ngưỡng mộ vẻ kiên quyết không mệt mỏi của chúng. Đến ngang *Politische Abteilung*, Klaus nhìn tôi vẻ lo lắng: "Herr Sturmbannführer, xin lỗi chú, bố cháu không muốn cháu đến đây đâu." – "Thế thì đợi chú, chú sẽ nói cho cháu." Sau khu lán trại nhốt tù chính trị là cái lò thiêu sừng sững, một boongke chứa đạn dược cũ đã bị đất phủ lên và mơ hồ trông tựa như một gò mộ bị san phẳng, ngoại trừ cái ống khói. Lũ kiến tiếp tục đi về phía khối nhà u tối; chúng trèo lên sườn dốc nghiêng, chui vào trong cỏ; rồi chúng rẽ hướng và lại đi xuống một nếp tường bê tông, nơi lối vào của boongke tạo thành một cái hốc giữa những gò đất. Tôi tiếp tục đi theo chúng và nhìn thấy chúng chạy qua một cánh cửa mở hé và đi vào bên trong lò thiêu. Tôi nhìn ra xung quanh: ngoài một người lính gác

đang tò mò nhìn tôi và một cột người tù đang đẩy những cái xe cút kít cách đó không xa, ở về phía khu trại mở rộng, không còn có ai khác cả. Tôi tiến lại gần cánh cửa trở hai cái lỗ trông giống như hai cửa sổ; bên trong, tất cả tối đen và im phăng phắc. Lũ kiến đi vào qua góc của ngưỡng cửa. Tôi quay trở lại về chỗ Klaus. "Chúng đi về phía đó, tôi nói một cách mơ hồ. Chúng đã tìm được cái ăn." Với thằng bé đi theo sau, tôi quay trở lại Kommandantur. Chúng tôi chia tay nhau trước cửa. "Tối nay chú có đến không, Herr Sturmbannführer?" Klaus hỏi tôi. Höss tổ chức một buổi tiếp tân nhỏ và đã mời tôi. "Có." – "Vậy thì hẹn chú tối nay nhé!" Nhảy qua đàn kiến, nó đi vào trong sân.

Cuối ngày, sau khi đã qua *Haus der Waffen-SS* để tắm rửa và thay quần áo, tôi quay trở lại nhà Höss. Trước cổng, chỉ còn lại vài chục con kiến, chạy rất nhanh trên mặt đất. Hẳn là hàng nghìn con khác giờ đây đã ở dưới lòng đất, đào bới, san, lấp, vô hình như cứ liên tục không hề dừng lại công việc kỳ quái của chúng. Höss đón tôi trên thềm nhà, một cốc cognac cầm trên tay. Ông ta giới thiệu tôi với vợ, Hedwig, một người đàn bà tóc vàng có nụ cười cố định và cái nhìn cứng rắn, mặc một chiếc váy dạ hội rất hợp với thân người, với cổ và măngset áo bằng đăngten, và hai đứa con gái đầu, Kindi và Püppi, cũng ăn vận rất đẹp đẽ. Klaus bắt tay tôi một cách thân thiện; thằng bé mặc một cái áo vest vải tweed, cắt theo lối Anh, với những mẩu da hươu khâu ở khuỷu tay và những cái khuy áo lớn bằng sừng. "Áo vest đẹp đấy, tôi nhận xét. Cháu tìm được nó ở đâu thế?" – "Bố cháu mang từ trại về cho cháu đấy, nó trả lời, mặt ngời lên sự sung sướng. Cả giày cũng vậy." Đó là những chiếc giày bằng da màu nâu, được đánh xi, với những cái khuy ở bên cạnh. "Xịn đấy," tôi nói. Wirths có ở đó và giới thiệu tôi với vợ mình; những vị khách khác đều là sĩ quan của trại, có Hartjenstein, chỉ huy đội lính gác, Grabner, sếp ban chính trị, Lagerführer Aumeier, tiến sĩ Caesar, và vài người nữa. Không khí khá trịnh trọng, dù sao thì cũng còn hơn ở nhà Eichmann, nhưng vẫn thân mật. Vợ của Caesar, một người phụ nữ còn trẻ, cười rất nhiều; Wirths nói với tôi rằng đó là một trợ lý

của Caesar, mà ông ta đã hỏi cưới không lâu sau khi người vợ thứ hai của ông ta chết vì bệnh sốt chấy rận. Cuộc trò chuyện xoay quanh cuộc thả dù mới đây và vụ bắt Mussolini, những việc làm chấn động tinh thần; những cam kết trung thành của Badoglio, thủ tướng mới, không tạo được nhiều tin tưởng lắm. Rồi chúng tôi nói về các dự án phát triển Đông Đức của Reichsführer. Những ý kiến trái ngược nhất được khách khứa đưa ra; Grabner tìm cách lôi kéo sự chú ý của tôi vào một cuộc tranh luận về dự án thực dân hóa Himmlerstadt, nhưng tôi trả lời theo lối thoái thác. Một điều rất rõ ràng: dù cho cách nhìn của người này hay người khác về tương lai của vùng có lẽ như thế nào đi nữa, thì trại cũng là một bộ phận không thể tách rời của nơi đây. Höss nghĩ rằng nó sẽ kéo dài ít nhất mười hoặc hai mươi năm nữa. "Sự mở rộng của *Stammlager* được dự kiến theo hướng đó, ông ta giải thích. Một khi chúng ta xong được việc với bọn Do Thái và chiến tranh, Birkenau sẽ biến mất, người ta sẽ trả lại đất đai cho nông nghiệp. Nhưng nền công nghiệp của vùng Thượng Silésie, nhất là với những tổn thất của Đức ở phía Đông, sẽ không thể không cần đến nhân công người Ba Lan; trại sẽ có vai trò cốt tử trong việc kiểm soát các dân cư đó, trong một thời gian dài." Hai nữ tù nhân, mặc những chiếc váy đơn giản nhưng sạch sẽ và may bằng vải tốt, bê khay đi lại giữa những người khách; họ mang hình tam giác màu tím của các IBV, những người được gọi là các "chứng nhân của Jehovah". Các phòng được sửa sang cẩn thận, với những tấm thảm, sofa và ghế phôi da, đồ đạc bằng gỗ dày, đóng khéo, những cái bình cắm hoa tươi đặt trên tấm lót đăngten tròn. Những ngọn đèn chiếu xuống một thứ ánh sáng màu vàng, kín đáo, gần như được lọc. Những tấm ảnh phóng to có chữ ký chụp hình Reichsführer đến thăm trại cùng Höss hoặc đặt những đứa con của ông ta trên đầu gối treo trên các bức tường. Rượu cognac và rượu vang chất lượng rất khá; Höss còn mời khách thuốc lá Nam Tư ngon, hiệu Ibar. Tôi tò mò ngắm nhìn con người cứng nhắc và cẩn thận vô chừng đó, người mặc lên người những đứa con của mình quần áo của bọn trẻ con Do Thái bị giết dưới trách

nhệm của ông ta. Ông ta có nghĩ đến chuyện đó khi nhìn chúng không? Chắc hẳn, thậm chí ý tưởng đó còn chưa bao giờ xuất hiện trong tâm trí ông ta. Vợ ông ta nắm lấy khuỷu tay chồng và phá lên cười thành từng tràng ròn rã, chói tai. Tôi nhìn bà ta và nghĩ đến cái bộ phận kín của bà ta, ở dưới cái váy đàngten lấy của một cô gái Do Thái trẻ và xinh đẹp đã bị chồng bà ta thiêu chết. Cô Do Thái đã bị đốt từ lâu với bộ phận kín của mình và đã biến thành khói bay lên nhập vào với những đám mây; quần lót đắt tiền của cô, mà có thể là cô đã mặc để dành riêng cho kỳ trực xuất của mình, giờ đây trang trí và bảo vệ cho bộ phận kín của Hedwig Höss. Liệu Höss có nghĩ đến cô gái Do Thái đó không, khi ông ta kéo cái quần lót xuống để hành sự với vợ mình? Nhưng có thể là ông ta cũng không còn quan tâm đến bộ phận kín của Frau Höss nữa, dù cho nó có được phủ lên cái gì đẹp đẽ đến mức nào: công việc tại các trại, khi nó không biến người ta thành những kẻ loạn óc, thì thường xuyên làm cho họ thành ra bất lực. Có thể là ông ta vẫn còn giữ cô gái Do Thái của mình ở đâu đó trong trại, sạch sẽ, ăn uống đầy đủ, một người may mắn, con điểm của Kommandant? Không, không phải ông ta: nếu Höss lấy một nữ tù nhân làm người tình của mình, thì đó sẽ là một cô gái Đức, chứ không phải là một cô gái Do Thái.

Có những suy nghĩ như vậy không bao giờ là việc tốt, tôi biết rất rõ. Đêm đó giấc mơ thường xuyên quay lại biết đến một mức độ tăng cường tột cùng. Tôi tiến đến cái thành phố mênh mông đó trên một tuyến đường sắt hư nát; từ xa, dãy ống khói tỏa khói một cách hiền hòa; và tôi cảm thấy ngỡ ngàng, cô độc, một con chó con bị bỏ rơi, và nhu cầu có bạn đường siết chặt lấy tôi. Tôi hòa mình vào đám đông và lang thang một lúc lâu, bị cuốn hút một cách không thể cưỡng lại bởi những lò thiêu đang mưa vào bầu trời những cuộn khói và những đám mây lấp lánh... *like a dog, both attracted and repell'd/By the stench of his own kind/Burning*. Nhưng tôi không thể xâm nhập vào đó và tôi bước vào một trong những tòa nhà-lán trại to lớn nơi tôi có một cái giường, đẩy bắn một người đàn bà muốn đến nằm cùng ra. Tôi

ngủ thiếp đi ngay. Khi tỉnh dậy, tôi nhìn thấy một ít máu trên gối. Tôi nhìn gần hơn và thấy có cả máu trên khăn trải giường nữa. Tôi nhắc nó lên; ở dưới, chúng thấm đẫm thứ máu hòa cùng với tinh trùng, thứ nhót tinh trùng đóng cục quá dày để có thể thấm được qua vải. Tôi đang ngủ trong một phòng ngủ nhà Höss, trên tầng, cạnh phòng ngủ của bọn trẻ con; và tôi không hề có ý tưởng gì về cách thức để mình có thể mang đồng khăn trải giường bị vấy bẩn này vào phòng tắm, để giặt chúng, mà Höss không nhận ra. Vấn đề này gây cho tôi một nỗi phiền nhiễu kinh khủng, đầy hoang mang. Rồi Höss bước vào phòng tôi cùng một sĩ quan khác. Họ cởi quần ra, ngồi xuống giường tôi, hai chân vắt chéo và bắt đầu thủ dâm một cách cuồng nhiệt, quy đầu dương vật của họ tím bầm lại, thò lên thụt xuống dưới lớp da của bao quy đầu, cho đến khi phóng ra được những luồng tinh trùng lớn lên giường tôi và lên thảm. Họ muốn tôi bắt chước họ, tôi từ chối; nghi lễ này có vẻ như có một ý nghĩa cụ thể, nhưng tôi không biết đó là gì.

Giấc mơ tàn bạo và bẩn thỉu đó đánh dấu sự kết thúc của lần ghé chân đầu tiên của tôi đến KL Auschwitz: tôi đã làm xong việc. Tôi trở về Berlin và từ đó đi thăm vài trại của *Altreich*, các KL Sachsenhausen, Buchenwald và Neuengamme, cũng như nhiều trại phụ của chúng. Tôi sẽ không đông dài thêm nữa về những cuộc viếng thăm ấy: tất cả các trại này đều đã được miêu tả cặn kẽ trong các sách lịch sử, và tốt hơn là tôi có thể làm được; và rồi, hoàn toàn chính xác rằng khi nhìn thấy một cái trại thì có nghĩa là người ta đã nhìn thấy tất cả: tất cả các trại đều giống nhau, điều đó ai cũng biết. Không có gì trong số những gì tôi nhìn thấy, mặc dù có những khác biệt tùy theo các địa phương, thay đổi được nhiều điều trong ý kiến hoặc các kết luận của tôi. Tôi quay trở về hãn Berlin vào khoảng giữa tháng Tám, tức là giữa đợt quân Xô viết chiếm lại được Orel và Liên quân Anh-Mỹ chiếm được hoàn toàn đảo Sicile. Tôi viết báo cáo trong một thời

gian ngắn; tôi đã tổng hợp lại các ghi chép của mình trên đường đi, chỉ còn phải sắp xếp lại các chương và gõ máy chữ lại tất cả, công việc của vài ngày. Tôi chăm chút cho câu chữ cũng như logic của các lập luận: báo cáo được gửi đến cho Reichsführer, và Brandt đã báo với tôi rằng hẳn là tôi sẽ phải báo cáo trực tiếp bằng miệng. Bản cuối cùng đã sửa chữa và đánh máy chữ, tôi gửi đi và chờ đợi.

Tôi đã gặp lại, phải thú nhận là tôi không thấy thích thú gì mấy, bà chủ nhà Frau Gutknecht của mình. Bà ta mừng rú lên, và bằng mọi giá muốn pha trà mời tôi; nhưng bà ta không hiểu tại sao, nếu tôi từ phía Đông trở về, *noi người ta tìm được tất cả mọi thứ đồ ăn*, mà lại không mang theo một cặp ngỗng, tất nhiên là để cải thiện tí chút. (Nói thật lòng, bà ta không phải là người duy nhất: Piontek đã từ Tarnowitz trở về cùng với một hòm chất đầy đồ ăn, và mặt khác đã đề nghị bán lại cho tôi một phần mà không cần tem phiếu.) Thêm nữa, tôi có cảm giác bà ta đã lợi dụng sự vắng mặt của tôi để lục lọi đồ đạc. Sự bàng quan đối với những lời la hét và trò trẻ con của bà ta đã bắt đầu, than ôi, không còn tác dụng. Fräulein Praxa thì đã đổi kiểu tóc, nhưng vẫn giữ nguyên màu sơn móng tay. Thomas vui sướng vì được gặp lại tôi: những thay đổi lớn đang được chuẩn bị, anh khẳng định, ở Berlin là rất tốt, tôi phải luôn luôn sẵn sàng.

Thật là một cảm giác kỳ cục khi lại quay về với trạng thái ăn không ngồi rồi, sau một chuyến đi như vậy! Quyển sách của Blanchot, tôi đã đọc xong từ lâu; tôi giở cuốn sách viết về giết người theo nghi lễ để rồi gấp lại ngay lập tức, ngạc nhiên vì Reichsführer có thể quan tâm đến những thứ ngu xuẩn này; tôi không có việc riêng nào cả; tất cả các hồ sơ đều đã được xếp lại. Cửa sổ phòng làm việc để mở của tôi nhìn xuống khu vườn của Prinz-Albrecht-Palais, sáng rực rỡ nhưng đã hơi khô lại bởi cái nóng tháng Tám, hai bàn chân vắt chéo nhau trên sofa, hơi cúi người ra ngoài cửa sổ để hút một điếu thuốc, tôi suy nghĩ; và khi sự bất động bắt đầu làm tôi cảm thấy nặng nề, tôi xuống dưới đi dạo trong vườn, lang thang qua những lối đi rải sỏi bám đầy bụi,

bị cám dỗ mạnh mẽ bởi góc bãi cỏ râm mát. Tôi nghĩ đến những gì mình đã nhìn thấy ở Ba Lan, nhưng vì một lý do mà tôi không sao giải thích được, ý nghĩ của tôi trượt đi trên những hình ảnh, bám chặt vào những từ. Những từ làm tôi bận tâm. Tôi đã tự hỏi mình ở chừng mực nào những khác biệt giữa người Đức và người Nga, trong phản ứng với việc giết người hàng loạt, và là những điều khiến chúng tôi cuối cùng đã phải thay đổi phương pháp, để theo một cách nào đó làm giảm nhẹ sự việc, trong khi có vẻ như là người Nga, sau đó hẳn một phần tư thế kỷ, vẫn không cảm nhận được, có thể lại hóa ra chỉ là những khác biệt về từ vựng: từ *Tod*, dù sao đi nữa, cũng có sự cứng đờ của một cái xác đã lạnh, sạch sẽ, gần như là trừu tượng, hoặc ít nhất cũng là tính tất định của trạng thái hậu tử, trong khi từ *smiert'*, từ của Nga, lại nặng nề và phì phẩy như chính bản thân sự việc. Và tiếng Pháp, trong trường hợp đó? Thứ ngôn ngữ này, với tôi, vẫn lệ thuộc vào sự nữ tính hóa cái chết bởi tiếng Latinh: rốt cuộc thì đâu là khoảng cách giữa cái Chết và tất cả những hình ảnh gần như là nồng ấm và dịu dàng mà nó gọi lên, và cái Thanatos khủng khiếp của người Hy Lạp! Người Đức ít nhất cũng còn giữ được từ đó trong giống đực (*smiert'*, nhân tiện, cũng là giống cái). Ở đó, trong sự tươi sáng của mùa hè, tôi nghĩ đến cái quyết định mà chúng tôi đã có đó, cái ý tưởng đặc biệt, giết chết hết tất cả Do Thái, dù cho họ là ai, trẻ hay già, tốt hay xấu, tiêu diệt đạo Do Thái ở những người mang nó, quyết định đã nhận được cái tên, giờ đây đã quá nổi tiếng, *Endlösung*: “giải pháp cuối cùng”. Nhưng sao lại có một từ đẹp dễ đến vậy! Tuy thế, nó vẫn luôn không phải là đồng nghĩa của tiêu diệt: ngay từ đầu, người ta đã đòi, đối với người Do Thái, một *Endlösung*, hoặc là một *völlige Lösung* (giải pháp đầy đủ) hoặc nữa, một *allgemeine Lösung* (giải pháp tổng thể), và tùy theo từng thời kỳ mà nó dùng để chỉ việc loại trừ ra khỏi cuộc sống chung, loại trừ ra khỏi cuộc sống kinh tế, cuối cùng là di cư. Và dần dần, ý nghĩa của từ đã trượt về phía hố thẳm, nhưng cái vỏ biểu đạt của nó vẫn không thay đổi, và gần như thể là cái nghĩa tất định đó vẫn luôn sống ở trái tim của từ, và cái đó đã bị thu hút, bị nó ngọam lấy,

bởi trọng lượng của nó, cái sức nặng vô lối của nó, trong cái hố tối đen của tinh thần đó, cho đến sự đơn lẻ: và khi đó người ta đã đi qua chân trời của các sự kiện, kể từ đó thì không còn đường trở lui nữa. Người ta vẫn còn tin vào các ý tưởng, vào các khái niệm, người ta tin rằng các từ chỉ định các nghĩa, nhưng điều đó không nhất thiết là đúng, có thể là không thực sự có các ý nghĩa, có thể là thực tế chỉ có các từ, và trọng lượng riêng của các từ. Và cũng có thể chúng tôi đã thả trôi mình, bị một từ và tính không thể tránh khỏi của nó kéo tuột đi. Vậy thì, giữa chúng tôi, không có một ý tưởng, không có một logic, không có một sự gắn bó nào ư? Liệu còn có những từ nào khác nữa trong thứ ngôn ngữ đặc biệt đến vậy của chúng tôi, hay là chỉ có cái từ đó, *Endlösung*, vẻ đẹp ướt át của nó? Bởi vì trên thực tế làm thế nào mà có thể kháng cự lại được trước sự quyến rũ của một từ như vậy? Thật không hình dung được rằng người ta có thể kháng cự lại được từ *obéir* nghe lời, từ *servir* (phục vụ), từ *loi* (luật lệ). Và có thể chính đó, xét cho cùng, là lý do tồn tại của các *Sprachregelung* của chúng tôi, rốt cuộc thì khá sáng sủa trong những từ dùng để che đậy (*Tarnjargon*), nhưng hữu ích để làm bệ đỡ cho những người sử dụng những từ và những cách diễn đạt này – *Sonderbehandlung* (xử lý đặc biệt), *abtransportiert* (được chuyển đi xa hơn), *entsprechend behandelt* (xử lý theo cách thích hợp), *Wohnsitzverlegung* (thay đổi chỗ ở), hoặc *Executivmassnahmen* (các giải pháp hành động) – giữa các khía cạnh châm chọc của tính trù tượng ở chúng. Xu hướng này mở rộng ra cả với thứ ngôn ngữ hành chính quan liêu của chúng tôi, *bürokratisches Amtsdeutsch* của chúng tôi, như đồng nghiệp Eichmann của tôi từng nói: trong các thư từ, và cả trong các bài diễn văn, những cấu trúc câu thụ động chiếm ưu thế lớn, “đã được quyết định rằng...”, “Bọn Do Thái đã được hộ tống đến cho các biện pháp đặc biệt”, “nhiệm vụ khó khăn này đã được hoàn thành”, và do đó các sự việc cứ tự nó được thực hiện, không bao giờ có ai biết gì cả, không ai hành động, đó là những hành vi không hành chủ, điều luôn luôn có tác dụng trấn an, và theo một cách nào đó chúng không còn là những hành vi đó nữa, bởi vì theo cách sử

dụng đặc biệt mà ngôn ngữ quốc xã của chúng tôi biến một số danh từ, có lúc làm được như vậy, nếu không phải là hoàn toàn bị loại bỏ mất các động từ, thì ít nhất là cũng giảm bớt chúng xuống trạng thái các phần phụ vô ích (thế nhưng lại có tính trang trí), và do đó, thậm chí người ta còn không phải hành động, chỉ có các sự việc, những thực tế thô lậu hoặc đã hiện diện, hoặc đang chờ đợi sự hoàn thành không thể tránh khỏi của chúng, như là *Einsatz*, hoặc *Einbruch* (sự chọc thủng), *Verwertung* (sử dụng), *Entpolonisierung* (phi Ba Lan hóa), *Ausrottung* (diệt trừ), nhưng còn có, ở chiều ngược lại, *Versteppung*, “thảo nguyên hóa” châu Âu bởi những đoàn quân Bôn-sê-vich, những kẻ, đối nghịch với Attila, xóa sạch nền văn minh để cho cỏ ngựa mọc lại. *Man lebt in seiner Sprache*, Hanns Johst, một trong số những nhà thơ quốc xã hay nhất của chúng tôi, đã từng viết như vậy: “Con người sống trong ngôn ngữ của mình.” Voss, điều này thì tôi có thể chắc chắn, hẳn là sẽ không phản đối điều đó.

Tôi vẫn đợi lệnh triệu tập lên gặp Reichsführer thì người Anh lại tiếp tục, và với một sức mạnh đáng kể, những đợt tấn công dồn dập xuống Berlin. Đó là ngày 23 tháng Tám, tôi còn nhớ là một ngày thứ Hai, buổi đêm muộn: tôi đang ở nhà, nằm trên giường, nhưng chắc chắn là tôi còn chưa ngủ, thì tiếng còi báo động vang lên. Lẽ ra tôi đã nằm nán lại, nhưng Frau Gutknecht đã đập rung cửa phòng tôi bằng những cú đấm. Bà ta la hét to đến mức gần như không thể nghe được tiếng còi nữa: “Herr Offizier! Herr Offizier!... Doktor Aue! Dậy đi! *Luftmörder!!!* Cứu tôi với!” Tôi với lấy một cái quần dài và mở khóa cửa: “Đúng đấy, Frau Gutknecht. Đó là RAF. Bà muốn tôi làm gì bây giờ?” Hai má bà ta run lên, vùng dưới mắt xanh nhợt đi và bà ta vừa lẩm bẩm vừa cuống quýt làm dấu thánh: “Jesus-Marie-Joseph, Jesus-Marie-Joseph, chúng ta phải làm gì bây giờ?” – “Chúng ta sẽ xuống hầm trú ẩn, như tất cả mọi người.” Tôi đẩy cửa và mặc quần áo, rồi đi xuống một cách bình tĩnh, khóa cửa lại sau lưng để tránh bọn ăn cướp. Người ta nghe thấy Flak gầm lên, nhất là về phía Nam và Tiergarten. Hầm tòa nhà đã được cải tạo thành

nơi trú ẩn máy bay: nó sẽ không bao giờ qua được một quả bom rơi trúng, nhưng vẫn còn hơn là không có gì cả. Tôi luồn lách giữa đám vali và chân người để ngồi vào một góc, xa hết mức có thể Frau Gutknecht, người đang chia sẻ nỗi kinh hoàng của mình với mấy bà hàng xóm. Bọn trẻ con khóc toáng lên vì sợ, những đứa khác chạy chơi giữa đám chân người, kẻ mặc đồ lớn, kẻ vẫn còn choàng áo ngủ. Chỉ có hai ngọn nến chiếu sáng cái hầm, những ngọn lửa nhỏ lắt lư, run rẩy, theo nhịp các tiếng nổ gần giống như máy đo địa chấn. Lệnh báo động kéo dài nhiều giờ; thật không may, trong những căn hầm trú ẩn đó người ta cấm hút thuốc lá. Hẳn là tôi đã ngủ gà gật, tôi tin là sẽ không có quả bom nào rơi trúng khu phố của chúng tôi. Khi mọi chuyện kết thúc tôi lên phòng nằm lại, thậm chí còn không ra ngoài đường xem. Ngày hôm sau, thay vì đi tàu điện ngầm, tôi gọi đến SS-Haus bảo phái Piontek đến. Anh ta nói với tôi rằng những chiếc máy bay oanh tạc đến từ phía Nam, hẳn là từ Sicile, và nhất là Steglitz, Lichterfelde, và Marienfelde trúng bom nặng, mặc dù các tòa nhà đều đã bị phá hủy ở Tempelhof và cho đến Vườn bách thú. "Người của chúng ta đã sử dụng một chiến thuật mới, *Wilde Sau*, họ gọi thế trên đài phát thanh, nhưng lại không giải thích rõ là như thế nào, Herr Sturmbannführer. Có vẻ là nó cũng được, và chúng ta đã bắn rơi sáu mươi máy bay, bọn khốn kiếp. Tội nghiệp Herr Jeschonnek, lẽ ra ông ấy phải đợi thêm một chút." Tướng Jeschonnek, tham mưu trưởng của Luftwaffe, vừa tự sát, vì những thất bại liên tiếp của mình trong việc ngăn chặn các cuộc không kích của Liên quân Anh-Mỹ. Và quả thực, thậm chí trước khi đi qua sông Spree, Piontek phải đi vòng để tránh một phố bị bịt kín bởi gạch vữa, đồng đồ nát của một tòa nhà bị một máy bay thả bom rơi trúng, một cái Lancaster, tôi nghĩ vậy: cái đuôi của nó dựng lên trên đồng đồ nát, buồn bã, như đuôi một con tàu vào thời điểm bị đắm. Một làn khói đen và dày che khuất mặt trời. Tôi ra lệnh cho Piontek chở mình về phía Nam thành phố: càng tiến lên, càng thấy thêm nhiều tòa nhà vẫn còn cháy, những phố ngổn ngang gạch vụn. Nhiều người tìm cách lòi đồ đạc của mình ra

khỏi những ngôi nhà toang hoác để dồn đống chúng lại ở giữa các phố ngập sũng nước vì vòi phun cứu hỏa; những cái bếp cơ động kiểu lính đang phục vụ xúp cho các đoàn người sống sót bị chấn động, mệt mỏi, người phủ đầy bùn; gần mấy cái xe cứu hỏa, những hình người được xếp thành hàng trên các vỉa hè, đôi khi với những cái chân thò ra từ một tấm khăn trải giường đã bẩn, để trần hoặc vẫn còn đi một chiếc giày nhẹ trông đầy vẻ mỉa mai. Một vài phố bị ngăn lại bởi các đoàn tramway nằm lật nghiêng dưới sức ép của những tiếng nổ hoặc đen kịt vì lửa; những đường dây điện rơi xuống đường, những thân cây tan nát, hoặc vẫn còn đứng được nhưng trụi sạch cành lá. Các khu bị tổn thất nặng nề nhất không thể đi qua được nữa; tôi phải bảo Piontek đi đường vòng và đến được SS-Haus. Tòa nhà không bị dính bom, nhưng những vụ nổ gần đó đã làm bay mất nhiều cửa sổ, và thủy tinh vỡ, trên bậc thềm, kêu lạo xạo dưới chân tôi. Ở bên trong, tôi gặp Brandt trong sảnh, vẻ cực kỳ phấn khích, một sự vui vẻ đáng kinh ngạc nếu căn cứ vào tình hình. "Có chuyện gì thế?" Ông ta dừng lại một chút: "A, Sturmbannführer, anh vẫn còn chưa biết tin. Một tin vĩ đại! Reichsführer đã được phong làm bộ trưởng nội vụ." Thì ra là vậy đấy, những thay đổi mà Thomas từng nói tới, tôi nghĩ trong khi Brandt lao vào trong thang máy. Tôi đi lên theo đường cầu thang: Fräulein Praxa đang ngồi ở chỗ của mình, đã trang điểm, tươi mát như một bông hoa hồng. "Ngủ ngon chứ?" – "Ôi, ông cũng biết đấy, Herr Sturmbannführer, tôi sống ở Weissensee, tôi không nghe thấy gì cả." – "Thế thì càng hay chứ sao." Cửa sổ phòng làm việc của tôi vẫn nguyên lành: tôi đã có thói quen để nó mở vào buổi tối. Tôi suy nghĩ về cái tin mới mà Brandt vừa thông báo, nhưng tôi còn biết quá ít các yếu tố để có thể phân tích được nó một cách rọt ráo. Xét về tiên nghiệm, tôi nghĩ vậy, điều đó sẽ không thay đổi gì nhiều đối với chúng tôi: mặc dù Himmler, với tư cách là sếp cảnh sát của Đức, về mặt kỹ thuật thì ở dưới bộ trưởng nội vụ, nhưng trên thực tế thì hoàn toàn tự chủ, ít nhất là từ năm 1936; cả Frick, bộ trưởng vừa miễn nhiệm, lẫn Staatsekretär Stuckart của ông ta, chưa từng bao giờ có

được chút ảnh hưởng nào lên RSHA hoặc thậm chí là Hauptamt Orpo. Thứ duy nhất mà họ có thể kiểm soát được là nền hành chính dân sự, hệ thống công chức; giờ đây, cái đó cũng về tay Reichsführer nốt; nhưng tôi không thể tin rằng đó là một điều quá quan trọng. Dĩ nhiên có được hàm bộ trưởng chỉ có thể củng cố thêm quyền lực của Reichsführer trong tương quan với các đối thủ của ông ta: nhưng tôi không biết nhiều lắm về những tranh cãi ở cấp cao nhất của Nhà nước để có thể đánh giá được một cách chính xác điều này.

Tôi cứ nghĩ rằng việc bổ nhiệm này sẽ đẩy lui ngày trình báo cáo của mình đến vô hạn: nhưng như vậy là chưa hiểu rõ Reichsführer. Tôi được triệu tập lên phòng làm việc của ông ta hai ngày sau đó. Đêm trước, người Anh đã trở lại, không dữ dội bằng lần trước, nhưng tuy vậy tôi cũng không ngủ được nhiều. Tôi lấy nước lạnh vã lên mặt, trước khi xuống nhà, để tìm cách lấy lại được một vẻ mặt con người. Brandt, nhìn tôi chằm chằm với cái nhìn của một con cú mèo, theo thường lệ nói với tôi vài lời bình luận rào trước: "Reichsführer, như anh có thể hình dung được đấy, vào thời điểm này đang rất bận rộn. Tuy nhiên, ông ấy muốn tiếp anh vì đó là một hồ sơ mà ông ấy muốn tiến triển nhanh. Báo cáo của anh được đánh giá là tuyệt vời, có thể là hơi quá trực diện, nhưng đầy sức thuyết phục. Chắc chắn là Reichsführer sẽ yêu cầu anh báo cáo. Ngắn gọn nhé. Ông ấy có ít thời gian lắm." Reichsführer, lần này, đón tiếp tôi với một vẻ gần như là thân mật: "Sturmbannführer Aue thân mến của tôi! Xin lỗi vì đã bắt anh phải đợi suốt mấy ngày vừa rồi." Ông ta vung vẩy cái bàn tay bé nhỏ mềm oặt và nổi gân xanh về phía một cái ghế phôi: "Anh ngồi xuống đi." Brandt, cũng như lần trước, đưa cho ông ta một tập hồ sơ và ông ta giở nó ra xem. "Vậy là anh đã gặp Globus tốt bụng rồi. Ông ấy có khỏe không?" – "Gruppenführer Globocnik có vẻ rất khỏe, thưa Reichsführer. Rất hăng hái." – "Thế anh nghĩ gì về việc quản lý các sản phẩm Einsatz của ông ấy? Anh có thể nói thẳng thắn." Đôi mắt nhỏ bé lạnh lùng của ông ta sáng lên đằng sau cái kính kẹp mũi. Đột nhiên tôi nhớ lại

những lời đầu tiên của Globocnik; chắc chắn là ông ta hiểu Reichsführer của mình hơn tôi nhiều. Tôi cẩn thận chọn từ ngữ: "Gruppenführer là một người quốc xã nhiệt thành, thừa Reichsführer, không cần phải nghi ngờ gì về điều đó. Nhưng từng đó của cải có thể làm nảy sinh những cảm dỗ lớn xung quanh ông ấy. Tôi có cảm giác Gruppenführer nên chặt chẽ hơn ở đó, có thể là ông ấy quá tin tưởng vào một số thuộc cấp của mình." – "Anh nói rất nhiều đến tham nhũng trong báo cáo của anh. Anh có nghĩ đó là một vấn đề thực sự không?" – "Tôi hoàn toàn tin như vậy, thừa Reichsführer. Vượt quá một số mức độ, nó gây ảnh hưởng đến công việc ở các trại và cả *Arbeitseinsatz* nữa. Một SS ăn cắp là một SS mà tù nhân có thể mua chuộc." Himmler bỏ cặp kính kẹp mũi ra, rút một cái khăn mùi soa từ túi áo, và bắt đầu lau kính: "Tóm tắt cho tôi các kết luận của anh đi. Ngắn gọn thôi nhé." Tôi rút từ trong cặp ra một tờ giấy ghi chép và bắt đầu. "Trong hệ thống các KL đang vận hành hiện nay, thừa Reichsführer, tôi nhìn thấy ba trở ngại cho việc sử dụng tối ưu và hợp lý nguồn nhân lực sẵn có. Trở ngại thứ nhất, chúng ta vừa nói đến, tham nhũng giữa các SS của các trại. Đó không chỉ là một vấn đề thuộc đạo đức, nó cũng đặt ra những vấn đề thực tế ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhưng với điều đó, cách thức sửa chữa đã tồn tại rồi, chính là hội đồng đặc biệt mà ngài đã ủy quyền, và sẽ phải gia tăng công việc của mình. Trở ngại thứ hai, một sự bất hợp lý về hành chính dai dẳng, mà những nỗ lực của Obergruppenführer Pohl đã không giải quyết được. Cho phép tôi, thừa Reichsführer, cung cấp một ví dụ, rút ra từ các ví dụ mà tôi đã nêu ở trong báo cáo: mệnh lệnh của Brigadeführer Glücks ngày 28 tháng Chạp năm 1942, gửi cho tất cả các bác sĩ trưởng các KL, ngoài những điều khác còn bắt họ phải tiến tới cắt giảm số lượng người tử vong, cải thiện chế độ ăn uống cho các *Häftling*. Thế nhưng tại các trại, nhà bếp trực thuộc ban hành chính, ban hành chính lại trực thuộc ban D IV của WVHA; khẩu phần được ấn định từ trung tâm bởi D IV 2 theo thỏa thuận với SS-Hauptamt. Cả các bác sĩ tại chỗ lẫn ban D III đều không có quyền

động chạm đến tiến trình đó. Do vậy một phần của mệnh lệnh này đã đơn giản là không hề có hiệu lực; các khẩu phần ở nguyên mức của năm trước." Tôi ngừng nói; Himmler, đang nhìn tôi chăm chú về thân thiện, gật đầu: "Tuy nhiên, có vẻ như tỉ lệ tử vong đã giảm xuống." – "Chắc chắn rồi, thưa Reichsführer, nhưng đó là vì những lý do khác. Có những tiến bộ trong lĩnh vực chăm sóc và y tế, mà các bác sĩ được trực tiếp kiểm soát. Nhưng nó còn có thể giảm xuống được nữa. Trong tình trạng hiện tại, nếu ngài cho phép tôi được nêu nhận xét, thưa Reichsführer, mỗi *Häftling* chết quá sớm đồng nghĩa với một tổn thất rõ rệt đối với ngành sản xuất phục vụ chiến tranh của Reich." – "Cái đó thì tôi biết rõ hơn anh, Sturmbannführer, ông ta rít lên với cái giọng không hài lòng của ông thầy giáo mô phạm. Tiếp tục đi." – "Vâng, thưa Reichsführer. Trở ngại thứ ba, tâm lý của các sĩ quan cao cấp, các cựu chiến binh của IKL. Những nhận xét này không hề liên quan đến các phẩm chất căn bản về con người, về sĩ quan SS, và về người quốc xã. Nhưng phần lớn trong số họ, đó là một thực tế, đã được đào tạo vào một giai đoạn khi chức năng của các trại khác hẳn bây giờ, theo các chỉ thị của Obergruppenführer Eicke quá cố." – "Anh có biết Eicke à?" Himmler ngắt lời. – "Không, thưa Reichsführer. Tôi không có vinh hạnh đó." – "Tiếc thật. Đó là một con người vĩ đại. Chúng tôi nhớ ông ấy lắm. Nhưng xin lỗi, tôi đã ngắt lời anh. Nói tiếp đi." – "Cám ơn, thưa Reichsführer. Điều mà tôi muốn nói, đó là các sĩ quan vẫn có cách nhìn hướng về chức năng chính trị và cảnh sát của các trại, đúng như cách nghĩ phổ biến thời đó. Mặc cho tất cả kinh nghiệm của họ ở lĩnh vực này, nhiều người trong số họ không có khả năng phát triển và tự thích ứng với các chức năng mới thuộc về kinh tế của các trại. Đó là một vấn đề vừa thuộc trạng thái tâm lý vừa thuộc đào tạo: ít người trong số họ có được chút kinh nghiệm nào về quản lý thương mại, và họ làm việc không mấy hiệu quả với các nhà quản trị xí nghiệp của WVHA. Tôi nhấn mạnh rằng đó là một vấn đề tổng thể, một vấn đề về thể hệ, nếu có thể nói như vậy, chứ không phải là những gì thuộc về tính cách từng người

một, ngay cả khi tôi đã dẫn tên một số người cụ thể." Himmler đã thu tay về, chụm chúng vào nhau và đặt dưới cái cầm lẹm của mình. "Tốt, Sturmbannführer. Báo cáo của anh sẽ được chuyển sang cho WVHA và tôi nghĩ nó sẽ cung cấp đạn dược cho ông bạn Pohl của tôi. Nhưng để không làm mất lòng ai, trước tiên anh sẽ phải thực hiện một số sửa chữa. Brandt sẽ đưa danh sách cho anh. Nhất là, anh sẽ không nêu đích danh ai cả. Anh đã hiểu tại sao rồi đấy." – "Đương nhiên, thưa Reichsführer." – "Ngược lại, tôi cho phép anh, với tư cách cá nhân, chuyển một bản chưa sửa chữa của báo cáo cho tiến sĩ Mandelbrod." – "*Zu Befehl*, thưa Reichsführer." Himmler húng hắng ho, ngần ngừ, rút ra một cái khăn mùi soa và lại ho lần nữa, khăn bịt ở miệng. "Xin lỗi, ông ta nói và cất cái khăn đi. Tôi có một nhiệm vụ mới cho anh, Sturmbannführer. Vấn đề lương thực ở các trại, mà anh đã nói đến, là một vấn đề thường xuyên xuất hiện. Có vẻ như đó là một vấn đề mà anh bắt đầu biết đến nhiều." – "Thưa Reichsführer..." Ông ta lấy tay ra hiệu: "Có, có. Tôi còn nhớ báo cáo của anh gửi về từ Stalingrad. Đây là điều mà tôi muốn: trong khi ban D III lo tất cả các vấn đề y tế và vệ sinh, chúng ta lại không có, như anh đã nhấn mạnh, cơ sở tập trung hóa nào lo cho vấn đề lương thực của tù nhân. Do đó tôi đã quyết định thành lập một nhóm làm việc liên ban để giải quyết vấn đề này. Anh sẽ là người điều phối. Anh sẽ làm việc với tất cả các ban chức năng của IKL; Pohl cũng sẽ gửi đến gặp anh một đại diện của các xí nghiệp SS, người sẽ đưa ra quan điểm của mình. Ngoài ra tôi muốn rằng RSHA cũng được tham gia thảo luận. Cuối cùng, tôi muốn anh tham khảo ý kiến các bộ có liên quan, nhất là bộ của Speer, nơi không ngừng đổ vào đầu chúng ta cả núi đơn khiếu nại từ các xí nghiệp tư. Pohl sẽ cung cấp cho anh các chuyên gia cần thiết. Tôi muốn có được một giải pháp có tính đồng thuận, Sturmbannführer. Khi nào chuẩn bị xong các đề nghị cụ thể, anh sẽ nộp lên cho tôi; nếu có giá trị và khả thi, chúng sẽ được phê chuẩn. Brandt sẽ giúp anh về các phương tiện cần thiết. Còn câu hỏi gì nữa không?" Tôi đứng dậy: "Thưa Reichsführer, lòng tin của ngài khiến tôi thấy

vinh dự và tôi xin cảm ơn ngài. Tôi muốn được chắc chắn về một điểm." – "Điểm nào?" – "Rằng sự tăng sản lượng phải là mục đích chính yếu." Himmler bật ngửa người ra sau trên chiếc phôtô, hai bàn tay lủng lẳng trên thành ghế; nét mặt ông ta trở lại với vẻ tinh quái: "Nếu như điều đó không phạm gì đến các lợi ích của SS, và không cản trở các chương trình đang được tiến hành, thì câu trả lời là được." Ông ta ngừng lại một chút. "Nguyên vọng của các bộ khác cũng quan trọng, nhưng anh biết rằng có những bó buộc mà họ không xử lý được. Hãy tính đến những cái đó. Nếu anh còn có những gì chưa chắc chắn, hãy đến gặp Pohl. Ông ấy biết những gì tôi muốn. Chúc một ngày tốt lành, Sturmbannführer."

Khi từ văn phòng của Himmler đi ra, tôi phải thú nhận điều này, tôi cảm thấy đang bay lơ lửng trong đôi bốt của mình. Cuối cùng, người ta đã giao cho tôi một trách nhiệm, một trách nhiệm thực thụ! Như vậy là người ta đã phải công nhận giá trị thực của tôi. Và hơn thế nữa đó lại là một nhiệm vụ có tính tích cực, một cách để đóng góp nỗ lực cho chiến tranh và cho thắng lợi của Đức, nhưng không phải là qua giết chóc và hủy diệt. Ngay cả trước khi nói chuyện với Rudolf Brandt tôi đã vượt ve như một thằng bé những ảnh tượng vinh quang và lối bạch: bị thuyết phục bởi những lập luận không một kẻ hờ nào của tôi, các ban sẽ xếp hàng lại đứng sau lưng tôi; những kẻ bất tài và những tên tội phạm sẽ bị lật đổ, vứt trở lại vào cái hố của bọn họ; trong vài tháng, những tiến bộ đáng kể sẽ được hoàn thành, những người tù sẽ tìm lại được sức mạnh, sự khỏe mạnh của mình, nhiều người trong số họ, mang trong tim sức mạnh của chủ nghĩa quốc xã không gì ngăn cản nổi, thậm chí còn sẽ vui vẻ làm việc để giúp đỡ nước Đức trong cuộc chiến đấu của nó; sản lượng tăng lên theo từng tháng; tôi có được một vị trí quan trọng, một ảnh hưởng thực sự cho phép cải thiện mọi thứ theo các nguyên tắc của *Weltanschauung* chân chính, và đích thân Reichsführer lắng nghe

những lời khuyên của tôi, những lời khuyên của một trong những người quốc xã giỏi nhất. Thô kệch, trẻ con, tôi biết, nhưng rất chính choáng. Dĩ nhiên, sẽ không có gì giống hệt như vậy xảy ra. Nhưng lúc đầu tôi thực sự thấy mình tràn trề hăng hái. Ngay cả Thomas cũng có vẻ bị ấn tượng: "Cậu thấy kết quả ra sao chưa, khi cậu làm theo những lời khuyên của tớ thay vì cứ bo bo lấy ý kiến riêng của mình," anh nở nụ cười cay độc nói với tôi. Nhưng suy nghĩ kỹ, tôi không làm gì khác lắm so với đợt đi làm nhiệm vụ chung của chúng tôi hồi năm 1939: thêm một lần nữa, tôi đã viết đúng sự thật, không nghĩ quá nhiều đến các hậu quả; nhưng rõ ràng là tôi đã gặp may, và rằng sự thật, lần này, tương ứng được với những gì mà người ta muốn hiểu về nó.

Tôi say sưa lao vào công việc này. Vì không có đủ chỗ ở SS-Haus, Brandt giao cho tôi một dãy phòng làm việc ở *Zentralabteilung* của Bộ Nội vụ, trên Königsplatz ở một khúc quanh của sông Spree, tầng trên cùng; từ các cửa sổ phòng mình, tôi có thể nhìn thấy mặt sau của Reichstag, nhưng tôi nhìn được từ một phía, sau nhà hát Opera Kroll, toàn bộ khoảng màu xanh yên ả của Tiergarten, và từ phía bên kia, quá lên dòng sông và cầu Moltke, nhà ga hải quan Lehrter, với hệ thống đường ray rộng lớn của mình, lúc nào cũng nhộn nhịp một thứ giao thông chậm chạp, xóc nảy, làm yên lòng, một sự thích thú vĩnh viễn con trẻ. Còn hơn thế nữa, Reichsführer không bao giờ đến đây: tôi có thể thoải mái hút thuốc trong phòng làm việc. Fräulein Praxa, người dù sao cũng không làm tôi ác cảm nhiều lắm, và ít nhất cũng là người biết trả lời điện thoại và nhận các tin nhắn, cũng chuyển sang cùng với tôi; tôi cũng giữ được Piontek. Ngoài ra Brandt cấp cho tôi một viên Hauptscharführer, Walser, để lo việc lưu trữ giấy tờ, hai nhân viên đánh máy chữ, và cho phép tôi lấy một trợ lý hành chính ở hàng Untersturmführer; tôi nhờ Thomas giới thiệu một người, Asbach, một thanh niên mới vào *Staatspolizei* sau khi học luật và qua một kỳ thực tập ở Junkerschule tại Bad Tölz.

Những chiếc máy bay của Anh quay trở lại trong nhiều đêm liên tục, nhưng mỗi lần lại ít bớt đi: *Wilde Sau*, loại máy bay chiến

đầu cho phép hạ được kẻ thù từ trên cao và ngoài tầm bắn của Flak, gây ra nhiều tổn thất, và Luftwaffe cũng đã bắt đầu sử dụng tên lửa chiếu sáng để soi các mục tiêu của mình như vào ban ngày; sau ngày 3 tháng Chín, những cuộc không kích ngừng hẳn lại: các chiến thuật mới của chúng tôi đã làm nản lòng bọn họ. Tôi đến gặp Pohl ở chỗ ông ta tại Lichterfelde để bàn về thành phần của nhóm làm việc. Pohl có vẻ rất hài lòng vì cuối cùng chúng tôi cũng có thể lo được cho vấn đề này một cách hệ thống; ông ta đã quá chán ngán, ông ta nói thẳng với tôi như vậy, vì phải gửi cho các Kommandant của mình những mệnh lệnh không được thực thi sau đó. Chúng tôi thỏa thuận rằng Amtsgruppe D sẽ bỏ ra ba đại diện, mỗi người cho một ban; Pohl cũng đề nghị với tôi một nhà quản trị của trụ sở của DWB, Các Xí nghiệp kinh tế Đức, để cố vấn cho chúng tôi về các khía cạnh kinh tế và những bó buộc của các hãng sử dụng nhân lực lấy từ nhà tù; cuối cùng, ông ta giao cho tôi thanh tra Dinh dưỡng của mình, giáo sư Weinrowski, một người có mái tóc đã bạc trắng và đôi mắt uơn ướn, một cái cằm chẻ sâu vì một cái lõm, trong đó trú ẩn những sợi lông rấp thoát được khỏi lưỡi dao cạo. Weinrowski, đã từ một năm nay, nỗ lực cải thiện đồ ăn của các *Häftling* nhưng không có được thành công nào cả; nhưng ông ta có một kinh nghiệm tốt về các trở ngại và Pohl muốn ông ta tham gia cùng chúng tôi. Sau khi trao đổi qua thư từ với các ban liên quan, tôi triệu tập một cuộc họp đầu tiên để tổng kết tình hình ban đầu. Theo yêu cầu của tôi, giáo sư Weinrowski đã cùng trợ lý của mình, Hauptsturmführer tiến sĩ Isenbeck, chuẩn bị một tài liệu nhỏ phân phát cho những người tham gia, và sau đó trình bày miệng trước chúng tôi. Đó là một ngày rất đẹp trời tháng Chín, cuối mùa hè muộn; mặt trời rọi sáng trên cây cối của Tiergarten và tỏa những luồng ánh sáng lớn vào phòng họp của chúng tôi, khiến mái tóc của giáo sư giống như một vầng hào quang. Tình hình dinh dưỡng của các *Häftling*, Weinrowski giải thích bằng cái giọng giật cục và mô phạm của mình, khá mơ hồ. Các chỉ thị từ trung tâm ấn định các chuẩn và ngân sách, nhưng dĩ nhiên là các trại được cung ứng tùy theo địa

phương, điều đó làm nảy sinh những khác biệt nhiều khi rất lớn. Về khẩu phần mẫu, ông ta đề nghị lấy ví dụ của KL Auschwitz, nơi một *Häftling* làm công việc nặng phải nhận được hàng ngày 350 gam bánh mì, nửa lít đồ uống thứ phẩm, và một lít xúp khoai tây hoặc củ cải, cùng với phần phụ thêm, bốn lần mỗi tuần, 20 gam thịt trong xúp. Những người tù làm công việc nhẹ hoặc làm y tá dĩ nhiên nhận được ít hơn; ngoài ra còn có đủ loại khẩu phần đặc biệt, chẳng hạn như khẩu phần của trẻ con ở trại gia đình hoặc những người tù được lựa chọn để làm các việc liên quan đến y tế. Nếu tóm tắt tình hình một cách đại khái, thì chính thức mà nói một tù nhân phải làm việc nặng nhận được 2 150 kilô calo mỗi ngày và, khi làm việc nhẹ, 1 700. Thế nhưng, thậm chí còn chưa cần biết liệu những chuẩn mực đó đã được áp dụng hay chưa, chúng đã cho thấy là không đủ: một người khi nghỉ ngơi cần đến, theo cỡ người và cân nặng, và có tính đến môi trường, tối thiểu 2 100 kilô calo mỗi ngày để có thể giữ được sức khỏe tốt, và một người làm việc, 3 000. Do đó những người tù chỉ có thể suy sụp, nhất là khi sự cân bằng giữa lipid, glucit và prôtít còn xa mới được tôn trọng: chỉ có nhiều nhất 6,4% khẩu phần là prôtêin, trong khi cần đến ít nhất 10%, thậm chí là 15%. Trình bày xong, Weinrowski ngồi xuống, vẻ thỏa mãn và tôi đọc các trích đoạn trong loạt mệnh lệnh của Reichsführer gửi Pohl sai phải cải thiện tình trạng ăn uống ở các trại, mà tôi đã để cho trợ lý mới của mình, Asbach, phân tích. Mệnh lệnh đầu tiên trong số đó, đã có từ năm 1942, khá mơ hồ: Reichsführer chỉ yêu cầu Pohl, vài ngày sau khi IKL sáp nhập vào WVHA, *phát triển dần dần một chế độ ăn uống, giống như chế độ của lính La Mã hoặc của các nô lệ Ai Cập, chứa tất cả các loại vitamin mà vẫn đơn giản và có chi phí thấp*. Những bức thư sau đó cụ thể hơn: *nhiều vitamin hơn, nhiều rau sống và hành, cà rốt, su sào, củ cải, và sau đó là tỏi, rất nhiều tỏi, đặc biệt là trong mùa đông, để cải thiện tình hình sức khỏe*. "Tôi biết những mệnh lệnh ấy, giáo sư Weinrowski nói khi tôi đã kết thúc. Nhưng theo tôi thì điều cốt yếu không nằm ở đó." Với một người làm việc, điều quan trọng là calo và prôtêin; các loại vitamin và các chất vi dưỡng nhìn chung chỉ là thứ yếu.

Hauptsturmführer tiến sĩ Alické, đại diện cho D III, đồng ý với quan điểm đó; ngược lại, Isenbeck trẻ tuổi, có những nghi ngờ: dinh dưỡng cổ điển, có vẻ như anh ta nghĩ vậy, đánh giá quá thấp tầm quan trọng của các loại vitamin, và dẫn chứng mà anh ta lấy để hỗ trợ cho ý kiến đó, như thể vậy thôi đã giải quyết được hết mọi chuyện, là một bài báo rút ra từ một tờ báo chuyên ngành của Anh năm 1938, một dẫn chiếu không có vẻ gì là gây ấn tượng với Weinrowski. Hauptsturmführer Gorter, đại diện của *Arbeitseinsatz*, đến lượt mình lên tiếng: Về phía những thống kê tổng thể về tù nhân được ghi chép lại, tình hình tiếp tục được cải thiện dần dần; từ 2,8% vào tháng Tư, tỉ lệ tử vong trung bình đã giảm xuống 2,23% vào tháng Bảy, rồi 2,09% vào tháng Tám. Ngay cả ở Auschwitz, con số này cũng chỉ dao động quanh 3,6%, một sự sụt giảm đáng kể từ tháng Ba. “Vào thời điểm hiện nay, hệ thống các KL giữ khoảng 160 000 tù nhân: trong số đó, chỉ 35 000 bị *Arbeitseinsatz* xếp vào loại không có khả năng làm việc, và 100 000, tức không phải là ít, làm việc bên ngoài, tại các nhà máy hoặc xí nghiệp.” Với các chương trình xây dựng của Amtsgruppe C, tình trạng dồn đống người vào cùng một chỗ, nguồn gốc các dịch bệnh, đã giảm; nếu việc ăn mặc vẫn gây ra tranh cãi, mặc dù đã sử dụng những biện pháp đối với người Do Thái, khía cạnh y tế đã có được những tiến bộ lớn; tóm lại, tình hình có vẻ ổn định. Obersturmführer Jedermann, từ bên hành chính, tuyên bố là mình khá nhất trí; và rồi, ông ta nhắc nhở, việc quản lý các chi phí vẫn là một vấn đề cốt yếu: ngân quỹ thì luôn hạn hẹp. “Điều đó hoàn toàn đúng, khi đó Sturmbannführer Rizzi, chuyên gia kinh tế do Pohl lựa chọn, ngắt lời, nhưng dù sao cũng còn có nhiều nhân tố khác cần tính đến.” Đó là một sĩ quan bằng tuổi tôi, mái tóc hoa râm và với một cái mũi to, trông rất giống người Xlavơ; khi anh ta nói, đôi môi mỏng và nhọn nhọn chỉ hơi mấp máy, nhưng lời lẽ của anh ta thì rõ ràng và chính xác. Thường thì năng suất của một tù nhân có thể được diễn tả thông qua một tỉ lệ phần trăm so với một người lao động Đức hoặc một người lao động nước ngoài; thế nhưng, hai loại đó lại kéo theo các chi phí cao hơn nhiều so với

một *Häftling*, đây là còn chưa nói đến việc số lượng của họ ngày càng nhỏ đi. Chắc chắn là từ khi những xí nghiệp lớn và Bộ Khí tài phân nân về sự cạnh tranh không trung thực, SS không thể cung cấp cho các xí nghiệp của mình các tù nhân theo giá thực nữa, mà phải tính cùng giá với các xí nghiệp bên ngoài, tức là từ 4 đến 6 reichsmark mỗi ngày, số tiền để duy trì một tù nhân dĩ nhiên là vẫn thấp hơn như vậy. Thế nhưng, chi phí thực tế của việc duy trì tăng nhẹ, được quản lý tốt, có thể kéo theo sự gia tăng năng suất đáng kể, trong trường hợp đó tất cả mọi người đều có lợi. "Tôi xin được giải thích: hiện nay WVHA tiêu khoảng 1,5 reichsmark mỗi ngày cho một người tù có khả năng hoàn thành được 10% lượng công việc hàng ngày của một người lao động Đức. Như vậy phải cần đến mười người tù, tức 15 reichsmark mỗi ngày, để thay thế được một người Đức. Nhưng nếu, khi bỏ ra 2 reichsmark mỗi ngày cho một tù nhân, người ta có thể mang lại cho họ sức khỏe, tăng khả năng làm việc của họ lên và do đó có thể đào tạo họ một cách đúng đắn thì sao? Trong trường hợp này, có thể cho rằng một tù nhân có thể, sau vài tháng, cung cấp 50% lượng công việc của một người Đức cùng làm việc đó: như vậy, chỉ cần hai tù nhân, tức 4 reichsmark một ngày, để có thể hoàn thành lượng công việc của một người Đức. Các ông có theo được tôi không? Dĩ nhiên, những con số đó chỉ là ước lượng. Sẽ phải làm một nghiên cứu." – "Anh có thể phụ trách việc đó được không?" tôi thích thú hỏi. – "Đợi đã, đợi đã, Jedermann ngắt lời tôi. Nếu tôi phải chi cho một trăm nghìn tù nhân mỗi người 2 reichsmark mỗi ngày chứ không phải là 1,5, thì tôi sẽ mất phần phụ chi đến 50 000 reichsmark ròng mỗi ngày. Việc họ có sản xuất được nhiều hơn hay không đâu có thay đổi được gì. Ngân sách của tôi thì có thay đổi đâu." – "Đúng vậy, tôi trả lời. Nhưng tôi đã hiểu Sturmbannführer Rizzi định đi đến đâu. Nếu ý kiến của ông ấy là đúng, lợi nhuận chung của SS sẽ tăng lên, bởi vì các tù nhân sẽ sản xuất được nhiều hơn mà không phải tăng chi phí cho các xí nghiệp sử dụng họ. Sẽ chỉ cần, nếu điều này được chứng minh, thuyết phục Obergruppenführer Pohl chuyển một phần lợi

nhuận tăng lên của ngân sách dành cho việc duy trì của Amstgruppe." – "Đúng vậy, không ngốc một chút nào, Gorter, người của Maurer, góp lời. Và nếu tù nhân kiệt sức chậm hơn, thì cuối cùng số lượng nhân công sẽ tăng lên nhanh hơn về thực tế. Từ đó, xét cho đến cùng mà việc giảm tỉ lệ tử vong là vô cùng quan trọng."

Cuộc họp kết thúc ở lời nhận xét đó và tôi đề nghị chia công việc để chuẩn bị cho cuộc họp tới. Rizzi có ý định nghiên cứu tính đúng đắn của ý kiến của mình; Jedermann sẽ trình bày chi tiết về các bó buộc về ngân sách; còn phần Isenbeck, tôi giao cho anh ta, với sự đồng ý của Weinrowski (người rõ ràng là không muốn phải di chuyển nhiều), thanh tra nhanh chóng bốn trại: các trại Ravensbrück, Sachsenhausen, Gross-Rosen và Auschwitz, với mục đích là mang từ đó về tất cả các barem khẩu phần ăn, thực đơn trong thực tế được nấu cho các loại tù nhân cơ bản kể từ một tháng nay, và nhất là những mẫu khẩu phần mà chúng tôi sẽ đưa đi phân tích: tôi muốn có thể so sánh các thực đơn lý thuyết với những đồ ăn thực tế được phục vụ.

Khi tôi nêu lời nhận xét cuối cùng này, Rizzi đã liếc nhìn tôi về rất kỳ cục; sau khi cuộc họp giải tán, tôi kéo anh ta vào phòng làm việc của mình. "Anh có những lý do để tin rằng các *Häftling* sẽ không nhận được những gì họ đáng được nhận à?" anh ta hỏi tôi theo cái lối khô khốc và đột ngột của mình. Tôi thấy anh ta là một người thông minh, và đề nghị của anh ta đã khiến tôi nghĩ rằng những mục đích của chúng tôi hẳn có thể khớp được với nhau: tôi quyết định biến anh ta trở thành một đồng minh; dù sao, tôi cũng không thấy có nguy cơ nào khi cởi mở với anh ta. "Đúng, tôi có những lý do, tôi tuyên bố. Tham nhũng là một vấn đề lớn tại các trại. Phần lớn đồ ăn do D IV mua đã bị lấy mất. Khó tính toán cụ thể lắm, nhưng các *Häftling* ở cuối dây chuyền – tôi không nói đến các kapo và các *Prominent* – hẳn là phải mất từ 20% đến 30% khẩu phần ăn của mình. Vì khẩu phần đó đã không đủ rồi, chỉ những người tù có được một suất ăn phụ, hợp pháp hoặc không hợp pháp, mới có cơ may sống sót được trong vòng

vài tháng.” – “Tôi hiểu rồi.” Anh ta suy nghĩ, tay cọ cọ lên mũi phía dưới cặp kính. “Sẽ cần phải tính toán được một cách chính xác triển vọng sống và hoạch định nó theo mức độ chuyên môn hóa.” Anh ta lại dừng lại một lúc rồi kết luận: “Được rồi, tôi sẽ xem sao.”

Tôi nhanh chóng hiểu ra, than ôi, rằng sự hào hứng ban đầu sẽ phần nào chuyển thành thất vọng. Những cuộc họp sau đó sa lầy trong cả một đống các chi tiết kỹ thuật vừa khổng lồ vừa mâu thuẫn. Isenbeck đã tiến hành một phân tích rất tốt về các thực đơn, nhưng có vẻ như không đủ khả năng chỉ ra đâu là mối liên hệ giữa chúng và các khẩu phần thực tế được phân chia; Rizzi có vẻ chăm chú vào ý tưởng nhấn mạnh việc phân chia thành nhân công chuyên môn hóa và không chuyên môn hóa, và phải tập trung nỗ lực của chúng tôi vào loại đầu tiên; Weinrowski không làm sao tìm được tiếng nói chung với Isenbeck và Alicke về vấn đề vitamin. Để tìm cách thúc đẩy các tranh luận, tôi mời đến một đại diện từ bộ của Speer; Schmelter, người đứng đầu ban phụ trách trợ cấp nguồn nhân lực, trả lời tôi rằng đã đến lúc SS cần quan tâm đến vấn đề này và gửi đến một viên Oberregierungsrat cùng một danh sách dài những lời phàn nàn. Bộ của Speer vừa nhận thêm một phần các chức năng của Bộ Kinh tế và được đổi tên thành Bộ Khí tài và Sản xuất Chiến tranh, RMfRuK theo cách viết tắt các chữ cái đầu kỳ quặc, để phản ánh các quyền lực mở rộng của mình trên lĩnh vực này; và có vẻ như việc tái tổ chức đó được phản ánh trong sự chắc chắn không tì vết của tiến sĩ Kühne, phái viên của Schmelter. “Tôi không chỉ nói nhân danh bộ, ông ta bắt đầu sau khi được tôi giới thiệu cho các đồng nghiệp ở đó, mà cũng nhân danh cả các xí nghiệp có sử dụng nguồn nhân lực do SS cung cấp, mà những lời phàn nàn được chuyển lên chúng tôi hàng ngày.” Viên Oberregierungsrat đó mặc một bộ com lê màu hạt dẻ, đeo một cái nơ con bướm và có hàng ria kiểu Phở xén tĩa thành hình bàn chải; những sợi tóc xơ xác hiem hoi của ông ta được chải lật sang một bên rất cẩn thận, để che đi một khoảng trống chạy dài ở trên đầu. Nhưng tính chất kiên quyết của bài

diễn văn hé lộ cái khía cạnh hơi lố bịch của ông ta. Như hẳn tất cả chúng ta đều đã biết, những người tù thường đến các nhà máy trong một tình trạng yếu ớt, và thường thì, chỉ sau vài tuần, trở nên kiệt sức, họ liền bị gửi trả ngay về trại. Thế nhưng, việc đào tạo đòi hỏi ít nhất là nhiều tuần; thiếu những người huấn luyện, và người ta không có các phương tiện để mỗi tháng lại đào tạo thêm các nhóm mới. Ngoài ra, với một công việc đòi hỏi dù chỉ là trình độ nghiệp vụ tối thiểu, cần phải có ít nhất sáu tháng trước khi họ đạt được đến một mức độ khả dĩ: và ít có tù nhân nào sống lâu được đến mức đó. Reichsminister Speer rất thất vọng về tình trạng này và cho rằng đóng góp của SS vào nỗ lực chiến tranh, ở lĩnh vực này, cần phải được cải thiện. Ông ta kết luận bằng cách chuyển lại cho chúng tôi một tài liệu chứa đựng nhiều đoạn trích của những lá thư từ các xí nghiệp gửi lên. Sau khi ông ta đi khỏi, trong lúc tôi đang lật giở tài liệu đó, Rizzi nhún vai và liếm cặp môi mỏng dính của mình: “Đó chính là điều tôi đã nói ngay từ đầu. Các nhân công chất lượng cao.” Tôi cũng đã yêu cầu văn phòng của Sauckel, đại diện toàn quyền phụ trách chung *Arbeitseinsatz* hay GBA, gửi ai đó đến để phát biểu về các quan điểm của họ: một trợ lý của Sauckel đã trả lời tôi một cách khá xác xược rằng, ngay khi SP cảm thấy cần tìm ra một cái cớ nào đó để bắt các nhân công nước ngoài và gửi họ đi để làm tăng số lượng người của các trại, thì SS là người phải chịu trách nhiệm lo cho những người đó, và GBA, về phần mình, cảm thấy không còn liên quan gì nữa. Brandt đã gọi điện cho tôi nhắc nhở rằng Reichsführer rất muốn có ý kiến của RSHA; vậy là tôi cũng viết thư cho cả Kaltenbrunner, người đã từng trả tôi về cho Müller, và đến lượt mình ông ta lại bảo tôi liên lạc với Obersturmbannführer Eichmann. Mặc cho tôi phản đối, lấy lý do vấn đề vượt quá xa vấn đề về người Do Thái, lĩnh vực duy nhất mà Eichmann có thẩm quyền, Müller vẫn cứ khẳng khẳng như vậy; tôi bèn gọi điện cho Kurfürstenstrasse và yêu cầu Eichmann gửi đến một đồng nghiệp; ông tra trả lời rằng mình muốn đích thân đến hơn. “Trợ lý Günther của tôi đang ở Đan Mạch, ông ta giải thích khi tôi đón

tiếp ông ta. Dù sao, những vấn đề có tầm quan trọng lớn như thế này, tôi thích tự mình xử lý hơn." Ở bàn họp, ông ta lao vào một lời kết án không thương xót chống lại những người tù Do Thái, những kẻ, theo ông ta, đại diện cho một mối hiểm họa ngày càng to lớn hơn; kể từ Vacxava, những cuộc nổi loạn không ngừng nổ ra; một vụ nổi dậy tại một trại đặc biệt, ở phía Đông (đó là Treblinka, nhưng Eichmann không nói rõ), đã giết chết nhiều SS, và hàng trăm tù nhân đã chạy thoát; tất cả đều không bị bắt lại. RSHA, cũng như chính Reichsführer, than phiền rằng những vụ việc như thế cứ ngày càng nhiều; và cái đó, nhìn vào tình hình căng thẳng ở mặt trận, người ta không thể cho phép xảy ra được. Ngoài ra ông ta nhắc nhở chúng tôi rằng tất cả Do Thái được chuyển đến các trại trên các chuyến hàng của RSHA đều đã bị kết tội chết: "Cái đó thì chúng ta không thể thay đổi được, ngay cả khi có muốn đi chăng nữa. Nhiều nhất thì chúng ta cũng chỉ có thể rút ra từ chúng, theo một cách nào đó, khả năng lao động cho Reich của chúng, trước khi chết đi." Nói một cách khác, ngay cả khi một số mục tiêu chính trị đã được chuyển hóa thành các mục tiêu kinh tế, thì những mục tiêu đầu tiên kia vẫn không vì thế mà giảm bớt hiệu lực; do đó vấn đề không phải là phân biệt ra tù nhân có chuyên môn hay không – trước đó tôi đã trình bày ngắn gọn cho ông ta tình trạng hiện nay của cuộc thảo luận của chúng tôi – mà là giữa các hạng khác nhau liên quan đến chính trị-cảnh sát. Nhân công người Nga hoặc Ba Lan bị bắt vì tội trộm cắp, chẳng hạn như vậy, bị gửi đến một trại, nhưng tội trạng của họ sẽ không đi xa hơn nữa; do đó WVHA có thể sử dụng họ thế nào tùy thích. Còn về những kẻ đã bị kết án vì tội "vấy bẩn dòng giống" thì chuyện đã phức tạp hơn nhiều. Nhưng với bọn Do Thái và bọn bên lề xã hội do Bộ Tư pháp chuyển đến, cần phải nhìn rõ mọi chuyện: theo một cách nào đó chúng chỉ được cho WVHA mượn, vì RSHA giữ cho mình thẩm quyền về chúng cho đến khi chúng chết; với chúng, chính sách *Vernichtung durch Arbeit*, tiêu diệt thông qua lao động, cần phải được áp dụng một cách nghiêm ngặt: do đó không ích gì mà lãng phí lương thực cho chúng.

Những lời này gây một ấn tượng mạnh lên các đồng nghiệp của tôi, và khi Eichmann đi khỏi, chúng tôi bắt đầu đề xuất các khẩu phần khác nhau cho tù nhân Do Thái và các loại tù nhân khác; thậm chí tôi còn đến gặp lại Oberregierungsrat Kühne để thông báo cho ông ta về lời đề nghị đó; ông ta trả lời tôi bằng văn bản rằng, trong trường hợp này, chắc chắn là các xí nghiệp sẽ từ chối các tù nhân Do Thái, điều đó đi ngược lại thỏa thuận giữa Reichsminister Speer và Führer, cũng như nghị định ban hành vào tháng Giêng năm 1943 về việc huy động nhân công. Tuy vậy các đồng nghiệp của tôi không từ bỏ hoàn toàn ý tưởng đó. Rizzi hỏi Weinrowski liệu có thể, xét về mặt kỹ thuật, tính toán các khẩu phần có khả năng làm chết một người trong một khoảng thời gian nhất định hay không; chẳng hạn như là một khẩu phần duy trì mạng sống cho một nhân công Do Thái không có chuyên môn trong vòng ba tháng, một khẩu phần khác cung cấp chín tháng cho một công nhân chuyên môn thuộc loại tù bên lề xã hội. Weinrowski phải trả lời anh ta rằng không, không thể được; thậm chí còn chưa nói đến các nhân tố khác như cái lạnh và bệnh tật, tất cả đều phụ thuộc vào trọng lượng và sức đề kháng của chủ thể; với một khẩu phần cho trước, một cá nhân có thể chết trong vòng ba tuần, một người khác lại có thể sống mãi; nhất là khi người tù khéo xoay xở lúc nào cũng có thể tìm được đồ để ăn thêm, trong khi người đã yếu sẵn và hào hứng với cuộc đời sẽ còn chết nhanh hơn. Lập luận này làm nảy ra một ý tưởng xuất sắc ở Hauptsturmführer tiến sĩ Alicke: “Những điều các anh nói, ông ta vừa suy nghĩ vừa nói, chính là việc các tù nhân khỏe nhất sẽ luôn luôn tìm được cách để lấy trộm một phần khẩu phần ăn của những người yếu nhất, và như vậy là để sống dai hơn. Nhưng theo một cách nào đó, liệu rằng việc những người tù yếu nhất thậm chí không nhận được cả khẩu phần đầy đủ của mình lại không có lợi cho chúng ta à? Một khi họ đã vượt quá một hạn mức nào đó về sự yếu ớt, có thể nói rằng một cách tự động, họ sẽ để cho khẩu phần của mình bị đánh cắp, họ sẽ ăn ít đi và chết nhanh hơn, và do đó chúng ta sẽ tiết kiệm được đồ ăn. Còn về phía những gì

bị ăn cắp từ tay họ, những cái đó sẽ củng cố thêm sức khỏe của các tù nhân đã có đủ sức, và họ sẽ chỉ càng làm việc tốt hơn. Đó đơn giản là cơ chế sinh tồn tự nhiên của kẻ mạnh hơn; theo cùng cách đó, một con thú ốm nhanh chóng quy xuống trước những con mạnh hơn nó." Dù sao thì như vậy cũng là đi hơi quá xa, và tôi phản ứng mạnh mẽ: "Hauptsturmführer, Reichsführer đã không xây dựng hệ thống trại tập trung để sử dụng các không gian đóng kín nhằm kiểm nghiệm các lý thuyết của chủ nghĩa Darwin xã hội. Do đó tôi cho rằng lập luận của anh không được xác đáng." Tôi quay sang những người khác: "Vấn đề thực sự, đó là chúng ta muốn đặt ưu tiên lên cái gì. Lên những yêu cầu chính trị ư? hay lên các nhu cầu kinh tế?" – "Chắc chắn rằng những cái đó không được quyết định ở tầm mức của chúng ta," Weinrowski đáp lại một cách bình thản. – "Đồng ý, Gorter nói xen vào, nhưng dù sao thì với *Arbeitseinsatz*, các chỉ thị cũng rất rõ ràng: tất cả đều phải được sử dụng để tăng năng suất làm việc của các *Häftling*." – "Từ quan điểm của các xí nghiệp SS của chúng ta, đến lượt mình Rizzi xác nhận, cũng vậy thôi. Nhưng chúng ta không thể vì thế mà lơ là một số yêu cầu mang tính ý thức hệ được." – "Dù sao thì, meine Herren, tôi kết luận, chúng ta vẫn chưa giải quyết được vấn đề này. Reichsführer đã yêu cầu tôi đưa ra những đề nghị ngớ ngẩn thỏa mãn lợi ích của các ban khác nhau của các anh. Trong trường hợp tệ nhất thì chúng ta cũng có thể chuẩn bị nhiều giải pháp khác nhau để ông ấy lựa chọn; dù thế nào đi nữa, ông ấy cũng là người sẽ đưa ra quyết định cuối cùng."

Tôi bắt đầu thấy rằng các cuộc tranh luận khô cằn này có thể tiếp tục đến mãi mãi, và triển vọng đó làm tôi hoảng sợ; vì vậy tôi quyết định thay đổi chiến thuật: chuẩn bị một đề nghị cụ thể, và để cho nó được hỗ trợ bởi các đề nghị khác, dù có phải thay đổi nó một chút, nếu cần. Để làm được như vậy, tôi quyết định trước hết phải đạt được thỏa thuận với các chuyên gia, Weinrowski và Isenbeck. Weinrowski, khi tôi bắt đầu rào đón, nhanh chóng hiểu ra các ý định của tôi và hứa sẽ ủng hộ; Isenbeck, về phần mình, sẽ làm những gì người ta bảo anh ta làm.

Nhưng chúng tôi vẫn còn thiếu những con số cụ thể. Weinrowski tin là IKL đã từng tiến hành các nghiên cứu về chủ đề này; tôi phái Isenbeck đi Oranienburg với một mệnh lệnh; thắng lợi, anh ta mang về cho tôi một chồng hồ sơ: vào cuối những năm 30, quả thực là ban y tế của IKL đã tiến hành một loạt các thí nghiệm ở KL Buchenwald về chế độ ăn của các tù nhân phải làm công việc khổ sai; với động cơ duy nhất là sự trừng phạt hoặc đe dọa trừng phạt, họ đã thử một số lượng lớn các công thức, thường xuyên thay đổi các khẩu phần và đều đặn cân các đối tượng; từ đó họ đã rút ra được một loạt những con số. Trong khi Isenbeck nghiền ngẫm các báo cáo đó, tôi thảo luận với Weinrowski về những gì chúng tôi thường gọi là các "nhân tố thứ yếu", như vệ sinh, cái lạnh, bệnh tật, đánh đập. Tôi yêu cầu SD gửi cho mình một bản sao bản báo cáo Stalingrad của tôi, cũng xử lý cùng các chủ đề đó; đọc qua chúng, Weinrowski kêu lên: "A, anh trích dẫn Hohenegg!" Nghe câu nói ấy, kỷ niệm về người đàn ông đó, đã chôn kín trong tôi giống như một quả cầu thủy tinh, bật tung ra và trôi lên, tăng tốc liên tục trước khi lên và nổ tung trên mặt đất: thật kỳ lạ, tôi tự nhủ, mình không hề nghĩ đến ông ta từ rất lâu rồi. "Ông biết ông ấy à?" tôi hỏi Weinrowski, cảm thấy một cơn chấn động lớn. – "Tất nhiên! Đó là một trong các đồng nghiệp của tôi tại khoa y ở Viên." – "Vậy là ông ấy vẫn còn sống à?" – "Phải, chắc chắn rồi, tại sao lại không?"

Tôi bắt tay ngay vào việc tìm kiếm: quả thực là ông ta vẫn còn sống, và tôi không gặp khó khăn gì để tìm ra; cả ông ta cũng đang làm việc ở Berlin, ở ban y tế của Bendlerstrasse. Sung sướng, tôi gọi đến chỗ ông ta nhưng không nói tên; cái giọng sền sệt và du dương của ông ta có vẻ chán chường khi trả lời: "Vâng?" – "Giáo sư Hohenegg phải không?" – "Chính thế. Về việc gì vậy?" – "Tôi gọi cho ông từ SS. Về một món nợ cũ." Giọng ông ta trở nên còn gay gắt hơn. "Anh nói cái gì thế? Anh là ai?" – "Tôi nói với ông về một chai cognac mà ông đã hứa với tôi cách đây chín tháng." Hohenegg phá lên một tràng cười dài: "Than ôi, than ôi, tôi phải thú nhận với anh một điều: vì nghĩ anh đã chết, nên tôi

đã uống nó để mừng sức khỏe anh rồi." – "Ông đúng là người không đáng tin." – "Hóa ra là anh còn sống." – "Và được thăng cấp rồi: *Sturmbannführer*." – "Hoan hô! À, vậy thì tôi chỉ còn một việc là khui một chai rượu khác thôi." – "Tôi cho ông hai mươi tư giờ: tối mai chúng ta sẽ uống. Để đổi lại, tôi mời ông bữa tối. Ở quán *Borchardt*, vào tám giờ, ông thấy được không?" Hohenegg huýt sáo dài: "Hắn là người ta cũng đã tăng lương cho anh rồi. Nhưng cho phép tôi lưu ý với anh rằng vẫn còn chưa đến mùa hè hân đâu." – "Không có gì nghiêm trọng cả; chúng ta sẽ ăn món patê lợn rừng. Hẹn ngày mai nhé."

Hohenegg, ngay khi nhìn thấy tôi, bằng mọi giá muốn sờ vào các vết sẹo của tôi; tôi để ông ta làm vậy một cách nhẹ nhõm, dưới ánh mắt ngạc nhiên của viên quản lý đến để mời chúng tôi rượu vang. "Làm tốt đấy, Hohenegg cất lời, làm tốt đấy. Nếu anh bị đánh trước Kislovodsk, hẳn là tôi đã nêu tên anh trong bài giảng của tôi. Dù sao thì tôi cũng đã làm đúng khi khẳng khẳng bắt họ làm điều đó." – "Ông muốn nói gì thế?" – "Tay bác sĩ phẫu thuật, ở Goumrak, đã từ chối mổ cho anh, cái đó thì hiểu được thôi. Anh ta đã kéo một cái chăn che mặt anh và nói với các y tá, đúng như cách hồi ấy chúng tôi vẫn hay làm, đưa anh ra nằm ngoài tuyết, như vậy sẽ nhanh hơn. Nhưng, tôi đã đi qua đó, tôi nhìn thấy cái chăn vẫn còn đang rung rung ở ngang đoạn miệng, và tất nhiên là tôi thấy rất ngạc nhiên, một người chết vẫn còn thở như một con bò dưới tấm vải liệm. Tôi đã kéo nó ra: cứ thử tưởng tượng sự kinh ngạc của tôi đi. Vậy là tôi tự nhủ điều nhỏ nhất có thể làm được là đòi một người khác chăm sóc cho anh. Tay bác sĩ phẫu thuật không muốn, chúng tôi nói với nhau vài câu, nhưng tôi có cấp bậc cao hơn anh ta và anh ta đành phải tuân lệnh. Anh ta không ngừng hét lên, nói rằng đó là một sự lãng phí thời gian. Tôi đang hơi vội, tôi để anh ta làm một mình, tôi cứ nghĩ anh ta sẽ chỉ tìm cách cầm máu thôi. Nhưng tôi rất mừng vì điều đó cũng có ích đấy chứ." Tôi ngồi bất động, đóng đinh vào những lời của ông ta; cùng lúc tôi cảm thấy mình ở xa tất cả những cái đó vô cùng tận, như thể điều đó liên quan đến một người khác,

người mà tôi chỉ biết một chút ít. Người quản lý mang rượu đến. Hohenegg ngăn ông ta lại trước khi ông ta kịp rót: "Khoan đã, thưa ông. Ông có thể mang cho chúng tôi hai cốc uống rượu cognac không?" – "Tất nhiên, Herr Oberst." Với một nụ cười, ông ta rút một chai Hennessy từ cặp của mình ra và đặt nó lên mặt bàn: "Đây này. Đã hứa là phải làm thôi." Viên quản lý quay trở lại với hai cái cốc, mở chai, và rót rượu cho chúng tôi. Hohenegg cầm lấy cốc và đứng dậy; tôi bắt chước ông ta. Đột nhiên ông ta có một dáng vẻ đầy nghiêm túc và tôi nhận thấy rằng ông ta đã già đi rất nhiều so với trong ký ức của tôi: làn da ông ta, vàng và mềm oặt, treo lủng lẳng dưới hai mắt và trên đôi má tròn; toàn bộ cơ thể ông ta, vẫn còn rất béo, như thể đã thon lại rất nhiều ở hai bên sườn. "Tôi đề nghị, ông ta nói, chúng ta uống cho tất cả các bạn đồng ngũ bất hạnh không có nhiều may mắn bằng chúng ta. Và nhất là những người vẫn còn sống, ở đâu đó." Chúng tôi uống và ngồi xuống trở lại. Hohenegg im lặng thêm một lúc, tay nghịch con dao ăn, rồi quay về với dáng điệu vui vẻ. Tôi kể cho ông ta mình đã thoát ra như thế nào, ít nhất thì cũng là những gì Thomas nói lại, và hỏi chuyện của ông ta. "Tôi thì đơn giản hơn. Tôi đã làm xong việc, nộp báo cáo cho tướng Renoldi, người đã chuẩn bị vali sẵn sàng để đi Xibêri và hoàn toàn mặc kệ tất cả những chuyện khác, và tôi nhận ra rằng người ta đã quên mất tôi. Thật may mắn, tôi biết một chàng thanh niên tốt bụng của AOK; nhờ anh ta, tôi đã gửi được tin cho OKHG cùng với một bản sao cho khoa của tôi, chỉ nói là tôi đã sẵn sàng để nộp báo cáo. Vậy là họ nhớ ra tôi và ngày hôm sau tôi nhận được lệnh rời khỏi Kessel. Mặt khác, trong khi chờ một chiếc máy bay ở Goumrak tôi đã nhìn thấy anh. Tôi những muốn mang anh đi theo cùng, nhưng trong tình trạng đó anh không thể di chuyển được, và dù sao thì tôi cũng không thể chờ đến sau cuộc phẫu thuật, các chuyến bay đã hiếm lắm rồi. Mặt khác tôi tin rằng tôi là một trong những người cuối cùng rời khỏi Goumrak. Chiếc máy bay của chuyến ngay trước đó rơi xuống nổ tung trước mắt tôi; tại tôi vẫn còn rung động tiếng nổ khi đến được Novorossisk. Chúng tôi đã cất

cánh bay thẳng qua lớp khói và những đám lửa bốc lên từ cái máy bay rơi kia, rất ấn tượng. Sau đó, tôi có một kỳ nghỉ, và thay vì bổ tôi trở lại đại đoàn số 6 mới được thành lập lại họ đã giao cho tôi một chỗ ở OKW. Còn anh, anh trở thành cái gì rồi?" Trong khi ăn tôi miêu tả cho ông ta các vấn đề của nhóm làm việc của tôi. "Quả thực, ông ta bình luận, tôi thấy là khó đấy. Tôi biết Weinrowski khá rõ, đó là một người rất khá và là một bác học uyên thâm; nhưng ông ấy không có chút ý niệm chính trị nào và thường xuyên đi sai bước." Tôi vẫn tư lự: "Ông gặp ông ấy cùng với tôi được không? Để giúp chúng tôi hướng lối." – "Sturmbannführer thân mến của tôi ạ, tôi xin nhắc với anh rằng tôi là một sĩ quan của Wehrmacht. Tôi ngờ rằng các thượng cấp của anh – và của tôi – sẽ không hề thích thú với chuyện anh kéo tôi vào câu chuyện buồn thảm này." – "Một cách không chính thức chứ, tất nhiên rồi. Chỉ đơn giản là một cuộc thảo luận riêng thôi, cùng với người bạn cũ ở khoa của ông?" – "Tôi chưa bao giờ nói rằng đó là một người bạn." Hohenegg dùng tay gãi gãi đằng sau cái đầu hói của mình, vẻ suy nghĩ rất lung; cái cổ nhăn nheo của ông ta hiện ra phía trên cổ áo nút kín. "Tất nhiên, với tư cách là chuyên gia giải phẫu-bệnh học, lúc nào tôi cũng rất vui lòng được giúp đỡ loài người; dù sao thì tôi cũng không bao giờ thiếu bệnh nhân cả. Nếu anh muốn, chúng ta chỉ cần để cả ba người cạn hết chai rượu cognac này."

Weinrowski mời chúng tôi đến nhà ông ta. Ông ta sống cùng vợ trong một căn hộ ba phòng, ở Kreuzberg. Trên chiếc đàn piano, ông ta chỉ cho chúng tôi hai bức ảnh chụp hai thanh niên, một được lồng khung đen và có một dải ruybăng; con trai cả của ông ta, Egon, bị giết ở Demiansk; đứa con thứ hai đang phục vụ ở Pháp và cho đến giờ vẫn được yên ổn, nhưng sư đoàn của anh ta vừa bị điều gập sang Ý, để củng cố cho mặt trận mới. Trong khi Frau Weinrowski phục vụ nước trà và bánh ngọt, chúng tôi bình luận về tình hình Ý: đúng như hầu hết mọi người chờ đợi, Badoglio chỉ chăm chăm tìm cơ hội để trở vạt áo, và ngay khi Liên quân Anh-Mỹ đặt chân lên đất Ý, ông ta liền nắm ngay lấy. "Thật may mắn, thật may mắn vì Führer khôn lanh hơn ông ta!"

Weinrowski kêu lên. – “Anh cứ nói thế, Frau Weinrowski buồn rầu thì thăm trong khi mời chúng tôi lấy đường, nhưng Karl của chúng ta đang ở đó đấy chứ, có phải là Führer đâu.” Đó là một người đàn bà hơi nặng nề, những đường nét phì phị và mệt mỏi; nhưng dáng hình của cái miệng và nhất là ánh sáng trong đôi mắt bà ta hé lộ về một vẻ đẹp đã qua. “Ôi, em im đi, Weinrowski cầu nhau, Führer biết phải làm gì. Nhìn cái tay Skorzeny mà xem! Xem có phải là một đòn thiên tài không nào.” Từ nhiều ngày nay cuộc không kích Gran Sasso để giải cứu Mussolini đã được đưa lên trang nhất các báo của Goebbels. Kể từ đó, các lực lượng của chúng tôi đã chiếm được Bắc Ý, bắt 650 000 lính Ý, và thiết lập một nền cộng hòa phát xít ở Salo; và tất cả những cái đó được giới thiệu như một chiến thắng đáng kể, một dự liệu xuất sắc của Führer. Nhưng những cuộc oanh tạc được tiếp tục tiến hành ở Berlin cũng là một hậu quả trực tiếp từ đó, và mặt trận mới đang nuốt mất các sư đoàn của chúng tôi, và vào tháng Tám người Mỹ đã ném bom thành công xuống Ploesti, nguồn dầu lửa cuối cùng của chúng tôi. Nước Đức hiển nhiên là đang bị kẹt giữa hai làn đạn.

Hohenegg rút chai cognac của mình ra và Weinrowski đi tìm cốc; vợ ông ta đã biến mất vào bếp. Căn hộ tối, với cái mùi tẩm hương xạ và lưu cữu của các căn hộ cũ kỹ. Tôi vẫn luôn tự hỏi không biết từ đâu mà có cái mùi đó. Liệu có phải là tôi cũng vậy, tôi cũng sẽ bốc cái mùi đó, nếu như sống được lâu? Một ý nghĩ kỳ quặc. Dù sao thì cho đến nay tôi vẫn chưa bốc mùi gì; nhưng làm sao ngửi được mùi của chính mình, người ta vẫn thường nói vậy. Khi Weinrowski quay trở lại, Hohenegg rót rượu ra ba cái cốc và chúng tôi uống để tưởng niệm đứa con trai tử trận. Weinrowski có vẻ hơi xúc động. Rồi tôi rút đồng hồ tài liệu đã chuẩn bị từ trước và cho Hohenegg xem, sau khi đã yêu cầu Weinrowski giải thích qua một chút. Weinrowski ngồi bên cạnh người đồng nghiệp cũ của mình và bình luận đồng giấy tờ và bảng biểu mà Hohenegg đang mở ra; một cách vô thức, họ chuyển sang dùng thứ thổ ngữ Viên mà phải khó khăn lắm tôi mới theo kịp. Tôi ngồi sâu vào ghế phôtô và uống rượu cognac

của Hohenegg. Cả hai đều có một thái độ kỳ lạ: quả thực, như Hohenegg đã giải thích cho tôi, Weinrowski, ở khoa, có thâm niên cao hơn ông ta; nhưng với tư cách là Oberst ông ta lại có cấp bậc cao hơn Weinrowski, người có cấp bậc SS Sturmbannführer quân dự bị, tương đương với một Thiếu tá. Có vẻ như là họ không biết ai trong hai người có ưu thế hơn người còn lại, và do đó đã áp dụng một thái độ khác hẳn, rất rõ ràng "Xin ông," "Không, không, tất nhiên, ông có lý," "Kinh nghiệm của ông...", "Công việc của ông..." và khung cảnh trở nên khá hài hước. Hohenegg ngẩng đầu lên nhìn tôi: "Nếu tôi hiểu đúng, thì theo anh, các tù nhân thậm chí còn không nhận được khẩu phần đầy đủ được miêu tả ở đây?" – "Ngoài một số người được ưu tiên thì không. Tối thiểu là họ mất 20%." Hohenegg lại tập trung vào cuộc nói chuyện với Weinrowski. "Như vậy là rất xấu." – "Chắc chắn rồi. Họ có từ 1 300 đến 1 700 kilô calo mỗi ngày." – "Như vậy là vẫn còn hơn người của chúng ta ở Stalingrad." Ông ta lại nhìn tôi: "Cuối cùng thì anh nhằm đến điều gì?" – "Lý tưởng là một khẩu phần tối thiểu bình thường." Hohenegg vỗ vỗ đồng giấy tờ: "Đúng rồi, nhưng cái đó thì, nếu tôi hiểu đúng, là không thể. Thiếu tiền." – "Theo một cách nào đó thì đúng. Nhưng vẫn có thể đề nghị các cải thiện chứ." Hohenegg suy nghĩ: "Quả thực, vấn đề thực sự của các anh là tăng lên. Người tù phải nhận 1 700 chỉ nhận được có 1 300; để họ nhận được 1 700..." – "Cái đó thì dù sao vẫn không đủ," Weinrowski nói để vào – "... thì khẩu phần phải ở mức là 2 100. Nhưng nếu yêu cầu 2 100, các anh phải lý giải được tại sao lại 2 100. Các anh không thể nói rằng mình yêu cầu 2 100 để nhận được 1 700." – "Bác sĩ, vẫn luôn vậy, tôi rất thích được nói chuyện với ông, tôi mỉm cười nói. Theo đúng thói quen, lúc nào ông cũng đi thẳng vào vấn đề." Hohenegg tiếp tục, không để ai ngắt lời: "Đợi đã. Để yêu cầu được 2 100, các anh sẽ phải chứng minh rằng 1 700 là không đủ, đó là điều các anh không thể làm được, vì thực tế là họ không nhận được 1 700. Và tất nhiên, các anh không thể nói đến vấn đề thâm hụt trong các lập luận của mình." – "Không hoàn toàn. Bên trên biết là có vấn đề đó, nhưng

chúng tôi không được phép tính nó vào. Có những cơ quan khác lo vụ này." – "Tôi hiểu rồi." – "Trên thực tế, vấn đề sẽ là tăng được ngân sách chung lên. Nhưng những người phụ trách ngân sách này lại cho rằng hẳn là nó đã đủ và sẽ rất khó để chứng minh được điều ngược lại. Ngay cả khi chỉ ra được rằng các tù nhân vẫn tiếp tục chết đi quá mau chóng, người ta vẫn sẽ khẳng khái trả lời chúng ta rằng không phải cứ ném thêm tiền vào là có thể giải quyết được vấn đề." – "Điều đó thì họ cũng không hoàn toàn sai đâu." Hohenegg gãi gãi chòm đầu; Weinrowski im lặng lắng nghe. "Liệu chúng ta có thể thay đổi các phân bổ không?" cuối cùng Hohenegg hỏi. – "Nghĩa là?" – "À, tức là không tăng ngân sách chung lên, mà chỉ ưu tiên các tù nhân có làm việc một chút, và giảm bớt của những người không làm việc." – "Về nguyên tắc, thưa bác sĩ, không có tù nhân nào không làm việc cả. Chỉ có những người ốm: nhưng nếu cho họ ăn ít đi so với mức hiện tại, thì họ sẽ không có cơ may nào hồi phục sức lực và có khả năng làm việc trở lại. Trong trường hợp đó, tốt nhất là không cho họ ăn chút nào nữa; nhưng vậy thì tỉ lệ tử vong sẽ lại tăng lên." – "Đúng, nhưng điều tôi muốn nói là phụ nữ, trẻ con, các anh giữ ở một nơi phải không? Vậy là cũng phải cho họ ăn?" Tôi nhìn ông ta chằm chằm không đáp lại. Weinrowski cũng nín lặng. Cuối cùng tôi nói: "Không, thưa bác sĩ. Phụ nữ và người già và trẻ con, người ta không giữ đâu." Hohenegg tròn tròn mắt và nhìn tôi không nói năng gì, như thể ông ta muốn tôi xác nhận những gì vừa nói. Tôi gật đầu. Cuối cùng ông ta cũng hiểu ra. Ông ta thở dài một hơi và dùng mu bàn tay gãi gáy: "Thế thì..." Weinrowski và tôi vẫn im lặng. "À, vâng... vâng. A, thế thì cứng rắn quá." Ông ta thở thật mạnh: "Được rồi. Tôi hiểu rồi. Tôi cho là dù sao thì, nhất là kể từ Stalingrad, người ta đã không còn nhiều lựa chọn lắm." – "Không, thưa bác sĩ, không thực sự." – "Dù gì thì cũng mạnh tay quá mức. Tất cả à?" – "Tất cả những người không thể làm việc." – "Thế thì..." Ông ta trấn tĩnh lại: "Xét cho cùng thì cũng bình thường thôi. Không có lý do gì để đối xử với kẻ thù của chúng ta theo cách tốt đẹp hơn là với lính tráng của chính chúng

ta. Sau những gì tôi từng nhìn thấy ở Stalingrad... Ngay cả những khẩu phần này cũng đã là quá xa xỉ rồi. Người của chúng ta đã trụ vững với khẩu phần ít ỏi hơn nhiều. Và rồi, những người sống sót, bây giờ người ta cho họ ăn gì? Các đồng đội của chúng ta, ở Xibêri, họ nhận được gì? Không, không, các anh có lý." Ông ta nhìn tôi chằm chằm về tư lự: "Tuy vậy thì đó vẫn là một *Schweinerei*, một trò khốn nạn. Nhưng dù thế nào đi nữa thì các anh cũng có lý."

Tôi cũng đã có lý khi muốn hỏi ý kiến ông ta: ngay lập tức Hohenegg hiểu ra những gì Weinrowski không thể nhìn thấy, dù đó là một vấn đề chính trị chứ không phải là kỹ thuật. Khía cạnh kỹ thuật hẳn là sẽ phục vụ chúng tôi trong việc biện minh cho lựa chọn chính trị, nhưng không thể bắt nó phải đi theo được. Cuộc thảo luận của chúng tôi ngày hôm đó không đi đến một kết luận nào; nhưng nó đã làm tôi phải suy nghĩ và, cuối cùng, tôi tìm ra được giải pháp. Vì tôi thấy Weinrowski không đủ khả năng để theo được, tôi yêu cầu ông ta làm một bản tổng kết khác, nhằm bắt ông ta phải bận rộn, và quay sang Isenbeck để có được sự trợ giúp về kỹ thuật cần thiết. Tôi đã đánh giá quá thấp anh chàng này: anh ta rất hăng hái và tỏ ra hoàn toàn có đủ khả năng hiểu được suy nghĩ của tôi, thậm chí còn đi trước một bước. Trong một đêm làm việc, chỉ có hai người chúng tôi trong phòng làm việc rộng rãi ở Bộ Nội vụ, uống thứ cà phê mà một người cần vụ ngái ngủ mang đến, chúng tôi cùng nhau vạch ra những đường nét chính của dự án. Tôi xuất phát từ ý tưởng của Rizzi về việc thiết lập một sự phân biệt giữa các công nhân có chuyên môn và công nhân không có chuyên môn: tất cả các khẩu phần sẽ được tăng lên, nhưng phần của các công nhân không có chuyên môn sẽ chỉ một chút, trong khi các công nhân có chuyên môn sẽ có thể được hưởng cả một loạt những ưu tiên mới. Dự án không xử lý những khác biệt giữa các hạng tù nhân, nhưng cho phép, nếu RSHA cứ khẳng khẳng, bắt các hạng mà chúng tôi muốn giảm bớt ưu tiên, chẳng hạn như người Do Thái, chỉ được làm những công việc không có chuyên môn: dù sao thì các lựa chọn vẫn còn nhiều. Từ

phân biệt chính yếu đó, Isenbeck giúp tôi tìm ra những phân biệt khác: công việc nặng, công việc nhẹ, nằm viện; cuối cùng, tất cả tạo nên một bảng phân cấp rõ ràng, chỉ còn cần ấn định các khẩu phần. Thay vì việc phải tranh luận về các khẩu phần cố định, điều dù sao cũng sẽ không thể thực hiện vì các hạn chế và khó khăn về cung ứng, tôi yêu cầu Isenbeck tính toán – dù sao cũng xuất phát từ các thực đơn mẫu – một lượng ngân sách hàng ngày phù hợp với mỗi hạng, rồi, ở phần phụ chú, gợi ý những thay đổi khác nhau về thực đơn tương ứng với các ngân sách đó. Isenbeck nài nỉ về việc các gợi ý này có bao gồm luôn cả các lựa chọn về lượng, như là hành tươi thì tốt hơn là hành chín, vì lý do các loại vitamin; tôi để anh ta làm việc đó. Nhìn thật kỹ thì dự án đó không có gì là cách mạng cả: nó sử dụng lại các cách thức vẫn đang được tiến hành và chỉ thay đổi chúng một chút để có được một sự tăng lên rõ ràng; để tìm cách biện minh cho nó, tôi đi tìm Rizzi, trình bày cách làm đó với anh ta, và yêu cầu anh ta thảo cho tôi một hệ thống các lập luận liên quan đến kinh tế về mặt sản lượng; anh ta chấp nhận ngay lập tức, nhất là khi tôi lại sẵn sàng để tên anh ta như là tác giả của các ý tưởng chính yếu. Còn tôi giữ cho mình việc viết báo cáo, khi đã có trong tay tất cả các yếu tố mang tính kỹ thuật.

Điều quan trọng, tôi thấy rất rõ, là RSHA phải không có quá nhiều phản đối; nếu với họ dự án là có thể chấp nhận được, ban D IV của WVHA sẽ không thể chống lại nó. Tôi bèn gọi cho Eichmann để thăm dò ông ta: “A, Sturmbannführer Aue thân mến của tôi! Gặp tôi à? Nhưng lúc này tôi đang nhiều việc lắm. Phải, nước Ý, và cả những chuyện khác nữa. Vậy thì tối nhé? Uống một cốc đi, có một quán cà phê nhỏ không xa văn phòng của tôi lắm, ở góc Potsdamerstrasse. Đúng rồi, bên cạnh lối xuống U-Bahn. Hẹn anh tối nay nhé.” Khi đến nơi, ông ta ngồi phịch xuống băng ghế với một tiếng thở dài và ném mũ cát kết lên mặt bàn, tay day day phía dưới cái mũi. Tôi đã gọi hai cốc schnaps và mời ông ta một điếu thuốc mà ông ta nhận lấy với vẻ thích thú, ngồi ngả ra trên băng ghế, hai chân đan chéo, một cánh tay vòng

ra sau thành ghế. Giữa hai ngum khói thuốc rằng ông ta bặm lấy môi dưới; cái trán rộng của ông ta phản chiếu ánh sáng của những ngọn đèn trong quán. “Nước Ý ra sao rồi?” tôi hỏi. – “Vấn đề không hoàn toàn là nước Ý – được rồi, ở đó tất nhiên là cũng tìm thấy đến tám hoặc mười nghìn – mà chủ yếu là các vùng mà bọn họ chiếm đóng và do bởi cái thứ chính sách ngu xuẩn của bọn họ mà trở thành thiên đường cho bọn Do Thái. Chúng có ở khắp mọi nơi! Miền Nam nước Pháp, bờ biển Dalmatie, các vùng của họ ở Hy Lạp nữa. Tôi đã gửi ngay các đội đi khắp nơi, nhưng sẽ là một công việc khổng lồ; cùng với các vấn đề về chuyên chở nữa chứ, sẽ không ngày một ngày hai mà xong được đâu. Ở Nice, với lợi thế bất ngờ, người ta đã bắt được vài nghìn; nhưng cảnh sát Pháp ngày càng ít chịu hợp tác hơn, và điều đó lại càng làm mọi thứ phức tạp thêm nữa. Chúng tôi thiếu người kinh khủng. Và rồi cũng phải bận tâm rất nhiều đến Đan Mạch nữa.” – “Đan Mạch?” – “Phải. Cứ tưởng là sẽ đơn giản lắm, cuối cùng đó lại trở thành một nơi tồi tệ. Günther tức giận lắm. Tôi đã nói với anh là tôi gửi anh ta sang đó chưa nhỉ?” – “Rồi. Có chuyện gì thế?” – “Tôi cũng có biết chính xác đâu. Theo Günther, chính tiến sĩ Best, đại sứ ở đó, đang chơi một thứ trò chơi kỳ quặc. Anh có biết ông ta chứ?” Eichmann uống một hơi cạn cốc rượu của mình và gọi một cốc khác. “Ông ấy từng là thượng cấp của tôi, tôi đáp. Trước chiến tranh.” – “Vâng, thế thì tôi không biết bây giờ trong đầu ông ta có cái gì nữa. Trong hàng tháng trời, ông ta đã làm mọi thứ chuyện để cản chúng tôi lại, với cái cớ là cái đó sẽ...” – ông ta lấy tay vạch một đường trong không khí từ cao xuống thấp – “... vấp phải chính sách hợp tác của ông ta. Và rồi vào tháng Tám, sau những cuộc bạo loạn, khi người ta ban hành tình trạng khẩn cấp, chúng tôi tự nhủ rằng thế là được rồi, tiến hành thôi. Tại chỗ, có một BdS mới, đó là tiến sĩ Mildner, nhưng ông ta đã bị quá tải công việc rồi; hơn nữa Wehrmacht lại ngay lập tức từ chối hợp tác, chính vì vậy mà tôi đã gửi Günther sang, để kích hoạt mọi chuyện. Khi đó chúng tôi đã chuẩn bị hết cả rồi, một con tàu để chở bốn nghìn tên ở Copenhagen, những đoàn tàu cho các bọn khác, và khi đó thì

Best không ngừng gây khó dễ. Lúc nào ông ta cũng có một lời phản đối, người Đan Mạch, Wehrmacht, *e tutti quanti*. Thêm nữa, lẽ ra điều đó phải được giữ bí mật, để có thể tóm được tất cả bằng một cú, mà chúng không đoán được trước, nhưng Günther nói rằng chúng đã biết mất rồi. Có vẻ như là mọi chuyện không thuận lợi chút nào cả." – "Thế các ông đang ở đâu rồi?" – "Mọi việc được dự tính thực hiện trong vài ngày nữa. Chúng tôi sẽ chỉ làm một lần, dù sao thì chúng cũng không đông lắm. Tôi đã gọi cho Günther, tôi đã nói với anh ấy, Günther, bạn tôi, nếu đã như vậy, hãy nói với Mildner đẩy ngày đó sớm lên, nhưng Best đã từ chối. Quá nhạy cảm, còn phải thảo luận với người Đan Mạch đã. Günther nghĩ rằng ông ta đã cố tình làm cho mọi chuyện rối tinh rối mù lên." – "Tuy nhiên, tôi biết rất rõ tiến sĩ Best: ông ấy có thể là tất cả, trừ việc là bạn của bọn Do Thái. Ông sẽ phải khó khăn lắm mới có thể tìm được một người quốc xã tốt hơn ông ấy." Eichmann bĩu môi: "Vâng. Anh cũng biết đấy, chính trị làm thay đổi con người ta. Dù sao thì chúng ta cũng sẽ thấy thôi. Tôi thì tôi đã xong xuôi rồi, chúng tôi đã chuẩn bị tất cả, dự định tất cả, nếu việc đó ì ra như vậy, thì trách nhiệm sẽ không đổ lên đầu tôi được đâu, tôi phải nói với anh điều ấy. Thế còn dự án của anh thì sao, có tiến triển gì không?"

Tôi gọi thêm một chén rượu mới: tôi từng có dịp nhận ra rằng rượu làm cho Eichmann trở nên thoải mái hơn, kích thích khía cạnh tình cảm và thân thiện của ông ta. Tôi không tìm cách tung hỏa mù trước mặt ông ta, còn xa mới là như vậy, nhưng tôi muốn ông ta tin tôi và thấy rằng các ý tưởng của tôi không phải là không tương thích với cách nhìn mọi việc của ông ta. Tôi trình bày với ông ta những đường nét chính của dự án; đúng như tôi đã dự đoán, ông ta gần như không buồn lắng nghe. Một điều duy nhất làm ông ta quan tâm: "Làm thế nào mà anh có thể gắn cái đó với nguyên tắc *Vernichtung durch Arbeit* được?" – "Rất đơn giản thôi: những cải thiện chỉ liên quan đến các nhân công có chuyên môn. Sẽ chỉ cần đảm bảo được rằng bọn Do Thái và bọn bên lề xã hội sẽ được giao cho các công việc nặng nhưng không đòi hỏi

phải có chuyên môn." Eichmann gãi gãi má. Dĩ nhiên, tôi biết rằng, trong thực tế, các quyết định giao việc cho từng nhân công thuộc về *Arbeitseinsatz* ở mỗi trại; nhưng nếu họ muốn giữ được những người Do Thái có chuyên môn, thì đó sẽ là vấn đề của họ. Eichmann, dù sao, cũng có vẻ như là có những lo lắng khác. Sau một phút suy nghĩ, ông ta thả một câu: "Được rồi, đồng ý," và lại tiếp tục nói về miền Nam nước Pháp. Tôi vừa uống rượu và hút thuốc vừa lắng nghe ông ta. Sau một lúc, vào một thời điểm thích hợp, tôi lịch sự nói với ông ta: "Để quay trở lại với dự án của tôi, Herr Obersturmbannführer, nó đã gần như sẵn sàng và tôi muốn gửi cho ông để ông có thể nghiên cứu nó." Eichmann lấy tay chém vào không khí: "Nếu anh muốn. Tôi đã nhận được hàng đóng giấy tờ rồi." – "Tôi không muốn làm phiền ông. Chỉ đơn giản là để chắc chắn rằng ông không có phản đối nào." – "Nếu anh đã nói vậy..." – "Nghe này, nếu ông có thời gian thì xem nó đi, rồi viết cho tôi một lá thư ngắn. Như thế tôi sẽ có thể cho thấy rằng tôi đã có được ý kiến của ông." Eichmann nở một nụ cười mỉa mai và chìa một ngón tay về phía tôi: "A, anh đúng là một kẻ khôn khéo, Sturmbannführer Aue. Anh cũng muốn xong xuôi được mọi việc của anh." Tôi giữ một khuôn mặt thản nhiên: "Reichsführer muốn rằng ý kiến của tất cả các ban có liên quan đều phải được xem xét. Obergruppenführer Kaltenbrunner đã cho tôi biết là với RSHA, tôi phải nói chuyện với ông. Tôi thấy điều đó rất bình thường." Eichmann nhần nhó: "Dĩ nhiên rồi, tôi không phải là người được quyết định: tôi phải trình nó lên cho Amtchef của tôi. Nhưng nếu tôi đưa một lời giới thiệu tích cực, thì sẽ không có lý do gì để ông ấy từ chối ký tên cả. Về nguyên tắc, tất nhiên rồi." Tôi giơ cốc lên: "Vậy thì uống vì Einsatz Đan Mạch của ông nhé?" Ông ta mỉm cười; khi mỉm cười như vậy, hai tai ông ta có vẻ đặc biệt vểnh lên, trông ông ta giống với một con chim hơn bao giờ hết; cùng lúc, một cái tật trên mặt làm biến dạng khuôn mặt ông ta, khiến nó trở nên gần giống như đang nhần nhúm lại. "Vâng, cảm ơn, cho Einsatz. Và cả cho dự án của ông nữa."

Tôi viết báo cáo trong hai ngày; Isenbeck đã chuẩn bị một cách tỉ mỉ các bảng biểu chi tiết đẹp đẽ cho các phần phụ chú, và tôi sử dụng lại các lập luận của Rizzi mà không cần phải sửa nhiều lắm. Tôi còn chưa làm xong tất cả thì Brandt đã triệu tập tôi. Reichsführer sẽ đi đến vùng Warthegau để đọc những bài diễn văn quan trọng; ngày 6 tháng Mười sẽ có một cuộc họp dành cho các Reichsleiter và Gauleiter, tiến sĩ Mandelbrod cũng có mặt; và Mandelbrod yêu cầu tôi cũng được mời. Dự án của tôi đến đâu rồi? Tôi đảm bảo với ông ta rằng đã sắp xong rồi. Tôi chỉ còn phải, trước khi gửi đi theo đúng quy định đến các văn phòng có liên quan, trình bày nó trước các đồng nghiệp của mình. Tôi đã tranh luận về nó với Weinrowski, trình bày với ông ta các barem của Isenbeck như là một cách hiện thực hóa về mặt kỹ thuật các ý tưởng của ông ta: có vẻ như ông ta thấy điều đó rất tốt. Cuộc họp toàn thể diễn ra không gặp phải lời phản đối nào; tôi đặc biệt để cho Rizzi nói rất nhiều và chỉ nhấn mạnh rằng tôi đã có được sự nhất trí miệng của RSHA. Gorter có vẻ hài lòng, và chỉ tự hỏi liệu chúng tôi có đi quá xa không; Alické tỏ ra không hiểu mấy các lập luận về kinh tế học của Rizzi; Jedermann lẩm bẩm rằng dù sao việc này cũng sẽ rất tốn kém, và tiền thì đào đâu ra? Nhưng ông ta được trấn an khi tôi đảm bảo rằng nếu dự án được thông qua, nó sẽ được chi trả nhờ các khoản tiền có thêm. Tôi đề nghị mỗi người xin một câu trả lời bằng văn bản của Amtchef của mình cho ngày 10, vì tính là sẽ về đến Berlin vào ngày hôm đó; tôi cũng cho chuyển một bản sao tới Eichmann. Brandt đã úp mở với tôi rằng hẳn là tôi sẽ có thể trình bày dự án với đích thân Reichsführer, khi nào các ban đều đã nhất trí.

Ngày đi, cuối buổi chiều, tôi đến Prinz-Albrecht-Palais. Brandt đã mời tôi đến nghe một bài diễn văn của Speer trước khi đến gặp tiến sĩ Mandelbrod trên chuyến tàu đặc biệt được chuẩn bị sẵn cho các nhân vật quan trọng. Ở sảnh vào, tôi được đón tiếp bởi Ohlendorf, mà tôi đã không gặp lại kể từ khi ông ta đi Crimée.

“Doktor Aue! Thật mừng vì được gặp lại anh. Có vẻ như là anh đã ở Berlin được nhiều tháng rồi. Tại sao anh không gọi cho tôi? Tôi sẽ rất sung sướng được gặp anh.” – “Xin thứ lỗi cho tôi, Herr Brigadeführer. Tôi bận khủng khiếp. Cả ông cũng thế, tôi nghĩ vậy.” Có vẻ như là từ ông ta tỏa ra sự hăng hái, một thứ năng lượng đen, tập trung. “Brandt gửi anh đến dự cuộc họp của chúng tôi phải không? Nếu tôi hiểu đúng, anh đang phụ trách các vấn đề về năng suất.” – “Vâng, nhưng chỉ là về những gì liên quan đến tù nhân của các trại tập trung thôi.” – “Tôi hiểu rồi. Tối nay, chúng tôi sẽ trình bày một thỏa thuận hợp tác mới giữa SD và Bộ Khí tài. Nhưng chủ đề rộng hơn thế rất nhiều; nó cũng sẽ bao trùm cả cách đối xử với nhân công nước ngoài nữa, ngoài những thứ khác.” – “Giờ ông đang ở Bộ Kinh tế phải không, Herr Brigadeführer?” – “Thì đúng vậy. Những cái mũ cát kết của tôi cứ nhiều lên mãi. Thật đáng tiếc vì anh không phải là nhà kinh tế: với những thỏa thuận đó, cả một lĩnh vực mới sẽ mở ra cho SD, tôi hy vọng như vậy. Nào, lên thôi, sắp bắt đầu rồi đấy.”

Cuộc họp được tổ chức tại một trong những phòng họp lớn đèn sáng trưng của cung điện, nơi các họa tiết trang trí theo lối quốc xã không mấy ăn nhập với những phiến gỗ lát tường và những giá nến mạ vàng của thế kỷ XVIII. Hơn một trăm sĩ quan SD có mặt, trong số họ nhiều người là đồng nghiệp hoặc thượng cấp cũ của tôi: Seibert, người cùng làm với tôi ở Crimée, viên Regierungsrat Neifend, trước đây làm việc ở Amt II nhưng kể từ đó đã trở thành Gruppenleiter ở Amt III, và nhiều người khác nữa. Ohlendorf ngồi trên diễn đàn, cạnh một người mặc quân phục SS-Obergruppenführer, với vầng trán rộng và những đường nét cứng rắn và cương quyết: Karl Hanke, viên Gauleiter của vùng Hạ Silésie, đại diện cho Reichsführer ở buổi lễ này. Reichsminister Speer đến muộn một chút. Tôi thấy ông ta trẻ đến đáng kinh ngạc, ngay cả khi trán ông ta đã bắt đầu sỏi ra, thuần thuần, rắn rỏi; ông ta mặc một bộ comlê vạt chéo giản dị, chỉ đeo phù hiệu vàng của Đảng. Vài nhân viên dân sự đi cùng ông ta, ngồi vào những cái ghế xếp phía sau Ohlendorf và Hanke, trong

khi ông ta trèo lên diễn đàn và bắt đầu đọc diễn văn. Thoạt đầu, ông ta nói với một cái giọng gần như là dịu dàng, chính xác, lịch thiệp, như thể để nhấn mạnh rằng nó che khuất một uy quyền có vẻ toát ra từ bản thân Speer hơn là từ cương vị của ông ta. Đôi mắt tối màu và linh hoạt của ông ta nhìn chăm chăm xuống chúng tôi và chỉ thỉnh thoảng mới rời khỏi mặt chúng tôi để nhìn xuống tờ giấy ghi chép của mình; khi cúi xuống, gần như là chúng biến mất hẳn dưới hàng lông mày rậm rì. Những ghi chép hẳn là chỉ dùng để định hướng cho bài diễn văn, hiếm khi lắm ông ta mới nhìn chúng, và có vẻ như là ông ta rút tất cả các con số thẳng từ trong đầu mình ra, mỗi khi cần đến, như thể lúc nào chúng cũng ở sẵn trong đó, sẵn sàng để được sử dụng. Những lời của ông ta có tính chất thẳng thắn không giấu giếm, và với tôi rất có tính giải tỏa: nếu như tất cả không được nhanh chóng thực hiện vì một sản lượng chung của quân đội, thì chúng ta sẽ thua trong cuộc chiến tranh này. Đây không phải là một lời cảnh báo kiểu Cassandre; Speer so sánh sản lượng hiện nay với những ước tính về sản lượng mà chúng tôi có được của bên Xô viết và đặc biệt là của Mỹ; với nhịp điệu này, ông ta chỉ rõ, chúng tôi sẽ không trụ vững nổi một năm nữa. Thế nhưng các nguồn lực công nghiệp còn xa mới được khai thác ở mức độ tối đa; và một trong những trở ngại chính, ngoài các vấn đề về nhân lực, là sự tắc nghẽn, ở cấp độ vùng, do những lợi ích riêng lẻ gây ra: chủ yếu là vì lý do đó mà ông ta trông cậy vào sự ủng hộ của SD, và đó là một trong những chủ đề chính của các thỏa thuận mà ông ta sẽ có được với SS. Ông ta vừa ký được một hiệp ước quan trọng với Bộ trưởng Kinh tế Pháp, Bichelonne, để chuyển một phần lớn ngành sản xuất các sản phẩm tiêu dùng của chúng tôi sang Pháp. Chắc chắn là điều đó sẽ tạo ra một lợi thế thương mại đáng kể cho Pháp sau chiến tranh, nhưng chúng ta không có lựa chọn: nếu muốn giành chiến thắng, chúng ta buộc phải có những hy sinh. Biện pháp này sẽ cho phép rót thêm một triệu rưỡi người lao động vào ngành công nghiệp vũ trang. Nhưng người ta cũng có thể trông chờ rằng rất nhiều Gauleiter sẽ phản đối những vụ đóng cửa xí nghiệp, dù

điều đó là cần thiết; đó là một lãnh thổ được ưu tiên nơi SD có thể can thiệp. Sau bài diễn văn, Ohlendorf đứng dậy, cảm ơn ông ta, và nhanh chóng trình bày nội dung của thỏa thuận: SD sẽ được phép kiểm tra các điều kiện tuyển chọn và đối xử với người lao động nước ngoài; cũng như vậy, mọi phản đối từ phía các *Gau* trong việc làm theo các chỉ thị của bộ sẽ trở thành đối tượng của một cuộc điều tra của SD. Thỏa thuận được ký tắt một cách trang trọng trên một cái bàn dành riêng cho việc này, giữa Hanke, Ohlendorf và Speer; rồi tất cả mọi người chào nhau theo kiểu Đức, Speer bắt tay họ, và đi khỏi. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay: còn lại chưa đến bốn mươi lăm phút, nhưng tôi đã mang theo túi xách. Trong sự ồn ào, tôi đi đến gần Ohlendorf, đang nói chuyện với Hanke: "Herr Brigadeführer, cho phép tôi cáo từ: tôi sẽ đi cùng chuyến tàu với Reichsminister, tôi phải đi đây." Ohlendorf, hơi ngạc nhiên, nhướn lông mày: "Gọi cho tôi khi nào anh về đến đây nhé," ông ta nói.

Chuyến tàu đặc biệt không xuất phát từ một trong những nhà ga chính mà từ bến S-Bahn ở Friedrichstrasse. Ke tàu, được người của cảnh sát và của Waffen-SS bao vây, đông đặc các công chức cao cấp và Gauleiter, mặc quân phục SA hoặc SS, chào hỏi nhau một cách ồn ã. Trong khi một Leutnant của Schupo kiểm tra danh sách của mình và tờ lệnh của tôi, tôi nhìn đám đông: tôi không nhìn thấy tiến sĩ Mandelbrod, mà lẽ ra tôi phải gặp ở đó. Tôi bảo viên Leutnant chỉ hộ khoang tàu của ông ta; anh ta xem danh sách: "Herr Doktor Mandelbrod, Mandelbrod... Đây rồi, toa đặc biệt, cuối tàu." Toa này có một cấu tạo không bình thường: thay vì một cánh cửa thông thường, lại có một cửa hai lớp chạy hết một phần ba chiều dài của toa, như là một toa dùng để chở hàng; và những tấm riđô bằng thép quay kín lấy các cửa sổ. Một trong những nữ chiến binh Amazon của Mandelbrod đang đứng trước cửa, mặc quân phục SS và đeo ngù vai Obersturmführer; cô ta không mặc jupe theo quy định mà là một cái quần ngắn cho kỵ sĩ kiểu đàn ông, và ít nhất là cao hơn tôi vài xăngtimet. Tôi tự hỏi Mandelbrod đã tuyển được những người giúp việc của mình ở đâu: hẳn là ông ta

đã có một cách dàn xếp riêng với Reichsführer. Người phụ nữ chào tôi: "Herr Sturmbannführer, tiến sĩ Mandelbrod đang đợi ngài." Có vẻ như cô ta nhận ra tôi; tuy nhiên, tôi không nhận ra cô ta; quả là tất cả bọn họ đều nhang nhác giống nhau. Cô ta đỡ lấy túi xách của tôi và dẫn tôi vào một phòng phụ trải thảm, rồi từ đó một hành lang xuất phát về phía tay trái. "Cabin của ngài nằm thứ hai bên tay phải, cô ta chỉ cho tôi. Tôi sẽ đặt đồ đạc của ngài vào đó. Tiến sĩ Mandelbrod ở đây." Một cánh cửa hai lớp có rãnh trượt, ở đối diện với hành lang, tự động mở ra. Tôi bước vào. Mandelbrod, đang bơi trong cái mùi khùng khiếp quen thuộc của ông ta, ngồi trong cái ghế phôtô-ván lắn khổng lồ, mà cách bố trí của những cánh cửa cho phép mang lên được; gần ông ta, trong một cái phôtô nhỏ theo lối rococo, hai chân vắt chéo một cách trẻ nãi, là bộ trưởng Speer. "A, Max, anh đây rồi! Mandelbrod kêu lên bằng cái giọng đầy âm điệu của mình. Đến đây, đến đây." Một con mèo chạy qua giữa đôi bốt đúng lúc tôi muốn tiến lên làm tôi loạng choạng suýt ngã; tôi lấy lại được thăng bằng và chào Speer, rồi Mandelbrod. Ông ta quay sang bộ trưởng: "Speer thân mến của tôi, tôi xin giới thiệu với ông một trong những người trẻ tuổi được tôi bảo trợ, tiến sĩ Aue." Speer nhìn tôi về dò xét dưới đôi lông mày rậm rạp của mình và nhồm người dậy khỏi ghế; trước sự ngạc nhiên của tôi, ông ta tiến đến bắt tay tôi: "Rất hân hạnh, Sturmbannführer." – "Tiến sĩ Aue làm việc cho Reichsführer, Mandelbrod nói rõ. Cậu ấy đang tìm cách cải thiện năng suất lao động các trại tập trung của chúng ta." – "A, Speer nói, tốt lắm. Anh sẽ làm được chứ?" – "Tôi mới phụ trách vấn đề này từ vài tháng nay thôi, Herr Reichsminister, và vai trò của tôi rất nhỏ. Nhưng về tổng thể đã có rất nhiều nỗ lực được thực hiện. Tôi nghĩ rằng ngài đã có thể xem các kết quả." – "Phải, tất nhiên rồi. Đó là một chủ đề mới đây tôi đã tranh luận với Reichsführer. Ông ấy đồng ý với tôi rằng cái đó có thể còn tốt hơn được." – "Không nghi ngờ gì nữa, Herr Reichsminister. Chúng tôi làm việc một cách hăng hái." Có một khoảng dừng lại; rõ ràng là Speer đang tìm một điều gì đó để nói. Đôi mắt ông ta rơi trúng các huân

chương của tôi: “Anh đã từng ở mặt trận à, Sturmbannführer?” – “Vâng, Herr Reichsminister. Ở Stalingrad.” Cái nhìn của ông ta tối sầm lại, ông ta hạ mắt xuống; một cơn run rẩy nhẹ chạy qua quai hàm ông ta. Rồi ông ta lại nhìn tôi với cái nhìn sáng suốt và dò xét, và lần đầu tiên tôi nhận ra quanh chúng có những quảng thâm mệt mỏi. “Em trai Ernst của tôi đã mất tích ở Stalingrad,” ông ta nói, giọng bình thản, hơi căng thẳng một chút. Tôi cúi đầu: “Tôi rất tiếc, Herr Reichsminister. Xin được chia buồn với ngài. Ngài có biết ông ấy ngã xuống trong trường hợp nào không?” – “Không. Tôi còn không biết liệu nó đã chết hay chưa.” Giọng ông ta có vẻ xa xôi, như bị tách rời ra. “Bố mẹ chúng tôi nhận được những bức thư, nó bị ốm, nằm ở một bệnh viện. Các điều kiện thật... kinh khủng. Trong bức thư gần cuối cùng, nó nói rằng nó không chịu nổi nữa và rằng nó sẽ quay trở lại với đồng đội của nó ở vị trí pháo binh. Tuy nhiên, nó gần như là đã tàn phế.” – “Tiến sĩ Aue đã bị thương nặng ở Stalingrad, Mandelbrod nói xen vào. Nhưng cậu ấy đã gặp may, được sơ tán ra ngoài.” – “Vâng...” Speer đáp. Giờ đây ông ta có vẻ mơ màng, gần như lơ đãng. Vâng... Anh đã gặp may. Nó thì, cả đơn vị của nó đã biến mất trong cuộc tấn công của Nga hồi tháng Giêng. Chắc chắn là nó đã chết. Không nghi ngờ gì nữa. Bố mẹ tôi vẫn không sao gượng lại được sau chuyện đó.” Cái nhìn của ông ta xoáy sâu vào mắt tôi. “Đó là đứa con cưng của bố tôi.” Bối rối, tôi lại lần nữa áp úng một câu nói lịch sự theo công thức nữa. Sau lưng Speer, Mandelbrod nói: “Dòng giống của chúng ta đang phải chịu đau khổ, bạn thân mến của tôi ạ. Chúng ta phải đảm bảo được cho tương lai.” Speer gật đầu và nhìn xuống đồng hồ đeo tay. “Chúng ta sắp khởi hành rồi. Tôi quay về khoang của tôi đây.” Ông ta lại chìa tay cho tôi: “Tạm biệt, Sturmbannführer.” Tôi rập gót chân và chào ông ta, nhưng ông ta đã lại bắt tay Mandelbrod, người kéo ông ta sát lại gần mình và dịu dàng nói điều gì đó mà tôi không nghe được. Speer chăm chú lắng nghe, gật đầu, và đi ra. Mandelbrod chỉ cho tôi cái ghế phôtô mà ông ta vừa để lại: “Ngồi xuống đi, ngồi xuống đi. Anh ăn tối chưa? Có đói không?” Một

cánh cửa hai lớp thứ hai, ở cuối phòng, im lặng mở ra, và một phụ nữ trẻ tuổi mặc quân phục SS xuất hiện, trông rất dễ nhầm với người đầu tiên, nhưng chắc hẳn là một người khác – trừ khi người đã tiếp tôi đi vòng quanh tàu để đi vào từ phía bên kia. “Ngài có muốn dùng gì không, Herr Sturmbannführer?” cô ta hỏi tôi. Tàu chậm rãi lắc nhẹ và rời khỏi ga. Từ những tấm riđô che khuất cửa sổ, căn phòng được chiếu sáng bởi ánh sáng ấm áp màu vàng của nhiều chùm đèn nhỏ; ở một chỗ quanh, một trong những tấm riđô phồng lên, tôi nhìn thấy qua cửa kính tấm chớp bằng kim loại và nghĩ rằng hẳn cả toa tàu đều được bọc sắt. Người phụ nữ trẻ xuất hiện trở lại và đặt xuống một cái khay bày sandwich và bia trên một cái bàn gấp mà cô ta khéo léo dùng một tay mở ra ở bên cạnh tôi. Trong khi tôi ăn, Mandelbrod hỏi han về công việc; ông ta đã đánh giá rất cao báo cáo hồi tháng Tám của tôi, và ông ta đang thích thú chờ đợi dự án mà tôi phải hoàn thành; có vẻ như ông ta đã biết phần lớn các chi tiết. Đặc biệt là Herr Leland, ông ta nói thêm, rất quan tâm đến các vấn đề về năng suất cá nhân. “Herr Leland có đi cùng chúng ta không, Herr Doktor?” tôi hỏi. – “Ông ấy sẽ đến gặp chúng ta ở Posen,” Mandelbrod đáp. Ông ta đã ở phía Đông, Silésie, ở những nơi tôi từng đến thăm và cũng là những nơi cả hai người có những món lợi đáng kể. “Thật là tốt vì anh đã gặp được Reichsminister Speer, ông ta nói, gần như là lơ đãng. Đó là một người rất quan trọng cần có quan hệ tốt. SS và ông ấy sẽ phải xích vào nhau gần hơn nữa.” Chúng tôi nói chuyện thêm một lúc, tôi đã ăn xong và uống bia; Mandelbrod vuốt ve một con mèo đã nhảy lên đầu gối của ông ta. Rồi ông ta cho phép tôi rút về phòng. Tôi lại đi ngang qua phòng phụ và tìm thấy cabin của mình. Nó rất rộng, với một cái giường nhỏ tiện nghi, đã được dựng lên, một bàn nhỏ để làm việc, và một lavabo gắn gương ở phía trên. Tôi vạch tấm riđô ra nhìn: cả ở đó nữa, một chớp cửa thép quay chặt lấy cửa sổ, và có vẻ như không có cách nào mở được nó ra. Tôi đành bỏ ý định hút thuốc và cởi áo choàng và áo sơ mi ra để tắm. Tôi vừa xát xà phòng lên mặt, với một miếng xà phòng nhỏ rất thơm đặt gần bồn rửa – thậm chí còn

có cả nước nóng – thì có tiếng gõ cửa. “Đợi một lát!” Tôi chùi mặt, mặc lại áo sơ mi, khoác áo choàng, không kịp cài khuy, và ra mở cửa. Một trong các nữ trợ lý đang đứng trong hành lang và nhìn tôi với đôi mắt sáng, với một nụ cười phảng phất trên môi, tinh tế như mùi nước hoa của cô mà tôi vừa thoáng ngửi thấy. “Chào buổi tối, Herr Sturmbannführer, cô nói. Ngài có hài lòng về phòng của mình không?” – “Vâng, hoàn toàn hài lòng.” Cô lại nhìn tôi, chỉ hơi nhướn mắt lên một chút. “Nếu ngài muốn, cô tiếp tục, tôi có thể ở lại cùng ngài đêm nay.” Lời mời gọi bất ngờ này, được nói ra với cùng cái giọng hồ hững như khi người ta hỏi xem tôi có muốn ăn hay không, khiến tôi hơi kinh ngạc một chút, tôi phải thừa nhận là như vậy: tôi cảm thấy mặt mình đỏ bừng lên và ngần ngừ tìm một câu trả lời. “Tôi không nghĩ rằng tiến sĩ Mandelbrod sẽ tán thành đâu,” cuối cùng tôi nói. – “Ngược lại, cô đáp với cùng cái giọng êm ái và bình thản đó, tiến sĩ Mandelbrod sẽ rất lấy làm hài lòng. Ông ấy tin chắc rằng mọi cơ hội cho phép duy trì giống nòi của chúng ta đều cần phải được tận dụng tối đa. Dĩ nhiên là nếu tôi có thai, thì công việc của ngài sẽ không hề mấy may bị ảnh hưởng: SS có các cơ quan chuyên chăm lo cho việc đó.” – “Vâng, tôi biết,” tôi nói. Tôi tự hỏi cô sẽ làm gì nếu tôi chấp thuận: tôi có cảm giác cô sẽ bước vào, sẽ cởi hết quần áo mà không nói năng gì, và khóa thân nằm trên giường đợi cho đến khi tôi tắm rửa xong. “Thật là một lời đề nghị rất cám dỗ, cuối cùng tôi nói, và tôi thực sự lấy làm tiếc là phải từ chối. Nhưng tôi đang rất mệt và ngày mai sẽ có rất nhiều việc. Một lần khác đi, nếu có một chút may mắn.” Biểu hiện của cô không hề thay đổi; có lẽ cô ta chỉ hơi nháy mắt. “Như ngài muốn thôi, Herr Sturmbannführer, cô đáp. Nếu cần bất kỳ điều gì trong tối nay, ngài có thể bấm chuông. Tôi sẽ đến. Chúc ngài ngủ ngon.” – “Chúc cô ngủ ngon,” tôi nói và cố bắt mình phải mỉm cười. Tôi khép cửa lại. Tắm rửa xong, tôi tắt đèn và đi nằm. Tàu đang lao đi trong đêm tối vô hình, lắc nhẹ theo nhịp điệu. Mất một lúc lâu tôi mới thiếp đi được.

Về bài diễn văn dài một tiếng rưỡi mà Reichsführer phát biểu vào buổi tối ngày 6 tháng Mười trước tập hợp các Reichsleiter và Gauleiter, tôi có rất ít điều để nói. Bài diễn văn này kém nổi tiếng hơn bài diễn văn, dài gần gấp đôi, mà ông ta đọc ngày 4 tháng Mười cho các Obergruppenführer và HSSPF của mình; nhưng ngoài một vài khác biệt do đối tượng người nghe khác nhau, và giọng điệu không thân mật bằng, không mỉa mai bằng, không nhiều từ lóng suông sã bằng, về cơ bản Reichsführer vẫn nói cùng một điều. Vì tình cờ mà kho lưu trữ vẫn còn lại và vì thứ công lý của kẻ thắng cuộc, những bài diễn văn đó đã trở nên nổi tiếng bên ngoài những phạm vi nhỏ bé mà nó nhắm đến; các người sẽ không tìm được một quyển sách nào viết về SS, về Reichsführer, hoặc về việc diệt trừ Do Thái không trích dẫn chúng; nếu các người có quan tâm đến nội dung của chúng, các người có thể dễ dàng đọc được, và trong nhiều thứ tiếng khác nhau; toàn bộ bài diễn văn ngày 4 tháng Mười nằm trong hồ sơ của phiên tòa lớn ở Nürnberg, dưới mã số 1919-PS (hiển nhiên rằng chính dưới hình thức này mà cuối cùng tôi cũng đã có thể nghiên cứu nó một cách chi tiết, sau chiến tranh, mặc dù tôi đã biết những nét cơ bản ngay từ hồi ở Posen); ngoài ra nó đã được ghi lại, hoặc trên một cái đĩa, hoặc một băng từ đỏ, các sử gia không nhất trí với nhau và về điểm này thì tôi không thể làm sáng tỏ, vì không có mặt khi ông ta đọc bài diễn văn đó, nhưng dù cho thế nào thì bản ghi âm vẫn còn lại và, nếu muốn, các người có thể nghe nó, và bằng cách đó mà tự các người có thể nghe được cái giọng đơn điệu, rao giảng, mô phạm và chính xác của Reichsführer, hơi được nhấn mạnh những lúc ông ta mỉa mai, thậm chí là, nhưng cái này cũng hiếm, với những thời điểm giận dữ, đặc biệt rõ ràng, nhất là khi có khoảng lùi về thời gian, khi ông ta nói đến các chủ đề mà ông ta cảm thấy không kiểm soát được nhiều lắm, chẳng hạn như vấn đề tham nhũng mở rộng, mà ông ta cũng nói đến vào ngày 6 tháng Mười trước các chức sắc của chế độ, nhưng ông ta đặc biệt nhấn mạnh điều đó, cái này thì hồi ấy tôi đã biết qua Brandt, trong bài diễn văn của ông ta đọc trước

các Gruppenführer vào ngày 4. Thế nhưng nếu như những bài diễn văn đó đi vào lịch sử, thì dĩ nhiên không phải là vì điều này, mà chủ yếu là vì Reichsführer, với một sự thẳng thắn mà theo hiểu biết của tôi thì trước hoặc sau đó ông ta cũng đều chưa bao giờ đạt đến được, như vậy là với sự thẳng thắn và bằng một cách thức mà thậm chí người ta có thể gọi là sống sượng, mô tả chương trình diệt trừ người Do Thái. Ngay cả tôi, khi nghe bài diễn văn đó vào ngày 6 tháng Mười, trước tiên tôi đã không thể tin vào tai mình, căn phòng chật kín người, Kim phòng tráng lệ của lâu đài Posen, tôi ngồi ở tận dưới cùng, sau khoảng năm mươi lãnh đạo của Đảng và của các *Gau*, chưa kể một vài nhà công nghiệp, hai trưởng ban, và ba (hoặc có thể là hai) bộ trưởng của Reich; và tôi thấy điều này, nếu xét theo những quy định về bí mật mà người ta đã bắt chúng tôi phải tuân thủ, thật là choáng váng, gần như là sỗ sàng, và thoát tiên điều đó khiến tôi thấy rất khó chịu, và chắc chắn tôi không phải là người duy nhất, tôi thấy rằng các Gauleiter thờ dài và lau gáy hoặc trán, không phải là vì họ biết được một điều gì đó mới mẻ, không ai, trong căn phòng rộng lớn ánh sáng mờ mờ này, có thể không biết, ngay cả khi một số người, cho đến lúc đó, hẳn là vẫn chưa bao giờ tìm cách suy nghĩ đến cùng vấn đề đó, và hiểu được toàn bộ tầm vóc của nó, nghĩ, chẳng hạn, đến phụ nữ và trẻ con, có khả năng chính vì vậy mà Reichsführer nhấn mạnh lên đó, mặt khác là nhiều hơn một cách rõ rệt, trước các Reichsleiter và Gauleiter so với trước các Gruppenführer, những người không thể có các ảo tưởng, hẳn chính đó là lý do khiến ông ta nhấn mạnh là đúng, chúng tôi cũng giết phụ nữ và trẻ con nữa, để không thể tồn tại một cách hiểu sai nào cả, và việc đó giống như là ông ta đã vi phạm một quy định bất thành văn, còn mạnh hơn cả những quy định của chính ông ta được viết ra để dành cho các thuộc cấp của mình, những *Sprachregelung* tuy nhiên vô cùng chặt chẽ, có thể là quy định về sự tinh tế, về sự tinh tế mà ông ta nói trong bài diễn văn đầu tiên, dẫn nó ra trong bối cảnh vụ hành quyết Röhm và các đồng ngũ SA của ông ta, *một dạng tinh tế tự nhiên giữa chúng ta, nhờ có Chúa*, ông ta nói, *một*

hệ quả của sự tinh tế đã từng khiến chúng ta chưa bao giờ nói về việc đó giữa chúng ta với nhau, nhưng có thể đó còn là một cái gì đó khác với vấn đề về sự tinh tế đó và những quy định đó, và chính ở đó mà tôi bắt đầu hiểu ra, tôi nghĩ vậy, lý do sâu xa của những lời tuyên bố ấy, và cả tại sao mà các chức sắc lại thờ dài và lau mồ hôi nhiều đến vậy, bởi vì cả họ nữa, cũng như tôi, bắt đầu hiểu ra, hiểu ra rằng không phải là một sự tình cờ nếu Reichsführer, như vậy, vào đầu năm thứ năm của cuộc chiến tranh, công khai nói đến sự diệt trừ người Do Thái trước mặt họ như vậy, không kèm theo chút uyển ngữ nào, không một cái nháy mắt, với những từ đơn giản và tàn bạo như là *giết – diệt trừ*, ông ta nói, *tôi muốn nói là giết hoặc ra lệnh giết* – rằng, cho một lần, Reichsführer công khai nói với họ về vấn đề này... để nói với các người mọi thứ bây giờ như thế nào, không, chắc chắn đó không phải là một điều tình cờ, và nếu như ông ta tự cho phép mình làm điều đó, thì là bởi vì Führer đã biết, và còn tệ hơn, Führer đã muốn, từ đó mà có nỗi hoang mang của họ, hẳn là Reichsführer đang nói nhân danh Führer, và ông ta nói điều đó, những từ mà người ta không được phép nói, và ông ta ghi chúng lại, trên đĩa hoặc trên băng, cái đó thì quan trọng gì, và ông ta cẩn thận chép lại tên những người có mặt và những người vắng mặt – trong số các lãnh đạo của SS, chỉ có một số không dự buổi phát biểu hôm mùng 4 tháng Mười, là Kaltenbrunner, đang bị viêm tĩnh mạch, Daluge, bị đau tim nặng và đang nghỉ phép một hoặc hai năm, Wolff, mới được phong làm HSSPF nước Ý và đại diện toàn quyền ở chỗ Mussolini, và Globocnik, người vừa mới, khi đó thì tôi còn chưa biết và phải mãi sau dịp Posen đó mới hay tin, đột ngột bị chuyển khỏi vương quốc bé nhỏ Lublin của ông ta để về thành phố quê hương Trieste, với cương vị SSPF vùng Istrie và xứ Dalmatie, ngay dưới quyền của Wolff, mặt khác cùng với, nhưng cái đó thì tôi biết được còn sau này nữa, gần như toàn bộ nhân sự của Einsatz Reinhard, gồm có cả T-4, người ta loại bỏ tất cả, kể từ nay chỉ một mình Auschwitz đã là đủ, và bờ biển Adriatic đẹp để trở thành một nơi hạ cánh tốt đẹp cho tất cả

những người không còn hữu dụng, ngay cả Blobel cũng sẽ đến cùng với họ không lâu sau đó, và nếu như họ bị bọn du kích của Tito giết chết thì chúng tôi lại càng được rảnh nợ; và về phần các chức sắc của Đảng, cũng có việc ghi lại tên những người vắng mặt, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy bản danh sách – như vậy, tất cả những cái đó, Reichsführer đã làm một cách có chủ ý, có chỉ thị, và ông ta chỉ có thể có một lý do cho chuyện này, từ đó mà có nỗi xúc động có thể cảm nhận rõ ràng ở những người nghe, những người nắm bắt được rất rõ ràng lý do ấy: chính là để cho không một ai trong số họ có thể, sau này, nói rằng mình không biết, không thể làm cho người khác tin rằng, trong trường hợp thất bại, mình vô can trong điều xấu xa nhất, không thể nghĩ, một ngày nào đó, là có thể thoải mái mà rút chân ra được; chính là để *đổ nước lên người* họ, và họ hiểu điều ấy rất rõ, từ đó mà có sự hoảng sợ của họ. Hội nghị Matxcova, trong đó các bên của Đồng minh thề là sẽ truy đuổi “bọn tội phạm chiến tranh” *cho đến những nơi hẻo lánh nhất của hành tinh này*, vẫn còn chưa diễn ra, nó chỉ được tổ chức vài tuần sau đó, trước khi kết thúc tháng Mười năm 1943, nhưng đài BBC, nhất là kể từ mùa hè, đã tiến hành một cuộc tuyên truyền ồ ạt về chủ đề này, đưa ra những cái tên, ngoài ra là cả một số chi tiết chính xác, bởi vì thỉnh thoảng nó trích dẫn lời các sĩ quan và thậm chí là các hạ sĩ quan các KL cụ thể, rất nhiều thông tin, *Staatspolizei* tự hỏi bằng cách nào mà nó lại làm được điều ấy, và cũng cần phải ghi nhận rằng việc này đã gây ra một sự hoảng loạn nào đó ở những người có liên quan, nhất là khi tin tức mặt trận không còn tốt lành nữa, để giữ được nước Ý chúng tôi đã phải chấn chỉnh mặt trận phía Đông, và chúng tôi có rất ít cơ may trụ lại được trên sông Donets, chúng tôi đã mất Briansk, Smolensk, Poltava và Kremenchoug, Crimée bị đe dọa, nói tóm lại, bất kỳ ai cũng có thể thấy rằng mọi chuyện không ổn, và chắc chắn là rất nhiều người phải tự hỏi về các vấn đề tương lai, dĩ nhiên thường là về tương lai nước Đức, nhưng có cả tương lai của bản thân họ nữa, từ đó mà tuyên truyền Anh có một hiệu quả nhất định, cái không chỉ làm mất tinh thần một số

người bị nêu tên, mà là cả những người khác, còn chưa bị nêu tên, thúc đẩy họ nghĩ rằng kết cục của Reich sẽ không tự động hàm nghĩa kết cục của chính họ, và do đó người ta khó nghĩ đến bóng ma của sự thất bại hơn một chút, và cũng vì đó, điều này thì có thể hình dung được, ít nhất là ở những gì liên quan đến các lãnh đạo của Đảng, của SS và của Wehrmacht, sự cần thiết phải làm cho họ hiểu rằng một thất bại có thể xảy ra cũng có liên quan đến họ, một cách cá nhân, nhằm làm cho họ hào hứng lên một chút, rằng những thứ được coi là tội lỗi ở một số người trong mắt của Đồng minh sẽ là tội lỗi của tất cả, ít nhất thì cũng ở mức độ bộ máy, rằng tất cả những con tàu, hoặc những cây cầu, đều cháy, rằng sẽ không còn cách nào để trở ngược lại phía sau, và rằng sự cứu rỗi duy nhất là chiến thắng. Và quả thực chiến thắng sẽ giải quyết được mọi chuyện, bởi vì nếu chúng tôi chiến thắng, các người cứ thử tưởng tượng một lúc mà xem, nếu nước Đức nghiền nát quân Đỏ và phá hủy Liên Xô, sẽ không bao giờ có vấn đề tội lỗi, hoặc đúng hơn là cũng sẽ có, nhưng sẽ là những tội lỗi của Bôn-sê-vich, đã được thu thập tài liệu một cách đầy đủ nhờ các kho lưu trữ thu được (lưu trữ của NKVD ở Smolensk, được mang sang Đức và cuối cuộc chiến tranh rơi vào tay người Mỹ, sẽ đóng chính xác cái vai trò đó, khi mà cuối cùng cũng sẽ đến thời điểm khi gần như là ngày một ngày hai phải giải thích cho các cử tri dân chủ tốt bụng hiểu được tại sao những con quái vật đáng ghê tởm của ngày hôm qua giờ đây sẽ phải trở thành thành lũy để chống lại những người đồng minh anh dũng của ngày hôm qua, giờ đây hóa ra lại là những con quái vật còn tệ hại hơn nữa), thậm chí là có thể, để quay trở lại chuyện đang nói, thông qua những phiên tòa hợp quy, tại sao lại không, phiên tòa xử những kẻ cầm đầu bên Bôn-sê-vich, cứ thử tưởng tượng điều đó đi, để làm ra vẻ nghiêm túc đúng như người Anh và người Mỹ từng muốn làm (người ta biết rõ rằng Stalin chế nhạo những phiên tòa đó, ông ta nhìn nhận chúng đúng như bản chất của chúng, một sự giả dối, thêm vào đó chúng lại còn vô ích), và sau đó là tất cả mọi người, người Anh và người Mỹ đứng đầu, sẽ cùng chúng tôi tạo ra các

quan hệ ngoại giao sẽ được bố trí lại trên những thực tế mới, và mặc cho những người Do Thái ở New York sẽ rống lên, điều này là không thể tránh khỏi, những người ở châu Âu, những kẻ dù sao cũng sẽ không làm ai tiếc nuối cả, tất cả sẽ được chuyển hóa thành tổn thất và lợi nhuận, cũng như tất cả những người chết khác nữa, Digan, Ba Lan, và nhiều nữa, cỏ mọc đầy trên mộ những kẻ thua cuộc, và sẽ không có ai đòi tính sổ với người thắng cuộc, tôi không nói điều đó để tìm cách biện minh cho chúng tôi, không, đó là sự thật đơn giản và đáng sợ, hãy thử nhìn Roosevelt mà xem, cái con người tốt đẹp đó, cùng với ông bạn thân thiết Uncle Joe, bao nhiêu triệu người mà Stalin đã giết, vào năm 1941, hoặc thậm chí là trước năm 1939, nhiều hơn chúng tôi nhiều, cái đó thì chắc chắn, và thậm chí nếu người ta lập một bản tổng kết cuối cùng thì ông ta vẫn rất có khả năng đứng đầu, cùng với cái thứ hợp tác xã hóa, cái thứ giải koulak hóa của ông ta, những cuộc thanh trừng lớn và những vụ trục xuất các dân tộc vào năm 1943 và 1944, và cái đó, người ta biết rất rõ, vào thời đó, tất cả mọi người ít nhiều đều biết, cái người bạn của mọi người đó, nhưng điều này chưa bao giờ ngăn cản ông ta ngợi khen lòng trung thành và sự nhân đạo của Stalin, thêm vào đó là mặc cho tất cả những lời cảnh báo lặp đi lặp lại của Churchill, ít ngậy thơ hơn một chút theo một quan điểm nào đó, hơi kém thực tế chủ nghĩa hơn, về một người khác, và do đó nếu quả thực mà chúng tôi chiến thắng trong cuộc chiến tranh này, chắc chắn là cũng sẽ vậy thôi, dần dần, những kẻ cứng đầu không ngừng gọi chúng tôi là kẻ thù của loài người sẽ im tiếng, từng kẻ một, vì có còn ai thèm nghe nữa đâu, và các nhà ngoại giao sẽ biết cách mài cho tròn lại những góc cạnh, vì dù sao thì, có phải vậy không, *Krieg ist Krieg und Schnaps ist Schnaps*, và thế giới sẽ vẫn cứ thế thôi. Và thậm chí cuối cùng thế giới sẽ còn vỗ tay hoan hô những nỗ lực của chúng tôi, như Führer vẫn thường luôn luôn dự báo, hoặc có thể là không, dù thế nào đi nữa thì cũng sẽ có nhiều người sẵn sàng vỗ tay, những kẻ đó trên thực tế lại im lặng, bởi vì chúng tôi đã thua, thực tế phũ phàng. Và ngay cả khi vẫn còn một sự căng

thằng nào đó dai dẳng mãi về chủ đề này, trong suốt mười hoặc mười lăm năm, không sớm thì muộn nó cũng sẽ tan biến, khi, chẳng hạn như vậy, các nhà ngoại giao của chúng tôi sẽ kết tội một cách đanh thép, nhưng vẫn lo sao có khả năng tỏ ra được một mức độ thấu hiểu nào đó, những biện pháp nặng nề, nhiều khả năng sẽ gây hại đến các quyền con người, mà một ngày nào đó Anh hoặc Pháp sẽ phải áp dụng để tái thiết lập trật tự tại những thuộc địa cứng cổ của họ, hoặc, trong trường hợp của nước Mỹ, đảm bảo sự ổn định của thương mại quốc tế và chiến đấu chống lại các ổ phản loạn cộng sản, như trên thực tế cuối cùng họ đều đã thực hiện, với những kết quả mà ai cũng biết. Bởi vì sẽ là một sai lầm, theo tôi là sai lầm nghiêm trọng, nếu nghĩ rằng ý thức đạo đức của các cường quốc phương Tây lại khác biệt về nền tảng với ý thức đạo đức của chúng tôi: dù sao thì một cường quốc vẫn là một cường quốc, nó không tình cờ mà trở nên như vậy, và cũng sẽ không mãi là như vậy. Những người Monaco hoặc những người Luxembourg có thể tự tạo cho mình sự xa hoa mà vẫn có chút ngay thẳng nào đó về chính trị; với người Anh thì hơi khác. Liệu không phải là một nhà quản trị người Anh, được giáo dục ở Oxford hoặc ở Cambridge, ngay từ năm 1922 đã báo trước *những cuộc thăm sát mang tính hành chính* để đảm bảo an ninh cho các thuộc địa, và cay đắng tiếc nuối rằng tình hình chính trị *in the Home Islands* khiến cho những biện pháp mang tính cứu rỗi đó trở nên bất khả, ư? Hoặc giả, nếu người ta muốn, giống như một số người, dồn tất cả tội lỗi của chúng tôi vào riêng chủ nghĩa bài Do Thái – một sai lầm thô thiển, theo tôi, nhưng với nhiều người thì lại rất quyến rũ – thì liệu có thể không thừa nhận rằng nước Pháp, ngay trước Thế chiến thứ nhất, đã tỏ ra giỏi hơn chúng tôi rất nhiều trong lĩnh vực này (đấy là còn chưa nói đến nước Nga của các pogrom!), được hay không? Tôi hy vọng rằng các người sẽ không quá ngạc nhiên vì tôi hạ thấp giá trị chủ nghĩa bài Do Thái xuống đến mức coi nó là nguyên nhân nền tảng của việc thăm sát người Do Thái: như vậy sẽ là quên mất rằng các chính sách diệt trừ của chúng tôi tìm cách đi xa hơn thế nhiều. Khi thất

bại – và còn xa mới muốn viết lại Lịch sử, tôi sẽ là người đầu tiên công nhận điều đó – chúng tôi đã, ngoài Do Thái, hoàn thành việc tiêu diệt tất cả những kẻ tàn phế về thân thể hoặc đầu óc không có khả năng chữa khỏi của Đức, và phần lớn người Digan, và hàng triệu người Nga và người Ba Lan. Và các dự án, người ta biết rõ, còn có tham vọng lớn hơn thế nhiều: với người Nga, việc *giảm sút tự nhiên* cần thiết phải đạt được con số, theo các chuyên gia của Kế hoạch bốn năm và của RSHA, ba mươi triệu, thậm chí là phải nằm giữa bốn mươi sáu và năm mươi một triệu theo ý kiến mang tính ly khai của một Dezernent hơi quá hăng hái của *Ostministerium*. Nếu cuộc chiến tranh còn kéo dài thêm vài năm nữa, hẳn là chúng tôi đã tiến hành giảm trừ dân số Ba Lan mạnh mẽ. Ý tưởng đã lơ lửng trong bầu không khí thời đó được một thời gian: hãy nhìn vào đồng thư từ khổng lồ giữa Gauleiter Greiser của vùng Warthegau và Reichsführer, trong đó Greiser yêu cầu, kể từ tháng Năm năm 1942, cho phép được sử dụng các cơ sở hơi ngạt ở Kulmhof để tiêu diệt 35 000 người Ba Lan bị bệnh lao, những kẻ tạo ra, theo ông ta, một mối đe dọa nghiêm trọng về sức khỏe đối với *Gau* của ông ta; Reichsführer, sau bảy tháng, cuối cùng đã làm được cho ông ta hiểu rằng đề nghị của ông ta rất thú vị, nhưng còn quá sớm để làm việc ấy. Các người hẳn phải thấy rằng tôi nói cho các người tất cả những cái đó một cách hết sức lạnh lùng: chỉ đơn giản là để chứng tỏ cho các người thấy rằng việc tiêu diệt dân tộc của Moïse dưới bàn tay của chúng tôi không chỉ phát sinh từ một niềm căm thù phi lý tính đối với người Do Thái – tôi tin là mình đã chỉ ra rằng những kẻ bài Do Thái theo cảm xúc thường bị coi thường như thế nào ở SD và SS – mà chủ yếu là từ một sự chấp nhận tiên quyết và hữu lý việc viện đến bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội đa dạng nhất, cái mà, mặt khác, chúng tôi chỉ khác biệt với bên Bôn-sê-vich ở những ưu tiên của hai bên đối với các hạng mục vấn đề cần giải quyết: cách tiếp cận của họ dựa trên một cách đọc xã hội theo chiều ngang (các giai cấp), còn cách của chúng tôi, theo chiều dọc (các chủng tộc), nhưng cả hai đều có tính mục đích luận ngang nhau (tôi tin là đã

nhấn mạnh điều này) và đều đi đến những kết luận tương tự về những gì liên quan đến phương cách cần sử dụng. Và nếu suy nghĩ kỹ, người ta sẽ có thể từ đó mà suy ra rằng ý chí đó, hoặc ít nhất là khả năng chấp nhận tính cần thiết của một cách tiếp cận mang tính triệt để hơn nhiều cho các vấn đề gây ảnh hưởng đến toàn xã hội, chỉ có thể sinh ra từ những thất bại của chúng tôi trong Thế chiến thứ nhất. Tất cả các nước (có thể là ngoại trừ Mỹ) đều đã phải chịu đựng; nhưng chiến thắng, và sự cao ngạo và thoả mái về tinh thần của chiến thắng, hẳn là đã cho phép người Anh và người Pháp và thậm chí là người Ý dễ dàng quên đi những nỗi thống khổ và các tổn thất của mình, và để ngồi xuống lại, thỉnh thoảng thậm chí còn phơi bụng lên trong sự tự thỏa mãn, và do đó cũng hoảng sợ một cách dễ dàng hơn, e rằng sẽ phải nhìn thấy sự thỏa hiệp mong manh đến mức độ đó sẽ nhanh chóng tan rã. Về phần mình, chúng tôi đâu có gì để mất nữa. Chúng tôi đã chiến đấu trong danh dự như vậy, giống như kẻ thù của chúng tôi; người ta đã đối xử với chúng tôi như những kẻ tội phạm, người ta đã làm nhục chúng tôi và băm chặt chúng tôi, và nhạo báng những người tử trận bên phía chúng tôi. Số phận của người Nga, nhìn một cách khách quan, không có gì khác hơn. Vậy thì còn gì logic hơn nữa khi từ đó mà tự nhủ rằng: À, nếu đã như vậy, nếu như là đúng đắn khi hy sinh những gì tốt đẹp nhất của một Quốc gia, khi gửi đến cái chết những con người yêu nước nhất, thông minh nhất, tận tụy nhất, trung thành nhất của chủng tộc chúng tôi, và tất cả những cái đó là với danh nghĩa cứu rỗi Quốc gia – và rồi điều ấy không để làm gì cả – và rằng người ta nhỏ lên sự hy sinh của họ – vậy thì làm gì có chuyện có được quyền sống, những phần tử tệ hại nhất, bọn tội phạm, bọn điên, bọn tâm thần, bọn ngoài lề xã hội, bọn Do Thái, đấy là còn chưa nói đến những kẻ thù bên ngoài của chúng tôi, tất cả lũ đó? Bên Bôn-sê-vich, điều đó thì tôi chắc chắn, cũng đã lập luận theo cùng cách ấy. Bởi vì tôn trọng các quy tắc của cái được gọi là nhân loại cũng đâu có phục vụ được gì cho chúng tôi, vậy thì tại sao lại cứ phải khẳng khẳng với cái sự tôn trọng mà thậm chí người ta còn

không thêm đoái hoài tới như thế? Từ đó, không thể tránh khỏi được, mà có một cách tiếp cận cứng rắn hơn nhiều, nặng nề hơn nhiều, triệt để hơn nhiều đối với các vấn đề của chúng tôi. Trong tất cả các xã hội, vào mọi thời kỳ, các vấn đề xã hội đều từng bị xem xét một cách võ đoán trong mối quan hệ giữa những nhu cầu của tập thể và các quyền của cá nhân, và do đó làm nảy sinh một số lượng các giải pháp nhìn chung là rất hạn chế: tóm lại cũng chỉ có cái chết, sự bố thí, hoặc án trục xuất (nhất là, xét về mặt lịch sử, dưới hình thức lưu đày nước ngoài). Người Hy Lạp vứt bỏ những đứa trẻ bị dị dạng của họ; người Ả-rập, công nhận rằng chúng tạo nên, nói về khía cạnh kinh tế, một gánh nặng quá lớn cho gia đình của chúng, nhưng vì không muốn giết chúng mà trao trách nhiệm sang cho cộng đồng, thông qua hệ thống *zakat*, từ thiện tôn giáo bắt buộc (một thứ thuế dành cho các hoạt động từ thiện); ngày nay vẫn vậy, ở chỗ chúng tôi, vẫn còn có những tổ chức chuyên môn hóa dành cho những trường hợp đó, để nỗi bất hạnh không quấy rầy cái nhìn của những con người khỏe mạnh. Thế nhưng, nếu sử dụng một cách nhìn toàn thể như thế, người ta có thể nhận thấy, ít nhất là ở châu Âu, kể từ thế kỷ XVIII, tất cả các biện pháp khác nhau về nhiều vấn đề đa dạng – nhục hình đối với những kẻ tội phạm, án lưu đày đối với những con bệnh truyền nhiễm (các trại phong), từ thiện của bên Kitô giáo đối với những kẻ ngu dốt – được đổ dồn về, dưới ảnh hưởng của thời Ánh sáng, một dạng giải pháp duy nhất, có thể áp dụng được cho tất cả các trường hợp và không thể tách rời khỏi ý chí: sự giam nhốt được thiết chế hóa, do Nhà nước bỏ tiền chi trả, một hình thức lưu đày bên trong nếu người ta muốn gọi như vậy, thỉnh thoảng với mục đích giáo dục, nhưng chủ yếu là nhằm mục tiêu thực tiễn: bọn tội phạm, ở trong tù, những kẻ bị bệnh, ở bệnh viện, những kẻ điên, ở trại tâm thần. Ai mà chẳng thấy rằng những giải pháp nhân đạo đến nhường ấy, cả chúng nữa, đều là kết quả của sự thỏa hiệp, khả thi là nhờ vào tiền bạc, và xét cho cùng vẫn là tùy tiện? Sau Thế chiến thứ nhất nhiều người đã hiểu rằng chúng không còn thích hợp được nữa, rằng chúng không đủ để có thể đối mặt với mức độ

rộng lớn mới mẻ của các vấn đề, do bởi sự hạn chế về các biện pháp kinh tế và cũng là cả ở mức độ, trước đây không thể nghĩ đến được, những con số khổng lồ (hàng triệu người chết trận). Phải có những giải pháp mới, người ta đã tìm được chúng, vì con người luôn tìm ra được các giải pháp mà họ cần có, và cũng vì các nước hay được gọi là dân chủ sẽ tìm ra được chúng nếu cần. Nhưng vậy thì tại sao, ngày nay người ta sẽ hỏi, lại là người Do Thái? Người Do Thái có gì chung với những kẻ điên, những kẻ tội phạm, những kẻ bệnh tật của các người? Thế nhưng, cũng không khó để nhận thấy rằng, xét về lịch sử, người Do Thái tự thân đã trở thành như một "vấn đề", vì lúc nào cũng muốn được nổi bật bằng mọi giá. Những tác phẩm đầu tiên chống lại người Do Thái, của những người Hy Lạp ở thành phố Alexandrie, trước Thiên Chúa nhiều và chủ nghĩa bài Do Thái mang tính thần học, lại chẳng đã buộc tội họ là những kẻ bên lề xã hội, những kẻ vi phạm các đạo luật về hiếu khách, nền tảng và nguyên tắc chính trị chính yếu của thế giới cổ đại, nhân danh những cấm đoán về lương thực của bọn họ, điều đã ngăn cản bọn họ đến ăn ở nhà người khác hoặc đón tiếp người khác, trở thành chủ nhà hiếu khách, ư? Sau đó, dĩ nhiên, còn có vấn đề tôn giáo nữa. Ở đây tôi không tìm cách, như người ta có thể nghĩ vậy, biến người Do Thái thành những kẻ chịu trách nhiệm về thảm họa của bọn họ; tôi chỉ tìm cách nói rằng một lịch sử nào đó của châu Âu, theo một số người là bất hạnh, theo những người khác lại là không thể tránh khỏi, đã khiến cho ngay cả ngày hôm nay, vào thời đại khủng hoảng, thật tự nhiên khi quay sang chống lại người Do Thái, và rằng nếu người ta dấn thân vào một cuộc cải cách đến tận nền móng xã hội thông qua bạo lực, thì sớm hay muộn thì người Do Thái cũng sẽ bị lôi ra – sớm, trong trường hợp của chúng tôi và muộn, trong trường hợp của bên Bôn-sê-vich – và đó hoàn toàn không phải là một điều tình cờ. Một số người Do Thái, khi mà mối đe dọa của chủ nghĩa bài Do Thái đã lùi xa, lại vẫn lao vào trong sự quá đà.

Những suy tư đó, hẳn các người sẽ phải coi là rất thú vị, điều này thì tôi không mấy may nghi ngờ; nhưng tôi đã hơi lạc đề

mất rồi, tôi vẫn chưa nói gì đến cái ngày 6 tháng Mười lừng danh đó, mà tôi muốn được miêu tả một cách ngắn gọn. Vài tiếng gõ cửa khô khốc lôi tuột tôi ra khỏi giấc ngủ; với những cửa chớp hạ xuống, không thể đoán được đang là mấy giờ, hẳn là tôi đã chìm đắm trong một giấc mơ, tôi còn nhớ mình đã vì thế mà hoàn toàn bị lạc lối. Rồi tôi nghe thấy giọng nói của nữ trợ lý của Mandelbrod, nhẹ nhàng nhưng kiên quyết: "Herr Sturmbannführer, chúng ta sẽ tới nơi trong nửa giờ nữa." Tôi nhồm dậy, mặc quần áo và ra ngoài phòng phụ để duỗi chân duỗi tay. Người phụ nữ trẻ đang đứng đó: "Xin chào, Herr Sturmbannführer. Ngài ngủ ngon chứ?" – "Vâng, cảm ơn. Tiến sĩ Mandelbrod đã dậy chưa?" – "Tôi không biết, Herr Sturmbannführer. Ngài có muốn uống cà phê không? Bữa sáng đầy đủ sẽ được phục vụ khi đến nơi." Cô ta trở lại cùng với một cái khay nhỏ. Tôi đứng uống cà phê, hai chân hơi giạng ra vì tàu đang hơi xóc; cô ta ngồi xuống một cái ghế phớt nhơ nhỏ, hai chân vắt chéo nhau một cách kín đáo – giờ đây tôi nhận ra là cô ta mặc một cái jupe dài thay cho cái quần ngắn màu đen hôm qua. Tóc cô ta được búi lại thành một cái búi trông rất khắc khổ. "Cô không dùng à?" tôi hỏi. – "Không, cảm ơn ngài." Chúng tôi cứ im lặng như thế cho đến khi tiếng phanh rít lên. Tôi trả cái tách cho cô ta và cầm lấy túi xách của mình. Tàu đi chậm dần lại. "Chúc một ngày tốt lành. Tiến sĩ Mandelbrod sẽ tìm gặp ngài sau." Ke tàu hơi lộn xộn; các Gauleiter mệt mỏi lần lượt từ trên tàu bước xuống, vừa đi vừa ngáp, được một đoàn công chức mặc thường phục hoặc quân phục SA đón tiếp. Một trong số họ nhìn thấy bộ quân phục SS của tôi và nhướng lông mày. Tôi chỉ cho anh ta toa tàu của Mandelbrod và mặt anh ta sáng bừng: "Xin lỗi ngài," anh ta vừa tiến lên vừa nói. Tôi nói cho anh ta tên tôi và anh ta xem một danh sách: "Vâng, tôi thấy rồi. Ông ở cùng với các thành viên của Reichsführung, ở khách sạn *Posen*. Có một phòng cho ông. Tôi sẽ tìm cho ông một chiếc xe ô tô. Đây là chương trình." Ở khách sạn, một tòa nhà to lớn và hơi buồn tẻ xây dựng từ thời nước Phổ, tôi tắm, cạo râu, thay quần áo, và ăn vài cái bánh ngọt

cùng với mứt. Khoảng tám giờ tôi đi xuống sảnh. Người ta bắt đầu đi lại. Cuối cùng tôi cũng tìm được một trợ lý của Brandt, một viên Hauptsturmführer, và đưa cho anh ta xem tờ chương trình được phát. "Nghe này, anh chỉ có một việc là đi luôn đi. Chiều nay Reichsführer mới đến, nhưng sẽ có vài sĩ quan." Chiếc xe được *Gau* cho mượn vẫn đang đợi ở ngoài và tôi bảo lái đến Schloss Posen, trên đường đi tha hồ chiêm ngưỡng gác chuông màu xanh da trời và lotja với nhiều vòm tường của tòa thị chính, rồi các mặt tiền nhiều màu của những ngôi nhà tư sản rất hẹp nằm san sát nhau trên Quảng trường Cổ, những phản chiếu của nhiều thế kỷ kiến trúc phóng túng một cách kín đáo, cho đến khi cái thú vui buổi sáng thoáng qua đó vấp phải tòa lâu đài, một đồng lớn gồm nhiều khối dựa lưng vào một quảng trường lớn không bóng người, cũ mòn và tua tủa những mái ngói nhọn hoắt cùng một tòa tháp nhọn hình đầu đạn liên sát, to lớn, kiêu hãnh, nghiêm nghị, đơn điệu, và phía trước lần lượt chạy đến xếp hàng nối đuôi nhau những chiếc Mercedes treo cờ hiệu của các chức sắc. Chương trình bắt đầu bằng một loạt các hội thảo dành cho chuyên gia gần gũi với Speer, trong đó có Walter Rohland, trùm thép, những người thay nhau lên trình bày, với một sự chính xác đáng sợ, tình trạng của ngành sản xuất chiến tranh. Ở hàng đầu tiên, nghiêm trang lắng nghe những tin tức buồn thảm đó, là một phần lớn tầng lớp tinh hoa của Nhà nước: tiến sĩ Goebbels, bộ trưởng Rosenberg, Axmann, Führer của Đoàn thanh niên Reich, đại đô đốc Dönitz, Feldmarschall Milch của Luftwaffe, và một người to béo có cái cổ bò mọng, mái tóc dày chải hất về phía sau, mà tôi đoán ra được danh tính trong một lúc nghỉ: Reichsleiter Bormann, thư ký riêng của Führer và bí thư văn phòng của NSDAP. Tất nhiên là tôi có biết tên ông ta, nhưng tôi biết được rất ít điều về ông ta; báo chí và các chương trình thời sự ở rạp chiếu phim không bao giờ nói đến ông ta, và tôi không nhớ là đã nhìn thấy ông ta trên ảnh. Sau Rohland, đến lượt Speer: bài trình bày của ông ta, kéo dài chưa đến một giờ đồng hồ, lặp lại cùng các chủ đề đã được đề cập ngày hôm trước ở Prinz-Albrecht-Palais,

trong một thứ ngôn ngữ thẳng băng đến đáng kinh ngạc, gần như là bẩm bẩm. Mãi đến lúc ấy tôi mới nhìn thấy Mandelbrod: một chỗ ngồi đặc biệt đã được thu xếp ở bên cạnh cho cái ván lăn kèn càn của ông ta, và ông ta vừa nheo mắt lại vừa lắng nghe, một vẻ thờ ơ theo lối đạo Phật, hai bên là hai nữ trợ lý – như vậy, quả thực là họ có hai người – và cái hình dáng cao lêu đêu như một bức tượng của Herr Leland. Những lời cuối cùng của Speer gây ra những tiếng xôn xao: quay trở lại chủ đề sự ngáng trở của các *Gau*, ông ta nói đến thỏa thuận của mình với Reichsführer, đe dọa sẽ xử lý những kẻ cứng đầu. Ngay khi ông ta từ trên bục phát biểu bước xuống, nhiều Gauleiter đã vây lấy xung quanh, tức tối; tôi ở quá xa, tận cuối căn phòng, để có thể nghe được những lời của họ, nhưng tôi có thể tưởng tượng ra. Leland cúi xuống và thì thầm điều gì đó vào tai Mandelbrod. Sau đó, người ta mời chúng tôi quay trở lại thành phố, đến khách sạn *Ostland*, nơi các chức sắc ở, để tham dự một buổi tiếp tân có kèm tiệc đứng. Các nữ trợ lý đưa Mandelbrod đi ra bằng một cửa phụ, nhưng tôi tìm được ông ta ở trong sân và đến chào ông ta, cũng như Herr Leland. Khi đó tôi có thể nhìn thấy phương tiện đi lại của ông ta: chiếc Mercedes đặc biệt với gian trong rộng mênh mông, được lắp thêm một bộ phận cho phép chiếc phôtô của ông ta, khi được nhấc khỏi tám ván lăn, trượt được vào trong xe; một chiếc xe thứ hai dùng để chở tám ván và hai nữ trợ lý. Mandelbrod bảo tôi lên cùng và tôi ngồi lên một cái ghế gập; Leland ngồi ở đằng trước, cạnh người lái xe. Tôi tiếc vì đã không được lên ngồi cùng các cô gái trẻ: có vẻ như Mandelbrod không hề nhận ra thứ khí thói hoẵng mà cơ thể ông ta phóng ra; thật may mắn vì chặng đường khá ngắn. Mandelbrod không nói gì, có vẻ như ông ta đang ngủ gà gật. Tôi tự hỏi không biết có bao giờ ông ta đứng dậy khỏi cái ghế phôtô không, và nếu không thì ông ta mặc quần áo và đại tiểu tiện như thế nào? Dù sao thì các trợ lý của ông ta hẳn là đã trải qua mọi thử thách. Trong buổi tiếp tân, tôi trò chuyện với hai sĩ quan của *Persönlicher Stab*, Werner Grothmann, người vẫn chưa hết chệnh choáng vì vừa được thăng cấp thế chỗ Brandt

(Brandt, được thăng Standartenführer, thay chỗ của Wolff), và một sĩ quan tùy tùng phụ trách mảng cảnh sát. Chính họ, tôi tin vậy, là những người đầu tiên nói với tôi về ấn tượng mạnh ở các Gruppenführer, hai hôm trước, khi nghe bài phát biểu của Reichsführer. Chúng tôi cũng nói đến sự ra đi của Globocnik, một sự kinh ngạc thực sự đối với tất cả mọi người; nhưng chúng tôi chưa đủ biết nhau để có thể cùng đoán về những nguyên nhân của vụ thuyên chuyển. Một trong hai nữ chiến binh Amazon – rõ ràng là tôi không sao phân biệt được họ, thậm chí tôi còn không nhận ra được là cô nào hôm trước đã đến xin được hiến thân – hiện ra ở bên cạnh tôi. “Xin thứ lỗi, meine Herren,” cô ta mỉm cười nói. Tôi cũng xin cáo từ và đi theo cô ta lách qua đám đông. Mandelbrod và Leland đang nói chuyện với Speer và Rohland. Tôi chào họ và chúc mừng Speer về bài diễn văn của ông ta; ông ta có vẻ buồn bã: “Rõ ràng là nó không vừa miệng tất cả mọi người.” – “Cái đó thì có sao, Leland đáp. Nếu ông nhất trí được với Reichsführer, không kẻ nào trong số những thằng ngu suốt ngày say mềm đó có thể động được đến ông.” Tôi ngạc nhiên: chưa bao giờ tôi nghe thấy Herr Leland nói năng theo lối giật cục như vậy. Speer gật đầu: “Ông hãy cố giữ liên lạc thường xuyên với Reichsführer, Mandelbrod thì thầm. Đừng để rơi mất cái đà tiến lên mới mẻ này. Về những vấn đề phụ, nếu không muốn làm phiền Reichsführer thì ông chỉ cần liên lạc với anh bạn trẻ đây của tôi. Tôi đảm bảo về sự đáng tin cậy của cậu ấy.” Speer lơ đãng nhìn tôi: “Tôi đã có một sĩ quan liên lạc ở bộ.” – “Hẳn nhiên là như vậy rồi, Mandelbrod đáp. Nhưng Sturmbannführer Aue chắc chắn là sẽ có một quan hệ trực tiếp hơn với Reichsführer. Đừng sợ làm phiền cậu ấy.” – “Được rồi, được rồi,” Speer nói. Rohland đã quay sang Leland: “Như vậy là chúng ta đã nhất trí, về Mannheim...” Bằng một cái bấm nhẹ vào khuỷu tay tôi, nữ trợ lý của Mandelbrod khiến tôi hiểu rằng người ta không còn cần đến tôi nữa. Tôi chào và kín đáo rút ra chỗ bàn tiệc. Cô gái trẻ đi theo tôi và rót trà vào tách trong khi tôi nhấm nháp một món khai vị. “Tôi tin rằng tiến sĩ Mandelbrod rất hài lòng về ngài,” cô ta nói

bằng cái giọng đẹp đẽ không lên không xuống của mình. – “Tôi không hiểu được là tại sao, nhưng nếu cô nói vậy thì tôi phải tin thôi. Cô làm việc cho ông ấy được lâu chưa?” – “Từ nhiều năm.” – “Thế còn trước đó?” – “Tôi đang hoàn thành một bằng tiến sĩ ngữ văn Latinh và Đức, ở Frankfurt.” Tôi nhướn lông mày: “Thế mà tôi không đoán ra đấy. Cũng không khó khăn lắm khi phải làm việc toàn bộ thời gian cho tiến sĩ Mandelbrod chứ? Tôi thấy ông ấy rất khó tính.” – “Mỗi người phục vụ ở nơi cần phải phục vụ, cô ta đáp không chút ngần ngại. Tôi thấy rất vinh hạnh vì nhận được lòng tin của tiến sĩ Mandelbrod. Chính nhờ những người như ông ấy và Herr Leland mà nước Đức sẽ được cứu thoát.” Tôi nhìn chằm chằm khuôn mặt nhẵn lì hình ôvan chỉ trang điểm phớt qua của cô ta. Hẳn là cô ta rất đẹp, nhưng không một chi tiết nào, không có nét đặc biệt nào cho phép tôi cảm thấy được gắn kết vào vẻ đẹp vô cùng trừu tượng đó. “Tôi có thể hỏi cô một câu không?” tôi hỏi. – “Tất nhiên rồi.” – “Hành lang trên toa tàu không sáng lắm. Có phải cô là người đã đến gõ cửa phòng tôi không?” Cô ta nở một nụ cười đẹp như ngọc: “Hành lang không đến nỗi thiếu ánh sáng thế đâu. Nhưng câu trả lời là không: đó là đồng nghiệp Hilde của tôi. Tại sao? Ngài thích đó là tôi hơn à?” – “Không, tôi chỉ hỏi vậy thôi,” tôi nói một cách ngu ngốc. – “Nếu có cơ hội, cô ta vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt tôi, thì tôi sẽ rất lấy làm hân hạnh. Tôi hy vọng rằng ngài sẽ bớt mệt.” Tôi đỏ bừng mặt: “Thế cô tên là gì? Để tôi còn biết.” Cô ta chìa cho tôi bàn tay nhỏ bé với những cái móng ánh lên màu xà cừ của mình; mu bàn tay khô và mềm và lòng bàn tay cứng cáp giống như bàn tay một người đàn ông. “Hedwig. Chúc một cuối ngày tốt lành, Herr Sturmbannführer.”

Reichsführer, bao quanh là một đám sĩ quan lặng lẽ và với Rudolf Brandt ở bên cạnh, xuất hiện vào khoảng ba giờ chiều, không lâu sau khi chúng tôi từ Schloss về. Brandt nhìn thấy tôi và khẽ gật đầu chào; ông ta đã mang lon mới, nhưng không để cho tôi có thời gian chúc mừng: “Sau bài diễn văn của Reichsführer, chúng tôi sẽ đi Cracovie. Anh sẽ đi cùng luôn.” – “Vâng, Herr

Standartenführer.” Himmler ngồi ở hàng đầu tiên, bên cạnh Bormann. Trước tiên chúng tôi được nghe một bài diễn văn của Dönitz, biện giải cho việc tạm ngừng cho các tàu ngầm tham chiến, nhưng hy vọng chỉ là trong một thời gian ngắn; của Milch, người hy vọng rằng các chiến thuật mới của Luftwaffe sẽ nhanh chóng chấm dứt được những cuộc không kích khủng bố lên các thành phố của chúng tôi; và của Schepmann, tổng tham mưu trưởng mới của SA, người không có hy vọng gì theo như tôi nhớ. Vào khoảng năm giờ rưỡi, Reichsführer bước lên bục phát biểu. Những lá cờ đỏ màu máu và những chiếc mũ sắt đen của đội gác danh dự vây xung quanh hình dáng bé nhỏ của ông ta trên cái bục cao đó; những thanh micro dài che khuất gần hết khuôn mặt ông ta; ánh sáng căn phòng phản chiếu lại trên cặp kính kẹp mũi. Hệ thống tăng âm khiến cho giọng ông ta xoang xoảng tiếng kim khí. Về phản ứng của những người ngồi nghe thì tôi đã nói; tôi rất tiếc vì chỉ nhìn thấy gáy người thay vì những khuôn mặt, do ngồi ở cuối phòng. Mặc cho sự hoảng sợ và kinh ngạc của mình, tôi có thể nói thêm rằng về mặt cá nhân mà nói, một vài lời của ông ta đã làm tôi xúc động, nhất là những gì đề cập hiệu ứng của quyết định này lên những người chịu trách nhiệm thi hành nó, về nguy cơ trong tâm trí họ sẽ thoáng có ý nghĩ mình *trở nên tàn bạo và bàng quan và không còn tôn trọng cuộc đời con người nữa, hoặc mềm yếu đi và suy sụp trước sự yếu đuối và trước những cơn trầm uất thần kinh* – đúng, *con đường hẹp đến tàn khốc giữa Charybde và Scylla* đó, tôi biết rất rõ, những lời ấy rất có thể là dành riêng cho tôi, cho tôi và những người giống như tôi, bị giao phó cái trách nhiệm kinh khủng đó, bởi Reichsführer của chúng tôi, người hiểu rất rõ những gì chúng tôi phải kinh qua. Không phải là vì ông ta để lộ chút tình cảm yếu đuối nào; bởi ông ta đã nói điều này theo lối thật thẳng thừng, vào cuối bài diễn văn: *Nhiều người sẽ khóc, nhưng không sao cả; đã từng có rất nhiều nước mắt*, những lời này, trong tai tôi, mang âm hưởng của Shakespeare, nhưng có thể cái đó là trong bài diễn văn kia, mà mãi sau này tôi mới đọc, tôi cũng không chắc nữa, mà có quan

trọng gì đâu. Sau bài diễn văn, chắc là khoảng mười chín giờ, Reichsleiter Bormann mời chúng tôi đến dự một bữa tiệc đứng trong một căn phòng bên cạnh. Các chức sắc, nhất là các Gauleiter nhiều tuổi hơn cả, bu kín lấy quầy bar; vì sắp phải đi cùng Reichsführer nên tôi không uống rượu. Tôi nhìn thấy ông ta ở một góc, đứng trước mặt Mandelbrod, cùng với Bormann, Goebbels và Leland; ông ta quay lưng về phía phòng và không hề chú ý gì đến hiệu ứng mà những lời của mình đã gây ra. Các Gauleiter uống liên tục và thì thầm nói chuyện với nhau; thỉnh thoảng một trong số họ nói rống lên một điều gì đó nhạt nhẽo; các đồng nghiệp của ông ta trang trọng gật đầu và tiếp tục uống. Phải thú nhận rằng, về phần mình, mặc cho có hiệu ứng của bài diễn văn, tôi vẫn bận tâm đến cái cảnh nhỏ bé lúc trưa hơn: tôi cảm nhận được một cách rõ ràng rằng Mandelbrod đang cài cắm tôi vào, nhưng như thế nào và trong mối quan hệ với những ai thì tôi còn chưa hiểu được; tôi biết quá ít về những liên hệ của ông ta với Reichsführer hoặc với Speer để có thể đoán định, và điều đó làm tôi lo lắng, tôi cảm thấy mình không sao nắm bắt được những trò chơi này. Tôi tự hỏi không biết Hilde, hoặc Hedwig, có thể làm sáng tỏ giùm tôi; cùng lúc, tôi biết rất rõ rằng, ngay cả trên giường, họ cũng sẽ không nói gì cho tôi ngoài những điều Mandelbrod muốn tôi biết. Còn Speer? Trong một thời gian dài, tôi cứ nghĩ là mình còn nhớ, nhưng không thực suy nghĩ nhiều lắm, rằng cả ông ta cũng nói chuyện với Reichsführer trong bữa tiệc đó. Rồi đến một ngày, cách đây ít lâu, trong một cuốn sách, tôi biết được rằng trong nhiều năm ông ta khẳng khẳng chối là mình đã từng ở đó, và khẳng định đã đi khỏi vào giờ ăn trưa cùng với Rohland, và không ngồi nghe bài diễn văn của Reichsführer. Tất cả những gì tôi có thể nói về chuyện đó là rất có thể như vậy: về phần mình, sau cuộc trao đổi ở buổi tiếp tân buổi trưa, tôi không còn đặc biệt chú ý đến ông ta, tôi tập trung nhiều hơn vào tiến sĩ Mandelbrod và Reichsführer, và rồi, thực sự là có rất nhiều người; tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ là đã nhìn thấy ông ta buổi tối hôm đó, và chính ông ta cũng đã miêu tả vụ rượu chè hăng máu của

các Gauleiter, và ở cuối cuộc nhậu nhệch đó, theo chính cuốn sách của ông ta, nhiều người trong số họ cần có người khiêng ra chuyển tàu đặc biệt, vào lúc đó thì tôi đã đi cùng Reichsführer, cái đó thì tôi không được tận mắt chứng kiến, nhưng ông ta miêu tả như thể là đã ở đó, vậy nên rất khó nói, và dù sao thì tất cả những chuyện này cũng không mấy nghĩa lý: dù cho ông ta có nghe hay không những lời của Reichsführer vào ngày hôm đó, thì Reichsminister Speer vẫn biết, giống như tất cả mọi người; ít nhất thì, vào thời kỳ đó, ông ta biết đủ để biết rằng tốt hơn hết là không nên biết nhiều hơn nữa, để trích lời một sử gia, và tôi có thể khẳng định rằng không lâu sau đó, khi tôi đã biết ông ta nhiều hơn, ông ta biết tất cả, kể cả những điều về phụ nữ và trẻ con, những kẻ mà dù sao thì người ta cũng không thể gom lại được mà ông ta không biết, ngay cả khi không bao giờ ông ta nói đến chuyện ấy, điều này thì đúng, và ngay cả khi ông ta không hay biết về tất cả các chi tiết kỹ thuật, những gì xét cho cùng cũng không liên quan đến lĩnh vực hoạt động đặc thù của ông ta. Tôi không chối rằng hẳn là ông ta thích không biết gì hơn; viên Gauleiter von Schirach, mà tối đó tôi nhìn thấy phủ phục trên một cái ghế, cựa vạt xộc xệch và cổ áo mở toang, uống hết cốc cognac này đến cốc cognac khác, chắc chắn là cũng thích không biết gì hơn, và nhiều người khác nữa cùng với ông ta, hoặc là họ thiếu lòng can đảm về các xác tín của mình, hoặc là họ đã bắt đầu e ngại những đòn thù của quân Đồng minh, nhưng cũng phải nói thêm rằng những người đó, các Gauleiter, đã đóng góp rất ít vào nỗ lực của chiến tranh, và thậm chí trong một số trường hợp còn gây trở ngại, trong khi Speer, giờ đây tất cả các chuyên gia đều khẳng định điều này, ít nhất là đã tặng thêm cho nước Đức hai năm sống dưới chế độ quốc xã, hơn bất kỳ ai, ông ta đã đóng góp cho sự kéo dài cái đó, và hẳn là ông ta sẵn sàng kéo dài nó thêm nữa nếu có thể, và chắc chắn là ông ta muốn có chiến thắng, ông ta đã vùng vẫy quẫy đạp hết cách để có được chiến thắng, chiến thắng của cái nước Đức quốc xã, kẻ diệt trừ người Do Thái đó, bao gồm cả phụ nữ và trẻ con, và cả những người Digan, rồi rất nhiều

người khác nữa, và chính vì vậy mà tôi tự cho phép mình thấy rằng sao mà hạ cấp đến vậy, mặc dù sự kính trọng to lớn mà tôi dành cho những gì ông ta đã làm được ở cương vị bộ trưởng, những điều nuối tiếc của ông ta, sau chiến tranh sẽ được bày ra một cách công khai đến như vậy, những điều nuối tiếc đã cứu sống ông ta, chắc chắn là như vậy, trong khi ông ta xứng đáng phải chịu không ít hơn không nhiều hơn số phận của những người khác, chẳng hạn như Sauckel, hoặc Jodl, và những thứ đó sau này sẽ buộc ông ta, để giữ nguyên được tư thế của mình, nói ra những điều xuyên tạc kỳ cục nhất, trong khi lẽ ra ông ta hoàn toàn có thể vô cùng giản dị, nhất là sau khi đã trả xong được bản án của mình, mà nói rằng: Đúng rồi, tôi có biết, thế thì sao? Giống như người bạn Eichmann của tôi từng nói hay đến như vậy, ở Jerusalem, với toàn bộ sự giản dị thẳng thừng của những con người đơn giản: “Những điều hối tiếc chỉ hợp với bọn trẻ con mà thôi.”

Tôi rời buổi tiếp tân vào khoảng hai mươi giờ, theo lệnh của Brandt, không kịp chào tiến sĩ Mandelbrod lúc đó đang say sưa với những cuộc tranh luận. Cùng với nhiều sĩ quan khác, người ta dẫn tôi đến khách sạn *Posen* để tôi lấy đồ, rồi đi ra ga nơi chuyển tàu đặc biệt của Reichsführer đã đợi sẵn. Lại thêm một lần nữa, tôi có một cabin riêng, nhưng kích thước khiêm tốn hơn nhiều so với trong toa tàu của tiến sĩ Mandelbrod, với một cái giường nhỏ xíu. Con tàu này, tên là *Heinrich*, được chế tạo hết sức tuyệt vời: ở phía trước, ngoài những toa tàu bọc thép riêng của Reichsführer, có các toa được làm thành các phòng làm việc và trung tâm liên lạc cơ động, tất cả được bảo vệ bởi các thiết bị phòng không đặt trên nóc; toàn bộ Reichsführung-SS, nếu cần thiết, có thể làm việc trong khi di chuyển. Tôi không thấy Reichsführer lên tàu; một lúc sau khi tôi đến nơi, tàu bắt đầu chuyển bánh; lần này, trong cabin của tôi có một cửa kính, tôi có thể tắt đèn đi và, ngồi trong bóng tối, ngắm nhìn ban đêm, một đêm mùa thu đẹp trời và quang đãng, chiếu sáng bởi những ngôi sao và vầng trăng lưỡi liềm tỏa xuống một

làn ánh sáng lạnh mông mảnh trên khung cảnh khốn khổ của Ba Lan. Posen cách Cracovie khoảng 400 cây số; với rất nhiều lần dừng lại vì có báo động hoặc đường không thông, mãi sau bình minh một lúc lâu tàu mới tới nơi; đã thức dậy, ngồi trên giường, tôi ngắm nhìn các bình nguyên màu ghi và những cánh đồng trồng khoai tây ửng hồng dần lên. Ở ga Cracovie, một đội gác danh dự đã đợi sẵn, General-Gouverneur dẫn đầu, với tám thám tử đỏ và dàn kèn trống; từ xa, tôi nhìn thấy Frank, bao quanh là những cô gái Ba Lan trẻ tuổi mặc quốc phục cầm trên tay các giỏ hoa trồng trong nhà kính, chào Reichsführer theo kiểu Đức khiến những đường chỉ trên bộ quần áo của ông ta suýt toạc ra, rồi trao đổi vài lời đầy nhiệt thành trước khi chui vào một chiếc xe ô tô hòm rất lớn. Người ta phân cho chúng tôi những căn phòng trong một khách sạn dưới chân Wawel; tôi tắm, cạo râu cẩn thận, và gửi một trong những bộ quân phục đến chỗ giặt. Rồi tôi tha thẩn qua những đường phố cũ kỹ tràn ngập ánh nắng của Cracovie, đi về phía văn phòng của HSSPF, từ đó tôi gửi một bức điện về Berlin, để lấy những tin tức mới về tình hình tiến triển của dự án. Đến giữa ngày, tôi tham gia bữa trưa chính thức với tư cách là thành viên phái đoàn của Reichsführer; tôi ngồi ở một cái bàn cùng nhiều sĩ quan SS và bên Wehrmacht, cũng như các công chức cấp thấp của General-Gouvernement; ở bàn đầu tiên, Bierkamp ngồi cạnh Reichsführer và General-Gouverneur, nhưng tôi không có dịp nào để đến chào ông ta. Cuộc trò chuyện chủ yếu xoay quanh Lublin, những người của Frank khẳng định với tôi rằng tin đồn ở GG nói rằng Globocnik đã bị đổ vì những vụ thụt két khổng lồ của ông ta; theo một phiên bản, thậm chí Reichsführer còn muốn cho bắt ông ta để xử án làm gương, nhưng Globocnik, vì thận trọng, đã tập hợp một số lượng tài liệu có thể liên lụy đến nhiều người, và sử dụng chúng để thỏa thuận được một cuộc về hưu gần như là vàng son trên bờ biển quê hương. Sau khi ăn có nhiều bài diễn văn, nhưng tôi không chờ đợi và quay trở lại thành phố để báo cáo cho Brandt, người đã đến ở chỗ HSSPF. Không có gì nhiều để nói: ngoài D III, nơi đã ngay lập tức đồng ý, chúng tôi vẫn còn phải chờ

đội ý kiến của các ban khác, cũng như của RSHA. Brandt giao cho tôi đẩy nhanh tốc độ mọi việc ngay khi quay về: Reichsführer muốn dự án phải được sẵn sàng vào giữa tháng.

Trong buổi tiếp tân tối, Frank tỏ ra không hề hà tiện chi tiêu một chút nào. Một đội gác danh dự, gươm cầm trên tay, những bộ quân phục thông thướt ngũ vai mạ vàng, tạo thành một hàng rào xiên chéo trên cái sân lớn của *Wawel*; trong cầu thang, cứ ba bậc lại có một người lính đứng khoe vũ khí; ở lối vào phòng khiêu vũ, đích thân Frank, trong quân phục SA và đứng bên cạnh là vợ ông ta, một quý bà da trắng ních người trong một bộ quần áo may sẵn bằng lụa xanh lá cây trông rất khủng khiếp, đang đón tiếp khách khứa. *Wawel* sáng bừng hết cỡ: từ thành phố có thể nhìn thấy nó rạng ngời trên đỉnh vách đá của mình; những dây bóng đèn màu trang trí những hàng cột cao bao quanh sân, những người lính, đứng sau hàng rào danh dự, cầm trên tay những ngọn đuốc; và nếu ra khỏi phòng khiêu vũ để đi dạo qua các *lotja*, người ta sẽ thấy cái sân như thể được bao quanh bởi những vòng tròn rực sáng, một cái giếng ánh sáng ở đáy nhẹ nhàng mọc lên những hàng đuốc chạy song song; ở phía bên kia tòa cung điện, nhìn từ cái ban công rộng mênh mông ở bên sườn, thành phố, dưới những bàn chân khách khứa trải ra đen thẫm và im ắng. Trên một bậc cao, ở đầu căn phòng chính, một dàn nhạc đang chơi các bản nhạc valse Viên; quan chức của GG dẫn theo vợ mình, vài đôi đang nhảy, những người khác uống rượu, cười nói, nhấm nháp các món khai vị trên những cái bàn đầy ắp đồ ăn, hoặc, giống như tôi, đứng xem đám đông. Ngoài vài đồng nghiệp trong phái đoàn của Reichsführer, tôi biết rất ít người. Tôi chăm chú nhìn lên trần nhà theo kiến trúc ô lõm, làm bằng gỗ quý đủ loại màu sắc, mỗi ô có một bức tượng đầu người, những người lính râu rậm, các nhà tư sản đội mũ, các triều thần mũ cấm lông chim, những người phụ nữ phục trang diêm dúa, tất cả đều đang bình thản từ chiều thẳng đứng ngấm nhìn chúng tôi, những kẻ xâm lược nước ngoài. Đi qua cầu thang chính, Frank đã cho mở những phòng khác, phòng nào cũng có bàn tiệc, những cái ghế

phôtoi, đi vắng dành cho những ai muốn nằm nghỉ hoặc muốn được yên tĩnh. Những tấm thảm cổ to và đẹp phá vỡ các phối cảnh hài hòa của đá lát sàn gồm các hình thoi hai màu đen trắng, làm giảm bớt tiếng bước chân, ở những nơi khác chúng sẽ vang vọng trên đá hoa. Hai người lính đội mũ, gươm tuốt trần chìa ra trước mũi trông giống như các kỵ binh người Anh, đứng ở mỗi bên các cánh cửa dẫn thông từ phòng này sang phòng kia. Một cốc rượu vang trên tay, tôi đi lang thang qua những phòng đó, chiêm ngưỡng các gờ tường, trần nhà, những bức tranh; người Ba Lan, than ôi, hồi đầu cuộc chiến tranh đã mang đi mất những tấm thảm Flamand lừng danh của Sigismond Auguste: người ta nói rằng chúng đang ở Anh, hoặc thậm chí là Canada, và Frank vẫn thường xuyên tố cáo việc đó, coi đây là một kiểu ăn cướp di sản văn hóa Ba Lan. Một mỗi, cuối cùng tôi nhập hội với một nhóm sĩ quan SS đang nói chuyện về cuộc sụp đổ của Napoli và về những chiến công của Skorzeny. Tôi lơ đãng nghe họ nói, bởi vì một tiếng động kỳ lạ vừa thu hút sự chú ý của tôi, một cái gì đó giống như là sự sột soạt có nhịp điệu. Cái đó tiến lại gần, tôi nhìn ra xung quanh; tôi cảm thấy một cú đụng chạm vào bớt đi dưới chân và cúi nhìn xuống: một cái ô tô đạp chân nhiều màu, do một thằng bé đẹp đẽ tóc vàng lái, vừa đâm sầm vào tôi. Dứa trẻ nhìn tôi với một vẻ nghiêm khắc, không nói gì, đôi bàn tay bé nhỏ mũm mĩm của nó bám chặt vào vô lăng; nó khoảng bốn hoặc năm tuổi, và mặc một bộ com lê nhỏ bé vạt chéo kép rất xinh. Tôi mỉm cười, nhưng nó vẫn không nói gì. Vậy là tôi hiểu ra và vừa cúi mình vừa lùi lại; vẫn im lặng, nó tiếp tục điên cuồng đạp, lao thẳng về phía một căn phòng bên cạnh và biến mất giữa những người lính gác đứng yên như những cây cột tạc tượng người. Vài phút sau tôi nghe thấy tiếng nó quay trở lại: nó lao thẳng về phía trước, không buồn quan tâm đến bất kỳ ai, tất cả đều phải tránh đường cho nó đi. Đến ngang bàn tiệc, nó ngừng đạp và nhảy ra khỏi chiếc xe để lấy một mẫu bánh ngọt; nhưng cánh tay nhỏ bé của nó còn quá ngắn, dù cho có kiễng chân hết mức thì cũng không với được gì cả. Tôi đến gần nó và hỏi: "Cháu muốn cái

nào?" Vẫn im lặng, nó lấy ngón tay chỉ một cái *Sacher Torte*. "Cháu có nói tiếng Đức không?" tôi hỏi nó. Nó tỏ vẻ bực mình: "Tất nhiên là tôi nói tiếng Đức!" – "Thế thì lẽ ra người ta phải dạy cháu nói *bitte* chứ." Nó lắc đầu: "Tôi thì không việc gì cần phải *bitte*!" – "Tại sao lại như vậy?" – "Bởi vì cha tôi là vua Ba Lan, và tất cả mọi người ở đây đều phải tuân lệnh ông ấy!" Tôi gật đầu: "Cái đó thì rất tốt. Nhưng cháu phải học cách nhận ra các loại quân phục. Chú đầu có phục vụ cha cháu, chú phục vụ ngài Reichsführer-SS. Vậy nên, nếu cháu muốn có bánh, cháu phải nói *bitte* với chú." Thằng bé, môi mím chặt, tỏ vẻ ngần ngại; hẳn là nó không có thói quen gặp phải sự kháng cự như vậy. Cuối cùng nó nhượng bộ: "Tôi có thể có bánh ngọt được không, *bitte*?" Tôi lấy một mẫu bánh *Torte* và chìa cho nó. Trong khi ăn, sôcôla vãi đầy quanh miệng, nó nhìn chằm chằm bộ quân phục của tôi. Rồi nó chỉ một ngón tay vào cái huân chương Thập tự Sắt: "Ông là một anh hùng à?" – "Theo một cách nào đó thì đúng vậy." – "Ông đã đi chiến đấu à?" – "Đúng thế." – "Cha tôi chỉ huy, nhưng ông ấy không đi chiến đấu." – "Chú biết. Lúc nào cháu cũng ở đây à?" Nó gật đầu ra hiệu là đúng vậy. "Thế cháu có thích sống trong một tòa lâu đài không?" Nó nhún vai. "Cũng tạm tạm. Nhưng không có những đứa trẻ khác." – "Nhưng mà cháu có các anh chị em chứ?" Nó gật đầu: "Đúng. Nhưng tôi không chơi với họ." – "Tại sao?" – "Không biết. Thế thôi." Tôi muốn hỏi tên nó, nhưng tiếng ồn ào đã nổi lên ở lối vào phòng: một đám đông tiến về phía chúng tôi, Frank và Reichsführer dẫn đầu. "A, con đây rồi! Frank nói với thằng bé. Đến đây, đến đây đi. Cả anh nữa, Sturmbannführer." Frank bế đứa con trai lên và chỉ cái ô tô: "Anh có thể cầm hộ được không?" Tôi nhấc cái xe lên và đi theo họ. Đám đông đi ngang qua tất cả các phòng và đứng dồn lại trước một cánh cửa mà Frank sai người mở ra. Rồi ông ta lùi sang một bên để nhường đường cho Himmler: "Tôi đi sau ngài, Reichsführer thân mến ạ. Vào đi, vào đi." Ông ta đặt thằng bé xuống đất và đẩy nó đi vào trước, ngập ngừng, đưa mắt tìm tôi, rồi thì thầm: "Anh chỉ việc để nó vào một góc nào đó thôi. Chúng

ta sẽ đến lấy nó sau.” Tôi đi theo họ vào phòng và cất chiếc ô tô đi. Ở giữa phòng là một cái bàn lớn với một cái gì đó bên trên, dưới một tấm vải màu đen. Frank, với Reichsführer ở bên cạnh, đứng đợi những vị khách khác và bố trí cho họ ngồi vào cái bàn có kích cỡ đến ba mét trên bốn mét. Thằng bé lại nhô người lên bàn, kiễng chân lên, nhưng nó chỉ nhìn được một chút phía trên. Frank nhìn ra xung quanh, thấy tôi đang ở cách xa một quãng, và gọi tôi: “Xin lỗi, Sturmbannführer. Các anh đã trở thành bạn rồi, tôi biết. Anh có phiền nếu phải bế nó lên để nó nhìn được một chút không?” Tôi cúi người xuống và nhắc thằng bé lên; Frank để tôi ngồi ở một chỗ gần ông ta và, trong khi những người khách cuối cùng đi vào, ông ta luồn những đầu ngón tay nhọn hoắt của mình vào mái tóc và nghịch nghịch một trong những cái huân chương; có vẻ như ông ta không thể kiên nhẫn thêm được nữa. Khi tất cả mọi người đều đã ở đó, Frank quay sang Himmler và tuyên bố một cách trang trọng: “Reichsführer thân mến của tôi, cái mà bây giờ ngài sẽ thấy là một ý tưởng chiếm hữu những giờ nhàn rỗi của tôi từ lâu nay. Đó là một dự án, tôi hy vọng như vậy, sẽ minh họa thành phố Cracovie sau chiến tranh, thành phố thủ đô của toàn xứ Ba Lan, và sẽ là một sự thu hút đối với cả nước Đức. Tôi tính là, khi nó được thực hiện, sẽ tặng nó cho ngày sinh nhật của Führer. Nhưng bởi vì ngài đã cho chúng tôi vinh hạnh được ngài đến thăm, tôi không thể giữ bí mật lâu hơn được nữa.” Khuôn mặt phì phì của ông ta, với những đường nét yếu ớt và dày thịt, sáng lên vì vui sướng; Reichsführer, hai tay chấp lại sau lưng, nhìn ông ta qua cái kính kẹp mũi với vẻ nửa mỉa mai, nửa buồn chán. Còn tôi thì chỉ hy vọng ông ta khấn trương lên: tôi đã bắt đầu thấy thằng bé trĩu nặng trên tay. Frank ra hiệu và vài người lính kéo tấm vải ra, để lộ một ma kết kiến trúc lớn, một kiểu công viên, với những cái cây và lối đi uốn lượn, chạy giữa những ngôi nhà theo các phong cách khác nhau, xung quanh có hàng rào. Trong khi Frank háng giọng, Himmler chăm chú nhìn cái ma kết. “Cái gì thế này? cuối cùng ông ta hỏi. Trông giống một cái vườn bách thú.” – “Gần như vậy, Reichsführer thân mến của

tôi, Frank khào khào giọng, hai ngón tay cái thò ra từ những cái túi áo choàng. Đó là, để nói như những người dân thành phố Viên, một *Menschengarten*, một cái vườn nhân học mà tôi muốn xây dựng ở đây, ở Cracovie này." Ông ta khoát tay thành một vòng rộng phía trên cái ma két. "Chắc ngài còn nhớ, Reichsführer thân mến của tôi, khi chúng ta còn trẻ, trước chiến tranh, các *Völkerschau* của Hagenbeck đó chứ? Với những gia đình người Samoa, Lapon, Soudan? Đã từng có một cái được tổ chức ở München, bố tôi đã dẫn tôi đến đó; hẳn là ngài cũng xem nó rồi. Và rồi còn một cái khác ở Hamburg, ở Frankfurt, ở Bâle, một thành công to lớn." Reichsführer xoa xoa cằm: "Phải, phải, tôi vẫn nhớ. Đó là những cuộc trưng bày lưu động, đúng không?" – "Vâng. Nhưng cái này sẽ ở cố định đó, giống như một vườn bách thú. Và nó sẽ không phải là một thứ trò giải trí công cộng, Reichsführer thân mến của tôi ạ, mà là một giáo cụ trực quan phục vụ sự phạm và khoa học. Chúng tôi sẽ tập hợp các mẫu của tất cả các dân tộc đã biến mất hoặc đang trên đường biến mất ở châu Âu, để bằng cách đó bảo tồn một dấu vết sống động. Học sinh Đức sẽ đi xe ca đến đây để học tập! Nhìn này, nhìn này." Ông ta chỉ một trong những ngôi nhà: nó phô ra một nửa, kiểu mặt cắt; bên trong, người ta nhìn thấy những tượng nhỏ ngồi quanh một cái bàn, với một giá nến bảy nhánh. "Chẳng hạn như với Do Thái, tôi đã chọn mẫu của Galicie, đại diện điển hình hơn cả cho các *Ostjude*. Ngôi nhà này là dẫn chứng cho kiểu ở bản của chúng; dĩ nhiên, sẽ cần phải khử trùng liên tục, và có kiểm soát về y tế với các mẫu, để tránh lây bệnh cho những người đến tham quan. Với bọn Do Thái này, tôi muốn có những kẻ sùng đạo, những kẻ rất sùng đạo, chúng tôi sẽ đưa cho chúng một quyển kinh Talmud và khách tham quan sẽ có thể thấy chúng lẩm nhẩm đọc kinh như thế nào, hoặc nhìn người vợ chuẩn bị những thứ đồ ăn casher. Còn đây là nông dân Ba Lan vùng Maruzie; đây là các nông trường tập thể Bôn-sê-vich; đây, bọn Ruthénie, và kia, bọn Ukraine, ngài thấy không, với những cái áo sơ mi thêu. Tòa nhà lớn này sẽ là địa điểm của một viện nghiên cứu nhân học; đích

thân tôi sẽ nhận một chân ở đó; các nhà bác học có thể đến đây để nghiên cứu tại chỗ các dân tộc xưa kia từng rất đông đảo đó. Với họ đây sẽ là một cơ hội duy nhất.” – “Rất hấp dẫn, Reichsführer thì thầm. Thế còn khách tham quan bình thường?” – “Họ có thể đi dạo tự do xung quanh các hàng rào, nhìn các mẫu làm việc trong những khu vườn, giặt thảm, phơi quần áo. Rồi sẽ có những tour tham quan các ngôi nhà có hướng dẫn và bình luận, điều đó sẽ cho phép họ quan sát cách sống và các tập quán.” – “Thế ngài định sẽ bảo tồn dài hạn như thế nào?” – “Thì chính đó, Reichsführer thân mến của tôi ạ, là chỗ tôi cần đến sự hỗ trợ của ngài. Với mỗi dân tộc, chúng tôi sẽ cần vài chục mẫu. Chúng tôi sẽ lấy lẫn nhau và sinh con đẻ cái. Mỗi lần sẽ chỉ có một gia đình được trưng bày; những mẫu khác sẽ thay thế nếu chúng bị ốm, sinh đẻ, dạy dỗ các tập quán, cách cầu nguyện và các thứ khác cho bọn trẻ con. Tôi tính là chúng tôi sẽ được giữ ở gần đây, trong một cái trại, dưới sự giám sát của SS.” – “Nếu Führer cho phép thì sẽ được thôi. Nhưng chúng ta sẽ phải thảo luận về việc này. Không chắc là sẽ tốt nếu bảo tồn một số dòng giống khỏi sự diệt vong đâu, ngay cả theo cách như thế này. Sẽ có thể nguy hiểm đấy.” – “Dĩ nhiên, tất cả các biện pháp đề phòng sẽ được thực hiện. Theo tôi, một thiết chế như vậy sẽ rất quý báu và không thể thay thế đối với khoa học. Làm sao mà ngài lại có thể muốn các thế hệ tương lai hiểu được tầm vóc công trình của chúng ta, nếu họ không có chút ý tưởng nào về những gì từng có trước đó?” – “Chắc chắn là ngài có lý rồi, Frank thân mến của tôi ạ. Đây là một ý tưởng rất hay. Thế ngài nghĩ sẽ làm thế nào để chi trả cho cái... *Völkerschauplatz* này?” – “Thì sẽ kinh doanh thôi. Chỉ có viện nghiên cứu mới được hưởng các tài trợ. Về phần khu vườn, chúng tôi sẽ tạo ra một AG để thu hút vốn thông qua đầu tư. Một khi đã thu lại được số tiền bỏ ra ban đầu, vé vào cửa sẽ đủ để trả cho tiền duy trì. Tôi đã thu thập tài liệu về các trưng bày của Hagenbeck rồi: chúng mang lại những khoản lợi nhuận đáng kể. Vườn thuần hóa cây cối ở Paris đều đặn làm chi cho đến khi giám đốc của nó, vào năm 1877, tổ chức các trưng bày dân tộc học về người Nubien

và người Eskimô. Năm đầu tiên, họ có một triệu khách tham quan mua vé vào xem. Cứ thế tiếp tục cho đến Thế chiến thứ nhất.” Reichsführer gật đầu: “Ý tưởng hay đấy.” Ông ta ngắm soi cái ma kết từ thật gần; thỉnh thoảng Frank lại lưu ý ông ta về một chi tiết nào đó. Thằng bé bắt đầu cựa quậy và tôi đặt nó xuống đất: nó lại trèo lên chiếc ô tô đạp chân của mình và phi ra cửa. Khách khứa cũng đi ra. Trong một phòng, tôi gặp lại Bierkamp, vẫn ngọt ngào như vậy, và đứng nói chuyện một lúc. Sau đó, tôi ra ngoài hút thuốc dưới hàng cột, chiêm ngưỡng vẻ rực rỡ kiểu Barôc của nhiều loại ánh sáng, và đội gác đẩy về nhà binh và kỳ cục như thể được tạo ra để tôn lên những hình vẽ duyên dáng của cung điện. “Xin chào, một giọng nói vang lên cạnh tôi. Thật là huy hoàng, phải không?” Tôi quay lại và nhận ra Osnabrugge, người kỹ sư cầu đường tính tình dễ chịu mà tôi đã gặp ở Kiev. “Xin chào! Bất ngờ làm sao.” – “A, đã có rất nhiều nước chảy qua dưới những cây cầu bị phá hủy của dòng Dniepr.” Anh ta đang cầm trên tay một cốc rượu vang đỏ và chúng tôi chạm cốc mừng gặp lại. “Thế, anh ta hỏi, điều gì đã dẫn anh đến *Frank-Reich*?” – “Tôi tháp tùng Reichsführer. Còn anh?” Khuôn mặt hình ôvan của anh ta vừa có vẻ láu lỉnh vừa bận rộn: “Bí mật quốc gia!” Anh ta nheo mắt và mỉm cười: “Nhưng với anh thì tôi có thể nói: tôi đi công cán cho OKH. Tôi đang chuẩn bị các chương trình phá hủy những cây cầu ở các tỉnh của Lublin và vùng Galacie.” Tôi bối rối nhìn anh ta: “Nhưng vì lý do quái quỷ nào vậy?” – “Thì trong trường hợp quân Xô viết tiến đến đây.” Anh ta xoa xoa cái mũi khoằm của mình; tôi nhận ra là đầu anh ta đã hói thêm rất nhiều. “Hôm nay chúng đã vượt qua rồi, cuối cùng anh ta nói. Chúng cũng đã chiếm được Nevel.” – “Dù sao thì cũng còn xa mà. Chúng ta sẽ chặn được chúng lại. Anh không thấy rằng những chuẩn bị của anh mang một khía cạnh bi quan à?” – “Không hề: đó là sự dự liệu thôi. Phẩm chất vẫn còn rất được cánh nhà binh coi trọng, tôi xin lưu ý với anh. Dù sao thì tôi cũng chỉ làm những gì được yêu cầu. Tôi làm cùng một điều như ở Smolensk hồi mùa xuân và ở Belarus trong mùa hè.” – “Thế một chương trình phá những cây

cầu là như thế nào, nếu như anh có thể giải thích cho tôi?” Anh ta có vẻ buồn rầu: “Ồ, không phức tạp đâu. Các kỹ sư địa phương thực hiện một nghiên cứu đối với mỗi cây cầu cần phá; tôi xem xét lại chúng, thông qua chúng, và sau đó chúng tôi tính lượng thuốc nổ cần thiết cho toàn bộ tỉnh, số lượng ngòi nổ, vân vân, rồi chúng tôi quyết định sẽ trữ nó ở đâu và như thế nào, tại chỗ ấy; cuối cùng, chúng tôi định ra các bước sau đó sẽ cho phép những người chỉ huy địa phương biết được chính xác khi nào thì phải đặt thuốc, khi nào thì phải đặt ngòi nổ, và trong những điều kiện nào thì có thể ấn nút. Một kế hoạch, kiểu như vậy. Điều đó tránh được việc, trong trường hợp không dự tính nổi, phải để lại những cây cầu cho kẻ thù bởi vì trong tay không có gì để giật đổ chúng.” – “Và anh vẫn chưa xây được cái nào à?” – “Than ôi, chưa! Nhiệm vụ của tôi ở Ukraine chính là thất bại của tôi: kỹ sư trưởng của OKHG Nam thích bản báo cáo về những vụ phá cầu của bên Xô viết đến nỗi ông ấy đã chuyển nó sang cho OKH. Tôi đã được gọi về Berlin và được bổ làm phụ trách Ban Phá hủy – chỉ đối với những cây cầu thôi, còn có các bộ phận khác lo về nhà máy, đường sắt, đường bộ nữa; máy bay là của bên Luftwaffe, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi cũng có những cuộc họp chung. Nói tóm lại, kể từ lúc đó, tôi chỉ còn làm mỗi việc ấy. Tất cả những cây cầu vùng Manytch và vùng hạ sông Đông là tôi cả đấy. Sông Donets, sông Desna, sông Oka, cũng là tôi luôn. Tôi đã cho giật nổ hàng trăm cái rồi. Đến phát khóc lên được. Vợ tôi thì hài lòng lắm, bởi vì tôi được lên lon” – anh ta vỗ vỗ lên cầu vai của mình: quả thực là anh ta đã được thăng cấp nhiều lần kể từ hồi ở Kiev – “nhưng việc đó làm tan nát trái tim tôi. Mỗi lần tôi lại có cảm giác như là mình vừa giết chết một đứa trẻ.” – “Anh không nên nghĩ như vậy, Herr Oberst. Dù sao thì đó cũng là những cây cầu của Xô viết.” – “Đúng, nhưng nếu cứ tiếp tục mãi, đến một ngày sẽ là những cây cầu của Đức thôi.” Tôi mỉm cười: “Cái đó thì thực sự là chủ nghĩa bi quan rồi.” – “Xin lỗi nhé. Thỉnh thoảng tôi cứ hay bị nản lòng như thế đấy. Ngay cả khi còn nhỏ, tôi cũng thích xây dựng, trong khi tất cả lũ bạn trong lớp chỉ thích đập.” – “Thật là không có

công bằng gì cả. Thôi, chúng ta đi lấy rượu tiếp đi.” Trong phòng lớn, dàn nhạc đang chơi nhạc của Liszt và vài đôi vẫn nhảy. Frank đang chiếm giữ một góc bàn cùng với Himmler và Staatssekretär của ông ta, Bühler, họ tranh luận một cách hăng hái và uống cà phê và cognac; ngay cả Reichsführer, người đang hút một điếu xì gà to, cũng có, trái ngược hẳn với thói quen của mình, một cốc đầy để ở trước mặt. Frank chồm hẳn người về phía trước, ánh nhìn uơn ướn của ông ta đã mờ đi vì men rượu; Himmler nhịu mảy vẽ bút rút: hẳn là ông ta không thích nhạc. Tôi lại chạm cốc với Osnabrugge trong khi bản nhạc kết thúc. Khi dàn nhạc ngừng, Frank, cốc cognac cầm trên tay, đứng dậy. Mắt nhìn Reichsführer, ông ta tuyên bố lớn tiếng nhưng giọng lại hơi the thé: “Reichsführer thân mến của tôi, chắc là ngài phải biết khúc hát dân gian rất cổ này: *Clarum regnum Polonorum/Est coelum Nobiliorum/Paradisum Judeorum/Et infernum Rusticorum*. Các nhà quý tộc đã biến mất từ lâu, và nhờ nỗ lực của chúng ta, cả bọn Do Thái cũng vậy; trong tương lai nông nghiệp sẽ chỉ còn làm một việc là làm giàu và gây lợi chúng ta; và Ba Lan sẽ là Bầu trời và Thiên đường của dân tộc Đức, *Coelum et Paradisum Germanorium*.” Thứ tiếng Latinh đại khái của ông ta khiến một người phụ nữ có mặt ở đó phì cười; Frau Frank, nằm ngửa người cách chồng mình không xa giống như một thứ tượng thần Hindu, ánh mắt chĩa thẳng vào ông ta. Thản nhiên, đôi mắt lạnh lùng và không thể dò xét đằng sau cái kính kẹp mũi của mình, Reichsführer gờ cổ lên và nhấp môi vào đó. Frank đi vòng qua bàn, đi hết căn phòng, và khá nhẹ nhàng nhảy phắt lên bục phát biểu. Người nhạc công piano nhảy dựng dậy và đứng tránh ra; Frank ngồi ngay vào chỗ của ông ta và, với một cảm hứng sâu sắc, lắc lư đôi bàn tay dài rất trắng và mập mạp của mình trên những phím đàn, rồi bắt đầu chơi một bản *Nocturne* của Chopin. Reichsführer thở dài; ông ta chớp nhanh mắt và rút vội điếu xì gà sắp tắt của mình ra. Osnabrugge cúi về phía tôi: “Theo tôi, General-Gouverneur đang cố tình chọc tức Reichsführer đấy. Anh không nghĩ thế à?” – “Như thế thì hơi trẻ con, phải vậy

không?" – "Ông ấy thấy bức. Người ta nói rằng tháng trước ông ấy còn đòi từ chức, và Führer lại từ chối tiếp." – "Nếu tôi hiểu đúng, ở đây ông ta không kiểm soát được nhiều thứ lắm thì phải." – "Theo các đồng nghiệp của tôi bên Wehrmacht thì không gì hết. Ba Lan là một *Frankreich ohne Reich*. Hoặc *ohne Frank* thì đúng hơn." – "Nhìn chung, một ông hoàng thân bé nhỏ thì đúng hơn là một ông vua." Nói vậy thôi, ngoài việc lựa chọn bản nhạc – dù có chơi Chopin thì vẫn có nhiều thứ hay hơn là các *Nocturne* – Frank chơi khá hay, nhưng chắc chắn là nhấn nhá quá nhiều. Tôi nhìn vợ ông ta, với hai vai và ngực, béo và mềm nhẽo, sáng bóng mồ hôi trong cái cổ xẻ trẻ của cái váy: đôi mắt nhỏ bé của bà ta, nổi bật trên khuôn mặt, sáng lóe lên vì kiêu hãnh. Thằng bé thì có vẻ như là đã biến mất, đã từ một lúc tôi không còn nghe thấy tiếng lăn bánh đầy âm ảnh của chiếc xe ô tô đạp chân của nó. Đã muộn, khách khứa cáo từ; Brandt tiến lại gần Reichsführer và, bình tĩnh ngắm nhìn cảnh tượng với khuôn mặt chim chăm chú của mình, đứng gần đó để sẵn sàng đợi lệnh. Tôi nguệch ngoạc lên một quyển sổ mấy số điện thoại của mình, xé tờ giấy và đưa cho Osnabrugge. "Cầm lấy đi. Nếu anh ở Berlin thì gọi cho tôi, chúng ta sẽ đi uống một cốc." – "Anh đi à?" Tôi hát hàm về phía Reichsführer và Osnabrugge nhướng mày: "A. Vậy thì xin chào. Rất vui vì được gặp lại anh." Trên sân khấu, Frank vừa lắc lư cái đầu vừa kết thúc bản nhạc của mình. Tôi bĩu môi: ngay cả khi chơi nhạc của Chopin thì cũng chẳng ra sao cả, thực sự là General-Gouverneur đã lạm dụng các âm luyến.

Reichsführer đi khỏi vào sáng hôm sau. Ở vùng Warthegau, một cơn mưa mùa thu tưới ướt đầm những thửa ruộng đã lật đất, để lại những vũng nước như những cái ao nhỏ, sẫm màu và như thể hấp thụ toàn bộ ánh sáng dưới bầu trời bất động. Những cánh rừng thông, mà tôi thấy như là lúc nào cũng che giấu các hành động khủng khiếp và mờ ám, bơi đen lên khung cảnh lầy lội khó nắm bắt này; chỉ có ở đây đó, rất hiếm ở các vùng này, những cây

duong phủ trên đỉnh những tán lá đỏ rực là còn dựng lên một sự phản kháng cuối cùng trước mùa đông đang đến. Ở Berlin, trời mưa, người ta vội vã rào bước chân trong những bộ quần áo ướt sũng của mình; trên các vỉa hè lở chỗ vết bom, đôi khi nước tạo thành những khoảng rộng không thể đi qua, những người bộ hành buộc phải quay lui tìm một phố khác. Ngay ngày hôm sau, tôi đã lên Oranienburg để đẩy nhanh công việc của mình. Tôi tin chắc rằng Sturmbannführer Burger, Amtchef mới của D IV, sẽ gây nhiều khó khăn nhất; nhưng Burger, sau khi nghe tôi nói được vài phút, chỉ tuyên bố: “Nếu được trả tiền thì tôi cũng không quan tâm,” và ra lệnh cho sĩ quan tùy tùng của mình viết cho tôi một bức thư ủng hộ. Ngược lại, Maurer gây khó dễ. Thay vì hài lòng với tiến bộ mà dự án của tôi sẽ làm được cho *Arbeitseinsatz*, ông ta cho rằng nó sẽ không đi xa được, và thẳng thừng tuyên bố với tôi rằng nếu thông qua nó ông ta sợ rằng sẽ đóng sập cửa trước mọi cải thiện trong tương lai. Trong hơn một giờ đồng hồ tôi vận dụng tất cả các lập luận của mình, giải thích rằng nếu không có sự đồng ý của RSHA thì chúng tôi sẽ không làm được gì cả, và rằng RSHA sẽ không ủng hộ một dự án quá mức rộng rãi, vì sợ sẽ làm lợi cho bọn Do Thái và các kẻ thù nguy hiểm khác. Nhưng về vấn đề này thì đặc biệt khó thỏa thuận được với ông ta: ông ta rồi tung lên, ông ta không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng thì đúng vậy, với bọn Do Thái ở Auschwitz, những con số không khớp với nhau, rằng theo thống kê thì chỉ 10% trong số chúng làm việc, vậy thì những kẻ khác đi đâu mất rồi? Dù sao thì cũng không thể có đến chừng đó kẻ không đủ sức làm việc. Ông ta đã gửi cho Höss hết lá thư này đến lá thư khác về chủ đề này, nhưng Höss chỉ trả lời một cách mơ hồ, hoặc không trả lời gì hết. Rõ ràng là ông ta đang tìm kiếm một lời giải thích, nhưng tôi cho rằng mình không có trách nhiệm phải cung cấp cái đó cho ông ta; tôi chỉ gợi ý ông ta rằng một cuộc thanh tra tại chỗ sẽ có thể làm sáng tỏ được mọi điều. Nhưng Maurer không có thời gian để thực hiện các cuộc thanh tra. Cuối cùng, tôi có được từ ông ta một sự nhất trí hạn chế: ông ta sẽ không phản đối sự phân loại,

nhưng về phần mình yêu cầu các mức được nâng lên hơn nữa. Quay về Berlin, tôi đến báo cáo cho Brandt. Tôi chỉ cho ông ta rằng theo các thông tin của tôi thì hẳn RSHA sẽ thông qua dự án, ngay cả khi tôi vẫn chưa có được câu trả lời bằng văn bản của họ. Ông ta ra lệnh cho tôi chuyển bản báo cáo đến, và một bản sao cho Pohl; Reichsführer sẽ ra quyết định cuối cùng sau đó, nhưng trong thời gian đó các kết quả này cũng sẽ được sử dụng làm nền tảng của công việc. Về phần tôi, ông ta yêu cầu tôi đọc các báo cáo của SD về nhân công người nước ngoài, và bắt đầu suy nghĩ cả đến vấn đề đó nữa.

Đó là ngày sinh nhật tôi: lần thứ ba mươi. Tôi lại, giống như lúc ở Kiev, mời Thomas đi ăn tối, tôi không muốn gặp ai khác cả. Thật ra thì ở Berlin tôi có nhiều người quen, bạn học cũ ở đại học hoặc người bên SD, nhưng tôi không có ai ngoài anh là bạn cả. Kể từ khi lành bệnh tôi đã kiên quyết tự cô lập mình; tập trung vào công việc, gần như tôi không hề, ngoài những mối quan hệ công việc, có cuộc sống xã hội nào, và cũng không hề có cuộc sống tình cảm hoặc tình ái. Ngoài ra tôi cũng không thấy chút nhu cầu nào với những cái đó; và khi nghĩ lại những chuyện nông nổi ở Paris, tôi lại thấy khó chịu, tôi không muốn rơi trở lại ngay vào những cuộc phiêu lưu đó. Tôi không nghĩ đến em gái, cũng như đến bà mẹ quá cố của tôi; ít nhất thì tôi cũng không nhớ là đã từng nghĩ nhiều đến họ. Có thể là sau cú sốc nặng do vết thương của tôi gây ra (mặc dù đã được chữa khỏi hoàn toàn, nó vẫn làm tôi hoảng sợ mỗi lần nghĩ đến, làm tôi trở nên tê liệt, như thể người tôi được làm bằng thủy tinh, bằng pha lê, và sẽ vỡ tan ra từng mảnh khi có bất kỳ cú va đập nào) và những cơn chao đảo hồi mùa xuân, tâm trí tôi đã đạt đến một sự bình thản đơn điệu, và vứt bỏ tất cả những gì có khả năng khuấy động nó. Thế nhưng tối đó – tôi đến sớm hơn giờ hẹn, để có thời gian suy nghĩ một chút, và uống một cốc cognac ở quầy bar – tôi lại nghĩ đến em gái tôi: dù sao thì đây cũng là sinh nhật lần thứ ba mươi của Una. Nàng có thể ăn mừng nó ở đâu: ở Thụy Sĩ, trong một khu điều dưỡng đầy người nước ngoài chẳng? hay tại ngôi nhà tối tăm của mình ở Poméranie? Đã

lâu lắm rồi chúng tôi không tổ chức sinh nhật cùng nhau. Tôi cố nhớ lại lần trước đó: hẳn là mãi từ hồi chúng tôi còn nhỏ, ở Antibes, nhưng trước sự hoang mang tột cùng, dù cho có tập trung đầu óc đến đâu, tôi cũng không có khả năng nhớ lại nó, nhìn lại được cảnh tượng đó. Tôi có thể tính toán ngày tháng: một cách logic, đó là năm 1926, bởi vì năm 1927 chúng tôi đã phải đến trường trung học; như vậy khi đó chúng tôi mười ba tuổi, hẳn là tôi phải nhớ được chứ, nhưng không thể được, tôi không nhìn thấy gì hết cả. Có thể là có những bức ảnh về bữa tiệc đó trong đồng thùng cactông hoặc những cái hộp để trên vựa cỏ ở Antibes chẳng? Tôi tiếc vì đã không lục tìm ở đó một cách kỹ càng hơn. Càng suy nghĩ đến cái chi tiết xét cho cùng hết sức xuẩn ngốc này, những thiếu hụt của ký ức tôi càng làm tôi thêm sầu thảm. Thật may mắn, Thomas vừa kịp đến để kéo tôi ra khỏi nỗi buồn bã. Hẳn là tôi đã nói điều này, nhưng tôi vẫn cứ nhắc lại: điều mà tôi thích ở Thomas là sự lạc quan bột phát của anh, sức sống ở anh, sự thông minh ở anh, chủ nghĩa vô sỉ bình thản của anh; những lời ba hoa của anh, sự lảm nhảm tràn ngập ẩn ý của anh lúc nào cũng làm tôi thấy thích thú, bởi vì tôi thấy như thể được cùng anh xâm nhập những tầng sâu kín của cuộc đời, những nơi bị che giấu khỏi những cái nhìn phàm tục chỉ biết nhìn thấy các hành động hiển nhiên của con người, nhưng như thể được quay về phía mặt trời bởi vì anh biết được những kết nối ngầm, những mối liên quan bí mật, những cuộc trò chuyện trong phòng kín. Anh có thể suy diễn ra được cả một sự sắp xếp lại của các thế lực chính trị mà chỉ cần thông qua một cuộc gặp gỡ giản đơn, ngay cả khi anh không biết trong đó những gì đã được nói ra; và nếu như thỉnh thoảng anh cũng nhầm lẫn, thì sự hăng hái của anh trong việc thu gặt các thông tin mới cũng cho phép anh liên tục sửa chữa được những cấu trúc chệch choạc mà anh từng dựng lên. Cùng lúc, anh lại không có chút trí tưởng tượng nào, và tôi vẫn luôn nghĩ, mặc cho khả năng của anh trong việc phác ra một bức tranh phức tạp trong vài nét, rằng anh có thể trở thành một tiểu thuyết gia tồi: trong những lập luận và trực giác của mình, cực Bắc của anh lúc

nào cũng là lợi ích cá nhân; và nếu, khi cứ bám chặt vào đó, dù cho hiếm khi nhầm lẫn, anh cũng không có khả năng hướng đến một động lực nào khác cho những hành động và những lời lẽ của con người. Niềm say mê của anh – ở đó thì anh trái ngược hẳn với Voss (và tôi còn nhớ sinh nhật lần trước, và tiếc nuối cái tình bạn ngắn ngủi đó) – niềm say mê của anh không phải là một niềm say mê dành cho hiểu biết thuần túy, dành cho hiểu biết tự thân, mà chỉ duy nhất là hiểu biết thực tế, nhằm tìm kiếm các công cụ cho hành động. Tối đó, anh nói với tôi rất nhiều về Schellenberg, nhưng theo một lối ám chỉ kỳ lạ, như thể tôi phải tự mình hiểu lấy: Schellenberg có những mối nghi ngờ, Schellenberg suy nghĩ đến các lựa chọn, nhưng các nghi ngờ đó đặt vào đâu, các lựa chọn đó là như thế nào, thì anh không muốn nói. Tôi có biết Schellenberg một chút, nhưng tôi không thể nói là mình đánh giá cao ông ta. Ở RSHA, ông ta có một vị trí hơi tách biệt, chủ yếu là nhờ vào, tôi nghĩ vậy, mối quan hệ được ưu tiên của ông ta với Reichsführer. Với tôi, tôi không coi ông ta là một người quốc xã đích thực, mà đúng hơn như một kỹ thuật viên của quyền lực, bị tự thân quyền lực hút hồn, chứ không phải là đối tượng của nó. Trong khi đọc lại cuốn sách này, tôi nhận ra rằng, theo những gì tôi viết, các người có thể cùng nghĩ điều đó về Thomas; nhưng Thomas thì lại khác; ngay cả khi anh ghê tởm sâu sắc những cuộc thảo luận lý thuyết và ý thức hệ – điều giải thích cho, chẳng hạn, niềm căm ghét anh dành cho Ohlendorf – và ngay cả khi anh luôn hết sức chú ý chăm lo cho tương lai của cá nhân mình, từng hành động của anh đều như thể được hướng lối bởi một thứ chủ nghĩa quốc xã theo bản năng. Schellenberg thì lại là một thứ chong chóng, và tôi không có chút khó khăn nào để tưởng tượng ra ông ta đang làm việc cho *Secret Service* của Anh hoặc OSS, cái này thì không thể nghĩ đến ở trường hợp của Thomas. Schellenberg có thói quen gọi những người mà ông ta không thích là *bọn điếm*, cái từ rất hợp với ông ta, và, khi nghĩ lại, quả đúng là những lời nhục mạ mà người ta thích nhất, những thứ người ta buột ra miệng một cách bột phát nhất, thường sẽ hé lộ những khiếm

khuyết bị che giấu của chính họ, bởi vì một cách tự nhiên, người ta ghét những gì giống với mình hơn cả. Ý tưởng này không rời bỏ tôi từ buổi tối và khi trở về nhà, đã khuya, cũng có thể là đã hơi say, tôi lấy từ trên giá một tuyển tập các bài diễn văn của Führer thuộc về Frau Gutknecht và bắt đầu lật giở, tìm kiếm những đoạn say máu nhất, đặc biệt là về Do Thái, và trong khi đọc chúng, tôi tự hỏi không biết là có phải, trong khi gào lên: *Bạn Do Thái thiếu khả năng sáng tạo trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống trừ một thứ: nói dối và lừa đảo, hoặc, Toàn bộ tòa nhà của bạn Do Thái sẽ sụp đổ nếu người ta từ chối đi theo nó, hoặc nữa, Đó là những kẻ dối trá, những kẻ làm hàng giả, lừa đảo. Chúng chỉ đi đến được nơi chúng đang ở nhờ vào sự ngây thơ của những người xung quanh chúng, hoặc nữa, Chúng ta có thể sống mà không cần Do Thái. Nhưng chúng thì không thể sống nếu thiếu chúng ta*, thì Führer, mặc dù không hay biết điều đó, lại chẳng đang tự miêu tả chính mình. Thế nhưng người đàn ông đó không bao giờ nói nhân danh chính mình, các biến cố của bản thân con người ông ta không mấy quan trọng: vai trò của ông ta gần giống như vai trò của một thứ thấu kính, ông ta thu lấy tất cả và tập trung ý chí của *Volk* lại để hướng nó đến một tiêu điểm, lúc nào cũng là điểm đúng đắn nhất. Như vậy, nếu trong đó ông ta tự nói về mình, thì liệu không phải là ông ta nói về tất cả chúng ta ư? Nhưng những cái đó thì phải giờ đây tôi mới có thể nói được.

Trong bữa tối, Thomas lại thêm một lần trách cái tính lãnh đời và giờ giấc không thể chấp nhận nổi của tôi: “Tớ biết rằng ai cũng phải cống hiến hết mình, nhưng cậu sẽ làm suy sụp sức khỏe của cậu, nếu cứ như thế này mãi. Và rồi nước Đức, cậu có muốn tớ nói cho cậu không, sẽ không thất trận nếu: cậu nghỉ ngơi vui thú vào các buổi tối và Chủ nhật đầu. Tạm thời thì vẫn còn gắng gượng được, nhưng cố mà tìm ra nhịp điệu riêng của cậu đi, nếu không cậu sẽ suy sụp đấy. Mặt khác cứ nhìn mà xem, thậm chí bụng cậu còn to ra nữa.” Cái đó thì đúng: tôi không béo lên,

nhưng bụng tôi bị xổ ra. “Ít nhất thì cũng phải tập thể thao, Thomas nhất định khẳng khẳng. Hai lần một tuần, tớ tập đấu kiếm, và Chủ nhật tớ đi bể bơi. Cậu sẽ thấy, tốt lắm đấy.” Vẫn như mọi khi, anh lại có lý. Tôi nhanh chóng tìm lại được sự thích thú với trò đấu kiếm, mà tôi từng chơi một chút hồi còn ở đại học; tôi cầm lấy thanh kiếm, tôi thích khía cạnh hoạt bát và căng thẳng của thứ vũ khí này. Cái mà tôi thích, trong môn thể thao đó, là, mặc cho tính gầy hần của mình, nó vẫn không phải là một trò thể thao bầm bở: hoàn toàn giống như việc các phản xạ và sự mềm dẻo mà việc sử dụng vũ khí đòi hỏi đầu óc trở nên quan trọng hơn chân tay, sự vượt lên trước những động tác của đối thủ mang tính trực giác, sự tính toán nhanh chóng các lời giải có thể có, trò đánh cờ cơ thể nơi người ta phải dự đoán nhiều cú đánh, bởi vì, một khi cuộc đấu đã bắt đầu, người ta sẽ không còn thời gian để suy nghĩ, và thường xuyên có thể nói rằng trận đấu đã thua hoặc thắng từ ngay cả trước khi nó bắt đầu, tuân theo việc người ta có nhìn được đúng hay không, khi mà bản thân di chuyển của những đôi bốt cũng chỉ là để xác nhận hoặc phủ nhận các tính toán. Chúng tôi tập trong phòng để vũ khí của RSHA, ở Prinz-Albrecht-Palais; nhưng để bơi thì chúng tôi thường đến một bể bơi công cộng, ở Kreuzberg, chứ không đến bể bơi của Gestapo: trước hết, điều này là rất quan trọng với Thomas, ở đó có phụ nữ (nhưng không phải là các cô thư ký già khom); tiếp theo, nó rộng hơn và, sau khi bơi xong, chúng tôi có thể quàng khăn đến ngồi ở những cái bàn gỗ trên một ban công rộng trên tầng, và vừa uống bia lạnh vừa ngắm nhìn những người bơi với những tiếng la hét vui vẻ và tiếng đập nước văng lên ở khắp căn phòng rộng. Lần đầu tiên đi đến đó, tôi cảm thấy bị sốc mạnh đến mức, suốt phần còn lại trong ngày, tôi như thể bị ném vào một nỗi hoang mang nặng nề. Chúng tôi cởi quần áo ở phòng thay đồ: tôi nhìn sang Thomas và thấy một vết sẹo lớn rẽ nhánh nhằng nhịt chạy suốt bụng anh. “Cậu bị làm sao thế?” tôi kêu lên. Thomas bối rối nhìn tôi: “Thì ở Stalingrad đấy mà. Cậu không nhớ à? Lúc đó cậu có ở đấy cơ mà.” Một kỷ niệm, đúng, tôi có một kỷ niệm, và tôi đã viết

nó ra cùng với những cái khác, nhưng tôi đã xếp nó vào tận sâu trong đầu mình, trong cái vựa cỏ dành cho những ảo ảnh và những giấc mơ; giờ đây, vết sẹo đó chợt đến làm đảo lộn tất cả, đột nhiên tôi có cảm giác không còn có thể chắc chắn vào điều gì được nữa. Tôi vẫn nhìn chăm chăm vào bụng Thomas; anh lấy lòng bàn tay đập đập lên đó, nhe răng ra cười: “Được rồi mà, tớ không trách cậu đâu, lành hẳn rồi. Mà bọn phụ nữ thì lại rất thích, chắc là nó khiến họ thấy kích thích.” Anh nhắm một mắt lại và chỉ một ngón tay vào đầu tôi, ngón cái hướng lên trên, như một đứa trẻ đang chơi trò cao bồi: “Pằng!” Tôi gần như cảm thấy phát đạn trên trán mình, nổi hoang mang lớn lên như một thứ gì đó màu ghi và nhão nhoét và không hạn mức, một cái xác ghê tởm chiếm lấy không gian chật hẹp của phòng thay quần áo và ngăn không cho tôi nhúc nhích, Gulliver hoảng sợ bị kẹt cứng trong một ngôi nhà của đám người Lilliput tí hon. “Đừng có tỏ ra như thế chứ, Thomas vui vẻ kêu lên, đi bơi thôi!” Nước, đã được đun nóng nhưng tuy vậy vẫn hơi lạnh, khiến tôi cảm thấy sung sướng; cảm thấy mệt sau vài vòng bơi dọc bể – tôi quyết định buông xuôi – tôi nằm dài ra trên một cái ghế dài trong khi Thomas vẫn bì bõm, vừa la hét vừa để hai người phụ nữ trẻ tuổi đầy hào hứng dúm đầu mình xuống nước. Tôi nhìn những con người đang quẩn vào nhau đó, đang vui vẻ, dùng hết sức lực để tận hưởng sự thích thú; tôi cảm thấy mình thật xa xôi. Những cơ thể người, ngay cả những cơ thể đẹp nhất, cũng không còn làm tôi sợ nữa, giống như chuyện của vài tháng trước, những cơ thể vũ công balê; tôi bàng quan với chúng, cả của lũ con trai lẫn của lũ con gái. Tôi có thể khách quan mà ngưỡng mộ trò chơi cơ bắp dưới những làn da trắng, độ cong của một cái hông, nước rỏ trên một cái gáy: pho tượng Apollon bằng đồng cũ kỹ ở Paris đã kích thích tôi nhiều hơn tất cả những hệ thống cơ bắp trẻ trung hỗn xược đó, những thứ đang phô bày một cách vô lo, như thể đang chế giễu những da thịt mềm nhão và vàng vọt của vài người già thường hay đến nơi đây. Sự chú ý của tôi bị thu hút bởi một cô gái trẻ nổi bật hẳn lên so với những người khác bởi sự bình thản của mình; trong khi các bạn của cô chạy

nhảy hoặc vẫy nước xung quanh Thomas, cô vẫn bất động, hai tay bám lấy thành bể bơi, cơ thể nổi lênh bênh trên mặt nước, và cái đầu, hình ôvan dưới một cái mũ bonnê cao su đen thanh lịch, dựa vào bụng cánh tay, đôi mắt to sẫm màu bình tĩnh nhìn về phía tôi. Tôi không thể biết chắc được liệu cô có thực sự đang nhìn mình hay không; không động đậy, có vẻ như cô đang thích thú ngắm nhìn tất cả những gì nằm trong thị trường mắt mình; sau một lúc lâu, cô nhấc hai tay lên và chậm chậm trằm mình xuống nước. Tôi đợi cô nổi lên, nhưng nhiều giây trôi qua; cuối cùng, cô lại hiện ra ở đầu kia bể bơi, cô đã bơi qua nó ở dưới mặt nước, bình thản giống hệt như tôi đã từng như vậy khi qua sông Volga. Tôi thả lỏng người trên chiếc ghế dài và nhắm mắt lại, tập trung vào cảm giác về thứ nước trộn mùi clo đang chậm chậm bốc hơi trên lớp da. Nỗi hoang mang của tôi, trong ngày hôm đó, rất chậm rãi trong việc nói bỏ cái ôm siết ngạt thở của nó. Tuy vậy, Chủ nhật sau đó, tôi vẫn quay trở lại bể bơi cùng Thomas.

Trong khoảng thời gian đó, tôi lại được Reichsführer triệu tập lên. Ông ta yêu cầu tôi giải thích chúng tôi đã có được kết quả bằng cách nào; tôi bắt đầu bằng một giải thích cặn kẽ, bởi vì trong đó có những chi tiết kỹ thuật không dễ tổng hợp; ông ta để tôi nói, vẻ lạnh lùng ít niềm nở, và khi tôi đã nói xong ông ta hỏi tôi một cách khô khốc: "Thế còn *Reichsicherheitshauptamt*?" – "Chuyên gia của họ đã nhất trí về nguyên tắc, thưa Reichsführer. Họ vẫn đợi sự xác nhận của Gruppenführer Müller." – "Cần phải chú ý, Sturmbannführer, rất chú ý," ông ta dần từng tiếng một với cái giọng mang tính mô phạm nhất của mình. Một cuộc nổi loạn Do Thái mới, tôi đã biết, vừa nổ ra ở GG, lần này là Sobibor; lại thêm một lần nữa, nhiều SS bị giết, và mặc cho một cuộc truy tìm gắt gao, phần lớn những kẻ trốn chạy đã không bị bắt lại; thế nhưng, đó lại là các *Geheimnisträger*, các nhân chứng của những chiến dịch diệt trừ: nếu chúng gặp được bọn du kích vùng Pripet, sẽ có rất nhiều khả năng sau đó chúng sẽ được chuyển sang tay bọn Bôn-sê-vich. Tôi hiểu được sự lo lắng của Reichsführer, nhưng ông ta cần phải quyết định. "Tôi tin là anh

đã gặp Reichsminister Speer đúng không?" đột nhiên ông ta hỏi. – "Vâng, thưa Reichsführer. Tôi đã được tiến sĩ Mandelbrod giới thiệu." – "Anh đã nói cho ông ấy về dự án của anh chứ?" – "Tôi không đi vào các chi tiết, thưa Reichsführer. Nhưng ông ấy biết là chúng tôi đang làm việc để cải thiện tình trạng sức khỏe của các *Häftling*." – "Thế ông ấy nói gì?" – "Có vẻ như là ông ấy hài lòng, thưa Reichsführer." Ông ta lật giở vài tờ giấy trên bàn làm việc của mình: "Tiến sĩ Mandelbrod đã viết cho tôi một bức thư. Ông ấy nói với tôi rằng có vẻ như Reichsminister đánh giá cao anh. Có phải đúng thế không?" – "Tôi không rõ lắm, thưa Reichsführer." – "Tiến sĩ Mandelbrod và Herr Leland muốn tôi tiếp cận Speer bằng mọi giá. Về nguyên tắc, đó không phải là một ý kiến dở, bởi vì chúng tôi có những lợi ích chung. Tất cả mọi người vẫn luôn nghĩ rằng Speer và tôi có xung đột với nhau. Nhưng hoàn toàn không phải là như vậy. Ngay từ năm 1937, tôi đã thành lập Dest và thiết lập các trại cho riêng ông ấy, để cung cấp cho ông ấy nguyên vật liệu xây dựng, gạch và đá granit cho thủ đô mới mà ông ấy sẽ xây cho Führer. Thời đó, cả nước Đức chỉ có thể cung cấp cho ông ta được 4% nhu cầu về granit. Ông ấy rất hài lòng về sự giúp đỡ của tôi và rất vui về được cộng tác. Nhưng, dĩ nhiên, cần phải đề phòng ông ấy. Đó không phải là một người theo lý tưởng và ông ấy không hiểu được SS. Tôi đã muốn phong ông ta làm một trong các Gruppenführer của tôi nhưng ông ấy từ chối. Hồi năm ngoái, ông ấy đã tự cho phép mình chỉ trích cách tổ chức công việc của chúng ta với Führer: ông ta muốn các trại của chúng ta cũng có thể bị xét xử. Đến nay vẫn vậy, ông ấy vẫn mơ đến một quyền được nhìn ngó vào cách vận hành nội bộ của chúng ta. Tuy nhiên, việc hợp tác với ông ấy vẫn rất quan trọng. Anh đã hỏi ý kiến bộ của ông ấy trong quá trình chuẩn bị dự án của anh chưa?" – "Rồi, thưa Reichsführer. Một trong các viên chức của ông ấy đã đến trình bày một buổi trước chúng tôi." Reichsführer chậm rãi gật đầu: "Tốt, tốt..." Rồi có vẻ như ông ta đã quyết định xong: "Chúng ta không có nhiều thời gian để mất đầu. Tôi sẽ nói với Pohl rằng tôi

thông qua dự án. Anh sẽ gửi luôn một bản sao cho Reichsminister Speer, gửi trực tiếp ấy, kèm với một bức thư cá nhân mà anh ký tên, nhắc lại với ông ấy cuộc gặp giữa hai người và lưu ý ông ấy rằng dự án sẽ được triển khai. Và tất nhiên là cũng gửi thêm một bản sao cho tiến sĩ Mandelbrod nữa.” – “*Zu Befehl*, thưa Reichsführer. Thế còn với các nhân công nước ngoài, ngài muốn tôi làm gì?” – “Lúc này thì chưa có gì. Nghiên cứu vấn đề đó đi, dưới góc độ dinh dưỡng và năng suất, nhưng cứ tạm thế đã. Chúng ta sẽ xem mọi việc tiến triển ra sao. Và nếu Speer hoặc một trong các cộng sự của ông ấy liên lạc với anh, thì hãy báo cho Brandt và chiều theo ý họ.”

Tôi thực hiện kỹ lưỡng từng chỉ thị của Reichsführer. Tôi không biết Pohl làm gì với dự án của chúng tôi, cái dự án mà tôi đã tiến hành với biết bao nhiêu là tình yêu như vậy: vài ngày sau, khoảng cuối tháng, ông ta gửi một lệnh mới cho tất cả các KL, ra lệnh cho họ giảm tỉ lệ tử vong và bệnh tật xuống còn 10%, nhưng không hề có chỉ thị cụ thể nào; theo tôi được biết, các khẩu phần của Isenbeck chưa bao giờ được áp dụng. Tuy nhiên tôi nhận được một bức thư khen ngợi hết lời từ Speer, chúc mừng tôi vì việc dự án được thực thi, *bằng chứng cụ thể của sự hợp tác mới được bắt đầu triển khai gần đây của chúng ta*. Ông ta kết thúc như thế này: *Tôi hy vọng sẽ có cơ hội sớm gặp lại anh để thảo luận về các vấn đề này. Thân ái, Speer*. Tôi chuyển bức thư sang cho Brandt. Đầu tháng Mười một, tôi nhận được bức thư thứ hai: Gauleiter của Westmark đã viết cho Speer để đòi rút ngay lập tức năm trăm nhân công Do Thái do SS chuyển sang một nhà máy sản xuất vũ khí ở Lorraine: *Nhờ công sức của tôi, vùng Lorraine đã được Judenfrei và sẽ vẫn như vậy*, viên Gauleiter viết. Speer nhờ tôi chuyển thư đó cho cơ quan hữu trách để giải quyết vấn đề. Tôi hỏi ý kiến Brandt; vài ngày sau, ông ta gửi cho tôi một tin nhắn nội bộ, yêu cầu tôi tự trả lời cho viên Gauleiter, nhân danh Reichsführer, và ý là từ chối. *Giọng: lạnh lùng*, Brandt viết. Tôi vui sướng bắt tay ngay vào việc:

Đồng chí đảng viên Bürckel thân mến!

Đề nghị của ông không hợp lý và không thể được chấp nhận. Vào giờ phút khó khăn của nước Đức này, Reichsführer phải lo sao cho có thể sử dụng ở mức độ tối đa lực lượng lao động của những kẻ thù của Quốc gia chúng ta. Những quyết định bổ nhiệm nhân công được đưa ra sau khi tham khảo ý kiến của RMfRuK, hiện nay là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xử lý vấn đề này. Vì lúc này lệnh cấm sử dụng người lao động là tù nhân Do Thái hiện hành chỉ liên quan đến Altreich và Áo, tôi không thể tránh được cảm giác rằng đề nghị của ông chủ yếu xuất phát từ mong muốn riêng trong việc đảm bảo rằng mình được hỏi ý kiến trong khuôn khổ quy định chung về vấn đề Do Thái.

Heil Hitler! Trân trọng, vân vân và vân vân.

Tôi gửi một bản cho Speer, ông ta cho người cảm ơn tôi. Dần dần, chuyện đó lặp lại: Speer cho gửi sang chỗ tôi những lời yêu cầu và đề nghị gây bức mình, và tôi nhân danh Reichsführer mà trả lời chúng; với những trường hợp phức tạp hơn, tôi dẫn chiếu đến SD, thông qua những mối quen biết nhiều hơn là qua con đường chính thức, để đẩy nhanh tiến độ mọi việc. Và tôi cũng gặp lại Ohlendorf, người mời tôi đến nhà ăn tối, và lao vào một cuộc độc thoại dài đả phá hệ thống tự quản lý công nghiệp được Speer thiết lập, mà ông ta cho là giống với một sự hoán vị giản đơn đối với các quyền lực của Nhà nước bởi các nhà tư bản không có chút trách nhiệm nào với cộng đồng. Nếu Reichsführer thông qua nó, theo ông ta, thì có nghĩa là ông ấy không hiểu gì về kinh tế học, và ngoài ra ông ấy còn bị ảnh hưởng bởi Pohl, bản thân ông ta chỉ là một tay tư bản bị ám ảnh bởi sự bành trướng của đế chế công nghiệp SS. Nói thật lòng, cả tôi cũng không hiểu nhiều điều về kinh tế học, và ngay cả những lập luận đanh thép của Ohlendorf trên lĩnh vực này thì cũng vậy thôi. Nhưng lúc nào nghe ông ta nói cũng là một sự sung sướng lớn: sự thẳng thắn và trung thực trí thức của ông ta có tác dụng giải khát giống như một cốc nước

lạnh, và ông ta có lý khi nhấn mạnh rằng chiến tranh đã tạo ra hoặc nhấn mạnh thêm nhiều sự chênh hướng; sau đó, sẽ lại phải cải tổ cơ cấu của Nhà nước theo chiều sâu.

Tôi bắt đầu có lại được sự vui thú đối với cuộc sống bên ngoài phạm vi công việc: có thể là do những tác động của thể thao, có thể là cái gì đó khác, tôi cũng không biết nữa. Một hôm, tôi nhận ra rằng từ lâu nay Frau Gutknecht đã trở nên không thể chịu đựng nổi; ngày hôm sau, tôi bắt đầu tìm kiếm một căn hộ khác. Cũng hơi khó khăn, nhưng cuối cùng Thomas cũng giúp tôi tìm ra: một căn hộ nhỏ có đồ đạc cho người độc thân, ở tầng trên cùng của một tòa nhà mới xây. Nó thuộc về một viên Hauptsturmführer vừa cưới vợ và được chuyển sang Na Uy. Tôi nhanh chóng thỏa thuận với ông ta về một món tiền thuê vừa phải, và trong một buổi chiều, với sự giúp đỡ của Piontek, và dưới làn đạn những tiếng la hét và rền rĩ của Frau Gutknecht, tôi đã chuyển sang đó số đồ đạc ít ỏi của mình. Căn hộ này không lớn lắm: hai phòng hình vuông cách nhau bởi một cửa đôi, một bếp nhỏ và một phòng tắm; nhưng cũng có một ban công nữa, và vì phòng khách nằm ở góc tòa nhà, nên các cửa sổ mở ra ở hai bên; ban công nhìn xuống một công viên nhỏ, tôi có thể nhìn thấy bọn trẻ con chơi đùa, và rồi lại yên tĩnh, tôi không bị tiếng ồn của xe ô tô làm phiền; từ các cửa sổ, tôi có thể nhìn được một khung cảnh đẹp tạo thành từ những mái nhà, một sự chằng chịt những hình dáng trông rất thích mắt, liên tục thay đổi theo thời điểm và ánh sáng. Những ngày đẹp trời, căn hộ được chiếu sáng suốt cả ngày: Chủ nhật, tôi nhìn thấy mặt trời lên từ phòng ngủ, và mặt trời lặn từ phòng khách. Để chiếu sáng thêm nữa, sau khi được sự cho phép của người chủ nhà tôi cho giặt đóng giấy dán tường cũ màu nhạt và sơn tường màu trắng; ở Berlin, điều đó không thường thấy lắm, nhưng tôi đã biết những căn hộ giống như vậy ở Paris, và rất thích, với sàn nhà trông nó gần như có tính chất khổ hạnh, điều này rất thích hợp với tâm trạng của tôi: nằm yên tĩnh hút thuốc trên cái divăng, tôi tự hỏi đi tự hỏi lại tại sao mình chưa bao giờ nghĩ đến chuyện chuyển nhà sớm hơn. Buổi sáng, tôi dậy sớm,

trước khi mặt trời lên, ăn vài cái bánh ngọt và uống thứ cà phê đen thực thụ; Thomas đã bỏ công nhờ một người quen gửi từ Hà Lan sang, và anh bán lại cho tôi một phần. Để đi làm tôi sử dụng tramway. Tôi thích nhìn thấy phố phường chạy lướt qua, ngắm nhìn gương mặt những người ngồi cạnh trong ánh sáng ban ngày, buồn bã, khép kín, hờ hững, mệt mỏi, nhưng thỉnh thoảng cũng hạnh phúc đến đáng kinh ngạc, và nếu các người chú ý, các người sẽ thấy là rất hiếm khi có một khuôn mặt hạnh phúc ở trên phố hoặc trong một toa tramway, nhưng khi xảy ra điều đó, thì tôi cũng thấy hạnh phúc, tôi cảm thấy mình đang tái hòa nhập xã hội loài người, những con người mà tôi làm việc để phục vụ nhưng lại bị tách xa đến vậy. Nhiều ngày liền, trên tramway, tôi nhìn thấy một người phụ nữ đẹp tóc vàng đi cùng tuyến đường với tôi. Cô có một khuôn mặt bình lặng và nghiêm trang, mà trước hết tôi để ý đến cái miệng, nhất là môi trên, hai vành môi dày dặn và đầy tính gây hấn. Cảm thấy cái nhìn của tôi, cô cũng nhìn lại: dưới hàng lông mày hình vòng cung cao và mảnh, cô có một cặp mắt sẫm màu, gần như là đen, không đối xứng và trông giống kiểu Assyrie (nhưng hẳn là so sánh cuối cùng này chỉ xuất hiện trong tâm trí tôi do âm điệu của từ đó). Cô đứng, tay nắm lấy một sợi dây đai, và hướng vào tôi một cái nhìn bình thản, nghiêm túc. Tôi có cảm giác từng gặp cô ở đâu đó, nếu không thì ít nhất cũng là cái nhìn của cô, nhưng không thể nhớ ra được là ở đâu. Ngày hôm sau, cô bắt chuyện với tôi: "Xin chào. Ông không nhớ tôi rồi, cô nói thêm, nhưng chúng ta đã từng gặp nhau. Ở bể bơi." Đó chính là cô gái trẻ dựa người vào thành bể bơi. Không phải hôm nào tôi cũng nhìn thấy cô; khi nhìn thấy cô, tôi chào hỏi một cách thân thiện, và cô dịu dàng mỉm cười. Buổi tối, tôi ra khỏi nhà nhiều hơn: tôi đi ăn tối cùng Hohenegg, mà tôi đã giới thiệu với Thomas, tôi gặp lại nhiều bạn cũ ở đại học, tôi nhận lời mời đến những bữa ăn và tiệc tùng nhỏ nơi tôi uống rượu và nói chuyện một cách vui vẻ, không hoảng hốt, không hoang mang. Đó là cuộc sống bình thường, cuộc sống hàng ngày, và dù sao, chỉ riêng điều đó thôi cũng đã xứng đáng để người ta sống trên đời rồi.

Không lâu sau bữa tối của tôi với Ohlendorf, tôi nhận được một lời mời của tiến sĩ Mandelbrod đến ở cả cuối tuần tại một trang viên nông thôn thuộc về một trong những giám đốc của IG Farben, ở phía Bắc Brandenburg. Lá thư nói rõ rằng sẽ có một cuộc đi săn và một bữa tối không chính thức. Tiêu diệt các loại động vật bay được không mấy quyến rũ tôi, nhưng tôi không buộc phải bắn, tôi có thể chỉ đơn giản là bước đi trong những khu rừng. Thời tiết nặng khí mưa: Berlin chìm sâu vào mùa thu, những ngày đẹp trời tháng Mười đã kết thúc, cây cối đã trút xong lá; tuy vậy, thỉnh thoảng, trời bỗng sáng lên, người ta có thể ra khỏi nhà, hưởng cái bầu không khí đã bắt đầu trở lạnh. Ngày 18 tháng Mười một, vào giờ ăn tối, tiếng còi báo động rú và Flak bắt đầu gào lên, lần đầu tiên kể từ cuối tháng Tám. Tôi đang ở quán ăn cùng mấy người bạn, trong đó có Thomas, chúng tôi vừa từ buổi tập đấu kiếm ra, phải xuống hầm, thậm chí còn chưa kịp ăn; báo động kéo dài hai tiếng, nhưng người ta phục vụ chúng tôi rượu vang, và thời gian trôi qua trong những câu nói đùa. Cuộc oanh tạc gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho khu trung tâm thành phố; người Anh đã gửi đến hơn bốn trăm máy bay: họ đã quyết định thách thức các chiến thuật mới của chúng tôi. Chuyện đó xảy ra vào tối thứ Năm; sáng thứ Bảy, tôi bảo Piontek lái xe chở mình đi về hướng Prenzlau, đến ngôi làng mà Mandelbrod đã chỉ. Ngôi nhà nằm cách đó vài cây số, ở tận cùng một lối đi dài hai bên toàn những cây sồi già nhưng thiếu mất một đoạn dài, do các chứng bệnh hoặc giông bão; đó là một ngôi nhà cổ, do viên giám đốc đó mua lại, bên cạnh một khu rừng tạp được trồng chủ yếu thông lẫn với sồi và thích, và bao quanh là một khu thoáng đãng rồi, xa hơn một chút, những cánh đồng lớn vắng người và lầy lội. Trời đã đổ mưa trên suốt đường đi, nhưng bầu trời, bị một cơn gió lạnh buốt tràn xuống từ phía Bắc dồn đuổi, đã sáng lên. Trên lớp sỏi, trước bậc thềm, nhiều chiếc xe ô tô hòm đỗ cạnh nhau, và một người tài xế mặc đồng phục đang lau bùn trên những thanh padosôc. Tôi được Herr Leland đón tiếp trên mấy bậc cầu thang; ngày hôm đó ông ta có một dáng vẻ rất nhà binh,

mặc cho chiếc áo veston len nâu: chủ nhà đi vắng, ông ta giải thích với tôi, nhưng đã cho họ mượn lại nhà; buổi tối Mandelbrod mới đến, sau cuộc đi săn. Theo lời khuyên của ông ta, tôi bảo Piontek về Berlin trước: khách khứa sẽ về cùng nhau, chắc chắn là sẽ còn chỗ trên một trong những chiếc ô-tô kia. Một cô phục vụ mặc đồng phục màu đen, với một cái tạp dề trắng, chỉ phòng cho tôi. Một ngọn lửa đang cháy tí tách trong lò sưởi; bên ngoài, trời bắt đầu nhẹ nhàng mưa trở lại. Như lời mời đã gợi ý, tôi không mặc quân phục mà mặc đồ đi dã ngoại, một cái quần ngắn bằng len, đi bốt và mặc một cái áo vest kiểu Áo không có cổ, khuy cài bằng xương, được làm để có thể mặc khi trời mưa; cho buổi tối, tôi đã mang theo một bộ com-lê dạ hội mà tôi đã mở ra, chải lại, và treo vào trong tủ quần áo trước khi đi xuống nhà. Ở phòng khách, nhiều vị khách đang uống trà hoặc nói chuyện với Leland; Speer, ngồi trước một cửa sổ, nhận ra tôi ngay và đứng dậy cùng với một nụ cười thân thiện để đến bắt tay tôi. "Sturmbannführer, thật vui vì được gặp lại anh. Herr Leland đã nói với tôi là anh sẽ đến. Đến đây, tôi sẽ giới thiệu anh với vợ tôi." Margret Speer đang ngồi gần lò sưởi cùng với một người đàn bà khác, tên là Frau von Wrede, vợ một vị tướng cũng sẽ đến đây; đến trước họ, tôi rập gót chân và chào theo lối Đức, Frau von Wrede đáp lại theo kiểu tương tự; Frau Speer thì chỉ chìa cho tôi một bàn tay đeo găng, thanh mảnh: "Rất hân hạnh, Sturmbannführer. Tôi đã nghe nói về anh: chồng tôi nói rằng với ông ấy anh là một sự hỗ trợ lớn, ở bên SS." – "Tôi chỉ làm những gì có thể thôi, meine Dame." Đó là một người đàn bà dong dong, tóc vàng, có một vẻ đẹp đậm chất miền Bắc, với một quai hàm vuông mạnh khỏe và đôi mắt xanh rất sáng dưới hàng lông mày vàng hoe; nhưng bà ta có vẻ mệt mỏi và điều đó khiến nước da có phần vàng vọt. Người ta rót trà cho tôi và tôi nói chuyện một lúc với bà ta trong khi ông chồng đến chỗ Leland. "Các con bà không đến cùng à?" tôi lịch sự hỏi bà ta. – "Ồ! Nếu tôi mang theo chúng thì làm sao mà nghỉ ngơi được nữa. Chúng ở lại Berlin rồi. Tôi đã phải rất khó khăn mới lôi được Albert rời khỏi bộ của ông ấy rồi, và được một lần mà ông ấy nhận lời như thế này,

thì tôi không muốn ông ấy bị làm phiền. Ông ấy đang rất cần được nghỉ." Cuộc nói chuyện xoay sang Stalingrad, vì Frau Speer biết rằng tôi từ đó trở về; Fran von Wrede, đã mất một người anh họ ở đó, một viên Generalmajor chỉ huy một sư đoàn và chắc giờ đang nằm trong tay bọn Đỏ: "Hắn là phải kinh khủng lắm!" Đúng, tôi xác nhận, đúng là rất kinh khủng; vì lịch sử mà tôi không nói thêm rằng tuy vậy hắn là với một ông tướng chỉ huy sư đoàn nó cũng đỡ kinh khủng hơn là với một người lính chiến đấu như là người em trai của Speer, người, nếu vẫn còn sống vì một điều kỳ diệu nào đó, chắc sẽ không được hưởng một sự đối xử ưu tiên mà bên Bôn-sê-ích, những kẻ quá ít công bằng trong chuyện đó, dành cho những sĩ quan cấp cao theo tin tức của chúng tôi. "Albert đã rất đau đớn vì mất đi đứa em trai, Margret Speer mơ màng nói. Ông ấy không tỏ ra đau, nhưng tôi biết. Ông ấy đã lấy tên cậu ấy đặt cho đứa mới sinh của chúng tôi."

Dần dần, người ta giới thiệu tôi với những người khách khác: các nhà công nghiệp, các sĩ quan cao cấp của Wehrmacht hoặc của Luftwaffe, một đồng nghiệp của Speer, các công chức cao cấp khác. Tôi là thành viên SS duy nhất và cũng là người có cấp bậc thấp nhất trong số những người có mặt ở đây; nhưng có vẻ như không ai để ý đến điều này, và Herr Leland giới thiệu tôi là "tiến sĩ Aue", thỉnh thoảng còn nói thêm rằng tôi đang đảm nhiệm "những công việc quan trọng bên cạnh Reichsführer-SS"; do vậy, người ta đối xử với tôi vô cùng thân mật, và sự căng thẳng của tôi, lúc đầu khá lớn, dần giảm đi. Quãng giữa trưa, người ta phục vụ chúng tôi bánh sandwich, patê gan ngỗng và bia. "Một bữa ăn nhẹ, Leland tuyên bố, để các ngài không cảm thấy mệt." Cuộc đi săn bắt đầu sau đó; người ta rót cà phê cho chúng tôi, rồi mỗi người nhận một cái túi dết, sôcôla Thụy Sĩ và một chai rượu brandy nhỏ, dẹt. Trời đã ngừng mưa, có vẻ như một làn ánh sáng yếu ớt đã xuyên thủng được sự u ám; theo một vị tướng nói rằng mình rất thạo việc này, đây là một thời tiết lý tưởng. Chúng tôi đi săn gà gô đen lớn, có vẻ như là một cái gì đó rất hiếm có ở Đức. "Ngôi nhà này sau chiến tranh đã được một tên Do Thái mua lại,

Leland giải thích cho những người khách của mình. Hắn muốn tạo cho mình dáng vẻ của một vị lãnh chúa lớn và đã cho mang gà gô đen từ Thụy Điển sang. Khu rừng rất thích hợp và người chủ hiện hạn chế rất chặt chẽ việc săn bắn." Tôi không biết gì cả, và không hề có ý định học tập; tuy nhiên, vì lịch sự tôi vẫn đi theo những người đi săn thay vì một mình rẽ sang một lối khác. Leland tập trung chúng tôi lại trên thềm nhà và các gia nhân đưa súng, đạn và chó cho chúng tôi. Vì muốn săn được gà gô đen lớn người ta chỉ có thể đi một mình hoặc đi thành từng cặp, chúng tôi sẽ được chia ra thành những nhóm nhỏ; để tránh các tai nạn, mỗi người sẽ chỉ loanh quanh ở một khu vực trong rừng, và sẽ không được đi ra ngoài; ngoài ra, từng nhóm một sẽ xuất phát cách nhau từng khoảng thời gian đều đặn. Viên tướng thích săn bắn đi đầu tiên, một mình với một con chó, rồi sau ông ta là vài cặp. Margret Speer, trước sự kinh ngạc của tôi, cũng nhập vào nhóm và cũng cầm lấy một khẩu súng; bà ta lên đường cùng với đồng nghiệp của chồng mình, Hettlage. Leland quay sang tôi: "Max, anh đi cùng Reichminister được không? Đi đường kia kìa. Tôi sẽ đi cùng Herr Ströhnlein." Tôi dang hay tay ra: "Nếu ông muốn vậy." Speer, khẩu súng trường đã kẹp dưới nách, mỉm cười với tôi: "Ý tưởng hay đấy! Đi thôi." Chúng tôi đi qua khu vườn về phía khu rừng. Speer mặc một cái áo vest kiểu Bayern bằng da, vạt áo tròn, và đội một cái mũ; tôi cũng đã mượn được các thứ đồ. Ở bìa rừng, Speer nạp đạn khẩu súng của mình, đó là một khẩu súng trường hai nòng. Tôi vẫn để súng của mình trên vai, không nạp đạn. Con chó mà người ta đã giao cho chúng tôi ve vẩy đuôi, ngồi xuống ở bìa rừng, lưỡi thè dài ra. "Anh đã bao giờ săn gà gô đen lớn chưa?" Speer hỏi tôi. – "Chưa, Herr Reichsminister. Đúng ra là tôi không săn bắn bao giờ. Nếu ngài không thấy phiền thì tôi sẽ chỉ đi theo ngài thôi." Ông ta tỏ vẻ ngạc nhiên: "Nếu anh muốn thế." Ông ta chỉ vào khu rừng: "Nếu tôi hiểu đúng, chúng ta sẽ phải đi bộ một cây số cho đến một dòng suối và lội qua đó. Tất cả những gì nằm ở bên đó, cho đến bìa rừng bên kia, đều thuộc về chúng ta. Herr Leland sẽ ở lại bờ bên này." Ông ta đi vào tán rừng thấp.

Rừng khá rậm, phải đi vòng quanh các bụi cây, không thể đi thẳng được; những giọt nước chảy từ lá cây xuống và rơi xuống mũ hoặc tay chúng tôi; trên mặt đất, những chiếc lá vàng, ướt đẫm, tỏa ra một thứ mùi đất mùn nặng nề, rất đẹp, phong phú và sống động, nhưng lại gọi cho tôi nhớ đến những kỷ niệm bất hạnh. Một đợt cảm giác cay đắng xâm chiếm lấy tôi: Đây chính là điều mà họ đã gây ra cho mình, tôi tự nhủ, một người không thể nhìn thấy một khu rừng mà không nghĩ đến một cái hố chôn người tập thể. Một cành cây gãy vụn dưới đế giày của tôi. "Thật đáng ngạc nhiên vì anh lại không thích đi săn," Speer bình luận. Đang chìm đắm trong những suy nghĩ, tôi buột miệng trả lời: "Tôi không thích giết chóc, Herr Reichsminister." Ông ta nhìn tôi vẻ kinh ngạc, và tôi nói rõ hơn: "Thỉnh thoảng rất cần phải giết vì nghĩa vụ, Herr Reichsminister. Giết vì thích thú thì lại là một chuyện khác." Ông ta mỉm cười: "Tôi thì, ờ Chúa, tôi lại chỉ giết chóc vì thích thú. Tôi chưa bao giờ biết đến chiến tranh cả." Chúng tôi im lặng bước đi thêm một đoạn nữa, trong tiếng cành cây gãy và tiếng dòng nước chảy, mềm mại và kín đáo. "Anh đã làm gì ở Nga, Sturmbannführer? Speer hỏi. Anh phục vụ trong Waffen-SS à?" – "Không, Herr Reichsminister. Tôi ở SD. Những công việc liên quan đến an ninh." – "Tôi hiểu rồi." Ông ta do dự. Rồi ông ta nói bằng một giọng ung dung, xa cách: "Người ta nghe được rất nhiều lời đồn đại về số phận bọn Do Thái ở phía Đông. Hẳn là anh phải biết điều gì đó phải không?" – "Tôi biết những tin đồn, Herr Reichsminister. SD thu thập chúng và tôi đã đọc các báo cáo. Có đủ các loại nguồn khác nhau." – "Chắc là anh có một ý tưởng về sự thật, khi ở vào vị trí đó." Thật lạ lùng, ông ta không hề ám chỉ gì đến bài diễn văn ở Posen của Reichsführer (khi đó tôi vẫn tin rằng ông ta có dự, nhưng cũng có thể quả thực là ông ta đã đi khỏi từ trước). Tôi lịch sự trả lời: "Herr Reichsminister, tôi buộc phải giữ bí mật về rất nhiều công việc của tôi. Tôi nghĩ là ngài có thể hiểu được. Nếu ngài thực sự muốn có những thông tin chính xác, liệu tôi có thể gợi ý ngài hỏi Reichsführer hoặc Standartenführer Brandt được không? Tôi chắc chắn rằng họ sẽ

sung sướng được chuyển tới ngài một báo cáo chi tiết." Chúng tôi đã đến dòng suối: con chó vui sướng lội bì bõm dưới làn nước không mấy sâu. "Đây rồi," Speer nói. Ông ta chỉ một khu vực lõm xuống, cách đó không xa: "Anh thấy không, ở đó, khoảng trống đó, cánh rừng thay đổi. Có nhiều thông và ít bụi rậm hơn, và có nhiều cây thấp có quả. Đó là nơi lý tưởng để rình lũ gà gô đen. Nếu anh không bắn thì lùi ra sau lưng tôi đi." Chúng tôi đi từng bước dài lội qua dòng suối; đến phía trên khoảng hõm xuống, Speer lắp khẩu súng mà cho đến khi đó ông ta còn để gập làm đôi kẹp dưới nách, và giương nó lên. Rồi ông ta bắt đầu tiến lên, từng bước rình mò. Con chó ở gần ông ta, cái đuôi dựng đứng lên. Sau vài phút tôi nghe thấy một tiếng động mạnh và nhìn thấy một hình dáng to lớn màu nâu chạy luồn lách giữa đám cây; cùng lúc đó, Speer bắn, nhưng hẳn là ông ta bắn trượt vì qua tiếng súng nổ tôi vẫn nghe thấy tiếng đập cánh. Một làn khói dày và mùi hắc của thuốc súng tràn ngập tán rừng. Speer không hạ khẩu súng xuống ngay; nhưng giờ đây tất cả đã trở nên yên ắng. Lại có tiếng đập cánh mạnh giữa những cành cây ẩm ướt, nhưng Speer không bắn; tôi cũng không nhìn thấy gì cả. Con chim thứ ba bay lên ngay trước mũi chúng tôi, tôi nhìn thấy nó rất rõ, nó có đôi cánh khá dày, một cái cổ với những cái lông phồng lên, và chạy ngoằn ngoèo giữa những cái cây với một sự khéo léo đáng kinh ngạc nếu nhìn vào thân hình to lớn của nó, vừa rẽ sang hướng khác vừa tăng tốc độ; Speer bắn, nhưng con chim quá nhanh, phát đạn không có đủ thời gian để xuyên qua người nó. Ông ta tháo khẩu súng, vút mấy vỏ đạn đi, thổi phù phù để bạt bớt lớp khói, và rút hai viên đạn từ túi áo vest của mình ra. "Săn gà gô đen rất khó, ông ta bình luận. Chính vì vậy mà việc đó rất thú vị. Cần phải chọn súng rất cẩn thận. Khẩu này cân, nhưng hơi quá dài so với sở thích của tôi." Ông ta mỉm cười nhìn tôi: "Vào mùa xuân thì đẹp lắm, trong mùa giao cấu ấy. Những con trống lên con đực tình, chúng tập hợp lại trong những khoảng rừng thưa để điểu đi điểu lại và hát, phô bày đủ loại màu sắc khác nhau. Bọn gà cái thì có màu rất thẫm, lúc nào cũng thế cả." Ông ta lắp đạn xong và lại

nâng súng lên trước khi tiếp tục đi. Tại những nơi cây cối rậm rạp, ông ta dùng nòng khẩu súng rẽ lấy một lối đi giữa đám cành cây, không bao giờ hạ nó xuống. Khi phát hiện một con chim khác ở ngay phía trước, ông ta bắn ngay lập tức; tôi nghe thấy tiếng con chim quần quai và cùng lúc con chó nhảy vọt lên rồi biến mất vào đám cây. Một lúc sau nó xuất hiện trở lại, con chim ngậm trong mõm, đầu ngoẹo sang một bên. Nó đặt con chim xuống dưới chân Speer và ông ta nhét nó vào trong túi dệt. Một lúc sau, chúng tôi đi ra một đoạn rừng thoáng, mọc đầy những túm cỏ vàng ệch và dẫn ra một cánh đồng. Speer rút thanh sôcôla của mình ra: "Anh muốn ăn không?" – "Không, cảm ơn. Ông có thấy phiền không nếu tôi tranh thủ hút một điếu thuốc?" – "Không hề. Đây là một nơi rất tốt để nghỉ một chút." Ông ta gấp khẩu súng lại, đặt nó xuống, và ngồi dưới một gốc cây, nhấm nháp sôcôla. Tôi uống một ngụm brandy, chìa cái chai cho ông ta, và châm một điếu thuốc. Cỏ, dưới móng tôi, làm ướt cái quần dài, nhưng tôi không mấy quan tâm: mũ để trên đầu gối, tôi ngả đầu lên lớp vỏ cứng của cây thông mà tôi đang dựa lưng, và ngắm nhìn bề mặt cỏ yên tĩnh cùng cánh rừng yên ắng. "Anh biết đấy, Speer mở lời, tôi hoàn toàn hiểu các quy tắc về an ninh. Nhưng, càng ngày chúng càng ở vào thế xung đột với các nhu cầu của ngành công nghiệp phục vụ chiến tranh. Quá nhiều nhân công tiềm năng không được dùng đến." Tôi thở ra một hơi khói trước khi trả lời: "Có thể là như vậy, Herr Reichsminister. Nhưng trong tình hình này, với các khó khăn mà chúng ta gặp phải, tôi nghĩ rằng các xung đột về mức độ ưu tiên là không thể tránh khỏi." – "Tuy vậy cũng vẫn phải giải quyết chúng." – "Chắc chắn rồi. Nhưng xét về tuyệt đối, Herr Reichsminister, Führer là người quyết định, phải không nào? Reichsführer chỉ tuân lệnh các chỉ thị của ngài thôi." Ông ta tiếp tục ăn sôcôla: "Anh không nghĩ rằng ưu tiên, với Führer cũng như với chúng ta, là chiến thắng trong cuộc chiến tranh này à?" – "Chắc chắn rồi, Herr Reichsminister." – "Vậy thì tại sao lại không cung cấp cho chúng tôi những nguồn nhân lực quý báu đó? Tuần nào Wehrmacht cũng đến than phiền với tôi rằng người ta lấy

mất của họ các nhân công Do Thái. Và họ không được mang đi sử dụng ở những chỗ khác, nếu không thì tôi đã biết. Thật là nực cười! Ở Đức, vấn đề Do Thái đã được giải quyết, và ở nơi khác, lúc này thì còn quan trọng gì. Trước tiên chúng ta phải thắng trận đã; sau đó, lúc nào cũng có đủ thời gian để giải quyết các vấn đề khác." Tôi cẩn thận lựa chọn từ ngữ: "Có thể, Herr Reichsminister, rằng một số người tự nhủ rằng nếu chiến tranh mất nhiều thời gian đến vậy để có thể chiến thắng, thì có một số vấn đề cần phải được giải quyết ngay lập tức..." Ông ta quay đầu về phía tôi và nhìn tôi chăm chăm bằng cặp mắt sắc nhọn của mình: "Anh tin vậy à?" – "Tôi không biết. Đó là một khả năng. Liệu tôi có thể hỏi ông Führer đã nói gì khi hai người nói về điều đó không?" Ông ta nhai nhai lưỡi về tư tự: "Führer không bao giờ nói về những chuyện đó. Ít nhất là với tôi." Ông ta đứng dậy và lấy tay phủi quần. "Chúng ta tiếp tục nhé?" Tôi ném điếu thuốc đi, uống thêm một chút brandy và cất chai: "Đi đường nào?" – "Câu hỏi hay đấy. Tôi e là nếu đi sang phía bên kia, chúng ta sẽ rơi trúng một trong những người bạn của chúng ta." Ông ta nhìn về phía cuối đoạn rừng trống, về phía tay phải: "Nếu đi về phía này, chắc sẽ quay lại suối. Sau đó chúng ta sẽ có thể quay ngược trở lại sau." Chúng tôi lại tiếp tục đi, dọc theo bìa rừng; con chó theo sau chúng tôi, cách một quãng ngắn, trong lớp cỏ ướt của cánh đồng. "À, Speer nói, tôi vẫn chưa cảm ơn anh vì những gì anh đã làm. Tôi đánh giá chúng rất cao." – "Rất mừng khi được nghe điều đó, Herr Reichsminister. Tôi hy vọng là chúng sẽ hữu ích. Ngài có hài lòng về sự hợp tác mới với Reichsführer không?" – "Nói thật lòng, Sturmbannführer, tôi đã chờ đợi nhiều hơn từ phía ông ấy. Tôi đã gửi cho ông ấy nhiều báo cáo về các Gauleiter từ chối đóng cửa các xí nghiệp vô tích sự để có thể tập trung sản xuất phục vụ chiến tranh. Nhưng theo những gì tôi thấy được, Reichsführer lại chỉ chuyển các báo cáo đó cho Reichsleiter Bormann. Và tất nhiên là Bormann lúc nào cũng nghĩ rằng các Gauleiter có lý. Có vẻ như Reichsführer chấp nhận điều đó một cách khá thụ động." Chúng tôi đã đi đến cuối khoảnh rừng thưa

và vào trong rừng. Trời lại đổ mưa, một cơn mưa nhẹ, mảnh, làm quần áo chúng tôi ướt một chút. Speer ngừng nói và bước đi với khẩu súng trường giương lên, tập trung vào các lùm cây phía trước mặt mình. Chúng tôi cứ đi như thế trong khoảng nửa giờ, cho đến dòng suối, rồi quay ngược trở lại con đường đã đi theo một đường chéo, trước khi lại quay về phía suối. Thỉnh thoảng, ở phía xa, tôi nghe thấy một tiếng súng nổ đơn độc, một âm thanh trầm đục trong cơn mưa. Speer còn bắn thêm bốn phát và hạ được một con gà gô đen có cái vòng cổ rất đẹp với những chiếc lông có màu phản chiếu kim khí. Lạnh thấu xương, chúng tôi lội lại qua dòng suối và đi về hướng nhà. Trước khi đến khu vườn một đoạn, Speer lại quay sang tôi nói: "Sturmbannführer, tôi có một yêu cầu. Brigadeführer Kammler đang cho xây dựng một cơ sở ngầm dưới đất, ở vùng Harz, để sản xuất tên lửa. Tôi muốn đến thăm chúng, xem công việc tiến triển đến đâu rồi. Anh có thể dàn xếp hộ tôi không?" Bị bất ngờ, tôi đáp: "Tôi không biết, Herr Reichsminister. Tôi chưa bao giờ nghe nói về dự án đó. Nhưng tôi sẽ hỏi xem." Ông ta mỉm cười: "Cách đây vài tháng, Obergruppenführer Pohl đã gửi một lá thư để phàn nàn rằng tôi chưa từng bao giờ đến thăm một trại tập trung nào và rằng tôi đã xây dựng các ý kiến của mình về việc khai thác lao động của tù nhân Do Thái với quá ít thông tin. Tôi sẽ gửi cho anh một bản sao lá thư đó. Nếu người ta gây khó dễ cho anh, anh chỉ cần chia nó ra thôi."

Tôi thấm mệt, nhưng là cái mệt sung sướng kéo dài sau khi luyện tập. Chúng tôi đã bước đi khá lâu. Ở lối vào ngôi nhà, tôi trả lại khẩu súng và cái túi dết, gạt bùn khỏi đôi boots và lên phòng. Ai đó đã để củi vào lò sưởi, mùi rất thơm; tôi cởi những thứ quần áo ướt ra và vào xem phòng tắm liền sát: không chỉ có nước, mà nước còn nóng nữa; tôi thấy đây quả là một điều kỳ diệu, vì ở Berlin rất hiếm nước nóng; hẳn là người chủ nhà đã cho lắp đặt một hệ thống đun nước. Tôi xả nước nóng gần như bỏng giấy đầy bồn và chui vào trong đó; tôi phải nghiêng rống lại vì nóng quá, nhưng khi đã quen, nằm duỗi cả người ra, thì nó lại rất dễ chịu và

sung sướng giống như thứ chất lỏng của màng ối. Tôi nằm trong đó lâu hết mức có thể; khi đi ra, tôi mở to các cửa sổ và trần truồng đứng trước chúng, như người ta vẫn hay làm ở Nga, cho đến khi da dẻ trở nên loang lổ màu đỏ và màu trắng; rồi tôi uống một cốc nước lạnh và nằm sắp xuống giường.

Vào đầu buổi tối, tôi mặc bộ comlê của mình vào, không đeo cà vạt, và xuống nhà. Có ít người trong phòng khách, nhưng tiến sĩ Mandelbrod đã có mặt trong chiếc ghế phôi to lớn của mình trước lò sưởi, dáng nghiêng nghiêng, như thể ông ta chỉ muốn sưởi ấm một bên sườn. Mắt ông ta đang nhắm lại và tôi không định làm phiền. Một trong các nữ trợ lý của ông ta, mặc quân phục chiến dịch nghiêm cẩn, đến bắt tay tôi: "Xin chào, Doktor Aue. Thật vui vì được gặp lại ngài." Tôi nhìn chăm chăm vào mặt cô ta: không ích gì, thực sự là tất cả bọn họ đều rất giống nhau. "Xin lỗi: cô là Hilde hay Hedwig?" Cô ta nở một nụ cười trong vắt như pha lê: "Không phải người này, cũng không phải người kia! Quả thực ông là một nhà nhân diện học quá tồi. Tôi tên là Heide. Chúng ta đã gặp nhau ở văn phòng của tiến sĩ Mandelbrod." Tôi mỉm cười cúi người xuống và xin lỗi cô ta. "Cô không đến sớm để đi săn à?" – "Không. Chúng tôi mới đến nơi thôi." – "Tiếc quá. Tôi hoàn toàn có thể tưởng tượng ra cô với một khẩu súng trường kẹp ở tay. Một nữ thần Artémis của Đức." Cô ta mỉm cười nhìn tôi: "Tôi hy vọng ngài sẽ không đẩy sự so sánh đi quá xa, Doktor Aue." Tôi cảm thấy mặt mình đỏ bừng lên: nhất định là Mandelbrod đã tuyển được những nữ trợ lý rất kỳ lạ. Không phải nghi ngờ gì nữa, cả cô này cũng sẽ đến để yêu cầu tôi làm cho mình có thai. Thật may mắn, Speer vừa kịp xuống đến nơi cùng với vợ. "Ha! Sturmbannführer, ông ta vui vẻ kêu lên. Chúng ta là những thợ săn thật kém cỏi. Margret đã mang về năm con gà, Hettlage thì ba." Frau Speer cười nhẹ: "Ồ! Chắc anh lại bận nói chuyện công việc chứ gì." Speer đến rót trà ở một cái ấm lớn tinh xảo, giống như một cái xamôva của Nga; tôi lấy một cốc cognac. Tiến sĩ Mandelbrod mở mắt ra và gọi Speer, ông ta bèn lại gần để chào. Leland bước vào và đến chỗ họ. Tôi quay lại nói chuyện với

Heide; cô ta được đào tạo rất vững vàng về triết học và giải thích cho tôi theo một cách khá sáng sủa các lý thuyết của Heidegger, mà tôi còn chưa biết nhiều. Những người khách khác lần lượt xuống. Một lúc sau, Leland mời tất cả chúng tôi vào một phòng khác, nơi những con gà bị bắn hạ được đặt trên một cái bàn lớn, thành từng nhóm, giống như một bức tranh tĩnh vật trường phái Flamand. Frau Speer giữ kỷ lục; viên tướng say mê trò đi săn chỉ bắn được một con, và cau có phàn nàn về khu vực cánh rừng mà người ta giao cho ông ta. Tôi nghĩ rằng ít nhất thì chúng tôi cũng sẽ ăn thịt các nạn nhân của cuộc tàn sát này, nhưng không: phải để cho những con vật ôi ra đã, và Leland hứa sẽ gửi chúng cho mọi người khi nào đã sẵn sàng. Tuy nhiên bữa tối rất phong phú và thịnh soạn, có thịt thú rừng ăn cùng các loại nước sốt quả, khoai tây nướng mỡ ngỗng, măng tây và bí non, tất cả kèm với rượu vang Bourgogne loại rất cao cấp. Tôi lại ngồi đối diện với Speer, gần Leland; Mandelbrod ngồi ở đầu bàn. Herr Leland, lần đầu tiên kể từ khi tôi biết ông ta, tỏ ra rất lăm lăm điều: vừa uống hết cốc rượu này đến cốc rượu khác, ông ta vừa nói về hồi còn làm quản lý thuộc địa ở vùng Tây Nam châu Phi. Ông ta đã biết Rhodes, người được ông ta dành cho một sự ngưỡng mộ vô bờ bến, nhưng lại rất mơ hồ khi chuyển sang nói về các thuộc địa Đức. "Một lần, Rhodes nói với tôi: *Nhà thực dân không thể làm điều gì xấu, tất cả những gì anh ta làm đều trở thành đúng. Nghĩa vụ của anh ta là làm những gì anh ta muốn*. Chính cái nguyên tắc này, từng được áp dụng một cách chặt chẽ, đã khiến châu Âu có được các thuộc địa của mình, được thống trị các dân tộc hạ đẳng hơn. Chỉ khi các nền dân chủ bị thoái hóa muốn nhúng mũi vào, để vờ vịt tỏ ra là mình có thiện tâm, những thứ nguyên tắc về đạo đức đầy tính giả dối, thì sự suy đồi mới bắt đầu. Các ông sẽ thấy điều đó: dù cho kết cục của chiến tranh có như thế nào, thì nước Pháp và nước Anh cũng sẽ mất đi các thuộc địa của họ. Những ngón tay của họ đã duỗi ra, họ sẽ không thể nắm lại thành nắm đấm được nữa. Giờ đây, nước Đức chính là người tiếp lấy ngọn đuốc. Năm 1907, tôi đã làm việc với tướng von Trotha. Người

Herero và người Nama đã nổi dậy, nhưng von Trotha là một người hiểu được ý tưởng của Rhodes trong tất cả sức mạnh của nó. Ông ấy đã nói rất thẳng thắn: *Tôi nghiền nát những tộc người nổi dậy bằng những dòng sông máu và những dòng sông tiền. Chỉ sau một cuộc thanh trừng như vậy thì một cái gì đó mới mẻ mới có thể xuất hiện.* Nhưng vào thời kỳ đó nước Đức đã suy yếu rồi, và von Trotha bị triệu về. Tôi vẫn luôn nghĩ rằng đó là một dấu hiệu báo trước cho năm 1918. Thật may mắn, tiến trình các sự việc đã đổi chiều. Ngày nay, nước Đức cao hơn cả thế giới một cái đầu. Thanh niên của chúng ta không sợ hãi điều gì cả. Sự mở rộng của chúng ta là một quá trình không thể chống lại.” – “Tuy nhiên, tướng von Wrede, người đến nơi trước Mandelbrod một chút, nói xen vào, người Nga...” Leland lấy đầu ngón tay đập đập xuống mặt bàn: “Chính xác, bọn Nga. Hiện nay đó là dân tộc duy nhất xứng tầm là đối thủ của chúng ta. Chính vì vậy mà cuộc chiến tranh giữa chúng ta và họ mới khủng khiếp như vậy, tàn khốc đến vậy. Chỉ một trong hai bên có thể sống sót. Những người khác thì khỏi cần phải tính. Các ông có thể tưởng tượng rằng bọn Mèo, với cái thứ corned-beef và chewing-gum của bọn họ, chịu đựng được một phần mười những tổn thất của bọn Nga không? Một phần trăm? Bọn họ sẽ sắp xếp đồ đạc và cuốn xéo về nhà, và mặc kệ châu Âu đến đâu thì đến. Không, điều cần phải làm, đó là chỉ cho người phương Tây thấy rằng một chiến thắng của Bôn-sê-vich sẽ không hề có lợi cho họ, rằng Stalin sẽ chiếm một nửa châu Âu làm chiến lợi phẩm, nếu như không phải là tất cả. Nếu người Anh và người Mỹ giúp chúng ta và kết thúc được với bọn Nga, thì chúng ta sẽ có thể để lại cho bọn họ vài mảnh vụn, hoặc là, khi đã khôi phục lại được lực lượng, chúng ta sẽ nghiền nát bọn họ, một cách bình thản. Hãy nhìn những gì mà *Parteigenosse* Speer của chúng ta đã làm được trong vòng chưa đầy hai năm mà xem! Và đó mới chỉ là khởi đầu. Hãy tưởng tượng rằng nếu chúng ta được rảnh tay, nếu như tất cả các nguồn lực của phía Đông đều nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta. Khi đó thế giới sẽ phải được làm lại theo đúng cách thức.”

Sau bữa tối tôi chơi cờ với Hettlage, cộng sự của Speer. Heide im lặng xem chúng tôi chơi; Hettlage thắng một cách dễ dàng. Tôi lấy một cốc cognac cuối cùng và chuyện gẫu một lúc với Heide. Khách khứa lên phòng đi ngủ. Cuối cùng cô ta đứng dậy, và, cũng theo cách thẳng thắn giống hệt như các đồng nghiệp của mình, nói với tôi: "Bây giờ tôi phải đi giúp tiến sĩ Mandelbrod. Nếu ngài không muốn ngủ một mình, thì phòng tôi nằm cách phòng ngài hai phòng, bên tay trái. Ngài có thể qua uống một cốc, lát nữa ấy." – "Cám ơn, tôi đáp. Tôi sẽ xem sao." Tôi lên phòng, suy nghĩ, cởi quần áo và nằm xuống. Những mẩu củi cuối cùng đang tí tách cháy trong lò sưởi. Nằm ở đó, trong bóng tối, tôi tự hỏi: Tại sao lại không nhỉ? Đó là một phụ nữ đẹp, cô ta có một thân hình tuyệt vời, điều gì ngăn cản mình tận hưởng cái đó? Không hề có gì giống với những quan hệ kéo dài, đó là một lời đề nghị đơn giản và rõ ràng. Và ngay cả khi chỉ có một kinh nghiệm hạn chế về việc đó, thì tôi cũng không ghét bỏ gì cơ thể phụ nữ cả, chắc hẳn là nó sẽ rất dễ chịu nữa, mềm mại và êm ái, hẳn là người ta có thể vùi đầu mình vào đó như vào một cái gối. Nhưng vẫn có lời hứa đó, và nếu không thể làm được một cái gì khác, thì tôi vẫn là một người trọng lời hứa. Chưa phải mọi chuyện đã được giải quyết xong xuôi.

Chủ nhật là một ngày yên tĩnh. Tôi ngủ dậy muộn, đến khoảng chín giờ – thường thì tôi dậy vào lúc năm giờ rưỡi – và đi xuống ăn sáng. Tôi ngồi trước một trong những cửa sổ lớn và lật giở một quyển sách cũ của Pascal, bằng tiếng Pháp, mà tôi tìm thấy trên tủ sách. Cuối buổi sáng, tôi cùng Frau Speer và Frau von Wrede đi dạo trong khu vườn; chồng của Frau von Wrede đang chơi bài với một nhà công nghiệp nổi tiếng vì đã xây dựng đế chế của mình bằng những kế hoạch Aryen hóa khéo léo, viên tướng thợ săn, và Hettlage. Cỏ, vẫn còn ướt, sáng ánh lên, những vũng nước nằm cách từng quãng trên các lối đi trải sỏi và đất nện; không khí ẩm ướt mát mẻ, làm tinh thần phấn chấn, và hơi thở của chúng tôi tạo thành những đám mây nhỏ trước mặt. Bầu trời vẫn mang một màu ghi đồng chất. Đến trưa, tôi uống một tách cà

phê cùng Speer, khi đó vừa xuất hiện. Ông ta nói với tôi một cách chi tiết về vấn đề nhân công nước ngoài và các vấn đề của ông ta với Gauleiter Sauckel; rồi cuộc nói chuyện quay sang trường hợp Ohlendorf, mà có vẻ như Speer coi là một kẻ lãng mạn. Tôi có quá ít khái niệm về kinh tế học để có thể biện hộ cho các lý thuyết của Ohlendorf; Speer lại hăng hái bảo vệ nguyên tắc tự chịu trách nhiệm của nền công nghiệp. "Xét cho cùng thì cũng chỉ có một lập luận: mọi việc tiến triển được. Sau chiến tranh, tiến sĩ Ohlendorf sẽ có thể cải tổ như ông ấy muốn, nếu người ta muốn nghe lời ông ấy; nhưng trong khi chờ đợi, như hôm qua tôi đã nói với anh rồi đấy, phải giành chiến thắng cái đã."

Leland hoặc Mandelbrod, khi tôi tiến lại gần họ, nói chuyện này chuyện kia với tôi, nhưng dường như cả hai đều không có điều gì đặc biệt muốn nói với tôi. Tôi bắt đầu tự hỏi tại sao họ lại mời tôi đến đây: chắc chắn là không phải để tôi có dịp tận hưởng sự kiều diễm của Fräulein Heide rồi. Nhưng khi suy nghĩ thêm về vấn đề đó, vào cuối buổi chiều, trong chiếc xe của nhà von Wrede sẽ đưa tôi về lại Berlin, câu trả lời đột nhiên hiện ra thật rõ ràng: chính là để tôi có quan hệ với Speer, để tôi xích lại gần với ông ta. Và có vẻ như điều này đã có kết quả, Speer, vào thời điểm xuất phát, đã chào tôi một cách rất thân thiết, và đã hứa với tôi rằng chúng tôi sẽ còn gặp lại. Nhưng có một câu hỏi làm tôi không thấy yên tâm: điều đó là để nhằm mục đích gì? Herr Leland và tiến sĩ Mandelbrod muốn *đưa tôi lên* để phục vụ lợi ích của ai? Bởi vì không nghi ngờ gì nữa, đây là một sự thăng tiến được lên chương trình: thường thì các bộ trưởng không bỏ thời gian chuyện gẫu như vậy với các thiếu tá bình thường. Điều này khiến tôi lo lắng, vì tôi chưa có đủ các thông tin để có thể phán đoán về các quan hệ cụ thể giữa Speer, Reichsführer, và hai người bảo trợ của tôi; rõ ràng là những người này đang chơi trò giật dây, nhưng là theo hướng nào, vì lợi ích của ai? Tôi rất muốn chơi; nhưng là trò chơi nào? Nếu đó không phải là trò chơi SS, thì sẽ rất nguy hiểm. Tôi sẽ phải thật kín đáo, thật chú ý; hẳn là tôi đang tham gia một kế hoạch; nếu nó thất bại, người ta sẽ cần đến một kẻ giờ đầu chịu báng.

Tôi biết khá rõ Thomas để có thể biết được điều anh sẽ khuyên tôi mà không cần hỏi: Tự che chắn đi. Sáng thứ Hai, tôi yêu cầu được gặp Brandt, ông ta đồng ý gặp tôi trong ngày. Tôi miêu tả lại cho ông ta đợt nghỉ cuối tuần và báo cáo về những cuộc nói chuyện với Speer, mà tôi đã chép lại những phần chính yếu trong một cuốn sổ nộp cho ông ta. Brandt không có vẻ gì là phản đối. "Vậy là ông ấy đã đề nghị anh đến thăm Dora phải không?" Đó là mật danh của cơ sở sản xuất mà Speer đã nói đến, tên chính thức của nó là *Mittelbrau*, "những công trình trung tâm". "Bộ của ông ấy đã đưa yêu cầu rồi. Chúng tôi vẫn còn chưa trả lời." – "Thế ông nghĩ gì về chuyện này, Herr Standartenführer?" – "Tôi không biết. Reichsführer sẽ quyết định. Nói vậy thôi, anh đã làm rất tốt khi báo cáo lại cho tôi." Ông ta cũng nói một chút về công việc của tôi và tôi trình bày cho ông ta những tổng hợp đầu tiên có thể rút được từ các tài liệu mà tôi đã nghiên cứu. Khi tôi đứng dậy để đi, ông ta nói với tôi: "Tôi nghĩ rằng Reichsführer hài lòng vì cách thức tiến triển của mọi việc. Cứ tiếp tục như vậy đi."

Sau cuộc gặp đó tôi quay về làm việc ở văn phòng. Trời đổ mưa rào, tôi chỉ nhìn thấy mờ mờ cây cối trong Tiergarten qua làn mưa nặng hạt đang đập mạnh xuống những cành cây trụi lá. Khoảng mười bảy giờ, tôi để Fräulein Praxa về; Walser và Obersturmführer Elias, một chuyên gia khác do Brandt gửi đến, đi khỏi vào khoảng mười tám giờ cùng Isenbeck. Một giờ sau, tôi đi gặp Asbach, lúc đó vẫn đang làm việc: "Anh đi không, Untersturmführer? Tôi mời anh uống một cốc." Anh ta nhìn đồng hồ đeo tay: "Ông không nghĩ rằng họ sẽ trở lại à? Sắp đến giờ của chúng rồi." Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ: trời tối đen và vẫn còn mưa một chút. "Anh nghĩ vậy à, với thời tiết như thế này?" Nhưng dưới sảnh người gác cửa chặn chúng tôi lại: "*Luftgefahr* 15, meine Herren," một cuộc không kích lớn đang được chờ đợi. Hẳn là người ta đã phát hiện ra những chiếc máy bay đang trên đường tới đây. Tôi quay sang Asbach và vui vẻ nói với anh ta: "Hóa ra là anh lại có lý. Chúng ta làm gì bây giờ? Cứ đánh liều ra ngoài, hay đợi ở đây?" Asbach có vẻ hơi lo lắng: "Là vì tôi còn vợ..." –

“Theo tôi, anh không có đủ thời gian để về đến nhà đâu. Tôi sẵn sàng cử Piontek đưa anh về, nhưng cậu ấy đi mất rồi.” Tôi suy nghĩ. “Tốt hơn hết là chúng ta ở lại đây chờ đến khi xong chuyện, lúc đó thì anh có thể về. Vợ anh sẽ xuống hầm trú ẩn, sẽ ổn thôi.” Anh ta ngần ngừ: “Nghe này, Herr Sturmbannführer, tôi sẽ gọi điện cho cô ấy. Cô ấy đang có mang, tôi sợ cô ấy sẽ lo lắng.” – “Được rồi. Tôi đợi anh.” Tôi đi ra ngoài bậc thềm và châm một điếu thuốc. Tiếng còi báo động bắt đầu rú lên và những người qua đường trên Königsplatz rảo bước chân chạy đi tìm một nơi trú ẩn. Tôi không thấy lo lắng: khu nhà phụ của bộ này có một boongke tuyệt hảo. Tôi hút hết điếu thuốc khi Flak rú lên và đi vào trong sảnh. Asbach lao xuống từ cầu thang: “Được rồi, cô ấy sang bên nhà mẹ cô ấy. Ngay cạnh thôi.” – “Anh đã mở cửa sổ chưa đấy?” tôi hỏi anh ta. Chúng tôi xuống hầm, một khối bê tông chắc chắn và sáng sủa, với những cái ghế, giường gấp, và những thùng lớn đầy nước. Không có nhiều người: phần lớn các công chức đều về nhà từ sớm, vì những dòng người xếp hàng trước các cửa hàng và những cuộc không kích. Bắt đầu nghe thấy những tiếng nổ từ phía xa. Rồi tôi nghe thấy những tiếng nổ cách đều nhau, rất lớn: mỗi tiếng lại tiến gần hơn một chút, giống như những bước chân to tướng của một người khổng lồ. Sau mỗi quả bom sức ép không khí lại tăng lên, đè nặng lên tai một cách đau đớn. Có một tiếng rền khủng khiếp, ngay gần, tôi cảm thấy tường boongke rung lên. Những cái đèn chao đảo, rồi tắt phụt, khiến cho cả căn hầm chìm trong bóng tối. Một cô gái hét lên vì sợ. Ai đó bật một cái đèn pin, nhiều người khác bật diêm. “Không có cầu dao phụ à?” một giọng khác vang lên, nhưng lời ông ta bị cắt ngang bởi một tiếng nổ đỉnh tai, gạch vữa ào ào rơi xuống từ trần boongke, nhiều người hét lên. Tôi ngửi thấy khói, mùi thuốc súng xộc vào mũi tôi: hẳn là tòa nhà đã bị đánh trúng. Những tiếng nổ xa dần; qua tiếng lũng bùng trong tai, tôi chỉ mơ hồ nghe thấy tiếng gầm rú của những chiếc máy bay. Một người phụ nữ đang khóc; một giọng đàn ông chửi rủa; tôi quẹt bật lửa và đi về phía cánh cửa bọc thép. Cùng người gác cửa, tôi cố gắng mở nó ra: nó

đã bị nghẽn, chắc là những đồng đồ nát đã chẹn lấy cầu thang. Chúng tôi tập hợp ba người lại dùng vai xô cửa và cuối cùng cũng mở hé được nó, đủ để lách ra ngoài. Những viên gạch chất đồng trong cầu thang; tôi trèo lên tầng trệt, theo sau là một công chức: cánh cửa lớn ở lối vào đã bị thổi bay khỏi hàng bản lề, bắn vào phía trong sảnh; những ngọn lửa đang liếm vào lớp phủ tường nhà và phòng người gác cửa. Tôi chạy lên cầu thang, vào một hành lang chật đầy những cánh cửa bị giật tung và các khung cửa sổ, rồi lên một tầng nữa về phía phòng làm việc của mình: tôi muốn tìm cách lấy lại những thứ tài liệu quan trọng nhất. Hàng tay cầm bằng sắt của các cầu thang đã cong lại: túi áo choàng của tôi móc vào một mẫu kim loại cong queo và bị giật rách. Trên tầng, các phòng làm việc đang cháy và tôi phải gạt đồng đồ nát để lấy đường đi. Trong hành lang, một công chức đang bê một chồng giấy tờ; một người khác chạy đến chỗ chúng tôi, khuôn mặt nhợt nhạt dưới những vệt đen khói hoặc bụi: “Để chúng lại đi! Dây nhà phía Tây đang cháy rồi. Một quả bom đã chui qua mái nhà.” Tôi cứ nghĩ là cuộc tấn công đã kết thúc, nhưng các phi đội bay lại tiếp tục gầm rú trên bầu trời; một loạt những tiếng nổ tiến lại gần với một tốc độ đáng sợ, chúng tôi chạy xuống hầm, một cú nổ lớn nhắc nhở tôi lên và hất tôi vào cầu thang. Tôi phải nằm bất động hồi lâu; tôi hồi tỉnh, mắt chói lòa vì một thứ ánh sáng trắng, gắt, thực ra là một cái đèn pin nhỏ; tôi nghe thấy tiếng Asbach kêu lên: “Sturmbannführer! Sturmbannführer!” – “Không sao đâu,” tôi vừa cầu nhàu vừa đứng dậy. Trong ánh sáng của đám cháy ở lối vào, tôi kiểm tra cái áo choàng: mẫu sắt nhọn đã kéo rách vải, làm hỏng nó. “Bộ cháy rồi, một giọng nói khác vang lên. Phải ra ngoài thôi.” Cùng nhiều người khác, tôi gạt tạm những gì che khuất lối vào boongke để tất cả mọi người có thể đi lên. Tiếng còi báo động vẫn tiếp tục rền rĩ nhưng Flak đã im tiếng, những chiếc máy bay cuối cùng đang bay đi khỏi. Lúc đó là hai mươi giờ ba mươi phút, cuộc không kích đã kéo dài một giờ đồng hồ. Ai đó chỉ cho tôi chỗ để các xô nước và chúng tôi lập thành một dây chuyền để rập lửa: chẳng được bao nhiêu, chỉ trong vòng

hai mươi phút chúng tôi đã vét cạn số nước trữ trong hầm. Các vòi nước không hoạt động, hẳn là những quả bom đã phá nát hệ thống ống dẫn nước; người gác cửa cố gọi cho lính cứu hỏa, nhưng điện thoại cũng bị cắt. Tôi lấy áo bọc dây trong hầm trú ẩn và ra ngoài xem xét các thiệt hại. Dây nhà có vẻ không sao, ngoài các cửa sổ mở toang hoác, nhưng một phần của dãy phía Tây đã sụp, và những cửa sổ bên cạnh phụt ra một làn khói đen dày đặc. Các phòng làm việc của chúng tôi chắc cũng cháy. Asbach đến chỗ tôi, mặt vấy máu. "Anh bị sao vậy?" tôi hỏi. – "Không sao đâu. Một viên gạch thôi." Tôi vẫn còn ù tai, bên trong đầu não loạn một cách đau đớn. Tôi nhìn về phía Tiergarten: những cái cây, chiếu sáng bởi nhiều đồng lửa, đã bị cửa ngang, đổ xuống, tróc cả rễ, trông giống một khu rừng xứ Flandres sau một cuộc tấn công, trong những cuốn sách mà tôi từng đọc khi còn nhỏ. "Tôi về nhà đây," Asbach nói. Sự hoảng sợ làm biến dạng khuôn mặt đầy máu của anh ta. "Tôi muốn gặp lại vợ." – "Đi đi. Cẩn thận tường đổ nhé." Hai chiếc cam nhông cứu hỏa đến nơi và vào vị trí, nhưng có vẻ như là có một vấn đề về nước. Nhân viên của bộ đi ra; nhiều người cầm theo những tài liệu mà họ để riêng ra một chỗ, trên vỉa hè: trong nửa giờ đồng hồ, tôi giúp họ chuyển các cặp hồ sơ và giấy tờ; dù sao thì cũng không thể lên được các phòng làm việc. Một cơn gió mạnh đã nổi lên và ở phía Bắc, ở phía Đông, và xa hơn về phía Nam, quá đoạn Tiergarten, bầu trời đêm đỏ rực lên. Một viên sĩ quan ghé qua nói với chúng tôi rằng lửa đang lan rộng, nhưng bộ và các tòa nhà lân cận có vẻ như được bảo vệ, với khúc quanh của sông Spree một bên, Tiergarten và Königsplatz ở bên còn lại. Reichstag, u tối và kín bưng, có vẻ không bị thiệt hại gì.

Tôi do dự. Tôi thấy đói, nhưng không thể nghĩ đến việc tìm ra cái gì đó để ăn. Ở nhà, tôi có vài thứ, nhưng tôi không biết liệu căn hộ của mình có còn tồn tại hay không. Cuối cùng tôi quyết định đến SS-Haus và tìm chỗ trú ở đó. Tôi rào bước đi xuôi theo Friedensallee: trước mặt tôi, cổng Brandenburg đứng sừng sững dưới những tấm lưới nguy trang, lạnh lặn. Nhưng đằng sau nó,

gần như toàn bộ đường Unter den Linden đã làm mồi cho lửa. Không khí đặc khói và bụi, dày cộp lên và nóng, tôi bắt đầu thấy khó thở. Những đụn tia lửa kêu lộp độp bốc lên từ các tòa nhà. Gió thổi, mỗi lúc một mạnh thêm. Từ phía bên kia Pariser Platz, Bộ Khí tài đang cháy, một phần đã sập xuống vì trúng bom. Những người thư ký đội mũ sắt tự vệ dân sự tích cực loay hoay trong đống đổ nát để, cả ở đó cũng vậy, sơ tán tài liệu. Một chiếc Mercedes treo cờ hiệu đỗ ở bên đường; trong đám nhân viên, tôi nhận ra Speer, đầu không đội mũ, khuôn mặt đen bóng vì nhợt. Tôi đến chào ông ta và đề nghị được tham gia giúp đỡ; khi nhìn thấy tôi, ông ta hét lên điều gì đó mà tôi không hiểu. “Anh đang cháy!” ông ta nhắc lại. – “Gì cơ?” Ông ta tiến về phía tôi, nắm lấy cánh tay tôi, xoay người tôi lại và dùng lòng bàn tay đập lên lưng tôi. Những tia lửa hẳn là đã bắt vào áo pacđoxuy của tôi, nhưng tôi không cảm thấy gì cả. Bối rối, tôi cảm ơn ông ta và hỏi liệu có thể làm được gì không. “Thực sự là không gì cả. Tôi tin rằng chúng tôi đã mang ra được hết những gì có thể. Phòng làm việc riêng của tôi đã dính một cú trực tiếp. Chẳng còn lại gì cả.” Tôi nhìn ra xung quanh: tòa đại sứ Pháp, tòa đại sứ Anh trước đây, khách sạn *Bristol*, các văn phòng của IG Farben, tất cả đều bị tổn thất nặng nề hoặc đang cháy. Những mặt tiền nhà duyên dáng của nghệ nhân Schinkel, bên cạnh Cổng, nổi bật lên trên cái nền tạo thành từ những đám cháy. “Bất hạnh làm sao,” tôi thì thầm. – “Thật là khủng khiếp khi nói điều này, Speer tư lự nói, nhưng tốt hơn hết là họ tập trung vào các thành phố.” – “Ông muốn nói gì? Herr Reichsminister?” – “Trong mùa hè, khi họ đánh xuống vùng Ruhr, tôi đã run lên vì sợ. Tháng Tám, họ đã tấn công Schweinfurt, nơi tập trung toàn bộ ngành sản xuất ổ bi cầu của chúng ta. Rồi lại một lần nữa vào tháng Mười. Chúng ta đã bị giảm mất 67% sản lượng. Có thể là anh không biết, Sturmbannführer, nhưng nếu không có ổ bi cầu thì sẽ không có chiến tranh gì cả đâu. Nếu họ tập trung vào Schweinfurt, chúng ta sẽ phải đầu hàng trong hai tháng, cùng lắm là ba tháng. Ở đây thì” – ông ta vẫy tay về phía các đám cháy – “họ giết người, lãng

phí đạn được vào những công trình văn hóa của chúng ta.” Ông ta nở một nụ cười khô khốc và cứng rắn: “Dù sao thì chúng ta cũng sẽ xây dựng lại tất cả. Ha!” Tôi chào ông ta: “Nếu ngài không cần tôi, Herr Reichsminister, thì tôi đi tiếp đây. Nhưng tôi muốn nói rằng đề nghị của ngài đang được xem xét. Sắp tới tôi sẽ liên lạc với ngài để thông báo tình hình đến đâu rồi.” Ông ta bắt tay tôi: “Tốt, tốt. Chúc một buổi tối tốt lành, Sturmbannführer.”

Tôi đã nhúng khăn mùi soa vào một xô nước và bịt nó lên miệng để tiếp tục đi; tôi cũng đã vẩy nước lên hai vai và lên mũ. Trên Wilhelmstrasse, gió rít lên giữa trụ sở các bộ và thổi mạnh vào những đồng lửa đang phụt ra từ những cửa sổ trống không. Những người lính và bên cứu hỏa chạy tứ tung, nhưng chỉ thu được rất ít kết quả. Có vẻ như *Auswärtiges Amt* bị đánh rất nặng, nhưng phủ thủ tướng, cách đó một chút, không làm sao cả. Tôi bước đi trên một tấm thảm thủy tinh vỡ: trên tất cả các phố không còn lại một cửa kính nào nguyên vẹn. Trên Wilhelmsplatz vài cái xác được đặt nằm gần một chiếc cam nhông đổ nghiêng của Luftwaffe; những người dân thường hoảng sợ vẫn tuôn ra từ bến U-Bahn và nhìn ngó xung quanh, vẻ hoảng hốt, hoang mang; thỉnh thoảng vẫn nghe thấy một tiếng nổ, một quả bom nổ chậm, hoặc là tiếng ầm ầm của một tòa nhà sập xuống. Tôi nhìn mấy cái xác: một người đàn ông không mặc quần dài, cặp mông đầm máu bày ra một cách thô thiển; một người phụ nữ phần dưới còn nguyên, nhưng mất đầu. Tôi thấy việc người ta để họ ở đây như vậy là vô cùng xấu xa, nhưng có vẻ như không ai buồn bận tâm đến điều đó. Xa hơn một chút, người ta cất lính gác trước Bộ Không quân: những người qua đường gào lên những lời chửi rủa hoặc chế nhạo Göring, nhưng không dừng chân lại, không có hội nhóm nào; tôi chìa thẻ SD của mình ra và đi qua vòng cảnh giới. Cuối cùng tôi cũng đến được góc Prinz-Albrechtstrasse: SS-Haus không còn lại một cái cửa kính nào, nhưng ngoài đó ra thì không có vẻ gì là bị hư hại. Trong sảnh, những người lính đang dọn dẹp những mảnh vụn; các sĩ quan gá những thanh gỗ hoặc vài cái đệm lên những cửa sổ trống hơ trống hoác. Tôi gặp được Brandt

đang bình tĩnh ra các chỉ thị trong một hành lang: chủ yếu là ông ta bận tâm đến việc thiết lập lại đường dây điện thoại. Tôi chào ông ta và báo cáo về việc các phòng làm việc của mình đã bị phá hủy. Ông ta gật đầu: "Được rồi. Ngày mai chúng ta sẽ xem sao." Vì có vẻ như ở đây không có việc gì nhiều để làm, tôi đi qua đó, đến *Staatspolizei*; tại đó, người ta đang đóng đinh lại những cánh cửa bị giật tung một cách được chăm hay chớ; vài quả bom đã đánh vào khá gần, một cái hố khổng lồ làm phố biến dạng hẳn đi, cách đó một quãng, khiến nước tràn ra từ một hệ thống ống dẫn bị trúng bom. Tôi tìm thấy Thomas trong phòng làm việc của anh, đang uống schnaps cùng ba sĩ quan khác, rống lên, đen vì bụi bẩn, đùa cợt. "Kìa! anh kêu lên. Trông cậu có đáng vẻ kiêu hùng quá. Uống đi. Cậu đã ở đâu?" Tôi kể ngắn gọn cho anh những gì mình đã trải qua ở bộ. "Ha! Tớ thì lại đã về nhà, tớ xuống dưới hầm cùng những người hàng xóm. Một quả bom chui tọt qua mái và cả tòa nhà bốc cháy. Bọn tớ đã phải đục thủng tường cả một loạt hầm mới ra được đến ngoài phố. Cả phố đều đã cháy và một nửa tòa nhà, trong đó có cả căn hộ của tớ, sập rồi. Chưa hết, tớ lại còn tìm thấy cái xe mui trần tội nghiệp của tớ đang nằm dưới một chiếc xe bus nữa chứ. Tóm lại là tớ mất hẳn rồi." Anh rót cho tôi một cốc khác. "Bởi vì nỗi bất hạnh đang vây bủa chúng ta, chúng ta phải uống thôi, như bà ngoại Ivona của tớ vẫn hay nói ấy."

Cuối cùng tôi qua đêm ở *Staatspolizei*. Thomas cho mang lên bánh sandwich, nước trà và xúp. Anh cho tôi mượn một bộ quần phục sạch, hơi quá khổ, nhưng vẫn còn khá khảm hơn đồng vải nhàu nhĩ trên người tôi; một cô đánh máy chữ tươi cười phụ trách việc trao đổi ngù vai và các loại phù hiệu. Người ta đã cho bày những chiếc giường gấp vào phòng tập thể dục cho khoảng mười lăm sĩ quan gặp nạn; ở đó tôi gặp lại Eduard Holste, mà tôi có biết thoáng qua với tư cách là Leiter IV/V của tập đoàn quân D, hồi cuối năm 1942; anh đã mất tất cả và gần như bật khóc vì cay đắng. Thật không may là các vòi tắm vẫn chưa hoạt động và tôi chỉ có thể rửa được tay và mặt. Họng tôi đau nhức, tôi ho, nhưng thứ schnaps của Thomas đã chấm dứt được phần nào vị

khói trong miệng tôi. Bên ngoài, người ta vẫn nghe thấy những tiếng nổ. Gió gầm lên, dữ dội và đầy ám ảnh.

Rất sớm vào buổi sáng, không đợi Piontek đến, tôi lấy xe ở gara và đi về nhà. Các phố, bị chặn ngang bởi những toa tàu tramway cháy trụi hoặc bị lật ngửa, những cây cối bị đốn ngã, những đồng đồ nát, rất khó đi. Một đám mây khói mùi rất hắc phủ đầy bầu trời và nhiều người qua đường vẫn còn để khăn tay hoặc khăn mùi soa ướt trên miệng. Trời vẫn mưa rả rích. Tôi vượt qua những hàng người đang đẩy xe nôi trẻ con hoặc những chiếc xe chở hàng chất cao nghều nghện, hoặc là xách hay kéo những chiếc vali. Khắp nơi, nước tràn ra từ các ống nước, tôi phải cán qua những vũng nước nơi các mảnh vụn lúc nào cũng đe dọa chọc thủng lốp xe. Tuy nhiên, có nhiều xe đang chạy, phần lớn không còn cửa kính và thậm chí một số cái còn không có cửa, nhưng lại đầy nhóc người: những người còn chỗ trống trên xe chở thêm những người gặp nạn và tôi cũng làm như vậy với một người mẹ kiệt sức, cùng hai đứa con nhỏ, chị ta muốn đến gặp bố mẹ mình. Tôi lái cắt ngang Tiergarten bị tàn phá; cột Chiến thắng, vẫn đứng như một sự thách thức giữa một cái hồ lớn hình thành từ nước của các đường ống nước bị vỡ, và tôi phải đi vòng rất xa để tránh. Tôi để người đàn bà lại trên đồng đồ nát của Händelallee và tiếp tục đi về phía nhà mình. Khắp nơi, các nhóm làm việc đang hăng hái cứu chữa thiệt hại; trước các tòa nhà bị phá hủy, lính cứu hỏa bơm không khí vào những căn hầm bị sập và đào bới để moi những người còn sống sót ra, với sự hỗ trợ của các tù nhân người Ý với mấy chữ KGF in màu đỏ trên lưng, những người chỉ còn được gọi là các "Badoglio". Bến S-Bahn trên Brückenallee tan nát; tôi ở cách đó một đoạn, trên Flensburgerstrasse; có vẻ như là tòa nhà của tôi, thật kỳ diệu, vẫn còn nguyên vẹn: cách đó một trăm năm mươi mét, chỉ có những đồng gạch vỡ và mặt tiền há hốc miệng. Thang máy, dĩ nhiên, không hoạt động nữa, và tôi leo bộ tám tầng gác, những người hàng xóm đang dọn dẹp cầu thang hoặc đóng lại một cách được chăng hay chớ cửa nhà mình. Tôi tìm được cửa nhà tôi đã bị thổi bay khỏi bản lề và nằm chắn ngang lối đi; bên trong,

một lớp vữa và thủy tinh vỡ phủ lên tất cả; có những dấu chân, và máy nghe nhạc của tôi đã biến mất, nhưng có vẻ như không có gì khác nữa bị lấy đi. Một cơn gió lạnh thấu xương thổi qua các cửa sổ. Tôi nhanh chóng nhét đồ vào đầy một cái vali, rồi xuống tầng thỏa thuận với một người hàng xóm thỉnh thoảng vẫn qua dọn dẹp, để bà ta lên quét dọn lại; tôi đưa tiền cho bà ta để cho sửa lại cửa vào ngay hôm đó, và các cửa sổ luôn, ngay khi có thể; bà ta hứa sẽ liên lạc với tôi ở SS-Haus khi nào nhà đã có thể ở tạm được. Tôi ra ngoài tìm một khách sạn: tôi muốn được tắm rửa hơn tất cả mọi thứ. Nơi gần nhất là *Eden*, nơi tôi từng trọ một thời gian. Tôi gặp may, toàn bộ *Budapesterstrasse* có vẻ như đã bị san phẳng, nhưng *Eden* vẫn mở cửa. Quầy tiếp tân đang bị quây chặt, những người giàu có gặp nạn và các sĩ quan đang tranh giành phòng với nhau. Khi tôi viện đến cấp bậc, các huân chương, thương tật, và bịa đặt bằng cách nói quá lên về tình trạng căn hộ của mình, người quản lý, đã nhận ra tôi, chấp nhận cho tôi một cái giường, với điều kiện là tôi phải ở chung phòng với người khác. Tôi chia một tờ giấy bạc cho người phục vụ tầng để anh ta cho mang nước nóng lên: cuối cùng, vào khoảng mười giờ, tôi đã nằm được vào trong một cái bồn tắm với thứ nước nhìn chung là chỉ âm ẩm nhưng rất dễ chịu. Ngay lập tức nước biến thành màu đen, nhưng tôi không buồn để tâm. Tôi vẫn còn đang ngâm mình thì người ta đưa người ở chung phòng với tôi vào. Anh ta xin lỗi rất lịch sự qua cánh cửa phòng tắm đang khép chặt, và nói với tôi rằng sẽ đợi ở dưới cho đến khi nào tôi xong việc. Ngay khi mặc xong quần áo tôi đi xuống tìm anh ta: đó là một nhà quý tộc người Georgia, rất thanh lịch, đã chạy trốn khỏi khách sạn bị bốc cháy của mình cùng với đồng đồ đạc và rơi đúng vào đây.

Các đồng nghiệp của tôi đều nảy ra ý định hẹn nhau ở SS-Haus. Ở đó tôi gặp lại Piontek, bình thản như không; *Fräulein Praxa*, ăn mặc một cách diêm dúa, mặc dù tủ quần áo đã bị bắt lửa; *Walser*, hết sức vui vẻ bởi vì chỗ anh ta chỉ hơi bị ảnh hưởng một chút; và *Isenbeck* hơi chao đảo vì bà hàng xóm già đã chết vì lên cơn đau tim ở ngay bên cạnh, trong bóng tối, trong khi báo

động, mà anh ta không hề hay biết. Weinrowski đã quay về Orienenburg được một lúc. Về phần Asbach, anh ta đã gửi đến một tin nhắn: vợ anh ta bị thương, anh ta sẽ đến ngay khi nào có thể. Tôi cử Piontek đến nói với anh ta cứ nghỉ vài ngày nếu cần: dù thế nào đi nữa thì cũng có rất ít cơ may chúng tôi có thể tiếp tục công việc được ngay. Tôi bảo Fräulein Praxa về nhà và cùng với Walser và Isenbeck đi đến bộ để xem còn có thể cứu được gì không. Đám cháy đã được chế ngự, nhưng dãy phía Tây vẫn bị đóng; một người lính cứu hỏa đưa chúng tôi đi qua đồng đổ nát. Phần lớn tầng trên cùng đã bị cháy rụi, kể cả mái nhà: trong số các phòng làm việc của chúng tôi, chỉ còn lại một phòng với một tủ đựng tài liệu, thoát được khỏi đám cháy, nhưng lại bị ngập nước vì những cái vòi rồng cứu hỏa. Qua một vạt tường đổ, chúng tôi có thể nhìn thấy một phần Tiergarten bị tàn phá; khi cúi người xuống, tôi nhận ra rằng Lehrter Bahnhof cũng dính bom, nhưng đám khói dày đang đè nặng xuống thành phố ngăn không cho người ta nhìn đi xa hơn; tuy nhiên, ở tận cùng, những đại lộ cháy vẫn còn nhìn rất rõ. Cùng với các đồng nghiệp tôi chuyển các tài liệu cứu được đi, cũng như một chiếc máy chữ và một cái điện thoại. Đó là một nhiệm vụ không dễ dàng bởi vì đám cháy đã đục thủng sàn nhà ở nhiều chỗ, và các hành lang kín mít những đồng đổ nát cần phải gạt ra. Khi có thêm Piontek lên nhập bọn, chúng tôi chất đầy giấy tờ lên xe và tôi bảo anh ta chở tất cả sang SS-Haus. Ở đó, người ta cấp cho tôi một học tử tường để sắp xếp tạm thời, nhưng không có gì hơn nữa cả; Brandt vẫn quá bận để có thể lo cho tôi. Vì không còn gì để làm, tôi bảo Walser và Isenbeck về và sai Piontek chở đến khách sạn *Eden*, sau khi đã thỏa thuận là sáng mai anh ta sẽ qua đón tôi: vì không có gia đình, anh ta có thể ngủ trong gara. Tôi xuống quầy bar và gọi một cốc cognac. Người Georgia ở cùng phòng với tôi đội mũ phớt và quàng một cái khăn màu trắng, đang chơi nhạc Mozart trên cây đàn piano, vô cùng lão luyện. Khi anh ta dừng lại, tôi mời anh ta uống một cốc và chuyện gẫu. Anh ta có chút liên hệ với những nhóm người nhập cư đang vùng vẫy một cách vô vọng tại các

phòng làm việc của *Auswärtiges Amt* và của SS; cái tên Micha Kedia, mà anh ta nói ra, gọi cho tôi nhớ đến điều gì đó. Khi biết tôi đã từng ở vùng Caucase, anh ta nhảy dựng lên vì hào hứng, gọi thêm một chén rượu nữa, trang trọng và hào phóng (mặc dù tôi chưa bao giờ đặt chân lên vùng núi của anh ta) nâng cốc lên, bắt tôi phải một hơi uống cạn cốc và ngay lập tức mời tôi, khi nào các lực lượng của chúng tôi giải phóng được nơi đó, đến ở Tiflis, tại ngôi nhà tổ tiên của anh ta. Quầy bar đông người dần lên. Khoảng bảy giờ, những cuộc trò chuyện bắt đầu xẹp xuống, người ta bắt đầu nhìn về chiếc đồng hồ treo tường phía trên quầy bar: mười phút sau, tiếng còi báo động vang lên, rồi đến lượt Flak, dữ dội và gần sát. Người quản lý đã đến đảm bảo với chúng tôi rằng quầy bar cũng chính là hầm trú ẩn, tất cả khách khứa đi xuống, nhanh chóng không còn chỗ nào cả. Không khí trở nên khá vui vẻ và sôi động: trong khi những quả bom đầu tiên rơi xuống, anh chàng người Georgia lại ngồi vào đàn và chơi một bản nhạc jazz; những người phụ nữ trong trang phục dạ hội đứng dậy để nhảy, những bức tường và đèn chùm rung lên, đám cốc rơi từ quầy bar xuống đất vỡ tan, gần như không thể nghe được tiếng nhạc trong những tiếng nổ, áp suất không khí trở nên không thể chịu đựng được, tôi uống rượu, những người phụ nữ hoảng loạn cười đùa, một người khác định hôn tôi, rồi òa lên khóc. Khi mọi chuyện đã kết thúc, người quản lý mời tất cả mọi người một chén rượu. Tôi đi ra ngoài: Vườn Bách thú đã bị đánh trúng, những cái chòi bốc cháy, người ta lại nhìn thấy những đám cháy gần như ở khắp nơi; tôi hút một điếu thuốc, thấy tiếc vì đã không đi xem bọn thú khi còn có thời gian. Một vạt tường đã sụp xuống; tôi tiến lại gần, người ta đang chạy theo đủ mọi hướng, một số người cầm súng, người ta nói đến những con sư tử và những con hổ xổng chuồng. Nhiều quả bom cháy đã rơi xuống và bên kia đồng gạch đỏ, tôi nhìn thấy các lối đi cháy đùng đùng; ngôi đền Ấn Độ to lớn nằm phơi bụng; bên trong, một người đi ngang qua gần đó giải thích với tôi, người ta đã tìm thấy những cái xác voi bị bom xé nát, cũng như một con tê giác nhìn qua thì tưởng chừng còn

nguyên vẹn nhưng cũng đã chết, có thể là vì sợ. Đằng sau tôi, một phần lớn các tòa nhà của Budapesterstrasse cũng đang cháy. Tôi đến trợ giúp những người lính cứu hỏa; trong nhiều giờ, tôi giúp họ bới đồng đổ nát; cứ năm phút một, sau một tiếng còi, mọi công việc đều dừng lại để những người cứu hộ có thể nghe thấy những cú đập âm âm của người bị kẹt bên dưới, và chúng tôi lôi ra được một số người vẫn còn sống, bị thương, thậm chí cả những người còn nguyên lành. Khoảng nửa đêm, tôi quay về khách sạn *Eden*; mặt tiền bị hư hại, nhưng toàn bộ cấu trúc nhà đã thoát được một quả bom rơi thẳng xuống; ở quầy bar, bữa tiệc vẫn tiếp tục. Người bạn Georgia mới của tôi bắt tôi phải uống liền nhiều cốc; bộ quân phục mà Thomas cho tôi mượn dính đầy máu và bồ hóng, nhưng điều đó không ngăn cản những người phụ nữ quý phái đến ve vãn tôi; không nhiều người trong số họ, chuyện này rất rõ ràng, muốn qua đêm một mình. Anh chàng Georgia giỏi đến mức làm được tôi say hoàn toàn: buổi sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy ở trên giường, không hề nhớ là mình đã leo lên phòng, áo choàng và sơ mi đã cởi, nhưng vẫn còn đi bốt. Anh chàng người Georgia đang ngáy trên giường bên cạnh. Tôi rửa ráy qua loa, mặc lấy một bộ quân phục sạch của mình và đưa bộ của Thomas đi giặt; để lại người cùng phòng đang say ngủ đó, tôi nuốt một tách cà phê chất lượng rất tồi, xin một viên thuốc trị đau đầu, và quay trở lại Prinz-Albrechtstrasse.

Các sĩ quan của Reichsführung đều có vẻ gì đó rất ngạc nhiên: một số người không ngủ đêm qua; nhiều người trong số họ gặp phải tai họa, và không ít người mất đi ai đó trong gia đình mình. Trong sảnh lớn và trong các cầu thang, các tù nhân mặc áo kẻ sọc, dưới sự kiểm soát của các "SS-Totenkopf," đang dọn dẹp sàn, đóng những thanh gỗ, sơn lại các bức tường. Brandt yêu cầu tôi giúp đỡ vài sĩ quan, bằng cách liên lạc với chính quyền thành phố, lập một bản kê tạm thời các thiệt hại để nộp cho Reichsführer. Công việc khá đơn giản: mỗi người trong chúng tôi chọn một công việc – nạn nhân, nhà dân, trụ sở các cơ quan chính phủ, cơ sở hạ tầng, công nghiệp – và liên hệ với những nơi hữu

trách để ghi chép lại số liệu của họ. Người ta cho tôi vào làm trong một phòng làm việc có điện thoại và một quyển sổ danh bạ; vài đường dây vẫn còn hoạt động, và tôi sai Fräulein Praxa – người đã tìm ra được ở đâu đó một bộ cánh mới – ngồi đó để gọi cho các bệnh viện. Tôi quyết định, để khỏi bị vương chân, sai Isenbeck đến chỗ Weinrowski, sếp của anh ta ở Oranienburg, cùng với đồng giấy tờ cứu lại được, và bảo Piontek chở anh ta đi. Walser vẫn chưa đến. Khi Fräulein Praxa gọi được cho một bệnh viện, tôi hỏi số lượng người chết và người bị thương mà họ đã nhận được; khi cô ta tổng kết được một danh sách gồm ba hoặc bốn nơi không thể gọi được, tôi sai một người tài xế và một cần vụ đi lấy các số liệu. Asbach đến vào khoảng trưa, nét mặt căng thẳng, rõ ràng là phải cố gắng hết sức để có được dáng vẻ coi được. Tôi dẫn anh ta xuống nhà ăn sĩ quan ăn sandwich và uống trà. Một cách chậm rãi, trong khi ăn, anh ta kể lại cho tôi những chuyện đã xảy ra: tối đầu tiên, tòa nhà của bà mẹ nơi vợ anh ta đến trú ẩn một quả bom rơi thẳng vào và sập xuống đè lên hầm trú ẩn, làm hầm sụp xuống mất một phần. Có vẻ như là bà mẹ vợ của Asbach đã chết ngay hoặc ít nhất là cũng đã chết rất nhanh chóng; vợ anh ta bị chôn sống và mãi đến sáng hôm sau được đào lên, nguyên vẹn ngoại trừ một cánh tay bị gãy, nhưng ngắt xiu; trong đêm cô đã bị sảy thai, và hiện vẫn chưa lấy lại được tinh thần, khi thì lấp bắp như một đứa trẻ lúc lại khóc lóc vật vã. “Tôi sẽ buộc phải chôn cất bà mẹ một mình, Asbach buồn bã nói, uống từng ngụm trà nhỏ một. Tôi những muốn đợi thêm một chút, để cô ấy hồi sức, nhưng các nhà xác đã đầy chật người chết rồi và bên y tế sợ sẽ xảy ra dịch bệnh. Có vẻ như tất cả những cái xác không được nhận về trong vòng hai mươi tư giờ sẽ bị chôn xuống các hố chôn tập thể. Thật là kinh khủng.” Tôi cố an ủi anh ta, nhưng, tôi phải công nhận điều này, tôi không có nhiều tài năng lắm trong kiểu việc đó: dù cho tôi có nói đến hạnh phúc gia đình tương lai của anh ta, thì điều này vẫn cứ vang lên thật trống rỗng. Tuy nhiên có vẻ như việc đó làm anh ta được trấn an. Tôi bảo anh ta đi về nhà cùng một tài xế của Reichsführung, hứa là sẽ tìm ra

một chiếc cam nhông nhỏ cho lễ tang vào ngày hôm sau.

Cuộc không kích ngày thứ Ba, mặc dù chỉ gồm có một nửa số máy bay so với thứ Hai, hứa hẹn còn thảm khốc hơn. Các khu phố dành cho công nhân, nhất là khu Wedding, đã bị đánh bom nặng nề. Cuối buổi chiều, chúng tôi đã tập hợp được khá nhiều thông tin để lập ra một báo cáo ngắn gọn: có khoảng 2 000 người chết, thêm vào đó là hàng trăm người vẫn còn ở dưới những đống đổ nát; 3 000 tòa nhà bị cháy hoặc phá hủy; và 175 000 người bị thiệt hại, trong đó 100 000 đã có thể rời khỏi thành phố, để sơ tán đến hoặc là những ngôi làng xung quanh, hoặc là các thành phố khác của Đức. Vào khoảng sáu giờ, người ta cho tất cả những ai không thực hiện một công việc thực sự cần thiết ra về; tôi ở lại thêm một lúc, và trong khi vẫn còn đang đi trên đường, cùng một tài xế của gara, thì còi báo động lại tiếp tục rú lên. Tôi quyết định sẽ không đi tiếp đến khách sạn *Eden*: tôi thấy quầy bar-hầm trú ẩn ở đó không đáng tin cậy lắm, và tôi cũng muốn tránh tái diễn cuộc nốc rượu đêm hôm trước. Tôi ra lệnh người lái xe đi vòng qua Vườn Bách thú để đến chỗ boongke lớn. Một đám đông đang dồn đẩy ở các cánh cửa quá hẹp và số lượng quá nhỏ; những chiếc ô tô chạy đến đỗ dưới chân mặt tiền bằng bê tông; phía trước chúng, trên một cái bãi được dành sẵn, hàng chục xe đẩy xếp thành những vòng tròn đồng tâm. Bên trong, binh lính và cảnh sát viên gào thét ra lệnh để mọi người trèo lên; ở mỗi tầng đều có một đám người, không ai muốn lên cao hơn, những người phụ nữ la hét, trong khi con cái họ chạy đi chạy lại giữa đám đông chơi trò trận giả. Người ta dẫn chúng tôi lên tầng ba, nhưng các ghế băng, xếp thành nhiều hàng như ở nhà thờ, đã đông đặc người, và tôi phải đến ngồi tựa lưng vào bức tường bê tông. Tài xế của tôi đã biến mất giữa đám đông. Không lâu sau đó các khẩu 88 đặt trên mái bắt đầu khạc đạn: cả cấu trúc to lớn đó rung lên bần bật, trông thành như một con tàu gặp hôm biển động. Những người ở đó, bị đẩy bắn vào những người xung quanh, la hét hoặc cắn nhau. Đèn chỉ còn sáng lơ mờ nhưng không bị tắt hẳn. Trong các góc và trong bóng tối của cầu thang xoáy ốc chạy lên các tầng,

những đôi trai gái trẻ tuổi đứng nép sát vào nhau, ôm choàng lấy nhau; một số thậm chí còn có vẻ đang làm tình, người ta nghe được trong tiếng nổ những tiếng rên rỉ khác hẳn với tiếng rên rỉ của những bà nội trợ hoảng hốt, các ông già tỏ vẻ ghê tởm và phản đối, các Schupo gào lên, ra lệnh cho tất cả mọi người ngồi xuống. Tôi muốn hút thuốc nhưng điều đó bị cấm. Tôi nhìn người phụ nữ ngồi trên chiếc ghế băng trước mặt: đầu cô ta cúi, tôi chỉ nhìn thấy mái tóc vàng của cô ta, rất dày, cắt ngang vai. Một quả bom nổ ngay gần sát, làm boongke run lên và bắn ra một lớp mây bụi bê tông. Cô gái trẻ ngẩng đầu lên và tôi nhận ngay ra cô: đó chính là người mà thỉnh thoảng tôi vẫn hay gặp trên tramway vào buổi sáng. Cả cô cũng nhận ra tôi và một nụ cười dịu dàng làm khuôn mặt cô sáng bừng lên trong lúc cô chìa tay cho tôi: "Xin chào! Tôi cứ lo cho anh." – "Tại sao lại như vậy?" Với những phát đạn của Flak và những tiếng nổ, chúng tôi gần như không nghe thấy nhau nói gì, tôi phải chồm người lên và nghiêng người về phía cô. "Chủ nhật vừa rồi không thấy anh đến bể bơi, cô nói vào tai tôi. Tôi cứ sợ là đã xảy ra điều gì đó chẳng lành với anh." Chủ nhật, như thể đó đã là một cuộc sống khác hẳn; tuy nhiên, mới chỉ được có ba ngày. "Tôi ở nông thôn. Bể bơi vẫn còn chứ?" Cô lại mỉm cười: "Tôi không biết." Một tiếng nổ khác, rất mạnh, làm rung bần bật cả boongke và cô nắm lấy bàn tay tôi rồi siết chặt; khi mọi chuyện đã kết thúc cô vừa xin lỗi vừa thả nó ra. Mặc cho thứ ánh sáng vàng vọt và lớp bụi, tôi vẫn có cảm giác là mình nhìn thấy mặt cô hơi ửng đỏ. "Xin lỗi, tôi hỏi cô, cô tên là gì?" – "Hélène, cô đáp. Hélène Anders." Đến lượt mình tôi tự giới thiệu. Cô làm việc tại bộ phận báo chí của *Auswärtiges Amt*; phòng làm việc của cô, cũng như phần lớn trụ sở của bộ, đã bị phá hủy vào tối thứ Hai, nhưng nhà bố mẹ cô, ở Alt Moabit nơi cô sống, vẫn còn đứng vững. "Dù sao thì cũng là cho đến trước cuộc oanh tạc này. Thế còn anh?" Tôi cười: "Tôi có mấy phòng làm việc ở Bộ Nội vụ, nhưng chúng cháy hết rồi. Hiện tại, tôi ở SS-Haus." Cứ thế, chúng tôi chuyện gẫu cho đến khi hết báo động. Cô đã đi bộ đến Charlottenburg để an ủi một cô bạn gái gặp tai họa; tiếng còi

báo động đã vang lên trong lúc cô đang trên đường về nhà, và cô đã trú lại ở đó, trong boongke. “Tôi không nghĩ là sẽ có đến đêm thứ ba liên tục như thế này,” cô dịu dàng nói. – “Nói thật ra thì tôi cũng không nghĩ thế, tôi đáp, nhưng tôi rất vui vì điều này đã cho chúng ta cơ hội gặp lại nhau.” Tôi nói điều đó để tỏ ra lịch sự; nhưng tôi nhận ra rằng không phải chỉ là để tỏ ra lịch sự. Lần này, rõ ràng là cô đỏ bừng mặt; dù vậy giọng cô vẫn rất thẳng thắn và rõ ràng: “Cả tôi cũng vậy. Tàu tramway của chúng ta có nguy cơ lớn là sẽ không hoạt động được trong một thời gian đấy.” Khi đèn được bật trở lại, cô đứng dậy và lấy tay phủi áo măng tô. “Nếu cô muốn, tôi nói, tôi có thể đưa cô về. Nếu tôi vẫn còn một cái ô tô, tôi cười, nói thêm. Đừng từ chối nhé. Không xa lắm đâu.”

Tôi tìm được người lái xe của mình đang vẻ rất tức tối đứng cạnh chiếc ô tô: nó không còn cửa kính nữa, và cả một bên sườn bị va nát bởi xe bên cạnh, do sức ép của một quả bom nổ ném vào. Đống xe đẩy chỉ còn là những mảnh vụn rải rác trên quảng trường. Vườn Bách thú lại cháy, người ta nghe thấy những âm thanh thảm khốc, những tiếng gầm, tiếng voi ré, tiếng rống của những con thú hấp hối. “Những con vật tội nghiệp, Hélène thì thầm, chúng không biết chuyện gì xảy đến với mình.” Người lái xe thì chỉ nghĩ đến chiếc ô tô. Tôi đi tìm vài viên Schupo để nhờ giúp chúng tôi kéo nó ra. Cửa bên ghế khách bị kẹt; tôi cho Hélène lên băng ghế sau, rồi luồn qua ghế lái. Đường đi khá khó nhọc, phải đi vòng qua Tiergarten, vì nhiều phố bị nghẽn lại, nhưng tôi thích thú khi nhận ra, lúc đi quang qua Flensburgerstrasse, rằng tòa nhà của mình vẫn đứng vững. Alt Moabit, ngoài vài quả bom lạc, gần như không bị chạm tới, và tôi thả Hélène xuống trước tòa nhà bé nhỏ của cô. “Bây giờ, tôi nói khi tạm biệt, tôi đã biết là cô ở đâu. Nếu cô cho phép, tôi sẽ đến thăm cô khi nào mọi chuyện đã yên ổn hơn được một chút.” – “Tôi sẽ rất vui vì điều đó,” cô trả lời, lại với nụ cười bình thản thật đẹp của mình. Rồi tôi quay về khách sạn *Eden*, nơi tôi chỉ còn nhìn thấy một khung nhà trống hoác, đang rùng rục cháy. Ba quả bom đã rơi qua mái nhà và không còn lại gì hết cả. Thật may mắn

là quầy bar vẫn còn trụ được, khách khứa của khách sạn vẫn an toàn và đã được cứu ra. Anh chàng Georgia ở cùng phòng với tôi vẫn uống cognac ừng ực như vậy với vài người gặp nạn khác; ngay khi nhìn thấy tôi, anh ta bắt tôi phải uống một cốc. "Tôi mất tất cả rồi! Tất cả! Cái mà tôi tiếc nhất là đồng giày. Bốn đôi mới toanh!" – "Anh có nơi nào để đi không?" Anh ta nhún vai: "Tôi có bạn ở không xa đây lắm. Rauchstrasse." – "Lại đây, tôi sẽ chở anh đến đó." Ngôi nhà mà anh chàng người Georgia chỉ cho tôi không còn cửa sổ nhưng có vẻ như vẫn có người sống bên trong. Tôi đợi vài phút trong khi anh ta đi hỏi tin tức. Anh ta quay trở lại với vẻ vui sướng: "Tốt rồi! Họ sắp đi Marienbad, tôi sẽ đi cùng luôn. Anh lên uống một cốc chứ?" Tôi lịch sự từ chối, nhưng anh ta cứ khẳng định: "Nào! Uống vì *possochok*." Tôi cảm thấy trống rỗng, kiệt sức. Tôi chúc anh ta may mắn và bỏ đi luôn một mạch. Ở *Staatspolizei*, một viên Untersturmführer nói với tôi rằng Thomas đã đến trú ở nhà Schellenberg. Tôi ăn một ít, nhờ dựng cho mình một cái giường trong phòng ngủ chung tạm bợ, và thiếp đi ngay.

Hôm sau, thứ Năm, tôi tiếp tục thu thập các số liệu thống kê cho Brandt. Walser vẫn không thấy xuất hiện trở lại nhưng tôi không mấy lo lắng. Để giải quyết việc thiếu các đường dây điện thoại, giờ đây chúng tôi có được một đội Hitlerjugend do Goebbels cho mượn. Chúng tôi sai họ đi khắp nơi, bằng xe đạp hoặc đi bộ, chuyển đi hoặc lấy về các tin tức và thư từ. Trong thành phố, công việc hăng hái của các cơ quan công chính đã bắt đầu có kết quả: tại một số khu đã có nước trở lại, cả điện cũng vậy, người ta cho chạy lại vài đoạn tramway, và U-Bahn và S-Bahn ở những nơi có thể. Chúng tôi cũng biết rằng Goebbels đang suy nghĩ đến một cuộc sơ tán một phần thành phố. Khắp nơi, trên những đồng đồ nát, xuất hiện dày đặc những dòng chữ viết bằng phấn, người ta đang cố sức tìm lại người thân, bạn bè, hàng xóm của mình. Khoảng giữa trưa, tôi xin mượn một chiếc xe hòm nhỏ của cảnh sát để đến giúp Asbach chôn cất bà mẹ vợ của anh ta ở nghĩa trang Plötzensee, bên cạnh chồng bà, đã chết bốn năm

trước vì bệnh ung thư. Có vẻ như Asbach đã khá hơn một chút: vợ anh ta đã trấn tĩnh lại, cô đã nhận ra anh ta; nhưng anh ta vẫn chưa nói gì với cô, cả về bà mẹ lẫn đứa con. Fräulein Praxa đi cùng chúng tôi và thậm chí còn xoay sở thế nào đó để kiếm được hoa; Asbach có vẻ rất xúc động vì chuyện này. Ngoài chúng tôi chỉ có ba người bạn của anh ta, trong đó có một cặp vợ chồng, và một ông mục sư. Quan tài được ghép lại từ những thanh gỗ bào qua loa; Asbach nhắc đi nhắc lại rằng ngay khi có thể anh ta sẽ xin một giấy phép bốc mộ bà mẹ vợ để có thể làm được một lễ tang cho ra hồn: họ chưa bao giờ hòa thuận với nhau, anh ta nói thêm, bà không che giấu sự khinh bỉ đối với bộ quân phục SS của anh ta, nhưng dù sao thì đó cũng là mẹ của vợ anh ta, và Asbach yêu vợ. Tôi không hề ghen tị với hoàn cảnh của anh ta: cô độc ở trên đồi đôi khi có một lợi thế lớn, nhất là trong chiến tranh. Tôi chở anh ta đến bệnh viện quân sự nơi vợ anh ta đang nằm và quay trở về SS-Haus. Tối đó không có đợt oanh tạc nào; có tiếng còi báo động vang lên vào lúc đầu buổi tối, gây ra một cơn hoảng loạn, nhưng đó chỉ là những chiếc máy bay do thám, đến để chụp ảnh các thiệt hại. Sau đợt báo động, trong khoảng thời gian đó tôi ở trong boongke của *Staatspolizei*, Thomas dẫn tôi đến một quán ăn nhỏ đã kịp mở cửa lại. Anh có vẻ rất vui vẻ: Schellenberg đã thu xếp cho anh một căn hộ hai tầng ở Dahlem, trong một khu phố sang trọng gần Grunewald, và anh sẽ mua lại một chiếc Mercedes mui trần nhỏ từ người vợ góa của một viên Hauptsturmführer bị giết chết trong cuộc không kích đầu tiên và đang cần tiền. “Thật may mắn là ngân hàng của tớ không sao cả. Cái đó là quan trọng nhất.” Tôi bĩu môi: “Dù sao thì cũng có những cái khác quan trọng chứ.” – “Chẳng hạn như là gì?” – “Những hy sinh của chúng ta. Nỗi đau khổ của người dân, ở đây, xung quanh chúng ta, ở mặt trận.” Ở Nga, mọi việc đang rất tồi tệ: sau khi mất Kiev, chúng tôi đã thành công trong việc chiếm lại Jitomir, nhưng chỉ là để sau đó mất luôn Tcherkassy vào ngày tôi đi săn gà gô đen cùng Speer; ở Rovno, những kẻ nổi dậy Ukraine của UPA, vừa chống Đức vừa chống Bôn-sê-ích, bắn những người

lính đơn độc của chúng tôi như bắn những con thỏ. “Tớ vẫn từng luôn nói với cậu rồi đấy, Max, Thomas nói tiếp, cậu xem trọng mọi việc quá mức.” – “Đó là một vấn đề thuộc về *Weltanschauung*,” tôi vừa nói vừa giơ cốc lên. Thomas có một nụ cười ngẩn ngui đầy chế giễu. “*Weltanschauung* ở đây, *Weltanschauung* ở kia, Schnitzler từng nói vậy. Những ngày này tất cả mọi người đều có một *Weltanschauung*, kể cả một tay bán bánh mì hoặc một chú thợ thông ống khói cũng có *Weltanschauung* của mình, tay chủ gara của tớ tăng giá tiền sửa chữa lên 30% nhưng hẳn ta cũng có *Weltanschauung* của hẳn. Cả tớ cũng có một cái...” Anh im bật và uống tiếp; tôi cũng uống. Đó là một thứ rượu vang Bungari, hơi khé cổ, nhưng xét theo hoàn cảnh thì không có gì để phàn nàn cả. “Tớ sẽ nói với cậu điều gì là quan trọng, Thomas nói tiếp, về giận dữ. Cứ phục vụ đất nước của cậu, chết nếu cần thiết, nhưng trong khi chờ đợi thì tận hưởng hết mức cuộc đời đi. Cái huân chương *Ritterkreuz* được truy tặng sau khi chết có thể sẽ an ủi được bà mẹ già của cậu, nhưng với cậu thì đó sẽ chỉ là một thứ tặng thưởng lạnh lẽo.” – “Mẹ tớ chết rồi,” tôi nhẹ nhàng nói. – “Tớ biết. Xin lỗi nhé.” Một tối, sau nhiều cốc rượu, tôi đã kể cho anh về cái chết của mẹ tôi, nhưng không nói sâu vào các chi tiết; kể từ đó, chúng tôi không nói lại chuyện ấy nữa. Thomas vẫn uống, rồi lại phá lên cười: “Cậu có biết tại sao chúng ta lại căm ghét bọn Do Thái không? Tớ sẽ nói cho cậu. Chúng ta căm ghét bọn Do Thái bởi vì đó là một dân tộc tiết kiệm và thận trọng, keo kiệt, không chỉ là về tiền bạc và về sự an toàn mà là cả về các truyền thống, tri thức và những quyền sách của chúng nữa, không có khả năng cho ai cái gì hay chi tiêu, một dân tộc không biết đến chiến tranh. Một dân tộc chỉ biết đến thu vén, không biết hoang phí. Ở Kiev cậu đã nói rằng việc giết bọn Do Thái là một điều lãng phí. Thì đúng là như vậy, bằng cách lãng phí cuộc đời chúng giống như là người ta vãi gạo ở một đám cưới, chúng ta dạy cho chúng cách tiêu xài, chúng ta dạy cho chúng về chiến tranh. Và bằng chứng cho thấy điều đó có tác dụng, rằng bọn Do Thái đã bắt đầu học được bài học của mình, đó là Vacxava, là

Treblinka, là Sobibor, là Bialystok, bọn Do Thái đã trở thành các chiến binh, chúng trở nên tàn bạo, chúng cũng trở thành những kẻ giết người. Tôi thấy điều đó rất là tuyệt. Chúng ta đã biến được chúng trở lại thành những kẻ thù xứng đáng của chúng ta. Khẩu hiệu *Vì Do Thái*” – anh đập tay lên ngực ở chỗ trái tim, nơi người ta khâu lên ngôi sao – “có giá trị trở lại. Và nếu người Đức không run lên giống như bọn Do Thái, thay vì than vãn, họ sẽ có được những gì họ xứng đáng. *Voe victis*.” Anh uống một hơi cạn cốc rượu, cái nhìn trở nên xa vắng. Tôi nhận ra anh đã say. “Tôi về đây,” anh nói. Tôi đề nghị chở anh về, nhưng anh từ chối: anh đã lấy một cái ô tô ở gara. Phải ra đến ngoài phố đã được dọn dẹp một phần, anh mới lơ đãng bắt tay tôi, sập cửa lại, và rồ máy phóng đi. Tôi quay về ngủ ở *Staatspolizei*; ít nhất là đã có suối và tắm rửa được.

Tối hôm sau, lại có thêm một cuộc oanh tạc, cuộc thứ năm và cũng là cuối cùng của đợt không kích. Tổn thất thật đáng sợ: trung tâm thành phố trở thành một đồng trống, cũng như một phần lớn khu Wedding, người ta tính được hơn 4 000 người chết và 400 000 người rơi vào hoàn nạn, nhiều nhà máy và nhiều bộ bị phá hủy, thông tin liên lạc và giao thông công cộng mất hàng tuần mới được khôi phục. Người ta sống trong các căn hộ không có cửa sổ lẫn suối ấm: một phần đáng kể số than dự trữ, được dồn trong những khu vườn chuẩn bị cho mùa đông, đã cháy. Tìm được bánh mì trở thành một việc không thể, các cửa hàng trống không, và NSV đã cho đặt các nhà bếp dã chiến tại các bộ bị tàn phá để phục vụ món xúp bắp cải. Trong tòa nhà của Reichsführung và của RSHA, người ta xoay xở khá hơn: có đồ ăn và chỗ để ngủ, người ta phát quần áo và quần phục cho những người đã mất tất cả. Khi Brandt tiếp tôi, tôi đề nghị ông ta chuyển một phần êkip của mình đến Oranienburg, ở trụ sở của IKL, và chỉ giữ lại một phòng làm việc nhỏ ở Berlin để làm công tác liên lạc. Ông ta thấy ý tưởng đó tốt nhưng còn muốn tham khảo Reichsführer. Reichsführer, ông ta nói với tôi, đã chấp nhận việc Speer đến thăm *Mittelbau*: tôi sẽ phải phụ trách tổ chức toàn bộ

việc này. “Làm thế nào đó để Reichsminister được... hài lòng,” ông ta nói thêm. Tôi có thêm một điều bất ngờ: tôi được thăng Obersturmbannführer. Tôi rất sung sướng, nhưng đầy ngạc nhiên: “Nhưng tại sao?” – “Reichsführer đã quyết định như vậy. Những công việc của anh đã có được một tầm quan trọng nhất định và tiếp tục trở nên ngày càng quan trọng hơn. Nhân tiện, anh nghĩ gì về việc tái tổ chức Auschwitz?” Đầu tháng, Obersturmbannführer Liebehenschel, trợ lý của Glücks ở IKL, đã đổi chỗ của mình với Höss; kể từ đó, Auschwitz đã được chia làm ba trại khác nhau: *Stammlager*, khu Birkenau, và Monowitz với tất cả các *Nebenlager*. Liebehenschel vẫn là Kommandant của Auschwitz I và cũng là *Standortälteste* cho cả ba trại, điều đó khiến cho ông ta có quyền trông coi công việc của hai Kommandant mới, Hartjenstein và Hauptsturmführer Schwarz, cho đến khi đó vẫn là Arbeitskommandoführer rồi Lagerführer dưới quyền Höss. “Herr Standartenführer, tôi nghĩ rằng việc điều chỉnh lại về mặt hành chính là một bước đi rất tốt: trại đã trở nên quá lớn và không thể quản lý nổi. Về phần Obersturmbannführer Liebehenschel, theo những gì tôi được biết, thì đó là một lựa chọn tốt, ông ấy đã hiểu được toàn toàn những ưu tiên mới. Nhưng tôi cũng phải thú nhận với ông rằng tôi thấy rất khó, khi biết tin Obersturmbannführer Höss được bổ nhiệm ở IKL, nắm bắt được chính sách nhân sự của cách tổ chức này. Tôi dành cho Obersturmbannführer Höss một sự kính trọng to lớn; tôi coi ông ấy là một người lính tuyệt vời; nhưng nếu ông muốn biết ý kiến của tôi, thì ông ấy rất nên được giao chỉ huy một trung đoàn Waffen-SS ở mặt trận. Đó không phải là một nhà quản lý. Liebehenschel xử lý một phần lớn các công việc thường ngày của IKL. Chắc chắn Höss không phải là người quan tâm đến các chi tiết thuộc về hành chính đó.” Brandt nhìn tôi chằm chằm qua cặp kính tròn như mắt cú của mình. “Tôi xin cảm ơn vì sự thẳng thắn của anh. Nhưng tôi không nghĩ Reichsführer nhất trí với anh. Và dù sao đi nữa, ngay cả khi Obersturmbannführer Höss có những tài năng khác hẳn với Liebehenschel, thì vẫn luôn có

Standartenführer Maurer cơ mà.” Tôi gạt đầu; Brandt chia sẻ ý kiến chung về Glücks. Isenbeck, khi tôi gặp lại anh ta vào tuần sau đó, kể lại cho tôi những gì người ta nói ở Oranienburg: tất cả mọi người đều hiểu rằng Höss đã chấm dứt vai trò ở Auschwitz, chỉ duy nhất Höss là không biết điều ấy; có vẻ như là đích thân Reichsführer đã thông báo cho ông ta về việc chuyển, trong một lần đến thăm trại, lấy cớ – chính Höss đã kể lại việc này ở Oranienburg – các chương trình phát thanh của BBC về những cuộc diệt trừ; việc ông ta được thăng đứng đầu D I khiến cho điều này nghe rất đáng tin. Nhưng tại sao người ta lại thận trọng đến vậy khi cư xử với ông ta? Với Thomas, người mà tôi đem việc này đến hỏi, chỉ có một cách giải thích duy nhất: Höss đã từng ngồi tù cùng Bormann, trong những năm 20, vì một vụ giết người bị xử ở tòa án Vehme; hẳn là họ vẫn còn giữ liên hệ với nhau và Bormann bảo trợ cho Höss.

Ngay khi Reichsführer thông qua đề nghị của tôi, tôi liền bắt đầu tiến hành tổ chức lại văn phòng. Toàn bộ đơn vị phụ trách nghiên cứu, với Asbach ở vị trí đứng đầu, được chuyển đến Oranienburg. Có vẻ như Asbach cảm thấy nhẹ nhõm vì được rời khỏi Berlin. Cùng Fräulein Praxa và hai trợ lý khác tôi quay trở lại các phòng làm việc cũ ở SS-Haus. Walser vẫn chưa quay trở lại: Piontek, mà cuối cùng tôi cũng phải đi tìm hiểu, thông báo lại rằng hầm trú ẩn tòa nhà của anh ta đã bị đánh sập vào buổi tối thứ Ba. Người ta ước tính có một trăm hai mươi ba người chết, toàn bộ những người sống trong tòa nhà, không có ai sống sót, nhưng phần lớn những cái xác khi được đào lên đều không thể nhận diện được. Để được yên tâm, tôi cho thông báo là anh ta đã mất tích: như vậy, cảnh sát sẽ tìm kiếm anh ta tại các bệnh viện; nhưng tôi có rất ít hy vọng rằng sẽ tìm được anh ta còn sống. Piontek có vẻ rất buồn vì chuyện này. Thomas, khi cơn buồn bã đã qua, trở nên tràn trề nghị lực; giờ đây chúng tôi lại trở thành hàng xóm của nhau ở chỗ làm, tôi thường xuyên gặp anh. Tôi không thông báo ngay với anh về việc mình được thăng cấp, mà, để gây cho anh một sự bất ngờ, chờ đến khi nhận được thông báo chính thức và

đã cho khâu lên áo cấp hiệu và sao vạch mới. Khi tôi đến phòng anh, anh phá lên cười, lục tìm trong ngăn kéo bàn làm việc, rút ra một tờ giấy, và kêu lên: “A! Khốn khổ cho cậu. Cậu tưởng là đã bắt kịp tờ rồi cơ đấy!” Anh gấp tờ giấy thành một cái máy bay và phi nó về phía tôi; mũi máy bay đập thẳng vào huân chương Thập tự Sắt và tôi mở nó ra để đọc được rằng Müller đang đề nghị thăng Thomas lên cấp Standartenführer. “Và cậu có thể chắc chắn rằng đề nghị này sẽ không bị từ chối đâu. Nhưng, anh nói thêm với về hào phóng, ngay cả trước khi việc đó được chính thức, tớ sẽ trả tiền các bữa tối.”

Việc thăng cấp của tôi cũng gây rất ít hiệu ứng lên Fräulein Praxa, người lúc nào cũng thân nhiên như nhất, nhưng cô ta không thể giấu được sự kinh ngạc khi nhận được một cú điện thoại từ đích thân Speer: “Reichsminister muốn nói chuyện với ông,” cô ta chìa ống nghe điện thoại về phía tôi, giọng xúc động. Sau cuộc oanh tạc mới nhất, tôi đã gửi cho ông ta một tin nhắn để thông báo về các dữ liệu mới của mình. “Sturmbannführer? giọng nói chắc nịch và dễ chịu của ông ta vang lên. Anh có khỏe không? Không gặp nhiều tổn thất quá đấy chứ?” – “Chuyên gia phụ trách lưu trữ của tôi chắc là bị giết chết rồi, Herr Reichsminister. Ngoài đó ra thì mọi chuyện đều ổn. Thế còn ngài?” – “Tôi đã chuyển đến các văn phòng tạm thời và gửi gia đình tôi về nông thôn. Thế nào?” – “Chuyến thăm *Mittelbau* của ngài đã được thông qua, Herr Reichsminister. Tôi được giao trách nhiệm tổ chức nó. Ngay khi có thể, tôi sẽ liên lạc với thư ký của ngài để ấn định một thời điểm.” Với các vấn đề quan trọng, Speer đã yêu cầu tôi gọi điện cho thư ký riêng của ông ta, chứ không phải là một viên trợ lý nào đó. “Tốt lắm, ông ta nói. Hẹn sớm gặp lại nhé.” Tôi đã viết thư cho *Mittelbau* để báo tin và để họ chuẩn bị đón tiếp. Tôi gọi điện cho Obersturmbannführer Förschner, Kommandant của Dora, để xác nhận lại các sắp xếp. “Nghe này, giọng nói cầu kính của ông ta vang lên ở đầu dây bên kia, chúng tôi sẽ cố gắng hết sức.” – “Tôi không yêu cầu ông cố gắng hết sức, Obersturmbannführer. Tôi yêu cầu cơ sở phải được chỉnh chu cho chuyến thăm của

Reichsminister. Dích thân Reichsführer đã nhấn mạnh điều đó. Ông đã hiểu tôi chưa?" – "Được rồi, được rồi. Tôi sẽ ra thêm các lệnh mới."

Căn hộ của tôi đã được sửa sang lại ít nhiều. Cuối cùng tôi đã tìm ra được kính để lắp cho hai cửa sổ; những cái khác vẫn được bịt lại bằng vải bạt đánh xi. Bà hàng xóm của tôi đã không chỉ cho sửa cửa ra vào mà còn kiếm được những cái đèn dầu trong khi chờ đợi có điện trở lại. Tôi cho mang than đến và, khi đã thấp được cái lò sưởi bằng gốm to lớn, trong nhà không còn lạnh chút nào nữa. Tôi tự nhủ rằng chọn một căn hộ ở tầng trên cùng là không được khôn ngoan lắm: tôi đã có một may mắn lớn khi thoát khỏi những đợt không kích trong tuần, nhưng nếu chúng lại tái diễn, điều này rất có thể sẽ xảy ra, thì sẽ không thể trụ lại được nữa. Trong thâm tâm, tôi từ chối những lo lắng: chỗ ở của tôi không thuộc về tôi, và tôi cũng không có nhiều đồ đạc cá nhân; cần phải giữ được thái độ bình thản giống như Thomas trước những điều này. Tôi chỉ mua một cái máy hát mới, với những cái đĩa *Partita* dành cho piano của Bach, cũng như các bản opera của Monteverdi. Tối đến, trong ánh sáng êm dịu và cổ kính của chiếc đèn dầu, một cốc cognac và bao thuốc lá trong tầm tay với, tôi ngả người ra divăng để nghe nhạc và quên đi tất cả những điều khác.

Tuy nhiên, một ý nghĩ mới ngày càng chiếm lĩnh tâm trí tôi nhiều hơn. Chủ nhật sau đợt ném bom, khoảng trưa, tôi lấy xe ở gara và đi đến nhà Hélène Anders. Trời lạnh, ẩm, bầu trời phủ đầy mây, nhưng không mưa. Trên đường đi, tôi tìm được một bó hoa, do một bà già trên phố bán, ở gần một bến S-Bahn. Đến tòa nhà của cô, tôi nhận ra mình không biết cô sống ở căn hộ nào. Tên cô không viết trên các hòm thư. Một người phụ nữ trông rất mạnh khỏe đi ra đúng vào lúc đó, đứng lại và nhìn tôi chằm chằm từ đầu xuống đến chân, trước khi hỏi tôi, bằng một thứ biệt ngữ Berlin rất nặng: "Ông tìm ai?" – "Fräulein Anders." – "Anders à? Không có Anders ở đây." Tôi miêu tả cô. "Ông muốn nói con gái nhà Winnefeld rồi. Nhưng đó không phải là một *Fräulein*." Bà ta chỉ cho tôi một căn hộ và tôi lên đó, bấm chuông cửa. Một người

đàn bà tóc bạc trắng mở cửa, nhướn lông mày. "Frau Winnefeld?" – "Vâng." Tôi rập gót chân và cúi đầu xuống. "Rất hân hạnh, meine Dame. Tôi đến gặp con gái bà." Tôi chìa bó hoa cho bà và tự giới thiệu. Hélène hiện ra trong hành lang, một cái áo sẫm màu vắt trên vai, và khuôn mặt cô hơi ửng hồng lên: "Ồ! cô mỉm cười. Anh đấy à." – "Tôi đến để hỏi hôm nay cô có định đi bơi không." – "Nó vẫn hoạt động à?" cô hỏi. – "Than ôi, không." Tôi đã ghé qua đó trước khi đến đây: một quả bom cháy đã rơi thẳng xuống mái vòm của nó, và người gác cửa đang trông coi đóng đồ nát khằng định với tôi rằng, xét theo những ưu tiên hiện tại, chắc chắn là nó sẽ không được mở cửa trở lại trước khi kết thúc chiến tranh. "Nhưng tôi biết một cái khác." – "Thế thì tốt quá. Tôi đi lấy đồ nhé." Dưới nhà, tôi mời cô lên xe và nổ máy. "Tôi không biết rằng cô là một *Frau*," tôi nói sau đó một lúc. Cô nhìn tôi với vẻ tự lự: "Tôi góa chồng. Chồng tôi bị quân du kích giết ở Nam Tư hồi năm ngoái. Chúng tôi lấy nhau chưa được một năm." – "Tôi rất tiếc." Cô nhìn ra cửa sổ. "Tôi cũng vậy," cô nói. Cô quay sang tôi: "Nhưng vẫn phải sống, đúng không nào?" Tôi không nói gì. "Hans, chồng tôi, cô nói tiếp, rất thích vùng bờ biển Dalmatie. Trong những bức thư của mình, anh ấy nói đến chuyện sẽ đến đó ở sau chiến tranh. Anh có biết vùng Dalmatie không?" – "Không. Tôi đã phục vụ ở Ukraine và Nga. Nhưng tôi không muốn đến đó sống." – "Anh muốn sống ở đâu?" – "Nói thật lòng thì tôi không biết. Không phải là ở Berlin, tôi nghĩ vậy. Tôi không biết." Tôi nói qua cho cô về tuổi thơ ở Pháp của mình. Cô lại là người Berlin lâu đời: ông bà cô đã sống ở khu Moabit. Chúng tôi đến Prinz-Albrechtstrasse và tôi đỗ lại trước nhà số 8. "Nhưng đây là trụ sở Gestapo!" cô kêu lên vẻ sợ hãi. Tôi mỉm cười: "Đúng rồi. Họ có một bể bơi nước nóng nhỏ ở dưới mặt đất." Cô nhìn chằm chằm vào mặt tôi: "Anh là cảnh sát à?" – "Hoàn toàn không." Qua cửa kính, tôi chỉ sang khách sạn *Prinz-Albrecht* cũ ở bên cạnh: "Tôi làm việc ở đó, văn phòng của Reichsführer. Tôi là luật gia, tôi phụ trách các vấn đề kinh tế." Điều này có vẻ trấn an cô. "Cô đừng lo. Bể bơi phục vụ cả các chuyên gia đánh máy chữ,

thư ký cũng như cảnh sát, những người có việc khác để làm." Quả thực, bể bơi nhỏ đến mức cần phải đặt chỗ trước. Ở đó chúng tôi gặp lại Thomas, đã mặc đồ bơi sần. "A, tôi có biết cô! anh kêu lên, và đẩy về lịch thiệp hôn lên bàn tay trắng muốt của Hélène. Cô là bạn của Liselotte và Mina Wehde." Tôi chỉ cho cô phòng thay quần áo của nữ, và đi thay quần áo, trong khi Thomas mỉm cười với tôi vẻ ranh mãnh. Khi tôi quay trở ra, Thomas, ở dưới nước, đang nói chuyện với một cô gái, nhưng Hélène vẫn còn chưa xuất hiện trở lại. Tôi nhảy xuống và bơi vài vòng dọc bể. Hélène ra khỏi phòng thay đồ. Chiếc áo tắm kiểu hiện đại bó chặt người làm nổi bật lên những đường nét vừa đầy đặn vừa thanh mảnh; dưới các đường cong, những cơ bắp hiện lên rất rõ. Khuôn mặt cô, mà cái mũ bonnê không làm giảm bớt được vẻ đẹp, rất vui vẻ: "Cố nước nóng! Thật là xa xỉ!" Cô cũng nhảy xuống nước, lặn hết nửa bể bơi, và bắt đầu bơi dọc bể. Tôi đã mệt; tôi lên bờ, choàng một cái khăn tắm lên người, và ngồi xuống một cái ghế trống đặt gần thành bể bơi, để hút thuốc và ngắm nhìn cô bơi. Thomas, nước chảy ròng ròng, đến ngồi cạnh tôi: "Đã đến lúc cậu nên nhúc nhích rồi đây." – "Cậu có thích cô ấy không?" Tiếng vỗ nước vọng lên mái vòm của căn phòng. Hélène bơi luôn bốn mươi lượt không dừng lại, một cây số. Rồi cô đến dựa lưng vào thành bể bơi, giống như lần đầu tiên tôi nhìn thấy cô, và mỉm cười với tôi: "Anh không bơi nhiều lắm." – "Tại thuốc lá đấy. Không đủ hơi nữa." – "Thật là đáng tiếc." Cô lại giơ tay lên và lặn xuống; nhưng lần này cô nổi lên cũng ở chỗ đó và nhún mình nhảy lên khỏi mặt nước bằng một động tác mềm dẻo. Cô lấy một cái khăn tắm, lau mặt và đến ngồi cạnh chúng tôi, cởi cái mũ bonnê ra và lắc lắc mái tóc ướt. "Còn anh, cô nói với Thomas, anh cũng phụ trách các vấn đề kinh tế à?" – "Không, anh trả lời. Tôi để việc đó lại cho Max. Cậu ấy thông minh hơn tôi nhiều." – "Cậu ấy là cảnh sát," tôi nói thêm. Thomas bĩu môi: "Cứ nói rằng tôi làm trong ngành an ninh." – "Brrr..., Hélène nói. Chắc là buồn lắm lắm." – "Ồ, làm gì đến mức đó." Tôi hút hết điếu thuốc và quay lại bể bơi một chút. Hélène bơi thêm hai mươi lượt bể nữa; Thomas tán tỉnh một cô đánh máy. Sau

đó, tôi tráng người dưới một vòi nước và thay quần áo; để Thomas lại đó, tôi mời Hélène đi uống trà. “Ở đâu?” – “Câu hỏi hay đấy. Trên Unter den Linden không còn gì hết cả. Nhưng chúng ta sẽ tìm ra thôi.” Cuối cùng tôi dẫn cô đến khách sạn *Esplanade*, trên Bellevuestrasse: nó hơi bị hư hại một chút, nhưng thoát được khỏi điều tồi tệ nhất; bên trong quán, ngoài những thanh gỗ gá trên cửa sổ, được che lại bởi các tấm riđô bằng vóc, người ta có thể tưởng là mình đang sống ở thời trước chiến tranh. “Nơi này đẹp quá, Hélène thì thâm. Tôi chưa bao giờ đến cả.” – “Bánh ngọt ngon lắm đấy, có vẻ là như vậy. Và họ không phục vụ các loại đồ thể phẩm đâu.” Tôi gọi một tách cà phê và nước trà cho cô; chúng tôi cũng lấy một ít bánh ngọt. Quả thực là chúng rất ngon. Khi tôi châm thuốc, cô xin một điếu. “Cô hút thuốc à?” – “Thỉnh thoảng.” Một lúc sau, cô nói về tư lự: “Thật đáng tiếc vì có cuộc chiến tranh này. Mọi thứ lẽ ra có thể đã tốt đẹp biết bao nhiêu.” – “Có thể. Tôi phải thú nhận với cô rằng tôi không nghĩ đến điều này.” Cô nhìn tôi: “Nói cho tôi một cách thẳng thắn đi: chúng ta sẽ thua, phải không?” – “Không! tôi nói, cảm thấy bị sốc. Tất nhiên là không.” Lại thêm một lần nữa, cô nhìn vào hư vô và rít hơi cuối cùng điếu thuốc của mình. “Chúng ta sẽ thua,” cô nói. Tôi đưa cô về nhà. Trước lối vào, cô bắt tay tôi với một dáng vẻ nghiêm túc. “Cảm ơn, cô nói. Tôi rất vui.” – “Tôi hy vọng đây sẽ không phải là lần cuối cùng.” – “Tôi cũng vậy. Hẹn sớm gặp lại anh.” Tôi nhìn cô đi qua vỉa hè và biến mất vào trong tòa nhà. Rồi tôi quay về nhà nghe nhạc Monteverdi.

Tôi không hiểu mình đang tìm kiếm điều gì với người phụ nữ trẻ tuổi này; nhưng tôi không tìm cách hiểu điều đó. Ở cô, điều mà tôi thích là sự dịu dàng, sự dịu dàng mà tôi từng ngỡ là chỉ có thể tồn tại trong những bức tranh của Vermeer thành Delft, xuyên qua đó có thể cảm thấy rõ ràng sức mạnh mềm dẻo của một lưỡi dao thép. Tôi đã thấy rất vui vẻ vào buổi chiều hôm đó, và lúc này tôi không tìm kiếm gì nhiều hơn, tôi không muốn suy nghĩ. Suy nghĩ, tôi dự cảm được điều này, sẽ ngay lập tức kéo theo những câu hỏi và những đòi hỏi đau đớn: được một lần này tôi

không thấy cần cái đó, tôi chỉ hài lòng với việc để thả mặc cho mọi việc kéo mình đi theo, giống như thứ âm nhạc vừa sáng suốt vừa đầy xúc cảm một cách cao quý của Monteverdi, và rồi chẳng nào thì cũng sẽ biết thôi. Trong tuần sau đó, trong những giờ phút rảnh việc, hoặc vào buổi tối, khi ở nhà, ý nghĩ về khuôn mặt nghiêm trang hoặc về sự bình thản của nụ cười của cô quay trở lại với tôi, gần như là nồng ấm, một ý nghĩ thân thiết, gần gũi, không làm tôi sợ.

Nhưng quá khứ là một điều gì đó, khi đã cần được rãnh vào da thịt bạn, không nhả bạn ra nữa. Vào khoảng giữa tuần tiếp theo những cuộc oanh tạc, Fräulein Praxa đến gõ cửa phòng làm việc của tôi. "Herr Obersturmbannführer? Có hai ông ở bên Kripo muốn gặp ông." Tôi đang tập trung vào một hồ sơ đặc biệt dày; bực bội, tôi đáp: "Thế thì cứ để họ làm như tất cả những người khác đi, đặt cho họ một cái hẹn." – "Vâng, Herr Obersturmbannführer." Cô ta đóng cửa phòng lại. Một phút sau cô ta lại gõ cửa: "Xin ông thứ lỗi, Herr Obersturmbannführer. Họ cứ khẳng khẳng. Họ nói báo lại với ông rằng đây là một chuyện cá nhân. Họ nói rằng có liên quan đến mẹ ông." Tôi hít một hơi thật sâu và khép tập hồ sơ lại: "Thế thì bảo họ vào đi."

Hai người đàn ông theo nhau vào phòng làm việc của tôi là các cảnh sát thực thụ, không phải là cảnh sát danh dự như Thomas. Họ mặc những chiếc măng tô dài màu ghi, bằng len cứng và thô, hẳn là được dệt từ xơ gỗ, mũ cầm trên tay. Họ do dự rồi giơ tay lên: "*Heil Hitler!*" Tôi chào lại họ và mời họ ngồi trên chiếc divăng. Họ tự giới thiệu: Kriminalkommissar Clemens và Kriminalkommissar Weser, thuộc Referat V B 1, "*Einsatz/Các trọng tội*". "*Thật ra, một trong hai người, có thể là Clemens, nói, như một cách vào đề, chúng tôi làm việc theo yêu cầu của V A 1, phụ trách bên phối hợp quốc tế. Họ đã nhận được đề nghị giúp đỡ tư pháp của cảnh sát Pháp...*" – "Xin lỗi, tôi lạnh lùng ngắt lời, cho tôi xem giấy tờ của các anh được không?" Họ chìa thẻ căn

cước của mình và một tờ lệnh có chữ ký của một viên Regierungsrat tên là Galzow, ra lệnh cho họ trả lời những câu hỏi được chuyển đến cho bộ phận tư pháp Đức từ trưởng vùng Alpes-Maritimes trong khuôn khổ cuộc điều tra về vụ giết Moreau Aristide và vợ của ông ta Moreau Héloïse, vợ góa của Aue, họ khi chưa lấy chồng là C. "Như vậy là các anh điều tra về cái chết của mẹ tôi, tôi vừa nói vừa trả lại giấy tờ cho họ. Việc này thì có liên quan gì đến cảnh sát Đức? Họ đã bị giết chết ở Pháp." – "Hoàn toàn đúng, hoàn toàn đúng," người thứ hai nói, hắn ông ta là Weser. Người đầu tiên rút một quyển sổ từ trong túi áo ra và lật giở. "Có vẻ như đó là một vụ giết người rất tàn bạo, ông ta nói. Có thể là một kẻ điên, một kẻ bị ám ảnh về bạo lực. Hắn là ông đã bị chấn động rất mạnh." Giọng tôi vẫn khô khốc và cứng rắn: "Kriminalkommissar, tôi đã biết chuyện xảy ra. Các phản ứng cá nhân của tôi không liên quan gì đến anh. Tại sao các anh lại đến gặp tôi?" – "Chúng tôi muốn đặt cho ông vài câu hỏi," Weser nói. – "Với tư cách là nhân chứng tiềm năng," Clemens nói thêm. – "Nhân chứng nào?" tôi hỏi. Ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi: "Ông đã gặp họ vào thời gian đó, đúng không?" Tôi cũng tiếp tục nhìn chằm chằm vào ông ta: "Chính xác. Anh được thông tin đầy đủ đấy. Tôi đã đến thăm họ. Tôi không biết chính xác khi nào thì họ bị giết, nhưng chắc là không lâu sau đó." Clemens xem trong quyển sổ của mình, rồi chìa nó cho Weser. Weser nói tiếp: "Theo Gestapo Marseille, người ta đã cấp cho ông một giấy thông hành để đi vào vùng thuộc người Ý quản lý vào ngày 26 tháng Tư. Ông đã ở lại nhà mẹ ông bao nhiêu thời gian?" – "Chỉ có một ngày." – "Ông có chắc không?" Clemens hỏi. – "Tôi nghĩ vậy. Tại sao?" Weser lại xem sổ của Clemens: "Theo cảnh sát Pháp, một cảnh binh đã nhìn thấy một sĩ quan SS rời khỏi Antibes bằng xe khách vào sáng ngày 29. Không có nhiều sĩ quan SS trong khu vực đó lắm, và chắc chắn là họ không đi lại bằng xe khách." – "Cũng có thể là tôi đã ở đó hai đêm. Vào thời gian đó tôi đi rất nhiều. Có quan trọng không?" – "Có thể. Những cái xác được tìm thấy vào ngày mùng 1 tháng Năm, bởi một người đưa sữa. Chúng không

còn mới lắm. Bác sĩ pháp y ước chừng họ đã chết được từ sáu mươi đến tám mươi tư giờ trước đó, tức là giữa tối 28 và tối 29.” – “Về phần mình, tôi có thể nói với các anh rằng khi tôi tạm biệt họ vẫn còn sống.” – “Vậy là, Clemens nói, nếu ông đi vào sáng 29, thì tức là họ đã bị giết trong ngày.” – “Có thể lắm. Tôi chưa bao giờ tự đặt cho mình câu hỏi đó.” – “Ông đã biết tin về cái chết của họ như thế nào?” – “Em gái tôi báo cho tôi.” – “Quả thực, Weser nói, vẫn cúi người xuống để xem quyển sổ của Clemens, bà ấy đã đến nơi gần như ngay lập tức. Ngày 2 tháng Năm, nếu muốn chính xác hơn. Ông có biết bà ấy biết tin bằng cách nào không?” – “Không.” – “Kể từ đó ông có gặp lại bà ấy không?” Clemens hỏi. – “Không.” – “Bây giờ bà ấy ở đâu?” Weser hỏi. – “Nó sống cùng chồng ở Poméranie. Tôi có thể cho các anh địa chỉ, nhưng tôi không nghĩ là họ đang ở đó. Họ thường xuyên sang Thụy Sĩ.” Weser cầm lấy quyển sổ từ tay Clemens và viết vài chữ. Clemens hỏi tôi: “Ông không giữ quan hệ với bà ấy à?” – “Không thường xuyên lắm,” tôi đáp. – “Thế còn mẹ ông, ông có hay gặp không?” Weser hỏi. Có vẻ như là họ liên tục thay nhau nói và cái trò tiểu xảo này khiến tôi thấy căng thẳng tột độ. “Cũng không hay gặp lắm,” tôi trả lời một cách lạnh lùng nhất có thể được. – “Nói tóm lại, Clemens nói, ông không gần gũi với gia đình mình lắm.” – “Meine Herren, tôi đã nói với các anh rồi, tôi không có trách nhiệm nói cho các anh về những tình cảm riêng tư của tôi. Tôi không thấy quan hệ của tôi với gia đình tôi có thể có liên hệ vào với các anh.” – “Khi xảy ra giết người, Herr Obersturmbannführer, Weser nói một cách trang trọng, tất cả mọi điều đều có thể quan hệ với cảnh sát.” Trông họ thực sự giống một cặp đôi cớm trong các bộ phim của Mỹ. Nhưng hẳn là họ đã cố tình làm ra vẻ như vậy. “Herr Moreau đó là bố dượng của ông, phải không?” Weser tiếp tục. – “Phải. Ông ấy đã lấy mẹ tôi vào năm... 1929, tôi nghĩ vậy. Hoặc cũng có thể là năm 28.” – “1929, chính xác đấy,” Weser vừa nói vừa nhìn vào quyển sổ. – “Ông có biết gì về di chúc của ông ấy không?” Clemens đột ngột hỏi. “Không hề. Tại sao?” – “Herr Moreau không nghèo, Weser nói.

Có thể là ông được thừa kế một món kha khá." – "Tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu quả thực là như vậy. Bố dưỡng tôi và tôi không thân thiết gì với nhau cả." – "Có thể là như vậy, Clemens nói tiếp, nhưng ông ấy không có con, cũng không có anh chị em. Nếu ông ấy chết mà không lập di chúc, thì ông và em gái ông sẽ được hưởng tất cả." – "Thậm chí tôi còn chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó, tôi nói một cách thành thực. Nhưng, thay vì cứ suy luận một cách vô căn cứ như vậy, tốt hơn hết là nói cho tôi biết: người ta có tìm được một bản di chúc nào không?" Weser giở sổ: "Nói thật lòng là chúng tôi chưa biết." – "Dù sao thì, tôi tuyên bố, vẫn chưa có ai liên lạc với tôi về vấn đề này cả." Weser nguệch ngoạc điều gì đó vào sổ. "Một câu hỏi nữa, Herr Obersturmbannführer: có hai đứa trẻ con ở nhà Herr Moreau. Hai đứa trẻ sinh đôi. Vẫn còn sống." – "Tôi đã nhìn thấy những đứa trẻ đó. Mẹ tôi nói với tôi rằng đó là con của một bà bạn. Các anh có biết chúng là ai không?" – "Không, Clemens cầu nhàu. Có vẻ như là những người Pháp đó cũng không biết." – "Chúng là nhân chứng của vụ giết người à?" – "Chúng nhất định không chịu cạy răng," Weser nói. – "Có thể chúng đã nhìn thấy cái gì đó," Clemens nói thêm. – "Nhưng chúng không muốn nói," Weser nhắc lại. – "Có thể là chúng bị sốc nặng quá," Clemens giải thích. – "Chúng ra sao rồi?" tôi hỏi. – "Đó chính là điểm khác thường, Weser đáp. Em gái ông đã mang chúng đi theo." – "Chúng tôi không hiểu là tại sao, Clemens nói. Cũng như là bằng cách nào." – "Thêm vào đó, việc này có vẻ vô cùng bất thường," Weser bình luận. – "Vô cùng, Clemens nhắc lại. Nhưng vào thời điểm đó toàn là người Ý. Với bọn họ thì chuyện gì cũng đều là có thể." – "Đúng, thực sự là tất cả, Weser hòa theo. Trừ một cuộc điều tra theo đúng quy tắc." – "Ngoài ra thì người Pháp cũng giống vậy luôn," Clemens nói tiếp. – "Phải, họ cũng giống hệt, Weser xác nhận. Làm việc với họ chẳng có gì thích thú cả." – "Meine Herren, cuối cùng tôi phải ngắt lời họ. Tất cả những điều đó đều rất hay ho, nhưng có liên quan gì đến tôi?" Clemens và Weser nhìn nhau. "Các anh thấy đấy, lúc này tôi đang rất bận. Trừ khi các anh có những câu hỏi

cụ thể khác, nếu không tôi nghĩ chúng ta có thể dừng lại ở đây chứ?" Clemens gật đầu; Weser gấp quyển sổ lại và chìa nó cho ông ta. Rồi ông ta đứng dậy: "Xin ông thứ lỗi, Herr Obersturmbannführer." – "Vâng, Clemens vừa nói vừa đứng dậy. Xin ông thứ lỗi. Cảm ơn vì sự hợp tác của ông." Tôi chìa tay cho họ: "Không dám. Nếu các ông còn những câu hỏi khác thì cứ liên hệ lại với tôi nhé." Tôi lấy mấy cái cacvidit trong ngăn kéo và chìa cho mỗi người một cái. "Cảm ơn," Weser vừa nói vừa nhét nó vào túi. Clemens nhìn tấm các của mình: "*Đại diện đặc biệt của Reichsführer-SS ở Arbeitseinsatz*, ông ta đọc. Nghĩa là gì?" – "Đó là một bí mật quốc gia, Kriminalkommissar," tôi đáp. – "Ồi. Xin tha lỗi cho tôi." Cả hai chào tôi và tiến về phía cửa. Clemens, cao hơn Weser đến một cái đầu, mở cửa và đi ra; Weser còn nán lại trên ngưỡng cửa và quay đầu lại: "Xin lỗi ông, Herr Obersturmbannführer. Tôi quên mất một chi tiết." Ông ta lại quay đi: "Clemens! Quyển sổ." Ông ta lại mở sổ ra. "A đúng rồi: khi ông đến thăm mẹ, ông mặc quân phục hay thường phục?" – "Tôi không nhớ nữa. Tại sao? Có quan trọng không?" – "Chắc là không. Viên Obersturmführer ở Marseille, người đã trao giấy thông hành cho ông, nghĩ rằng ông mặc thường phục." – "Có thể lắm. Tôi đang được nghỉ mà." Ông ta gật đầu: "Cảm ơn. Nếu còn có điều gì khác nữa, chúng tôi sẽ gọi điện cho ông. Xin thứ lỗi cho chúng tôi vì đã đến một cách đường đột như vậy nhé. Lần tới, chúng tôi sẽ đặt hẹn."

Chuyến viếng thăm này để lại trong miệng tôi một dư vị tồi tệ. Đúng ra thì hai nhân vật tranh biếm họa này muốn gì ở tôi? Tôi thấy họ đầy vẻ gây hấn, nói năng úp mở. Tất nhiên là tôi đã nói dối họ: nhưng nếu tôi nói với họ là mình đã nhìn thấy những cái xác, thì hẳn là chuyện đó sẽ gây ra cả một loạt những phiền phức. Tôi không hề có cảm giác là họ nghi ngờ tôi về điều này; sự nghi ngờ của họ có vẻ mang tính hệ thống, chắc hẳn là do thói quen nghề nghiệp. Tôi thấy những câu hỏi của họ về tài sản mà Moreau để lại thật khó chịu: có vẻ như là họ muốn qua đó ngầm nói rằng tôi có thể có một động cơ nào đó, một lợi ích liên quan

đến tiền bạc, thật là thô thiển. Liệu có thể rằng họ nghi ngờ tôi đã giết người không? Tôi cố nhớ lại cuộc nói chuyện và phải công nhận rằng rất có thể là như vậy. Tôi thấy điều này thật đáng sợ, nhưng đầu óc của một cảnh sát viên chuyên nghiệp hẳn là phải như thế. Một câu hỏi khác còn làm tôi bận tâm hơn nữa: tại sao em gái tôi lại mang hai thằng bé sinh đôi đi? Una có liên hệ gì với chúng? Tất cả những cái đó, tôi buộc lòng phải nói, khiến tôi cảm thấy bối rối một cách sâu sắc. Tôi thấy điều này gần như là bất công: vào đúng lúc cuộc đời tôi cuối cùng cũng có vẻ đang hướng được đến một hình thức cân bằng, một cảm giác về sự bình thường, gần giống với cuộc sống của tất cả những người khác, thì mấy tay cớm ngu xuẩn này lại đến thức tỉnh những câu hỏi, khơi lên những lo sợ, những tra vấn không lời đáp. Thật ra thì logic hơn cả là gọi điện hoặc viết thư cho em gái tôi, để hỏi Una về hai thằng bé sinh đôi khốn kiếp kia, và cũng là để có thể chắc chắn được, nếu mấy tay cảnh sát kia có khi nào đến thăm vấn Una, rằng câu chuyện của Una sẽ không mâu thuẫn với câu chuyện của tôi, về việc tôi thấy cần thiết phải che giấu một phần sự thật. Nhưng, tôi cũng không biết rõ là tại sao, tôi không làm việc đó ngay lập tức; không phải là có cái gì đó giữ tôi lại, mà đúng hơn là tôi không muốn vội vã. Gọi điện thoại không phải là một việc khó khăn, tôi có thể làm điều đó khi nào muốn, không việc gì phải vội vã.

Ngoài ra tôi cũng rất bận. Êkip của tôi ở Oranienburg, dưới sự điều hành của Asbach, tiếp tục phát triển, đều đặn gửi cho tôi những tổng hợp nghiên cứu của mình về nhân công nước ngoài, vẫn thường được gọi là *Ausländereinsatz*. Các nhân công này được phân chia thành nhiều loại, dựa trên các tiêu chí về chủng tộc, với các mức độ đối xử khác nhau; trong đó cũng có cả tù nhân chiến tranh từ các nước phương Tây (nhưng không có các KGF của Xô viết, một loại riêng biệt, hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của OKW). Ngày hôm sau cuộc viếng thăm của hai viên thanh tra, tôi được triệu tập đến chỗ Reichsführer, lúc đó đang quan tâm đến vấn đề này. Tôi trình bày khá dài, bởi vì vấn đề rất phức tạp,

nhưng đầy đủ: Reichsführer lắng nghe gần như không nói gì, không thể dò xét đằng sau cặp kính gọng thép của mình. Cùng lúc, tôi cũng phải chuẩn bị cho chuyến thăm của Speer đến *Mittelbau*, và tôi đến Lichterfelde – kể từ khi có các cuộc oanh tạc, miệng lưỡi Berlin xấu xa đã gọi khu phố là Trichterfelde, “cánh đồng lỗ chỗ miệng núi lửa” – để nghe Brigadeführer Kammler, người đứng đầu Amtsgruppe C (“Xây dựng”) của WVHA giải trình về dự án. Kammler, một người khô khốc, căng thẳng, chính xác, mà cách nói năng và những cử chỉ gấp gáp che giấu một ý chí không thể lay chuyển, nói chuyện với tôi, và đó là lần đầu tiên tôi được nghe nói về dự án ngoài những tin đồn rải rác, về loại tên lửa A-4, thứ vũ khí kỳ diệu theo ông ta sẽ làm thay đổi không thể đảo ngược tiến trình của cuộc chiến tranh ngay khi được đưa vào sản xuất hàng loạt. Người Anh đã nghe phong thanh về sự tồn tại của nó và, vào tháng Tám, ném bom xuống các cơ sở bí mật nơi nó đang được chế tạo, ở phía Bắc hòn đảo Usedom nơi tôi từng sống trong thời kỳ bình phục sau vết thương. Ba tuần sau đó, Reichsführer đề nghị với Führer và Speer chuyển các cơ sở xuống dưới lòng đất và đảm bảo sự bí mật của nó bằng cách chỉ sử dụng những người tù của các trại tập trung trong quá trình sản xuất. Chính Kammler đã lựa chọn địa điểm, các đường hầm trong lòng đất ở vùng Harz vẫn được Wehrmacht sử dụng để cất trữ xăng dầu. Một công ty đã được thành lập để quản lý dự án, công ty trách nhiệm hữu hạn Mittelwerke, dưới sự điều hành của bộ trưởng Speer; tuy nhiên, SS chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xây dựng địa điểm cũng như an ninh tại chỗ. “Việc lắp ráp tên lửa đã được bắt đầu, ngay cả khi cơ sở vẫn còn chưa xây xong; hẳn là Reichsminister sẽ hài lòng.” – “Tôi chỉ hy vọng rằng điều kiện lao động của các tù nhân được đảm bảo thích hợp, Herr Brigadeführer, tôi đáp. Tôi biết rằng đó là một mối lo thường trực của Reichsminister.” – “Các điều kiện sẽ được đúng như chúng cần phải như vậy, Obersturmbannführer. Dù sao thì cũng đang là chiến tranh mà. Nhưng tôi có thể đảm bảo với anh rằng Reichsminister sẽ không có gì để phàn nàn về vấn đề sản lượng.

Nhà máy nằm dưới sự kiểm soát cá nhân của tôi, đích thân tôi đã lựa chọn Kommandant, một người rất có hiệu quả. RSHA cũng không gây khó dễ cho tôi: tôi đã cắt cử một người của tôi, tiến sĩ Bischoff, để trông coi an ninh sản xuất và phòng ngừa các hành động phá hoại. Cho đến giờ, chưa hề có bất kỳ phiền phức nào. Dù sao, ông ta nói thêm, tôi cũng đã thanh tra nhiều KL cùng với các thuộc cấp của Reichsminister Speer, vào tháng Tư và tháng Năm; họ không phàn nàn gì nhiều lắm đâu, và *Mittelbau* có giá trị ngang với Auschwitz.”

Chuyến thăm diễn ra vào một thứ Sáu của tháng Chạp. Trời lạnh cắt da cắt thịt. Speer đi cùng hai chuyên gia của bộ. Máy bay riêng của ông ta, một chiếc Heinkel, đưa chúng tôi đến Nordhausen; tại đó, một phái đoàn của trại do Kommandant Förschner dẫn đầu ra đón và đưa chúng tôi về địa điểm. Đường đi, bị chặn lại bởi nhiều trạm gác SS, chạy dọc theo bờ dốc phía Nam của vùng Harz; Förschner giải thích rằng toàn bộ dãy núi đã bị cấm lai vãng, người ta đã bắt tay vào nhiều dự án ngầm dưới đất khác cách xa hơn một chút về phía Nam, tại các trại phụ của *Mittelbau*; ở chính Dora, khu vực phía Bắc của hai đường hầm đã được dùng để sản xuất động cơ máy bay Junker. Speer lắng nghe những lời giải thích mà không nói gì. Đường đi dẫn đến một quảng trường lớn nền đất nện; ở một bên mọc lên dãy lán trại của lính gác SS và của Kommandantur; đối diện, ngổn ngang những đồng vật liệu xây dựng phủ lưới nguy trang, được gia cố dưới một đỉnh núi trông thông, cửa vào đường hầm đầu tiên mở ra toang hoác. Chúng tôi đi vào đó theo sau Förschner và nhiều kỹ sư của Mittelwerke. Bụi thạch cao và khói hắc của các loại chất nổ công nghiệp làm tôi khó thở; trộn lẫn với chúng là nhiều thứ mùi khác không thể định nghĩa, nhẹ nhàng và gây buồn nôn, những thứ nhắc nhở tôi về những lần đầu tiên đến thăm các trại. Càng đi thêm lên, các *Häftling*, đã được viên Spiess đi trước phái đoàn báo động, xếp thành hàng đứng nghiêm và bỏ mũ calô ra. Phần lớn gầy gò khủng khiếp; đầu họ, được đặt trên những cái cổ trơ xương trong một tư thế thẳng

bằng tạm bợ, giống với những cục tròn xấu xí vẽ thêm cái mũi khổng lồ và tai được cắt bằng bìa cactông, và trên đó người ta đã ấn thêm vào hai cái mắt to tướng, trống rỗng và từ chối nhìn vào chúng tôi. Gần họ, những thứ mùi mà tôi đã nghĩ thấy khi đi vào trở thành một mùi hôi thối kinh người tỏa ra từ quần áo bẩn thỉu, từ những vết thương, từ chính cơ thể của họ. Nhiều người của Speer, mặt xanh nhợt, áp khăn mùi soa lên mặt; Speer vẫn để hai tay sau lưng và xem xét tất cả với một dáng vẻ khép kín và căng thẳng. Nối liền hai đường hầm chính, A và B, những đường hầm ngang cách nhau chừng hai mươi lăm mét: cái đầu tiên trong số chúng để lộ cho chúng tôi nhìn thấy những cái giường bằng gỗ thô, đặt san sát nhau theo bốn tầng, từ trên đó, dưới những cú vụt dùi cui của một viên hạ sĩ quan SS, nhảy vội xuống và sẵn sàng ngay ở vị trí đứng nghiêm chào một đoàn tù binh đông nhung nhúc quần áo rách tơi tả, phần lớn trần truồng hoặc gần như trần truồng, một số chân còn vương cứt. Các vòm trần bằng bê tông trần sủi ra sự ẩm ướt. Trước những cái giường, ở đoạn giao nhau với đường hầm chính, những thùng kim loại lớn, cắt làm hai phần theo chiều đứng và đặt ở bên cạnh, được dùng làm chuồng tiêu; chúng gần như đầy sánh lên một thứ chất lỏng nhầy nhụa màu vàng, xanh lá cây, nâu, thối hoảng. Một trong số các trợ lý của Speer kêu lên: "Nhưng đây chính là địa ngục của Dante!"; một người khác, đi lùi lại một đoạn, nôn mửa vào tường. Tôi cũng cảm thấy cơn buồn nôn ngày xưa đang quay trở lại, nhưng cố kìm giữ được và thở phì phò qua đường miệng, giữa hai hàm răng, từng hơi dài một. Speer quay sang Förschner: "Các tù nhân sống ở đây luôn à?" – "Vâng, Herr Reichsminister." – "Họ không bao giờ ra ngoài à?" – "Không, Herr Reichsminister." Trong khi chúng tôi tiếp tục đi, Förschner giải thích cho Speer rằng ở đây thiếu thốn mọi thứ và không có khả năng đảm bảo các điều kiện vệ sinh theo quy định; bệnh dịch dần hủy hoại những người tù. Thậm chí ông ta còn chỉ cho chúng tôi xem mấy cái xác chất đống ở lối vào các đường hầm ngang phụ, trần truồng hoặc dưới một lớp vải bạt đục, những bộ xương

người với lớp da bị tàn phá. Ở một trong các đường hầm-phòng ngủ chung, người ta đang phục vụ xúp: Speer đòi được nếm. Ông ta nuốt hết thìa của mình, rồi bảo tôi thử; tôi phải tự bắt mình không nhổ nó ra; đó là một thứ canh đắng nghét, hôi thối; có thể nói là người ta đã nấu các loại cỏ dại lên; ngay cả tận dưới đáy cái chậu cũng không hề có thứ chất đặc nào. Chúng tôi đi dọc theo chiều dài đường hầm, cho đến nhà máy Junker, lợi bì bõm trong bùn và đủ thứ bẩn thỉu, thở một cách khó nhọc, giữa hàng nghìn *Häftling* lần lượt hiện ra một cách máy móc, khuôn mặt không có chút biểu cảm nào. Tôi nhìn các phù hiệu mà họ đeo trên áo: ngoài người Đức, chủ yếu là những người "Xanh", còn có những người "Đỏ" từ tất cả các nước châu Âu, người Pháp, người Bỉ, người Ý, người Hà Lan, người Séc, người Ba Lan, người Nga và thậm chí cả người Tây Ban Nha, những người cộng hòa được tiếp nhận ở Pháp sau khi họ thất bại (nhưng tất nhiên là không có người Do Thái: vào thời điểm đó, nhân công Do Thái vẫn còn bị cấm ở Đức). Trong các đường hầm nhỏ chạy ngang, sau những nơi ngủ chung, các tù nhân, bị đám kỹ sư dân sự canh chừng, lắp đặt các chi tiết tên lửa; xa hơn, trong tiếng ồn ào đinh tai và giữa một làn bụi mờ đục, một đội quân kiến thực thụ đang đào các đường hầm nhỏ mới và đưa những tảng đá lên những chiếc xe ben do các tù nhân khác đẩy đi trên đường ray được đặt một cách vội vàng. Khi đi ra, Speer muốn nhìn thấy Revier; đó là một nơi tạm bợ khủng khiếp, chỉ cùng lắm là đủ chỗ cho khoảng bốn mươi người. Viên bác sĩ trưởng cho ông ta xem số liệu thống kê tử vong và người bệnh: bệnh ly, bệnh sốt chấy rận và bệnh lao gây nhiều tổn thất hơn cả. Bên ngoài, trước toàn bộ phái đoàn, Speer nổi cơn điên giận tuy đã cố gắng kìm giữ nhưng vẫn rất mãnh liệt: "Obersturmbannführer Förschner! Cái nhà máy này là cả một vụ bê bối thực sự! Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì tương tự. Làm thế nào mà anh có thể hy vọng làm việc được một cách tử tế với những con người ở trong tình trạng đó?" Förschner, trước lời quở trách, theo bản năng đứng nghiêm lên. "Herr Reichsminister, ông ta đáp, tôi sẵn sàng cải thiện các điều kiện,

nhưng người ta không cung cấp phương tiện cho tôi. Tôi không thể bị coi là chịu trách nhiệm về việc này được." Mặt Speer trắng bệch như một tờ giấy. "Tốt lắm, ông ta gào lên. Tôi ra lệnh cho anh xây dựng ngay một trại, ở đây, ở bên ngoài, có nước tắm và nhà vệ sinh. Cho chuẩn bị ngay lập tức giấy tờ dự toán vật liệu trình lên tôi, tôi sẽ ký trước khi đi khỏi đây." Förschner dẫn chúng tôi đến dãy lán trại của Kommandantur và ra các mệnh lệnh cần thiết. Trong khi Speer nói chuyện với các trợ tá và kỹ sư của ông ta, giận dữ, tôi kéo Förschner ra một chỗ: "Tôi đã yêu cầu rất rõ với ông nhân danh Reichsführer là phải làm sao cho trại tử tế một chút cơ mà. Đây thì đúng là một *Schweinerei*." Förschner không dễ dàng để bị uy hiếp: "Obersturmbannführer, anh cũng biết rõ như tôi rằng một mệnh lệnh không có phương tiện để thực hiện không đáng giá gì nhiều cả. Tha lỗi cho tôi, nhưng tôi không có cây đũa thần nào hết. Sáng nay tôi đã cho lau các đường hầm, nhưng ngoài đó ra thì tôi không thể làm được gì hơn. Nếu Reichsminister cung cấp cho chúng tôi vật liệu xây dựng, thì càng tốt thôi." Speer đã đi đến chỗ chúng tôi: "Tôi sẽ làm mọi cách để trại nhận được các khẩu phần phụ." Ông ta quay sang một người kỹ sư dân sự đứng gần mình: "Sawatsky, hãy chắc chắn rằng các tù nhân dưới quyền anh sẽ nhận được ưu tiên. Người ta không thể đòi những người bệnh tật hấp hối làm công việc lắp ráp được." Tay dân sự gật đầu: "Rõ, Herr Reichsminister. Nhất là khi sự quay vòng trở nên không thể kiểm soát được nữa. Chúng tôi phải thay thế họ thường xuyên đến mức không còn có đủ thời gian để đào tạo họ một cách tử tế nữa." Speer quay sang Förschner: "Điều đó không có nghĩa là anh được lơ là những người đã được giao việc xây dựng các đường hầm nhỏ. Anh cũng sẽ tăng khẩu phần cho họ, trong phạm vi khả năng cho phép. Tôi sẽ nói chuyện này với Brigadeführer Kammler." – "*Zu Befehl*, Herr Reichsminister," Förschner nói. Biểu hiện của ông ta vẫn tối tăm, khép kín; Sawatsky thì lại có vẻ sung sướng. Bên ngoài, vài người của Speer đang đợi chúng tôi, viết nguệch ngoạc vào những quyển

sổ và hằng hái hít thở không khí lạnh. Tôi rùng mình: mùa đông đang bắt đầu.

Ở Berlin, tôi lại bận túi bụi với những đòi hỏi của Reichsführer. Tôi báo cáo cho ông ta về chuyến viếng thăm của Speer và ông ta chỉ có một lời bình luận: "Chắc là Reichsminister Speer đã biết được những gì mình muốn." Giờ đây tôi đều đặn gặp ông ta để bàn về các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực: ông ta muốn bằng mọi giá tăng số lượng nhân công có thể sử dụng tại các trại để cung cấp cho các ngành sản xuất của SS, các xí nghiệp tư nhân, và nhất là các dự án xây dựng mới ngằm dưới đất mà Kammler muốn phát triển. Gestapo mở rộng các cuộc bắt bớ, nhưng từ một phía khác, với mùa thu rồi mùa đông đến, tỉ lệ tử vong, giảm xuống một cách rõ rệt hồi trong hè, lại tăng lên, và Reichsführer rất không hài lòng. Tuy nhiên khi tôi đề nghị với ông ta hàng loạt các biện pháp theo tôi là mang tính hiện thực cao, mà tôi đang cùng êkip của mình lên kế hoạch, thì ông ta lại không có phản ứng gì, và các biện pháp cụ thể được Pohl và IKL áp dụng giống như là những biện pháp hời hợt và mang tính đối phó, không hề tương ứng với một kế hoạch nào cả. Một lần, tôi nắm lấy cơ hội khi Reichsführer nêu một lời nhận xét để chỉ trích những gì mà tôi coi là những cách làm đầy võ đoán và không có liên hệ gì giữa chúng: "Pohl biết cần phải làm gì," ông ta lạnh lùng đáp. Không lâu sau đó, Brandt triệu tập tôi đến và xét cho tôi một trận bằng một giọng lịch thiệp nhưng cứng rắn: "Nghe này, Obersturmbannführer, anh làm việc rất tốt, nhưng tôi sẽ nói với anh điều mà tôi đã nói hàng trăm lần với Brigadeführer Ohlendorf: thay vì làm phiền Reichsführer bằng những lời phê phán tiêu cực và khô cằn và những vấn đề phức tạp mà dù sao thì ông ấy cũng không hiểu, tốt hơn hết là anh nên coi sóc các quan hệ với ông ấy. Mang đến cho ông ấy, tôi cũng không biết nữa, một khảo luận thời Trung cổ về chữa bệnh bằng cây cỏ, đóng thật đẹp vào, và tranh luận một chút về cái đó với ông ấy. Ông ấy sẽ rất

thích, và điều đó sẽ cho phép anh nói chuyện được với ông ấy, có thể hiểu được kỹ càng hơn. Điều đó sẽ làm mọi chuyện của anh trở nên dễ dàng hơn nhiều. Và rồi, thứ lỗi cho tôi nhé, nhưng khi trình bày các báo cáo của mình, anh tỏ vẻ lạnh lùng và cao ngạo quá đáng, điều đó lại càng làm ông ấy bực mình hơn nữa. Anh sẽ không thể dàn xếp được công việc theo cách đó đâu." Ông ta tiếp tục nói thêm một lúc về chuyện này; tôi không nói gì, tôi suy nghĩ: chắc chắn là ông ta có lý. "Thêm một lời khuyên nữa: anh nên lấy vợ đi. Thái độ của anh về chủ đề này khiến Reichsführer thấy tức tối một cách sâu sắc đấy." Tôi cũng trở nên cứng rắn: "Herr Standartenführer, tôi đã trình bày các lý do của tôi với Reichsführer. Nếu không thích những lời giải thích đó, thì hẳn là ông ấy đã nói thẳng với tôi rồi." Một ý nghĩ thoáng qua khiến tôi phải cố nén cười. Brandt thì không cười và nhìn tôi chằm chằm như một con cú mèo qua cặp kính tròn to dùng của mình. Mất kính của ông ta phản chiếu hình ảnh của tôi, sự phản chiếu khiến tôi không còn thấy rõ cái nhìn của ông ta nữa. "Anh nhầm rồi, Obersturmbannführer, anh nhầm rồi. Dù sao thì đó cũng là lựa chọn của anh."

Thái độ của Brandt khiến tôi cảm thấy tức giận, theo tôi nó hoàn toàn không có căn cứ: ông ta không được phép can thiệp vào cuộc sống riêng của tôi. Mà cuộc sống riêng của tôi thì lại vừa có một chuyển biến rất dễ chịu: đã lâu lắm rồi tôi không được thoải mái đến vậy. Chủ nhật, tôi đi đến bể bơi cùng Hélène, thỉnh thoảng có thêm cả Thomas cùng với một cô bạn gái nào đó của anh; sau đó, chúng tôi đi uống trà hoặc sôcôla nóng, rồi tôi đưa Hélène đến rạp chiếu phim, nếu như không có gì khác hay hơn, hoặc là đến nhà hát xem Karajan hoặc Furtwängler chỉ huy dàn nhạc, rồi chúng tôi ăn tối, trước khi tôi chở cô về nhà. Thỉnh thoảng tôi cũng gặp cô vào những ngày trong tuần: vài ngày sau khi từ *Mittelbau* trở về, tôi đã mời cô đến phòng tập đấu kiếm của chúng tôi, ở Prinz-Albrecht-Palais, nơi cô vừa xem chúng tôi đấu vừa hoan hô những cú đánh rồi, cùng cô bạn gái Liselotte của mình và Thomas, người ve vãn một cách hết sức trắng trợn cô gái

này, đến một quán ăn của Ý. Ngày 19 tháng Chạp, chúng tôi ở cùng nhau trong cuộc không kích lớn của người Anh; trong hầm trú ẩn công cộng nơi chúng tôi trốn vào, cô ngồi bên cạnh tôi không nói năng gì, vai dựa vào vai tôi, run lên nhè nhẹ trước những tiếng nổ gần nhất. Sau cuộc oanh tạc, tôi đưa cô đến *Esplanade*, quán ăn duy nhất mà tôi còn thấy mở cửa: ngồi đối diện tôi, hai bàn tay dài trắng muốt đặt trên mặt bàn, cô im lặng nhìn thẳng vào tôi với đôi mắt u tối và sâu thẳm, một cái nhìn dò xét, tò mò, bình thản. Trong những thời khắc như vậy, tôi tự nhủ rằng nếu mọi việc khác đi, hẳn là tôi đã lấy người phụ nữ này, có với cô những đứa con giống như việc nhiều năm sau này tôi sẽ làm với một người đàn bà khác không hề xứng đáng. Chắc chắn rằng việc đó sẽ không phải là nhằm mục đích làm vui lòng Brandt hoặc Reichsführer, để hoàn thành một nghĩa vụ, để thỏa mãn các tập tục: đó hẳn sẽ là một phần cuộc đời hàng ngày và của tất cả những người đàn ông, đơn giản và đầy tự nhiên. Nhưng cuộc đời tôi đã đi theo một con đường khác, và đã quá muộn rồi. Cả cô nữa, khi cô nhìn tôi, hẳn là cũng có những ý nghĩ tương tự, hoặc đúng hơn là những suy nghĩ của phụ nữ, khác biệt với các suy nghĩ của đàn ông, trong âm điệu và màu sắc nhiều hơn là trong nội dung của chúng, rất khó hình dung đối với một người đàn ông, ngay cả là tôi. Tôi nghĩ chúng là như sau: Người đàn ông này, liệu rằng mình có thể chui vào giường của anh ta, dâng hiến cho anh ta hay không? Dâng hiến, cái cách nói kỳ lạ trong ngôn ngữ của chúng ta; nhưng cứ để cho người đàn ông không nắm được hoàn toàn ngữ nghĩa của nó thử để cho nó xâm nhập vào mình, điều đó sẽ mở mắt cho anh ta. Thường thì những ý nghĩa này không làm tôi hối tiếc, mà đúng hơn là một cảm giác cay đắng, gần như là êm ái. Nhưng thỉnh thoảng, trên phố, không suy nghĩ gì, bằng một cử chỉ đầy tự nhiên, cô nắm lấy cánh tay tôi, thì khi đó, phải, tôi kinh ngạc thấy mình hối tiếc cái cuộc đời lẽ ra có thể có kia, nếu như một điều gì đó không bị gãy đổ sớm đến vậy. Đó không chỉ là chuyện em gái tôi; rộng hơn thế nhiều, đó là toàn bộ diễn tiến của các sự kiện, sự khốn cùng của cơ thể và của ham

muốn, những quyết định mà người ta có và không thể sửa chữa được, chính bản thân cái nghĩa mà người ta chọn lựa cho điều mà người ta vẫn hay gọi, rất có thể đầy nhảm lẫn, là cuộc đời.

Tuyết đã bắt đầu rơi, một thứ tuyết ẩm không lưu lại được lâu. Khi cuối cùng cũng tồn tại được một hoặc hai đêm, nó tạo cho những đồng đồ nát của thành phố một vẻ đẹp ngắn ngủi và kỳ lạ, rồi tan ra và làm cho đồng bùn lầy đang làm biến dạng phố phường ngổn ngang dày thêm lên. Với đôi bốt cưỡi ngựa lớn của mình, tôi đi ngang qua đó mà không cần phải để ý, ngày hôm sau một người cần vụ sẽ lau sạch chúng cho tôi; nhưng Hélène chỉ đi một đôi giày bình thường, và khi chúng tôi đến trước một khoảng rộng màu ghi ngập dày thứ tuyết tan đó, tôi phải tìm một thanh gỗ để bắc lên, rồi nắm lấy bàn tay mảnh dẻ dắt cô đi qua; và khi ngay cả điều đó vẫn chưa đủ, tôi sẽ bế cô lên, người cô nhẹ bồng trên tay tôi. Trước ngày Giáng sinh, Thomas tổ chức một bữa tiệc nhỏ trong ngôi nhà mới của anh ở Dahlem, một biệt thự nhỏ sang trọng: như mọi khi, anh rất biết cách tự xoay xở. Schellenberg có mặt ở đó cùng vợ, cũng như nhiều sĩ quan khác; tôi đã mời Hohenegg, nhưng không thể tìm được Osnabrugge, hẳn là anh ta vẫn còn ở Ba Lan. Có vẻ như là Thomas đã cưa xong Liselotte, cô bạn gái của Hélène: khi đến nơi, cô say sưa hôn anh. Hélène mặc một cái váy mới – Chúa mới biết cô tìm đâu được vải, sự thiếu thốn ngày càng tăng lên – cô có một nụ cười đầy quyến rũ, trông cô có vẻ hạnh phúc. Tất cả đàn ông, một lần duy nhất này, mặc thường phục. Chúng tôi vừa đến nơi thì còi báo động rú lên. Thomas trấn an chúng tôi bằng cách nói rằng những chiếc máy bay đến từ Ý gần như không bao giờ ném những quả bom đầu tiên của chúng trước khi đến Schöneberg và Tempelhof, và các máy bay từ Anh đến bay qua phía Bắc khu Dahlem. Tuy nhiên chúng tôi cũng giảm bớt ánh sáng xuống; những chiếc riđô dày che kín các cửa sổ. Flak bắt đầu khạc đạn, Thomas bật một đĩa nhạc, một thứ nhạc jazz rộn ràng, và kéo Liselotte ra nhảy. Hélène uống rượu vang trắng và nhìn họ nhảy; sau đó, Thomas bật một thứ nhạc chậm, và cô mời tôi nhảy. Trên đầu, chúng tôi

nghe thấy tiếng những chiếc máy bay gầm rú; Flak âm ỉ mãi không ngừng, những cửa kính rung lên, chúng tôi gần như không nghe thấy tiếng nhạc; nhưng Hélène nhảy như thể chỉ có chúng tôi trong một phòng khiêu vũ, cô hơi dựa người vào tôi, bàn tay nằm gọn trong tay tôi. Sau đó cô nhảy với Thomas trong khi tôi uống một cốc cùng Hohenegg. Thomas có lý: từ phía Bắc, chúng tôi đoán nhiều hơn là nghe thấy một đợt rung động ghê gớm, nhưng không hề có gì rơi xuống quanh chúng tôi. Tôi nhìn Schellenberg; ông ta đã lên cân, những thành công không khiến ông ta trở nên chùng mực. Ông ta vui vẻ thuyết giảng cho các chuyên gia của mình về những sự yếu kém ở Ý. Schellenberg, cuối cùng tôi đã hiểu ra được điều đó thông qua những lời nhận xét mà thỉnh thoảng Thomas nói lộ ra, nghĩ rằng mình đang nắm giữ chìa khóa mở cửa đi vào tương lai của nước Đức; ông ta tin rằng nếu được lắng nghe, ông ta cũng như các phân tích không thể cãi lại của mình, vẫn sẽ còn thời gian để cứu giữ đồ đạc. Chỉ riêng việc ông ta nói đến chuyện *cứu giữ đồ đạc* đã khiến tôi rợn tóc gáy, nhưng có vẻ như là ông ta thân cận được với Reichsführer, và tôi tự hỏi ông ta sẽ đi được đến đâu với những trò mưu mô đó. Khi lệnh báo động kết thúc, Thomas tìm cách gọi điện đến RSHA, nhưng các đường dây đều bị cắt. “Bọn chó đẻ này cố tình làm hỏng lễ Giáng sinh của chúng ta đấy mà, anh nói với tôi. Nhưng chúng ta sẽ không để chúng làm như vậy.” Tôi nhìn Hélène: cô đang ngồi cạnh Liselotte và nói chuyện một cách hăng hái. “Cô ấy rất được đấy, Thomas dõi theo ánh mắt của tôi, tuyên bố. Tại sao cậu không lấy bég cô ấy?” Tôi mỉm cười: “Thomas, lo cho những việc liên quan đến cậu đi.” Anh nhún vai: “Ít nhất thì cứ tung tin đồn rằng cậu đã hứa hôn với cô ấy. Như vậy Brandt sẽ thôi không quấy rầy cậu nữa.” Tôi đã thuật lại cho anh những lời bình luận của Brandt. “Thế còn cậu? tôi trả đũa. Cậu hơn bốn mươi tuổi. Người ta không làm phiền cậu chắc?” Anh cười: “Ờ à? Không giống thế đâu. Trước hết, tớ đã quá nổi tiếng vì có cái gene không có khả năng ở chung quá một tháng với cùng một cô gái rồi. Nhưng nhất là” – anh hạ giọng – “cậu cứ giữ cái

đó cho riêng cậu, còn tớ thì đã đóng góp hai lần cho *Lebensborn* rồi. Có vẻ như Reichsführer rất vui vẻ." Anh ra bật lại một đĩa nhạc jazz; tôi tự nhủ hẳn là anh đã vợ vét trong các kho chứa đĩa tịch thu được của Gestapo. Tôi đi theo anh và lại mời Hélène nhảy. Đến nửa đêm, Thomas tắt hết các loại đèn. Tôi nghe thấy tiếng hét vui vẻ của một cô gái, một tiếng cười vầng tai. Hélène đứng gần tôi: trong một thoáng ngắn ngủi, tôi cảm thấy hơi thở mềm mại và nóng ấm của cô trên mặt mình, và đôi môi cô lướt nhẹ qua môi tôi. Tim tôi đập rộn ràng. Khi ánh sáng trở lại, cô nói với tôi về mận mà và bình thảo: "Tôi phải về. Tôi đã không báo trước cho bố mẹ, họ sẽ lo lắng vì vụ báo động vừa rồi." Tôi đã lấy xe của Piontek. Chúng tôi đi ngược Kurfürstendamm về phía trung tâm thành phố; bên tay phải, những đám cháy bom đang bùng bùng sáng. Tuyết đã bắt đầu rơi. Vài quả bom đã rơi xuống Tiergarten và Moabit, nhưng các tổn thất có vẻ không lớn lắm so với những cuộc không kích lớn hồi tháng trước. Trước tòa nhà của mình, cô cầm lấy tay tôi và hôn nhanh lên má tôi: "Chúc Giáng sinh vui vẻ! Hẹn sớm gặp lại." Tôi quay lại uống say sưa ở Dahlem, và qua đêm trên tấm thảm, nhường lại ghế sofa cho một cô thư ký đang đau khổ vì bị Liselotte tống khứ khỏi phòng ngủ của ông chủ nhà.

Clemens và Weser trở lại để gặp tôi vài ngày sau đó, lần này đã đặt hẹn cẩn thận ở chỗ Fräulein Praxa, người đưa họ vào phòng tôi, mất đảo lia lịa. "Chúng tôi đã liên hệ với em gái ông, Clemens, người cao, nói, như một cách vào chuyện. Nhưng bà ấy không có ở nhà." – "Điều đó thì hoàn toàn có thể, tôi đáp. Chồng nó bị bệnh nặng. Nó thường xuyên đi cùng ông ấy sang Thụy Sĩ để chữa trị." – "Chúng tôi đã yêu cầu đại sứ quán ở Berne tìm họ, Weser nói đầy vẻ độc ác, vừa nói vừa rung rung đôi vai hẹp. Chúng tôi muốn nói chuyện với bà ấy." – "Quan trọng đến mức đó cơ à?" tôi hỏi. – "Vẫn là câu chuyện khốn kiếp về hai thằng bé sinh đôi đó," Clemens rúc lên với cái giọng Berlin đặc sệt của mình. – "Chúng tôi không hiểu rõ lắm," Weser nói thêm với dáng vẻ của một con chồn. Clemens rút quyển sổ của mình ra và đọc:

“Cảnh sát Pháp đã điều tra” – “Hơi muộn màng một chút,” Weser ngắt lời. – “Đúng, nhưng chậm còn hơn không. Có vẻ như là hai đứa bé đó sống ở nhà mẹ ông ít nhất từ năm 1938, khi chúng bắt đầu đi học. Mẹ ông nói chúng là những đứa cháu họ mồ côi. Và một số hàng xóm có vẻ cho rằng rất có thể chúng đến từ trước nữa, khi còn nhỏ, vào năm 1936 hoặc năm 1937.” – “Dù sao thì cũng rất lạ, Weser the the nói. Trước đó ông chưa bao giờ gặp chúng à?” – “Chưa, tôi lạnh lùng đáp. Nhưng chuyện đó thì có gì mà lạ đâu. Tôi không bao giờ đến nhà mẹ tôi cả.” – “Không bao giờ?” Clemens ồm ồm. Không bao giờ?” – “Không bao giờ.” – “Tức là trừ đúng vào thời điểm đó, Weser rít lên. Vài giờ trước cái chết thảm khốc của bà ấy. Ông cũng thấy rằng điều đó thật kỳ lạ.” – “Meine Herren, tôi đắp lại, những ẩn ý của các anh được đặt không đúng chỗ rồi. Tôi không biết các anh đã học nghề ở đâu, nhưng tôi thấy thái độ của các anh hết sức thô thiển. Hơn nữa, các anh hoàn toàn không có tư cách gì để điều tra về tôi mà không có lệnh của *SS-Gericht*.” – “Điều đó rất đúng, Clemens công nhận, nhưng chúng tôi không điều tra về ông. Hiện tại, chúng tôi nghe ông nói với tư cách một nhân chứng.” – “Đúng vậy, Weser nhắc lại, với tư cách nhân chứng, chỉ vậy thôi.” – “Quả thực là cần phải nói rằng, Clemens nói tiếp, có nhiều điều mà chúng tôi không hiểu và những điều đó thì chúng tôi muốn hiểu.” – “Chẳng hạn như là câu chuyện về hai thằng bé sinh đôi, Weser thêm vào. Cứ thử cho rằng chúng là những đứa cháu họ của mẹ ông...” – “Thật ra thì chúng tôi không tìm thấy dấu vết anh chị em nào, nhưng cứ thử cho là như vậy,” Clemens cướp lời. – “À, thế ông không biết à?” Weser hỏi. – “Cái gì?” – “Liệu mẹ ông có anh chị em gì hay không?” – “Tôi có nghe nói về một người anh trai, nhưng tôi chưa bao giờ gặp ông ấy cả. Chúng tôi rời khỏi Alsace vào năm 1918, và sau đó, theo tôi được biết, mẹ tôi không còn giữ liên hệ gì với gia đình của bà ấy vẫn còn ở lại Pháp nữa cả.” – “Vậy thì chúng ta cứ thử công nhận rằng, Weser nói tiếp, đó quả thực là những đứa cháu họ. Chúng tôi không tìm được thứ giấy tờ nào chứng minh điều đó, không có giấy chứng sinh, không gì hết cả.” – “Và

em gái ông, Clemens gần giọng, đã không hề trình một thứ giấy tờ nào khi bà ấy mang chúng đi theo cùng.” Weser cười, vẻ tinh ranh: “Vói chúng tôi, như vậy là các nhân chứng tiềm năng, rất quan trọng, đã biến mất.” – “Chúng tôi không biết là đi đâu, Clemens cầu nhàu. Thật là không thể chấp nhận được việc cảnh sát Pháp lại để cho chúng biến đi như vậy.” – “Phải, Weser nhìn ông ta nói, nhưng những gì đã xảy ra thì đã xảy ra rồi. Không việc gì phải quay ngược trở lại nữa cả.” Clemens vẫn cứ tiếp tục: “Dù sao thì sau đó chúng tôi sẽ phải hứng chịu mọi điều phiền phức.” – “Nói tóm lại, Weser hướng về phía tôi, nếu ông nói chuyện với bà ấy, thì hãy yêu cầu bà ấy liên lạc với chúng tôi. Tôi muốn nói là em gái ông ấy.” Tôi gật đầu. Có vẻ như họ không còn gì để nói thêm nữa và tôi chấm dứt cuộc gặp. Tôi vẫn không hề tìm cách nói chuyện với em gái; việc này đã trở nên quan trọng, bởi vì nếu họ tìm thấy Una và nếu câu chuyện của nàng trái ngược với câu chuyện của tôi thì những nghi ngờ của họ sẽ trở nên lớn hơn bao giờ hết; thậm chí là họ còn có thể, tôi kinh hoàng khi nghĩ đến điều đó, kết tội tôi. Nhưng tìm Una ở đâu bây giờ? Thomas, tôi tự nhủ, chắc là phải có nhiều mối quan hệ ở Thụy Sĩ, anh có thể nhờ Schellenberg. Phải làm điều gì đó, tình hình đã trở nên lố bịch lắm rồi. Và vấn đề hai thằng bé sinh đôi là đáng lo ngại hơn cả.

Ba ngày trước Năm Mới tuyết rơi rất mạnh, và lần này đọng lại được lâu. Được thành công của bữa tiệc Giáng sinh tạo cảm hứng, Thomas quyết định mời lại tất cả mọi người: “Cần phải tận dụng cái lều này trước khi cả nó cũng sụp mất.” Tôi bảo Hélène báo trước cho bố mẹ cô là sẽ về muộn, và đó là một bữa tiệc rất vui vẻ. Không lâu trước nửa đêm, cả đoàn người cầm theo rượu sâm banh và những giỏ hàng biển Baltic rồi đi bộ ra Grunewald. Dưới những hàng cây, tuyết sạch sẽ và thuần khiết; bầu trời quang đãng, chiếu sáng bởi một vầng trăng tròn đầy đang tỏa một ánh sáng xanh nhạt xuống những khoảng tuyết trắng. Trong một khoảnh rừng thưa, Thomas chém đứt cổ chai sâm banh – anh đã mang theo một thanh kiếm kỵ binh thực thụ treo trên tường phòng tập của chúng tôi – và những người ít vụng về nhất vung

kiếm để mở những con hầu, một thứ nghệ thuật phức tạp đối với những ai không có bàn tay khéo léo. Đến nửa đêm, thay vì pháo hoa, các pháo binh của Luftwaffe châm ngòi để phóng những quả pháo sáng của mình lên, và bắn vài tràng đạn 88. Lần này, Hélène hôn tôi một cách thực sự, không lâu lắm, nhưng là một nụ hôn mạnh mẽ và vui vẻ khiến cả người tôi rơi vào nỗi sợ trộn lẫn với sự thích thú. Thật đáng kinh ngạc, tôi vừa uống rượu vừa tự nhủ để che giấu bớt sự bối rối của mình, vì tôi đã nghĩ rằng mình không còn lạ lẫm đối với bất kỳ một cảm giác nào nữa, vậy mà nụ hôn của một người phụ nữ lại vừa làm tôi xáo động. Những người khác cười vang, ném những hòn tuyết vào nhau và ăn hầu từ ngay vỏ của chúng. Hohenegg, người mang một cái chapka bị nhậy cần trên cái đầu hình ôvan và hói của mình, tỏ ra là người khéo léo nhất trong số những người nẩy vỏ hầu: "Cái này và lồng ngực thì cũng gần như là một thôi," ông ta cười. Schellenberg thì tự cửa đứt cả một đoạn ngón tay cái, và bình thần vừa uống rượu sâm banh vừa để cho máu rỏ xuống tuyết mà không ai nghĩ đến chuyện băng bó lại. Vui vẻ, tôi cũng bắt đầu chạy và ném những viên tuyết; càng uống, trò chơi càng trở nên âm ỉ hơn, chúng tôi tóm lấy chân nhau, giống như là chơi rugby, chúng tôi thọc những nắm tuyết vào cổ nhau, áo măng tô của chúng tôi ướt lướt thướt, nhưng chúng tôi không cảm thấy lạnh. Tôi đẩy Hélène vào đông tuyết, và trượt chân ngã xuống bên cạnh cô; nằm ngửa, hai tay đan chéo nhau trên tuyết, cô cười; khi ngã xuống chiếc jupe dài của cô bị lật lên và không suy nghĩ gì tôi đặt tay mình lên đầu gối để hờ của cô, chỉ được bảo vệ bởi một lượt tất. Cô quay đầu về phía tôi và nhìn tôi, vẫn không ngừng cười. Rồi tôi bỏ tay ra và giúp cô đứng dậy. Chúng tôi chỉ quay về khi đã uống hết chai cuối cùng, phải giữ chặt Schellenberg, ông ta chỉ chực ngã về khoảng không phía trước; trong khi bước đi trên tuyết, Hélène nắm chặt lấy cánh tay tôi. Về đến nhà, Thomas lịch thiệp nhường phòng mình cũng như phòng của khách cho những cô gái bị mệt, họ mặc nguyên quần áo ngủ ba người trên một cái giường. Tôi qua đêm bằng cách chơi cờ và tranh luận về *Chúa ba ngôi* của

Augustin với Hohenegg, người đã thò đầu xuống dưới nước lạnh và uống nước trà. Năm 1944 đã bắt đầu như vậy.

Speer không hề liên lạc lại với tôi kể từ sau chuyến đến thăm *Mittelbau*; đầu tháng Giêng, ông ta gọi điện cho tôi để chúc mừng năm mới và nhờ tôi một việc. Bộ ông ta đã gửi một yêu cầu sang RSHA để ngăn việc trục xuất một số người Do Thái khỏi Amsterdam, những người chuyên làm nghề mua kim loại, vì có các liên hệ quý giá ở các nước trung lập; RSHA đã từ chối yêu cầu, viện cớ tình hình ở Hà Lan đang xấu đi và nhu cầu phải tỏ ra *đặc biệt nghiêm khắc* ở đó. “Thật là lố bịch, Speer nói với tôi, giọng vô cùng mệt mỏi. Có hại gì khi để dành cho nước Đức ba người Do Thái buôn kim loại? Lúc này công việc của họ đang hết sức có ích cho chúng tôi.” Tôi bảo ông ta gửi cho mình một bản sao lá thư và hứa sẽ làm hết sức. Bức thư từ chối của RSHA do Müller ký tên nhưng mang dấu hiệu của IV B 4a. Tôi gọi điện cho Eichmann và bắt đầu bằng việc chúc mừng năm mới ông ta. “Cám ơn, Obersturmbannführer, ông ta nói bằng sự pha trộn kỳ quặc giữa âm điệu Áo và Berlin. À, chúc mừng anh được thăng cấp.” Rồi tôi trình bày với ông ta trường hợp của Speer. “Việc đó tôi không đích thân xử lý, Eichmann nói. Chắc là Hauptsturmführer Moes, ông ấy phụ trách các trường hợp cá nhân. Nhưng tất nhiên là ông ấy có lý rồi. Anh có biết chúng tôi nhận được bao nhiêu yêu cầu theo dạng đó không? Nếu lần nào cũng đồng ý, thì hẳn là chúng tôi chỉ còn mỗi một việc là đóng cửa nghỉ làm cho xong, chúng tôi sẽ không còn có thể chạm được vào một tên Do Thái nào nữa cả.” – “Tôi hiểu rất rõ, Obersturmbannführer. Nhưng đây là một yêu cầu của đích thân bộ trưởng Khí tài và Sản xuất Chiến tranh.” – “Vâng. Chắc là người của họ ở Hà Lan hăng hái quá, rồi thì dần dần lên đến bộ trưởng. Nhưng cái đó thì chỉ là những chuyện liên quan đến đấu đá giữa các ban thôi. Không, anh biết đấy, chúng tôi không thể chấp nhận được đâu. Thêm nữa, tình hình ở Hà Lan tệ hại lắm.

Có đủ loại nhóm này nhóm nọ dạo chơi tự do, không được đâu.” Tôi tiếp tục năn nỉ nhưng Eichmann vẫn bướng bỉnh. “Không. Nếu chúng tôi chấp nhận, anh biết đấy, người ta sẽ lại nói rằng trừ Führer ra thì không còn người Đức nào thực sự là chống Do Thái nữa cả. Không được đâu.”

Ông ta muốn nói gì? Dù sao thì Eichmann cũng không thể tự quyết định và ông ta biết điều đó. “Nghe này, anh gửi yêu cầu bằng văn bản sang cho chúng tôi đi,” cuối cùng ông ta nói về miễn cưỡng. Tôi quyết định viết thư trực tiếp cho Müller, nhưng Müller cũng trả lời tôi như vậy, chúng tôi không thể có các ngoại lệ. Tôi do dự trong việc hỏi Reichsführer; tôi quyết định liên lạc với Speer, để xem ông ta thiết tha với những người Do Thái kia đến mức nào. Nhưng ở bộ người ta thông báo với tôi rằng ông ta đang nghỉ ốm. Tôi tìm hiểu: ông ta nằm viện ở Hohenlychen, bệnh viện SS nơi tôi đã được chữa trị sau đợt Stalingrad. Tôi tìm được một bó hoa và đến gặp ông ta. Ông ta đã đòi cả một dãy phòng ở khu riêng và đến đó cùng cô thư ký riêng và vài người trợ lý. Cô thư ký giải thích với tôi rằng chứng viêm khớp đầu gối bị từ lâu giờ tái phát sau một chuyến đi Giáng sinh đến vùng Laponie; tình trạng của ông ta đang xấu đi, bác sĩ Gebhardt, chuyên gia lừng danh về đầu gối, nghĩ rằng đó là bệnh thấp khớp. Tôi gặp Speer ở trong một tâm trạng cau kỉnh: “Obersturmbannführer, anh đấy à. Chúc mừng năm mới. Thế nào rồi?” Tôi nói với ông ta là RSHA vẫn tiếp tục không nhượng bộ; có thể là, tôi gợi ý, nếu ông ta gặp Reichsführer, ông ta sẽ giúp được gì đó. “Tôi nghĩ rằng Reichsführer đang có những con mèo khác để vục roi, ông ta đáp một cách cụt ngủn. Cả tôi cũng vậy. Tôi cũng phải điều hành bộ của tôi từ đây, anh cũng thấy đấy. Nếu anh không thể tự giải quyết vấn đề đó được, thì thôi vậy.” Tôi ở lại thêm vài phút nữa, rồi cáo từ: tôi cảm thấy mình thành ra người thừa ở đó.

Mặt khác tình trạng của ông ta nhanh chóng sa sút hơn nữa; khi vài ngày sau đó tôi gọi lại để hỏi thăm, cô thư ký thông báo với tôi rằng ông ta không nghe điện thoại. Tôi gọi đi vài cú điện thoại khác: người ta nói ông ta đang bị hôn mê, cách cái chết trong

gang tấc. Tôi thấy thật lạ vì một chứng viêm đầu gối, cho dù có là thấp khớp, lại có thể trầm trọng đến mức độ đó. Hohenegg, khi nói chuyện với tôi, không có ý kiến gì. “Nhưng nếu như ông ta chết lẫn ra đó, ông nói thêm, và người ta để cho tôi khám nghiệm tử thi, thì tôi sẽ nói cho anh là ông ta bị sao.” Cả tôi nữa, tôi cũng có những con mèo khác để vụt roi. Tối ngày 30 tháng Giêng, người Anh tiến hành cuộc oanh tạc nghiêm trọng nhất kể từ các cuộc oanh tạc của tháng Mười một; tôi lại mất đi các ô kính cửa sổ, và một phần ban công phòng tôi sụp xuống. Ngày hôm sau, Brandt triệu tập tôi và thông báo một cách thân mật rằng *SS-Gericht* đã yêu cầu Reichsführer cho phép điều tra tôi về cái chết của mẹ tôi. Tôi đỏ bừng mặt và nhảy dựng lên khỏi ghế: “Herr Standartenführer! Câu chuyện này là một thứ bĩ ỉ nảy sinh trong đầu óc bệnh hoạn của mấy tay cảnh sát muốn thăng quan tiến chức. Tôi sẵn sàng chấp nhận một cuộc điều tra để làm trong sạch cái tên của mình khỏi mọi sự nghi ngờ. Nhưng trong trường hợp đó, tôi yêu cầu được cho nghỉ việc đến khi nào được chứng minh là vô tội. Thật không thể chấp nhận được rằng Reichsführer lại giữ trong bộ tham mưu riêng của mình một người bị nghi ngờ vì tội ác kinh tởm đó.” – “Anh bình tĩnh nào, Obersturmbannführer. Chưa hề có quyết định nào được ra đâu. Tốt hơn hết là kể cho tôi chuyện gì đã xảy ra đi.” Tôi ngồi xuống và kể cho ông ta nghe các sự việc, giống hệt như những gì tôi đã kể cho mấy tay cảnh sát. “Chính chuyến đến Antibes của tôi đã khiến họ phát điên. Quả thực mẹ tôi và tôi từ lâu nay đã lạnh nhạt với nhau. Nhưng ông cũng biết là tôi đã nhận một vết thương như thế nào ở Stalingrad rồi đấy. Khi ở gần cái chết đến thế, người ta mới bắt đầu suy nghĩ: tôi đã tự nhủ là mình phải giải quyết một lần cho xong chuyện giữa chúng tôi. Than ôi, lại chính là bà ấy bị chết, theo một cách thảm khốc, kinh khủng.” – “Vậy anh nghĩ chuyện đã xảy ra như thế nào?” – “Làm sao tôi biết được, Herr Standartenführer. Tôi bắt đầu làm việc cho Reichsführer một thời gian ngắn sau đó, và tôi không hề quay trở lại nhà. Em gái tôi, người đã đến dự đám tang, nói với tôi về những kẻ khủng bố, về một vụ thanh toán; bố

dương tôi cung cấp nhiều hàng hóa cho Wehrmacht.” – “Thật không may là điều đó rất có khả năng xảy ra. Càng ngày những việc tương tự càng hay xảy ra ở Pháp hơn.” Ông ta bậm môi và cúi đầu xuống, để cho ánh sáng chiếu thẳng vào cặp kính của mình. “Nghe này, tôi nghĩ rằng Reichsführer sẽ muốn nói chuyện với anh trước khi ra quyết định. Trong khi chờ đợi, cho phép tôi gợi ý với anh đến thăm viên thẩm phán đã đưa yêu cầu đó. Ông ấy là thẩm phán Baumann, ở tòa án SS và cảnh sát Berlin. Đó là một người rất đáng kính: nếu quả thực anh là nạn nhân của một hành động đặc biệt ác ý, có thể là tự anh cũng có thể thuyết phục được ông ấy đấy.”

Tôi xin hẹn gặp ngay với viên thẩm phán Baumann đó. Ông ta tiếp tôi trong phòng làm việc ở tòa án của mình: đó là một luật gia đã lớn tuổi, mặc quân phục Standartenführer, với khuôn mặt chữ điền và một cái mũi lệch, một dáng vẻ của đồ vật. Tôi đã mặc bộ quân phục đẹp nhất của mình và mang tất cả các huân chương. Khi tôi chào xong, ông ta mời tôi ngồi. “Cảm ơn vì đã tiếp tôi, Herr Richter,” tôi nói, sử dụng cách xưng hô bình thường thay vì cấp bậc SS của ông ta. – “Không dám, Obersturmbannführer. Việc nhỏ nhặt thôi mà.” Ông ta mở một cặp hồ sơ để trên mặt bàn làm việc. “Tôi đã yêu cầu mang đến hồ sơ cá nhân của anh. Tôi hy vọng rằng anh không trách tôi vì đã làm như vậy.” – “Không hề, Herr Richter. Cho phép tôi được nói với ông rằng tôi định nói với Reichsführer: tôi coi những lời buộc tội này, những thứ đụng chạm đến tôi về một vấn đề cá nhân đến vậy, là rất xấu xa. Tôi sẵn sàng hợp tác với ông bằng tất cả các phương tiện có thể để chúng bị bác bỏ một cách hoàn toàn.” Baumann húng hắng ho: “Anh hiểu rất rõ là tôi vẫn chưa ra lệnh thực hiện một cuộc điều tra nào cả. Tôi không thể làm được điều đó nếu không được sự đồng ý của Reichsführer. Bộ hồ sơ mà tôi đang có đây quá mỏng. Tôi đã đưa yêu cầu dựa trên một đề nghị của bên Kripo, họ khẳng định là đã có những yếu tố đáng tin cậy mà các điều tra viên của họ muốn làm rõ hơn.” – “Herr Richter, tôi đã nói chuyện hai lần với các điều tra viên đó. Tất cả những gì mà họ cung cấp cho tôi về các yếu tố

đều là những lời nói đầy ẩn ý không chút bằng chứng và cơ sở nào, một sự tưởng tượng – cho phép tôi được nói vậy – đầy điên rồ của tâm trí họ.” – “Quả thực là điều đó cũng có thể đúng, ông ta nói một cách nhẹ nhàng. Ở đây tôi thấy rằng anh đã từng học hành rất xuất sắc. Nếu anh tiếp tục theo ngành luật, hẳn là chúng ta đã có thể trở thành đồng nghiệp của nhau. Tôi biết rất rõ tiến sĩ Jessen, giáo sư cũ của anh. Một luật gia rất giỏi.” Ông ta tiếp tục lật giở bộ hồ sơ. “Xin lỗi, nhưng có phải là bố anh đã chiến đấu trong Freikorps Rossbach, ở Courlande hay không? Tôi còn nhớ một sĩ quan tên là Aue.” Ông ta nói tên riêng. Tim tôi bắt đầu đập rộn lên. “Quả thực đó là tên của bố tôi, Herr Richter. Nhưng tôi không biết gì về việc ông vừa hỏi. Bố tôi đã mất tích vào năm 1921, và kể từ đó tôi không có tin tức gì. Có thể đó chính là ông ấy. Ông có biết ông ấy ra sao rồi không?” – “Thật không may là không. Tôi đã mất hút ông ấy trong cuộc rút lui, vào tháng Chạp năm 19. Vào thời điểm đó ông ấy vẫn sống. Tôi cũng nghe nói ông ấy từng tham gia cuộc đảo chính của Kapp. Nhiều *Baltikum* từng giống vậy.” Ông ta suy nghĩ. “Anh có thể tìm hiểu thêm. Vẫn luôn có các hiệp hội cựu chiến binh của các Freikorps.” – “Vâng, Herr Richter. Đó là một ý rất hay.” Ông ta lại húng hắng ho và ngồi nghiêm lại trong ghế phôi của mình. “Được rồi. Nếu anh cho phép thì chúng ta sẽ quay trở lại vụ việc của anh. Anh có thể nói gì với tôi về chủ đề này?” Tôi kể cho ông ta cùng câu chuyện đã kể cho Brandt. “Thật là một chuyện đáng sợ, cuối cùng ông ta nói. Hẳn là anh đã rất bị chấn động.” – “Tất nhiên rồi, Herr Richter. Và tôi càng bị chấn động mạnh hơn trước những lời buộc tội của hai người bảo vệ trật tự công cộng đó, những người chưa bao giờ, điều đó thì tôi chắc chắn, trải qua một ngày ở mặt trận nhưng lại tự cho phép mình bôi nhọ một sĩ quan SS.” Baumann gãi cằm: “Tôi có thể hiểu được chuyện này làm anh bị tổn thương đến mức nào, Obersturmbannführer. Nhưng có lẽ giải pháp tốt nhất là làm sáng tỏ hoàn toàn vụ việc này.” – “Tôi không có gì để e ngại về điều đó, Herr Richter. Tôi sẽ tuân theo quyết định của Reichsführer.” – “Anh có lý.” Ông ta đứng dậy và đi cùng tôi ra

đến cửa. "Tôi vẫn còn vài bức ảnh cũ hồi ở Courlande. Nếu anh muốn, tôi có thể xem lại chúng để tìm xem có bức nào có hình của ông Aue đó hay không." – "Herr Richter, tôi sẽ rất mừng vì điều ấy." Ra đến hành lang, ông ta bắt tay tôi: "Đừng lo gì nhé, Obersturmbannführer. Heil Hitler!" Cuộc gặp giữa tôi và Reichsführer diễn ra ngay vào ngày hôm sau và rất ngắn gọn và rõ ràng. "Cái chuyện lối bạch kia là thế nào vậy, Obersturmbannführer?" – "Người ta buộc tội tôi là sát nhân, thừa Reichsführer. Thật là hài hước nếu như không phải là bi thảm." Tôi thuật lại vắn tắt cho ông ta tình hình. Himmler quyết định rất nhanh: "Obersturmbannführer, tôi đã bắt đầu biết về anh. Anh có những khiếm khuyết riêng: anh rất, xin thứ lỗi vì phải nói ra điều này, bướng bỉnh và thỉnh thoảng cao đạo. Nhưng tôi không thấy ở anh một dấu vết nhỏ nào của một tí vết về đạo đức. Xét về chủng tộc, anh là một mẫu miền Bắc hoàn hảo, có thể chỉ hơi bị lẫn vào một chút ít dòng máu Alpes. Chỉ có các quốc gia bị băng hoại về mặt chủng tộc, chẳng hạn như bọn Ba Lan, bọn Digan, mới có thể phạm tội giết mẹ mà thôi. Hoặc là một tay người Ý máu lúc nào cũng sôi lên sùng sục, trong một cuộc cãi vã, không có chút máu lạnh nào. Không, chuyện này lối bạch quá. Bên Kripo hoàn toàn không biết xét đoán gì cả rồi. Tôi sẽ phải ra các chỉ thị cho Gruppenführer Nebe để ông ấy đào tạo người của mình biết cách phân tích dựa trên chủng tộc, họ sẽ đỡ mất thời gian hơn rất nhiều. Tất nhiên là tôi sẽ không cho phép họ tiến hành điều tra. Thật là chỉ còn thiếu mỗi việc đó nữa thôi."

Vài ngày sau Baumann gọi điện cho tôi. Chắc là vào khoảng giữa tháng Hai, bởi vì tôi còn nhớ khi đó là ngay sau cuộc ném bom lớn trúng vào khách sạn *Bristol* ngay đang khi có một bữa tiệc chính thức: khoảng sáu mươi người đã chết vùi dưới đồng đổ nát, trong đó có một loạt các tướng lĩnh tên tuổi. Baumann có vẻ đang có tâm trạng tốt và nồng nhiệt chúc mừng tôi. "Cá nhân mà nói, ông ta lên tiếng ở đầu dây bên kia, tôi thấy toàn bộ câu chuyện này thật là thô thiển. Tôi mừng hộ anh vì Reichsführer đã quyết định như vậy. Điều đó tránh được nhiều phiền phức." Còn

về những bức ảnh, ông ta đã tìm thấy một cái có hình Aue, nhưng mờ và nhìn không rõ; thậm chí ông ta còn không chắc đó có phải là ông ấy hay không, nhưng vẫn hứa sẽ rửa cho tôi một kiểu và gửi đến sau.

Chỉ Clemens và Weser là không hài lòng với quyết định của Reichsführer. Một tối tôi gặp lại họ trên đoạn phố trước SS-Haus, hai tay đút vào túi những chiếc măng tô dài của mình, vai và mũ phủ một lớp tuyết mỏng. "Kìa, tôi nói, giọng chế giễu, Laurel và Hardy. Điều gì dẫn các anh đến đây thế?" Lần này, họ không chào. Weser đáp: "Chúng tôi muốn đến chào ông, Obersturmbannführer. Nhưng cô thư ký của ông không muốn đặt hẹn cho chúng tôi." Tôi không nhắc nhở họ đã bỏ mất từ *Herr*. "Cô ấy làm vậy là rất đúng, tôi cao ngạo nói. Tôi nghĩ chúng ta không còn gì để nói với nhau nữa." – "Tốt thôi, ông thấy đấy, Obersturmbannführer, Clemens cầu nhàu, chúng tôi thì lại nghĩ rằng vẫn còn." – "Trong trường hợp đó, meine Herren, tôi xin gợi ý các anh nên yêu cầu một sự cho phép ở chỗ thẩm phán Baumann." Weser lắc đầu: "Chúng tôi đã hiểu rõ rồi, Obersturmbannführer, rằng thẩm phán Baumann sẽ nói không. Chúng tôi đã hiểu rõ rằng có thể nói rằng ông là người không thể bị chạm tới." – "Nhưng dù sao, Clemens nói tiếp, hơi thở của ông ta che mờ cả khuôn mặt béo phì có cái mũi tẹt, cũng không bình thường đâu, Obersturmbannführer, ông thấy rõ rồi đấy. Dù sao thì cũng phải có công lý chứ." – "Tôi hoàn toàn nhất trí với các anh. Nhưng những lời vu khống trắng trợn của các anh không có điểm gì chung với công lý cả." – "Những lời vu khống, Obersturmbannführer? Weser nhướn mày hỏi lại. Những lời vu khống? Ông chắc chắn đến mức vậy cơ à? Theo tôi, nếu thẩm phán Baumann thực sự đọc hồ sơ, ông ấy sẽ không chắc chắn được như ông đâu." – "Đúng đó, Clemens nói. Chẳng hạn, lẽ ra ông ấy phải tự đặt cho mình các câu hỏi về quần áo." – "Quần áo? Anh đang nói đến quần áo nào?" Weser trả lời thay ông ta: "Quần áo mà cảnh sát Pháp đã tìm thấy trong bồn tắm, ở tầng hai. Quần áo dân sự..." Ông ta quay sang Clemens: "Sổ." Clemens rút ra

quyển sổ từ một cái túi áo trong và chìa cho ông ta. Weser lật nó ra: "A vâng, đây này: *những quần áo dính máu*. Dính máu. Đó chính là từ mà tôi đang tìm." – "Có nghĩa là đẫm máu," Clemens nói rõ hơn. – "Obersturmbannführer biết điều đó có nghĩa là gì, Clemens, Weser nghiêng rằng. Obersturmbannführer đã từng học rồi. Ông ấy hiểu từ vựng tốt lắm." Ông ta lại tập trung vào quyển sổ. "Như vậy là có quần áo dân sự dính máu, vút trong bồn tắm. Có cả máu trên nền nhà nữa, trên tường, trong bồn rửa, trên những cái khăn. Và ở dưới, trong phòng khách và ở lối vào, có những vết chân gần như là khắp nơi, vì có máu mà. Có những vết giày, cái đó người ta đã tìm thấy, giày và quần áo, nhưng còn có cả dấu bột nữa. Những chiếc bột lớn." – "Thế thì, tôi vừa nói vừa nhún vai, tên sát nhân chắc là đã thay quần áo trước khi đi khỏi, để không bị chú ý." – "Cậu thấy chưa, Clemens, tớ đã bảo Obersturmbannführer là người thông minh mà lại. Lẽ ra cậu phải nghe lời tớ." Ông ta lại quay về phía tôi và nhìn lên phía trên đỉnh mũ của tôi. "Tất cả các quần áo đó đều có mác Đức, Obersturmbannführer ạ." Ông ta lại giở sổ: "*Một bộ com lê gồm cả gilê màu nâu, bằng len, chất lượng tốt, nhãn Đức. Một sơ mi trắng, sản xuất ở Đức. Một cà vạt lụa, sản xuất ở Đức, một đôi tất bằng cotton, sản xuất ở Đức, một cái quần lót, sản xuất ở Đức. Một đôi giày da màu nâu, cỡ 42, sản xuất tại Đức.*" Ông ta ngừng lên nhìn tôi: "Cỡ chân ông là bao nhiêu, Obersturmbannführer? Nếu ông cho phép tôi hỏi. Cỡ quần áo của ông là bao nhiêu?" Tôi mỉm cười: "Meine Herren, tôi không biết các anh chui từ cái lỗ nào ra, nhưng tôi khuyên các anh quay phút trở lại đó luôn đi. Ở Đức này loài sâu bọ không còn đất sống nữa đâu." Clemens nhướn mày: "Nói thử xem nào, Weser, ông ấy đang nhục mạ bọn mình, có phải không nhỉ?" – "Đúng rồi. Ông ấy nhục mạ chúng ta. Ông ấy cũng đe dọa nữa. Cuối cùng thì có lẽ là cậu có lý đấy. Có lẽ là ông ấy kém thông minh hơn là ông ấy có vẻ, cái ông Obersturmbannführer này." Weser đặt một ngón tay lên mũ: "Chúc một buổi tối tốt lành, Obersturmbannführer. Hẹn sớm gặp lại, có thể là như vậy."

Tôi nhìn họ đi xa dần dưới làn tuyết về phía Zimmerstrasse. Thomas, mà tôi đang có hẹn, tiến lại gần. “Ai thế?” anh hất đầu về phía hai cái bóng. – “Bọn nhiều sự. Bọn điên. Cậu không thể cho nhét chúng vào một trại tập trung để làm chúng bình tĩnh lại được à?” Anh nhún vai: “Nếu cậu có một lý do tốt, điều đó có thể làm được. Chúng ta đi ăn nhé?” Thomas, trên thực tế, rất ít quan tâm đến các vấn đề của tôi; nhưng anh quan tâm đến các vấn đề của Speer hơn nhiều. “Ở đó đang đông nhưng nhúc, anh nói với tôi ở quán. Cả ở OT nữa. Rất khó theo dõi. Nhưng rõ ràng là có những người coi việc ông ấy phải nằm viện như một cơ hội.” – “Một cơ hội?” – “Để thay thế ông ấy. Speer đã tự tạo cho mình rất nhiều kẻ thù. Bormann chống lại ông ta, Sauckel cũng vậy, tất cả các Gauleiter, trừ Kaufmann và có thể là Hanke.” – “Thế còn Reichsführer?” – “Cho đến giờ Reichsführer vẫn ít nhiều ủng hộ ông ấy. Nhưng điều đó có thể sẽ thay đổi.” – “Tớ phải thú nhận rằng tớ không hiểu lắm những trò âm mưu đó có ý nghĩa gì, tôi chậm rãi nói. Chỉ cần nhìn các con số thôi: không có Speer, hẳn là chúng ta đã thua trận rồi. Giờ đây, tình hình rõ ràng là đang nguy cấp. Cả nước Đức cần phải sát cánh bên nhau trước hiểm họa này.” Thomas mỉm cười: “Thực sự cậu vẫn cứ là một tay lý tưởng chủ nghĩa. Rất tốt! Nhưng phần lớn các Gauleiter không nhìn xa hơn các lợi ích cá nhân của họ đâu, hoặc là lợi ích cho *Gau* của họ.” – “Thế thì, thay vì đối nghịch với các nỗ lực của Speer trong việc tăng sản lượng, tốt hơn hết là họ nên nhớ rằng nếu thua, tất cả họ đều sẽ kết thúc cuộc đời, cả họ nữa, ở đầu một sợi dây thừng. Tớ sẽ gọi cái đó là lợi ích cá nhân, được không?” – “Chắc chắn rồi. Nhưng cậu phải thấy rằng trong tất cả những cái đó còn có một điều khác nữa. Còn có vấn đề về quan điểm chính trị. Cách dự đoán của Schellenberg không được tất cả mọi người chấp nhận, cũng như các giải pháp mà ông ấy đã dự liệu.” Chúng ta đang đi đến điểm cốt tử rồi đây, tôi tự nhủ. Tôi châm một điếu thuốc. “Thế dự đoán của ông bạn Schellenberg của cậu là như thế nào? Và các giải pháp?” Thomas nhìn ra xung quanh. Lần đầu tiên theo như tôi còn nhớ, anh có vẻ thoáng lo lắng. “Schellenberg

nghĩ rằng nếu cứ tiếp tục như thế này, chúng ta sẽ thất trận, dù cho những bánh xe công nghiệp của Speer có chạy ra sao. Ông ấy nghĩ rằng giải pháp duy nhất khả dĩ là một hòa bình đơn phương với từng nước phương Tây.” – “Thế còn cậu? Cậu nghĩ gì?” Anh suy nghĩ: “Ông ấy không nhầm đâu. Mặt khác tớ cũng đã bắt đầu không được nhìn nhận tốt ở *Staatspolizei* rồi, tại một số nhóm, vì câu chuyện đó. Schellenberg được Reichsführer lắng nghe, nhưng không thể thuyết phục hoàn toàn ông ấy được. Và nhiều người khác không hề đồng ý, chẳng hạn như là Müller và Kaltenbrunner. Kaltenbrunner đang tìm cách tiếp cận Bormann. Nếu làm được điều đó, ông ta có thể sẽ gây ra nhiều vấn đề cho Reichsführer. Ở mức độ đó, Speer sẽ chỉ còn là một vấn đề thứ yếu.” – “Tớ không nói rằng Schellenberg có lý. Nhưng những người khác, họ có giải pháp gì không? Nhìn vào tiềm năng công nghiệp của người Mỹ, dù cho Speer có làm gì, chúng ta cũng bị thiếu thời gian rồi.” – “Tớ không biết, Thomas mơ màng nói. Tớ cho rằng họ đều tin vào những thứ vũ khí kỳ diệu. Cậu thì đã nhìn thấy chúng rồi. Cậu nghĩ gì về chúng?” Tôi nhún vai: “Tớ không biết. Tớ không biết chúng có giá trị như thế nào.” Món ăn được mang ra, cuộc nói chuyện quay sang chủ đề khác. Khi ăn tráng miệng, Thomas quay trở lại chủ đề Bormann với một nụ cười ranh mãnh. “Cậu biết không, Kaltenbrunner đang lập một hồ sơ về Bormann đấy. Tớ cũng đang giúp ông ấy tí chút.” – “Về Bormann? Cậu vừa nói là Kaltenbrunner đang tìm cách tiếp cận ông ta cơ mà.” – “Đó không phải là một lý do. Bormann thì có hồ sơ về tất cả mọi người, về Reichsführer, về Speer, về Kaltenbrunner, về cả cậu nữa, biết đâu được đấy.” Anh đã nhét một cái tăm vào miệng và thích thú với việc xoay xoay nó trên lưỡi. “À, điều mà lúc này tớ muốn kể với cậu... Bí mật giữa chúng ta đấy nhé? Nói thật thì... Kaltenbrunner, ông ấy chặn được không ít thư giữa Bormann và vợ ông ta. Và trong đó người ta tìm được những thứ đồ nữ trang. Đồ sưu tập.” Anh chồm người về phía trước, dáng vẻ chế giễu. “Bormann, ông ta theo đuổi một cô diễn viên không mấy nổi tiếng. Cậu biết ông ta là người có tính

cách dữ dội rồi đấy, con ngựa giống của các nữ thư ký của Reich. Schellenberg gọi ông ta là *Chuyên gia ngủ với các nhân viên đánh máy*. Nói tóm lại, ông ta đã có được cô kia. Nhưng điều tuyệt vời là ông ta đã viết thư cho vợ mình, bà ta là con gái của Buch, cậu biết rồi đấy, người điều hành tòa án của Đảng. Bà ấy đã để cho ông ta chín hoặc mười đứa con, tớ cũng không biết rõ nữa. Và bà ấy trả lời đại khái thế này: Không sao đâu, tôi không giận dữ gì đâu, tôi không ghen tuông gì đâu. Và bà ấy đề nghị ông ta đưa cô gái kia đến nhà. Và rồi bà ấy viết: *Nhìn vào việc suy giảm kinh khủng của việc sản xuất trẻ con vì nguyên nhân là cuộc chiến tranh này, chúng ta sẽ thiết lập một hệ thống sinh đẻ xoay vòng, để lúc nào anh cũng có được một người phụ nữ trong tình trạng sẵn sàng phục vụ.*" Thomas dừng lại một chút, miệng nở một nụ cười trong khi tôi cười phá lên: "Không đùa đấy nhé! Bà ấy đã thực sự viết như vậy à?" – "Tớ thề với cậu luôn. *Một người phụ nữ trong tình trạng sẵn sàng phục vụ.* Cậu có tưởng tượng nổi không?" Anh cũng cười. "Và Bormann, cậu có biết câu trả lời của ông ta như thế nào không?" tôi hỏi. – "Ồ, tất nhiên là ông ta đã khen ngợi bà ấy. Rồi ông ta trích dẫn ra một đồng thứ nhặt nhẻo thuộc về ý thức hệ nữa. Tớ tin là ông ta đã gọi bà ấy là *đứa con thuần khiết của chủ nghĩa quốc xã*. Nhưng hiển nhiên ông ta nói điều đó là để cho bà ấy thấy vui thôi. Bormann thì có tin vào cái gì bao giờ đâu. Ngoài sự diệt trừ kiên quyết tất cả những ai đến chiếm mất vị trí giữa Führer và ông ta." Tôi nhìn anh, ranh mãnh: "Thế còn cậu, cậu tin vào cái gì?" Tôi không bị thất vọng vì câu trả lời. Ngồi thẳng dậy trên băng ghế, anh tuyên bố: "Để trích dẫn một tác phẩm thời trẻ của ngài bộ trưởng Tuyên truyền kiệt xuất của chúng ta: *Điều quan trọng không hẳn là điều mà người ta tin vào; điều quan trọng là tin tưởng.*" Tôi mỉm cười; thỉnh thoảng Thomas gây ấn tượng rất mạnh lên tôi. Mặt khác tôi cũng nói với anh: "Thomas, cậu làm tớ bị ấn tượng đấy." – "Cậu muốn gì nào? Tớ không chấp nhận việc dính chặt móng ở các văn phòng, tớ ấy. Tớ là một người quốc xã chân chính. Và Bormann cũng vậy, theo cách của ông ta. Ông Speer của cậu thì tớ không chắc. Ông ta có

tài năng, nhưng tôi không nghĩ rằng ông ta hoàn toàn coi trọng cái chế độ mà ông ta đang phục vụ này đâu.” Tôi lại mỉm cười khi nghĩ đến Schellenberg. Thomas tiếp tục: “Mọi việc càng trở nên khó khăn, người ta lại càng sẽ phải trông chờ nhiều vào những người quốc xã thực thụ hiếm hoi. Tất cả những con chuột cống đều sẽ bắt đầu chạy trốn khỏi thuyền. Rồi cậu sẽ thấy.”

Quả thực, trong các khoang hầm của Reich, những con chuột cống đang nháo nhác, kêu eo éo, dồn đống lại, người căng thẳng vì một nỗi lo lắng khủng khiếp. Kể từ khi người Ý rút lui, những căng thẳng với các đồng minh khác của chúng tôi đã hé lộ những khoảng kẽ nứt trên bề mặt các mối quan hệ mà chúng tôi có. Mỗi bên, theo cách của mình, đều tìm kiếm một cánh cửa để thoát đi, và những cánh cửa này không nằm ở Đức. Schellenberg, theo Thomas, nghĩ rằng người Rumani đang thương thuyết với bên Xô viết ở Stockholm. Nhưng chủ yếu người ta nói đến người Hungari. Các lực lượng của Nga đã chiếm được Lutsk và Rovno; nếu vùng Galacie rơi vào tay họ, thì họ đã ở ngay cửa ngõ của Hungari. Thủ tướng Kállay, kể từ một năm nay, đã cẩn thận tạo riêng cho mình tiếng tăm về một người bạn tệ hại của nước Đức trong các nhóm ngoại giao. Thái độ của Hungari về vấn đề Do Thái cũng đặt ra nhiều vấn đề: không chỉ là họ không muốn đi quá khỏi khuôn khổ một số đạo luật phân biệt đặc biệt không thích ứng, nếu nhìn vào tình hình – những người Do Thái ở Hungari giữ các vị trí quan trọng trong công nghiệp và những người mang một nửa dòng máu Do Thái, hoặc những người đàn ông lấy vợ Do Thái, vẫn có mặt trong chính phủ – nhưng, vẫn sở hữu một trữ lượng lao động Do Thái đáng kể và một phần lớn có chuyên môn, họ từ chối mọi đòi hỏi của Đức về việc đưa một phần lực lượng này vào phục vụ cho chiến tranh. Hồi đầu tháng Hai, trong những cuộc họp có mặt chuyên gia của nhiều ban khác nhau, người ta đã bắt đầu tranh luận về các vấn đề đó: thỉnh thoảng tôi cũng đích thân đến dự hoặc gửi đến một trong các

chuyên gia của mình. RSHA dự đoán một thay đổi về chính phủ; sự tham gia của tôi chỉ giới hạn ở các nghiên cứu về việc sử dụng khả thi nhân công Do Thái Hungari trong trường hợp tình hình tiến triển theo hướng có lợi. Trong khuôn khổ đó, tôi đã có một loạt cuộc tham vấn với các cộng sự của Speer. Nhưng vị thế của họ thường xuyên mâu thuẫn với nhau một cách kỳ lạ, và khó lòng hòa giải được. Bản thân Speer thì lại không sao gặp được; người ta nói rằng ông ta đang ốm rất nặng. Thật là nản: tôi có cảm giác đang lên kế hoạch cho hư vô, dồn đọng lại những thứ nghiên cứu không có giá trị gì hơn là những câu chuyện hư cấu. Tuy nhiên, phòng làm việc của tôi ngày càng nhiều tài liệu thêm lên, giờ đây tôi đã có ba sĩ quan chuyên gia và Brandt đã hứa sẽ cho thêm một người thứ tư; nhưng sự thiếu thoải mái của vị trí tôi đang nắm giữ có thể cảm thấy rất rõ; tôi có rất ít sự ủng hộ để có thể tiến hành các dự định, cả từ phía RSHA, mặc dù tôi có những quan hệ chặt chẽ với SD, lẫn từ phía WVHA, ngoài đôi khi là Maurer khi nào ông ta không thấy bất tiện gì.

Đầu tháng Ba, mọi việc bắt đầu tăng tốc nhưng cũng không mấy sáng tỏ. Speer, tôi được biết qua một cú điện thoại của Thomas vào cuối tháng Hai, đã qua được và, ngay cả khi lúc này ông ta vẫn còn ở Hohenlychen, đã chậm rãi nắm lại dây cương bộ mình trong tay. Cùng với Feldmarschall Milch, ông ta đã quyết định thiết lập một *Jägerstab*, một bộ tham mưu đặc biệt để điều phối sản xuất máy bay chiến đấu; theo một quan điểm nào đó, đây là một bước đi lớn để thu về mình lĩnh vực cuối cùng của ngành sản xuất phục vụ chiến tranh vẫn còn nằm ngoài tầm tay với của bộ ông ta; từ một mặt khác, những âm mưu ngày càng nhiều thêm, người ta nói rằng Göring phản đối việc lập ra *Jägerstab*, rằng Saur, trợ lý của Speer được cử thay thế ông ta, không phải là người lẽ ra nên chọn, và rất nhiều vấn đề khác nữa. Ngoài ra, nhân viên của bộ của Speer giờ đây công khai tranh luận về một ý tưởng thần kỳ, hoang tưởng: chôn toàn bộ ngành sản xuất máy bay xuống dưới lòng đất để tránh các cuộc oanh tạc Anh-Mỹ. Điều này đồng nghĩa với việc sẽ phải xây dựng hàng

trăm nghìn mét vuông đường hầm dưới đất. Người ta nói rằng Kammler say mê ủng hộ dự án này, và văn phòng của ông ta đã hoàn thành các nghiên cứu cần thiết: với tất cả mọi người, rất rõ ràng là trong những điều kiện hiện nay, chỉ SS mới có thể tiến hành được một dự án điên rồ đến mức ấy. Nhưng điều này vượt quá xa năng lực nhân công hiện đang có: cần phải tìm ra những nguồn mới, và trong tình hình hiện nay – nhất là khi hiệp định giữa Speer và bộ trưởng Bichelonne không cho phép sử dụng nguồn nhân lực Pháp nữa – chỉ còn lại có Hungari. Do đó việc quyết định về vấn đề Hungari đã mang một tính chất khẩn cấp mới mẻ. Các kỹ sư của Speer và của Kammler, một cách phi lý, đã tính gộp cả những người Do Thái Hungari vào trong các tính toán và dự định của mình, trong khi vẫn còn chưa có một thỏa thuận nào đạt được với chính phủ Kállay. Ở RSHA, giờ đây người ta nghiên cứu các giải pháp thay thế: tôi chỉ có rất ít chi tiết, nhưng thỉnh thoảng Thomas thông báo cho tôi về tiến trình phát triển của kế hoạch, để tôi có thể điều chỉnh kế hoạch của mình. Schellenberg có dính dáng mật thiết đến các dự án này. Vào tháng Hai, một câu chuyện nặng nề về buôn lậu tiền với Thụy Sĩ đã dẫn đến sự sụp đổ của đô đốc Canaris; toàn bộ Abwehr bị sáp nhập vào RSHA, nhập chung với Amt VI để tạo thành một Amt Mil dưới sự chỉ huy của Schellenberg, người như vậy là đã đứng đầu tất cả các bộ phận gián điệp bên ngoài của Reich. Ông ta có ít thời gian để khai thác vị trí này: các sĩ quan chuyên nghiệp của Abwehr không thích thú gì dân SS, và không có gì đảm bảo sự kiểm soát của ông ta đối với họ. Hungari, theo hướng đi này, phải cho phép ông ta thử nghiệm giới hạn của công cụ mới của mình. Còn về chuyện nhân lực, một thay đổi về chính sách sẽ mở ra những triển vọng đáng kể: những người lạc quan nói đến bốn trăm nghìn nhân công có thể sử dụng và huy động một cách nhanh chóng, trong đó một phần lớn là các công nhân đã có chuyên môn, hoặc là các chuyên gia. Nhìn vào các nhu cầu của chúng tôi điều này sẽ mang lại một đóng góp đáng kể. Nhưng việc sử dụng họ, điều này thì tôi đã thấy, sẽ trở thành đề tài cho

những tranh cãi gay gắt: chống lại Kammler và Saur, tôi đã nghe thấy nhiều chuyên gia, những người bình tĩnh và ung dung, tuyên bố với tôi rằng ý tưởng nhà máy ngầm dưới đất, dù cho có quyền rũ đến đâu, cũng chỉ có tính ảo tưởng, bởi vì chúng sẽ không bao giờ được xây kịp thời để làm thay đổi tiến trình của các sự kiện; và trong thời gian đó, việc này sẽ gây ra một sự lãng phí không thể chấp nhận được về nhân lực, các nhân công lẽ ra là đã có ích hơn nhiều khi được lập thành những đội đi sửa chữa các nhà máy bị bom đánh trúng, xây dựng nơi ở cho các công nhân của chúng tôi hoặc những người gặp nạn, hoặc giúp đỡ việc phi tập trung hóa một số ngành công nghiệp sống còn. Speer, theo những người này, cũng nghĩ như vậy; lúc này thì tôi không có cách nào tiếp cận với Speer. Về phần mình, tôi nghĩ rằng các lập luận đó rất có lý, nhưng xét cho cùng điều này không liên quan gì đến tôi.

Trong thâm tâm, càng nhìn rõ hơn trong cái cơn xoáy lốc những âm mưu ở các cấp cao nhất của Nhà nước đó, tôi càng không muốn tham gia. Trước khi đến được vị thế hiện nay, tôi đã, chắc chắn là vì ngây thơ, nghĩ rằng những quyết định lớn đều được đưa ra dựa trên nền tảng sự đúng đắn về ý thức hệ và duy lý. Giờ đây tôi đã thấy rằng, ngay cả khi điều đó vẫn đúng ở một phần nào đó, còn có nhiều nhân tố khác can thiệp vào, các xung đột về ưu tiên hành chính, tham vọng cá nhân của một số người, các lợi ích riêng. Führer, dĩ nhiên, không thể tự mình giải quyết tất cả các vấn đề; và ngoài sự can thiệp của ông ta, phần lớn các cơ chế nhằm đạt đến một sự đồng thuận có vẻ như là đều đã bị vô hiệu, thậm chí là bị ô nhiễm. Thomas, trong tình hình ấy, giống như một con cá gặp được nước; còn tôi thì thấy khó chịu, và không chỉ bởi vì tôi thiếu tài năng trong các âm mưu. Tôi vẫn thấy cần phải kiểm tra tính chính xác của những câu thơ sau của Coventry Patmore: *The truth is great, and shall prevail, / When none cares whether it prevail or not*; và rằng chủ nghĩa quốc xã, đó không thể là gì khác ngoài một sự tìm kiếm chung, theo thiện ý, cái sự thật này. Điều này với tôi lại càng trở nên cần thiết hơn khi mà các hoàn cảnh của cuộc đời nhiều xáo trộn phân chia giữa

hai đất nước đặt tôi ở một khoảng cách so với những người khác; cả tôi nữa, tôi cũng muốn đóng góp cho công trình chung, cả tôi nữa, tôi cũng muốn mình có thể cảm thấy là một bộ phận của toàn thể. Than ôi, trong Nhà nước quốc xã của chúng tôi, và nhất là bên ngoài các nhóm SD, ít người nghĩ giống tôi. Theo hướng đó, tôi có thể ngưỡng mộ sự thẳng thắn đến đột ngột của Eichmann: ông ta có ý tưởng riêng của mình, về chủ nghĩa quốc xã, về vị trí của chính mình, và về những gì cần phải làm, và ý nghĩ đó, ông ta không băn khoăn gì về nó nữa, ông ta dùng toàn bộ tài năng và sự bướng bỉnh của mình để phục vụ nó, và chừng nào mà các thượng cấp của ông ta xác nhận điều đó, thì nó là ý tưởng tốt, và Eichmann vẫn là một con người hạnh phúc, chắc chắn về mình, tiến hành các công việc với một bàn tay vững chắc. Tôi thì còn xa mới được như vậy. Sự bất hạnh của tôi, rất có thể, đến từ việc người ta đã giao cho tôi những công việc không tương ứng với thiên hướng tự nhiên của tôi. Kể từ nước Nga, tôi đã cảm thấy bị bước hụt, có khả năng làm những gì người ta yêu cầu mình, nhưng như thể bị kìm kẹp trong chính những ý tưởng sáng tạo, bởi vì các nhiệm vụ đó, trước tiên là thuộc về lĩnh vực an ninh sau đó là kinh tế, chắc chắn là tôi đã nghiên cứu và chế ngự được chúng, nhưng tôi chưa bao giờ thành công được trong việc tự thuyết phục mình về tính đúng đắn của chúng, tôi không thể hoàn toàn nắm bắt được tính cần thiết sâu sắc hướng lối cho chúng, và do đó không thể tìm được đường đi cho mình *với sự chính xác và chắc chắn của một người mạo du*, giống như Führer và biết bao nhiêu người đồng nghiệp và người bạn tài năng hơn tôi. Liệu có một lĩnh vực hoạt động nào thích hợp hơn với tôi, nơi tôi có thể cảm thấy như được ở nhà mình, hay không? Có thể lắm, nhưng rất khó nói, bởi vì cái đó không xảy ra, và nói cho cùng, chỉ những gì đã có mới quan trọng, chứ không phải là những gì có thể có. Ngay từ lúc khởi đầu mọi việc đã không giống như là tôi muốn: về chuyện này, từ lâu tôi đã tự tìm cho mình một lý do (và cùng lúc, có vẻ như tôi chưa bao giờ chấp nhận rằng mọi việc lại giống như là chúng vốn vậy, giả dối và xấu xa, việc lớn

nhất mà tôi làm được là cuối cùng cũng nhận ra sự bất lực của mình trong việc biến đổi chúng). Cũng đúng là tôi đã thay đổi. Khi còn trẻ, tôi cảm thấy đầy sáng suốt, tôi có những ý tưởng chính xác về thế giới, về những gì phải có và những gì đã thực sự có, và về vị trí của bản thân mình trong thế giới này; và với toàn bộ sự điên rồ và cao ngạo của cái tuổi trẻ đó, tôi đã nghĩ rằng bao giờ cũng sẽ là như vậy; rằng thái độ được suy ra từ phân tích của mình sẽ không bao giờ thay đổi; nhưng tôi đã quên, hay nói đúng hơn là tôi còn chưa biết đến sức mạnh của thời gian, của thời gian và của sự mệt mỏi. Và còn hơn cả sự chần chừ của tôi, sự lúng túng về mặt ý thức hệ của tôi, việc tôi không có khả năng có được một vị trí rõ ràng trước những vấn đề mà tôi đang xử lý và việc gắn kết với chúng, chính những cái đó đã làm hại tôi, làm mất đất dưới chân tôi sụp xuống. Một sự mệt mỏi như vậy không có điểm kết thúc, chỉ cái chết mới có thể chấm dứt được nó, đến nay nó vẫn còn tiếp tục và với tôi nó sẽ còn luôn tiếp tục.

Tôi không bao giờ nói tất cả những chuyện này với Hélène. Khi gặp nhau, vào buổi tối hoặc Chủ nhật, chúng tôi trò chuyện về tình hình thời sự, những khó khăn của cuộc sống, những cuộc oanh tạc, hoặc về nghệ thuật, văn chương, điện ảnh. Vào một số thời điểm, tôi nói với cô về tuổi thơ của tôi; về cuộc đời tôi; nhưng tôi không nói tất cả, tôi tránh đi những điều nặng nề và khó khăn nhất. Thỉnh thoảng, tôi cảm thấy sự cảm dỗ được đến nói chuyện với cô theo một cách thẳng thắn hơn: nhưng có điều gì đó ngăn tôi lại. Tại sao lại như vậy? Tôi không biết. Người ta có thể nói: tôi sợ làm cô bị sốc, làm cô phật ý. Nhưng không phải thế. Xét cho cùng, tôi vẫn còn biết quá ít về người phụ nữ này, nhưng cũng đủ để hiểu là cô biết lắng nghe, lắng nghe mà không phán xét (khi viết điều này, tôi nghĩ đến những trái khoáy trong cuộc đời riêng của mình; phản ứng mà cô có thể có khi biết toàn bộ tầm vóc và những ràng buộc của công việc của tôi, vào thời gian đó tôi không có phương cách nào để nói trước cả, nhưng điều đó thì dù sao cũng không được phép nói ra, trước hết là vì nguyên tắc bí mật, nhưng ngoài ra còn nằm ở thỏa thuận ngầm giữa chúng tôi, tôi

nghĩ vậy, và cả một kiểu “ý nhị” nữa). Vậy thì, điều gì chặn lời lẽ của tôi nghệt lại trong cổ họng khi, vào buổi tối sau bữa ăn, trong một cơn mõi mệt và buồn bã, chúng lại đòi được trôi lên? Nỗi sợ, không phải về phản ứng của cô, mà chỉ đơn giản là bị phơi mình trần trụi ra đó? Hoặc chỉ đơn giản là nỗi sợ để mặc cho cô tiến lại tôi nhiều hơn là cô đã làm và rằng tôi đã để cho chính mình thực hiện điều đó, thậm chí cả khi không hề muốn? Bởi vì đã trở nên rõ ràng rằng nếu quan hệ giữa chúng tôi vẫn là quan hệ giữa những người bạn tốt nhưng vẫn là bạn mới, thì ở cô, một cách chậm rãi, đã xảy ra điều gì đó, ý nghĩ về cái giường và có thể là cả một điều gì đó khác nữa. Thỉnh thoảng, điều đó làm tôi buồn, sự bất lực của tôi trong việc tặng cho cô bất kỳ thứ gì hoặc thậm chí là chấp nhận cô tặng cho tôi, cái đó làm đầu óc tôi trở nên quá tải: cô nhìn tôi với cái nhìn dài và kiên nhẫn gây ấn tượng mạnh lên tôi đến vậy, và tôi, tôi tự nhủ, với một sự mãnh liệt trào lên ở mỗi ý nghĩ. Ban đêm, khi em đi ngủ, em nghĩ đến anh, có thể là em dùng tay tự chạm vào cơ thể, vào hai bầu vú, khi nghĩ đến anh, em đặt tay vào giữa hai chân khi nghĩ đến anh, có thể là em chìm đắm vào suy nghĩ về anh, và anh, anh chỉ yêu một người duy nhất, một người mà anh không thể có được, người không khi nào anh thôi nghĩ về và ý nghĩ đó chỉ rời khỏi đầu óc anh để ghi khắc vào xương tủy anh, người sẽ luôn luôn ở đó giữa thế giới và anh và do đó giữa em và anh, người mà những nụ hôn lúc nào cũng sẽ cười nhạo những nụ hôn của em, người mà cuộc hôn nhân khiến anh chỉ còn có thể cưới em để tìm cách cảm thấy được cùng những gì mà nàng cảm thấy trong hôn nhân, người mà chỉ riêng sự tồn tại đã khiến cho với anh em sẽ không bao giờ thực sự tồn tại, và còn cả những điều khác nữa, bởi những điều khác nữa cũng có tồn tại, anh vẫn còn thích được những chàng trai không quen biết chọc tung lỗ đít, được trả tiền nếu cần phải như vậy, điều đó lại càng đưa anh tiến lại gần nàng hơn, theo cách của anh, và anh thích cái nỗi sợ và sự trống rỗng và sự khô cằn của ý nghĩ của anh hơn nhiều so với việc làm cho chúng yếu đi.

Kế hoạch đối với Hungari được cụ thể hóa dần; đầu tháng Ba, Reichsführer triệu tập tôi đến gặp. Hôm trước, người Mỹ đã trút xuống Berlin cuộc oanh tạc đầu tiên vào ban ngày của mình; đó là một cuộc không kích rất nhỏ, chỉ gồm khoảng ba mươi máy bay ném bom, và báo chí của Goebbels đã tung lời chế nhạo vì chúng gây ra rất ít tổn thất, nhưng những chiếc máy bay ném bom đó, lần đầu tiên, đến cùng những chiếc máy bay chiến đấu đường dài, một thứ vũ khí mới với những hiệu quả đáng sợ, bởi vì máy bay chiến đấu của chúng tôi đã bị đánh bật ngược lại với nhiều tổn thất, và phải ngu ngốc lắm mới không hiểu ra rằng cuộc không kích đó chỉ là một phép thử, một phép thử đã thành công, và rằng kể từ giờ trở đi sẽ không còn có khoảng nghỉ nào nữa, cả ban ngày, cả vào những đêm trăng tròn, và rằng mặt trận giờ đây đã ở khắp mọi nơi, và vào mọi thời điểm. Thất bại của Luftwaffe của chúng tôi, bất lực trong việc có được một sự đáp trả hiệu quả, đã quá rõ ràng. Phân tích này được xác nhận bởi những lời lẽ lạnh lùng và chính xác của Reichsführer: "Tình hình ở Hungari, ông ta thông báo với tôi nhưng không cung cấp thêm các chi tiết, sẽ nhanh chóng thay đổi. Führer đã quyết định can thiệp nếu cần. Các cơ hội mới sẽ xuất hiện, cần phải nhanh chóng nắm lấy chúng. Một trong những cơ hội đó liên quan đến vấn đề Do Thái. Đến thời điểm mong muốn, Obergruppenführer Kaltenbrunner sẽ phái người của ông ấy đi. Họ sẽ biết phải làm gì và anh sẽ không cần dính líu vào đó. Nhưng tôi muốn anh đi cùng họ để cho thấy *Arbeitseinsatz* cũng có quan tâm. Gruppenführer Kammler (Kammler vừa được thăng cấp hồi cuối tháng Giêng) sẽ cần người, rất nhiều người. Liên quân Anh-Mỹ đang cải tiến" – ông ta chỉ một ngón tay lên trời – "và chúng ta phải phản ứng thật nhanh. RSHA phải tính đến điều này. Tôi đã ra các chỉ thị theo hướng đó cho Obergruppenführer Kaltenbrunner, nhưng tôi muốn anh coi sóc sao cho chúng được các chuyên gia áp dụng một cách chặt chẽ. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần rất nhiều sức lao động của bọn Do Thái. Như thế đã rõ chưa?" Rồi, rõ rồi. Brandt, sau cuộc họp đó, nói rõ hơn cho tôi

về các chi tiết: nhóm can thiệp đặc biệt sẽ nằm dưới quyền chỉ huy của Eichmann, người ít nhiều cũng có tự do trong việc giải quyết vấn đề này; ngay khi người Hungari chấp nhận nguyên tắc của nó và sự hợp tác được đảm bảo, những người Do Thái sẽ được chuyển đến Auschwitz, nơi sẽ được dùng làm trung tâm chọn lọc; từ đó, tất cả những người có khả năng làm việc sẽ được bỏ đi các nơi tùy theo nhu cầu. Ở mỗi bước, cần phải tối đa hóa số lượng nhân công tiềm năng.

Một loạt những cuộc họp mới nhằm mục đích chuẩn bị được tổ chức ở RSHA, với tính chất cụ thể hơn nhiều so với những cuộc họp hồi tháng trước; rất nhanh chóng, chỉ còn thiếu ngày giờ. Sự phấn khích trở nên rõ rệt; lần đầu tiên kể từ rất lâu, những người có liên quan mới có cảm giác rõ ràng là công việc được bắt đầu trở lại. Tôi gặp lại Eichmann nhiều lần, tại những cuộc họp đó và cả gặp riêng. Ông ta đảm bảo với tôi rằng các chỉ thị của Reichsführer đã được hiểu rõ. "Tôi rất mừng vì anh là người phụ trách các khía cạnh này của vấn đề, ông ta vừa nói với tôi vừa nhai nhai phía bên trong má trái của mình. Với anh, chúng ta có thể làm việc, nếu anh cho phép tôi nói như vậy. Đó không phải là trường hợp chung đối với tất cả mọi người đâu." Vấn đề cuộc chiến tranh trên không chế ngự mọi suy nghĩ. Hai ngày sau cuộc không kích đầu tiên, người Mỹ đã gửi đến hơn 800 máy bay ném bom, được khoảng 650 máy bay chiến đấu mới của họ bảo vệ, để oanh tạc Berlin vào giờ ăn trưa. Nhờ thời tiết xấu, những quả bom rơi không chính xác lắm và các tổn thất khá nhỏ; ngoài ra, máy bay chiến đấu của chúng tôi và Flak hạ được 80 máy bay địch, một kỷ lục; nhưng những chiếc máy bay này rất nặng nề và không mấy thích hợp để chiến đấu chống lại những chiếc Mustang mới, và tổn thất của chúng tôi cũng lên đến 66 máy bay, một thảm họa, khi mà còn khó tìm ra người thay thế các phi công tử trận hơn là thay thế máy bay. Không hề nản lòng, người Mỹ quay trở lại liên tục trong nhiều ngày sau đó; mỗi lần, toàn bộ dân chúng lại phải ngồi nhiều giờ trong các hầm trú ẩn, tất cả các công việc đều bị gián đoạn; đêm đến, người Anh gửi đến những

chiếc Mosquito, chúng gây ra ít thiệt hại nhưng lại bắt người ta xuống hầm trú ẩn, phá hủy sự nghỉ ngơi của họ, khiến họ kiệt sức. Thật may mắn vì tổn thất về người thấp hơn hẳn so với hồi tháng Mười một: Goebbels đã quyết định sơ tán một khối lượng lớn dân cư khỏi khu trung tâm, và phần lớn nhân viên của các văn phòng, giờ đây, hàng ngày đi đến chỗ làm từ những khu ngoại ô; nhưng điều đó cũng kéo theo sự di chuyển mệt mỏi dài hàng giờ. Chất lượng công việc cũng chịu ảnh hưởng từ đó: trong thư từ, các chuyên gia ở Berlin của chúng tôi, lúc nào cũng thiếu ngủ, phạm phải rất nhiều sai lầm, tôi phải bắt viết lại các bức thư ba lần, năm lần trước khi có thể gửi chúng đi được.

Một buổi tối, tôi được mời đến nhà Gruppenführer Müller. Lời mời được chuyển đến tôi sau một lời báo trước của Eichmann tại khu văn phòng của mình, hôm đó tổ chức cuộc họp để lập một kế hoạch quan trọng. "Tất cả các thứ Năm, ông ta đến để nói với tôi, Amtchef thích tập hợp ở nhà mình một vài chuyên gia của ông ấy, để nói chuyện. Ông ấy sẽ rất vui nếu anh có thể đến." Việc này buộc tôi phải hủy bỏ buổi tập đấu kiếm, nhưng tôi nhận lời: tôi chưa biết rõ Müller lắm, sẽ rất thú vị khi gặp ông ta trong một bầu không khí thân mật. Müller sống trong một căn hộ được cấp hơi xa trung tâm, thoát khỏi những quả bom. Một người đàn bà khá mờ nhạt, với một búi tóc và hai con mắt rất gần nhau, mở cửa cho tôi; tôi cứ tưởng đó là một gia nhân, nhưng hóa ra lại là Frau Müller. Bà ta là phụ nữ duy nhất ở đó. Müller mặc thường phục; và thay vì chào lại tôi, ông ta bắt tay tôi bằng cái nắm tay to lớn của mình, với những ngón tay to tướng vuông vắn chẵn chẵn; ngoài cách bày tỏ sự gần gũi này, không khí kém *gemütlich* hơn nhiều so với ở nhà Eichmann. Eichmann cũng mặc thường phục, nhưng phần lớn các sĩ quan đều, giống như tôi, mặc quân phục. Müller, một người đàn ông có đôi chân khá ngắn, to béo, tóc cắt vuông theo kiểu nông dân, nhưng tuy nhiên lại rất nghiêm chỉnh, gần như là chải chuốt, mặc một cái áo len móc bên ngoài chiếc sơ mi lụa cổ không cài khuy. Ông ta rót cognac cho tôi và giới thiệu tôi với những người khách khác, gần như tất cả đều là

Gruppenleiter hoặc Referent của Amt IV: tôi còn nhớ hai người của IV D, những người phụ trách công việc của Gestapo tại các nước bị chiếm đóng, và một viên Regierungsrat, Berndorff, chỉ huy *Schutzhaftreferat*. Cũng có một sĩ quan của Kripo và Litzenberg, một đồng-nghiep của Thomas. Chính Thomas, mang lon mới cấp bậc Standartenführer của mình một cách thoải mái, một lúc sau cũng đến và được Müller đón tiếp thân mật. Cuộc nói chuyện chủ yếu xoay quanh vấn đề Hungari: RSHA đã xác định được các nhân vật Magyar sẵn sàng hợp tác với Đức; câu hỏi lớn là biết được Führer sẽ làm gì để hạ bệ Kállay. Müller, khi không tham gia cuộc nói chuyện, ngồi nhìn khách khứa với đôi mắt nhỏ bé đảo qua đảo lại, sống động, thấu suốt. Rồi ông ta can thiệp bằng những câu ngắn ngủi và lạnh lùng, nhưng được phát ra với âm sắc Bayern rất nặng nên thành ra có vẻ thân thiết nhưng không che giấu được bao nhiêu sự lạnh lùng bẩm sinh của ông ta. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, ông ta cũng xả các ý nghĩ ra ngoài. Với Thomas và tiến sĩ Frey, một người cũ của SD cũng chuyển sang *Staatspolizei* giống như Thomas, tôi bắt đầu tranh luận về nguồn gốc trí thức của chủ nghĩa quốc xã. Frey nêu nhận xét rằng thậm chí ông ta thấy ngay cái tên đã là một lựa chọn tồi, bởi vì với ông ta khái niệm “quốc gia” dẫn chiếu đến truyền thống của năm 1789, mà chủ nghĩa quốc xã đã vứt bỏ. “Vậy thì anh đề nghị từ gì khác để thay thế?” tôi hỏi. – “Theo tôi, lẽ ra nó nên là Chủ nghĩa xã hội *völkisch*. Như thế thì chính xác hơn nhiều.” Người của bên Kripo đã đến nhập bọn với chúng tôi: “Nếu chúng ta theo lời Möller van der Bruck, thì lẽ ra nó nên có tên là chủ nghĩa xã hội đế quốc.” – “Phải, xét cho cùng thì cái đó gần với sự chệch hướng của Strasser, có phải không nào?” Frey đáp lại vẻ bức bối. Chính lúc đó tôi nhìn thấy Müller: ông ta đang đứng sau chúng tôi, một cốc rượu nắm chặt trong bàn tay to tướng, và vừa nghe chúng tôi nói vừa hấp háy mắt. “Thực sự là người ta nên tổng kết các loại trí thức xuống một mỏ than và cho nổ tung nó...” ông ta rúc lên, giọng kèn kẹt và gay gắt. – “Gruppenführer hoàn toàn có lý đấy, Thomas nói. Meine Herren, các anh còn tệ hại hơn cả lũ Do Thái.

Hãy làm gương đi nào: hành động đi, đừng lời lẽ suông nữa.” Mắt anh lấp lánh tia cười. Müller gật đầu, Frey có vẻ lúng túng: “Rõ ràng là ở chỗ chúng ta ý thức về hành động lúc nào cũng chiếm ưu thế hơn so với suy tư về lý thuyết...,” người của bên Kripo áp ứng. Tôi đi ra xa và đến chỗ bàn tiệc lấy đầy một đĩa xalat và đồ ăn nguội. Müller đi theo tôi. “Thế Reichsminister Speer ra sao rồi?” ông ta hỏi tôi. – “Nói thật lòng, Herr Gruppenführer, tôi không biết đâu. Tôi không hề có liên lạc gì với ông ấy kể từ khi ông ấy bắt đầu ốm. Người ta nói rằng sức khỏe ông ấy đã khá hơn.” – “Có vẻ như là ông ấy sắp ra khỏi đó rồi.” – “Có thể. Đó sẽ là một điều rất tốt. Nếu thành công trong việc có được nguồn nhân lực Hungari, việc đó sẽ nhanh chóng mở ra các khả năng mới cho các ngành công nghiệp vũ khí của chúng ta.” – “Có thể, Müller cầu nhàu. Nhưng sẽ chủ yếu là bọn Do Thái, mà bọn Do Thái thì bị cấm trên lãnh thổ Altreich.” Tôi nuốt trôi một miếng xúc xích và nói: “Vậy thì cần phải thay đổi quy định đó. Hiện nay chúng ta đã ở mức độ tối đa của khả năng sản xuất. Không có những người Do Thái đó, chúng ta sẽ không bao giờ có thể đi xa hơn được.” Eichmann tiến lại gần và đã nghe thấy những lời cuối cùng của tôi, vừa nghe vừa uống cốc cognac của mình. Ông ta can thiệp ngay, không để cho Müller niềm vui sướng được trả lời: “Anh có thành thực mà tin rằng giữa chiến thắng và thất bại, cán cân được nắm giữ bởi vài nghìn tên Do Thái không? Và nếu quả đúng là như vậy, thì có phải anh muốn chiến thắng của nước Đức nằm trong tay bọn Do Thái hay không?” Eichmann đã uống, khuôn mặt của ông ta ửng đỏ, mắt sáng lấp lánh; ông ta rất hãnh diện vì vừa nói ra những lời đó trước mặt thượng cấp của mình. Tôi vừa nghe ông ta nói vừa chọc vào những khoanh xúc xích trong cái đĩa mà tôi đang cầm trên tay. Tôi vẫn giữ được bình tĩnh, nhưng những lời ngu xuẩn của ông ta làm tôi bực mình. “Ông biết đấy, Obersturmbannführer, tôi trả lời, giọng bằng phẳng, vào năm 1941, chúng ta đã có quân đội hiện đại nhất thế giới. Giờ đây, chúng ta đã thụt lùi đến gần nửa thế kỷ. Tất cả các di chuyển của chúng ta, ở mặt trận, đều được

thực hiện bằng ngựa. Người Nga thì tiến lên bằng xe Studebaker của Mỹ. Và ở Mỹ, hàng triệu đàn ông và đàn bà đang ngày đêm sản xuất những chiếc xe cam nhông. Và họ cũng sản xuất cả tàu để chuyên chở chúng nữa. Các chuyên gia của chúng ta khẳng định rằng mỗi ngày họ sản xuất được một tàu thủy chở hàng. Nhiều hơn nhiều so với số lượng tàu mà các tàu ngầm của chúng ta đánh đắm, mà đó là trong trường hợp tàu ngầm của chúng ta còn dám ra khơi. Hiện nay, chúng ta đang phải hối tiếc. Nhưng các kẻ thù của chúng ta không phải chịu đựng sự đổ nát. Tất cả những gì chúng ta phá hủy đều được thay thế, ngay lập tức, hàng trăm máy bay mà chúng ta bắn được trong tuần này đều đã đang được thay thế. Trong khi chúng ta, những tổn thất về vật chất của chúng ta không được hoàn trả, có thể chỉ trừ những chiếc xe tăng, nhưng cũng không còn lâu nữa đâu." Eichmann nhăn mặt: "Tôi nay anh có vẻ bi quan quá đấy!" Müller im lặng quan sát chúng tôi, không hề mỉm cười; đôi mắt đầy tính cơ động của ông ta chuyển qua chuyển lại giữa chúng tôi. "Tôi không bi quan, tôi đáp lại. Tôi thực tế. Cần phải thấy được các lợi ích của chúng ta nằm ở đâu." Nhưng Eichmann, đã hơi say, từ chối không chịu theo logic: "Anh lập luận như một tên tư bản, một kẻ vật chất chủ nghĩa. Cuộc chiến tranh này không phải là một vấn đề về các lợi ích. Nếu chỉ là vấn đề lợi ích thì chúng ta đã không bao giờ tấn công nước Nga rồi." Tôi không theo kịp ông ta nữa, có vẻ như là ông ta đã đi chệch hướng hoàn toàn, nhưng ông ta không chịu dừng lại, cứ tiếp tục theo đuổi những suy nghĩ nhảy chơi chơi của mình. "Chúng ta không tiến hành chiến tranh để cho mỗi người Đức có một cái tủ lạnh và một cái đài radio. Chúng ta tiến hành chiến tranh để thuần khiết hóa nước Đức, để tạo ra một nước Đức trong đó chúng ta có thể sống được. Anh tin rằng em trai Helmut của tôi đã bị giết vì một cái tủ lạnh à? Còn anh, anh cũng đã chiến đấu ở Stalingrad vì một cái tủ lạnh à?" Tôi vừa mỉm cười vừa nhún vai: trong tình trạng này, không việc gì phải tranh luận với ông ta nữa. Müller đặt tay lên vai ông ta: "Eichmann, bạn tôi, anh có lý." Ông ta quay sang tôi: "Chính vì như vậy mà Eichmann

thân mến của chúng ta có tài năng đến thế trong công việc đấy: ông ấy chỉ nhìn thấy cái cốt yếu. Chính điều đó đã khiến ông ấy trở thành một chuyên gia giỏi đến thế. Và cũng chính vì thế mà tôi sẽ gửi ông ấy sang Hungari: về các vụ việc Do Thái, đây là *Meister* của chúng tôi." Eichmann, trước những lời khen ngợi này, đỏ mặt vì sung sướng; về phần mình, tôi thấy ông ta quá sức mù quáng, vào thời điểm đó. Nhưng điều này không ngăn cản Müller có lý: quả thực là ông ta hết sức hiệu quả, và xét cho cùng, thường những người mù quáng lại rất hiệu quả. Müller tiếp tục: "Điều duy nhất, Eichmann, đó là anh không được chỉ nghĩ đến bọn Do Thái. Bọn Do Thái thuộc vào những kẻ thù lớn nhất của chúng ta, cái đó đúng. Nhưng vấn đề Do Thái đã gần như được giải quyết xong ở châu Âu này rồi. Sau Hungari, chúng sẽ không còn lại đông đâu. Cần phải nghĩ đến tương lai. Và chúng ta có rất nhiều kẻ thù." Ông ta nói một cách dịu dàng, cái giọng đơn điệu, được ru thêm bởi âm sắc quê kệch, có vẻ như là đang tuôn chảy từ cặp môi mỏng và căng thẳng của ông ta. "Cần phải nghĩ đến những gì chúng ta sẽ làm đối với bọn Ba Lan. Diệt trừ bọn Do Thái nhưng lại để bọn Ba Lan sống, điều đó không có lý gì hết cả. Và cả ở đây nữa, ở nước Đức này. Chúng ta đã bắt đầu, nhưng cần phải đi cho đến cùng. Cũng sẽ cần phải có một *Endlösung der Sozialfrage*, một giải pháp cuối cùng cho vấn đề xã hội. Vẫn còn có quá nhiều tội phạm, bọn sống bên lề xã hội, bọn lang thang, bọn Digan, bọn nghiện rượu, bọn gái điếm, bọn đồng tính. Cần phải nghĩ đến cả bọn bị bệnh lao nữa, chúng truyền bệnh sang những người khỏe mạnh. Đến cả bọn bị bệnh tim mạch, chúng gieo rắc một thứ máu bẩn và khiến chúng ta phải tiêu tốn những khoản tiền khổng lồ để chữa trị: ít nhất thì cũng phải làm chúng không truyền giống được nữa. Tất cả những cái đó sẽ cần phải tính đến, theo từng hạng người một. Tất cả những người Đức tốt chúng ta đều chống lại chúng, tất cả đều luôn có những lý do tốt. Chính ở đó mà Stalin mạnh đến thế: ông ta biết cách bắt người khác phải nghe lời, và ông ta biết đi đến tận cùng mọi việc." Ông ta nhìn tôi: "Tôi biết rất rõ bọn Bôn-sê-vich. Kể từ những cuộc giết con tin ở

München, trong thời Cách mạng. Sau đó, tôi đã đánh nhau với chúng trong mười bốn năm, cho đến khi Năm Chính Quyền, và tôi vẫn tiếp tục chiến đấu chống lại chúng. Nhưng anh biết không, tôi kính trọng chúng. Đó là những kẻ có ý thức tổ chức kỷ luật bẩm sinh, và không bao giờ lùi bước trước điều gì cả. Chúng ta có thể học được nhiều điều từ chúng. Anh không nghĩ vậy à?" Müller không đợi câu trả lời. Ông ta nắm lấy tay Eichmann và kéo ông ta về phía một cái bàn thấp nơi có đặt một bộ cờ. Tôi vừa ăn hết đĩa đồ ăn của mình vừa nhìn họ chơi từ xa. Eichmann chơi giỏi, nhưng không lại được với Müller: Müller, tôi tự nhủ, chơi cờ giống như khi ông ta làm việc, có phương pháp, đầy buồng bình và với một sự tàn bạo lạnh lùng và có chiều sâu. Họ chơi nhiều ván, tôi được dịp quan sát thỏa thích. Eichmann thử nhiều cách thức tính quái và tính toán, nhưng Müller không bao giờ rơi vào bẫy, và cách phòng thủ của ông ta lúc nào cũng mạnh ngang với cách tấn công, được tổ chức một cách có hệ thống, và không thể chống đỡ được. Và lúc nào Müller cũng thắng.

Tuần sau đó, tôi tập hợp một êkip nhỏ để chuẩn bị thiết lập Einsatz ở Hungari. Tôi chỉ định một chuyên gia, Obersturmführer Elias; vài nhân viên văn phòng, cần vụ, và trợ lý về hành chính; và tất nhiên là Piontek. Tôi để lại văn phòng của mình dưới sự quản lý của Asbach, với các chỉ thị cụ thể. Theo lệnh Brandt, ngày 17 tháng Ba tôi đi đến KL Mauthausen, nơi đã có sẵn một Sondereinsatzgruppe của SP và SD, dưới sự chỉ huy của Oberführer tiến sĩ Achamer-Pifrader, trước đây là BdS của Ostland. Eichmann đã có mặt ở đó, dẫn đầu Sondereinsatzkommando của mình. Tôi tự giới thiệu với Oberführer tiến sĩ Geschke, sĩ quan phụ trách, và ông ta cho êkip của tôi vào ở một dãy lán trại. Khi rời Berlin tôi đã biết rằng lãnh tụ của Hungari, Horthy, sẽ gặp Führer ở cung điện Klessheim gần Salzburg. Kể từ chiến tranh, các sự kiện diễn ra tại Klessheim đã được biết đến: phải đối đầu với Hitler và von Ribbentrop, những người bắt ông ta phải lựa chọn giữa việc

thành lập một chính phủ mới thân Đức hoặc là đất nước của ông ta sẽ bị xâm chiếm, Horthy – *đô đốc trong một đất nước không có thủy quân, Nhiếp chính trong một vương quốc không có vua* – quyết định, sau một cơn đau tim nhẹ, tránh điều tồi tệ nhất. Tuy nhiên vào thời đó chúng tôi không biết gì về việc này: Geschke và Achamer-Pifrader chỉ triệu tập các sĩ quan cao cấp vào tối ngày 18, để thông báo rằng ngày hôm sau chúng tôi sẽ khởi hành đi Budapest. Những lời đồn đại, dĩ nhiên, nhan nhản khắp nơi; nhiều người chờ đợi một cuộc kháng chiến của người Hungari ở biên giới, người ta bảo chúng tôi mặc quân phục đánh trận và phát súng tiểu liên. Không khí rất sôi nổi: với nhiều người trong số các công chức của *Staatspolizei* hoặc của SD này, đây là kinh nghiệm trận mạc đầu tiên; và ngay cả tôi, sau gần một năm ở Berlin, với sự u ám của công việc hành chính thường nhật, sự căng thẳng thường trực của các âm mưu tinh quái, sự mệt mỏi về các cuộc oanh tạc mà chúng tôi phải chịu đựng mà không phản ứng gì được, tôi cũng để mình hòa theo sự phấn khích chung. Buổi tối, tôi đi uống vài cốc cùng Eichmann, mà tôi gặp lại giữa đám sĩ quan của ông ta, tươi tỉnh vì được đi lại trong một bộ quân phục feldgrau mới, được may một cách thanh lịch giống như một bộ quân phục mặc trong các cuộc diễu hành. Tôi chỉ biết một số đồng nghiệp của ông ta; ông ta giải thích với tôi rằng ông ta đã cho gọi những chuyên gia giỏi nhất của mình từ khắp châu Âu, Ý, Croatia, Litzmannstadt, Theresienstadt để tham gia chiến dịch này. Ông ta giới thiệu tôi với bạn của ông ta, Hauptsturmführer Wisliceny, bố đỡ đầu của con trai Dieter của ông ta, một người to béo, nhạt nhẽo, ơ hờ đến khủng khiếp, đến từ Slovakia. Tâm trạng chung rất vui vẻ, chúng tôi uống ít rượu, nhưng tất cả mọi người đều thấy bồn chồn sốt ruột. Tôi quay lại lán của mình để ngủ một chút, bởi vì chúng tôi sẽ khởi hành vào khoảng nửa đêm, nhưng tôi thấy rất khó ngủ. Tôi nghĩ đến Hélène: tôi đã chia tay cô vào ngày hôm kia, nói rõ với cô rằng chưa biết khi nào sẽ trở về Berlin; tôi đã khá lạnh lùng, không giải thích gì nhiều và không hứa hẹn gì; cô đã chấp nhận điều đó một cách dịu dàng,

ng nghiêm trang, không có vẻ gì là lo lắng, và tuy thế, rõ ràng là tôi tin rằng giữa chúng tôi một đường dây liên hệ đã được hình thành, có thể là rất mạnh, nhưng chắc chắn, và nó sẽ không tự mình tiêu biến đi; đó đã là một câu chuyện rồi.

Chắc là tôi đã thiếp đi một lúc: Piontek lay tôi dậy vào quãng nửa đêm. Tôi vẫn mặc quần áo trong khi ngủ, gói đồ đã sẵn sàng; tôi ra ngoài hít thở không khí trong khi người ta kiểm tra xe cộ, tôi ăn một chiếc sandwich và uống cốc cà phê mà một người cần vụ, Fischer, đã chuẩn bị cho tôi. Trời lạnh cắt da cắt thịt kiểu cuối đông và tôi sung sướng hít thở làn không khí trong lành của vùng núi. Cách đó một đoạn, tôi nghe thấy tiếng động cơ xe: Vorkommando, do một trợ tá của Eichmann dẫn đầu, đã lên đường. Tôi đã quyết định đi cùng đoàn xe của Sonder Einsatzkommando, trong đó gồm có, ngoài Eichmann và các sĩ quan của ông ta, hơn một trăm năm mươi người, phần lớn là các Orpo và đại diện của SD và SP, cũng như vài Waffen-SS. Đoàn của Geschke và Achamer-Pifrader đi cuối cùng. Khi hai chiếc xe của chúng tôi đã sẵn sàng, tôi sai chúng đi đến địa điểm xuất phát và đi bộ đến gặp Eichmann. Ông ta đeo kính của lính xe tăng trên mũ cát kết và kẹp một khẩu tiểu liên Steyr dưới nách: với cái quần cưỡi ngựa ngắn của mình, trông ông ta thật lố bịch, hơi giống như là đang mặc đồ hóa trang. "Obersturmbannführer, ông ta kêu lên khi nhìn thấy tôi. Người của anh đã sẵn sàng chưa?" Tôi gật đầu và quay lại chỗ họ. Ở khu vực tập hợp, vẫn luôn là sự lộn xộn của phút cuối cùng, những tiếng la hét và những lời chỉ đạo trước khi đoàn xe có thể khởi động theo một trật tự ngay ngắn. Cuối cùng Eichmann cũng xuất hiện, vây quanh là nhiều sĩ quan của ông ta, trong đó có viên Regierungsrat Hunsche mà tôi quen từ khi còn ở Berlin, và sau khi ra vài mệnh lệnh mâu thuẫn với nhau, ông ta lên chiếc *Schwimmwagen* của mình, một dạng xe đi được mọi địa hình cả trên bộ lẫn lội nước, do một viên Waffen-SS lái: tôi thích thú tự hỏi không biết ông ta có sợ những cây cầu đã bị giật sập không, không biết ông ta có dự định sẽ vượt sông Danube bằng chiếc thuyền kém cỏi của mình, với khẩu Steyr và người tài xế của mình, để đơn

thương độc mã quét sạch các đội quân Magyar. Piontek, ngồi sau chiếc vô lăng xe ô tô của tôi, toát ra vẻ bình tĩnh và nghiêm túc. Cuối cùng, dưới làn ánh sáng cực mạnh của những chiếc máy chiếu của trại, trong tiếng gầm động cơ và một lớp mây bụi, đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Tôi đã để Elias và Fischer ở đằng sau với những thứ vũ khí mà người ta phát cho chúng tôi; tôi ngồi ở trước, bên cạnh Piontek, trong khi anh ta nổ máy xe. Bầu trời quang đãng, những vì sao sáng lấp lánh, nhưng không có trăng; khi đi xuôi con đường chạy hình chữ chi về phía sông Danube, tôi nhìn thấy rất rõ ràng, dưới chân mình, mặt sông sáng lấp lánh. Đoàn xe chạy sang bên hữu ngạn và tiến về phía Viên. Chúng tôi đi thành hàng dọc, đèn pha chĩa xuống đất để tránh máy bay địch. Tôi nhanh chóng ngủ thiếp đi. Thỉnh thoảng một đợt báo động đánh thức tôi dậy, buộc xe cộ phải dừng lại và tắt đèn pha, nhưng không ai ra khỏi xe, chúng tôi chờ đợi trong bóng tối. Không có cuộc tấn công nào. Trong trạng thái gà gật bị cắt ngang của mình tôi có những giấc mơ kỳ quặc, sống động và mờ dần đi, rồi chúng biến mất như bong bóng xà phòng ngay khi một cú giật xóc hoặc một tiếng còi vang lên đánh thức tôi. Quãng ba giờ, trong khi chúng tôi đi vòng qua Viên ở phía Nam, tôi tỉnh hoàn toàn và uống cà phê đựng trong một phích nước do Fischer chuẩn bị sẵn. Trăng đã lên, một lưỡi liềm mờ ảo làm nước sông Danube rộng lớn óng ánh lên khi nhìn sang phía tay trái. Những lần báo động vẫn tiếp tục buộc chúng tôi phải dừng lại, một dãy xe cộ dài tăn mát mà giờ đây người ta có thể nhìn thấy được trong ánh trăng. Ở phía Đông, bầu trời hồng ửng lên, cắt ngang qua những đỉnh núi của rặng Tiểu Carpaten. Một trong những lần dừng lại nằm phía trên Neusiedler See, chỉ còn cách biên giới Hungari vài cây số. Wisliceny to béo đi qua bên cạnh xe tôi và gõ gõ vào cửa kính: "Cầm chai rượu rum của anh rồi đến đây đi." Người ta đã phát cho chúng tôi một ít rượu rum cho cuộc hành quân, nhưng tôi chưa hề chạm vào. Tôi đi theo Wisliceny, đi từ xe này sang xe khác và gọi nhiều sĩ quan khác nữa. Phía trước chúng tôi, khối cầu mặt trời đỏ rực đang đè nặng lên những đỉnh núi, bầu trời

nhợt nhạt, một màu xanh sáng điểm xuyết một chút vàng, không một gợn mây. Khi nhóm chúng tôi đến được chiếc *Schwimmwagen* của Eichmann, ở đầu đoàn xe, chúng tôi bao vây lấy nó và Wisliceny bảo ông ta đi ra. Ở đó có các sĩ quan của IV B 4, cũng như những người chỉ huy các đại đội tác chiến độc lập. Wisliceny giơ chai rượu dẹt của mình lên, chúc mừng Eichmann, và uống mừng sức khỏe của ông ta: hôm đó là sinh nhật lần thứ ba mươi tám của Eichmann. Ông ta nắc lên vì sướng: "Meine Herren, tôi rất cảm kích, rất rất cảm kích. Hôm nay cũng chính là ngày kỷ niệm lần thứ bảy của tôi với tư cách là sĩ quan SS. Tôi không thể hình dung được món quà nào tuyệt vời hơn là sự sát cánh của các anh." Mặt ông ta rạng rỡ, đỏ ửng lên, ông ta cười với tất cả mọi người, uống từng ngụm rượu nhỏ một dưới những tràng vỗ tay.

Chúng tôi đi qua biên giới mà không gặp trở ngại nào: ở bên lề đường, các nhân viên thuế quan hoặc lính của Honvéd nhìn chúng tôi đi qua, về mặt u ám hoặc thờ ơ, không biểu lộ điều gì. Buổi sáng hứa hẹn sẽ nhiều ánh sáng. Đoàn xe dừng lại tại một ngôi làng để uống cà phê, rượu rum, dùng bữa với bánh mì trắng và rượu vang Hungari mua tại chỗ. Rồi lại tiếp tục đi. Giờ đây chúng tôi đi chậm hơn nhiều, đường bị tắc lại vì xe cộ Đức, những chiếc cam nhông chở lính và xe bọc thép, phải đi thật chậm chạp đằng sau hàng cây số trước khi có thể vượt qua. Nhưng việc này không hề giống gì với một cuộc xâm lấn, tất cả diễn ra một cách yên tĩnh và có trật tự, những người dân thường, ở hai bên lề đường, xếp hàng lại để nhìn chúng tôi đi qua, thậm chí một số người còn đưa tay vẫy vẫy với dáng điệu thân thiện.

Chúng tôi đến Budapest vào khoảng giữa buổi chiều và đóng lại ở hữu ngạn, đằng sau lâu đài, trên Schwabenberg nơi SS đã tịch thu những khách sạn lớn. Tạm thời tôi ở một dãy phòng trong khách sạn *Astoria*, với hai cái giường và ba sofa cho tám người. Sáng hôm sau, tôi đi hỏi tin tức. Thành phố đông đặc các nhân viên người Đức, sĩ quan Wehrmacht và Waffen-SS, các nhà ngoại giao của *Auswärtiges Amt*, các công chức ngành cảnh sát,

kỹ sư của OT, các nhà kinh tế học của WVHA, các nhân viên của Abwehr với những cái tên thường xuyên thay đổi. Với tất cả sự lộn xộn đó tôi thậm chí còn không biết mình trực thuộc đâu, và tôi đến gặp Geschke, ông ta thông báo là mình được chỉ định làm BdS, nhưng Reichsführer cũng đã phong một HSSPF, Obergruppenführer Winkelmann, và Winkelmann sẽ giải thích tất cả mọi chuyện cho tôi. Thế nhưng Winkelmann, một sĩ quan chuyên nghiệp người hơi béo, mái tóc cắt thành bờm và với một cái hàm bệnh, thậm chí còn chưa được báo tin về sự tồn tại của tôi. Ông ta nói với tôi rằng, mặc cho vẻ bên ngoài là như vậy, nhưng chúng tôi vẫn chưa chiếm Hungari, mà chỉ đến theo lời mời của Horthy để cố vấn và ủng hộ các công việc của Hungari: mặc dù có sự hiện diện của một HSSPF, của một BdS, của một BdO, và toàn bộ các bộ phận trực thuộc, chúng tôi không có chút quyền cụ thể nào, và chính quyền Hungari vẫn giữ tất cả đặc quyền về chủ quyền của họ. Tất cả các bất đồng nghiêm trọng đều phải được trình lên đại sứ mới, tiến sĩ Veesenmayer, một SS-Brigadeführer danh dự, hoặc lên các đồng nghiệp của ông ta ở *Auswärtiges Amt*. Kaltenbrunner, theo Winkelmann, cũng đang ở Budapest; ông ta đã đến trong toa tàu đặc biệt của Veesenmayer, được gắn thêm vào đoàn tàu của Horthy khi từ Klessheim trở về, và ông ta đang thương thuyết với trung tướng Döme Sztójay, cựu đại sứ của Hungari ở Berlin, về việc thành lập một chính phủ mới (Kállay, bộ trưởng mất chức, đã đến trốn ở tòa công sứ Thổ Nhĩ Kỳ). Tôi không hề có lý do gì để đến gặp Kaltenbrunner, và thay vào đó tôi đến trình diện ở tòa công sứ Đức: Veesenmayer đang bận, và tôi được tùy viên của ông ta, Legationsrat Feine, đón tiếp, ông ta ghi chép lại nhiệm vụ của tôi, gợi ý tôi đợi cho đến khi tình hình trở nên rõ ràng hơn, và khuyên tôi liên lạc thường xuyên với họ. Thật là hỗn loạn khủng khiếp.

Ở Astoria, tôi gặp viên Obersturmbannführer Krumei, trợ tá của Eichmann. Ông ta đã tổ chức một cuộc họp với các lãnh tụ của cộng đồng Do Thái và rất hài lòng về nó. "Họ đã đến cùng với những chiếc vali, ông ta nở một nụ cười thật tươi nói với tôi. Nhưng

tôi đã trấn an họ và tôi đã nói với họ rằng sẽ không ai bắt họ cả. Họ hoảng hồn vì *con động kinh cục hữu*. Chúng tôi đã hứa với họ rằng nếu họ hợp tác thì sẽ không có chuyện gì hết, họ trấn tĩnh lại rồi.” Ông ta vẫn cười. “Chắc là họ nghĩ chúng ta đến đây để bảo vệ những người Hungari.” Những người Do Thái đã thành lập một hội đồng; để không làm cho họ hoảng sợ – khái niệm *Judenrat*, rất phổ biến ở Ba Lan, ở đây được nhiều người biết đến, đủ để có thể gây ra một sự hoang mang nào đó – nó sẽ được đặt tên là *Zentralrat*. Trong những ngày sau đó, trong lúc các thành viên của hội đồng mới mang đến cho Sonderinsatzkommando những tấm đệm và chăn – tôi đã trưng dụng nhiều thứ trong đó cho dãy phòng của mình – rồi, theo yêu cầu, những chiếc máy chữ, gương soi, nước hoa eau de Cologne, đồ lót nữ, và vài bức tranh nhỏ rất đẹp của Watteau hoặc ít nhất cũng là của trường phái của ông, tôi đã có với họ, đặc biệt là với vị chủ tịch Cộng đồng Do Thái, tiến sĩ Samuel Stern, một loạt những cuộc tham khảo ý kiến cốt để có được một ý tưởng về các nguồn lực sẵn có. Có những người Do Thái, đàn ông và phụ nữ, được sử dụng trong các nhà máy sản xuất vũ khí của Hungari, và Stern có thể cung cấp cho tôi các số liệu ước tính. Nhưng một vấn đề lớn xuất hiện ngay lập tức: tất cả đàn ông Do Thái khỏe mạnh, không có việc làm chính và đang ở tuổi lao động, đều đã bị động viên vào Honvéd từ nhiều năm nay để phục vụ trong các đội lao động, ở hậu phương. Và điều đó đúng, tôi còn nhớ, khi tiến vào vùng Jitomir vẫn nằm dưới sự chiếm đóng của người Hungari, tôi đã nghe nói đến các đội Do Thái này, điều đó đã làm cho nhiều đồng nghiệp của tôi ở Sk 4a tức tối. “Những đội đó không trực thuộc chúng tôi, Stern giải thích. Các ông phải xem xét điều đó với chính phủ thôi.”

Vài ngày sau khi chính phủ của Sztójay được thành lập, nội các mới, chỉ trong một phiên làm việc duy nhất kéo dài mười một tiếng đồng hồ của quốc hội, đã ban hành cả một loạt những đạo luật chống Do Thái mà cảnh sát Hungari bắt đầu áp dụng ngay lập tức. Tôi ít gặp Eichmann: ông ta vẫn luôn cắm đầu vào với các sĩ quan, hoặc đến thăm những người Do Thái, quan tâm đến, theo

lời Krumei, văn hóa của họ, bảo họ chỉ cho mình thư viện của họ, bảo tàng của họ, các nhà thờ lớn của họ. Cuối tháng đích thân ông ta nói chuyện ở Zentralrat. Toàn bộ SEk của ông ta vừa chuyển đến ở khách sạn *Magestic*, tôi ở lại *Astoria*, nơi tôi đã có thể nhận được thêm hai phòng nữa để đặt các phòng làm việc. Tôi không được mời đến cuộc họp nhưng tôi gặp ông ta sau đó: ông ta có vẻ rất hài lòng về mình, và đảm bảo với tôi rằng người Do Thái sẽ hợp tác và tuân theo những đòi hỏi của Đức. Chúng tôi nói chuyện về vấn đề nhân công; những đạo luật mới sẽ cho phép người Hungari tăng các đội lao động dân sự của mình – tất cả các công chức, nhà báo, chủng khế, luật sư, kế toán viên người Do Thái sắp mất việc đều sẽ có thể được huy động, và điều đó khiến Eichmann cười khẩy: “Cứ thử tưởng tượng đi, Obersturmbannführer thân mến của tôi, cảnh các luật sư Do Thái đào những cái hố chống tăng!” nhưng chúng tôi không có ý tưởng gì về những điều họ sẽ chấp nhận cung cấp cho chúng tôi; Eichmann, cũng giống như tôi, e rằng họ sẽ tìm cách giữ lại những người giỏi nhất. Nhưng Eichmann đã tìm được cho mình một đồng minh, một công chức của tỉnh Budapest, tiến sĩ László Endre, một người chống Do Thái nhiệt thành mà ông ta hy vọng sẽ đưa được lên làm bộ trưởng Nội vụ. “Cần phải tránh lặp lại sai lầm của Đan Mạch, anh có thấy không, ông ta giải thích với tôi, đầu dựa lên bàn tay to tướng nổi đầy mạch máu, miệng nhai nhai ngón tay út của mình. Người Hungari sẽ phải tự mình làm tất cả, họ sẽ phải để tất cả bọn Do Thái của họ trên một cái khay và tặng cho chúng ta.” SEk, cùng với cảnh sát Hungari và các lực lượng của BdS, đã bắt những người Do Thái vi phạm các quy định mới; một trại trung chuyển, nằm dưới sự kiểm soát của cảnh binh Hungari, đã được đưa vào hoạt động ở Kistarcsa, gần thành phố, ở đó người ta đã nhốt hơn ba nghìn Do Thái. Về phần mình, tôi cũng không thụ động: qua trung gian là tòa công sứ, tôi đã liên lạc được với các bộ Công nghiệp và Nông nghiệp để thăm dò quan điểm của họ; và tôi nghiên cứu các luật lệ mới cùng với Herr von Adamovic, chuyên gia của tòa công sứ, một người vui nhộn, thông minh, nhưng gần như bị tê liệt vì

chúng đau dây thần kinh hông và viêm khớp. Trong suốt thời gian đó, tôi vẫn giữ liên lạc với văn phòng của mình ở Berlin. Speer, người vì tình cờ mà có trùng ngày sinh nhật với Eichmann, đã rời khỏi Hohenlychen để đến Merano bên Ý hồi phục sức khỏe; tôi đã gửi cho ông ta một bức điện chúc mừng và hoa, nhưng không nhận được hồi âm. Tôi cũng đã được mời đến dự một cuộc họp ở Silésie về vấn đề Do Thái, dưới sự điều hành của tiến sĩ Franz Six, ông sếp ban đầu tiên của tôi ở SD. Hiện giờ ông ta đang làm việc ở *Auswärtiges Amt*, nhưng thỉnh thoảng vẫn chỉ viện cho RSHA. Thomas cũng đã được mời, cũng như Eichmann và vài chuyên gia của ông ta. Tôi thu xếp để đi cùng họ. Nhóm chúng tôi đi bằng tàu, qua Presbourg, rồi chuyển ở Breslau để đi đến Hirschberg; cuộc họp diễn ra ở Krummhübel, một khu trượt tuyết nổi tiếng của vùng Sudètes thuộc Silésie, hiện một phần lớn bị chiếm bởi các văn phòng của AA, trong đó có văn phòng của Six, được chuyển từ Berlin sang để tránh các cuộc oanh tạc. Người ta cho chúng tôi vào ở trong một *Gasthaus* đông đặc người; những dãy lán trại do AA xây dựng vẫn chưa sẵn sàng. Tôi vui mừng vì được gặp lại Thomas, anh đến trước chúng tôi một chút, và đã tận dụng cơ hội để đi trượt tuyết cùng các cô thư ký và trợ lý trẻ đẹp, trong đó có một người gốc Nga mà anh giới thiệu với tôi, và tất cả đều có vẻ rất ít việc. Eichmann gặp lại các đồng nghiệp của mình ở khắp châu Âu để mà vênh vang với nhau. Cuộc họp bắt đầu vào sau ngày chúng tôi đến nơi. Six mở ra các tranh luận bằng một bài diễn văn về “Các nhiệm vụ và mục đích những chiến dịch chống Do Thái ở nước ngoài”. Ông ta nói với chúng tôi về cấu trúc chính trị của đạo Do Thái thế giới, khẳng định rằng *tính chất Do Thái ở châu Âu đã thôi không còn đóng vai trò chính trị và sinh học của nó*. Ông ta cũng có một đoạn ngoại đề rất thú vị về chủ nghĩa Sion, vào thời gian đó vẫn chưa được chúng tôi biết đến nhiều; với Six, sự trở lại của các Do Thái còn ở Palestin sẽ phải thuộc vào vấn đề Ả-rập, sẽ trở thành vấn đề hết sức quan trọng sau chiến tranh, nhất là khi người Anh rút quân khỏi một phần Đế quốc của họ. Tiếp theo ông ta là bài phát

biểu của chuyên gia bên *Auswärtiges Amt*, một người tên là Thadden, ông ta trình bày quan điểm của bộ mình về “Tình hình chính trị của bọn Do Thái tại châu Âu và tình hình trong tương quan với các biện pháp chống Do Thái thực tế”. Thomas nói về các vấn đề an ninh do những cuộc nổi loạn của Do Thái gây ra trong năm vừa rồi. Các chuyên gia hoặc cố vấn khác trình bày tình hình hiện tại ở các nước mà họ đang làm việc. Nhưng cái đỉnh của ngày là bài diễn văn của Eichmann. Có vẻ như là Einsatz Hungari đã tạo cảm hứng cho ông ta và ông ta gần như vẽ cho chúng tôi một bức tranh tổng thể về các chiến dịch chống Do Thái đúng như chúng đã diễn ra kể từ khởi đầu. Ông ta xem xét lại một cách nhanh chóng thất bại của quá trình ghetto hóa và chỉ trích sự thiếu hiệu quả và sự lộn xộn của các chiến dịch cơ động: “Dù cho các thành công của chúng đã được ghi nhận, chúng vẫn còn manh mún, chúng cho phép quá nhiều Do Thái trốn thoát, đến được những khu rừng để bổ sung thêm cho hàng ngũ của bọn du kích, và chúng làm hủy hoại tinh thần người của chúng ta.” Thành công, tại nước ngoài, phụ thuộc vào hai nhân tố: sự huy động các quan chức địa phương và sự hợp tác, thậm chí là cộng tác, của các lãnh tụ cộng đồng Do Thái. “Về những gì xảy ra khi chúng ta tìm cách tự mình bắt bọn Do Thái, tại các đất nước nơi chúng ta chỉ có được những lực lượng hạn chế, chỉ cần nhìn vào ví dụ Đan Mạch là đủ, một thất bại hoàn toàn, về miền Nam nước Pháp, nơi chúng ta chỉ có được những kết quả rất đáng thất vọng, ngay cả khi đã chiếm được vùng trước đây thuộc về Ý, và về Ý, nơi dân cư và Nhà thờ che giấu hàng nghìn Do Thái mà chúng ta không thể tìm ra được... Còn về các *Judenrat*, chúng cho phép tiết kiệm nhân sự đáng kể, và họ cũng tự mình buộc cổ bọn Do Thái vào công việc tiêu diệt chúng. Tất nhiên, bọn Do Thái này có những mục đích riêng, những giấc mơ riêng. Nhưng những giấc mơ của Do Thái cũng phục vụ cho chúng ta. Chúng mơ đến sự tham nhũng trên quy mô lớn, chúng tặng cho chúng ta tiền bạc, của cải của chúng. Chúng ta lấy tiền bạc và của cải đó và chúng ta tiếp tục nhiệm vụ của mình. Chúng mơ đến các nhu cầu kinh tế của Wehrmacht,

đến sự bảo vệ do những tấm thẻ lao động cung cấp cho, còn chúng ta, chúng ta sử dụng những giấc mơ đó để cung cấp cho các nhà máy sản xuất vũ khí của chúng ta, để người ta phải tặng cho chúng ta nguồn nhân lực cần thiết để xây dựng những khu ngầm dưới đất, và để được chuyển cho những kẻ yếu ớt và già cả, những bọn ăn không ngồi rồi. Nhưng cũng phải hiểu cả điều này nữa: việc loại trừ hàng trăm nghìn tên Do Thái đầu tiên dễ dàng hơn nhiều so với diệt trừ năm nghìn tên cuối cùng. Hãy nhìn vào những gì đã xảy ra ở Vacxava, hoặc trong những cuộc nổi loạn khác mà Standartenführer Hauser vừa trình bày. Khi Reichsführer gửi tôi bản báo cáo về những trận đánh ở Vacxava, ông ấy đã ghi nhận rằng không thể tin được rằng bọn Do Thái trong một ghetto lại có thể chiến đấu như vậy. Tuy nhiên, vị *Chef* được nhiều người tiếc nuối của chúng ta, Obergruppenführer Heydrich, đã hiểu được điều đó từ rất lâu trước đây. Ông ấy biết rằng những tên Do Thái khỏe nhất, lực lưỡng nhất, khôn ngoan nhất, tinh ranh nhất sẽ thoát được tất cả các cuộc chọn lọc và sẽ là những kẻ khó tiêu diệt nhất. Thế nhưng, đó lại chính lại là những kẻ tạo thành nguồn cung cấp chủ chốt để từ đó đạo Do Thái có thể tái lập được, *tế bào vi khuẩn của sự tái tạo Do Thái*, như Obergruppenführer quá cố của chúng ta từng nói. Cuộc chiến đấu của chúng ta là một sự kéo dài cuộc chiến đấu của Koch và của Pasteur, cần phải đi đến cùng..." Một trận sấm rền những tiếng vỗ tay đón nhận những lời này. Eichmann có thực sự tin vào điều mình nói không? Đó là lần đầu tiên tôi nghe ông ta nói như vậy, và tôi có cảm giác ông ta đã bị cuốn đi, để cho vai trò mới mẻ của mình hướng lối, rằng ông ta thích trò chơi này đến mức cuối cùng đã hòa tan vào với nó. Tuy nhiên, những lời bình luận thực tiễn của ông ta còn xa mới là ngu ngốc, người ta có thể thấy rõ rằng ông ta đã phân tích một cách chăm chú các kinh nghiệm từng xảy ra để rút ra từ đó những bài học chính yếu. Trong bữa tối – Six, vì lịch sự khi nhớ đến quá khứ, đã mời tôi cùng Thomas đến một bữa ăn riêng – tôi bình luận tỏ ý ủng hộ bài diễn văn của ông ta. Nhưng Six, cái vẻ u ám và trầm uất vẫn chưa hề rời bỏ ông ta, đánh giá nó

theo cách tiêu cực hơn nhiều: “Không có chút quan tâm về mặt trí thức nào cả. Đó là một người tương đối đơn giản, không có những tài năng đặc biệt. Tất nhiên, trông ông ta rất có dáng vẻ, và có các khả năng trong phạm vi chuyên môn của ông ta.” – “Thì đúng vậy mà, tôi nói, đó là một sĩ quan giỏi, hăng hái và tài năng theo cách của ông ấy. Theo tôi, ông ấy còn có thể đi xa nữa.” – “Tôi sẽ ngạc nhiên nếu quả là như vậy, Thomas lạnh lùng ngắt lời. Ông ta quá buồn bực. Đó là một con chó bulldog, một kẻ thừa hành có khiêu. Nhưng ông ta không có chút trí tưởng tượng nào hết. Ông ta không có khả năng ứng đối với các sự kiện nằm bên ngoài phạm vi hoạt động của ông ta, không có khả năng phát triển. Ông ta đã xây dựng sự nghiệp của mình trên bọn Do Thái, trên sự diệt trừ bọn Do Thái, và về điều đó thì ông ta rất giỏi. Nhưng một khi chúng ta kết thúc xong xuôi với bọn Do Thái – hoặc là nếu gió đổi chiều, nếu như sự diệt trừ bọn Do Thái lại không còn là việc cần thiết để làm nữa – thì ông ta sẽ không biết cách tự thích ứng đâu, ông ta sẽ tiêu thôi.”

Ngày hôm sau, cuộc họp tiếp tục với những người ít quan trọng hơn. Eichmann không ở lại, ông ta có nhiều việc để làm: “Tôi phải đi thanh tra Auschwitz rồi sau đó quay về Budapest. Ở đó bắt đầu có chuyển biến rồi đây.” Tôi cũng đi vào ngày 5 tháng Tư. Ở Hungari, tôi biết tin Führer vừa đồng ý cho sử dụng nhân công Do Thái trên lãnh thổ Reich: sự mù mờ không còn nữa, người của Speer và của *Jägerstab* đến gặp tôi vào bất cứ lúc nào để hỏi khi nào thì họ nhận được những chuyến người đầu tiên. Tôi bảo họ kiên nhẫn một chút, chiến dịch vẫn còn chưa được chuẩn bị xong. Eichmann giận dữ từ Auschwitz trở về, tức tối với các Kommandant: “Bọn ngu ngốc, bọn bất tài vô tướng. Chưa có gì sẵn sàng để tiếp nhận cả.” Ngày 9 tháng Tư... à, nhưng kể tất cả những chi tiết diễn ra ngày ngày đó để làm gì đây? Việc này làm tôi mệt, và rồi nó làm tôi chán, và chắc là các người cũng thế thôi. Tôi đã bôi kín bao nhiêu trang về những diễn biến thuộc về hành chính không chút hấp dẫn này? Cứ tiếp tục như thế ư, không, tôi không thể nữa rồi: bút rời khỏi tay tôi, nói chính xác

hơn là bút máy. Có thể là một hôm nào đó tôi sẽ còn trở lại; nhưng boils lại câu chuyện bản thảo về Hungari này thì được tích sự gì đây? Nó đã được viết lại đầy đủ đến vậy trong những quyển sách, bởi các sử gia có cái nhìn tổng thể mang tính thống nhất cao hơn là cái nhìn của tôi. Dù sao thì ở trong đó tôi cũng chỉ đóng một vai trò rất nhỏ. Nếu đã có thể gặp một số người tham gia, thì tôi cũng không có gì nhiều để thêm vào cho những ký ức riêng của họ. Những âm mưu lớn tiếp theo đó, và nhất là các cuộc thương thuyết giữa Eichmann, Becher, và những người Do Thái, tất cả những câu chuyện mua chuộc của những người Do Thái bằng tiền, xe cam nhông, tất cả những cái đó, phải, ít nhiều thì tôi cũng có biết, tôi có thảo luận về chúng, thậm chí tôi cũng đã từng gặp một số người Do Thái có liên quan, và cả Becher nữa, một con người đầu óc bán loạn, đến Hungari để mua ngựa cho Waffen-SS và đã nhanh chóng giành được về cho Reichsführer nhà máy sản xuất vũ khí lớn nhất của đất nước, Manfred-Weiss Werke, mà không báo trước cho ai, ngay cả Veesenmayer, cả Winkelmann, cả tôi, và đó cũng là người sau đó được Reichsführer giao cho những nhiệm vụ hoặc là trùng hợp, hoặc là trái ngược với các nhiệm vụ của tôi và cả của Eichmann, và điều này, cuối cùng thì tôi cũng hiểu ra, chính là một phương pháp điển hình của Reichsführer, nhưng tại đó nó chỉ có chức năng là gây ra bất hòa và lúng túng, không còn ai điều phối được mọi việc nữa, Winkelmann không có chút ảnh hưởng nào lên Eichmann cũng như lên Becher, những người không hề thông báo tin tức gì cho ông ta, và tôi phải thú nhận rằng mình cũng không cư xử tốt đẹp gì hơn họ, tôi thương thuyết với những người Hungari mà Winkelmann không hề hay biết, đặc biệt là với Bộ Quốc phòng, nơi tôi có được những mối liên hệ thông qua General Greiffenberg, tùy viên quân sự của Veesenmayer, để xem liệu Honvéd có thể cung cấp luôn cho chúng tôi cả các đội lao động hay không, ngay cả với những đảm bảo riêng về một chế độ đặc biệt, điều mà chắc chắn Honvéd từ chối một cách thẳng thừng, chỉ còn để lại cho chúng tôi, với tư cách là các công nhân tiềm năng, những thường dân được tập hợp

hồi đầu tháng, những người mà người ta có thể rút ra từ các nhà máy, và gia đình của họ, nói tóm lại là một nguồn nhân lực không mấy giá trị, đó là một trong những nguyên nhân thực tế khiến cho cuối cùng tôi phải coi nhiệm vụ này giống như là một cái lò tổng thiêu đốt tất cả, nhưng cũng chưa phải là nguyên nhân duy nhất, tôi sẽ còn nói đến chuyện này nữa, và thậm chí có thể tôi còn sẽ nói một chút đến những cuộc thương thuyết với người Do Thái, bởi vì xét cho cùng thì những cái đó cũng có liên quan ít nhiều đến những quyền hạn của tôi, hoặc, để nói một cách chính xác hơn, tôi sử dụng, không, tìm cách sử dụng các cuộc thương thuyết đó để làm cho mục tiêu của riêng tôi được tiến triển, tôi cũng sẵn lòng mà thừa nhận là không mấy thành công, vì cả một đống những lý do, không chỉ riêng cái đã nêu, còn có cả thái độ của Eichmann, người càng ngày càng trở nên khó tính hơn, Becher cũng vậy, WVHA, cảnh binh Hungari, tất cả thế giới đều thế hết, các người có thấy không – dù thế nào đi nữa thì điều mà tôi muốn nói một cách chính xác hơn, đó là nếu người ta muốn phân tích các lý do vì đó mà chiến dịch Hungari mang lại những kết quả tệ hại đến như vậy cho *Arbeitseinsatz*, dù sao vẫn là mối lo lắng tiên quyết của tôi, thì cần phải tính đến tất cả những người kia và tất cả các thiết chế đó, mỗi nơi đóng một vai trò riêng, nhưng cũng ném vào lẫn nhau sự chê trách, và người ta cũng chê trách cả tôi nữa, cái đó thì không ai tha cho đâu, các người có thể tin đi, nói tóm lại, đó là một sự nháo nhào, một sự lộn xộn thực thụ, khiến cho cuối cùng phần lớn những người Do Thái bị trục xuất đều chết cả, tôi muốn nói là ngay lập tức, bị phun hơi ngạt ngay cả trước khi kịp bắt tay vào làm việc, bởi vì rất ít người đến Auschwitz ở trong tình trạng có khả năng làm việc, những tổn thất đáng kể, có thể là 70%, không ai có thể chắc chắn lắm về con số này, và vì những lẽ đó mà sau chiến tranh người ta đã tin rằng, và điều đó cũng dễ hiểu thôi, đó chính là mục đích của chiến dịch, giết chết tất cả những người Do Thái đó, những người phụ nữ đó, những người già cả đó, những đứa trẻ con măng sữa có sức khỏe tốt đó, và như vậy nên người ta không hiểu tại sao người

Đức, trong khi đang thua trong cuộc chiến tranh này (nhưng bóng ma của thất bại có lẽ là không rõ nét đến như vậy vào thời kỳ đó, ít nhất là từ quan điểm của Đức), vẫn cứ khẳng khẳng thẩm sát người Do Thái, huy động các lực lượng đáng kể, nhất là bằng người và bằng tàu, để diệt trừ phụ nữ và trẻ em, và bởi vì không hiểu chúng tôi đến đến như vậy, nên họ đã gán cái đó cho sự điên rồ chống Do Thái của người Đức, cho một cơn sáng giết chóc rất xa vời đối với suy nghĩ của phần lớn những người tham gia, bởi vì trên thực tế, với tôi cũng như với biết bao công chức và chuyên gia khác, các việc này có tính chất nền tảng, quan yếu, tìm ra được nhân lực cho các nhà máy của chúng tôi, vài trăm nghìn nhân công có thể sẽ cho phép chúng tôi làm đảo ngược tiến trình của các sự việc, chúng tôi muốn có những người Do Thái không phải đã chết mà là còn sống, khỏe mạnh, tốt nhất là giống đực, thế nhưng người Hungari muốn giữ lại những kẻ giống đực hoặc ít nhất là một phần lớn trong số họ, và do đó mọi việc khởi đầu đã không tốt, và sau đó còn có các điều kiện chuyên chở, rất tệ hại, và Chúa mới biết được tôi đã tranh cãi bao nhiêu lần với Eichmann về chủ đề này, lần nào ông ta cũng trả lời tôi cùng một điều, “Đó không phải là trách nhiệm của tôi, cảnh binh Hungari phụ trách và cung cấp tàu cơ mà, có phải chúng tôi đâu,” và rồi lại còn có sự cứng đầu của Höss, ở Auschwitz, bởi vì trong khoảng thời gian đó, có thể là ngay sau báo cáo của Eichmann, Höss đã quay trở lại làm *Standortälteste* thay chỗ cho Liebehenschel đã bị đưa đi an trí ở Lublin, do đó lại còn có sự thiếu khả năng dai dẳng của Höss trong việc thay thế phương pháp, nhưng cái đó có thể là tôi sẽ nói thêm ở đoạn sau và một cách chi tiết hơn, nói tóm lại, trong số chúng tôi ít người thật lòng muốn những điều đã xảy ra, và tuy thế, các người sẽ nói, chúng vẫn xảy ra, thì đúng rồi, và cũng đúng là chúng tôi đã gửi tất cả những Do Thái đó đến Auschwitz, không chỉ là những người có thể làm việc, mà là tất cả, do đó rất biết rằng những người già và trẻ con sẽ bị cho ngạt hơi, như vậy là chúng ta lại quay trở lại với vấn đề đầu tiên, tại sao lại có sự khẳng khẳng đến thế trong việc

quét sạch Do Thái khỏi Hungari, nhìn vào các điều kiện của chiến tranh và tất cả những cái đó, và ở đây, tất nhiên, tôi không thể nào đưa ra các giả thuyết được, bởi vì đó không phải là mục tiêu cá nhân của tôi, hoặc nói đúng hơn, ở đây tôi thiếu chính xác, tôi biết tại sao người ta lại muốn trục xuất (vào thời đó chúng tôi nói là *sơ tán*) tất cả Do Thái khỏi Hungari và giết chết ngay lập tức những người không có khả năng làm việc, cái đó là bởi vì giới cầm quyền của chúng tôi, Führer, Reichsführer, đã quyết định giết chết tất cả Do Thái của châu Âu, điều đó là rất rõ ràng, người ta đã biết, cũng như người ta biết rằng ngay cả những người được sử dụng để làm việc không sớm thì muộn cũng đều sẽ chết, và cái điều tại sao cho tất cả những cái đó là một vấn đề mà tôi đã nói rất nhiều và tôi không có câu trả lời nào cho nó, người ta vào thời đó tin vào đủ mọi thứ điều về người Do Thái, lý thuyết về trục khuân như Reichsführer và Heydrich, lý thuyết được Eichmann trích lại tại cuộc họp Krummhübel nhưng theo tôi thì với ông ta hẳn đó phải là một cách nhìn đầy trí tuệ, giả thuyết về những cuộc nổi dậy của Do Thái, gián điệp và cột trụ thứ năm phục vụ cho những kẻ thù đang xích lại gần với nhau, giả thuyết ám ảnh một phần lớn thành viên của RSHA và làm bận tâm ngay cả anh bạn Thomas của tôi, cả nỗi sợ về cái quyền lực tuyệt đối của Do Thái, điều mà một số người vẫn còn tin chắc như đinh đóng cột, mặt khác điều đó cũng làm nảy sinh những nhầm lẫn đầy tính hài hước, như vào hồi đầu tháng Tư ở Budapest, khi phải chuyển nhiều Do Thái đi để lấy các căn hộ của họ, và khi SP yêu cầu thành lập một ghetto, điều mà người Hungari từ chối vì họ sợ quân Đồng minh sẽ ném bom xung quanh ghetto đó và tránh nó ra (người Mỹ đã ném bom xuống Budapest trong khi tôi còn đang ở Krummhübel), và khi đó người Hungari cho người Do Thái ở tản mát gần các mục tiêu chiến lược, cả về quân sự lẫn công nghiệp, điều này làm nhiều người có trách nhiệm của chúng tôi rất lo lắng, bởi vì khi đó nếu người Mỹ vẫn cứ ném bom các mục tiêu ấy, thì điều này chứng tỏ rằng đạo Do Thái thế giới không có nhiều quyền lực như người ta vẫn nghĩ, và tôi phải nói thêm, để

chính xác hơn, rằng người Mỹ quả thực đã ném bom xuống các mục tiêu đó, giết đi rất nhiều thường dân Do Thái, nhưng cái đó thì đã từ lâu tôi không còn tin vào quyền lực tuyệt đối của đạo Do Thái thế giới nữa, nếu không tại sao tất cả các nước lại từ chối không chịu chứa chấp người Do Thái, vào các năm 1937, 38, 39, khi mà người ta chỉ muốn một điều duy nhất, là họ rời khỏi nước Đức, xét cho cùng là biện pháp duy nhất hợp lý? điều mà tôi muốn nói, để quay trở lại với câu hỏi mà tôi đặt ra, bởi vì tôi đã đi hơi quá xa, đó là ngay cả khi, một cách khách quan, mục đích tối hậu không còn gì phải nghi ngờ nữa, thì cũng không phải là để hướng tới mục đích đó mà phần lớn những người tham gia cuộc họp làm việc, không phải cái đó đã thúc đẩy họ và do đó khiến họ làm việc với từng ấy nhiệt tình và hăng hái, đó là cả một tổ hợp các động lực, và ngay cả Eichmann, tôi rất tin điều này, ông ta có một thái độ rất cứng rắn nhưng trong thâm tâm ông ta cũng không quan tâm liệu người ta có giết các Do Thái hay không, với ông ta, tất cả những gì đáng kể, đó là chúng ta được những gì ông ta có thể làm, được nổi bật lên, và cũng là được dùng tới các năng lực mà ông ta đã phát triển, còn những gì còn lại ông ta mặc kệ, cả nền công nghiệp lẫn những cái phòng hơi ngạt, điều duy nhất mà ông ta không mặc kệ, đó là việc người ta mặc kệ ông ta ra đó, và chính vì thế mà ông ta nhấn nhó đến vậy với những cuộc thương thuyết với người Do Thái, nhưng tôi sẽ quay trở lại điểm này sau, dù sao thì cũng rất thú vị, và với những người khác thì cũng vậy cả thôi, ai cũng có những lý do của mình, bộ máy Hungari, hiện đang giúp đỡ chúng tôi, muốn nhìn thấy các Do Thái rời khỏi Hungari nhưng hoàn toàn mặc kệ những gì xảy đến với họ, và Speer và Kammler và *Jägerstab* muốn có các nhân công và hăng hái giục giã SS chuyển họ cho mình, nhưng cũng mặc kệ những gì xảy đến với những người không thể làm việc, và rồi còn có đủ thứ động lực mang tính thực tiễn nữa, chẳng hạn như tôi, tôi chỉ tập trung vào *Arbeitseinsatz*, nhưng còn xa đó mới là mục đích kinh tế duy nhất, như tôi đã biết được khi gặp một chuyên gia của Bộ Lương thực và Nông nghiệp của

chúng tôi, một người đàn ông trẻ tuổi rất thông minh, say mê với công việc của mình, người đã giải thích với tôi khía cạnh lương thực của vấn đề vào một buổi tối, tại một quán cà phê cũ kỹ của Budapest, rằng với việc mất đi Ukraine nước Đức buộc phải đối mặt với sự thâm thụt nghiêm trọng về cung ứng, nhất là về lúa mì, và do vậy phải quay sang Hungari, nhà sản xuất lớn, mặt khác theo anh ta thì đó cũng là nguyên cơ chính của cuộc xâm lược giả hiệu của chúng tôi, bảo vệ an toàn cho nguồn lúa mì ấy, và do vậy vào năm 1944 chúng tôi đã yêu cầu người Hungari 450 000 tấn lúa mì, nhiều hơn 360 000 tấn so với năm 1942, tương đương với mức tăng 80%, thế nhưng, người Hungari cũng phải lấy chỗ lúa mì ấy ở đâu đó, dù sao thì họ cũng phải nuôi dân cư của chính mình, nhưng chính vậy, 360 000 tấn lúa đó tương ứng với lượng tiêu thụ lương thực của khoảng một triệu người, lớn hơn một chút so với tổng số người Do Thái Hungari, và do vậy mà các chuyên gia của Bộ Lương thực coi việc sơ tán các Do Thái do RSHA thực hiện như là một biện pháp cho phép Hungari trút được khỏi mình gánh nặng của phần lạm thu lúa mì để chuyển sang cho Đức, tương ứng với nhu cầu của chúng tôi, và về số phận của những Do Thái bị sơ tán, mà về nguyên tắc là sẽ phải nuôi ăn ở nơi khác nếu không giết họ, điều đó không liên quan gì đến anh chàng thanh niên đó và nhìn chung thì anh ta cũng là một chuyên gia rất dễ mến, tuy rằng hơi bị chìm lấp đằng sau những số liệu của mình, bởi vì còn có các ban khác của Bộ Lương thực chuyên lo vấn đề đó, lương thực cho những người tù và các nhân công nước ngoài khác ở Đức, cái đó thì không phải là việc của anh ta, và với anh ta việc sơ tán Do Thái là giải pháp cho vấn đề của mình, ngay cả khi điều đó sẽ trở thành vấn đề của một ai đó khác. Và anh ta không phải là người duy nhất, anh chàng thanh niên đó, tất cả mọi người đều giống anh ta, cả tôi nữa tôi cũng giống anh ta, và cả các người nữa, nếu ở vào vị trí của anh ta, hẳn là các người cũng sẽ giống anh ta.

Nhưng có thể trong thâm tâm các người chế nhạo tất cả những điều này. Có thể các người thích những giai thoại, những câu chuyện giật gân hơn là các suy tư xấu xa và đê tiện của tôi. Tôi thì không biết rõ lắm nữa. Những câu chuyện, tôi cũng muốn kể chúng lắm chứ: nhưng khi đó, thì phải mỗ một chút theo lối tình cờ vào các kỷ niệm và ghi chép của tôi; tôi đã nói với các người rồi, tôi mệt lắm, cần phải bắt đầu kết thúc thôi. Và rồi nếu tôi vẫn còn phải kể phần còn lại của cái năm 1944 đó một cách chi tiết, hơi giống với những gì tôi đã làm cho đến lúc này, thì tôi sẽ không bao giờ có thể kết thúc cho nổi. Các người cũng thấy đấy, tôi cũng nghĩ cả cho các người, không chỉ là cho một mình tôi, dù sao thì cũng là một chút ít, tất nhiên là có các giới hạn, nếu tôi cứ tự chuốc vào thân mình từng ấy những khó nhọc, thì không phải là để làm vui lòng các người đâu, tôi công nhận điều đó, trước hết là để vệ sinh đầu óc của chính tôi đấy, giống như là khi người ta ăn quá nhiều, đến một lúc nào đó thì phải thải chất bẩn ra thôi, và dù cho những cái đó thơm hay không, thì không phải lúc nào người ta cũng có lựa chọn được; và rồi, các người được sở hữu một thứ quyền lực không bị phúc thẩm, quyền được đóng quyển sách này lại và ném nó vào sọt rác, giải pháp tối thượng mà tôi không thể làm gì để phản đối, như vậy, tôi không thấy tại sao mình lại phải đi găng tay. Và chính vì vậy, tôi công nhận điều này, nếu tôi thay đổi phương pháp một chút, thì chủ yếu là để cho tôi, dù cho các người có thích điều này hay không, lại thêm một dấu hiệu của thứ ích kỷ vô bờ bến của tôi, chắc chắn là sản phẩm của giáo dục kém cỏi mà tôi nhận được. Có lẽ là tôi nên làm một việc gì đó khác, các người sẽ nói với tôi, đúng là như vậy, lẽ ra tôi phải làm điều gì đó khác, lẽ ra tôi phải vui vẻ với việc viết nhạc, nếu như tôi biết cách đặt hai nốt cạnh nhau và nhận ra được một khóa *sol*, nhưng được rồi, tôi đã giải thích những hạn chế của tôi trong lĩnh vực này, hoặc là trong hội họa, tại sao lại không, với tôi cái đó lúc nào cũng có vẻ là một mối bận tâm dễ chịu, hội họa ấy, một mối bận tâm yên tĩnh, chìm đắm theo cách đó vào trong những hình khối và màu sắc, nhưng các người muốn gì nào, có

thể là trong một cuộc đời khác, bởi vì trong cuộc đời này chưa bao giờ tôi có lựa chọn cả, một chút, tất nhiên, có một ít khoảng lề cho mọi sự, nhưng hẹp lắm, do bởi những thứ định mệnh nặng nề, điều đó khiến cho lại thế rồi, chúng ta lại quay trở lại điểm xuất phát rồi. Nhưng tốt hơn hết là cứ quay trở lại Hungari đã.

Về các sĩ quan vây quanh Eichmann, không có nhiều điều để nói. Phần lớn trong số họ là những người thích hòa bình, những công dân tốt đang thực hiện nghĩa vụ của mình, kiêu hãnh và hạnh phúc vì được khoác bộ quân phục SS, nhưng rụt rè, ít khả năng sáng tạo, lúc nào cũng tự hỏi "Vâng... nhưng," và ngưỡng mộ người chỉ huy của mình như một thiên tài kỳ vĩ. Người duy nhất nổi bật lên trong đám đó là Wisliceny, một người Phổ cùng tuổi với tôi, nói tiếng Anh rất giỏi và có những hiểu biết tuyệt vời về lịch sử, và tôi thích dành nhiều buổi tối ngồi tranh luận với anh ta về cuộc chiến tranh Ba mươi năm, về bước ngoặt năm 1848, hoặc về sự phá sản về đạo đức của kỷ nguyên Wilhelm. Quan điểm của anh ta không phải lúc nào cũng độc đáo, nhưng chúng được hỗ trợ một cách chắc chắn về mặt sử liệu và anh ta biết cách nhét những gì mình biết vào trong một câu chuyện mạch lạc, đó chính là phẩm chất đầu tiên của trí tưởng tượng lịch sử. Trước đây anh ta từng là thượng cấp của Eichmann, tôi nghĩ là vào năm 1936, dù thế nào thì cũng là thời SD-Hauptamt, khi bộ phận Do Thái vẫn còn nằm dưới sự quản lý của Abteilung II 112; nhưng sự lười biếng và uể oải của anh ta đã nhanh chóng khiến anh ta bị người học trò của mình vượt mặt, mà việc đó thì anh ta cũng không mấy quan tâm, họ vẫn là bạn tốt của nhau. Wisliceny là một người thân thiết trong gia đình, họ xưng hô thân mật ngay cả ở chỗ đông người (sau này họ sẽ bất hòa với nhau, vì những lý do mà tôi không biết. Wisliceny, nhân chứng ở Nürnberg, đã vẽ nên một bức chân dung biếm họa về người bạn cũ của mình, cái trong một thời gian dài đã đóng góp vào việc làm rối loạn hình ảnh mà các sử gia và nhà văn có được về Eichmann, thậm chí một số người còn đem lòng tin tưởng về việc viên Obersturmbannführer khốn khổ này ra những mệnh lệnh cho cả Adolf Hitler. Người ta

không thể chê trách Wisliceny: ông ta phải bảo vệ lấy mạng mình, và Eichmann đã biến mất, vào thời kỳ đó đổ tội lên những người vắng mặt đã trở thành một thói quen, mà ngoài ra điều đó cũng đâu có thành công gì, cái tay Wisliceny đó; cuối cùng ông ta đã bị quấn một sợi dây quanh cổ ở Presbourg, tên trước kia của thủ đô Bratislava của Slovakia, và rõ ràng sợi dây đó phải rất chắc chắn để có thể giữ được cả thân hình đồ sộ của ông ta). Một lý do khác khiến tôi đánh giá cao Wisliceny, đó là anh ta không bị loạn óc, khác hẳn với một số người khác, đặc biệt là những tay làm bên hành chính ở Berlin, những người, khi bị gửi đến thực địa lần đầu tiên trong đời, và khi đột nhiên thấy có quyền lực lớn đến mức ấy so với các chức sắc Do Thái đó, những con người có học vấn, thỉnh thoảng còn gấp đôi tuổi của họ, đã quên hết luôn mọi ý thức về chuẩn mực. Một số lãng nhục những người Do Thái theo cách thức thô thiển nhất và xấu xa nhất; những người khác không kìm lòng được trước cám dỗ lợi dụng vị trí của mình; tất cả đều biểu lộ một sự cao ngạo không thể chịu đựng được và trong mắt tôi là hoàn toàn sai chỗ. Tôi còn nhớ đến Hunsche, một ví dụ, một viên Regierungsrat, nghĩa là một công chức chuyên nghiệp, luật gia có đầu óc của viên chuông khế, tay đàn ông nhỏ bé u ám không bao giờ được để ý khi ngồi sau những cái bàn làm việc ở ngân hàng nơi ông ta kiên nhẫn gãi giấy trong khi chờ đợi được chạm vào khoản lương hưu và mặc áo gilê len do vợ đan cho để đi trồng hoa tulip Hà Lan, hoặc là vẽ những chú lính chì thời Napoléon, rồi xếp chúng thành từng hàng thẳng tắp với rất nhiều tình yêu, kỷ niệm về thứ trật tự đã mất đi từ thời tuổi trẻ, trước một ma két thạch cao công Brandenburg, làm sao mà tôi biết được về những giấc mơ thường ám ảnh loại người này; và, ở đây, ở Budapest này, thô kệch trong một bộ quân phục với một cái quần cưỡi ngựa ngắn phồng lên to tướng, ông ta hút những điếu thuốc xịn, đón tiếp những người Do Thái danh tiếng với đôi bột bấn đặt lên trên một cái ghế phôitoi nhung, và thản nhiên nghĩ ra đủ thứ trò phóng túng trên đời. Trong những ngày đầu tiên sau khi chúng tôi đến nơi, ông ta đã yêu cầu người Do Thái tặng cho ông

ta một cái đàn piano, lấy vẻ lơ đãng mà nói với họ: "Tôi vẫn luôn mơ có được một cái đàn piano"; những người Do Thái, hoảng sợ, mang đến cho ông ta tám cái; và Hunsche, trước mặt tôi, chân nhét vào trong đôi boots dài của mình, mắng nhiếc họ với một cái giọng muốn tỏ ra là mỉa mai: "Nhưng meine Herren! Tôi không muốn mở một cửa hàng, tôi chỉ muốn chơi piano thôi." Một chiếc piano! Nước Đức đang rên xiết dưới những quả bom, những người lính của chúng tôi, ngoài mặt trận, đang chiến đấu với những chân những tay giá lạnh và những bàn tay thiếu ngón, thế mà Hauptsturmführer Regierungsrat tiến sĩ Hunsche, người chưa từng bao giờ rời khỏi văn phòng của mình ở Berlin, lại cần một cái đàn piano, chắc là để trấn an những sợi dây thần kinh đang roi vào thử thách của ông ta. Khi nhìn ông ta chuẩn bị các mệnh lệnh cho những người đến các trại trung chuyển – những cuộc sơ tán đã được bắt đầu – tôi tự hỏi không biết khi đặt bút ký ông ta có giật lắc dương vật của mình ở dưới gầm bàn hay không. Ông ta, tôi là người đầu tiên nhận ra điều này, là một mẫu tệ hại của *Herrenvolk*: và nếu người ta phải phán xử nước Đức về cái loại người này, than ôi quá quá nhiều, thì đúng, tôi không thể chối được, chúng tôi đã xứng đáng với số phận của mình, sự phán xử của lịch sử, *dikè* của chúng tôi.

Và vậy thì phải nói gì về Obersturmbannführer Eichmann đây? Kể từ khi tôi quen ông ta, ông ta chưa bao giờ bám chặt lấy vai trò của mình đến như vậy. Khi ông ta tiếp đón những người Do Thái, đó là một *Übermensch* hoàn hảo từ đầu đến chân, ông ta bỏ kính ra, nói với họ bằng một cái giọng cứng rắn, nhất gừng, nhưng lịch sự, ông ta bảo họ ngồi xuống và gọi họ là "Meine Herren," ông ta gọi tiến sĩ Stern là "Herr Hofrat," và rồi ông ta trình bày bằng những giọng điệu thô thiển, một cách cố ý, để làm cho họ bị sốc, trước khi quay trở lại với vẻ lịch thiệp bằng giá gần như là để thôi miên họ. Ông ta cũng vô cùng khéo léo với nhà cầm quyền Hungari, vừa thân thiện và lịch sự, ông ta gây ấn tượng lên họ và ngoài ra còn thiết lập tình bạn vững chắc với một số người trong đó, nhất là László Endre, người giúp ông ta khám

phá ở Budapest một cuộc sống xã hội cho đến khi đó ông ta còn chưa biết đến và làm cho ông ta ngây ngất, bằng cách mời ông ta đến những lâu đài, giới thiệu ông ta với các nữ bá tước. Tất cả những điều đó, việc tất cả mọi người thích thú chơi trò chơi Do Thái và Hungari, có thể giải thích tại sao Eichmann cũng rơi vào sự quá đà (nhưng không bao giờ với sự ngu xuẩn như của Hunsche) và cuối cùng tin rằng mình thực sự là *der Meister*, Bậc thầy. Quả thực là ông ta tự xem mình là một vị tướng người Ý, một von dem Bach-Zelewski, ông ta quên biến bản chất sâu xa của mình, bản chất của một nhà hành chính tài năng, thậm chí là một tài năng lớn trong lĩnh vực hẹp của ông ta. Tuy nhiên, ngay khi gặp một mình ông ta, ở văn phòng, hoặc vào buổi tối, khi ông ta đã uống một chút, thì ông ta lại quay trở lại là Eichmann cũ, người điều hành các văn phòng của *Staatspolizei*, đáng kính trọng, bận rộn, choáng ngợp trước bất kỳ cái lon nào cao cấp hơn ông ta và cùng lúc bị giằng xé bởi lòng ghen tị và tham vọng, cái tay Eichmann tự che đậy mỗi hành động và quyết định bởi một văn bản có chữ ký của Müller hoặc Heydrich hoặc Kaltenbrunner, và là người giữ tất cả những mệnh lệnh đó trong hòm, sắp xếp một cách tỉ mỉ, cái tay Eichmann cũng có thể trở nên hạnh phúc ngang bằng như vậy – và cũng không kém hiệu quả hơn – khi mua và chuyển ngựa hoặc xe cam nhông, nếu như đó là nhiệm vụ của ông ta, như khi tập trung lại và sơ tán hàng chục nghìn con người được dành sẵn cho cái chết. Khi tôi đến gặp riêng ông ta để thảo luận về *Arbeitseinsatz*, ông ta lắng nghe tôi, ngồi sau cái bàn làm việc đẹp đẽ của mình, trong căn phòng rất trang trọng của khách sạn *Majestic*, với một dáng vẻ chán chường, nhẩn nhúm, tay nghịch nghịch cặp kính hoặc một cái bút bi mà ông ta xoay trở đủ kiểu gây ra những tiếng *clic-clac, clic-clac*, một cách bồn chồn, và trước khi trả lời, ông ta xếp lại đồng hồ sơ đầy những ghi chú và những dòng chữ nhỏ ngoằn ngoèo, ông ta thổi bụi trên mặt bàn, rồi, gãi gãi cái đầu đã bắt đầu hói, ông ta lao vào một trong những câu trả lời dài dòng của mình, rồi rầm đến mức chỉ một lúc là chính ông ta cũng lạc lối luôn ở trong đó. Thoạt tiên, khi

Einsatz cuối cùng cũng thực sự vào cuộc, sau khi người Hungari, vào khoảng cuối tháng Tư, đồng ý với những cuộc sơ tán, ông ta gần như là bùng nổ vì nhiệt hứng, sôi trào nghị lực; cùng lúc đó, và càng hơn thế nữa khi các khó khăn chất chồng lại, càng ngày ông ta càng trở nên khó tính hơn, không khoan nhượng hơn, ngay cả với tôi, người mà tuy nhiên ông ta đánh giá cao, ông ta bắt đầu nhìn thấy kẻ thù ở khắp mọi nơi. Winkelmann, người chỉ là thượng cấp của ông ta trên giấy tờ, không hề thích ông ta, nhưng theo tôi thì cái tay cảnh sát nghiêm khắc và bù xù, cùng với sự chất phác bẩm sinh của một tay nhà quê nước Áo này là người nhận xét đúng nhất về ông ta. Dáng vẻ cao ngạo gần đạt đến sự lão xược của Eichmann khiến ông ta tức điên, nhưng ông ta vẫn nói được rất chính xác: "Ông ta có tinh thần của một kẻ thuộc hạ," Winkelmann nói với tôi trong một lần tôi đến gặp, để hỏi liệu ông ta có thể can thiệp hoặc ít nhất là gây sức ép để cải thiện các điều kiện chuyên chở người Do Thái hiện đang hết sức tồi tệ. "Ông ta sử dụng các quyền lực của mình một cách vô lối, ông ta không hề biết đến một chút chừng mực về đạo đức hoặc tinh thần nào trong việc thực thi quyền lực. Ông ta cũng không hề băn khoăn chút nào khi vượt quá các quyền hạn của mình, nếu như ông ta tưởng rằng ông ta đang hành động theo tinh thần của những người ra lệnh cho ông ta và ủng hộ ông ta, như là Gruppenführer Müller và Obergruppenführer Kaltenbrunner." Chắc chắn điều đó hoàn toàn đúng, nhất là khi Winkelmann không hề phủ nhận các năng lực của Eichmann. Vào thời đó, ông ta không còn sống ở khách sạn nữa, mà chuyển sang ngôi biệt thự đẹp đẽ của một người Do Thái trên phố Apostol, ở rìa Rosenberg, ngôi nhà ba tầng với một ngọn tháp, nhìn thẳng xuống sông Danube, và bao quanh là một khu vườn tuyệt đẹp nhưng không may là đã bị biến dạng bởi những đường hào trú ẩn đào để phòng các cuộc oanh tạc. Ông ta sống xa hoa và phần lớn thời gian ở chỗ những người bạn mới Hungari của mình. Các cuộc sơ tán đã bắt đầu được từ lâu, từng vùng một theo một kế hoạch rất chặt chẽ, và những lá đơn phản nài đổ đến từ khắp nơi, từ *Jägerstab*, từ các văn phòng của Speer,

từ đích thân Saur, và chạy đi theo đủ mọi hướng, đến Himmler, Pohl, Kaltenbrunner, nhưng cuối cùng tất cả đều quay lại với tôi, và quả thực, đây đúng là một thảm họa, một vụ bê bối thực thụ, các công trường chỉ nhận được những cô gái gầy gò xương hoặc những người đàn ông đang hấp hối, mà họ thì đang hy vọng có một đợt mới gồm các chàng trai khỏe mạnh, vững chãi, thành thạo trong công việc, họ nổi giận, không ai còn hiểu chuyện gì đang xảy ra nữa. Một phần lỗi này, tôi đã giải thích rồi, thuộc Honvéd, vì mặc cho tất cả những trò vè của mình họ vẫn khư khư giữ lấy các đội lao động. Nhưng trong số những người ở lại dù sao cũng có những người đàn ông, những người chỉ một thời gian ngắn trước vẫn sống một cuộc đời bình thường, ăn những khi nào thấy đói, chắc hẳn là họ vẫn còn có sức khỏe tốt. Thế nhưng hóa ra là các điều kiện ở những điểm tập trung, nơi người Do Thái thỉnh thoảng phải đợi vài ngày hoặc vài tuần, được ăn rất ít, trước khi được đưa đi, chất đống trong các toa tàu chở súc vật lên chặt, không nước, không đồ ăn, mỗi toa tàu có một cái xô nước dành cho việc vệ sinh, những điều kiện đó làm cho sức lực của họ suy kiệt đi, mắc các chứng bệnh hay lây, nhiều người chết trên đường đi, và những người đến được nơi thì có một bộ dạng thảm hại, ít người qua được sự chọn lựa, và ngay cả những người đó cũng bị từ chối hoặc nhanh chóng bị các xí nghiệp và công trường gửi trả, nhất là những người ở *Jägerstab*, họ gào lên rằng người ta gửi đến cho họ những đứa con gái tong teo không đủ sức nhấc một cái cuốc lên. Khi chuyển lại những lời phàn nàn đó cho Eichmann, tôi đã nói điều này, ông ta liền lạnh lùng chối bỏ, khẳng định rằng đó không phải là trách nhiệm của ông ta, rằng chỉ có người Hungari có thể thay đổi được điều gì đó đối với các điều kiện này. Vậy là tôi đến gặp thiếu tá Baky, quốc vụ khanh phụ trách Cảnh binh; Baky quét sạch những lời phàn nàn của tôi bằng một câu nói, "Các ông chỉ cần bắt họ mau chóng hơn thôi," và bảo tôi đến gặp trung tá Ferenczy, sĩ quan phụ trách quản lý kỹ thuật các cuộc sơ tán, một con người cay độc, khó tiếp cận, nói với tôi trong suốt hơn một giờ để giải thích rằng ông ta sẽ rất vui nếu cho được

người Do Thái ăn uống tốt hơn, với điều kiện người ta cung cấp thêm lương thực cho ông ta, và chất ít người lên các toa tàu hơn, nếu người ta gửi đến cho ông ta nhiều đoàn tàu hơn, nhưng nhiệm vụ chính của ông ta là sơ tán họ, chứ không phải là than khóc cho họ. Cùng Wisliceny, tôi đến một trong những “điểm tập trung” đó; tôi cũng không nhớ rõ là ở đâu, có thể là trong vùng Kaschau: đó là một cảnh tượng nặng nề, những người Do Thái bị gom lại theo từng gia đình lớn trong một xưởng làm gạch lộ thiên, dưới cơn mưa mùa xuân, bọn trẻ con mặc quần đùi chơi trong những vũng nước, những người lớn, lãnh đạm, ngồi trên những cái vali của mình hoặc đi đi lại lại. Tôi bị choáng trước sự tương phản giữa những người Do Thái này và những người, những người duy nhất mà tôi thực sự biết cho đến lúc đó, sống ở vùng Galicie và Ukraine; những người này là những người có giáo dục tốt, thường là các nhà tư sản, và thậm chí là cả thợ thủ công và chủ trang trại, khá đông, ăn mặc sạch sẽ và sang trọng, những đứa trẻ con được tắm rửa sạch sẽ, chải tóc cẩn thận, ăn mặc đẹp mặc dù điều kiện thì như vậy, thỉnh thoảng còn mặc trang phục dân tộc màu xanh lá cây, với những hình trang trí khuyết áo màu đen và những chiếc mũ calô nhỏ. Tất cả những điều đó khiến cho cảnh tượng càng trở nên ngọt ngào hơn, mặc dù đeo những ngôi sao màu vàng, họ vẫn rất giống với các nông dân Đức hoặc ít nhất là Séc, và điều này khiến tôi có những ý nghĩ thật u ám, tôi tưởng tượng ra những đứa trẻ sạch tinh tươm hoặc những cô gái trẻ có nét duyên dáng ngăm ngăm này dưới hơi ga, những ý nghĩ làm tim tôi thắt lại, nhưng không thể làm gì cả, tôi nhìn những người phụ nữ mang thai và tưởng tượng ra họ ở trong các phòng khí độc, hai tay đặt trên cái bụng tròn của mình, tôi kinh hãi tự hỏi điều gì sẽ xảy đến với bào thai của một người phụ nữ bị nhiễm khí độc, không biết nó có chết ngay cùng với mẹ không hay là vẫn còn sống sót thêm một chút, bị giam cầm trong cái bao ố đã chết của mình, cái thiên đường ngọt hơi, và từ đó mà tràn về những kỷ niệm ở Ukraine, và lần đầu tiên kể từ rất lâu tôi lại muốn nôn mửa, mửa ra sự bất lực của tôi, nỗi buồn của tôi, và cuộc đời vô tích sự của

tôi. Tại đó, tôi tình cờ gặp tiến sĩ Grell, một Legationsrat được Feine giao nhiệm vụ xác định danh tính những người Do Thái nước ngoài bị cảnh sát Hungari bắt nhầm, nhất là những người thuộc các nước đồng minh hoặc trung lập, và rút họ ra khỏi các trung tâm trung chuyển để đưa về nhà. Anh chàng Grell tội nghiệp này, một "cái mặt rách", bị biến dạng bởi một vết thương vào đầu và những vết bỏng khủng khiếp, khiến cho lũ trẻ con sợ hãi và làm chúng vừa bỏ chạy vừa hét lên, lộ bì bõm trong đồng bùn đi từ nhóm người này đến nhóm người khác, mũ rỗng rỗng nước mưa, lịch sự hỏi xem có ai cầm hộ chiếu nước ngoài không, kiểm tra giấy tờ của họ, ra lệnh cho các cảnh binh Hungari để riêng một số người sang một bên. Eichmann và các đồng nghiệp của ông ta ghét anh ta, buộc tội anh ta quá khoan dung, thiếu phân biệt, và quả đúng là nhiều người Do Thái Hungari, với vài nghìn pengö, đã mua được một cái hộ chiếu nước ngoài, đặc biệt là của Rumani, những cái dễ kiếm nhất, nhưng Grell chỉ làm công việc của anh ta, anh ta không có trách nhiệm phải xem liệu những hộ chiếu đó đã có được một cách hợp pháp hay không, và sau cùng, nếu các tùy viên người Rumani bị mua chuộc, thì đó là các vấn đề của chính quyền Bucarest, không phải là của chúng tôi, nếu họ muốn tiếp nhận hoặc chứa chấp tất cả những người Do Thái đó, thì cứ mặc kệ họ thôi. Tôi biết Grell một chút vì ở Budapest thỉnh thoảng tôi có đi uống một cốc hoặc ăn tối với anh ta; trong số các quan chức Đức, gần như tất cả mọi người đều tránh hoặc chạy trốn anh ta, ngay cả các đồng nghiệp, hẳn là vì vẻ ngoài đáng sợ của anh ta, nhưng cũng là vì những cơn trầm cảm nặng nề làm người ta bối rối rất nhiều nữa; về phần mình, những cái đó ít làm tôi thấy phiền, có thể là bởi vì xét cho cùng vết thương của anh ta khá giống với vết thương của tôi, cả anh ta cũng từng dính một phát đạn vào đầu, nhưng với nhiều hậu quả tệ hại hơn là tôi, chúng tôi không nói gì, theo một sự nhất trí ngầm, về các hoàn cảnh, nhưng khi nào uống một chút anh ta liền nói rằng tôi đã gặp may, và anh ta có lý, tôi đã có một may mắn lớn lao, vì còn giữ được một cái mặt lành lặn và một cái đầu cũng

gần được như vậy, trong khi anh ta, nếu anh ta uống nhiều, và anh ta thường xuyên uống nhiều, sẽ rơi vào những đợt giận dữ khủng khiếp, rất gần với chứng điên, mặt anh ta đổi màu, một lần anh ta đã hét lên với người phục vụ quán cà phê, thậm chí tôi đã phải dùng sức giữ anh ta lại để ngăn không cho anh ta đập hết cốc chén, ngày hôm sau anh ta đến để xin lỗi, về ăn năn, buồn thảm, và tôi tìm cách trấn an anh ta, tôi hiểu anh ta rất rõ. Ở đây, tại trung tâm trung chuyển này, anh ta đến gặp tôi, nhìn Wisliceny mà anh ta cũng có quen, và nói với tôi một cách hết sức đơn giản: “Trông thật là tởm, phải không?” Anh ta có lý, nhưng còn có cái tệ hại hơn nữa. Để tìm cách hiểu được những gì diễn ra trong các cuộc lựa chọn, tôi đến Auschwitz. Tôi đến vào ban đêm, đi qua ngã Viên-Cracovie; từ trước khi đến ga một đoạn dài, bên tay trái của đoàn tàu, người ta đã nhìn thấy một đường thẳng tạo nên từ những điểm ánh sáng màu trắng, những ngọn đèn chiếu của hàng rào dây thép gai Birkenau ngã xuống trên hàng cột quét vôi, với ở đằng sau con đường vẫn còn tối đen, một vực thẳm đang nhả ra cái mùi thịt người cháy ghê tởm, bay thành từng bùm qua toa tàu. Những hành khách, chủ yếu là lính tráng hoặc công chức đang quay về vị trí của mình, đứng cả ra cửa kính, thường là cùng với vợ của họ. Những lời bình luận tuôn ra: “Cháy tuyệt quá nhỉ,” một người bên dân sự nói với vợ. Ở nhà ga, tôi được một Untersturmführer đón tiếp, anh ta lấy cho tôi một phòng ở *Haus der Waffen-SS*. Sáng hôm sau tôi gặp lại Höss. Đầu tháng Năm, sau cuộc thanh tra của Eichmann, như tôi đã nói, WVHA lại thêm một lần xáo trộn tổ chức của khu Auschwitz. Liebehenschel, chắc chắn là viên Kommandant giỏi nhất mà trại từng biết đến, bị thay thế bởi một người rất kém cỏi, Sturmbannführer Bär, trước đây là chủ tiệm bánh, từng một thời làm sĩ quan tùy tùng cho Pohl; Hartjenstein, ở Birkenau, đã đổi chỗ với Kommandant của Natzweiler, Hauptsturmführer Kramer; và Höss, cuối cùng, trong suốt thời gian tồn tại của Einsatz Hungari, quản lý những người khác. Tôi thấy rất rõ ràng, khi nói chuyện với ông ta, rằng ông ta coi việc bổ nhiệm mình chỉ thuần túy liên quan đến công việc diệt

trừ: trong khi những người Do Thái đến nơi với tần số có khi lên đến bốn chuyến tàu, mỗi chuyến chở ba nghìn đơn vị trong một ngày. Ông ta đã không hề cho xây dựng thêm lán trại nào để tiếp đón họ, mà ngược lại còn tập trung toàn bộ năng lượng rất đáng kể của mình vào việc sửa sang các lò thiêu và cho đặt một đường sắt ở chính giữa Birkenau, cái trại mà ông ta đặc biệt lấy làm tự hào, để có thể đổ người từ các toa tàu xuống ngay dưới chân những phòng hơi ngạt. Ngay từ chuyến hàng đầu tiên trong ngày, ông ta đã dẫn tôi đi xem công việc chọn lựa và những công việc khác. Bãi mới nằm dưới tháp canh của tòa nhà dẫn vào Birkenau và tiếp tục, với ba nhánh, cho đến những lò thiêu nằm ở phía cuối trại. Một đám đông đặc người trên nền ke đất nện, ồn ào, nghèo hơn và nhiều màu sắc hơn những người mà tôi đã nhìn thấy tại trung tâm trung chuyển, hẳn là những người Do Thái này đến từ Transylvanie, những người phụ nữ và các cô gái choàng những chiếc khăn sặc sỡ, những người đàn ông, vẫn còn mặc măng tô, mang hàng ria lớn mọc dày và những cái má cạo không kỹ. Không có quá nhiều mất trật tự, tôi quan sát thật lâu những bác sĩ đang tiến hành công việc chọn lựa (Wirths không có ở đó), họ dành từ một đến ba giây cho mỗi trường hợp, chỉ cần có chút nghi ngờ là đã nói *không*, có vẻ như là họ cũng từ chối nhiều phụ nữ mà tôi thấy còn rất mạnh khỏe; Höss, khi tôi nêu nhận xét đó với ông ta, nói với tôi rằng ông ta đã ra những chỉ thị ấy, các khu lán trại đã quá đông người, không còn chỗ để nhét thêm nữa, các xí nghiệp thì nhân nhó, không chịu nhận những người Do Thái đó một cách nhanh chóng, và họ cứ dồn đóng lại, các bệnh dịch bắt đầu tái phát, và vì Hungari cứ tiếp tục gửi thêm người đến mỗi ngày, ông ta buộc phải tìm ra chỗ, ông ta đã tiến hành nhiều cuộc chọn lựa trong số các tù nhân, ông ta cũng đã tìm cách dọn sạch trại Digan, nhưng ở đó lại có những vấn đề và việc này phải để lại sau, ông ta đã yêu cầu được cho phép xóa sổ "trại gia đình" ở Theresienstadt và vẫn chưa nhận được trả lời, do đó trong khi chờ đợi thực sự là ông ta chỉ có thể lựa chọn những người tốt nhất, dù sao thì có lấy thêm nữa thì họ cũng sẽ chết bệnh một cách nhanh

chóng. Ông ta giải thích cho tôi tất cả những điều đó một cách bình tĩnh, đôi mắt màu xanh và trống rỗng hướng về phía đám người và bãi đất, vẻ xa vắng. Tôi tuyệt vọng, nói lý với người đàn ông này thậm chí còn khó hơn là với Eichmann. Ông ta cứ khẳng định đề nghị chỉ cho tôi xem các cơ sở diệt trừ và giải thích cho tôi tất cả: ông ta đã tăng số lượng người của các Sonderkommando từ 220 lên đến 860, nhưng người ta đã đánh giá quá cao khả năng của các Krema; không phải khí độc gây ra vấn đề, mà là những cái lò bị quá tải, và để sửa chúng ông ta đã cho đào những đường hào để tro, thúc đẩy các Sonderkommando mãi cũng có hiệu quả, ông ta đạt đến được một mức trung bình gồm sáu nghìn đơn vị mỗi ngày, điều đó muốn nói rằng một số thỉnh thoảng phải chờ đến ngày hôm sau, nếu hôm đó họ quá nhiều việc. Thật là đáng sợ, khói và lửa của các đường hào, được đổ dầu và mỡ của những cái xác vào, hẳn là phải nhìn thấy rõ từ cách xa hàng cây số, tôi hỏi ông ta có nghĩ rằng liệu điều này có thể gây phiền hay không: "Ồ, chính quyền của Kreiis lo lắng lắm, nhưng đó không phải là vấn đề của tôi." Cứ tin lời ông ta thì không có gì lẽ ra phải là vấn đề lại là vấn đề của ông ta. Bực bội, tôi đòi được xem những khu lán trại. Khu mới, đã được dự kiến từ một thời gian để làm trại trung chuyển đối với những người Do Thái Hungari, vẫn chưa hoàn thành; hàng nghìn phụ nữ, đã kiệt sức và rất gầy gò dù mới chỉ đến đây được một thời gian ngắn, dồn đống lại trong những dãy chuồng ngựa dài thối hoảng đó; nhiều người không có chỗ và phải ngủ bên ngoài, trong bùn; trong khi không có đủ quần áo kẻ sọc để mặc cho họ, người ta không để lại cho họ những thứ quần áo sạch, mà khoác lên người họ những thứ giẻ rách lấy được từ "Canada"; và tôi nhìn thấy những người phụ nữ trần truồng hoàn toàn, hoặc chỉ mặc một cái áo sơ mi từ đó lộ ra hai cẳng chân màu vàng và nhéo nhọt, thỉnh thoảng còn vương cứt. Không có gì đáng ngạc nhiên khi *Jägerstab* phàn nàn cả! Höss mơ hồ buông lời chê trách các trại khác, theo ông ta là từ chối không cho ông ta chuyển thêm người tới vì thiếu chỗ. Cả ngày, tôi đi khắp trại, từng khu một, từng dãy lán trại

một; những người đàn ông trông không khá gì hơn phụ nữ. Tôi thanh tra sổ sách: không ai, tất nhiên, nghĩ đến việc tôn trọng quy tắc sơ đẳng của công tác lưu kho, vào *trước*, ra *trước*; trong khi một số người mới đến thậm chí còn không ở đến hai mươi tư giờ tại trại trước khi bị gửi đi tiếp, những người khác ăn dầm nằm dề ở đây đến ba tuần, tội tử dần và cuối cùng thường xuyên là chết, khiến cho các tổn thất càng lớn hơn nữa. Nhưng trước mỗi vấn đề mà tôi chỉ ra cho ông ta, Höss lại không một mảy may tìm một ai đó khác để chê trách. Đầu óc của ông ta, được cấu tạo từ những năm trước chiến tranh, hoàn toàn không còn thích ứng được với nhiệm vụ nữa, điều đó có thể thấy được rất rõ; nhưng ông ta không phải là người để chê trách; đó cũng là lỗi của những người đã gửi ông ta đến thay chỗ Liebehenschel, người, với những gì ít ỏi mà tôi biết về ông ta, giải quyết tình hình bằng một cách thức khác hẳn. Tôi cứ chạy đi chạy lại như vậy cho đến tối. Trong ngày, trời đổ mưa nhiều lần, những cơn mưa ngắn ngủi và mát mẻ của mùa xuân, làm bụi rơi xuống nhưng cũng làm tăng thêm sự cùng quẫn của những người tù phải ở ngoài trời, ngay cả khi phần lớn chỉ chăm chăm nghĩ đến việc đón nhận vài giọt nước mưa để uống. Ở tận cùng trại là ngọn lửa và trần ngập khói, thậm chí còn tỏa ra cả bên ngoài khoảng rừng Birkenwald yên tĩnh. Buổi tối, những đoàn người vô tận gồm phụ nữ, trẻ con và người già vẫn còn leo lên cái bãi theo một hành lang dài cắm dây thép gai, về phía các Krema III và IV nơi họ kiên nhẫn đợi đến lượt mình đi vào dưới những cây dương, và ánh sáng đẹp đẽ của mặt trời đang lặn cạo sượt trên những ngọn cây của Birkenwald, kéo dài đến bất tận bóng của những dãy lán trại, làm ánh lên một màu vàng đục của hội họa Hà Lan trên cái nền xám xịt của những đụn khói, ném những ánh phản chiếu mềm mại lên các vũng và hồ nước, điểm thêm một màu da cam chói mắt và vui vẻ cho những viên gạch của Kommandantur, và đột nhiên tôi thấy chán và để Höss lại đó và quay về *Haus* nơi tôi để cả đêm để viết một báo cáo dữ dội về những thiếu sót của trại. Trong cơn tức giận, tôi viết thêm một báo cáo khác về phân đoạn Hungari của công việc và, trong sự

bực bội, không ngần ngại đánh giá thái độ của Eichmann là có *chủ trương phá rối*. (Các cuộc thương thuyết với người Do Thái Hungari đã được tiến hành từ hai tháng, do vậy lời mời chào liên quan đến những chiếc cam nhông hẳn là phải trước đó một tháng, vì chuyến thăm Auschwitz của tôi được thực hiện vài ngày trước cuộc đổ bộ Normandie; từ lâu Becher đã phàn nàn về thái độ ít hợp tác của Eichmann, với cả hai chúng tôi ông ta chỉ tiến hành các thương thuyết về hình thức.) *Eichmann chỉ có đầu óc của một chuyên gia quân nhu*, tôi viết. *Ông ta không có khả năng hiểu được và đưa được những mục đích quan trọng vào trong cách làm việc của mình*. Và tôi biết theo một nguồn đáng tin cậy rằng sau những báo cáo này, mà tôi gửi đến cho Brandt để nộp lên Reichsführer và trực tiếp cho Pohl, Pohl đã triệu tập Eichmann đến WVHA và khiển trách ông ta bằng những lời lẽ trực tiếp và thẳng thừng về tình trạng những người đến nơi và số lượng không thể chấp nhận được những người chết và người ốm; nhưng Eichmann, với sự bướng bỉnh cố hữu, chỉ đáp lại rằng đó là phạm vi công việc của người Hungari. Không thể làm gì trước sự trơ lì đến mức độ đó. Tôi chìm vào trong sự u uất và ngoài ra cơ thể tôi cũng cảm nhận được điều này: tôi ngủ không ngon, giấc ngủ rối bời những giấc mơ khó chịu và bị thức dậy mỗi đêm ba hoặc bốn lần vì khát nước, hoặc là con buồn tiểu chuyển hóa thành bệnh mất ngủ; sáng ra, tôi tỉnh dậy với những cơn đau nửa đầu tệ hại, phá hoại hoàn toàn sự tập trung trong cả ngày, thỉnh thoảng buộc tôi phải ngừng làm việc để nằm xuống một cái divăng trong một giờ với một miếng gạc lạnh đặt trên trán. Nhưng dù cho có mệt mỏi đến mức độ nào, tôi cũng vẫn lo sợ sự quay trở lại của đêm: những cơn mất ngủ trong đó tôi vô vọng sắp xếp lại các vấn đề của mình, hoặc những giấc mơ ngày càng trở nên đáng sợ hơn, tôi không biết điều gì làm mình đau đớn hơn nữa. Đây là một trong những giấc mơ làm tôi chấn động nhiều hơn cả: rabbin của Bremen đã di cư sang Palestin. Nhưng khi nghe nói rằng người Đức giết Do Thái, ông ta từ chối không chịu tin. Ông ta đi đến lãnh sự quán Đức và xin một visa quay trở lại Reich, để tự mất

mình nhìn xem liệu những tin đồn đó có căn cứ hay không. Tất nhiên, kết cục của ông ta hết sức tồi tệ. Trong khoảng thời gian đó, bối cảnh đã thay đổi: tôi lại đang, với tư cách là chuyên gia về các Vụ việc Do Thái, chờ một cuộc hội kiến với Reichsführer vì ông ta muốn nghe tôi báo cáo một số điều. Tôi khá căng thẳng, bởi vì có nguy cơ tiềm ẩn rằng nếu ông ta không hài lòng về những câu trả lời của tôi, tôi sẽ phải chết. Cảnh này diễn ra trong một lầu đài lớn u tối. Tôi gặp Himmler trong một căn phòng; ông ta bắt tay tôi, người đàn ông bé nhỏ bình thản và không mấy nổi bật, mặc một cái măng tô dài, với cái kính kẹp mũi hai mắt tròn bất di bất dịch trên mặt. Rồi tôi dẫn ông ta đi theo một hành lang dài hai bên tường chất đầy sách. Hẳn là những quyển sách này thuộc về tôi, bởi vì Reichsführer có vẻ bị ấn tượng mạnh về thư viện và chúc mừng tôi. Rồi chúng tôi lại ở trong một căn phòng khác, tranh luận với nhau về những điều mà ông ta muốn biết. Sau đó, có vẻ như là chúng tôi ở bên ngoài, giữa một thành phố lửa cháy rừng rực. Nỗi sợ Heinrich Himmler của tôi đã trôi qua, tôi cảm thấy mình được an toàn tuyệt đối với ông ta, nhưng giờ đây tôi lại sợ những quả bom, sợ lửa. Chúng tôi phải chạy nhanh qua một cái sân đang cháy của một tòa nhà. Reichsführer cầm lấy tay tôi: “Cứ tin tưởng ở tôi. Dù có chuyện gì xảy ra, tôi cũng sẽ không thả tay anh ra đâu. Chúng ta sẽ cùng nhau chạy qua hoặc là chúng ta sẽ cùng nhau rơi.” Tôi không hiểu tại sao ông ta lại muốn bảo vệ *Judenlein*, tay Do Thái bé nhỏ mà tôi đang là, nhưng tôi tin ông ta, tôi biết là ông ta chân thành, thậm chí tôi còn có thể cảm thấy tình yêu của ông ta dành cho người đàn ông xa lạ này.

Nhưng dù sao thì tôi cũng cần nói cho các người về những cuộc thương thuyết đó. Tôi không trực tiếp tham gia: một lần, tôi đã gặp Kastner cùng với Becher, khi Becher thương thuyết một trong những thỏa thuận riêng khiến cho Eichmann tức giận vô cùng. Nhưng tôi quan tâm rất nhiều đến việc đó bởi vì một trong các đề nghị là đặt một số lượng Do Thái nhất định “vào tủ lạnh”, nghĩa là gửi họ đi làm việc luôn mà không thông qua Auschwitz, điều đó sẽ giải quyết được cho tôi rất nhiều việc. Becher, đó là con

traí một nhà kinh doanh của công ty tốt nhất của Hamburg, một kỹ sư đã leo lên đến hàm sĩ quan của *Reiter-SS* và đã nhiều lần nổi bật ở phía Đông, nhất là hồi đầu năm 1943 trên mặt trận sông Đông, nơi ông ta đã nhận được huân chương Thập tự Vàng của Đức; kể từ đó, ông ta đảm nhiệm các công việc cung ứng quan trọng ở *SS-Führungshauptamt*, *FHA*, cơ quan trông coi toàn bộ *Waffen-SS*. Sau khi đã thua trong các công việc liên quan đến *Manfred-Weiss Werke* – không bao giờ ông ta nói với tôi về chuyện này, và tôi chỉ biết điều đó xảy ra như thế nào qua những quyển sách, nhưng có vẻ như việc đó đã bắt đầu một cách hoàn toàn tình cờ – *Reichsführer* ra lệnh cho ông ta tiếp tục các cuộc thương thuyết với người Do Thái, với những chỉ thị giống hệt với *Eichmann*, hẳn là cố tình như vậy, để họ ở vào thế đối đầu với nhau. Và *Becher* có thể hứa hẹn rất nhiều điều, ông ta được *Reichsführer* lắng nghe, nhưng về nguyên tắc ông ta không phải là người phụ trách các Vụ việc Do Thái và không có chút quyền lực trực tiếp nào trong lĩnh vực đó, còn ít hơn cả tôi. Đủ mọi loại người đã dính líu vào câu chuyện này: một nhóm người của *Schellenberg*, ồn ào, vô tổ chức, một số người của *Amt VI* cũ, như *Höttl*, người bắt người khác gọi mình là *Klages* và sau này đã xuất bản một quyển sách dưới một cái tên khác nữa, những người khác từ bên *Abwehr* của *Canaris*, *Gefrorener* (*alias* tiến sĩ *Schmidt*), *Durst* (*alias* *Winniger*), *Laufer* (*alias* *Schröder*), nhưng có thể là tôi nhầm lẫn những cái tên và bút danh, còn có cái tay *Paul Card Schmidt* xấu xa đó nữa, sau này sẽ là *Paul Carrell* mà tôi đã từng nói đến, và tôi nghĩ là đã không nhầm với *Gefrorener* *alias* tiến sĩ *Schmidt*, nhưng cũng không chắc lắm. Và người Do Thái đưa tiền và đồ trang sức cho tất cả mọi người, và tất cả đều nhận, nhân danh những cơ quan tương ứng của mình hoặc là cho chính họ, không thể nào biết được; *Gefrorener* và các đồng nghiệp của ông ta, những người vào hồi tháng Ba đã đặt *Joel Brandt* vào tình trạng bị bắt giữ nhằm “bảo vệ” ông ta khỏi *Eichmann*, đã đòi của ông ta nhiều nghìn đôla để giới thiệu ông ta với *Wisliceny*, và sau đó *Wisliceny*, *Krumey* và *Hunsche* đã nhận rất nhiều tiền từ tay

ông ta, trước khi người ta nói được đến chuyện những chiếc cam nhông. Nhưng Brandt, tôi chưa bao giờ gặp ông ta, thì do Eichmann xử lý, rồi ông ta đi một cách khá mau chóng sang Istanbul và không bao giờ quay trở lại. Một lần tôi đã gặp vợ ông ta ở *Majestic*, cùng Kastner, một cô gái trông rõ ràng là Do Thái, không thực sự đẹp, nhưng có một tính cách rất mạnh, chính Kastner là người đã giới thiệu cô ta với tôi như là vợ của Brandt. Ý tưởng về những chiếc cam nhông, người ta không còn biết rõ đó là của ai nữa, Becher đã nói rằng đó là ông ta, nhưng tôi tin rằng chính Schellenberg đã thổi ý đó vào tai Reichsführer, hoặc giả nếu quả thực đó là một ý tưởng của Becher và Schellenberg cũng đã phát triển nó lên, thì vẫn đúng là đầu tháng Tư, Reichsführer đã triệu tập Becher và Eichmann về Berlin (chính Becher đã kể lại cho tôi chuyện đó, chứ không phải là Eichmann) và ra lệnh cho Eichmann phải cơ giới hóa các sư đoàn kỵ binh SS số 8 và 22, với những chiếc cam nhông, khoảng mười nghìn cái, mà ông ta phải lấy được từ tay những người Do Thái. Và đó chính là câu chuyện lừng danh về lời đề nghị mà người ta vẫn hay gọi là “Lấy máu đổi lấy cửa,” mười nghìn chiếc cam nhông được trang bị cho mùa hè để đổi lại một triệu người Do Thái, và việc đó đã từng làm tốn biết bao giấy mực và sẽ còn làm tốn rất nhiều giấy mực khác nữa. Tôi không có gì nhiều để thêm vào những gì đã được nói: những người tham gia chính, Becher, Eichmann, cặp Brandt và Kastner, tất cả đều sống sót sau chiến tranh và đều đã làm chứng về vụ việc này (nhưng Kastner xấu số đã bị ám sát ba năm trước khi người ta bắt được Eichmann, vào năm 1957, bởi các phần tử cực hữu Do Thái ở Tel-Aviv – vì đã “cộng tác” với chúng tôi, điều này thật mỉa mai một cách đáng buồn). Một trong các điều khoản của lời đề nghị đưa sang cho người Do Thái nói rõ rằng những chiếc cam nhông sẽ chỉ được sử dụng trên mặt trận phía Đông, chống lại quân Xô viết, chứ không phải là để chống lại các cường quốc phương Tây; và những chiếc cam nhông này, dĩ nhiên, sẽ chỉ có thể được chuyển đến bởi những người Do Thái Mỹ. Eichmann, tôi tin chắc là như vậy, đã làm theo lời đề nghị

này một cách nghiêm ngặt, nhất là khi chỉ huy của sư đoàn số 22, SS-Brigadeführer August Zehender, là một trong những người bạn thân thiết của ông ta: quả thực ông ta đã nghĩ rằng cơ giới hóa các sư đoàn đó là mục đích, và ngay cả khi ông ta nhận nhớ vì "để sống" từng ấy Do Thái, thì ông ta vẫn cứ muốn giúp đỡ người bạn Zehender của mình. Như thế là vài chiếc cam nhông có thể làm thay đổi tiến trình của cuộc chiến tranh vậy. Bao nhiêu cam nhông hoặc xe tăng hoặc máy bay mà một triệu người Do Thái có thể làm ra được, nếu như lúc nào đó người ta có được một triệu Do Thái trong các trại? Những người theo chủ nghĩa Sion, tôi nghĩ là như vậy, và với Kastner dẫn đầu, hẳn đã hiểu ngay được rằng đó là một trò giả đò, nhưng là một trò giả đò có thể phục vụ cho các lợi ích của họ, khiến họ có thêm được thời gian. Đó là những con người sáng suốt, thực tế, hẳn là họ biết cũng rõ ngang với Reichsführer rằng không chỉ không có đất nước kẻ thù nào chấp nhận chuyển mười nghìn chiếc cam nhông sang Đức, mà còn rằng không một đất nước nào, ngay cả vào thời điểm đó, sẵn sàng đón nhận một triệu người Do Thái. Về phần tôi, chính việc nói rõ rằng những chiếc cam nhông sẽ không được sử dụng ở mặt trận phía Tây đã khiến tôi nhìn thấy bàn tay của Schellenberg. Với ông ta, như Thomas từng để lộ cho tôi, chỉ còn một giải pháp duy nhất, cắt đứt sự liên minh đi ngược lại tự nhiên giữa các nền dân chủ tư sản và những kẻ theo Stalin, và chơi đến tận cùng quân bài *thành trì của châu Âu chống lại chủ nghĩa Bôn-sê-vich*. Lịch sử thời hậu chiến mặt khác cũng đã chứng tỏ rằng ông ta hoàn toàn có lý, và rằng chỉ có điều là ông ta đã đi quá sớm so với thời đại của mình. Lời đề nghị đối với những chiếc cam nhông có thể có nhiều ý nghĩa. Tất nhiên, người ta không bao giờ biết được, một điều kỳ diệu có thể xảy ra, nhờ đâu người Do Thái và bên Đồng minh lại có thể chấp nhận điều đó, và khi ấy sẽ rất dễ dàng để sử dụng những chiếc cam nhông đó để tạo ra những bất hòa giữa người Nga và Liên quân Anh-Mỹ, thậm chí là đẩy họ đi đến chỗ đoạn tuyệt với nhau. Có thể là Reichsführer mơ đến điều này; nhưng Schellenberg quá thực tế để có thể đặt những hy vọng của mình

vào kịch bản đó. Với ông ta, vụ việc hẳn là đơn giản hơn nhiều, chỉ là gửi đi một dấu hiệu ngoại giao, thông qua những người Do Thái vẫn còn giữ được một chút ảnh hưởng nào đó, rằng nước Đức đang sẵn sàng thảo luận về tất cả, về một hòa bình riêng biệt, về một sự ngừng lại của chương trình diệt trừ, rồi sẽ xem người Anh và người Mỹ phản ứng như thế nào để còn tiếp tục các bước đi khác: nói tóm lại là chiêu thăm dò. Và mặt khác những người Anh Mỹ đã ngay lập tức diễn giải điều đó như vậy, như phản ứng của họ đã cho thấy: thông tin về lời đề nghị được in trên báo chí của họ và bị tố cáo. Cũng có khả năng Himmler đã nghĩ rằng nếu quân Đồng minh từ chối lời đề nghị, thì điều đó chứng tỏ họ đâu có quan tâm gì đến mạng sống của người Do Thái, hoặc thậm chí họ còn ngấm ngầm đồng tình với các biện pháp của chúng tôi; ít nhất thì việc này cũng sẽ vớt được một phần trách nhiệm lên cho họ, *làm chúng bị ướt* như Himmler đã từng vấy nước lên người các Gauleiter và những chức sắc khác của chế độ. Dù sao thì Schellenberg và Himmler cũng không từ bỏ ý định, các cuộc thương thuyết kéo dài cho đến khi cuộc chiến tranh kết thúc, như người ta đều đã biết, lúc nào cũng với món tiền đặc cược là người Do Thái; Becher: còn thành công, nhờ trung gian của người Do Thái, trong việc gặp được ở Thụy Sĩ McClellan, người của Roosevelt, một sự vi phạm các thỏa thuận Teheran của người Mỹ, việc này không mang lại điều gì cho chúng tôi. Từ lâu nay tôi không còn gì liên quan đến việc đó nữa: thỉnh thoảng, tôi nghe được những tin đồn, qua Thomas hoặc Eichmann, nhưng chỉ có vậy. Ngay cả ở Hungari, như tôi đã giải thích, vai trò của tôi cũng chỉ là bên lề. Tôi đặc biệt quan tâm đến những cuộc thương thuyết đó sau khi đến thăm Auschwitz, vào giai đoạn đổ bộ của Anh-Mỹ, khoảng đầu tháng Sáu. Thị trưởng thành phố Viên, SS-Brigadeführer (danh dự) Blaschke, đã yêu cầu Kaltenbrunner gửi đến cho ông ta các *Arbeitjude* phục vụ cho các nhà máy của ông ta đang thiếu thốn nhân công đến mức tuyệt vọng; và tôi thấy đó là một cơ hội để vừa thúc đẩy tiến triển các thương thuyết của Eichmann – người ta có thể coi rằng những người Do Thái đó, khi

được chuyển đến Viên, đã được “cho vào tủ lạnh” – và có được nguồn nhân lực. Vậy là tôi tìm cách hướng lối cho các thương thuyết đi theo hướng đó. Chính vào thời điểm này Becher giới thiệu tôi với Kastner, một người rất kỳ lạ, lúc nào cũng lịch thiệp một cách hoàn hảo, cư xử với chúng tôi như với những người ngang hàng, mà không mấy may quan tâm đến mạng sống của chính mình, điều này mặt khác cũng khiến ông ta có được một sức mạnh nào đó khi đối mặt với chúng tôi: người ta không thể làm cho ông ta sợ (từng có những ý định, ông ta đã bị bắt giữ nhiều lần, bởi SP hoặc bởi người Hungari). Ông ta ngồi xuống không cần đợi Becher mời, rút một điếu thuốc lá tẩm hương liệu ra từ một cái hộp bạc và châm nó mà không buồn xin phép chúng tôi, cũng không mời chúng tôi hút. Eichmann nói rằng mình bị ấn tượng mạnh trước sự lạnh lùng và tính chặt chẽ về mặt ý thức hệ của ông ta và cho rằng nếu Kastner là người Đức, hẳn ông ta sẽ là một sĩ quan rất giỏi của *Staatspolizei*, với ông ta đó hẳn là lời khen ngợi lớn nhất có thể có được. “Ông ta nghĩ giống chúng ta, Kastner ấy, một hôm ông ta nói với tôi. Ông ta chủ nghĩ đến tiềm năng sinh học của chủng tộc của mình, ông ta sẵn sàng hy sinh tất cả bọn già cả để cứu những người còn trẻ, những người khỏe, những người phụ nữ mắn đẻ. Ông ta nghĩ đến tương lai chủng tộc của ông ta. Tôi đã nói với ông ta: “Nếu tôi là Do Thái, tôi sẽ trở thành một người theo chủ nghĩa Sion, một người Sion cuồng tín, giống như ông”. Lời mời gọi của Viên khiến Kastner quan tâm: ông ta sẵn sàng bỏ tiền ra, nếu sự an toàn của những người Do Thái được gửi đi có thể được đảm bảo. Tôi chuyển ý đó đến cho Eichmann, người đang bồn chồn đến phát điên vì Joel Brandt đã biến mất và ông ta vẫn chưa có được câu trả lời nào về những chiếc xe cam nhông. Becher, trong thời gian đó, thương thuyết về những cách dần xếp của chính mình, ông ta sơ tán người Do Thái thành những nhóm nhỏ, đặc biệt là để đưa sang Rumani, tất nhiên là để kiếm tiền, vàng, hàng hóa, Eichmann tức điên người, thậm chí ông ta còn ra lệnh cho Kastner không được nói chuyện với Becher nữa; Kastner, tất nhiên, không buồn quan tâm đến

điều đó, và mặt khác Becher cũng giúp đưa gia đình ông ta đi. Eichmann, tức tối đến tận đỉnh, nói với tôi rằng Becher đã cho ông ta xem một cái vòng cổ bằng vàng mà Becher tính tặng cho Reichsführer để ông ta đưa cho người tình của mình, một nữ thư ký đã sinh cho ông ta một đứa con: "Becher nắm được Reichsführer, tôi không biết phải làm gì nữa," ông ta rên rỉ. Cuối cùng, những mưu mẹo của tôi đã có được một thành công nhất định: Eichmann nhận 65 000 reichsmark và cà phê vị hơi khét, những gì mà ông ta coi như là phần trả trước cho năm triệu franc Thụy Sĩ mà ông ta đã đòi, và mười tám nghìn người Do Thái trẻ tuổi khởi hành đi sang Viên để lao động. Tôi tự hào báo cáo điều đó với Reichsführer, nhưng không nhận được câu trả lời nào. Dù sao thì Einsatz cũng đã sắp đi đến hồi kết, dù rằng người ta vẫn còn chưa biết điều đó. Horthy, có vẻ sợ hãi vì những chương trình phát thanh của đài BBC và những cú điện thoại ngoại giao của Mỹ mà các cơ quan của ông ta nghe trộm được, đã triệu tập Winkelmann đến để hỏi ông ta về điều đã xảy đến với những người Do Thái sơ tán, những người dù nói thế nào đi nữa vẫn cứ là công dân Hungari; Winkelmann, không biết phải đáp lại thế nào, đến lượt mình lại triệu tập Eichmann. Eichmann kể lại cho chúng tôi chuyện này, câu chuyện mà ông ta thấy rất buồn cười, vào một buổi tối ở quầy bar khách sạn *Majestic*; ở đó có cả Wisliceny và Krumei, cũng như Trenker, viên KdS của Budapest, một người Áo vui nhộn, bạn của Höttl. "Tôi đã trả lời ông ấy: chúng ta đưa họ đi lao động, Eichmann vừa cười vừa kể lại. Ông ta không hỏi thêm gì nữa." Horthy không thỏa mãn với câu trả lời có tính thoái thác đó: ngày 30 tháng Sáu, ông ta hoãn cuộc sơ tán Budapest lẽ ra phải được bắt đầu vào ngày hôm sau lại; vài ngày sau đó, ông ta cấm hoàn toàn nó luôn. Eichmann vẫn thành công, mặc cho có lệnh cấm, vét sạch Kistarcsa và Szarva: nhưng đó là một cử chỉ lấy danh dự. Các cuộc sơ tán đã chấm dứt. Còn có những trở ngại khác nữa: Horthy cách chức Endre và Baky, nhưng buộc phải, dưới sức ép của Đức, dùng lại họ; sau này nữa, cuối tháng Tám, ông ta bỏ Sztójay và thay thế bằng Lakatos, một

viên tướng bảo thủ. Nhưng tôi đã không còn ở đó từ lâu rồi: ốm, kiệt sức, tôi đã quay trở về Berlin và suy sụp hoàn toàn. Eichmann và các đồng nghiệp của mình đã sơ tán được bốn trăm nghìn Do Thái; trong số đó, chỉ năm mươi nghìn người được giữ lại phục vụ sản xuất (cộng thêm mười tám nghìn ở Viên). Tôi cảm thấy sững sốt, kinh hoàng trước sự thiếu năng lực, kém cỏi, thiếu ý chí đó. Eichmann, mặt khác, cũng không khá gì hơn tôi. Tôi gặp ông ta lần cuối cùng ở phòng làm việc của ông ta, hồi đầu tháng Bảy trước khi đi khỏi: ông ta vừa phấn khích lại vừa bị những nỗi nghi hoặc xâm chiếm. "Hungari, Obersturmbannführer, đó là kiệt tác của tôi. Ngay cả khi chúng ta phải dừng lại ở đây. Anh có biết tôi đã quét sạch bọn Do Thái khỏi bao nhiêu nước không? Pháp, Hà Lan, Bỉ, Hy Lạp, một phần nước Ý, Croatia. Tất nhiên là cả nước Đức nữa, nhưng cái đó thì dễ, chỉ đơn giản là một vấn đề kỹ thuật về vận chuyển. Thất bại duy nhất của tôi là Đan Mạch. Nhưng ở đây, tôi đã giao nhiều Do Thái cho Kastner hơn số mà tôi đã để chạy thoát ở Đan Mạch. Một nghìn tên Do Thái thì là gì? Là bụi. Bây giờ, tôi chắc chắn như vậy, bọn Do Thái sẽ không bao giờ gượng dậy được nữa. Ở đây thật là tuyệt vời, người Hungari mang tặng chúng cho chúng ta giống như là thứ bia chua, chúng ta chưa bao giờ có thể làm việc mau chóng đến như thế. Thật đáng tiếc là sẽ phải dừng lại, có thể là chúng ta sẽ còn được tiếp tục nữa." Tôi im lặng lắng nghe ông ta nói. Những cái tát làm mặt ông ta giật giật nhiều hơn bình thường, ông ta xoa mũi, cổ rút lại. Mặc cho những lời nói đầy kiêu ngạo đó, có vẻ như là ông ta đã quá mệt mỏi rồi. Đột nhiên, ông ta hỏi tôi: "Còn tôi, trong tất cả những cái đó? Tôi sẽ trở thành gì đây? Gia đình tôi sẽ trở thành gì đây?" Vài ngày trước đó, RSHA đã nghe trộm được một chương trình phát thanh của New York cung cấp những con số về người Do Thái bị giết ở Auschwitz, các số liệu khá gần với sự thật. Hẳn Eichmann phải biết việc đó, cũng như hẳn là ông ta phải biết rằng tên ông ta nằm trên tất cả các danh sách của kẻ thù chúng tôi. "Ông có muốn biết ý kiến chân thành của tôi không?" tôi nhẹ nhàng hỏi. – "Có, Eichmann đáp. Anh biết rất rõ, mặc cho tất cả

những mối bất đồng của chúng ta, là tôi vẫn luôn tôn trọng ý kiến của anh.” – “Vậy thì, nếu chúng ta thua trận, ông sẽ tiêu đời.” Ông ta ngẩng đầu lên: “Cái đó thì tôi biết. Tôi không tính đến chuyện sống sót được. Nếu chúng ta thua trận, tôi sẽ bắn một viên đạn vào đầu, tự hào vì đã thực hiện nghĩa vụ SS của mình. Nhưng nếu chúng ta không thua thì sao?” – “Nếu chúng ta không thua, tôi nói còn nhẹ nhàng hơn, thì ông sẽ cần thay đổi. Ông sẽ không thể tiếp tục như thế mãi được đâu. Nước Đức thời hậu chiến sẽ rất khác, rất nhiều cái sẽ thay đổi, sẽ có những nhiệm vụ mới. Ông sẽ phải tự thích ứng với chúng.” Eichmann im lặng và tôi xin cáo từ để quay về *Astoria*. Ngoài những cơn mất ngủ và đau nửa đầu, tôi còn bắt đầu có những cơn sốt, chúng biến đi nhanh giống hệt như khi đến. Việc làm cho tôi bị trầm cảm nặng nề là chuyến viếng thăm của hai con chó bulldog, Clemens và Weser, những người xuất hiện mà không báo trước tại khách sạn của tôi. “Các anh làm gì ở đây thế?” tôi kêu lên. – “À, Obersturmbannführer, Weser, hoặc cũng có thể là Clemens, tôi không nhớ nổi nữa, nói, chúng tôi đến để nói chuyện với ông.” – “Nhưng các anh muốn chúng ta nói gì nào? tôi đáp, đầy bức bối. Vụ việc đã khép lại rồi.” – “A, nhưng mà không phải thế đâu,” Clemens nói, tôi nghĩ vậy. Cả hai bỏ mũ ra và ngồi xuống mà không cần xin phép, Clemens trên một cái ghế tựa kiểu rococo quá nhỏ đối với thân hình to lớn của ông ta, Weser ngồi ở rìa cái divăng dài. “Ông không bị đưa vào điều tra, được rồi. Cái đó thì chúng tôi hoàn toàn chấp nhận thôi. Nhưng cuộc điều tra về những vụ giết người đó vẫn tiếp tục. Chúng tôi vẫn tìm em gái ông và bọn trẻ sinh đôi đó, chẳng hạn như vậy.” – “Ông có hình dung được không, Obersturmbannführer, rằng người Pháp đã gửi cho chúng tôi móc những thứ quần áo mà họ tìm được, ông nhớ chứ? Trong phòng tắm ấy. Nhờ đó, chúng tôi đã tìm đến được một thợ may tên tuổi, một người tên là Pfab. Ông đã từng đặt đồ may ở chỗ Herr Pfab phải không, Obersturmbannführer?” Tôi mỉm cười: “Tất nhiên rồi. Đó là một trong những thợ may tốt nhất của Berlin. Nhưng tôi báo trước với các anh: nếu các anh cứ

tiếp tục điều tra về tôi, sẽ sẽ yêu cầu Reichsführer làm cho các anh mất việc vì tội không tuân lệnh.” – “Ồ! Weser kêu lên. Không cần phải đe dọa chúng tôi đâu, Obersturmbannführer. Chúng tôi có theo dõi ông đâu. Chúng tôi chỉ muốn tiếp tục được có ông như một nhân chứng.” – “Chính xác đấy, Clemens nhả ra bằng cái giọng oang oang của mình. Như một nhân chứng.” Ông ta chìa quyển sổ cho Weser và tay này giở nó ra, rồi trả lại, ngón tay chỉ vào một trang. Clemens đọc, rồi chuyển sổ sang cho Weser. “Cảnh sát Pháp, Weser thì thầm, đã tìm thấy di chúc của Herr Moreau quá cố. Tôi xin được nói ngay với ông là không có tên ông. Em gái ông cũng không nốt. Herr Moreau đã để lại tất cả, tài sản của ông ấy, các xí nghiệp của ông ấy, ngôi nhà của ông ấy, cho bọn trẻ sinh đôi.” – “Chúng tôi, Clemens cầu nhàu, chúng tôi thấy việc này thật là kỳ cục.” – “Hoàn toàn đúng, Weser tiếp tục. Dù sao thì, theo những gì mà chúng tôi hiểu được, đó là những đứa bé được nhận về nuôi, có thể là từ gia đình của mẹ ông, có thể là không phải, nhưng dù thế nào thì cũng không phải là của gia đình ông ấy.” Tôi nhún vai: “Tôi đã nói với các anh rằng Moreau và tôi không thân thiết với nhau. Tôi không hề ngạc nhiên khi ông ấy không để lại gì cho tôi. Nhưng ông ấy không có con cái, không có gia đình. Hẳn là cuối cùng ông ấy đã cảm thấy gần gũi với bọn trẻ đó.” – “Cứ chấp nhận là như thế đi, Clemens nói. Cứ chấp nhận đi. Nhưng được rồi: có thể chúng là các nhân chứng của vụ án mạng, chúng được thừa kế, và chúng biến mất, nhờ em gái của ông, người có vẻ như vẫn chưa quay trở về Đức. Và cả ông nữa, ông không thể làm sáng tỏ chuyện đó một chút cho chúng tôi à? Ngay cả khi tất cả những cái đó không có liên quan gì đến ông đi nữa.” – “Meine Herren, tôi hắng giọng đáp, tôi đã nói cho các anh tất cả những gì mà tôi biết. Nếu các anh đến Budapest để hỏi tôi điều đó, thì các anh đã mất thời gian rồi.” – “Ồ, ông biết đấy, Weser giảo hoạt nói, người ta không bao giờ hoàn toàn mất thời gian đâu. Lúc nào người ta cũng tìm ra được điều gì đó hữu ích. Và rồi, chúng tôi thích nói chuyện với ông.” – “Đúng rồi, Clemens rúc lên. Thật là dễ chịu. Mặt khác, chúng tôi

sẽ tiếp tục.” – “Bởi vì, ông có thấy không, Weser nói, một khi người ta bắt đầu một việc gì đó, thì cần phải đi đến cùng.” – “Đúng rồi, Clemens đồng tình, nếu không thì sẽ chẳng ra sao cả.” Tôi không nói gì, tôi lạnh lùng nhìn họ, và cùng lúc tôi cảm thấy tràn ngập nỗi sợ hãi, bởi vì, tôi đã nhìn thấy điều đó, những kẻ lố lăng này tin chắc rằng tôi là kẻ tội phạm, họ sẽ không ngừng hành hạ tôi, cần phải làm điều gì đó. Nhưng gì? Tôi đã quá trầm uất để có thể phản ứng. Họ còn đặt thêm cho tôi vài câu hỏi về em gái tôi và chồng, mà tôi trả lời một cách lơ đãng. Rồi họ đứng dậy để đi. “Obersturmbannführer, Clemens nói, cái mũ đã nằm trên đầu ông ta, quả thực là rất vui vì được trò chuyện với ông. Ông là một người rất biết điều.” – “Chúng tôi hy vọng rằng đây sẽ không phải là lần cuối cùng, Weser nói. Ông tính sẽ sớm trở về Berlin chứ? Ông sẽ bị sốc đấy: thành phố không còn giống như trước đây nữa.”

Weser đã không nhầm. Tôi trở về Berlin trong tuần thứ hai của tháng Bảy để báo cáo các hoạt động của mình và đợi những chỉ thị mới. Ở đó tôi nhìn thấy các văn phòng của Reichsführer và của RSHA chịu thử thách nặng nề bởi các cuộc oanh tạc hồi tháng Ba và tháng Tư. Prinz-Albrecht-Palais đã hoàn toàn bị phá hủy bởi những quả bom có sức công phá lớn; SS-Haus vẫn còn đứng được, nhưng chỉ một phần, và phòng làm việc của tôi lại một lần nữa phải chuyển đi, đến một khu phụ của Bộ Nội vụ. Cả một cánh cửa trụ sở *Staatspolizei* đã cháy, những vết nứt lớn chạy ngoằn ngoèo trên tường, các thanh gỗ bịt lấy những khoảng trống cửa sổ hoặc miệng; phần lớn các ban và bộ phận đã được tản ra các ngoại ô hoặc thậm chí là những ngôi làng xa xôi. Các *Häftling* vẫn đang làm công việc sơn lại những hành lang và cầu thang và dọn đồng gạch vữa của các văn phòng bị phá hủy; mặt khác nhiều người trong số họ đã bị giết trong một cuộc ném bom hồi đầu tháng Năm. Trong thành phố, với những người còn ở lại, cuộc sống rất nặng nề. Gần như không còn nước máy nữa, mỗi

ngày những người lính chuyển hai xô nước cho các gia đình gặp thiếu thốn, không có điện, không có ga. Các công chức đến chỗ làm còn khó nhọc hơn trước, phải quần quanh đầu những cái khăn để tự bảo vệ mình khỏi làn khói lưu cữu của những đám cháy. Tuân theo sự tuyên truyền ái quốc của Goebbels, những người phụ nữ không còn đội mũ, cũng như không mặc quần áo quá đắt tiền nữa; những người cả gan trang điểm đi ra đường đều bị la ó. Những trận oanh tạc lớn gồm hàng trăm máy bay đã kết thúc được ít lâu; nhưng những cuộc tấn công nhỏ vẫn tiếp tục với đám Mosquito, không thể dự đoán trước, gây mệt mỏi. Cuối cùng chúng tôi cũng đã bắn những quả tên lửa đầu tiên vào Luân Đôn, không phải là những quả tên lửa của Speer và của Kammler, mà là những quả nhỏ của Luftwaffe mà Goebbels đã đặt tên là V-1 có nghĩa là *Vergeltungswaffe*, "vũ khí trả đũa"; chúng chỉ gây được một ít hiệu ứng lên tinh thần của người Anh, và càng ít hơn đối với các thường dân của chúng tôi, đã quá mệt mỏi với những cuộc không kích ở miền Trung nước Đức và các thông tin thảm hại từ mặt trận, cuộc đổ bộ thành công lên Normandie, Cherbourg thất thủ, mất Monte Cassino, và cuộc tháo chạy khỏi Sébastopol, hồi cuối tháng Năm. Wehrmacht vẫn còn im tiếng về trận đánh chọc thủng vòng vây khủng khiếp ở Belarus, ít người biết chuyện đó, ngay cả khi tin đồn đã đầy rẫy khắp nơi, những gì còn cách rất xa sự thật, nhưng tôi thì biết được tất cả, nhất là khi chỉ trong ba tuần người Nga đã đến được bờ biển, rằng tập đoàn quân Bắc đã bị cô lập ở Baltic và tập đoàn quân Trung tâm bị xóa sổ hoàn toàn. Trong bầu không khí u ám đó, Grothmann, trợ tá của Brandt, dành cho tôi một cuộc đón tiếp lạnh nhạt, gần như là khinh bỉ, có vẻ như ông ta muốn chê trách tôi với tư cách cá nhân về những kết quả kém cỏi của Einsatz Hungari, và tôi để yên cho ông ta nói, tôi đã quá rệu rã tinh thần để có thể trả lời. Bản thân Brandt thì đang ở Rastenburg cùng Reichsführer. Các đồng nghiệp của tôi như thể đang ở trong cơn hoang mang, không ai biết rõ là mình phải đi đâu hoặc cần phải làm gì. Speer, kể từ khi ốm dậy, chưa lần nào tìm cách liên lạc lại với tôi, nhưng tôi vẫn nhận bản sao

những bức thư giận dữ của ông ta gửi cho Reichsführer: từ đầu năm, Gestapo đã bắt hơn ba trăm nghìn người vì nhiều tội khác nhau, trong đó có hai trăm nghìn nhân công nước ngoài, những người được bổ sung vào dân số các trại; Speer buộc tội Himmler là đã cướp mất nguồn nhân lực của ông ta và dọa sẽ báo lại điều đó cho Führer. Các nơi chúng tôi thường xuyên có quan hệ công việc khác cũng đổ dồn về những lời phàn nàn và phê phán, nhất là *Jägerstab*, đang tự cho là mình bị khinh thường một cách cố ý. Những bức thư hoặc yêu cầu của chính chúng tôi chỉ nhận được những lời phúc đáp hờ hững. Nhưng tôi cũng không quan tâm nữa, tôi đọc lướt qua đồng thư từ đó mà không hiểu nổi đến một nửa nội dung. Trong đồng thư từ đang chờ đợi tôi, tôi tìm được một lá thư của thẩm phán Baumann: tôi vội xé phong bì, rút từ trong đó ra một bức thư ngắn gọn lành và một bức ảnh. Đó là bản sao một tấm ảnh cũ, lấm tấm hạt, hơi mờ, các màu sắc tương phản rất mạnh; trong đó có thể nhìn thấy những người đàn ông cưỡi ngựa trên tuyết, với những bộ quân phục kỳ cục, những cái mũ sắt, những cái mũ cát kết thủy quân, những cái mũ bonnê bằng len astrakan; Baumann đã vạch một hình chữ thập bằng mực phía trên một trong những người đàn ông đó, người mặc một cái măng tô dài và đeo lon sĩ quan; khuôn mặt hình ôvan và nhỏ xíu của ông ta hoàn toàn không thể nhìn rõ, không thể nhận diện được. Sau lưng, Baumann đã viết ghi chú COURLANDE, DƯỚI WOLMAR, 1919. Bức thư lịch thiệp của ông ta không mang lại điều gì mới cho tôi.

Tôi gặp may: căn hộ của tôi vẫn còn. Lại thêm một lần nữa nó không còn lấy một mảnh kính, bà hàng xóm của tôi đã bịt các cửa sổ lại một cách được chăng hay chớ với những thanh gỗ và vải bạt; trong phòng khách, những cửa kính của tủ buypphê đã bay mất, trần nhà rạn nứt và đèn chùm đã rơi; trong phòng tôi ngự trị một thứ mùi cháy khét văng đầy, vì căn hộ bên cạnh đã bị bắt lửa khi một quả bom cháy rơi vào qua cửa sổ; nhưng nó vẫn còn ở được và thậm chí là sạch sẽ: bà hàng xóm của tôi, Frau Zempke, đã lau rửa tất cả và cho sơn trắng lại các bức tường để

che đi những vết khoi, những cái đèn dầu, được đánh bóng lại và lau chùi, đặt thành hàng trên mặt tủ buypphê, một cái thùng và nhiều bidông nước để đầy chậ phòng tắm. Tôi mở cánh cửa thấp và tắt cả các cửa sổ khung không được đóng đinh chặt lại, để tận dụng ánh sáng cuối ngày, rồi xuống cảm ơn Frau Zempke, và đưa tiền cho bà vì đã làm tất cả những việc kia – hẳn là bà thích có đồ ăn nguội Hungari hơn, nhưng lại thêm một lần nữa tôi lại không nghĩ gì đến việc đó – và cả những phiếu thực phẩm để bà có thể chuẩn bị các bữa ăn cho tôi: những cái phiếu này, bà giải thích, sẽ không được nhiều ích lợi gì đâu, cửa hàng nơi phần lớn mọi người đã đăng ký không còn tồn tại nữa, nhưng nếu tôi đưa thêm cho bà một ít tiền, thì bà sẽ xoay sở được. Tôi lên tầng. Tôi kéo một cái ghế phôtô ra ngoài cái ban công trống hoác, đó là một buổi tối yên tĩnh và đẹp đẽ của mùa hè, có đến một nửa số tòa nhà xung quanh chỉ còn lại những mặt tiền trống rỗng và câm lặng hoặc là những đồng đồ nát, và tôi ngắm nhìn thật lâu cái khung cảnh tận thế đó, công viên, dưới chân tòa nhà, rất im ắng, chắc là tất cả bọn trẻ con đều đã được gửi về nông thôn cả rồi. Thậm chí tôi còn không bật nhạc, để tận dụng thêm một chút sự dịu dàng và yên tĩnh này. Frau Zempke mang xúc xích, bánh mì, và một ít xúp lên cho tôi, xin lỗi vì không thể làm được gì hơn, nhưng như vậy đã rất đủ cho tôi rồi, tôi đã lấy bia ở quầy ăn củ a *Staatspolizei* và vừa ăn vừa uống một cách ngon lành, bị cuốn vào ảo ảnh lạ lùng là mình đang trôi nổi trên một hòn đảo nhỏ, một cảnh nhỏ yên bình giữa một thảm họa. Sau khi dọn dẹp bát đĩa, tôi rót một cốc lớn thứ schnaps chất lượng tồi, châm một liều thuốc, và ngồi xuống, lần tìm trong túi áo cái phong bì của Baumann. Nhưng tôi không rút nó ra ngay, tôi ngắm nhìn những trò chơi ánh sáng của buổi chiều tối lên đồng đồ nát, cái thứ ánh sáng xiên xiên kéo dài nhuộm vàng của các mặt tiền đá vôi và chiếu qua những cửa sổ mở toang để đi vào rồi lên đồng hỗn loạn những xà nhà cháy sém và các vách ngăn đã sụp. Trong một vài căn hộ, vẫn còn có thể nhìn thấy những dấu vết cuộc sống đã từng có ở đó: một cái khung với một bức ảnh hoặc một bức tranh chép vẫn còn treo trên

tường, giấy dán tường bị xé nham nhở, một cái bàn nằm chênh vênh trên khoảng không với cái khăn trải kẻ caro hai màu đỏ và trắng, một cột lò sưởi bằng gốm vẫn được gắn khít vào tường ở mỗi tầng, trong khi tất cả ván nhà đều đã biến mất. Đây đó, vẫn có những người đang sống: có thể nhìn thấy quần áo phơi ở một cửa sổ hoặc một ban công, những chậu hoa, khói từ một ống khói. Mặt trời nhanh chóng xuống sau các tòa nhà tối tăm, chiếu lên những cái bóng to lớn bị biến dạng một cách kỳ quái. Đây rồi, tôi tự nhủ, đây chính là những gì còn lại của thủ đô của Reich thiên kỷ của chúng tôi; dù cho có gì xảy đến, chúng tôi cũng sẽ không có đủ thời gian trong cuộc đời còn lại để tái thiết. Rồi tôi bật vài cái đèn dầu đặt gần chỗ ngồi và cuối cùng cũng rút bức ảnh từ trong túi áo ra. Tấm ảnh này, tôi phải thú nhận, làm tôi sợ: dù cho có cố nhìn kỹ đến mấy, tôi cũng không nhận ra người đàn ông với khuôn mặt, dưới chiếc mũ cát kết của mình, chỉ còn lại là một vệt trắng, không hoàn toàn dị dạng, vẫn còn có thể nhìn thấy một cái mũi, một cái miệng, đôi mắt, nhưng không có các đường nét, không có gì rõ rệt, đó có thể là mặt của bất kỳ ai, và tôi không hiểu nổi, trong khi uống cốc schnaps của mình, tại sao điều đó lại có thể, bằng cách nào, trong lúc nhìn bức ảnh xấu xí được sao lại một cách cầu thả này, tôi lại không thể bật phát mà tự nhủ, không chút do dự, rằng: Đúng rồi, đây là bố, hoặc là: Không, đây không phải là bố tôi, sự nghi ngờ đó với tôi là không thể chịu đựng được, tôi đã uống xong cốc rượu và rót một cốc khác, tôi vẫn nhìn chăm chăm bức tranh, lục tìm trong ký ức để tập hợp những mảnh nhỏ về bố tôi, về vẻ ngoài của ông, nhưng cứ như thể các chi tiết chạy trốn khỏi nhau và tuột mất khỏi tay tôi, cái vệt màu trắng trên bức ảnh đẩy chúng đi như hai đầu nam châm có cùng điện cực, làm chúng tách khỏi nhau, làm chúng hao mòn đi. Tôi không có ảnh chân dung nào của bố tôi: không lâu sau khi bố tôi đi khỏi, mẹ tôi đã xé hết chúng. Và giờ đây bức ảnh mơ hồ và không thể nắm bắt này làm sụp đổ nốt những kỷ niệm còn lại ở trong tôi, thay thế sự hiện diện sống động của ông bằng một hình ảnh mờ mịt và đồng chất. Tức giận, tôi xé bức ảnh thành nhiều mảnh và ném chúng ra

khỏi ban công. Rồi tôi uống cạn cốc rượu và rót ngay một cốc nữa. Tôi toát mồ hôi, tôi muốn được nhảy thoát ra khỏi người mình, khỏi bộ da quá chật hẹp để có thể chứa đựng sự tức giận và nỗi hoang mang của tôi. Tôi cởi quần áo và trần truồng ngồi trước cái ban công trống hoác, thậm chí còn không buồn thổi tắt những ngọn đèn. Cầm lấy dương vật và hai biau dái của mình trên một tay, giống như một con chim sẻ nhỏ bị thương mà người ta nhặt được trên một cánh đồng, tôi uống hết cốc này sang cốc khác và hút thuốc điên dại; khi hết chai rượu, tôi nằm lấy cổ chai và ném đi thật xa, về phía công viên, không buồn lo lắng xem nhỡ ra dưới đó có những người đang đi dạo. Tôi muốn tiếp tục ném đi các thứ đồ vật, vứt hết đồ ở trong căn hộ, dọn sạch các thứ đồ đạc. Tôi đi vãi một ít nước lên mặt và, nâng cái đèn dầu lên, tôi nhìn mình trong gương: những đường nét của tôi bọt bọt, tan tành, tôi có cảm giác mặt tôi đang tan ra như một thứ sáp bị sức nóng của sự xấu xí và nỗi căm ghét làm nóng chảy, hai mắt tôi sáng lóa lên như hai hòn sỏi đen gắn vào khoảng giữa của những hình thù lem nhem không chút ý nghĩa đó, không gì còn ăn nhập với nhau được nữa. Tôi hất cánh tay ra đằng sau và ném cái đèn thẳng vào tấm gương khiến nó vỡ tan, một ít dầu nóng phụt ra, làm tôi bị bỏng ở vai và cổ. Tôi quay trở lại phòng khách và nằm euộn tròn trên divăng. Tôi run lên, răng tôi va lập cập vào nhau. Tôi không biết mình đã tìm đâu ra sức lực để có thể vào được giường, chắc chắn là bởi vì nếu không thì tôi sẽ chết lạnh, tôi chui vào dưới đồng chăn nhưng điều đó cũng không làm thay đổi được gì nhiều. Da thịt tôi bứt rứt, những cơn run rẩy làm lưng tôi chao đảo, những cơn chuột rút rạch thẳng vào gáy tôi và làm tôi rên rỉ vì khó chịu, và tất cả các cảm giác đó dâng lên thành từng đợt sóng lớn, cuốn tôi vào trong một làn nước màu xanh lục và đục ngầu, và mỗi lúc tôi lại nghĩ rằng không thể nào còn có thể tệ hơn được nữa, rồi tôi lại bị cuốn đi và đến một nơi từ đó tất cả những đau đớn và cảm giác trước đó như thể gần như là dễ chịu, một sự đổi hờn vớ vẩn của trẻ con. Miệng tôi khô khốc, tôi không thể tách được lưỡi ra khỏi cái vỏ đắng nghét xung quanh nó nữa,

nhưng đứng dậy để đi tìm nước uống thì tôi cũng không đủ sức. Tôi cứ lang thang mãi như vậy trong những khu rừng rậm rạp của con sốt, cơ thể tôi bị ám ảnh bởi những hình dung xưa cũ: với những cơn run và chuột rút, một dạng cuồng nộ dục tình chạy suốt qua cơ thể đang tê liệt của tôi, lỗ đít tôi râm ran như bị kim châm, dương vật tôi dựng đứng lên một cách đau đớn, nhưng tôi không thể làm được cách nào để làm nó mềm xuống, giống như là tôi đang cầm lấy dương vật mà giật lắc trong khi tay cầm đầy mảnh thủy tinh vỡ, tôi để mặc chuyện đó cũng như mọi chuyện khác. Vào một số thời điểm, những luồng sóng dữ dội và trái ngược đó khiến tôi trườn vào trong giấc ngủ, bởi vì những hình ảnh đáng sợ xâm chiếm lấy tâm trí tôi, tôi đang là một thằng bé con trần truồng; ngồi ỉa trên tuyết, và tôi ngẩng đầu lên để nhìn thấy mình đang bị vây xung quanh bởi những kỵ sĩ có mặt bằng đá, mặc áo măng tô thời Thế chiến thứ nhất nhưng lại cầm những cái thương dài chứ không phải là súng trường, và câm lặng mà phán xét hành vi không thể chấp nhận được của tôi, tôi muốn chạy trốn, nhưng không thể, họ đã tạo thành một vòng tròn xung quanh tôi, và trong nỗi kinh hoàng tôi giẫm luôn chân vào đồng cốt của mình, làm người mình bị vấy bẩn trong lúc một trong các kỵ binh với những đường nét mờ ảo tách ra khỏi nhóm và tiến về phía tôi. Nhưng hình ảnh đó biến mất đi, hẳn là tôi vừa đi vào và bước ra khỏi giấc ngủ và những hình ảnh gây ngạt thở đó như một người đang bơi, trên mặt biển, từ phía này hay phía kia đi qua đường biên giới giữa nước và không khí, thỉnh thoảng tôi thấy lại cơ thể vô tích sự của mình, mà tôi những muốn vứt đi khỏi giống như người ta cởi một cái áo măng tô ướt ra, rồi tôi lại bước vào trong một câu chuyện bùng nổ và rối bời khác, trong đó một cảnh sát nước ngoài truy đuổi tôi, nhét tôi vào trong một cái xe hòm đi ngang qua một vách đá, tôi cũng không biết lắm nữa, có một ngôi làng, những ngôi nhà bằng đá dựng trên một sườn núi và xung quanh những cây thông và cây bụi, có thể là một ngôi làng xa xôi hẻo lánh vùng Provence, và tôi ham muốn cái đó, một ngôi nhà trong cái làng đó và sự yên bình mà nó có

thể mang đến cho tôi, và sau nhiều trở ngại kéo dài tình hình của tôi đã tìm ra được một giải pháp, những viên cảnh sát đáng sợ biến đi, tôi đã mua ngôi nhà thấp nhất của làng, với một khu vườn và một sân hiên rồi đến khu rừng thông xung quanh, ôi cái hình ảnh Épinal dịu dàng, và vậy là đã đêm, có một trận mưa sao băng trên bầu trời, những tảng thiên thạch đang bùng cháy với một thứ ánh sáng hồng hoặc đỏ và chậm chậm rơi xuống, theo chiều thẳng đứng, giống như những tia lửa đang tắt dần của một màn pháo hoa, một tấm riđô to lớn óng ánh, và tôi ngắm nhìn những cái đó, và những đường đạn đầu tiên trong số những đường đạn vũ trụ đó chạm xuống mặt đất và ở chỗ đó các loại kỳ hoa dị thảo bắt đầu mọc lên, những thứ cây cối sặc sỡ màu sắc, đỏ, trắng, với những cái đốm, dày và mập như một số loài tảo, chúng trải rộng ra và vươn lên bầu trời với một tốc độ chóng mặt, đến được những độ cao hàng trăm mét, phóng ra những cơn mưa hạt đến lượt mình lại sinh ra những thứ cây cối tương tự bắt rễ xuống, rồi lại mọc lên theo chiều thẳng đứng nhưng nghiền nát tất cả những gì ở xung quanh chúng bằng lực của sự lớn lên không thể ngăn cản nổi, cây cối, nhà cửa, xe cộ, và tôi ngắm nhìn những cái đó, sợ hãi, một bức tường khổng lồ những thứ cây cối này giờ đây đã lấp đầy đường chân trời cái nhìn của tôi và trải rộng ra theo tất cả các hướng, và tôi hiểu rằng sự kiện này, cái với tôi từng có vẻ hết sức vô hại, trên thực tế chính là thảm họa tối hậu, những thứ cây cối này, đến từ vũ trụ, đã tìm được ở mặt đất của chúng ta và khí quyển của chúng ta một môi trường vô cùng thích hợp cho chúng và chúng cứ tự nhiên lên với một tốc độ chóng mặt, chiếm lĩnh toàn bộ khoảng không còn trống và tán nhỏ tất cả những gì ở dưới chúng, một cách mù quáng, không chút ác tâm, chỉ đơn giản là bởi lực từ xung năng sống và tăng trưởng của chúng, không gì có thể ngăn chúng lại, và trong vài ngày mặt đất sẽ biến mất dưới chúng, tất cả những gì đã làm nên cuộc sống của chúng ta và lịch sử của chúng ta và nền văn minh của chúng ta sẽ bị xóa sổ bởi những thứ cây cối háu đói đó, thật là ngu xuẩn, một tai nạn bất hạnh, nhưng người ta sẽ không bao

giờ có thời gian để tìm ra một cách chống đỡ, toàn nhân loại sẽ bị xóa sổ. Những tảng thiên thạch tiếp tục rơi xuống và bắn ra những tia sáng, đâm cây cối, với một sức sống điên rồ, thả phanh, leo lên về phía bầu trời, tìm cách lấp đầy toàn bộ bầu khí quyển với chúng là vô cùng kích thích đó. Và khi đó thì tôi hiểu ra, nhưng cũng có thể là phải một lúc sau, khi đã ra khỏi giấc mơ đó, rằng chuyện này là đúng, rằng đó là quy luật của mọi sinh thể sống, mỗi thứ tạo tác hữu cơ đều chỉ tìm cách sống và tự tái tạo, không một chút tình quái nào, các loài trực khuẩn Koch đã gặm nhấm những lá phổi của Pergolèse và Purcell, của Kafka và Tchekhov không hề nuôi dưỡng một ác tâm nào đối với họ, chúng không muốn gây điều xấu cho những vật chủ của mình, nhưng đó là quy luật của sự sống còn và phát triển của chúng, hoàn toàn giống như chúng ta chiến đấu chống lại các loài trực khuẩn đó với những thứ thuốc men mà người ta tạo ra hàng ngày, không một chút căm ghét, để cho sự sống còn của chúng ta, và toàn bộ cuộc đời của chúng ta cũng được xây dựng trên việc giết đi những sinh thể khác, những sinh thể cũng muốn được sống, các loài thú mà chúng ta ăn thịt, cả các loại cây nữa, những loài côn trùng mà chúng ta tận diệt, dù cho chúng thực sự là nguy hiểm, chẳng hạn như bọ cạp hoặc lũ rận, hoặc chỉ đơn giản là vì chúng gây phiền nhiễu, như là những con muỗi, cái vết thương của con người đó, kẻ đã không giết một con muỗi mà sự vo ve gây bực mình làm phiền anh ta trong khi đọc sách, đó không phải là sự tàn nhẫn, đó là quy luật của cuộc sống chúng ta, chúng ta mạnh hơn các loài sinh vật sống khác và nắm giữ trong tay sự sống và sự chết của chúng, những con bò cái, những con gà, những cánh lúa mì tồn tại trên mặt đất là để phục vụ cho chúng ta, và thật bình thường khi giữa chúng ta với nhau chúng ta cũng cư xử giống như vậy, khi mà mỗi nhúm người lại muốn tận diệt những kẻ chống lại họ trên trái đất, nước, không khí, tại sao, quả thực là như vậy, lại đối xử tốt với một tên Do Thái hơn là với một con bò cái hoặc một con khuẩn Koch, nếu chúng ta có thể làm vậy, và nếu như tên Do Thái có thể thì hẳn ta cũng sẽ làm điều tương tự với chúng ta, hoặc với

những kẻ khác, để đảm bảo được cuộc sống của mình, đó là quy luật của mọi thứ, cuộc chiến tranh thường trực khi tất cả chống lại tất cả, và tôi biết rằng suy nghĩ này không có gì là độc đáo, rằng nó đã gần như là một thứ công thức sáo mòn của thứ chủ nghĩa Darwin sinh học hay xã hội, nhưng đêm đó trong giấc mơ của mình sức mạnh chân lý của nó đã gây chấn động lên tôi như chưa từng vậy bao giờ trước đó hoặc sau này, được thúc đẩy bởi giấc mơ đó, nơi nhân loại phải chịu gục ngã trước một thứ thực vật có sức sống mạnh hơn sức sống của nó, và dĩ nhiên là tôi cũng hiểu rằng cái quy tắc này cũng đúng cho tất cả mọi người, rằng nếu những kẻ khác quả thực là mạnh hơn chúng tôi thì đến lượt họ cũng sẽ làm với chúng tôi những gì chúng tôi đã làm với những kẻ khác, và rằng trước những đợt trào dâng đó những thanh barie mỏng manh mà con người dựng lên để tìm cách điều chỉnh cuộc sống chung, các đạo luật, công lý, đạo đức, luân lý, không còn mấy vai trò, rằng bất kỳ một nỗi sợ hay bất kỳ một xung năng mạnh mẽ một chút nào cũng đủ sức làm chúng nổ tung lên như một thanh barie làm bằng rơm, nhưng khi đó thì những người đi được bước đầu tiên sẽ không được phép trông chờ rằng những kẻ khác, khi đến lượt mình, sẽ tôn trọng công lý và các luật lệ, và tôi sợ, bởi vì chúng tôi đang thất bại trong cuộc chiến tranh này.

Tôi đã để mở các cửa sổ và bình minh dần rót ánh sáng vào trong căn hộ. Một cách chậm rãi, những đợt run rẩy của cơn sốt dẫn tôi về phía ý thức về cơ thể tôi, những tấm ga trải giường ướt đầm đang bao bọc lấy nó. Một cơn mót dữ dội làm tôi tỉnh hẳn dậy. Tôi cũng không biết rõ lắm là bằng cách nào mà mình lại lẻ được đến tận phòng tắm, ngồi được lên bồn cầu để phóng tất cả từ trong người ra, một đợt ỉa chảy dài như thể không còn chấm dứt được nữa. Khi cuối cùng nó cũng ngừng thì tôi lau chùi một cách được chẳng hay chớ, cầm lấy cái cốc hơi bẩn mà tôi dùng để cầm bàn chải đánh răng, mà lúc luôn nước từ xô để uống ừng ực cái thứ nước tồi tệ mà với tôi lại giống với thứ nước suối trong nhất; nhưng đổ phần nước còn lại trong xô vào bồn cầu đầy những thứ bẩn thỉu (dây giặt nước từ lâu đã không chạy nữa) thì

tôi không đủ sức. Tôi quay trở lại rúc vào đồng chăn và run lên một cách dữ dội, rất lâu, cả người nặng trĩu vì nỗ lực. Sau đó tôi nghe thấy tiếng gõ cửa: chắc đó là Piontek, mà thường thì tôi vẫn xuống dưới phố để tìm, nhưng tôi không còn đủ sức để đứng dậy nữa. Con sốt đến rồi đi, khi thì khô khốc và gần như là dịu dàng, lúc lại là cả một lò lửa lớn đổ ập xuống người tôi. Điện thoại đổ chuông nhiều lần, mỗi tiếng chuông lại xoáy màng nhĩ tôi giống như một con dao, nhưng tôi không thể làm được gì, cả trả lời lẫn ngắt nó đi. Con khát quay trở lại ngay lập tức và chiếm lĩnh mất một phần lớn sự chú ý của tôi, cái sự chú ý giờ đây đã gần như tách biệt hẳn khỏi tất cả, đang hồ hững nghiến cứu các triệu chứng của tôi, giống như là từ bên ngoài. Tôi biết rằng nếu mình không làm gì, nếu không có ai đến, tôi sẽ chết ở đây, trên cái giường này, giữa vũng cứt đái, bởi vì, không thể đứng dậy được nữa, tôi sẽ nhanh chóng phọt ra tất cả ngay ở đây. Nhưng ý nghĩ đó không làm tôi buồn khổ, không hề gây cho tôi chút thương xót hay sợ hãi nào, tôi chỉ cảm thấy niềm khinh bỉ đối với cái mà tôi đã trở thành và không muốn việc đó kết thúc, cũng không muốn nó tiếp tục. Giữa những suy nghĩ dài dòng của tâm trí ốm yếu của tôi, giờ đây ánh sáng đã chiếu sáng cả căn hộ, cửa mở ra và Piontek bước vào. Tôi cứ tưởng anh ta là một ảo ảnh và chỉ ngây ngô mỉm cười khi anh ta nói với tôi. Anh ta tiến lại gần giường của tôi, chạm tay vào trán tôi, phát âm thật rõ từ "Khốn thật," và gọi Frau Zempke, hẳn là người đã mở cửa cho anh. "Đi lấy nước đi," anh ta nói với bà. Rồi tôi nghe thấy tiếng anh ta gọi điện thoại. Anh ta quay trở lại chỗ tôi: "Ông có nghe thấy tôi nói không, Herr Obersturmbannführer?" Tôi gật đầu. "Tôi đã gọi đến văn phòng. Một bác sĩ sẽ tới. Trừ khi ông thích tôi chở ông đến bệnh viện hơn?" Tôi lắc đầu. Frau Zempke trở lại với một bình nước; Piontek rót nước vào một cái cốc, nâng đầu tôi lên, và cho tôi uống một chút. Một nửa cốc đổ xuống ngực tôi và đồng chăn. "Nửa đi," tôi nói. Tôi cứ uống như vậy nhiều cốc, việc đó mang lại sự sống cho tôi. "Cám ơn," tôi nói. Frau Zempke đóng các cửa sổ lại. "Để chúng mở đi," tôi ra lệnh. – "Ông có muốn ăn gì

không?" Piontek hỏi. – "Không," tôi đáp và thả mình rơi xuống cái gối dựa ướt đầm. Piontek mở tủ, rút ra đồng khăn trải giường sạch, và bắt tay vào việc thay ga. Ga khô mát, nhưng quá ráp đối với lớp da đã trở nên nhạy cảm vô độ của tôi, tôi không thể tìm được một tư thế nào dễ chịu. Một lúc sau, một bác sĩ SS đến nơi, một viên Hauptsturmführer mà tôi không quen. Anh ta kiểm tra tôi từ đầu đến chân, đo mạch cho tôi, nghe nhịp tim – thứ kim loại lạnh ngắt của cái ống nghe làm da tôi bỏng cháy – đo nhiệt độ, gõ gõ lên ngực tôi. "Anh phải đến bệnh viện thôi," cuối cùng anh ta tuyên bố. – "Tôi không muốn," tôi nói. Anh ta bĩu môi: "Anh có ai đó có thể chăm sóc không? Tôi sẽ tiêm một mũi, nhưng anh sẽ phải uống nhiều thuốc, uống nước hoa quả ép, ăn canh." Piontek đi nói chuyện với Frau Zempke, người đã xuống nhà, rồi quay lại nói rằng bà đồng ý lo việc này. Viên bác sĩ giải thích về bệnh tình của tôi, nhưng hoặc là tôi không hiểu gì lời lẽ của anh ta, hoặc là tôi đã quên ngay lập tức, tôi không nắm được gì từ lời chẩn bệnh cả. Anh ta tiêm cho tôi một mũi, đau ghê gớm. "Ngày mai tôi sẽ quay lại, anh ta nói. Nếu cơn sốt không hạ, tôi sẽ cho anh vào bệnh viện." – "Tôi không muốn nằm viện," tôi thì thầm. – "Tôi xin đảm bảo với anh rằng điều đó với tôi chả hề quan trọng tẹo nào," anh ta nói vẻ nghiêm khắc. Rồi anh ta đi khỏi. Piontek có vẻ bối rối. "Được rồi, Herr Obersturmbannführer, tôi sẽ đi xem có thể tìm được mấy thứ cho Frau Zempke không." Tôi gật đầu và anh ta cũng đi khỏi. Một lúc sau, Frau Zempke xuất hiện với một bát canh mà bà bắt tôi phải nuốt vài thìa. Thứ rước ẩm sền sệt trào ra khỏi miệng tôi, chảy xuống cái cằm đã bị một bộ râu cứng đờ xâm chiếm, Frau Zempke kiên nhẫn lau mặt và bắt đầu lại. Rồi bà cho tôi uống nước. Viên bác sĩ đã giúp tôi đi tiểu, nhưng những cơn quặn ruột đã trở lại; sau đợt điều trị ở Hohenlychen, tôi đã đánh mất toàn bộ sự thẹn thùng về vấn đề này, tôi vừa xin lỗi vừa yêu cầu Frau Zempke giúp tôi, và người đàn bà đã nhiều tuổi này đã làm việc đó mà không hề tỏ ra ghê tởm, giống như là với một đứa bé con vậy. Cuối cùng bà để tôi lại một mình và tôi lại trôi nổi trên cái giường. Giờ đây tôi đã cảm thấy nhẹ nhõm, bình thản,

hắn là mũi tiêm đã làm tôi nhẹ nhõm đi một chút, nhưng người tôi không còn chút sức lực nào, chiến thắng được trọng lượng của cái chăn để giờ tay lên là một việc vượt quá sức lực của tôi. Tôi cũng không để ý đến việc đó, tôi để mặc cho mình trôi đi, tôi bình thần đắm mình vào cơn sốt và ánh sáng dịu dàng của mùa hè, bầu trời xanh đang choán hết những khung cửa sổ mở toang, trống rỗng và bình yên. Trong suy nghĩ, tôi kéo vào xung quanh mình không chỉ là đồng ga trải giường và chăn mà là cả toàn bộ căn hộ, tôi lấy chúng bao bọc người mình, thật là nóng ấm và ân cần, giống như một cái tử cung mà lẽ ra không bao giờ tôi muốn ra khỏi, cái thiên đường mờ tối, cảm lạnh, co giãn được, chỉ chuyển động theo nhịp đập trái tim và của dòng máu chảy, một bản giao hưởng hữu cơ kỳ vĩ, tôi không cần đến Frau Zempke, mà là một cái dây nhau thai, tôi tắm trong mồ hôi của mình như trong bọc nước ối, tôi những muốn sự sinh ra đời không hề tồn tại. Thanh kiếm rực lửa đuổi tôi ra khỏi chốn địa đàng đó là giọng nói của Thomas: "Kìa! Trông cậu không được khỏe cho lắm." Cả anh cũng dựng tôi ngồi dậy, cho tôi uống một chút nước. "Cậu phải đến bệnh viện thôi," anh cũng nói giống như những người khác. – "Tớ không muốn đến bệnh viện," tôi trả lời một cách ngu xuẩn, bướng bỉnh. Anh nhìn xung quanh, ra ngoài ban công, quay trở vào. "Cậu sẽ làm gì nếu có báo động? Cậu sẽ không bao giờ có thể xuống được hầm đâu." – "Tớ chẳng thiết." – "Thế thì ít nhất cũng đến nhà tớ đi. Hiện giờ tớ ở Wannsee, cậu sẽ được yên tĩnh. Bà quản gia của tớ sẽ lo cho cậu." – "Không." Anh nhún vai: "Như cậu muốn thôi." Tôi lại muốn đi tiểu, tôi lợi dụng anh đang có ở đó để bắt anh phải giúp đỡ. Anh còn muốn nói chuyện với tôi nữa, nhưng tôi không trả lời. Cuối cùng anh đi khỏi. Một lúc sau, Frau Zempke quay lại xăng xái xung quanh tôi: tôi để mặc mọi chuyện với một sự bàng quan u tối. Buổi tối, Hélène xuất hiện trong phòng tôi. Cô cầm theo một cái vali nhỏ và đặt nó xuống ở gần cửa; rồi, một cách chậm rãi, cô rút cái ghim mũ và lắc lắc mái tóc dày màu vàng, hơi lượn sóng, mắt vẫn không rời khỏi tôi. "Cô làm cái quái gì ở đây thế?" tôi hỏi một cách sổ sảng.

– “Thomas đã báo tin cho tôi. Tôi đến để chăm sóc anh.” – “Tôi không muốn người ta chăm sóc cho tôi, tôi cầu nhau. Frau Zempke là đủ rồi.” – “Frau Zempke có một gia đình phải chăm lo và không thể lúc nào cũng ở đây được. Tôi sẽ ở lại đây cùng anh cho đến khi nào anh khỏe hơn.” Tôi nhìn cô chằm chằm về độc ác: “Cô đi đi!” Cô đến ngồi trên giường và cầm lấy tay tôi; tôi muốn rút nó ra, nhưng không đủ sức. “Người anh nóng quá.” Cô đứng dậy, cởi áo vest, treo nó lên lưng dựa của một cái ghế, rồi đi nhúng nước một cái khăn và quay trở lại đặt nó lên trán tôi. Tôi im lặng để mặc cô làm. “Dù sao, cô nói, tôi cũng không có nhiều việc để làm. Tôi có nhiều thời gian. Cần phải có ai đó ở đây với anh.” Tôi không nói gì. Trời đã tối. Cô cho tôi uống, tìm cách cho tôi ăn một ít nước canh nguội, rồi cô ngồi xuống cạnh cửa sổ và mở một quyển sách ra. Bầu trời mùa hè nhạt màu dần đi, đã tối rồi. Tôi nhìn cô: trông cô như một người xa lạ. Kể từ khi tôi đi Hungari, hơn ba tháng trước, tôi không hề có liên lạc gì với cô, tôi không hề viết cho cô một lá thư nào, và tôi thấy mình gần như đã quên hẳn cô. Tôi ngắm soi khuôn mặt nhìn nghiêng dịu dàng và nghiêm túc của cô và tự nhủ rằng nó thật đẹp; nhưng về đẹp đó không phải là để cho tôi, cả về ý nghĩa lẫn tính hữu dụng. Tôi quay mắt đi nhìn lên trần nhà và để mặc cho mình trôi đi trong một lúc lâu, tôi thấy rất mệt. Cuối cùng, có thể là một giờ sau đó, tôi nói mà không nhìn cô: “Đi tìm cho tôi Frau Zempke.” – “Để làm gì?” cô vừa gấp sách lại vừa hỏi tôi. – “Tôi cần một việc này,” tôi nói. – “Cần gì? Tôi ở đây để giúp anh mà.” Tôi nhìn cô: vẻ yên tĩnh của đôi mắt nâu của cô làm tôi cáu tiết như một sự khiêu khích. “Tôi cần đi ỉa,” tôi nói thẳng thừng. Nhưng có vẻ như là không thể làm cô nổi cáu được: “Nói cho tôi là phải làm gì đi. Tôi sẽ giúp anh.” Tôi giải thích cho cô, không dùng đến những từ thô thiển nhưng cũng không có uyển ngữ nào, và cô làm những gì cần phải làm. Tôi cay đắng tự nhủ rằng đây là lần đầu tiên cô nhìn thấy tôi trần truồng, tôi không có pyjama, và hẳn là chưa bao giờ cô có thể tưởng tượng được là sẽ nhìn thấy tôi trần truồng trong những điều kiện này. Tôi không thấy ngượng, nhưng thấy

chán ngán chính mình và sự chán ngán đó lan sang cả với cô, với sự kiên nhẫn và sự dịu dàng của cô. Tôi muốn xúc phạm cô, thủ dâm trước mặt cô, yêu cầu cô những điều tục tĩu, nhưng đó chỉ là một ý nghĩ, tôi sẽ không đủ sức cương cứng, không đủ sức làm một cử chỉ nào đòi hỏi một chút sức lực. Dù sao thì cơn sốt cũng lại dâng lên mộ: lần nữa, tôi lại bắt đầu run lên, toát mồ hôi đầm đìa. “Anh bị lạnh rồi, cô nói khi đã lau rửa xong người tôi. Đợi nhé.” Cô rời khỏi căn hộ và vài phút sau quay trở lại với một cái chăn mà cô đắp lên người tôi. Tôi cuộn tròn người lại, răng đánh lập cập, tôi có cảm giác những cái xương đang đập lách cách vào nhau giống như một nắm xương tàn. Đêm vẫn chưa tới hẳn, ngày mùa hè dài bất tận vẫn đang tiếp diễn, điều đó làm tôi nổi điên, nhưng cùng lúc tôi cũng biết rằng đêm cũng sẽ không mang lại cho tôi chút ngoi nghỉ nào, chút nhẹ nhõm nào. Lại thêm một lần nữa, với một sự dịu dàng hết mực, cô cho tôi uống nước. Nhưng sự dịu dàng này làm tôi điên tiết: thật ra thì cô gái này muốn gì ở tôi? Cô ta nghĩ cần điều gì, cùng với sự đáng mến và lòng tốt của mình? Có phải là cô ta đang hy vọng thuyết phục tôi một điều gì đó không? Cô ta đối xử với tôi giống như tôi là em trai cô ta, người tình hoặc chồng của cô ta. Nhưng cô ta không phải là chị gái tôi, cũng không phải là vợ tôi. Tôi run lên, những đợt sốt làm người tôi chao đảo, và cô ta, cô ta lau trán cho tôi. Khi bàn tay cô ta đưa lại gần miệng tôi, tôi không biết liệu mình nên cắn nó hay hôn nó. Rồi tất cả rối loạn hoàn toàn. Những hình ảnh xuất hiện trước mặt tôi, tôi không thể nói chúng là những giấc mơ hay những ý nghĩ, nó vẫn là những hình ảnh đã từng làm tôi vô cùng bận tâm trong những tháng đầu năm, tôi thấy mình đang sống cùng với người phụ nữ đó, sắp xếp cuộc đời tôi theo cách đó, tôi rời khỏi SS và tất cả những sự kinh hoàng đã bao quanh tôi trong suốt từng ấy năm, những lệch lạc của chính tôi rơi rụng khỏi người giống như lớp da của một con rắn vào thời điểm lột da, những ám ảnh của tôi tan biến đi như một đám mây mùa hè, tôi đến được dòng sông chung. Nhưng những ý nghĩ đó, đã không hề làm tôi thấy nhẹ nhõm, mà lại còn làm tôi điên lên: Gì thế nữa!

bóp chết những giấc mơ để nhồi dương vật vào âm hộ màu vàng của cô ta, hôn lên cái bụng đang phập phồng chứa bên trong những đứa con khỏe khoắn ư? Tôi nhìn thấy lại những người phụ nữ trẻ tuổi mang thai, ngồi trên những chiếc vali của mình trong đồng bùn ở Kachau hoặc Munkacs, tôi nghĩ đến bộ phận sinh dục của họ được giấu một cách kín đáo giữa hai chân, dưới những cái bụng tròn xoe của họ, những bộ phận sinh dục và những cái bụng phụ nữ mà họ vác đến phòng hơi ngạt giống như một thứ huân chương danh dự. Bọn trẻ con luôn luôn nằm trong bụng của những người phụ nữ, chính đó là điều khủng khiếp. Tại sao lại có sự ưu tiên tàn bạo đó? Tại sao những mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà lại phải luôn được tóm tắt lại, xét cho đến tận rốt ráo, ở sự mang thai? Một túi đựng tinh trùng, một lồng ấp trứng, một con bò sữa, chính là thế đó, người đàn bà trong sự thiêng liêng của hôn nhân. Dù cho những thói quen của tôi có ít tốt đẹp đến vậy, thì ít nhất là chúng vẫn không bị mắc phải sự suy đồi đó. Có thể là nghịch lý, giờ đây khi viết ra tôi thấy như vậy, nhưng vào thời điểm đó thì điều này, trong những vòng xoáy tròn ốc mà tâm trí nóng bừng bừng của tôi đang vẽ lên, tôi thấy nó logic và mạch lạc một cách hoàn hảo. Tôi những muốn đứng dậy, đến lay người Hélène mà nói cho cô ta tất cả những cái đó, nhưng có thể là tôi đã mơ thấy ham muốn ấy, bởi vì tôi không hề có khả năng làm một cử chỉ nào. Với buổi sáng, cơn sốt hạ xuống một chút. Tôi không biết Hélène ngủ ở đâu, chắc là trên divăng, nhưng tôi biết là cứ mỗi tiếng một lần cô lại đến xem xét tôi, lau mặt cho tôi và cho tôi uống một ít nước. Với cơn đau toàn bộ năng lượng đã rời khỏi cơ thể tôi, tôi nằm đó *tay chân gầy nát và không chút sức lực*, ôi thật là một kỷ niệm đẹp để thời còn đi học. Cuối cùng thì những ý nghĩ điên rồ của tôi cũng tan biến, chỉ để lại đằng sau chúng một sự cay đắng sâu sắc, một ham muốn mãnh liệt được chết thật mau chóng để chấm dứt tất cả những điều này. Đầu buổi sáng, Piontek tới cùng một giỏ đựng đầy cam, báu vật kỳ vĩ tại nước Đức trong thời kỳ đó. "Herr Mandelbrod đã gửi đến văn phòng cho ông đấy," anh ta giải thích. Hélène lấy hai quả và đi xuống nhà Frau Zempke

để ép chúng; rồi, được Piontek giúp sức, cô dựng tôi ngồi dậy trên những cái gối dựa và cho tôi uống từng ngụm nhỏ; cái đó để lại trong miệng tôi một dư vị lạ lùng, gần như là có mùi kim loại. Piontek có một cuộc đàm phán ngắn với cô mà tôi không nghe được gì, rồi anh ta lại đi. Frau Zempke lên, bà đã giặt và phơi khô đồng ga trải giường hôm trước, bà giúp Hélène thay ga giường cho tôi, lúc này lại đã ướt đầm mồ hôi ban đêm. "Anh toát mồ hôi như thế này là tốt lắm đấy, bà nói, cái đó làm hạ sốt." Tôi thì chẳng buồn quan tâm, tôi chỉ muốn nghỉ ngơi, nhưng tôi không có được lấy một phút yên tĩnh nào, viên Hauptsturmführer hôm trước quay trở lại và khám cho tôi với một dáng vẻ u ám. "Anh vẫn không muốn đến bệnh viện à?" – "Không, không không." Anh ta đi sang phòng khách để nói chuyện với Hélène, rồi lại hiện ra: "Con sốt của anh giảm được một chút, anh ta nói. Tôi đã nói với bạn gái anh là phải thường xuyên cặp nhiệt độ cho anh: nếu lại vượt quá 41 độ thì phải vào bệnh viện. Hiểu chưa?" Anh ta tiêm cho tôi một mũi vào mông, cũng đau y như hôm trước. "Tôi để lại một mũi ở đây, tối nay bạn gái anh sẽ tiêm cho anh, cái đó sẽ làm giảm con sốt ban đêm. Cố ăn một chút đi." Sau khi anh ta đi khỏi, Hélène mang nước canh đến: cô lấy một mẩu bánh mì, bóp vụn nó ra, thả vào thứ nước lỏng, cố bắt tôi nuốt nó, nhưng tôi lắc đầu, không thể được. Tuy vậy tôi cũng uống được một ít nước canh. Cũng như sau mũi tiêm đầu tiên, đầu óc tôi sáng sủa hơn, nhưng tôi bị khoét rỗng, trống không. Thậm chí tôi còn không kháng cự khi Hélène kiên nhẫn dùng một cái khăn nhúng nước ấm lau người cho tôi, rồi mặc cho tôi một bộ pyjama mượn được của Herr Zempke. Chỉ đến khi cô đã làm xong và định ngồi xuống đọc sách thì tôi mới bùng nổ. "Tại sao cô lại làm tất cả những việc đó? tôi nói với cô, giọng chất chứa sự độc ác. Cô muốn gì ở tôi?" Cô gập quyển sách lại và chìa đôi mắt to bình tĩnh vào tôi: "Tôi không muốn gì ở anh. Tôi chỉ muốn giúp anh." – "Tại sao? Cô hy vọng điều gì?" – "Nhưng không có gì cả." Cô nhún nhẹ vai. "Tôi đến giúp anh vì tình bạn. Chỉ vậy thôi." Cô quay lưng ra cửa sổ, khuôn mặt rơi vào bóng tối, tôi hau háu dò xét, nhưng không thể

đọc thấy gì trên đó. “Vì tình bạn? tôi gào lên. Tình bạn nào? Cô biết gì về tôi? Chúng ta đi chơi với nhau vài lần, chỉ vậy thôi, thế mà bây giờ cô lại đến đây ở nhà tôi như là cô sống ở đây vậy.” Cô mỉm cười: “Anh đừng kích động như thế chứ. Anh sẽ mệt đấy.” Nụ cười đó làm tôi phát điên: “Nhưng cô biết gì về sự mệt mỏi, hả? Cô biết gì?” Tôi đã ngồi dậy, rồi bật ngã về phía sau, kiệt sức, đầu dựa vào tường. “Mày không hề biết gì, mày không biết gì về sự mệt mỏi, mày sống cuộc đời hiền lành của gái Đức, mắt nhắm chặt lại, mày không nhìn thấy gì cả, mày đi làm, mày tìm một tấm chồng mới, mày không nhìn thấy bất kỳ điều gì đang xảy ra xung quanh mày cả.” Khuôn mặt cô vẫn bình thản, cô không để ý đến sự thay đổi về cách xưng hô, tôi tiếp tục, hét toáng lên làm văng cả nước bọt: “Mày không biết gì về tao, không biết gì về những gì tao làm, về sự mệt mỏi của tao, từ ba năm nay bọn tao giết người, phải, đó là những gì bọn tao làm, bọn tao giết người, bọn tao giết Do Thái, bọn tao giết Digan, bọn Nga, bọn Ukraine, bọn Ba Lan, bọn bệnh, bọn già, bọn đàn bà, bọn đàn bà trẻ giống như mày, bọn trẻ con!” Giờ đây thì cô nghiêng răng vào, vẫn không nói gì, nhưng tôi đã phụt ra: “Và những kẻ mà bọn tao không giết, bọn tao gửi đi lao động tại các nhà máy của bọn tao, như những kẻ nô lệ, đúng thế đấy, mày thấy không, những vấn đề kinh tế. Đừng làm ra vẻ vô tội nữa đi! Quần áo của mày, mày nghĩ là chúng từ đâu đến? Và những viên đạn của Flak bảo vệ cho mày khỏi máy bay kẻ thù, mày nghĩ là chúng từ đâu đến? Những xe tăng cầm chân được bọn Bôn-sê-vich, ở phía Đông? Bao nhiêu nô lệ đã chết để sản xuất ra chúng? Mày không bao giờ tự đặt ra loại câu hỏi đó à?” Cô vẫn không phản ứng gì, và rồi cô càng bình thản và im lặng, tôi lại càng điên giận hơn: “Hay là mày không biết? Đúng thế phải không? Cũng giống như tất cả những người Đức tốt đẹp khác. Không có kẻ nào biết gì cả, trừ những kẻ phải vấy tay vào cái việc bẩn thỉu đó. Thế chúng đã biến đi đâu mất rồi, những hàng xóm Do Thái của mày ở Moabit? Mày không bao giờ tự hỏi mình điều đó à? Ở phía Đông chăng? Người ta đã gửi chúng đi lao động ở phía Đông chăng? Ở đâu? Nếu có sáu hoặc bảy triệu

Do Thái lao động ở phía Đông, thì người ta đã có thể xây được cả đồng thành phố hoàn chỉnh rồi! Mà không nghe đài BBC à? Chúng thì có biết đấy! Tất cả mọi người đều biết, trừ những người Đức tốt đẹp không muốn biết gì cả." Tôi giận dữ, chắc tôi phải tái nhợt, có vẻ như là cô đang chăm chú lắng nghe, cô không nhúc nhích. "Và chồng của mày, ở Nam Tư, anh ta làm gì, theo mày? Trong Waffen-SS à? Chiến đấu chống bọn du kích à? Mày biết cuộc chiến đấu chống du kích là như thế nào không? Du kích, hiếm khi nào bọn tao nhìn thấy chúng lắm, thế cho nên phải phá hủy môi trường mà chúng sống ở trong. Mày có hiểu điều đó có nghĩa là gì không? Mày có hình dung ra được Hans của mày đang giết đàn bà, giết những đứa con của họ trước mặt họ, đốt nhà họ với những cái xác người ở bên trong không?" Lần đầu tiên, cô phản ứng: "Anh im mồm đi! Anh không có quyền!" – "Thế tại sao tao lại không có quyền? tôi cười khẩy. Có thể mày tưởng là tao khá hơn chẳng? Mày đến đây để chăm sóc cho tao, mày tưởng rằng tao là một người đền ông đáng mến, một tiến sĩ luật, một quý ông hoàn hảo, một đám tốt chẳng? Bọn tao giết người, mày hiểu điều đó không, chính đó là việc bọn tao làm đấy, tất cả, chồng mày là một kẻ sát nhân, tao là một kẻ sát nhân và mày, mày là tông phạm của lũ sát nhân, mày mang trên người và mày ăn thành quả lao động của bọn tao." Mặt nàng trắng bệch, nhưng khuôn mặt chỉ phản chiếu một nỗi buồn vô tận: "Anh thật là khốn khổ." – "Nhưng tại sao mới được chứ? Cái đó thì tao thích, tao thích cái mà tao là. Tao được thăng cấp bậc. Tất nhiên chuyện đó sẽ không kéo dài. Mặc dù bọn tao đã giết hết tất cả, nhưng chúng đông quá, bọn tao sẽ thua trận thôi. Thay vì lãng phí thời gian của mày để chơi trò cô y tá và bệnh nhân dễ mến, lẽ ra mày nên nghĩ đến chuyện chuẩn đi thì hơn. Và nếu tao là mày, tao sẽ đi về phía Tây. Bọn Mèo sẽ có cặc bớt thô lỗ hơn so với bọn Ivan. Ít nhất thì chúng còn đeo bao cao su: những thằng trai trẻ tốt tính đó sợ mắc các chứng bệnh. Trừ khi mày thích thằng người Mông Cổ thối hoảng hơn? Cũng có thể đêm đêm mày mơ đến cái đó chẳng?" Mặt cô trắng bệch, nhưng cô mỉm cười khi nghe những lời ấy: "Anh đang làm

nhảm rồi. Tại con sốt đấy mà, chắc là anh cũng biết điều đó.” – “Tao biết tao rất rõ.” Tôi thở hổn hển, nỗ lực đã làm tôi kiệt sức. Cô đi thấm ướt một cái gạc và quay trở lại đắp lên trán tôi. “Nếu tao bảo mày cởi trần truồng ra thì mày có làm không? Cho tao? Thử dâm trước mặt tao? Mút cặc tao? Mày có làm không?” – “Anh bình tĩnh lại đi, cô nói. Anh sẽ làm con sốt tăng lên nữa đấy.” Không thể làm được gì cả, cô gái này quá buồn bực. Tôi nhắm mắt lại và thả trôi mình theo cảm giác về nước lạnh trên trán mình. Cô chỉnh lại mấy cái gối dựa, kéo chăn lên. Tôi thở rít lên, tôi lại muốn đánh cô ta, đập chân vào bụng cô ta, vì cái sự tốt bụng bản thủ, không thể chấp nhận được của cô ta.

Buổi tối, cô tiêm cho tôi. Tôi nặng nhọc xoay người nằm sấp xuống; khi tôi tụt quần, kỷ niệm về vài thằng thanh niên khỏe khoắn thoáng chạy qua đầu tôi, rồi nát vụn ra, tôi đã quá mệt. Cô do dự, cô chưa bao giờ tiêm, nhưng khi cô cắm kim vào, thì đó là một bàn tay cứng cỏi và chắc chắn. Cô có một miếng vải nhỏ mềm tẩm cồn và sau khi tiêm cô chùi mông cho tôi, tôi thấy điều đó thật cảm động, hẳn là cô đã nhớ lại những người y tá từng làm như vậy. Nằm nghiêng người, tôi tự nhét cái cặp nhiệt độ vào đít, không để ý đến cô nhưng cũng không đặc biệt muốn khiêu khích cô. Chắc là tôi phải nóng hơn 40 độ. Rồi đêm lại bắt đầu, đêm thứ ba của sự vĩnh cửu làm bằng đá đó, tôi lại trôi nổi trong những bụi rậm và vách đá sứt lở của suy nghĩ. Giữa đêm, tôi bắt đầu toát mồ hôi rất mạnh, bộ pyjama ướt đầm dính chặt vào da, tôi chỉ có một chút ý thức về việc đó, tôi nhớ đến bàn tay của Hélène trên trán và trên má tôi, gạt một ít tóc ướt, lướt qua bộ râu của tôi, sau này cô nói với tôi rằng tôi đã bắt đầu nói to lên, chính điều đó đã kéo cô ra khỏi giấc ngủ và đưa cô đến bên cạnh tôi, những mảnh vụn các câu, khá rời rạc, cô khẳng định với tôi như vậy, nhưng cô không bao giờ muốn nói với tôi những gì cô đã hiểu được từ đó. Tôi không nản nì, tôi có dự cảm là như vậy thì tốt hơn. Sáng hôm sau, con sốt giảm xuống dưới 39 độ. Khi Piontek qua để xem tình hình của tôi, tôi bảo anh ta đến văn phòng lấy thứ cà phê thật mà tôi vẫn còn trữ được, đưa cho Hélène. Viên bác sĩ, khi quay lại để

khám, chúc mừng tôi: “Anh đã qua được thời điểm tồi tệ nhất, tôi tin vậy. Nhưng vẫn chưa xong hẳn đâu và anh phải phục hồi sức khỏe nữa.” Tôi cảm thấy mình giống như một người đắm tàu, sau một cuộc chiến đấu dữ dội và kiệt sức chống lại biển, cuối cùng cũng tự buông thả để trôi dạt vào một bờ biển: có thể là dù vậy tôi cũng sẽ không chết. Nhưng so sánh đó thật tệ hại bởi vì người đắm tàu bơi, vùng vẫy để sống sót được, còn tôi thì không làm gì, tôi chỉ để cho mình bị cuốn trôi đi và chỉ có điều là cái chết không muốn nhận tôi. Tôi hau háu uống thứ nước cam ép mà Hélène mang đến. Khoảng trưa, tôi ngồi dậy được một chút: Hélène đang đứng ở khung cửa giữa phòng ngủ và phòng khách, lưng dựa vào khung cửa, một chiếc săngday mùa hè khoác trên vai, cô buồn bã nhìn tôi, một tách cà phê bốc khói cầm trên tay. “Tôi rất ghen tị vì cô được uống cà phê,” tôi nói. – “Ồ! Đợi chút, tôi sẽ giúp anh.” – “Không cần đâu.” Tôi đã nhướm người lên được một chút, tôi đã rút được một cái gối để dựa sau lưng. “Tôi xin cô tha lỗi cho tôi vì những câu nói ngày hôm qua. Tôi thật là đáng kinh tởm.” Cô gật nhẹ đầu, uống cà phê, và quay mặt về phía cửa sổ thấp dẫn ra ban công. Sau một lúc, cô lại nhìn tôi: “Những điều mà anh đã nói... về những người chết. Cái đó có đúng không?” – “Cô thực sự muốn biết à?” – “Vâng.” Đôi mắt đẹp của cô nhìn chằm chằm vào tôi, tôi thấy như thể mình đang thấy ở đó một thứ ánh sáng lo lắng, nhưng cô vẫn bình tĩnh, làm chủ được bản thân mình. “Tất cả những gì tôi nói đều đúng.” – “Cả phụ nữ, cả trẻ con nữa?” – “Đúng.” Cô quay mặt đi, cắn môi trên; khi cô nhìn tôi một lần nữa, mắt cô ầng ậc nước: “Thật là đáng buồn,” cô nói. – “Phải. Đáng buồn đến kinh khủng.” Cô suy nghĩ trước khi nói: “Anh biết là chúng ta sẽ phải trả giá cho những điều đó.” – “Phải. Nếu chúng ta thua trận, sự trả giá của các kẻ thù chúng ta sẽ rất tàn khốc.” – “Tôi không nói đến chuyện đó. Ngay cả khi không thua trận, chúng ta cũng sẽ phải trả giá. Sẽ phải trả giá.” Cô lại do dự. “Tôi lo cho anh,” cô kết luận. Cô không nói gì về chuyện đó nữa, cô tiếp tục những chăm sóc của mình, ngay cả những gì bản thủ nhất. Nhưng có vẻ như là những cử chỉ của cô đã có một tính chất

khác, lạnh lùng hơn, mang tính chức năng thuần túy hơn. Ngay khi có thể bước đi tôi yêu cầu cô đi về nhà. Cô nài nỉ một chút nhưng tôi cứ khẳng định: "Hẳn là cô mệt lắm rồi. Về nghỉ đi, Frau Zempke sẽ có thể lo được những gì mà tôi cần." Cuối cùng cô cũng chấp nhận và xếp đồ đạc của mình vào cái vali nhỏ. Tôi gọi Piontek đến chở cô về nhà. "Tôi sẽ gọi điện cho cô," tôi nói. Khi Piontek đến nơi tôi đi cùng cô ra đến cửa căn hộ. "Cám ơn vì đã chăm sóc tôi," tôi vừa bắt tay cô vừa nói. Cô gật đầu nhưng không nói năng gì. "Hẹn sớm gặp lại," tôi lạnh lùng nói.

Những ngày sau đó tôi dành để ngủ. Tôi vẫn bị sốt, khoảng 38 độ, thỉnh thoảng 39 độ; nhưng tôi uống nước cam ép và nước canh thịt, tôi ăn bánh mì, một ít thịt gà. Đêm đến, thường xuyên có báo động nhưng tôi không buồn quan tâm đến chúng (có thể là cũng đã có các báo động trong ba đêm điên loạn của tôi, nhưng cái đó thì tôi không biết). Đó là những cuộc oanh tạc nhỏ, một nhúm máy bay Mosquito rải cầu may vài quả bom xuống những địa điểm, đặc biệt là trung tâm hành chính. Nhưng một tối Frau Zempke và chồng bà bắt tôi phải xuống hầm, sau khi đã choàng lên người tôi cái áo choàng mặc ở nhà; nỗ lực đó khiến tôi mệt đến mức người ta phải vác tôi khi lên nhà trở lại. Vài ngày sau khi Hélène đi, Frau Zempke chạy vào phòng lúc đầu buổi tối, mặt đỏ phừng phừng, tóc vẫn đang uốn và choàng khăn tắm: "Herr Obersturmbannführer! Herr Obersturmbannführer!" Bà đánh thức tôi dậy và tôi nổi câu: "Có chuyện gì thế, Frau Zempke?" – "Người ta định mưu sát Führer!" Bà nói cho tôi, bằng những từ ngữ nát vụn, những gì mà bà vừa nghe thấy trên đài: đã có một cuộc mưu sát, tại đại bản doanh của Führer, vùng Đông Phổ, ngài được an toàn, đã tiếp Mussolini trong buổi chiều, và đã quay trở lại với công việc. "Thế rồi sao?" tôi hỏi. – "Thế là kinh khủng lắm rồi!" – "Chắc chắn rồi, tôi lạnh lùng đáp lại. Nhưng Führer còn đang sống, bà đã nói rồi. Đó là điều chính yếu. Cám ơn." Tôi nằm xuống lại; bà đợi một lúc, hơi có vẻ bối rối, rồi đi khỏi. Tôi phải thú nhận rằng thậm chí mình còn không suy nghĩ gì đến cái tin này: tôi không còn nghĩ đến điều gì nữa cả. Vài ngày sau, Thomas

qua thăm tôi. “Trông cậu có vẻ khá hơn rồi đấy.” – “Một chút,” tôi trả lời. Cuối cùng tôi cũng đã cạo râu, hẳn là tôi đã bắt đầu có lại một hình dáng con người dù là mơ hồ; nhưng tôi gặp khó khăn trong việc nói ra được những suy nghĩ có tính chất tiếp nối nhau, chúng cắt ra thành từng mảnh nhỏ dưới sự cố gắng, với tôi chỉ còn là những mảnh nhỏ không chút liên quan với nhau, Hélène, Führer, công việc của tôi, Mandelbrod, Clemens và Weser, một mớ hỗn độn không tách biệt. “Cậu đã nghe thấy tin mới rồi đấy,” Thomas nói, ngồi xuống gần cửa sổ và hút thuốc. – “Phải. Führer sao rồi?” – “Führer khỏe. Nhưng vụ đó còn hơn là một mưu toan ám sát. Wehrmacht, ít nhất cũng là một bộ phận, đã muốn thực hiện một cuộc đảo chính.” Tôi kinh ngạc lắm lắm và Thomas kể cho tôi các chi tiết của vụ việc. “Thoạt đầu, người ta cứ nghĩ rằng việc đó chỉ giới hạn trong một nhóm sĩ quan. Trên thực tế nó đã tỏa ra theo mọi hướng: có bọn vô lại trong Abwehr, ở *Auswärtiges Amt*, đám các lão quý tộc già. Ngay cả Nebe, có vẻ như vậy, cũng có tham gia. Hôm qua ông ta đã biến mất sau khi tìm cách lấp liếm bằng việc bắt những kẻ âm mưu. Như là Fromm. Nói tóm lại là có vẻ rất loạn xạ. Reichsführer đã được phong đứng đầu *Ersatzheer* thay chỗ Fromm. Rõ ràng là bây giờ SS sẽ có một vai trò quan trọng trung tâm.” Giọng anh căng thẳng, nhưng chắc chắn và cả quyết. “Đã có chuyện gì xảy ra ở *Auswärtiges Amt* vậy?” tôi hỏi. – “Cậu nghĩ đến cô bạn gái của cậu à? Người ta đã bắt rất nhiều người, trong đó có cả vài người ở cấp cao; chắc là người ta cũng sắp bắt nốt cả von Trott zu Solz. Nhưng tớ không nghĩ rằng cậu phải lo lắng cho cô ấy đâu.” – “Tớ không lo lắng gì cả. Tớ chỉ hỏi thôi. Cậu phụ trách tất cả những việc đó à?” Thomas gật đầu. “Kaltenbrunner đã thành lập một hội đồng đặc biệt để điều tra về các nhánh nhỏ của vụ việc. Chính Huppenkothen phụ trách cái đó, tớ sẽ làm trợ lý cho ông ấy. Panzinger chắc sẽ thay chỗ Nebe ở Kripo. Dù sao thì mọi thứ cũng đã bắt đầu được tái tổ chức ở *Staatspolizei* rồi, điều đó sẽ chỉ càng đẩy nhanh tốc độ mọi chuyện lên thôi.” – “Thế bọn họ nhằm đến điều gì, các tay âm mưu của cậu ấy?” – “Đó không phải là

những tay âm mưu của tớ, anh rít lên. Và cũng nhiều thứ lắm. Phần lớn có vẻ nghĩ rằng nếu không có Führer và Reichsführer, các bên phương Tây sẽ chấp nhận một hòa bình riêng rẽ. Chúng muốn đập tan tành SS. Có vẻ như chúng không nhận ra rằng đó chỉ là một *Dolchstoss* mới, một cú đâm dao vào lưng giống như hồi năm 18. Cứ như thể nước Đức sẽ đi theo chúng vậy, cái lũ phản bội đó. Tớ có cảm giác rất nhiều trong số chúng đầu óc đặt trên mặt trăng mất rồi: một số thậm chí còn tin rằng người ta sẽ để cho chúng giữ được Alsace và Lorraine, một khi đã tụt quần xong. Và các Lãnh thổ sáp nhập, tất nhiên. Đúng là bọn nằm mơ. Nhưng chúng ta sẽ thấy rõ tất cả những cái đó: chúng ngu ngốc quá, nhất là bọn dân sự, đến mức còn thực hiện mọi thứ thông qua thư từ. Người ta đã tìm được nhiều đồng dư án, các danh sách bộ trưởng cho chính phủ mới của chúng. Thậm chí chúng còn cho tên ông bạn Speer của cậu vào một danh sách: tớ có thể nói với cậu rằng ông ta đang phải nhấp nhồm, hiện tại ấy." – "Thế ai sẽ đứng đầu?" – "Beck. Nhưng ông ta chết rồi. Tự sát. Fromm cũng đã ngay lập tức cho xử bắn không ít, để tìm cách che đậy." Anh giải thích cho tôi các chi tiết của cuộc mưu sát và cuộc đảo chính hụt. "Việc đó xảy ra sát sạt. Chưa bao giờ người ta đến gần như vậy. Cậu phải khỏe lại đi: chúng ta sẽ có nhiều việc để làm đấy."

Nhưng tôi, tôi không muốn khỏe lại ngay lập tức, tôi hài lòng được nằm đó thêm một thời gian. Tôi bắt đầu nghe nhạc trở lại. Một cách chậm rãi, tôi hồi phục sức khỏe, học lại các động tác. Viên bác sĩ SS đã cho tôi một tháng nghỉ để hồi phục và tôi định sẽ tận dụng toàn bộ quãng thời gian đó, dù cho có điều gì xảy ra đi nữa. Đầu tháng Tám, Hélène quay trở lại gặp tôi. Tôi vẫn còn yếu, nhưng đã có thể đi được, tôi tiếp cô trong bộ pyjama và áo choàng mặc ở nhà và mời cô uống trà. Trời nóng một cách đặc biệt, không có lấy một ngọn gió thổi vào qua các cửa sổ mở toang. Hélène có vẻ rất nhợt nhạt và mang dáng điệu lúng túng mà tôi chưa bao giờ thấy ở cô. Cô hỏi thăm tin tức về sức khỏe của tôi; khi đó thì tôi nhận ra là cô khóc: "Thật là khủng khiếp, cô nói,

khủng khiếp." Tôi thấy khó chịu, không biết phải nói gì. Người ta đã bắt giữ nhiều đồng nghiệp của cô, những người mà cô làm việc cùng từ nhiều năm nay. "Không thể thế được, chắc chắn là họ đã nhầm lẫn... Tôi nghe nói anh bạn Thomas của anh phụ trách các cuộc điều tra, anh có thể nói chuyện với anh ấy được không?" – "Điều đó sẽ không ích lợi gì đâu, tôi dè dặt đáp. Thomas chỉ làm nghĩa vụ của cậu ấy thôi. Nhưng đừng lo lắng cho các bạn cô nhiều quá. Có thể là người ta chỉ muốn đặt cho họ một số câu hỏi. Nếu vô tội, họ sẽ được thả." Cô không khóc nữa, cô đã lau mắt, nhưng khuôn mặt vẫn căng thẳng. "Xin lỗi, cô nói. Nhưng dù sao thì, cô nói tiếp, cũng phải thử giúp họ chứ, anh không nghĩ vậy à?" Mặc dù rất mệt mỏi, tôi vẫn kiên nhẫn: "Hélène, cô phải hiểu tình hình hiện nay. Người ta đã định giết Führer, những người đó muốn phản bội lại nước Đức. Nếu tìm cách can thiệp, cô sẽ chỉ thu hút những sự nghi ngờ lên chính mình thôi. Cô sẽ không thể làm gì đâu. Cái đó nằm trong tay Chúa rồi." – "Tức là trong tay Gestapo, anh muốn nói vậy phải không?" cô đáp lại với một dáng vẻ tức giận. Cô bình tĩnh lại: "Xin lỗi, tôi... tôi..." Tôi chạm vào tay cô: "Sẽ ổn thôi mà." Cô uống trà, còn tôi ngắm nhìn cô. "Thế còn anh? cô hỏi. Anh sẽ quay trở lại với... công việc của anh chứ?" Tôi nhìn ra cửa sổ, những đóng đồ nát cầm lặng, bầu trời xanh nhạt, mờ đục đi bởi thứ khói tràn ngập khắp nơi. "Không phải là ngay lập tức. Tôi phải hồi phục sức khỏe đã." Cô cầm cái tách bằng cả hai tay, để nó ngang lưng chừng mặt. "Chuyện gì sẽ xảy ra?" Tôi nhún vai: "Nói chung à? Chúng ta sẽ tiếp tục chiến đấu, sẽ tiếp tục có nhiều người chết, và rồi một ngày chuyện đó sẽ kết thúc, và những ai còn sống sẽ cố quên đi tất cả." Cô cúi đầu xuống: "Tôi tiếc nuối những ngày chúng ta đi bơi ở bể bơi quá," cô thì thầm. – "Nếu cô muốn, tôi đề nghị, khi nào tôi khỏe hơn, chúng ta sẽ quay trở lại đó." Đến lượt cô nhìn ra cửa sổ: "Ở Berlin không còn bể bơi nào cả," cô nói một cách bình thản.

Khi đi, cô dừng lại trên ngưỡng cửa và nhìn tôi thêm một lần nữa. Tôi định nói, nhưng cô đã đặt một ngón tay lên môi tôi: "Đừng nói gì." Ngón tay đó, cô để nó hơi quá lâu một chút. Rồi

cô quay gót và bước xuống cầu thang bằng những bước chân vội vã. Tôi không hiểu điều mà cô muốn, có vẻ như là cô đang xoay quanh một cái gì đó mà không dám tiến lại gần, cũng không rời xa hẳn. Tôi thấy khó chịu với sự mù mờ này, tôi chẳng muốn cô nói thẳng ra; khi đó, hẳn là tôi sẽ có thể lựa chọn, nói có hoặc nói không, và hẳn là chuyện này sẽ được giải quyết. Nhưng chắc là bản thân cô cũng không biết điều đó là gì. Và điều mà tôi đã nói cho cô trong cơn khủng hoảng hẳn là đã không làm cho mọi việc của cô trở nên dễ dàng; không một lần tắm, không một bể bơi nào đủ để rửa sạch đi những lời đó.

Tôi cũng bắt đầu đọc trở lại. Nhưng đọc những cuốn sách nghiêm túc, các tác phẩm văn chương thì tôi vẫn còn chưa có đủ khả năng, tôi đọc đi đọc lại một câu đến mười lần trước khi nhận ra mình không hiểu nó nói gì cả. Đang như vậy thì tôi tìm thấy lại trên giá sách của mình những cuộc phiêu lưu sao Hỏa của E.R. Burroughs, mà tôi đã lấy từ vừa cỗ nhà Moreau và cẩn thận xếp chúng lại mà chưa bao giờ mở ra. Tôi đọc một mạch cả ba cuốn; nhưng trước sự nuối tiếc của mình tôi không tìm thấy lại trong đó một chút gì của niềm xúc động từng chiếm lĩnh cả người tôi khi còn nhỏ, khi mà, tự nhốt mình vào nhà vệ sinh hoặc chúi đầu vào trong giường, trong hàng giờ liền tôi quên đi thế giới bên ngoài để say mê chìm đắm vào những mẫu vụn của cái vũ trụ kỳ quặc đó, với một thứ đục tình bối rối, đầy các chiến binh và công chúa trên người chỉ mang những thứ vũ khí và đồ trang sức, cả một đồng lõa xộn mang tính Barôc những con quái vật và những cái máy. Ngược lại tôi lại có những phát hiện đáng kinh ngạc, không thể hình dung được đối với thằng bé ở trong trạng thái choáng ngợp hồi đó: một số đoạn của những quyển tiểu thuyết khoa học viễn tưởng này, quả thực, khiến tôi nhận ra ở nhà văn người Mỹ đó một trong những người tiền triệu không được biết đến của tư tưởng *völkisch*. Các ý tưởng của ông, trong sự hoang mang chán chường, làm nảy sinh ở tôi những ý tưởng khác: khi đó, nhớ lại

các lời khuyên của Brandt, mà cho đến giờ tôi đã quá bận bịu để có thể làm theo, tôi gọi người ta mang đến một cái máy chữ và viết một báo cáo ngắn cho Reichsführer, nêu tên Burroughs như một mẫu hình đối với *cải cách xã hội theo chiều sâu mà SS sẽ phải hướng đến sau chiến tranh*. Như vậy, để tăng tỉ lệ sinh thời hậu chiến và buộc đàn ông phải lấy vợ khi tuổi còn trẻ, tôi lấy ví dụ những người sao Hỏa đỏ rực, những người tuyển nhân công bắt buộc cho mình không chỉ trong số những kẻ tội phạm và tù binh chiến tranh, mà cả trong số *những người cứ khăng khăng sống độc thân quá nghèo khó để có thể trả được mức thuế rất cao mà tất cả các chính phủ sao Hỏa-đỏ đánh lên sự độc thân*; và tôi dành cả một đoạn dài để triển khai ý tưởng về thứ *thuế đánh lên sự độc thân* này, cái thứ, nếu như có lúc nào đó được áp dụng, sẽ gây tổn thất nặng nề cho túi tiền của tôi. Nhưng tôi dành những đề nghị còn triệt để hơn cho giới tinh hoa SS, những người phải lấy những người sao Hỏa xanh làm gương, đó là những con quái vật cao ba mét có bốn tay và lởm chồm răng nanh: *Toàn bộ của cải của người sao Hỏa xanh đều được đặt dưới sở hữu chung của cộng đồng, trừ các vũ khí cá nhân, đồ trang trí và lụa và chăn đệm giường của mỗi người... Phụ nữ và trẻ em phụ thuộc vào một người đàn ông có thể được so sánh với một đơn vị quân sự nhỏ mà người đàn ông đó chịu trách nhiệm về việc đào tạo, rèn luyện kỷ luật, cung ứng... Những người phụ nữ của anh ta sẽ không thể nào là những người vợ được nữa... Việc sống chung thành từng cặp sẽ chỉ đơn thuần là một vấn đề về lợi ích cộng đồng, và được thực hiện thông qua chọn lọc tự nhiên, không có ngoại lệ. Hội đồng lãnh đạo cộng đồng kiểm soát việc này một cách sát sao ngang bằng với cách mà chủ nhân một con ngựa đua giống bang Kentucky kiểm soát việc chăn nuôi con ngựa cái của họ theo khoa học để cải thiện toàn bộ dòng giống*. Tôi lấy cảm hứng từ đó để đề xuất những cải cách tuần tự cho chương trình *Lebensborn*. Trên thực tế đó là cách đào huyệt cho chính tôi, và một phần con người tôi gần như phá lên cười khi viết ra nó, nhưng tôi thấy việc này cũng nảy sinh một cách logic từ *Weltanschauung* của chúng

tôi; ngoài ra tôi biết rằng điều đó sẽ làm Reichsführer vui lòng; thật khó hiểu là các đoạn văn của Burroughs lại nhắc tôi nhớ đến cái xứ không tưởng mang tính thối thị mà ông ta đã trình bày cho chúng tôi ở Kiev, vào năm 1941. Quả thực, mười ngày sau khi gửi báo cáo đó đi, tôi nhận được một bức thư do chính ông ta ký tên (phần lớn thời gian, các chỉ thị của ông ta đều do Brandt hoặc thậm chí là Grothmann ký):

Doktor Aue rất thân mến!

Tôi đã đọc bài trình bày của anh với một sự thích thú to lớn. Tôi rất mừng vì được biết anh đã khỏe hơn và anh đã dành thời kỳ hồi phục sức khỏe của mình cho các nghiên cứu hữu ích; tôi không biết là anh có quan tâm đến các vấn đề hết sức sống còn đối với chủng tộc của chúng ta đến vậy. Tôi tự hỏi không biết liệu nước Đức, ngay cả sau chiến tranh, có thể sẽ sẵn sàng để chấp nhận những ý tưởng vừa sâu sắc vừa cần thiết đó. Chắc chắn là sẽ cần phải có một công việc dài lâu đối với đầu óc mọi người. Dù cho như vậy, khi nào lành bệnh, tôi sẽ rất vui nếu được thảo luận với anh một cách chi tiết hơn về các dự án này cũng như tác giả có tài năng tiên tri này.

Heil Hitler!

Trân trọng,

Heinrich Himmler

Sung sướng, tôi đợi Thomas đến thăm để cho anh xem bức thư cũng như bản đề xuất; nhưng trước sự kinh ngạc của tôi, anh lại giận dữ khi biết việc đó: "Câu thực sự tin rằng bây giờ là lúc cho những trò nhố nhăng này à?" Có vẻ như là anh đã đánh mất toàn bộ khiếu hài hước; khi anh bắt đầu thuật lại một cách chi tiết những cuộc bắt giữ gần đây nhất, tôi bắt đầu hiểu tại sao. Ngay cả trong số những người gần gũi nhất với tôi cũng có một số bị dính líu: Jessen, người trong mấy năm gần đây có vẻ đã xích lại

gần với Goerdeler. “Bọn tớ cũng đã tìm được các bằng chứng chống lại Nebe, nhưng ông ta đã biến mất. Mất hút vào không khí. Cậu sẽ nói với tớ rằng nếu có ai biết làm chuyện ấy thì đó chính là ông ta. Chắc chắn là đầu óc ông ta có vấn đề: ở nhà ông ta có cuộn băng quay một cuộc xịt khí ga ở phía Đông, cậu có hình dung được cảnh ông ta ngồi xem cái đó vào buổi tối không?” Hiếm khi nào tôi thấy Thomas căng thẳng đến vậy. Tôi rót nước cho anh, mời anh hút thuốc, nhưng anh không chịu nói hở ra gì nhiều; tôi chỉ nghĩ rằng mình hiểu được là Schellenberg đã có liên lạc với một số nhóm đối lập, trước cuộc mưu sát. Cùng lúc đó, Thomas giận dữ chửi bới những kẻ âm mưu: “Giết Führer! Làm thế nào mà chúng lại có thể thậm chí nghĩ được rằng đó là một giải pháp? Đồng ý là ông ấy không làm được việc chỉ huy Wehrmacht, thì ông ấy bị ốm mà. Thậm chí là có thể nghĩ đến việc, tớ cũng không biết nữa, cho ông ấy đi an trí, nếu như quả thực là cần phải như vậy, để cho ông ấy làm tổng thống nhưng trao lại quyền cho Reichsführer... Người Anh, theo Schellenberg, sẽ chấp nhận đàm phán với Reichsführer. Nhưng mà giết Führer? Thật là phi lý, chúng không nhận ra rằng... Chúng đã tuyên thệ trung thành với ông ấy và chúng lại định giết ông ấy.” Có vẻ như thực sự là việc đó đang làm anh day dứt rất nhiều; với tôi, ngay cả ý tưởng Schellenberg hoặc Reichsführer nghĩ đến việc cô lập hóa Führer cũng đã đủ làm tôi thấy sốc. Giữa chuyện đó và việc giết ông ta, tôi không thấy có khác biệt gì lớn lắm, nhưng tôi không nói điều này với Thomas, anh đã đủ trầm uất lắm rồi.

Ohlendorf, mà tôi gặp vào khoảng cuối tháng khi cuối cùng cũng đã bắt đầu đi ra khỏi nhà, có vẻ nghĩ giống tôi. Tôi thấy ông ta còn thâm hại hơn cả Thomas, cho dù bình thường trông ông ta đã u ám lắm rồi. Ông ta thú nhận với tôi là đêm trước cuộc hành quyết Jessen, người mà dù sao ông ta cũng rất gần gũi, ông ta đã không sao nhắm được mắt. “Tôi không ngừng nghĩ đến vợ và các con ông ấy. Tôi sẽ tìm cách giúp đỡ họ, tôi tính đến việc dành cho

họ một phần tiền lương của tôi.” Tuy nhiên ông ta cho rằng Jessen đáng nhận tội tử hình. Từ nhiều năm nay, ông ta giải thích với tôi, vị giáo sư của chúng tôi đã cắt đứt những ràng buộc với chủ nghĩa quốc xã. Họ vẫn tiếp tục gặp nhau, tranh luận với nhau, và thậm chí Jessen còn từng tìm cách thu phục người học trò cũ. Ohlendorf nhất trí với ông ta về nhiều điểm: “Cái đó thì rất rõ ràng, tình trạng tham nhũng phổ thông hóa trong Đảng, sự xói mòn của luật pháp, tình trạng vô chính phủ đa nguyên, cái đã thay thế *Führerstaat*, tất cả đều không thể chấp nhận được. Và những biện pháp chống Do Thái nữa, cái *Endlösung* đó là một sai lầm. Nhưng lật đổ Führer và NSDAP thì thật là không thể tưởng tượng nổi. Cần phải thanh trừng trong Đảng, để cho các cựu chiến binh từng chiến đấu ngoài mặt trận lên cao, họ có cách nhìn hiện thực về mọi chuyện, các cán bộ của Hitlerjugend, có thể là những người lý tưởng chủ nghĩa duy nhất mà chúng ta còn có được. Chính các thanh niên đó sẽ phải tạo ra một động lực cho Đảng sau chiến tranh. Nhưng người ta không thể nghĩ đến chuyện quay trở ngược về phía sau, đến cái thứ chủ nghĩa bảo thủ tư sản của các quân nhân chuyên nghiệp và các nhà quý tộc Phổ. Hành động này khiến họ mãi mãi bị đánh giá thấp. Mặt khác, nhân dân đã hiểu rõ việc này.” Điều đó thì đúng: tất cả các báo cáo của SD đều cho thấy người dân và lính thường, mặc cho những lo lắng của mình, sự mệt mỏi, nỗi hoang mang và sự mất tinh thần, thậm chí cả bi quan của mình, vẫn thấy bị chấn động bởi sự phản bội của những kẻ mưu phản. Nỗ lực chiến tranh và chiến dịch thất lung buộc bụng tìm thấy ở đó một luồng năng lượng mới mẻ; Goebbels, cuối cùng cũng được phép tuyên bố “chiến tranh tổng lực”, cái mà ông ta rất say mê, làm mọi cách để kích động, dù cho cũng không thực sự cần thiết. Tuy nhiên tình hình chỉ càng ngày càng thêm tồi tệ hơn: người Nga đã chiếm lại vùng Galicie và vượt qua đường biên giới hồi năm 1939 của họ, Lublin thất thủ, và cuối cùng đợt sóng cũng bị chặn đứng lại ở các ngoại ô Vacxava, nơi rõ ràng là bộ chỉ huy Xô viết chờ cho đến khi chúng tôi nghiền nát giùm họ cuộc nổi loạn của người Ba Lan đã

bùng nổ từ đầu tháng. “Chúng ta rơi vào cái bẫy của Stalin rồi, Ohlendorf bình luận. Lẽ ra tốt hơn hết là phải giải thích với AK rằng bọn Bôn-sê-vich còn là một mối nguy lớn hơn chúng ta nhiều. Nếu người Ba Lan chiến đấu bên cạnh chúng ta, thì chúng ta có thể kìm chân được người Nga. Nhưng Führer không muốn nghe nói đến việc đó nữa. Và các nước Balkan sẽ sụp đổ như một tòa lâu đài bằng bìa thôi.” Quả thực, ở vùng Bessarabie, đại đoàn số 6 được tái hình thành dưới quyền Fretter-Pico đến lượt mình cũng đang bị chẻ ra thành từng mảnh nhỏ: những cánh cửa vào Rumani đã mở ra, toang hoác. Hiển nhiên là nước Pháp đã mất hẳn; sau khi mở thêm một mặt trận ở Provence và chiếm lấy Paris, Liên quân Anh-Mỹ chuẩn bị quét sạch phần còn lại của đất nước trong khi những đội quân tơi tả của chúng tôi đổ dồn về phía sông Rhin. Ohlendorf tỏ ra hết sức bi quan: “Những quả tên lửa mới đã gần như được sẵn sàng, theo lời Kammler. Ông ta chắc chắn rằng nó sẽ thay đổi cục diện chiến tranh. Nhưng tôi không thấy được là bằng cách nào cả. Một quả tên lửa mang được ít chất nổ hơn một máy bay B-17 của Mỹ, và lại chỉ dùng được một lần duy nhất.” Khác với Schellenberg, người mà ông ta từ chối không nói chuyện nữa, Ohlendorf không có kế hoạch nào, không có giải pháp cụ thể nào: ông ta chỉ có thể nói đến một “nhiệt tình quốc xã cuối cùng, một cú nhảy vĩ đại”, điều với tôi hơi quá giống với thứ tu từ học của Goebbels. Tôi có cảm giác ông ta ngấm ngấm tin vào thất bại. Nhưng tôi không nghĩ rằng ông ta tự thú nhận với chính mình điều đó.

Các sự kiện ngày 20 tháng Bảy còn có một hậu quả khác, nhỏ hơn, nhưng với tôi rất tai hại: giữa tháng Tám, Gestapo bắt thẩm phán Baumann của tòa án SS Berlin. Tôi được Thomas thông báo tin đó khá sớm, nhưng chưa lường được ngay các hậu quả. Đầu tháng Chín, tôi bị Brandt triệu tập, ông ta đang cùng Reichsführer đi thanh tra ở vùng Schleswig-Holstein. Tôi lên đoàn tàu đặc biệt ở đoạn gần Lübeck. Brandt bắt đầu bằng việc thông báo Reichsführer muốn trao tặng cho tôi Huân chương Chiến đấu hạng nhất: “Cho dù anh có nghĩ gì về việc đó, thì hành

động của anh ở Hungari cũng rất có tính chất tích cực. Reichsführer rất hài lòng. Ông ấy cũng rất bị ấn tượng theo chiều hướng tốt với đề xuất gần đây nhất của anh." Rồi ông ta thông báo với tôi rằng bên Kripo lại yêu cầu người thay chỗ Baumann xem xét lại hồ sơ liên quan đến vụ việc của tôi; ông ta đã viết thư cho Reichsführer: theo ông ta, những lời buộc tội xứng đáng với việc mở một cuộc điều tra. "Reichsführer đã không đồng ý, và anh vẫn được ông ấy hoàn toàn tin tưởng. Nhưng ông ấy nghĩ rằng sẽ là không hay nếu lại một lần nữa ngăn cản cuộc điều tra. Đã bắt đầu có các tin đồn, chắc là anh cũng biết rồi. Tốt nhất sẽ là anh tự bảo vệ mình và chứng minh sự trong sạch: bằng cách đó, chúng ta sẽ có thể khép lại hoàn toàn được vụ việc." Tôi không mấy thích thú với ý tưởng này, tôi bắt đầu biết rõ sự đố kỵ đến mức điên rồ của Clemens và Weser, nhưng tôi không có lựa chọn nào. Quay trở về Berlin, tôi tự đến tòa án gặp thẩm phán von Rabingen, một người quốc xã cuồng tín, và trình bày cho ông ta phiên bản tiến trình các sự việc của tôi. Ông ta đáp lời rằng hồ sơ do bên Kripo chuyển lên có những yếu tố lạ lùng, ông ta đặc biệt quan tâm đến những thứ quần áo Đức đẫm máu, theo đúng cỡ người của tôi, ông ta cũng băn khoăn với câu chuyện về hai thằng bé sinh đôi, mà ông ta muốn làm sáng tỏ bằng được. Cuối cùng Kripo cũng đã thẩm vấn được em gái tôi, đã quay trở về Poméranie: Una đã giao hai đứa bé cho một trường tư ở Thụy Sĩ; nàng khẳng định rằng đó là những đứa cháu họ mồ côi của chúng tôi, sinh ở Pháp, nhưng giấy khai sinh đã bị mất hồi tháo chạy ở Pháp vào năm 1940. "Có thể điều đó là đúng, von Rabingen cao giọng nói. Nhưng hiện tại thì vẫn chưa thể xác minh được."

Mối nghi ngờ thường trực đó ám ảnh tôi. Trong nhiều ngày liền, tôi chỉ chực rơi tõm trở lại vào chứng bệnh của mình, tôi tự nhốt mình lại ở nhà trong một trạng thái suy sụp đen tối, thậm chí còn từ chối mở cửa cho Hélène khi cô đến thăm. Buổi đêm, Clemens và Weser, mấy con rối hoạt họa, đeo và sơn đều rất vụng, nhảy ào vào giấc ngủ của tôi, nghiêng rằng kèn kệt qua những giấc mơ của tôi, vo ve xung quanh tôi như những con bọ

nhỏ thích chế nhạo. Mẹ tôi cũng thỉnh thoảng gia nhập dàn đồng ca này, và trong nỗi hoang mang của mình tôi đâm ra tin rằng hai thằng hề này có lý, rằng tôi đã phát điên và quả thực đã giết bà ta. Nhưng tôi không điên, tôi cảm thấy điều đó, và toàn bộ vụ việc chẳng qua chỉ là một chuyện hiểu lầm xấu xa. Khi trấn tĩnh được một chút, tôi nghĩ đến chuyện liên lạc với Morgen, viên thẩm phán liêm khiết mà tôi đã quen được ở Lublin. Ông ta làm việc ở Oranienburg; ngay lập tức ông ta mời tôi đến gặp và đón tiếp tôi đầy thân ái. Trước tiên ông ta nói với tôi về các hoạt động của mình: sau Lublin, ông ta đã thành lập một hội đồng ở Auschwitz và kết án Grabner, chỉ huy của *Politische Abteilung*, vì hai nghìn vụ giết người trái luật; Kaltenbrunner đã cho thả Grabner; Morgen lại bắt ông ta một lần nữa và việc điều tra đang được tiến hành, cũng như việc điều tra nhiều kẻ đồng phạm và thuộc cấp ăn hối lộ khác; nhưng vào tháng Giêng một đám cháy có chủ mưu đã phá hủy cái lán nơi hội đồng để tất cả các bằng chứng của vụ việc và một phần các hồ sơ, điều đó khiến mọi việc trở nên phức tạp hơn nhiều. Hiện tại, ông ta tin tưởng tâm sự với tôi, ông ta đang nhằm thẳng vào chính Höss: "Tôi tin rằng ông ta đã phạm tội biến thủ tài sản của Nhà nước và giết người; nhưng tôi gặp khó khăn trong việc chứng tỏ điều đó; Höss có nhiều sự bảo trợ ở trên cao lắm. Thế còn anh? Tôi đã nghe nói là anh gặp nhiều vấn đề." Tôi giải thích trường hợp của tôi cho ông ta. "Họ buộc tội tôi thì chưa đủ đâu, ông ta tự lự nói, còn cần phải chứng minh nữa. Cá nhân mà nói, tôi tin vào sự thành thực của anh: tôi đã biết quá rõ những phần tử tệ hại nhất của SS, và tôi biết rằng anh không giống như bọn họ. Dù sao đi nữa, để kết án được anh, họ phải chứng minh được nhiều việc cụ thể, rằng anh đã ở đó vào thời điểm xảy ra vụ giết người, rằng những thứ quần áo tai tiếng đó thuộc về anh. Chỗ quần áo đó ở đâu rồi? Nếu chúng còn ở lại Pháp, tôi nghĩ rằng lời buộc tội không có nhiều cơ sở đâu. Và rồi, chính quyền Pháp, những người đã gửi yêu cầu giúp đỡ về mặt tư pháp giờ đây đang nằm dưới sự kiểm soát của kẻ thù: anh nên nhờ một chuyên gia luật quốc tế nghiên cứu khía cạnh này đi."

Sau cuộc nói chuyện đó tôi cảm thấy được an tâm hơn: sự cứng đầu bệnh hoạn của hai tay điều tra viên khiến tôi hoảng loạn, tôi không còn có thể biết được chuyện gì là đúng chuyện gì là sai nữa, nhưng sự tỉnh táo về luật pháp của Morgen đã giúp tôi tìm lại được đất liền.

Cuối cùng, và vẫn luôn như vậy đối với luật pháp, câu chuyện này còn kéo dài thêm nhiều tháng nữa. Tôi sẽ không kể lại những trở ngại đó một cách chi tiết. Tôi có nhiều cuộc đối đầu với von Rabingen và hai tay điều tra viên; em gái tôi, ở Poméranie, hẳn là đã can trọng: Una đã nghi ngờ, nàng không bao giờ nói lộ ra rằng tôi đã báo cho nàng về vụ giết người, nàng khẳng định là đã nhận được một bức điện từ Antibes, do một liên danh của Moreau gửi đi. Clemens và Weser bị buộc phải công nhận rằng họ chưa bao giờ nhìn thấy những thứ quần áo tai tiếng kia: tất cả các thông tin đều đến từ những lá thư của cảnh sát tư pháp Pháp, những thứ có rất ít giá trị về luật, nhất là vào thời điểm hiện tại. Ngoài ra, vì vụ giết người đã xảy ra ở Pháp, một bản án sẽ chỉ có thể dẫn đến việc dẫn độ tôi, điều này tất nhiên đã trở nên bất khả – mặc dù một luật sư, mặt khác lại nói một cách không hề khó chịu chút nào, gợi ý với tôi rằng trước một tòa án SS tôi sẽ không thể có nguy cơ dính án tử hình vì như vậy là vi phạm đến danh dự, không cần quan tâm đến luật hình sự.

Có vẻ như là những vụ việc đó không hề làm tổn hại đến sự biệt đãi mà Reichsführer thể hiện với tôi. Trong một trong những chuyến ghé qua Berlin của mình, ông ta mời tôi lên đoàn tàu và, sau một buổi lễ trong đó tôi nhận được tấm mẽ đay mới cùng với khoảng một chục sĩ quan khác, phần lớn là người của Waffen-SS, ông ta mời tôi vào phòng làm việc riêng để thảo luận về bản đề xuất của tôi, mà những ý tưởng, theo ông ta, rất tốt nhưng cần được đào sâu hơn. “Chẳng hạn, có Nhà thờ Thiên chúa giáo. Nếu chúng ta ấn định một mức thuế lên sự độc thân, chắc chắn là họ sẽ xin miễn trừ cho giới tu sĩ. Và nếu chúng ta đồng ý cho họ điều

đó, thì đó sẽ lại là một thắng lợi mới của họ, một minh chứng mới về sức mạnh của họ. Vì vậy, tôi nghĩ rằng việc tiền giả định cho tất cả diễn tiến có thể có, sau chiến tranh, sẽ là giải quyết *Kirchenfrage*, vấn đề về hai nhà thờ. Theo một cách thức triệt để nếu cần: Các *Pfaff*, những lão thầy tu quèn đó, gần như còn tệ hại hơn cả bọn Do Thái. Anh không nghĩ vậy à? Tôi hoàn toàn nhất trí với Führer về vấn đề này: Kitô giáo là một thứ tôn giáo Do Thái, do một tên rabbin Do Thái, Saul, lập ra, như một thứ phương tiện để chuyên chở đạo Do Thái đến một trình độ mới, trình độ nguy hiểm nhất cùng với chủ nghĩa Bôn-sê-vich. Diệt trừ bọn Do Thái trong khi vẫn giữ lại bọn tín đồ Kitô giáo, đó sẽ là một công việc nửa chừng." Tôi nghiêm trang lắng nghe những lời đó, ghi chép lại cẩn thận. Mãi đến cuối cuộc gặp, Reichsführer mới đề cập vụ việc của tôi: "Bọn họ không tạo ra được bằng chứng nào, phải không?" – "Không, thưa Reichsführer. Không có cái nào cả." – "Như vậy là rất tốt. Tôi đã ngay lập tức thấy rằng đó là một việc ngu xuẩn. Dù sao thì tốt hơn hết vẫn là để cho bọn họ tự thuyết phục chính mình, đúng không nào?" Ông ta đưa tôi ra đến cửa và bắt tay tôi sau khi tôi chào ông ta: "Tôi rất hài lòng với công việc của anh, Obersturmbannführer. Anh là một sĩ quan rất có tương lai."

Rất có tương lai? Với tôi đúng hơn thì tương lai mỗi ngày một thu hẹp dần lại, tương lai của tôi cũng như tương lai của nước Đức. Khi quay đầu nhìn lại, tôi hoảng sợ ngấm nhìn cái hành lang dài tối om, đường hầm dẫn từ thẳm sâu quá khứ đến thời điểm hiện tại. Đã trở thành cái gì rồi những bình nguyên bất tận mở rộng trước mặt chúng ta khi, vừa ra khỏi tuổi thơ, chúng ta tiếp cận tương lai với đầy nghị lực và niềm tin? Toàn bộ sức mạnh đó dường như chỉ để xây dựng cho chúng ta một nhà tù, thậm chí là một giá treo cổ. Kể từ hồi bị ốm, tôi không gặp ai hết, thể thao tôi cũng bỏ lại cho những người khác. Phần lớn thời gian tôi ăn một mình ở nhà, cái cửa sổ sát đất mở rộng, tận hưởng làn không khí êm đềm cuối hè, những chiếc lá xanh cuối cùng đang chậm rãi, giữa những đống đổ nát của thành phố, chuẩn bị cho chum màu

rực rỡ của mình. Thỉnh thoảng, tôi đi chơi với Hélène, nhưng một sự khó chịu đau đớn cứ lơ lửng trên những cuộc gặp gỡ ấy; hẳn là cả hai chúng tôi đều tìm kiếm sự dịu dàng, sự ngọt ngào sâu đậm của những tháng đầu tiên, nhưng nó đã biến mất và chúng tôi không còn biết phải tìm nó ở đâu nữa, thế nhưng cùng lúc chúng tôi cũng cố sức làm ra vẻ không có gì thay đổi cả, thật là kỳ cục. Tôi không hiểu tại sao cô lại cứ bướng bỉnh ở lại Berlin: bố mẹ cô đã đến ở nhà một người họ hàng trong vùng Bade, nhưng khi – một cách thành thực chứ không phải là với sự tàn bạo không thể giải thích khi bị ốm của tôi – tôi giục cô đến chỗ họ, cô lại viện ra những cái cớ nực cười, công việc của cô, rồi cô phải trông coi căn hộ. Trong những khoảnh khắc sáng suốt tôi tự nhủ cô ở lại là bởi vì tôi, và tôi tự hỏi không biết có phải sự hoảng sợ mà những lời nói của tôi hẳn đã gây ra cho cô đã thúc đẩy cô làm việc này, liệu có phải là cô đang hy vọng, rất có thể, cứu tôi khỏi chính tôi, ý tưởng lối bạch thực sự, nhưng ai biết được có điều gì diễn ra trong đầu một người phụ nữ? Hẳn là còn có một điều gì đó khác, và thỉnh thoảng tôi cũng nhìn thấy nó. Một hôm, chúng tôi đang bước đi trên phố, một chiếc ô tô chạy qua một vũng nước gần chúng tôi: tia nước bắn lên chân cô để trần dưới cái jupe, vẩy tạt lên đến đùi. Cô phá lên cười một cách kỳ quặc, gần như là vỡ òa. “Tại sao cô lại cười như vậy? Có gì buồn cười lắm à?” – “Anh, chính anh, cô nói với tôi trong tiếng cười. Chưa bao giờ anh sờ vào người tôi cao đến vậy.” Tôi không đáp lại, tôi có thể nói gì được đây? Lẽ ra tôi phải đưa cho cô đọc, để đưa cô về trở lại chỗ của mình, bản đề xuất mà tôi đã nộp lên cho Reichsführer; nhưng tôi cảm thấy rất rõ là cả cái đó, thậm chí là cả một lời giải thích thẳng thắn về lối sống của tôi cũng sẽ không thể làm cô nản chí được, cô như vậy đấy, bướng bỉnh, cô đã có lựa chọn của mình gần như một cách tình cờ và giờ đây cô cứ cứng đầu bám chặt vào đó, như thể bản thân lựa chọn quan trọng hơn là kẻ có nó. Tại sao tôi lại không đuổi cô đi? Tôi không biết. Tôi không có nhiều người để nói chuyện. Thomas làm việc mười bốn, mười sáu tiếng mỗi ngày, thỉnh thoảng lắm tôi mới gặp anh. Phần lớn các đồng

nghiệp của tôi đã được *thuyên chuyển*. Hohenegg, tôi biết được điều đó khi gọi điện đến OKW, đã bị gửi ra mặt trận vào tháng Bảy, và vẫn ở Königsberg cùng một bộ phận của OKHG Trung tâm. Về mặt công việc, và mặc dù có những lời khích lệ của Reichsführer, tôi đã đạt đến một điểm chết: Speer đã vẽ một gạch chéo lên tôi, tôi chỉ còn liên lạc được với các thuộc cấp của ông ta, và văn phòng của tôi, không còn được ai yêu cầu làm gì nữa, gần như chỉ còn được dùng làm hòm thư cho những lời phàn nàn của nhiều xí nghiệp, tổ chức hoặc các bộ. Thỉnh thoảng Asbach và những thành viên khác của êkip thực hiện được một nghiên cứu mà tôi gửi đi đây đó; người ta phúc đáp tôi một cách lịch sự, hoặc không hề trả lời. Nhưng tôi chỉ hoàn toàn hiểu mình đã đi sai đường đến mức độ nào vào ngày Herr Leland mời tôi đến uống trà. Đó là ở quầy bar của *Adlon*, một trong những quán ăn ngon hiếm hoi vẫn còn mở cửa, một cái tháp Babel thực thụ, nơi người ta nói khoảng một chục thứ tiếng, tất cả thành viên của giới ngoại giao nước ngoài có vẻ đều hẹn hò ở đó. Tôi tìm được Herr Leland tại một cái bàn hơi khuất một chút. Một người quản lý phục vụ tôi nước trà với những động tác chính xác và Leland chờ đến khi ông ta đi khỏi mới bắt đầu câu chuyện. "Sức khỏe của anh thế nào?" ông ta hỏi. – "Tốt, mein Herr. Tôi đã bình phục hoàn toàn." – "Thế còn công việc của anh?" – "Tiến triển tốt, mein Herr. Có vẻ như là Reichsführer hài lòng. Mới đây tôi đã được trao huân chương." Ông ta không nói gì, chỉ uống một ít trà. "Nhưng đã nhiều tháng nay tôi không gặp lại Reichsminister Speer," tôi tiếp tục. Ông ta phác một cử chỉ đột ngột: "Điều đó không còn quan trọng gì nữa. Speer đã làm chúng tôi thất vọng rất nhiều. Bây giờ cần phải chuyển sang một việc khác." – "Việc gì, mein Herr?" – "Nó đang được tiến hành," ông ta chậm rãi nói, với một thoáng âm sắc rất đặc biệt. "Thế tiến sĩ Mandelbrod có khỏe không, mein Herr?" Ông ta nhìn chăm chăm vào tôi với cái nhìn lạnh lùng, nghiêm khắc của mình. Vẫn như thường lệ tôi không có khả năng phân biệt được con mắt thủy tinh với con mắt còn lại. "Mandelbrod khỏe. Nhưng tôi phải nói với anh rằng anh đã làm

ông ấy thất vọng một chút." Tôi không nói gì. Leland lại uống thêm một ít trà nữa trước khi tiếp tục: "Tôi phải nói rằng anh đã không thỏa mãn được tất cả những trông chờ của chúng tôi. Trong thời gian gần đây anh đã không chứng tỏ là có nhiều khả năng sáng tạo. Các công việc của anh ở Hungary gây thất vọng lớn." – "Mein Herr... Tôi đã làm hết sức có thể. Và Reichsführer đã khen ngợi tôi vì công việc. Nhưng có vô cùng nhiều sự đối nghịch giữa các ban, tất cả mọi người đều gây khó dễ..." Leland có vẻ không hề để ý đến lời lẽ của tôi. "Chúng tôi có cảm giác, cuối cùng ông ta nói, rằng anh đã không hiểu được điều chúng tôi chờ đợi ở anh." – "Các ông chờ đợi gì ở tôi, mein Herr?" – "Nhiều nghị lực hơn. Nhiều tính sáng tạo hơn. Anh phải tạo ra được các giải pháp, chứ không phải là những chương ngại vật. Và rồi, cho phép tôi nói với anh, anh đang tự phung phí bản thân mình. Reichsführer đã chuyển cho chúng tôi bản đề xuất gần đây nhất của anh: thay vì mất thời gian vào những trò trẻ con đó, lẽ ra anh phải nghĩ đến sự cứu rỗi nước Đức." Tôi cảm thấy hai má mình nóng bừng lên và phải cố gắng hết sức để kiềm chế giọng nói. "Tôi không nghĩ đến điều gì khác, mein Herr. Nhưng, như ông cũng đã biết, tôi đã bị ốm rất nặng. Tôi cũng có... những vấn đề khác nữa." Hai ngày trước tôi đã có một cuộc gặp nặng nề với von Rabingen. Leland không nói gì, ông ta ra hiệu và người quản lý lại xuất hiện để phục vụ ông ta. Ở quầy bar, một thanh niên với mái tóc lượn sóng, mặc bộ comlê kẻ caro với một cái nơ hình con bướm, cười quá to. Một cái liếc nhìn ngắn là đủ để tôi đánh giá được anh ta thuộc loại gì: đã lâu rồi tôi không hề nghĩ đến chuyện này. Leland nói tiếp: "Chúng tôi có biết những vấn đề của anh. Thật không thể chấp nhận được rằng mọi chuyện lại đi xa đến thế. Nếu anh cần giết người đàn bà đó, thì được rồi, nhưng lẽ ra anh phải làm việc đó một cách sạch sẽ." Máu rút hết khỏi mặt tôi: "Mein Herr..., mãi tôi mới phát ra được lời bằng một cái giọng không âm sắc. Tôi đã không giết bà ta. Không phải là tôi." Ông ta bình thản nhìn tôi: "Được rồi, ông ta nói. Anh chỉ cần biết rằng với chúng tôi thì chuyện đó đâu có quan trọng gì. Nếu anh đã làm

chuyện ấy, thì đó là quyền của anh, quyền tối thượng của anh. Với tư cách là những người bạn cũ của bố anh, chúng tôi sẽ hoàn toàn hiểu được. Nhưng điều mà anh không có quyền làm, đó là thỏa hiệp. Điều này thu nhỏ rất nhiều tính hữu dụng của anh đối với chúng tôi." Tôi định phản đối một lần nữa nhưng ông ta đã chặn tôi lại bằng một cử chỉ. "Chúng ta hãy đợi để xem mọi việc tiến triển như thế nào. Chúng tôi hy vọng anh sẽ phục hồi được phong độ." Tôi không nói gì và ông ta giơ một ngón tay lên. Viên quản lý xuất hiện trở lại; Leland thì thảm vài câu và đứng dậy. Tôi cũng đứng dậy. "Hẹn sớm gặp lại, ông ta nói bằng cái giọng đơn điệu của mình. Nếu anh cần điều gì đó thì cứ liên lạc với chúng tôi." Ông ta đi khỏi không buồn bắt tay tôi, theo sau là viên quản lý. Tôi chưa hề chạm vào tách trà của mình. Tôi đi đến quầy bar và gọi một cốc cognac, rồi uống cạn một hơi. Một giọng nói dễ chịu, hơi kéo dài, nhấn âm rất mạnh, vang lên bên cạnh tôi: "Vẫn còn hơi sớm để uống như thế. Ông có muốn uống thêm một cốc không?" Đó là chàng thanh niên đeo cái nơ hình con bướm. Tôi nhận lời; anh ta gọi hai cốc và tự giới thiệu: Mihai I., thư ký thứ ba của tòa công sứ Rumani. "Mọi việc ở SS thế nào?" anh ta hỏi sau khi chạm cốc với tôi. – "Ở SS à? Bình thường thôi. Thế còn bên ngoại giao thì sao?" Anh ta nhún vai: "U ám lắm. Chỉ còn lại" – anh ta khoát tay chỉ về gian phòng – "những người Mohican cuối cùng. Người ta không thể thực sự tổ chức những bữa tiệc cocktail nữa, vì thiếu thốn quá, thế cho nên chúng tôi đến đây ít nhất là một lần mỗi ngày. Dù sao thì tôi cũng không còn cả chính phủ để đại diện nữa." Rumani, sau khi tuyên bố chiến tranh với nước Đức, hồi cuối tháng Tám, vừa quy hàng quân Xô viết. "Đúng như vậy. Thế thì tòa công sứ của anh đại diện cho cái gì?" – "Về nguyên tắc, Horia Sima. Nhưng chỉ là chuyện lừa bịp thôi, Herr Sima có thể tự đại diện cho mình rất tốt. Dù sao đi nữa" – anh ta lại chỉ vào nhiều người – "tất cả chúng tôi đều rơi vào một tình trạng chung. Nhất là các đồng nghiệp người Pháp và Bungari. Người Phần Lan gần như đều đã đi cả rồi. Chỉ còn lại người Thụy Sĩ và người Thụy Điển với tư cách là các nhà ngoại

giao thực thụ." Anh ta vừa mỉm cười vừa nhìn tôi: "Anh ăn tối với chúng tôi đi, tôi sẽ giới thiệu anh với những bóng ma khác của bạn bè tôi."

Trong những quan hệ của mình, có lẽ tôi đã nói điều này rồi, tôi luôn cẩn thận tránh các trí thức hoặc những người cùng giai cấp xã hội: lúc nào họ cũng nói rõ lắm, và có một xu hướng rất đáng ghét là đem lòng yêu. Với Mihai, tôi có một ngoại lệ, nhưng việc này không có nhiều nguy cơ, bởi vì đó là một người vô sĩ, phù phiếm và vô đạo đức. Anh ta có một ngôi nhà nhỏ ở phía Tây Charlottenburg, tôi nhận lời mời của anh ta đi về đó vào buổi tối đầu tiên, sau bữa ăn, với cái cớ là để uống một cốc cuối cùng, và tôi đã qua đêm tại đó. Dưới dáng vẻ kỳ quặc, anh ta có một cơ thể rắn chắc và nhiều góc cạnh của một vận động viên điền kinh, hẳn là di sản từ nguồn gốc nông dân của anh ta, những sợi lông màu nâu xoắn tít, rậm rì, một cái mũi xù xì của giống đực. Quyển rû được một SS khiến anh ta thấy rất khoái chí: "Wehrmacht hoặc *Auswärtiges Amt* thì dễ dàng quá." Thỉnh thoảng tôi gặp lại anh ta. Có khi tôi đến gặp anh ta sau khi đã ăn tối cùng Hélène, tôi chiếm hữu anh ta một cách cộc cằn, như thể để dọn sạch khỏi đầu mình những ham muốn thâm kín của cô bạn gái, hoặc là sự mù mờ của chính tôi.

Tháng Mười, liền sau sinh nhật của tôi, tôi lại bị gửi sang Hungari. Horthy đã bị lật đổ bởi một cú dàn xếp của von dem Bach và Skorzeny, và đảng viên Đảng Chữ thập Vương của Szálasi lên nắm quyền lực. Kammler gào toáng lên đòi nhân lực cho các nhà máy ngầm dưới đất và những tên lửa V-2 của ông ta, mà các mẫu đầu tiên vừa được phóng vào tháng Chín. Các đội quân Xô viết đã tiến vào Hungari, từ phía Nam, cũng như vào lãnh thổ của chính Reich, ở Đông Phổ. Tại Budapest, SEk đã bị giải tán vào tháng Chín, nhưng Wisliceny vẫn ở đó và Eichmann nhanh chóng xuất hiện trở lại. Lại có thêm một thảm họa nữa. Người Hungari chấp nhận giao cho chúng tôi năm mươi nghìn Do Thái của

Budapest (tháng Mười một, Szálasi đã khẳng khái về việc họ chỉ được “cho mượn”), nhưng phải gửi họ đến Viên, cho Kammler và cho việc xây dựng một *Ostwall*, và không còn phương tiện giao thông sẵn có nào nữa: Eichmann, hẳn là có sự đồng ý của Veesenmayer, quyết định bắt họ đi bộ sang đó. Câu chuyện này đã rất nổi tiếng rồi: nhiều người chết trên đường, và viên sĩ quan phụ trách tiếp nhận, Obersturmbannführer Höse, từ chối phần lớn những người đến được nơi, bởi vì ông ta không thể, thêm một lần nữa, sử dụng phụ nữ cho công việc đào đất. Tôi không thể làm được gì hết, không ai muốn nghe những lời gợi ý của tôi, cả Eichmann, cả Winkelmann, cả Veesenmayer, cả những người Hungari. Khi Obergruppenführer Jüttner, chỉ huy của SS-FHA, đến Budapest cùng với Becher, tôi tìm cách đến nói chuyện với ông ta: trên đường đến đây Jüttner đã gặp những người đi bộ kia, những người ngã xuống như ngã rạ vào bùn, mưa, tuyết; cảnh tượng đó đã làm ông ta bị chấn động và ông ta đã thực sự đến phản đối với Winkelmann; nhưng Winkelmann bảo ông ta đến gặp Eichmann, người mà ông ta không thể kiểm soát nổi, và Eichmann thẳng thừng từ chối không chịu gặp Jüttner, ông ta chỉ sai một thuộc hạ của mình đến, người này ngạo mạn chối bay tất cả những lời phàn nàn. Eichmann, điều này đã rõ ràng, không còn cảm thấy gì nữa, không lắng nghe ai nữa, có thể là chỉ trừ Müller và Kaltenbrunner, và có vẻ như Kaltenbrunner thậm chí còn không nghe lời Reichsführer. Tôi nói về điều này với Becher, người sẽ đến gặp Himmler, tôi yêu cầu ông ta can thiệp, ông ta hứa sẽ làm những gì có thể. Szálasi thì nhanh chóng thấy sợ hãi: người Nga vẫn đang tiến lên; đến giữa tháng Mười một ông ta ra lệnh ngừng các chuyến đi bộ, người ta thậm chí còn chưa gửi đi được đến ba mươi nghìn, lại thêm một sự lãng phí quý quái, một lần nữa. Không ai còn có vẻ biết là mình làm gì, hoặc đúng hơn là ai cũng chỉ tuyệt đối làm những gì mình muốn, một mình, tự loay hoay lầy, không thể còn làm việc trong những điều kiện này nữa. Tôi tiến hành một nỗ lực tiếp cận cuối cùng đối với Speer, người vào tháng Mười đã nắm quyền kiểm soát hoàn toàn

Arbeitseinsatz, kể cả việc sử dụng các tù nhân của WVHA; cuối cùng ông ta cũng chấp nhận tiếp tôi, nhưng ông ta cứ hoãn ngày hẹn lại mãi, cuộc gặp mà ông ta không thấy có lợi ích nào. Quả đúng là tôi cũng không có điều cụ thể to tát nào để tặng cho ông ta. Tôi không còn hiểu chút nào vị trí của Reichsführer nữa. Cuối tháng Mười, ông ta ra lệnh cho Auschwitz ngừng thiêu người Do Thái, và cuối tháng Mười một, bằng cách tuyên bố rằng vấn đề Do Thái đã được giải quyết xong, ông ta ra lệnh phá hủy các cơ sở tận diệt của trại; cùng lúc đó, ở RSHA và ở *Persönlicher Stab*, người ta tích cực tranh luận về việc thành lập một trại tận diệt mới ở Alteist-Hartel, gần Mauthausen. Người ta cũng nói rằng Reichsführer đang tiến hành các cuộc thương thuyết với người Do Thái, ở Thụy Sĩ và ở Thụy Điển; có vẻ như là Becher có biết chuyện, nhưng lẫn tránh những câu hỏi của tôi khi tôi đòi ông ta nói rõ cho mình. Tôi cũng biết là cuối cùng ông ta cũng đòi được Reichsführer triệu tập Eichmann (đó là sau này, vào tháng Chạp); nhưng tôi chỉ biết được những gì đã được nói lần đó mười bảy năm sau này, ở thời điểm phiên tòa xử viên Obersturmbannführer trung thực này tại Jerusalem: Becher, đã trở thành nhà kinh doanh và triệu phú ở Bremen, nói trong bản giải trình của mình rằng cuộc gặp đã diễn ra trên đoàn tàu đặc biệt của Reichsführer, trong Rừng Đen, gần Trimberg, và rằng Reichsführer đã nói chuyện với Eichmann với *cả lòng tốt và sự giận dữ*. Kể từ đó trong những cuốn sách người ta thường xuyên trích dẫn một câu mà khi đó rất có thể là Reichsführer, theo Becher, đã ném cho người thuộc cấp bước binh của mình: “Nếu cho đến giờ anh vẫn tiêu diệt bọn Do Thái, thì kể từ giờ trở đi, nếu tôi ra lệnh cho anh, như tôi đang làm đây, anh sẽ trở thành một bà vú nuôi của bọn Do Thái. Tôi nhắc anh nhớ rằng vào năm 1933 tôi chính là người đã thành lập RSHA, chứ không phải Gruppenführer Müller hay là anh. Nếu anh không thể tuân lệnh tôi được thì nói luôn đi.” Có thể chuyện đó là đúng. Nhưng lời chứng của Becher rất cần phải nghi ngờ; ông ta đã vợ về cho mình, lấy một ví dụ, khi kể rằng nhờ có ảnh hưởng của ông ta lên Himmler mà những chuyến cuộc bộ từ

Budapest đã được chấm dứt – trong khi lệnh đó đến từ những người Hungari đang hoảng sợ – và cả một lời nói dối còn quá đáng hơn thế nữa, nguồn gốc của mệnh lệnh chấm dứt *Endlösung*: thế nhưng nếu có ai đó nhét được điều này vào tai Reichsführer, thì chắc chắn đó không phải là tay lái buôn ranh ma này (Schellenberg, có thể).

Vụ việc liên quan đến luật pháp của tôi vẫn tiếp tục kéo dài; một cách đều đặn, thẩm phán von Rabingen triệu tập tôi đến để làm rõ một điểm nào đó. Thỉnh thoảng tôi gặp Mihai; còn về phía Hélène, có vẻ như là cô ngày càng trở nên trong suốt hơn, không phải vì sợ, mà vì cảm xúc bị dồn nén. Từ Hungari trở về, khi tôi nói với cô về những điều thảm khốc xảy ra ở Nyíregyháza (quân đoàn bọc thép số III đã chiếm lại thành phố từ tay người Nga, hồi cuối tháng Mười, và đã tìm được những người phụ nữ đủ mọi lứa tuổi bị hiếp, những ông bố bà mẹ bị đóng đinh trong lúc đang còn sống lên các cánh cửa trước mặt những đứa con bị chặt chân tay của họ; và đó là sản phẩm của người Hungari, không phải là của nước Đức), cô nhìn tôi thật lâu, rồi dịu dàng nói: “Thế ở Nga thì có khác không?” Tôi không nói gì. Tôi nhìn hai cổ tay của cô, đặc biệt thanh mảnh, thò ra từ tay áo; tôi tự nhủ rằng mình có thể dễ dàng dùng ngón tay cái và ngón tay trở chụm lại thành vòng tròn bao quanh chúng. “Tôi biết rằng sự trả thù sẽ rất kinh khủng, cô nói. Nhưng chúng ta đáng bị như vậy.” Đầu tháng Mười một, căn hộ của tôi cho đến khi đó vẫn được hưởng một sự kỳ diệu biến mất trong một trận oanh tạc: một quả bom rơi qua mái nhà và búng đi hai tầng gác trên cùng; Herr Zempke qua đời trong một cơn đau tim khi đi ra từ cái hầm bị sụt mất một nửa. Thật may mắn, tôi đã có thói quen để một phần quần áo và đồ lót ở văn phòng. Mihai đề nghị tôi chuyển đến nhà anh; tôi thích đến Wannsee ở nhờ nhà Thomas hơn, anh đã quay về đó ở sau khi ngôi nhà của anh ở Dahlem bị cháy vào hồi tháng Năm. Ở đó anh sống một cuộc sống tiệc tùng thỏa thích, lúc nào cũng có vài tay điên rồ của Arnt VI, một hoặc hai đồng nghiệp của Thomas, Schellenberg, và tất nhiên là các cô gái. Schellenberg thường

xuyên thảo luận riêng với Thomas nhưng rõ ràng là nghi ngại tôi. Một hôm, tôi về sớm hơn thường lệ, tôi nghe thấy tiếng một cuộc tranh luận sôi nổi trong phòng khách, nhiều giọng nói, âm điệu nhạo báng và khẳng khẳng của Schellenberg: "Nếu như tay Bernadotte đó chấp nhận..." Ông ta ngừng lời ngay khi nhìn thấy tôi trên ngưỡng cửa và lấy giọng vui vẻ chào tôi: "Aue, rất vui vì được gặp anh." Nhưng ông ta không tiếp tục cuộc nói chuyện của mình với Thomas. Những khi mệt mỏi vì những trò điên cuồng của bạn tôi, thỉnh thoảng tôi để cho Mihai lôi kéo. Anh ta thường xuyên đến dự các bữa tiệc chia tay hàng ngày của tiến sĩ Kosak, đại sứ Croatia, hoặc được tổ chức ở tòa công sứ, hoặc tại biệt thự của ông ta ở khu Dahlem; những nhân vật quan trọng của giới ngoại giao và của *Auswärtiges Amt* đều đến đó để tọng lấy tọng để đồ ăn, để nốc rượu, và để gặp gỡ những ngôi sao nhỏ xinh đẹp của UFA, Maria Milde, Ilse Werner, Marikka Röck. Khoảng nửa đêm, một dàn đồng ca hát những bài hát dân ca vùng Dalmatie; sau cuộc không kích thường lệ của những chiếc Mosquito, các pháo binh của đội pháo Flak Croatia đóng ở gần kề đến uống và chơi nhạc jazz cho đến sáng; trong số họ có một sĩ quan thoát được khỏi Stalingrad, nhưng tôi cẩn thận tránh không nói với anh ta là tôi cũng đã từng ở đó, nếu không hẳn là anh ta sẽ không chịu buông tha cho tôi. Những cuộc chèn chén đó thỉnh thoảng tuột dốc thành những cơn hoan lạc, từng cặp một quán lấy nhau trong các hốc tường của tòa công sứ và những kẻ lố lăng tức tối đi ra ngoài vườn nã hết đạn súng ngắn của mình; một tối, say sưa, tôi làm tình với Mihai trong phòng ngủ của ông đại sứ, đang ngáy khò khò phía dưới, trên một chiếc divăng; sau đó, quá hứng khởi, Mihai lại trèo lên với một cô diễn viên nhỏ bé và chơi cô ta trước mặt tôi trong khi tôi cạn một chai slivovitz và suy tư về những lệ thuộc của xác thịt. Sự vui vẻ phù phiếm và cuồng loạn đó không thể kéo dài. Cuối tháng Chạp, trong khi người Nga vây hãm Budapest và cuộc tấn công cuối cùng của chúng tôi sa lầy ở Ardennes, Reichsführer gửi tôi đến thanh tra cuộc sơ tán khỏi Auschwitz.

Vào mùa hè, cuộc sơ tán vôi vữa và muộn màng của KL Lublin đã gây cho chúng tôi rất nhiều lo lắng: bên Xô viết đã chiếm được các cơ sở nguyên vẹn, với các kho chứa đồ đầy ắp, cung cấp tràn trề nước cho cái cối xay tuyên truyền của họ về những điều thảm khốc. Kể từ cuối tháng Tám, các lực lượng của họ đóng trên sông Vistule, nhưng rõ ràng là họ không chỉ dừng lại ở đó. Cần phải có các biện pháp. Cuộc sơ tán các trại và trại phụ của tổ hợp trại Auschwitz, nếu cần thiết, được đặt dưới trách nhiệm của Obergruppenführer Ernst Schmauser, HSSPF của quân khu VIII bao gồm cả vùng Thượng Silésie; các công việc, Brandt giải thích với tôi, sẽ do nhân viên của trại tiến hành. Vai trò của tôi là đảm bảo tính chất ưu tiên của cuộc sơ tán nguồn nhân lực có thể sử dụng, ở tình trạng tốt, dành để tái khai thác bên trong lãnh thổ của Reich. Sau những lần thất vọng ở Hungari tôi rất nghi ngờ: "Tôi sẽ có những quyền gì? tôi hỏi Brandt. Liệu tôi có thể ra các mệnh lệnh cần thiết không?" Ông ta lảng tránh câu hỏi: "Obergruppenführer Schmauser có toàn quyền. Nếu anh thấy rằng nhân viên của trại không hợp tác theo tinh thần mà chúng ta muốn, hãy nói lại điều đó với ông ấy và ông ấy sẽ ra các mệnh lệnh cần thiết." – "Thế nếu tôi có các vấn đề với Obergruppenführer thì sao?" – "Anh sẽ không có vấn đề gì với Obergruppenführer. Đó là một người quốc xã tuyệt vời. Dù sao thì anh cũng vẫn sẽ liên lạc với Reichsführer hoặc với tôi." Bằng kinh nghiệm tôi biết rằng đó là một sự đảm bảo quá nhẹ cân. Nhưng tôi không có lựa chọn nào cả.

Khả năng tiến lên của kẻ thù đe dọa một trại tập trung đã được Reichsführer nêu lên, ngày 17 tháng Sáu 1944, trong một chỉ thị tên là *Fail-A*, "trường hợp A", giao cho HSSPF của vùng, trong trường hợp xảy ra khủng hoảng, các quyền rất lớn đối với nhân viên của trại. Vì vậy, nếu Schmauser hiểu được tầm quan trọng của việc gìn giữ ở mức độ tối đa nguồn nhân lực, có thể là mọi việc sẽ diễn ra một cách đúng đắn. Tôi đến gặp ông ta tại đại bản doanh đặt tại Breslau. Đó là một người thuộc thế hệ trước, hẳn là ông ta ở vào độ tuổi năm mươi hoặc năm mươi lăm,

nghiêm khắc, cứng nhắc, nhưng chuyên nghiệp. Kế hoạch sơ tán các trại, ông ta giải thích với tôi, đã được đưa vào khuôn khổ chung của chiến lược rút lui *Auflockerung-Räumung-Lähmung-Zerstörung* ("Tháo rời-Sơ tán-Vô hiệu hóa-Phá hủy") thành hình vào cuối năm 1943 "và được áp dụng rất thành công ở Ukraine và Belarus, nơi bọn Bôn-sê-vich không chỉ không thể tìm được chỗ trú ngụ và đồ ăn, mà thậm chí còn không thể, tại một số tỉnh như là Novgorod, cướp lại dù chỉ một người còn có thể hữu ích một cách tiềm năng." Quân khu VIII đã ban hành lệnh thực hiện ARLZ vào ngày 19 tháng Chín. Trong khuôn khổ đó, 65 000 *Häftling* đã được sơ tán về phía *Altreich*, kể cả toàn bộ các tù nhân Ba Lan và Nga, những kẻ có khả năng trở thành một mối nguy cho các vùng hậu phương trong trường hợp kẻ thù tiến đến gần. Còn lại 67 000 tù nhân, trong đó 35 000 vẫn đang làm việc tại các nhà máy của vùng Thượng Silésie và các vùng lân cận. Ngay từ tháng Mười Schmauser đã giao cho sĩ quan liên lạc của ông ta, Major der Polizei Boesenberg, việc lên kế hoạch sơ tán cuối cùng cũng như hai pha cuối cùng trong chiến lược ARLZ; về các chi tiết, tôi sẽ xem xét cùng với ông ta, biết rằng chỉ Gauleiter Bracht, với quyền hạn Reichskommissar của mình đối với việc phòng vệ *Gau*, có thể ra các quyết định về việc triển khai. "Anh cũng hiểu đấy, Schmauser tuyên bố để kết luận, tất cả chúng tôi đều biết việc gìn giữ được nguồn lao động niềm năng có tầm quan trọng lớn đến thế nào. Nhưng với chúng tôi, và cả với Reichsführer nữa, các vấn đề an ninh vẫn được đặt lên hàng đầu. Từ đó số lượng người thù địch, ở bên trong các chiến tuyến của chúng ta, là cả một nguy cơ khổng lồ, ngay cả khi chúng không được vũ trang. Sáu mươi bảy nghìn tù nhân, đó là gần bảy sư đoàn: anh cứ thử hình dung bảy sư đoàn kẻ thù được tự do đằng sau quân lính của chúng ta trong một cuộc tấn công đi! Hồi tháng Mười, có thể là anh cũng đã biết, chúng tôi có một vụ nổi loạn ở Birkenau, trong số bọn Do Thái của Sonderkommando. Thật may mắn là nó đã bị chế ngự, nhưng chúng tôi đã mất đi nhiều người và một trong số các lò thiêu đã bị đánh nổ tung. Cứ

thử hình dung mà xem: nếu có thể kết nối được với bọn du kích Ba Lan thường xuyên lảng vảng quanh trại, thì hẳn là chúng đã có thể gây ra những thiệt hại không thể tính xuể, cho phép hàng nghìn tên tù chạy thoát! Và từ tháng Tám, người Mỹ đã đến ném bom xuống nhà máy của IG Farben, lần nào bọn tù nhân cũng lợi dụng việc đó để tìm cách trốn. Với cuộc sơ tán cuối cùng, nếu có xảy ra, chúng tôi phải làm tất cả để ngăn chặn tình hình tương tự tái diễn. Sẽ phải coi sóc rất chặt chẽ." Quan điểm này, tôi hiểu rất rõ, nhưng tôi sợ các hậu quả thực tế có thể nảy sinh từ đó. Những trình bày của Boesenberg không trấn an được cho tôi. Trên giấy tờ, kế hoạch của ông ta đã được chuẩn bị một cách tỉ mỉ, với những tấm bản đồ chính xác cho tất cả các ngã đường sơ tán; nhưng Boesenberg hăng hái chỉ trích *Sturmbannführer Bär*, người đã từ chối không chịu tham khảo ý kiến chung để xây dựng kế hoạch này (một sự tái tổ chức về hành chính cuối cùng, hồi cuối tháng Mười một, đã để lại cho tay *Kommandant* cựu chủ hàng bánh các trại I và II, cũng như *Standortälteste* của ba trại và tất cả các *Nebenlager*); Bär lấy cớ là HSSPF không có chút quyền nào đối với trại, điều đó chính xác về mặt kỹ thuật cho đến khi *Fall-A* được tuyên bố, và ông ta chỉ chấp nhận dẫn chiếu đến nó ở *Amtsgruppe D*. Rất khó có được một sự hợp tác chặt chẽ và trơn tru giữa các bên hữu quan vào thời điểm một cuộc sơ tán. Ngoài ra – và điều này còn làm tôi lo lắng nhiều hơn sau các kinh nghiệm riêng hồi tháng Mười và tháng Mười một – kế hoạch của Boesenberg dự kiến một cuộc sơ tán các trại bằng đi bộ, các tù nhân sẽ phải đi từ 55 đến 63 cây số trước khi được đưa lên những đoàn tàu ở Gleiwitz và Loslau. Kế hoạch này hết sức logic: tình hình chiến sự do kế hoạch giả định trước không cho phép sử dụng hoàn toàn các tuyến đường sắt ở tuyến đầu; dù sao thì thiết bị xe lửa cũng thiếu một cách trầm trọng (trên toàn bộ nước Đức, chỉ còn lại khoảng hai trăm nghìn toa tàu, nghĩa là đã mất đến 70% dung lượng đường sắt trong vòng hai tháng). Cũng phải tính đến việc sơ tán các thường dân Đức, được ưu tiên, nhân công nước ngoài và tù binh chiến tranh. Ngày 21

tháng Chạp, Gauleiter Bracht đã ban hành một *U-Plan/Treckplan* hoàn chỉnh cho cả tỉnh, gộp luôn vào đó cả kế hoạch của Boesenberg, theo đó các tù nhân các KL sẽ được, vì các lý do an ninh, ưu tiên trên đường đến Oder, nút cổ chai chính trên những ngã đường sơ tán. Lại thêm một lần nữa, trên giấy tờ, điều đó rất hợp lý, nhưng tôi biết điều gì có thể xảy đến từ một cuộc đi bộ bắt buộc vào giữa mùa đông, không có chuẩn bị trước; và nữa, các Do Thái của Budapest đã xuất phát khi có sức khỏe tốt, trong khi ở đây toàn là những *Häftling* mệt mỏi, yếu ớt, ăn uống kém và không có quần áo ấm, trong một tình hình hoảng loạn rất có thể, ngay cả khi đã được lên kế hoạch từ trước, tuột dốc thành một sự tán loạn. Tôi tra hỏi thật kỹ Boesenberg về các điểm chính yếu: ông ta đảm bảo với tôi rằng trước khi khởi hành quần áo ấm và chăn sẽ được phát, và rằng các kho dự trữ sẽ được bố trí trước trên các ngã đường. Người ta không thể, ông ta khẳng định, làm được tốt hơn. Tôi phải công nhận rằng chắc chắn là ông ta có lý.

Tại Auschwitz, tôi gặp ở Kommandantur Sturmbannführer Kraus, một sĩ quan liên lạc do Schmauser gửi đến cùng với một Sonderkommando của SD, đóng trong trại, quản lý một "văn phòng liên lạc và trung chuyển". Tay Kraus này, một sĩ quan trẻ tuổi nhả nhặn và có năng lực, với cái cổ và tai trái mang những vết bồng nặng, giải thích với tôi rằng anh ta chủ yếu có trách nhiệm với các giai đoạn "Vô hiệu hóa" và "Phá hủy": đặc biệt anh ta phải đảm bảo rằng các cơ sở dùng cho việc tàn diệt và các kho bãi không bị rơi vào tay người Nga một cách toàn vẹn. Còn trách nhiệm thực hiện mệnh lệnh sơ tán, khi nó được ban ra, sẽ thuộc về Bär. Bär tiếp đón tôi một cách khá khó chịu, rõ ràng trong mắt ông ta tôi lại là một tay hành chính từ bên ngoài đến để gây khó dễ trong công việc. Ông ta gườm gườm nhìn tôi bằng đôi mắt sắc lẹm và đầy lo lắng, một cái mũi hơi bè ra, một cái miệng mảnh nhưng nhiều nhục cảm đến kỳ lạ; mái tóc dày và lượn sóng của ông ta được vuốt cẩn thận bằng sáp, giống như một tay chơi bài sành điệu ở Berlin. Tôi đánh giá ông ta là tẻ nhạt và thiên cận

một cách đáng kinh ngạc, còn hơn cả Höss, người dù sao cũng giữ được cái khúu giác của một tay bắn tỉa. Tận dụng cấp bậc cao hơn của mình, tôi thẳng thừng chê trách ông ta về việc thiếu thành tâm hợp tác với các bộ phận của HSSPF. Ông ta đáp lại với một sự cao ngạo không giấu giếm rằng Pohl hoàn toàn ủng hộ vị trí của ông ta. "Khi *Fall-A* được ban xuống, tôi sẽ tự đặt mình ở dưới các mệnh lệnh của Obergruppenführer Schmauser. Từ giờ cho đến khi đó, tôi chỉ phụ thuộc Oranienburg. Ông không được ra lệnh cho tôi." – "Khi *Fall-A* được ban xuống, tôi tức giận đáp lại, sẽ là quá muộn để sửa chữa sự thiếu năng lực của anh. Tôi báo trước với anh rằng trong bản báo cáo gửi cho Reichsführer tôi sẽ coi anh là người chịu trách nhiệm về mặt cá nhân đối với tất cả các tổn thất quá mức." Có vẻ như là những lời đe dọa của tôi không hề gây được hiệu ứng gì lên ông ta, ông ta chỉ im lặng nghe tôi nói, với một sự khinh bỉ gần như không che giấu.

Bär giao cho tôi một phòng làm việc trong Kommandantur của Birkenau và tôi gọi đến từ Oranienburg Obersturmführer Elias và một trong các thuộc cấp mới của tôi, Untersturmführer Darius. Tôi đặt bản doanh của mình ở *Haus der Waffen-SS*; người ta xếp cho tôi ở cùng căn phòng mà tôi đã từng ở vào lần đầu tiên đến nơi đây, một năm rưỡi trước. Thời tiết thật khủng khiếp, lạnh lẽo, ẩm ướt, thất thường. Cả vùng nằm dưới tuyết, một lớp dày, thường xuyên bị rắc lên trên thứ bồ hóng của hầm mỏ và của các ống khói nhà máy, một thứ đặngten màu ghi bẩn thỉu. Trong trại nó gần như chuyển sang màu đen, bị vầy vò bởi bước chân của hàng nghìn tù nhân, và trộn lẫn với một thứ bùn rắn đánh lại vì giá. Những đợt gió lốc dữ dội thổi xuống không hề báo trước từ dãy Beskide bao quanh trại, bóp nó nghẹt thở trong khoảng hai mươi phút dưới một tấm màn trắng bồng chồn, trước khi biến đi với cùng tốc độ đó, để lại tất cả phủ một màu trắng xóa, trong một lúc lâu. Ở Birkenau, chỉ còn một ống khói còn tuôn khói, từng lúc một, Krema IV mà người ta vẫn cho hoạt động để loại

trừ các tù nhân chết trong trại; Krema III đã bị đánh sập trong cuộc nổi loạn hồi tháng Mười và hai lò khác, theo các chỉ thị của Himmler, đã bị phá mất một phần. Người ta đã bỏ không vùng xây dựng mới và rút đi một phần lớn các dãy lán trại, khiến cho khu đất trống rộng lớn bị phó mặc hoàn toàn cho tuyết; các vấn đề về số lượng người quá tải đã được giải quyết bằng những cuộc sơ tán trước đó. Khi thỉnh thoảng những đám mây tan đi, đường kẻ xanh mờ của dãy Beskide hiện ra phía sau các dãy lán trại ngay ngắn: và trại, dưới làn tuyết, như thể trở nên nhẹ nhõm và yên tĩnh. Gần như ngày nào tôi cũng đến thanh tra ở các trại phụ khác nhau, Günthergrube, Fürstergrube, Tschechowitz, Neu Dachs, các trại nhỏ của Gleiwitz, để kiểm tra tình hình chuẩn bị. Những con đường dài phẳng lì gần như không có một bóng người, chỉ thỉnh thoảng mới có những chiếc cam nhông của Wehrmacht; buổi tối tôi quay trở về dưới một bầu trời u tối, một đồng nặng nề màu ghi cùng với, ở phía cuối cùng, thứ tuyết thỉnh thoảng rơi xuống giống như một tấm ga trải giường trên những ngôi làng phía xa, và đằng sau nữa là một bầu trời đẹp đẽ, màu xanh và vàng nhạt, với chỉ một vài đám mây màu tím chết, được viền bởi ánh sáng của một vầng dương đang xuống dần, làm ngả sang màu xanh thứ tuyết và băng giá của những đầm lầy rải khắp nơi trên đất Ba Lan. Tối ngày 31 tháng Chạp, người ta tổ chức một buổi lễ kín đáo trong *Haus* cho các sĩ quan ghé qua và vài sĩ quan của trại: chúng tôi hát những bản thánh ca buồn bã, mọi người chậm rãi uống rượu và hạ giọng nói chuyện với nhau; tất cả đều hiểu rằng đây là lễ Năm Mới cuối cùng của cuộc chiến tranh, và rằng có rất ít cơ may để Reich sống sót được cho đến ngày lễ này sang năm. Ở đó tôi gặp lại bác sĩ Wirths, trầm cảm một cách sâu sắc, người đã gửi gia đình mình về lại Đức, và gặp Untersturmführer Schurz, chỉ huy mới của *Politische Abteilung*, người đối xử với tôi một cách tử tế hơn nhiều so với Kommandant của anh ta. Tôi tranh luận rất lâu với Kraus; anh ta đã phục vụ nhiều năm ở Nga, cho đến khi bị thương nặng ở Kursk, nơi anh ta vừa kịp nhảy ra khỏi chiếc xe tăng panzer bốc cháy của mình;

sau khi phục hồi sức khỏe, anh ta được chuyển đến quân khu SS Đông Bắc, ở Breslau, và cuối cùng là ở bộ tham mưu của Schmauser. Người sĩ quan này, có cùng tên riêng, Franz Xaver, với một Kraus khác, nhà thần học Thiên chúa giáo nổi tiếng của thế kỷ trước, gây cho tôi ấn tượng về một người nghiêm túc, cởi mở trước các ý kiến của người khác, nhưng kiên quyết một cách cuồng tín trong việc hoàn thành thật tốt các nhiệm vụ của mình; tuy khẳng định rằng đã hiểu rất rõ các mục đích của tôi, nhưng anh ta vẫn lưu giữ ý kiến cho rằng không một tên tù nhân nào, và chuyện này là rất tự nhiên, được còn sống mà rơi vào tay người Nga, và cho rằng hai điều bó buộc này không hề không tương thích với nhau. Về nguyên tắc thì chắc chắn là anh ta có lý, nhưng cá nhân mà nói tôi thấy lo lắng – với đầy đủ lý do, như người ta sẽ thấy – về việc các mệnh lệnh quá nghiêm khắc khơi dậy sự tàn bạo ở những người lính canh của trại, gồm toàn những người thuộc nhóm cận đáy của SS vào năm thứ sáu của cuộc chiến tranh này, những người đã quá già hoặc quá ốm yếu để có thể phục vụ ở mặt trận, các *Volksdeutscher* nói tiếng Đức rất kém, các cựu chiến binh phải chịu những cơn bất ổn về tâm thần nhưng được đánh giá là đủ khả năng để phục vụ, nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, và là những kẻ thoái hóa đủ khéo léo để tránh được tiểu đoàn kỷ luật hoặc đội hành quyết. Nhiều sĩ quan không đáng giá gì hơn người của mình: với sự mở rộng vô lối hệ thống các KL trong năm cuối cùng của cuộc chiến tranh này, WVHA buộc phải bạ ai cũng tuyển, thăng chức cho các nhân viên cấp thấp nổi tiếng là không có năng lực, phải dùng lại những sĩ quan từng mất cả sự nghiệp vì phạm lỗi trầm trọng, hoặc những kẻ mà không ai khác muốn có cả. Hauptsturmführer Drescher, một sĩ quan mà tôi cũng gặp vào buổi tối hôm đó, xác nhận cách nhìn bi quan của tôi. Drescher điều hành nhánh của hội đồng Morgen vẫn còn đóng lại ở trại, và đã nhìn thấy tôi một lần cùng với sếp của anh ta ở Lublin; tối đó, trong một hốc tường hơi khuất của phòng ăn, anh ta kể với tôi một cách khá cởi mở về những cuộc điều tra đang được tiến hành. Cuộc điều tra đối với Höss, đã suýt đi đến

kết quả hồi tháng Mười, đột nhiên bị sụp đổ vào tháng Mười một, dù đã có lời chứng của một nữ tù nhân, một cô gái điểm người Áo mà Höss đã quyến rũ rồi tìm cách giết chết bằng cách giam vào một xà lim kỷ luật của PA. Sau khi được chuyển đến Oranienburg vào cuối năm 1943, Höss đã để lại gia đình mình trong ngôi nhà của Kommandant, bắt những người thay thế mình sau đó phải đến ở nơi khác; ông ta chỉ mới cho họ chuyển đi một tháng trước đây, chắc hẳn là vì mối đe dọa của Nga, và ở toàn trại ai cũng biết chuyện Frau Höss đã đòi bốn chiếc cem không để chở tài sản của họ về. Drescher phát ốm vì chuyện đó, nhưng Morgen đã vấp phải những sự bảo trợ của Höss. Các điều tra vẫn tiếp tục, nhưng chỉ còn liên quan đến những con cá nhỏ. Wirths cũng đến chỗ chúng tôi, và Drescher vẫn tiếp tục nói mà không cảm thấy phật ý trước sự có mặt của viên bác sĩ; rõ ràng là anh ta không để cho ông ta biết gì cả. Wirths lo lắng cho cuộc sơ tán: mặc dù có kế hoạch của Boesenberg, chưa biện pháp nào được tiến hành trong cả *Stammlager* lẫn ở Birkenau để chuẩn bị các khẩu phần đi đường hoặc quần áo ấm. Cả tôi cũng vậy, tôi lo lắng.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người Nga cũng nhúc nhích được. Ở phía Tây, các lực lượng của chúng tôi đang hăng hái để chọc thủng phòng tuyến (người Mỹ đã trụ vững được ở Bastogne), và ở Budapest chúng tôi cũng đã chuyển sang thế tấn công, điều đó khiến cho chúng tôi có được một chút hy vọng. Nhưng với những người biết đọc giữa các hàng chữ, những quả tên lửa V-2 lừng danh tỏ ra không có hiệu quả, cuộc tấn công phụ của chúng tôi ở Bắc Alsace đã ngay lập tức bị chặn lại, và người ta thấy rất rõ rằng bây giờ chỉ còn lại duy nhất vấn đề thời gian. Đầu tháng Giêng, tôi cho Piontek một ngày nghỉ để anh ta sơ tán gia đình khỏi Tarnowitz, ít nhất thì cũng là về đến Breslau; tôi không muốn rằng, khi đến thời điểm, anh ta lại phải lo lắng cuống cuống cho họ. Tuyết vẫn đều đặn rơi và, khi bầu trời sáng lên, làn khói bắn nặng nề của các xưởng luyện kim phủ lên toàn

bộ khung cảnh vùng Silésie, chứng nhân của quá trình sản xuất xe tăng, đại bác, đạn dược vẫn tiếp tục cho đến phút cuối cùng. Khoảng mười ngày trôi đi như vậy trong một sự yên tĩnh đầy lo lắng, được điểm xuyết bởi những cuộc cãi cọ về hành chính. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được Bär chuẩn bị các khẩu phần ăn đặc biệt, để phân phát cho các tù nhân vào thời điểm khởi hành; về quần áo ấm, ông ta nói với tôi rằng người ta sẽ lấy ở chỗ "Canada", vì các kho, do thiếu phương tiện chuyên chở, vẫn còn đầy ắp. Một tin tốt đẹp được báo về làm nhẹ nhõm bớt sự căng thẳng này trong một thoáng chốc. Một tối, ở *Haus*, Drescher đến bàn tôi cùng với hai cốc cognac, mỉm cười dưới bộ râu thưa thưa của mình: "Chúng ta ăn mừng nào, Herr Obersturmbannführer," anh ta tuyên bố với tôi và chìa cho tôi một cốc, tay kia nâng cốc của mình lên. – "Tôi rất muốn, nhưng vì cái gì?" – "Hôm nay tôi đã nói chuyện với Sturmbannführer Morgen. Ông ấy nhờ tôi nói lại với anh là vụ việc của anh đã bị xếp lại." Việc Drescher biết chuyện đó chỉ khiến tôi thấy bối rối một chút, cái tin này làm tôi nhẹ nhõm biết bao nhiêu. Drescher tiếp tục: "Vì không có vật chứng, thẩm phán von Rabingen đã quyết định gỡ bỏ các cáo buộc đối với anh. Von Rabingen đã nói với Sturmbannführer rằng ông ta chưa bao giờ thấy một trường hợp nào nhiều lỗi hử đến thế và dựa trên ít bằng chứng đến thế, và rằng bên Kripo đã làm một công việc rất đáng chê trách. Ông ấy gần như nghĩ rằng tất cả đến từ một âm mưu chống lại anh." Tôi thở ra: "Đó cũng là điều mà tôi vẫn luôn khẳng định. Thật may mắn, Reichsführer đã đặt trọn niềm tin vào tôi. Nếu điều anh nói là đúng, thì danh dự của tôi đã được rửa sạch." – "Quả thực, Drescher vừa nói vừa gật đầu. Sturmbannführer Morgen thậm chí đã tâm sự với tôi rằng thẩm phán von Rabingen còn nghĩ đến chuyện áp dụng biện pháp kỷ luật đối với các thanh tra cảnh sát đã hăng hái chống lại anh." – "Ông ấy sẽ thấy tôi vui mừng vì điều đó." Tin đó được xác nhận với tôi ba ngày sau đó qua một lá thư của Brandt, trong đó đính kèm một bức thư gửi đến Reichsführer trong đó von Rabingen khẳng định rằng ông ta *hoàn toàn tin vào sự vô tội của*

tôi. Cả hai bức thư đều không nhắc gì đến Clemens và Weser, nhưng với tôi như thế đã là quá đủ.

Cuối cùng, sau quãng nghỉ ngắn ngủi đó, quân Xô viết lại tung ra từ các cứ điểm chiến lược trên sông Vistule cuộc tấn công hết sức đáng sợ. Những lực lượng chiến đấu quá mỏng của chúng tôi bị thổi bay. Người Nga, trong khi ngưng lại, đã tập hợp được một hỏa lực kinh khủng; những chiếc T-34 của họ nối đuôi nhau thành nhiều hàng đi qua các đồng bằng Ba Lan, đánh tan những sư đoàn của chúng tôi, bắt chước một cách xuất sắc các chiến thuật của chúng tôi hồi năm 1941; ở nhiều nơi, các đội quân của chúng tôi bị bất ngờ với những chiến xa kẻ thù trong khi họ vẫn còn đang tưởng chiến tuyến còn cách xa hơn 100 cây số. Ngày 17 tháng Giêng, General-Gouverneur Frank và cơ quan hành chính của ông ta sơ tán khỏi Cracovie, và những đơn vị cuối cùng của chúng tôi rút khỏi đồng đồ nát Vacxava. Những chiếc xe tăng đầu tiên của Xô viết đã vào đến vùng Silésie trong khi Schmauser xuống lệnh *Fall-A*. Về phần mình, tôi đã làm tất cả những gì mà tôi cho là có thể: trữ các biđông xăng, những chiếc sandwich và rượu rum trên hai chiếc xe của chúng tôi, và phá hủy bản sao các báo cáo riêng. Tối ngày 17, tôi được Bär mời đến cùng với tất cả các sĩ quan khác; ông ta tuyên bố rằng theo các chỉ thị của Schmauser tất cả các tù nhân khỏe mạnh đều sẽ được sơ tán, đi bộ, bắt đầu từ sáng hôm sau; cuộc họp tối đó sẽ là lần cuối cùng. Cuộc sơ tán sẽ được tiến hành theo kế hoạch của ông ta. Mỗi chỉ huy đội hình sẽ phải trông coi sao cho không có tù nhân nào chạy thoát được hoặc rút lại trên đường đi, mọi ý định đều sẽ phải bị trừng trị một cách thẳng tay; tuy nhiên, Bär khuyến cáo là cần phải tránh bắn tù nhân khi đi qua các ngôi làng, để không làm cho dân cư bị chấn động. Một trong các chỉ huy đội, một viên Obersturmführer, lên tiếng: "Herr Sturmbannführer, mệnh lệnh này có quá cứng nhắc không? Nếu một *Häftling* định bỏ trốn, thì sẽ là bình thường nếu bắn hấn ta. Nhưng nếu như hấn ta chỉ quá yếu để có thể bước đi được thì sao?" – "Tất cả các *Häftling* khởi hành đều được xếp là có khả năng lao động và phải đi được năm mươi cây số mà không

có vấn đề gì, Bär đáp. Những tên bị ốm và không đủ sức sẽ ở lại các trại. Nếu trong các đội hình có bọn ốm, chúng đều phải bị loại trừ. Các mệnh lệnh này phải được thực thi.”

Đêm đó, các SS của trại ngủ rất ít. Từ *Haus*, gần nhà ga, tôi nhìn những đoàn dân thường dài dằng dặc chạy trốn người Nga đi qua: sau khi đã đi ngang qua thành phố và cây cầu trên sông Sola, họ ào vào nhà ga, hoặc vẫn tiếp tục bước đi một cách nặng nhọc về phía Tây. Các SS giữ một đoàn tàu đặc biệt dành riêng cho gia đình các nhân viên của trại; nó đã đông nghẹt, những người chồng tìm cách chắt chổ tay nải ở chỗ vợ con mình. Sau bữa tối, tôi đến thanh tra ở *Stammlager* và Birkenau. Tôi đến thăm vài khu lán trại: những người tù tìm cách ngủ, các tay kapo khẳng định với tôi rằng người ta chưa hề phát thêm quần áo, nhưng tôi vẫn hy vọng việc đó sẽ được thực hiện vào sáng hôm sau, trước khi khởi hành. Trong những lối đi, hàng đồng tài liệu đang cháy: các lò đốt bị quá tải. Ở Birkenau, tôi nhìn thấy một đám lộn xộn lớn ở chỗ “Canada”: trong ánh sáng của những ngọn đèn chiếu, các tù nhân chất đống đủ loại hàng hóa lên xe cam nhông; một viên Untersturmführer trông coi công việc này đảm bảo với tôi rằng chúng sẽ đi về KL Gross-Rosen. Nhưng tôi thấy rõ rằng các lính gác SS cũng lấy đồ ở đó, thỉnh thoảng còn một cách công khai. Tất cả bọn họ đều la hét, sùi bọt mép một cách vô ích, và tôi cảm thấy nỗi hoảng sợ đã chiếm lĩnh những con người đó, rằng ý thức về chừng mực và kỷ luật không hề còn tồn tại nữa. Cũng như mọi khi, người ta đợi đến phút cuối cùng mới làm mọi chuyện, bởi vì hành động sớm hơn có thể bị coi là bằng chứng của tinh thần bi quan; giờ đây, người Nga đã ở gần sát chúng tôi rồi, những người lính gác của Auschwitz nhớ đến số phận của các SS bị bắt ở trại Lublin, vì vậy họ đánh mất toàn bộ khái niệm về các ưu tiên và chỉ còn tìm kiếm một điều, chạy trốn. Chán nản, tôi đến gặp Drescher trong phòng làm việc của anh ta ở *Stammlager*. Cả anh ta cũng đang đốt tài liệu. “Anh đã thấy họ tranh cướp như thế nào chưa?” anh ta vừa hỏi tôi vừa nở một nụ cười dưới lớp râu lưa thưa. Anh ta rút từ một ngăn kéo ra một chai

armagnac đắt tiền. “Anh nghĩ sao? Một tay Untersturmführer mà tôi truy đuổi từ bốn tháng nay nhưng không sao tóm được đã tặng tôi cái này như một món quà tạm biệt, đồ khôn kiếp. Hắn ta đã đánh cắp nó, dĩ nhiên rồi. Anh uống một cốc với tôi nhé?” Anh ta rót rượu ra hai cái cốc uống nước: “Rất tiếc, tôi không có gì hơn thế này.” Anh ta giơ cốc của mình lên và tôi làm theo. “Nào, anh ta nói, chúng ta uống vì một cái gì đó đi.” Nhưng tôi không nghĩ ra nổi điều gì cả. Anh ta nhún vai: “Tôi cũng thế. Thôi thì cứ uống vậy.” Rượu armagnac ngon tuyệt vời, một luồng cháy nhẹ thơm hương. “Anh đi đâu?” tôi hỏi anh ta. – “Đến Oranienburg, báo cáo lại. Tôi có cùng với đây các bằng chứng để buộc tội mười một tên nữa. Sau đó, người ta sẽ gửi tôi đi đâu mà họ muốn.” Khi tôi chuẩn bị đi, anh ta chìa cái chai cho tôi: “Này, cần lấy đi. Anh sẽ cần nó nhiều hơn là tôi.” Tôi nhét nó vào túi áo măng tô, bắt tay anh ta, và đi ra. Tôi đi đến HKB nơi Wirths đang trông coi việc sơ tán thiết bị y tế. Tôi nói với ông ta về vấn đề quần áo ấm. “Các kho đầy tràn, ông ta khẳng định với tôi. Sẽ không khó khăn gì với việc phân phát chăn, bột, áo măng tô.” Nhưng Bär, mà tôi tìm được vào khoảng hai giờ sáng ở Kommandantur của Birkenau, đang lên kế hoạch về lệnh xuất phát của các đội hình, có vẻ không có cùng ý kiến đó. “Các tài sản cất trong kho là thuộc về Reich. Tôi không có lệnh nào đối với việc phân phát cho bọn tù. Chúng sẽ được sơ tán bằng xe cam nhông hoặc bằng tàu hỏa, khi nào có thể.” Ngoài trời, nhiệt độ xuống dưới âm 10 độ, những lối đi đóng giá, trơn tuột. “Ăn mặc như vậy, những người tù của ông sẽ không sống sót được. Rất nhiều người gần như đi chân trần.” – “Những kẻ đủ sức sẽ sống được, ông ta khẳng định. Còn bọn khác, chúng ta đâu có cần.” Càng lúc càng thêm giận dữ, tôi đi xuống trung tâm liên lạc và xin nối máy với Breslau; nhưng không thể gặp được Schmauser, cả Boesenberg cũng vậy. Một nhân viên tổng đài chỉ cho tôi một điện báo của Wehrmacht: Tschentochau vừa thất thủ, các đội quân Nga đã đến cửa ngõ Cracovie. “Gay go rồi đây,” anh ta thả một câu ngắn gọn. Tôi nghĩ đến việc gửi một bản telex cho Reichsführer, nhưng điều đó

sẽ không mang lại ích lợi gì; tốt hơn hết là tìm ra được Schmauser vào ngày mai, và hy vọng rằng ông ta có được nhiều lương thực hơn cái con lừa Bär này. Đột nhiên thấy mệt mỏi, tôi quay về *Haus* để đi nằm. Những cột người, trộn lẫn với lính tráng của Wehrmacht, vẫn ào đi, những người nông dân kiệt sức, quần áo quần kín mít trên người, đồ đạc chất trên một cái xe đẩy cùng với lũ con cái, gia súc bị xua đi phía trước.

Piontek không đánh thức tôi dậy và tôi ngủ đến tận tám giờ. Nhà bếp vẫn hoạt động và tôi tự làm cho mình món trứng rán ăn cùng với xúc xích. Rồi tôi đi ra. Ở *Stammlager* và ở Birkenau, những cột người đang tuôn chảy ra khỏi trại. Các *Häftling*, chân quần trong tất cả những gì mà họ tìm được, bước đi một cách chậm chạp, bước chân nặng nề, bao vây xung quanh là những lính gác SS và được dẫn đường bởi các kapo được ăn uống tốt và mặc quần áo ấm. Tất cả những người sở hữu được tí chút đều cảm theo chân, mà thường là họ gấp lại để trên đầu, trông hơi giống như những người bedouin; nhưng tất cả chỉ có vậy. Khi tôi hỏi người ta giải thích rằng họ đã được phát bánh mì và một mẩu xúc xích cho ba ngày; không ai nhận được lệnh nào liên quan đến quần áo.

Tuy vậy, ngày đầu tiên, mặc cho băng giá và một thứ tuyết ướt sũng, mọi việc có vẻ vẫn còn khả dĩ. Tôi xem xét những cột người rời khỏi trại, thảo luận với Kraus, đi ngược lên các con đường để nhìn ở những nơi xa hơn. Ở khắp nơi, tôi nhìn thấy tình trạng lạng lạng: các lính gác bắt tù nhân đẩy xe chở của cải, hoặc bắt họ phải xách vali cho mình. Bên lề đường, đây đó tôi nhìn thấy một xác chết nằm vùi trong tuyết, đầu thường xuyên đầm máu; các lính gác đang áp dụng những mệnh lệnh nghiêm khắc của Bär. Nhưng các cột người vẫn tiến về phía trước mà không xảy ra lộn xộn nào và cũng không hề có toan tính nổi loạn. Đến nửa ngày thì tôi gọi được cho Schmauser để bàn về vấn đề quần áo. Ông ta nghe tôi một lúc ngắn rồi thổi bay ngay những lời phản đối của tôi: "Chúng ta không thể đưa quần áo dân sự cho chúng, chúng sẽ trốn thoát." – "Vậy thì ít nhất là giày." Ông ta do

dự. “Anh dàn xếp việc đó với Bär đi,” cuối cùng ông ta nói. Chắc hẳn là ông ta có nhiều việc khác phải bận tâm, cái đó thì tôi cảm thấy rất rõ, nhưng dù sao tôi cũng muốn có một mệnh lệnh rõ ràng hơn. Tôi đến gặp Bär ở *Stammlager*. “Obergruppenführer Schmauser đã ra lệnh phát giày cho những tù nhân không có.” Bär nhún vai: “Ở đây thì không còn nữa, tất cả đều đã được chất lên xe để chuyển đi rồi. Anh chỉ còn có việc đến Birkenau xem xét việc đó với Schwarzhuber.” Tôi mất hai tiếng đồng hồ mới tìm ra được viên sĩ quan đó, Lagerführer của Birkenau, người đã đi thanh tra một trong các đoàn người. “Được rồi, tôi sẽ lo việc đó,” anh ta hứa khi nghe tôi truyền đạt lại mệnh lệnh. Khoảng tối, tôi gặp lại Elias và Darius, mà tôi đã gửi đi thanh tra cuộc sơ tán ở Monowitz và nhiều *Nebenlager*. Tất cả đều diễn ra gần như trong trật tự, nhưng đến cuối buổi chiều, càng ngày càng có nhiều tù nhân, kiệt sức, ngừng bước đi và bị các lính gác bắn chết. Tôi lại cùng Piontek đi thanh tra các trạm dừng chân để nghỉ đêm. Mặc dù đã có các lệnh chính thức của Schmauser – người ta lo ngại rằng các tù nhân sẽ lợi dụng đêm tối để trốn mất – một số cột người vẫn tiếp tục tiến lên. Tôi chỉ trích các sĩ quan, nhưng họ trả lời rằng vẫn chưa đến được điểm dừng chân đã được chỉ định, và rằng dù sao thì họ cũng không thể để các đoàn người ngủ ngoài trời, trong tuyết hoặc trên băng. Mà các điểm mà tôi đến thanh tra đều không có đủ chỗ: một kho thóc hoặc một ngôi trường, đôi khi là cho đến hai nghìn tù nhân; nhiều người ngủ bên ngoài, nằm ép sát người vào nhau. Tôi yêu cầu người ta đốt lửa, nhưng không có củi, cây cối thì quá ướt và thiếu dụng cụ để chặt; nơi có thể tìm được những thanh gỗ hoặc rương hòm cũ, người ta đốt những đống lửa trại nhỏ, nhưng chúng sẽ không cháy được cho đến sáng. Không hề có xúp, những người tù phải sống bằng những gì mà họ đã được phát cho từ khi còn ở trại; xa hơn nữa, người ta đảm bảo với tôi, sẽ có các khẩu phần. Phần lớn các đoàn còn chưa đi được đến năm cây số; rất nhiều vẫn còn ở trong vùng lợi ích đã gần như hoang vắng của trại; với nhịp độ này, cuộc đi bộ sẽ kéo dài từ mười đến mười hai ngày.

Tôi quay trở lại *Haus*, người dính đầy bùn, ướt nhẹp, mệt mỏi. Kraus đang ở đó, anh ta uống một cốc với vài đồng nghiệp SD của mình. Anh ta đến ngồi cùng tôi: "Mọi việc thế nào rồi?" anh ta hỏi. – "Không tốt lắm. Sẽ có những tổn thất không cần thiết. Lẽ ra Bär phải làm hơn thế rất nhiều." – "Bär mặc kệ ấy mà. Anh có biết rằng ông ta đã được phong làm Kommandant ở *Mittelbau* không?" Tôi nhướn mày: "Không, tôi không biết. Vậy thì ai trông coi việc đóng trại?" – "Tôi. Tôi đã nhận được lệnh lập một văn phòng, sau khi sơ tán xong, để quản lý việc giải tán về mặt hành chính." – "Xin chúc mừng," tôi nói. – "Ồ, anh ta đáp, đừng nghĩ là điều đó làm tôi vui. Nói thật lòng thì tôi thích làm việc khác hơn." – "Thế các nhiệm vụ trước mắt của anh là gì?" – "Chúng tôi đợi cho đến lúc trại không còn ai. Sau đó, chúng tôi sẽ bắt đầu." – "Anh sẽ làm gì với những người tù còn lại?" Anh ta nhún vai và nở một nụ cười đầy vẻ mỉa mai: "Theo anh thì thế nào? Obergruppenführer đã ra lệnh diệt trừ họ. Không tên nào được phép rơi vào tay bọn Bôn-sê-vich mà còn sống." – "Tôi hiểu rồi." Tôi uống hết cốc của mình. "Thế thì cố gắng nhé. Tôi không ghen tị với anh đâu."

Mọi việc xấu đi một cách kín đáo. Sáng hôm sau, những cột người tiếp tục ra khỏi các trại bằng cổng chính, các lính gác vẫn ở vị trí của mình trên dãy tháp canh, trật tự vẫn được duy trì; nhưng cách đó vài cây số, các cột người bắt đầu kéo dài, rồi rã ra, khi mà những người tù yếu nhất đi chậm lại. Càng ngày càng nhìn thấy nhiều xác chết hơn. Trời đổ tuyết dày, nhưng không lạnh lắm, ít nhất là với tôi, tôi đã từng nhìn thấy cảnh tệ hại hơn rất nhiều hồi còn ở Nga, nhưng được mặc ấm như vậy, tôi lại di chuyển trong một cái xe ô tô có sưởi, và các lính gác phải đi bộ có những chiếc pullover, những cái áo măng tô tốt và đi boots; hẳn là các *Häftling* phải bị lạnh thấu xương. Những người lính gác mỗi lúc một thêm hoảng sợ, họ la hét với những người tù, đánh đập họ. Tôi nhìn thấy một người lính gác đánh một tù nhân dừng lại để đại tiện; tôi quở trách anh ta, rồi yêu cầu viên Untersturmführer chỉ huy đội hình bắt giữ anh ta; anh ta trả lời tôi rằng mình không có đủ

người để có thể tự cho phép làm như vậy. Tại các làng, những người nông dân Ba Lan, đang chờ đợi người Nga tới, im lặng nhìn các tù nhân đi qua, hoặc la hét điều gì đó với họ bằng ngôn ngữ của mình; lính gác đối xử thô bạo với những người định đưa bánh mì hoặc đồ ăn; họ rất căng thẳng, những ngôi làng, ai cũng biết rõ, nhưng nhúc nhích, họ sợ bị tấn công. Nhưng buổi tối, tại các điểm dừng chân mà tôi đến, vẫn không thấy cả món xúp lẩn bánh mì, và nhiều người tù đã ăn hết khẩu phần của mình. Tôi tự nhủ rằng với nhịp độ này thì một nửa, hai phần ba số lượng người sẽ gục ngã trước khi đến được đích. Tôi ra lệnh cho Piontek chở tôi đến Breslau. Vì thời tiết xấu và vướng những đoàn người chạy trốn, mãi sau nửa đêm tôi mới tới được nơi. Schmauser đã ngủ và Boesenberg, ở đại bản doanh người ta nói với tôi như vậy, đã lên Kattowitz, gần mặt trận. Một sĩ quan râu ria không cạo cho tôi xem một tấm bản đồ tác chiến: các vị trí của người Nga, anh ta giải thích, gần như chỉ có ý nghĩa lý thuyết, bởi vì họ tiến quân nhanh đến mức không thể định vị kịp nữa; về phía các sư đoàn của chúng tôi vẫn còn được đánh dấu trên bản đồ, một số đã không còn tồn tại, những sư đoàn khác, theo các thông tin lẻ tẻ, hẳn là đã di chuyển vào *Kessel* cơ động đằng sau các chiến tuyến của Nga, tìm cách hội quân với các lực lượng bị đánh bật lại sau của chúng tôi. Tarnowitz và Cracovie đã thất thủ trong buổi chiều. Người Xô viết cũng đã ồ ạt tiến vào Đông Phổ và người ta nói đến những điều tàn khốc còn tệ hại hơn cả ở Hungari. Đó là một thảm họa. Nhưng Schmauser, khi ông ta tiếp tôi vào giữa buổi sáng, có vẻ bình tĩnh và chắc chắn vào bản thân mình. Tôi miêu tả tình hình cho ông ta và đưa ra các đòi hỏi của tôi: các khẩu phần ăn và củi sưởi ở những điểm dừng, và xe để chở những người tù quá kiệt sức, mà người ta sẽ có thể chữa trị và đưa vào lao động thay vì diệt trừ: "Tôi không nói đến những người bị bệnh sốt chảy rận hoặc bệnh lao, Herr Obergruppenführer, mà chỉ là những người không chịu được rét và đói." – "Lính của chúng tôi cũng lạnh và đói, ông ta thẳng thừng đáp. Dân thường cũng lạnh và đói. Có vẻ như là anh không nhận thức được tình

hình, Obersturmbannführer. Chúng ta có một triệu rưỡi người chạy trốn trên các con đường. Nói cách khác là đông hơn số tù nhân của anh.” – “Herr Obergruppenführer, các tù nhân đó, với tư cách là lực lượng lao động, là một nguồn sống của Reich. Chúng ta không thể tự cho phép mình, trong tình hình hiện tại, mất đi trong số đó hai mươi hoặc ba mươi nghìn người được.” – “Tôi không có phương tiện nào để cấp cho anh cả.” – “Vậy thì ít nhất cũng cho tôi một mệnh lệnh để tôi có thể bắt các chỉ huy đội hình phải tuân lời.” Tôi cho gõ một mệnh lệnh, thành nhiều bản để cho cả Elias và Darius, và Schmauser ký chúng trong buổi chiều; tôi đi khỏi đó ngay lập tức. Những con đường bị ùn tắc một cách đáng sợ, những đoàn người chạy trốn dài bất tận đi chân không hoặc ngồi xe đẩy, những chiếc cam nhông đơn độc của Wehrmacht, những người lính đi lạc. Tại các ngôi làng, những căng tin cơ động của NSV phân phát xúp. Tối muộn tôi mới về đến Auschwitz; các đồng nghiệp của tôi đã về, và đã ngủ. Bär, người ta thông báo với tôi, đã rời khỏi trại, chắc chắn là một cách vĩnh viễn. Tôi đến gặp Kraus và tìm thấy anh ta cùng với Schurz, chỉ huy PA. Tôi đã cầm theo chai armagnac của Drescher và chúng tôi uống chung. Kraus nói với tôi rằng trong buổi sáng anh ta đã cho đánh thuốc nổ phá sập các tòa nhà của Krema I và II, để lại Krema IV cho phút cuối cùng; anh ta cũng đã bắt đầu những cuộc thanh toán được ra lệnh, bắn hai trăm phụ nữ Do Thái còn lại ở *Frauenlager* của Birkenau; nhưng Springorum, chủ tịch tỉnh Kattowitz, đã rút mất Sonderkommando của anh ta cho các nhiệm vụ khẩn cấp và anh ta không còn đủ người để có thể tiếp tục. Tất cả các tù nhân khỏe mạnh đều đã rời khỏi trại, nhưng theo anh ta vẫn còn lại, trên phạm vi toàn trại, hơn tám nghìn người tù bị ốm hoặc quá yếu để có thể đi bộ. Với tôi trong tình hình hiện nay, giết chết những người đó là một việc hoàn toàn ngu xuẩn và không cần thiết, nhưng Kraus đã nhận các mệnh lệnh, và việc này nằm ngoài phạm vi quyền hạn của tôi; và tôi cũng đã có quá nhiều vấn đề với những đoàn người được sơ tán rồi.

Tôi dành bốn ngày sau đó để chạy theo những cột người.

Tôi có cảm giác mình đang vùng vẫy trong một dòng thác bùn: tôi phải đi mất hàng giờ, và khi cuối cùng cũng tìm ra được một sĩ quan phụ trách và chìa cho anh ta xem các mệnh lệnh, thì anh ta sẽ chỉ tuân theo các chỉ thị của tôi một cách miễn cưỡng nhất có thể được. Đây đó tôi cũng tổ chức được những cuộc phân phát khẩu phần (những nơi khác cũng vậy, người ta cũng phát mà không cần đến sự can thiệp của tôi); tôi cho tập hợp chẵn của những người đã chết để đưa cho những người còn sống; tôi có thể cho tịch thu xe kéo của nông dân Ba Lan và chất lên đó những người tù kiệt sức. Nhưng đến ngày hôm sau, khi tôi gặp lại cùng những cột người đó, thì các sĩ quan đã cho bắn chết hết tất cả những ai không thể đứng dậy nữa, và những cái xe gần như trống rỗng. Tôi gần như không nhìn các *Häftling*, tôi không bận tâm đến số phận cá nhân của họ, mà là số phận chung, và dù sao đi nữa thì tất cả bọn họ cũng giống hệt nhau, đó là cả một đám người màu ghi, bẩn thỉu, hôi thối mặc dù trời lạnh, hờ hững, người ta chỉ có thể nắm bắt được từ đó những chi tiết rời rạc, các phù hiệu, một bộ mặt hoặc những bàn chân trần, một cái áo vest khác với những người khác; người ta chỉ có thể phân biệt được đàn ông với phụ nữ một cách khó nhọc. Thỉnh thoảng tôi nhìn thấy mắt họ, dưới những lần chần, nhưng chúng không chiếu ra cái nhìn nào cả, chúng trống rỗng, hoàn toàn bị chiếm lĩnh bởi nhu cầu bước đi và tiến lên thêm nữa. Càng đi xa khỏi sông Vistule trời càng thêm lạnh, chúng tôi càng mất thêm nhiều người trong số họ. Thỉnh thoảng, để nhường đường cho Wehrmacht, các cột người phải đợi hàng giờ ở bên lề đường, hoặc đi cắt ngang những cánh đồng đóng giá, vật lộn để vượt qua vô số dòng kênh và rét phát run khi ra được đường cái trở lại. Ngay khi một cột người dừng bước, những người tù, bị khát, quỳ gối xuống để liếm tuyết. Mỗi cột người, ngay cả những cột mà tôi đã cấp cho xe đẩy, cũng đều có đằng sau một đội lính gác, những người dùng một viên đạn hoặc một cú đập báng súng để giết chết những người tù ngã xuống hoặc chỉ đơn giản là dừng bước; các sĩ quan để lại cho chính quyền địa phương công việc chôn cất xác chết. Như vẫn

luôn như vậy trong dạng tình huống này, sự tàn bạo tự nhiên ở một số người bị kích động lên, và cơn say máu của họ còn vượt quá cả các mệnh lệnh; các sĩ quan trẻ tuổi của họ, cũng sợ hãi y như vậy, khó nhọc kiểm soát họ. Không phải chỉ có những người trong đám lính mất đi tất cả các ý thức về chừng mực. Ngày thứ ba hoặc thứ tư, trên đường tôi gặp lại Elias và Darius; họ đi thanh tra một cột người của trại Laurahütte, mà lộ trình bị chệch đi vì bước tiến quân quá nhanh của người Nga, họ không chỉ đến từ phía Đông mà cả từ phía Bắc, đã gần đến được, theo các thông tin của tôi, Gross Strehlitz, trước Blechhammer một chút. Elias đang đứng cùng viên chỉ huy đội hình, một Oberscharführer trẻ tuổi rất nóng nảy và căng thẳng; khi tôi hỏi anh ta Darius ở đâu, Elias trả lời rằng anh ta đang ở phía sau chăm sóc những người ốm. Tôi đến chỗ anh ta để nhìn thấy anh ta đang dùng khẩu súng ngắn giết những người tù. "Anh làm cái quái gì thế?" Anh ta chào tôi và đáp lại không một chút nao núng: "Tôi theo lệnh của ông, Herr Obersturmbannführer. Tôi đã lọc thật kỹ các *Häftling* ốm hoặc lả đi và tôi đã cho những người còn có khả năng phục hồi lên xe đẩy. Chúng tôi chỉ giết những ai hoàn toàn mất khả năng thôi." – "Untersturmführer, tôi khạc ra với một cái giọng băng giá, những việc thanh lý này không thuộc quyền của anh. Các mệnh lệnh của anh là ngăn cản họ một cách tối đa, chứ không phải là tham gia chuyện đó. Hiểu chưa?" Tôi cũng đi xát xà phòng cho Elias một trận; dù sao thì Darius cũng nằm dưới sự quản lý của anh ta.

Thỉnh thoảng, tôi tìm được những người chỉ huy đội hình biết lắng nghe hơn, những người chấp nhận được logic và sự cần thiết của những gì tôi giải thích với họ. Nhưng các phương tiện mà người ta giao cho họ quá hạn chế, và họ phải chỉ huy những con người thiếu cận và sợ hãi, trở nên cứng rắn trong những năm ở trại, không có khả năng biến đổi các phương pháp của họ, và, với sự tuột dốc của kỷ luật trong sự hỗn độn của cuộc sơ tán, tìm thấy lại tất cả những chỗ xấu xa cũ, những phản xạ cũ của mình. Mỗi người, tôi nghĩ vậy, đều có những lý do để hành xử một cách tàn bạo; như vậy, hẳn là Darius đã muốn chứng tỏ sự cứng rắn và

cả quyết của mình trước những người thường lớn tuổi hơn anh ta. Nhưng tôi còn có nhiều việc khác phải làm hơn là đứng đây phân tích các động cơ này, tôi chỉ thử, một cách vô cùng khó khăn, bắt người ta phải nghe lệnh. Phần lớn các chỉ huy đội hình chỉ đơn giản là tỏ ra hờ hững, họ chỉ có một ý nghĩ trong đầu, đi xa càng nhanh càng tốt khỏi những người Nga cùng với đoàn gia súc mà người ta đã giao cho mình, không tìm cách tự làm phức tạp hóa cuộc đời.

Trong bốn ngày đó, tôi ngủ ở những nơi tôi có thể, trong các nhà trọ, ở chỗ các ông trưởng làng, nhà dân. Ngày 25 tháng Giêng, một cơn gió nhẹ thổi bớt những đám mây, bầu trời trong vắt và thuần khiết, rực sáng, tôi quay về Auschwitz xem chuyện gì đang xảy ra ở đó. Ở nhà ga, tôi nhìn thấy một đội pháo phòng không, phần lớn là các Hitlerjugend được bổ sang Luftwaffe, những đứa trẻ, đang chuẩn bị sơ tán; viên Feldwebel của họ, mất đảo lìa lịa, thông báo với tôi bằng một cái giọng nhọt nhọt rằng người Nga đang ở bên kia sông Vistule và người ta đang đánh nhau trong nhà máy của IG Farben. Tôi lấy đường đi đến Birkenau và rơi đúng một cột tù nhân dài đang đi ngược lên sườn đồi, vây quanh là các SS bắn lên họ một cách khá bừa bãi; đằng sau họ, cho đến trại, con đường phủ đầy xác chết. Tôi dừng lại và gọi chỉ huy của họ, một trong những người của Kraus. “Các anh đang làm gì thế?” – “Sturmbannführer ra lệnh cho chúng tôi vét sạch các khu Ite và IIf và chuyển các tù nhân sang *Stammlager*.” – “Thế tại sao các anh lại bắn họ như vậy?” Anh ta bĩu môi: “Nếu không thì chúng không chịu đi” – “Sturmbannführer Kraus đâu rồi?” – “Ở *Stammlager*.” Tôi suy nghĩ: “Tốt hơn hết là các anh nên bỏ đi. Người Nga sẽ ở đây trong vài giờ nữa.” Anh ta do dự, rồi quyết định; anh ta ra hiệu cho người của mình và cả nhóm chạy vội về phía Auschwitz I, để lại các *Häftling*. Tôi nhìn họ: họ không nhúc nhích, một số cũng nhìn tôi, những người khác ngồi xuống. Tôi ngẩng nhìn Birkenau, và từ phía cao của sườn đồi này tôi có thể nhìn được bao quát toàn bộ: khu vực “Canada”, ở cuối trại, đang cháy, bốc lên trên trời một cột khói đen lớn, ngay gần

đó là làn khói mảnh bay lên từ ống khói của Krema IV, vẫn đang hoạt động, rất khó nhìn rõ. Tuyết trên mái các dãy lán trại lóng lánh trong ánh mặt trời; trại có vẻ hoang vắng, tôi không nhìn thấy một bóng hình con người nào, ngoài những đám rải rác đây đó trên những lối đi và hẳn đó là những cái xác, những tháp canh vẫn đứng sừng sững, trống không, không có gì động đậy. Tôi lên lại xe và quay ngược trở lại, bỏ lại những người tù cho số phận của họ. Ở *Stammlager*, nơi tôi đến được trước Kommando mà tôi đã gặp, các thành viên khác của SD hoặc Gestapo của Kattowitz đang chạy tứ tung, bồn chồn và hoảng sợ. Những lối đi của trại chất đầy xác chết đã bị tuyết phủ lên, những rác rưởi, những chồng quần áo bẩn thỉu; cứ một quãng tôi lại thấy một *Häftling* đang lục tìm những cái xác hoặc lén vào một tòa nhà nào đó, và khi nhìn thấy tôi thì chạy trốn ngay lập tức. Tôi tìm thấy Kraus ở Kommandantur, với các hành lang trống hoác ngập đầy giấy tờ và hồ sơ; anh ta đang uống nốt một chai schnaps và hút thuốc. Tôi ngồi xuống và bắt chước anh ta. “Anh có nghe thấy không?” anh ta nói bằng một cái giọng bình thản. Phía Bắc, phía Đông, những tiếng nổ trống rỗng và đơn điệu của pháo binh Nga đang trầm trầm vang lên. “Người của anh không còn biết việc mình đang làm nữa,” tôi tuyên bố với anh ta và rót cho mình một cốc schnaps. – “Không sao cả, anh ta nói. Tôi sắp đi khỏi đây rồi. Còn anh?” – “Tôi cũng thế, chắc chắn rồi. *Haus* vẫn mở chứ?” – “Không. Hôm qua họ đã đi rồi.” – “Thế còn người của anh?” – “Tôi sẽ để lại vài người phụ trách nốt việc giật mình vào tối nay hoặc ngày mai. Lính của chúng ta sẽ có thể trụ được cho đến lúc đó. Tôi dẫn những người khác đến Kattowitz. Anh có biết là Reichsführer đã được phong làm chỉ huy một tập đoàn quân chưa?” – “Chưa, tôi ngạc nhiên nói, tôi chưa biết.” – “Hôm qua. Người ta đã đặt tên cho nó là tập đoàn quân Vistule, mặc dù mặt trận đã gần như là ở sông Oder, thậm chí là quá đó nữa. Bọn Đỏ cũng đã đến được Baltic. Đông Phổ đã bị cắt khỏi Reich.” – “Phải, tôi nói, đó không phải là những tin tức tốt lành. Có thể Reichsführer sẽ làm được điều gì đó.” – “Nếu quả vậy thì tôi sẽ

ngạc nhiên lắm. Theo tôi, chúng ta tiêu rồi. Dù sao thì cũng sẽ phải chiến đấu tới cùng thôi." Anh ta rót cạn chai rượu vào cốc của mình. "Tôi rất tiếc, tôi nói, tôi uống hết chai armagnac rồi." – "Không sao đâu." Anh ta uống một chút rồi nhìn tôi: "Tại sao anh lại hăng hái như vậy? Tôi muốn nói là với các nhân công của anh ấy. Anh có thực sự tin là một số *Häftling* sẽ thay đổi được điều gì đó của tình hình chúng ta à?" Tôi nhún vai và uống hết cốc rượu. "Tôi có những mệnh lệnh, tôi nói. Thế còn anh? Tại sao anh lại hăng hái giết những người đó thế?" – "Tôi cũng có những mệnh lệnh của tôi. Đó là các kẻ thù của Reich, không có lý do gì để chúng thoát được trong khi dân tộc của chúng ta đang tiêu vong. Nói vậy thôi, tôi bỏ mặc rồi. Chúng tôi không còn đủ thời gian nữa." – "Dù sao thì, tôi bình luận và nhìn vào cái cốc rỗng không của mình, phần lớn sẽ chỉ trụ được thêm vài ngày thôi. Anh đã thấy họ ở trong tình trạng nào rồi đấy." Anh ta cũng uống cạn cốc của mình và đứng dậy: "Đi thôi nào." Bên ngoài, anh ta ra thêm vài mệnh lệnh nữa cho người của mình, rồi quay sang tôi và chào tôi: "Vĩnh biệt, Herr Obersturmbannführer. Chúc may mắn." – "Anh cũng thế nhé." Tôi trèo lên xe và ra lệnh cho Piontek chở tôi đến Gleiwitz.

Những đoàn tàu rời khỏi Gleiwitz tất cả các ngày kể từ 19 tháng Giêng, chở theo những người tù khi họ dần dần từ các trại gần nhất đến. Những đoàn tàu đầu tiên, tôi biết điều đó, đã đi về phía Gross-Rosen, nơi Bär đã chuẩn bị để đón, nhưng Gross-Rosen, nhanh chóng bị quá tải, từ chối nhận thêm nữa; các chuyến hàng giờ đây đi sang Protektorat, rồi đâm về phía Viên (đến KL Mauthausen), hoặc về phía Praha để rồi sau đó được phân chia rải rác trong số các KL của *Altreich*. Người ta vẫn đang chất người trên một đoàn tàu khác thì tôi đến nhà ga Gleiwitz. Trước sự hoảng hốt to lớn của tôi, tất cả các toa tàu đều mở thông thống, đã kịp đầy tuyết và giá ở trong trước khi người ta dùng những cú đập báng súng dồn những người tù kiệt sức lên; bên trong không có nước, không có đồ ăn, không có xô nước vệ sinh. Tôi hỏi những người tù: họ đến từ Neu Dachs và không nhận

được gì từ khi xuất phát khỏi trại; một số chưa ăn gì từ bốn ngày. Ngay độn ra, tôi đứng nhìn những bóng ma gầy gò xương đó, quần mình trong những cái chăn ướt sũng và giá lạnh, đang đứng nép sát người vào nhau trong toa tàu đầy tuyết. Tôi gọi một người lính gác: "Ai chỉ huy ở đây?" Anh ta nhún vai về tức tối: "Tôi không biết, Herr Obersturmbannführer. Người ta bảo chúng tôi là đưa chúng lên." Tôi đi vào tòa nhà chính và hỏi viên trưởng ga, một người đàn ông cao lớn gầy guộc với một hàng ria bàn chải và cặp kính tròn kiểu thầy giáo: "Ai phụ trách những đoàn tàu này?" Ông ta lấy lá cờ đỏ đang cuộn tròn cầm trên tay chỉ vào cấp bậc của tôi: "Thế ra không phải là ông à, Herr Offizier? Dù thế nào thì tôi cứ tưởng là bên SS." – "Ai, chính xác? Ai thành lập các chuyến hàng này? Anh mượn các toa tàu?" – "Về nguyên tắc, ông ta trả lời, luôn lá cờ xuống dưới nách, với các toa tàu, đó là *Reichsbahndirektion* của Kattowitz. Nhưng với các *Sonderzug* này, họ đã gửi một *Amtsrat* đến đây." Ông ta kéo tôi ra khỏi ga và chỉ một cái lán ở cách đó một quãng dọc trên đường. "Ông ấy ở đó." Tôi đi đến nơi và bước vào mà không gõ cửa. Một người đàn ông mặc đồ dân sự, to béo, râu ria lởm chởm, đang ngồi sau một cái bàn làm việc phủ đầy giấy tờ. Hai người lái tàu đang ngồi sưởi ấm cạnh lò sưởi. "Ông có phải là *Amtsrat* của Kattowitz không?" tôi cao giọng. Ông ta ngẩng đầu lên: "Tôi đây, *Amtsrat* của Kattowitz. Kehrling, xin được phục vụ ông." Một thứ mùi schnaps không thể chịu đựng được bốc ra từ miệng ông ta. Tôi chỉ các đường ray: "Chính ông là người chịu trách nhiệm của cái *Schweinerei* này à?" – "Chính xác thì ông muốn nói đến *Schweinerei* nào mới được chứ? Bởi vì vào lúc này có rất nhiều đấy." Tôi cố kiềm chế: "Những đoàn tàu, các toa tàu mở để chở các *Häftling* của các KL." – "À, cái *Schweinerei* đó hả. Không, cái đó thì là các đồng nghiệp của ông. Tôi chỉ điều phối chung các chuyến tàu thôi." – "Vậy thì ông đã cung cấp các toa tàu này." Ông ta lục tìm trong đống giấy tờ. "Tôi sẽ phải giải thích cho ông. Ông ngồi xuống đi. Đây rồi. Các *Sonderzug* này, chúng được *Generalbetriebsleitung Ost*, ở Berlin, cấp. Các toa tàu, thì phải tìm

tại chỗ, trong số các thiết bị xe lửa còn sử dụng được. Thế nhưng, có thể là ông cũng đã nhận ra” – ông ta vẫy tay về phía bên ngoài – “mấy ngày hôm nay thật là lộn xộn. Những toa tàu mở, đó là những gì duy nhất còn lại. Gauleiter đã trưng dụng tất cả các toa tàu đóng để sơ tán những người bên dân sự hoặc cho Wehrmacht rồi. Nếu không thấy hài lòng, ông chỉ việc bịt vải bạt lại thôi.” Tôi vẫn đứng trong khi ông ta giải thích: “Thế ông muốn tôi tìm được vải bạt ở đâu?” – Không phải là vấn đề của tôi.” – “Ít nhất thì lẽ ra ông cũng có thể cho quét sạch các toa tàu chứ!” Ông ta thở dài: “Nghe này, ông bạn, vào lúc này, tôi đang phải điều hành hai mươi, hai mươi lăm chuyến tàu đặc biệt mỗi ngày. Người của tôi gần như chỉ còn đủ thời gian nối các toa lại với nhau.” – “Thế còn đồ tiếp tế?” – “Không phải việc tôi phụ trách. Nhưng nếu ông quan tâm, thì có một viên Obersturmführer ở đâu đó phụ trách tất cả những việc này.” Tôi đi ra ngoài, sập mạnh cửa sau lưng. Gần các đoàn tàu, tôi tìm được một viên Oberwachtmeister của bên Schupo: “A, vâng, tôi đã nhìn thấy một Obersturmführer ra các mệnh lệnh. Chắc ông ấy là người của SP.” Trong các văn phòng, người ta thông báo với tôi rằng quả thực là có một viên Obersturmführer của Auschwitz đang điều phối cuộc sơ tán các tù nhân, nhưng anh ta đã đi ăn rồi. Tôi cho người đi tìm anh ta. Khi anh ta tới nơi, mặt mũi nhăn nhó, tôi chìa các mệnh lệnh của Schmauser và bắt đầu xát xà phòng anh ta về tình trạng các chuyến hàng. Anh ta đứng nghiêm nghe tôi nói, mặt đỏ như một con gà chọi; khi tôi đã nói xong, anh ta ấp úng trả lời: “Herr Obersturmbannführer, Herr Obersturmbannführer, không phải lỗi của tôi đâu. Tôi đã không nhận được gì cả, không có cách nào hết. *Reichsbahn* từ chối không cho tôi các toa tàu kín, không có đồ dự trữ, không có gì hết. Người ta không ngừng gọi điện hỏi tôi tại sao các đoàn tàu không chạy nhanh hơn. Tôi chỉ làm những gì tôi có thể mà thôi.” – “Cái gì? Ở khắp Gleiwitz này không có lấy một kho lương thực nào mà anh có thể trưng dụng hay sao? Vải bạt? Xẻng để dọn sạch các toa? Các *Häftling* đó là một nguồn lợi của Reich, Obersturmführer! Người ta không còn dạy các sĩ quan SS

phải phát huy óc sáng tạo nữa à?" – "Herr Obersturmbannführer, tôi không biết. Tôi có thể đi tìm hiểu." Tôi nhướn mày: "Thế thì đi hỏi đi. Tôi muốn ngày mai phải có các chuyến hàng tạm tạm. Hiểu chưa?" – "Zu Befehl, Herr Obersturmbannführer." Anh ta chào tôi và đi ra. Tôi ngồi xuống và gọi một người loong toong mang trà đến. Trong khi tôi đang thổi nước nóng, một viên Spiess đến gặp tôi: "Xin lỗi, Herr Obersturmbannführer. Ông có phải là thuộc bộ tham mưu của Reichsführer không?" – "Đúng." – "Có hai ông bên Kripo đang tìm một Obersturmbannführer của *Persönlicher Stab*. Chắc đó là ông?" Anh ta dẫn tôi vào một phòng làm việc: Clemens đang dựa hai khuỷu tay lên một cái bàn; Weser ngồi trên một cái ghế, hai tay đút túi áo, lưng ngả ra phía sau dựa vào tường. Tôi mỉm cười và chống tay lên khung cửa, tách trà bốc khói vẫn cầm trên tay. "Kìa, tôi nói, những người bạn cũ. Ngọn gió lạnh nào đã đưa các anh đến đây thế?" Clemens chỉ một ngón tay béo múp về phía tôi: "Ông, Aue. Chúng tôi tìm ông." Vẫn tươi cười, tôi vỗ vỗ lên ngù vai áo mình: "Anh quên mất là tôi có một cấp bậc rồi à, Kriminalkommissar?" – "Chúng tôi mặc kệ cái cấp bậc của ông, Clemens thì thăm. Ông không xứng đáng với nó." Weser cất tiếng lần đầu tiên: "Hắn là ông đã tự nhủ, khi nhận được ý kiến của thẩm phán von Rabingen: Xong rồi, kết thúc rồi, có phải vậy không?" – "Quả thực là tôi đã hiểu điều đó đúng như vậy. Nếu tôi không nhầm thì người ta đã đánh giá hồ sơ của các anh là rất đáng chê trách." Clemens nhún vai: "Các tay thẩm phán, không thể biết là bọn họ muốn gì nữa. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ có lý." – "Than ôi các anh, tôi nói đùa, các anh đang phục vụ công lý đấy." – "Chính vậy đấy, Clemens cầu nhàu, công lý là cái mà chúng tôi phụng sự. Chúng tôi là những người duy nhất." – "Thế tức là để nói với tôi điều đó mà các anh đã sang tận Silésie này à? Tôi thấy được vinh hạnh lắm." – "Không hoàn toàn, Weser nói, đẩy đồ cái ghế xuống sàn. Ông sẽ thấy, chúng tôi có một ý tưởng rồi." – "Thế thì đọc đáo thật," tôi vừa nói vừa nâng tách trà lên môi. – "Tôi sẽ kể cho ông nghe, Aue. Em gái ông đã nói với chúng tôi rằng bà ấy có qua

Berlin, không lâu trước khi xảy ra vụ giết người, và đã gặp ông. Rằng bà ấy đã ở *Kaiserhof*. Thế là chúng tôi đã đến *Kaiserhof*. Ở *Keiserhof* người ta biết rất rõ Freiherr von Üxküll, đó là một người khách quen từ lâu năm. Ở quầy tiếp tân, một trong các nhân viên nhớ ra rằng vài ngày sau khi ông ấy đi khỏi, một sĩ quan SS đã đến để gửi một bức điện cho Frau von Üxküll. Và ông có biết không, khi người ta gửi một bức điện đi từ một khách sạn, thì nó được ghi lại. Có một con số cho mỗi bức điện. Và ở bưu điện, người ta giữ lại bản sao các bức điện. Trong ba năm, luật quy định vậy." Ông ta rút một tờ giấy từ túi trong áo măng tô và giở nó ra. "Ông có nhận ra nó không, Aue?" Tôi vẫn mỉm cười. "Cuộc điều tra đã khép lại, meine Herren." – "Ông đã nói dối chúng tôi, Aue!" Clemens gầm lên. – "Đúng, và nói dối cảnh sát thì không tốt đâu," Weser đồng tình. Tôi bình tĩnh uống hết tách trà, cúi đầu lịch sự chào họ, chúc họ một phần còn lại của ngày tốt đẹp, và đóng cửa lại trước mặt họ.

Bên ngoài, trời lại đổ tuyết, mỗi lúc một thêm dữ dội hơn. Tôi quay lại nhà ga. Đám tù nhân đang chờ đợi trên một khoảnh đất trống, ngồi dưới những đợt tuyết rơi và trong đồng bùn. Tôi tìm cách vào ga, nhưng các phòng đợi đều bị lính của Wehrmacht chiếm. Tôi cùng Piontek ngủ trong xe ô tô, mệt mỏi rã rời. Sáng hôm sau, trên bãi đất trống không còn ai, ngoài vài chục cái xác phủ tuyết. Tôi định đi tìm viên Obersturmführer ngày hôm qua, để xem liệu anh ta có theo đúng các thủ thị của tôi không, nhưng sự vô ích mệnh mông của tất cả những cái đó bóp nghẹt lấy tôi và làm tê liệt những chuyển động của tôi. Đến trưa, tôi đã quyết định xong. Tôi ra lệnh cho Piontek đi tìm xăng, rồi, liên lạc với Elias và Darius thông qua SP. Đầu giờ chiều, tôi lên đường quay trở về Berlin.

Những trận đánh buộc chúng tôi phải đi vòng nhiều đường đất, đi qua Ostrau rồi Praha và Dresden. Piontek và tôi thay nhau lái, việc đó kéo dài hai ngày. Vài chục cây số trước khi đến Berlin,

chúng tôi phải vạch một lối đi giữa những làn sóng người chạy trốn từ phía Đông, mà Goebbels bắt đi vòng tránh thành phố. Ở trung tâm, khu phụ của Bộ Nội vụ nơi tôi đặt văn phòng chỉ còn lại một cái khung nhà cháy sém trông hoác. Trời đổ mưa, một cơn mưa lạnh lẽo tột tệt làm ướt đầm những vật tuyết vẫn còn bám lại trên những đồng cỏ nứt nẻ. Các phố bẩn thỉu và lầy lội. Cuối cùng tôi cũng tìm được Grothmann, ông ta báo với tôi rằng Brandt đang ở Deutsch Krone, Poméranie, cùng với Reichsführer. Tôi bèn đi Oranienburg nơi văn phòng của tôi vẫn tiếp tục vận hành, như thể tách rời hẳn khỏi thế giới. Asbach giải thích với tôi rằng Fräulein Praxa đã bị thương trong một cuộc ném bom, những vết bỏng ở cánh tay và ngực, và anh ta đã cho cô ta sơ tán đến một bệnh viện ở Franconie. Elias và Darius bị kẹt lại ở Breslau khi Kattowitz thất thủ và chờ chỉ thị: tôi ra lệnh cho họ trở về. Tôi lục tìm đồng thư từ, chưa có ai động vào chúng kể từ khi Fräulein Praxa gặp tai nạn. Trong số những bức thư chính thức có một lá thư riêng: tôi nhận ra chữ viết của Hélène: *Max thân mến, cô viết, nhà tôi đã bị trúng bom và tôi phải rời khỏi Berlin. Tôi rất tuyệt vọng, không biết là anh ở đâu, các đồng nghiệp của anh không muốn nói gì với tôi. Tôi đi đến chỗ bố mẹ tôi ở Bade. Viết thư cho tôi nhé. Nếu anh muốn, tôi sẽ quay về Berlin. Tất cả vẫn còn chưa mất hết. Thân mến, Hélène.* Đó gần như là một lời thổ lộ, nhưng tôi không muốn biết cô muốn nói gì khi viết *Tất cả vẫn còn chưa mất hết*. Tôi viết nhanh cho cô, gửi đến địa chỉ mà cô đã cho để nói rằng tôi đã trở về, nhưng lúc này tốt hơn hết là cô ở lại Bade.

Tôi dành hai ngày để viết một báo cáo đầy tính phê phán về cuộc sơ tán. Tôi cũng đích thân nói điều đó với Pohl, nhưng ông ta gạt phăng hết các lập luận của tôi: "Dù sao thì, ông ta tuyên bố, chúng ta cũng không có chỗ để nhét chúng vào, các trại đều đầy ắp rồi." Ở Berlin, tôi gặp Thomas; Schellenberg đã đi, anh không tổ chức những bữa tiệc nữa và có vẻ đang trong tâm trạng u ám. Theo anh, phong độ của Reichsführer với tư cách là chỉ huy một tập đoàn quân tỏ ra là khá thảm hại; gần như anh nghĩ rằng việc phong chức cho ông ta chỉ là âm mưu của Bormann để làm ông ta

mất uy tín. Nhưng những thứ trò chơi ngu xuẩn cuối mùa này không làm tôi quan tâm nữa. Tôi lại cảm thấy khó chịu, những cơn nôn mửa quay trở lại, tôi có những cơn buồn nôn khi ngồi trước cái máy chữ. Khi biết rằng Morgen cũng đang ở Oranienburg, tôi đến gặp ông ta và kể lại sự hăng hái không thể hiểu nổi của hai nhân viên bên Kripo. "Quả thực là như vậy, ông ta nói về tư lự, lạ lùng quá. Có vẻ như là họ đang theo đuổi anh vì mục đích cá nhân. Tuy nhiên, tôi đã xem hồ sơ rồi, không có gì quan trọng cả. Rất có thể đó là một trong những kẻ mặt hàng, một kẻ không có giáo dục, có thể tưởng tượng ra bất kỳ điều gì, nhưng dù sao, tôi biết anh, tôi thấy việc này thật là thô thiển." – "Có thể đó là một sự căm thù xuất phát từ chuyện giai cấp chẳng, tôi gợi ý. Chúng muốn hạ tôi bằng mọi giá, có thể nói là như vậy." – "Phải, có thể lắm. Anh là một người có giáo dục, có rất nhiều định kiến chống lại những người trí thức trong số bọn cận bã của Đảng. Nghe này, tôi sẽ nói chuyện đó với von Rabingen. Tôi sẽ yêu cầu ông ta gửi đến bọn họ một lời chê trách chính thức. Chúng sẽ không được tiếp tục thực hiện một cuộc điều tra chống lại quyết định của một thẩm phán."

Khoảng trưa, người ta phát trên đài phát thanh nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ mười hai (và, như sẽ thấy, lần cuối cùng) của dịp Năm Chính Quyền một bài diễn văn của Führer. Tôi nghe nó mà không mấy chú ý trong phòng ăn của sĩ quan ở Oranienburg, thậm chí tôi còn không nhớ ông ta đã nói gì, hẳn là ông ta vẫn nói đến cái thứ *đằm lầy của chủ nghĩa Bôn-sê-vich châu Á* hoặc là điều gì đó tương tự; cái làm tôi chấn động hơn cả, đó là phản ứng của các sĩ quan SS có mặt: chỉ có một bộ phận đứng lên giơ tay chào khi đến cuối bài diễn văn người ta phát bản quốc ca, sự thoải mái quá trớn mới chỉ mấy tháng trước thôi hẳn là đã bị coi là không thể chấp nhận được, không thể tha thứ được. Cùng ngày hôm đó, một tàu ngầm Xô viết bắn chìm ở ngoài khơi Danzig chiếc *Wilhelm-Gustloff*, niềm tự hào của chiến hạm "Kraft durch Freude" của Ley, đang chở hơn tám nghìn người đi sơ tán, trong đó một nửa là trẻ em. Gần như không còn ai sống sót. Trong

khoảng thời gian tôi về lại được đến Berlin, vào ngày hôm sau, người Nga đã đến được Oder và gần như vượt qua nó một cách lơ đãng để chiếm lấy một cứ điểm quan trọng và rộng lớn giữa Küstrin và Frankfurt. Tôi nôn ra gần như tất cả các bữa ăn của mình, tôi sợ cơn sốt sẽ quay trở lại.

Đầu tháng Hai, người Mỹ xuất hiện trở lại giữa ban ngày trên bầu trời Berlin. Mặc dù đã có các lệnh cấm, thành phố vẫn đông đặc những người đến lánh nạn mặt mũi u ám và đầy gầy hần, họ sống trong các đồng đồ nát và ăn cướp ở các kho và cửa hàng mà cảnh sát không hề can thiệp. Tôi đang ghé qua *Staatspolizei*, chắc lúc đó là trước mười một giờ một lúc; với những sĩ quan hiếm hoi vẫn còn làm việc ở đó, tôi được dẫn đến hầm trú ẩn xây trong sân, ở rìa khu vườn bị tàn phá của Prinz-Albrecht-Palais, bản thân nó cũng chỉ còn là một cái vỏ trống hoác, không có mái. Cái hầm này, mặc dù không xây ngầm dưới đất, đại khái chỉ là một hành lang dài bằng bê tông, với tôi thì nó thật không mấy đáng tin cậy, nhưng tôi không có lựa chọn. Ngoài các sĩ quan của Gestapo, người ta còn đưa vào vài người tù, những người râu ria lởm chởm, đeo xích ở chân, hẳn là vừa lòi ra từ mấy xà lim bên cạnh: tôi nhận ra một số người, những kẻ âm mưu hồi tháng Bảy, mà tôi đã nhìn thấy ảnh trên báo hoặc các chương trình thời sự. Cuộc oanh tạc vô cùng mãnh liệt; cái boongke đồ sộ, tường dày đến hơn một mét, chao đảo từ bên này sang bên kia giống như một cái cây nghiêng ngã trong gió. Tôi có cảm giác mình đang ở trung tâm một trận cuồng phong, một trận bão không phải là bằng các vật chất mà bằng tiếng ồn thuần khiết, man rợ, tất cả các âm thanh của thế giới tuột ra. Sức ép của các vụ nổ đè nặng một cách đau đớn lên hai màng nhĩ, tôi không còn nghe thấy gì nữa, tôi sợ rằng chúng sẽ bị thủng, tôi đau khủng khiếp. Tôi muốn bị thổi bay, bị nghiền nát, tôi không thể chịu đựng điều đó nữa. Các tù nhân, bị cấm không được ngồi lên, nằm trên đất, phần lớn cuộn tròn người lại. Rồi tôi như thể bị nhấc bổng lên khỏi ghế ngồi bởi một bàn tay khổng lồ và bị ném đi. Khi tôi mở mắt, nhiều khuôn mặt đang trôi nổi phía trên tôi.

Có vẻ như là họ đang la hét, tôi không hiểu họ muốn gì. Tôi lắc đầu nhưng cảm thấy có những bàn tay giữ lấy nó và bắt nó phải nằm im. Sau khi hết báo động, người ta đưa tôi ra ngoài. Thomas đỡ người tôi. Bầu trời, vào giữa buổi trưa, đen kịt khói, những lưỡi lửa liếm lên các cửa sổ tòa nhà của *Staatspolizei*, trong khu vườn, cây cối cháy rừng rực như những ngọn đuốc, cả một vạt mặt tiền phía sau tòa cung điện đã sụp xuống. Thomas cho tôi ngồi lên đồng hồ nát của một cái ghế băng tan tành. Tôi sờ vào mặt mình: máu đang chảy trên má. Hai tai tôi lùng bùng, nhưng tôi vẫn còn phân biệt được các âm thanh. Thomas quay lại chỗ tôi: "Cậu có nghe thấy tớ nói không?" Tôi gật đầu; mặc cho cơn đau kinh khủng trong tai, tôi hiểu điều anh nói. "Đừng động đây. Cậu bị trúng một phát nặng đấy." Một lúc sau người ta cho tôi lên một chiếc Opel. Trên Askanischer Platz, những chiếc ô tô và cam nhông nhả nhúm đang cháy, Anhalter Bahnhof có vẻ như đã bị bẻ gập lại và tuôn ra một đám khói đen mùi rất hắc, Europa Haus và các tòa nhà xung quanh cũng đang cháy. Những người lính và các trợ tá mặt đen nhẻm vì khói đang chiến đấu một cách vô vọng chống lại các đám cháy. Người ta chở tôi đến Kurfürstenstrasse, đến văn phòng của Eichmann vẫn còn đứng vững. Tại đó, tôi được đặt nằm trên một cái bàn, giữa những người bị thương khác. Một viên Hauptsturmführer đi đến, viên bác sĩ mà tôi quen biết, nhưng tôi lại quên mất tên anh ta: "Lại là anh," anh ta thân thiện nói. Thomas giải thích với anh ta rằng đầu tôi bị đập vào tường boongke và tôi đã lịm đi mất khoảng hai mươi phút. Viên bác sĩ bắt tôi thè lưỡi ra rồi chiếu một cái đèn rất sáng vào hai mắt tôi. "Anh bị một cú chấn động não rồi," anh ta nói. Rồi anh ta quay sang Thomas: "Cho anh ta đi chụp não đi. Nếu không có vết rách nào, thì cần ba tuần nghỉ ngơi." Anh ta nguyền ngoạc điều gì đó lên một tờ giấy, đưa nó cho Thomas và biến mất. Thomas nói với tôi: "Tớ sẽ tìm cho cậu một bệnh viện để chụp. Nếu họ không giữ cậu lại, thì cậu về nhà tớ mà nghỉ. Tớ sẽ lo vụ Grothmann cho." Tôi cười: "Thế nếu như nhà cậu cũng không còn thì sao?" Anh nhún vai: "Thì quay lại đây vậy."

Tôi không bị vết rách nào trên đầu, Thomas vẫn còn nhà của anh. Anh về đến nơi vào khoảng tối và chìa cho tôi một tờ giấy có chữ ký và đóng dấu: "Giấy phép nghỉ của cậu đây. Tốt hơn hết là cậu rời khỏi Berlin đi." Đầu tôi đau nhức, tôi nhắm nháp rượu cognac chiêu thêm nước khoáng. "Đi đâu bây giờ?" – "Ờ làm sao mà biết được. Tại sao cậu không đến Bade gặp cô bạn gái của cậu nhỉ?" – "Có nguy cơ là người Mỹ sẽ đến đó trước tớ." – "Thì chính thế. Mang cô ấy đến Bayern hoặc sang Áo đi. Tìm lấy một cái khách sạn nhỏ, cậu sẽ có một kỳ nghỉ đầy lãng mạn. Nếu tớ là cậu, tớ sẽ tận dụng ngay dịp này. Có nguy cơ còn lâu cậu mới lại có được cái đó." Anh thông báo cho tôi kết quả của cuộc oanh tạc: các văn phòng của *Staatspolizei* không thể sử dụng được nữa, phủ thủ tướng cũ bị phá hủy, cái mới, của Speer, bị thiệt hại nặng nề, ngay cả các căn hộ riêng của Führer cũng đã cháy. Một quả bom đã đánh trúng Tòa án Nhân dân vào đúng khi có phiên tòa, người ta đang xử General von Schlabrendorff, một trong những kẻ âm mưu của OKHG Trung tâm; sau trận bom, người ta đã tìm được Freisler chết cứng, hồ sơ về Schlabrendorff vẫn cầm trên tay, đầu nát bét, người ta nói thế, do bị bức tượng đồng bán thân của Führer dựng đằng sau rơi phải, trong lúc đang hăng hái luận tội.

Đi, với tôi, là một ý tưởng hay, nhưng đi đâu bây giờ? Bade, kỳ nghỉ lãng mạn, tất nhiên là không rồi. Thomas muốn sơ tán bố mẹ anh khỏi khu ngoại ô của Viên, và đề nghị tôi thay anh đi đến đó để chở họ đến trang trại của một người bạn. "Cậu có bố mẹ à?" Anh nhìn tôi đầy vẻ bối rối: "Tất nhiên rồi. Ai mà chẳng có. Tại sao?" Nhưng viễn cảnh về thành phố Viên với tôi là phức tạp đến kinh khủng cho một kỳ hồi phục sức khỏe, và Thomas nhất trí ngay với điều đó. "Đừng lo. Tớ sẽ dàn xếp theo cách khác, đó không phải là một vấn đề. Đi nghỉ đâu đó vậy đi." Tôi vẫn không có ý tưởng nào; tuy nhiên tôi vẫn cho gọi Piontek đến vào buổi sáng hôm sau, cùng với nhiều biđông xăng. Đêm đó, tôi ngủ rất ít, tôi đau đầu và tai. Những cơn đau nhói đánh thức tôi dậy, tôi nôn hai lần, nhưng còn có một điều gì đó khác nữa. Khi Piontek xuất hiện, tôi cầm lấy tờ giấy phép đi nghỉ – điều cốt yếu để có

thể qua được các chốt gác – chai cognac và bốn bao thuốc lá mà Thomas đã tặng tôi, cái túi cùng với vài thứ đồ đạc và quần áo để thay, và thậm chí còn không mời uống cà phê, ra lệnh cho anh ta chuyển bánh. “Chúng ta đi đâu, Herr Obersturmbannführer?” – “Lấy đường đi Stettin.”

Tôi đã nói điều đó mà không suy nghĩ gì, cái đó thì tôi chắc chắn; nhưng khi nói ra, có vẻ như với tôi hiển nhiên là không thể nào khác được. Cần phải nhiều lần vòng tránh rất phức tạp để có thể lên được đường cao tốc; Piontek, đêm vừa rồi ngủ ở gara, nói với tôi rằng Moabit và Wedding đã bị san phẳng và nhiều đám người Berlin đã đến gia nhập đội ngũ những người lánh nạn từ phía Đông tới. Trên đường cao tốc, dãy dài những xe đẩy, phần lớn có những cái lều trắng ở trên, cách mà người ta nghĩ ra để tạm thời tự bảo vệ trước tuyết và cái lạnh cắt da cắt thịt, kéo dài bất tận, mũi của mỗi con ngựa cắm thẳng vào đuôi cái xe phía trước, được những viên Schupo và Feldgendarm đẩy đi vào lề đường bên phải, để nhường lối cho xe cộ quân sự đang đi ra mặt trận. Thình thoảng, một chiếc Sturmovik của Nga xuất hiện và tất cả nháo nhào lên, người ta nhảy xuống khỏi xe và chạy trốn vào những cánh đồng phủ tuyết trong khi chiếc máy bay chến đấu bay dọc theo đoàn người và nhả xuống từng tràng đạn cối bắn tung xác những người chậm chân, bắn nát những cái đầu và bụng những con ngựa đang sợ hãi, đốt cháy những cái đệm và những chiếc xe. Trong một trong những đợt tấn công đó, xe của tôi bị bắn trúng nhiều phát, tôi tìm lại được nó với những cánh cửa thùng lỗ chỗ và cửa kính sau vỡ tan; thật may mắn là động cơ vẫn còn nguyên, chai cognac cũng vậy. Tôi chìa cái chai cho Piontek rồi cũng uống một ngụm thẳng từ chai trong khi chúng tôi tiếp tục nổ máy giữa những tiếng hét của người bị thương và những tiếng rú rít của các thường dân hoảng sợ. Ở Stettin, chúng tôi qua sông Oder, mà quá trình tan băng sớm đã bị thúc đẩy nhanh lên do bên Kriegsmarine sử dụng chất nổ và tàu phá băng; rồi, vòng qua Manü-See về phía Bắc, chúng tôi đi ngang qua Stargard đang nằm dưới sự kiểm soát của các Waffen-SS đeo phù hiệu màu đen hoặc màu đỏ, những

người của Degrelle. Chúng tôi tiếp tục trên con đường lớn phía Đông, tôi theo dõi trên một tấm bản đồ để chỉ đường cho Piontek, vì tôi chưa bao giờ ở các vùng này. Hai bên, dọc theo lòng đường chất đồng ngổ ngang, trải rộng những cánh đồng chập chùng lên xuống, ở trên phủ một lớp tuyết sạch sẽ và mềm mại, trong như pha lê, và rồi những khoảnh rừng dương hoặc thông rậm rạp và u tối. Đây đó có thể nhìn thấy một trang trại nằm chơ vơ, những dãy nhà thấp vững chãi chạy dài, thu mình dưới mái ngói bằng rom phủ tuyết của chúng. Những ngôi làng nhà xây bằng gạch đỏ, mái màu ghi và dốc thoải và với những ngôi nhà thờ dòng Luther khổ hạnh, có vẻ yên tĩnh đến đáng kinh ngạc, những người dân vẫn chuyên chú với công việc của mình. Sau Wangerin, con đường chạy qua những hồ lớn lạnh giá, màu ghi, chỉ có vùng sát bờ bị đóng giá lại. Chúng tôi đi ngang qua Dramburg và Falkenburg; ở Tempelburg, một thành phố nhỏ trên bờ Nam Dratzig-See, tôi bảo Piontek rời khỏi đường cao tốc để rẽ về phía Bắc, bằng con đường đi Bad Polzin. Sau một đường thẳng dài chạy qua những cánh đồng nằm ẩn giữa khu rừng thông che khuất cái hồ, con đường chạy dọc theo một eo đất dốc ngược, phủ cây cối, giống như một lưỡi dao chia cắt Dratzig-See với Sareben-See nhỏ hơn. Phía dưới, tạo thành một đường cong dài giữa hai cái hồ, là một ngôi làng nhỏ, Alt Draheim, trải rộng xung quanh một khối đá vuông khổng lồ, đóng đồ nát của một lâu đài cổ. Đi qua làng, một khu rừng thông phủ lên bờ phía Bắc của Sareben-See. Tôi dừng lại và hỏi đường một người nông dân, ông ta chỉ mà gần như không dùng đến một động tác nào: cần phải đi thêm hai cây số nữa, rồi rẽ sang phải. "Các ông sẽ không sợ đi quá chỗ rẽ đâu, ông ta nói. Có một lối đi rộng trồng cây dương ấy." Thế nhưng Piontek vẫn suýt đi qua nó mà không nhìn thấy. Lối đi chạy qua một khu rừng nhỏ rồi cắt ngang một cánh đồng đẹp đẽ thoáng đãng, một đường thẳng dài mở ra giữa hai bức rìdô cao gồm những cây dương trợ trụ và nhọt nhọt, bình yên giữa khoảng rộng màu trắng tinh khiết đó. Ngôi nhà nằm ở cuối con đường.

AIR

Ngôi nhà khóa kín. Tôi đã bảo Piontek dừng lại ở lối vào sân để đi bộ qua lớp tuyết sạch bong và rấn đanh. Ở mặt tiền, tất cả các cửa chớp đều đóng. Tôi đi vòng qua nhà, phía sau dẫn ra một sân hiên lớn với hàng lan can và một cầu thang lượn dẫn xuống một khu vườn phủ tuyết, thoát đầu bằng phẳng rồi dốc dần. Đi quá lên là khu rừng, những cây thông thanh mảnh, đây đó có một vài cây sồi. Ở đây tất cả đều đóng chặt, câm lặng. Tôi quay trở lại chỗ Piontek và bảo anh ta chở tôi đến làng, nơi người ta chỉ cho tôi nhà một người tên là Käthe, làm đầu bếp cho điền trang và trông coi đất đai khi những người chủ đi vắng. Bị ấn tượng mạnh trước bộ quân phục của tôi, Käthe, một bà nông dân to béo khoảng năm mươi tuổi, tóc vẫn còn vàng rực và khuôn mặt nhợt nhạt, không hề khó dễ gì mà đưa ngay chìa khóa cho tôi; hai vợ chồng em gái tôi, bà ta giải thích, đã đi khỏi trước kỳ Giáng sinh, và kể từ đó không có tin tức gì. Tôi cùng Piontek quay lại nhà. Nhà của von Üxküll là một ngôi nhà nhỏ rất đẹp xây từ thế kỷ XVIII, với một mặt tiền màu nâu xám xỉn, rất sống động giữa khung cảnh tuyết phủ này, theo phong cách Barôc nhẹ nhõm đến kỳ lạ, bất đối xứng một cách tinh tế, gần như là có tính phóng túng, không mấy quen thuộc trong các vùng lạnh giá và khắc nghiệt như vậy. Cửa ra vào và các lanhtô cửa sổ tầng trệt trang trí những bức tượng kỳ cục, không cái nào giống cái nào; nhìn thẳng, các nhân vật có vẻ như đang cười phô hết răng, nhưng nếu nhìn nghiêng, có thể thấy rằng chúng dùng ngón tay để kéo nguệch miệng mình ra. Phía

trên cánh cửa gỗ nặng nề, một cái ống vẽ những bông hoa, những khẩu súng mutkê, và các nhạc cụ, có đề năm: 1713. Von Üxküll, trong lần gặp ở Berlin, chưa hề kể về nguồn gốc ngôi nhà đặc Pháp này, nó thuộc về mẹ ông ta, một người thuộc dòng họ von Recknagel. Ông tổ đã cho xây nó là một người Huguenot chuyển sang sống ở Đức sau khi chỉ dụ Nantes bị vô hiệu. Đó là một người giàu có và ông ta đã thành công trong việc giữ lại được một phần lớn tài sản của mình. Về già, ông ta cưới cô con gái mồ côi của một nhà quý tộc nhỏ người Phổ, người được thừa hưởng những đất đai này. Nhưng ông ta không thích ngôi nhà của vợ và đã cho phá nó đi để xây lại. Thế nhưng người vợ rất sùng đạo và thấy rằng một sự xa xỉ như vậy là không chấp nhận được: bà ta cho xây một nhà thờ nhỏ và một khu phụ phía sau nhà, nơi bà ta sống những ngày cuối đời, và sau khi bà ta chết người chồng sẽ vội vã phá đi. Nhà thờ thì vẫn còn nguyên ở đó, hơi khuất một chút dưới những cây sồi cổ thụ, cứng đờ, khổ hạnh, với một cái mặt tiền trần trụi bằng gạch đỏ và một cái mái bằng đá acđoa màu ghi rất dốc. Tôi chậm rãi đi vòng quanh nó, nhưng không tìm cách mở ra. Piontek vẫn đứng cạnh xe, anh ta im lặng chờ đợi. Tôi quay lại xe, mở cửa sau, lấy túi, và nói với anh ta: "Tôi sẽ ở lại đây vài ngày. Anh thì quay về Berlin đi. Tôi sẽ gọi điện hoặc gửi một bức điện để báo anh đến đón tôi. Anh có chắc là sẽ tìm lại được chỗ này không? Nếu có ai hỏi, thì anh nói là không biết tôi ở đâu nhé." Anh ta quay xe và đi trở lại vào lối đi dài trồng dương, vừa đi xe vừa xóc nảy lên. Tôi đặt cái túi trước cửa. Tôi ngấm nhìn cái sân phủ đầy tuyết, xe của Piontek đang đi ngược theo lối đi. Ngoài vài vết xe vừa mới có, không có một dấu vết nào khác trên tuyết, không ai đến đây cả. Tôi đợi đến khi anh ta ra đến đầu đường và rẽ sang đường đi Tempelburg, rồi mở cửa ra.

Chìa khóa bằng sắt mà Käthe đưa cho tôi to và nặng, nhưng ổ khóa, được tra dầu cẩn thận, mở ra một cách dễ dàng. Hẳn là người ta cũng đã tra dầu các bản lề vì cửa không kêu rít lên. Tôi đẩy vài chớp cửa để chiếu sáng sảnh vào, rồi ngấm nhìn cái cầu thang đẹp đẽ bằng gỗ chạm trổ, những hàng giá sách dài, sàn nhà

bóng lên vì thời gian, những bức tượng và những đường chỉ nhỏ nơi người ta vẫn còn có thể nhìn thấy dấu vết của lá vàng khảm. Tôi tìm công tắc: một cái đèn chùm ở giữa phòng bật sáng. Tôi tắt nó đi và lên gác, không buồn đóng cửa cũng như bỏ mũ catket, cởi áo măng tô và đôi găng tay. Trên tầng, một hành lang dài nhiều cửa sổ trở ra chạy dọc theo ngôi nhà. Tôi mở một trong các cửa sổ, đẩy cửa chớp ra, và đóng cửa kính lại. Rồi tôi mở các cửa: gần cầu thang, có một phòng để đồ, một phòng dành cho người hầu, một hành lang khác dẫn đến một cầu thang phụ; đối diện với hàng cửa sổ, một phòng vệ sinh và hai căn phòng nhỏ lạnh giá. Cuối hành lang, một cánh cửa phủ thảm mở vào một phòng ngủ rộng của chủ nhà, chiếm toàn bộ phía trong cùng của tầng này. Tôi bật đèn lên. Một cái giường lớn có tán che diềm xoắn ở trên, nhưng không có cả riđô lẫn tán trên cùng, một cái divăng bằng da rạn đã cũ sáng bóng, một cái tủ, một bàn, một bàn trang điểm lắp một cái gương cao, một gương khác có chân, đối diện với giường. Bên cạnh tủ có một cánh cửa khác hẳn là dẫn vào một phòng tắm. Rõ ràng đây là phòng em gái tôi, lạnh giá và không có mùi. Tôi ngấm nhìn thêm một lúc nữa rồi đi ra và đóng cửa lại, không mở các cửa chớp. Ở dưới, cái sảnh dẫn vào một phòng khách lớn, với một bàn ăn dài bằng gỗ cũ và một cây đàn piano; rồi đến nhà phụ và bếp. Ở đó tôi mở tất cả, đi ra ngoài một lát để ngấm nhìn cái sân hiên, những khu rừng. Trời gần như ẩm áp, bầu trời màu ghi, tuyết tan ra và chảy tong tống từ trên mái xuống thành một âm thanh nhỏ dễ chịu lên đá lát của cái sân, và xa hơn một chút, đào thành những cái giếng nhỏ trên lớp tuyết dưới chân các bức tường. Trong vài ngày nữa, tôi nghĩ, nếu trời không lạnh đi, hẳn sẽ có bùn, nó sẽ làm chậm chân người Nga. Một con quạ nặng nề bay lên từ đám cây thông, vừa bay vừa kêu, rồi đến đậu ở cách đó một đoạn. Tôi đóng cánh cửa gần kính lại và quay trở vào sảnh. Cửa ra vào vẫn mở: tôi mang cái túi vào và đóng nó lại. Đằng sau cầu thang lại có một cái cửa hai cánh nữa, bằng gỗ đánh vecni, với những họa tiết trang trí hình tròn. Hẳn đó là các phòng của von Üxküll. Tôi ngần ngừ, rồi quay trở lại

phòng khách và ngắm nhìn đồ đạc, những thứ đồ lặt vặt hiếm hoi được chọn lựa cẩn thận, cái lò sưởi lớn bằng đá, cây đàn piano dài. Một bức chân dung toàn thân được treo phía sau cái đàn, trong một góc: von Üxküll, vẫn đang còn trẻ, mặt hơi xoay nghiêng nhưng cái nhìn hướng thẳng về phía người xem, đầu để trần, trong bộ quân phục hồi Thế chiến thứ nhất. Tôi nhìn ông ta chằm chằm, nhất là những cái mề đay, chiếc nhẫn hiệp sĩ gắn mặt đá khắc, đôi găng tay bằng da hươu hờ hững cầm trên tay. Bức chân dung này khiến tôi hơi sợ, tôi cảm thấy bụng mình quặn lại, nhưng tôi phải công nhận rằng trước đây ông ta là một người đẹp trai. Tôi tiến lại gần cây đàn piano lớn và nhấc cái nắp lên. Cái nhìn của tôi đi từ bức tranh đến hàng phím dài bằng ngà, rồi lại quay về với bức tranh. Bằng một ngón tay vẫn đeo găng, tôi gõ lên một phím. Thậm chí tôi còn không biết đó là nốt gì, tôi không biết gì cả, và trước bức chân dung đẹp đẽ của von Üxküll đó tôi lại bị xâm chiếm bởi niềm nuối tiếc xưa cũ. Tôi tự nhủ: Mình từng muốn biết chơi đàn piano biết bao nhiêu, mình muốn xiết bao được nghe nhạc Bach một lần nữa, trước khi chết. Nhưng những điều nuối tiếc ấy thật là vô ích, tôi sập cái nắp xuống và rời khỏi phòng khách qua ngả sân hiên. Trong một phòng để đồ ở cạnh nhà, tôi tìm thấy kho trữ gỗ, và tôi đi nhiều chuyến để mang những khúc gỗ lớn vào lò sưởi, cũng như thứ gỗ nhỏ đã chặt mà tôi xếp đầy trong một túi để củi làm bằng da dày. Tôi cũng mang củi lên tầng và ném cái hỏa lò nhỏ vào một trong những phòng ngủ nhỏ dành cho bạn bè, châm lửa bằng những số báo *VB* cũ chất đống trong nhà vệ sinh. Ở lối vào sảnh, cuối cùng tôi cũng cởi quần áo, đổi đôi bốt của mình lấy những chiếc giày păngtup lớn mà tôi tìm thấy ở đó; rồi tôi đi lên cùng với chiếc túi, mở nó ra trên cái giường hẹp bằng đồng thau, và xếp quần áo lót vào tủ. Căn phòng rất đơn giản, với những thứ đồ đạc có tính chức năng cao, một bình xách đựng nước và một bồn rửa, giấy dán tường màu sắc kín đáo. Cái lò sưởi bằng gốm ấm lên rất nhanh. Tôi lại đi xuống cùng với chai cognac và châm lửa trong lò sưởi. Tôi gặp nhiều khó khăn hơn so với cái hỏa lò nhưng cuối cùng lửa cũng bùng lên. Tôi rót cho

mình một cốc cognac, tìm một cái gạt tàn, và ngồi vào một cái ghế phôtôi êm ái gần lò, áo dài đã mở khuy. Bên ngoài, ngày đang xuống một cách dịu dàng, và tôi không nghĩ gì hết.

Về những gì xảy ra trong ngôi nhà đẹp dễ trông vắng đó, tôi không biết liệu có thể nói được gì nhiều hay không. Tôi đã viết ra một quan hệ giữa các sự kiện đó, và, khi viết nó ra, tôi thấy nó thật đúng, rất tương hợp với thực tế, nhưng lại có vẻ như là nó không phù hợp với sự thật. Tại sao lại như vậy? Rất khó nói. Không phải là vì những kỷ niệm của tôi hỗn loạn, ngược lại, tôi còn giữ được nhiều kỷ niệm và chúng rất chính xác, nhưng nhiều cái trong số đó cứ nhảy dựng lên và thậm chí mâu thuẫn với nhau, và chúng rất không chắc chắn. Trong một thời gian dài tôi đã nghĩ rằng em gái tôi có ở đó khi tôi đến, rằng Una đợi tôi gần lối vào của ngôi nhà trong chiếc váy sẫm màu, mái tóc dài màu đen và nặng chui vào những cái lỗ của một tấm khăn san dày màu đen quàng trên vai. Chúng tôi đã đứng trong tuyết mà nói chuyện, tôi muốn nàng đi với tôi, nhưng nàng không muốn, ngay cả khi tôi nói rằng quân Đỏ đang đến, rằng đó chỉ là chuyện của vài tuần, thậm chí là vài ngày, nàng vẫn từ chối, chồng nàng đang làm việc, nàng nói, ông ấy đang viết nhạc, đó là lần đầu tiên kể từ rất lâu và họ không thể đi bây giờ, thế nên tôi quyết định ở lại và bảo Piontek đi. Buổi chiều, chúng tôi uống trà và nói chuyện, tôi nói với nàng về công việc của mình và cả về Hélène; nàng hỏi tôi liệu tôi có ngủ với cô ấy không, tôi có yêu cô ấy không, và tôi không biết trả lời ra sao; nàng hỏi tại sao tôi không cưới cô ấy và tôi vẫn không biết phải trả lời thế nào, cuối cùng nàng hỏi tôi: "Có phải vì em mà anh đã không ngủ với cô ấy, và không lấy cô ấy?"; và tôi ngượng ngùng cúi gầm mặt xuống đất, nhìn chăm chăm vào những hình vẽ đều đặn của tấm thảm. Đó là điều mà tôi nhớ, thế nhưng dường như mọi việc đã không diễn ra như vậy, và giờ đây tôi phải công nhận rằng em gái tôi và chồng hẳn là đã không có ở đó, và chính vì vậy mà tôi phải kể lại từ đầu câu chuyện này, cố gắng bám thật chắc vào những gì có thể được khẳng định. Käthe đến vào buổi tối cùng với những thứ đồ tiếp tế trên một cái

xe nhỏ do lửa kéo, và nấu cho tôi ăn. Trong khi bà ta nấu, tôi đi xuống tìm rượu vang trong cái hầm dài có vòm cong, tràn ngập một thứ mùi dễ chịu của đất ẩm. Ở đó có hàng trăm chai, có những chai rất lâu đời, tôi phải thổi bụi để đọc được nhãn, trong đó một số đã hoàn toàn bị mốc. Tôi chọn những chai ngon nhất mà không mấy may thấy áy náy, không cần phải để lại những thứ báu vật đó cho các tay Ivan, dù sao thì bọn họ cũng chỉ thích uống rượu vodka mà thôi; tôi tìm được một chai chateau-margaux năm 1900 và cũng lấy luôn một chai ausone cùng năm và, quờ tay vớ tạm, một chai graves, một chai haut-brion năm 1923. Mãi sau này, tôi mới hiểu rằng đó là một sai lầm, 1923 không phải là một năm thành công lớn, lẽ ra tôi phải chọn năm 1921, ngon hơn hẳn. Tôi mở chai margaux trong khi Käthe dọn đồ ăn, và thỏa thuận, trước khi bà ta xin cáo từ, rằng bà ta sẽ đến đây mỗi ngày để nấu bữa tối cho tôi, nhưng phần thời gian còn lại thì bà ta để tôi một mình. Các món rất đơn giản và ngon lành, xúp, thịt, khoai tây rôti với mỡ, khiến cho rượu vang lại càng thêm ngon miệng. Tôi ngồi ở đầu cái bàn dài, không phải ở chỗ chủ tiệc mà ở bên cạnh, lưng quay về phía cái lò sưởi nơi lửa đang tí tách cháy, ở gần bên là một giá nến, tôi đã tắt điện và ăn trong ánh sáng màu vàng của những ngọn nến, từ tốn ngón miếng thịt còn tái và những miếng khoai tây và uống từng ngụm lớn rượu vang, và như thể em gái tôi đang ngồi đối diện với tôi, cũng đang ăn một cách bình thản với nụ cười bông bênh đẹp đẽ của nàng, chúng tôi ngồi đối diện nhau và chồng nàng ở giữa, ngay đầu bàn, trên cái xe lăn, và chúng tôi trò chuyện một cách thân mật, em gái tôi nói với một cái giọng dịu dàng và rõ ràng, von Üxküll một cách lịch thiệp, với sự cứng nhắc và nghiêm khắc mà có vẻ như không bao giờ ông ta từ bỏ, nhưng vẫn mang đầy đủ phong thái của một nhà quý tộc dòng dõi lâu đời, không bao giờ làm tôi cảm thấy khó chịu, và trong cái ánh sáng ấm áp run rẩy đó tôi nhìn thấy và nghe thấy rất rõ cuộc trò chuyện đang chiếm lĩnh đầu óc tôi trong khi tôi ăn và uống hết chai rượu bordeaux sánh, đặc, lừng danh đó. Tôi miêu tả cho von Üxküll việc tàn phá Berlin. "Có vẻ như là nó

không hề làm ông thấy bị sốc,” cuối cùng tôi nêu nhận xét. – “Đó là một thảm họa, ông ta đáp, nhưng không phải là một điều bất ngờ. Kẻ thù của chúng ta chỉ bắt chước các phương pháp của chúng ta mà thôi, còn có gì bình thường hơn nữa đâu? Nước Đức sẽ uống thứ rượu lễ cho đến tận tận trước khi tất cả những chuyện này kết thúc.” Kể từ đó, câu chuyện chuyển sang ngày 20 tháng Bảy. Qua Thomas tôi biết rằng nhiều người bạn của von Üxküll đã trực tiếp dính líu. “Kể từ đó, một phần lớn giới quý tộc Poméranie đã bị tiêu diệt bởi cái cơ quan Gestapo của các anh, ông ta lạnh lùng bình luận. Tôi biết rất rõ bố của von Treskow, một người có nguyên tắc đạo đức hết sức chặt chẽ, giống hệt như con trai ông ấy. Và tất nhiên là von Stauffenberg, một người có họ với gia đình chúng tôi.” – “Thế nào cơ?” – “Mẹ ông ấy là một người thuộc dòng von Üxküll-Gyllenband, Karoline, chị họ xa của tôi.” Una im lặng lắng nghe. “Có vẻ như là ông tán thành hành động của họ,” tôi nói. Câu trả lời tự đến với tôi trong óc: “Cá nhân mà nói tôi rất kính trọng một số người, nhưng tôi không đồng tình với toan tính của họ vì hai lý do. Thứ nhất, đã quá muộn rồi. Lẽ ra họ phải làm điều đó vào năm 1938, vào thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng Sudètes. Họ đã nghĩ đến việc đó, và Beck muốn làm chuyện ấy, nhưng khi người Anh và người Pháp tự tụt quần trước cái tay cai đội lồ bịch đó, thì họ xẹp hơi luôn. Và rồi các thành công của Hitler đã làm họ mất tinh thần và cuối cùng đã lôi kéo họ, kể cả Halder, người tuy vậy lại rất thông minh, nhưng quá duy ý chí. Beck thì lại có trí thông minh của danh dự, ông ấy hẳn phải hiểu rằng giờ đây đã quá muộn rồi, nhưng ông ấy đã không lùi bước, để ủng hộ những người khác. Tuy nhiên, lý do chính, đó là nước Đức đã chọn cách đi theo con người đó. Ông ta thì muốn bằng mọi giá *Götterdämmerung* của mình, và giờ đây nước Đức cần phải đi theo ông ta đến cùng. Giờ đây, giết chết ông ta để cứu lấy những thứ đồ đạc chỉ là một trò gian trá, lừa bịp trong bài bạc. Tôi đã nói với anh rồi, phải uống rượu lễ cho đến tận tận thôi. Đó là cách duy nhất để mọi thứ lại có thể bắt đầu một lần nữa.” – “Jünger cũng nghĩ như vậy, Una

nói. Ông ấy đã viết thư cho Berndt." – "Đúng vậy, đó là điều mà ông ấy muốn ngầm nói với tôi bằng các ẩn ý. Ông ấy cũng có một tiểu luận về chủ đề này được nhiều người đọc." – "Tôi đã nhìn thấy Jünger ở Caucase, tôi nói, nhưng không có cơ hội để nói chuyện với ông ấy. Dù thế nào đi nữa thì ý định giết Führer là một tội ác vô nghĩa lý. Có thể là không có giải pháp nào, nhưng tôi thấy sự phản bội đó là không thể chấp nhận, ngày hôm nay cũng như vào năm 1938. Đó là phản xạ của tầng lớp của ông, cái tầng lớp bị kết án phải biến mất. Nó sẽ không sống sót được nhiều hơn dưới bọn Bôn-sê-ích đâu." – "Chắc chắn rồi, von Üxküll bình thân đáp. Tôi đã nói với anh rồi: tất cả mọi người đều đi theo Hitler, ngay cả các địa chủ quý tộc. Halder cứ tưởng rằng người ta có thể đánh thắng người Nga. Chỉ có Ludendorff hiểu được, nhưng quá muộn, và ông ấy đã nguyên rủa Hindenburg vì đã trao quyền lực cho Hitler. Còn tôi, tôi vẫn luôn ghét con người đó, nhưng tôi không lấy đó làm một thứ vật bảo lãnh để tự loại trừ khỏi số phận của nước Đức." – "Ông và những người giống như ông, tha lỗi cho tôi vì nói như vậy, đã hết thời rồi." – "Và các anh sẽ sớm có thời của các anh. Nó sẽ ngắn ngủi hơn rất nhiều." Ông ta nhìn chằm chằm vào tôi, giống như khi người ta nhìn một con gián hoặc một con nhện, không phải với vẻ kinh tởm, mà với sự say mê lạnh lùng của nhà côn trùng học. Tôi có thể hình dung ra ông ta một cách rất rõ ràng. Tôi đã uống cạn chai margaux, tôi hơi say một chút, tôi bật chai saint-émilion, thay mấy cái ly mới, và chìa cho von Üxküll nếm rượu. Ông ta nhìn nhẵn. "Tôi còn nhớ cái chai này. Một hồng y ở Rome đã gửi nó cho tôi. Chúng tôi đã có một cuộc tranh luận dài về vai trò của người Do Thái. Ông ấy ủng hộ lời đề nghị mang tính Thiên chúa giáo cao độ, rằng cần phải đàn áp người Do Thái, nhưng vẫn phải giữ họ lại như là các chứng nhân của chân lý của Christ, quan điểm mà tôi vẫn luôn coi là phi lý. Mặt khác tôi tin rằng ông ấy bảo vệ nó chủ yếu là vì hứng thú tranh cãi, đó là một nhà tu dòng Tên." Ông ta mỉm cười và đặt cho tôi một câu hỏi, chắc chắn là nhằm mục đích khiến tôi bực mình: "Có vẻ như là Nhà thờ đã gây cho các anh nhiều điều

phiền phức khi các anh muốn sơ tán người Do Thái khỏi Rome?" – "Có vẻ như vậy. Tôi không có ở đó." – "Không phải chỉ có Nhà thờ, Una lên tiếng. Anh còn nhớ không, ông bạn Karl-Friedrich của anh đã nói với chúng ta rằng người Ý không hiểu gì về vấn đề Do Thái?" – "Đúng, quả là như vậy, von Üxküll đáp. Ông ấy nói rằng người Ý thậm chí còn không áp dụng các đạo luật liên quan đến chủng tộc của chính họ, rằng họ bảo vệ những người Do Thái nước ngoài để chống lại người Đức." – "Đúng thế, tôi nói, cảm thấy khó chịu. Chúng tôi từng có những khó khăn với họ về chủ đề này." Và đây là điều mà em gái tôi nói: "Đó chính là bằng chứng cho thấy họ là những người trong sạch. Họ đánh giá cuộc sống theo đúng giá trị của nó. Em hiểu họ; họ có một đất nước đẹp đẽ, có mặt trời, họ ăn uống rất ngon và phụ nữ của họ rất đẹp." – "Không giống như nước Đức," von Üxküll thả một câu ngắn gọn. Cuối cùng tôi cũng ném thử rượu: nó có mùi đinh hương cháy và hơi có vị cà phê, tôi thấy nó phong phú hơn là rượu margaux, êm dịu, ngây ngất và ngon. Von Üxküll nhìn tôi: "Thế anh có biết tại sao anh lại giết người Do Thái không? Anh có biết điều đó không?" Trong cuộc trò chuyện kỳ lạ này ông ta không ngừng khiêu khích tôi, tôi không đáp, tôi đang nhắm nháp rượu. "Tại sao người Đức lại hăng hái đến vậy trong việc giết người Do Thái?" – "Ông đã nhầm nếu ông tưởng rằng đó chỉ là người Do Thái, tôi bình thản nói. Người Do Thái chỉ là một loại kẻ thù. Chúng tôi diệt trừ tất cả các kẻ thù của chúng tôi, dù cho chúng có là ai và ở đâu." – "Phải, nhưng anh hãy thú nhận rằng, với người Do Thái, các anh đã đặc biệt cố chấp." – "Tôi không nghĩ vậy. Führer, quả thực, có thể là có những lý do cá nhân để căm ghét người Do Thái. Nhưng ở SD, chúng tôi không căm ghét ai cả, chúng tôi chỉ truy đuổi các kẻ thù thôi, không bao giờ có định kiến nào hết. Các lựa chọn mà chúng tôi có đều dựa trên lý trí." – "Không nhiều lý trí đến thế đâu. Tại sao các anh lại phải loại trừ những người bị bệnh thần kinh, những người tàn phế tại các bệnh viện? Họ gây ra nguy cơ gì, những con người bất hạnh đó?" – "Những cái tàu há mồm vô ích. Ông có biết làm như vậy

chúng tôi đã tiết kiệm được bao nhiêu triệu reichsmark không? Đây là còn chưa nói đến những cái giường bệnh viện được giải phóng để lấy chỗ cho thương binh từ mặt trận.” – “Em thì, khi đó Una nói, trong cái ánh sáng vàng đuộm nồng ấm đó, từ nãy đến giờ nàng chỉ im lặng nghe chúng tôi nói, em biết tại sao chúng ta lại giết người Do Thái.” Nàng nói bằng cái giọng rõ ràng và chắc chắn, tôi nghe thấy nàng nói điều đó một cách chính xác và vừa uống rượu vừa lắng nghe tiếp, các món đều đã ăn xong. “Bằng cách giết người Do Thái, nàng nói, chúng ta muốn giết chính chúng ta, giết tên Do Thái ở bên trong chúng ta, giết những gì ở bên trong chúng ta giống với ý tưởng mà chúng ta có về tên Do Thái. Giết ở trong chúng ta tên tư sản bụng béo tính toán từng xu, kẻ chạy theo những vinh quang và mơ thấy quyền lực, nhưng là một thứ quyền lực mà hắn ta hình dung dưới các đường nét khuôn mặt của một Napoléon III hoặc một tay chủ nhà băng, giết chết tính luân lý hẹp hòi và có tính đảm bảo của giới tư sản, giết chết sự keo kiệt, giết chết sự tuân thủ, giết chết sự bần tiện của tay *Knecht*, giết chết tất cả những phẩm hạnh tốt đẹp của người Đức đó. Bởi vì chúng ta chưa bao giờ hiểu rằng các phẩm chất mà chúng ta gán cho người Do Thái đó, bằng cách đặt cho họ những cái tên như thấp kém, nhu nhược, keo kiệt, tham lam, khao khát được ngự trị và dễ dàng trở nên độc ác lại chính là những phẩm chất nền tảng của người Đức, và rằng nếu người Do Thái có được những phẩm chất đó, thì bởi vì họ đã mơ được giống như người Đức, là người Đức, chính là bởi vì họ bắt chước chúng ta một cách hèn hạ giống như bản thân cái hình ảnh về tất cả những gì là đẹp và tốt của Đại Tư sản, con Bê Vàng của những kẻ chạy trốn sự căn cỗi của sa mạc và của Luật lệ. Hoặc có thể là bởi vì họ làm ra vẻ như thế, có thể là cuối cùng họ đã áp dụng các phẩm chất đó gần như là vì lịch thiệp, bởi một hình thức giao cảm, để không tỏ ra xa cách quá. Và chúng ta, ngược lại, giấc mơ Đức của chúng ta là được thành người Do Thái, thuần khiết, không thể diệt trừ, trung thành với một Luật lệ, khác hẳn với tất cả và ở dưới bàn tay của Chúa. Thế nhưng trên thực tế tất cả đều đã nhằm, người Đức cũng

như người Do Thái. Bởi vì nếu như Do Thái, vào thời của chúng ta, còn muốn nói một điều gì nữa, thì đó chính là Kẻ Khác, một Kẻ Khác và một Cách Khác có thể là bất khả, nhưng cần thiết." Nàng uống một hơi cạn ly rượu của mình. "Các bạn của Berndt cũng không hiểu gì về tất cả những điều đó. Họ, họ nói rằng rốt cuộc thì việc tàn sát người Do Thái không hề có gì quan trọng, và rằng bằng cách giết Hitler họ sẽ có thể ném tội lỗi đó lên ông ta, lên Himmler, lên SS, lên một vài tên sát nhân bệnh hoạn, lên anh. Nhưng họ, họ cũng có cùng mức độ trách nhiệm với anh, bởi vì họ cũng là những người Đức và họ cũng đã đi đánh trận vì thắng lợi của cái nước Đức này, chứ không phải là một nước Đức khác. Và điều tồi tệ nhất, đó là nếu như người Do Thái thoát ra được, nếu nước Đức đắm tàu và nếu người Do Thái sống sót, thì họ sẽ quên đi điều mà cái tên Do Thái muốn nói, hơn bao giờ hết họ sẽ muốn được là người Đức." Tôi tiếp tục uống trong khi nàng nói bằng cái giọng rõ ràng và gấp gáp của mình, rượu đã bốc lên đầu tôi. Và đột nhiên trong ký ức của tôi lại hiện ra cái ảo ảnh hồi ở Zeughaus, Führer trong lốt Do Thái với một cái khăn san dùng để cầu nguyện của các rabbin và những thứ đồ lễ bằng da, trước một đám đông lớn nơi không một ai nhận ra điều đó, *trừ tôi*, và tất cả những cái đó trong thoáng chốc biến đi, Una và chồng nàng và cuộc trò chuyện của chúng tôi, và tôi còn lại một mình với những gì còn lại của bữa ăn và những chai rượu tuyệt ngon, say mềm, no nê, hơi cảm thấy cay đắng, một người khách không được ai mời đến.

Đêm đó, tôi ngủ không ngon trong cái giường nhỏ của mình. Tôi đã uống quá nhiều, đầu óc quay cuồng, tôi vẫn còn phải chịu đựng những di chứng của cú sốc ngày hôm trước. Tôi đã không đóng cửa chớp lại và ánh trăng dịu dàng bao trùm căn phòng, tôi tưởng tượng ra nó cũng đang xâm nhập theo cùng cách đó phòng ngủ cuối hành lang, lướt trên cơ thể đang say ngủ của em gái tôi, trần truồng dưới lớp chăn, và tôi những muốn được là cái ánh sáng đó, sự dịu dàng không thể chạm tới đó, nhưng cùng lúc tâm trí tôi lại nổi điên lên, những thứ lý luận suông kêu lên ken két trong bữa tối vang lên trong đầu tôi giống như tiếng lanh

canh điên rồ của những cái chuông đồng chính thống giáo vào lễ Phục sinh, và làm sụp đổ sự yên tĩnh trong đó tôi những muốn được tắm mình vào. Cuối cùng tôi chìm vào giấc ngủ, nhưng sự khó chịu vẫn kéo dài, nhuộm lên giấc mơ của tôi những thứ màu sắc rất rợn. Trong một căn phòng tối, tôi nhìn thấy một người phụ nữ cao lớn xinh đẹp mặc váy dài màu trắng, có thể là một cái váy cưới, tôi không thể nhìn rõ các đường nét của cô ta nhưng chắc chắn đó chính là em gái tôi, nàng đang nằm lả trên mặt đất, trên tấm thảm, toàn thân lên những cơn co giật của những đợt ỉa chảy không thể kiểm soát nổi. Một thứ cửt màu đen trào ra qua váy nàng, bên trong hẳn là đã đầy ắp. Von Üxküll, nhìn thấy nàng như vậy, đi trở ngược ra ngoài hành lang (ông ta đang bước đi) để gọi một người hầu hoặc một người phục vụ tăng bằng cái giọng hách dịch (như vậy đó là một cái khách sạn, tôi tự nhủ rằng chắc đó là đêm tân hôn của họ). Quay trở vào phòng, von Üxküll ra lệnh cho người phục vụ cầm lấy hai cánh tay để nâng nàng dậy trong khi ông ta nhấc hai chân, khiêng nàng vào phòng tắm để cởi quần áo và tắm cho nàng. Ông ta làm việc đó một cách lạnh lùng, đầy hiệu quả, có vẻ như là ông ta không để ý đến những thứ mùi đáng ghê tởm bốc lên từ người nàng và đang làm tôi nghẹn hết cổ họng, tôi phải cố gắng lắm mới kiểm soát được sự ghê tởm của tôi, cơn buồn nôn dâng lên (nhưng vậy thì trong giấc mơ tôi đang ở đâu?).

Tôi dậy sớm và đi qua ngôi nhà trống rỗng và im lặng như tờ. Trong bếp tôi tìm được bánh mì, bơ, mật ong, cà phê và ngồi ăn. Sau đó, tôi vào phòng khách và xem những quyển sách trên giá. Có nhiều sách bằng tiếng Đức nhưng cũng có sách bằng tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Nga; cuối cùng tôi cũng quyết định được, với một sự sung sướng bùng phát, là sẽ đọc cuốn *Giáo dục tình cảm*, mà tôi tìm được bản tiếng Pháp. Tôi ngồi xuống gần một cửa sổ và đọc vài giờ, thỉnh thoảng ngẩng đầu lên để nhìn khu rừng và bầu trời màu ghi xám. Khoảng giữa trưa, tôi chuẩn bị cho mình món trứng rán, và ngồi ăn ở cái bàn gỗ cũ nằm ở góc phòng bếp, tự rót cho mình thứ bia mà tôi uống từng ngụm lớn một. Tôi pha

cà phê và hút một điếu thuốc, rồi quyết định ra ngoài đi dạo. Tôi mặc áo măng tô sĩ quan không cài khuy: trời vẫn còn ẩm, tuyết không tan ra mà cứng lại và chai đi trên chính nó. Tôi đi ngang qua khu vườn và bước vào rừng. Những cây thông cách rất đều nhau, rất cao, chúng vươn cao và ở tít trên cao chụm lại như một vòm trần lớn đặt trên những cây cột. Đây đó vẫn còn có những tảng tuyết, đất trần cứng, màu đỏ, phủ một lớp lá thông khô kêu lên xào xạc dưới những bước chân tôi. Tôi đi vào một con đường phủ cát chạy xuyên rừng, một lối đi thẳng giữa những hàng thông. Những vết xe kéo vẫn còn in trên mặt đất; bên bờ lối đi, đây đó, những thân cây đổ được chất đóng lại một cách gọn gàng. Lối đi dẫn đến một con sông nước màu ghi, rộng khoảng chục mét; ở bờ bên kia trải dài một cánh đồng đã được làm đất, những luống cày màu đen vạch thành nhiều đường trên lớp tuyết, đâm thẳng vào một cánh rừng sồi. Tôi rẽ sang phải và bước vào khu rừng, đi lần theo dòng nước đang lững lờ trôi. Trong khi bước đi, tôi tưởng tượng ra Una đang đi với mình. Nàng mặc một cái jupe len và đi boots, một cái áo vest da đàn ông và cái khăn len rộng. Tôi nhìn thấy nàng đi ở phía trước, với một dáng điệu vững chãi và bình thản, tôi nhìn nàng, chìm đắm vào cử động các cơ của đùi nàng, của hông nàng, của cái lưng kiêu hãnh và thẳng tắp của nàng. Tôi không thể hình dung được gì cao quý hơn và đẹp đẽ hơn, thật hơn. Phía xa, những cây sồi mọc lẫn với các cây thông, mặt đất trở nên lầy lội, phủ đầy lá khô sũng nước, bước lên chúng chân tôi ngập vào một lớp bùn vẫn còn bị cái lạnh làm cho đông cứng lại. Nhưng xa hơn một chút mặt đất hơi nhô lên và lại trở nên cứng và dễ chịu dưới chân. Ở đây gần như chỉ có những cây thông, mảnh dẻ và thẳng tắp như những mũi tên, loại rừng mới được trồng lại sau một lần bị chặt đi. Rồi cuối cùng khu rừng mở ra một khoảng đồng trống, lạnh lẽo, gần như không có tuyết, ngự trị phía trên mặt nước tĩnh lặng của cái hồ. Phía bên tay phải tôi nhìn thấy vài ngôi nhà nhỏ, con đường, đỉnh của eo đất phủ đầy thông và dương. Tôi biết rằng dòng sông tên là Drage, và nó chảy từ cái hồ này đến Dratzig-See rồi tiếp tục xa hơn về phía Krössin-

See, nơi có một ngôi trường SS, gần Falkenburg. Tôi nhìn mặt nước xám xám của cái hồ: xung quanh vẫn là khung cảnh ngay ngắn của đất đen và cánh rừng. Tôi đi men theo bờ hồ cho đến làng. Một người nông dân, trong khu vườn của mình, gọi tôi, và tôi nói dăm câu ba điều với ông ta; ông ta lo lắng, ông ta sợ người Nga, tôi không thể cung cấp cho ông ta những thông tin chính xác nhưng tôi biết rằng ông ta có lý do để sợ. Trên đường, tôi rẽ sang trái và chậm rãi đi dọc bờ đất dài giữa hai hồ. Taluy cao và che khuất mặt nước khỏi tầm mắt tôi. Đến đỉnh eo đất, tôi trèo lên gò đất và đi qua đám cây cối, tay gạt đám cành lá, cho đến một nơi đủ độ cao để có thể nhìn được cả cái vịnh phía xa mở ra thành những bề mặt phẳng không đều nhau. Sự bất động của mặt nước, những khu rừng đen thẫm trên bờ bên kia, khiến cho khung cảnh mang một dáng vẻ trang trọng, bí hiểm, giống như một vương quốc ở bên kia sự sống, nhưng tuy vậy vẫn chưa đến cái chết, một mảnh đất ở giữa. Tôi châm một điếu thuốc và ngắm nhìn cái hồ. Một cuộc trò chuyện hồi còn nhỏ hoặc đúng hơn là vào tuổi thiếu niên quay trở lại trong ký ức tôi, một hôm em gái tôi đã kể cho tôi một truyện thần thoại cổ của xứ Poméranie, truyền thuyết về Vineta, một thành phố đẹp đẽ và cao ngạo đã chìm xuống biển Baltic, nơi các ngư dân vẫn còn nghe thấy những tiếng chuông trên mặt nước vào giữa trưa, và có lúc người ta định vị nó ở gần Kolberg. Cái thành phố lớn rất giàu có đó, nàng giải thích với tôi với vẻ nghiêm trang trẻ con, đã biến mất vì ham muốn vô bờ bến của một người phụ nữ, con gái nhà vua. Nhiều thủy thủ và hiệp sĩ đến đó uống rượu và vui thú, những người đàn ông đẹp đẽ và khỏe mạnh, đầy sức sống. Mỗi tối, con gái nhà vua ăn mặc giả trang đi ra thành phố, nàng ta đi vào các nhà trọ, các quán hàng bán thủy nhất, và chọn lấy một người đàn ông. Nàng dẫn anh ta về cung điện của mình và làm tình với anh ta cả đêm; sáng ra, người đàn ông chết vì kiệt sức. Không một ai, dù khỏe đến đâu, trụ lại được trước ham muốn vô độ của nàng. Nàng ta cho ném xác anh chàng xuống biển, trong một cái vịnh tả tơi vì những cơn bão. Nhưng việc không thể thỏa mãn được chỉ làm tăng thêm

mức độ ham muốn của nàng. Người ta nhìn thấy nàng đi dạo trên bờ biển, hát cho Đại dương nghe, vì nàng ta muốn làm tình với nó. Chỉ có Đại dương, nàng hát, mới đủ rộng lớn, đủ sức mạnh để thỏa mãn ham muốn của ta. Cuối cùng, một đêm, không kìm giữ được nữa, nàng trần truồng đi ra khỏi cung điện của mình, để lại trên giường xác người tình cuối cùng. Đó là một đêm bão tố, Đại dương đập vào những con đê bảo vệ thành phố. Nàng ta đi ra mép nước và mở toang cánh cửa đồng mà cha nàng đã đặt ở đó. Đại dương tiến vào thành phố, bắt lấy cô công chúa và lấy làm vợ, và giữ thành phố chìm dưới nước đó như là của hồi môn của cô ta. Khi Una kể xong chuyện, tôi nêu nhận xét rằng đó chính là truyền thuyết Pháp về thành phố Ys. “Chắc chắn rồi, nàng đáp lại bằng cái giọng cao ngạo của mình, nhưng truyện này hay hơn.” – “Nếu anh hiểu đúng, thì nó giải thích rằng trật tự của thành phố không tương thích với ham muốn vô độ của phụ nữ.” – “Em thì sẽ nói rằng đó là ham muốn không chừng mực của phụ nữ. Nhưng điều mà anh đang nói đó là một thứ đạo đức của đàn ông. Em thì nghĩ rằng tất cả các ý tưởng đó, chừng mực, đạo đức, đều là do đàn ông nghĩ ra để bù đắp cho sự hạn chế khoái lạc của họ. Bởi vì từ lâu đàn ông biết rằng khoái lạc của họ sẽ không bao giờ có thể so sánh được với thứ khoái lạc hành hạ bọn em, rằng khoái lạc đó thuộc về một đẳng cấp khác.”

Trên đường quay về, tôi cảm thấy mình giống như một cái vỏ sò trống rỗng, một người máy. Tôi nghĩ đến giấc mơ khủng khiếp hồi đêm, cố gắng hình dung ra em gái tôi với hai chân phủ đầy một thứ phân lỏng, dính nhớp, mùi thối diu diu một cách kinh tởm. Những người phụ nữ xơ xác bị sơ tán khỏi Auschwitz, nép mình dưới những cái chân của mình, cũng có cặp chân phủ đầy cứt, những cái chân gầy nhẳng của họ; những người dừng lại để đại tiện đều bị giết, họ buộc phải vừa đi vừa ỉa, giống như những con ngựa. Una phủ đầy cứt có thể còn đẹp hơn nữa, rạng rỡ và thuần khiết dưới thứ chất nhầy nhụa không thể chạm được tới nàng đó, thứ không có khả năng vấy bẩn người nàng. Giữa hai chân bị dây bần của nàng, tôi nép vào như một đứa trẻ sơ sinh

hoảng hốt thèm khát sữa và tình yêu. Những ý nghĩ này tàn phá đầu óc của tôi, không thể đuổi đi được, tôi thở một cách khó nhọc và không hiểu điều gì vừa xâm chiếm mình một cách đột ngột đến vậy. Ở nhà, tôi lang thang vô định qua các hành lang và những căn phòng, mở và đóng cửa một cách tùy hứng. Tôi muốn mở những cánh cửa các phòng ngủ của von Üxküll, nhưng dừng lại ở phút cuối cùng, dù tay đã đặt trên nắm đấm, bị giữ lại bởi một nỗi khó chịu khó nói nên lời, giống như khi còn rất nhỏ tôi đã lợi dụng sự vắng mặt của bố để vào phòng làm việc, vuốt ve những quyển sách và chơi với những con bướm của ông. Tôi trèo lên tầng và vào phòng Una. Tôi mở thật nhanh các cửa chớp, đẩy mạnh chúng ra trong tiếng gỗ đập ầm ỉ. Từ các cửa sổ, có thể nhìn thấy một phía của cái sân, và ở phía kia là hàng hiên, khu vườn và cánh rừng, vượt ra xa hơn là một góc cái hồ. Tôi đến ngồi lên cái rương ở chân giường, đối diện với gương lớn. Tôi ngắm nhìn người đàn ông trước mặt tôi ở trong gương, một người méo mó, mệt mỏi, u ám, khuôn mặt phồng lên vì hận thù. Tôi không nhận ra hân, cái đó không thể là tôi, thế nhưng lại đúng là như vậy. Tôi đứng dậy, ngẩng đầu lên, điều này không làm thay đổi được gì nhiều nhận. Tôi tưởng tượng ra Una đang đứng trước tấm gương đó, trần truồng hoặc mặc váy, hân là nàng đang tự thấy mình đẹp vô cùng, và may mắn làm sao là nàng lại có thể tự nhìn ngắm mình như vậy, có thể nhìn thật kỹ cơ thể đẹp đẽ của mình, nhưng có thể là không, có thể là nàng chỉ nhìn thấy ở đó sự xa lạ đáng sợ, sự bê bối của đôi bầu vú kia và của bộ phận sinh dục kia, cái thứ nằm giữa hai chân không thể nhìn thấy nhưng lại khư khư che giấu toàn bộ sự rục rở của nàng, có thể là nàng chỉ cảm thấy ở đó sự nặng nề và quá trình già đi chậm chạp, với một nỗi buồn nhẹ nhàng hoặc nhiều nhất là một cảm giác mềm mại trong tính đồng lõa quen thuộc, chứ chưa bao giờ là sự chua chát của ham muốn bị làm cho hoảng sợ: Nhìn đi, *không có gì để mà nhìn cả*. Thở một cách nặng nhọc, tôi đứng dậy, đến đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài, về phía khu rừng. Sức nóng từ cuộc đi bộ dài đã biến mất, căn phòng trở nên lạnh giá, tôi cảm thấy lạnh. Tôi quay về

chỗ cái tủ bàn giấy đặt dựa vào tường giữa hai ô cửa sổ nhìn xuống khu vườn, và lơ đãng mở nó ra. Nó bị khóa chặt. Tôi đi xuống, tìm được một con dao to trong bếp, chất thêm củi nhỏ vào khay để củi, cầm theo cả chai cognac và một cái cốc, rồi lên lại trên tầng. Trong phòng, tôi tự rót cho mình một cốc rượu, uống một chút, và bắt tay vào việc nhóm lửa trong cái lò sưởi lớn xây bằng bê tông ở góc nhà. Khi lửa đã cháy, tôi đứng dậy và dùng con dao phá khóa tủ. Nó bung ra một cách dễ dàng. Tôi ngồi xuống, cốc cognac để bên cạnh, và lục tìm trong các ngăn kéo. Trong đó có đủ thứ đồ vật và giấy tờ, đồ trang sức, vài thứ vỏ sò lạ lùng, những thứ đồ hóa thạch, thư từ công việc, mà tôi lơ đãng đọc lướt qua, những bức thư gửi cho Una từ Thụy Sĩ và chủ yếu viết về những vấn đề tâm lý học trộn lẫn với những câu chuyện ngồi lê đôi mách vặt vãnh, và nhiều thứ nữa. Trong một ngăn tủ, nằm ép sát trong một cái ví da, tôi tìm thấy một tập giấy do chính tay nàng viết; những bản nháp các lá thư mà nàng viết cho tôi, nhưng chưa bao giờ gửi đi. Tim đập rộn, tôi nhét tất cả đồng đồ vật trên mặt bàn vào lại ngăn kéo và xòe những lá thư ra thành hình vòng cung như những quân bài. Tôi để những ngón tay của mình lướt qua bên trên và chọn lấy một bức, tôi nghĩ rằng là do tình cờ, nhưng chắc chắn là không hoàn toàn là do tình cờ, lá thư này được viết ngày 28 tháng Tư năm 1944 và bắt đầu như thế này: *Max thân yêu, hôm nay đã là một năm từ ngày mẹ chúng ta chết. Anh vẫn chưa viết thư cho em, anh vẫn chưa hề nói cho em về chuyện đã xảy ra, anh chưa giải thích gì cho em cả...* Lá thư dừng lại ở đó, tôi đọc lướt qua vài cái khác, có vẻ như tất cả chúng đều chưa được viết xong. Vậy là tôi uống một chút cognac và bắt đầu kể lại tất cả cho em gái tôi, một cách chính xác giống như tôi đã viết trong quyển sách này, không bỏ sót chi tiết nào. Tôi mất khá nhiều thời gian để làm việc đó; khi xong việc, căn phòng đã tối hẳn lại. Tôi cầm lấy một lá thư khác và đứng dậy để đi ra gần cửa sổ. Bức thư đó nói về bố chúng tôi và tôi đọc nó một mạch, miệng khô khốc, giật giật vì hoang mang. Una viết rằng sự thù hận mà tôi dành cho mẹ chúng tôi, vì chuyện bố chúng tôi, là không công

bằng, rằng mẹ chúng tôi đã có một cuộc đời khó khăn chính là vì ông ấy, vì sự lạnh lùng của ông ấy, vì những lần đi vắng của ông ấy, vì việc ông ấy đi biệt tăm tích, một điều không thể giải thích. Nàng hỏi liệu thậm chí tôi còn nhớ ông ấy hay không. Quả thực là tôi còn nhớ được rất ít, tôi còn nhớ mùi người ông, mồ hôi của ông, cách chúng tôi lao vào để tấn công ông, khi ông ngồi đọc sách trên divăng, và cách ông ôm chúng tôi vào lòng khi ấy, rồi cất tiếng cười vang. Một lần, tôi ho, ông cho tôi uống một viên thuốc mà tôi đã ngay lập tức nhổ ra thăm; tôi ngượng chín người, sợ là ông sẽ nổi giận, nhưng ông đã rất dịu dàng, ông an ủi tôi rồi đi lau thăm. Lá thư tiếp tục. Una giải thích với tôi rằng chồng nàng đã quen bố chúng tôi ở Courlande, rằng bố chúng tôi, đúng như thẩm phán Baumann đã nói với tôi, chỉ huy một Freikorps. Von Üxküll chỉ huy một đơn vị khác, nhưng biết rất rõ ông. Berndt nói rằng đó là một con thú hoang, nàng viết. Một người không lòng tin, không chùng mực. Ông ấy cho đóng đinh những người phụ nữ đã bị hiếp lên những cái cây, đích thân ông ấy ném những đứa trẻ còn sống vào các nhà kho đang cháy, ông ấy giao kẻ thù bị bắt cho người của mình, những con vật điên rồ, và vừa uống rượu vừa cười cợt nhìn các khổ hình. Trong việc chỉ huy, ông ấy bướng bỉnh, thiên cận, không chịu nghe ai. Toàn bộ khu vực mà lẽ ra ông ấy phải bảo vệ ở Milau đã sụp đổ vì sự cao ngạo của ông ấy, khiến cho quân đội phải rút lui sớm hơn. Em biết rằng anh sẽ không tin em, nàng viết tiếp, nhưng đó là sự thật, anh cứ việc nghĩ về nó theo cách mà anh muốn. Hoảng hốt, điên giận, tôi vò nát bức thư, tôi đã định xé tan nó ra, nhưng kìm lại được. Tôi ném nó lên mặt tủ và đi vài bước trong phòng, tôi muốn đi ra ngoài, tôi quay trở lại, tôi do dự, bị mắc lại bởi một dòng thác những thôi thúc khác nhau, cuối cùng tôi uống cognac, cái đó làm tôi bình tĩnh lại một chút, tôi cầm lấy chai và đi xuống phòng khách để uống tiếp.

Käthe đến và nấu ăn cho tôi, bà ta đi ra đi vào phòng bếp, tôi không muốn ngồi đó khi có mặt bà ta. Tôi quay trở ra tiền sảnh và mở các phòng của von Üxküll. Trong đó có hai phòng rất đẹp, một

phòng làm việc và một phòng ngủ, đồ đạc được lựa chọn rất có gu, đồ kiểu cũ và nặng nề bằng gỗ sẫm màu, những tấm thảm phương Đông, những đồ vật đơn giản bằng sắt, một phòng tắm trang bị một cách đặc biệt, chắc hẳn là để thích hợp với bệnh liệt của ông ta. Nhìn tất cả những thứ đó, tôi lại cảm thấy một cảm giác khó chịu mãnh liệt, cùng lúc tôi chẳng mấy may bận tâm. Tôi đi lại trong phòng làm việc: không có thứ đồ vật nào để trên cái bàn lớn đồ sộ và không có ghế; trên các giá sách, chỉ có những bản nhạc, của các nhạc sĩ thuộc đủ mọi thể loại, được xếp theo quốc gia và theo thời kỳ cùng với, để riêng một chỗ, một chồng bản nhạc đóng lại thành quyển, các tác phẩm của chính ông ta. Tôi mở một bản ra và ngắm nhìn các chuỗi nốt, đối với tôi là một điều trừu tượng, mà tôi không biết cách đọc. Ở Berlin, von Üxküll đã từng nói với tôi về một tác phẩm mà ông ta dự định viết, một bản fugue hoặc, như ông ta nói, một loạt các biến tấu theo chuỗi dưới hình thức fugue. "Tôi vẫn chưa biết liệu điều tôi muốn làm có thực sự là khả thi hay không," ông ta đã nói như vậy. Khi tôi hỏi ông ta chủ đề của bản nhạc là gì, ông ta bĩu môi: "Đó không phải là thứ nhạc lãng mạn. Không có chủ đề. Chỉ là một étude thôi." – "Ông định dành nó cho cái gì?" khi đó tôi hỏi. – "Không cho cái gì cả. Anh biết rõ là người ta không chơi các tác phẩm của tôi ở Đức. Chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ được nghe nó cả." – "Vậy thì tại sao ông lại viết nó?" Và ông ta đã mỉm cười, một nụ cười tươi đầy sung sướng: "Để được thực hiện nó trước khi chết."

Trong số các bản nhạc dĩ nhiên là có Rameau, Couperin, Forqueray, Balbastre. Tôi rút ra vài quyển từ trên giá và lật chúng ra, nhìn vào những cái tên mà tôi biết rất rõ. Có bản *Gavotte* của Rameau, và khi nhìn vào trang giấy ngay lập tức âm nhạc tràn đầy trong đầu tôi, rõ ràng, nhẹ nhõm, trong trẻo, như tiếng vó phi của một con ngựa đua tung hoành trên thảo nguyên nước Nga, vào mùa đông, nhẹ đến mức những cặp vó chỉ lướt trên mặt tuyết, để lại những dấu vết mờ ảo. Nhưng dù cho có nhìn chăm chăm vào trang giấy thì tôi cũng không thể kết nối những nốt lách rên đầy mê hoặc đó với các ký hiệu được viết ra ở đây. Von

Üxküll, vào cuối bữa ăn ở Berlin, quay trở lại với Rameau. "Anh có lý khi yêu thứ nhạc đó, ông ta nói. Đó là một âm nhạc sáng suốt, cao quý. Nó không bao giờ tách rời khỏi sự duyên dáng của mình nhưng vẫn đầy những điều ngạc nhiên và thậm chí là những cái bẫy, nó đùa cợt, vui vẻ, biểu hiện của một hiểu biết hài hòa không lơ là cả toán học lẫn cuộc đời." Ông ta cũng bảo vệ Mozart bằng những câu kỳ lạ: "Trong một thời gian dài tôi đã đánh giá quá thấp ông ấy. Hồi còn trẻ, tôi thấy ông ấy giống như một tay khoái lạc chủ nghĩa tài năng, không có chút chiều sâu nào. Nhưng có thể đó chỉ là cách đánh giá của thứ chủ nghĩa thanh giáo bên trong con người tôi mà thôi. Khi già đi, tôi bắt đầu tin rằng có thể là ông ấy có một tình cảm về cuộc đời lớn ngang bằng với tình cảm của Nietzsche, và rằng âm nhạc của ông ấy chỉ có vẻ đơn giản là bởi vì cuộc đời, xét cho cùng, cũng rất đơn giản. Nhưng tôi vẫn chưa hoàn toàn tin được như vậy, tôi sẽ cần phải nghe thêm nữa."

Käthe đi khỏi và tôi ra ăn, lại trang trọng uống hết một trong những chai rượu tuyệt vời của von Üxküll. Với tôi, ngôi nhà bắt đầu trở nên thân thuộc và ấm cúng. Käthe đã đốt lại lửa trong lò, căn phòng ấm áp một cách dễ chịu, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, thân thiết với tất cả những thứ đó, ngọn lửa này và thứ rượu vang ngon này và thậm chí cả tấm chân dung người chồng của em gái tôi, treo phía trên cây đàn piano mà tôi không biết chơi. Nhưng cảm giác đó không kéo dài. Sau bữa ăn, tôi dọn bàn và rót cho mình một cốc cognac, tôi ngồi xuống trước lò sưởi và cố đọc quyển sách của Flaubert, nhưng không sao đọc nổi. Có quá nhiều điều âm u đang rối loạn trong óc tôi. Tôi thủ dâm, tôi nảy ra ý tưởng cõi trần truồng, đi thám hiểm trong ngôi nhà lớn u tối và lạnh lẽo và im ắng này, một không gian rộng lớn và tự do nhưng cũng riêng tư và đầy bí mật, hoàn toàn giống với ngôi nhà của Moreau, khi chúng tôi còn nhỏ. Và ý nghĩ này dẫn đến đằng sau nó một ý nghĩ khác, vật bất ly thân bí ẩn của nó, ý nghĩ về khoảng không gian kẻ ô vuông và bị giám sát của các trại: sự san sát của các dãy lán trại, sự nhung nhúc của những nhà cầu chung, không

có một chỗ nào khả dĩ để có được một khoảnh khắc con người, một mình hoặc hai người với nhau. Tôi đã từng một lần nói chuyện đó với Höss, ông ta đã khẳng định với tôi rằng mặc dù đã có đủ mọi thứ cấm đoán và đề phòng nhưng các tù nhân vẫn tiếp tục có được hoạt động tình dục, không phải chỉ là các kapo với những *Pipel* của họ hoặc giữa những người đồng tính nữ, mà cả giữa đàn ông và phụ nữ, những người đàn ông đút lót lính gác để họ dẫn đến cho mình người tình của mình, hoặc trà trộn vào một Kommando lao động để tìm cách luồn vào *Frauenlager* và chấp nhận mỗi nguy hiểm chết người để có được một cuộc mây mưa chóng vánh, một sự cọ xát của hai khung chậu rã rời, một tiếp xúc thoáng qua của những cơ thể chán ngấy và đầy rạn. Tôi đã rất bị ấn tượng bởi thứ tình dục bất khả đó, sẵn sàng để bị nghiền nát dưới những đôi bốt đế sắt của các lính gác, điều trái ngược hẳn với thứ tình dục tự do trong tính chất tuyệt vọng của mình, thứ tình dục rạn rở, tràn ngập của những người giàu, nhưng có thể là cả trong sự thật bị che giấu của nó, một cách tình quái và buồn bình chỉ ra rằng tất cả tình yêu chân chính đều tất định hướng đến cái chết, và trong cơn khoái cảm không buồn tính đến sự khốn cùng của những thân xác. Bởi vì con người đã nắm lấy toàn bộ các yếu tố mộc mạc và giản đơn được trao cho tất cả các sinh thể có tính dục và từ đó mà xây dựng nên một sự tưởng tượng không có giới hạn, rối loạn và sâu sắc, thứ dục tình, hơn tất cả những cái khác, phân biệt nó với loài vật, và cũng tương tự như vậy đối với ý tưởng về cái chết, nhưng cái tưởng tượng đó không có tên, thật kỳ lạ (người ta có thể gọi nó là *ái tử học*, có lẽ vậy): và chính những tưởng tượng đó, các trò chơi về những nỗi ám ảnh lặp đi lặp lại đó, chứ không phải là tự bản thân việc ấy, là các động lực vô bờ bến của niềm khao khát cuộc sống của chúng ta, niềm khao khát tri thức, khao khát giằng xé bản thân mình. Tôi vẫn cầm trên tay quyển *Giáo dục tình cảm*, đặt trên hai chân, gần như chạm vào dương vật, đã bị bỏ quên, tôi để mặc cho những suy nghĩ của kẻ ngu độn điên rồ đó hoành hành trong đầu mình, tai tràn ngập tiếng đập hoang mang của trái tim.

Buổi sáng, tôi bình tĩnh hơn. Trong phòng khách, tôi lại cố đọc sách sau khi đã ăn bánh mì và uống cà phê, và rồi suy nghĩ của tôi lại tuột đi, tách khỏi những nỗi dằn vặt của Frédéric và bà Arnoux, rồi đi mất hẳn. Tôi tự hỏi: Mày đến đây để làm gì? Thật ra thì mày muốn gì? Đợi Una quay trở lại à? Đợi một tên Nga đến bóp cổ mày à? Tự tử à? Tôi nghĩ đến Hélène. Cô và em gái tôi, tôi tự nhủ, là hai người phụ nữ duy nhất, ngoài một vài nữ y tá, đã từng nhìn thấy cơ thể trần truồng của tôi. Cô đã nhìn thấy gì, cô đã nghĩ gì khi nhìn thấy như vậy? Cô đã nhìn thấy gì trên cơ thể tôi mà tôi không nhìn thấy và em gái tôi, đã vậy từ rất lâu rồi, không còn muốn nhìn nữa. Tôi nghĩ đến cơ thể của Hélène, tôi vẫn thường nhìn thấy cô mặc áo tắm, những đường nét thanh mảnh và căng thẳng hơn ở em gái tôi, hai bầu vú cũng nhỏ hơn. Cả hai đều có nước da trắng, nhưng cái màu trắng đó làm nổi bật mái tóc đen và cứng của em gái tôi, trong khi ở Hélène, nó lại tiếp tục trong màu vàng dịu của tóc cô. Hẳn là bộ phận sinh dục của cô cũng có màu vàng và mềm mại, nhưng cái đó thì tôi không muốn nghĩ đến. Một sự kinh tởm đột ngột thất lấy cổ họng tôi. Tôi tự nhủ: Tình yêu đã chết, tình yêu duy nhất đã chết. Lẽ ra tôi không nên đến đây, phải đi thôi, phải quay về Berlin thôi. Nhưng tôi không muốn về Berlin, tôi muốn ở lại. Một lúc sau tôi đứng dậy và đi ra ngoài. Tôi lại đi vào rừng, tôi tìm được một cây cầu cũ bằng gỗ trên sông Drage và đi sang bờ bên kia. Các lùm cây trở nên rậm rạp hơn, u tối hơn, chỉ còn có thể tiến lên bằng những lối đi của kiểm lâm và thợ đốn củi, với những cành cây chìa ngang ra mắc vào quần áo tôi. Xa hơn một chút mọc lên một ngọn núi nhỏ cô độc, từ đó hẳn là có thể nhìn thấy cả vùng, nhưng tôi không đi đến tận đó, tôi đi không mục đích, có thể là quay vòng vòng, cuối cùng tôi tìm lại được dòng sông và trở về nhà. Käthe đang đợi tôi và từ bếp đi ra để gặp tôi: "Herr Busse ở đây, với Herr Gast và một số người nữa. Họ đang đợi ông trong sân. Tôi đã mời họ uống schnaps." Busse là người linh canh của von Üxküll. "Họ muốn gì ở tôi?" tôi hỏi. – "Họ muốn nói chuyện với ngài." Tôi đi qua nhà và ra sân. Những người nông dân đang

ngồi trên một cái xe ngựa bên trong đặt ghế băng, do một con ngựa gầy còm kéo, nó đang ăn những đám cỏ mọc lên khỏi mặt tuyết. Khi nhìn thấy tôi họ thò đầu ra và nhảy xuống đất. Một trong số họ, một người mặt đỏ, tóc màu ghi nhưng ria mép vẫn còn đen, tiến lên và hơi cúi đầu xuống trước mặt tôi. "Xin chào, Herr Obersturmbannführer. Käthe đã nói với chúng tôi ông là anh trai của Bà?" Giọng lịch sự, nhưng ông ta do dự, tìm từ một cách cẩn thận. "Chính xác," tôi nói. – "Ông có biết Freiherr và Bà ở đâu không? Ông có biết hai người định làm gì không?" – "Không. Tôi cứ nghĩ là sẽ tìm được họ ở đây. Tôi không biết họ ở đâu. Chắc là Thụy Sĩ." – "Vấn đề là sắp sửa phải đi rồi, Herr Obersturmbannführer. Không thể đợi thêm được nữa. Bọn Đồ đang tấn công Stargard, chúng đã bao vây Arnswalde. Ai cũng lo lắng. Kreisleiter nói rằng chúng sẽ không bao giờ đến được đây, nhưng không ai tin lời ông ấy." Ông ta có vẻ khó ở, xoay xoay cái mũ cầm trên tay. "Herr Busse, tôi nói, tôi hiểu sự lo lắng của ông. Ông phải nghĩ đến gia đình nữa. Nếu ông nghĩ là cần phải đi, thì cứ đi đi. Không ai giữ ông lại đâu." Mặt ông ta sáng lên một chút. "Cám ơn, Herr Obersturmbannführer. Chỉ là vì chúng tôi thấy lo, vì nhà không có ai cả." Ông ta do dự. "Nếu ông muốn, tôi sẽ đưa ông một cái xe và một con ngựa. Chúng tôi sẽ giúp đỡ ông, nếu ông muốn chở đồ đạc đi. Chúng tôi sẽ mang chúng đi cùng, để cất chúng vào nơi an toàn." – "Cám ơn, Herr Busse. Tôi sẽ suy nghĩ thêm. Tôi sẽ bảo bà Käthe đến tìm ông, nếu tôi quyết định điều gì đó."

Những người đàn ông kia lại lên xe và chậm chậm đi xa dần trên lối đi trống dương. Những lời của Busse không chút tác động đến tôi, tôi không sao nghĩ được việc người Nga tới đây như một điều gì đó cụ thể, gần gũi. Tôi ở lại đó, đứng dựa lưng vào khung cửa lớn và hút một điếu thuốc, mắt nhìn theo cái xe biến mất ở cuối lối đi giữa hai hàng cây. Trong buổi chiều, hai người đàn ông khác xuất hiện. Họ mặc áo vest màu xanh bằng vải thô, đi những đôi boot đóng đinh lớn, và cầm mũ cát kết trên tay; tôi hiểu ngay ra rằng đó là hai người Pháp của bên STO mà Käthe từng nói đến, họ

đang làm công việc trồng trọt hoặc sửa chữa gì đó cho von Üxküll. Cùng với Käthe, đó là những người làm công duy nhất còn lại: tất cả đàn ông đều đã bị gọi đi lính, người làm vườn đi *Volkssturm*, cô hầu phòng đã đi đến chỗ bố mẹ của mình, sơ tán đến Mecklemburg. Tôi không biết hai người kia sống ở đâu, có thể là ở chỗ Busse. Tôi nói chuyện với họ bằng tiếng Pháp. Người nhiều tuổi hơn, Henri, là một người to béo nhưng gân guốc trạc tứ tuần, người gốc Lubéron, ông ta đã từng đến Antibes; người kia chắc là sống ở một thành phố tỉnh lẻ, và có vẻ vẫn còn trẻ. Cả họ cũng đang lo lắng, họ đến để nói rằng họ muốn đi, nếu tất cả mọi người đều đi. "Ngài hiểu đấy, thưa ngài sĩ quan, bọn Bôn-sê-vich, chúng tôi không thích thú gì họ hơn là các ngài cả. Đó là những kẻ man rợ, không thể biết là có thể chờ đợi những gì từ chúng." – "Nếu Herr Busse đi, tôi nói, các anh cũng có thể đi cùng ông ấy. Tôi không giữ các anh đâu." Sự nhẹ nhõm của họ có thể chạm vào được. "Cám ơn, ngài sĩ quan. Xin ngài gửi đến cho ngài nam tước và Bà sự tôn kính của chúng tôi, khi nào ngài gặp lại họ."

Khi nào tôi gặp lại họ? Ý nghĩ đó với tôi gần như là hài hước; cùng lúc, tôi thấy hoàn toàn không có khả năng chấp nhận ý nghĩ rằng có thể là mình sẽ không bao giờ gặp lại em gái: điều đó đơn thuần là *không thể nghĩ đến*. Buổi tối, tôi cho Käthe về từ sớm và tự phục vụ lấy, tôi ăn tối một mình lần thứ ba trong cái phòng lớn được chiếu sáng bằng những ngọn nến đó, một cách trang trọng, và vừa ăn uống tôi vừa để cho mình bị xâm chiếm bởi một thuật ảo đẳng đầy cảm động, ảo ảnh điên rồ về một sự tự cung tự cấp hoàn hảo nhờ vào các chất bài tiết. Tôi tưởng tượng ra mình bị nhốt riêng trong ngôi nhà này cùng với Una, tách biệt khỏi thế giới, vĩnh viễn. Mỗi tối, chúng tôi mặc những bộ quần áo đẹp nhất, với tôi là com lê và sơ mi lụa, với Una là những cái váy bó và xẻ lưng, đeo những thứ đồ trang sức bằng bạc nặng nề gần như là kỳ quái, và chúng tôi ngồi ở bàn cho một bữa tối thanh lịch, ở chính cái bàn này, khi đó phủ một mảnh vải đăng ten và đặt những cái cốc pha lê, đồ bạc khảm hình gia huy của chúng tôi, những cái đĩa sứ vùng Sèvres, những giá nến bằng bạc to tướng,

dựng trên chiếc khay ôvan màu trắng; trong những cái cốc là nước đá của chúng tôi, trên đĩa là những miếng cút đẹp dễ màu nhạt và cứng, mà chúng tôi bình thản xúc ăn bằng một cái thìa bạc nhỏ. Chúng tôi lau miệng bằng những cái khăn ăn có thêu chữ cái đầu tên riêng bằng vải phin, chúng tôi uống, và, khi đã xong, vào trong bếp để rửa bát đĩa. Như thế, chúng tôi tự túc được, không mất mát và không dấu vết, một cách sạch sẽ. Áo ảnh lạc lối đó nhấn chìm tôi trong phần còn lại của bữa ăn vào một nỗi hoang mang bản thủ. Sau đó tôi lên phòng Una uống cognac và hút thuốc. Cái chai đã gần cạn. Tôi nhìn cái tủ, đã bị đóng lại, cảm giác tồi tệ không rời khỏi tôi, tôi không biết phải làm gì nhưng nhất định là không muốn mở tủ ra. Tôi mở tủ to và dò xét đóng váy của em gái tôi, hít hà thật sâu để người tôi được thấm được cái mùi mà chúng tỏa ra. Tôi chọn lấy một thứ, một cái váy dạ hội rất đẹp bằng vải mịn, màu đen và ghi với những đường bạc mảnh; đứng trước cái gương cao, tôi cầm cái váy ướm lên người mình, và một cách hết sức nghiêm túc phác vài điệu bộ phụ nữ. Nhưng ngay lập tức tôi thấy sợ và cất cái váy đi, cảm thấy đầy ghê sợ và xấu hổ: thật ra thì tôi đang chơi trò gì vậy? Cơ thể tôi không phải là cơ thể nàng và sẽ không bao giờ như vậy cả. Cùng lúc, tôi không thể tự kìm giữ, lẽ ra tôi cần phải rời khỏi ngôi nhà này ngay lập tức, nhưng tôi không thể rời khỏi nhà. Vậy là tôi lại ngồi xuống điếu và uống hết chai cognac, tự bắt mình phải nghĩ đến các đoạn rời rạc những bức thư mà tôi đã đọc, đến những câu đổ vô tận và không lời giải, sự ra đi của bố tôi, cái chết của mẹ tôi. Tôi đứng dậy, đi tìm những bức thư, ngồi xuống trở lại để đọc thêm vài cái. Em gái tôi tìm cách đặt cho tôi những câu hỏi, nàng hỏi tôi làm sao có thể ngủ trong khi người ta giết mẹ chúng tôi, điều mà tôi đã cảm thấy khi nhìn thấy xác bà ta, những gì mà chúng tôi đã nói vào ngày trước đó. Gần như tôi không thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào trong số đó. Trong một lá thư, nàng nói đến việc Clemens và Weser tới đây: bằng trực giác, nàng đã nói dối họ, nàng không nói là tôi đã nhìn thấy những cái xác, nhưng nàng muốn biết tại sao tôi lại nói dối, và thật ra thì tôi nhớ được

những gì. Tôi nhớ những gì? Thậm chí tôi còn không biết một kỷ niệm là gì nữa. Khi còn nhỏ, một hôm, tôi đã trèo lên, đến tận hôm nay, khi ngồi viết, tôi vẫn còn thấy rất rõ mình đang trèo lên những bậc thang màu ghi của một lăng mộ lớn hoặc một công trình nào đó nằm sâu trong rừng. Những chiếc lá có màu đỏ, hẳn đó là cuối mùa thu, tôi không nhìn thấy bầu trời qua những tán cây. Một lớp lá khô dày, đỏ, da cam, nâu, vàng, phủ lên các bậc thang, tôi giẫm lên chúng ngập đến tận đùi, và các bậc thang cao đến mức tôi phải chống hai tay xuống để leo lên được bậc tiếp theo. Trong ký ức của tôi, toàn bộ cảnh này mang dấu ấn của một thứ tình cảm ngột thở, các màu sắc như lửa cháy của những cái lá đè nặng lên tôi, và tôi phải vạch lấy một lối đi giữa những bậc thang dành cho người khổng lồ, giữa đồng lá khô dễ vỡ vụn đó, tôi thấy sợ, tôi nghĩ rằng mình sẽ chìm ngấm vào trong đó và biến mất. Trong nhiều năm, tôi đã tin rằng hình ảnh đó là kỷ niệm của một giấc mơ, một hình ảnh trong giấc mơ hồi nhỏ vẫn được lưu lại trong đầu tôi. Nhưng một hôm, ở Kiel, khi tôi quay lại đó để học đại học, tình cờ tôi rơi đúng vào cái tháp tầng ấy, một đài tưởng niệm người chết nhỏ làm bằng đá granit, tôi đã đi vòng quanh nó, các bậc thang không cao hơn những bậc thang khác, chính là cái chỗ đó, chỗ đó có tồn tại. Dĩ nhiên, hẳn là tôi phải còn rất nhỏ khi đi đến đó, chính vì vậy mà tôi mới thấy các bậc thang cao đến vậy, nhưng không phải điều ấy làm tôi bị chấn động, mà là việc nhìn thấy như vậy, sau từng ấy năm, có tồn tại trong thực tế, với tư cách là một điều cụ thể và hiện hữu, một cái gì đó mà tôi vẫn luôn định vị trong thế giới của giấc mơ. Và tất cả những gì mà Una đã định nói với tôi, trong những lá thư chưa viết xong mà nàng chưa bao giờ gửi cho tôi đó, cũng giống y như vậy. Những ý nghĩ không có điểm kết thúc này dựng lên tua tủa, tôi lao người vào chúng một cách hoang dại, các hành lang của ngôi nhà lạnh lẽo và bức bối này rở tung tởng những sợi tình cảm đầm máu của tôi, lẽ ra cần phải có một cô hầu phòng trẻ tuổi và khỏe mạnh đến lau rửa sạch sẽ bằng nước, nhưng không còn có hầu phòng nữa. Tôi xếp những lá thư vào trong tủ và, để cái chai và

cái cốc rỗng lại đó, vào căn phòng bên cạnh để đi nằm. Nhưng tôi vừa nằm xuống thì những ý nghĩ bậy bạ, bệnh hoạn, lại bắt đầu ào đến. Tôi đứng dậy và trong ánh sáng run rẩy của một ngọn nến, ngắm nhìn cơ thể trần truồng của mình trong tấm gương tủ. Tôi chạm tay vào cái bụng phẳng của tôi, dương vật cứng đánh của tôi, hai cái hông của tôi. Bằng đầu các ngón tay tôi vuốt ve những sợi lông ở trên gáy. Rồi tôi thổi tắt ngọn nến và lại nằm xuống. Nhưng những ý nghĩ đó từ chối không chịu đi khỏi, chúng hiện ra từ các góc phòng như những con chó điên dại và lao vào tôi để cắn và để đốt cháy cơ thể tôi, Una và tôi trao đổi quần áo, trần truồng, chỉ còn lại đôi tất, tôi mặc váy của nàng trong khi nàng chui vào bộ quần phục của tôi và vén đám tóc lên nhét vào dưới cái mũ cát kết, rồi ngồi xuống trước bàn trang điểm của mình và trang điểm cho tôi một cách kỹ lưỡng, chải hất tóc tôi về phía sau, bôi son lên môi tôi, thuốc chải lông mi lên mi mắt, phấn lên má, nàng vẩy những giọt nước hoa lên cổ tôi và sơn móng tay cho tôi, và khi đã xong việc chúng tôi cũng đột ngột đổi vai cho nhau, nàng có một cái dương vật bằng gỗ mun chạm trổ và ôm lấy tôi như một người đàn ông, trước cái gương lớn đang phản chiếu hai thân hình quấn lấy nhau của chúng tôi như hai con rắn, nàng đã phết kem lạnh lên cái dương vật và mùi hắc xộc lên mũi tôi trong khi nàng chơi tôi như với một người phụ nữ, cho đến khi tất cả mọi sự phân biệt đều bị xóa nhòa và tôi nói với nàng: "Anh là em gái em và em là anh trai anh," và nàng: "Anh là em gái em và em là anh trai anh."

Những hình ảnh kinh hãi đó, trong nhiều ngày, tiếp tục quấn lấy tôi giống như những con chó con bị phấn khích quá đáng. Tôi liên thông với những ý nghĩ đó như thế hai cực của nam châm mà một lực bí ẩn cứ liên tục đảo chiều các cực: nếu chúng tôi bị hút vào nhau, chúng sẽ đảo chiều để chúng tôi đẩy nhau ra; nhưng khi động tác đó vừa được hình thành thì đã lại có một thay đổi nữa, chúng tôi lại bị hút vào nhau, và tất cả những cái đó đều diễn ra một cách rất nhanh chóng, khiến cho chúng tôi cứ chao đảo trước nhau, những ý nghĩ đó và tôi, ở một khoảng cách gần

như là ổn định, vừa không có khả năng đưa được chúng tôi xích lại gần với nhau lại vừa không thể đẩy chúng tôi ra xa nhau. Bên ngoài, tuyết đang tan, mặt đất trở nên lầy bùn. Một hôm Käthe đến nói với tôi rằng bà ta sẽ đi; chính thức mà nói thì sơ tán là việc bị cấm, nhưng bà ta có một cô em họ ở vùng Hạ-Saxe, bà ta sẽ đến ở đó. Busse cũng quay trở lại để nhắc lại lời đề nghị của mình: ông ta vừa bị gọi vào *Volkssturm*, nhưng muốn gửi gia đình mình đi nơi khác, trước khi mọi việc quá muộn. Ông ta yêu cầu tôi nhân danh von Üxküll cùng ông ta xem xét lại sổ sách, nhưng tôi từ chối và bảo ông ta đi về, rồi nhờ ông ta mang theo hai người Pháp đi cùng gia đình. Khi bước đi bên cạnh đường, tôi thấy có rất ít xe cộ; nhưng trong làng Alt Draheim, những người thận trọng đã kín đáo chuẩn bị cho chuyến đi; họ vét sạch các hầm dự trữ, và bán rẻ cho tôi các kho đồ ăn. Vùng nông thôn yên tĩnh, ngoài việc thỉnh thoảng nghe thấy tiếng một cái máy bay, rất cao trên trời. Thế nhưng một ngày, khi tôi đang ở trên tầng, một chiếc ô tô đi vào trong sân. Qua một cái cửa sổ, nép mình sau riđô, tôi nhìn nó đến; khi nó lại gần hơn, tôi nhận ra một tấm biển của Kripo. Tôi chạy về phòng, rút khẩu súng lục và bao đạn xếp ở trong túi xách, và không nghĩ ngợi gì nữa chạy xuống cầu thang phụ và cửa bếp để trốn vào khu rừng phía bên kia sân hiên. Khẩu súng siết thật chặt một cách căng thẳng trong tay, tôi đi vòng qua khu vườn, lùi rất xa vào sau hàng cây, rồi tiến lại gần nắp sau một bụi rậm để bao quát được mặt tiền ngôi nhà. Tôi nhìn thấy một bóng người bước ra khỏi cánh cửa gần kính của phòng khách và đi ngang qua cái sân hiên để đứng ở hàng lan can và quan sát khu vườn, hai tay để trong túi áo măng tô. "Aue!" ông ta gọi hai lần, "Aue!". Đó là Weser, tôi nhận ra rất rõ. Hình dáng cao gầy của Clemens hiện ra trong khung cửa. Weser gào tên tôi lên thêm lần thứ ba, bằng một cái giọng đầy dứt khoát, rồi quay người đi vào trong nhà, theo sau Clemens. Tôi chờ đợi. Sau một lúc lâu, tôi nhìn thấy những cái bóng của họ loay hoay đằng sau các cửa sổ phòng ngủ của em gái tôi. Một con điên giận rồ đại xâm chiếm lấy tôi và làm mất tôi tím tái lại trong khi nạp đạn vào khẩu súng, chuẩn bị sẵn sàng chạy

vào nhà bắn chết thẳng tay hai con chó bắn thủ kia. Tôi khó nhọc tự kiềm chế và ở yên lại đó, những ngón tay trắng bợt ra vì nắm báng khẩu súng quá chặt, cả người run rẩy. Cuối cùng tôi nghe thấy tiếng động cơ. Tôi đợi một lúc rồi trở về, vẫn cảnh giác cao độ vì sợ bị họ chằng bẫy. Xe đã đi khỏi, ngôi nhà trống không. Trong phòng tôi, có vẻ như không có gì bị đụng vào; trong phòng Una, cái tủ vẫn đóng, nhưng bên trong, những tờ giấy nháp các bức thư đã biến mất. Sững sờ, tôi ngồi phịch xuống một cái ghế, khẩu súng đặt hờ trên đầu gối. Hai con thú điên dại, bướng bỉnh, không chịu lắng nghe bất kỳ lý trí nào kia đang tìm kiếm điều gì? Tôi cố gắng nghĩ đến những gì có ở trong các bức thư, nhưng không sao điều chỉnh các ý nghĩ lại theo trật tự được. Tôi biết rằng chúng cung cấp bằng chứng về sự hiện diện của tôi ở Antibes vào thời điểm xảy ra vụ giết người. Nhưng điều đó không còn chút quan trọng nào nữa cả. Và hai thằng bé sinh đôi thì sao? Những lá thư ấy có nói gì về hai thằng bé sinh đôi không? Tôi cố gắng để nhớ lại điều đó, có vẻ như là không, chúng không nói gì về hai thằng bé sinh đôi, trong khi rõ ràng đó là điều duy nhất quan trọng với em gái tôi, hơn rất nhiều so với số phận của mẹ chúng tôi. Hai thằng bé đó là gì với nàng? Tôi đứng dậy, đặt khẩu súng lên cái bàn nhỏ, và bắt đầu tự bắt mình lục tìm cái tủ, lần này thật chậm rãi và có phương pháp, hẳn là giống như Clemens và Weser đã làm. Và khi đó tôi tìm được, trong một cái ngăn kéo nhỏ lần trước không nhìn thấy, ảnh chụp hai thằng bé trần truồng và tươi cười, lưng quay ra biển, hẳn là ở gần Antibes. Đúng vậy, tôi tự nhủ khi nhìn thật kỹ bức ảnh đó, quả thực là rất có thể, chắc đó là con của nàng. Nhưng vậy thì bố chúng là ai? Chắc chắn không phải là von Üxküll. Tôi cố hình dung ra em gái tôi mang thai, hai tay giữ chặt lấy cái bụng to tướng, em gái tôi đang đẻ, mặt đỏ bừng, la hét, nhưng không sao làm nổi. Không, nếu quả vậy thì hẳn là người ta phải mổ cho nàng, lôi chúng ra khỏi bụng nàng, không thể có cách khác nào được. Tôi nghĩ đến nỗi sợ mà nàng dành cho việc đó. "Lúc nào em cũng sợ," một hôm nàng nói với tôi, cách đây lâu lắm rồi. Ở đâu? Tôi cũng không biết nữa. Nàng

đã nói với tôi về nỗi sợ thường trực của phụ nữ, người bạn lâu năm lúc nào cũng sống cùng với họ. Nỗi sợ khi bị chảy máu hàng tháng, nỗi sợ phải nhận một cái gì đó vào bên trong cơ thể mình, bị những bộ phận cơ thể đàn ông thường xuyên ích kỷ và tàn bạo xâm nhập, nỗi sợ trọng lực kéo da thịt, cặp vú sẽ xuống phía dưới. Hẳn là cũng tương tự với nỗi sợ bị mang thai. Cái đó mọc lên, mọc lên ở trong bụng, một cơ thể lạ bên trong mình, nó cử động và rút lấy tất cả sức lực của cơ thể, và người ta biết rằng nó sẽ phải đi ra, ngay cả khi cái đó giết các người thì nó vẫn phải đi ra, thật là kinh hoàng. Ngay cả khi biết đến bao nhiêu đàn ông đi chẳng nữa thì tôi cũng không thể tiến lại gần được cái đó, tôi không thể hiểu được gì về nỗi sợ phi lý của phụ nữ đó. Và một khi những đứa trẻ ra đời, mọi chuyện còn tệ hại hơn nữa, bởi vì khi ấy sẽ khởi đầu nỗi sợ thường trực, sự hoảng hốt ngày đêm ám ảnh các người, và nó sẽ chỉ kết thúc cùng với chính các người, hoặc với bọn trẻ. Tôi nhìn thấy hình ảnh những người mẹ đang ôm siết lấy lũ con của mình trong khi người ta bắn họ, tôi nhìn thấy những Do Thái nữ Hungari ngồi trên vali của họ, những người đàn bà mang thai và những cô gái đợi tàu và cùng với đó là hơi ngạt ở cuối chặng hành trình, hẳn chính đó là cái mà tôi đã nhìn thấy ở họ, điều mà chưa bao giờ tôi có thể rũ đi được và chưa bao giờ biết cách nói ra, nỗi sợ đó, không phải nỗi sợ công khai và rõ ràng đối với cảnh binh và người Đức, đối với chúng tôi, mà là nỗi sợ câm lặng sống bên trong họ, trong sự mong manh của cơ thể họ và về bộ phận sinh dục nằm nép sát giữa hai chân họ, sự mong manh mà chúng tôi sẽ phá hủy mà không bao giờ nhìn thấy.

Trời gần như là ám áp. Tôi mang một cái ghế ra ngoài sân hiên, tôi ngồi lại đó hàng giờ, đọc sách hoặc nghe tiếng tuyết tan trong khu vườn dốc thoải, nhìn những bụi cây xén tỉa cẩn thận xuất hiện trở lại, thêm một lần nữa ấn định sự hiện diện của chúng. Tôi đọc Flaubert và, những lúc mệt mỏi với văn phong *vừa hề lón biết lẫn* của ông, chuyển sang đọc những câu thơ dịch từ tiếng Pháp cổ, thỉnh thoảng chúng làm tôi phá lên cười vì kinh ngạc: *Tôi có một cô bạn gái, chẳng biết là ai nữa, / Chưa bao giờ*

tôi thấy cô, xin thề đấy. Tôi có cái cảm giác vui vẻ vì được ở trên một hòn đảo hoang, tách rời khỏi thế giới; nếu, như trong những câu chuyện cổ tích, có thể dựng xung quanh khu đất một hàng rào vô hình, tôi sẽ ở đây mãi mãi để đợi em gái tôi trở về, gần như là trong niềm hạnh phúc, trong khi những con ma và bọn Bôn-sê-vich tràn ngập trên các vùng đất quanh đó. Bởi vì cũng như các vị hoàng thân-thi sĩ mạt kỳ Trung cổ, tôi thỏa tâm với ý nghĩ về tình yêu của một người phụ nữ bị nhốt trong một lâu đài xa xôi (hoặc một khu điều dưỡng Thụy Sĩ). Với một niềm vui bình thản, tôi tưởng tượng ra nàng cũng giống như tôi đang ngồi trên một sân hiên, nhìn ra những ngọn núi cao thay vì một khu rừng, cũng một mình (vì chồng nàng phải điều trị). Và đọc những cuốn sách giống như những cuốn mà tôi đang đọc, cả một đồng lớn rút ra từ tủ sách của nàng. Không khí lạnh lạnh của núi cao hẳn khiến môi nàng se lại, có thể là nàng phải quấn chăn để ngồi đọc, nhưng bên dưới cơ thể nàng vẫn ở nguyên đó, với sự nặng nề và sự hiện hữu của nó. Hồi còn nhỏ, hai cơ thể gầy guộc của chúng tôi lao vào nhau, điên cuồng ôm siết lấy nhau, nhưng hồi đó chúng giống như hai bộ khung toàn da và xương, không cho phép chúng tôi có những cảm giác khi trần truồng động chạm vào nhau. Chúng tôi còn chưa nắm bắt được rằng tình yêu sống trong các cơ thể ở mức độ nào, ẩn giấu trong những nếp gấp bí mật nhất, trong sự mệt mỏi và cả sức nặng của chúng. Tôi hình dung một cách chính xác cơ thể của Una đang ngồi trên ghế đọc sách, tôi nhìn thấy được độ cong cột sống của nàng, gáy của nàng, trọng lượng cái chân đang vắt chéo trên chân còn lại, âm thanh gần như không thể nghe thấy của hơi thở nàng, và bản thân ý nghĩ về mồ hôi dưới nách nàng cũng làm tôi cảm thấy rợn rợn, nâng tôi lên trên một phương tiện phá hủy da thịt và biến tôi trở thành một tri giác thuần khiết, căng đến mức sẵn sàng đứt rời. Nhưng những khoảnh khắc như vậy không thể kéo dài: nước chậm chậm rơi xuống từ hàng cây và ở đó, tại Thụy Sĩ, nàng đứng lên, bỏ chăn ra và đi trở lại vào những gian phòng chung, để lại tôi với những quái tượng, những quái tượng u tối, và vào lúc đến lượt mình tôi

cũng trở vào nhà. chúng hòa lẫn với kiến trúc, phô bày theo cách bố trí các phòng mà tôi ở, tránh đi vào, hoặc, hoàn toàn giống với trường hợp căn phòng của nàng, muốn tránh né nhưng không nổi. Cuối cùng tôi đẩy cửa phòng tắm. Đó là một căn phòng lớn của phụ nữ, với một bồn tắm dài bằng sứ, một chậu rửa nhỏ, một bồn cầu ở phía cuối. Tôi mân mê các lọ nước hoa, cay đắng nhìn mình trong tấm gương treo trên lavabo. Cũng như trong phòng ngủ của nàng, trong phòng tắm này gần như không có mùi, tôi có hít sâu đến đâu cũng vô ích, nàng đi đã lâu lắm rồi, và Käthe làm vệ sinh rất cẩn thận. Phải gí sát mũi vào những cục xà phòng thơm, hoặc mở các chai nước hoa, tôi mới ngửi được những mùi vị tuyệt diệu, nữ tính một cách sâu sắc, nhưng không phải là mùi vị của nàng, ngay cả ga trải giường cũng không có mùi, tôi đã ra khỏi phòng tắm để ngủ nhưng không còn lại gì, Käthe đã thay ga mới, trắng, ráp, mát, đến cả đồng quần lót của nàng cũng không có mùi, mấy cái quần lót bằng đăngten màu đen còn sót lại trong ngăn kéo, giặt kỹ, và chỉ khi thò hẳn đầu vào trong tủ, vục mặt vào đồng váy tôi mới cảm nhận được điều gì đó, một mùi xa vắng, không thể định nghĩa, nhưng lại làm hai bên thái dương tôi rần rật và máu dồn cả lên tai. Tối đến, trong ánh sáng của một đĩa nến (điện đã bị cắt từ vài ngày nay), tôi đun hai xô nước lớn trên bếp lò và xách lên tầng đồ đầy bồn tắm. Nước sôi sùng sục, tôi phải đi găng tay để nắm được mấy cái quai nóng rực; tôi đổ thêm vài chậu nước lạnh, thọc tay xuống để kiểm tra độ nóng, và rót thêm mấy lọ kem bọt thơm. Rồi tôi uống một thứ rượu mạn địa phương đựng trong một cái bình, chất từ cái vò lớn tìm được trong bếp, để cùng một cái cốc và gạt tàn trên chiếc khay bạc bắc trên chậu rửa. Trước khi nhúng người xuống nước tôi cúi nhìn cơ thể mình, làn da xanh nhợt hơi ánh lên sắc vàng nhờ những ngọn nến gắn trên giá nến để dưới chân bồn. Tôi không thích cơ thể này lắm, thế nhưng tại sao tôi lại có thể không yêu quý nó? Tôi vừa bước vào nước vừa nghĩ đến làn da mát như kem của em gái tôi, một mình và trần truồng trong một phòng tắm lát đá hoa ở Thụy Sĩ, với những mạch máu xanh chạy ngoằn ngoèo bên dưới lớp da

đó. Kể từ hồi còn bé đến giờ tôi chưa lần nào nhìn thấy cơ thể trần truồng của nàng, ở Zurich vì cảm thấy sợ tôi đã tắt đèn, nhưng tôi vẫn có thể hình dung lại nó ở từng chi tiết nhỏ nhất, hai bầu vú nặng, chín căng, rắn chắc, cặp hông chắc, cái bụng tròn đẹp đẽ kết thúc ở một hình tam giác màu đen rậm rì những búi, có thể là bị xẻ làm đôi theo chiều thẳng đứng vì một cái sẹo dài, từ rốn cho đến khu vực mu. Tôi uống một chút rượu và thả mình vào vòng ôm siết của nước nóng, đầu đặt lên một cái bàn nhỏ gần đĩa nệm, chỉ để lộ một chút cái cằm ra khỏi lớp kem bọt dày, như thể thay vào đó phải là khuôn mặt thanh thản của em gái tôi, mái tóc dài búi cao, cổ định bằng một cái đĩa bạc. Ý nghĩ về cơ thể duỗi dài trong làn nước, hai chân hơi giạng ra đó khiến tôi nhớ đến cách Rhésos được hoài thai. Mẹ chàng, một trong các nữ thần Nghệ thuật, tôi không còn nhớ rõ là ai nữa, có thể là Calliope, vẫn còn trinh và phải đi đến một cuộc tranh đua âm nhạc do Thamyris thách đấu; để đến được đó, nàng phải đi qua sông Strymon, nơi những cuộn nước xoáy chui vào giữa hai chân nàng, và bằng cách đó nàng đã hoài thai đứa con. Em gái tôi, tôi chưa chút tự nhủ, liệu có phải là nàng cũng hoài thai hai thằng bé sinh đôi trong thứ nước đầy bọt của bồn tắm? Hẳn sau tôi nàng đã biết đến đàn ông, nhiều đàn ông; bởi vì nàng đã phản bội tôi như vậy, tôi hy vọng là có nhiều đàn ông, một đội quân, và ngày nào nàng cũng lừa lão chồng bất lực với tất cả những kẻ lai vãng qua nhà. Tôi tưởng tượng ra cảnh nàng lôi một gã đàn ông lên phòng tắm này, một tay làm việc ở trang trại, gã làm vườn, một tay chuyên đưa sữa, một trong đám người Pháp của STO. Hẳn mọi người trong vùng đều biết chuyện, nhưng không ai nói gì, vì lòng tôn kính dành cho von Üxküll. Von Üxküll, ông ta thì quan tâm gì đâu, ông ta chết gì như một con nhện trong những căn phòng của mình để mơ mộng đến thứ âm nhạc trừu tượng đủ sức mang ông ta đi khỏi cái cơ thể nát tàn kia. Và em gái tôi cũng chẳng hề quan tâm đến những gì mà hàng xóm nghĩ hay nói, chừng nào bọn họ còn leo lên đây. Nàng bắt bọn họ xách nước lên, bắt bọn họ giúp nàng cõng vác; và bọn họ thì hết sức vụng về, người bọn họ đổ ửng cả lên,

những ngón tay to bè cứng đánh lại vì lao động cuồng quýt lên, lại phải nhờ đến nàng giúp đỡ. Phần lớn vừa vào đến nơi đã phóng hết cả, bắn tung tóe lên quần dài; bọn họ không biết phải làm gì, nàng phải giảng giải cho họ từ đầu. Bọn họ vuốt lưng nàng, sờ vú nàng, rồi sau đó, nàng làm tình với bọn họ trong phòng ngủ. Bọn họ bốc mùi đất, mùi cáu ghét, mùi mồ hôi, mùi thuốc lá rẻ tiền, hẳn là nàng phải thích chúng đến phát điên. Những cái chim, khi nàng lột quần lót của họ để mút, bốc mùi nước giải. Và khi đã xong xuôi nàng đuổi bọn họ đi, một cách thân ái nhưng không hề mỉm cười. Nàng không tắm, nàng ngủ trong mùi người bọn họ, giống như một đứa trẻ. Bằng cách đó mà đời nàng, khi tôi không có ở đó, xứng đáng với đời tôi, cả hai, người này cũng như kẻ kia, đều không biết làm gì khác ngoài đắm mình vào cơ thể, những khả năng vừa bất tận lại vừa hạn hẹp hết mức của chúng. Nước chậm chậm lạnh đi, nhưng tôi không đi ra, tôi đang sưởi ấm mình bằng thứ lửa tôi tị tị đốt bằng những ý nghĩ ấy, tôi tìm thấy một sự êm dịu phi lý trong những mộng tưởng đó, ngay cả là những gì bẩn thỉu nhất, tôi kiếm tìm một chỗ trú ẩn trong những giấc mơ giống như một thằng bé dưới tấm chăn, bởi vì dù cho chúng có tàn bạo và hư hỏng đến đâu thì vẫn còn hơn sự cay đắng không thể chịu đựng bên ngoài. Cuối cùng tôi cũng bước ra khỏi bồn tắm. Chưa lau người ngay, tôi uống luôn một cốc rượu, rồi cuốn quanh mình một trong những cái khăn tắm lớn gấp ở đó. Tôi châm một điếu thuốc và, không buồn mặc quần áo, ra đứng hút thuốc ở một cửa sổ nhìn xuống sân: ở tận góc trời là một đường viền nhợt nhạt, chậm rãi chuyển từ màu hồng sang màu trắng, sang màu ghi rồi màu xanh sẫm hòa vào với màu trời đêm. Điếu thuốc tàn, tôi uống thêm một cốc nữa rồi nằm xuống cái giường lớn có tán che phía trên, kéo lên người đồng ga trải giường hồ bột và đóng chặn nặng trĩu. Tôi duỗi tay chân, nằm sấp xuống, đầu vùi vào cái gối mềm, giống hệt như nàng vẫn thường nằm trong suốt bao nhiêu năm, sau mỗi lần đi tắm. Tôi nhìn thấy rất rõ điều đó, tất cả những điều bấn loạn và mâu thuẫn ấy dâng lên trong tôi giống như một thứ nước

màu đen, hoặc như một tiếng ồn chói tai đe dọa sẽ lấn át tất cả các âm thanh khác, lý trí, sự thận trọng, thậm chí cả ham muốn suy nghĩ. Tôi luôn tay vào giữa hai đùi và tự nhủ: Nếu mình luôn tay vào giữa hai đùi nàng như thế này, chắc hẳn nàng sẽ không chịu đựng nổi, nhưng cùng lúc ý nghĩ đó làm tôi thấy tức tối, tôi không muốn nàng đối xử với tôi theo cách nàng đối xử với một tay ở trang trại, để được thỏa mãn, tôi muốn nàng thêm muốn tôi, một cách tự do giống như cách tôi thêm muốn nàng, tôi muốn nàng yêu tôi như tôi yêu nàng. Cuối cùng tôi trôi vào giấc ngủ và những cơn mơ hung bạo, đứt đoạn, nhưng chỉ còn sót lại trong trí nhớ tôi dấu vết u tối của câu nói này, trong giọng nói bình thân của Una: "Anh nặng quá, phụ nữ không chịu nổi đâu."

Tôi dừng dừng đi tới giới hạn các khả năng của mình trong việc kìm giữ các xung động chệch lối, những thôi thúc xung khắc nhau đang xâm chiếm tôi. Tôi đi lang thang vô định trong nhà, tôi bỏ hàng giờ ve vuốt những họa tiết trang trí bằng gỗ nhẵn thín trên những cánh cửa phòng von Üxküll, tôi cầm một cây nến đi xuống hầm để nằm ra trên nền đất nền ẩm ướt và lạnh giá, tôi say sưa ngửi hít những thứ mùi lạ lùng, lưu cữu, cũ kỹ, từ cái hầm đó, tôi đi thám thính hai căn phòng nghèo nàn của gia nhân, như một tay cảnh sát sẫm soi chỗ vệ sinh của họ, toilet theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ với những bậc thang khía cạnh được chùi rửa bóng loáng, rộng rãi đủ chỗ trú ẩn nỗi lòng của những người đàn bà mà tôi hình dung là mạnh khỏe, trắng trẻo và vóc người vạm vỡ giống như Käthe. Tôi không còn nghĩ gì đến quá khứ nữa, giờ đây tôi hoàn toàn không còn hứng thú với việc quay lại để ngắm nhìn Eurydice, tôi nhìn đắm đắm ra phía trước, vào cái hiện tại không thể chấp nhận, đang vỡ tan ra không hồi kết, và vô số các đồ vật kê đặt ở đó, và tôi biết chắc như đinh đóng cột rằng nàng, nàng đang theo sát từng bước chân tôi, như một cái bóng của tôi. Và khi tôi mở các ngăn kéo để lục đống quần áo lót, hai bàn tay nàng dịu dàng luôn xuống dưới tay tôi, mở ra và vuốt ve những thứ đồ lót sang trọng bằng đăngten đen rất mịn đó, và tôi không cần phải quay đầu lại mà vẫn nhìn thấy nàng ngồi trên đống đống một

chiếc tất lụa, ở đoạn ngang đùi non buộc một dải băng rộng bằng dăngten, trên làn da nhẵn và mỡ màng trắng bóc phập phồng nhẹ nhẹ những đường gân, hoặc luồn tay ra sau lưng để cài xuchiêng, rồi mau chóng chỉnh lại từng bên vú. Như thể nàng đang ngồi trước mặt tôi mà làm những động tác đó, những động tác hàng ngày, không e ngại, không ngượng ngùng vờ vạy, không phô trương, chính xác giống như nàng đang thực hiện chúng khi chỉ có một mình, không phải một cách máy móc mà đầy chú tâm, thích thú với công việc đó và không phải nàng mặc đồ lót dăngten cho chồng mình hay cho những người tình một đêm, cũng không phải cho tôi, mà là cho chính nàng, vì khoái cảm của chính nàng, khoái cảm do thứ dăngten và lụa đó tạo ra trên da thịt, khoái cảm được ngắm nhìn vẻ đẹp được trang hoàng ở trước gương lớn, được tự nhìn thấy mình chính xác như tôi tự nhìn thấy tôi, hoặc muốn có thể tự nhìn mình như vậy: không phải với một cái nhìn kiểu Narcisse, cũng không phải một cái nhìn phê phán soi mói các khiếm khuyết, mà với một cái nhìn tuyệt vọng tìm cách nắm bắt thực tế không thể nắm bắt của những gì nó thấy – một cái nhìn của họa sĩ, gọi thế cũng được, nhưng tôi không phải là họa sĩ, cũng như không phải là nhạc sĩ. Và trên thực tế, nếu nàng hở hang như vậy trước mặt tôi thì hẳn là tôi sẽ nhìn nàng với một cái nhìn tương tự, trong đó ham muốn chỉ càng làm cho sự sáng suốt trở nên sắc bén hơn lên, hẳn là tôi sẽ nhìn từng thớ thịt, mạng lưới các lỗ chân lông, những nốt ruồi nâu nâu tí xíu rải rác đây đó, những chòm sao chưa được đặt tên, những dòng chảy mạch máu dày cộm quanh khuỷu tay, chạy ngược lên dọc theo cánh tay, rồi nổi phồng ở đoạn lưng cổ tay và bàn tay trước khi phân nhánh chằng chịt và biến mất trong những ngón tay, chính xác giống như hai cánh tay đàn ông của tôi. Cơ thể chúng tôi giống hệt nhau, tôi muốn giải thích cho nàng: đàn ông không phải là phế tích của phụ nữ hay sao? Bởi vì tất cả các bào thai thoát tiên đều là giống cái trước khi phân chia, và cơ thể đàn ông luôn giữ lại dấu vết của chuyện đó, hai đầu vú vô tích sự không thể mọc cao lên, đường phân cách bìu dái và chạy qua đáy xương

chậu cho đến lỗ đít vạch nơi âm hộ đóng lại để đựng các buồng trứng khi rụng xuống biến thành các tinh hoàn, trong khi âm vật mọc dài ra vô hạn độ. Trên thực tế ở tôi chỉ thiếu một thứ duy nhất để trở thành phụ nữ giống như nàng, một người phụ nữ thực thụ, chữ e nằm ở cuối các từ trong tiếng Pháp biểu thị giống cái, khả năng tuyệt vời trong việc nói và viết rằng: "Tôi sinh ra, tôi được yêu, tôi được thêm muốn" với chữ e ở cuối các động từ. Chính chữ e đó đã khiến phụ nữ trở nên có tính chất sinh vật giống cái khủng khiếp, và tôi đau khổ vô hạn vì bị tước mất nó, với tôi đó là một mất mát không thể bù đắp, còn khó bù đắp hơn cả cái âm đạo mà tôi đã để lại ở ngưỡng cửa của sự sống.

Thỉnh thoảng, khi những cơn bão bên trong dịu bớt một chút, tôi tiếp tục đọc cuốn sách, mặt nhìn ra khu rừng và bầu trời xám xịt thấp tè, bình thần thả trôi mình theo những trang viết của Flaubert. Nhưng rồi tôi sẽ lại để quên băng quyển sách trên đầu gối, trong khi máu đỏ dồn lên mặt. Khi đó để giết thời gian tôi tiếp tục đọc một trong số các nhà thơ Pháp cổ, với thân phận hẳn là không khác biệt lắm với thân phận của tôi: *Không biết khi nào tôi sẽ ngủ/Cũng không biết khi nào thức dậy, nếu người ta không nói cho tôi*. Em gái tôi có một bản tập thơ Tristan của Thomas đã cũ, và tôi cũng mở nó ra cho đến lúc nhận thấy, nỗi kinh hoàng của tôi cũng sắc nhọn ngang bằng với nỗi kinh hoàng do cơn ác mộng gây ra, nàng lấy bút chì gạch chân những câu thơ sau:

*Khi điều không muốn ta phải làm
Sự tốt đẹp không thể nào đạt tới
Ta bèn cưỡng ép sự muốn của ta luôn*

Và thêm một lần nữa như thể bàn tay dài ma quái của nàng lại luồn xuống dưới cánh tay tôi, từ nơi lưu đầy bên Thụy Sĩ của nàng hoặc là ngay đằng sau tôi, để trước mặt tôi dịu dàng đặt một ngón tay lên những từ đó, cái bản án không cho phép kháng cáo mà tôi không thể chấp nhận, mà tôi chối từ với toàn bộ khả năng hăng hái thảm hại còn lại.

Tôi chậm rãi rơi vào một *stretto* dài không điểm kết, nơi mỗi lời đáp bật ra trước khi câu hỏi kết thúc, nhưng là theo lối *can-crizan*, kiểu đi giắt lùi của con tôm. Những ngày cuối cùng ở ngôi nhà đó, tôi chỉ còn những mẫu hình ảnh không trật tự lẫn ý nghĩa, rồi bởi nhưng cũng sống động của cái logic không thể đảo ngược của giấc mơ, bản thân lời nói hay đúng hơn là tiếng ộp ộp vụng về của ham muốn. Giờ đây đêm nào tôi cũng ngủ trong cái giường không mùi vị của nàng, dán sấp người xuống, hoặc nghiêng sang một bên cuộn tròn lại, đầu trống rỗng không một ý nghĩ. Trong cái giường này không còn lại gì ngỡ hờn gợi nhớ đến nàng, thậm chí không có đến cả một sợi tóc, tôi đã gỡ ga trải để xem xét tấm đệm, hy vọng ít nhất cũng tìm được một vết máu, nhưng đệm cũng sạch ngang với ga. Thế là tôi bắt đầu tự vấy bẩn, ngồi xổm lên, hai chân giăng ra thật rộng, cơ thể ma quái của em gái tôi mở ra bên dưới, đầu hơi nghiêng về một phía và mái tóc hất sang để lộ cái tai tròn và mảnh mà tôi từng yêu quý biết bao, rồi tôi dây dầy thứ nhót trắng lên người và cứ thế mà ngủ thiếp đi luôn, bụng vẫn còn dấp dính. Tôi muốn sở hữu cái giường này, nhưng chính là rở sở hữu tôi, không thả tôi ra nữa. Dù loại quái tượng nhảy vào giấc ngủ của tôi, tôi cố sức đuổi chúng đi, vì tôi chỉ muốn nhìn thấy hình ảnh của em gái tôi, nhưng chúng rất bướng bỉnh, chúng quay trở lại từ nơi tôi ít ngờ tới nhất, giống như lũ con gái vó giáo dục hồi ở Stalingrad, tôi mở mắt ra và một trong số chúng luồn ngay vào áp sát người tôi, quay lưng về phía tôi và ấn hông vào bụng tôi, dương vật tôi đi vào theo hướng đó và nằm nguyên tại chỗ, dịch chuyển rất chậm rãi, và rồi sau đó nó giữ luôn ở bên trong, chúng tôi cứ dính chặt vào nhau thế mà ngủ. Và khi tỉnh dậy nó thò tay vào giữa hai đùi tôi để cò cưa bùi dái, làm tôi đau điếng, và lại cương cứng lên ở bên trong, một tay đặt lên xương hông căng thẳng của nó, và tôi vật nó nằm sấp xuống để tiếp tục trở lại, trong khi hai bàn tay bé xíu của nó bám chặt lấy ga trải giường, xoắn lại và người nâng lên nâng xuống không một tiếng động. Nó không bao giờ để tôi yên. Nhưng khi đó xuất hiện trong tôi một cảm giác khác, rất bất ngờ, một cái gì

đó giống với sự dịu dàng và nỗi hoang mang. Đúng, chính thế, giờ đây nó đã quay trở lại, nó tóc vàng, chất chứa sự dịu dàng và nỗi hoang mang. Tôi không biết giữa hai chúng tôi mọi chuyện sẽ còn đi đến đâu nữa. Hình ảnh khác, hình ảnh về đứa con gái ngủ thiếp đi với dương vật người tình cắm trong lỗ đít, không liên quan gì đến nó. Đó không phải là Hélène, điều đó thì chắc chắn rồi, bởi vì tôi có cái ý nghĩ rồi bởi rằng bố nó là cảnh sát, một người có vai vế lớn không đồng ý với lựa chọn của cô con gái và thù địch với tôi, và cả vì với Hélène bàn tay tôi chưa bao giờ đi lên cao quá đầu gối, mà ở đây thì lại khác hẳn. Đứa con gái tóc vàng cũng lên cái giường lớn, chiếm lấy một chỗ không thuộc về nó. Điều này khiến tôi thấy lo lắng. Nhưng cuối cùng tôi cũng dồn sức đẩy được hết chúng đi, ít nhất là chúng cũng bắn ra được chỗ những thanh xoắn chống cái tán, và kéo được em gái tôi về nằm ở giữa giường, tôi đè cả người mình lên nàng, bụng trần áp lên cái sẹo trên bụng nàng, tôi nhổm lên nhổm xuống trên người nàng, một cách vô vọng và với sự điên giận mỗi lúc một tăng, và cuối cùng một đoạn rộng toác ra, như thể đến lượt mình cơ thể của tôi bị lưỡi dao của một bác sĩ phẫu thuật rạch một đường, lòng ruột rơi tuột xuống nàng, cánh cửa dành cho những đứa trẻ tự mở ra bên dưới tôi và tất cả đi vào trong đó, tôi nằm trên nàng như người ta nằm trên tuyết, nhưng tôi vẫn mặc quần áo, tôi cởi bộ da của mình, bỏ mặc những chiếc xương cho vòng ôm siết của cơ thể nàng, thứ tuyết trắng và lạnh đó, và nó đóng lại ở trên tôi.

Một đợt ánh sáng chiều tà xuyên qua mây rọi lên bức tường phòng ngủ, cái bàn làm việc, một bên sườn cái tủ, chân giường. Tất cả đều yên ắng. Tôi cắt vài mẩu bánh mì quê màu xám ngon lành, phết bơ, đặt lên những khoanh giăm bông lớn. Tôi cũng tìm được dưa chuột muối, một cái liễn đựng patê, trứng luộc và cho tất cả lên một cái khay cùng với dao dĩa, hai cái cốc, và một chai vang Bourgogne loại ngon, một chai vosne-romanée, tôi nghĩ là mình vẫn còn nhớ rõ. Tôi quay lại phòng ngủ và đặt khay lên giường. Tôi ngồi khoanh chân ngắm nhìn khoảng không gian trống rỗng trên đồng ga trải giường trước mặt tôi, phía bên kia cái

khay. Em gái tôi chậm chậm hiện hình, với một vẻ sắc nét đáng kinh ngạc. Nàng nằm nghiêng người mà ngủ, người thu lại; sức nặng kéo hai vú và một phần bụng lệch sang một bên, xuống phía dưới, làn da trắng căng ở đoạn hông góc cạnh nhô lên. Không phải cơ thể nàng đang ngủ, mà là nàng đang nhẹ nhõm ép sát vào trong cơ thể mà ngủ. Một chút máu đỏ tươi rỉ ra giữa hai chân nàng, không làm bẩn giường, và toàn bộ cái tính người nặng nề đó giống như một cái cọc cắm thẳng vào mắt tôi, nhưng không làm tôi bị mù, mà ngược lại còn mở cho tôi con mắt thứ ba, do một tay súng bắn tĩa người Nga dính vào trong đầu tôi. Tôi mở chai, hít thật sâu mùi rượu xộc thẳng choáng váng, rồi rót ra hai cốc. Tôi uống và bắt đầu ăn. Tôi đói kinh khủng, tôi ngấu nghiến tất cả những gì có ở đó và uống cạn chai rượu vang. Bên ngoài, trời đã tối hẳn, căn phòng sẫm lại. Tôi bỏ cái khay đi, chậm nển và nằm dài ra mà hút thuốc, gạt tàn để trên bụng. Phía trên đầu, tôi nghe thấy tiếng vo ve căng thẳng. Vẫn nằm im, tôi đưa mắt tìm kiếm, và nhìn thấy một con ruồi trên trần nhà. Một con nhện rời khỏi nó và chạy biến vào một kẽ tường. Con ruồi đã bị mắc vào mạng nhện, nó đập cánh liên hồi hòng thoát thân nhưng không nổi. Đúng lúc đó một luồng gió chạy qua dương vật tôi, một ngón tay ma, đầu chót một cái lưỡi; ngay lập tức, nó phồng ngồng lên. Tôi bỏ gạt tàn ra và tưởng tượng cơ thể nàng trườn lên trên tôi, chồm lên để đút của tôi vào trong, hai vú thì trĩu nặng tay tôi, mái tóc đen dày tạo thành một tấm riđô xung quanh đầu tôi, bao lấy một khuôn mặt sáng bừng bởi một nụ cười mênh mông, rạng ngời, nụ cười nói với tôi: "Anh được sinh ra đời cho một điều duy nhất, để ăn nằm với em." Con ruồi tiếp tục vo ve, nhưng với những khoảng thời gian ngày càng xa nhau, rồi đột ngột dừng hẳn lại. Tôi cảm thấy giữa hai tay mình đoạn cuối xương sống nàng, ngay phía trên hai quả thận, miệng nàng, phía trên tôi, thì thầm: "Ôi, Chúa tôi, ôi, Chúa tôi." Sau đó, tôi lại nhìn con ruồi. Nó cam lạng và bất động, chất độc nhện cuối cùng đã làm nó tê liệt. Tôi đợi con nhện thò ra. Rồi hẳn là tôi đã thiếp đi. Một đợt đập cánh điên dại đánh thức tôi dậy, tôi mở mắt và nhìn. Con

nhện đang đứng cạnh con ruồi đập cánh. Con nhện do dự, hết tiến lên đến lùi lại, cuối cùng nó trở về cái khe của mình. Con ruồi lại ngừng vùng vẫy. Tôi cố tưởng tượng ra nỗi kinh hoàng im lìm, nỗi sợ gây vụn trong cặp mắt đa diện của nó. Thỉnh thoảng, con nhện đi ra, thò một cặp chân thăm dò con mồi, quần thêm mấy vòng tơ, rồi lại đi về; và tôi, tôi chứng kiến sự hấp hối bất tận ấy, cho đến lúc con nhện, nhiều giờ sau đó, cuối cùng cũng lôi con ruồi đã chết hoặc ngấm thuốc mê man về kẻ tường để bình thản đánh chén.

Trời lại sáng, vẫn trần trụi, tôi đi giày mềm để tránh bắn chân và đi thăm dò ngôi nhà lớn lạnh lẽo và tối tăm đó. Nó trải rộng quanh cơ thể đầy kích động với làn da trắng và nổi gai ốc vì lạnh của tôi, làn da nhạy cảm ở mọi điểm trên bề mặt, giống như dương vật cứng đang và lỗ đít lâm râm kim châm. Đó là một lời mời gọi đến những trò điên rồ tồi tệ nhất, những trò chơi bệnh hoạn nhất và dữ dội nhất, và bởi vì cơ thể mềm mại và ấm nóng mà tôi thèm muốn chối từ, tôi bèn sử dụng ngôi nhà của nó thế chỗ cho nó, tôi làm tình với ngôi nhà của nó. Tôi chui vào khắp mọi nơi, tôi nằm lên trên những cái giường, những cái bàn hoặc thậm, tôi cọ mông dít vào góc các đồ gỗ, phóng tinh lên ghế phôtô hoặc tủ đóng kín, vào giữa đóng quần áo đậm đặc mùi bụi và băng phiến. Thậm chí tôi còn vào chỗ của von Üxkül, thoát tiên với một cảm giác chiến thắng đầy tính trẻ con, rồi đến cảm giác nhục nhã. Và sự nhục nhã thì cách nào cũng không chịu buông tha tôi, cảm giác về sự phù phiếm điên rồ của các cử động, nhưng sự nhục nhã và phù phiếm đó cũng có lợi cho tôi, và tôi tận dụng chúng với một niềm vui xấu xa, không bờ bến.

Những ý nghĩ đứt đoạn ấy, sự khai thác kiệt cùng các khả năng đó đã choán hết chỗ của thời gian. Những lần mặt trời lên, mặt trời lặn chỉ còn có tác dụng đánh nhịp, giống hệt như sự đối sự khát hoặc các nhu cầu tự nhiên, giống hệt như cơn buồn ngủ xuất hiện vào bất kỳ thời điểm nào để nuốt chửng lấy tôi, bồi bổ sức lực, và ném tôi về với tình trạng thảm hại của cơ thể. Thỉnh thoảng tôi mặc quần áo và ra ngoài đi dạo. Trời gần như nóng,

những cánh đồng bị bỏ không bên kia sông Drage đã trở nên nặng nề, rậm rạp, đất tôi dính vào chân buộc tôi phải tìm đường vòng. Trong những lần đi dạo đó tôi không nhìn thấy một ai. Trong rừng, chỉ cần một cơn gió cũng đủ làm tôi bị chao đảo, tôi tụt quần dài và xắn tay áo sơ mi lên để nằm xuống mặt đất cứng lạnh lẽo phủ đầy lá thông nhọn chích vào người. Trong những khoảng rừng rậm ở đoạn sau cây cầu trên sông Drage, tôi cởi hết quần áo, chỉ còn lại đôi giày, và bắt đầu chạy, như hồi tôi còn là một đứa bé, qua những bụi cành lá xòa xuống đầm xước da tôi. Cuối cùng tôi ngừng chạy, dựa vào một gốc cây và quay người lại, hai tay vòng sau lưng ôm quàng lấy thân cây, để chậm rãi cọ dít vào vỏ cây. Nhưng điều đó không làm tôi thỏa mãn. Một hôm, tôi tìm thấy một cái cây nằm ngang, bị bão vật đổ, với một cành gãy ở đoạn trên thân, và rồi tôi dùng dao nhíp cắt ngắn bớt nó đi, lột vỏ và đánh bóng gỗ, gọt thật tròn cái đầu. Rồi, thấm đẫm nó bằng nước bọt, tôi ngồi giạng chân hai bên lên gốc cây và, chống giữ bằng hai tay, chậm rãi nhét cái cành vào trong mình, lút tận cán. Điều này gây cho tôi một khoái cảm lớn lao, và trong toàn bộ khoảng thời gian đó, hai mắt nhắm nghiền, dương vật bị lãng quên, tôi tưởng tượng ra em gái tôi đang làm cùng một việc, giống như một nữ thần rừng tà dâm đang hoan lạc với cây cối trong khu rừng của mình ngay trước mặt tôi, dùng cả âm đạo và lỗ dít của mình để tìm đến một khoái cảm điên rồ hơn khoái cảm của tôi rất nhiều lần. Tôi đạt cực khoái với những cơn co giật hỗn loạn, nhắc người khỏi cành cây lấm bẩn, ngã người sang một bên xuống một cành khô, nó cứa sâu vào lưng tôi, một cơn đau dữ dội và đầy thích thú mà tôi dùng cả trọng lượng cái cơ thể đã gần như xui đi ấn mạnh lên một lúc lâu. Cuối cùng tôi lăn sang một bên, máu chảy tràn từ vết thương, những cái lá khô và lá thông dính vào các ngón tay, tôi đứng dậy, hai chân run rẩy vì khoái cảm, tôi bắt đầu chạy giữa đám cây cối. Xa hơn một chút rừng trở nên ẩm ướt, một thứ bùn ẩm phủ trên mặt đất, từng đám rêu mọc lên ở những chỗ khô hơn, tôi trượt chân ngã vào bùn, sườn đập xuống đất, thở hổn hển. Tiếng kêu của một con diều móc vang lên trong

tán rừng. Tôi đứng dậy và đi xuống bờ sông Drage, cởi giày và trằm mình xuống làn nước lạnh giá khiến phổi tôi đông cứng lại để rửa đi chỗ bùn bám và thứ máu vẫn đang chảy, trộn lẫn với nước lạnh chảy rùng rùng trên lưng khi tôi lên bờ. Khi người đã khô tôi cảm thấy sáng khoái, làn không khí trên da thịt tôi ấm nóng và dịu dàng. Tôi những muốn chặt cành dựng một túp lều vách đắp bằng rêu, và trần trỗng mà ngủ qua đêm ở đó; nhưng dù sao thì trời cũng quá lạnh, và rồi làm gì có Yseut để mà chia sẻ túp lều, cũng không có Marc để đuổi chúng tôi ra khỏi lâu đài. Tôi bèn tìm cách lạc lối trong rừng, trước tiên với một niềm vui kiểu trẻ con, rồi gần như là với sự tuyệt vọng, bởi vì điều đó là không thể, lúc nào tôi cũng bắt gặp một lối đi hoặc một cánh đồng, mọi con đường đều dẫn tôi đến với những điểm dẫn chiếu đã biết, dù cho có chọn hướng nào đi chăng nữa.

Về thế giới bên ngoài, tôi không có chút ý tưởng nào, tôi không biết điều gì đang xảy ra ở đó. Không có đài, cũng không ai đến. Một cách lơ đãng, tôi hiểu rằng ở phía Nam, trong khi tôi đang chìm đắm trong sự chua chát điên rồ của những nỗi niềm bất lực, nhiều người đang chết, cũng như nhiều người khác đã chết, nhưng tôi không quan tâm. Tôi không thể biết người Nga đang ở cách đây hai mươi hay một trăm cây số và tôi mặc kệ điều đó, còn hơn thế, tôi không buồn nghĩ, với tôi chuyện đó xảy ra trong một thời gian khác thời gian của tôi, chưa nói đến không gian, và nếu như thời gian đó hội vào với thời gian của tôi, nếu thế thì cứ chờ xem bên nào sẽ chịu thua. Nhưng dù cho buông thả đến đâu, một nỗi hoang mang trần trụi vẫn làm tê tái cơ thể tôi, chảy ra từ đó, giống như những giọt nước li ti tan ra từ tuyết rỏ từ một cành cây xuống các cành cây khác, những lá thông nằm phía dưới. Nỗi hoang mang đó cảm lạnh xói mòn con người tôi. Giống như một con thú lần dò đám lông để tìm nguồn cơn sự đau đớn, giống như một đứa trẻ, bướng bỉnh và giận dữ với những thứ đồ chơi bất kham, tôi tìm cách đặt một cái tên cho nỗi đau của mình. Tôi uống, cạn nhãn nhiều chai rượu vang và những cốc rượu mạnh rồi nằm sượt ra giường, phơi mình hứng lấy những

con gió. Một bầu không khí lạnh lẽo và ẩm ướt lưu chuyển ở đó. Tôi buồn bã nhìn mình trong gương, ngắm dương vật đỏ ửng và mệt mỏi rũ xuống giữa đám lông, tôi tự nhủ nó đã thay đổi, và dù cho vẫn còn ở đó, nó cũng không còn như trước nữa. Vào tuổi mười một hoặc mười hai, bộ phận sinh dục của chúng tôi nhỏ xíu, gần như là hai bộ xương của chúng tôi ập vào nhau trong ánh sáng hoàng hôn; giờ đây da thịt đã dày lên, cộng với những vết thương khủng khiếp mà nó đã phải chịu đựng, nang thì bị rách bụng, còn tôi thì mang một cái lỗ chạy suốt đầu, vết sẹo tự cuộn lại, đường hầm của da thịt chết. Một âm đạo, một trực tràng cũng là một cái lỗ bên trong cơ thể, nhưng bên trong đó là da thịt sống động, chúng tạo thành một mặt phẳng, với chúng không có cái lỗ nào. Vậy thì một cái lỗ, một khoảng trống là gì? Đó là cái có trong đầu khi suy nghĩ cả gan tìm cách trốn chạy, tách ra khỏi cơ thể, làm như thể cơ thể không tồn tại, như thể có khả năng suy nghĩ mà không cần đến cơ thể, như thể ý nghĩ trừu tượng hơn cả, ý nghĩ về luật luân lý ở trên đầu như một bầu trời đầy sao, chẳng hạn vậy, không gắn kết với nhịp điệu hơi thở, xung động trong các mạch máu, tiếng ken két của những đoạn xương sụn. Và quả đúng vậy, khi tôi chơi với Una, khi chúng tôi còn nhỏ, và sau này, lúc đã học được cách sử dụng những cơ thể đàn ông thêm muốn tôi theo các mục đích cụ thể, thì tôi vẫn còn trẻ, còn chưa hiểu sức nặng đặc thù của cơ thể, và những gì trò chơi ái tình xúi bẩy, hướng đến và bắt buộc. Với tôi tuổi tác không có nghĩa lý gì, ngay cả hồi ở Zurich. Giờ đây, tôi đã bắt đầu việc tiếp cận, tôi cảm thấy được sống trong một cơ thể nghĩa là thế nào, ngay cả trong một cơ thể phụ nữ, với đôi vú nặng nặng, buộc phải ngồi xuống bệ xí hoặc ngồi xổm để đại, bị người ta dùng dao rách bụng để lôi những đứa con ra. Tôi những muốn có được cái cơ thể đó ở trước mặt, nằm tênh hênh trên divăng, hai đùi giăng ra như một quyển sách mở, một dải đăng ten hẹp màu trắng che đi đoạn phồng lên của bộ phận sinh dục, điểm xuất phát của vết sẹo dày phía trên và, ở hai bên, chỗ khởi đầu của những đoạn gân, những chỗ hõm nơi tôi thêm đặt môi lên, và ấn nó xuống trong khi hai ngón tay

chậm chậm gạt miếng vải ra: “Nhìn đi, nhìn đi, xem nó trắng đến thế nào. Tưởng tượng đi, tưởng tượng xem ở dưới nó đen đến thế nào.” Tôi muốn đến phát điên được nhìn thấy bộ phận sinh dục nằm giữa hai cái thung trắng bóc đó, phồng lên, như thể được đặt trên cái khay là cặp móng để dâng hiến, và được dùng lưỡi thọc vào cái khe gần như khô khốc, từ thấp lên cao, một cách thật nhẹ nhàng, một lần duy nhất. Tôi cũng muốn nhìn cơ thể đẹp đẽ đó ngồi trên bồn cầu, đầu cúi về phía trước, hai khuỷu tay chống đầu gối mà đi tiểu, và nghe tiếng nước tiểu phụt vào nước; và tôi cũng muốn trong cùng lúc đó cái miệng của nó ngậm lấy dương vật tôi vẫn đang mềm oặt, mũi nó xục xạo vào đám lông của tôi, đoạn hõm giữa hai tinh hoàn và đùi, ngang vùng thắt lưng, say sưa với cái mùi chất nồng và chua chua, cái mùi đàn ông mà tôi biết rõ đến vậy. Khi ấy tôi bỗng cháy ham muốn được đặt cơ thể đó lên giường, giạng hai chân nó ra, vục đầu vào âm hộ ướt đầm như một con lợn dùng mõm xục xạo một ổ nấm củ, rồi lật sấp nó xuống, dùng tay vạch hai móng ra để chiêm ngưỡng lỗ đít với nhiều cánh nhỏ tím sậm nháy nháy liên tục như một con mắt, đặt mũi lên trên mà hít. Và tôi mơ được nằm ngủ trong tư thế cắm mặt vào đám lông xoắn ở nách nó và để cho vú nó đè nặng lên má, hai chân tôi quắp chặt lấy một chân nó, tay đặt hờ lên vai nó. Và khi tỉnh dậy cơ thể nằm dưới tôi đó đã hoàn toàn hấp thụ lấy tôi, nó nở một nụ cười bẽn lẽn và nhìn tôi, lại giạng chân ra và ru tôi ở bên trong theo một nhịp điệu chậm rãi và ngậm ảu giống như một lễ mixa cổ xưa của Josquin, và chúng tôi sẽ chậm chậm rời xa bờ, được hai cơ thể mang đi giống như nước biển ấm áp phẳng lặng và mặn mòi, và giọng nói của nó thì thào vào tai tôi, sáng sủa và rõ ràng: “Chúa đã sinh em ra cho tình yêu.”

Trời lại bắt đầu lạnh, tuyết rơi một chút, hiên nhà, khoảnh sân, khu vườn phủ một lớp tuyết mỏng. Không còn nhiều thực phẩm, tôi đã ăn hết bánh mì, tôi thử tự làm bánh bằng đông bột của Käthe, tôi không biết rõ phải làm như thế nào nhưng trong một quyển sách dạy nấu ăn tôi tìm được công thức và làm được nhiều cái bánh, mà tôi ăn ngay những mẫu nóng khi chúng vừa

ra khỏi lò, nhai rau rầu cùng với hành sống, khiến hơi thở của tôi nặng mùi khủng khiếp. Không còn cả trứng lẫn giảm bông, nhưng trong hầm tôi tìm được nhiều thùng đựng táo xanh nhỏ để từ hồi mùa hè, hơi bột nhưng ngọt, và ăn rả rích suốt ngày, dùng rượu mạnh để chiêu. Hầm rượu vang thì còn nhiều vô tận. Vẫn còn patê, và tôi ăn tối bằng patê, thịt mỡ nướng với hành, và uống những chai rượu vang Pháp hảo hạng. Đêm đến, tuyết lại rơi, thành những đợt lốc dữ dội, gió Bắc đập ầm ầm xuống ngôi nhà làm bật tung các cửa chớp cài không kỹ trong khi tuyết đổ vào qua cửa sổ. Nhưng gỗ thì không thiếu, lò sưởi trong phòng ngủ cháy tí tách, trong phòng rất ấm áp và tôi cởi hết quần áo để ẩn mình trong bóng tối được tuyết rọi sáng, như thể con báo đang quật roi lên da thịt tôi. Hôm sau tuyết vẫn rơi, gió đã ngừng và tuyết rơi dày và mau, phủ đầy cây cối và mặt đất. Một hình thù trong vườn khiến tôi nghĩ đến đồng xác chết vùi trong tuyết ở Stalingrad, tôi nhìn thấy chúng rõ mồn một, những cặp môi xanh nhợt, làn da xỉn tua tủa râu ria, ngược hẳn với xác Moreau giữa đồng máu trên tấm thảm, xác mẹ tôi với cái cổ ngoẹo sang một bên, nằm thẳng cẳng trên giường, độc địa, những hình ảnh không thể chịu đựng được, dù cho cố gắng đến đâu tôi cũng không thoát ra nổi, và để xua đuổi chúng trí nhớ tôi bắt đầu leo lên những thang gác dẫn tới vừa cỗ nhà Moreau, tôi chui vào đó và nằm co quắp ở một góc, chờ em gái tôi đến tìm và an ủi tôi, kỳ sĩ có cái đầu vỡ toác của nàng.

Tối đó, tôi tắm nước nóng. Tôi lần lượt đặt hai chân lên bồn tắm và, nhúng luôn dao cạo râu vào nước trong bồn, tôi cạo lông chân, một cách kỹ lưỡng. Rồi tôi cạo lông nách. Lưỡi dao trượt đi trên đám lông dày đã bôi kem, lông rơi thành từng đám xoắn tít xuống bồn nước phủ bọt. Tôi đứng dậy, đổi lưỡi dao, đặt một chân lên gờ bồn và cạo lông chỗ kín. Tôi làm một cách chăm chú, nhất là ở những đoạn khó đặt lưỡi dao, giữa hai chân và giữa hai mông, nhưng tôi cũng trượt tay một lần và cắt vào da ngay ở đoạn sau bẹn dài, nơi có lớp da mỏng hơn cả. Ba giọt máu lần lượt rơi xuống lớp bọt trắng. Tôi bôi nước hoa eau de Cologne lên đó,

hơi xót, nhưng cũng dịu bớt được cơn đau. Trên mặt nước nổi lều phều lông và bọt, tôi lấy một xô nước lạnh để tráng người khiến da nổi gai ốc, bìu dái co lại. Ra khỏi bồn, tôi tự ngắm nhìn trong gương, và cơ thể trần trụi đến khủng khiếp đó trông thật xa lạ, giống pho tượng Apollon cầm đàn xita ở Paris hơn là tôi. Tôi đứng tựa cả người vào gương, nhắm mắt lại và tưởng tượng ra cảnh mình cạo lông chỗ kín của em gái tôi, một cách chậm rãi, nhẹ nhàng, dùng hai ngón tay kéo doãng từng đoạn da để không làm nàng bị thương, rồi lật người nàng lại và để nàng cúi về phía trước rồi cạo những sợi lông quăn ở lỗ đít. Sau đó, nàng cọ má vào làn da trần trụi và nhăn nheo vì lạnh của tôi, nàng mơn man hai tinh hoàn nhỏ xíu và liếm đầu dương vật bị cắt bao quy đầu, từng nhát liếm mạnh bạo dứt khoát: "Em yêu nó hơn khi nó còn to *như thế này*," nàng vừa cười vừa nói, ngón tay cái và ngón trỏ để ở cũ vài xăngtimet, và tôi, tôi dựng nàng dậy và nhìn vào bộ phận sinh dục trần trụi đang nhỏ máu giữa hai chân nàng, nó nhô về phía trước, vết sẹo dài mà tôi vẫn thấy ở đó không hoàn toàn chạm vào nó, nhưng đang hướng về phía đó, đó là bộ phận sinh dục của đứa em gái sinh đôi nhỏ bé của tôi và tôi òa khóc trước mặt nó.

Tôi nằm lên giường, sờ tay vào những bộ phận trẻ con xa lạ đó, lật sấp người xuống, mân mê cặp mông, chạm nhẹ vào lỗ đít. Tôi dồn hết sức lực để tưởng tượng rằng cặp móng đó là của em gái tôi, tôi nắn bóp chúng, vỗ vỗ chúng. Nàng cười. Tôi tiếp tục dùng lòng bàn tay vỗ xuống đó, cái mông đàn hồi kêu đôm đốp dưới tay tôi, và nàng, bộ ngực, khuôn mặt cũng đang ép sát xuống ga trải giường, cười ngặt nghẽo. Khi tôi dừng tay, hai mông đỏ ửng lên, tôi không biết thật ra mông tôi có đỏ không, bởi vì ở tư thế này tôi không thể đập mạnh, nhưng trên cái sân khấu vô hình trong đầu tôi thì quả là chúng đỏ lên, tôi nhìn thấy âm hộ cạo sạch lông lộ ra giữa chúng, vẫn còn trắng và hồng, và tôi xoay người nàng lại, chìa bộ mông ra trước cái gương lớn có chân và nói: "Nhìn đi," và nàng, vẫn tươi cười, ngoảnh đầu lại để nhìn, và những gì nhìn thấy khiến nàng tắt bật tiếng cười và hơi thở, và tôi cũng vậy. Treo lơ lửng trong ý nghĩ của tôi, trôi nổi trong khoảng

không gian tối và rỗng chỉ tồn tại hai cơ thể chúng tôi, tôi chậm chậm chìa tay về phía nàng, ngón trở chỉ thẳng, và tôi thò ngón tay vào cái khe đang mở ra giống như một vết thương không đóng sẹo. Rồi tôi luồn ra sau nàng và, thay vì quỳ gối, ngồi xổm xuống để nhìn được vào giữa hai chân mình và để nàng cũng nhìn thấy. Ấn một tay xuống cái gáy thanh thoát của nàng – đầu nàng đang ngả lên giường và nhìn qua giữa hai chân – tôi dùng bàn tay còn lại cầm lấy dương vật và nhét nó vào giữa hai môi bộ phận sinh dục của nàng; khi quay lại, tôi nhìn thấy trong gương rõ mồn một cảnh dương vật tôi đi vào âm hộ trẻ thơ của nàng, và, bên trên, khuôn mặt đỏ nghiêng đắm máu xú xí của nàng. “Dừng lại đi, nàng rên rỉ, không được làm thế đâu,” và thế là tôi đẩy nàng thêm về phía trước để cơ thể nàng lại nằm vật ra trên giường, cơ thể tôi đè ở trên, và tôi giữ chặt lấy nàng như vậy, hai tay nắm lấy cái gáy cao của nàng, nàng thở hổn hển trong khi nỗi mê mẩn của tôi ào đến với một tiếng nấc. Rồi tôi rút ra và lăn người xuống giường, và nàng, nàng khóc như một đứa bé gái: “Không được làm thế đâu,” thế là tôi cũng bật khóc và chạm tay vào má nàng: “Thế phải làm thế nào?” và nàng leo lên người tôi, hôn mặt, mắt, tóc tôi. “Đừng khóc, đừng khóc, em sẽ chỉ cho anh,” nàng bình tĩnh lại, tôi cũng bình tĩnh lại, nàng ngồi giạng hai chân trên người tôi, bụng và cái âm hộ nhẵn cọ vào bụng tôi, nàng nhồm lung thẳng dậy, ngồi xổm ngay trên phần thận của tôi, hai đầu gối nhấc lên và bộ phận sinh dục phồng tương, như một vật lạ kỳ mang tính trang trí gắn vào cơ thể nàng, đặt lên phần bụng dưới của tôi, nàng bắt đầu cọ qua cọ lại và nó hé mở, từ đó chảy ra tinh trùng hòa lẫn với những chất nàng tiết ra bôi nhoe nhoét lên bụng tôi, đối diện với tôi, dùng âm hộ để hôn lên tôi như một cái miệng, tôi ngồi dậy, nắm lấy gáy nàng và ép sát vào người nàng, hôn lên miệng nàng, giờ đây cặp mông nàng đang gí sát dương vật cứng ngắc của tôi, nàng đẩy tôi nằm ngửa xuống và, một tay đặt lên ngực tôi, vẫn ở nguyên tư thế ngồi xổm đó, nàng dùng tay kia hướng lối dương vật tôi và cắm nó vào người mình. “Như thế này này, nàng nhắc đi nhắc lại, như thế này này.” Nàng lắc lư từ

trước ra sau, từng đợt một, hai mắt nhắm nghiền. còn tôi, tôi nhìn cơ thể nàng, tôi tìm kiếm cái cơ thể phẳng lì ở đoạn ngực ngày xưa và vòng hông tròn trịa, ngây độn, như thể đang xui đi. Con cục khoái khô khốc và bồng chồn, gần như không đi kèm chút tinh trùng nào, xé toang người tôi ra như một con dao mổ cá, nàng tiếp tục đu đưa trên người tôi, âm hộ giống như một vỏ sò mở ra, kéo dài thêm bởi vết sẹo dài thẳng đuồn chém dọc bụng, và giờ đây tất cả chúng tạo thành một cái khe dài, bị dương vật tôi mở ra cho đến tận rốn.

Tuyết rơi trong đêm nhưng tôi vẫn lang thang vô định trong khoảng không gian không bờ bến nơi ý nghĩ của tôi ngự trị, tạo ra và phá bỏ những hình dáng với một sự tự do tuyệt đối, tuy nhiên vẫn không ngừng va phải những giới hạn cơ thể, cơ thể thực mang tính vật chất và cơ thể tưởng tượng và do đó là vô tận của nàng, trong một sự tới lui trôi giạt mỗi lần lại làm tôi trống rỗng hơn, run rẩy hơn, tuyệt vọng hơn. Trần truồng ngồi trên giường, rã rượi, tôi uống rượu và hút thuốc và cái nhìn chạy từ bên ngoài, từ hai đầu gối đỏ ửng, hai bàn tay dài nổi gân, bộ phận sinh dục co quắp lại ở bụng dưới chỉ hơi phình ra một chút, đến bên trong, nơi nó dạo chơi trên cơ thể đang ngủ của nàng, nằm sấp ở đó, đầu quay về phía tôi, hai chân duỗi dài, như một đứa bé gái. Tôi nhẹ nhàng vạch đám tóc ra để tìm gáy nàng, cái gáy mạnh mẽ đẹp đẽ, và khi ấy ý nghĩ của tôi quay trở lại, giống như trong buổi chiều, với cái cổ bị bóp nghẹt của mẹ chúng tôi, người đã mang cả hai chúng tôi ở trong bụng, tôi vuốt ve gáy em gái tôi và nghiêm túc cố tưởng tượng ra mình đang vặn cổ mẹ như thế nào, nhưng không thể được, hình ảnh không đến, trong tôi không có dấu vết nào của một hình ảnh như vậy, nó buống bình từ chối thành hình trong cái gương mà tôi đang dùng để nhìn vào bên trong con người mình, tấm gương không phản chiếu gì, trống không, ngay cả khi tôi luồn hai tay xuống dưới mái tóc của em gái tôi và tự nhủ: Ôi tay tôi trên gáy em gái tôi. Ôi tay tôi trên cổ mẹ tôi. Không, không có gì, không có gì cả. Run rẩy, tôi nằm co quắp ở gần mép giường. Sau một lúc lâu tôi mở mắt. Nàng đang nằm

đuổi dài, một tay đặt lên bụng, hai chân giạng ra. Âm hộ nàng nằm ngang mặt tôi. Hai cái môi nhỏ thò một chút ra khỏi lớp thịt xanh nhợt và phồng lên. Nó đang nhìn tôi, rình mò tôi, giống như một cái đầu của quái vật Gorgone, giống như một tên khổng lồ Cyclope bất động với con mắt duy nhất không bao giờ chớp. Dần dần cái nhìn căm lạnh đó chui vào tận sâu xương tủy tôi. Hơi thở của tôi trở nên gấp gáp và tôi đưa tay ra để che nó đi: tôi không nhìn thấy nó nữa, nhưng nó thì lúc nào cũng nhìn thấy tôi và xuyên suốt người tôi (trong khi tôi đã trần truồng rồi). Giá như vẫn còn cương cứng lên được, tôi nghĩ, mình sẽ dùng chim như một cây cọc cứng đã hơ qua lửa để chọc mù mắt con Polyphème đang biến tôi thành kẻ "không ai cả". Nhưng dương vật vẫn nằm ì ra đó, tôi như thể bị thôi miên. Tôi chìa tay ra và ấn ngón tay giữa vào con mắt to tướng ấy. Hai bên hông rung lên nhẹ nhẹ, nhưng chỉ có vậy. Không giết được nó, tôi lại còn làm nó mở to ra, giải phóng cho một con mắt vẫn còn trốn phía sau tha hồ nhìn. Tôi bèn nảy ra một ý: tôi rút ngón tay lại và, tay chống xuống giường, tôi ấn trán mình vào cái âm hộ đó, vết sẹo gí vào tận sát. Giờ đây tôi mới là người nhìn vào bên trong, lục lọi những chiều sâu của cơ thể này bằng con mắt thứ ba rạng ngời của tôi, trong khi con mắt duy nhất của nó tỏa sáng vào tôi và hai bên làm nhau quáng mắt: không nhúc nhích, tôi tận hưởng một làn ánh sáng trắng tung tóe, trong khi nàng hét lên: "Anh làm gì thế? Anh làm gì thế?", và tôi cười phá lên, tinh trùng vẫn phóng ra thành từng tia lớn, vui sướng, tôi cắn âm hộ nàng đến ngạt răng để nuốt chửng nó, và cuối cùng hai mắt tôi cũng mở ra, sáng lên, và nhìn được tất cả.

Sáng ra, một lớp sương mù dày đặc bao phủ lên mọi vật: từ phòng ngủ, tôi không nhìn thấy cả lối đi trồng dương, khu rừng, lẫn bờ cái sân hiên. Mở cửa sổ, tôi lại nghe tiếng những giọt nước rỏ xuống từ mái nhà, tiếng kêu của một con diều mồi xa xa trong rừng. Tôi đi chân trần xuống tầng trệt và ra ngoài sân hiên. Tuyết trên nền đá lạnh lẽo dưới chân tôi, không khí lạnh làm da tôi nổi gai ốc, tôi đến tì khuỷu tay lên hàng lan can đá. Khi quay đầu lại,

tôi không nhìn thấy cả mặt tiền ngôi nhà, đoạn sau của lan can biến mất trong màn sương, tôi có cảm giác đang lơ lửng trôi nổi bồng bềnh. Một hình bóng trong đám tuyết ở khu vườn, có thể chính là cái mà tôi đã thoáng nhìn thấy ngày hôm trước, khiến tôi chú ý. Tôi cúi người về phía trước để nhìn rõ hơn, sương mù che lấp một phần nó, lại một lần nữa tôi nghĩ rằng đó là một cái xác, nhưng lần này là xác cô gái trẻ bị treo cổ ở Kharkov, nằm trong tuyết công viên Công đoàn, vú bị lũ chó cắn nát. Tôi rùng mình, da thịt rần rật, cái lạnh khiến lớp biểu bì trở nên đặc biệt nhạy cảm, bộ phận sinh dục phơi ra và cạo kỹ lông, không khí lạnh, sương mù bao quanh khiến tôi cảm thấy trần trụi cùng cực, một sự trần trụi tuyệt đối, gần như là trắng trợn. Giờ đây hình bóng đã biến mất, hẳn đó là một nếp đất, tôi quên nó đi và dựa cả người vào lan can, để mặc cho những ngón tay dạo chơi trên da thịt. Khi bàn tay bắt đầu sờ soạng xuống dương vật tôi cũng chỉ thoáng để ý thấy, cử chỉ đó chỉ làm giảm nhẹ được chút ít những cảm giác đang chậm chậm lột bỏ da thịt tôi, rồi lướt qua các cơ bắp của tôi, rồi nhấc bỏ cả đám xương, để lại duy nhất một cái gì đó kinh tởm khi phản chiếu lại, tự tạo ra khoá: lạc như thể cho một điều tương tự nhưng bị dịch chuyển một chút, không phải đối nghịch lại mà hòa trộn với những đối nghịch. Khoái cảm hắt tung người tôi về phía sau như một cú nổ bom và vật tôi ngã xuống hàng đá lát phủ tuyết của sân hiên nơi tôi ngây độn nằm lại, cả người run lên. Tôi tin là mình vừa nhìn thấy một cái bóng lớn vờn trong đám sương mù ở ngay gần, một hình bóng nữ, tôi nghe thấy những tiếng hú hét, có vẻ như ở rất xa nhưng hẳn đó chính là những tiếng hét của chính tôi, và cùng lúc tôi biết rằng tất cả những điều này diễn ra trong im lặng, và rằng từ miệng tôi không phát ra âm thanh nào ngỡ hâu làm xáo trộn buổi sáng xám xịt đến nhường đó. Hình bóng tách ra khỏi sương mù và đến nằm lên người tôi. Cái lạnh của tuyết làm xương tôi đau nhức. “Chúng ta đây mà, tôi trườn lên thì thâm vào mê cung của cái tai tròn trịa nhỏ bé của nó. Chúng ta đây mà.” Nhưng hình bóng vẫn câm lặng và tôi biết rằng đó vẫn là tôi, chỉ là tôi. Tôi đứng dậy và đi

vào nhà, tôi run rẩy, tôi lăn người trên thảm cho khô, nặng nhọc thở từng hơi. Rồi tôi đi xuống hầm. Tôi rút bừa những cái chai và thổi phía trên để đọc nhãn, những đám bụi lớn bay ra làm tôi hắt hơi. Mùi lạnh và ẩm của cái hầm này chui vào lỗ mũi tôi, lòng bàn chân tôi cảm nhận được hết cái lạnh, ẩm, gần như trơn tuột của nền đất nện. Tôi dừng lại ở một cái chai và dùng đồ mở treo trên một sợi dây mở nút ra, tôi uống từng ngụm lớn, rượu vang chảy từ môi xuống cằm và ngực, tôi lại cương cứng, giờ đây hình bóng đang ở sau những cái giá và chao đảo nhẹ nhàng, tôi mời nó uống rượu nhưng nó không nhúc nhích, thế là tôi bèn nằm xuống đất và nó đến ngồi lên người tôi, tôi tiếp tục uống chai rượu trong khi nó đút của tôi vào của nó, tôi nhỏ rượu vào nó nhưng nó không buồn để ý, mà cứ tiếp tục tới lui theo một nhịp điệu trời sụt lên xuống. Giờ đây mỗi lần có khoái cảm tôi lại thấy nó chát hơn, nồng hơn, chua hơn, những sợi lông nhỏ xíu xuất hiện trở lại làm da thịt và dương vật tôi bị ngứa, và khi ngay lập tức sau đó xiu xuống, nó để lại những mạch máu xanh lè to tướng nổi cục lên dưới lớp da đỏ rần rần, hệ thống những tĩnh mạch con tím ngắt. Và tuy thế tôi vẫn không sao ngừng lại được, tôi nặng nề chạy trong ngôi nhà lớn, trong những phòng ngủ, phòng tắm, tìm mọi cách để tự kích thích nhưng không có khoái cảm, vì không còn đủ sức nữa. Tôi bày trò đi trốn, dù biết rằng sẽ không có ai đi tìm, tôi không biết rõ lắm là mình đang làm gì nữa, tôi tuân theo những xung động của cơ thể bị choáng váng của mình, tâm trí vẫn sáng sủa và trong suốt nhưng cơ thể thì ẩn trốn trong sự mờ đục và yếu ớt của nó, tôi càng sử dụng nhiều thì nó càng không chịu tuân theo và càng biến thành một trở ngại, tôi nguyên rửa nó và cũng dùng mưu mẹo với sự đần độn hóa kia, trêu chọc và kích thích nó đến mức điên rồ, nhưng đó là một sự kích thích lạnh lẽo, gần như không mang tính dục tình. Tôi làm đủ mọi thứ trò bày bạ trẻ con: trong một căn phòng phụ, tôi quỳ gối xuống cái giường hẹp và cắm một ngọn nến vào đất, tôi dò dẫm châm lửa và lắc lư nó, làm những giọt sáp lớn nóng bỏng rơi xuống mông và phía sau hai tinh hoàn, tôi rống lên, đập đầu vào khung

giường sắt; sau đó, tôi ngồi xổm ỉa ở cái bồn cầu kiểu Thổ Nhĩ Kỳ trong khu gia nhân tối om; tôi không lau chùi, mà đứng chĩa dương vật thẳng căng trong cầu thang phụ, cọ cặp mộng dính cứng vào hàng lan can, mùi sục lên mũi và xộc thẳng lên óc; và trong khi hưởng khoái cảm thiếu điều tôi ngã vật ra các bậc thang, chỉ kịp vừa cười vừa lấy lại thăng bằng và nhìn dấu cứng dính trên gỗ, rồi lấy một cái khăn trải bàn nhỏ bằng đăngten tìm được trong phòng dành cho bạn bè lau thật sạch. Tôi nghiêng rằng, gần như không thể chịu đựng nổi việc sờ vào người, tôi cười như một thằng điên, cuối cùng tôi nằm trên sàn hành lang mà ngủ. Khi tỉnh dậy tôi đói ngấu, tôi ngấu nghiêng tất cả những gì tìm thấy và uống một chai rượu vang khác. Bên ngoài sương mù che phủ tất cả, hẳn vẫn đang là ban ngày nhưng không thể đoán được giờ giấc. Tôi mở cửa tầng áp mái: tối om, đầy bụi, tràn ngập mùi xạ hương, tôi để lại những dấu chân to tướng trên lớp bụi. Tôi đã cầm theo những cái thắt lưng bằng da và vắt chúng lên một thanh xà, và tìm cách chứng tỏ cho cái bóng vẫn kín đáo đi theo tôi thấy hồi còn nhỏ tôi đã treo người lên như thế nào ở trong rừng. Lực thít vào cổ khiến tôi lại cương cứng, điều đó làm tôi sợ hãi, để không bị ngạt thở tôi phải kiễng người trên những đầu ngón chân. Tôi nhanh chóng thủ dâm, với một chút ít nước bọt bôi lên quy đầu, cho đến khi tinh trùng phóng ra khắp phòng, chỉ có vài giọt nhưng với một lực khó tin, tôi thả mặc cả trọng lượng cơ thể mình cho khoái cảm, nếu bóng hình không đỡ lấy thì hẳn là quá thực tôi đã bị treo cổ thật rồi. Cuối cùng tôi tháo dây và thả người xuống lớp bụi. Bóng hình bò bốn chân ngửi hít dương vật nhều nhọt của tôi như một con thú nhỏ háu đói, nhấc chân lên để chìa âm hộ cho tôi nhìn, nhưng né khỏi bàn tay tôi đưa lại gần. Tôi không chóng cương được lên cho nó và nó thắt cổ tôi bằng một cái thắt lưng; lúc cuối cùng dương vật tôi cũng dựng lên được, nó mới nói cổ tôi ra, trói hai chân tôi lại và nhìn tôi chằm chằm. “Đến lượt mi đấy, nó nói. Thắt cổ ta lại đi.” Tôi nắm lấy cổ nó và ấn hai ngón tay cái xuống trong khi nó lại nhấc hai chân lên và, hai chân đặt trên mặt đất, tới lui trên dương vật đau nhức của tôi. Hơi thở

của nó phì ra từ giữa cặp môi thành một tiếng rít sắc nhọn, tôi ấn mạnh thêm, mặt nó phồng lên, chuyển sang màu đỏ nhìn rất khiếp, cơ thể nó vẫn trắng nhưng mặt nó đỏ như thịt sống, lưỡi nó thè ra khỏi hai hàm răng, thậm chí nó còn không thể rên rỉ, và khi có khoái cảm, móng tay cắm ngập vào hai cổ tay tôi, nó trào nước ra từ phía dưới, và tôi gào thét, rống lên, đập đầu xuống sàn nhà, tôi không còn kìm giữ chút nào nữa, tôi đập đầu và khóc nức nở, không phải vì khiếp sợ, bởi vì cái hình bóng nữ không bao giờ muốn giữ nguyên: là hình bóng em gái tôi đã đái lên tôi, không phải là như vậy, khi nhìn thấy nó hưởng khoái cảm và đái trong khi cổ bị bóp, tôi nhìn thấy những người đàn bà bị treo cổ ở Kharkov trong lúc ngạt thở vãi ra các chất bài tiết trên đầu những người đi qua, tôi đã nhìn thấy cô gái mà chúng tôi treo cổ trong công viên phía sau tượng Chevtchenko vào một ngày mùa đông, một cô gái trẻ và thánh thiện và tràn đầy sức sống, liệu có phải là cô ta đã hưởng khoái cảm khi bị chúng tôi treo cổ lên và thải ra quần mọi thứ, khi vùng vẫy và ngọ nguậy, không biết cô ta có khoái cảm không, liệu rằng đã bao giờ cô ta có khoái cảm, cô ta còn rất trẻ, liệu cô ta đã biết cái đó trước khi bị chúng tôi treo cổ, chúng tôi có quyền gì mà treo cổ cô ta, làm thế nào mà chúng tôi lại có thể treo cổ cô ta, và tôi cứ nức nở mãi, bị hành hạ bởi ký ức về cô ta, Đức Mẹ Tuyết của tôi, đó không phải là sự hối hận, tôi không hề hối hận, tôi không cảm thấy mình có tội, tôi không nghĩ rằng mọi thứ có thể hoặc nên khác đi, chỉ có điều tôi hiểu treo cổ một cô gái có nghĩa là gì, chúng tôi đã treo cổ cô ta giống như một tay hàng thịt cắt cổ một con bò, không một chút thích thú, bởi vì cần phải làm vậy, bởi vì cô ta đã làm một điều đại dột và phải trả giá bằng sinh mạng, đó là luật chơi, trò chơi của chúng tôi, nhưng cô gái mà chúng tôi đã treo cổ không phải là một con lợn hay một con bò mà người ta giết không cần nghĩ bởi vì người ta muốn ăn thịt nó, mà đó là một cô gái trẻ đã từng là một đứa bé gái rất có thể là hạnh phúc và khi đó mới bước vào cuộc đời, một cuộc đời đầy những kẻ sát nhân mà cô ta đã không biết cách tránh, một cô gái giống như em gái tôi theo một cách nào đó, có thể là em gái một ai đó, cũng

như tôi là anh trai của ai đó, và một sự tàn bạo cỡ đó không có tên, dù cho tính cần thiết khách quan của nó có là gì đi nữa thì nó cũng phá hủy tất cả, nếu có thể làm việc đó, treo cổ một cô gái trẻ như thế, thì người ta có thể làm được mọi chuyện, không còn sự đảm bảo nào hết, một ngày nào đó có thể em gái tôi cũng vui vẻ đi trong một nhà vệ sinh rồi hôm sau bị ngạt hơi và thải hết mọi thứ ra khi bị treo trên một sợi dây, điều đó tuyệt đối không có nghĩa lý gì, và chính vì vậy mà tôi khóc, tôi không còn hiểu được gì nữa và tôi muốn được ở một mình để không hiểu gì hết nữa.

Tôi tỉnh dậy trên giường của Una. Tôi vẫn trần truồng nhưng cơ thể tôi sạch sẽ và hai chân tự do. Làm thế nào mà được như vậy? Tôi không còn nhớ gì nữa. Lò sưởi đã tắt và tôi cảm thấy lạnh. Tôi dịu dàng, ngu ngốc gọi tên em gái tôi: "Una, Una." Sự im lìm làm người tôi lạnh buốt và run lên, nhưng có thể là vì lạnh. Tôi đứng dậy: bên ngoài, trời đã sáng, bầu trời đầy mây nhưng có một thứ ánh sáng đẹp đẽ, sương mù đã tan và tôi ngắm nhìn khu rừng, các cành cây vẫn phủ nặng tuyết. Vài câu thơ phi lý hiện ra trong tâm trí tôi, một bài hát cũ của Guillaume IX, vị quận công hơi điên rồ của vùng Aquitaine:

*Tôi sẽ làm một câu thơ từ hư vô:
Không có tôi, không ai khác,
Không tình yêu lẫn tuổi trẻ
Không gì khác nữa cả*

Tôi đứng dậy trở lại và đi về phía góc nhà nơi vài thứ quần áo đang chất thành đống để mặc một cái quần dài, kéo dây broten lên hai vai trần. Khi đi qua trước cái gương trong phòng ngủ tôi ngắm nhìn mình: một vết đỏ lớn chạy ngang má tôi. Tôi đi xuống; trong bếp, tôi nhai một quả táo, uống một ít rượu vang từ một chai mở sẵn. Đã hết bánh mì. Tôi đi ra sân hiên: trời vẫn lạnh, tôi xoa xoa hai cánh tay. Dương vật ngứa ngáy làm tôi đau, cái quần

len dài cọ vào óc. Tôi nhìn những ngón tay, cánh tay, tôi nghịch ngợm lấy đầu móng tay day day những mạch máu lớn xanh nhợt ở cổ tay. Móng tay tôi bẩn, móng ngón cái của bàn tay trái đã gãy. Từ bên kia nhà, trong sân, quạ kêu quàng quạc. Không khí lạnh sắc, tuyết trên mặt đất đã tan đi một chút rồi đóng cứng lại trên bề mặt, những dấu vết tôi để lại trên sân hiên vẫn còn nhìn rõ. Tôi đi đến lan can và cúi người ra phía trước. Một cơ thể phụ nữ đang nằm trong đồng tuyết của khu vườn, hở hang trong cái váy ngủ, bất động, đầu ngật ra, mắt mở to hướng lên trời. Đầu lưỡi đặt nhẹ lên khóe môi xar h lột; giữa hai chân, một chút lông tái sinh trên bộ phận sinh dục, hẳn là chúng vẫn tiếp tục mọc lên, một cách buồn bã. Tôi không thờ nổi nữa: cái xác trong tuyết đó là tấm gương phản chiếu cái xác cô gái ở Kharkov. Và khi đó tôi biết rằng cơ thể của cô gái đó, cái gáy gầy gập, cái cằm nhô ra, hai vú lạnh giá và bị gặm dở là hình phản chiếu mù quáng không phải của một hình ảnh như tôi đã tưởng mà là hai, nhập vào nhau và tách biệt nhau, một đứng trên sân hiên và một ở dưới kia, nằm trong đám tuyết. Các người có thể nghĩ: A, câu chuyện này cuối cùng cũng đã kết thúc. Nhưng chưa, nó vẫn tiếp tục.

GIGUE

Thomas tìm được tôi đang ngồi trên một cái ghế ở rìa sân hiên. Tôi nhìn khu rừng, bầu trời, uống rượu thẳng từ chai, nhắm nháp từng ngụm nhỏ. Hàng lan can nhô lên che khuất khu rừng, nhưng ý nghĩ về cái đã nhìn thấy ở đó vẫn nhẹ nhàng ám lấy tâm trí tôi. Chắc đã qua một hoặc hai ngày, đừng hỏi tôi đã trải qua chúng như thế nào. Thomas đi vòng qua ngôi nhà từ bên sườn: tôi không nghe thấy gì, cả tiếng động cơ ô tô lẫn tiếng gọi. Tôi chìa cái chai cho anh: "Xin chào thân ái. Uống đi." Hẳn là tôi hơi say. Thomas nhìn ra xung quanh, uống một chút, nhưng không trả chai lại cho tôi. "Cậu làm cái quái gì thế?" cuối cùng anh hỏi. Tôi ngây ngô mỉm cười. Anh ngắm nhìn mặt tiền ngôi nhà. "Cậu có một mình à?" – "Ừ, tớ nghĩ vậy." Anh tiến lại gần, nhìn tôi, rồi nhắc lại: "Cậu làm cái quái gì thế? Cậu quá hạn nghỉ phép một tuần rồi. Grothmann đang điên tiết, ông ta nói sẽ đưa cậu ra tòa án binh vì tội đào ngũ. Hiện nay các buổi họp hội đồng chiến tranh chỉ kéo dài năm phút thôi đấy." Tôi nhún vai và chìa tay về phía chai rượu mà anh vẫn cầm trên tay. Anh bước lùi ra xa. "Thế còn cậu? Cậu làm gì ở đây?" – "Piontek đã nói cho tớ cậu ở đâu. Anh ta chờ tớ đến đây. Tớ đến tìm cậu." – "Vậy là phải đi đúng không?" tôi buồn bã nói. – "Phải. Mặc quần áo đi." Tôi đứng dậy, lên gác. Trong phòng ngủ của Una, thay vì mặc quần áo, tôi ngồi xuống cái divăng da và châm một điếu thuốc. Tôi nghĩ đến nàng, một cách khó nhọc, các ý nghĩ hoang vắng và trống rỗng đến lạ thường. Giọng Thomas từ cầu thang kéo tôi ra khỏi sự mơ mộng:

“Nhanh lên đi! Mẹ kiếp!” Tôi mặc quần áo, bừa phứa những gì vớ được, nhưng cũng khá cẩn thận, vì trời thì lạnh, quần áo lót dài, tất len, một cái pullover cổ lọ dưới bộ quân phục văn phòng. Quyển *Giáo dục tình cảm* nằm lẩn lóc trên mặt bàn: tôi nhét nó vào túi áo varoi. Rồi tôi mở hết cửa sổ để kéo các cánh cửa chớp. Thomas hiện ra trong khung cửa: “Cậu làm gì thế?” – “Thì tớ đóng cửa. Dù sao chúng ta cũng sẽ không để cửa giả thông thoáng chứ.” Tâm trạng u uất của anh bắt đầu bùng lên: “Cậu không biết đang xảy ra chuyện gì à. Từ một tuần nay bọn Nga tấn công suốt dọc mặt trận rồi. Chúng có thể đến đây bất cứ lúc nào.” Anh tóm luôn lấy tay tôi: “Thôi, đi nào.” Trong sảnh lớn, tôi vùng mạnh khỏi anh để tìm cái chìa khóa to của cửa ra vào. Tôi mặc áo măng tô và đội mũ cát kết. Khi đi ra tôi cẩn thận khóa cửa lại. Trong sân trước nhà, Piontek đang lau đèn pha một chiếc Opel. Anh ta đứng dậy để chào tôi và chúng tôi lên xe. Thomas ngồi cạnh Piontek, tôi ở phía sau. Trên lối đi dài, giữa những đọt xóc, Thomas hỏi Piontek: “Anh có nghĩ là chúng ta có thể quay trở về theo lối Tempelburg không?” – “Tôi không biết, Herr Standartenführer. Có vẻ yên ổn đấy, chúng ta cứ thử xem sao.” Trên đường cái Piontek rẽ sang trái. Trong làng Alt Draheim, vài gia đình vẫn đang chất đồ lên những cái xe do đám ngựa giống Poméranie kéo. Xe đi vòng qua pháo đài cổ và bắt đầu leo lên bờ dài của eo đất. Một chiếc xe tăng hiện ra trên đỉnh, lực lưỡng và thấp lùn. “Mẹ kiếp! Thomas kêu lên. Tăng T-34 đấy!” Nhưng Piontek đã nhấn phanh và lùi xe lại. Xe tăng hạ nòng pháo xuống và bắn về phía chúng tôi, nhưng nó không hạ được nòng xuống đủ thấp và viên đạn bay sượt qua đầu, rồi nổ tung bên cạnh đường, ở đoạn lối vào làng. Chiếc xe tăng tiến lên trong tiếng nghiêng âm ỉ của bánh xích để bắn được xuống thấp hơn; Piontek lùi thật nhanh xe ngang đường và chạy hết tốc lực về phía làng; viên đạn thứ hai nổ ở khá gần, làm một ô kính xe bên trái vỡ tan, rồi chúng tôi chạy thoát được ra sau pháo đài. Trong làng người dân đã nghe thấy những tiếng nổ và chạy tứ tung theo mọi hướng. Chúng tôi đi thẳng qua đó và tiến về phía Bắc. “Chắc là chúng cũng chưa thể

chiếm được Tempelburg đâu! Thomas giận dữ. Cách đây hai giờ còn đi qua được mà!" – "Có thể là chúng đã đi vòng đường đồng," Piontek gợi ý. Thomas xem một tấm bản đồ: "Được rồi, đi Bad Polzin vậy. Đến đó sẽ hỏi thăm tin tức. Ngay cả nếu mất Stargard rồi thì chúng ta cũng có thể đi Schivelbein-Naugard rồi vòng sang Stettin." Tôi không chú ý nhiều lắm đến những lời của anh, tôi nhìn cảnh vật bên ngoài ô cửa vỡ mà tôi đã dọn xong đồng mảnh kính. Hàng dương cao trồng đều đặn chạy dọc theo con đường dài thẳng tắp và phía xa xa trải rộng những cánh đồng phủ tuyết im lìm, bầu trời màu ghi xám với vài con chim, các trang trại hoang vắng, im ỉm. Đi thêm vài cây số thì đến Klaushagen, một ngôi làng nhỏ sạch sẽ, buồn bã và trang nghiêm, một trạm gác *Volkssturm* gồm toàn những người mặc kiểu thường dân đeo băng tay chặn ngang đường, giữa một cái hồ nhỏ và một cánh rừng. Đám nông dân đó hoảng hốt hỏi tin tức: Thomas khuyên họ đưa gia đình đi ngay về phía Polzin, nhưng họ do dự, lấy tay xoắn xoắn hàng rìa mép và mân mê mấy khẩu súng cổ lỗ sĩ cùng với hai khẩu *Panzerfaust* được giao cho. Một số đeo trên áo vest các loại mề đay từ hồi Thế chiến thứ nhất. Các Schupo vận quân phục xanh lá cây đứng vây quanh không có vẻ gì là thoải mái hơn, họ đông dài với lối nói chậm chạp của những tay hội đồng hàng tỉnh, gần như là trang trọng vì hoảng sợ.

Ở lối vào Bad Polzin, phòng tuyến có vẻ được tổ chức chu đáo hơn. Các Waffen-SS canh đường và một bộ phận của PAK, đóng trên một ngọn đồi, theo dõi sự tiến lên của địch. Thomas xuống khỏi xe đến nói chuyện với một viên Untersturmführer chỉ huy ở đó, nhưng anh ta không biết gì và bảo chúng tôi đến gặp thượng cấp của mình ở trong thành phố, tại PC đóng trong lâu đài cổ. Ôtô và xe kéo đầy đường, không khí căng thẳng, những bà mẹ kêu gào gọi con, đàn ông giận dữ giật dây cương ngựa, la mắng các nhân công nông nghiệp người Pháp đang vác đệm nằm và túi đựng thực phẩm. Tôi theo Thomas đi vào PC và đứng sau lưng anh để nghe. Viên Obersturmführer cũng không biết gì nhiều nhận; đơn vị của anh ta thuộc quân đoàn X của SS, anh ta

được cử đến đây để chỉ huy một đại đội với mục đích giữ vững các trục đường; anh ta nghĩ rằng người Nga sẽ đến từ hướng Nam hoặc hướng Đông – đại đoàn số 2, xung quanh Danzig và Gotehafen, đã xẻ ngang Reich, và người Nga đã xuyên thẳng được đến Baltic theo trục Neustettin-Köslin, điều này thì anh ta không chắc lắm – nhưng anh ta cho rằng những con đường đi về hướng Tây vẫn chưa bị chiếm. Chúng tôi đi về hướng Schivelbein. Mặt đường rấn đanh, những chiếc xe ngựa chở người chạy trốn đi đầy một bên lề, một hàng dài không dứt, cùng cảnh tượng buồn bã của một tháng trước trên đường cao tốc từ Stettin đến Berlin. Một cách chậm rãi, theo nhịp bước chân của những con ngựa, miền Đông nước Đức thừa vắng người dân. Ít xe cộ quân đội, nhưng có rất nhiều lính, mang vũ khí hoặc không, đi rải rác lẫn vào đám thường dân, các *Rückkämpfer* tìm cách tìm lại đơn vị của mình hoặc đến được chỗ một đơn vị khác. Trời lạnh, một trận gió mạnh thổi vào qua ô cửa vỡ, mang theo làn tuyết sương nước. Piontek vừa bóp còi vừa vượt qua những chiếc xe, những người đi bộ, lũ ngựa, đám gia súc đang chen lấy đường chậm chạp tản sang hai bên. Chúng tôi đi dọc những cánh đồng, rồi con đường lại chạy qua một rừng thông. Trước chúng tôi đám xe ngựa dừng cả lại, có rối loạn, tôi nghe thấy một tiếng động lớn, không hiểu là có chuyện gì, người ta vừa la hét vừa chạy về phía khu rừng: “Bọn Nga!” Piontek hét lên. – “Ra ngoài, ra ngoài!” Thomas ra lệnh. Tôi cùng Piontek nhảy ra bên trái: cách hai trăm mét về phía trước, một chiếc xe tăng đang lao nhanh đến, trên đường đi nghiền nát đồng xe, ngựa, những người chậm chân. Sợ hãi, tôi vắt chân lên cổ cùng Piontek và đám thường dân chạy trốn vào rừng; Thomas đã chạy cắt ngang dòng người để sang phía bên kia. Những cái xe kéo dưới xích sắt của xe tăng, nổ lép bép như những que diêm; lũ ngựa hí lên kinh hoàng trước khi chết, tiếng kêu bị cắt ngang bởi tiếng kim loại nghiền. Xe chúng tôi bị xô thẳng vào, bật ngược lại sau, cuốn đi, rồi, trong tiếng tôn bị nghiền, rơi nghiêng xuống hố. Tôi nhìn rõ tên lính đang nhổm người trên xe tăng ngay trước mặt, một tên người châu Á có cái mũi khoằm đen

nhêm dầu máy; dưới cái mũ lính tăng bằng da, hấn mang một cặp kính lục lăng nhỏ của phụ nữ với mắt kính màu hồng, một tay cầm một khẩu súng máy lớn có hộp tiếp đạn hình tròn, tay kia giơ cao một cái ô che nắng viền đăngten rua; hai chân giạng ra, lưng dựa vào tháp pháo, hấn ngồi vắt vẻo trên nóng súng như đang cười ngựa, nhẹ nhàng uốn người theo nhịp xóc của xe tăng, khéo léo như một tay kỵ sĩ người Scythe đang thuần phục một con ngựa non bất kham. Hai xe tăng khác buộc ở sườn những tấm đệm hoặc giát lò xo theo sau chiếc thứ nhất, vòng bánh xích xử lý nốt những người mất chân tay nằm rải rác trong đồng đồ nát. Chúng chỉ đi qua trong vòng nhiều lắm là khoảng chục giây, rồi tiếp tục tiến về phía Bad Polzin, để lại những vệt rộng gồm mảnh gỗ trộn lẫn với máu và thịt người nát bầy trong đồng lòng ruột ngựa. Những người bị thương cố gắng lết tìm chỗ trốn ở hai bên đường tạo ra những đoạn tuyết thấm đỏ; đây đó, một người đàn ông mất cả hai chân rú rít quần quai, trên đường đầy những thân người không đầu, những cánh tay thò ra từ một đồng bầy nhầy đỏ lờm bần thiu. Cả người tôi run lên bần bật, Piontek phải dìu tôi quay trở lại đường. Từ phía người ta la hét, cuống quýt, những người khác bất động vì bị sốc, và lũ trẻ con hét lên chói tai không dứt. Thomas quay lại ngay và lục tìm trong cái xe nát bướm tấm bản đồ và một cái túi nhỏ. "Sẽ phải đi bộ thôi," anh nói. Tôi phác một cử chỉ ngây ngô: "Còn những người...?" – "Họ sẽ phải tự xoay xở, anh ngắt lời. Chúng ta không làm được gì đâu. Đi thôi." Anh đưa tôi đi qua đường, Piontek theo sau bèn gót. Tôi cố gắng không giẫm chân vào những mảnh thân người, nhưng không thể tránh được máu, đôi bốt của tôi để lại những dấu máu lớn trên tuyết. Dưới hàng cây, Thomas giở bản đồ ra. "Piontek, anh ra lệnh, đi lục trong đồng xe kia xem có gì ăn không đi." Rồi anh xem bản đồ. Khi Piontek quay về với một ít thực phẩm nhét trong một cái vỏ gối, Thomas chìa cho chúng tôi nhìn. Đó là một tấm bản đồ vùng Poméranie có tỉ xích lớn, vẽ những con đường và các ngôi làng, nhưng ngoài đó ra thì không có gì nhiều. "Nếu bọn Nga tiến đến từ hướng này thì có nghĩa là chúng đã chiếm được Schivelbein.

Chắc là chúng cũng đang tiến về Kolberg. Chúng ta sẽ phải đi về phía Bắc, tìm cách đến được Belgarde. Nếu người của chúng ta vẫn còn ở đó thì tốt, nếu không chúng ta sẽ xem xét lại kế hoạch. Tránh những con đường lớn chắc là sẽ ổn: nếu chúng đi nhanh đến vậy thì có nghĩa là bộ binh vẫn còn xa ở phía sau." Anh chỉ cho tôi một ngôi làng trên bản đồ, Gross Rambin: "Ở đó có đường tàu. Nếu bọn Nga còn chưa ở đấy thì chúng ta sẽ tìm được cái gì đó."

Chúng tôi nhanh chóng vượt qua khu rừng và đi vào những cánh đồng. Tuyết tan trên những thửa đất đã bừa, chân chúng tôi ngập đến mắt cá; giữa mỗi mảnh ruộng lại có những rãnh dẫn nước và chạy dài các hàng rào thép gai, thấp nhưng không dễ trèo qua. Rồi chúng tôi đi qua những con đường nhỏ đất nện, cũng lầy lội nhưng đã dễ đi hơn, tuy nhiên đi quá làng là không còn chúng nữa. Thật mệt mỏi nhưng không khí lạnh và vùng nông thôn hoang vắng và yên tĩnh; chúng tôi rảo bước trên đường, trông Thomas và tôi khá lố bịch với những bộ quân phục màu đen ống quần lấm bùn. Piontek xách đồng hồ ăn; chúng tôi chỉ có vũ khí là hai khẩu súng lục, những khẩu Luger tự động. Khoảng cuối buổi chiều, chúng tôi đến được Rambin: một dòng sông nhỏ ở phía bên tay phải, chúng tôi dừng chân trong một cánh rừng nhỏ trồng sồi và tần bì. Tuyết lại rơi, một thứ tuyết ẩm và dính nhớp mà gió hất vào mặt chúng tôi. Bên trái, cách đó một quãng, đã bắt đầu nhìn thấy đường sắt và những ngôi nhà đầu tiên. "Chúng ta sẽ đợi đến tối," Thomas nói. Tôi dựa lưng vào một thân cây, lột vạt áo măng tô ở dưới, và Piontek chia trứng luộc và xúc xích. "Tôi không tìm được bánh mì," anh ta buồn rầu nói. Thomas rút từ túi ra chai rượu nhỏ mà anh đã lấy của tôi lúc trước và đưa cho mỗi người uống một ngụm. Bầu trời tối lại, những cơn gió lốc lại nổi lên. Tôi thấy mệt và bắt đầu thiu thiu ngủ. Khi được Thomas đánh thức dậy áo măng tô của tôi đã phủ tuyết và người tôi cứng lại vì lạnh. Không có trăng, từ làng không nhìn thấy chút ánh sáng nào. Chúng tôi đi dọc theo bìa rừng để đến chỗ đường tàu, rồi đi bộ trong bóng tối dọc theo taluy. Thomas đã rút sẵn súng ra và tôi bắt chước anh, dù không rõ lắm sẽ có thể làm gì nếu bị

phát hiện. Bước chân của chúng tôi nghiêng lạc xạo trên những viên sỏi phủ tuyết. Những ngôi nhà đầu tiên, tối sẫm, im lìm, hiện ra bên tay phải đường tàu, gần một cái ao lớn; nhà ga nhỏ ở lối vào làng bị khóa kín; chúng tôi vẫn đi trên đường ray để vượt qua thị trấn. Cuối cùng chúng tôi cũng cất súng đi và cảm thấy thoải mái hơn. Đá trên taluy trơn tuột dưới chân nhưng khoảng cách giữa các thanh ray cũng không cho phép bước đi bình thường; cuối cùng chúng tôi lần lượt xuống khỏi taluy để đi trên lớp tuyết mới. Một lúc sau, đường tàu lại chạy qua một khu rừng thông lớn. Tôi thấy mệt, chúng tôi đã bước đi như vậy từ nhiều giờ, tôi không nghĩ ngợi gì, đầu tôi trống rỗng không một ý nghĩ và hình ảnh, tất cả nỗ lực đều dồn xuống chân. Tôi thở nặng nhọc và tiếng bốt nghiêng xuống nền tuyết ướt là những âm thanh duy nhất mà tôi nghe thấy, một âm thanh đầy ám ảnh. Vài giờ sau, trăng mọc sau những ngọn thông, không tròn hẳn, ném những mảnh sáng trắng lên tuyết qua đám cây. Một lúc nữa, chúng tôi ra đến bờ rừng. Trước mặt là một bình nguyên rộng trải dài vài cây số, một ánh sáng vàng vọt nhảy nhót trên trời và vắng vắng những tiếng nổ lộp độp trầm đục và âm ì. Ánh trăng chiếu sáng bình nguyên và tôi nhìn rõ đường tàu màu đen chạy dài, các bụi cây, vài khoảnh rừng rải rải. “Chắc là đang đánh nhau xung quanh Belgarde, Thomas nói. Ngủ một lúc đã. Nếu bây giờ đi về phía đó chúng ta sẽ bị người mình bắn đấy.” Tôi không thích thú gì chuyện ngủ trong tuyết; cùng Piontek, tôi đi lượn vài cành cây khô để xếp một cái ổ, rồi cuộn mình lại và thiếp đi.

Một cú đá đau điếng vào chân làm tôi choàng tỉnh. Trời vẫn còn tối. Nhiều bóng người đang đứng xung quanh, tôi nhìn thấy sắc thép những khẩu súng máy ánh lên. Đột nhiên có một giọng nói thì thầm: “*Deutsche? Deutsche?*” Tôi nhón dậy và cái bóng lùi lại: “Xin lỗi, Herr Offizier,” một giọng nói nặng sệt vang lên. Tôi đứng dậy, Thomas đã đứng từ trước. “Các anh là lính Đức à?” anh hỏi, giọng cũng thì thầm. – “*Jawohl, Herr Offizier.*” Mắt tôi đã quen với bóng tối: tôi nhìn thấy trên áo măng tô của những người đó huy hiệu của SS và phù hiệu ba sọc. “Tôi là SS-

Obersturmbannführer," tôi nói bằng tiếng Pháp. Một người kêu lên: "Thấy chưa, Roger, ông ấy nói tiếng Pháp đấy!" Người lính đầu tiên đáp lời tôi: "Xin thứ lỗi, Herr Obersturmbannführer. Tôi quá nên chúng tôi không nhìn thấy gì. Chúng tôi cứ tưởng các ngài là bọn đào ngũ." – "Chúng tôi ở bên SD, Thomas nói, cũng bằng tiếng Pháp mang giọng Áo. Chúng tôi bị bọn Nga làm lạc đường và đang tìm cách quay lại chiến tuyến. Thế còn các anh?" – "Oberschütze Lanquenoy, đại đội 3, phân đội 1, *zu Befehl*, Herr Standartenführer. Chúng tôi ở chỗ sư đoàn "Charlemagne". Chúng tôi bị lạc trung đoàn." Họ có khoảng một chục người. Lanquenoy, chắc là chỉ huy, giải thích vắn tắt tình hình: họ được lệnh rời khỏi vị trí nhiều giờ trước để rút lui về phía Nam. Phần lớn quân số của trung đoàn mà họ đang đi tìm chắc là đang ở hơi chệch về hướng Đông, về phía Persante. "Chỉ huy là Oberführer Puaud. Vẫn còn người của bên Wehrmacht ở Belgarde, nhưng ở đó đang nóng bỏng lắm." – "Tại sao các anh không đi lên hướng Bắc? Thomas lạnh lùng hỏi. Về phía Kolberg?" – "Chúng tôi không biết, Herr Standartenführer, Lanquenoy nói. Chúng tôi không biết gì cả. Bọn Russkof ở khắp nơi." – "Chắc là đường đã bị cắt rồi," một giọng khác vang lên. – "Quân ta vẫn giữ được Körlin chứ?" Thomas hỏi. – "Không biết nữa," Lanquenoy đáp. – "Chúng ta vẫn giữ được Kolberg chứ?" – "Chúng tôi không biết, Herr Standartenführer. Chúng tôi không biết gì đâu." Thomas đòi một cái đèn pin và bắt Lanquenoy cùng một người lính khác chỉ chỗ trên bản đồ. "Chúng tôi đang định đi về phía Bắc để đến chỗ Körlin hoặc nếu không được thì đến Kolberg, cuối cùng Thomas tuyên bố. Các anh có đi cùng không? Đi thành nhóm nhỏ thế này chúng ta sẽ vượt qua được phòng tuyến của Nga, nếu cần. Chắc chúng mới chiếm được vài con đường, có thể là vài ngôi làng." – "Không phải là chúng tôi không muốn, Herr Standartenführer. Chúng tôi muốn lắm chứ. Nhưng chúng tôi phải đến chỗ các bạn." – "Cứ làm như các anh muốn đi." Thomas đòi một khẩu súng cùng đạn dược cho Piontek. Trời nhạt màu dần, một lớp sương mù dày phủ kín những đoạn hẻm xuống của

binh nguyên, về phía sông. Đám lính Pháp chào chúng tôi và đi vào rừng. Thomas nói với tôi: “Chúng ta sẽ lợi dụng sương mù để vòng tránh Belgarde, nhanh lên. Ở bên kia Persante, giữa đoạn ngoặt của sông và đường, có một khu rừng. Chúng ta sẽ đi đường đó để đến Körlin. Sau đó sẽ xem xét thêm.” Tôi không nói gì, tôi không cảm thấy chút ít ý chí nào. Chúng tôi quay lại dọc theo đường tàu. Những tiếng nổ trước mặt và bên tay phải vang lên trong sương mù theo bước tiến của chúng tôi. Khi đường sắt cắt ngang một con đường, chúng tôi núp vào một chỗ, đợi vài phút, rồi chạy vụt qua. Thỉnh thoảng cũng nghe thấy cả tiếng yên cương kim loại va đập, hòm xiểng, tiếng biđông, nước lách cách: những người mang vũ khí đi sát chúng tôi trong sương mù; và chúng tôi nằm ép người xuống đất, rình mò, đợi họ đi xa, không bao giờ biết liệu họ có phải người cùng bên mình hay không. Ở phía Nam, sau lưng chúng tôi, những tràng đạn pháo cũng bắt đầu dậy lên; phía trước cũng có tiếng nổ, nhưng đó là những phát súng và tràng đạn lẻ tẻ, chắc các trận đánh đã kết thúc. Khi đến được Persante, một trận gió nổi lên và bắt đầu xua tan sương mù. Chúng tôi rời khỏi đường tàu và trốn vào đám sậy để quan sát. Cây cầu sắt mà đường tàu chạy qua đã bị đánh thuốc nổ nằm quăn queo trong làn nước sông tràn trề màu ghi xám. Chúng tôi quan sát khoảng mười lăm phút, giờ đây gần như đã hết sương mù, một mặt trời lạnh giá đang rọi chiếu trên nền trời xám xịt; phía sau, bên tay phải, Belgarde đang cháy bùng bùng. Không có vẻ gì là có lính gác trên cây cầu đổ. “Chỉ cần cẩn thận là có thể đi trên đám xà để qua sông,” Thomas thì thầm. Anh đứng dậy và Piontek theo sau, khẩu tiểu liên lấy của những người Pháp giương lên. Cạnh bờ thì có vẻ dễ dàng nhưng khi đã lên trên cầu đóng xà tỏ ra bấp bênh, ướt và trơn tuột. Thomas và Piontek đi qua không vấn đề gì. Còn cách bờ bên kia vài mét thì tôi để ý đến bóng của mình: nó lung lay, biến dạng vì những đợt sóng; tôi cúi người để nhìn rõ hơn, chân tôi trượt đi và tôi rơi xuống cái bóng. Bị mắc trong cái áo măng tô nặng nề, tôi chìm dưới làn nước lạnh mất một lúc. Tay chạm được vào một thanh sắt, tôi vội bám lấy

nó để nhoi lên mặt nước; Piontek đã trở ngược lại để kéo tôi lên, trên bờ tôi nằm thẳng cẳng, nước chảy rờn rờn, ho sù sụ, tức tối. Thomas phá lên cười và tiếng cười lại càng khiến tôi thêm giận dữ, cái mũ cát kết mà tôi đã giắt vào thắt lưng trước khi qua cầu vẫn còn nguyên; tôi phải cởi bớt để dốc nước ra, và Piontek giúp tôi vắt nước từ áo măng tô. "Nhanh lên nào, Thomas thì thâm, vẫn rất vui vẻ. Không được ở lại đây đâu." Tôi lần tìm trong các túi, tay chạm phải quyển sách nằm quên trong đó. Những trang sách ướt lướt thướt và phồng lên làm tim tôi nhói đau. Nhưng không thể làm được gì, Thomas đang giục, tôi nhét nó lại vào trong túi, vắt áo lên vai và tiếp tục bước đi.

Cái lạnh xuyên qua đồng quần áo ướt làm tôi run lên, nhưng chúng tôi đi nhanh và người tôi ấm lên một chút. Sau lưng chúng tôi, những đám cháy trong thành phố nổ lách tách, một làn khói dày làm đen kịt bầu trời vốn đã xám xịt sẵn và che khuất mặt trời. Trong một lúc, khoảng chục con chó đói điên cuồng dọa dẫm chúng tôi, lao vào cắn gót và sủa điên cuồng. Piontek phải chặt một cây gậy để vụt chúng mới chịu lùi lại. Gần sông, mặt đất lầy lội, tuyết đã tan, chỉ có vài tấm biển đánh dấu những chỗ khô. Bót chúng tôi ngập đến mắt cá. Một con dê dài mọc đầy cỏ và phủ tuyết hiện ra, chạy dọc theo sông Persante; bên phải chúng tôi, dưới chân taluy, các đầm lầy dày thêm, rồi bắt đầu khu rừng, đất cũng lồi lõm; và chúng tôi nhanh chóng bị mắc lại trên dê, nhưng không nhìn thấy ai, cả người Đức lẫn người Nga. Nhưng đã có nhiều người đi qua trước chúng tôi: đây đó một cái xác bị dấn chặt vào mặt gỗ, một bàn chân hoặc một cánh tay mắc trong đám cành lá, hoặc nằm dốc ngược ở sườn dê, đầu chúc xuống dưới, một người lính hoặc một người dân thường đã lết đến đó để chết. Bầu trời sáng dần lên, mặt trời nhợt nhạt cuối đông dần làm tan đám mù. Bước đi trên dê rất dễ dàng, chúng tôi nhanh chóng tiến lên. Belgarde đã biến mất. Trên mặt nước màu nâu của sông Persante có nhiều vịt, một số có đầu màu xanh, những con khác đen và trắng, chúng đột ngột bay lên khi chúng tôi tiến lại gần, phát ra những tiếng kêu sợ hãi chói tai và bay đi một quãng. Cạnh

bờ là một khu rừng thông rộng, cây rất cao và tối; bên tay phải, sau dòng nước nhỏ chảy dọc đê, có thể nhìn thấy những cây dương và vài cây sồi. Tôi nghe thấy một tiếng vo ve xa xa: trên đầu chúng tôi, rất cao trên bầu trời màu xanh lá cây quang đãng, một chiếc máy bay đơn độc đang quần đảo. Thomas lo lắng khi nhìn thấy nó và kéo chúng tôi về phía dòng kênh nhỏ; một gốc cây đổ cho phép chúng tôi đi qua và đến được dưới đám cây; nhưng ở đó ngập nước. Chúng tôi đi qua một cánh đồng nhỏ mọc đầy một thứ cỏ dày và cao, đổ rạp xuống; đi qua đó lại là những khoảnh nước; có một túp lều nhỏ của thợ săn khóa cửa, cũng nằm trong nước. Tuyết đã hoàn toàn biến mất. Đi sát vào đám cây cũng không ích gì, bốt của chúng tôi cắm sâu xuống nước và bùn, mặt đất ướt sũng phủ đầy lá cây mục che mất những đoạn trũng. Đây đó một khoảnh đất cao khiến chúng tôi yên tâm được một chút. Nhưng, đi xa hơn, mọi chuyện khó khăn hơn nhiều, cây cối mọc lên từ các mô đất riêng rẽ hoặc từ dưới nước, những mảng đất giữa các vũng nước cũng ướt, chúng tôi lội bì bõm một cách thảm hại, đành phải đầu hàng và quay lại đê. Cuối cùng nó cũng dẫn tới những cánh đồng, ẩm ướt và phủ tuyết ẩm, nhưng dù sao thì cũng đi được. Rồi chúng tôi lại đi vào một cánh rừng thông bị chặt nham nhở, mảnh và thẳng và cao với những thân cây màu đỏ. Ánh nắng lọt qua đám cây, rải những khoảnh sáng xuống mặt đất màu đen, gần như trần trụi và điểm xuyết mấy đám tuyết hoặc rêu màu xanh lá cây lạnh lẽo. Những thân cây bị đốn và bỏ mặc, đám cành gãy chất đống xung quanh; nhưng khó khăn hơn cả là bước đi trong bùn đen, bị bánh những chiếc xe ngựa giày xéo, những con đường của thợ đốn củi chạy ngoằn ngoèo qua rừng. Tôi thở không ra hơi, và cả đôi nữa, cuối cùng Thomas cũng chấp nhận dừng chân nghỉ. Nhờ sức nóng do bước đi tạo ra, quần áo lót của tôi đã gần khô; tôi cởi áo choàng, bốt và quần dài, và phơi chúng cùng áo măng tô dưới ánh nắng, trên một đống gỗ thông được xếp ngay ngắn và gọn gàng bên lề đường. Tôi cũng mở quyển sách của Flaubert đặt lên đó để phơi khô các trang bị thấm ướt. Rồi tôi ngồi lên đống gỗ bên cạnh, thô kệch trong bộ

quần áo lót; sau vài phút tôi lại bị lạnh và Thomas vừa cười vừa chìa cho tôi cái măng tồ của anh. Piontek chia cho mỗi người một ít đồ ăn. Tôi lủ người vì mệt, tôi những muốn nằm lên cái măng tồ để ngủ trong ánh sáng mặt trời yếu ớt. Nhưng Thomas đòi phải đi được tới Kōrlin, anh hy vọng đến Kolberg trong ngày. Tôi mặc lại đồng quần áo vẫn còn ẩm, đút quyển sách của Flaubert vào túi và đi theo anh. Không lâu sau khi ra khỏi rừng chúng tôi bắt gặp một thôn nhỏ nằm nép vào khúc quanh của dòng sông. Chúng tôi quan sát nó một lúc; muốn tránh nó sẽ phải đi một đoạn đường vòng rất xa; tôi nghe thấy tiếng chó sủa, ngựa hí, bò rống, cái âm thanh đầy vẻ đau đớn khi chúng không được vắt sữa và vú căng mọng lên. Nhưng chỉ có vậy. Thomas quyết định đi tiếp. Đó là những ngôi nhà lớn cũ kỹ bằng gạch rêu rạo, mái lớn phủ đầy cỏ; cửa đều đã bị phá, lối đi ngổn ngang những xe bò đổ, đồ đạc nát tan, chần dệm rách; đi một quãng chúng tôi lại vấp phải xác một người nông dân hoặc một bà già bị bắn từ khoảng cách rất gần; một con bão tuyết nhỏ kỳ quặc thổi tung qua các lối nhỏ, những con lóc vụn vãi bốc lên từ đồng chăn lông và dệm thúng. Thomas sai Piontek đi tìm đồ ăn trong các ngôi nhà và trong khi chờ đợi anh dịch cho tôi một tấm biển tiếng Nga viết vội bằng vôi đeo ở cổ một người nông dân bị trói vào một gốc sồi, bị xoắn lên cao, ruột gan lòi ra từ cái bụng bị rạch, một phần đã bị lủ chó xâu xé: *Mày đã có một ngôi nhà, đàn bò, đồ hộp. Mày còn đến nhà tao làm cái quái gì nữa, hả pridourak?* Mùi lông người làm tôi thấy buồn nôn, tôi khát nước và đến uống tại máy bơm tay của một cái giếng vẫn còn hoạt động. Piontek quay trở lại: anh ta đã tìm được thịt mỡ, hành, táo, vài hộp đồ ăn đông lạnh mà chúng tôi chia nhau cất trong túi áo; nhưng mặt anh ta nhợt nhạt và quai hàm run rẩy, anh ta không muốn nói cho chúng tôi biết đã nhìn thấy gì trong nhà, và cái nhìn của anh ta sợ hãi lướt từ người đàn ông bị moi ruột sang lủ chó đang gầm gừ tiến lại gần, qua đám lông chăn đang bay tứ tung. Chúng tôi vội vã rời khỏi thôn. Sau đó là đến những cánh đồng lớn lượn sóng, màu vàng nhạt và màu be dưới lớp tuyết vẫn còn khô. Đường chạy vòng qua một nhánh sông

nhỏ, leo lên đỉnh một ngọn đồi, chạy vòng qua một trang trại vắng hoe, sung túc và ngay sát một cánh rừng. Rồi nó lại chạy xuống về phía sông Persante. Chúng tôi đi dọc theo bờ sông, khá cao; bên kia sông vẫn là rừng. Một nhánh sông chặn ngang đường đi, phải tháo bớt và tát để lội qua, nước lạnh ngắt, tôi uống một chút và vĩa lên cổ trước khi đi tiếp. Sau đó lại là những cánh đồng phủ tuyết và phía xa xa về bên tay phải, nằm ở khá cao, bìa một khu rừng; ngay ở chính giữa mọc lên một tòa tháp bằng gỗ xám trắng không, để săn vịt trời hoặc có thể là để bắn quạ vào mùa thu hoạch. Thomas muốn đi cắt qua cánh đồng, trước mặt chúng tôi khu rừng chạy về phía sông, nhưng rời khỏi đường việc đi lại trở nên khó khăn hẳn, đất thịt trơn tuột và phải nhảy qua những đoạn hàng rào thép gai, và chúng tôi lại phải đi sát dòng sông tìm thấy lại không lâu sau đó. Hai con thiên nga từ mặt nước bay lên, không hề hoảng sợ vì sự xuất hiện của chúng tôi; chúng dừng lại gần một đảo nhỏ, đứng đó và duyên dáng lắc lư những cái cổ dài ngoằng ngoẵng, rồi rĩa lông. Sau đó lại bắt đầu những cánh rừng. Ở đây chủ yếu là thông, cây còn non, một khu rừng được chăm sóc cẩn thận để sử dụng, thoáng và dễ đi. Các lối đi khiến cho việc tiến lên dễ dàng hơn. Hai lần liền, tiếng bước chân của chúng tôi làm những con hươu nhỏ bỏ chạy, chúng tôi nhìn thấy chúng nhảy nhót giữa đám cây cối. Thomas dẫn chúng tôi đi theo nhiều lối đi dưới vòm rừng yên tĩnh và thường xuyên tìm lại dòng Persante, sợi chỉ dẫn đường. Một con đường cắt ngang một khoảnh rừng sỏi nhỏ, không cao lắm, một đám cây cối rậm rạp với những chồi cây và cành trụi lá màu ghi. Mặt đất dưới lớp tuyết phủ dày lớp lá khô màu nâu. Khi lại thấy khát, tôi xuống sông Persante, nhưng thường thì ở gần bờ chỉ có nước đọng. Chúng tôi tiến lại gần Körlin, hai chân tôi trở nên nặng trĩu, tôi bị đau lưng, nhưng những con đường đã dễ đi hơn nhiều.

Ở Körlin, các trận đánh đang diễn ra ác liệt. Nằm dãn người xuống đất ở cửa rừng, chúng tôi nhìn những chiếc xe tăng Nga phân tán trên một con đường hơi nhô lên nã đạn không ngừng nghỉ vào các cứ điểm của quân Đức. Bộ binh tiến lên xung quanh

đám xe tăng, nằm nấp trong những cái hố. Có rất nhiều xác chết, những vệt bắn màu nâu rải rác trên tuyết hoặc trên nền đất đen nhạt. Chúng tôi thận trọng lùi lại vào rừng. Đi ngược lên một chút chúng tôi tìm được một cây cầu đá nhỏ bắc qua sông Persante vẫn còn nguyên vẹn; chúng tôi chạy qua đó rồi, náu mình trong một đám sồi, trượt dần về phía đường lớn đi Plathe. Cả trong những cánh rừng này cũng có xác chết ở khắp nơi, Nga và Đức trộn lẫn, hẳn là đã có chiến sự lớn; phần lớn lính Đức mang phù hiệu Pháp; giờ đây tất cả đã yên tĩnh. Lục trong túi họ chúng tôi tìm được vài thứ đồ hữu dụng. dao nhíp, compa, cá khô trong ruột tượng một tên lính Nga. Trên con đường ở phía trên, đoàn xe thiết giáp Xô viết đang lao hết tốc lực về phía Körlin. Thomas đã quyết định là sẽ đợi đến đêm, rồi tìm cách chạy qua đường để nhìn xem quân Nga hay quân Đức đang chiếm đường đi Kolberg. Tôi ngồi sau một bụi cây, lưng quay ra đường, nhai một củ hành chiêu với rượu, rồi rút từ trong túi ra cuốn *Giáo dục tình cảm*, giờ đây cái gáy da đã phồng lên và biến dạng hết cả, nhẹ nhàng tách vài trang, và bắt đầu đọc. Đợt sóng văn chương dài mệnh mang nhanh chóng thu hút toàn bộ con người tôi, tôi không còn nghe thấy tiếng lách cách của xích xe tăng lẫn tiếng gầm rú của động cơ, những tiếng hét kỳ cục bằng tiếng Nga, "*Davai! Davai!*" cũng như những tiếng nổ ở xa xa; chỉ những trang sách phồng rộp và dính bết mới gây ảnh hưởng đến việc đọc của tôi. Trời tối sẫm lại buộc tôi phải gấp sách cất đi. Tôi ngủ một lúc. Piontek cũng ngủ, Thomas ngồi im nhìn đám cây. Khi tỉnh dậy, người tôi phủ một lớp tuyết bụi dày; tuyết đang rơi thành những bông nặng quay tròn giữa cây cối trước khi gặp đất. Trên đường thỉnh thoảng lại có một chiếc xe tăng chạy qua, đèn pha sáng quắc, luồng sáng chọc thủng làn tuyết; sau đó mọi vật lại im lìm. Chúng tôi tiến lại gần đường và đợi. Từ phía Körlin vẫn vẳng lại tiếng súng. Hai chiếc xe tăng đi tới, theo sau là một chiếc cam nhông, một chiếc Studebaker có in hình ngôi sao đỏ: ngay khi chúng đi khỏi, chúng tôi chạy băng qua đường để sang bên kia và lại chui vào một cánh rừng. Cách đó vài cây số, lại phải lặp lại cùng thao tác để đi qua

con đường nhỏ dẫn đến Gross-Jestin, một ngôi làng bên cạnh; cả ở đó xe tăng và xe cơ giới cũng đi chật đường. Tuyết dày che chắn cho chúng tôi khi vượt qua các cánh đồng, không có gió và tuyết gần như rơi theo chiều thẳng đứng, làm bật đi các âm thanh, những tiếng nổ, tiếng động cơ, tiếng la hét. Thỉnh thoảng, nghe thấy tiếng kim loại hoặc giọng quân Nga, chúng tôi vội lùi trốn thật nhanh, nằm sấp bụng trong một cái hố hoặc sau một bụi rậm; một đội tuần tra đi ngay qua trước mũi chúng tôi nhưng không phát hiện ra. Sông Persante lại chặn đường chúng tôi thêm một lần nữa. Đường đi Kolberg nằm ở bờ bên kia; chúng tôi đi dọc theo bờ sông về phía Bắc và cuối cùng Thomas cũng tìm được một cái thuyền giấu trong đám sậy. Không có mái chèo, Piontek bèn chặt lấy mấy cành cây dài để chống và chèo vượt sông diễn ra khá thuận lợi. Trên đường có rất nhiều xe đi lại theo cả hai hướng: xe bọc thép Nga và cam nhông với đèn đuốc sáng trưng, như trên một đường cao tốc. Một dãy xe tăng dài nối đuôi nhau đi về phía Kolberg, một cảnh tượng đượm chất thần thoại, xe nào cũng phủ một lớp đăngten, những đám lớn màu trắng dính lên nòng pháo và tháp súng và nhảy nhót trên sườn xe, và trong những con tuyết xoáy được ngọn đèn pha rọi sáng những cái máy u tối và âm ỉ đó trở nên nhẹ nhõm, gần như bay bổng, và gần như là lơ lửng trên đường, xuyên qua đám tuyết đang hòa lẫn với những cánh buồm đó. Chúng tôi chậm chậm lùi lại sau để lẩn sâu vào rừng. “Chúng ta sẽ vượt qua sông Persante để quay lại, giọng nói căng thẳng của Thomas vang lên, mơ hồ trong bóng đêm và làn tuyết. Với Kolberg thế là xong rồi. Chắc là sẽ phải đi đến tận sông Oder.” Nhưng cái thuyền đã biến mất và chúng tôi phải đi bộ thêm một lúc trước khi tìm được một đoạn nước nông có cắm những cây cọc đánh dấu và một thanh gỗ dài đặt ngầm dưới mặt nước, có xác một Waffen-SS người Pháp mắc chân vào, người nằm sấp đung đưa trong nước. Nước lạnh ngập đến đùi, tôi giơ quyển sách lên cao để nó không bị ướt một lần nữa; những bông tuyết lớn rơi xuống mặt nước để rồi tan biến ngay. Chúng tôi đã cởi bớt nhưng quần thì ướt và lạnh suốt đêm và cả trong buổi

sáng, khi ba chúng tôi ngủ thiếp đi không buồn cắt người gác, trong một túp lều kiểm lâm nhỏ bé ở sâu trong một cánh rừng. Chúng tôi đã bước đi được gần ba mươi sáu giờ, chúng tôi kiệt sức; giờ đây vẫn còn phải bước đi thêm nữa.

Chúng tôi đi vào ban đêm; ban ngày, chúng tôi trốn trong rừng; khi đó tôi ngủ hoặc đọc Flaubert, ít nói chuyện với hai người bạn đồng hành. Một cơn giận dữ bất lực gầm rú trong tôi, tôi không hiểu được tại sao mình lại rời khỏi ngôi nhà gần làng Alt Draheim, tôi tự trách cứ mình vì đã để bị lôi kéo để rồi phải lang thang như một kẻ man rợ trong rừng thế này, thay vì được ở yên lại đó. Râu mọc đầy trên mặt chúng tôi, bùn khô làm những bộ quần phục cứng lại và dưới lớp vải thô những cơn chuột rút giày vò các bắp chân. Chúng tôi ăn ít, chỉ có những gì tìm được trong các trang trại bỏ không hoặc đóng đồ nát của những đoàn người đi sơ tán; tôi không than thở, nhưng tôi thấy món thịt mỡ sống thật đáng tởm, sau khi ăn một lúc lâu mỡ vẫn dính lại bên trong miệng, không bao giờ tìm được bánh mì để nuốt trôi dễ hơn. Lúc nào chúng tôi cũng bị lạnh và không dám nhóm lửa. Tuy nhiên, tôi rất thích vùng nông thôn trang nghiêm và yên ắng này, sự im lặng thân thiện của những cánh rừng dương hoặc sồi, bầu trời màu ghi đôi khi mới có gió thoảng qua, tiếng lạo xạo thoảng qua của những đợt tuyết cuối cùng trong năm. Nhưng đó là một vùng nông thôn chết chóc, hoang tàn: ruộng đồng trống không và các trang trại trống không. Khắp nơi các thảm họa chiến tranh hằn lại những dấu vết đậm nét. Tất cả các thị trấn dù ở quy mô nào, những nơi đêm đến chúng tôi thường vòng tránh, đều nằm trong tay quân Nga; trong bóng tối, từ bìa rừng, chúng tôi nghe thấy tiếng những tên lính say rượu hát hò và bắn hàng băng đạn lên trời. Thịnh thoảng cũng có người Đức trong những ngôi làng đó, có thể nhận ra được giọng nói sợ hãi nhưng kiên nhẫn của họ giữa những tiếng la hét và chửi rủa bằng tiếng Nga, những tiếng hét cũng không hiếm, nhất là tiếng phụ nữ. Nhưng như vậy

vẫn còn hơn những ngôi làng bốc cháy nơi cái đói đẩy chúng tôi đến: súc vật chết thối rữa trên đường, nhà cửa bốc ra mùi xác chết trộn lẫn với đồ cháy, và vì phải đi vào đó để tìm đồ ăn, chúng tôi không thể tránh nhìn thấy những cái xác vụn vẹo của phụ nữ, thường xuyên bị lột trần truồng, dù đó là các bà già hoặc những đứa bé gái mới mười tuổi, máu chảy be bét giữa hai chân. Nhưng trốn trong rừng cũng không thoát được người chết: ở các ngã tư, những cành sồi cổ thụ lủng lẳng hàng đám người bị treo cổ, phần lớn là các *Volkssturm*, những đồng thịt thảm thương nạn nhân của các *Feldgendarm* quá nhiệt tình; xác người nằm rải rác ở các khoảng rừng thưa, giống như một người đàn ông trẻ tuổi trần truồng, nằm trong tuyết với một chân gấp lại, vẻ thanh thản hết như hình người bị treo cổ của quân bài tarô số XII, lạ kỳ đến đáng sợ; và đi thêm nữa, trong khu rừng, những cái xác làm bẩn các ao nước màu nhợt nhạt mà chúng tôi vừa đi dọc theo vừa cố đỡ dành cơn khát. Trong những cánh rừng đó cũng có những người còn sống, đám thường dân sợ hãi, không đủ sức cung cấp cho chúng tôi một thông tin nào, những tay lính đơn độc hoặc đi thành từng nhóm nhỏ cũng đang tìm cách vượt qua chiến tuyến của quân Nga. Dù có là *Waffen-SS* hay *Wehrmacht*, họ cũng không bao giờ muốn đi cùng chúng tôi; chắc là họ sợ bị bắt cùng với các sĩ quan cao cấp của *SS*. Điều này khiến Thomas suy nghĩ và anh bảo tôi bắt chước anh hủy sổ lương và giấy tờ, rồi giật các phù hiệu, để phòng trường hợp rơi vào tay quân Nga; nhưng vì sợ các *Feldgendarm*, anh lại quyết định, lần này thì khá vô lý, rằng chúng tôi sẽ vẫn mặc những bộ quân phục màu đen đẹp đẽ, hơi kỳ cục khi đi lại trong vùng nông thôn này. Anh là người ra tất cả các quyết định; tôi chấp nhận hết mà không suy nghĩ và đi theo anh, không quan tâm đến điều gì trừ những thứ rơi xuống trước mắt, trong nhịp bước đi chậm chạp.

Khi có điều gì đó khơi dậy ở tôi một sự phản ứng, thì mọi chuyện còn tệ hại hơn nữa. Đêm thứ hai sau khi rời khỏi *Körlin*, quang sáng sớm, chúng tôi vào một thôn nhỏ gồm vài trang trại bao quanh một ngôi nhà lớn. Cách đó một quãng có một nhà thờ

xây bằng gạch dựa lưng vào một tháp chuông nhọn hoắt và phủ một cái mái bằng đá acđoa màu ghi; cửa mở, và từ trong vọng ra tiếng đàn orgue; Piontek đã đi lục tìm trong các bếp; theo sau là Thomas, tôi bước vào nhà thờ. Một ông già, gần ban thờ, đang chơi *Nghệ thuật fugue*, đối âm thứ ba, tôi nghĩ vậy, với tiếng rung đẹp đẽ của bề trầm sử dụng bàn đạp. Tôi tiến lại gần, gồi xuống một cái ghế băng và lắng nghe. Ông già chơi hết bản nhạc và quay sang tôi: ông ta đeo kính một mắt và có hàng ria nhỏ trắng xén tĩa gọn gàng, và mặc một bộ quân phục Oberstleutnant từ hồi thế chiến trước, với một hình chữ thập đeo ở cổ. "Chúng có thể phá hủy tất cả, ông ta bình thản nói với tôi, nhưng cái này thì không. Không thể được, nó sẽ còn lại mãi mãi: nó sẽ vẫn tiếp tục ngay cả khi tôi đã ngừng chơi." Tôi không nói gì và ông ta chuyển sang đối âm tiếp theo. Thomas vẫn đứng yên. Tôi cũng đứng dậy. Tôi lắng nghe. Nhạc thật tuyệt vời, tiếng đàn orgue không mạnh lắm nhưng trong ngôi nhà thờ bé nhỏ kiểu gia đình này nó thật vang vọng, những đường đối âm giao nhau, chơi đùa, nhảy nhót. Thế nhưng thay vì làm lòng tôi dịu đi thứ âm nhạc đó lại làm cơn điên giận của tôi trào lên, tôi thấy nó không thể chịu đựng được. Tôi không nghĩ đến điều gì hết, đầu tôi trống rỗng hoàn toàn, chỉ còn lại thứ nhạc đó và sức ép đen tối của sự giận dữ. Tôi muốn hét lên bảo ông ta dừng lại, nhưng rồi cứ để yên cho ông ta chơi hết bản nhạc và ngay lập tức chuyển sang phần tiếp theo, đoạn thứ năm. Những ngón tay quý tộc thuôn dài của ông ta lướt đi trên bàn phím, kéo giạt các phím. Khi ông ta chơi xong bản fugue và kết thúc bằng một cú nện bàn phím, tôi liền rút khẩu súng lục và bắn một phát vào đầu ông ta. Ông ta đổ sập người xuống các phím, làm một nửa số tuyô bật tung ra trong một tiếng rú bi thảm và rồi bời. Tôi cất súng đi, tiến lại gần và nắm lấy cổ áo kéo lật ông ta ra phía sau; âm thanh ngừng lại, chỉ còn lại tiếng máu nhỏ giọt từ đầu ông ta xuống nền đá. "Cậu điên mất rồi! Thomas huyết sáo. Cậu bị sao vậy!?" Tôi lạnh lùng nhìn anh, mặt tôi nhợt nhạt nhưng giọng nói giạt cục không hề run: "Chính vì bọn quý tộc chủ đất thoái hóa này mà nước Đức đã thua trong cuộc chiến.

Chủ nghĩa quốc xã sụp đổ còn chúng ngồi chơi nhạc Bach. Lẽ ra phải cảm tiết." Thomas nhìn tôi chăm chăm, anh không biết phải nói gì. Rồi anh nhún vai: "Dù sao thì cũng có thể là cậu có lý. Nhưng đừng có làm thế một lần nữa đấy. Đi thôi." Piontek, trong sân lớn, đang lo lắng vì phát đạn và đã giương sẵn khẩu tiểu liên lên. Tôi đề nghị vào tòa nhà lớn mà ngủ, trên một cái giường thực thụ có ga trải; nhưng Thomas, tôi nghĩ vậy, đang tức tôi, anh quyết định chúng tôi sẽ lại ngủ trong rừng, chắc là để làm tôi bực mình. Nhưng tôi không muốn nổi giận nữa, và rồi đó là bạn tôi; tôi nghe lời, đi theo anh không chút phản kháng.

Thời tiết đang thay đổi, đột nhiên tất cả dịu lại; ngay khi cái lạnh biến mất, trời liền nóng ngay, và tôi toát mồ hôi đầm đìa trong áo măng tô, thứ đất mùn của các cánh đồng dính chặt vào chân tôi. Chúng tôi vẫn ở mạn Bắc con đường đi Plathe; chúng tôi dừng dừng tránh những khoảng quá trống trải, men sát theo rừng, càng ngày càng đi xa hơn về hướng Bắc. Khi nghĩ đến chuyện vượt sông Rega trong vùng Greifenberg, chúng tôi bắt gặp nó ở gần Treptow, cách biển chưa đến mười cây số. Giữa Treptow và cửa sông, theo tám bản đồ của Thomas, toàn bộ vùng tả ngạn đều lầy lội. Nhưng ở bờ biển có một khu rừng lớn, chúng tôi có thể thoải mái đi đến Horst hoặc Rewahl; nếu các bãi tắm đó vẫn còn nằm trong tay quân Đức, chúng tôi sẽ có thể vượt được chiến tuyến; nếu không, chúng tôi sẽ quay ngược trở vào sâu trong đất liền. Đêm đó, chúng tôi vượt đường tàu nối Treptow với Kolberg, rồi đường đi Deep, chờ đợi một đoàn xe Xô viết đi qua trong suốt một giờ. Sau con đường, gần như chúng tôi không có gì che chắn, nhưng ở đó không có ngôi làng nào, chúng tôi đi theo những con đường hẻo lánh ở đoạn vòng của sông Rega, tiến lại đến gần biển. Khu rừng phía trước mặt trông rất rõ trong bóng tối, một bức tường lớn màu đen trước bức tường sáng của đêm. Đã có thể ngửi thấy mùi biển. Nhưng chúng tôi không tìm được cách nào để vượt con sông, giờ đây đã phình rộng ở đoạn đổ ra

biển. Thay vì đi ngược trở lại, chúng tôi tiếp tục tiến về phía Deep. Vòng tránh thành phố nơi quân Nga đang ngủ, uống rượu, hát hò, chúng tôi đi xuống phía bãi biển và các khu tắm. Một tên lính gác Xô viết đang ngủ trên một cái ghế dài và Thomas hạ hắn bằng cán kim loại của một cái ô; tiếng sóng át đi mọi thứ tiếng khác. Piontek bắn tung sợi dây xích buộc đóng xe đạp nước. Một cơn gió lạnh nổi lên trên biển Baltic, từ Tây sang Đông, dọc theo bờ biển, mặt nước đen ngòm còn lên dữ dội; chúng tôi kéo cái xe trên cát cho đến cửa sông; ở đó gió yên hơn, và tôi vui sướng lao vào những con sóng; trong khi đạp, tôi nhớ lại những mùa hè trên các bãi biển ở Antibes hoặc Juan-les-Pins, nơi em gái tôi và tôi cầu xin Moreau thuê một cái xe đạp nước để cùng nhau đi ra biển, xa hết mức những cái chân nhỏ bé của chúng tôi cho phép, trước khi sung sướng thả trôi dưới nắng. Chúng tôi qua sông khá nhanh chóng, Thomas và tôi đạp hết sức, Piontek cầm súng nằm giữa chúng tôi cảnh giới phía trên bờ; ở bên kia, tôi gần như cảm thấy tiếc nuối khi phải bỏ lại cái xe đạp nước. Khu rừng bắt đầu ngay sau đó, những cái cây thấp to bè đủ loại, vẫy vẫy vì cơn gió không ngừng thổi mãi trên bờ biển dài u ám này. Đi trong rừng không phải là dễ: có rất ít đường, trên mặt đất đầy những chồi non, chủ yếu là của cây dương, phải rẽ một lối mà đi. Rừng ăn ra tận bờ cát và đứng sừng sững cạnh biển, ngay cạnh những đụn cát lớn đang vùn vụt trong gió, thốc về phía cây cối và ngập đến ngang gốc chúng. Sau cái barie đó vang vọng không ngớt tiếng sóng dồi của biển cả vô hình. Chúng tôi bước đi cho đến tảng sáng; trước mặt vẫn là những cây thông; chúng tôi rảo bước lên. Khi trời rạng, Thomas trườn lên một đụn cát để nhìn ra bờ biển. Tôi leo lên theo anh. Một chuỗi dài vô tận những đống nát và xác người nằm đầy trên mặt cát lạnh và nhợt màu, xác xe cộ, các bộ phận những khẩu pháo bị vút lại, xe bò đổ và vỡ tan tành. Những cái xác nằm yên ở nơi chúng ngã xuống, trên cát hoặc đầu nhúng vào nước, một phần phủ một thứ bột trắng, những cái xác khác trôi ra xa hơn, bị những con sóng đẩy đi. Nước biển trông nặng nề, gần như bắn thủi trên bãi biển. màu be sáng đó, một màu ghi xanh của chì,

cứng đờ và buồn bã. Những con mòng biển to lớn bay là là trên mặt cát hoặc liệng trên lớp sóng dồi, mặt hướng vào gió, như thể đang treo lơ lửng, trước khi bay vọt ra xa bằng một cú đập cánh chính xác. Chúng tôi đi sang bên kia sườn đụn cát để lục vùi vài xác người xem có đồ ăn không. Có đủ loại người nằm chết, lính tráng, phụ nữ, trẻ con. Nhưng chúng tôi không tìm được gì nhiều và phải nhanh chóng trở lại rừng. Ngay khi rời khỏi bờ biển, sự tĩnh lặng của khu rừng lại bao phủ lấy tôi, làm vang lên ở tận sâu trong đầu tiếng sóng và tiếng gió. Tôi muốn nằm ngủ trên đụn cát, thứ cát lạnh và cứng cuốn hút tôi, nhưng Thomas sợ các đội tuần tra, anh kéo tôi vào sâu hơn trong rừng. Tôi ngủ vài giờ trên đám lá thông và sau đó đọc quyển sách đã biến dạng hoàn toàn cho đến tối, đánh lừa con đói bằng những miêu tả các bữa tiệc thịnh soạn của giới quân chủ tư sản. Rồi Thomas ra hiệu lên đường. Sau hai giờ bước đi, chúng tôi đến được bìa rừng, một khúc quanh phía trên một cái hồ nhỏ tách biệt khỏi biển Baltic bởi một con đê cát màu ghi, trên đó mọc lên những ngôi biệt thự ven biển đẹp để bị bỏ hoang, và dốc thoải về phía biển thành một bãi dài và mịn rải rác vài thứ đồ nát. Chúng tôi chạy từ nhà này sang nhà khác, canh chừng những con đường và bãi biển. Horst nằm cách đó không xa: một khu tắm biển, một thời có rất đông người đến, nhưng từ vài năm nay được dành cho các thương binh và người cần hồi phục sức khỏe. Trên bãi biển, đóng xác thuyền và xác người dày lên, một trận đánh dữ dội đã diễn ra ở đây. Cách đó một quãng có những luồng ánh sáng, tiếng động cơ, chắc là quân Nga. Chúng tôi đã đi quá cái hồ nhỏ; theo bản đồ, chúng tôi chỉ còn cách đảo Wollin khoảng từ hai mươi đến hai mươi hai cây số. Trong một ngôi nhà chúng tôi tìm thấy một người bị thương, một lính Đức bị một mảnh shrapnel găm vào bụng. Anh ta chui xuống gầm cầu thang nhưng đã lên tiếng gọi khi nghe thấy chúng tôi thì thào với nhau. Thomas và Piontek khiêng anh ta đặt lên một cái sofa lòi bông và bịt miệng anh ta lại để anh ta khỏi kêu; anh ta muốn uống nước, Thomas thấm ướt một mẩu vải và đặt lên môi anh ta vài lần. Anh ta đã nằm đó từ nhiều ngày, và lời lẽ

của anh ta rất khó nghe giữa những hơi thở hổn hển. Những gì còn lại của nhiều sư đoàn, bảo vệ hàng chục nghìn thường dân, đã tạo thành một cứ điểm ở Horst, Rewahl, Hoff; anh ta đã đến đây cùng quân số toi tả của trung đoàn, từ Dramburg. Rồi họ đã thử chọc thủng phòng tuyến về hướng Wollin. Quân Nga giữ các vách đá phía trên bãi biển và bắn một cách có phương pháp xuống đám người tuyệt vọng đi qua phía dưới. "Đó là trò bắn chim bồ câu." Anh ta đã bị thương gần như ngay lập tức và bị đồng đội bỏ lại. Trong ngày, bãi biển nhung nhúc lính Nga xuống lục tìm các xác chết. Anh ta biết rằng chúng đang giữ Kammin và hẳn là cũng kiểm soát toàn bộ bờ sông Haff. "Chắc cả vùng đây các đội tuần tra, Thomas bình luận. Bọn Đỏ sẽ đến tìm những người sống sót sau trận đánh." Người đàn ông tiếp tục vừa rên rỉ vừa thì thầm, người anh ta toát mồ hôi; anh ta đòi uống nước, nhưng chúng tôi không đưa, điều đó làm anh ta hét lên; chúng tôi cũng không có thuốc lá để mời anh ta. Trước khi để chúng tôi đi, anh ta hỏi xin một khẩu súng lục: tôi để lại khẩu của tôi, cùng một ít rượu dính đáy trong chai. Anh ta hứa sẽ đợi chúng tôi đi đủ xa rồi mới bắn. Rồi chúng tôi đi về hướng Nam: đi qua Gross Justin, Zitzmar là có rừng. Trên những con đường, giao thông tụt chày không ngừng nghỉ, những chiếc jeep hoặc Studebaker Mỹ gắn sao đỏ, những chiếc mô tô, rồi lại xe bọc thép; trên các lối đi, giờ đây có các đội tuần tra bộ gồm năm hoặc sáu người, và phải chú ý hết sức để tránh chúng. Cách bờ biển mười cây số, chúng tôi gặp lại tuyết trên những cánh đồng và khu rừng. Chúng tôi đi về phía Gülzow, phía Tây Greifenberg; sau đó, Thomas giải thích, chúng tôi sẽ tiếp tục đi và tìm cách vượt qua sông Oder ở đoạn Gollnow. Trước khi bình minh, chúng tôi tìm được một khu rừng, một túp lều, nhưng có nhiều dấu chân và chúng tôi đành rời khỏi đường để ngủ xa hơn, giữa đám thông ở một khoảnh rừng thưa, người cuộn trong áo măng tô, trên nền tuyết.

Khi tỉnh dậy quanh tôi toàn là trẻ con. Chúng đứng thành một vòng tròn rộng vây lấy chúng tôi, có hàng chục đứa im lặng đứng nhìn. Chúng ăn mặc rách rưới, bẩn thỉu, tóc tai rối bù; nhiều

đưa mang những mảnh quân phục Đức, một cái áo varoi, một chiếc mũ, một cái măng tô cắt rất xấu; một số cùn trên tay các thứ nông cụ, cuốc, bừa, xẻng; những đĩa khác cầm súng trường và tiểu liên làm bằng những mẩu dây thép hoặc cắt bìa. Những cái nhìn của chúng u tối và đầy đe dọa. Phần lớn ở vào quãng từ mười đến mười ba tuổi; một số chưa đến sáu tuổi; và đằng sau chúng còn có một đám con gái. Chúng tôi đứng dậy và Thomas lịch sự chào chúng. Đứa lớn nhất, một thằng bé tóc vàng gầy guộc mặc một cái măng tô sĩ quan tham mưu ve nhung đỏ trên một cái vest đen của lính xe tăng, bước tới một bước và rống lên: "Các ông là ai?" Nó nói tiếng Đức đặc sệt kiểu các *Volksdeutscher*, vùng Ruthénie hoặc thậm chí là Banat. "Chúng tôi là các sĩ quan Đức, Thomas ung dung trả lời. Thế còn các cậu?" – "Kampfgruppe Adam. Tôi là Adam. Generalmajor Adam, tôi chỉ huy." Piontek bụm miệng cười. "Chúng tôi ở bên SS", Thomas nói. – "Thế phù hiệu của các ông đâu? thằng bé phì ra, Các ông là bọn đào ngũ!" Piontek không cười nữa. Thomas không để bị lấn lướt, anh vẫn chắp hai tay sau lưng mà nói: "Chúng tôi không phải là bọn đào ngũ. Chúng tôi buộc phải gỡ bỏ các phù hiệu vì sợ rơi vào tay bọn Bôn-sê-vich." – "Herr Standartenführer! Piontek hét lên, tại sao ông lại nói chuyện với bọn trẻ ranh thò lò mũi này? Ông không thấy là chúng gàn dở à? Phải quật cho chúng một trận!" – "Im mồm, Piontek", Thomas quát. Tôi không nói gì, thấy hoảng sợ trước cái nhìn chăm chăm và bệnh hoạn của bọn trẻ con. "Không, nhưng tôi sẽ cho chúng thấy!" Piontek gào lên và lần tìm khẩu tiểu liên đeo sau lưng. Thằng bé mặc măng tô sĩ quan ra hiệu và nửa chục thằng bé lao vào Piontek, dùng các dụng cụ của chúng đập vào anh ta và vật anh ta ra đất. Một thằng bé giơ cuốc lên và bổ xuống má anh ta, đập nát hàm răng và làm lòi một bên mắt ra. Piontek vẫn hú hét; một cú gậy táng xuống trán và anh ta im bật. Bọn trẻ con tiếp tục đánh cho đến lúc đầu anh ta chỉ còn là một đồng thịt bầy nhầy đỏ ối trên tuyết. Người tôi đông cứng lại, tràn ngập một nỗi hoảng hốt không thể kiểm soát. Thomas cũng đứng im phắc. Khi bọn trẻ đã rời khỏi cái xác, thằng lớn nhất lại hét lên: "Các

ông là bọn đào ngũ và chúng tôi sẽ treo cổ các ông lên vì tội phản quốc!" – "Chúng tôi không phải là bọn đào ngũ, Thomas lạnh lùng nhắc lại. Chúng tôi đang thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt cho Führer phía sau phòng tuyến quân Nga và các cậu vừa giết chết tài xế của chúng tôi." – "Giấy tờ để chứng minh lời của ông đâu?" thằng bé vẫn khẳng khẳng hỏi. – "Chúng tôi đã hủy rồi. Nếu bọn Đỏ bắt được chúng tôi, nếu chúng đoán được ra chúng tôi là ai, chúng sẽ tra tấn để tìm cách moi thông tin." – "Chúng mình đi!" – "Dẫn chúng tôi đến phòng tuyến của Đức và các cậu sẽ thấy." – "Chúng tôi còn nhiều việc phải làm hơn là dẫn bọn đào ngũ đi, thằng bé rít lên. Tôi sẽ gọi cho thượng cấp của chúng tôi." – "Làm đi", Thomas bình thản nói. Một thằng bé nhỏ xíu khoảng tám tuổi rẽ đám bạn đi tới, trên vai vác một cái hòm. Đó là một hòm đạn bằng gỗ, với các ký hiệu của Nga, trên nắp đóng nhiều đinh vít và những miếng cactông hình tròn sặc sỡ. Một hộp đồ ăn dính vào cái hòm bằng một sợi dây thép treo lủng lẳng bên cạnh; những cái kẹp giữ một thanh sắt mảnh dựng đứng lên; quanh cổ, thằng bé đeo một cái mũ điện tín viên thực thụ. Nó chỉnh tai nghe, đặt cái hòm lên đầu gối, quay những miếng cactông tròn, nghịch mấy cái đinh, đưa cái hộp lại gần miệng và gọi: "Kampfgruppe Adam gọi Tổng hành dinh! Kampfgruppe Adam gọi Tổng hành dinh! Trả lời đi!" Nó nhắc đi nhắc lại câu đó nhiều lần rồi tháo một bên tai nghe quá to so với người ra. "Tôi gọi được họ rồi đây, Herr Generalmajor, nó nói với thằng bé tóc vàng. Tôi phải nói gì đây?" Thằng này quay sang Thomas: "Tên ông và cấp bậc!" – "SS-Standartenführer Hauser, ở bên *Sicherheitspolizei*." Thằng bé quay sang cái điện đàm nhỏ: "Bảo họ xác nhận nhiệm vụ của Standartenführer Hauser ở bên Sipo." Thằng nhóc lặp lại câu đó vào hộp đồ và chờ đợi. Rồi nó tuyên bố: "Họ không biết gì cả, Herr Generalmajor." – "Không có gì đáng ngạc nhiên cả, Thomas nói với vẻ bình thản đáng kinh ngạc. Chúng tôi báo cáo trực tiếp cho Führer. Để tôi gọi về Berlin và đích thân ông ấy sẽ xác nhận với các cậu." – "Đích thân ông ấy?" thằng bé chỉ huy hỏi, mắt lấp lánh một tia sáng kỳ lạ. – "Đích thân chứ lị", Thomas

nhắc lại. Người tôi đông cứng lại; sự táo gan của Thomas làm tôi cảm thấy lạnh buốt. Thằng bé tóc vàng ra hiệu và thằng bé kia tháo tai nghe rồi đưa hộp đồ cho Thomas. “Bắt đầu đi. Nói “Chờ trả lời” mỗi khi hết câu.” Thomas đưa tai nghe lại gần và cầm lấy hộp. Rồi anh gọi vào hộp: “Berlin, Berlin. Hauser gọi Berlin, trả lời đi.” Anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần, rồi nói: “Standartenführer Hauser, đang thực hiện công tác đặc biệt, xin được báo cáo. Tôi phải nói chuyện với Führer. Chờ trả lời... Vâng, tôi sẽ đợi. Chờ trả lời.” Bọn trẻ vây quanh nhìn chăm chăm vào chúng tôi; quai hàm của thằng bé tự gọi mình là Adam run lên nhè nhẹ. Rồi Thomas đứng nghiêm, rập gót chân, và hét vào cái hộp: “Heil Hitler! Standartenführer Hauser của bên *Geheime Staatspolizei*, xin báo cáo, thưa Führer! Chờ trả lời.” Anh ngừng một lát rồi tiếp tục: “Obersturmbannführer Aue và tôi đang trở về từ nhiệm vụ đặc biệt, thưa Führer! Chúng tôi đã gặp Kampfgruppe Adam và xin được xác nhận nhiệm vụ và danh tính của chúng tôi. Chờ trả lời.” Anh lại ngừng một lát rồi nói: “*Jawohl*, thưa Führer. Sieg Heil!” Anh chìa ống nghe và cái hộp cho thằng bé mặc áo măng tô sĩ quan. “Ông ấy muốn nói chuyện với cậu, Herr Generalmajor.” – “Führer ấy à?” thằng bé nói giọng căng thẳng. – “Phải, đừng lo. Ông ấy tốt lắm.” Thằng bé chậm chậm cầm lấy tai nghe, đeo nó lên tai, đứng nghiêm, một tay giơ lên và hét vào cái hộp: “Heil Hitler! Generalmajor Adam, *zu Befehl*, thưa Führer! Chờ trả lời!” Rồi đến: “*Jawohl*, mein Führer! *Jawohl! Jawohl! Sieg Heil!*” Khi bỏ ống nghe để trả lại cho thằng bé kia, mắt nó ươn ướt: “Đó là Führer, nó trang trọng nói. Ông ấy đã xác nhận danh tính và nhiệm vụ của các ông. Tôi rất tiếc vì chuyện người tài xế, nhưng anh ta đã có một động tác đại dột và chúng tôi không thể biết được. Kampfgruppe của tôi xin được phục vụ các ông. Các ông cần gì?” – “Chúng tôi phải an toàn trở về bên phòng tuyến quân ta để chuyển các thông tin mật có tính chất quan trọng sống còn đối với Reich. Các cậu có giúp được không?” Thằng bé rút ra một chỗ cùng nhiều đĩa khác và thì thầm một lúc. Rồi nó quay trở lại: “Chúng tôi đã đến đây để tiêu diệt một lực lượng lớn quân

Bôn-sê-vich. Nhưng chúng tôi có thể đưa các ông đến sông Oder. Phía Nam có một khu rừng, chúng ta sẽ đi qua ngay trước mũi bọn đàn độn kia. Chúng tôi sẽ giúp các ông."

Thế là chúng tôi bắt đầu đi với đám trẻ con ăn vận rách rưới đó, để lại cái xác của Piontek khốn khổ sau lưng. Thomas lấy khẩu tiểu liên của anh ta và tôi đeo túi đựng đồ ăn. Nhóm người gồm tổng cộng khoảng bảy mươi đứa nhóc, trong đó có chục đứa con gái. Phần lớn, như dần dần chúng tôi hiểu ra, là bọn trẻ mồ côi *Volksdeutscher*, một số từ vùng Zamosc và thậm chí từ Galicie hoặc xung quanh Odessa đến, chúng đã lang thang như vậy sau phòng tuyến quân Nga từ hàng tháng nay, sống bằng những gì tìm được, thu nhận những đứa trẻ khác, giết không ghê tay những người Nga và người Đức đi lẻ, mà chúng đều coi là bọn đào ngũ. Cũng giống chúng tôi, chúng đi vào ban đêm và nghỉ ban ngày, lẫn trốn trong những khu rừng. Trên đường chúng đi theo hàng lối quân sự, với những tên trinh sát đi trước, rồi đến phần chính của nhóm, bọn con gái ở giữa. Hai lần chúng tôi nhìn thấy chúng giết chết những nhóm nhỏ quân Nga đang say ngủ: lần đầu tiên rất dễ dàng, bọn lính đã say nằm ngủ độp đã rượu trong một trang trại và bị cắt cổ hoặc bằm vằm trong khi còn say sưa; lần thứ hai, một thằng bé dùng hòn đá đập vỡ đầu một tên lính gác, rồi bọn khác lao vào bọn còn lại đang ngáy quanh một đống lửa, gần chiếc cam nhông đang chết máy. Thật lạ lùng, chúng không bao giờ lấy vũ khí: "Vũ khí Đức của chúng ta tốt hơn", thằng bé chỉ huy tự nhận tên là Adam giải thích. Chúng tôi cũng từng nhìn thấy chúng tấn công một đội tuần tra bằng một sự khôn ngoan và man rợ đáng sợ. Bọn trinh sát nhìn thấy nhóm người; phần đông của nhóm rút vào rừng, và khoảng hai chục thằng bé tiến lên trên đường về phía lính Nga, vừa đi vừa hét: "*Russki! Davai! Khleb, khleb!*" Bọn Nga không nghi ngờ gì và để cho chúng lại gần, thậm chí vài tên còn cười và rút bánh mì từ bị ra. Khi đã vây được chúng, bọn trẻ tấn công ngay cùng với các dụng cụ và dao găm, đó là một cuộc thảm sát phi lý, tôi nhìn thấy một thằng bé bảy tuổi trèo lên lưng một tên lính vào cắn một cái

đinh vào mắt hắn. Hai tên lính khác cũng kịp nhả vài loạt đạn trước khi gục ngã: ba thằng bé bị giết chết ngay, và năm đứa bị thương. Sau trận đánh, bọn sống sót người lấm máu dẫn theo bọn bị thương đang la khóc vì đau. Adam chào chúng và đích thân giết những đứa dính đạn vào chân hoặc bụng; hai đứa khác được giao cho bọn con gái, và Thomas và tôi vụng về tìm cách lau rửa các vết thương và dùng những mảnh vải băng cho chúng. Giữa chúng với nhau cách cư xử cũng cộc cằn như với người lớn. Khi dùng chân, chúng tôi giải trí bằng cách quan sát chúng: Adam được một trong số bọn con gái lớn tuổi nhất chăm sóc, rồi lôi nó vào sâu trong rừng; những đứa khác nện nhau để giành lấy những mẩu bánh mì hoặc xúc xích, bọn nhỏ nhất chạy đến ăn trộm ở những cái túi và bọn lớn đánh đập chúng, có lúc còn dùng cả đến xẻng; sau đó, hai hoặc ba thằng nắm tóc một đứa con gái, lật ngửa nó ra đất và hiếp nó trước mặt những đứa khác, cắn vào cổ nó như lũ mèo; bọn khác vừa nhìn vừa thủ dâm; những đứa khác đánh thằng đang nằm trên con bé, hất nó ngã sang bên cạnh để chiếm chỗ, con bé tìm cách chạy trốn, bọn chúng bắt nó lại và lấy chân đá vào bụng làm nó ngã vật ra, giữa những tiếng la hét, hú rít chói tai; ngoài ra nhiều đứa trông đám con gái mới bắt đầu tuổi dậy thì đã có triệu chứng mang thai. Những cảnh tượng đó làm thần kinh tôi căng thẳng kinh khủng, tôi khổ sở chịu đựng cái đại đội điên cuồng này. Một vài đứa trẻ, chủ yếu là bọn lớn nhất, chập chững nói được tiếng Đức; mặc dù ít nhất là cho đến năm ngoái, tất cả chúng đều từng đi học, nhưng có vẻ như là không còn sót lại một dấu vết nào của sự dạy dỗ, ngoài niềm tin không thể lay chuyển về việc thuộc về một chủng tộc thượng đẳng, chúng sống như một bộ tộc nguyên thủy hoặc một bầy đoàn, khéo léo hợp tác với nhau để giết kẻ thù hoặc tìm cái ăn, rồi gay gắt tranh cãi để giành giật chiến lợi phẩm. Uy quyền của Adam, đứa lớn nhất, có vẻ không hề bị đặt thành vấn đề; tôi từng thấy nó đập đầu một thằng bé chậm chạp trong việc vâng lời nó vào một thân cây cho đến lúc tóe máu. Tôi tự nhủ có lẽ là nó sai giết hết những người lớn gặp phải để mãi được là đứa lớn nhất.

Chuyến đi cùng bọn trẻ con kéo dài nhiều đêm. Nhiều lúc tôi cảm thấy không còn kiểm soát được chính mình nữa, tôi phải nỗ lực kinh khủng để không đánh chúng. Thomas vẫn bình tĩnh một cách lạ thường, anh theo dõi bước tiến của chúng tôi bằng bản đồ và la bàn, bàn bạc với Adam về hướng đi cần theo. Trước khi đến Gollnow, phải đi qua đường tàu dẫn tới Kammin rồi đường cái, theo từng nhóm nhỏ. Đi qua đó chỉ còn thấy một khu rừng rậm rạp rộng mênh mông, hoang vắng, đầy nguy hiểm vì có các đội tuần tra, nhưng rất may là chúng chỉ quanh quẩn ở các lối đi. Chúng tôi cũng bắt đầu gặp lính Đức, đi riêng hoặc thành từng nhóm, cũng đi về phía sông Oder giống chúng tôi. Thomas ngăn không cho Adam giết những người đi lẻ; hai trong số họ nhập bọn với chúng tôi, trong đó có một lính SS người Bỉ, những người còn lại rẽ sang hướng khác vì thích tự mình thử vận may hơn. Sau một con đường khác, rừng biến thành đầm lầy, chúng tôi không còn ở cách xa sông Oder lắm; phía Nam, theo bản đồ, các đầm lầy này dẫn đến một nhánh sông, sông Ihna. Đường đi trở nên khó nhọc, chúng tôi lội bì bõm đến tận đầu gối, nhiều khi đến ngực, bọn trẻ con bước hụt chết đuối trong các vũng sâu. Giờ đây trời đã khá ấm, ngay cả trong rừng tuyết cũng đã biến mất, cuối cùng tôi đã có thể bỏ áo măng tô, vẫn đắm nước nặng trĩu. Adam quyết định đưa chúng tôi ra đến sông Oder cùng một nhóm nhỏ và để những đứa còn lại, bọn con gái và những đứa nhỏ nhất dưới sự chỉ huy của hai thằng bé bị thương, trên một dải đất khô. Mất gần cả đêm để vượt qua được những đầm lầy quanh hiu đó, thỉnh thoảng phải đi vòng rất xa, nhưng đã có la bàn của Thomas hướng lối. Cuối cùng cũng đến được sông Oder, nước đen thẫm và lấp lánh dưới ánh trăng. Một dãy đảo nhỏ thon dài như thể chia cách chúng tôi với bờ bên kia thuộc về quân Đức. Chúng tôi không tìm được thuyền. “Kệ thôi, Thomas quyết định, chúng ta sẽ bơi qua.” – “Tôi không biết bơi,” người Bỉ nói. Đó là một người vùng Wallonie, biết rất rõ Lippert hồi còn ở Caucase và đã kể lại cho tôi cái chết của anh ta ở Novo Buda. “Tôi sẽ giúp anh,” tôi nói. Thomas quay sang Adam: “Cậu không muốn cùng

sang với chúng tôi à? Về lại nước Đức?" – "Không, thằng bé đáp. Chúng tôi có nhiệm vụ riêng." Chúng tôi cởi boots, buộc vào thắt lưng và tôi nhét mũ cát kết xuống dưới áo choàng; Thomas và người lính Đức tên là Fritz vẫn giữ mấy khẩu tiểu liên phòng trường hợp trên đảo có người. Ở quãng này sông phải rộng tới ba trăm mét, nhưng vào mùa xuân nước đã đầy lên và dòng chảy khá xiết; người Bỉ, mà tôi vừa bơi ngựa vừa đỡ lấy cầm, làm tôi bị chậm lại, tôi nhanh chóng bị nước cuốn đi và suýt vượt qua đảo; ngay khi chạm được chân xuống đất, tôi thả người lính ra và lôi cổ áo anh ta cho đến khi anh ta có thể đi được trong nước. Trên bờ, tôi thấy một khung khiếp và phải ngồi xuống nghỉ một lúc. Trước mặt, các đầm lầy chỉ hơi xào xạc, bọn trẻ con đã biến mất; hòn đảo nhỏ đầy cây cối, và cả ở đây tôi cũng không nghe thấy gì ngoài tiếng nước vỗ ì oạp. Tay người Bỉ đi đến chỗ Thomas và người lính Đức, đã đi lên cao hơn, rồi quay lại nói rằng có vẻ trên đảo không có người. Khi đã có thể đứng dậy tôi cùng anh ta đi qua cánh rừng. Ở rìa bên kia, bờ cũng cam lạng và tối đen. Nhưng trên bãi cát, một cây cột sơn hai màu đỏ và trắng báo hiệu một điện đàm chiến dịch, được che dưới một tấm vải bạt, sợi dây biến mất dưới làn nước. Thomas cầm lấy ống nghe và bấm. "Xin chào, anh nói. Vâng, chúng tôi là lính Đức." Anh nói tên và cấp bậc của chúng tôi. Rồi: "Tốt lắm." Anh bỏ máy, đứng dậy, cười rạng rỡ nhìn tôi. "Họ bảo chúng ta xếp thành hàng và giơ tay lên cao." Chúng tôi chỉ có chút ít thời gian: một ngọn đèn chiếu công suất mạnh được bật lên trên bờ sông bên kia và rọi thẳng vào chúng tôi. Chúng tôi đứng yên nhiều phút liền. "Hệ thống của họ hoạt động tốt đấy," Thomas bình luận. Có tiếng động cơ tiến tới. Một chiếc canô cao su lại gần và cặp bến ở đoạn gần chúng tôi; ba người lính im lặng khám xét, súng cầm lăm lăm trên tay cho đến khi chắc chắn được rằng chúng tôi là người Đức; vẫn không nói lời nào, họ cho chúng tôi lên thuyền, chiếc carô dập dềnh lao đi trên làn nước tối sẫm.

Trên bờ, trong bóng tối, các Feldgendarm đang đợi sẵn. Phù hiệu kim loại lớn của họ lấp lánh trong ánh trăng. Họ dẫn chúng

tôi vào một boongke đến trước một viên Hauptmann bên cạnh sắt, anh ta đòi xem giấy tờ; không ai trong số chúng tôi có. "Trong trường hợp này, viên sĩ quan nói, tôi sẽ phải cho người áp giải các anh đến Stettin. Tôi rất tiếc, nhưng đã từng có đủ loại người tìm cách xâm nhập." Trong khi chúng tôi chờ đợi, anh ta mời thuốc lá và Thomas vui vẻ nói chuyện với anh ta: "Các anh có phải đón nhiều người qua sông không?" – "Mỗi đêm có từ mười đến mười lăm chuyến. Tính cả khu vực này thì là hàng chục. Hôm trước, có đến hơn hai trăm người cùng tới một lúc, vẫn còn mang vũ khí. Phần lớn đều đổ dòn đến đây vì có các đầm lầy, bọn Nga ít tuần tra, như các anh cũng đã thấy rồi đấy." – "Ý tưởng về cái điện thoại thật là khôn khéo." – "Cám ơn. Nước đã lên và nhiều người bị chết đuối khi tìm cách bơi sang. Điện thoại giúp chúng tôi khỏi phải gặp những bất ngờ khó chịu... ít nhất thì chúng tôi cũng hy vọng như vậy, anh ta vừa mỉm cười vừa nói. Có vẻ như là bọn Nga đã bắt được nhiều tên phản bội." Rạng sáng, người ta cho chúng tôi lên một chiếc cam nhông cùng với ba *Rückkämpfer* khác và một đội áp giải của Feldgendarm có mang vũ khí. Chúng tôi đã qua sông ở đoạn ngay trên Pölitz; nhưng thành phố đang nằm dưới làn đạn pháo của quân Nga và chiếc cam nhông của chúng tôi phải đi vòng khá xa trước khi đến được Stettin. Cả ở đó cũng có đạn pháo nã vào, những ngôi nhà cháy đùng đùng trông vui mắt; trên phố, từ thành xe nhìn ra, gần như tôi chỉ thấy lính trắng. Người ta đưa chúng tôi đến một PC của Wehrmacht nơi ngay lập tức chúng tôi được tách khỏi đám lính, rồi một viên thiếu tá nghiêm khắc thăm vấn chúng tôi, nhanh chóng được một đại diện của bên Gestapo vận thường phục hỗ trợ. Tôi để cho Thomas trả lời, anh kể lại thật chi tiết câu chuyện của chúng tôi; tôi chỉ nói khi được hỏi đích danh. Theo các gợi ý của Thomas, người của bên Gestapo cuối cùng cũng chấp nhận gọi điện về Berlin. Huppenkothen, thượng cấp của Thomas, không có ở đó, nhưng chúng tôi gặp được một sĩ quan tùy tùng của ông ta, người này ngay lập tức xác nhận danh tính của chúng tôi. Thái độ của viên thiếu tá và tay bên Gestapo liền thay đổi, họ bắt đầu xưng hô

với chúng tôi theo cấp bậc và mời chúng tôi uống schnaps. Tay công chức Gestapo lui ra ngoài, hứa sẽ tìm cách đưa chúng tôi về Berlin; trong khi chờ đợi anh ta, viên thiếu tá đưa thuốc lá cho chúng tôi và cho chúng tôi ngồi lên một cái ghế băng đặt trong hành lang. Chúng tôi ngồi im lặng rút thuốc: kể khi bắt đầu đi, chúng tôi không hề hút thuốc và điều đó làm chúng tôi thấy uể oải. Một quyển lịch đặt trên bàn viên thiếu tá ghi ngày 21 tháng Ba, như vậy là chuyến đi của chúng tôi đã kéo dài mười bảy ngày và điều đó hẳn rõ trên vẻ ngoài của chúng tôi: chúng tôi bốc mùi hôi, râu ria xồm xoàm, bùn dính đầy trên quần phục rách rưới. Nhưng chúng tôi không phải là những người đầu tiên đến được đây trong bộ dạng đó và điều này không có vẻ làm bất kỳ ai bị sốc. Thomas ngồi thẳng, hai chân vắt chéo, có vẻ rất vui vì chuyến đi vừa rồi; tôi thì khá oải, hai chân giạng rộng trước mặt trong một tư thế không mấy nhà binh; một viên Oberst bận rộn đi qua trước mặt chúng tôi, một chiếc cặp kẹp dưới nách, ném về phía tôi một cái nhìn khinh khỉnh. Tôi nhận ra anh ngay, tôi nhảy bật lên và nồng nhiệt chào: đó là Osnabrugge, chuyên gia phá cầu. Mất một lúc anh mới nhận ra tôi, rồi mắt anh mở tròn: "Obersturmbannführer! Trông anh tệ quá." Tôi kể ngắn gọn về cuộc phiêu lưu. "Thế còn anh, bây giờ anh phá cầu Đức đấy à?" Mặt anh dài thườn ra: "Than ôi, quả là thế. Cách đây hai ngày tôi đã cho nổ cầu Stettin, khi chúng ta sơ tán người khỏi Altdamm và Finkenwalde. Thật là khủng khiếp, trên cầu lủng lảng đầy người, những kẻ chạy trốn bị các Feldgendarm bắt được đem treo lên. Ba tên vẫn còn mắc lại sau vụ nổ, ngay ở lối lên cầu, người xanh lè. Nhưng, anh trấn tĩnh lại và tiếp tục, chúng tôi cũng không phá hết đâu. Đoạn sông Oder trước khi đến Stettin có năm cầu và chúng tôi đã quyết định chỉ phá cây cuối cùng. Để sau này còn dựng lại." – "Như vậy là tốt đấy, tôi bình luận, anh có nghĩ đến tương lai, tinh thần vẫn còn tốt lắm." Nói xong thì chúng tôi chia tay nhau: phía Nam còn vài đầu cầu cần giật nổ, Osnabrugge phải đi thanh tra công việc chuẩn bị. Không lâu sau đó, tay Gestapo địa phương quay trở lại và cho chúng tôi lên một chiếc

xe ô tô cùng một viên sĩ quan SS cũng đang phải về Berlin và không hề có vẻ để ý đến mùi người chúng tôi. Trên đường cao tốc, cảnh tượng còn thảm khốc hơn hồi tháng Hai: một đợt sóng không ngưng nghỉ những người chạy trốn hốc hác và những người lính kiệt sức và nhợt nhạt, những chiếc cam nhông chất đầy thương binh, những gì còn sót lại của cuộc tháo chạy. Tôi gần như thiếp đi ngay, người ta phải đánh thức tôi dậy khi có máy bay Sturmovik, rồi tôi lại ngủ tiếp ngay khi có thể lên lại xe.

Ở Berlin, chúng tôi gặp một chút khó khăn trong việc giải thích, nhưng cũng không nhiều hơn là tôi chờ đợi: với lính trôn thì người ta treo cổ hoặc xử bắn ngay khi có nghi ngờ. Trước cả khi kịp cạo râu hoặc tắm rửa, Thomas đã đến trình diện ở chỗ Kaltenbrunner, giờ đây đang ở Kurfürstenstrasse, tại đúng trụ sở cũ của Eichmann, một trong những tòa nhà cuối cùng của RSHA vẫn còn chưa bị đánh sập. Vì không biết phải đi đâu để báo cáo – cả Grothmann cũng đã rời khỏi Berlin – tôi cùng anh đi đến đó. Chúng tôi đã thỏa thuận sẽ kể một câu chuyện khả dĩ tin được: tôi đã tận dụng kỳ nghỉ phép để tìm cách đưa vợ chồng em gái đi tránh quân địch, và cuộc tấn công của bên Nga đã xảy đến đúng lúc đó, và Thomas đến giúp tôi cũng mắc kẹt luôn; mặt khác, Thomas đã sáng suốt xin một tờ lệnh công tác của Huppenkothen trước khi đi. Kaltenbrunner im lặng nghe chúng tôi nói rồi cho chúng tôi về mà không có ý kiến gì, ông ta cho tôi biết là Reichsführer, hôm qua vừa từ chức tư lệnh tập đoàn quân Vistule, hiện đang ở Hohenlychen. Chỉ cần một ít thời gian để báo cáo về cái chết của Piontek, nhưng tôi phải điền vào cả đóng giấy tờ để giải thích việc mất xe. Tối đến, chúng tôi về nhà Thomas ở Wannsee: ngôi nhà còn nguyên vẹn, nhưng không có điện lẫn nước, và chúng tôi chỉ có thể rửa ráy qua loa bằng nước lạnh, và khó nhọc cạo râu trước khi đi ngủ. Sáng hôm sau, mặc một bộ quân phục sạch, tôi đến Hohenlychen trình diện trước Brandt. Ngay khi nhìn thấy tôi, ông ta đã ra lệnh cho tôi đi tắm, cắt tóc,

và chỉ được trở lại khi nào hình dáng đã tươm tất một chút. Bệnh viện có nước nóng và tôi hau háu đứng dưới vòi nước gần một giờ; rồi tôi đi cắt tóc và lợi dụng để cạo râu bằng nước nóng và bôi nước hoa eau de Cologne lên người. Xong đâu đấy, tôi mới quay lại gặp Brandt. Ông ta nghiêm trang lắng nghe câu chuyện của tôi, lạnh lùng mắng tôi vì không thận trọng mà đã gây thiệt hại cho Reich nhiều tuần làm việc, rồi thông báo rằng trong thời gian đó người ta đã thông báo là tôi mất tích; văn phòng của tôi đã bị giải thể, các đồng nghiệp được bổ đi nơi khác, và hồ sơ bị đưa vào lưu trữ. Lúc này, Reichsführer không cần đến sự phục vụ của tôi; và Brandt ra lệnh cho tôi quay về Berlin nghe lệnh của Kaltenbrunner. Thư ký của ông ta, sau cuộc gặp, bảo tôi vào phòng và đưa lại cho tôi thư từ cá nhân, được Asbach gửi lại khi văn phòng ở Oranienburg bị đóng cửa: chủ yếu là hóa đơn, một lá thư ngắn của Ohlendorf về vết thương hồi tháng Hai của tôi, và một lá thư của Hélène, mà tôi đút vào túi không buồn mở ra. Rồi tôi quay về Berlin. Ở Kurfürstenstrasse hết sức lộn xộn: giờ đây tòa nhà trở thành trụ sở của cả bộ tham mưu RSHA lẫn *Staatspolizei*, cũng như nhiều đại diện của SD; tất cả đều thiếu chỗ, ít người biết được mình phải làm gì, họ lang thang không mục đích trong các hành lang, cố tỏ ra vẫn giữ được tinh thần. Vì Kaltenbrunner không thể tiếp tôi trước buổi tối, tôi chui vào một góc trên một cái ghế và tiếp tục đọc cuốn *Giáo dục tình cảm*, đã chịu thêm thiệt hại sau khi qua sông Oder, nhưng tôi nhất định muốn đọc hết nó. Kaltenbrunner cho gọi tôi ngay trước khi Frédéric gặp Madame Arnoux lần cuối cùng; thật là bực mình. Lẽ ra phải đợi một chút nữa chứ, nhất là khi ông ta có biết phải làm gì với tôi đâu. Cuối cùng thì ông ta, gần như là bạ đầu hay đó, bổ nhiệm tôi làm sĩ quan liên lạc ở chỗ OKW. Công việc của tôi là: ba ngày một lần, tôi phải sang bên Bendlerstrasse và mang về các tin khẩn về tình hình ở mặt trận; phần thời gian còn lại, tôi có thể mơ mộng một cách yên tĩnh. Cuốn sách của Flaubert nhanh chóng đọc xong, nhưng tôi tìm được những quyển sách khác. Tôi cũng muốn đi dạo nhưng điều đó không được khuyến khích. Thành

phố đang ở vào tình trạng nguy hiểm. Khắp nơi, các cửa sổ mở toang hoác; có thể liên tục nghe thấy cả dãy nhà đổ sụp xuống trong một tiếng ùng ục ghê người. Trên phố, các đội dọn dẹp không một mảnh vụn đóng đồ nát và chất thành những đống cách đều nhau để những chiếc ô tô hiếm hoi đi qua được một cách khó nhọc, nhưng thường thì những đống gạch vữa kia cũng sụp xuống, và lại phải bắt đầu lại từ đầu. Không khí mùa xuân hắc nồng, đầy khói đen và bụi gạch sào sạo giữa hai hàm răng. Cuộc không kích lớn cuối cùng đã diễn ra ba ngày trước khi chúng tôi về đến nơi: nhân dịp đó, Luftwaffe đã tung ra thứ vũ khí mới của mình, những thứ có phản ứng nhanh đến kinh ngạc, và gây được một chút tổn thất cho kẻ thù; kể từ đó, chỉ còn lại những đợt tấn công hăm dọa của máy bay Mosquito. Chủ nhật sau khi chúng tôi về là ngày đẹp trời đầu tiên của mùa xuân năm 1945: trong Tiergarten, cây cối đâm chồi nảy lộc, cỏ mọc lên trên những đống đồ nát làm xanh mát những khu vườn. Nhưng chúng tôi có ít cơ hội tận dụng thời tiết đẹp. Khẩu phần ăn uống, kể từ khi mất các lãnh thổ phía Đông, đã rút xuống mức tối thiểu; ngay cả những quán ăn ngon cũng không còn gì mấy. Người ta vét sạch nhân viên các bộ để bổ sung người cho Wehrmacht, nhưng do phần lớn hồ sơ cá nhân đã bị phá hủy và tổ chức kém về các vị trí, phần lớn những người được giải phóng khỏi công việc phải chờ hàng tuần mới được gọi. Ở Kurfürstenstrasse, người ta đã đặt một văn phòng chuyên cung cấp giấy tờ giả của Wehrmacht và các tổ chức khác cho các chức sắc của RSHA bị coi là *thỏa hiệp*. Thomas cho làm nhiều hồ sơ khác nhau và vừa cười vừa cho tôi xem: kỹ sư của Krupp, Hauptmann của Wehrmacht, công chức của bộ Nông nghiệp. Anh muốn tôi cũng làm việc này nhưng tôi cứ lần lữa mãi; thay vào đó, tôi xin làm lại một sổ lương và một tấm thẻ SD để thay thế những gì mà tôi đã hủy hồi còn ở Poméranie. Thịnh thoảng, tôi gặp Eichmann, vẫn lẩn quất quanh quẩn với dáng vẻ rất thảm hại. Ông ta căng thẳng tột độ vì biết rằng nếu bị kẻ thù tóm được, ông ta sẽ tiêu đời, ông ta tự hỏi không biết mình sẽ ra sao. Ông ta đã gửi gia đình đi trú ẩn và muốn đến chỗ họ; một

hôm tôi gặp ông ta trong một hành lang, đang cao giọng tranh cãi, hẳn là về chủ đề đó, với Blobel, người cũng đang đi lang thang không biết làm gì, gần như lúc nào cũng say xỉn, bực bội, điên rồ. Vài ngày trước, Eichmann đã gặp Reichsführer ở Hohenlychen, ông ta đã trở về từ cuộc gặp đó với dáng vẻ rất trầm uất; ông ta mời tôi vào văn phòng uống schnaps và nghe ông ta nói, có vẻ như là ông ta vẫn có biệt nhĩ: với tôi và đối xử với tôi như với một người thân tín, lý do tại sao thì tôi không hề hay biết. Tôi im lặng uống rượu và để mặc cho ông ta giải bày. "Tôi không hiểu, ông ta phàn nàn, tay chỉnh lại cặp kính trên mũi. Reichsführer đã nói với tôi: "Eichmann, nếu phải bắt đầu lại, tôi sẽ tổ chức các trại tập trung theo đúng cách của người Anh." Ông ấy nói với tôi thế đấy. Ông ấy có nói thêm: "Tôi đã phạm một sai lầm trong việc đó." Ông ấy muốn nói gì vậy? Tôi không hiểu. Anh có hiểu được không? Có thể là ông ấy muốn nói rằng hẳn là các trại lẽ ra phải, tôi biết đâu được đấy, trang nhã hơn, đẹp đẽ hơn, lịch sự hơn chẳng." Tôi cũng không hiểu Reichsführer muốn nói gì, nhưng thực sự là tôi không quan tâm. Qua Thomas, người ngay lập tức lao vào những trò chơi phức tạp của mình, tôi biết được rằng Himmler, bị giật dây bởi Schellenberg và tay xoa bóp người Phần Lan Kersten, vẫn tiếp tục có những động thái – nói thật ra là khá lộn xộn – về phía Liên quân Anh-Mỹ: "Schellenberg đã thuyết phục được ông ấy nói: "Tôi bảo vệ ngai vàng. Điều đó không nhất thiết liên quan đến người ngồi trên đó." Quả thực là một tiến bộ lớn," Thomas giải thích cho tôi. – "Chắc chắn rồi. Nói cho tớ đi, Thomas, tại sao cậu ở lại Berlin?" Quân Nga đã dừng lại ở sông Oder, nhưng ai cũng biết rằng đó chỉ là vấn đề thời gian. Thomas mỉm cười: "Schellenberg đã yêu cầu tớ ở lại. Để trông coi Kaltenbrunner và nhất là Müller. Họ đang làm mọi việc rất lộn xộn." Quả thực, tất cả mọi người đều làm mọi việc trở nên rất lộn xộn, đầu tiên là Himmler, rồi Schellenberg và Kammler, kẻ giờ đây đã trực tiếp liên hệ với Führer và không nghe lời Reichsführer nữa; người ta nói rằng Speer đã chạy đến vùng Ruhr và tìm cách, trước sự tiến quân của Mỹ, chống lại các lệnh phá

hủy của Führer. Dân chúng đánh mất toàn bộ hy vọng, và bộ máy tuyên truyền của Goebbels không còn tác dụng gì nữa: để an ủi, nó hứa rằng Führer, *trong sự khôn ngoan vĩ đại của mình*, đã chuẩn bị cho dân tộc Đức một cái chết nhẹ nhàng bằng hơi ngạt trong trường hợp thất bại. Nghe đầy khuyến khích và, như những miếng lưỡi tọc mạch vẫn nói: "Thế nào là một tên hèn nhát? Là kẻ ở Berlin và xin ra ngoài mặt trận." Vào tuần thứ hai của tháng Tư, dàn nhạc Philharmonie biểu diễn buổi cuối cùng. Chương trình thật thảm hại theo đúng sở thích của thời đó – bản aria cuối cùng của Brünnhilde, tất nhiên là có bản *Götterdämmerung*, và cuối cùng là *Giao hưởng lãng mạn* của Bruckner – nhưng tôi vẫn đi xem. Căn phòng lạnh giá vẫn còn nguyên vẹn, những ngọn đèn chùm bật sáng trung, tôi nhìn thấy Speer từ xa, cùng với đô đốc Dönitz trên lô danh dự; ở lối ra, các Hitlerjugend mặc đồng phục cầm giỏ đưa cho khán giả những viên thuốc nang chứa chất xianua: suýt nữa vì bức mình mà tôi đã nuốt luôn một viên tại chỗ. Flaubert, điều này thì tôi chắc, sẽ cười sằng sặc trước chùng đó ngu muội. Những biểu hiện phô trương của sự nhụt chí ấy xen kẽ với những đợt vụt trào của niềm vui lạc quan: cùng ngày diễn ra buổi hòa nhạc lừng danh, Roosevelt chết, và Goebbels, nhằm Truman với Pierre III, ngay ngày hôm sau đã ra lệnh sử dụng mặt hiệu mới, *Sa hậu đã chết*. Những người lính khảng định đã nhìn thấy khuôn mặt của "chú Fritz" trên những đám mây, và người ta hứa hẹn sẽ tổ chức một cuộc phản công mang tính quyết định và chiến thắng để mừng sinh nhật của Führer, ngày 20 tháng Tư. Ít nhất thì Thomas, cho dù không từ bỏ các âm mưu của mình, cũng không bị đánh lạc hướng; anh đã đưa được bố mẹ đến vùng núi Tyrol, gần Innsbruck, trong một vùng chắc chắn sẽ nằm dưới sự kiểm soát của người Mỹ: "Đích thân Kaltenbrunner lo việc đó. Thông qua sở Gestapo Viên." Và, khi tôi tỏ ra hơi ngạc nhiên: "Ông ta rất biết thông cảm, Kaltenbrunner ấy. Ông ta cũng có gia đình nên biết như thế có nghĩa là thế nào." Ngay lập tức Thomas tiếp tục trở lại cuộc sống xã hội cuồng nhiệt của mình và dẫn dắt tôi từ bữa tiệc này sang bữa tiệc khác, nơi tôi uống rượu đến mụ

mị đầu óc trong khi anh phết lác về chuyến phiêu lưu của chúng tôi ở vùng Poméranie cho các quý cô vui nhộn. Những bữa tiệc được tổ chức vào tất cả các tối, gần như là ở khắp nơi, chẳng mấy ai buồn để tâm đến những cuộc không kích của máy bay Mosquito cũng như các mệnh lệnh của bên tuyên truyền. Trên Wilhelmplatz, một boongke đã được biến thành hộp đêm, rất vui vẻ, ở đó có rượu vang, rượu mạnh, xì gà xịn, đồ ăn xa xỉ; thường xuyên có các sĩ quan cao cấp của OKW, SS hoặc RSHA qua lại, hoặc những tay dân sự giàu có và quý tộc, và cũng có cả các nữ minh tinh và những cô gái diêm dúa trên người lúc lỉu đồ trang sức. Gần như tối nào chúng tôi cũng đến *Adlon*, nơi người quản lý, trang trọng và bình thản, mặc áo comlê đuôi tôm đón tiếp chúng tôi rồi đưa vào quán ăn sáng rực và sai bảo những người bồi bàn mặc áo dài hẹp tà phục vụ chúng tôi những khoanh su hào tím trong những chiếc đĩa bạc. Quầy bar dưới hầm lúc nào cũng đông nghẹt, ở đó có các nhà ngoại giao cuối cùng, người Ý, Nhật Bản, Hungari hoặc Pháp. Một tối tôi gặp Mihai, vận đồ màu trắng, với một chiếc sơ mi lụa hoàng yến. "Vẫn ở Berlin cơ à? tôi mỉm cười hỏi. Lâu lắm rồi không gặp anh." Anh ta lao vào ve vãn tôi một cách trắng trợn trước mặt rất nhiều người. Tôi nắm lấy tay anh ta bóp thật mạnh và kéo anh ta sang một bên: "Dừng lại ngay," tôi nghiêng răng. – "Dừng lại cái gì?" anh ta mỉm cười hỏi lại. Nụ cười hóm hỉnh và đầy tính toán đó làm tôi nổi điên. "Tới đây," tôi nói, và kín đáo đẩy anh ta về phía nhà vệ sinh. Đó là một phòng lớn màu trắng lát đá ô vuông, với những bồn rửa và bồn tiểu lớn, sáng rực. Tôi xem các khoang vệ sinh: tất cả đều trống người. Rồi tôi chốt cửa lại. Mihai vừa mỉm cười vừa nhìn tôi, một tay nhét trong túi chiếc veston trắng, đứng cạnh các lavabo có rôbinê lớn bằng đồng thau. Anh ta tiến về phía tôi, trên môi vẫn nở nụ cười tham lam; khi anh ta ngẩng đầu lên để hôn tôi, tôi tháo mũ cát kết và dùng trán húc thật lực vào mặt anh ta. Cái mũi vỡ vụn, máu tóe ra, anh ta hét lên và ngã xuống đất. Tôi bước qua người anh ta, mũ cát kết vẫn cầm trên tay, và đến nhìn mình trong gương: trên trán có vết máu, nhưng cổ còn và bộ quân phục

không bị dây bẩn. Tôi rửa mặt thật kỹ lưỡng rồi đội lại mũ. Trên mặt đất, Mihai lặn lộn vì đau đớn, tay giữ chặt lấy mũi, và khỏ sở rên rĩ: "Tại sao anh lại làm thế?" Tay anh ta quờ đúng mép dưới quần của tôi: tôi né chân ra và nhìn căn phòng: một cái chổi lau nhà dựa vào một góc, trong một cái xô kim loại sáng bóng. Tôi cầm lấy cái chổi, dẫn ngang cán xuống cổ Mihai, và trèo lên ngồi ở trên; mỗi chân đặt một bên cổ anh ta, tôi khẽ khàng lắc lư sang hai bên. Khuôn mặt của Mihai phía dưới đỏ ửng lên, rồi tím sậm lại; quai hàm anh ta run lên bần bật, đôi mắt lồi hẳn ra nhìn tôi vẻ hoảng sợ, móng tay cào lên đôi bốt của tôi; phía sau tôi, hai chân anh ta đập đập xuống nền đá. Anh ta muốn nói nhưng không có âm thanh nào thoát ra từ cái miệng đang thè một cái lưỡi phồng lên đầy bẩn thỉu. Anh ta phọt ra quần với một âm thanh mềm nhũn và mùi cứt tràn ngập phòng; hai chân anh ta đập xuống đất một lần cuối, rồi nằm thẳng đơ. Tôi hạ cán chổi, để nó về chỗ cũ, đá mũi bốt vào má Mihai. Cái đầu mất hết sức sống của anh ta quay trở về đúng chỗ của nó. Tôi xốc nách anh ta kéo vào một khoang vệ sinh, đặt anh ta ngồi lên bồn cầu, để hai chân thật thẳng. Các khoang đều có chốt xoay: dùng lưỡi của con dao nhíp, tôi có thể kéo cửa và thả rơi chốt xuống để làm như cửa bị chốt lại từ bên trong. Một ít máu sót lại trên nền đá; tôi dùng chổi lau đi sạch, rồi rửa nó, dùng khăn mùi soa lau cán, và để nó lại vào trong xô. Cuối cùng tôi đi ra ngoài. Tôi đến chỗ quầy bar uống một cốc; nhiều người ra vào nhà vệ sinh, có vẻ như không ai nhận ra điều gì. Một người quen đến hỏi tôi: "Anh có thấy Mihai ở đâu không?" Tôi nhìn ra xung quanh: "Không, chắc là ở đằng kia." Tôi uống cạn cốc rượu và đến chuyện vãn với Thomas. Khoảng một giờ sáng, xảy ra lộn xộn: người ta đã tìm thấy cái xác. Các nhà ngoại giao hét lên những tiếng kinh hoàng, cảnh sát đến nơi, người ta thẩm vấn chúng tôi, giống như tất cả những người khác tôi nói mình đã không nhìn thấy gì cả. Tôi không nghe gì thêm về câu chuyện đó nữa. Cuối cùng cuộc tấn công của quân Nga cũng bắt đầu: ngày 16 tháng Tư, trong đêm, chúng tấn công các điểm cao ở Seelow, chốt chặn của thành phố. Trời đầy mây, có mưa

nhỏ; tôi bỏ cả ngày rồi một phần đêm chuyển tin tức từ Bendlerstrasse sang Kurfürstenstrasse, một quãng đường ngắn trở nên khó khăn do có các cuộc không kích của máy bay Sturmovik. Khoảng nửa đêm, tôi gặp lại Osnabrugge ở Bendlerstrasse: anh có vẻ chán chường, mệt mỏi. "Họ muốn phá tất cả các cây cầu của thành phố." Anh gần như đã phát khóc. "Ờ thì, tôi nói, nếu kẻ thù tiến công, thì như thế cũng bình thường mà, phải không?" – "Anh không hiểu điều đó có nghĩa là gì đâu! Ở Berlin có chín trăm năm mươi cây cầu. Nếu phá hết chúng, thành phố sẽ chết! Vĩnh viễn. Không còn tiếp tế lương thực, không còn công nghiệp nữa. Tệ hại hơn, tất cả dây điện, tất cả các đường ống nước đều chạy qua những cây cầu đó. Anh có tưởng tượng được không? Những nạn dịch, người ta chết đói trong những đông đồ nát?" Tôi nhún vai: "Thì chúng ta cũng không thể chỉ đơn giản là nộp lại thành phố cho quân Nga được." – "Nhưng đó không phải là một lý do để phá hủy tất cả! Chúng ta có thể lựa chọn, chỉ phá những cây cầu ở các trục đường chính." Anh lau trán. "Dù thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ nói với anh điều này, cứ xử bắn tôi đi nếu muốn, nhưng đây là lần cuối cùng. Khi toàn bộ sự điên rồ này đã chấm dứt, mặc kệ không cần biết sẽ làm việc cho ai, tôi sẽ bắt đầu xây dựng. Họ sẽ phải tái thiết chứ, phải không nào?" – "Hẳn là vậy rồi. Anh vẫn còn có đủ khả năng xây một cây cầu đấy chứ?" – "Hẳn rồi, hẳn rồi," anh vừa nói vừa đi khỏi, đầu lắc lư. Một lúc sau, cũng trong đêm đó, tôi tìm được Thomas ở ngôi nhà Wannsee. Anh không ngủ mà ngồi một mình trong phòng khách, chỉ mặc độc áo sơ mi, và uống rượu. "Sao rồi?" anh hỏi tôi. – "Chúng ta vẫn giữ được cứ điểm Seelow. Nhưng ở phía Nam, xe tăng chúng đã vượt qua Neisse." Anh nhăn mặt: "Phải. Dù sao thì cũng *kaputt* rồi." Tôi bỏ mũ cát kết và áo măng tô ướt sũng và tự rót cho mình một cốc. "Vậy là tất cả đã thực sự chấm dứt rồi phải không?" – "Kết thúc rồi," Thomas xác nhận. – "Lại thất bại nữa?" – "Phải, lại thất bại nữa." – "Rồi sau đó?" – "Sau đó? Rồi sẽ biết. Nước Đức sẽ không bị xóa sổ khỏi bản đồ, dù cho Herr Morgenthau có không thích đi chăng nữa. Liên minh phản

tự nhiên của kẻ thù chúng ta sẽ đứng vững được cho đến khi có chiến thắng, nhưng sau đó thì không đâu. Các cường quốc phương Tây sẽ cần phải có một thành trì chống lại chủ nghĩa Bôn-sê-vich. Tớ cho là sẽ chỉ trong vòng ba năm là tối đa thôi." Tôi vừa uống rượu vừa lắng nghe. "Tớ không nói đến chuyện đó," cuối cùng tôi nói. – "A. Cậu muốn nói đến chúng ta à?" – "Đúng, chúng ta. Sẽ có những món nợ phải thanh toán." – "Tại sao cậu không xoay xở để có giấy tờ?" – "Tớ không biết. Tớ không tin lắm vào chuyện đó. Chúng ta sẽ làm được gì với những thứ giấy đó? Sớm hay muộn chúng cũng sẽ tìm ra chúng ta. Khi đó thì sẽ là sợi dây treo cổ hoặc Xibêri." Thomas xoay xoay cốc nước: "Rõ ràng là sẽ phải biến đi đâu đó một thời gian rồi. Lặn đi cái đã, đợi đến khi tình hình ổn một chút. Sau đó chúng ta sẽ có thể trở lại. Nước Đức mới, dù cho có là như thế nào đi nữa, cũng sẽ cần đến những người có khả năng." – "Đi ư? Đi đâu? Và bằng cách nào?" Anh mỉm cười nhìn tôi: "Cậu tưởng là người ta chưa nghĩ đến việc đó à? Có các chi nhánh, ở Hà Lan, ở Thụy Sĩ, những người sẵn sàng giúp đỡ chúng ta, vì niềm tin hoặc vì có lợi ích. Các chi nhánh tốt nhất nằm ở Ý. Ở Rome. Nhà thờ sẽ không bỏ rơi các con chiên của mình trong cơn hoạn nạn đâu." Anh giơ cốc lên như để chờ cụng và uống. "Schellenberg, cả Wolfie nữa, đều đã nhận được những đảm bảo tốt đẹp. Tất nhiên là không hề dễ dàng. Phần kết của các cuộc chơi đều rất tinh tế." – "Rồi sau đó?" – "Chúng ta sẽ thấy. Nam Mỹ, mặt trời, pampa, cậu không thích à? Hoặc, nếu cậu thích, các kim tự tháp. Người Anh sẽ đi, họ sẽ cần các chuyên gia ở đó." Tôi rót thêm rượu và uống tiếp: "Thế nếu Berlin bị vây chặt? Cậu tính sẽ ra khỏi bằng cách nào? Hay là cậu ở lại?" – "Đúng, tớ ở lại. Kaltenbrunner và Müller luôn khiến bọn tớ lo lắng. Bọn họ không thực sự biết suy nghĩ. Nhưng tớ đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Đến đây xem đi." Anh đưa tôi vào phòng ngủ, mở tủ và rút ra những thứ áo quần mà anh trải lên trên giường: "Nhìn đi." Đó là những bộ quần áo lao động thô ráp bằng vải cứng màu xanh, dây dây vết dầu mỡ. "Nhìn nhân đi." Tôi nhìn: đó là những bộ quần áo Pháp. "Tớ có cả giày, mũ bê-rê, băng đeo tay, tất tạt.

Và giấy tờ. Nhìn này." Anh chìa giấy tờ cho tôi xem: đó là giấy tờ của một nhân công người Pháp thuộc STO. "Tất nhiên là sang đến Pháp thì tớ sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng như vậy đã là đủ đối với bọn Nga rồi. Ngay cả khi gặp phải một tay sĩ quan nói được tiếng Pháp, cũng có ít cơ hội là hắn để ý đến âm sắc của tớ. Lúc nào tớ cũng có thể nói tớ là người Alsace cơ mà." – "Không hề ngốc tẹo nào, tôi nói. Cậu đã tìm được chúng ở đâu thế?" Anh gõ gõ tay lên gờ cái cốc và mỉm cười: "Cậu nghĩ là hiện tại, ở Berlin này, ngày nào người ta cũng đếm số nhân công nước ngoài à? Thêm một hoặc bớt một tên..." Anh uống thêm rượu. "Lẽ ra cậu phải nghĩ đến điều này. Với tiếng Pháp như thế, cậu có thể sang được đến tận Paris." Chúng tôi trở xuống phòng khách. Anh rót thêm cho tôi một cốc và cụng với tôi. "Không phải là không có nguy hiểm, anh vừa cười vừa nói. Nhưng thì có sao nào? Chúng ta đã thoát được khỏi Stalingrad. Chỉ cần khôn ngoan một chút thôi. Cậu có biết là có những tay bên Gestapo tìm kiếm ngôi sao và giấy tờ của bọn Do Thái không?" Anh lại cười. "Họ gặp khó khăn rồi. Trên thị trường không có nhiều loại đó đâu."

Tôi ngủ ít và sáng sớm đã quay lại Bendlerstrasse. Bầu trời đã quang quẻ và khắp nơi đều có những chiếc Sturmovik. Ngày hôm sau, trời còn đẹp hơn, trong đồng cỏ nát, các khu vườn nở hoa. Tôi không gặp Thomas, anh đang bị cuốn vào một câu chuyện giữa Wolff và Kaltenbrunner, tôi cũng không biết rõ nữa, Wolff đã từ Ý sang để bàn về các điều kiện đầu hàng, Kaltenbrunner giận dữ và muốn bắt hoặc treo cổ ông ta, và theo đúng thói thường chuyện được đem ra cho Führer phân xử và ông ta để cho Wolff đi. Khi cuối cùng tôi cũng gặp lại được Thomas, vào đúng ngày các cao điểm Seelow rơi vào tay địch, anh đang rất tức tối, nổi giận bùng bùng với Kaltenbrunner, sự ngu ngốc của ông ta, đầu óc hẹp hòi của ông ta. Bản thân tôi thì hoàn toàn không hiểu Kaltenbrunner đang chơi trò gì, không biết quay ra chống Reichsführer thì được ích lợi gì, và cả việc âm mưu cùng với Bormann, tìm đủ mọi cách để trở thành người thân tín của Führer. Kaltenbrunner không ngốc, hẳn là ông ta phải biết, rõ

hơn bất cứ ai khác, rằng trò chơi đang kết thúc; nhưng thay vì xoay xở để dự liệu cho sau này, ông ta lại mất thời gian cho những cuộc tranh cãi không lợi ích và phù phiếm, một thứ ảo ảnh của chủ nghĩa lảm đến cùng mà không bao giờ ông ta có đủ can đảm đẩy đến kết luận logic, điều này là hiển nhiên đối với những người có biết ông ta. Kaltenbrunner cũng không phải là người duy nhất đánh mất ý thức về chừng mực. Khắp nơi tại Berlin xuất hiện các *Sperrkommando*, những đơn vị đánh chặn thoát thai từ SD và cảnh sát, các *Feldgendarm*, các tổ chức của Đảng, những kẻ thực thi một thứ công lý quá mức cầu thả đối với những người có lý trí mạnh hơn, những người chỉ muốn một điều là sống, thậm chí đôi lúc còn với những người không có gì liên quan đến tất cả các chuyện đó nhưng lại bất hạnh mà ở đây. Những kẻ cuồng tín bé nhỏ của "Leibstandarte" mang những thương binh khỏi các hầm ngầm để hành quyết họ. Khắp nơi, các cựu chiến binh mệt mỏi của Wehrmacht, những tay dân sự mới được động viên, bọn nhóc con mười sáu tuổi mặt xám ngoét trang trí cho các ngọn đèn, cây cối, cầu, đường trên cao của S-Bahn, mọi nơi có thể treo người, và lúc nào cũng cùng với một tấm biển treo ở cổ: TÔI Ở ĐÂY VÌ ĐÃ KHÔNG CÓ LỆNH MÀ RỜI KHỎI VỊ TRÍ CỦA MÌNH. Người Berlin giữ một thái độ nhẫn nhục: "Thay vì bị treo cổ, tôi muốn tin vào chiến thắng." Bản thân tôi cũng gặp nhiều vấn đề với lũ điên rồ đó, bởi vì tôi phải đi lại nhiều, giấy tờ thì cứ bị sấm soi suốt, tôi đành phải dẫn theo một đội lính để bảo vệ. Cùng lúc, tôi lại thấy gần như là thương hại những kẻ say sưa với nỗi kinh hoàng và sự cay đắng đó, bị gặm nhấm bởi một nỗi căm ghét bất lực vì không thể hướng được sang phía kẻ thù, quay sang chống lại những người cùng bên, những con sói lên con điên cắn xé lẫn nhau. Ở Kurfürstenstrasse, một viên Obersturmführer trẻ tuổi của bên *Staatspolizei*, Gersbach, một sáng không đến trình diện; anh ta không có việc gì để làm, thì rõ rồi, nhưng việc này cũng khiến người ta để ý; cảnh sát tìm được anh ta ở nhà, say mèm; Müller đợi đến khi anh ta tỉnh lại để găm một viên đạn vào gáy anh ta trước sự chứng kiến của các sĩ quan tập hợp lại trong sân tòa nhà. Sau

đó, người ta vút xác anh ta ra đường, và một tay lính mới SS, gần như lên cơn động kinh, đã trút hết chỗ đạn trong khẩu tiểu liên của mình vào xác của anh chàng không may mắn đó.

Hiếm khi nào những tin tức mà tôi chuyển nhiều lần trong ngày là tin tốt. Ngày lại ngày, quân Xô viết cứ tiến lên, vào Lichtenberg rồi Pankow, chiếm Weissensee. Những người chạy trốn đi thành từng hàng dài qua thành phố, người ta treo cổ tứ tung nhiều người bị kết tội đào ngũ. Những cuộc pháo kích của Nga giết chết nhiều người hơn nữa: kể từ ngày sinh nhật Führer, chúng đã đặt được thành phố vào trong tầm bắn. Đó là một ngày rất đẹp, một thứ Sáu ấm áp, rạng nắng, mùi hoa lila tràn ngập những khu vườn bỏ không. Đây đó người ta treo những lá cờ chữ thập ngoặc lên đồng đồ nát, hoặc những tấm biển lớn với một sự mỉa mai mà tôi hy vọng là xuất phát từ vô thức, giống như tấm biển trên đồng gạch vữa ở Lützowplatz: **CHÚNG TÔI CẢM ƠN FÜHRER VÌ TẤT CẢ. TIỀN SĨ GOEBBELS**. Nói thật lòng thì không ai còn có đầu óc bình thường nữa cả. Giữa buổi sáng, quân Anh-Mỹ thực hiện một cuộc không kích dữ dội, hơn một nghìn máy bay trong hai giờ, sau đó là những chiếc Mosquito; sau khi chúng đi khỏi, pháo binh Nga liền thế chân. Chắc chắn đó là một màn pháo hoa đẹp mắt nhưng hiếm ai thưởng thức cho nổi, ít nhất là từ bên phía chúng tôi. Goebbels tìm cách tăng khẩu phần lương thực để ăn mừng Führer, nhưng ngay cả điều đó cũng nhanh chóng chấm dứt: đạn pháo giết chết nhiều người dân thường đang xếp hàng; ngày hôm sau, mặc dù trời mưa to, mọi chuyện còn tệ hại hơn, một quả đạn pháo rơi trúng một hàng người đang đứng chờ trước cửa hàng lớn Karstadt, trên Hermannplatz ngập đầy xác người dẫm máu, những mảnh thịt người vung vãi khắp nơi, bọn trẻ con vừa gào thét vừa lay xác mẹ chúng, chính mắt tôi trông thấy. Chủ nhật, mặt trời mùa xuân tỏa rạng rực rỡ, rồi đến những cơn mưa rào, rồi lại mặt trời lấp lánh trên đồng gạch vữa và đồ nát dẫm nước. Những con chim cất tiếng hót; khắp nơi hoa tulip và lila, táo, mận và sori nở tung bùng, và trong Tiergarten là đồ quỳên. Nhưng những mùi hoa tốt

lành đó không thể che lấp đi mùi thối rửa và mùi gạch cháy lơ lửng trên phố. Một làn khói nặng nề đặc quánh che lấp bầu trời; khi trời mưa, làn khói đó còn dày thêm lên, chẹt lấy cổ họng. Trên phố, mặc cho những phát đạn pháo, vẫn có người đi lại: ở các chiến lũy chống xe tăng, bọn trẻ con đội mũ gấp bằng bìa nắp sau các chướng ngại vật mà huơ những cây kiếm gỗ; tôi bắt gặp các bà già đẩy xe nôi chất đầy gạch, rồi, đi ngay qua Tiergarten về phía boongke của Vườn Bách thú, những người lính đang điều một đàn bò cái vừa đi vừa rống. Tối đến, trời lại mưa; và bọn Đỏ, đến lượt mình, ă mừng sinh nhật của Lenin trong một trận mưa đạn pháo điên cuồng.

Các cơ quan lần lượt đóng cửa, nhân viên đi sơ tán. Tướng Reynmann, Kommandant của thành phố, một hôm trước khi bị vây chặt, đã chia cho các chức sắc của NSDAP hai nghìn giấy thông hành để rời khỏi Berlin. Những ai không có may mắn đó vẫn có thể mua được đường thối lui: ở Kurfürstenstrasse, một sĩ quan Gestapo cho tôi biết rằng một bộ giấy tờ hợp lệ đầy đủ có thể trị giá tới 80 000 reichsmark. U-Bahn vẫn hoạt động cho đến ngày 23 tháng Tư, S-Bahn là ngày 25, điện thoại liên tỉnh cho đến ngày 26 (người ta kể là một tên lính Nga đã gọi được cho văn phòng Goebbels từ Siemenstadt). Kaltenbrunner đã sang Áo ngay sau lễ sinh nhật Führer, nhưng Müller ở lại, và tôi tiếp tục làm liên lạc cho ông ta. Thường xuyên nhất tôi đi qua Tiergarten, vì các phố phía Nam Bendlerstrasse, ở bên phía Landwehrkanal, đã bị tắc nghẽn; trong Neue Siegesallee, những vụ nổ lặp đi lặp lại đã làm vỡ tan những bức tượng vua chúa Phổ và Brandenburg, đầu và tay chân cả họ nhà Hohenzollern nằm chỏng chơ trên phố; đêm đến, những mảnh đá hoa trắng sáng lấp lánh trong ánh trăng. Ở OKW, nơi giờ đây Kommandant của thành phố đặt trụ sở (một tay tên là Käther đã thay thế Reynmann, rồi hai ngày sau đó Käther cũng mất chức vào tay Weidling), người ta thường xuyên bắt tôi phải đợi hàng giờ trước khi giao các thông tin không mấy khi hoàn chỉnh. Để tránh tỏ ra làm phiền, tôi cùng tài xế đợi trong xe, dưới một cái mái ô vắng bề tông trong sân, tôi nhìn các

sĩ quan phấn khích và ngơ ngác chạy qua trước mặt, những người lính kiệt sức lê bước chân để không phải trở lại chiến tuyến quá sớm, các Hitlerjugend hâu vịnh quang đến nài xin những khẩu *Panzerfaust*, các *Volkssturm* tuyệt vọng đợi lệnh. Một tối, khi lục túi tìm một điều thuốc, tôi sờ trúng lá thư của Hélène, đã được nhét vào từ lúc ở Hohenlychen và bị bỏ quên từ đó. Tôi xé phong bì và vừa hút thuốc vừa đọc thư. Đó là một lời tuyên bố, ngắn gọn và thẳng thắn: cô không hiểu thái độ của tôi, cô viết, cô không tìm cách để hiểu, cô muốn biết tôi có muốn đến gặp cô không, cô hỏi tôi có muốn lấy cô làm vợ không. Sự trung thực và thẳng thắn của lá thư đó làm tôi chao đảo; nhưng đã quá muộn mất rồi, và tôi ném tờ giấy nhàu nát vào một vũng nước, qua cửa kính mở của xe ô tô.

Gọng kìm siết lại dần. *Adlon* đã đóng cửa; trò giải trí duy nhất của tôi là uống schnaps ở Kurfürstenstrasse, hoặc ở Wannsee cùng Thomas, anh vừa cười thích thú vừa kể lại cho tôi những biến cố mới nhất. Giờ đây Müller đang tìm một con chuột chũi: một điệp viên bên kẻ thù, có vẻ như là rất thân cận với một chức sắc cao cấp của SS. Schellenberg thấy rằng đó là một âm mưu làm hại Himmler, và do vậy Thomas phải theo sát tiến trình vụ việc. Tình hình xuống dốc theo lối kịch hài: *Speer*, đã đánh mất lòng tin của Führer, quay trở lại, luồn lách giữa đám máy bay *Sturmovik* để hạ cánh trên trục Đông-Tây, tìm lại được ân huệ; *Göring*, vì đã quá vội vàng trong việc đẩy nhanh cái chết của người chủ và người thầy của mình, đã bị tước hết mọi chức vụ và bị giam ở Bayern; những người bình tĩnh nhất, von Ribbentrop và bên quân sự, im lìm hoặc sơ tán về phía người Mỹ; vô số ứng cử viên cho sự tự sát đang trau chuốt cho màn diễn cuối của mình. Các nhà quân sự của chúng tôi tiếp tục bắn giết, một trung đoàn lính Pháp thuộc sư đoàn "Charlemagne" tìm được cách lọt vào Berlin vào ngày 24 để bổ sung cho sư đoàn "Nordland", và trung tâm hành chính của Reich gần như chỉ còn nằm dưới sự bảo vệ của những người Phần Lan, người Estonia, người Hà Lan, và vài nhóm người Paris lẻ tẻ. Ở những chỗ khác, người ta vẫn giữ được

bình tĩnh: người ta nói rằng một đại đoàn mạnh đang trên đường đến giải cứu Berlin và đuổi người Nga về bên kia sông Oder, nhưng ở Bendlerstrasse những người trao tin cho tôi vô cùng mơ hồ về vị trí và bước tiến của các sư đoàn, và cuộc tấn công được thông báo từ Werck mãi vẫn không thấy được tiến hành, cũng như cuộc tấn công của các Waffen-SS dưới sự chỉ huy của Steiner, vài ngày trước đó. Về phần mình, nói thật lòng, tôi không thích thú gì với cái thứ: *Götterdämmerung* này, và tôi những muốn được ở chỗ khác, để bình tĩnh suy nghĩ về tình thế của mình. Không phải là tôi sợ chết, các người có thể tin như vậy, dù sao thì tôi có rất ít lý do để sống, nhưng ý nghĩ sẽ bị giết như vậy, gần như là phải tùy thuộc vào tính ngẫu nhiên của các sự kiện, bởi một viên đạn pháo hoặc một phát đạn lạc, làm tôi thấy bức bối vô cùng, tôi những muốn được ngồi xuống mà ngắm nhìn mọi sự chứ không phải là bị dòng nước đen kia cuốn trôi. Nhưng một lựa chọn như thế không được trao cho tôi, tôi phải phục vụ, giống như tất cả mọi người, và bởi vì phải làm như vậy nên tôi sẽ làm một cách quang minh chính đại, tôi nhận và chuyển các thông tin hết sức vô ích đó, những thứ chỉ phục vụ một mục đích duy nhất, giữ tôi ở lại Berlin. Kẻ thù của chúng tôi thì có thêm biết đến những chộn rộn đó đâu, bọn họ chỉ cứ tiến lên thôi.

Kurfürstenstrasse cũng sớm bị sơ tán. Các sĩ quan còn ở lại tản đi các nơi: Müller trú ở hành dinh khẩn cấp của mình, trong hầm mộ Dreifaltigkeitskirche trên Mauerstrasse. Bendlerstrasse đã nằm đúng ở chiến tuyến, công việc liên lạc trở nên phức tạp: để đến được tòa nhà, tôi phải phi xe giữa đồng gạch vừa đến hàng rào Tiergarten, rồi tiếp tục đi bộ, được dẫn lối qua hầm và khu vực đổ nát bởi các *Kellerkind*, bọn trẻ con mồ côi bản thủ biết rõ từng góc ngách. Tiếng ồn của những trận pháo kích giống như một cái gì đó sống động, một đợt xung phong đa hình và không mệt mỏi vào thánh giá; nhưng còn tệ hại hơn khi sự yên ắng mê mông của những đợt nghỉ ập xuống. Từng dải thành phố

bốc cháy, những đám cháy khổng lồ đầy mùi phốt pho ám vào không khí và gây ra những trận bão dữ dội lại càng nuôi dưỡng thêm cho ngọn lửa. Những trận mưa rào ngắn và nặng hạt thỉnh thoảng rập tắt một vài ổ, nhưng chủ yếu là càng làm nặng thêm mùi khét. Vài máy bay vẫn tìm cách đáp xuống trục Đông-Tây; mười hai chiếc Ju-52 chở sĩ quan học nghề của SS bị bắn hạ khi đang lại gần, lần lượt từng chiếc một. Đại đoàn của Wenck, theo các thông tin mà người ta chuyển cho tôi, có vẻ đã tan biến vào không khí ở đâu đó phía Nam Potsdam. Ngày 27 tháng Tư, trời rất lạnh, và sau một trận tấn công của bên Xô v.ết vào Potsdamer Platz, bị "Leibstandarte AH" đẩy lùi, yên tĩnh kéo dài nhiều giờ liền. Khi tôi quay trở lại nhà thờ trên Mauerstrasse để báo cáo cho Müller, người ta nói cho tôi biết là ông ta đang ở trong một khu phụ của Bộ Nội vụ, và tôi phải đi đến đó để gặp. Tôi tìm thấy ông ta trong một gian phòng gần như không có đồ đạc, tường ẩm bở cả ra, cùng với Thomas và khoảng ba chục sĩ quan SD và *Staatspolizei*. Müller bắt chúng tôi đợi nửa giờ nhưng chỉ có thêm năm người nữa đến (ông ta đã triệu tập tổng cộng năm mươi người). Khi đó người ta xếp chúng tôi thành nhiều hàng, đứng im nghe một bài diễn văn ngắn: hôm trước, sau một cuộc thảo luận qua điện thoại với Obergruppenführer Kaltenbrunner, Führer đã quyết định vinh danh RSHA vì sự phục vụ và lòng trung thành không tì vết. Ông ta đã đề nghị trao Huân chương Đức vàng cho mười sĩ quan còn ở lại Berlin đặc biệt nổi bật trong chiến tranh. Danh sách đã được Kaltenbrunner lập; những người không có tên trên đó cũng không phải thất vọng, vinh dự cũng thuộc về họ. Rồi Müller đọc danh sách, đứng đầu là tên ông ta; tôi không ngạc nhiên khi thấy có Thomas; nhưng trước sự kinh ngạc lớn, Müller đọc cả tên tôi, ở trước vị trí cuối cùng. Tôi đã làm gì để được chú ý đến thế? Tôi có ấn ý gì với Kaltenbrunner đâu nhỉ, người lại thì đúng hơn. Thomas nháy mắt với tôi qua gian phòng; chúng tôi tập hợp lại để đi đến phủ thủ tướng. Trong xe, Thomas giải thích vụ đó cho tôi biết: trong số những người còn ở lại Berlin, tôi là một trong những người hiếm hoi, cùng với anh, đã từng phục vụ

ở mặt trận, cái đó có vai trò quan trọng. Chuyển đi đến phủ thủ tướng, dọc theo Wilhelmstrasse, trở nên khó khăn, các đường ống nước vỡ, phố ngập ngụa, những cái xác nổi bồng bềnh và khê dập dòn khi xe chúng tôi đi qua; phải xuống đi bộ, ướt đến tận đầu gối. Müller đưa chúng tôi vào đóng đồ nát của *Auswärtiges Amt*: từ đó, một đường hầm ngầm dẫn đến boongke của Führer. Trong hầm cũng có nước chảy, chúng tôi bị ngập đến mắt cá. Các Waffen-SS của "Leibstandarte" canh lối vào boongke: họ để chúng tôi đi qua, nhưng giữ súng lại. Người ta dẫn chúng tôi đi qua một boongke đầu tiên rồi, theo một cầu thang xoắn tong tong nước, đến boongke thứ hai, còn sâu hơn nữa. Chúng tôi lội bì bõm trong dòng nước chảy từ AA đến, rồi được lệnh ngồi xuống, dọc theo một bức tường, trên những cái ghế học trò bằng gỗ, dưới các bậc thang nước đã làm ướt đầm những tấm thảm đỏ của hành lang lớn. Một viên tướng của Wehrmacht, trước mặt chúng tôi, hét với một người khác mang ngù vai Generaloberst: "Nhưng chúng ta sẽ chết đuối ở đây mất!" Viên Generaloberst tìm cách làm ông ta trấn tĩnh lại và đảm bảo rằng người ta sẽ mang đến một cái bơm. Một mùi nước tiểu khai nồng ngập tràn boongke, trộn lẫn với làn hơi ẩm ướt lưu cữu, mùi mồ hôi, len ướt, mà chất khử mùi xịt vào cũng không sao che lấp đi được. Người ta bắt chúng tôi đợi một lúc; các sĩ quan đi đi lại lại, lội bì bõm trên đồng thảm đầm nước để biến vào một gian phòng khác ở cuối hàng lang hoặc trèo lên cầu thang; căn phòng ồn ã tiếng của một máy phát điện Diesel. Hai sĩ quan trẻ và thanh lịch vừa đi vừa sôi nổi bàn luận; phía sau họ xuất hiện ông bạn của tôi, bác sĩ Hohenegg. Tôi nhảy bật lên đến nắm lấy tay ông, vô cùng phấn khích vì gặp lại ông ở đó. Ông cầm tay tôi và dẫn tôi đến một căn phòng nơi nhiều Waffen-SS đang chơi bài hoặc ngủ trên những cái giường tầng. "Tôi được gửi đến đây làm bác sĩ phụ cho Führer," ông giải thích với tôi, giọng sầm sầm. Cái đầu hơi ẩm mồ hôi của ông sáng lóe lên dưới ngọn đèn vàng vọt. "Sức khỏe ông ấy thế nào?" - "Ồi, không tốt lắm đâu. Nhưng tôi không phải trách ông ấy, người ta giao cho tôi lũ con của ngài bộ trưởng Bộ Tuyên truyền thân mến của chúng ta. Chúng ở trong boongke

đầu tiên ấy," ông vừa nói thêm vừa lấy tay chỉ lên trần. Ông nhìn quanh và hạ giọng nói tiếp: "Hơi mất thời gian đấy: lần nào tôi gặp mẹ chúng một mình, bà ta cũng lấy hết thần thánh trên đời ra mà thề là sẽ cho chúng uống thuốc độc trước khi tự sát luôn. Bọn trẻ con tội nghiệp có biết gì đâu, chúng hay lắm, tôi phải thú nhận là điều đó làm tim tôi tan nát. Nhưng Méphistophélès chân cà nhắc của chúng ta đã quyết lập một đội danh dự để đưa thầy mình xuống địa ngục. Thế lại càng tốt cho ông ấy." – "Đến mức độ đó rồi cơ à?" – "Chắc chắn rồi. Tay béo Bormann không thích ý tưởng đó lắm, đã định bảo ông ấy rời khỏi đây, nhưng ông ấy từ chối. Theo thiên ý của tôi, mọi chuyện sẽ kéo dài không lâu nữa đâu." – "Thế còn ông, bác sĩ thân mến?" tôi mỉm cười hỏi. Tôi thực sự rất mừng vì được gặp lại ông. "Tôi ư? *Carpe diem*, như các *public school boy* người Anh vẫn hay nói ấy. Tối nay chúng tôi tổ chức một bữa tiệc. Trên kia cơ, trong phủ thủ tướng, để không làm phiền ông ấy. Đến đi nếu được. Sẽ có cả đồng nữ đồng trinh cuồng nhiệt sẵn sàng dâng hiến cho một người Đức, dù cho vẻ bên ngoài có là như thế nào đi chăng nữa, thay vì cho một tên Kalmouk bản thủ và hôi hám." Ông lấy tay đập nhiều lần lên cái bụng to tướng: "Ở tuổi tôi thì những món hiến sinh như thế tôi không từ chối đâu. Sau đó," – hai bên lông mày của ông nhướng lên đầy hài hước trên cái đầu mang dáng vẻ một quả trứng – "sau đó ta sẽ xem sao." – "Bác sĩ, tôi trang trọng nói, ông khôn ngoan hơn tôi." – "Tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó, Obersturmbannführer. Nhưng tôi không có được sự may mắn kỳ quái của anh." – "Dù thế nào đi nữa thì ông cứ tin là tôi rất vui vì được gặp lại ông." – "Tôi cũng vậy, tôi cũng vậy!" Chúng tôi đã quay trở lại hành lang. "Đến nhé, nếu anh có thể!" ông nói với tôi trước khi chạy đi trên cặp chân béo năn của mình.

Không lâu sau đó, người ta đưa chúng tôi vào căn phòng cuối hành lang. Chúng tôi tự đẩy những cái bàn chất đầy bản đồ và người ta xếp chúng tôi ngồi dựa lưng vào một bức tường, chân để trên tấm thảm ướt. Hai viên tướng lúc này vừa la hét về chủ đề nước đến đứng trước một cánh cửa đối diện với chúng tôi; trên

một cái bàn, một sĩ quan tùy tùng đang sắp xếp đồng hộp đựng huân chương. Rồi cửa mở và Führer xuất hiện. Tất cả đồng loạt đứng nghiêm, giơ tay lên trời và hô vang câu chào. Hai viên tướng cũng đứng nghiêm. Führer định giơ tay lên chào đáp lễ, nhưng nó run ghê quá. Rồi ông ta tiến lên bằng một bước chân do dự, không đều, bất ổn. Bormann, người bó chặt trong một bộ quân phục màu nâu, đi ra từ căn phòng phía sau ông ta. Tôi chưa bao giờ nhìn Führer từ khoảng cách gần đến thế. Ông ta mặc một bộ quân phục đơn giản màu ghi xám và đội mũ cát kết; mặt ông ta trông vàng vọt, ngơ ngác, phù lên, hai mắt nhìn đăm đăm, vô hồn, rồi bắt đầu nháy lia lịa; một cục nước bọt còn đọng ở khóe miệng ông ta. Khi người ông ta chao đảo Bormann bèn thò cẳng tay lông lá ra đỡ lấy khuỷu tay ông ta. Ông ta dựa vào góc một cái bàn và đọc một bài diễn văn ngắn khá rời rạc trong đó nhắc đến Friedrich Đại đế, vinh quang vĩnh cửu, và Do Thái. Sau đó ông ta đi về phía Müller. Bormann đi theo sát ông ta như một cái bóng; sĩ quan tùy tùng đứng bên cạnh cầm hộp đựng mề đay mở sẵn. Führer chậm rãi cầm lấy một cái, đặt lên túi áo phải của Müller nhưng không ghim lại, bắt tay ông ta và gọi ông ta là "Müller tốt bụng của tôi, Müller trung thành của tôi" và vỗ vỗ vào cánh tay ông ta. Đầu tôi thẳng đơ nhưng qua khóe mắt vẫn quan sát được cảnh tượng. Cùng nghi lễ đó lặp lại ở người tiếp theo: Müller hét to tên anh ta, cấp bậc và công việc, rồi Führer gắn huân chương. Cũng đã đến lượt Thomas. Führer càng tiến lại gần – tôi đứng ở vị trí áp chót – sự chú ý của tôi lại càng tập trung vào cái mũi của ông ta. Tôi chưa bao giờ phát hiện nó lại to và mất cân xứng đến mức độ ấy. Nhìn nghiêng, hàng ria mép nhỏ không khiến người ta chú ý lắm nữa và điều này thì thật rõ: ông ta có một gốc mũi dày và hai cánh dẹt, ở chỏm hơi sứt; rõ ràng đó là một cái mũi Xlavơ hoặc Bohêmiêng, gần theo kiểu Mông Cổ. Tôi không biết tại sao mình lại chú tâm đến chi tiết đó đến vậy, tôi thấy nó gần như là đáng sợ. Führer tiến lại gần và tôi tiếp tục quan sát ông ta. Rồi ông ta đã ở trước mặt tôi. Tôi ngạc nhiên nhìn mũ cát kết của ông ta chỉ cao ngang mắt tôi; mà tôi có cao lớn lắm đâu. Ông ta ấp úng lời khen ngợi và dò

dẫn tìm tấm huân chương. Hơi thở chua nồng hôi thối của ông ta làm tôi điên lên: thực sự là không thể chịu đựng nổi. Tôi bèn cúi người xuống cắn ngập răng vào cái mũi trông giống củ hành của ông ta đến tóe máu.

Giờ đây tôi vẫn không thể nói được cho các người tại sao mình lại làm điều đó: chỉ đơn giản là tôi không sao tự kìm giữ được bản thân. Führer hét lên một tiếng chói tai và nhảy bật về phía sau vào vòng tay Bormann. Mất một lúc không ai động đậy. Rồi nhiều người thò tay ra nhảy xổ vào tôi. Tôi bị đánh, bị vật ra đất; nằm cuộn tròn trên tấm thảm ướt, tôi tìm cách tự vệ hết sức có thể khỏi những cú đập. Người ta la hét, Führer rống lên. Cuối cùng người ta dựng tôi đứng dậy. Mũ cát kết của tôi đã rơi, tôi muốn ít nhất cũng được chỉnh lại cà vạt, nhưng người ta đã nắm chặt lấy tay tôi. Bormann đẩy Führer về phòng ngủ và hét lên: "Bắn hắn đi!" Thomas, phía sau đám đông, im lặng quan sát tôi, dáng vẻ vừa thất vọng vừa mỉa mai. Người ta kéo tôi về phía một cánh cửa ở cuối phòng. Rồi Müller can thiệp bằng cái giọng oang oang cứng rắn: "Đợi đã! Trước đó tôi muốn thăm vấn hắn ta. Mang hắn ta về hầm mộ."

Trevor-Roper, tôi biết rất rõ, không hề thở ra lời nào về chuyện này, Bullock cũng không, không một ai trong số các sử gia chuyên sẫm soi những ngày cuối đời của Führer. Tuy vậy tôi đảm bảo với các người là chuyện đó đã xảy ra. Sự im lặng của những người chép sử về điểm này cũng không hoàn toàn khó hiểu. Müller đã mất tích, bị giết hoặc chạy sang bên Nga vài ngày sau đó; Bormann chắc chắn là đã chết trong lúc tìm cách trốn khỏi Berlin; hai viên tướng, chắc là Krebs và Burgdorf, đều đã tự sát; viên sĩ quan tùy tùng hắn cũng đã chết. Còn về các sĩ quan bên RSHA chứng kiến sự cố đó, tôi không hề biết sau này họ ra sao; nhưng có thể dễ dàng hình dung rằng, căn cứ vào tài liệu sau đó, không ai trong số những người sống sót sau chiến tranh lại muốn phô trương về việc được đích thân Führer gắn huân chương ba ngày trước khi ông ta chết. Vì vậy hoàn toàn có thể là sự cố nhỏ nhặt này đã thoát được khỏi sự chú ý của những người điều tra

(nhưng có thể là còn sót lại một dấu vết nào đó trong kho lưu trữ Xô viết chứ?). Tôi bị lôi lên mặt đất theo một đường cầu thang dẫn lên những khu vườn của phủ thủ tướng. Tòa nhà tuyệt đẹp nằm đó trên đồng đồ nát, bị những quả bom tàn phá, nhưng mùi hoa nhài và mùi huệ thơm ngát tràn ngập không khí dịu mát. Tôi bị đẩy dúi dụi vào một chiếc ô-tô và bị chở đến nhà thờ ngay gần đó; tôi bị mang xuống boongke và bị thẳng tay ném vào một căn phòng bê tông trần trụi và ẩm ướt. Những vũng nước lấp lánh trên mặt đất; tường sùi ra; và sau khi cánh cửa sắt đóng lại tôi chìm vào một bóng tối tuyệt đối, như ở trong tử cung: dù cho mở to mắt đến đâu thì cũng không có tia sáng nào lọt được vào. Tôi ở trong đó hàng giờ như vậy, ướt sũng, lạnh lẽo. Rồi người ta đến tìm tôi. Bị trói vào một cái ghế đẩu, tôi nheo mắt, ánh sáng làm đau mắt tôi; đích thân Müller thẩm vấn tôi; người ta dùng dùi cui đánh tôi vào sườn, vai và tay, Müller cũng tự tay thực hiện việc đánh đập bằng những cú đấm nặng như chì của một tay nông dân. Tôi cố giải thích rằng hành động thô lỗ của tôi không có nghĩa gì cả, rằng tôi không định từ trước, rằng đó chỉ là một khoảnh khắc lãng trí, nhưng Müller không tin, ông ta coi đó là một âm mưu được lên kế hoạch từ lâu, ông ta muốn tôi khai các đồng phạm. Dù cho tôi phản đối đến đâu, ông ta vẫn cứ khẳng khái: Müller, khi đã bắt tay vào việc, rất biết cách tỏ ra cứng đầu. Cuối cùng người ta ném tôi lại vào xà lim, tôi nằm yên trên những vũng nước chờ cho những đau đớn dịu bớt đi. Tôi cũng phải ngủ như vậy, một nửa đầu ngập trong nước. Tôi tỉnh dậy người rét cứng và co rút khắp cơ thể; cửa mở ra, một người khác bị đẩy bắn vào. Tôi chỉ có đủ thời gian nhìn thấy một bộ quân phục sĩ quan SS, không có cả huân chương lẫn phù hiệu. Trong bóng tối, tôi nghe thấy ông ta chải rửa bằng một thứ phương ngữ Bayern: "Chẳng có chỗ nào khô à?" – "Lại gần tường thử xem," tôi lịch sự thì thầm. – "Anh là ai đấy?" giọng ông ta thể hiện một người có học nhưng cố làm ra vẻ thô tục. – "Tôi à? Tôi là Obersturmbannführer Aue ở bên SD. Thế còn ông?" Giọng ông ta bình tĩnh lại: "Xin lỗi, Obersturmbannführer. Tôi là

Gruppenführer Fegelein. Cựu Gruppenführer Fegelein," ông ta nói thêm về mĩa mai thấy rõ. Tôi biết cái tên đó: ông ta đã thay thế Wolff làm sĩ quan liên lạc của Reichsführer ở chỗ Führer: trước đây, ông ta từng chỉ huy một sư đoàn kỵ binh SS ở Nga, ông ta truy quét quân du kích và Do Thái tại vùng đầm lầy Pripet. Ở Reichsführung, người ta nói ông ta nhiều tham vọng, tay chơi, khoác lác, đẹp trai. Tôi thì khuỷu tay nhô lên: "Điều gì dẫn ông tới đây, Herr cựu Gruppenführer?" – "Ồ, có chuyện hiểu nhầm ấy mà. Tôi đã uống một chút và đang ở nhà cùng với một con bé; bọn cuồng ở boongke lại tưởng là tôi định đào ngũ. Lại là một trò hề của lão Bormann, tôi cá đấy. Ở đó bọn họ điên hết cả rồi; những câu chuyện liên quan đến Walhalla của họ, chẳng có nghĩa lý gì với tôi, cảm ơn. Nhưng mọi chuyện sẽ ổn thôi, em vợ tôi sẽ thu xếp." Tôi không biết ông ta muốn nói gì, nhưng im lặng. Mãi sau này khi đọc sách của Trevor-Roper tôi mới hiểu: Fegelein đã lấy chị gái của Eva Braun mà vào thời đó, cũng như hầu khắp mọi người, tôi không hề biết đến sự tồn tại. Đám cưới đầy tính chất ngoại giao đó, than ôi, không giúp gì được nhiều cho ông ta: Fegelein, mặc cho quan hệ thông gia, về quyền rũ và tài ăn nói, ngay tối hôm sau đã bị xử tử trong khu vườn phủ thủ tướng (cả việc đó mãi sau này tôi cũng mới biết). "Thế còn anh, Obersturmbannführer?" Fegelein hỏi. Tôi bèn kể lại chuyến phiêu lưu tồi tệ của mình. "A! ông ta kêu lên. Ranh đấy. Chính vì thế mà bọn họ trở nên khó tính thế. Tôi cứ nghĩ tay Müller đó sẽ vật đầu tôi đấy, đồ thô lỗ." – "A, ông ta cũng đánh ông à?" – "Đúng. Ông ta lại còn tưởng tượng ra rằng con bé ở chỗ tôi là một điệp viên người Anh. Tôi không biết ông ta bị làm sao nữa." – "Đúng đấy," tôi nói và nhớ lại những lời của Thomas: "Gruppenführer Müller đang tìm kiếm một điệp viên, một con chuột chũi." – "Có thể lắm, ông ta lắm bả. Nhưng tôi thì có liên quan gì đâu." – "Xin lỗi, tôi ngắt lời, ông có biết là mấy giờ rồi không?" – "Không chính xác lắm đâu. Chắc là nửa đêm hoặc một giờ." – "Thế thì tốt hơn hết là chúng ta đi ngủ," tôi vui vẻ đề nghị. – "Tôi thích được nằm trên giường hơn," Fegelein cầu nhàu. – "Tôi rất hiểu ông." Tôi nằm lăn ra đất cạnh chân tường và thiếp

đi; hông tôi vẫn ở trong nước, nhưng vẫn còn tốt hơn nếu đó là cái đầu. Giấc ngủ êm ái và tôi có những giấc mơ dễ chịu; tôi nuối tiếc khi tỉnh dậy, nhưng đang có người đá vào bên sườn tôi. "Đứng lên!" một giọng nạt. Tôi nặng nề đứng dậy. Fegelein đang ngồi gần cửa, hai tay quàng quanh đầu gối; khi tôi đi ra, ông ta dùng tay ra hiệu và rút rè mỉm cười với tôi. Người ta dẫn tôi vào nhà thờ: hai người vận thường phục đang chờ sẵn, mấy tay cảnh sát, một trong số họ cầm một khẩu súng ngắn; ở đó còn có cả các SS mặc quân phục. Viên sĩ quan cầm súng nắm lấy tay tôi, kéo tôi ra phố và đẩy lên một chiếc Opel; những người khác cũng lên xe. "Chúng ta đi đâu?" tôi hỏi viên cảnh sát đang giở nòng súng vào sườn tôi. "Câm miệng!" hắn ta rống lên. Xe nổ máy, đi vào Mauerstrasse, đi thêm khoảng một trăm mét; tôi nghe thấy một âm thanh rít lên; một cú nổ lớn hất tung xe lên và lật nghiêng nó sang một bên. Viên cảnh sát ở dưới tôi nổ súng, tôi nghĩ vậy: tôi còn nhớ là có cảm giác viên đạn của hắn ta giết chết một trong những người ngồi trên. Viên cảnh sát còn lại, người đầm đìa máu, rơi xuống người tôi rồi nằm thẳng cứng. Chân tay khua loạn xạ, tôi chui được ra khỏi chiếc xe lật nghiêng bằng cửa kính sau, bị cửa một chút vào người trong khi bò. Những viên đạn pháo khác rơi xuống gần sát và làm tung lên những chùm gạch và đất. Tai tôi ù đặc, ong ong. Tôi nằm sấp xuống vỉa hè và ở yên đó một lúc, đầy cảnh giác. Viên cảnh sát chui ra sau tôi và nặng nề lăn vào chân tôi. Tôi lần tìm một cục gạch và táng lên đầu hắn ta. Chúng tôi cùng nhau lăn vào đồng cỏ nát, người phủ đầy bụi gạch đỏ và bùn; tôi dùng hết sức để đánh hắn, nhưng hạ gục một gã đàn ông bằng gạch là không dễ dàng, nhất là khi gạch đã bị cháy. Đến nhát đập thứ ba hoặc thứ tư, viên gạch vỡ tan ra trong tay tôi. Tôi bèn đi tìm một viên khác, hoặc một hòn đá, nhưng gã đàn ông đã ập lên người tôi và định bóp cổ tôi. Hắn ta đảo cặp mắt của kẻ điên phía trên tôi, máu chảy ra từ trán hắn vạch thành những vết bẩn trên thứ bụi đỏ phủ đầy trên mặt. Cuối cùng tay tôi cũng tìm được một mảnh đá lót đường và táng vòng lên phía trên. Hắn gục xuống người tôi. Tôi đẩy hắn ra và tiếp tục đập cho đến khi hộp sọ của hắn vỡ tan, bắn óc bên trong

ra trộn lẫn với bụi và tóc. Rồi tôi đứng dậy, vẫn còn choáng váng. Tôi đưa mắt tìm khẩu súng của hắn nhưng chắc nó vẫn nằm trong xe, giờ đây vẫn nằm chổng ngược, một bánh vẫn còn quay. Ba gã còn lại chắc đã chết ở trong xe. Lúc này đạn pháo đã ngừng rơi. Tôi nặng nề chạy vào phố Mauerstrasse.

Tôi phải tìm chỗ trốn. Quanh tôi chỉ có các bộ hoặc những tòa nhà hành chính, gần như tất cả đều đổ nát. Tôi quay lại Leipzigerstrasse và bước vào sảnh một khu chung cư. Những bàn chân để trần hoặc đi tất lơ lửng trước mặt tôi, chậm chậm quay cuồng. Tôi ngẩng đầu lên: nhiều người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em, bị treo lơ lửng vào hàng lan can cầu thang, tay đung đưa. Tôi tìm được lối vào hầm và mở ra: mùi rửa, mùi cứt đái và đồ nôn mửa xộc thẳng vào mũi tôi, căn hầm ngập nước và xác người trương phềnh. Tôi khép cửa lại và tìm cách trèo lên tầng: sau bậc thềm thứ nhất, cầu thang dẫn thẳng vào khoảng không. Tôi lại đi xuống, vòng tránh những người bị treo ở đó và ra ngoài. Trời bắt đầu mưa nhẹ, những tiếng nổ vang lên tứ phía. Trước mặt tôi mở ra một lối xuống tàu điện ngầm, bến Stadtmitte, trên đường C. Tôi chạy ào xuống cầu thang. Tôi đi qua những cánh cửa và tiếp tục đi xuống bóng tối, tay lần mò theo tường để tìm lối. Đá lát ẩm ướt, nước rỉ từ trần xuống và chảy dọc theo mái vòm. Từ ke tàu vẳng lên những giọng nói âm âm. Khắp nơi la liệt người, tôi không thể biết họ đã chết, đang ngủ hay chỉ đơn giản là đang nằm, tôi vấp chân lên đó, nhiều người la hét, bọn trẻ con khóc hoặc rên rỉ. Một toa tàu với những ô kính vỡ, được chiếu sáng bởi những ngọn nến lay động, đang đậu ở ke: bên trong, các Waffen-SS đeo phù hiệu Pháp đang đứng nghiêm thành hàng, và một viên Brigadeführer cao lớn vận măng tô da màu đen quay lưng về phía tôi đang trang trọng gắn huân chương cho họ. Tôi không muốn làm phiền họ, tôi nhẹ nhàng lướt qua bên cạnh rồi nhảy xuống đường tàu, chân hạ xuống một lần nước lạnh ngắt ngập đến cổ chân. Tôi muốn đi về phía Bắc, nhưng mù tịt phương hướng; tôi cố nhớ hướng tuyến tàu, thời còn hay đi đường này, nhưng thậm chí tôi còn không biết mình đã xuống đoạn ke nào,

tất cả đều rồi tinh rồi mù. Trong hầm chỉ có một chút ánh sáng bên cạnh: tôi đi theo đó, nặng nề tiến lên, chân ngập trong làn nước che giấu đường sắt ở dưới, vấp phải những thứ chướng ngại vật vô hình. Ở đầu đường hầm xếp hàng nhiều đoàn tàu, chúng cũng được nén chiếu sáng, một bệnh viện dã chiến, đầy áp người bị thương la hét, chửi rửa, rên rỉ. Tôi đi qua những toa tàu đó mà không bị ai để ý và tiếp tục dò dẫm, chống tay vào tường để lần đi. Nước dâng lên, đã đến ngang bắp chân. Tôi dừng lại và thọc tay xuống: có vẻ như nó đang chậm rãi chảy về phía tôi. Tôi tiếp tục đi. Một cái xác nổi lên phềnh va vào chân tôi. Tôi chỉ hơi cảm nhận được hai bàn chân cứng lại vì lạnh của mình. Phía trước le lói một chút ánh sáng, tôi thoáng nghe thấy những tiếng động khác với tiếng nước ì oạp. Cuối cùng tôi đến được một bến được chiếu sáng bởi một ngọn nến duy nhất. Giờ đây nước đã ngập đến đầu gối. Cả ở đó cũng có người. Tôi lên tiếng gọi: "Làm ơn cho hỏi đây là ga gì thế?" – "Kochstrasse," người ta thân ái trả lời. Tôi đã đi nhầm hướng, tôi đang tiến về phía chiến tuyến của Nga. Tôi trở ngược lại và lần theo đường hầm về phía Stadtmitte. Trước mặt tôi lại hiện ra ánh sáng của đoàn tàu-bệnh viện. Trên đường ray, bên cạnh toa cuối cùng, xuất hiện hai bóng người, một khá cao, một thấp hơn. Một ngọn đèn pin bật lên làm chói mắt tôi; trong khi tôi lấy tay che mắt, một giọng nói quen thuộc cất tiếng cầu nhàu: "Xin chào, Aue. Khỏe không?" – "Mày đến đúng chỗ đấy, giọng nói thứ hai mảnh hơn cất lên. Đúng lúc bọn tao đang đi tìm đây." Đó là Clemens và Weser. Một ngọn đèn pin thứ hai bật lên và chúng tiến lại gần; tôi lộ bì bõm lùi lại. "Bọn tao muốn nói chuyện với mày, Clemens nói. Về chuyện mẹ mày." – "A, meine Herren! tôi kêu lên. Các anh nghĩ đây là thời điểm thích hợp à?" – "Lúc nào cũng là thời điểm thích hợp để nói những việc quan trọng," cái giọng hơi rấp và sắc của Weser vang lên. Tôi tiếp tục lùi lại, nhưng lưng đã dựa vào vách tường; một đợt nước lạnh trào qua bê tông làm hai vai tôi lạnh giá. "Các anh còn muốn gì ở tôi nữa? tôi gào lên. Hồ sơ của tôi đã được khép lại từ lâu rồi cơ mà!" – "Đó là quyết định của bọn thẩm phán ăn của đút, bất

luong," Clemens đáp. – "Cho đến lúc này mày vẫn thoát được nhờ đủ thứ mưu mô, Weser nói. Giờ thì kết thúc rồi." – "Các anh không nghĩ là Reichsführer hoặc Obergruppenführer Breithaupt mới là những người có thẩm quyền phán xét việc đó à?" Breithaupt là người đứng đầu *SS-Gericht*. – "Breithaupt đã chết cách đây mấy ngày vì tai nạn ô tô rồi, Clemens lơ đãng nói. Còn Reichsführer thì ở xa lắm." – "Không, Weser nói thêm, giờ đây chỉ còn lại mày và bọn tao thôi." – "Nhưng các anh muốn gì mới được chứ?" – "Bọn tao muốn công lý," Clemens lạnh lùng nói. Chúng đã tiến lại gần và vây lấy tôi, đèn pin chĩa thẳng vào mặt tôi; tôi cũng đã nhận ra là trên tay chúng cầm những khẩu súng tự động.

"Nghe này, tôi lúng búng, tất cả chuyện này là một sự hiểu lầm to lớn. Tôi vô tội." – "Vô tội? Weser thẳng thừng ngắt lời tôi. Chúng ta sẽ xem xét điều đó." – "Bọn tao sẽ kể chuyện đã xảy ra như thế nào," Clemens bắt đầu. Luồng ánh sáng mạnh của hai ngọn đèn pin làm tôi quáng mắt, giọng nói oang oang của hắn như thể phát ra từ luồng sáng sống sượng đó. "Mày đã đi tàu đêm từ Paris đến Marseille. Ở Marseille, ngày 26 tháng Tư, mày đã xin một tờ giấy thông hành để đi vào vùng do người Ý kiểm soát. Hôm sau, mày đến Antibes. Tại đó, mày về nhà và người ta đã đón tiếp mày như một thằng con trai, như một thằng con trai thực thụ. Tối đến, mày ăn tối cùng họ và sau đó, mày đi ngủ trong một phòng ngủ trên tầng, cạnh phòng bọn trẻ sinh đôi, đối diện phòng ngủ của Herr Moreau và mẹ mày. Sau đó là đến ngày 28." – "Kìa, Weser ngắt lời. Hôm nay lại đúng là ngày 28 tháng Tư đấy. Trùng hợp gớm nhỉ." – "Meine Herren, tôi nói, đã bạo dạn lên một chút, các anh điên rồi." – "Im ngay, Clemens chặn họng. Tao tiếp tục. Ban ngày thì không rõ là mày đã làm những gì. Bọn tao biết là mày đã bỏ củi, mày đã để rìu lại trong bếp thay vì đem cất ở kho củi. Rồi mày vào thành phố đi dạo và mua vé. Mày đã mặc đồ dân sự, không ai nhận ra mày. Sau đó mày quay về nhà." Đến lượt Weser lên tiếng: "Sau đó, có những điều mà bọn tao không chắc lắm. Có thể là mày đã nói chuyện với Herr Moreau, với mẹ mày. Có thể là đã nổ ra cãi cọ. Bọn tao không chắc lắm.

Bọn tao cũng không chắc về giờ giấc. Nhưng bọn tao biết rằng mày đã ở một mình với Herr Moreau. Rồi mày lấy rìu trong bếp, nơi mày đã để nó lại, và mày quay lại phòng khách và giết chết ông ấy.” – “Thậm chí bọn tao rất muốn tin mày đã không nghĩ gì khi để rìu lại đó, Clemens nói tiếp, mày chỉ tình cờ mà để rìu ở đó, mày không dự tính trước việc ấy, chuyện chỉ cứ thế xảy ra thôi. Nhưng khi đã bắt tay vào việc thì mày đã không nương tay.” Weser tiếp tục: “Cái đó thì chắc chắn. Chắc là ông ấy bị bất ngờ khi bị mày lấy rìu bổ vào ngực. Nó đã cắm phập vào đó với tiếng xẻ gỗ và ông ấy ngã xuống, kêu ùng ục, miệng đầy máu, kéo theo cái rìu rơi xuống. Mày đã chống chân vào vai ông ấy để làm chỗ tựa nhờ rìu ra và tiếp tục bổ xuống, nhưng mày đã tính toán không chuẩn và cái rìu bị nảy lên, chỉ làm gãy vài cái xương sườn. Thế là mày bèn lùi lại, mày nhằm kỹ hơn, và đã bổ rìu xuống cổ họng ông ấy. Lưỡi rìu đã chạy qua yết hầu và mày nghe thấy tiếng gãy khi nó chặt đứt xương sống ông ấy. Ông ấy giật nảy lên lần cuối cùng và nôn ra một dòng máu đen, lên khắp người mày, từ cổ ông ấy cũng trào máu ra và khắp người mày bị dính bẩn, và rồi trước mặt mày ông ấy nhắm mắt lại và máu chảy ra tràn trề từ cái cổ bị xẻ đôi, mày nhìn mắt ông ấy chết đi như mắt một con cừu bị người ta cắt cổ trên đồng cỏ.” – “Meine Herren, tôi phản ứng mạnh, các anh điên thật rồi.” Clemens nói tiếp: “Bọn tao không biết hai thằng bé sinh đôi có nhìn thấy cảnh đó hay không. Dù sao thì chúng cũng đã nhìn thấy mày lên gác. Mày đã để cái xác và rìu lại và đi lên tầng, người đầy máu.” – Bọn tao không biết tại sao mày không giết chúng, Weser nói. Mày có thể làm được, và làm một cách dễ dàng. Nhưng mày đã không làm. Có thể là mày không muốn, có thể là mày đã muốn, nhưng quá muộn, và chúng đã trốn mất. Có thể là mày đã muốn rồi thay đổi ý định. Có thể mày đã biết rằng đó là con của em gái mày.” – “Bọn tao đã qua nhà bà ấy, ở Poméranie, Clemens cầu nhàu. Bọn tao đã tìm được những bức thư, giấy tờ. Có những thứ rất thú vị, trong đó có giấy tờ của bọn nhóc. Nhưng bọn tao đã biết đó là kẻ nào rồi.” Tôi phá lên cười điên loạn: “Tôi đã ở đó, các anh biết không. Tôi ở trong rừng, tôi đã

nhìn thấy các anh.” – “Nói thật lòng, Weser thản nhiên tiếp tục, bọn tao đã nghi ngờ điều đó. Nhưng bọn tao không muốn quá cố gắng. Bọn tao tự nhủ là một ngày nào đó sẽ tìm thấy mày. Và mày thấy không, quả thực là bọn tao đã tìm được mày.” – “Tiếp tục câu chuyện nhé, Clemens nói. Mày đã lên gác, người đầy máu. Mẹ mày đang đứng đợi, hoặc ở đầu cầu thang, hoặc trước cửa phòng ngủ của bà ấy. Bà ấy mặc áo ngủ, bà mẹ già của mày ấy. Bà ấy nhìn thẳng vào mắt mày mà nói. Bọn tao không biết bà ấy đã nói gì. Lũ nhóc đã nghe được tất cả, nhưng không chịu kể lại. Chắc là bà ấy đã nhắc chuyện mang mày trong bụng thế nào, rồi cho mày bú mớm, bà ấy đã chùi dít và tắm rửa cho mày như thế nào trong khi bố mày chuồn đầu mất có Chúa mới biết. Có thể là bà ấy đã vạch cho mày xem vú.” – “Ít có khả năng đó lắm, tôi khắc ra với một nụ cười nhếch mép mỉa mai. Tôi bị dị ứng với sữa của bà ấy, tôi chưa bao giờ bú.” – “Thật là đáng tiếc, Clemens nói tiếp không nhướng mày. Có thể bà ấy đã vuốt cằm, vuốt má mày, gọi mày là con bà ấy. Nhưng mày không thấy cảm động: mày nợ bà ấy tình yêu, nhưng mày chỉ nghĩ đến hận thù. Mày đã nhắm mắt lại để không phải nhìn thấy mắt bà ấy và mày đã tóm lấy cổ bà ấy mà bóp.” – “Các anh điên rồi! tôi hét lên. Các anh bịa chuyện linh tinh cả!” – “Không đến mức đó đâu, Weser ranh mãnh nói. Tất nhiên đó là dừng lại thôi. Nhưng rất phù hợp với các sự kiện.” – “Sau đó, Clemens tiếp tục bằng cái giọng trầm trầm bình tĩnh, mày đã vào phòng tắm cởi quần áo. Mày đã ném quần áo vào bồn tắm, mày tắm rửa, lau sạch máu, rồi trần truồng mà quay trở lại phòng ngủ.” – “Đến đây thì bọn tao không thể nói gì nữa, Weser bình luận. Có thể mày đã có những hành động dâm ô, có thể mày chỉ ngủ thôi. Sáng ra, mày tỉnh dậy, mặc quần phục, rồi đi khỏi. Mày đã đi xe bus, rồi tàu hỏa, mày về Paris rồi Berlin. Ngày 30 tháng Tư, mày gửi một bức điện cho em gái. Bà ấy đã đến Antibes, chôn mẹ và bố dượng, rồi đi khỏi đó rất nhanh, cùng với bọn nhóc. Có thể bà ấy đã đoán ra.” – “Nghe này, tôi áp úng, các anh mất trí hẩn rồi. Các thẩm phán nói rằng các anh không có bằng chứng nào. Tại sao tôi lại làm tất cả những chuyện đó? Động cơ là gì? Lúc nào cũng phải có một động

cơ chứ.” – “Bọn tao không biết, Weser bình tĩnh nói. Nhưng trên thực tế bọn tao không quan tâm đâu. Có thể mày muốn lấy tiền của Moreau. Có thể mày là một thằng bệnh hoạn tình dục. Có thể vết thương đã làm đầu óc mày bán loạn. Có thể đó chỉ là một nỗi hận thù dai dẳng trong gia đình, như người ta vẫn thấy khắp nơi, và mày đã muốn lợi dụng chiến tranh để thanh toán nợ nần một cách kín đáo, nghĩ rằng giữa từng ấy người chết chẳng ai buồn để tâm đến chuyện đó. Có thể là chỉ đơn giản là mày đã phát điên.” – “Nhưng rốt cuộc thì các anh tìm kiếm điều gì mới được chứ?” tôi lại gào lên. – “Bọn tao đã nói rồi đấy, Clemens thì thầm: bọn tao muốn có công lý.” – “Thành phố đang bốc cháy! tôi kêu lên. Không có tòa án đâu! Tất cả các phẩm phán đều đã chết hoặc đi rồi. Các anh muốn xét xử tôi như thế nào đây?” – “Bọn tao đã xử xong rồi, Weser hạ giọng thấp tới mức tôi nghe được cả tiếng nước chảy. Bọn tao đã xử là mày có tội.” – “Các anh? tôi cười khẩy. Các anh là cảnh sát. Các anh không có quyền xét xử.” – “Nhìn vào tình hình hiện tại, cái giọng oang oang của Clemens vang lên, bọn tao đã tự giao cho mình quyền đó.” – “Thế thì, tôi buồn bã nói, ngay cả khi có lý, các anh cũng không hơn gì tôi cả đâu.”

Đúng lúc đó, tôi nghe thấy tiếng ồn ã từ phía Kochstrasse. Người ta hét lên, chạy hùng hục trong tiếng nước vỗ mạnh. Một người chạy qua hét: “Bọn Nga! Bọn Nga trong đường hầm!” – “Mẹ kiếp,” Clemens rúc lên. Hắn ta và Weser chiếu đèn về phía ga tàu; những người lính Đức đang đổ dồn về, vãi đạn tứ tung; ở cuối hầm có thể nhìn thấy đốm lửa khạc ra từ miệng những khẩu súng máy, đạn rít lên, va vào vách tường hoặc chui xuống nước với tiếng loạch xoạch mềm oặt. Người ta la hét, ngã xuống nước. Clemens và Weser nhìn theo ánh đèn pin ung dung bắn từng phát về phía kẻ thù. Cả đường hầm tràn ngập tiếng la hét, tiếng súng, tiếng nước vỗ. Trước mặt, những khẩu súng máy đáp lời bằng từng tràng đạn. Clemens và Weser muốn tắt đèn đi; chính lúc đó, trong một lóe sáng ngắn ngủi, tôi nhìn thấy Weser dính một viên đạn vào dưới cằm, bật ngửa lên rồi ngã vật về phía sau, đổ ầm xuống nước. Clemens rống lên: “Weser! Mẹ kiếp!” Nhưng

đèn pin của hắn đã tắt và, cố nín hơi, tôi lặn xuống nước. Vừa bơi vừa lần theo các thanh ray, tôi tiến về phía các toa tàu bệnh viện. Khi thò đầu lên khỏi mặt nước những viên đạn rít lên xung quanh tôi, các bệnh nhân đang hét lên vì sợ hãi, tôi nghe thấy những tiếng người nói tiếng Pháp, những mệnh lệnh ngắn ngủi. “Các anh đừng bắn!” tôi hét lên bằng tiếng Pháp. Một bàn tay nắm lấy cổ tôi lôi xềnh xệch về phía ke tàu, người rờ nước tong tong. “Người Pháp à?” một giọng nhạo báng vang lên. Tôi thở khó nhọc, ho sù sụ, tôi đã uống mấy ngụm nước. “Không, không, người Đức,” tôi nói. Gã đàn ông bắn một loạt đạn ngay sát đầu tôi, làm tai tôi điếc đặc đúng vào lúc giọng Clemens cất lên: “Aue! Đồ khốn kiếp! Tao sẽ bắt được mày!” Tôi nhੌm người trèo lên ke, và, dùng tay rẽ lấy một lối đi giữa đám đông hoảng sợ, chạy đến cầu thang và lao lên từng bốn bậc một.

Phố vắng hoe, trừ ba lính SS người nước ngoài đang chạy vội về phía Zimmerstrasse với một khẩu súng máy nặng và mấy khẩu *Panzerfaust*, không để ý gì đến tôi cũng như đám thường dân khác đang đổ ra từ miệng bến U-Bahn. Tôi chạy theo hướng ngược lại, đi ngược lên Friedrichstrasse về phía Bắc, giữa những tòa nhà cháy, xác người, xe cộ bị phá hủy. Tôi đến được Unter den Linden. Một suối nước lớn chảy ra từ một đường dẫn nước vỡ tưới dẫm lên đồng xác người và gạch vữa. Ngay ở góc đường có hai ông già râu rìa lờ mờ đang bước đi, không có vẻ quan tâm gì đến tiếng nổ của những viên đạn mocochie và pháo hạng nặng. Một trong hai người đeo băng tay dành cho người mù, còn người kia dẫn đường. “Các ông đi đâu đấy?” tôi vừa thở hổn hển vừa hỏi. – “Chúng tôi không biết,” người mù trả lời. – “Các ông từ đâu đến?” tôi hỏi tiếp. – “Chúng tôi cũng không biết.” Họ ngồi xuống một cái hòm giữa đồng gạch vữa đổ nát. Ông già mù dựa vào cây gậy. Người kia nhìn xung quanh với vẻ sợ hãi, kéo kéo tay áo ông bạn. Tôi quay lưng bỏ đi. Hút tầm mắt nhìn, cả đại lộ đều hoang vắng. Đối diện là tòa nhà đặt văn phòng của tiến sĩ Mandelbrod và Herr Leland. Nó đã dính nhiều phát đạn nhưng có vẻ chưa bị phá hủy. Một cánh cửa treo lủng lẳng trên bản lề, tôi dùng vai

hích nó ra và bước vào sảnh, ngập ngựa các tảng đá hoa và đường chỉ tường rơi xuống. Chắc là đã có lính đến chốt ở đây: tôi nhìn thấy dấu vết của những đồng lửa, những vỏ đồ hộp trống trơn, phân người gần như đã cứng lại. Nhưng trong sảnh không có ai. Tôi đẩy cánh cửa dẫn vào cầu thang phụ và chạy lên trên. Ở tầng trên cùng, cầu thang nối vào một hành lang dẫn đến phòng tiếp tân đẹp đẽ nằm ngay trước văn phòng của Mandelbrod. Hai trong số các nữ chiến binh Amazon đang ngồi đó, một trên divăng, người kia trong một chiếc phôi tơ, đầu ngoẹo sang một bên hoặc ngửa về phía sau, mắt mở to, một dòng máu mảnh chảy ra từ thái dương và khước miệng; trên tay mỗi người có một khẩu súng tự động bóng khảm xà cừ. Cô gái thứ ba nằm vắt ngang cái cửa hai cánh lót đệm. Cứng người lại vì sợ, tôi đến gần họ để nhìn rõ hơn, gí sát mặt vào mặt họ nhưng không chạm vào. Họ ăn vận rất kỹ lưỡng, tóc chải hất ra phía sau, thứ sơn trong suốt làm đôi môi căng mọng của họ sáng bóng lên, mascara vẫn còn vẽ một đường viền dài những hàng mi quanh đôi mắt trống rỗng, móng tay họ, đặt trên bóng súng, được cắt tỉa và bôi sơn cẩn thận. Không một hơi thở nào làm động dậy lồng ngực dưới lớp quần áo của họ. Dù cho có dò xét thật kỹ những khuôn mặt xinh đẹp kia, tôi cũng không sao phân biệt được họ, ai là Hilde, là Helga hay Hedwig; tuy vậy họ không phải chị em sinh ba. Tôi bước qua cái xác chắn cửa và bước vào văn phòng. Ba cô gái khác nằm chết trên sofa và thảm lót sàn; Mandelbrod và Leland ở cuối phòng, trước cửa kính lớn đã vỡ, gần một núi vali và hòm xiềng bằng da. Bên ngoài, sau lưng họ, một đám cháy bốc lên, họ không buồn quan tâm đến những đụn khói đang tràn vào phòng. Tôi đi đến chỗ họ, nhìn đồng hành lý, và hỏi: “Các ông định đi du lịch à?” Mandelbrod, đang vuốt ve một con mèo nằm trên đầu gối, mỉm cười nhẹ trong đồng mờ che lấp hết các đường nét. “Chính xác, ông ta cất cái giọng du dương lên. Cậu có muốn đi cùng chúng tôi không?” Tôi đếm đồng rương và vali: “Mười chín, tôi nói, nhiều thật. Các ông đi xa à?” – “Trước tiên là Matxcova, Mandelbrod nói. Sau đó sẽ tính tiếp.” Leland, vận một cái áo gió

dài màu xanh lục, đang ngồi trên một ghế đẩu bên cạnh Mandelbrod; ông ta hút một điếu thuốc lá, một cái gạt tàn thủy tinh đặt trên đầu gối; ông ta im lặng nhìn tôi. "Tôi hiểu rồi, tôi nói. Thế các ông thực sự nghĩ là có thể mang tất cả đi à?" – "Ồ, tất nhiên rồi, Mandelbrod mỉm cười. Dàn xếp xong cả rồi. Chúng tôi chỉ còn phải chờ người ta đến đón thôi." – "Người Nga à? Tôi xin thông báo là người của chúng ta vẫn còn giữ vững được khu phố." – "Chúng tôi biết rồi, Leland vừa nhả một bùm khói dài vừa nói. Người Xô viết đã nói với chúng tôi là mai họ sẽ đến." – "Một viên trung tá rất có học thức đấy, Mandelbrod nói thêm. Anh ta đã nói là đừng lo lắng gì, anh ta sẽ đích thân lo liệu cho chúng tôi. Cái chính là, cậu cũng thấy đấy, chúng tôi có nhiều việc lắm." – "Thế còn các cô gái?" tôi đưa tay chỉ về phía các xác chết. – "À, bọn nhỏ tội nghiệp không muốn đi cùng chúng tôi. Chúng quá yêu quý đất mẹ. Chúng không muốn hiểu là còn có những giá trị khác quan trọng hơn." – "Führer đã thất bại, Leland lạnh lùng nói. Nhưng cuộc chiến bản thể mà ông ấy đã bắt đầu vẫn còn chưa kết thúc. Còn ai khác ngoài Stalin có thể hoàn thành công việc đây?" – "Khi chúng tôi đề nghị được phục vụ, Mandelbrod vừa vuốt ve con mèo vừa thì thầm, họ đã ngay lập tức quan tâm. Họ biết rằng sẽ phải cần đến những người như chúng tôi, sau cuộc chiến tranh này, rằng họ sẽ không được phép để cho các cường quốc phương Tây hút hết văng kem. Nếu cậu đi cùng chúng tôi, tôi có thể đảm bảo cho cậu một vị trí tốt, với tất cả các lợi thế." – "Cậu sẽ tiếp tục làm những gì mà cậu rất biết cách làm," Leland nói. – "Các ông điên rồi! tôi gào lên. Tất cả các ông đều điên! Tất cả mọi người trong cái thành phố này đều hóa điên cả rồi!" Tôi đã lùi ra đến cửa, đi qua những cái xác nằm trong các tư thế duyên dáng. "Trừ tôi!" tôi hét lên trước khi bỏ chạy. Những lời cuối cùng của Leland vang đến tai tôi khi đã ra đến cửa: "Nếu đổi ý thì đến gặp chúng tôi nhé!"

Unter den Linden vẫn vắng hoe; đây đó, một viên đạn pháo bắn trúng một mặt tiền nhà, một đồng hồ nát. Tai tôi vẫn ong ong loạt đạn của gã người Pháp. Tôi chạy về phía cổng Brandenburg.

Bằng mọi giá tôi phải ra được khỏi thành phố, nó đã trở thành một cái bẫy góm ghiếc. Các thông tin của tôi đã bị chậm một ngày, nhưng tôi biết rằng lối thoát duy nhất là vượt qua Tiergarten rồi đi theo trục đường chính Đông-Tây cho đến Adolf Hitler Platz; sau đó sẽ phải tùy cơ ứng biến. Hôm trước, phía bên này của thành phố còn chưa bị đóng, các Hitlerjugend vẫn còn giữ được cây cầu trên sông Havel, Wannsee vẫn nằm trong sự kiểm soát của chúng tôi. Nếu đến được nhà Thomas, tôi tự nhủ, mình sẽ thoát. Pariser Platz, trước cái cổng vẫn còn khá nguyên vẹn, lỏng lỏng những thứ xe cộ bị lật ngửa, nát bầy, cháy trụi; trong những chiếc xe cứu thương, xác người cháy sém tay chân vẫn còn bó bột, chúng không bị cháy. Tôi nghe thấy một tiếng gầm lớn: một chiếc xe tăng Nga chạy qua phía sau tôi, rẽ lối giữa đông xác người phía trước; nhiều Waffen-SS đang ngồi ở trên, chắc là họ đã bắt được nó. Nó dừng lại bên cạnh tôi, bắn, rồi lại đi trong tiếng xích nghiền lạo xạo; một trong các Waffen-SS nhìn tôi với vẻ dửng dưng. Nó rẽ sang phải vào Wilhelmstrasse rồi biến mất. Đi thêm một đoạn trên Unter den Linden, giữa các cột đèn và hàng mầm cụt của cây cối, qua đám khói tôi nhìn thấy một bóng người, một người vận đồ dân sự, đầu đội mũ. Tôi tiếp tục chạy và, ngoằn ngoèo giữa các chướng ngại vật, vượt qua Cổng đen kịt khói, lỗ chỗ vết đạn và mảnh pháo.

Đã đến Tiergarten. Tôi rời khỏi đường và chui vào giữa hàng cây. Ngoài tiếng gầm của những quả đạn moocchiê đang bay và những tiếng nổ xa xa, công viên yên tĩnh đến bất thường. Các *Nebelkrähe*, lũ quạ với tiếng kêu khàn đặc vốn có ở khắp nơi trong Tiergarten, đã đi hết cả, chạy trốn sự oanh tạc không ngừng nghỉ để đến một nơi an toàn hơn: không phải là *Sperrkommando* trên trời, không phải là tòa án binh bay lơ lửng dành cho loài chim. Chúng thật là may mắn, nhưng lại không hề hay biết. Xác người nằm trên đất, rải rác giữa đám cây cối; và dọc theo những lối đi lung lảng những người bị treo cổ sầu thảm. Trời lại bắt đầu mưa, một cơn mưa nhẹ vẫn có ánh nắng chiếu qua. Hoa trong các bồn đã nở, mùi hoa hồng trộn lẫn với mùi xác

người. Thình thoảng tôi quay lại nhìn: giữa đám cây, tôi có cảm giác nhìn thấy bóng người đang đi theo mình. Một người lính chết vẫn cầm trên tay khẩu Schmeisser; tôi rút lấy nó, chĩa về phía cái bóng, nhấn cò; nhưng khẩu súng bị kẹt đạn và tôi tức tối ném nó vào một bụi rậm. Tôi đã nghĩ sẽ không đi quá xa đường chính, nhưng ở phía đó tôi thấy có chuyển động, xe cộ, và quyết định đi sâu hơn vào công viên. Bên tay phải, cột Chiến thắng nhô lên trên đám cây, được đóng hòm đạn được che khuất và vẫn buồng bình đứng vững. Trước mặt tôi nhiều vũng nước lớn chắn mất lối đi: thay vì tiến lại gần đường, tôi chọn cách đi vòng tránh chúng theo hướng kênh, nơi trước đây đã lâu lắm rồi tôi từng dạo chơi vào ban đêm để tìm kiếm khoái lạc. Từ đó, tôi tự nhủ, mình sẽ cắt ngang qua Vườn Bách thú và chui vào Charlottenburg. Tôi đi qua con kênh bằng cây cầu nơi đã có cuộc cãi nhau kỳ lạ với Hans P. vào một buổi tối. Đi qua đó, bức tường Vườn Bách thú đã đổ ở nhiều chỗ và tôi nhảy lên đồng gạch vỡ. Những phát đạn rền vang vẫn khởi phát từ phía boongke lớn, những phát đạn pháo binh nhẹ và các tràng súng máy.

Phần này của Vườn Bách thú ngập sũng nước: những đợt pháo kích đã bắn tung Khu Hải dương và các bể cá vỡ tung tóe khắp nơi, đổ ra hàng tấn nước, rải rác khắp các lối đi là lũ cá chết, tôm hùm, cá sấu, sứa, một con cá heo đang nằm nghiêng thờ hờn nhìn tôi vẻ lo lắng. Tôi lội nước tiến lên, đi vòng qua hòn đảo khỉ Babouin nơi bọn thú nhỏ đang bầu chặt những bàn tay nhỏ xíu vào bụng lũ mẹ hoảng sợ của chúng, tôi rẽ lối đi giữa đám vẹt, những con khỉ chết, một con hươu cao cổ thờ cổ lên trên một cái chuồng sắt, những con gấu máu me bê bết. Tôi bước vào một tòa nhà bị phá hủy một nửa: trong một cái lồng lớn, một con gorilla khổng lồ màu đen đang ngồi, đã chết, một lưỡi lê cắm sâu vào ngực. Một dòng sông máu đen kịt chảy giữa các thanh chắn và hòa lẫn với những vũng nước. Con gorilla có vẻ ngạc nhiên, sững sốt; cái mặt nhăn nheo của nó, đôi mắt mở to của nó, hai bàn tay to tướng của nó giống con người đến đáng sợ, cứ như thể nó đang sắp sửa nói chuyện với tôi. Đi qua tòa nhà là đến một cái hồ rộng

khép kín: một con hà mã chết đang nổi lềnh bềnh trên mặt nước, bị đuôi một quả đạn pháo găm vào trúng lưng; con thứ hai đang nằm trên bờ, người đầy vết đạn, và đang hấp hối trong hơi thở nặng nề. Nước tràn từ hồ ra làm ướt đầm quần áo hai Waffen-SS nằm đó; người thứ ba dựa lưng vào một cái chuồng, mắt mờ đục, khẩu súng máy vắt ngang hai chân. Tôi muốn đi tiếp nhưng đã nghe thấy những giọng nói của quân Nga, trộn lẫn với tiếng ré của một con voi hoảng sợ. Tôi trốn sau một bụi cây rồi quay ngược trở lại để vòng tránh khu chuồng thú qua một cây cầu nhỏ. Clemens chặn đường tôi, hai chân giẫm trong một vũng nước ở đầu cầu, cái mũ mềm vẫn còn rở tung tóe nước mưa, khẩu súng tự động cầm trên tay. Tôi giơ hai tay lên, như trong phim. "Mày đã bắt tao phải chạy đấy, Clemens thử hử. Weser chết rồi. Nhưng tao đã bắt được mày." – "Kriminalkommissar Clemens, tôi rút lên, hơi thở đứt đoạn vì vừa phải chạy, đừng có lối bịch thế chứ. Bọn Nga chỉ cách đây một trăm mét. Chúng sẽ nghe thấy tiếng súng của anh." – "Lẽ ra tao phải dìm chết mày trong hồ, đồ rác rưởi, hấn rống lên, khâu mày vào trong một cái bao tải rồi dìm chết mày. Nhưng tao không có thời gian." – "Thậm chí anh còn chưa cạo râu, Kriminalkommissar Clemens ạ, tôi hét lên, thế mà anh còn định đòi công lý ở tôi!" Hấn ta phá lên cười khô khốc. Một phát súng vang lên, cái mũ lật lên ụp xuống mặt hấn, và hấn đổ ập người vắt ngang qua cầu, đầu nhúng vào một vũng nước. Thomas hiện ra từ sau một cái chuồng, khẩu cạcbin cầm trên tay, nụ cười rạng rỡ trên môi. "Như thường lệ, tớ lại đến đúng lúc," anh vui vẻ nói với tôi. Anh liếc nhìn cái xác đồ sộ của Clemens. "Hấn muốn gì ở cậu thế?" – "Đó là một trong hai tay cớm đấy. Hấn muốn giết tớ." – "Dai như đĩa, nhỉ. Vẫn là cái chuyện đó hả?" – "Phải. Tớ không biết nữa, chúng điên cả rồi." – "Cả cậu cũng vậy, cậu cũng có khôn ngoan gì cho cam đâu, anh nghiêm giọng nói. Người ta tìm cậu khắp nơi. Müller tức lắm." Tôi nhún vai và nhìn ra xung quanh. Đã ngừng mưa, mặt trời rọi xuống qua những đám mây và làm những chiếc lá đầm nước trên cây lóng lánh cả lên, cùng với các vũng nước trên những lối đi. Tôi lại nghe

thấy có tiếng lính Nga: chắc bọn họ đã ở ngay gần, sau khu chuồng khỉ. Con voi lại ré lên. Thomas, đã dựa khẩu cạcbin vào hàng lan can của cây cầu nhỏ, ngồi xổm xuống gần xác Clemens, đút khẩu tự động của hắn vào túi, rồi lục tìm. Tôi đi ra phía sau anh và nhìn sang hướng đó, nhưng không có ai. Thomas quay sang tôi và vung vẩy một xấp tiền reichsmark: "Nhìn này, anh vừa cười vừa nói. Thằng côm của cậu ngon lành quá." Anh nhét tiền vào túi và tiếp tục lục soát. Ở gần anh, tôi nhìn thấy một thanh sắt lớn, bật ra từ một cái chuồng sau một vụ nổ. Tôi nhắc nó lên, nhắc nhắc xem trọng lượng thế nào, rồi dồn hết sức táng xuống gáy Thomas. Tôi nghe tiếng xương gãy và anh đổ nhào ra phía trước, bất động, vắt ngang cái xác của Clemens. Tôi thả rơi thanh sắt và nhìn hai cái xác. Rồi tôi lật ngửa người Thomas lại, mắt anh vẫn chưa khép, và mở hàng cúc áo choàng của anh. Tôi cởi áo ra và nhanh chóng thay trước khi lật anh nằm sấp xuống trở lại. Tôi tìm trong các túi: ngoài khẩu tự động và tiền của Clemens còn có giấy tờ của Thomas, ghi tên một người Pháp thuộc STO, và thuốc lá. Tôi tìm thấy chìa khóa nhà anh trong túi quần dài; giấy tờ của tôi nằm lại trong túi áo vest.

Bọn Nga đã đi xa hơn. Trên lối đi một con voi nhỏ phi về phía tôi, rồi đến ba con tinh tinh và một con mèo rừng. Chúng chạy vòng qua mấy cái xác và qua cầu, không hề giảm tốc độ, để lại tôi một mình. Tôi run lên, tâm trí tôi tả. Nhưng tôi vẫn còn nhớ rất rõ hai cái xác nằm vắt lên nhau trong các vũng nước, trên cây cầu nhỏ, những con thú đang chạy đi khỏi. Tôi buồn bã, nhưng không biết rõ là tại sao. Đột nhiên tôi cảm thấy toàn bộ trọng lượng của quá khứ, nỗi đau đớn của cuộc đời và ký ức không thể phai nhòa, tôi còn lại một mình với con hà mã đang hấp hối, vài con đà điểu và những cái xác người, một mình với thời gian và nỗi buồn và bản án ký ức, sự tàn bạo của tồn tại của tôi và của cái chết sẽ tới. Các nữ thần báo thù đã lần ra dấu vết của tôi.

PHỤ LỤC I

Chức vụ, tổ chức các cơ quan của Đế chế III, cấp bậc của SS, Wehrmacht và Polizei

AA (Auswärtiges Amt): Bộ Ngoại giao của Joachim von Ribbentrop.

Abwehr: tổ chức tình báo quân đội (quân báo), tên đầy đủ là Amt Ausland/Abwehr im Oberkommando der Wehrmacht (văn phòng đối ngoại/cơ quan bảo vệ bộ tổng chỉ huy của Wehrmacht).

Aktion (hành động): chỉ các hoạt động có tổ chức nhằm diệt trừ người Do Thái và các tộc người khác do SS và Orpo phối hợp tiến hành; địa bàn chủ yếu là phía Đông.

Amt: văn phòng/cơ quan. Xem thêm RSHA.

Amtgruppe: nhóm văn phòng. Xem thêm WVHA.

AOK (Armeeoberkommando): bộ tham mưu của một đại đoàn, quản lý một số lượng sư đoàn nhất định.

Arbeitseinsatz: xem IKL.

BdO (Befehlshaber der Orpo - Chỉ huy tối cao Orpo). Xem thêm RSHA.

BdS (Befehlshaber der SP und des SD - Chỉ huy tối cao SP và SD). Xem thêm RSHA.

Berück: chỉ huy vùng phía sau (hậu phương) của một tập đoàn quân.

Einsatz: thuật ngữ quân sự chỉ "hành động" hoặc "tác chiến".

Einsatzgruppe: nghĩa đen là "nhóm hành động", của SP và SD. Bắt đầu được sử dụng vào năm 1938 cho vụ Anschluss và chiến đóng Tiệp Khắc, các đội quân SS này có nhiệm vụ bảo đảm an ninh trong thời gian chờ đợi thành lập các cơ quan chính quy của cảnh sát thường trực tên à Stelle ("văn phòng"). Trong cuộc tấn công Liên Xô, dựa trên một thỏa thuận giữa RSHA và Wehrmacht, mỗi tập đoàn quân được bổ sung một Einsatzgruppe, tổng cộng có ba cái cho ba tập đoàn quân A, B và C, cộng thêm một Einsatzgruppe D trực thuộc đại đoàn 11 phục vụ ở Crimée và vùng đất chiếm được của Rumani. Mỗi Einsatzgruppe bao gồm một Gruppenstab (ban tham mưu) và nhiều

Einsatzkommando (Ek) hoặc Sonderkommando (Sk). Tiếp theo đó, mỗi Kommando lại bao gồm một ban tham mưu (Kommandostab) cùng với các nhân viên hỗ trợ (phiên dịch, tài xế...) và nhiều Teilkommando. Ban tham mưu của các tập đoàn quân cũng như của các Kommando mô phỏng tổ chức của RSHA: cũng có Leiter I (Verwaltungsführer - phụ trách nhân sự và hành chính), Leiter II (cung cấp lương thực), Leiter III (SD), Leiter IV (Gestapo) và Leiter V (Kripo), một trong số các Leiter đó, thường là Leiter III hoặc IV, làm luôn trưởng ban tham mưu.

Einsatzkommando (Ek): xem Einsatzgruppe.

Ersatzheer: quân dự bị.

Führer: nghĩa đen là "lãnh tụ", "người dẫn đường", với Hitler là Führer của Reich và các führer từ cao xuống thấp; chức vụ của SS đều có hậu tố "führer".

Gau: vùng hành chính của Reich.

Gauleiter: mỗi Gau có một Gauleiter là người của Đảng Quốc xã, tương đương với xứ ủy, do đích thân Hitler chỉ định và báo cáo cho Hitler.

Gestapo (Geheime Staatspolizei - Cảnh sát mật của Nhà nước): nằm dưới quyền chỉ huy của Gruppenführer Heinrich Müller từ 1939 đến cuối chiến tranh. Xem thêm RSHA.

GFP (Geheime Feldpolizei - Cảnh sát mật của bên quân đội): trực thuộc Wehrmacht, phụ trách vấn đề an ninh quân đội tại những nơi tác chiến, đặc biệt là trong trận chiến đấu chống quân du kích. Phần lớn nhân viên của GFP được tuyển dụng từ cảnh sát Đức và do đó trực thuộc cảnh sát an ninh (SP); tuy nhiên GFP tách biệt hẳn với hoạt động của RSHA.

Gruppenstab: xem Einsatzgruppe.

HSSPF (Höhere SS-und Polizeiführer - Chỉ huy tối cao SS và cảnh sát), chức vụ được Himmler lập ra vào năm 1937 nhằm đảm bảo sự điều phối hoạt động các văn phòng SS ở mức độ vùng. Về nguyên tắc, HSSPF nắm toàn bộ SS trong vùng của mình, ở Đức, Reichsführer Himmler bổ nhiệm một HSSPF cho mỗi Wehrkreis (có thể hiểu là một vùng chiến thuật) và một HSSPF cho một nước chiếm được, và sau này nhiều khi còn có ở các nước ở dưới một HSSPF nhiều SSPF để trợ giúp (chẳng hạn ở Ba Lan). Trong cuộc tấn công Liên Xô năm 1941, Himmler bổ nhiệm tổng cộng ba HSSPF tương ứng với ba tập đoàn quân, Bắc, Nam và Trung tâm.

Ia, Ib, Ic: ở tất cả các cấp tổ chức của quân đội (đại đoàn, sư đoàn, trung đoàn...) các bộ tham mưu quân sự đều bao gồm chủ yếu một tham mưu trưởng, một Ia (Eins-a), sĩ quan phụ trách tác chiến, một Ib (Eins-b) phụ trách về cần vụ và một Ic/AO (Eins-c/AO), sĩ quan phụ trách thông tin quân sự hay Abwehroffizier.

IdO (Inspekteur der Orpo - Thanh tra Orpo). Xem thêm RSHA.

IdS (Inspekteur der SP und des SD - Thanh tra SP và SD). Xem thêm RSHA.

Ila, Illa: xem KL.

IKL (Inspektion der Konzentrationslager - Thanh tra các trại tập trung): trại tập trung đầu tiên (Dachau) được thành lập ngay từ 20/3/1933, sau đó là nhiều trại khác. Tháng 6/1934 sau vụ việc liên quan đến Röhm, SS giành quyền kiểm soát các trại tập trung và lập ra IKL đóng ở Oranienburg, dưới sự chỉ huy của Obergruppenführer Theodor Eicke, Kommandant của trại Dachau và là người được Himmler giao trách nhiệm tái tổ chức tất cả các trại. "Hệ thống Eicke" được đưa vào sử dụng từ năm 1934 và kéo dài cho đến đầu chiến tranh, hướng đến mục tiêu tàn phá về thần kinh và nhiều khi cả thể xác những kẻ chống đối chế độ. Nhưng đầu 1942, khi Đức tăng cường nỗ lực sản xuất phục vụ chiến tranh sau khi sa lầy ở Liên Xô, Himmler cho rằng cách vận hành các trại theo lối đó không thể thích ứng được với hoàn cảnh mới, và quyết định các trại phải cải tạo sao cho có thể sử dụng được tối đa sức lao động của nhân công trong trại. Tháng 3/1942, IKL được sáp nhập vào WVHA và trở thành Amtsgruppe D gồm có bốn ban: D I: văn phòng trung tâm; D II: Arbeitseinsatz, phụ trách vấn đề lao động cưỡng bức; D III: quản lý vệ sinh và y tế; D IV: quản lý về hành chính và tài chính. Hệ thống này không mấy hoàn hảo, Oswald Pohl, người đứng đầu WVHA, không bao giờ thành công được trong việc cải tạo được hoàn toàn IKL cũng như các nhân vật chủ chốt của nó, và các xung đột nội bộ kéo dài dai dẳng cho đến khi kết thúc chiến tranh.

KdO (Kommandeur der Orpo - Chỉ huy Orpo). Xem thêm RSHA.

KdS (Kommandeur der SP und des SD - Chỉ huy SP và SD). Xem thêm RSHA.

KL (Konzentrationslager): trại tập trung. Công việc quản lý hàng ngày được thực hiện bởi một trong các ban do Kommandant đứng đầu, Abteilung III, do một Schutzhaftlagerführer (trưởng trại giam giữ phòng ngừa) hoặc Lagerführer (trưởng trại) đứng đầu, cùng với trợ tá của ông ta. Văn phòng phụ trách tổ chức lao động của tù nhân, Arbeitseinsatz, trực thuộc ban này, dưới cái tên Illa. Các ban khác gồm có: Kommandantur (văn phòng của Kommandant); Politische Abteilung ("ban chính trị"); Hành chính; Y tế và vệ sinh (cho cả lính SS của trại lẫn tù nhân); Đào tạo và theo dõi các đội; Đội lính gác SS. Tất cả văn phòng đều nằm dưới quyền của các sĩ quan và hạ sĩ quan SS trong trại, nhưng một khối lượng lớn công việc được thực hiện bởi các tù nhân (được gọi là "những người được ưu tiên"). Xem thêm IKL.

Kommandant: nghĩa chung là người chỉ huy, người đứng đầu.

Kommandantur: xem KL.

Kommando: đội, nhóm. Có thể chia thêm thành Sonderkommando,

Vorkommando, Teilkommando tùy thuộc chức năng và nhiệm vụ.

Kommandostab: xem Einsatzgruppe.

Kriegsmarine: hải quân của quân lực Reich, nằm dưới quyền chỉ huy của Grossadmiral (Đại đô đốc) Karl Dönitz. Xem thêm OKW.

Kriminalkommissar: thanh tra thuộc cảnh sát hình sự. Xem thêm Kripo.

Kripo: cảnh sát hình sự, nằm dưới quyền của Gruppenführer Arthur Nebe từ 1937 đến tháng 7/1944. Xem thêm RSHA.

Leiter: người đứng đầu một bộ phận nào đó. Xem thêm Einsatzgruppe.

Luftwaffe: không quân của quân lực Reich, nằm dưới quyền chỉ huy của Reichsmarschall Hermann Göring. Xem thêm OKW.

NSDAP (Nationalsozialistische Deutsche Arbeiterpartei): Đảng Công nhân Quốc gia Xã hội Đức (Đảng Quốc xã, hoặc Nazi).

OKH (Oberkommando des Heeres - bộ tổng chỉ huy của bộ binh): trong khi về nguyên tắc OKH nằm dưới sự kiểm soát của OKW (bộ tổng chỉ huy quân đội) thì trên thực tế nó lại chỉ huy toàn bộ các hoạt động quân sự ở mặt trận phía Đông trong khi OKW kiểm soát các mặt trận khác. Tháng 12/1941, Hitler nắm chức tư lệnh OKH sau khi phế bỏ Generalfeldmarschall Walter von Brauchitsch.

OKHG (Oberkommando des Heeresgruppe): bộ tổng tham mưu của một tập đoàn quân, kiểm soát nhiều đại đoàn.

OKW (Oberkommando des Wehrmacht - bộ tổng chỉ huy của Wehrmacht): được Hitler thành lập vào tháng 2/1938 để thay thế Bộ Chiến tranh và tự mình nắm chức tổng tư lệnh các binh chủng của Wehrmacht (quân lực của Reich). Về nguyên tắc, OKW quản lý OKH (bộ binh), Luftwaffe (không quân) và Kriegsmarine (hải quân). Tham mưu trưởng của OKW là Generalfeldmarschall Wilhelm Keitel.

Orpo (Ordnungspolizei - Cảnh sát trật tự): cơ quan được sáp nhập vào SS tháng 6/1936 dưới sự chỉ huy của Oberstgruppenführer Kurt Daluge, gồm cảnh binh và nhiều lực lượng cảnh sát mặc quân phục khác (Gemeindepolizei, Schutzpolizei hoặc Scupo...). Các tiểu đoàn cảnh sát Orpo thường được triển khai trong các cuộc thảm sát Do Thái và các loại người khác trong khuôn khổ "Giải pháp cuối cùng".

Ostministerium (viết tắt của Reichsministerium für die besetzten Ostgebiete - bộ phụ trách các lãnh thổ chiếm được ở phía Đông): nằm dưới quyền của nhà tư tưởng quốc xã Alfred Rosenberg.

Parteiführer: chủ tịch Đảng Quốc xã.

Persönlicher Stab des Reichsführer-SS: bộ tham mưu riêng của Reichsführer (Himmler).

Polizei: cảnh sát.

Reich: Đế chế. Nhà nước quốc xã tự cho mình là Reich III (Đế chế thứ ba).

Revier: bệnh viện trong các trại tập trung. Tại một số trại được gọi là HKB, Häftlingskrankenbau, “Bệnh viện cho tù nhân”.

RFK (Reichskommissariat für die Festigung deutschen Volkstums - Sở củng cố tính chất Đức của Reich): phụ trách việc đưa các Volksdeutscher (những người dân tộc thiểu số gốc Đức sống ở Nga và vùng Banat) về lại Đức và tiến hành quá trình Đức hóa các lãnh thổ phía Đông. Được Himmler thành lập và trực thuộc SS. Có liên hệ chặt chẽ với công việc diệt trừ người Do Thái và các loại người khác: chẳng hạn như khi vùng Zamosc được chọn để làm thí điểm về quá trình Đức hóa, Himmler đã trao nhiệm vụ đó cho SSPF Lublin, Gruppenführer Odilo Globocnik, người đồng thời cũng điều hành “Einsatz Reinhard” phụ trách các cuộc thảm sát.

Rollbahn: đơn vị thuộc Wehrmacht đảm nhiệm công việc chuyên chở và tiếp tế cho các đội quân (từ này cũng dùng để chỉ những con đường tiếp tế lớn ở phía Đông).

RSHA (Reichssicherheitsdienstshauptamt: văn phòng trung ương phụ trách an ninh của Reich): ngay sau khi Năm Chính Quyền, ngày 30/1/1933, SS tìm cách mở rộng ảnh hưởng và tăng cường các hoạt động trong lĩnh vực an ninh. Sau một cuộc chiến nội bộ kéo dài, chủ yếu để chống lại Göring, cuối cùng Himmler đã thôn tóm được toàn bộ quyền lực cảnh sát ở mọi loại hình trong tay mình vào tháng 6/1936. Tuy nhiên các cơ quan cảnh sát vẫn là thiết chế của Reich và nhân viên là công chức nhà nước. Để hợp thức hóa vai trò, Himmler được bổ làm người lãnh đạo toàn bộ cảnh sát trực thuộc Bộ Nội vụ. Kripo được sáp nhập vào Gestapo để thành lập cảnh sát an ninh (SP), vẫn là một thiết chế nhà nước; cơ quan an ninh (SD) tiếp tục hoạt động trong khuôn khổ SS, và cả hai đều nằm dưới quyền chỉ huy của Obergruppenführer Reinhard Heydrich. Sau khi tấn công Ba Lan năm 1939, RSHA được thành lập để thống nhất SP và SD thực sự thành một tổ chức duy nhất: toàn bộ các cơ quan hành chính và nhiều cơ quan khác trở thành Amt I (phụ trách nhân sự) và Amt II (ngân sách, hành chính, tổ chức); SD được chia ra và sáp nhập vào Amt III (SD-Inland hay “nội vụ”) và Amt VI (SD-Ausland hay “ngoại vụ”); Gestapo trở thành Amt IV với cái tên mới Gegnerforschung und bekämpfung (Điều tra và chiến đấu chống lại các đối thủ); Kripo trở thành Amt V dưới cái tên Verbrechensbekämpfung (Chiến đấu chống tội phạm). Ngoài ra một cơ quan mới cũng được thành lập, Amt VII, nhằm “nghiên cứu và phát triển ý thức hệ”, Weltanschauliche Forschung und Auswertung. Nhưng toàn bộ hệ thống đó không được thông qua về mặt luật pháp: nền hành chính các bộ phản đối sự nhập nhằng giữa vai trò của Nhà nước và Đảng. Heydrich tiếp tục giữ chức lãnh đạo của SP và SD. Mô

hình RSHA được mô phỏng ở tất cả các cấp vùng: hình thành các Oberabschnitt, Abschnitt... mỗi vùng hành chính đều có Amt III, Amt IV và Amt V, tất cả nằm dưới sự điều hành của một IdS (Inspekteur der SP und des SD - thanh tra SP và des SD). Sau khi chiến tranh bùng nổ, tại các lãnh thổ bị chiếm đóng cũng hình thành các chức danh mới, nơi Inspekteur trở thành Befehlshaber ("chỉ huy tối cao"), tức là BdS, đôi khi có sự trợ sức của các KdS (Kommandeur der SP und des SD). Bên Orpo cũng có mô hình tương đương, với các IdO (Inspekteur der Orpo), BdO (Befehlshaber der Orpo) và KdO (Kommandeur der Orpo).

SA (Sturmabteilung - nghĩa đen là "cơ quan phản ứng mạnh"): các đơn vị gần tương đương với bên quân sự thuộc Đảng Quốc xã, đóng một vai trò quan trọng trong quá trình lên nắm quyền lực của Hitler và Đảng. Tháng 6/1934, với sự hậu thuẫn của SS và Wehrmacht, Hitler tiến hành thanh trừng SA, giết chết người đứng đầu của tổ chức này là Ernst Röhm. SA vẫn tiếp tục tồn tại cho đến khi chế độ quốc xã sụp đổ, nhưng không còn đóng vai trò chính trị gì nữa.

SD (Hauptamt Sicherheitsdienst - Cơ quan an ninh trung ương), trực thuộc SS được thành lập vào mùa thu 1931 dưới sự điều hành của Heydrich. Xem thêm RSHA.

Sonderkommando (Sk): xem Einsatzgruppe.

SP (Hauptamt Sicherheitspolizei - Cơ quan cảnh sát an ninh trung ương). Thịnh vượng cũng được gọi là Sipo. Xem thêm RSHA.

Spieß: chức danh có thể coi là tương đương với thượng sĩ.

SS (Schutzstaffel): các đơn vị SS đầu tiên thuộc Đảng Quốc xã được thành lập vào mùa hè 1925, thoát tiên với mục đích làm cận vệ cho Führer. Khi đó Hitler đã tìm cách tạo lập một đối trọng với SA. Himmler được phong làm Reichsführer-SS (lãnh tụ tối cao của SS) vào ngày 6/1/1929. Đến mùa thu 1930, SS trở nên hoàn toàn độc lập với SA và đóng một vai trò chủ chốt trong việc thanh trừng các nhân vật quan trọng của SA vào tháng 6/1934.

SS-Gericht: tòa án của SS.

SSPF (SS- und Polizeiführer - chỉ huy SS và cảnh sát). Xem thêm HSSPF.

Staatspolizei: từ chỉ "cảnh sát nhà nước".

Staatssekretär: quốc vụ khanh.

Waffen-SS: bao gồm các đơn vị chiến đấu của SS, tuy không hẳn là quân đội chính quy nhưng vào một số thời điểm có quân số rất đông.

Wehrmacht: quân lực của Reich.

WVHA (Wirtschafts-Verwaltungshauptamt - Văn phòng phụ trách kinh tế và hành chính trung ương): cơ quan của SS thành lập đầu năm 1942 để thu tóm toàn bộ các công việc liên quan đến hành chính-kinh tế của SS, bao gồm tiếp tế lương thực, phụ trách các công ty của SS và thanh tra các trại tập trung

(IKL). Người đứng đầu là Obergruppenführer Oswald Pohl, quân sư về kinh tế của Himmler. WVHA gồm có năm Amtsgruppe hay “các nhóm văn phòng”: Amtsgruppe A, Truppenverwaltung (“hành chính các đội quân”) và Amtsgruppe B, Truppenwirtschaft (“kinh tế các đội quân”), quản lý tất cả những vấn đề hành chính và tiếp tế cho Waffen-SS cũng như các đội lính gác trong hệ thống trại tập trung; Amtsgruppe C, Bauweisen (“xây dựng”) bao gồm tất cả các cơ quan của SS liên quan đến xây dựng; Amtsgruppe D chính là IKL; còn Amtsgruppe W, Wirtschaftliche Unternehmungen (“các xí nghiệp kinh tế”) là nơi quản lý toàn bộ nền kinh tế khổng lồ của SS trong tất cả các lĩnh vực.

Tương đương về cấp bậc giữa SS, Wehrmacht và cảnh sát

SS	Wehrmacht	Cảnh sát	
	Generalfeldmarschall		Thống chế
Oberstgruppenführer	Generaloberst	Generaloberst d.P.	Tướng chỉ huy quân đoàn
Obergruppenführer		General d.P.	Tướng chỉ huy sư đoàn
Gruppenführer	Generalleutnant	Generalleutnant d.P.	
Brigadeführer	Generalmajor	Generalmajor d.P.	Tướng chỉ huy lữ đoàn
Oberführer			
Standartenführer	Oberst	Oberst d.P.	Đại tá
Obersturmbannführer	Oberstleutnant	Oberstleutnant d.P.	Trung tá
Sturmbannführer	Major	Major d.P.	Thiếu tá
Hauptsturmführer	Hauptmann	Hauptmann d.P.	Đại úy
Obersturmführer	Oberleutnant	Oberleutnant d.P.	Trung úy
Untersturmführer	Leutnant	Leutnant d.P.	Thiếu úy
Sturmscharführer	Hauptfeldwebel	Meister	Thượng sĩ nhất
Stabsscharführer	Stabsfeldwebel		
Hauptscharführer	Oberfeldwebel		
Oberscharführer	Feldwebel		Thượng sĩ
Scharführer	Unterfeldwebel	Hauptwachtmeister	
Unterscharführer	Unteroffizier		Hạ sĩ nhất
Rottenführer	Stabsgefreiter	Oberwachtmeister	Hạ sĩ
	Obergefreiter		
	Gefreiter	Wachtmeister	
Sturmmann	Oberschütze	Rottwachtmeister	
Oberschütze	Schütze	Unterwachtmeister	Binh nhì
Schütze	Gemeiner, Landser	Anwärter	Lính biệt kích
		(d.P.: der Polizei)	

PHỤ LỤC II

Các nhân vật lịch sử xuất hiện trong *Những kẻ thiện tâm*

Abetz (Otto, 1903-1958) SS-Brigadeführer, trước tiên hoạt động trong công tác đoàn thanh niên, từ 1934 phụ trách vấn đề Pháp, năm 1937 gia nhập Đảng Quốc xã và chuyển sang làm cho von Ribbentrop, đại sứ của chính phủ quốc xã tại Pháp trong suốt thời kỳ Đức chiếm đóng. Năm 1945 bị kết án 20 năm tù khổ sai, đến 1954 thì được thả.

Achamer-Pifradner (Humbert, 1900-1945) SS-Oberführer, tiến sĩ, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1931, từng làm đến BdS của Ostland, bắt và tra khảo các tù nhân của vụ đảo chính năm 1944 (với vai trò của von Stauffenberg), bị chết bom tại Linz.

Bach-Zelewski (Erich Julius Eberhard von dem, 1899-1972) SS-Obergruppenführer, HSSPF Trung Nga, quân nhân chuyên nghiệp, gia nhập Đảng Quốc xã từ năm 1931, năm 1942 trở thành phụ trách chung của công tác chống du kích, chỉ huy đàn áp cuộc nổi dậy Vác-xa-va năm 1944, bị kết án chung thân năm 1961 vì tội giết Röhm và chết trong tù.

Bär (Richard, 1911-1963) SS-Sturmabführer, chỉ huy trại Auschwitz I thay cho Liebehenschel từ 5/1944 đến 1/1945, rồi chuyển sang làm Kommandant tại trại Mittelbau (Dora), bị bắt tại Đức năm 1960, chết trong tù.

Becher (Kurt Andreas Ernst, 1909-1995) SS-Obersturmbannführer, rồi thăng Standartenführer, đại diện cho Himmler ở Hungari vào năm 1944, chủ yếu trong kế hoạch “đổi máu lấy hàng”, từng ra làm chứng ở tòa án Nürnberg, sau này trở thành doanh nhân.

Behrends (Hermann, 1907-1948) SS-Standartenführer, tiến sĩ, bạn của Heydrich từ Kiel, thượng cấp của Eichmann vào năm 1937, rồi phụ trách chương trình hồi hương của các Volksdeutscher (1939-1941).

Berger (Gottlob, 1896-1975) SS-Obergruppenführer, chuyển từ SA sang SS vào năm 1936, bạn thân của Himmler, chuyên gia về chọn lọc dựa

trên chủng tộc, phụ trách chung về nhân sự của SS, bị kết án 25 năm tù tại Nürnberg nhưng được thả vào năm 1951.

Best (Karl Rudolf Werner, 1903-1989) SS-Gruppenführer, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1930 và SS năm 1933, đứng đầu SD/I (hành chính và luật) và chỉ huy phó SD vào năm 1936, đứng đầu RSHA/I & II vào năm 1939, xung đột với Heydrich và Schellenberg về triết lý của SP và SD, từ chức vào năm 1940 và chuyển sang Bộ Ngoại giao, năm 1942 bị Wehrmacht đẩy ra khỏi Pháp và sang làm đặc mệnh tại Đan Mạch cho đến 1945, năm 1949 bị kết án tử hình tại Đan Mạch, sau được thả vào năm 1951, làm cố vấn luật cho tập đoàn Stinnes, năm 1969 lại bị bắt vì án giết người hàng loạt tại Ba Lan, nhưng năm 1972 được thả vì ý do sức khỏe.

Bierkamp (Walter, 1901-1945) SS-Oberführer, Oberst der Polizei, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1932, SS năm 1939, thay chỗ Ohlendorf từ 6/1942 đến 6/1943, năm 1945 lên đến chức HSSPF Südost, tự tử cùng năm tại Hamburg.

Blöbel (Hermann Wilhelm Paul, 1894-1951) SS-Standartenführer, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, sau chiến tranh làm kiến trúc sư tự do, gia nhập Đảng Quốc xã và SS năm 1931, tại mặt trận phía Đông chỉ huy nhiều cuộc thảm sát, tổng cộng giết tới hơn 60.000 người tại Ukraine. 1/1942 bị thải hồi vì chứng nghiện rượu, nhưng sau đó được gọi lại phục vụ cho Müller, năm 1944 đàn áp du kích ở Hungari, bị kết án tại Nürnberg và bị treo cổ.

Bock (Fedor von), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, tư lệnh tập đoàn quân Trung tâm rồi tập đoàn quân Nam từ tháng Giêng đến tháng Bảy 1942 (thế chỗ von Reichenau), chết bom năm 1945.

Boesenberg, Major der Polizei, sĩ quan SS, sĩ quan liên lạc cho HSSPF quân khu VIII, lên kế hoạch sơ tán và phá hủy trại Auschwitz cùng các trại phụ cho Schmauser vào tháng 10/1944.

Bopp (Franz, 1794-1867), nhà ngôn ngữ học người Đức, chuyên về ngôn ngữ học so sánh, có những công trình khảo sát dày dặn về ngữ hệ Ấn Âu.

Bormann (Martin, 1900-1945), SS-Obergruppenführer, SA-Obergruppenführer, nhân vật quan trọng của Đảng Quốc xã (bí thư đảng), của phủ thủ tướng và người thân cận với Adolf Hitler, gia nhập đảng rất sớm, 6/1923 cùng Höss dính dáng đến vụ giết Kadow, phải ngồi tù, bí thư cho Führer từ 4/1943, khoảng cuối cuộc chiến tranh kiểm soát gần như hoàn toàn được Hitler, tham gia rất nhiều mưu đồ chính trị, nhưng thất bại trong việc thu phục các Gauleiter, chết trong trận chiến Berlin, nhưng đến năm 1972 hài cốt mới được tìm ra.

Bouhler (Philipp, 1899-1945), SS-Obergruppenführer, cựu chiến binh

của Thế chiến thứ nhất, từng làm phóng viên cho tờ *Völkischer Beobachter*, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1922, bí thư văn phòng thủ tướng vào năm 1934, đứng đầu văn phòng kiểm duyệt, có vai trò trung tâm trong kế hoạch trợ tịch ("cái chết êm ái") từ 1939 đến 1941, năm 1945 cùng vợ tự tử bằng chất xianua trong trại tù.

Bracht (Fritz), Gauleiter vùng Thượng Silésie, mất tích sau chiến tranh.

Brack (Victor, 1904-1948), SS-Oberführer, Oberdienstleiter, gia nhập Đảng Quốc xã và SS vào năm 1929, bạn rồi tài xế của Himmler, sau 1936 làm phó cho Boulher, từ 1939-1941 phụ trách công việc giết chết khoảng 70.000 người bệnh tâm thần hoặc bệnh nặng, đứng đầu Amt II/Hauptamt, bị kết án tử hình tại tòa án Nürnberg.

Brandt (Rudolf, 1909-1948), SS-Obersturmbannführer, sau thăng SS-Standartenführer, Ministerialrat, tiến sĩ, sĩ quan tùy tùng của Himmler, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1932, đầu tiên làm phó cho Wolff, rồi thay thế vào năm 1943, liên quan đến nhiều khía cạnh của Giải pháp cuối cùng, bị kết án tử hình tại tòa án Nürnberg.

Brasillach (Robert, 1909-1945) nhà văn Pháp trong thời chính quyền Vichy, công khai ủng hộ Đức Quốc xã từ sau cuộc khủng hoảng năm 1934; khi Đức chiếm đóng Pháp làm chủ bút tờ báo bài Do Thái *Je suis partout*, chống lại các chính trị gia khuynh tả và ký kiến nghị xử tử lực lượng kháng chiến Pháp năm 1994. Bị chính quyền de Gaulle tuyên án tử hình vì tội cộng tác.

Brauchitsch (Walter von, 1881-1948), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, bị thải hồi năm 1941, ra tòa tại Nürnberg và chết trong tù.

Braun (Eva, 1912-1945) được coi là người tình cuối cùng của Hitler, kết hôn với Hitler một ngày trước khi cả hai cùng tự tử vào ngày 30/4/1945.

Braune (Werner, 1909-1951), SS-Obersturmbannführer, tiến sĩ, chỉ huy SS-Sonderkommando 11, sau chiến tranh bị xử tội chết (treo cổ).

Bräutigam (Otto, 1895-1992), tiến sĩ, nhà ngoại giao, nhân viên của Bộ các lãnh thổ phía Đông (Ostministerium - phó ban chính trị), phản đối nhiều chính sách chiếm đóng của quốc xã, sau chiến tranh làm cố vấn về các vấn đề Liên Xô cho Mỹ.

Breithaupt (Franz, 1880-1945), SS-Obergruppenführer, tiến sĩ, đứng đầu SS-Gericht Hauptamt, cuối chiến tranh chết vì tai nạn hoặc tự tử.

Bühler (Josef, 1904-1948), quốc vụ khanh, SA-Brigadeführer, làm việc cho Toàn quyền Hans Frank, có vai trò trung tâm trong việc giết người Do Thái tại Ba Lan, sau chiến tranh bị kết tội chết ở Vacxava.

Burgdorf (Wilhelm, 1895-1945), tướng, thế chỗ tướng Schmudt ở vị trí phụ trách Wehrmacht trong số các nhân viên gần gũi với Führer từ sau

20/7/1944, cuối chiến tranh tự tử tại phủ thủ tướng.

Burger (Wilhelm), SS-Sturmbannführer, gia nhập Đảng Quốc xã và SS từ rất sớm, đảm nhiệm nhiều vị trí trong WVHA cho đến năm 1939, chủ yếu về các vấn đề hành chính, làm Amtchef của D IV từ 4/1943, sau chiến tranh bị bắt, nhưng khi đó các phiên tòa xử WVHA đã kết thúc.

Burroughs (Edgar, 1875-1950): nhà văn Mỹ, được biết đến nhiều nhất với tư cách cha đẻ của nhân vật Tarzan; sau trận tấn công Trân Châu cảng 1941 trở thành phóng viên chiến tranh cho Mỹ.

Caesar (Hans-Joachim, 1901-), SS-Obersturmbann führer, tiến sĩ, chuyên gia nông học, được bổ đến trại Auschwitz vào 3/1942.

Callsen (Kuno, 1911-), SS-Hauptsturmführer, thành viên của SS-Sonderkommando 4A, từng làm việc dưới quyền Ohlendorf, chỉ huy một Teilkommando và làm phó tạm thời cho Blobel tại Lutsk năm 1941 trong thời gian Blobel lên cơn loạn thần kinh, nhận án tù 7 năm tại một phiên tòa tại Darmstadt vào năm 1973 (hoặc 1968).

Canaris (Wilhelm, 1887-1945), đô đốc, từng đứng đầu Abwehr vào năm 1935, sau 1938 đổi đầu với Hitler, bị Hitler cách chức khi Abwehr sáp nhập với SD 2/1944, sau vụ bắt Dohnanyi, bị Schellenberg bắt theo lệnh Kaltenbrunner, 7/1944, và bị gửi đến trại tập trung Flossenburg và bị treo cổ tại đó, cùng với một số sĩ quan khác không lâu trước khi chiến tranh kết thúc.

Champaigne (Philippe de, 1602-1674), họa sĩ cổ điển Pháp, tác giả bức tranh *Chúa nằm chết trên vải liệm* (khoảng 1654).

D'Alquen (Gunter, 1910-1998), SS-Brigadeführer, nhà báo quốc xã chuyên nghiệp, bỏ tờ *Völkischer Beobachter* để gia nhập SD vào năm 1933, lập ra và là tổng biên tập tờ *Das Schwarzes Korps*, ra số đầu tiên 6/3/1935, từ cuối năm 1944 phụ trách mảng tuyên truyền của Wehrmacht.

Daluege (Kurt, 1897-1946), SS-Obergruppenführer, Generaloberst der Polizei, cựu thành viên SA, chuyển sang SS và trở thành người đứng đầu SS Berlin năm 1929, tham gia vụ thanh toán Röhm vào năm 1934, phụ trách bộ phận cảnh sát trực thuộc Bộ Nội vụ, trở thành SS-ORPO sau khi Himmler nắm quyền kiểm soát cảnh sát (từ 1936 đến 1943), là người ký lệnh trục xuất Do Thái khỏi Reich 10/1941, sau chiến tranh bị treo cổ ở Praha.

Eberhard (Kurt), General-Major của Wehrmacht, Kommandant thành phố Kiev, đứng đầu Feldkommandantur 195 thuộc đại đoàn số 6, có trách nhiệm trong vụ thảm sát Babi-Yar 9/1941.

Eichmann (Adolf Otto, 1906-1962), SS-Obersturmbannführer, là người được Obergruppenführer Reinhard Heydrich giao nhiệm vụ tổ chức các ghetto và trại tập trung ở Đông Âu, gia nhập Đảng Quốc xã Áo và SS năm 1932, năm 1933 chuyển sang Đức, có em trai bị giết tại Stalingrad vào năm 1942, tổ chức và phụ trách vấn đề Do Thái Hungari 3/1944, tại đó thuyết phục vụ “đổi máu lấy hàng” cùng Brandt và Kastner, quay về Berlin 12/1944, sau chiến tranh sống ở Đức dưới một cái tên giả rồi chạy sang Argentina, rồi bị cơ quan tình báo Israel Mossad bắt được và mang về Israel xét xử, chịu án tử hình.

Eicke (Theodor, 1892-1943), SS-Obergruppenführer, tổng thanh tra đầu tiên của các trại tập trung, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, chỉ huy quân kháng chiến chống sự chiếm đóng của Pháp tại vùng sông Rhin, chạy trốn sang Ý vào năm 1928, cùng năm gia nhập Đảng Quốc xã và SA, năm 1930 chuyển sang SS, được cử chỉ huy trại tập trung Dachau 6/1933, đóng vai trò quan trọng trong vụ “Đêm dao dài” (1934), đích thân bắn chết Röhm, năm 1939 chiến đấu trong Waffen-SS tại Pháp, chết vì máy bay rơi gần Kharkov.

Eisler, Thiếu tá Ic tại đại đoàn số 6, làm việc ở Crimée.

Fegelein (Hermann, 1906-1945), SS-Gruppenführer, tướng của SS thân cận với Himmler, năm 1944, lấy Gretl, chị em sinh đôi với Eva Braun ngay trước khi Berlin thất thủ, Hitler xử tử Fegelein vì trên người Fegelein mang các tài liệu liên quan đến việc đổi người Do Thái lấy xe cộ, có thể là một kế hoạch ngầm của Himmler (Eva Braun không hề làm gì để cứu người anh rể).

Findeisen, SS-Oberscharführer, lái xe riêng của Heydrich, vì những lý do không ai biết bị gửi lái chiếc cam nhông hơi ngạt sang Ukraine và phục vụ tại đây.

Florstedt (Hermann, 1902-1948), SS-Standartenführer, Kommandant của trại tập trung Lublin, từng làm ở các trại Buchenwald và Sachsenhausen, bị cách chức sau cuộc điều tra của Morgen, sau đó bị tòa án SS kết tội tham nhũng và bị treo cổ tại trại Buchenwald.

Frank (Hans, 1900-1946), SA-Obergruppenführer, tiến sĩ luật, gia nhập Đảng Quốc xã từ rất sớm, Frank từng là cố vấn luật của Hitler, đóng vai trò quan trọng trong việc tàn sát người Do Thái ở Ba Lan (nơi Frank làm Toàn quyền) khiến Frank bị kết án tử hình tại tòa án Nürnberg và bị xử tử vào ngày 16/10/1946.

Freisler (Roland, 1893-1945), quốc vụ khanh, tiến sĩ, trước là đảng viên cộng sản, sau Thế chiến thứ nhất hành nghề luật sư, chủ trì phiên tòa nhân dân xử vụ đảo chính bất thành 7/1944, chết bom trong khi đang tra hỏi Fabian von Schlabrendorff.

Frick (Wilhelm, 1877, 1945), Bộ trưởng Nội vụ, tham gia quốc xã từ thời kỳ đầu, nhân vật quốc xã đầu tiên có một vị trí chính trị quan trọng (bộ trưởng vào năm 1929), năm 1933 được phong làm Reichsminister, phụ trách toàn bộ nền hành chính của Reich từ 1935 đến 1943, chống SS và bị thất sủng, bị thay thế bởi Himmler vào 8/1943, từ đó làm Bộ trưởng Không bộ cho đến cuối chiến tranh, bị kết án treo cổ tại tòa án Nürnberg.

Furtwängler (Wilhelm, 1886-1954), nhà soạn nhạc và nhạc trưởng người Đức, chỉ đạo nhiều buổi biểu diễn trong khoảng thời gian này với nhạc Beethoven, Wagner, Brahms, Bruckner..., là một nhân vật văn hóa quan trọng của giai đoạn đó. Được Đế chế thứ ba khá trọng vọng nhưng thường biểu thị sự không tán đồng đối với chủ nghĩa quốc xã, tới gần cuối chiến tranh di cư sang Thụy Sĩ.

Globocnik (Odilo, 1904-1945), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Polizei, là người gốc Áo-Croatia, gia nhập Đảng Quốc xã Áo năm 1922, rồi Đảng Quốc xã Đức năm 1931, và SS năm 1932, năm 1933 chịu một án tù vì tội giết một chủ hiệu đồ trang sức Do Thái, tham gia vụ Anschluss (1938), trở thành Gauleiter của Viên cùng năm đó, bị cách chức năm 1939 vì một vụ buôn tiền bất hợp pháp, sau được gọi lại và trở thành SSPF Lublin năm 1939, đứng đầu "Einsatz Reinhard" (tiêu diệt người Do Thái ở Belzec, Sobibor, Majdanek và Treblinka) từ mùa thu 1941 đến 10/1943, năm 1943 được Himmler phong làm quốc vụ khanh, sau các xung đột với các lãnh đạo SS bị chuyển sang Trieste 9/1943 với tư cách HSSPF, tự tử bằng chất độc để tránh rơi vào tay quân Anh.

Glücks (Richard, 1889-1945), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Waffen-SS, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, sớm gia nhập Đảng Quốc xã và SS, từng là thuộc cấp của Eicke tại IKL, sau khi IKL sáp nhập vào WVHA 3/1942, vẫn là người đứng đầu Amtsgruppe, ngay trước khi Đức đầu hàng quân Đồng minh bị đưa vào bệnh viện của hải quân trong tình trạng nguy kịch, theo Hilberg thì Glücks bị mất tích, nhưng Reitlinger lại cho rằng Glücks tự sát.

Goebbels (Joseph, 1897-1945), tiến sĩ, từng viết văn nhưng không thành công, gia nhập Đảng Quốc xã ngay từ năm 1922, nhưng một thời gian sau mới bắt đầu thân cận với Hitler, một trong những nhân vật chính yếu xây dựng hình ảnh Führer được tôn thờ, ngay từ 1930 đã trở thành người phụ trách toàn bộ công tác tuyên truyền của quốc xã, Reichsminister từ 1933, năm 1943 tiêu diệt toàn bộ người Do Thái còn sót lại ở Berlin, 7/1944 được cử làm đặc mệnh toàn quyền để tiến hành động viên cho chiến tranh tổng lực, cùng vợ giết sáu đứa con rồi tự sát trong boongke của Hitler trong trận đánh Berlin.

Göring (Hermann, 1893-1946), Reichsmarschall, phụ trách Cơ quan Kế hoạch Bốn năm, Bộ trưởng Bộ Không quân, phụ trách Luftwaffe, Reichstag, Phổ, một trong những nhân vật quan trọng nhất của chủ nghĩa quốc xã, từng là đại úy trong Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1922, tổ chức SA, tham gia vụ bạo loạn München, sau 1933 là Bộ trưởng Không bộ và Bộ trưởng Nội vụ Phổ, tổ chức Gestapo trước khi cơ quan này rơi vào bàn tay của Himmler, đến khoảng năm 1939 thì nắm được những quyền lực khổng lồ, mặc dù là một kẻ tham nhũng lớn, nhưng bị Hitler tước bỏ tất cả vào 4/1945 vì có ý định thay thế Führer, tự sát trong tù trong thời gian diễn ra phiên tòa Nürnberg.

Grabner (Maximilian, 1905-1947), SS-Untersturmführer, Kriminalsekretar, phụ trách bộ phận chính trị (Politische Abteilung) của trại tập trung Auschwitz, trước hoạt động ở Áo, sau chuyển đến Auschwitz ngay từ khi trại được mở vào 5/1940, bị Morgen kết tội tham nhũng và giết 2 000 tù nhân, bị bắt vào 12/1943 và bị xử án tại Weimar 10/1944 với án tù 7 năm, sau chiến tranh bị người Ba Lan xử lại và lĩnh án treo cổ.

Grafhorst (Bernhard), SS-Obersturmführer, chỉ huy đại đội Waffen-SS của Sonderkommando 4a từ tháng Bảy đến tháng Mười năm 1941.

Greiser (Arthur, 1897-1946), SS-Obergruppenführer, Gauleiter của vùng Warthegau, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1928, chủ tịch Nghị viện Danzig từ 1934 đến 1939 rồi Gauleiter vùng Warthegau, thân cận với Himmler và Bormann, liên quan đến việc tiêu diệt người Do Thái ở Warthegau ở Chelmno, chạy khỏi Posen 1/1945, bỏ lại thường dân tại đó cho Hồng quân, bị treo cổ ở Posen sau khi chịu xét xử.

Grothmann (Werner), thuộc bộ tham mưu riêng của Himmler, đầu tiên là trợ lý quân sự, sau đó trở thành sĩ quan tùy tùng của Himmler thế chỗ Rudolf Brandt vào 9/1943.

Günther (Hans F.K., 1891-1968), học giả, nhà nhân chủng học người Đức, tác giả cuốn sách *Ngăn gợn về nhân học chủng tộc dân tộc Đức*, 1922, được bộ trưởng Frick bổ nhiệm vào chức giáo sư về các vấn đề chủng tộc tại Đại học Jena năm 1930, giám đốc Viện nghiên cứu chủng tộc ở Berlin, giáo sư về khoa học chủng tộc tại Đại học Freiburg từ năm 1940, sau chiến tranh vẫn không thay đổi các quan điểm khoa học của mình và cho tái bản nhiều cuốn sách đã viết trước đó, có thể là bố của cả Hans Günther và Rolf Günther (trợ lý của Eichmann).

Günther (Rolf), SS-Sturmbannführer, trợ lý của Eichmann ở Berlin, tự sát khi bị quân Mỹ bắt, có một người anh em tên là Hans Günther thay thế chức vụ của Eichmann ở Praha và bị quân du kích Séc ám sát, có thể cả Rolf và Hans đều là con của giáo sư nhân chủng học Günther.

Häfner (August, 1912-), SS-Obersturmführer, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1932 và SS năm 1933, phục vụ trong SS-Sonderkommando 4A, năm 1973 bị kết án 8 năm tù tại phiên tòa Darmstadt.

Halder (Franz, 1884-1972), Generaloberst của Wehrmacht, dính dáng đến nhiều âm mưu ám sát hoặc hạ bệ Hitler vào 9/1938 và 9/1939, năm 1942 bị Hitler cách chức sau khi đối đầu về chính sách, 7/1944 bị cầm tù ở trại Dachau vì thân cận với những kẻ âm mưu, nhưng sống sót được.

Hanke (Karl, 1903-1945), SS-Obergruppenführer, Gauleiter của vùng Hạ Silésie, sau 1933 là quốc vụ khanh ở Bộ Tuyên truyền, bạn thân của bộ trưởng Speer, tình nguyện làm lính xe tăng ra mặt trận khi bắt đầu chiến dịch Ba Lan, trở thành Gauleiter từ 2/1941, trợ giúp Speer ở Bộ Khí tài từ mùa thu 1943 đến 5/1944, đến cuối chiến tranh được Hitler cử thế chỗ Himmler đứng đầu cảnh sát Đức, bị du kích Séc giết chết ở gần Neudorf.

Hans (Kurt, 1911-), SS-Obersturmführer, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1932, chỉ huy Teilkommando, phục vụ trong SS-Sonderkommando 4a.

Hartjenstein (Fritz, 1905-), SS-Sturmbannführer, sau 1938 phục vụ trong Waffen-SS, chỉ huy trung đội, rồi đại đội tại trại tập trung Sachsenhausen, sư đoàn Totenkopf Waffen-SS từ 1940 đến 1942, Kommandant trại Auschwitz II (Birkenau) từ 11/1943 đến 5/1944, được Eichmann gọi sang Hungari và trở thành phó Standortältester cho Höss, rồi Bär, sau này trở thành Kommandant trại Natzweiler, bị người Anh (1946) rồi người Pháp (1954) kết án chung thân, chết trong tù.

Hartl (Albert, 1904-), SS-Obersturmbannführer, Leiter I, phục vụ trong SS-Einsatzgruppe C, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1933 và SS năm 1934, sau chiến tranh viết văn.

Heim (Ferdinand, 1895-1977), Oberst của Wehrmacht, tham mưu trưởng của Generalfeldmarschall von Reichenau, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, tham gia chiến dịch Ba Lan năm 1939, được cử vào OKH 2/1940, từ 9/1940 phục vụ von Reichenau, là người ở AOK 6 thường xuyên gặp Blobel, phụ trách các cuộc thẩm sát Lutsk, Jitomir, Kiev, Kharkov, trở thành Generalmajor từ 2/1942, bị thay thế vào 5/1942 bởi Schmidt, rồi tiếp tục kinh qua nhiều chức vụ tại Liên Xô, sau khi thất bại trong việc kháng cự lại Hồng quân trong chiến dịch "Uranus" 11/1942, bị bắt giữ cho đến 4/1943 rồi được phong Kommandant Boulogne-sur-Mer từ tháng Tám đến tháng Chín 1944, bị quân Anh bắt 9/1944, tù nhân chiến tranh cho đến 1948.

Hennicke (Karl, 1910-), SS-Sturmbannführer, gia nhập Đảng Quốc xã và SS năm 1929, từng phụ trách SD ở Cologne và làm ở SD Karlsruhe.

Herwarth von Bittenfeld (Hans), Oberst của Wehrmacht, làm trợ tá của

Köstring khi Köstring trở thành thanh tra các đội quân ở mặt trận phía Đông từ 1943 đến 1945.

Heydrich (Reinhard Tristan Eugene, 1904-1942), SS-Obergruppenführer, đứng đầu SP và SD, Phó Bảo quốc của Reich, sinh ra trong một gia đình nhạc sĩ, Heydrich cũng là một tay đàn violon giỏi, vào SS năm 1931, tổ chức bộ phận gián điệp cho Himmler, đứng đầu cảnh sát chính trị Bayern năm 1933, một trong những người tham gia tích cực vụ thanh toán năm 1934, đứng đầu SP (Gestapo và Kripo) từ 6/1936, đảm trách việc hình thành chính sách Do Thái cho Reich từ 1939, tháng Chín cùng năm sáp nhập SD, Gestapo, Kripo thành RSHA, điều hành các hoạt động của cảnh sát ở Ba Lan, tổ chức nhiều vụ giết các thành viên của giới tinh hoa ở đây, được Göring cử phụ trách vấn đề Giải pháp cuối cùng đối với người Do Thái 7/1941, bị du kích Séc ám sát ở gần Praha.

Himmler (Heinrich, 1900-1945), Reichsführer-SS, đứng đầu cảnh sát của Reich, đặc mệnh toàn quyền của nền hành chính Reich, Bộ trưởng Bộ Nội vụ từ 8/1943, tư lệnh tập đoàn quân "Vistule" vào giai đoạn cuối chiến tranh, từng tham gia vụ bạo loạn München, gia nhập SS năm 1926, có một quãng thời gian từ 1928 đến 1929 làm chủ trang trại nuôi gà, kể từ 1/1933 cùng với Heydrich thu tóm quyền lực của SS, lập ra trại tập trung Dachau, xây dựng Waffen-SS trở thành một dạng quân đội "song song", có lúc quân số lên đến 35 sư đoàn, nhân vật chủ chốt của Giải pháp cuối cùng đối với người Do Thái, từ 11/1944 tìm cách giảm bớt các hoạt động tàn diệt của các trại tập trung, bị Hitler tước bỏ mọi quyền lực 4/1945 vì tìm cách lật đổ Führer, tự sát khi bị quân Anh bắt.

Höfle (Herman Julius, 1911-1962), SS-Sturmbannführer, phó của Globocnik và là một nhân vật chủ chốt của "Einsatz Reinhard", gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1930, sau thời kỳ ở "Einsatz Reinhard" được bổ về trại tập trung Sachsenhausen, bị quân Anh bắt từ 1945 đến 1947 rồi được thả vì không xác định được danh tính, sau này treo cổ tự sát ở Viên.

Höhn (Reinhard, 1904-2000), giáo sư tiến sĩ, SS-Oberführer, lấy bằng tiến sĩ năm 1928, năm 1929 xuất bản bài báo đầu tiên về chính sách lập pháp, bắt đầu làm việc cho SD từ 1932, gia nhập Đảng Quốc xã và SS vào năm 1933, giáo sư về luật lập pháp và hành chính tại Đại học Berlin từ 1933 đến 1945, giám đốc Viện nghiên cứu nhà nước từ 1936 đến 1945, từng tuyển chọn Ohlendorf, Six, và nhiều trí thức trẻ cho SD, mùa hè 1936 xin từ chức sau khi thất bại trong âm mưu chống lại Walther Frank.

Horn (Maximilian), nhà quản trị chuyên nghiệp, được Pohl chọn để xây dựng và quản lý OSTI, có xung đột với Globocnik, thu được nhiều kết quả tốt nhưng công việc bị thất bại vì lệnh tiêu diệt tất cả các Arbeitjude của OSTI 11/1943.

Höss (Rudolph Franz Ferdinand, 1900-1947), SS-Obersturmbannführer, Kommandant trại tập trung Auschwitz, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1922, ngồi tù năm 1923 vì giết Kadow, được ân xá năm 1928, trở thành chủ trang trại sau khi được tha, lấy vợ năm 1929, có ba con, gặp Himmler năm 1930, được Himmler mời gia nhập SS năm 1934 và được Eicke mời đến làm việc ở Dachau cùng năm, năm 1938 chuyển sang trại Sachsenhausen, đến 1939 trở thành trưởng trại, 5/1940 chuyển đến Auschwitz, lập trại rồi mở rộng nó để phục vụ công việc tàn diệt, 11/1943 được cử đứng đầu D1 của WVHA, 6/1944 quay trở lại Auschwitz để tiếp đón người Do Thái Hungari ("Aktion Höss") và tháng Chín cùng năm nghiên cứu khả năng thanh toán trại Birkenau, liên quan đến nhiều toan tính sơ tán các trại vào đầu năm 1945, bị bắt 3/1946, ra tòa ở Nürnberg rồi bị dẫn độ sang Ba Lan, viết hồi ký trong thời gian diễn ra phiên tòa, từ 1946 đến 1947, bị treo cổ ở Auschwitz.

Höttl (Wilhelm, 1915-1999), SS-Sturmbannführer, tiến sĩ, gặp Eichmann vào năm 1938, nhưng là một người của Kaltenbrunner, gia nhập Waffen-SS để chiến đấu trong các hoạt động chống du kích, được Schellenberg đưa trở lại Amt VI vào năm 1942, được bổ sang Ý để quan sát sự xuống dốc của chủ nghĩa phát xít Ý, giúp đỡ việc khôi phục nhật ký của Ciano, sau đó chuyển sang Viên và Hungari trong những năm 1943-1944 để hoạt động phản gián, thương thuyết với Eichmann và thân thiết với Veessenmayer, sau chiến tranh sống ở Áo, sử dụng các tài chính có nguồn gốc không minh bạch, có thể là của người Do Thái, từng viết một cuốn sách về SS và Amt VI của RSHA dưới cái tên Hagen.

Hunsche (Otto), SS-Hauptsturmführer, tiến sĩ, làm việc ở bộ phận phụ trách Do Thái của RSHA, có vai trò tại Hungari năm 1944, bị các tòa án Đức bắt và thả nhiều lần trong những năm 1950 và 1960, nhưng chỉ phải ngồi tù rất ít thời gian.

Huppenkothen (Walter, 1907-), SS-Brigadeführer, Regierungsdirektor, luật gia, gia nhập SS và Đảng Quốc xã năm 1933, phục vụ trong chiến dịch Ba Lan, rồi BdS Lublin từ 2/1940 đến 7/1941, xung đột với Globocnik, thay thế Schellenberg đứng đầu RSHA/IV/E từ 7/1941, làm thẩm phán trong phiên tòa xử đô đốc Canaris, năm 1951 bị xử 6 năm tù.

Janssen (Adolf, 1916-), SS-Obersturmführer, chủ huy một Teilkommando, phục vụ trong SS-Einsatzkommando 4A, năm 1968 bị xử 11 năm tù.

Jeckeln (Friedrich, 1895-1946), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, General der Polizei, Staatsrat, HSSPF Russland-Süd, HSSPF Ostland und Russland-Nord, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1929 và SS năm 1930, 11/1941 sang Ukraine, giết 44 125 người cùng với Ordnungspolizei (cảnh

sát trật tự) của mình, trong đó đa phần là người Do Thái, chuyển sang Ostland từ 11/1941 đến 5/1945 (đổi chỗ cho Prützmann), bị người Xô viết đưa ra tòa ở Riga và bị treo cổ cùng ngày.

Jodl (Alfred, 1890-1946), Generaloberst, chỉ huy Bộ phận Tác chiến thuộc bộ tổng tham mưu Wehrmacht, được phong chức vào năm 1938, tại Nürnberg bị treo cổ.

Jost (Heinz, 1904-1964), SS-Brigadeführer, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1928, gia nhập SA năm 1929, chuyển sang SS (SD) năm 1934, năm 1936 đứng đầu cơ quan tình báo nước ngoài và phản gián, 1939 đứng đầu RSHA/VI, BdS của Ostland vào năm 1932, năm 1944 chuyển sang Waffen-SS, bị kết án tù chung thân tại Nürnberg vào năm 1948 nhưng được thả vào năm 1951.

Jüttner (Max, 1894-1965), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, đứng đầu SS-Führungshauptamt, là một nhà kinh doanh rất thành công từ 1920 đến 1929, gia nhập SS năm 1935, từng là trợ tá của Himmler với tư cách đứng đầu Ersatzheer từ 7/1944 đến 5/1945, sau chiến tranh không bị xử tội gì.

Kaltenbrunner (Ernst, 1903-1946), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, General der Polizei, quốc vụ khanh, tiến sĩ, đứng đầu SP và SD, gia nhập Đảng Quốc xã Áo năm 1930, SS năm 1931, từng ngồi tù ở Áo, giúp Schellenberg xây dựng Amt VI của RSHA để làm đối trọng với Abwehr của Canaris, thay thế Heydrich đứng đầu RSHA, sếp SP và SD từ 1/1943, vào khoảng cuối chiến tranh, âm mưu cùng Bormann để hãm hại Himmler, sau chiến tranh bị kết án tử hình và bị treo cổ.

Kammler (Hans, 1901-1945), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Waffen-SS, tiến sĩ, đứng đầu Amtsgruppe, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1932, SS năm 1933, từ 6/1941 sau khi được Himmler thuyết phục chuyển sang làm hãn cho SS, chỉ đạo công việc xây dựng Auschwitz và nh ều trại tập trung khác, tạo lập nhiều kế hoạch sử dụng nhân công nô lệ, từng có tin đồn sẽ lên thay Speer ở chức bộ trưởng, báo cáo trực tiếp với Himmler chứ không thông qua Pohl, xây dựng Sonderstab Kammler để quản lý các dự án xây dựng ngầm dưới đất, đầu năm 1945 quản lý hoàn toàn các chương trình sản xuất V1 và V2, báo cáo trực tiếp cho Hitler, trong trận đánh Berlin hoặc bị giết hoặc tự sát.

Keitel (Wilhelm, 1882, 1946), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, quản lý nhân sự, thân cận với Hitler, bị treo cổ ở Nürnberg.

Kleber (Werner), SS-Obersturmführer, chỉ huy Teilkommando Stavropol vào năm 1942, phục vụ trong SS-Einsatzkommando 12.

Kleist (Paul Ludwig Ewald von, 1881-1954), Generalfeldmarschall của

Wehrmacht, tư lệnh đại đoàn panzer số 1, tư lệnh tập đoàn quân A, được phong Generalfeldmarschall vào năm 1943, bị người Mỹ bắt, dẫn độ sang Nam Tư rồi Liên Xô, chết trong trại tù binh chiến tranh Liên Xô gần Vladimir.

Kluge (Günther Hans von, 1882-1944), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, tư lệnh tập đoàn quân Trung tâm, từng là tổng tư lệnh mặt trận phía Tây, bị thay thế bởi Rundstedt vào năm 1944, dính dáng đến âm mưu ám sát Hitler, bị mật thương thuyết về vấn đề tù binh với người Anh, bị cách chức 8/1944, thay bằng Model, tự sát.

Knochen (Helmut, 1910-), SS-Standartenführer, tiến sĩ, BdS nước Pháp, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1932, SS năm 1936, một trong các trí thức trẻ do giáo sư Höhn tuyển dụng cho SD, năm 1940 được phong làm KdS Paris, rồi BdS nước Pháp năm 1942, dính dáng đến việc tiêu diệt người Do Thái và quân kháng chiến Pháp, sau khi Pháp được giải phóng, chiến đấu trong SS-Leibstandarte "AH", bị tòa án Anh kết tội chết năm 1946, sau đó bị dẫn độ sang Pháp và lại bị kết án tử hình năm 1954, nhưng sau này được de Gaulle ân xá (1962), rút về ở Baden-Baden.

Koch (Hans), Hauptmann, giáo sư, tiến sĩ, Wehrmacht và Abwehr, giáo sư thần học, từng ở Lvov và Ukraine vào năm 1941.

Korherr (Richard), Oberregierungsrat, tiến sĩ, thanh tra thống kê cho Himmler, tuy không phải là người của SS nhưng được Himmler tuyển dụng vào năm 1940 để tiến hành các nghiên cứu thống kê, 3/1943 viết bản báo cáo nổi tiếng, "báo cáo Korherr" cho Himmler, gửi kèm một bản cho Hitler, đánh giá tình hình thực hiện Giải pháp cuối cùng cho đến 12/1942, sau này thành lập một viện thống kê và trú mình tại đó.

Körner, Staatssekretär của Reichsmarschall Göring.

Korsemann (Gerret, 1895-1953), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Polizei, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã và SA vào năm 1926, làm việc ở ORPO, gần gũi với Daluge, năm 1939 được chuyển sang SS, 11/1941 trở thành HSSPF ở Tây Ukraine, tổ chức các cuộc tàn sát người Do Thái ở Rovno, giữa năm 1942 trở thành HSSPF "Russland-Mitte" (Trung Nga), sau thất bại ở Caucase còn được phong làm HSSPF ở Nga một lần nữa vào năm 1943 nhưng sau đó vào tháng Bảy cùng năm bị kết tội là hèn nhát nên bị sung làm binh nhì cho Waffen-SS, bị tòa án Ba Lan xử, năm 1949 được thả.

Köstring (Ernst 1876-), General der Kavallerie của Wehrmacht, người đứng đầu vùng Kouban-Caucase, từng làm tùy viên quân sự tại Matxcova hai thời kỳ, từ 1927 đến 1930 và từ 1935 đến 1941, có tiếng đặc biệt khôn ngoan, thanh tra các đội quân ở mặt trận phía Đông từ 12/1943 đến 5/1945.

Kraus (Franz Xavier), SS-Sturmbannführer, chỉ huy kế hoạch sơ tán Auschwitz, chiến đấu nhiều năm ở Nga, bị thương tại Kursk 7/1943.

Krebs (Hans, 1898-1945), Generaloberst của Wehrmacht, phụ trách nhân sự, từng là tùy viên quân sự ở Matxcova năm 1941, là người phụ trách nhân sự cuối cùng của bộ tổng tham mưu, thay thế Guderian 3/1945, sau khi Hitler tự sát thất bại trong việc thương thuyết với Tchouikov, sau đó cũng tự sát.

Krüger (Friedrich Wilhelm, 1894-1945), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, General der Polizei, SA-Obergruppenführer, HSSPF, toàn quyền, quốc vụ khanh phụ trách an ninh, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1929, SA năm 1930, SS năm 1931, là người tổ chức của SS trước khi Năm Chính Quyền, năm 1944 chiến đấu chống du kích ở Nam Tư, tự sát vào cuối chiến tranh.

Krumey (Hermann, 1905-), SS-Obersturmbannführer, trợ tá của Eichmann, xuất thân là một dược sĩ, gia nhập SS sau khi Sudetenland được sáp nhập năm 1938, năm 1941 được gửi sang Đan Mạch để trông coi vấn đề Do Thái, sau đó sang Viên, năm 1943 phụ trách việc tiêu diệt người Do Thái ở vùng Croatia/Dalmatie trước đây thuộc Ý, trợ giúp Eichmann ở Hungari năm 1944, rồi sang trại tập trung Strasshof ở Áo, bị bắt 5.1945, không bị xử án, năm 1960 lại bị bắt ở Đức và đến 1969 bị xử án chung thân.

Leetsch (Johannes), SS-Sturmbannführer, tiến sĩ, phục vụ trong SS-Einsatzgruppe D, 9/1942 thay thế Seibert, phục vụ dưới thời Bierkamp cho đến 6/1943.

Ley (Robert, 1890-1945), bộ trưởng, cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1924, là một người nghiện rượu, thường xuyên bị thất sủng dưới triều Hitler, sau 1/1933, đứng đầu Ủy ban Hành động để bảo vệ người lao động Đức, diệt trừ các công đoàn và lập ra DAF, Mặt trận lao động, mất dần ảnh hưởng trong chiến tranh, bị quân Đồng minh bắt, tự sát trong khi đợi ra trình diện ở tòa án Nürnberg.

Liebehenschel (Arthur, 1901-1948), SS-Obersturmbannführer, phó tổng thanh tra thuộc văn phòng tổng quản lý các trại tập trung, Kommandant của Auschwitz I và Majdanek, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1932 và SS năm 1934, quản lý Auschwitz sau khi Höss đi khỏi, từ 11/1943 đến 5/1944, thực hiện nhiều cải cách nhằm tăng năng suất lao động, từ tháng Năm đến tháng Bảy 1944 được chuyển đến Majdanek, rồi sang Trieste phục vụ Globocnik, bị người Mỹ bắt, dẫn độ sang Ba Lan rồi ra tòa ở Krakow và nhận án treo cổ.

List (Wilhelm, 1880-), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, tư lệnh tập đoàn quân A, là một quân nhân chuyên nghiệp, từng chỉ huy các đại đoàn ở Ba

Lan và Pháp, lên chức Generalfeldmarschall sau khi Đức chiếm được Pháp, tư lệnh tập đoàn quân A từ tháng Bảy đến tháng Chín 1942 rồi mất chức vì không chọc thủng được phòng tuyến quân Liên Xô, người thay thế là đích thân Hitler, năm 1947 bị xử án chung thân tại tòa án Nürnberg, được thả năm 1951 vì lý do sức khỏe.

Lolling (Enno, -1945), SS-Standartenführer, bác sĩ, từng làm bác sĩ quân y trong Thế chiến thứ nhất, chuyển sang Waffen-SS, làm bác sĩ trưởng của trại Dachau rồi trở thành người đứng đầu bộ phận y tế của IKL, thiếu năng lực chuyên môn, thường xuyên sử dụng ma túy, nghiện rượu, chết vào cuối chiến tranh (có thể là tự sát).

Mabire (Jean), nhà văn Pháp cực hữu và dân tộc chủ nghĩa.

Manstein (Erich von, 1887-), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, tư lệnh đại đoàn 11, tư lệnh tập đoàn quân sông Đông, tư lệnh tập đoàn quân Nam, có gốc Do Thái, là người xây dựng kế hoạch xâm chiếm Pháp được Hitler chấp thuận, tham gia thảo kế hoạch Barbarossa, thất bại trong việc giải vây cho đại đoàn 6 trong trận Stalingrad, nổi tiếng vì hay chống lệnh Hitler, nhưng không phản đối kế hoạch tận diệt người Do Thái, 3/1944 bị Hitler cách chức, nhưng từ chối tham gia kế hoạch mưu sát Hitler, sau chiến tranh ngồi tù cho đến năm 1952, sau khi được thả viết cuốn sách *Những vinh quang đánh mất*.

Maurer (Gerhard, 1907-1951), SS-Standartenführer, người sáng lập và sếp của Arbeitseinsatz, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1930, SS năm 1933, 11/1943 trở thành phó của IKL sau khi Liebehenschel chuyển đi, nhiều ảnh hưởng và quyền lực hơn Glücks, bị bắt sau chiến tranh nhưng quá muộn cho phiên tòa Nürnberg xử WVHA, bị xét xử và hành quyết ở Ba Lan.

Morgen (Georg Konrad, 1909-), SS-Sturmbannführer của Waffen-SS dự bị, tiến sĩ, thẩm phán của SS, trước chiến tranh là thẩm phán của Landgericht ở Stettin, điều tra về những việc làm quá đà của SS ở Ba Lan từ 1939 đến 1942, từng bị giáng chức xuống làm SS-Sturmann, bị phái đi Stralsund trong một đơn vị mang tính chất trừng phạt, đến 5/1943 được Himmler gọi trở lại, được phục chức và trở thành thẩm phán SS, 7/1943 được Himmler giao nhiệm vụ thanh tra các trại tập trung, từng bắt Koch và Hoven ở trại Buchenwald, Göth của trại Plaszow và Grabner của trại Auschwitz, nhưng thất bại trong việc bắt Höss, sau đó được chuyển sang làm chánh án ở Breslau vào cuối năm 1944, có trình diện tại tòa án Nürnberg.

Möritz (Friedrich Wilhelm, 1907-1942?), Feldpolizeikommissar, Kriminalrat của Wehrmacht, mất tích trong trận Stalingrad.

Müller (Erich, 1902-), SS-Sturmbannführer, tiến sĩ, phục vụ trong SS-

Einsatzkommando 12, từng làm việc ở Bộ Tuyên truyền và Gestapo Berlin, sau chiến tranh chạy sang Argentina.

Müller (Heinrich, 1900-1945?), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Polizei, Amtchef, mất tích trong trận đánh Berlin, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất với những công trạng lớn, năm 1934 gia nhập SS, trước đó đã kinh qua nhiều chức vụ quan trọng trong ngành cảnh sát, phó của bộ phận trung tâm phụ trách vấn đề di cư Do Thái vào năm 1939, thượng cấp trực tiếp của Eichmann, được phong đứng đầu Amt IV, đồng thời là phó phụ trách SD và SP khi RSHA được thành lập 9/1939, sau chiến tranh mặc dù có rất nhiều nỗ lực nhưng không bao giờ người ta tìm ra Müller.

Müller, SS-Untersturmführer, chỉ huy SS-Einsatzkommando 4A.

Nadal (Jérôme, 1507-1580) người Tây Ban Nha là một trong mười thành viên đầu tiên của dòng Tên, chủ trì bộ sách minh họa Tin lành, hướng dẫn suy niệm, cuốn sách đầu tiên thuộc loại này, xuất bản tại Anvers năm 1594.

Nebe (Arthur, 1894-1945), SS-Gruppenführer, Reichskriminaldirektor, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã và SA vào năm 1931, liên quan chặt chẽ đến các chương trình diệt trừ, cộng tác với Eichmann để trục xuất người Do Thái vào năm 1939, tình nguyện sang mặt trận phía Đông, chỉ huy Einsatzgruppe B, thử nghiệm dùng chất nổ để giết người Do Thái tại Minsk 9/1941, cuối năm đó quay trở về Berlin sau khi đã giết 45 467 người, sau âm mưu ngày 20/7/1944, bắt những kẻ âm mưu nhưng sau đó lại biến mất, bị bắt 1/1945, bị tước bỏ mọi chức vụ và nhận án treo cổ 3/1945.

Neifend, SS-Obersturmbannführer, Regierungsrat, tiến sĩ, luật gia, chuyên về khía cạnh luật pháp của RSHA trong các giải pháp với người Do Thái.

Niemeyer, Oberstleutnant của Wehrmacht và Abwehr, lc của AOK 6.

Oberländer (Theodor Erich Ernst Emil Otto, 1905-1998), Thiếu tá của Wehrmacht, giáo sư tiến sĩ, chỉ huy tiểu đoàn "Nachtigall", chỉ huy tiểu đoàn "Bergmann" tại Caucase, đầu những năm 1930 là giáo sư chuyên ngành kinh tế Đông Âu ở Đại học Königsberg, khi phụ trách các đơn vị chiến đấu tỏ ra là một chỉ huy hà khắc, thẳng tay tiêu diệt những kẻ do dự, có biệt danh là "Lawrence vùng Caucase", phạm tội ác chiến tranh tại Vercors trong các hành động chống quân kháng chiến năm 1944, đầu hàng quân Mỹ 4/1945, trong những năm 1950 làm bộ trưởng ở Đức, từng bị Đông Đức xử án chung thân nhưng sau được tha.

Ohlendorf (Otto, 1907-1951), SS-Standartenführer, sau đó là SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Polizei, tiến sĩ, có bằng của ba trường đại

học, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1925, SS năm 1926, năm 1935 giữ chức trưởng khoa tại Viện Kinh tế ứng dụng Berlin, được giáo sư Höhn tuyển dụng vào SD năm 1936, từng xuất bản nhiều bài báo ủng hộ tự do thương mại, đứng đầu RSHA/III (SD Nội vụ) từ 1939 đến 1945 (bán thời gian), đứng đầu Einsatzgruppe D sau rai lần từ chối, từ 6/1941 đến 7/1942, có trách nhiệm trước cái chết của 90 000 người, đặc biệt phản đối chính sách tự quản lý về công nghiệp của bộ trưởng Speer, giữ một vị trí quan trọng trong Bộ Kinh tế, đầu hàng người Anh 5/1945, bị xử treo cổ ở tòa án Nürnberg.

Panzinger (Friedrich, 1903-1959), SS-Oberführer, Oberst der Polizei, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1937, SS năm 1939, chuyên gia về tình báo chống cộng sản, chỉ huy Einsatzgruppe A từ 9/1943 đến 5/1944, giành được một số phần về tình báo quân sự từ tay Canaris vào khoảng 5/1944 và giành quyền nắm Kripo từ tay Nebe 7/1944, sau chiến tranh chạy trốn nhưng bị bắt ở Linz năm 1946 và ngồi tù ở Liên Xô, được thả năm 1956, làm việc cho tổ chức Gehlen nhưng vẫn bị bắt lại vì các tội ác chiến tranh, tự sát trong tù.

Paulus (Friedrich, 1890-1957), General der Panzertruppe của Wehrmacht, tư lệnh đại đoàn số 6, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, tham gia chiến dịch Ba Lan, 1/1942 thay von Reichenau làm tư lệnh đại đoàn số 6, thất bại thảm hại ở Stalingrad và đầu hàng quân Xô viết, sau chiến tranh được cho về Đông Đức sống, chết vì bệnh ung thư.

Persterer (Alois, 1909-1945), SS-Obersturmbannführer, phục vụ trong quân đội Áo từ 1928 đến 1933, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1930, chỉ huy SD ở Hamburg, chỉ huy SS-Sonderkommando từ 7/1941 đến 2/1943, bị giết sau khi chiến tranh đã kết thúc.

Pfeiffer (R.), SS-Untersturmführer, phục vụ trong SS-Einsatzkommando 12, điều hành các hành động liên quan đến người Do Thái tại KLV 8/1942.

Pohl (Oswald, 1892-1951), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, người đứng đầu WVHA, sau chiến tranh tìm cách chạy trốn nhưng bị bắt 5/1946, bị kết án và treo cổ ở tòa án Nürnberg.

Prützmann (Hans Adolf, 1901-1945), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, HSSPF Ostland, HSSPF Ukraine, đổi chức cho Jeckeln, khi chiến tranh kết thúc đi lang thang ở Đức, bị bắt ở một chốt kiểm soát của Anh, tự sát sau khi bị thẩm vấn lần đầu tiên.

Radetzky (Woldemar von, 1910-), SS-Sturmbannführer, chỉ huy phó của SS-Sonderkommando 4A, dính dáng đến các vụ thẩm sát ở Jitomir, sau này làm cố vấn cho Himmler về các vấn đề Nga vào năm 1944, sau chiến tranh

bị kết án 20 năm tù nhưng đến năm 1951 thì được thả.

Rasch (Otto, 1891-1948), SS-Brigadeführer, Generalmajor der Polizei, tiến sĩ, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, trong thời gian làm chỉ huy Einsatzgruppe C (Ukraine) thường xuyên đến dự các cuộc hành quyết người Do Thái, sau này bị gọi về Berlin vì có các đối đầu với Erich Koch và Himmler, trở thành quản lý của Công ty dầu lửa Đức cho đến cuối chiến tranh, từ chối chức BdS ở Pháp và Bắc Ý, chết vì chứng Parkinson khi đang ngồi tù đợi ra tòa sau chiến tranh.

Rebatet (Lucien, 1903-1972), nhà văn, nhà báo Pháp, lần lượt viết cho tờ báo của Action Française rồi *Je suis Partout* cho đến tận năm 1944; năm 1938 trở thành trưởng ban thông tin cho Action Française, năm 1944 bỏ trốn khỏi Pháp sang Đức; sau chiến tranh vẫn tiếp tục viết bài cổ vũ tư tưởng phát xít.

Reichenau (Walter von, 1884-1942), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, tư lệnh tập đoàn quân Nam, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, một trong các vị tướng đầu tiên ủng hộ chủ nghĩa quốc xã, làm tư lệnh đại đoàn số 6 vào năm 1940 và thế chỗ Rundstedt làm tư lệnh tập đoàn quân Nam 12/1941, chết vì nhồi máu trong khi chạy bộ không lâu sau đó, được thay thế bởi von Bock.

Ribbentrop (Joachim von, 1893-1946), SS-Obergruppenführer, Bộ trưởng Ngoại giao, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1930, sau khi Năm Chính Quyền trở thành cố vấn của Hitler về các vấn đề ngoại giao, đại sứ tại Anh từ 1936 đến 1938, ký hiệp ước với Molotov vào 31/8/1939, dính dáng đến nhiều vấn đề trong Giải pháp cuối cùng, bị xét xử và treo cổ tại tòa án Nürnberg.

Röhm (Ernst, 1887-1934), Hauptmann, nhân vật đặc biệt quan trọng của sự hình thành và xây dựng quyền lực chủ nghĩa quốc xã, đồng thời là một trong những người thân cận đầu tiên của Hitler, đứng đầu SA, đến năm 1934 bị chết trong cuộc thanh trừng nội bộ, mở đường cho sự nổi lên của SS.

Roques (Karl von, 1879-1949), Generaloberst của Wehrmacht, chỉ huy vùng hậu phương phía Nam, sau chiến tranh bị kết án 20 năm tù, chết trong tù.

Rosenberg (Alfred, 1893-1946), SA-Obergruppenführer, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1919, nhưng trước đó không ở Đức (lớn lên ở Riga và Matxcova, 25 tuổi mới về Đức), nhà tư tưởng của chủ nghĩa quốc xã, tác giả cuốn sách *Huyền thoại của thế kỷ XX*, 1930, bị kết án và treo cổ ở tòa án Nürnberg.

Rundstedt (Gerd von, 1875-1953), Generalfeldmarschall của Wehrmacht, bị cách chức sau khi thất bại ở Rostov, được thay thế bởi von Reichenau, sau chiến tranh phiên tòa xử bị hoãn vì lý do sức khỏe của bị cáo, chết bệnh.

Sauckel (Ernst Friedrich Christoph, 1894-1946), Gauleiter, SS-Obergruppenführer, SA-Obergruppenführer, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1923, trở thành Gauleiter vào năm 1927 (sau Bormann) ở Thuringia, rồi trở thành Bộ trưởng Nội vụ ở đây, tổng phụ trách vấn đề cung cấp nhân công trong Cơ quan Kế hoạch bốn năm, sau chiến tranh bị kết án treo cổ tại Nürnberg.

Saur (Karl Otto), người của Bộ Khí tài, phụ trách kỹ thuật của bộ phận kế hoạch, khá gần gũi với Hitler từ năm 1944, được hoạt động tương đối độc lập với bộ trưởng Speer, trong di chúc của Hitler được cử thay thế Speer.

Schenillenber (Walter, 1910-1952), SS-Brigadeführer, Generalmajor der Polizei, Generalmajor der Waffen-SS, Amtchef, gia nhập Đảng Quốc xã và SS vào năm 1933, SD năm 1934, đứng đầu RSHA/IV E (phản gián) 9/1939, chuyển sang làm phó Amt VI 7/1941 rồi thay Jost làm trưởng ban 6/1942, đứng đầu toàn bộ ngành tình báo của Reich sau khi Canaris mất chức 2/1944, dính dáng đến âm mưu bí mật cùng với Himmler thỏa thuận với các nước phương Tây, bị kết án 6 năm tù tại phiên tòa Nürnberg, được thả năm 1951, viết hồi ký và chết ở Turin vì chứng bệnh gan.

Schickedanz (Arno, -1945), Reichskommissar được chỉ định của vùng Kouban-Caucase, được Rosenberg chỉ định vào chức vụ đó 7/1941 nhưng không có thực quyền. Tự sát vào cuối cuộc chiến tranh.

Schirach (Baldur von, 1907-1974), SS-Obergruppenführer, bí thư Đoàn thanh niên Quốc xã Hitler, thế chỗ là Axmann vào năm 1940, đến năm 1943 thì thất sủng trước Hitler, là Gauleiter của Viên, trông coi việc trục xuất 185 000 người Do Thái. Sau chiến tranh bị kết án 20 năm tù, được thả vào năm 1966.

Schmauser (Ernst Heinrich, 1890-1945?), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, General der Polizei, HSSPF của quân khu VIII, phụ trách từ trên cao cuộc sơ tán trại tập trung Auschwitz 1/1945, chết khi bị quân Xô viết bắt.

Schmidt, một sĩ quan của Wehrmacht, một đảng viên quốc xã nhiệt thành, thay thế Heim 5/1942, phục vụ Paulus, ở Stalingrad trong suốt thời gian diễn ra trận đánh, dần chiếm toàn bộ quyền chỉ huy đại đoàn số 6 khi tinh thần của Paulus suy sụp, cùng Paulus đầu hàng Hồng quân 31/1/1943, bị Liên Xô giam giữ nhiều năm.

Schmidt (Paul Carl, 1911-1997; một bút danh khác là Paul Carell), từng làm đến chức SS-Obersturmbannführer, người phát ngôn báo chí của Bộ trưởng Ngoại giao Joachim von Ribbentrop, sau chiến tranh trở thành một tác giả thành công.

Schnitzler (Arthur, 1862-1931): nhà văn, kịch tác gia người Áo, phản đối chủ nghĩa bài Do Thái.

Schöngarth (Karl Eberhard, 1903-1946), SS-Oberführer, sau đó là SS-Brigadeführer, gia nhập SS và Đảng Quốc xã vào năm 1933, chỉ huy Einsatzgruppe B từ tháng Bảy đến tháng Tám 1941, chức BdS được thay thế bởi Bierkamp, tư lệnh một sư đoàn của SS từ 1943 đến 1944, sau chiến tranh bị người Anh hành quyết sau khi khép tội chết ở Hameln.

Schubert (Heinz Hermann, 1914-), SS-Obersturmführer, trợ tá của Einmann, hậu duệ của nhạc sĩ Schubert, bị kết án tử hình tại phiên tòa Nürnberg nhưng đến năm 1952 thì được thả.

Schulz (Paul), SS-Obersturmbannführer, Kommandant SS-Sonderkommando 11, thay chỗ Werner Braune 9/1942 cho đến 2/1943.

Seiberg (Walter, 1908-), SS-Standartenführer, liên sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1933, SS 1935, làm việc ở RSHA/III C (văn hóa), rồi Gruppenleiter của RSHA/III D (kinh tế). Phục vụ dưới quyền Ohlendorf từ 5/1941 đến 8/1942, tại phiên tòa Nürnberg bị kết án tử hình, nhưng đến năm 1955 thì được tha.

Six (Alfred Franz, 1909-1975), SS-Brigadeführer, gia nhập SA và Đảng Quốc xã vào năm 1930, sau 1933 chỉ huy các đơn vị SA, năm 1935 chuyển sang SS, trưởng khoa kinh tế nước ngoài tại Đại học Berlin năm 1938, đứng đầu SD/HA/II/1 (chiến đấu chống lại các đối đầu về ý thức hệ), Amtchef của RHSA/II (hành chính và luật) 9/1939, RSHA VII (ý thức hệ) 1/1941, cho đến 5/1945 làm việc ở Bộ Ngoại giao, sau chiến tranh làm việc cho quân đội Mỹ, bị bắt và xử cùng Ohlendorf, bị kết án 20 năm tù nhưng được ân xá vào năm 1952, làm việc cho cơ quan tình báo Tây Đức, rồi quản lý quảng cáo cho hãng Porsche-Diesel.

Speer (Albert, 1905-1981), bộ trưởng, kiến trúc sư, bạn thân của Hitler, gia nhập Đảng Quốc xã năm 1931, từ Năm Chính Quyền xây dựng các dự án cho Goebbels, thay thế hoàn toàn Todt sau cái chết của ông ta vào năm 1942, quyền lực ngày càng lớn, bộ được đổi tên lại thành Bộ Khí tài và Sản xuất phục vụ chiến tranh, phụ trách vấn đề sử dụng nhân công nô lệ ở phía Đông và tại Đức, thất bại trong cuộc đối đầu với Sauckel và Bormann 12/1943, nằm viện dài ngày vì thấp khớp đầu gối, bắt đầu bình phục 3/1944, mất dần quyền lực về tay SS, 3/1945 tính đến chuyện mưu sát Hitler, thú nhận tại phiên tòa Nürnberg, bị kết án 20 năm tù, được thả vào năm 1966, viết nhiều sách.

Streckenbach (Bruno, 1902-1977), SS-Gruppenführer, gia nhập Đảng Quốc xã và SA vào năm 1930, SS năm 1931, đứng đầu Stapo Hamburg 9/1933, gia nhập SD tháng Mười hai cùng năm, đứng đầu Einsatzgruppe I trong chiến dịch Ba Lan, rồi BdS GG từ 1939 đến 1940, 5/1940 điều hành nhiều vụ bắt bớ các thành viên của giới tinh hoa Ba Lan, 12/1942 rời RSHA sang Waffen-SS, chỉ

huy vài sư đoàn SS từ 1943 đến 1945, bị quân Xô viết bắt tại Courlande, bị kết án 25 năm tù khổ sai nhưng được đưa về nước năm 1955, tiếp tục bị xử nhiều lần nhưng các phiên tòa dừng lại vào năm 1976 vì lý do sức khỏe.

Stroop (Jürgen, 1895-1952), SS-Brigadeführer, sau đó là SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Waffen-SS, Generalleutnant der Polizei, SSPF Vacxava, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, 10/1943 với tư cách là SSPF Vacxava đã đàn áp ghetto ở đây, lập ra trại tập trung Warschau, được phong làm HSSPF Hy Lạp 9/1943, rồi HSSPF Rhein-Westmark cho đến 3/1945, đấu hàng quân Mỹ với bộ quân phục Wehrmacht, bị kết án tử hình tại Dachau rồi một lần nữa bị kết án tử hình ở Ba Lan và bị treo cổ.

Stuckart (Wilhelm, 1902-1953), SS-Obergruppenführer, tiến sĩ, quốc vụ khanh, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1920, trên thực tế là người làm thay gần như toàn bộ công việc cho bộ trưởng Frick, bị kết án tại phiên tòa Nürnberg nhưng được thả vào năm 1949, sau này chết trong một tai nạn giao thông.

Thadden (Eberhard von), SS-Sturmabführer, tiến sĩ, làm việc cho Bộ Ngoại giao, có những liên hệ trực tiếp với Eichmann, sau chiến tranh bị đưa ra xét xử tại Nürnberg, nhưng chạy thoát đến Cologne, chết trong một tai nạn giao thông trong thời gian di tản ra xét xử.

Thielecke (Hans), SS-Sturmabführer, phục vụ trong SS-Einsatzgruppe D, sĩ quan tùy tùng của Bierkamp trong thời gian từ 7/1942 đến 3/1943.

Thierack (Otto Georg, 1889-1946), tiến sĩ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1932, điều hành tòa án nhân dân từ 1936 đến 1942, được phong bộ trưởng 8/1942, sau chiến tranh bị dẫn đến trước phiên tòa Nürnberg, tự sát.

Thomas (Max, 1891, 1945), SS-Brigadeführer, Generalmajor der Polizei, bác sĩ chuyên ngành tâm thần học, từng là cựu chiến binh của Thế chiến thứ nhất, từ bỏ nghề y để trở thành thành viên SD từ 1934, trở thành HSSPF West (gồm toàn bộ Pháp và Bỉ), bị chuyển sau khi đối đầu nảy ra giữa Wehrmacht và RSHA liên quan đến vụ đánh bom các nhà thờ Do Thái giáo ở Paris 10/1941, đứng đầu Einsatzgruppe C từ 10/1941 đến 8/1943, BdS Ukraine kể từ 4/1942, nhiều lần bị thương, có thể là đã tự sát khi chiến tranh kết thúc.

Trenker (Othmar), SS-Obersturmbannführer, tiến sĩ, phó sở Gestapo München, có mặt ở Ba Lan năm 1940, KdS của Budapest vào năm 1944 để tiêu diệt kẻ thù của Reich, ở Berlin vào tháng Bảy 1944 để bắt giữ và tra hỏi các thành viên của vụ đảo chính hụt.

Veesenmayer (Edmund, 1905-), SS-Brigadeführer danh dự, tiến sĩ, người của Bộ Ngoại giao, đặc mệnh toàn quyền tại Hungari, trước đó dính dáng đến việc trục xuất người Do Thái Serbia 9/1941, sau chiến tranh bị kết án 25 năm tù, được thả vào năm 1951.

Wagner (Eduard, 1894-1944), Generalquartiermeister của Wehrmacht, ủng hộ chính quyền tự trị ở Caucase, có liên quan đến âm mưu đảo chính 20/7/1944, tự sát.

Weinmann (Erwin, 1909-1945?), SS-Standartenführer, sau đó là SS-Oberführer, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1931, SS năm 1937, đứng đầu RSHA/IV/D vào năm 1941, thay thế Blobel từ tháng Giêng đến tháng Bảy 1942, BdS Praha từ 1944 đến 1945, được cho là đã b giết ở Bohémie, nhưng cũng có thể là đã chạy thoát sang Tây Ban Nha.

Wendler (Richard, 1898-1972), SS-Gruppenführer, Generalleutnant der Polizei, tiến sĩ, gia nhập Đảng Quốc xã và SA vào năm 1928, SS năm 1933, từ 4/1933 làm việc ở SD, SSPF "Stanislav-Rostov" cho đến 5/1942, làm tỉnh trưởng nhiều nơi, trong đó có Lublin.

Widmann (Albert, 1912-), SS-Untersturmführer, tiến sĩ, có vai trò quan trọng trong việc chế tạo xe hơi ngạt sử dụng khí thải của chính nó.

Winkelmann (Otto, 1894-1977), SS-Obergruppenführer, General der Polizei, tiến sĩ, cảnh sát chuyên nghiệp từ 1919, vào SS sau vụ Anschluss năm 1938, HSSPF Hungari từ 4/1944 đến 2/1945, sau chiến tranh không bị xử án.

Wirth (Christian, 1885-1944), SS-Sturmbannführer, Kriminalkommissar, Hauptmann der Polizei, người của phủ thủ tướng, là người thực hiện các thí nghiệm đầu tiên liên quan đến hơi ngạt, xây dựng nhiều trại tập trung tại Ba Lan, phát triển hệ thống tận diệt của Einsatz Reinhard, Kommandant trại Belzec trong năm 1942, rồi trở thành thanh tra của Einsatz Reinhard, trông coi chung Belzec, Sobibor và Treblinka cho Globocnik cho đến khi chúng bị đóng cửa, sau đó bị chuyển sang Trieste trông coi việc trục xuất người Do Thái vào cuối năm 1943, bị giết bởi quân du kích, hoặc rất có thể là chính người của Wirth.

Wirths (Eduard, 1909-1945), SS-Hauptsturmführer, bác sĩ, từng phục vụ trong Waffen-SS, rồi tại các trại tập trung Dachau và Neuengamme, từ 9/1942 đến Auschwitz để chặn nạn sốt chấy rận, thực hiện nhiều thí nghiệm trên người, giúp Morgen buộc tội được Grabner, tự treo cổ chết sau khi bị người Anh bắt.

Wisliceny (Dieter, 1911-1948), SS-Hauptsturmführer, cố vấn về vấn đề Do Thái, tại Slovaquie, Hy Lạp và Hungari, gia nhập Đảng Quốc xã vào năm 1933, SA và SS năm 1934, từng là thượng cấp của Eichmann, rồi lại làm việc cho Eichmann tại Hungari từ tháng Ba đến tháng Chạp 1944, đến cuối cùng thì mất lòng tin của Eichmann, ra làm chứng tại phiên tòa Nürnberg, nhưng sau đó

cũng bị xử và hành quyết ở Bratislava.

Wöhler (Otto) Oberst của Wehrmacht, từng phục vụ dưới quyền von Manstein, ký lệnh cấm sĩ quan tham dự các cuộc hành quyết, xung đột với Ohlendorf, sau chiến tranh bị xử 8 năm tù, nhưng được tha vào năm 1950.

Wolff (Karl, 1900-1984), SS-Obergruppenführer, General der Waffen-SS, thành viên của bộ tham mưu cá nhân của Himmler, từng là sĩ quan liên lạc của Himmler tại chỗ Hitler trước Fegelein, cho đến khi bị bệnh nặng 2/1943, HSSPF Bắc Ý và đặc mệnh toàn quyền ở chỗ Mussolini từ 9/1943 đến 5/1945, bị tòa án Đức kết án 4 năm tù vì vai trò đối với trại tập trung Dachau, được thả năm 1949, bị bắt lại năm 1962, bị xử 15 năm tù và đến năm 1971 thì được thả.

PHỤ LỤC III

Các từ, mệnh đề và câu ngoài tiếng Pháp xuất hiện trong *Những kẻ thiện tâm*, và các chú thích khác

Ach so (tiếng Đức): Vậy à?

Action française: tổ chức bảo hoàng thiên hữu với vai trò trung tâm của Charles Maurras, rất có thể lực giữa hai cuộc thế chiến. Nghĩa đen là "Hành động Pháp".

Action marrane: chơi chữ để chế nhạo Action française, có nghĩa đen là "Hành động nực cười".

Ad hoc (tiếng Latinh): đặc biệt, không được dự tính trước.

Ad interim (tiếng Latinh): tạm thời, lâm thời.

Amalek: tên một tộc người cổ sống ở các vùng ngày nay thuộc Ai Cập, Israel, Jordan và Ả Rập Xêút, một nhân vật trong sách Sáng thế kỷ.

Anschluss: chỉ sự kiện sáp nhập Áo vào Đức năm 1938.

Askari: từ có gốc Ả Rập, nghĩa là "lính", dùng để chỉ lính bản địa của các đội quân thực dân Ý (được tuyển mộ từ 1889 đến 1942 ở Erythrée, Somalia và Arabia) và Đức (được tuyển mộ từ 1890 đến 1918 ở Đông Nam và Tây Nam châu Phi thuộc Đức).

Aufseherin (tiếng Đức): nữ quản giáo.

Ausland (tiếng Đức): nước ngoài.

Balka (số nhiều: balki): từ chỉ các rãnh trên thảo nguyên của Ukraine và Nga.

Baltikum: từ chỉ cư dân các nước vùng Baltic.

Bayern: tên khác của xứ Bavaria/Bavière.

Bergjude (tiếng Đức): nghĩa đen là "người Do Thái miền núi", chủ yếu dùng để chỉ các tộc người có nguồn gốc Do Thái sống ở vùng Caucase.

Bersaglieri (tiếng Ý): từ chỉ những người lính Ý.

Bitte (tiếng Đức): câu nói lịch sự, có thể hiểu là "xin làm ơn".

Blut (tiếng Đức): máu.

Bürokratisches Amtsdeutsch (tiếng Đức): thứ tiếng Đức văn phòng sặc mùi bàn giấy.

Capisce?: Hiểu không?

Carpe diem (tiếng Latinh): ý nói là chúc vui vẻ.

CMP (Compagnie du Métro Parisien): Công ty tàu điện ngầm Paris.

Datcha: nhà nông thôn theo kiểu Nga.

Der Kaukasus und Seine Völker (tên sách tiếng Đức của nhà bác học Erckert): Vùng Caucase và cư dân của nó.

Der Manstein kommt (tiếng Đức): Manstein (tức là tướng von Manstein) đang tới.

Deutsche Haus (tiếng Đức): nhà Đức.

Dikè (tiếng Hy Lạp): công lý, phiên tòa, sự kết tội.

Doktor (tiếng Đức): tiến sĩ.

Dolchstoss (tiếng Đức): nghĩa đen là một cú đâm dao vào lưng.

Dolmetscher (tiếng Đức): phiên dịch, thông ngôn.

Drei Lilien, kommt eine Reiter, bringt die Lilien (tiếng Đức): Ba bông hoa ly, một kỵ sĩ đến nơi, chàng mang tới những bông hoa ly.

Durchkämmung (tiếng Đức): từ dùng để chỉ hành động sàng lọc kỹ càng (gốc từ là chải loại lược có các răng ken dày).

Điều khoản 175: điều khoản của bộ luật hình sự Đức kết tội hiện tượng đồng tính, có hiệu lực từ 1871 đến 1994.

E tutti quanti (tiếng Ý): có thể hiểu là “vân vân”.

Einzelaktion (tiếng Đức): hành động mang tính cá nhân.

Eisbein-Paule (biệt danh của Schulz, người thay thế Braune): nghĩa đen là “Paul chân lợn”.

ELSP (École Libre des Sciences Politiques - Trường tự do khoa học chính trị) thành lập năm 1872 là tiền thân của Institut d'Études Politiques (Viện nghiên cứu chính trị), nổi tiếng hơn dưới cái tên Sciences-Po, thuộc hệ thống trường lớn của Pháp, đòi hỏi sinh viên thi vào phải học qua các lớp dự bị (hệ thống trường lớn được coi là có chất lượng cao hơn các trường đại học).

Endlösung der Judenfrage (tiếng Đức): Giải pháp cuối cùng đối với vấn đề Do Thái.

Endlösung der Sozialfrage (tiếng Đức): Giải pháp cuối cùng đối với vấn đề xã hội.

Endsieg (tiếng Đức): thắng lợi.

ENS (École Normale Supérieure): trường Sư phạm phố Ulm ở Paris.

Eromenos (tiếng Hy Lạp): ngầm ám chỉ đến tác phẩm của Platon, eromenos hoặc eromenes có nghĩa là “người tình/người yêu”

Es geht alles vorüber/Es geht alles vorbei/Zwei Jahre in Russland/Und nix ponimai (tiếng Đức): Tất cả đi qua, tất cả ra đi, hai năm bên Nga, và tôi chả hiểu gì.

Ex nihilo (tiếng Latinh): từ hư vô, từ con số không.

Exekution-Tourismus (tiếng Đức): hành quyết-du lịch, ý nói đến xem các cuộc hành quyết như đi du lịch.

Feldgrau (tiếng Đức): quân phục màu xanh xám.

Festgabe (tiếng Đức): nghĩa đen có nghĩa là “tôn vinh”, “vinh danh”, loại sách ca tụng một nhân vật nào đó.

Finita la commedia (tiếng Ý): đầy đủ là “È finita la commedia,” rút từ *Thần khúc* của Dante, nghĩa là “vở kịch/vở hài kịch đã kết thúc.”

Flak: pháo cao xạ của quân đội Đức.

Frau (tiếng Đức): bà. Dùng trong xưng hô (như ‘Herr’ với đàn ông).

Frauenlager (tiếng Đức): trại tập trung dành cho phụ nữ.

Fräulein (tiếng Đức): cô gái trẻ.

Freundeskreis Himmler (tiếng Đức): chỉ những người thân cận với Himmler

Führerprinzip (tiếng Đức): nguyên tắc có liên quan đến Führer.

Führerstaat (tiếng Đức): nhà nước của Führer.

Führervernichtungsbefehl (tiếng Đức): lệnh diệt trừ từ Führer đưa xuống.

Führerworte haben Gesetzeskraft (tiếng Đức): lời của Führer có sức mạnh của luật lệ.

Full fathom five thy father lies;/Of his bones are coral made;/Those are pearls that were his eyes:/Nothing of him that doth fade/But doth suffer a sea-change/Into something rich and strange (tiếng Anh). Trích từ vở kịch *Bão táp* của Shakespeare: Cha người nằm trong nước/Xương hóa thành san hô/Mắt thành hai viên ngọc/Không gì khô kiệt/Nhưng biển đã biến đổi tất cả/Thành đẹp đẽ và hiếm có.

Gasthaus (tiếng Đức): nhà trọ

Gdje mama? (tiếng Nga và Ukraine): mẹ đâu rồi?

Geheime Reichsache (tiếng Đức): ý nói hồ sơ mật.

Geheimnisträger (tiếng Đức): một người giữ hoặc mang bí mật.

Gemütlich (tiếng Đức): dễ chịu, êm ái.

General-Gouvernement (tiếng Đức, viết tắt là GG): từ chỉ lãnh thổ hành chính đặt dưới quyền điều hành của một quan toàn quyền (chẳng hạn như trường hợp Hans Frank với Ba Lan).

Generalbauinspektion (tiếng Đức): sở thanh tra xây dựng.

Genickschuss (tiếng Đức): phát súng ân huệ.

Goldfasan (tiếng Đức, nghĩa đen là "gà lôi vàng"), từ miệt thị dùng để chỉ các công chức của Ostministerium (bộ phụ trách các lãnh thổ phía Đông), căn cứ vào bộ quần phục màu nâu hơi ngả sang vàng của họ.

Götterdämmerung (tiếng Đức): nghĩa đen là "hoàng hôn của các thần tượng".

Griaznyi, kajdi raz (tiếng Nga): lần nào cũng bản như vậy.

Grossraum (tiếng Đức): nghĩa đen là "không gian rộng lớn".

Guten Tag, meine Herren (tiếng Đức): xin chào, các ngài.

Häftling (tiếng Đức): người tù, tù nhân.

Haus der Waffen-SS (tiếng Đức): nhà của Waffen-SS.

Heil Hitler! Sieg Heil! (tiếng Đức): lời chào (chào Hitler) và chúc chiến thắng.

Heimat (tiếng Đức): quê hương. Heimatschuss có nghĩa là vết thương mà lính tráng tự gây cho mình để lấy lý do được đưa về Đức.

Herr (tiếng Đức): ngài. Mein Herr: dùng trong xưng hô khi nói chuyện với một người. Meine Herren: khi nói chuyện với nhiều người.

Herr Offizier (tiếng Đức): dùng trong xưng hô với các sĩ quan, nghĩa đen là "thưa ngài sĩ quan".

Herrenvolk (tiếng Đức): dân tộc của những người thống trị.

Hilfswillige (Hiwi - tiếng Đức): nghĩa gốc là "trợ tá tình nguyện", các trợ tá địa phương của Wehrmacht, phần lớn được tuyển chọn từ các trại tù, và được sử dụng dưới sự kiểm soát cho các công việc liên quan đến giao thông, cần vụ, lao động nặng nhọc...

Hitlerjugend (tiếng Đức): Đoàn thanh niên quốc xã Hitler.

Homo economicus (tiếng Latinh): con người kinh tế.

Homo faber (tiếng Latinh): người khéo léo.

Honvéd: từ chỉ quân đội Hungari.

Hush-hush (tiếng Anh): "suyt".

In the Home Islands (tiếng Anh): nghĩa là "ở quần đảo quê nhà".

Inaction française: một cách chơi chữ để chế nhạo "Action française": thêm tiền tố "in" vào, "action" nghĩa là "hành động" sẽ trở thành "phi hành động".

Isba: nhà gỗ truyền thống của nông dân Xlavơ.

Jägerstab (tiếng Đức): bộ tham mưu dùng để điều phối sản xuất máy bay chiến đấu.

Je Suis Partout: tên tờ báo cơ quan ngôn luận của phong trào phát xít Pháp, với các nhân vật chủ chốt như Robert Brasillach, Rebatet... Nghĩa đen của tên báo là "tôi ở khắp nơi". Nhóm "Je suis partout" nổi tiếng với tinh thần hiếu chiến.

Jude (số nhiều: Juden - tiếng Đức): Do Thái.

Judenfrei/judenrein (tiếng Đức): không còn Do Thái.

Judenlager (tiếng Đức): trại dành cho người Do Thái.

Judenlein (tiếng Đức): người Do Thái nhỏ.

Judenrat (tiếng Đức): hội đồng Do Thái.

Junge Frontgeneration (tiếng Đức): thế hệ tuổi trẻ ở mặt trận.

Kampfzeit (tiếng Đức): thời của chiến trận.

Kaputt (tiếng Đức): nghĩa gốc là "hỏng", được dùng thông thường với nghĩa báo hiệu một tình trạng xấu.

Karbol Mäuschen: nghĩa là "những con chuột nhắt nhỏ dính phenôn".

Kein Problem (tiếng Đức): không có vấn đề gì.

Khleb (tiếng Nga): bánh mì.

Kindersoldat (tiếng Đức): lính trẻ con, lính nhóc.

Kindjal: con dao của vùng Caucase.

Kirchenfrage (tiếng Đức): vấn đề nhà thờ.

Knecht (tiếng Đức): chư hầu.

Kommissbrot (tiếng Đức): bánh mì của lính.

Kommissstiefel: giày boots của lính.

Kompot (tiếng Nga): món mứt hoa quả.

Konzentrationslager (tiếng Đức): trại tập trung.

Kraft durch Freude (tiếng Đức): chính sách "Sức mạnh thông qua niềm vui" được áp dụng vào cuối năm 1933 nhằm hướng lối cho người lao động.

Krasnyi Oktiabr. Russki (tiếng Nga): Tháng Mười Đỏ. Người Nga. Tháng Mười Đỏ là nhà máy lớn ở trung tâm Stalingrad.

Krema: lò thiêu trong trại tập trung.

Kreis (tiếng Đức): tỉnh/quận.

Krieg ist Krieg und Schnaps ist Schnaps (tiếng Đức): Chiến tranh là chiến tranh và rượu là rượu.

Kübelwagen (tiếng Đức): một loại xe quân đội mớ ở trên, đi được nhiều loại địa hình.

Kurort (tiếng Đức): khu tắm nước nóng.

Landgericht (tiếng Đức): tòa án vùng.

Lasciate ogni speranza (tiếng Ý), trích từ *Thần khúc* của Dante: “Kẻ đi vào kia, hãy để lại toà bộ hy vọng ở ngoài.”

Latrinenparole (tiếng Đức): từ dùng để chỉ những lời đồn đại, ngổ lê đôi mách.

Lavra: tức là Kievo-Petcherskaia Lavra, tu viện cổ nhất của Kiev.

Lebensborn (ưu sinh): tổ chức của SS, được thành lập năm 1936 và trực thuộc bộ tham mưu riêng của Reichsführer Himmler, quản lý các trại trẻ mồ côi cũng như nhà trẻ cho các thành viên và vợ của các thành viên SS; với mục đích cải tạo dòng giống Đức, đảm bảo sự bí mật về sinh nở, kể cả cho các phụ nữ không có chồng.

Leibstandarte Adolf Hitler (Leibstandarte AH): trung đoàn SS cận vệ cá nhân của Adolf Hitler.

Like a dog, both attracted and repell'd/By the stench of his own kind/Burning (tiếng Anh): Giống như một con chó/Vừa bị hấp dẫn vừa kinh tởm/Mùi hôi thối của chính giống loài mình/Toàn thân nóng rực.

Lotja (loggia): loại nhà phổ biến ở Đông Âu.

Luftgefahr (tiếng Đức): báo động bom.

Luftmörder (tiếng Đức): nghĩa đen là kẻ sát nhân bay trên trời.

Lutetia: Khách sạn nổi tiếng và cũng là “palace” duy nhất trên tả ngạn sông Seine tại Paris, nơi cuối Thế chiến thứ hai được dùng làm nơi chăm sóc những người từ các trại tập trung trở về.

Magyar: chỉ người Hungari.

Makhorka (tiếng Nga): từ chỉ thứ thuốc lá tồi.

Mama! la ne khatchu! la ne khatchu! Mama! la khatchu domoi (tiếng Nga): Tôi không muốn! Mẹ ơi! Tôi muốn về nhà.

Mamaev Kourgan: gò ở Stalingrad, gần nhà máy Tháng Mười Đỏ, cao 102 mét.

Man lebt in seiner Sprache (tiếng Đức): con người sống trong ngôn ngữ của hắn.

Meine Dame (tiếng Đức): xưng hô lịch sự: thưa bà.

Meine Fräulein (tiếng Đức): xưng hô lịch sự: thưa cô.

Meirakion (tiếng Hy Lạp): từ chỉ một chàng thanh niên trẻ. Meirakiske là một cô gái trẻ.

Meister (tiếng Đức): bậc thầy, thiên tài.

Menschengarten (tiếng Đức): vườn nhân học.

Mischling: lai, có dòng máu pha trộn. Thuộc hệ thống thuật ngữ luật của

các đạo luật liên quan đến chủng tộc của chủ nghĩa cuộc xã, dùng để chỉ những người không có nguồn gốc Aryen.

München: Munich.

Nebenlager (tiếng Đức): trại phụ của một trại tập trung.

Nebelkrähe (tiếng Đức): một loài quạ.

Nêpios (tiếng Hy Lạp): đứa trẻ còn chưa biết nói.

NKVD: Bộ Dân ủy Nội vụ, cơ quan an ninh Nhà nước của Liên Xô.

Not a self-made but a made man (tiếng Anh): Không phải là một kẻ tự kiến tạo đời mình mà là một kẻ được nhào nặn.

NSV (Nationalsozialistische Volkswohlfahrt): tổ chức từ thiện quốc xã.

Nürnberg: Nuremberg.

O, i ty Galia, Galia molodaia... (tiếng Nga): Ôi, còn em, Galia, cô dâu trẻ.

O du fröhliche (tiếng Đức): Ôi xiết bao vui sướng. Tên một bài hát Giáng sinh Đức.

Ölsardinenmanier (tiếng Đức): phương pháp cá xạcđin ngâm dầu (gần giống từ Sardinienpackung).

OSS: tổ chức tiền thân của CIA, cơ quan tình báo Mỹ.

Osti (viết tắt của Ostindustrie), các ngành công nghiệp phía Đông.

Ostjude (tiếng Đức): người Do Thái ở phía Đông.

Ostpolitik (tiếng Đức): chính sách phía Đông.

OUN (Organizatsiya Ukrainiskikh Natsionalistiv): tổ chức của những người theo chủ nghĩa dân tộc Ukraine.

Oustachie: (ý thức hệ) ủng hộ quốc xã.

Out (tiếng Anh): bị bật bãi.

Panje: từ lóng của Wehrmacht chỉ nông dân Ba Lan hoặc Nga. Trong sách muốn nói đến loại xe bò của nông dân.

Panzer (tiếng Đức): xe tăng.

Panzerfaust (còn gọi là Panzerabwehrrohr): loại súng chống tăng đặc biệt của Đức, được dùng phổ biến trở lại trong trận đánh Berlin năm 1945. Sau này, dựa trên loại súng Panzerfaust thu được của quân địch mà Hồng quân sẽ chế tạo RPG-1, tiền thân của loại vũ khí nổi tiếng RPG-2 (súng phóng lựu chống tăng).

Papiersoldat (tiếng Đức): nghĩa là "lính giấy", tỏ ý chế nhạo.

Parteigenossen (tiếng Đức): có nghĩa là những người cùng ở trong đảng.

Pausanias: hoàng tử người Sparte.

Platz (tiếng Đức): quảng trường.

Politrouk: một chính ủy (Xô viết).

Polizeiervier (tiếng Đức): bệnh viện/trạm xá của cảnh sát.

Polyphème: quái vật Cyclope, con của thần biển Poséidon, chỉ có một mắt, đặc biệt hung dữ. Anh hùng Ulysse khi bị dạt lên hòn đảo của nó đã xưng danh là “không ai cả” rồi dùng mưu chọc thủng mắt Polyphème và cùng các bạn trốn thoát.

Poméranie: vùng đất ven biển Baltic về phía Nam, một phần thuộc Đức (Pommern) và một phần thuộc Ba Lan (Pomorze), trong lịch sử liên tục bị các thế lực xung quanh giành giật.

Prominent: từ chỉ những người tù được hưởng nhiều ưu tiên.

Propousk (tiếng Nga): giấy thông hành.

Public school boy (tiếng Anh): thằng bé học trường tư; ý nói những đứa trẻ con cái các gia đình thượng lưu của Anh.

Rat: hậu tố trong các từ chỉ chức vụ, nghĩa là “cố vấn” (chẳng hạn Oberregierungsrat là cố vấn chính phủ).

Reductio ad absurdum (tiếng Latinh): giảm đến thành hư vô.

Reemtsma: tên một hãng thuốc lá lớn của Đức.

Referat (tiếng Đức): văn phòng.

Reichsdeutscher (tiếng Đức): đối lập với Volksdeutscher, nghĩa là những người Đức sống ở Reich.

Reichstag (tiếng Đức): nghị viện.

Richter (tiếng Đức): thẩm phán.

Rückkämpfer: nghĩa đen là những người lính đánh tháo lui, từ thường dùng để chỉ những người lính Đức Quốc xã trong cuộc hành quân rút lui khỏi nước Nga mùa hè năm 1944, hòng kìm chân Hồng quân và bảo toàn lực lượng để cố thủ nước Đức. Trong khoảng ba tháng, họ rút lui một đoạn đường dài trên 1000 km, từ sông Dnepr tới biên giới Đức. Đây là cuộc hành quân đầy bi kịch và tàn bạo. Quân Đức đốt phá nhiều cơ sở và giết nhiều người Nga nhưng cũng bị tiêu diệt dọc đường rất nhiều.

Russland-Süd: chỉ vùng Nam của Nga (trong chiến dịch đánh Liên Xô, bộ chỉ huy Đức chia Nga thành ba vùng: Bắc, Nam và Trung tâm).

Ruthénie: tên dùng để chỉ vùng đất Trung Âu với cư dân chủ yếu là người Slavơ phía Đông. Theo nghĩa rộng, cái tên “Ruthénie” bao gồm cả Ukraine, Belarus, Nga, một phần Slovakia và một rẻo đất phía Đông của Ba Lan. Từ “Ruthénie” được coi là phái sinh từ tiếng Latinh (từ “Rus”).

Saliout (tiếng Nga): pháo hoa, cũng có nghĩa là “lời chào”.

Sardinenpackung (tiếng Đức): phương pháp cá xạc đin.

S-Bahn: tàu.

Schloss (tiếng Đức): lâu đài.

Schnaps: rượu mạnh.

Schwarzes Korps: tờ báo của SS.

Schweinerei (tiếng Đức): một từ thông tục, ý nói “đồ con lợn”/”đồ cặn bã”. Grosse Schweinerei: “grosse” có nghĩa là “lớn”.

Schwimmwagen (tiếng Đức): loại xe lội được nước.

Secret Service (tiếng Anh): cơ quan tình báo.

Shrapnel: đạn pháo.

Silésie: trong tiếng Đức là Schlesien, vùng trải rộng trên lãnh thổ ba nước, rộng nhất là phần nằm ở phía Tây Nam Ba Lan, một phần trên đất Séc và một phần nhỏ ở Đức. Dân số chủ yếu là người Xlavơ.

Soiounnik: trong tiếng Nga, “soioun” nghĩa là “đồng minh”.

Sonderbehandlung (tiếng Đức): đối xử đặc biệt.

Sonderzug (tiếng Đức): đoàn tàu đặc biệt.

Spandau: Một loại súng bắt đầu được sử dụng rộng rãi từ Thế chiến thứ nhất, trước tiên trong không quân.

Sperrkommando (tiếng Đức): những đơn vị đánh chặn thoát thai từ SD và cảnh sát, các Feldgendarm, các tổ chức của Đảng.

SS-Mann: người của SS.

Stammlager (tiếng Đức): trại chính trong một hệ thống trại tập trung.

Standortälteste (tiếng Đức): từ dùng để chỉ người nhiều tuổi nhất của đội lính gác, còn có nghĩa là chủ trại và chủ các trại phụ.

Stanitsa: làng của người Caucase.

Stille Nacht, heilige Nacht (tiếng Đức): Đêm yên tĩnh, đêm linh thiêng. Tên bài hát Giáng sinh *Đêm thánh vô cùng*.

STO (Service du Travail Obligatoire - Lao động bắt buộc), một hình thức bắt nhân công từ các nước bị chiếm đóng sang Đức làm việc khổ sai.

Strasse: từ ghép trong các tên phố (chẳng hạn Bendlerstrasse), có nghĩa là “phố” (Bendlerstrasse có nghĩa đen là “phố Bendler”).

Strichjunge (tiếng Đức): những kẻ mại dâm nam giới trên đường phố.

Tchéka: ủy ban đặc biệt liên Nga có nhiệm vụ trấn áp phản cách mạng và phá hoại, tiền thân của NKVD.

Tchüss (tiếng Đức): từ dùng để chào thân mật.

Terra incognita (tiếng Latinh): vùng đất chưa được biết đến.

The truth is great, and shall prevail, / When none cares whether it prevail or not (tiếng Anh): Chân lý vĩ đại, và rồi sẽ chiến thắng / Ngay khi không kẻ nào thèm quan tâm nó có chiến thắng hay không (thơ Coventry Patmore).

Transcarpathie: tên chỉ vùng đất thuộc Ruthénie dưới dãy Carpates, từng thuộc chủ quyền của nhiều nước như Hungari, Tiệp Khắc, Nga, hiện nay thuộc Ukraine.

U-Bahn: tàu điện ngầm.

Übermensch (tiếng Đức): từ chỉ loài người cao cấp (chẳng hạn như Aryen).

Univermag: tên một loại cửa hàng lớn.

Unser Unglück (tiếng Đức): vận rủi của chúng ta.

Untermensch (tiếng Đức): đối nghĩa với "Übermensch", ý nói người hạ đẳng.

Verboten (tiếng Đức): bị cấm.

Vermischling (tiếng Đức): bị pha trộn (về dòng máu), lai.

Vernichtung durch Arbeit (tiếng Đức): tiêu diệt thông qua lao động.

Verwundete (tiếng Đức): thương binh.

Voe victis (hoặc vae victis, tiếng Latinh): những kẻ thua phải chịu bất hạnh.

Volk (tiếng Đức): khái niệm trung tâm của ý thức hệ quốc xã, chỉ toàn bộ người dân. Tính từ là völkisch. Volksgemeinschaft là toàn thể nhân dân.

Vom Himmel durch die Welt zur Hölle (tiếng Đức), rút từ *Faust* của Goethe, có nghĩa "Từ trời xuống đến địa ngục ngang qua mặt đất".

Wandervogel (tiếng Đức): nghĩa đen là những con chim di cư, ám chỉ tổ chức thanh niên thành lập vào khoảng năm 1900 ở Berlin, khuyến khích thanh niên đi xa, với sự hỗ trợ của hệ thống Jugendherberge, nghĩa là nhà trọ cho thanh niên.

Wassersupper (tiếng Đức): chỉ loại xúp tồi tệ lỏng bồng nước của lính tráng.

Weltanschauung (tiếng Đức): ý thức hệ.

Wilde Sau: phi đội máy bay chiến đấu của không lực Đức.

Winterhilfe (tiếng Đức, nghĩa là "Cứu viện mùa đông"): các lãnh đạo quốc xã đề ra chính sách "Kraft durch Freude" (Sức mạnh thông qua niềm vui) vào cuối năm 1933 nhằm hướng lối cho người lao động. "Cứu viện mùa đông" là một hình thức trong chính sách chung đó, trước tiên là phục vụ đồ ăn (Eintopfessen - bữa ăn duy nhất), được hình dung như là một biện pháp "xã hội chủ nghĩa" nhằm chấm dứt "đấu tranh giai cấp".

Wir haben ein Gesetz/und nach dem Gesetz/soll er sterben (tiếng Đức): “Chúng ta có một Luật lệ/và theo Luật lệ đó/hắn phải chết”, rút từ Phúc âm.

Zakat, từ thiện tôn giáo bắt buộc, bố thí được luật quy định.

Zentralrat (tiếng Đức): hội đồng trung ương/trung tâm.

Zeughaus (tiếng Đức): kho vũ khí

Zu Befehl! (tiếng Đức): Tuân lệnh!